



CHỮ KINH YẾU TẬP hay THIỆN ÁC NGHIỆP BÁO LUẬN, một tác phẩm của ngài Đạo Thế. Ngài đã tuyển chọn những đoạn Kinh, Luật, Luận, Truyện kí... thiết yếu liên quan đến thiện ác nghiệp báo ba đời rồi thêm lời bình mà thành bộ sách này. Để cho người đọc dễ nắm bắt được nội dung trước khi xem đọc, ban Dịch thuật chọn bốn chữ *THIỆN ÁC NGHIỆP BÁO* làm đề mục cho dịch phẩm.

THIỆN ÁC NGHIỆP BÁO

(CHỮ KINH YẾU TẬP)

Nguyên tác: Pháp Sư Đạo Thế

Viết dịch: Ban dịch thuật Hán tạng Pháp Âm

Chủ nhiệm: Tỳ kheo Thích Nguyên Chơn

Phó chủ nhiệm (Hiệu đính văn nghĩa): Bồ-tát giới Định Huệ

Biên tu: Tiến sĩ Quảng Âm - Đoàn Ánh Loan

TỰA

Ngày xưa, lúc Sơ tổ mới sang Trung Hoa, nghe nói Lương Vũ đế là vị vua anh minh, kính tin Phật pháp, giỏi giảng kinh thuyết pháp, viết luận tạo số..., Tổ bèn đến gặp. Vừa diện kiến, Vũ đế liền hỏi Sơ tổ rằng: “Trẫm đã xây chùa, tạo tượng, chép kinh, cho phép mọi người xuất gia, lập trai hội lớn. Như vậy có công đức chăng?”. Sơ tổ đáp: “Không có công đức!”. Vũ đế hỏi: “Vì sao không có công đức?”. Tổ đáp: “Bởi các việc làm này chỉ đưa đến phúc quả nhỏ, sanh vào cõi trời người. Như bóng theo hình, tuy có nhưng chẳng thật”. Vũ đế lại hỏi: “Thế nào là công đức chân thật?”. Tổ đáp: “Trí tuệ thanh tịnh, tròn sáng nhiệm màu, lia có và không. Công đức như thế, chẳng thể dùng pháp thế gian để mong cầu”.

Sở dĩ Lương Vũ đế bị Sơ tổ trách, vì Đế đã đứng trên cương vị một hoàng đế giỏi, hiểu Phật pháp, làm được rất nhiều việc thiện, chứ không phải ở vị trí một hành giả cầu đạo chân thật mà hỏi câu ấy. Ngữ khí của câu hỏi mang hơi hám tự thị, chấp chặt, cho mình là bậc nhất. Tổ muốn Đế không sống mãi với những việc đã làm, mà phải lia bỏ, hướng đến chí đạo, nên mới trả lời như thế. Một câu chưa thấm, Đế lại hỏi: “Thánh đế đệ nhất nghĩa là gì?”. Tổ lại thêm một câu: “Rỗng không, không có gì gọi là thánh”. Không công đức, lại không có Thánh, thật đã làm cho Đế mờ mịt. Lâu nay Vũ đế sống với cái có ấy, nào là có công đức, có Thánh vị để chúng, có thánh nghĩa để ngộ, có thánh cảnh để dạo chơi... Tổ muốn Đế vượt qua những quan niệm ấy để đạt đến chỗ rốt ráo, nên trả lời như thế. Đến đây mà Đế vẫn chưa tỏ ngộ, cũng chẳng khởi nghi tình thì Tổ cũng hết thuốc, bèn lên Thiếu Thất ngồi quay mặt vào vách chín năm.

Thật ra, Tổ không xem thường những pháp thiện này, ngài chỉ phá chấp cho Vũ đế. Bởi tự thân pháp thiện không thuộc hữu lậu hay vô lậu, hữu hay vô đều do tâm người hành thiện mà thôi. Như một việc giảng kinh thuyết pháp, Vũ đế thực hiện thì được công đức hữu lậu, nếu Sơ tổ làm thì vô lậu. Như độ tăng, Vũ đế làm thì hữu lậu, Sơ tổ độ thì vô lậu. Tóm lại, khi chưa “*Đại tử nhất phiên*” thì tất cả những việc làm đều hữu lậu, cho nên cần phải mượn tâm hành hữu lậu để đạt đến vô tâm vô lậu. Hơn nữa, biết Vũ đế ở đời này đã đạt được nền tảng thiện nghiệp vững chắc từ những Phật sự trên, nên Tổ muốn Vũ đế từ nền tảng này mà vượt lên, bước vào cõi chơn không, cho nên mới nói Không.

Nếu nhất tâm vì đạo, vì người thực hiện những việc thiện như: giảng kinh, thuyết pháp, bố thí cúng dường, in ấn kinh điển, xây chùa tạo tượng... sẽ được vô lượng phước báu, cũng là tạo nền tảng để mau đạt đến giải thoát. Bởi nếu tạo ác thì tâm luôn bất an, tâm đã bất an thì mọi sự không thành; hành thiện vì đạo, vì người thì tâm luôn an vui, tâm đã an vui thì làm việc gì cũng dễ thành tựu, cho đến tu đạo xuất thế cũng vậy. Nếu Bồ-tát không hoàn thành những pháp thiện: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ thì nhất định không thể đạt đến quả Phật. Nếu phàm phu không thực hiện các điều thiện: không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu, hoặc không thật tu mười điều thiện thì không thể có được an lạc đời này và đời sau.

Ngày nay, trong thời Mạt pháp, xã hội lại cực kì loạn động, bất an. Khắp nơi, nào là chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh, đói nghèo, tất cả đều nguy hại đến thân. Trong Phật pháp, thân người rất quý, là kết quả của việc giữ gìn năm giới, mười giới, là chỗ nương để tu tập giải thoát. Nhưng hiện nay, thế gian này không quý mạng người, xem nhẹ hiếu nghĩa, chỉ cần một lời cãi cọ, một va chạm nhỏ, một chút lợi trước mắt, một sự ham muốn nhất thời cũng đều có thể gây ra nghiệp ác. Vì sao? Vì tất cả không hiểu, không tin nhân quả nhiều đời, đã không tin không hiểu nhân quả nhiều đời thì không thích việc thiện sợ điều ác, không thích thiện sợ ác thì không việc ác nào mà không làm, không việc thiện nào mà không chối bỏ. Trong gia đình có người bất thiện thì gia đình không an vui hạnh phúc, trong xóm thôn có người bất thiện thì xóm thôn ấy bất an, trong một quốc gia có nhiều người bất thiện thì quốc gia ấy sẽ không thái bình, thịnh vượng. Như vậy phải từ con người mà xây dựng nền tảng chí thiện cho xã hội, cho quốc gia. Hễ con người thuần thiện thì gia đình cho đến quốc gia, rộng hơn là thế giới sẽ tốt đẹp.

Nếu chúng ta, mỗi mỗi người thực hiện pháp thiện hữu lậu, tức luôn luôn tác ý thiện, nói lời thiện, làm việc thiện. Cứ như thế, không gián đoạn, thì đến một lúc nào đó, thiện này sẽ trở thành tập tánh, giống như đói ăn khát uống vậy. Bây giờ tâm không nghĩ thiện mà thân vẫn làm thiện, miệng vẫn nói lời thiện. Mọi việc làm và lời nói đều hợp với thiện, đều vì lợi ích của tất cả mọi người. Như thế há chẳng trở thành bậc Hiền thánh sao?

Những gì mà Phật giáo cho là thiện, cho là bất thiện? Hành thiện như thế nào đúng pháp? Hành thiện thì đời này, đời sau được những gì, gây ác thì đời này, đời sau chuốc hoạ gì? *CHU KINH YẾU TẬP* sẽ giải đáp cho chúng ta thấu đáo vấn đề này.

CHU KINH YẾU TẬP hay *THIỆN ÁC NGHIỆP BÁO LUẬN*, một tác phẩm của ngài Đạo Thế. Ngài đã tuyển chọn những đoạn Kinh, Luật, Luận, Truyện kí... thiết yếu liên quan đến thiện ác nghiệp báo ba đời rồi thêm lời bình mà thành bộ sách này. Để cho người đọc dễ nắm bắt được nội dung trước khi xem đọc, ban Dịch thuật chọn bốn chữ *THIỆN ÁC NGHIỆP BÁO* làm đề mục cho dịch phẩm.

Tạm cho đây là một dịch phẩm lớn, chứa đựng nhiều thể loại: văn tựa, luận nghị, thi kệ, tán tụng, truyện kí... với sự tham gia của nhiều thành viên ban dịch thuật, nên về mặt nhất quán ngôn từ, nhất quán cách hành văn, giọng văn, chất văn hẳn không được hoàn toàn như ý, dù đã mời nhiều người và nhiều lần xem đọc trước khi cho in ấn lưu hành. Kính xin người đọc hoan hỉ chỉ chánh cho.

Chúng tôi cũng xin cảm niệm công đức của Đài Trung liên xã, đạo tràng Niệm Phật Tùy Duyên, nhóm bảo trợ dịch thuật Pháp Loa, Phật tử Thiện Ân, Phật tử Phương Tú và nhất là cố Phật tử Hoàng Mạnh Hùng pháp danh Thiện Chí đã trợ duyên dịch thuật, in ấn lưu truyền tác phẩm này.

Xin hồi hướng công đức này đến tất cả chúng sanh, giúp hiện đời tịnh hoá thân tâm, hành thiện an vui, lâm chung tùy ý sanh về quốc độ hữu duyên giáo hoá hữu tình đồng thành Phật đạo.

Từ Nghiêm ngày 19 tháng 3 năm Kỷ Sửu (13/04/2009)

Nguyễn Chơn kính ghi

GIỚI THIỆU CHƯ KINH YẾU TẬP

(Thiện Ác Nghiệp Báo Luận)

Chư Kinh Yếu Tập còn có nhan đề Thiện Ác Nghiệp Báo Luận, 20 quyển do sa môn Đạo Thế ở chùa Tây Minh biên tập vào niên hiệu Hiền Khánh đời Đường (656 – 660) được thu nhập vào Đại Chính Tạng quyển 54.

Đạo Thế tự Huyền Uẩn, họ Hàn, nguyên quán Y Khuyết (nay là Tây Nam, huyện Y Xuyên, tỉnh Hà Nam) nhân vì ông nội làm quan nên gia đình dời về Trường An. Năm 12 tuổi, Sư xuất gia ở chùa Thanh Long chuyên nghiên cứu Luật bộ, sưu tầm kinh sách. Vào khoảng niên hiệu Hiền Khánh (656 – 661), Sư nhận chiếu tham dự dịch trường của Tam Tạng pháp sư Huyền Trang. Về sau, Sư vào chùa Tây Minh cùng ngài Đạo Tuyên xiển dương Luật tông. Ngài trứ tác 11 bộ sách, tổng cộng 154 quyển, trong số đó các sách đã bị thất truyền gồm có: Đại Tiểu Thừa Thiên Môn Quán (10 quyển), Thụ Giới Nghi Thức (4 quyển), Lễ Phật Nghi Thức (2 quyển), Đại Thừa Lược Chỉ Quán (1 quyển), Biện Ngụy Hiền Chân Luận (1 quyển), Kính Phúc Luận (3 quyển), Tứ Phần Luật Ni Sao (5 quyển), Kim Cang Bát-nhã Tập Chú (3 quyển). Hiện còn Chư Kinh Yếu Tập (20 quyển), Tỳ-ni Thảo Yếu (6 quyển) và Pháp Uyển Châu Lâm (100 quyển).

Chư Kinh Yếu Tập là một tác phẩm trích lục trong kinh sách Phật những điều liên quan đến giáo pháp, tu hành, nghi quỹ và luận thuật các việc liên quan đến thiện ác nghiệp báo rồi chia thành các thiên. Toàn thư được chia làm 30 bộ loại: Kính Tam Bảo (17 mục), Kính Pháp (7 mục), Nhiếp Niệm (4 mục), Nhập Đạo (4 mục), Bái Tán (3 mục), Hương Đăng (4 mục), Thụ Thỉnh (8 mục), Thụ Trai (2 mục), Phá Trai (2 mục), Giàu Sang (2 mục), Nghèo Hèn (2 mục), Khích Lệ (7 mục), Báo Ân (3 mục), Phóng Sinh (4 mục), Làm Phúc (6 mục), Chọn Bạn (5 mục), Nghĩ Kỹ (5 mục), Lục Độ (20 mục), Nghiệp Nhân (5 mục), Tham Dục (3 mục), Tứ Sinh (6 mục), Thụ Báo (9 mục), Thập Ác (10 mục), Đối Gạt (6 mục), Biếng Nhác (3 mục), Rượu Thịt (3 mục), Xem Tướng (3 mục), Địa Ngục (8 mục), Tổng Chung (9 mục), Linh Tinh (13 mục). Tổng cộng 185 mục.

Đặc điểm của Chư Kinh Yếu Tập là tính lý luận, là tính thuật tác.

Về tính lý luận, trong sách này trích lục nguyên văn Kinh, Luật, Luận Phật giáo liên quan đến ý nghĩa, nội dung, yêu cầu, phương pháp tu hành của người tại gia và xuất gia. Tuy nhiên, trong đó chẳng thiếu ví dụ, ngụ ngôn và truyện tích, nhưng chúng đều được xiển thuật theo lý luận của giáo pháp, giáo quy, đồng thời chẳng tự thành hệ thống cũng chẳng chiếm địa vị chủ đạo. Lý luận được đề cập đến rất rộng rãi, có hàm nghĩa kính trọng Phật, Pháp, Tăng; quy tắc nhiều thập, nhập tự; phương pháp nhiếp niệm, kiềm chế dục vọng; công đức đốt hương, cúng Phật, thụ trai, phóng sinh; ba đường ác của nghiệp thân phạm thập ác; nghiệp nhân giàu sang, nghèo hèn; yếu chỉ của lục độ Đại thừa; bốn loài (noãn sinh, thai sinh, thấp sinh, hóa sinh) của hữu tình chúng sinh; nguyên lý và chủng loại của nghiệp báo; nhiếp ý của địa ngục, sinh hoạt thức ngủ ăn uống của người xuất gia.

Về tính thuật tác, Chư Kinh Yếu Tập tuy lấy việc trích lục kinh văn làm chủ thể nhưng có nhiều chỗ trong nội dung là do tác giả trừ thuật, có tư tưởng lý giải của tác giả trong đó. Trong tác phẩm này, trừ bộ loại Thập Ác ra, 29 bộ loại kia mở đầu đều có phần dẫn nhập do soạn giả viết để lược thuật đại ý của một bộ hoặc một thiên, có tác dụng nêu lên cương lĩnh. Lại nữa ngoài phần dẫn nhập, y cứ vào nội dung của kinh văn biên định trong các mục cũng có phần do tác giả trừ tác. Các phần này mở đầu có hai chữ “thuật viết” đặt ở đầu của nguyên văn được trích lục.

Nguồn gốc tư liệu của Chư Kinh Yếu Tập trích lục từ Kinh, Luật, Luận Hán dịch. Do vì tác giả nghiêng nặng về trình bày giáo lý cho nên chỉ chọn lấy phần nhiều là luận như: luận Đại Trí Độ, luận Thập Trụ Tỳ-bà-sa, luận Đại Trang Nghiêm, luận Du-già-sư-địa, luận Kim Cang Cương, luận Thành Thật, luận Câu-xá, luận Địa Trì, luận Thi Thiết, luận Giải Thoát Đạo, luận Tân Bà-sa v.v... Về Luật thì có trích dẫn luật Tứ Phần, luật Thập tụng, luật Ma-ha Tăng-kì, kinh Phạm Võng, kinh Bồ-tát Thiện Giới, kinh Ưu-bà-tắc Giới v.v... Về kinh thì các kinh Phật trích lục như kinh A-hàm, kinh Hoa Nghiêm, kinh Pháp Hoa, kinh Đại Tập, kinh Phổ Diệu, kinh Hiền Ngu, kinh Tạp Bảo Tạng, kinh Vị Tăng Hữu v.v..., ngoài ra còn có các kinh chưa thấy ghi trong kinh lục như: kinh Xá-lợi-phất Xử Thai, kinh Đại Thừa Liên Hoa Tạng, kinh Nhật Vân.

Ngoài Kinh, Luật, Luận, Chư Kinh Yếu Tập còn trích lục Tây Quốc Hành Truyện của Vương Huyền Sách đời Đường, Cao Tăng Truyện của Huệ

Kiểu đời Lương, Tây Vực Kỳ-hoàn Tự Đồ của Đạo Tuyên đời Đường, Thượng Thư của Nho gia (trong phần Thuật viết) có dẫn Lễ Ký, Tả Truyện, Hoài Nam Tử.

Lúc Đại sư Ấn Quang (1862-1940) còn tại thế, Ngài thường khuyên các đệ tử chú trọng đến tội phước nhân quả, nên Ngài giới thiệu Pháp Uyển Châu Lâm của ngài Đạo Thế cho mọi người, như trong thư đáp Đặng Tân An, Đại sư viết: “ Đến như lúc xử sự bình thường hoặc sợ làm tội không hay, giảm phúc không biết, nên đọc bộ Pháp Uyển Châu Lâm tất sẽ nắm được khuôn phép để giữ gìn, tâm niệm không dám buông lung nữa” (Ấn Quang Văn Sao). Nhưng bộ Pháp Uyển Châu Lâm dày đến 100 quyển, thiết nghĩ không tiện cho người hiện nay thời giờ eo hẹp duyệt đọc, cho nên Ban Dịch Thuật chọn tác phẩm Chư Kinh Yếu Tập (tức Thiện Ác Nghiệp Báo Luận) 20 quyển có cùng một nội dung và cũng cùng một soạn giả phiên dịch ra tiếng Việt có phụ thêm phần cước chú để công hiến cho bạn đọc xa gần.

Nguyện tập sách này được nhiều người thấy nghe rồi vâng làm theo lời Phật dạy, hiện đời thân tâm an lạc, sống trong thế giới hòa bình hạnh phúc, sau khi bỏ báo thân này sinh về cõi Phật thanh tịnh.

Tu viện Huệ Quang, ngày 15 tháng 3 năm Kỷ Sửu (9/4/2009)

Định Huệ kính ghi

GIÁ TRỊ CỦA THIỆN ÁC NGHIỆP BÁO (CHƯ KINH YẾU TẬP)

Chúng tôi có được nhân duyên rất lớn và may mắn được làm việc với ban Dịch thuật Hán tạng Pháp Âm. Nói may mắn, vì lâu nay có được mấy cơ hội Phật giáo Việt Nam thành lập và duy trì được dịch trường Hán tạng qui củ, chuyên nghiệp, có đào tạo, thi tuyển? Tôi càng may mắn hơn khi được đọc qua bản dịch quyển *Thiện ác nghiệp báo* (tên gọi khác của *Chư kinh yếu tập* do pháp sư Đạo Thế đời Đường biên tập từ những bộ kinh Đại thừa quan trọng). Đối tượng độc giả của quyển sách này không hạn chế trong phạm vi của người xuất gia hay kẻ tại gia, người tu Phật hay không tu Phật, tất cả những ai nếu đã đọc qua quyển sách này chắc chắn sẽ có được sự lợi ích. Chỉ ở điểm này thôi cũng tạo nên giá trị lớn cho tác phẩm khá đồ sộ này.

Cách trình bày từng vấn đề cụ thể được sắp xếp theo trình tự:

1. Đặt vấn đề dựa vào lý luận kinh điển.
2. Đi vào từng đề mục cụ thể, chi tiết.
3. Định nghĩa, lý giải, dẫn chứng kinh điển.
4. Xen kẽ có những bài kệ tụng tóm gọn nội dung vừa nêu.
5. Mở rộng phạm vi nội dung đến những điều có liên quan.

Giá trị của quyển sách không chỉ dừng lại ở đó, bởi tính giáo dục, thực tiễn, tính lý luận và phương pháp thực hành giúp con người hướng thiện, làm lành lánh ác, tu tập, giải thoát khỏi luân hồi sinh tử, được trình bày hết sức cụ thể, sinh động, dễ đi vào lòng người. Đó là những bài học đạo đức được nói đến như những tấm gương soi rọi qua sự tái hiện nhiều câu chuyện sinh động và sâu sắc từ kinh, luật, luận, có liên hệ thực tế đến từng vấn đề cụ thể. Chẳng hạn, kinh *A-xà-thế vương thụ quyết* nói đến chuyện bà già nghèo xin được hai đồng tiền liền mua dầu cúng dường Phật Thích-ca, rồi phát nguyện: “Nếu đời sau tôi đắc đạo giống như Đức Phật, thì xin số dầu này được cháy sáng suốt đêm không hết”. Quả nhiên, ngọn đèn của

bà chẳng những cháy suốt đêm không tắt, mà còn rực sáng hơn các ngọn khác.

Giá trị khoa học của tác phẩm nổi bật hơn cả ở sự trình bày phương pháp ứng dụng những lời Phật dạy cho từng việc làm, hành động cụ thể và tính lý luận được thể hiện khá sâu sắc, cách lập luận vững vàng, sắc bén, chặt chẽ, đúng pháp. Ngoài ra, sự uyên bác của tác giả còn thể hiện ở khả năng liên hệ đến những vấn đề có liên quan đến chủ đề chính, khiến người đọc vừa lòng, thú vị vì vấn đề được trình bày khá đầy đủ, trọn vẹn. Điểm đặc biệt khác lôi cuốn người đọc là tác giả biết khai thác những chi tiết và khía cạnh cụ thể, cho nên dù nói đến những điều tưởng chừng khá quen thuộc như: làm thế nào khi đến chùa, cách lễ Phật, thắp hương, đốt đèn, treo phan, điều kiện thuyết pháp, nghe pháp, cúng dường đúng pháp, thực hành năm giới cấm, cách ăn uống... cũng trở thành mới mẻ, người đọc cảm thấy dường như chưa từng biết qua. Tâm trạng này không chỉ có ở độc giả tại gia mà người xuất gia cũng cảm nhận như thế. Ví dụ, khi dạy về tác dụng của việc treo phan, kinh *Phổ Quang* có ghi: “Khi nhà có người lâm chung hoặc đã qua đời, thì ngay trong ngày mất, quyến thuộc của họ treo tràng phan màu vàng trên tháp, thì người ấy được phúc đức, xa lìa tám nạn khổ, được sinh trong cõi nước của chư Phật ở mười phương. Khi tràng phan vừa xoay, người ấy sẽ được ngôi vị Chuyển luân thánh vương. Tràng phan tung bay theo gió, rách nát hết, cho đến thành từng hạt bụi nhỏ, người ấy liền được ngôi vị tiểu vương. Người nhà cũng nên đốt đèn cúng dường, chiếu sáng những nơi tăm tối, giúp cho chúng sinh đau khổ nhờ ánh sáng này mà thấy nhau và được an ổn”. Điều này chưa thấy nói trong các kinh sách Tịnh độ, đặc biệt là sách hướng dẫn trợ niệm cho người lâm chung.

Nét đặc sắc của nghệ thuật trình bày tác phẩm còn thể hiện qua tác dụng hòa nhập. Bất kể vấn đề nào tác giả nêu ra có vẻ như sâu màu, cao xa, nhưng lại giản dị, gần gũi, khiến người đọc cảm thấy như có mình ở trong từng hoàn cảnh, được cảnh tỉnh, dạy bảo, không còn phân biệt vấn đề này dành cho người xuất gia hay tại gia nữa. Chẳng hạn oai nghi của người tu Phật ảnh hưởng thế nào đến niềm tin người xung quanh; hay những trò đùa vui, những hành động vô tình hay hữu ý tạo ác nghiệp đều gây nên hậu quả xấu đến nhiều kiếp về sau...

Ở trình độ Phật học nào độc giả cũng đều gặt hái được lợi ích từ quyển sách này. Người xuất gia có thể dùng sách này làm đề tài giảng pháp, có thể sử dụng những dẫn chứng sinh động để thu hút người nghe. Kẻ tại gia có được những bài học giác ngộ, giải thoát quý báu cho hành động, suy nghĩ, lời nói của mình qua từng câu chữ, từng trang sách sáng ngời tính giáo dục. Mỗi vấn đề được đặt ra đều có thể là cớ nang cho việc tu sửa thân tâm, tinh tiến để trở nên thanh tịnh bồ-đề hoàn thiện, không cấu uế, nhiễm ô; còn được thâm nhập Phật pháp trong từng sát-na, mọi hành động đều mang tính Phật pháp, lợi ích cho mình cho người một cách tự nhiên như gió, như mây, cao rộng, sâu thẳm như núi sông, biển cả...

Góp phần tạo nên những giá trị quý báu như đã nêu trên cho quyển sách này, không thể không nói đến sự nỗ lực to lớn của tập thể ban Dịch thuật Hán tạng Pháp Âm. Tuy mỗi thành viên phụ trách dịch thuật các phần, quyển khác nhau, nhưng nhìn chung, văn phong nhất quán, trong sáng, ý văn mạch lạc, diễn dịch nhiều vấn đề mang tính lý luận sâu xa trở thành dễ hiểu, gần gũi với nhiều đối tượng độc giả. Có rất nhiều đoạn dịch văn sâu sắc, mang tính hình tượng rõ nét và sống động, tạo tính thú vị, lôi cuốn người đọc từ đầu đến cuối. Đó là lợi ích to lớn đầu tiên mà người đọc thấy được từ trang sách đầu tiên...

Xin thành tâm cảm niệm công đức của tác giả (pháp sư Đạo Thế đời Đường) và ban dịch thuật Hán tạng đã cống hiến cho độc giả nói chung, cho người tu Phật xuất gia, tại gia vốn pháp bảo bao quát nhiều phương diện quan trọng và hết sức sâu sắc này.

Ngày 26 tháng 4 năm Kỷ Sửu (20/5/2009)

Quảng Âm- Đoàn Ánh Loan kính ghi

Mục Lục

I. KÍNH TAM BẢO	21
I.1. Kính Phật	21
I.1.1. Lời dẫn	21
I.1.2. Niệm thập phương Phật	23
I.1.3. Niệm Phật Thích-ca	26
I.1.4. Niệm Phật A-di-đà	30
I.1.5. Niệm Phật Di-lặc.....	36
I.1.6. Niệm Phật tam-muội.....	45
I.2. Kính pháp.....	54
I.2.1. Đại ý.....	54
I.2.2. Điều kiện thuyết pháp.....	54
I.2.3. Nhân duyên nghe pháp.....	61
I.2.4. Tiệm và đôn	68
I.2.5. Cầu pháp	70
I.2.6. Cảm được phúc báo	75
I.2.7. Báo ân	80
I.2.8. Phi báng pháp.....	84
I.3. Kính tăng.....	88
I.3.1. Lời dẫn	88
I.3.2. Lợi ích.....	89
I.3.3. Tôn giảm	98
II. KÍNH THÁP.....	105
II.1. Lời dẫn.....	105
II.2. Dẫn chứng.....	105
II.3. Dụng tháp	113
II.4. Cảm báo.....	116
II.5. Nhiễu tháp	118
II.6. Vào chùa.....	122
II.7. Sửa chùa tháp cũ.....	126
III. NHIẾP NIỆM.....	135
III.1. Lời dẫn	135
III.2. Thập niệm.....	135
III.3. Lục niệm.....	138
III.3.1. Niệm Phật.....	138
III.3.2. Niệm Pháp [26c].....	138
III.3.3. Niệm Tăng.....	139

III.3.4. Niệm giới.....	140
III.4. Phát nguyện.....	144
IV. NHẬP ĐẠO.....	147
IV.1. Lời dẫn.....	147
IV.2. Ủa thích và nhàm chán.....	148
IV.3. Xuất gia.....	151
IV.4. Dẫn chứng.....	154
V. TÁN TỤNG.....	162
V.1. Lời dẫn.....	162
V.2. Dẫn chứng.....	163
V.3. Khen ngợi công đức.....	166
VI. HƯƠNG ĐĂNG.....	173
VI.1. Lời dẫn.....	173
VI.2. Hoa hương.....	173
VI.3. Đốt đèn.....	183
VI.4. Treo tràng phan.....	194
VII. THỤ THỈNH.....	199
VII.1. Lời dẫn.....	199
VII.2. Cúng dường.....	199
VII.3. Phân biệt những điều sai lầm.....	210
VII.4. Thánh tăng.....	219
VII.5. Bộ thí thức ăn.....	225
VII.6. Ăn đúng thời.....	232
VII.7. Cách ăn.....	233
VII.8. Ăn xong.....	240
VIII. THỤ TRAI.....	245
VIII.1. Lời dẫn.....	245
VIII.2. Chứng minh.....	245
IX. PHÁ TRAI.....	253
IX.1. Lời dẫn.....	253
IX.2. Chứng minh.....	253
X. PHÚ QUÍ.....	262
X.1. Lời dẫn.....	262
X.2. Chứng minh.....	262
XI. BÀN TIỆN.....	280
XI.1. Lời dẫn.....	280
XI.2. Dẫn chứng.....	281

XI.3. Tu-đạt.....	283
XI.4. Bàn nhi.....	288
XI.5. Bàn nữ.....	294
XII. KHUYẾN KHÍCH TU TẬP.....	302
XII.1. Lời dẫn.....	302
XII.2. Khuyên răn người nam.....	302
XII.3. Khuyên răn người nữ.....	304
XII.4. Khuyên đạo.....	320
XII.5. Quyển thuộc.....	328
XII.6. Bỏ chấp.....	336
XII.7. Giáo giới.....	339
XIII. BÁO ÂN.....	352
XIII.1. Lời dẫn.....	352
XIII.2. Báo ân.....	352
XIII.3. Vong ân.....	359
XIII.4. Kệ kết khuyến.....	370
XIV. PHÓNG SINH.....	371
XIV.1. Lời dẫn.....	371
XIV.2. Giết hại.....	372
XIV.3. Phóng sinh.....	374
XIV.4. Cứu nạn.....	382
XIV.5. Kết khuyến.....	390
XV. LÀM PHÚC.....	391
XV.1. Lời dẫn.....	391
XV.2. Tu phúc.....	392
XV.3. Đứng pháp.....	397
XV.4. Cúng dường.....	403
XV.5. Chuẩn bị nước tắm cho tăng.....	404
XV.6. Các việc phúc khác.....	410
XV.7. Kệ kết khuyến.....	415
XVI. CHỌN BAN KẾT GIAO.....	416
XVI.1. Lời dẫn.....	416
XVI.2. Thiện tri thức.....	416
XVI.3. Ác tri thức.....	421
XVI.4. Vay trả.....	428
XVI.5. Răn lỗi lầm.....	436
XVII. SUY NGHĨ THẬN TRỌNG.....	446

XVII.1. Lời dẫn	446
XVII.2. Thận trọng đối với lỗi lầm.....	446
XVII.3. Thận trọng đối với tai họa.....	454
XVII.4. Thận trọng đối với hoàn cảnh	456
XVII.5. Thận trọng đối với vật thụ dụng.....	464
XVIII. LỤC ĐỘ.....	467
XVIII.1. Bồ thí	467
XVIII.1.1. Lời dẫn.....	467
XVIII.1.2. Bòn xén và dối trá.....	468
XVIII.1.3. Bồ thí tài vật.....	473
XVIII.1.4. Bồ thí giáo pháp.....	477
XVIII.1.5. Lượng định để bồ thí.....	481
XVIII.1.6. Phúc điền.....	486
XVIII.1.7. Đối đãi	489
XVIII.2. Trì giới.....	495
XVIII.2.1. Lời dẫn.....	495
XVIII.2.2. Khuyến giữ giới	496
XVIII.3. Nhẫn nhục	513
XVIII.3.1. Lời dẫn.....	513
XVIII.3.2. Khuyến nhẫn nhục	513
XVIII.3.3. Lợi ích của nhẫn nhục.....	516
XVIII.4. Tinh Tiến	525
XVIII.4.1. Lời dẫn.....	525
XVIII.4.2. Biếng nhác	527
XVIII.4.3. Sách tấn tu tập.....	530
XVIII.5. Thiên định.....	536
XVIII.5.1. Lời dẫn.....	536
XVIII.5.2. Tướng của thiên định.....	537
XVIII.6. Trí tuệ.....	541
XVIII.6.1. Lời dẫn.....	541
XVIII.6.2. Cầu pháp	543
XIX. NGHIỆP NHÂN.....	551
XIX.1. Lời dẫn.....	551
XIX.2. Phát nghiệp.....	551
XIX.3. Hành vi tội.....	563
XIX.4. Hành vi phúc	565
XIX.5. Nghiệp khác.....	568

XX. DỤC CÁI.....	578
XX.1. Lời dẫn.....	578
XX.2. Năm dục	579
XX.2.1. Khổ do dục trói buộc	579
XX.2.2. Khổ do dục chướng ngại.....	580
XX.2.3. Chê trách khổ đau do dục gây tạo.....	582
XX.3. Năm món ngăn che.....	591
XX.3.1. Tham dục.....	592
XX.3.2. Sân khuể	593
XX.3.3. Thụy miên.....	594
XX.3.4. Trạo hối	595
XX.3.5. Nghi	597
XXI. TỨ SINH.....	600
XXI.1. Lời dẫn	600
XXI.2. Tổng hợp các tên gọi về bốn hình thái sinh (<i>hội danh</i>).....	600
XXI.3. Phối thuộc giữa bốn loài và sáu đường (<i>trương nhiếp</i>)	601
XXI.4. Ngũ sinh	607
XXI.5. Trung âm.....	609
XXI.6. Thụ thai	621
XXII. THỤ BÁO.....	625
XXII.1. Lời dẫn.....	625
XXII.2. Loại báo	625
XXII.3. Hiện báo.....	627
XXII.4. Sinh báo	628
XXII.5. Hậu báo	637
XXII.6. Định báo.....	639
XXII.7. Bất định báo.....	642
XXII.8. Thiện báo	644
XXII.9. Ác báo.....	648
XXII.9.1. Sát sinh là nỗi khổ lớn thứ nhất	648
XXII.9.2. Trộm cắp là nỗi thống khổ lớn thứ hai.....	650
XXII.9.3. Tà dâm là nỗi thống khổ lớn thứ ba	652
XXII.9.4. Vọng ngữ là nỗi thống khổ lớn thứ tư.....	653
XXII.9.5. Nói đôi chiều là nỗi thống khổ lớn thứ năm	654
XXII.9.6. Ác khẩu là nỗi thống khổ lớn thứ sáu	655
XXII.9.7. Nói lời vô nghĩa là nỗi thống khổ lớn thứ bảy	656
XXII.9.8. Tham dục là nỗi thống khổ lớn thứ tám.....	657

XXII.9.9. Sân hận là nỗi khổ thứ chín.....	658
XXII.9.10. Tà kiến là nỗi khổ thứ mười.....	659
XXIII. MƯỜI VIỆC ÁC.....	667
XXIII.1. Sát sinh.....	667
XXIII.2. Trộm cướp tài vật.....	674
XXIII.2.1. Trộm vật cúng Phật.....	675
XXIII.2.2. Trộm vật của tăng.....	676
XXIII.2.3. Trộm và sử dụng vật lẫn lộn.....	678
XXIII.2.4. Trộm vật của người.....	683
XXIII.2.5. Trộm vật rơi.....	686
XXIII.3. Tà dâm.....	688
XXIII.3.1. Quả trách dục gây nhiều khổ.....	690
XXIII.3.2. Quán thấy người nữ như uế.....	693
XXIII.3.3. Người nữ khó gần đáng chán.....	695
XXIII.3.4. Người nữ gian trá.....	700
XXIII.4. Nói lời giả dối.....	708
XXIII.5. Nói lời hung ác.....	717
XXIII. MƯỜI VIỆC ÁC [tt].....	731
XXIII.6. Nói lười đôi chiều.....	731
XXIII.7. Nói lời nịnh hót.....	737
XXIII.8. Tham lam keo kiệt.....	739
XXIII.9. Giận dữ ghen ghét.....	752
XXIII.10. Nhận thức sai lầm.....	769
XXIV. DỐI TRÁ.....	784
XXIV.1. Lời dẫn.....	784
XXIV.2. Giả làm thân gần.....	784
XXIV.3. Dùng độc mưu hại.....	787
XXIV.4. Giả làm phú quý.....	789
XXIV.5. Giả can đảm.....	792
XXIV.6. Loài vật dối trá.....	793
XXV. LƯỜI BIẾNG VÀ KIÊU MẠN.....	809
XXV.1. Lời dẫn.....	809
XXV.2. Dẫn chứng.....	810
XXV.3. Lập chí.....	815
XXVI. RƯỢU THỊT.....	825
XXVI.1. Lời dẫn.....	825
XXVI.2. Uống rượu.....	826

XXVI.3. Ăn thịt.....	845
XXVII. XEM TƯỚNG	859
XXVII.1. Lời dẫn.....	859
XXVII.2. Xem tướng	859
XXVII.3. Lòng tin.....	885
XXVIII. ĐỊA NGỤC.....	891
XXVIII.1. Lời dẫn.....	891
XXVIII.2. Tổng hợp các tên	891
XXVIII.3. Thụ quả báo	893
XXVIII.4. Thời gian chịu tội.....	907
XXVIII.5. Vị vua quản ngục.....	908
XXVIII.6. Cung điện của vua Diêm-la	910
XXVIII.7. Nghiệp nhân.....	912
XXVIII.8. Khuyên răn	927
XXIX. TỔNG CHUNG.....	932
XXIX.1. Lời dẫn	932
XXIX.2. Chăm sóc người bệnh.....	933
XXIX.3. Chữa bệnh	938
XXIX.4. Sắp đặt.....	939
XXIX.5. Nhiếp niệm.....	940
XXIX.6. Mạng chung.....	942
XXIX.7. Đưa tiễn.....	947
XXIX.8. Thụ sinh.....	954
XXIX.9. Cúng tế	961
XXX. LINH TINH	974
XXX.1. Lời dẫn.....	974
XXX.2. Oán khổ	974
XXX.3. Bát khổ.....	981
XXX.3.1. Thế nào là khổ do sinh?.....	981
XXX.3.2. Thế nào là khổ do già?.....	982
XXX.3.3. Thế nào là khổ do bệnh?.....	982
XXX.3.4. Thế nào là khổ do chết?.....	982
XXX.3.5. Thế nào là khổ do yêu thương mà xa lìa?.....	983
XXX.3.6. Thế nào là khổ do mong cầu không thỏa mãn?	983
XXX.3.7. Thế nào là khổ do ghét nhau mà gặp nhau?.....	983
XXX.3.8. Thế nào là khổ do lo lắng buồn phiền?.....	984
XXX.4. Trùng ngu	985

XXX.5. Ngũ tân.....	995
XXX.6. Hất hơi	996
XXX.7. Đại tiêu tiện.....	997
XXX.8. Hộ tịnh	1006
XXX.9. Minh chung.....	1009
XXX.10. Nhập chúng.....	1011
XXX.11. Suy tướng.....	1013
XXX.12. Ngủ mộng	1014
XXX.13. Tạp hạnh	1017

THIỆN ÁC NGHIỆP BÁO (CHƯ KINH YẾU TẬP)

No. 2123

TỰA

[01a] Pháp thân chỉ một tướng, mà mỗi chúng sinh nhìn thấy một vẻ; chính pháp thuần một vị, mà người nghe chẳng cùng một ý. Do đó, người giảng pháp bình đẳng như trời mưa, nhưng các đệ tử nghe thấy đều khác. Bởi vì, pháp được truyền trao tùy theo trình độ, nên sự lĩnh hội tùy căn khí mà có cạn, sâu. Đến như đại cương của mười hai thể loại kinh¹, ý rộng của tám vạn pháp môn, được cất chứa trong long cung ở Tây Trúc cũng không ghi hết tri thức mênh mông như lá rừng xanh của Phật, giáo pháp mà cổ đức dùng voi chở đến phương Đông, đâu chuyển hết lời dạy chỉ như số lá trong bàn tay! Vì thế, không dạo trên biển cả thì chưa thấy được cảnh bầu trời bao la, không ngược nhìn Thái sơn thì chẳng thấy cảnh núi chạm mây, có được ngọc quý của li² long³ thì mới biết mắt cá nào phải châu báu, được nghe tiếng chuông lớn mới biết tiếng gõ bôn là nhỏ. Do đó, nên biết kinh Phật có chủ ý sâu xa, thánh và phạm đều ưa chuộng, đúng là báu vật riêng của trời và người, cao siêu hơn cả học thuyết hiếm có của Nho gia, Mặc gia⁴ ..., uy lực chân động cõi Đại thiên, ánh sáng vượt qua muôn cõi, đem lợi ích đến khắp sa giới, tạo công đức cho muôn đời.

Phương pháp phổ độ của Đức Phật vĩ đại thay! Nhưng lúc thời và duyên chưa gặp thì cảm và ứng không đồng. Đến khi “rừng ban mai chuyển màu⁵”, mộng ban đêm đã báo, rồi dựng nền móng chùa Bạch Mã, dần dần đến niên hiệu Xích Ô⁶, thì Phật pháp đã được phổ biến rộng rãi hơn sáu trăm năm, giới xuất gia và tục gia đều được lợi ích giống như nhau.

¹ Mười hai thể loại kinh (thập nhị bộ kinh 十二部經; S: dvādaśāṅga-buddha-vacana): mười hai thể loại kinh được phân biệt theo hình thức trình bày và nội dung giáo pháp. Đó là: Khế kinh, Ứng tụng, Kí biệt, Phúng tụng, Tự thuyết, Nhân duyên, Thí dụ, Bản sự, Bản sinh, Hí pháp, Luận nghị.

² Li 螭: tên một loài vật tương tự loài rồng, nhưng có sắc vàng.

³ Long 龍: loài rồng

⁴ Mặc gia 墨家: học phái do Mặc tử đề xướng.

⁵ Rừng ban mai chuyển màu (thần lâm biến thái 晨林變彩): khi Đức Phật nhập niết-bàn, cả khu rừng ta-la song thụ đều biến thành màu trắng.

⁶ Xích Ô 赤烏: niên hiệu của Ngô Tôn Quyền (238-251)

Nhưng buồn thay! Chính pháp và tượng pháp dần dần trôi, chuyển dời đến thời mạt pháp thì chúng sinh phạm tình tãm tối, tâm thức mê mờ, ngày càng bạc bẽo, đạo thánh chìm mất, giáo pháp suy vi. Do đó, chương cú sai lạc, kinh giáo trôi chìm, văn từ mênh mông, rất khó tìm đọc. Thế nên, trong niên hiệu Hiên Khánh⁷, tôi đọc tất cả kinh điển, theo ý mình tìm những lời dạy thiết yếu. Những điều mọi người có thể thực hành được chính là lý nghiệp báo thiện ác, tôi đã ghi ra một nghìn trường hợp, tập hợp thành ba mươi thiên, đóng thành hai tập, mong người xuất gia và người tại gia theo đó thực hành, đồng thời việc truyền đăng cũng có căn cứ.

Kính xét rằng, kinh Phật sâu màu, người kém hiểu biết không thể nhận ra; đạo xuất thế kín nhiệm, kẻ vương bận phiền não đâu thể biện luận! Bởi vì, ra biển rộng thì cảm thấy thuyền nhẹ, lên núi cao thì cảm thấy bụi là nhỏ, vung dao dễ cắt, dệt gấm khó thành.

Nay tôi chẳng lượng mình hiểu biết tầm thường, lạm bàn kinh điển sâu kín, tạm đặt ra tên gọi, lại càng thêm hổ thẹn.

Sách này chia làm ba mươi loại: Tam bảo, Kính tháp, Nhiếp niệm, Nhập đạo, **[01b]** Bái tán, Hương đăng, Thụ thỉnh, Thụ trai, Phá trai, Giàu sang, Nghèo hèn, Khích lệ, Báo ân, Phóng sinh, Làm phúc, Chọn bạn, Nghĩ kỹ, Lục độ, Nghiệp nhân, Tham dục, Tứ sinh, Thụ báo, Thập ác, Dối gạt, Biếng nhác, Rượu thịt, Xem tướng, Địa ngục, Tổng chung, Linh tinh.

⁷ Hiên Khánh 顯慶: niên hiệu của Đường Cao Tông (656- 660) .

CHỮ KINH YẾU TẬP

QUYỂN 1

I. KÍNH TAM BẢO

I.1. Kính Phật

Gồm sáu phần: Phổ kính tam bảo, Niệm thập phương Phật, Niệm Phật Thích-ca, Niệm Phật A-di-đà, Niệm Phật Di-lặc, Niệm Phật tam-muội.

I.1.1. Lời dẫn

Đức Phật có tướng bình đẳng, đệ tử có đức ngợi khen. Cho nên các Đức Phật ở mười phương đều ra đời trong cõi “bùn lầy dơ bẩn”, các bậc Chính Giác đủ ba thân đều ngự trên đài sen báu; chúng sinh nhớ tưởng đến tướng nào của Phật, cũng đều được lợi ích cả. Nghĩa là từ lúc mới xuất gia, đến lúc thành Chính giác và khoảng giữa ngồi cội bồ-đề hàng ma, đến Lộ Dã thuyết pháp..., mỗi mỗi đều đầy đủ tướng quý, vẻ đẹp phát ra ánh sáng rực rỡ. Sắc thân thanh tịnh giống vàng ròng, diện mạo tươi đẹp tựa trăng tròn sáng; răng trắng như ngọc như tuyết, tóc nhuần sáng xoắn như vỏ ốc; mắt ví với sen xanh, mày sánh cùng liễu biếc; giọng nói ngân vang, muôn tướng ung dung, ngũ nhãn⁸ sáng tinh, lục thông siêu việt; hùng biện như thác đổ, luôn chỉ dạy hợp căn cơ; thành tựu Phật thân trọn tam điểm⁹, chúng được pháp thể đủ ngũ phần; đem pháp quyền và pháp thật cứu giúp chúng sinh, tùy chân thân và ứng thân để hóa độ mọi người. Có lúc Ngài quạt gió từ bi rộng khắp, có lúc tuôn mưa chính pháp tâm tã, giúp cho ruộng thân nhuần thấm, kể đó lại nhả mầm vô thượng, mọc lên cội tâm tươi tốt, lá xanh mượt um tùm. Như Lai không có tướng đến mà đến, không có tướng hiện mà hiện, [01c] vì chúng sinh nên tùy duyên ứng hiện. Tôi nguyện hầu hạ mười ức Như Lai trong mười phương, được phụng sự các Đức Phật trong ba nghìn đại thiên thế giới, gieo ruộng phúc mãi mãi, tu cúng dường rộng khắp, búng rễ tà vạy, nhổ gốc tham sân, tu nhân niệm Phật để cảm quả thấy Phật.

Luận *Bảo tính* ghi: “Vì tam bảo có sáu nghĩa nên phải tôn kính:

⁸ Ngũ nhãn 五眼 (S: pañca cakṣuṣi): năm con mắt. Đó là nhục nhãn, thiên nhãn, huệ nhãn, pháp nhãn, Phật nhãn.

⁹ Tam điểm 三點: ba đặc điểm lý, trí, sự của pháp thân Phật.

1. Hiêm có: giống như vật báu ở đời, người nghèo cùng không thể có được. Tam bảo cũng như thế, chúng sinh phúc mỏng trải qua trăm nghìn vạn đời cũng không gặp được, cho nên gọi là bảo.
2. Lia cấu bản: giống như vật báu thật ở đời không có tí vết, tam bảo cũng như thế, do lia các phiền não, nên gọi là bảo.
3. Có năng lực: giống như vật quý giá ở đời có năng lực mạnh xóa nghèo, khử độc, tam bảo cũng như thế, có đủ sáu sức thần thông không thể nghĩ bàn, nên gọi là bảo.
4. Trang nghiêm: giống như vật quý báu ở đời có thể dùng trang điểm thân, giúp người được xinh đẹp, tam bảo cũng như thế, hay giúp trang nghiêm đức hạnh cho mọi người, giúp thân được thanh tịnh, nên gọi là bảo.
5. Tôn quý nhất: giống như vật quý báu hơn mọi vật trên đời, tam bảo cũng như thế, thù thắng hơn tất cả mọi thứ trong đời, nên gọi là bảo.
6. Không biến đổi: giống như vàng ròng ở đời, bị đốt, đập, mài, luyện, mà vẫn không thay đổi tính chất, tam bảo cũng như thế, không bị tám pháp¹⁰ ở đời làm thay đổi, nên gọi là bảo.

Tam bảo còn nên được tôn kính bởi có đủ sáu ý sau:

1. Phật dạy bảo mọi chúng sinh, Pháp là thuốc hay, Tăng có thể truyền đạt lời Phật, tất cả đều làm lợi ích cho ta. Vì đền các ơn đó, nên ta phải tôn kính tam bảo.
2. Trong đời ác mạt pháp, việc truyền pháp không dễ dàng, cần nhờ oai lực tam bảo gia hộ, nên phải tôn kính.
3. Tam bảo khiến chúng sinh khởi lòng tin và vâng theo, nên phải tôn kính.
4. Phật dạy tăng ni nghi thức thờ kính tam bảo, cho nên phải tôn kính.
5. Tam bảo khiến mọi người ưa thích cúng dường để chính pháp hiện diện ở đời lâu dài, cho nên phải tôn kính.

¹⁰ Tám pháp (bát phong 八風): gồm lợi, suy, hủy, dự, xung, cơ, khô, lạc.

6. Vì Phật thị hiện tướng thù thắng, nên phải tôn kính tam bảo”.

Do đó, luận *Thành thật* ghi: “Tam bảo có tướng tốt lành nhất, cho nên ta đặt ở đầu kinh”.

I.1.2. Niệm thập phương Phật

Kinh *Quán Phật tam-muội* ghi: “Vào thời quá khứ xa xưa cách đây vô số đời, có Đức Phật Bảo Uy Đức Thượng Vương ra đời. Lúc ấy, có vị tì-kheo cùng chín đệ tử đến tháp lễ lạy tượng Phật. Nhìn thấy một bức tượng Phật quý, đẹp, đáng ưa nhìn, họ liền lễ lạy, chiêm ngưỡng và nói kệ khen ngợi. Về sau, họ ngồi kết-già qua đời, được hóa sinh trong hoa sen lớn ở cõi Phật Bảo Uy Đức Thượng Vương. Từ đó về sau, họ thường được gặp Phật, tinh tu Phạm hạnh ở chỗ Phật, [02a] chứng Niệm Phật tam-muội, được Phật thụ ký tất cả sẽ thành Phật ở khắp mười phương. Phật Thiện Đức ở phương đông chính là vị thầy, chín đệ tử làm Phật ở chín phương kia: Phật Vô Ưu Đức ở phương đông nam, Phật Chiên-đàn Đức ở phương nam, Phật Bảo Thí ở phương tây nam, Phật Vô Lượng Minh ở phương tây, Phật Hoa Đức ở phương tây bắc, Phật Tướng Đức ở phương bắc, Phật Tam Thừa Hạnh ở phương đông bắc, Phật Quảng Chúng Đức ở phương trên, Phật Minh Đức ở phương dưới. Mười vị Phật này nhờ nhân duyên đời quá khứ lễ tháp, quán tượng, đọc một bài kệ khen ngợi Phật, nên ngày nay các vị ấy được thành Phật ở mười phương”.

Kinh *Quán Phật tam-muội* lại ghi: “Vào thời quá khứ xa xưa, có Đức Phật ra đời hiệu là Không Vương. Sau khi Ngài nhập diệt, có bốn vị tì-kheo cùng học chính pháp của Phật ấy, nhưng lòng lại đầy phiền não, không thể giữ vững kho báu Phật pháp, tạo nhiều nghiệp bất thiện, sắp đọa đường ác. Bỗng trên không trung có tiếng bảo các tì-kheo ấy: ‘Không Vương Như Lai tuy đã vào niết-bàn, không còn ai cứu được những tội các người đã phạm, nhưng các người có thể vào tháp quán tượng Phật. Như thế, khác gì lúc Phật còn tại thế’. Sau khi nghe tiếng nói trên không, họ vào tháp quán tượng bạch hào¹¹ của tượng Phật, và nghĩ: ‘Thân tướng và hào quang của Phật lúc còn tại thế đâu khác với tượng này. Nguyên tướng đại nhân của Phật trừ tội cho con’. Nghĩ xong, gieo năm vốc mạnh xuống đất như ngọn Thái sơn lở sụp, sám hối các tội lỗi. Nhờ nhân duyên vào tháp quán tượng bạch hào của tượng Phật, trong tám mươi a-tăng-kì kiếp họ không bị đọa

¹¹ Tướng bạch hào (bạch hào tướng 白毫相): tướng lông trắng giữa hai chạng mày của Đức Phật.

vào đường ác, đời đời thường được gặp chư Phật trong mười phương, ở chỗ chư Phật thụ trì pháp Niệm Phật tam-muội sâu xa. Sau khi được tam-muội, họ lại được chư Phật khắp mười phương hiện trước mặt thụ kí, nay họ đều thành Phật. Vị ti-kheo thứ nhất thành Phật hiệu là A-súc ở nước Diêu Hi, thế giới phương đông. Vị ti-kheo thứ hai thành Phật hiệu là Bảo Tướng ở nước Hoan Hi, thế giới phương nam. Vị ti-kheo thứ ba thành Phật hiệu là Vô Lượng Thọ, ở nước Cực Lạc, thế giới phương tây. Vị ti-kheo thứ tư thành Phật hiệu là Diêu Thanh, ở nước Liên Hoa Trang Nghiêm, thế giới phương bắc. Dựa theo nhân duyên ấy, hành giả phải nên phát nguyện quán Phật như thế”.

Kinh *Ca-diếp* ghi: “Vào thời quá khứ xa xưa cách đây hàng a-tăng-kì kiếp, có Đức Phật Quang Minh ra đời. Sau khi Ngài vào niết-bàn, có một bồ-tát tên Đại Tinh Tiến mười sáu tuổi, thuộc dòng dõi Bà-la-môn, dung mạo đẹp không ai sánh bằng. Bảy giờ, có một ti-kheo vẽ hình Phật trên một tấm vải nhung trắng, đem cho Tinh Tiến. Thấy hình Phật, [02b] Tinh Tiến rất vui mừng, nói: ‘Hình ảnh Như Lai còn đẹp tuyệt như thế, huống gì thân Phật thật. Nguyện trong đời vị lai tôi cũng thành tựu được thân vi diệu như thế’. Nói xong, Tinh Tiến lại suy nghĩ: ‘Nếu ta ở nhà thì không thể được thân như thế’. Thế rồi, Tinh Tiến xin cha mẹ cho xuất gia. Cha mẹ đáp: ‘Chúng ta nay tuổi đã già, mà chỉ có một mình con. Nếu con xuất gia thì chúng ta sẽ chết’. Tinh Tiến thưa: ‘Nếu không cho phép con xuất gia thì từ hôm nay trở đi con không ăn, không uống, không ngủ nghỉ, cũng không nói năng nữa’. Thề như thế xong, Tinh Tiến nhịn ăn một ngày, cho đến ngày thứ sáu. Bảy giờ, cha mẹ, tám mươi bốn nghìn người quen biết và các mỹ nữ đều khóc thương. Cha mẹ liền cho phép Tinh Tiến xuất gia. Được xuất gia rồi, Tinh Tiến mang bức tượng Phật vào núi, lấy cỏ làm tòa, ngồi kết-già trước tượng, nhất tâm quán kỹ, thấy tượng vẽ không khác gì Như Lai. Tượng Như Lai chẳng giác, chẳng tri; tất cả các pháp cũng như thế, vô tướng, lia tướng, thể tính rỗng lặng. Quán như thế qua một ngày một đêm, Tinh Tiến thành tựu ngũ thông, đầy đủ biện tài vô ngại, chứng Phổ quang tam-muội, thân có hào quang rực rỡ. Tinh Tiến dùng thiên nhãn thanh tịnh nhìn thấy a-tăng-kì Phật ở phương đông, dùng thiên nhĩ thanh tịnh nghe được hết mọi điều chư Phật nói. Suốt trọn bảy tháng, ngài dùng thiên duyệt thực, tất cả chư thiên đều rải hoa cúng dường. Sau đó, ngài rời khỏi núi, đến các xóm làng giảng pháp cho mọi người nghe. Có hai vạn chúng sinh phát tâm bồ-đề, vô lượng người trụ trong công đức của thanh văn và duyên

giác, cha mẹ và người thân đều được không lui sụt trong đạo Vô thượng bồ-đề.

Khi ấy, Đức Phật bảo ngài Ca-diếp:

- Bồ-tát Đại Tinh Tiến ngày xưa chính là Ta, nhờ quán tượng Phật như thế, nên nay Ta được thành Phật. Nếu có người nào hay tu học phép quán như thế thì đời vị lai hẳn sẽ thành tựu Vô thượng đạo”.

Kinh *Quán Phật tam-muội* ghi: “Vào đời quá khứ xa xưa, có Đức Phật Thích-ca Mâu-ni ra đời. Sau khi Ngài diệt độ, có một vương tử tên Kim Tràng, tính tình kiêu ngạo, tà kiến, không tin Phật pháp. Bấy giờ, một vị tì-kheo tên Định Tụ Tại bảo vương tử:

- Trên đời này, tượng Phật thường được trang trí bằng các vật báu rất đẹp. Ông hãy thử vào tháp ngắm tượng Phật xem!

Vương tử ấy liền theo vị tì-kheo vào tháp. Nhìn thấy tượng đẹp, vương tử bảo vị tì-kheo:

- Tượng Phật còn đẹp như thế, huống gì là thân thật của Phật.

Vị tì-kheo bảo:

- Nay ông nhìn thấy tượng Phật mà không lễ thì phải nên chấp tay và xưng nam-mô Phật.

Vị vương tử liền chấp tay và xưng nam-mô Phật.

Khi về đến cung, vì nhớ tưởng mãi về pho tượng Phật trong tháp, [02c] nên đêm ấy vị vương tử nằm mộng thấy tượng Phật. Sau giấc mộng ấy, vị vương tử lìa bỏ tà kiến, qui y tam bảo. Nhờ căn lành vào tháp xưng nam-mô Phật, nên lúc vị vương tử ấy qua đời, liền được gặp chín trăm vạn ức na-do-tha Phật, ở chỗ chư Phật mau chóng chứng Niệm Phật tam-muội. Do được tam-muội, nên vị ấy được chư Phật hiện đến trước mặt thụ ký, từ đó về sau, trải qua trăm vạn a-tăng-kì kiếp không đọa vào đường ác, cho đến ngày nay chứng được đại định Lăng-nghiêm sâu xa. Vị vương tử ngày xưa ấy chính là bồ-tát Tài Thủ ngày nay. Theo nhân duyên ấy, người hiểu biết phải nên học niệm Phật như thế”.

Hơn nữa, kinh *Pháp hoa* có bài kệ:

Nếu người tâm tán loạn,

Vào bên trong chùa, tháp,

Xưng mô Phật một lần,

Đều đã thành Phật đạo.

Kinh *Thí dụ* ghi: “Ngày xưa, có một ông vua giết cha mình để tự lên ngôi. Bảy giờ, có một vị a-la-hán biết ông vua ấy không quá bảy ngày nữa sẽ chết, sau khi chết chắc chắn sẽ đọa địa ngục a-tì¹² chịu khổ trong một kiếp. Vị a-la-hán liền đến hóa độ ông vua ấy, khuyên bảo nên chí tâm xưng niệm nam-mô Phật suốt bảy ngày không gián đoạn. Lúc sắp đi khỏi, ngài còn nhắc nhà vua cẩn thận chớ quên việc niệm Phật ấy. Ngay sau đó, nhà vua liền chấp tay nhất tâm xưng niệm Phật suốt ngày suốt đêm không nghỉ. Vừa sang ngày thứ bảy thì nhà vua bỗng qua đời, thần hồn đi về phía địa ngục A-tì. Nhờ công niệm Phật trước đó, vừa đến cửa địa ngục, thần hồn nhà vua nhận biết đó là địa ngục, liền cất to tiếng xưng niệm nam-mô Phật. Những tội nhân trong địa ngục nghe tiếng niệm Phật, đều cùng một lúc niệm nam-mô Phật. Đám lửa dữ dội trong địa ngục lập tức biến mất. Tất cả tội nhân đều được giải thoát. Riêng nhà vua sinh lại làm người. Về sau, vị a-la-hán lại đến thuyết pháp cho người ấy nghe và người ấy chứng được quả Tu-đà-hoàn. Căn cứ theo nhân duyên ấy, niệm danh hiệu Phật sẽ được công đức lớn vô cùng, không gì có thể ví dụ được”.

I.1.3. Niệm Phật Thích-ca

Kinh *Quán Phật tam-muội* ghi: “Ngày xưa, lúc còn tại thế, Đức Phật đã từng giảng kinh *Quán Phật tam-muội* cho vua cha và mọi người nghe. Đức Phật có ba mươi hai tướng quý và tám mươi vẻ đẹp, thân màu vàng ròng, hào quang rực rỡ. Bảy giờ, dưới pháp tòa của Phật có năm trăm người thuộc dòng họ Thích, vì tội chướng, nên thấy thân Ngài xám đen như tro, như một bà-la-môn gầy yếu. Thấy vậy, họ gào khóc, vò đầu bứt tóc, vật mình xuống đất khiến tuôn máu mũi. Đức Phật an ủi:

¹² Địa ngục A-tì (A-tì địa ngục 阿毗地獄; S: Avyci; Cg: địa ngục Vô Gián): địa ngục nằm dưới đáy trong số tám địa ngục chồng lên nhau rất sâu dưới lòng đất cõi Diêm-phù-đề. Người phạm một trong các tội ngũ nghịch, sau khi chết sẽ bị đọa ngay vào địa ngục A-tì mà không qua thân trung âm, chịu khổ suốt một kiếp không gián đoạn.

- Các người chớ nên gào khóc! Hãy nghe Ta nói. Đời quá khứ có Đức Phật hiệu là Tì-bà-thi. [03a] Sau khi Ngài vào niết-bàn, đến thời tượng pháp, có một trưởng giả tên Nguyệt Đức. Ông ta có năm trăm người con thông minh, học rộng, thông hiểu tất cả. Trưởng giả ấy kính tin tam bảo, thường giảng nghĩa Phật pháp cho các con nghe, nhưng những người con ấy lại tà kiến, không có lòng tin. Về sau, khi những người con ấy đều mắc bệnh nặng, trưởng giả đến trước mặt họ, khóc lóc, chấp tay và nói: ‘Các con tà kiến, không tin Phật pháp, nay bị lưỡi dao vô thường cắt xẻ thân thể, biết nhờ cậy vào đâu? Có Đức Phật Thế Tôn tên Tì-bà-thi, các con nên xưng danh hiệu Ngài’. Vì kính trọng cha, sau khi nghe cha nói, những người con đều xưng niệm nam-mô Phật. Ông trưởng giả lại bảo các con xưng niệm pháp và tăng. Xưng niệm xong, những người con ấy đều qua đời. Nhờ xưng niệm Phật, họ được sinh vào cõi trời Tứ Thiên Vương. Khi hết tuổi thọ ở cõi trời, vì nghiệp tà kiến trước kia, nên họ bị đọa vào địa ngục, bị quỉ trong ngục dùng chia ba bằng sắt nung nóng đâm mù mắt. Khi chịu nỗi khổ như thế, họ nhớ lời cha dạy trước kia, liền xưng niệm Phật. Nhờ nhân duyên ấy, họ được ra khỏi địa ngục, sinh lại làm người, chịu cảnh nghèo túng, hèn hạ. Về sau, khi Phật Thích-khí ra đời, họ chỉ được nghe danh hiệu, mà không thấy được thân các Ngài. Vào thời những Đức Phật sau là Tùy-diệp¹³, Câu-lâu-tần¹⁴, Câu-na-hàm¹⁵, Ca-diếp, họ cũng đều được nghe danh hiệu, nhưng không được thấy hình bóng các Ngài. Nhờ được nghe danh hiệu sáu vị Phật, nên ngày nay họ được sinh cùng dòng họ với Ta. Thân Ta đẹp như vàng diêm-phù-đàn, nhưng các người thấy Ta giống như bà-la-môn gầy yếu, sắc người xám đen như tro, đều vì tà kiến đời trước của các người nên mới như thế. Nay các người nên đỉnh lễ và xưng danh hiệu chư Phật quá khứ, đồng thời xưng tên cha các người, xưng danh hiệu Ta và Phật Di-lặc. Xưng niệm xong, phải lễ sát đất, phát lồ sám hối tội tà kiến với chư đại đức tăng và đại chúng.

Vâng lời Phật dạy, sám hối xong, mọi người đều thấy thân Phật màu vàng rờn như núi Tu-di. Họ liền thưa:

¹³ Phật Tùy-diệp (Tuỳ-diệp Phật 隨葉佛; S: Viśvabhū 或 Viśvabhuk): kinh Đại bản trong Trường a-hàm ghi là Phật Tì-xá-phù.

¹⁴ Phật Câu-lâu-tần (Câu-lâu-tần Phật 拘樓秦佛; S: Krakucchanda-buddha): kinh Đại bản trong Trường a-hàm ghi là Phật Câu-lưu-tôn.

¹⁵ Phật Câu-na-hàm (Câu-na-hàm Phật 拘那含佛; S: Kanakamuni; Cg: Câu-na-hàm Mâu-ni Phật): vị Phật thứ bảy trong bảy vị Phật quá khứ, hay là Phật thứ hai trong một nghìn vị Phật ở kiếp Hiền.

- Nay con thấy Phật có ba mươi hai tướng quý, tám mươi vẻ đẹp, hào quang rực rỡ vô cùng.

Nói như thế xong, họ liền chứng được quả Tu-đà-hoàn, cùng nhau xin Phật cho xuất gia, rồi đều được chứng quả A-la-hán, được đầy đủ tam minh¹⁶, lục thông¹⁷, bát giải thoát¹⁸.

Bấy giờ, Phật bảo các tì-kheo:

- Sau khi Ta diệt độ, nếu ai xưng danh hiệu Ta và xưng nam-mô Phật thì sẽ được phúc đức vô cùng”.

Kinh *Đại bi* ghi: “Đức Phật bảo A-nan:

- Ông hãy nhìn. Lúc đi đường, Như Lai có thể khiến cho chỗ cao trên mặt đất hạ thấp xuống, chỗ thấp cao lên, tất cả những chỗ cao và thấp đều trở nên bằng phẳng. Sau khi Như Lai đi qua, mặt đất liền trở lại như cũ. Cây cối đều nghiêng mình về hướng Như Lai, thân cây hiện thân cúi mình lễ bái khi Như Lai đi ngang qua. Sau khi Như Lai bước qua, cây cối trở lại như cũ. Tất cả gò đống, hầm hố, chỗ dơ bẩn, rừng cây, ngói, sỏi ... đều được dọn dẹp bằng phẳng, sạch sẽ, [03b] hương thơm tỏa ngát, hoa đẹp rải đầy đất để Như Lai bước đi trên đó; khi ấy vật vô tình đều nghiêng mình, hướng gì loài hữu tình, mà chẳng cung kính? Vì sao? Vì ngày xưa, lúc tu hạnh bồ-tát, Ta luôn khiêm tốn nghiêng mình lễ kính tất cả mọi người. Sau khi được thành Phật, nhờ nghiệp thiện ấy, lúc Như Lai bước đi, tất cả loài hữu tình và vô tình đều nghiêng mình, cúi đầu lễ bái. Trước kia, Ta từng thành tâm tự tay đem những tài sản thanh tịnh, vi diệu, vừa ý bố thí cho chúng sinh. Nhờ nghiệp báo ấy, khi Như Lai bước đi, mặt đất trở nên bằng phẳng như được tưới quét sạch sẽ, không có gạch sỏi. Ta đã từng ở vô số chỗ của thánh hiền, khi các ngài đi đến đâu, Ta đã quét dọn đường sá, sửa

¹⁶ Tam minh 三明 (S: tri-vidya): tam chứng pháp, gồm túc mệnh trí chứng minh, sinh tử trí minh và lậu tận trí chứng minh, tức là trí tuệ thông đạt không trở ngại ba việc túc mệnh, thiên nhân, và vô lậu tận.

¹⁷ Lục thông 六通 (S: ṣaḍ abhijñāḥ): sáu năng lực thù thắng của bậc thánh tam thừa, gồm có thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông, thần túc thông, túc mệnh thông và lậu tận thông.

¹⁸ Bát giải thoát 八解脫 (S: aṣṭau vimokṣāḥ): tám định lực giúp hành giả lìa bỏ tham dục của cõi Sắc và cõi Vô sắc: trong có tướng về sắc dục, quán các sắc để giải thoát; trong không có tướng về sắc dục, ngoài quán các sắc để giải thoát; thân thanh tịnh giải thoát trí chứng cụ túc trụ; vượt các sắc tướng diệt hữu đối tướng, không suy nghĩ mọi cái tướng, nhập vào Không vô biên xứ, an trụ đầy đủ giải thoát; vượt tất cả Không vô biên xứ, nhập Thức vô biên xứ, an trụ đầy đủ giải thoát; vượt qua tất cả Thức vô biên xứ, nhập Vô sở hữu xứ, an trụ đầy đủ giải thoát; vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ, nhập Phi tướng phi phi tướng xứ, an trụ đầy đủ giải thoát; vượt qua tất cả Phi tướng phi phi tướng xứ, nhập tướng thụ diệt, an trụ đầy đủ giải thoát.

sang nhà cửa đến đó. Ta dùng tâm bình đẳng không phân biệt cao thấp để quét dọn sạch sẽ, thường xuyên cầu bồ-đề, làm lợi ích cho chúng sinh. Nhờ căn lành ấy, nên Như Lai đi đến bất cứ nơi nào thì nơi ấy đường sá tự nhiên sạch sẽ, mặt đất bằng phẳng như bàn tay. Khi Đức Phật vào niết-bàn, ngay cả núi chúa Tu-di cao tám mươi bốn nghìn do-tuần, cắm sâu vào biển cả cũng vậy và núi Thiết Vi cao một trăm sáu mươi tám nghìn do-tuần bằng kim cương cứng rắn, cũng đều nghiêng mình, cúi đầu kính lễ, chẳng hề có việc chúng muốn tránh xa, không muốn nghiêng mình!”.

Kinh *Phổ diệu* ghi: “Do Như Lai trong quá khứ tâm thanh tịnh, xa lìa nhiễm ô, không hại chúng sinh, cho nên khi Ngài bước đi, chân không bị bẩn, không làm tổn hại các loài côn trùng”.

Kinh *Xứ xứ* ghi: “Khi Như Lai đi, chân không chạm đất, bởi có ba nguyên nhân: một, vì Ngài khiến người tu hành bớt ham muốn; hai, vì Ngài hiện tướng bánh xe dưới bàn chân; ba, vì Ngài khiến người trông thấy được vui vẻ. Khi Phật bước đi, chân luôn cách mặt đất bốn tấc¹⁹, bởi ba nguyên nhân: vì Phật thấy trên mặt đất có côn trùng v.v..; vì trên mặt đất có cỏ cây sinh sống; vì Phật hiện thân biến.

Phật cũng muốn khiến tâm ý mọi người được ngay thẳng, nên khi Phật đi, những chỗ lồi lõm trên mặt đất đều trở nên bằng phẳng, bởi ba nguyên nhân:

1. Phật vốn thực hành tứ đẳng tâm²⁰, nên muốn khiến cho tất cả chúng sinh đều được an ổn, tất cả các thần, các loài côn trùng, kiến... ở trên mặt đất, trên mặt nước hay dưới nước khi gặp chân Phật, đều được an ổn, tâm ý bình thản. Vì thế, mặt đất dưới chân Ngài, chỗ thấp trở thành cao, chỗ cao trở thành thấp.

2. Các trời, quỉ, thần tu phúc bằng cách quét dọn mặt đất để Phật đi, do đó, những chỗ lồi lõm trở nên bằng phẳng.

¹⁹ Bốn tấc (tứ thôn 四寸): Trung Quốc sử dụng một tấc bằng 3,3cm.

²⁰ Tứ đẳng tâm 四等心 (S: Catvār apramāṇāni): bốn tinh thần phải có của Phật, bỏ-tát để độ khắp vô lượng chúng sinh, giúp họ lìa khổ được vui, đó là từ, bi, hỷ, xả.

3. Khi còn là bồ-tát, Đức Phật đã khai thông đường sá, cầu, dò giúp mọi người, do đó, Ngài được cái phúc mặt đất lồi lõm trở nên bằng phẳng khi Ngài đặt chân xuống. Phật muốn tâm mọi người cũng được như thế”.

Luận *Đại trí độ* ghi: “Đức Thế Tôn có thân tướng tốt đẹp, da mỏng và mịn, không bám bụi đất, giống như lá hoa sen không dính bụi và nước. Nếu bồ-tát kinh hành trong núi đất khô, cũng không bị đất bám chân. Dù có cuồng phong thổi ngọn núi đất ấy tan thành vô số bụi mịn mù, [03c] thì ngay cả một hạt bụi nhỏ cũng không bám vào thân Phật. Nếu bồ-tát đưa thức ăn vào miệng, hai bên yết hầu ngài liền có cam lộ chảy ra hòa hợp các vị thức ăn thành một vị thanh tịnh, cho nên gọi là được thượng vị trong các vị”.

Kinh *Tăng nhất a-hàm* ghi: “Người không có tâm cung kính Phật sẽ sinh làm rồng, rắn. Những người mới từ loài rồng, loài rắn đời quá khứ thụ sinh, thì nay vẫn không cung kính Phật, ngu nhiều và ngu si”.

Luật *Tứ phần* có bài kệ:

Ai kính trọng trưởng lão,

Người ấy hay hộ pháp,

Đời này được danh tiếng,

Tương lai sinh đường thiện.

I.1.4. Niệm Phật A-di-đà

Hỏi: Tại sao gọi là Tịnh độ?

Đáp: Sạch sẽ và sáng sủa gọi là tịnh, nơi ở thanh tịnh gọi là Tịnh độ. Do đó, *Nhiếp luận* ghi: “Cõi nước không có năm thứ trược²¹, trong sạch như

²¹ Năm thứ trược (ngũ trược 五濁; S: pañca kaṣāyāḥ): năm thứ cặn đục trong Kiếp giảm gồm Kiếp trược: khi tuổi thọ con người giảm còn ba mươi tuổi thì có nạn đói kém, khi giảm còn hai mươi tuổi thì có nạn bệnh tật, khi giảm còn mười tuổi thì có nạn chiến tranh, tất cả chúng sinh đều bị hại; kiến trược: chính pháp đã diệt, tà pháp khởi lên, tà kiến tăng mạnh, con người không tu tập pháp lành; phiền não trược: chúng sinh có nhiều ái dục, tham lam, bòn xén, thích đấu tranh, đua nịnh, dối trá, học theo tà pháp, nên tâm thần não loạn; chúng sinh trược: chúng sinh thường độc ác, không hiếu kính cha mẹ, người lớn tuổi, không sợ quả báo ác, không tạo công đức, không tu huệ thí, không giữ gìn trai giới; mạng trược: do ác nghiệp tăng, đời nay tuổi thọ con người giảm dần, hiếm người được trăm tuổi.

pha-lê-kha gọi là thanh tịnh độ”. Luận *Pháp hoa* ghi: “Chỗ ở của chúng sinh không còn phiền não gọi là tịnh độ. Có bốn tịnh độ khác nhau:

1. Pháp tính độ: lấy chân như làm thể. Do đó, *Lương nhiếp* luận²² ghi: “Lấy liên hoa vương làm thí dụ cho cõi Tịnh độ, pháp giới chân như làm thể của cõi ấy”.

2. Thật báo độ: *Nhiếp* luận ghi: “Cõi này lấy nhị không làm cửa, tam tuệ²³ làm đường ra vào, sa-ma-tha²⁴ và ti-bát-xá-na²⁵ làm xe, lấy căn bản vô phân biệt trí²⁶ làm dụng”. Đó là căn cứ vào báo công đức mà trình bày thể của cõi này.

3. Sự tịnh độ: cõi này làm bằng bảy thứ báu quý nhất, tức năm trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc là tính chất của cõi này. Do đó, *Nhiếp* luận ghi: “Đó là trụ xứ bằng bảy báu và tràn đầy ánh sáng của Phật”. Kinh *Hoa nghiêm* cũng ghi: “Trong cảnh giới chư Phật có trang hoàng nhiều thứ báu đẹp xen lẫn nhau”, cho nên, luận *Tịnh độ* ghi: “Tịnh độ có đầy đủ các thứ trân bảo, đầy đủ vẻ đẹp vi diệu”. Kinh *Đại bồ-tát tạng* (bản dịch mới) ghi: “Giả sử lửa lớn đốt cháy tất cả mọi vật trong các thế giới trên, nhưng nếu Như Lai lại thị hiện đi, đứng, ngồi, nằm trong các thế giới ấy, thì các nơi ấy sẽ xuất hiện loại nước có đầy đủ tám tính chất²⁷”.

4. Hóa tịnh độ: Năm trần bằng bảy báu do Đức Phật biến ra, là của Hóa tịnh độ. Do đó, kinh *Niết-bàn* ghi: “Do thần lực của Phật, mặt đất mềm mại, không có gò đống, cát, sỏi, đá, [04a] tất cả đều giống như thế giới Cực Lạc của Phật Vô Lượng Thọ ở phương tây”. Ngoài ra, luận *Đại trang nghiêm* ghi: “Do trí tự tại, tùy sự mong muốn của chúng sinh, Đức Phật có thể biến hiện ra các thế giới bằng thủy tinh, hoặc lưu li v.v...”. Kinh *Duy-ma-cật* ghi: “Phật ấn ngón chân xuống đất, mặt đất liền hiện các việc thanh tịnh”. Kinh *Thập địa* ghi: “Vì thuận theo tâm ưa thích nhìn của chúng sinh, mà Đức Phật thị hiện ...”. Như vậy, các kinh luận này đều căn cứ nghĩa

²² Lương Nhiếp luận 梁攝論 (Cg: luận Nhiếp Đại Thừa) : luận, ba quyển, do ngài Chân Đế dịch vào đời nhà Trần.

²³ Tam tuệ 三慧: văn tuệ, tư tuệ và tu tuệ.

²⁴ Sa-ma-tha 沙摩他 (S:samatha): tức là chỉ, một phương pháp tu tập dùng tâm một chỗ, dứt trừ phiền não, vọng tưởng.

²⁵ Ti-bát-xá-na 毘鉢舍那: tức là quán. Một phương pháp tu tập sinh khởi chính trí để quán chiếu đối tượng, khe hội chân như.

²⁶ Vô phân biệt trí 無分別智 (S: nir-vikalpa-jñāna): tức căn bản trí.

²⁷ Tám tính chất (bát công đức thủy 八功德水): nước trong ao sen ở Tịnh độ có tám tính chất ưu việt: trong trẻo, mát mẻ, ngon ngọt, mềm nhẹ, thấm nhuần, an hòa, trừ đói khát, nuôi lớn các căn.

tịnh độ được hóa hiện thành, do Đức Phật dùng thần lực hóa hiện mà có, thân lại thì không, do đó, gọi là Hóa độ.

Tóm lại, vừa rồi tuy trình bày Tịnh độ có bốn loại, nhưng cốt yếu thì có hai loại là Báo độ và Hóa độ, cũng gọi là lý độ và sự độ.

Báo độ: cõi nước khi Phật ra đời, thể của các điều thiện đều là vô lậu, không thuộc Tam giới. Cho nên, luận *Tịnh độ* ghi: “Xét thấy tướng của thế giới kia thù thắng hơn tam giới”. Luận *Trí độ* cũng ghi: “Có tịnh độ vi diệu vượt ngoài tam giới”. Nhưng trụ xứ của Phật là vô trụ xứ, vượt ngoài mười phương thế giới. Hoặc căn cứ vào pháp thân mà thiết lập tịnh độ, cho nên luận nói: “Phật Thích-ca Mâu-ni còn có thế giới thanh tịnh giống như cõi nước của Đức Phật A-di-đà. Đức Phật A-di-đà cũng có thế giới nghiêm tịnh và thế giới không nghiêm tịnh giống như cõi nước của Phật Thích-ca”. Ngoài ra, kinh *Niết-bàn* ghi: “Ta thật sự không rời khỏi cõi Diêm-phù-đề”. Kinh *Pháp hoa* cũng có bài kệ:

Ta thường tại Linh Thứu²⁸,

Và các trụ xứ khác.

Chúng sinh thấy kiếp tận,

Lửa lớn đốt thế giới.

Cõi Ta đây an ổn,

Trời, người thường đầy đủ,

Vườn, rừng, gác, lầu, nhà,

Các thứ báu trang nghiêm.

Thêm nữa, kinh *Hoa nghiêm* ghi: “Tịnh độ của Như Lai hoặc ở trên mão báu của Như Lai, hoặc ở trên khuyên tai, hoặc ở chuỗi ngọc anh lạc, hoặc ở hoa văn trên y của Ngài, hoặc ở lỗ chân lông của Ngài”. Như thế, lỗ chân

²⁸ Linh Thứu 靈鷲 (S: Gṛdhrakūṭa): núi ở phía đông bắc thành Vương Xá, nước Ma-kiệt-đà, Trung Ấn Độ. Vì hình dáng núi này giống như đầu con chim thú và trong núi có nhiều chim thú sinh sống nên có tên là Linh Thứu.

lông của Ngài đã chứa cả thế giới. Do đó, luận *Thập trụ* ghi: “Đức Phật nhắc một bước thì vượt qua vô số tam thiên thế giới”.

Hóa độ: Hóa độ không có nơi chốn riêng, chỉ căn cứ vào Báo độ mà Phật khởi tướng thô, hoặc ở khắp mười phương, hoặc ở ngay cõi này mà tiếp dẫn trời và người thuộc tam thừa. Như Phật A-di-đà Thế Tôn vì tiếp dẫn chúng sinh phàm phu và Tiểu thừa ở cõi kham nhẫn này, mà thiết lập cõi nước; hoặc ở cõi uế mà hiện tịnh độ, như ấn ngón chân thì hiện tịnh độ. Tịnh độ như thế không khác gì cung trời. Hoặc cõi nước ấy do chúng tử khí thế giới, cộng tướng của chúng sinh cảm được, [04b] trong đó hiện cảnh giới như uế hoặc thanh tịnh khác nhau tùy vào sự thấy bất đồng của chúng sinh trong lục đạo. Đây đều là do nhân huân tập chúng tử danh ngôn bên ngoài, mà thức chủng thành tựu, cảm được hình bóng khí thế giới hiện ra. Hình bóng này là tướng phần của Bản thức²⁹, do chúng tử cộng tướng và hình ảnh, có thức hiện tướng làm nhân duyên tạo thành. Tức cộng tướng này do sức của tạng thượng duyên nội báo, mà cảm được các sự khổ vui khác nhau như thế.

Kinh *Hoa nghiêm* ghi: “Bảy giờ, đại bồ-tát Tâm Vương bảo các bồ-tát:

- Nay Phật tử, một kiếp ở thế giới Ta-bà của Phật Thích-ca Mâu-ni bằng một ngày một đêm ở thế giới An Lạc của Phật A-di-đà. Một kiếp ở thế giới An Lạc bằng một ngày một đêm ở thế giới Thánh Phục Tràng của Phật Kim Cương. Một kiếp ở thế giới Thánh Phục Tràng bằng một ngày một đêm ở thế giới Bất Thoái Chuyển Âm Thanh Luân của Phật Thiện Lạc Quang Minh Thanh Tịnh Khai Phu. Một kiếp ở thế giới Bất Thoái Chuyển Âm Thanh Luân bằng một ngày một đêm ở thế giới Vô Cấu của Phật Pháp Tràng. Một kiếp ở thế giới Vô Cấu bằng một ngày một đêm ở thế giới Thiện Đăng của Phật Sư Tử. Một kiếp ở thế giới Thiện Đăng bằng một ngày một đêm ở thế giới Thiện Quang Minh của Phật Lô-xá-na Tạng. Một kiếp ở thế giới Thiện Quang Minh bằng một ngày một đêm ở thế giới Siêu Xuất của Phật Pháp Quang Minh Thanh Tịnh Khai Phu Liên Hoa. Một kiếp ở thế giới Siêu Xuất bằng một ngày một đêm ở thế giới Trang Nghiêm Tuệ của Phật Nhất Thiết Quang Minh. Một kiếp ở thế giới Trang Nghiêm Tuệ bằng một ngày một đêm ở thế giới Cảnh Quang Minh của Phật Giác Nguyệt. Nay Phật tử! Như thế lần lượt cho đến trăm vạn a-tăng-kì kiếp thế

²⁹ Bản thức 本識 (S: mūla-vijñāna): thức căn bản của bảy thức như nhãn thức, nhĩ thức... tức là thức a-lại-da.

giới, một kiếp ở thế giới sau cùng bằng một ngày một đêm ở thế giới Thắng Liên Hoa của Phật Hiền Thủ, các đại bồ-tát như Phổ Hiền, v.v... ở khắp trong đó”.

Ngoài ra, luận *Ưu-ba-đề-xá*³⁰ có bài kệ:

Quán tướng thế giới kia,

Trội hơn cả tam giới,

Rốt ráo như hư không,

Rộng lớn không ranh giới.

Chính đạo đại từ bi,

Sinh căn lành xuất thế,

Ngập ánh sáng thanh tịnh,

Như nhật nguyệt, gương trong.

Hạng phàm phu và Nhị thừa trong uế độ thấy được Đức Phật A-di-đà, còn các bồ-tát ở Tịnh độ cũng thấy Đức Phật A-di-đà. Căn cứ hai điều ấy thì Báo độ luôn luôn thuần tịnh, Ứng độ vừa có nhiễm, vừa có tịnh.

[04c] Do đó, luận *Tịnh độ* ghi: “Có năm loại quốc độ:

1. Thuần tịnh độ: cõi này chỉ dành cho bậc chứng quả vị Phật.
2. Tịnh uế độ: cõi nhiều sự thanh tịnh, ít sự nhơ uế, là cõi của bậc bồ-tát Bát địa trở lên.
3. Tịnh uế bình đẳng độ: cõi của bậc bồ-tát từ sơ địa đến thất địa.
4. Uế tịnh độ: cõi có nhiều sự nhơ uế, ít sự thanh tịnh, là cõi của hàng bồ-tát trước Thập địa.

³⁰ Ưu-ba-đề-xá (優波提舍) (S: upadeśa): một trong mười hai thể loại kinh, nghĩa là Tùy Thị. Tức là chú giải hoặc diễn nghĩa các giáo pháp do Phật diễn nói làm cho ý nghĩa được sáng tỏ hơn, cũng tức là một trong các loại vấn đáp nghị luận trong kinh.

5. Tạp uế độ: cõi của hạng phàm phu chưa nhập tính³¹.

Hạng người thứ năm chỉ thấy được cõi sau cùng, không thấy được bốn cõi trước. Hạng người thứ tư thấy được hai cõi sau, không thấy được ba cõi trước. Hạng người thứ ba thấy được ba cõi sau, không thấy được hai cõi trước. Hạng người thứ hai thấy được bốn cõi sau, không thấy được một cõi trước. Bậc thứ nhất là Phật thấy và biết được cả năm cõi”.

Kinh *A-di-đà Cổ âm Thanh Vương đà-la-ni* ghi: “Bấy giờ, Đức Phật bảo các tì-kheo:

- Thế giới An Lạc ở phương tây hiện đang có Đức Phật hiệu A-di-đà. Nếu có tì-kheo, tì-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di nào có thể thụ trì chân chính danh hiệu Phật kia, nhờ công đức ấy, khi lâm chung, Phật A-di-đà và thánh chúng hiện đến trước người ấy, khiến họ được nhìn thấy, khởi tâm vui mừng, giúp công đức tăng gấp bội. Nhờ nhân duyên ấy, hễ sinh ở nơi nào, người ấy cũng vĩnh viễn xa lìa thân trong bào thai dơ uế, chỉ tự nhiên hóa sinh ở trong hoa sen báu tươi đẹp, được đầy đủ sáu thần thông, ánh sáng rực rỡ, cùng ở một nơi với Phật A-di-đà và các thanh văn. Cõi nước của Như Lai, Ứng Cúng, Chính Biến Tri ấy tên là Thanh Thái. Vua nước ấy ở trong tòa thành, ngang dọc mỗi bề dài mười nghìn do-tuần, trong thành ấy có rất nhiều người dòng Sát-đế-lợi. Cha của Phật A-di-đà là Chuyển luân thánh vương Nguyệt Thượng, mẹ Ngài tên Thù Thắng Diệu Nhan, con tên Nguyệt Minh, đệ tử hầu hạ tên Vô Cấu Xung, đệ tử trí tuệ tên Hiền Quang, đệ tử thân túc tinh cần tên Đại Hóa. Bấy giờ, ma vương tên Vô Thắng, Đề-bà-đạt-đa tên Tịch Tĩnh”.

Kinh *Vô lượng thọ* cũng ghi: “Phật bảo ngài Di-lặc:

- Giả sử thế giới tam thiên đại thiên bị nạn lửa dữ thiêu đốt, nhờ niệm danh hiệu Phật A-di-đà, cho nên muốn đi vào trong đó cũng không có gì khó”.

Kinh *Phật A-di-đà* ghi: “Phật bảo các thầy tì-kheo:

- Vua A-xà-thế ấy và năm trăm người con của các trưởng giả trong vô số kiếp về sau đều sẽ làm Phật như Phật A-di-đà. Vua A-xà-thế ấy và năm

³¹ Chưa nhập tính (vị nhập tính địa 未入性地): hạng phàm phu chưa vào địa vị Thập trụ, tức hạng phàm phu từ Thập tín trở về trước.

trăm người con của các trưởng giả trụ trong Bồ-tát đạo đến nay đã vô số kiếp, [05a] mỗi người đều đã cúng dường bốn trăm ức Phật, nay lại đến cúng dường Ta. Vua A-xà-thế ấy và năm trăm người con của các trưởng giả vào thời Phật Ca-diếp đều là đệ tử của Ta, nay lại gặp nhau ở trong hội này”.

I.1.5. Niệm Phật Di-lặc

Kinh *Di-lặc bồ-tát sở vấn bản nguyện* ghi: “A-nan bạch Phật:

- Ngài Di-lặc chứng Pháp nhãn lâu đến như thế, tại sao chẳng mau đến đạo Vô thượng bồ-đề thành bậc Tối Chính Giác?

Đức Phật bảo A-nan:

- Bồ-tát ấy vì bốn việc nên không giữ ngôi Chính giác. Đó là tịnh hóa cõi nước, hộ trì cõi nước, tịnh hóa tất cả và hộ trì tất cả. Thuở xưa, lúc cầu làm Phật, bồ-tát Di-lặc vì bốn việc ấy nên không giữ quả vị Phật. Xưa kia, lúc cầu làm Phật, Ta cũng có bốn việc này. Ngài Di-lặc phát tâm Bồ-đề trước Ta ba mươi hai kiếp. Tuy vậy, trong kiếp Hiền này, nhờ rất tinh tiến, Ta vượt qua chín kiếp, chứng được đạo Vô thượng chính chân, thành bậc Tối Chính Giác. Nhờ mười việc, nên Ta mau chóng trở thành bậc Tối Chính Giác. Đó là:

1. Tất cả mọi thứ Ta đều không tiếc nuôi.
2. Không tiếc nuôi vợ.
3. Không tiếc nuôi con cái.
4. Không tiếc nuôi tay chân.
6. Không tiếc nuôi đất nước.
7. Không tiếc nuôi của cải, châu báu.
8. Không tiếc nuôi tủy, não.
9. Không tiếc nuôi máu, thịt.

10. Không tiếc nuôi mạng sống”.

Hỏi: Phạm phu tại gia xuất gia ở trong cõi Dục phải thực hành nghiệp thiện gì để được quả báo sinh lên trời Đâu-suất trong cõi Dục?

Đáp: Kinh *Vị tầng hữu* ghi: “Thập thiện hạ phẩm thì trong một niệm, thập thiện trung phẩm thì trong khoảng một bữa ăn, thập thiện thượng phẩm thì từ sáng đến trưa; tâm nhớ nghĩ hạnh thập thiện và dừng mười việc ác thì được vãng sinh. Do đó, loài dã can khởi tâm nhớ nghĩ thập thiện trong bảy ngày không ăn, đã sinh lên trời Đâu-suất”.

Kinh *Thượng sinh* ghi: “Sau khi Ta diệt độ, tứ chúng³² và bát bộ³³ muốn sinh lên tầng trời thứ tư, phải trong một ngày cho đến bảy ngày luôn luôn nhớ nghĩ cõi trời ấy và giữ gìn giới cấm của Phật chế, tư duy về thập thiện và thực hành thập thiện đạo, rồi hồi hướng công đức ấy, nguyện được sinh trước mặt Phật Di-lặc. Thực hành như thế, sẽ được vãng sinh như nguyện”.

Bảy ngày tức là thời gian ngắn còn cảm được quả báo ở cõi trời kia, hưởng gì cả đời tu mà chẳng đạt được sao?

Kinh *Thượng sinh* ghi: “Nếu ai lễ kính Phật Di-lặc thì trừ được tội sinh tử trong trăm ức kiếp, cho đến đời vị lai được gặp Phật Di-lặc nơi cõi cây long hoa”. Kinh cũng ghi: “Sau khi Ta diệt độ, nếu bốn chúng và tám bộ nghe danh hiệu bồ-tát ấy mà lễ bái, khi qua đời sẽ sinh lên cõi trời Đâu-suất. **[05b]** Nếu người nam hay nữ phạm các cấm giới và tạo các nghiệp ác, nghe được danh hiệu Đại Từ của bồ-tát ấy, thành tâm sám hối tất cả nghiệp ác, thì tâm chóng được thanh tịnh. Nếu có ai qui y bồ-tát Di-lặc, người ấy được bất thoái chuyển, đến khi bồ-tát Di-lặc thành Phật, người thấy ánh sáng của Ngài liền được thụ ký.

Sau khi Phật diệt độ, nếu ai siêng năng tu tập các công đức, oai nghi không thiếu, quét dọn và tô đắp tháp Phật, dâng hương hoa cúng dường, thực hành các tam-muội, đọc tụng kinh điển, người như thế chưa trừ sạch phiền não như người đã chứng lục thông, phải nên tập trung tâm ý quán tưởng hình tượng và xưng danh hiệu Phật Di-lặc. Nếu thụ giới bát quan trai và tu

³² Tứ chúng 四衆 (S: catasrah parṣadaḥ): bốn chúng đệ tử của Đức Phật. Đó là ti-kheo, ti-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di.

³³ Bát bộ 八部: tám bộ chúng gồm trời, rồng, dạ-xoa, càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lâu-la, khẩn-na-la, ma-hầu-la-già.

các tịnh nghiệp chỉ trong một niệm, khi qua đời liền được vãng sinh trên đài hoa sen ở trời Đâu-suất, đúng lúc sẽ thấy ánh sáng từ tướng bạch hào của Phật phóng ra, liền vượt thoát khỏi tội sinh tử trong chín mươi ức kiếp, tùy theo duyên lành đời trước, sẽ được nghe Phật giảng diệu pháp, nhờ đó được giai vị Bất thoái”.

Kinh *Tăng nhất a-hàm* ghi: “Chúng sinh nào ba nghiệp tạo ác, khi lâm chung nhờ nghĩ đến công đức Như Lai, chắc chắn sẽ lìa xa đường ác, được sinh lên trời. Giả sử có người cực ác, nhờ niệm Phật, người ấy cũng được sinh lên trời”.

Kinh *Đại tập* ghi: “Nếu ai tu tâm từ, khi bỏ thân mạng, sẽ thấy chư Phật trong mười phương đưa tay xoa đầu mình. Nhờ tay Phật chạm vào nên tâm người ấy an lạc, liền được vãng sinh về cõi Phật thanh tịnh”.

Kinh *Phổ hiền quán* ghi: “Nếu có người ngày đêm sáu thời lễ bái chư Phật trong mười phương, tụng kinh điển Đại thừa, suy nghĩ ‘đệ nhất nghĩa không’ sâu xa, trong khoảnh khắc liền trừ được tội sinh tử trong vô số kiếp. Người thực hành pháp này đúng là Phật tử, được sinh từ chỗ chư Phật, chư Phật và Bồ-tát trong mười phương đều làm thầy truyền giới cho người này. Đó là người đầy đủ giới Bồ-tát, không cần yết-ma mà tự nhiên thành tựu, xứng đáng nhận sự cúng dường của tất cả trời và người”.

Kinh *Pháp hoa* ghi: “Nếu có người thụ trì, đọc tụng kinh Đại thừa, nhớ nghĩ và hiểu đúng nghĩa lý kinh, người ấy lúc qua đời sẽ được nghìn vị Phật đưa tay tiếp dẫn, khiến không sợ hãi, không đọa đường ác, liền sinh về chỗ Bồ-tát Di-lặc trên cõi trời Đâu-suất. Bồ-tát Di-lặc có ba mươi hai tướng quý, được các Bồ-tát vây quanh, có trăm nghìn ức quyến thuộc thiên nữ. Sinh trong đó có những công đức và lợi ích như thế, do đó, người hiểu biết phải nên nhất tâm tự biên chép, hoặc bảo người khác biên chép, thụ trì, đọc tụng, nhớ nghĩ đúng đắn và tu hành đúng như lời dạy”.

Luận *Đại trí độ* ghi: “Nếu thiện nam tử nào có thể thực hành bát-nhã ba-la-mật sâu xa này, [05c] nên biết, người ấy đến từ cõi người hoặc cõi trời Đâu-suất. Vì sao? Vì trong ba đường ác có nhiều tội khổ nên không thể thực hành được pháp Bát-nhã sâu xa; các trời Dục giới tham đắm ngũ dục³⁴ tịnh

³⁴ Ngũ dục 五欲 (S: pañca kāmāḥ): năm thứ ham muốn sinh ra từ sự nhiễm trước năm trần cảnh như sắc dục, thanh dục, hương dục, vị dục, xúc dục.

diệu, tâm thức tối tăm nên không thể thực hành được pháp bát-nhã; các trời Sắc giới vì đắm sâu trong thiền định nên không thực hành được pháp bát-nhã; các trời Vô sắc giới vì không có hình tướng nên không thực hành được pháp bát-nhã; cõi trời Đâu-suất nhờ thường có Bồ-tát Nhất Sinh Bồ Xứ, nên các trời thường nghe giảng bát-nhã, do đó, dù có nhiều ngũ dục, song sức Phật pháp mạnh hơn. Bởi thế, nên hai nơi ấy thù thắng hơn hết. Nếu người từ cõi Phật khác sinh đến nơi này thì lại càng thù thắng hơn”.

Trong kinh *Xử thai*, Đức Phật nói cho Di-lặc nghe bài kệ:

Người ba hội³⁵ của ông,

Trước do Ta hóa độ,

Chín mươi sáu ức người,

Thụ năm giới của Ta,

Kể là thụ tam qui,

Chín mươi hai ức người,

Một lần xưng mô Phật,

Đều được thành Phật đạo.

Kinh *Xử xứ* ghi: “Đức Phật nói:

- Bồ-tát Di-lặc không hạ sinh bởi bốn lý do sau:

1. Phúc đức đang ứng ở cõi kia.
2. Con người ở cõi này tâm ý thô kém không thể thụ trì kinh.
3. Công đức chưa viên mãn.
4. Thế gian vẫn có người thuyết giảng được kinh Phật.

³⁵ Ba hội (tam hội 三會): ba hội thuyết pháp của chư Phật. Đến đời đương lai Đức Phật Di-lặc sẽ hạ sinh cũng có ba hội thuyết pháp để giáo hóa các chúng sinh mà Đức Thích Tôn chưa hóa độ.

Trong tương lai, sau hơn năm mươi ức bảy nghìn sáu mươi vạn năm nữa, bồ-tát Di-lặc sẽ hạ sinh. Vào thời Phật Di-lặc, con người nhìn thấy xa đến bốn nghìn dặm. Con người được phúc báo như thế là nhờ mười nhân duyên đời trước:

1. Không che ánh sáng của người.
2. Không làm tổn hại mắt người.
3. Không che mắt người.
4. Không che giấu việc tốt lành của người.
5. Không nhìn cảnh sát sinh.
6. Không nhìn việc trộm cắp.
7. Không nhìn việc tà dâm.
8. Không nhìn điều riêng tư và khuyết điểm của người.
9. Không nhìn các việc ác.
10. Thắp hương đốt đèn ở chùa thờ Phật”.

Kinh *Phật thuyết Di-lặc lai thời* ghi: “Lúc Phật Di-lặc chưa ra đời, cỏ cây trên mặt đất và trên núi cõi Diêm-phù-đề đều bị cháy sạch. Hiện nay, mặt đất cõi Diêm-phù-đề có chu vi sáu mươi vạn dặm. Khi Phật Di-lặc ra đời, cõi ấy có chiều đông tây dài bốn mươi vạn dặm, chiều nam bắc rộng ba mươi hai vạn dặm, mặt đất mọc năm thứ quả, không có gò, núi, hang, khe mà bằng phẳng như mặt đá mài, cây cối cao lớn, con người ít tham sân si, dân sống thành nhiều xóm làng. Bảy giờ, có tòa thành tên Phiêm-la-na-di; trong thành có bà-la-môn tên Tu-phạm là cha của bồ-tát Di-lặc, mẹ bồ-tát tên Ma-ha Việt-đề. **[06a]** Ngài Di-lặc có đầy đủ tướng hảo, cao mười sáu trượng, mắt nhìn thấy xa vạn dặm, ánh sáng quanh đầu chiếu xa bốn nghìn dặm. Bồ-tát Di-lặc đắc đạo khi ngồi ở gốc cây long hoa. Cây này cao ba mươi dặm, tàn lá rộng bốn mươi dặm”. Kinh *Đại thành Phật* chép: “Cành hoa của cây ấy giống như đầu rồng, nên gọi là cây long hoa. Cũng có truyện khác ghi rằng cây ấy lấy giống từ long cung, nên gọi là cây long

hoa. Bồ-tát Di-lặc đấng đạo vào ngày 8 tháng 4, lúc sao Mai mọc. Nhưng sau sáu mươi ức năm nữa, lúc tuổi thọ con người sáu mươi vạn tuổi, Phật Di-lặc mới hạ sinh”.

Truyện *Tây quốc hành* của Vương Huyền Sách ghi: “Năm Hiển Khánh 2 đời Đường, vua ban sắc sai các ông Vương Huyền Sách v.v... đưa ca-sa sang Tây quốc, đến thôn Pha-la-độ nằm phía tây nam nước Nê-bà-la. Phía đông thôn ấy là một khu trũng có hồ Thủy Hỏa, hễ lấy lửa soi vào hồ ấy thì có ngọn lửa bốc lên cháy trên mặt ao, lấy nước tưới lên để dập lửa thì nó càng cháy mạnh thêm. Các sứ thần nhà Hán từng ở chỗ ấy, treo nồi phía trên ngọn lửa ao để nấu cơm. Sứ thần hỏi vua nước ấy. Nhà vua đáp: ‘Trẫm từng dùng sào xăm xuống ao ấy, chạm phải một cái rương vàng, sai người kéo rương lên, nhưng càng kéo thì nó càng chìm sâu. Tương truyền rằng rương ấy chứa chiếc thiên quan³⁶ của Phật Di-lặc đang được một con rồng lửa canh giữ và lửa trong ao ấy chính là lửa của con rồng”.

Luận *Đại trí độ* ghi: “Lúc còn tại gia, bồ-tát Di-lặc tên Bà-bạt-lê, có ba tướng quý: tướng lông trắng giữa hai chạng mày; tướng lưỡi che kín mặt; tướng âm tàng³⁷. Những tướng ấy không phải hễ làm bồ-tát thì có được”.

Luận *Bà-sa*³⁸, *bản tân dịch* ghi: “Nghe nói bấy giờ tôn giả Ca-diếp-ba vào thành Vương Xá khát thực lần cuối. Sau khi ăn xong, tôn giả lên núi Kê Túc. Núi ấy có ba ngọn, hình dáng giống như bàn chân gà ngửa lên. Tôn giả vào núi ngồi kết-già thành tâm phát nguyện: ‘Nguyện thân tôi cùng y, bát và gậy trụ mãi, không hư hoại suốt năm mươi bảy câu-chi sáu mươi trăm nghìn năm, đến khi Từ Thị Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác xuất hiện, tôi sẽ theo hầu Ngài’. Lúc tôn giả phát nguyện xong, liền vào niết-bàn, ba ngọn núi ấy bèn hợp lại thành một ngọn che kín; thế là, tôn giả nghiêm nhiên trụ trong đó. Đến lúc Phật Từ Thị ra đời, Ngài sẽ dẫn vô lượng trời và người lên núi ấy và bảo mọi người: ‘Các ông muốn thấy đại đệ tử công đức đầu-đà đệ nhất của Phật Thích-ca Mâu-ni không?’. Mọi người đều đáp: ‘Chúng con muốn thấy’. Từ Thị Như Lai liền đưa tay phải vỗ vào

³⁶ Thiên quan 天冠: mũ của chư thiên.

³⁷ Tướng âm tàng (mã âm tàng tướng 馬陰藏相; S: kośopagata-vasti-guhya): nam căn ẩn kín không lộ ra bên ngoài, một trong ba mươi hai tướng đại nhân của Đức Phật.

³⁸ Luận Bà-sa (Bà-sa luận 婆沙論; Gđ: A-ti-đạt-ma Đại ti-bà-sa luận; S: Abhidharmamahāvibhāṣā-sāstra): luận, hai trăm quyển, do ngài Huyền Trang dịch vào đời Đường, Trung Quốc, được xếp vào Đại chính tạng tập 27. Luận này chú thích luận A-ti-đạt-ma Phát trí của luận sư Ca-đa-diễn-ni từ ở Ấn Độ, giải thích rõ về ý nghĩa các pháp và liệt kê đầy đủ các thuyết khác nhau.

đỉnh núi Kê Túc. [06b] Ngay lúc ấy ngọn núi tách ra lại thành ba ngọn, tôn giả Ca-diếp-ba mang y, bát và gậy từ trong bước ra, bay lên không trung. Vô lượng trời, người nhìn thấy sự thần biến ấy đều khen là việc chưa từng có, tâm mọi người trở nên nhu hòa. Lúc ấy, Từ Thị Thế Tôn nói pháp, tất cả đều được kiến đế³⁹”.

Nếu không có sự giữ hóa thân, tại sao có việc như thế? Cho nên, có thuyết nói rằng có việc giữ hóa thân.

Hỏi: Nếu như thế, tại sao Đức Thế Tôn không giữ hóa thân để sau khi niết-bàn có thể tùy ý duy trì việc thuyết pháp?

Đáp: Bởi những việc nên làm Phật đã làm xong cả, nghĩa là những người cần độ thì Phật đều hóa độ xong, những người chưa được độ thì các thánh đệ tử sẽ độ. Do đó, có thuyết nói không có sự giữ hóa thân.

Hỏi: Nếu như thế, tại sao có việc của tôn giả Ca-diếp-ba?

Đáp: Thân tôn giả được các thiên thần tôn kính ngài giữ gìn.

Có thuyết nói: bấy giờ tôn giả Ca-diếp-ba chưa vào niết-bàn mà chờ đến thời Phật Từ Thị mới diệt độ.

Điều này không hợp lý. Thà nên nói không có việc giữ thân giáo hóa, chứ không nói tôn giả ấy giữ im lặng suông trong một thời gian dài. Bởi nói như thế tức là có việc giữ thân giáo hóa (*tức là vô lý*). Do đó, tôn giả Đại Ca-diếp-ba đã vào niết-bàn.

Hàng phàm phu ở cõi Ta-bà tâm lực yếu kém, làm nhiều việc ác, đầu tiên học pháp này, sợ sẽ thoái tâm, cho nên cần thường xuyên phát đại nguyện giữ hạnh này đến khi qua đời, tâm không bị phiền não làm chướng ngại, tùy các căn lành đã gieo trồng mà nguyện cùng chúng sinh tự tại vãng sinh, làm nội chúng⁴⁰ của Phật Di-lặc, đến trước Phật tùy niệm tu học chứng quả Bất thoái, không nguyện vãng sinh vào ngoại chúng⁴¹ vì sợ sẽ mê đắm ngũ dục, không được giải thoát.

³⁹ Kiến đế 見諦: chúng ngộ chân lý của hàng thanh văn từ quả Dự lưu trở lên và bồ-tát Sơ địa trở lên.

⁴⁰ Nội chúng 內衆: chúng sinh được sinh lên nội viện của cung trời Đâu-suất, nơi bồ-tát Di-lặc thuyết pháp.

⁴¹ Ngoại chúng 外衆: chúng sinh được sinh lên ngoại viện của cung trời Đâu-suất.

Luận *Đại trí độ* ghi: “Có người tu một ít phúc nghiệp, nghe nói có cõi phúc, nên nguyện sẽ vãng sinh. Đến khi qua đời, người ấy được sinh vào cõi kia”.

Luận *Đại trang nghiêm* ghi: “Sinh về cõi Phật là việc lớn, do đó, tu tập một mình không thể thành tựu được công đức, mà cần phải nhờ sức nguyện. Như con bò tuy có sức mạnh kéo được xe, nhưng cần phải có người đánh xe mới đi đến nơi. Cho nên, cõi Phật thanh tịnh nhờ nguyện dẫn mới thành tựu. Nhờ sức nguyện nên phúc đức tăng trưởng, không hư, không mất, thường gặp Phật”.

Luận *Thập trụ* ghi: “Người dùng ngón tay nhắc đại thiên thế giới đưa lên hư không thì cũng không đáng xem là việc khó. Nếu ai phát nguyện rằng mình muốn làm Phật thì người ấy mới là người hiếm có. Vì sao? Vì tâm người đời yếu kém, không có chí lớn”.

Luận *Phát tâm bồ-đề* có nêu mười đại nguyện thường phải tu hành:

1. Nguyện đời trước và đời này con gieo trồng được những căn lành gì đều bố thí cho tất cả chúng sinh, hồi hướng công đức ấy về Phật đạo, khiến điều nguyện này của con tăng trưởng trong từng niệm, [06c] đời đời hễ sinh ở đâu cũng không quên mất, thường được đà-la-ni bảo vệ.
2. Nguyện con nhờ căn lành này, hễ sinh ở đâu đều được gặp Phật, và thường được cúng dường Phật, không sinh trong đất nước không có Phật.
3. Nguyện con được gần gũi chư Phật, theo hầu bên cạnh như bóng theo hình.
4. Nguyện con đã được gần gũi chư Phật, lại còn được nghe các Ngài giảng pháp, khiến con thành tựu được năm thân thông.
5. Nguyện con thông hiểu thế đế giả danh lưu bố⁴², đạt đệ nhất nghĩa, chứng được trí chính pháp.
6. Nguyện con dùng tâm không nhằm chán mà giảng giải, chỉ dạy chúng sinh những điều lợi ích và an vui, khiến họ đều hiểu biết.

⁴² Lưu bố 流布: truyền bá rộng khắp.

7. Nguyên con nhờ sức thần của Phật mà đến được tất cả thế giới trong mười phương để cúng dường chư Phật, nghe giảng chính pháp và cứu giúp khắp các chúng sinh.

8. Nguyên con thuận theo pháp luân thanh tịnh, tất cả chúng sinh nghe pháp của con và nghe tên con đều được lìa bỏ tất cả phiền não.

9. Nguyên con đi theo chúng sinh để giúp đỡ và cho họ sự an lạc, xả thân mạng, của cải để gánh vác chính pháp, trừ những việc không có lợi ích.

10. Nguyên con tuy tu hành chính pháp, nhưng tâm không thấy có tu hành mà tu hành tất cả. Vì giáo hoá chúng sinh, con nguyện không bỏ điều nguyện chân chính.

Nguyên con dùng mười đại nguyện này phủ khắp cõi chúng sinh, gom giữ tất cả vô số điều nguyện. Nếu cõi chúng sinh không còn ai thì nguyện của con mới hết. Nhưng cõi chúng sinh không thể tận cùng, nên đại nguyện này của con cũng không thể hết.

Con lại nguyện độ khắp các chúng sinh trong vô biên thế giới, những căn lành tu tập được, con đều hồi hướng về Vô thượng chính giác, được sinh vào thời Phật Di-lặc, nghe pháp thanh tịnh, ngộ Vô sinh nhẫn. Nguyên đem tất cả căn lành tu tập được khi đi, đứng, ngồi, nằm trong cả đời, cùng pháp giới chúng sinh hồi hướng về cõi Phật Di-lặc, ở trước Ngài thành tựu quả Bất thoái.

(Ngoài ra, phương pháp tu niệm và quán cầu thấy các Đức Phật A-di-đà, Di-lặc v.v... được trình bày đầy đủ trong bộ Thiên môn gồm mười quyển. Ở đây chỉ trích nêu kinh văn để dạy việc vãng sinh).

Pháp sư Huyền Trang nói:

- Người xuất gia và tại gia ở Ấn Độ đều tu tịnh nghiệp Di-lặc, bởi vì cùng ở trong Dục giới thì tu hành dễ thành tựu. Các vị tăng Đại thừa và Tiểu thừa đều chấp nhận pháp này. Còn Tịnh độ A-di-đà, chỉ sợ hàng phàm phu dơ uest, nhiều phiền não tu hành khó thành tựu được.

Theo kinh luận cự dịch, bồ-tát từ Thập địa trở lên, tùy phần thấy được Báo Phật Tịnh độ, còn theo ý kinh luận tân dịch thì bồ-tát Tam địa thấy được Báo Phật Tịnh độ. [07a] Thế thì, lẽ nào hàng phàm phu kém cõi lại được vãng sinh Tịnh độ A-di-đà? Đây là ý vãng sinh vào lúc khác, chưa thể chắc chắn được. Cho nên, hàng Đại thừa ở Ấn Độ chấp nhận pháp tu này (Tịnh độ A-di-đà), nhưng hàng Tiểu thừa không chấp nhận. Vì thế, cả đời pháp sư thường xuyên tu tịnh nghiệp Di-lặc, lúc lâm chung phát nguyện sinh lên trời Đâu-suất diện kiến Phật Di-lặc. Bây giờ, ngài thỉnh đại chúng cùng xưng kệ:

Nam-mô Di-lặc Như Lai,

Ứng chính đẳng giác.

Nguyện cùng chúng sinh,

Sớm hầu bên Phật.

Nam-mô Di-lặc Như Lai,

Trụ chúng nội điện,

Nguyện bỏ thân rồi,

Hẳn sinh trong đó.

I.1.6. Niệm Phật tam-muội

Phàm phu thường nghĩ tưởng điên đảo, theo ý mình chấp trước sai lầm, lại bị sáu trần quấy phá, khiến bị luân chuyển trong năm đường. Thật bởi sợi dây nghiệp trói buộc, nên khó thoát khỏi quả báo khổ. Vì thế, Đức Phật khởi lòng từ thương xót chúng sinh, tùy căn cơ mà tiếp dẫn, trình bày cõi Tịnh vi diệu, khuyên dạy mọi người quán tướng thù thắng của Như Lai, tha thiết thực hành không biếng nhác, khởi tâm ưa thích kính ngưỡng, quán từ trên xuống và từ dưới lên, tùy tâm mà quán cảnh đầy đủ hay vắng tắt, khiến hiểu được rằng thiện ác do tâm; nếu thiện nghiệp thành, thì sẽ có ngày được thấy Phật, lúc qua đời sẽ vui mừng tùy niệm thụ sinh. Nếu chúng sinh từ trước không tu phúc nghiệp này, khi vô thường chợt đến, sẽ hốt hoảng sợ hãi, nẻo tâm mênh mang, tịnh nghiệp chẳng có, không biết nương gá

vào đâu, nhắm mắt rồi, phải theo nghiệp chịu khổ nạn. Vì thế, gây tội và làm phúc tuy cùng là mưu tính vì bản thân, nhưng chẳng bằng tu thiện. Bởi tu thiện thì được gặp Phật, làm ác thì phải chịu khổ. Do đó, kinh *Hoa nghiêm* có bài kệ:

Thà chịu tất cả khổ,

Mà được nghe tiếng Phật,

Chớ không ham vui gì,

Để chẳng nghe tên Phật.

Sở dĩ vô lượng kiếp,

Chịu các khổ não này,

Lưu chuyển trong sinh tử,

Bởi chẳng nghe tên Phật.

Kinh *Vô lượng thọ* ghi: “Giả sử tam thiên đại thiên thế giới bị nạn lửa thiêu đốt, nhưng phải ở trong đó để được nghe danh hiệu Phật A-di-đà thì chưa đáng gọi là nạn”.

Kinh *Quán Phật tam-muội* ghi: “Bấy giờ, bồ-tát Di-lặc bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn, cúi xin Thế Tôn đại từ đại bi thương xót tất cả chúng sinh. Trong đời vị lai có nhiều chúng sinh tạo nghiệp bất thiện mà Phật không còn trụ thế thì phải nương nhờ vào đâu để trừ tội lỗi?

[07b] Đức Phật bảo Di-lặc:

- Sau khi Như Lai diệt độ, có nhiều chúng sinh vì không được gặp Phật mà gây các nghiệp tội. Những người ấy phải quán tưởng tượng Phật. Quán tưởng tượng Phật không khác gì quán tưởng thân Ta.

Khi Phật nói những lời ấy, các Đức Phật ở mười phương từ trên không trung đều lên tiếng khen:

- Quý thay! Nay đã đúng lúc. Chớ có nghi ngờ!

Phật bảo bồ-tát Di-lặc:

- Nay Như Lai sẽ nói cách trừ tội cho những chúng sinh chịu ngũ khổ⁴³, các tà-kheo phạm giới cấm, người làm ác, kẻ phạm tội ngũ nghịch, phỉ báng Phật, làm mười sáu thứ ác luật nghi trong đời vị lai.

Bấy giờ, A-nan bạch:

- Thế Tôn nói cách trừ tội như thế nào?

Phật bảo A-nan:

- Nếu Ta còn tại thế, qui y Ta gọi là qui y Phật, là qui y Pháp, là qui y Tăng. Muốn quán tưởng tượng Phật, trước hết vào trong tháp Phật, dùng bùa thơm tốt và đất sạch xoa khắp mặt đất cho sạch. Sau đó, tùy khả năng mà thắp hương và rải hoa cúng dường tượng Phật, trình bày tội lỗi của mình rồi, lễ Phật sám hối. Điều phục tâm như thế từ một đến bảy ngày, lại vào trong chúng để quét dọn phân rác trong già-lam, sám hối chúng tăng, đảnh lễ chúng tăng. Lại trải qua bảy ngày cúng dường như thế, tâm không nhàm mỏi. Nếu là người xuất gia, phải hiếu dưỡng cha mẹ, cung kính sư trưởng, giữ tâm nhu hòa. Nếu tâm không nhu hòa thì phải chế phục cho điều thuận, rồi ở chỗ yên vắng, đốt các thứ hương thơm, lễ Phật Thích-ca-văn và nói: ‘Nam-mô Đại Đức, Ứng Chính Biến Tri, Đại Bi Thế Tôn, Đại Hòa Thượng của con! Xin Ngài hãy lòng từ che chở đệ tử’. Nói xong, khóc lóc gieo năm vốc sát đất lễ tượng Phật. Tiếp đó, đứng dậy, sửa y phục ngay ngắn, ngồi kết-già, tập trung tư tưởng. Tùy loại chúng sinh nào (*đã nói ở trước*) mà buộc tâm ở chót mũi, hay trên trán, hoặc ngón chân v.v... Tùy ý mà tập trung tư tưởng theo các cách như thế, tâm chuyên chú vào một chỗ, chớ để phân tán khiến tâm dao động. Nếu tâm dao động thì đưa lưỡi lên vòm họng, ngậm miệng, mở mắt, chấp tay, ngồi ngay ngắn. Thực hiện như thế từ một đến bảy ngày khiến thân an ổn rồi, mới quán tưởng tượng Phật.

Nếu thích quán ngược thì quán từ ngón chân lần lượt lên phía trên. Trước hết, quán tưởng ngón chân tượng Phật, chú tâm vào năm ngón chân suốt

⁴³ Ngũ khổ 五苦: năm thứ khổ não. Đó là chư thiên khổ, nhân đạo khổ, súc sinh khổ, nga qui khổ, địa ngục khổ hay sinh lão bệnh tử khổ, ái biệt ly khổ, oán tắng hội khổ, cầu bất đắc khổ, ngũ âm xí thanh khổ.

một ngày đến bảy ngày, khiến cho dù mở hay nhắm mắt đều thấy được rõ ràng ngón chân tượng Phật. Kế đó, quán tưởng hai tay tượng Phật, rồi lần lượt quán lên đến nhục kế. Tiếp đó, lại quán tưởng mặt tượng. [07c] Nếu không thấy rõ thì sám hối lại và tự phải nỗ lực thêm nhiều. Nhờ giữ giới thanh tịnh, nên thấy rõ ràng mặt tượng Phật sáng như gương vàng ròng. Sau đó, quán tưởng tướng lông trắng giữa hai chặng mày giống như ngọc, như pha-lê, xoắn tròn theo chiều bên phải. Khi thấy được tướng này thì sẽ thấy đôi mắt và chân mày tượng Phật giống như tranh do họa sĩ trời vẽ. Quán tưởng thấy như thế rồi, tiếp theo là quán tưởng ánh sáng trên đỉnh đầu tượng Phật thật rõ ràng. Quán tưởng các tướng như thế gọi là quán ngược.

Nếu thích quán xuôi thì quán từ các lọn tóc xoắn tròn như trôn ốc trên đầu Phật tựa như những cuộn tơ đen cuộn tròn theo chiều bên phải. Kế đó, quán tưởng gương mặt tượng, rồi quán tưởng thân, dần dần quán tưởng xuống chân. Quán đi quán lại như thế mười bốn lần, quán kỹ đến lúc thấy hết sức rõ ràng toàn thân tượng. Sau khi quán tưởng hoàn toàn thành tựu, dù nhập định hay xuất định, hành giả thường thấy tượng Phật đứng trước mặt mình. Khi thấy rõ ràng một tượng rồi, lại quán tưởng cho thấy được hai tượng, tiếp theo là ba tượng ..., cho đến mười tượng; tất cả đều quán tưởng thấy cho rõ ràng. Khi thấy rõ được mười tượng rồi, lại quán tưởng tượng Phật đầy khắp cả một phòng, không còn chỗ trống. Quán tưởng tượng Phật đầy khắp một phòng rồi, lại càng tinh tiến thêm, đốt hương, rải hoa, quét tháp, dọn nền tháp, cúng dường việc tắm rửa của chư tăng. Sau khi cúng dường chư tăng và cha mẹ xong, phải phát nguyện: ‘Nay ta quán tưởng tượng Phật, nguyện không đem công đức này cầu làm người, hoặc trời, hoặc thanh văn, duyên giác, mà chỉ cầu đạo Bồ-đề’.

Phát nguyện như thế xong, lại cầu mong pháp Đại thừa, thực hành sám hối, khuyến thỉnh chư Phật, tùy hỷ và hồi hướng. Sau đó, ngồi ngay ngắn, giữ niệm hiện tiền, quán cảnh giới Phật dần dần rộng lớn đến cả một tầng phùng đầy khắp tượng Phật. Thấy thân Phật vàng cao một trượng sáu, có hoa sen đỡ chân, hào quang quanh đầu rộng một tầm, toàn thân cũng tỏa hào quang. Lại quán các Hóa Phật và các thị giả của Phật đều có hào quang rực rỡ. Quán tưởng tượng Phật đầy khắp một tầng phùng xong, lại quán tưởng tượng Phật đầy khắp một khoảnh..., một trăm khoảnh, một trăm do-tuần, tất cả tượng Phật đều có tướng hảo sáng rõ. Quán tưởng như thế

thành tựu rồi, lại quán tưởng tượng Phật đầy khắp cõi Diêm-phù-đề, rồi quán đến ba thiên hạ⁴⁴ còn lại đều đầy khắp tượng Phật. Khi ấy, thân tâm hoan hỷ, càng tinh tiến thêm nhiều, phải cung kính đỉnh lễ mười hai thể loại kinh, thành tâm gieo năm vóc sát đất sám hối trước kinh Bát-nhã ba-la-mật.

Sau khi thành tựu phép quán tưởng, hành giả nhắm mắt, chắp tay, ngồi ngay ngắn, nhập định, quán tưởng xa rộng hơn, quán tưởng tất cả tượng Phật đầy khắp trong mười phương thế giới đều là vàng ròng, các lỗ chân lông trên toàn thân Phật đều phóng ánh sáng, mỗi tia sáng có vô số màu châu báu, trong mỗi một màu lại có vô lượng màu sắc sỡ, cảnh giới vi diệu tự hiện ra. Phép quán tưởng này gọi là quán tượng đứng. Người thực hành phép quán này trừ được tội sinh tử trong sáu mươi ức kiếp. Đó cũng gọi là quán Phật. [08a]Người ấy đời vị lai sẽ gặp được một nghìn vị Phật kiếp Hiền làm thầy mình, được lần lượt xuất gia trong Phật pháp, nghe Phật giảng pháp, ghi nhớ không quên. Người ấy được Phật Quang Minh ở kiếp Tinh Tú thời vị lai hiện trước mặt thụ kí cho. Người quán tưởng với tâm thô như thế còn được vô lượng công đức như vậy, huống gì chú tâm quán ánh sáng của sợi lông trắng giữa hai chặng mày Đức Phật!

Bấy giờ, Đức Phật lại vì chúng sinh mà giảng phép quán tượng ngồi:

- Phải quán tưởng tượng Phật ngồi trên tòa hoa báu. Khi Phật ngồi, mặt đất tự nhiên hiện ra luồng ánh sáng trắng tinh khiết và khả ái như ánh sáng ngọc lưu li, trong các tia sáng ấy có trăm ức bờ-tát trắng như tuyết. Quán tưởng từ mỗi lỗ chân lông của tượng Phật xuất hiện một vị bờ-tát, mỗi lỗ chân lông trên thân bờ-tát phóng ra một luồng ánh sáng màu vàng rất mạnh chiếu khắp nơi, khiến các thế giới trong mười phương đều sáng rực một màu vàng. Nếu có chúng sinh nào quán tưởng tượng Phật ngồi thì người ấy trừ được tội sinh tử trong năm trăm ức ức kiếp, sẽ gặp một nghìn vị Phật trong kiếp Hiền và mười vạn Phật trong kiếp Tinh Tú, thụ trì lời dạy của từng Đức Phật, thân tâm an ổn, không tán loạn, được từng Đức Phật đến trước mặt thụ kí thành Phật sau một số kiếp nhất định nữa.

Khi ấy, Đức Phật bảo A-nan:

⁴⁴ Ba thiên hạ (tam thiên hạ 三天下): tức ba châu quanh núi Tu-di. Đó là Đông Thắng Thân châu, Nam Thiệm Bộ châu và Tây Ngưu Hoá châu.

- Nếu có chúng sinh nào quán tưởng tượng Phật ngồi rồi, lại nên quán tưởng tượng Phật đi. Hành giả quán thấy tượng Phật đi đầy trong mười phương thế giới, thấy từng tượng Phật trong không trung, hoặc trên mặt đất, từ tòa đứng dậy. Khi mỗi tượng Phật đứng dậy, từ mỗi một trong số năm trăm ức tòa hoa báu, đều xuất hiện vô số tia sáng; trong mỗi tia sáng, tùy tâm tưởng mà có vô số vị Hóa Phật; mỗi vị Hóa Phật đều phóng ánh sáng màu vàng chiếu vào thân hành giả. Bấy giờ, hành giả nhập định, tự thấy ba mươi sáu vật bất tịnh trong thân mình lộ ra. Khi các vật bất tịnh hiện ra thì nên mau chóng diệt trừ. Phải quán tưởng các thứ bất tịnh này do tham ái sinh ra, là giả dối, không thật. Dùng phép quán này khiến các vật bất tịnh biến thành ngọc trắng, tự thấy thân mình như bình ngọc trắng, trong ngoài đều rỗng rang. Khi thực hiện phép quán này, nên uống thuốc và sữa tinh chớ để bụng trống. Lại thỉnh các tượng Phật dùng tay xoa đầu, phóng ánh sáng rực rỡ chiếu thân mình. Khi ấy, hành giả tự thấy thân mình có màu như vàng ròng.

Khi thành tựu phép quán này rồi, xuất định, hoan hỉ lễ kính chư Phật, tu các công đức, hồi hướng bồ-đề. Bấy giờ, các Đức Phật, dị khẩu đồng âm⁴⁵, giảng pháp cho hành giả nghe. Tuy chưa đắc đạo, nhưng hành giả được thấy Phật, nghe pháp, ghi nhớ hết không quên. Đó là pháp Niệm Phật tam-muội của hàng phàm phu. Khi được tam-muội này, trong khoảng sát-na thường thấy các Đức Phật, qua một ngày một đêm liền thông hiểu hết pháp Đại thừa do các Đức Phật giảng. **[08b]** Mỗi Đức Phật đều nói lời thụ kí: ‘Người nhờ nhớ tưởng Phật nên đến kiếp Tinh Tú sẽ được thành Phật, có thân tướng và ánh sáng không khác gì Ta’. Khi Phật nói lời ấy xong, tám mươi ức Phật đồng thời phóng ánh sáng, trong ánh sáng ấy có vô lượng Hóa Phật đều nói như thế.

Đức Phật bảo A-nan:

- Muốn thành tựu pháp Niệm Phật tam-muội, phải có năm nhân duyên: trì giới không phạm; không khởi tà kiến; không kiêu mạn; không giận hờn, ganh ghét; tinh tiến mạnh mẽ. Phải thực hành năm việc này như cứu lửa cháy đầu. Bởi niệm Phật giúp tâm không lui sụt, nên phải cúng dường các Đức Phật trong mười phương. Cúng dường như thế nào? Sau khi xuất định, người ấy nên vào trong tháp chiêm bái tượng Phật, tụng trì kinh. Nếu lễ

⁴⁵ Dị khẩu đồng âm 異口同音: nhiều người đồng nói một lời cùng một lúc.

một vị Phật, phải nghĩ rằng: ‘Các Đức Phật Chính Biến Tri có tâm vô ngại. Nay con lễ một vị Phật tức là lễ tất cả các Đức Phật’. Nếu nhớ nghĩ đến một vị Phật thì thấy tất cả các Đức Phật, trước mỗi vị Phật có một hành giả chính là thân mình, lễ sát chân Ngài, dâng hoa cúng dường và nghĩ: ‘Pháp thân chư Phật có công đức vô lượng, không trụ không diệt, mà thường trụ vắng lặng. Nay con kính dâng hoa lên chư Phật, nguyện các Ngài nhận lấy’, lại nghĩ rằng hoa mà mình cầm sinh ra từ cỏ cây, đem hoa này cúng dường có thể được các Đức Phật nghĩ tưởng đến. Phải quán tưởng từ mỗi lỗ chân lông trên thân mình hiện ra vô số mây hoa và khói hương mây hương tỏa khắp mười phương thế giới làm Phật sự, rồi lại hợp thành đài vàng ở trước mặt hành giả. Nếu là phàm phu cúng dường thì tay bung lư hương và cầm hoa phát nguyện: ‘Nguyện hoa hương này tỏa đầy khắp mười phương thế giới, cúng dường tất cả Phật, Hóa Phật, Bồ-tát và vô số thanh văn. Các Ngài nhận lấy mây hoa hương này để làm đài ánh sáng rộng hơn vô số cõi, làm vô lượng Phật sự. Từ mỗi lỗ chân lông đều xuất hiện tràng phan, vô số âm nhạc, y phục đẹp quý, trăm món ăn uống, các thứ cúng dường đều đúng với pháp ở trước’.

Đức Phật bảo A-nan:

- Chúng sinh đời vị lai, ai được môn Niệm Phật tam-muội này, nên bảo người ấy giữ gìn cẩn mật thân, khẩu, ý, đừng khởi tà kiến, đừng sinh lòng kiêu ngạo. Nếu khởi tâm kiêu ngạo và sống bằng các nghề ác, nên biết người ấy là người tăng thượng mạn, phá diệt Phật pháp, khiến chúng sinh khởi tâm bất thiện, phá hòa hợp tăng, làm các việc lạ để mê hoặc mọi người, là bạn của tà ma. Người như thế, tuy có niệm Phật, cũng không được giải thoát; vì tâm kiêu ngạo, người ấy sinh chỗ nào thì thân thể cũng thường nhỏ bé và sinh vào nhà hèn hạ, nghèo túng, chịu vô số ác nghiệp báo. [08c] Những việc xấu như thế, nên tự ngăn ngừa không để phát sinh”.

Có bài tụng rằng:

Pháp thân không hình tướng,

Chỉ giáo bất ngữ ngôn,

Tùy cơ mà ứng hiện,

Theo niệm mà lưu truyền,
Thương xót kẻ chìm đắm,
Hoằng dương diệu môn này,
Cảnh tâm cùng cảm ứng,
Cứu giúp kẻ tối tăm.
Nước đủ tắm tính chất,
Các hàng cây bảy báu,
Chim lành lượn quanh ao,
Cát vang tiếng vi diệu,
Trống pháp cùng hòa âm,
Gió lành dẫn đưa đường,
Cung kính nghe diệu ngôn,
Kính học pháp sâu kín,
Rực rỡ thay! Đâu-suất,
Cao xa ấy! Từ Tôn,
Ánh sáng soi cung trời,
Oai chấn chúng sinh giới,
Hoa tiên bay phát phối,
Nơi Điện báu ngập tràn,
Đem phúc đã cúng dường,

*Nhưn thám kẻ cô độc,
Tụ họp nương cõi kia,
Chẳng cô phụ lời nguyện.
Mộng trần đã lãng diệu,
Lại giúp các hữu tình,
Biên chép và lưu truyền,
Dài lâu như trời đất,
Văn từ có thể thiếu,
Thệ tâm nào hư hoại? ”.*

Quảng An dịch

CHU KINH YẾU TẬP

QUYỂN 2

I.2. Kính pháp

Gồm tám phần: Đại ý, Thuyết pháp, Thính pháp, Tiệm đốn, Cầu pháp, Cảm phúc, Báo ân, Báng pháp.

I.2.1. Đại ý

Từng nghe đạo lớn rộng lặng, bất động, nên không hình tướng, không ngôn từ; nhưng cảm thì liền ứng, nên có danh tự, có giáo thuyết. Vì thế, khó thể nghe được một bài kệ bốn câu, mà vẫn dễ vào cõi tam thiên⁴⁶ đang bị lửa đốt. Mong người tu hãy một mình trong đêm thanh vắng, trăng sáng trong, ngâm tụng kinh điển, âm giọng bổng trầm, văn tự rõ ràng, lời hay ý tuyệt, âm điệu hài hòa, phù hợp lòng người, lợi ích muôn loài, khéo làm cho tâm thức phấn khởi, tinh thần vui vẻ. [09a] Nên đọc kỹ đến thuộc lòng, thấu suốt văn nghĩa, cung kính siêng năng đọc tụng, chí thành thâm cảm. Phải tin tưởng và biết rằng thụ trì một bài kệ sẽ được phúc đức rộng lớn, biên chép một câu kinh sẽ được công đức nhiều kiếp. Bởi thế nên, Ca-diếp⁴⁷ cung kính thụ trì, chẳng tiếc lột da; Tát-đà tâm thành ưa thích, không từ tuôn máu.

Đây là cửa đầu tiên để giải thoát, là đức cuối cùng để nhập đạo.

I.2.2. Điều kiện thuyết pháp

Bước lên tòa giảng, trước hết vị pháp sư phải lễ kính tam bảo, lắng tâm, xét thời và xác định người nghe, khởi tâm từ bi muốn cứu giúp chúng sinh, sau đó, mới giảng thuyết. Do đó, kinh *Báo ân* ghi: “Người nghe ngồi mà người nói đứng thì không nên giảng. Nếu người nghe tìm lỗi của người nói thì cũng không nên giảng. Nếu người nghe căn cứ theo người mà không căn cứ theo pháp, hoặc căn cứ theo chữ mà không căn cứ theo nghĩa, hoặc căn

⁴⁶ Cõi Tam thiên (Tam thiên thế giới 三千世界; Cg: Tam thiên đại thiên thế giới; S: tri-sāhasra-mahā-sāhasra-loka-dhātu): cõi Tam thiên đại thiên. Vũ trụ quan của người Ấn Độ thời xưa. Lấy núi Tu-di làm trung tâm, chung quanh có bốn đại châu và chín lớp núi, tám lớp biển là một Tiểu thế giới, một nghìn Tiểu thế giới hình thành một Tiểu thiên thế giới, một nghìn Tiểu thiên thế giới hợp thành một Trung thiên thế giới, một nghìn Trung thiên thế giới hợp thành Đại thiên thế giới, vì Đại thiên thế giới này có ba loại thiên thế giới là tiểu, trung và đại tập hợp thành nên gọi là Tam thiên đại thiên thế giới.

⁴⁷ Ca-diếp 迦葉 (S:Mahā-kāśyapa): một trong mười đại đệ tử của Đức Phật, ngài là vị tu hạnh đầu đà bậc nhất.

cứ theo kinh không liễu nghĩa mà chẳng căn cứ theo kinh liễu nghĩa, hoặc nương theo tình thức mà không nương theo trí tuệ, thì cũng không nên giảng. Vì sao? Vì người ấy không thể cung kính pháp thanh tịnh của các Đức Phật và bồ-tát”.

Nếu người nói tôn trọng pháp, người nghe cũng có lòng sùng kính, chí tâm nghe, không khinh thường, đó là giảng pháp một cách thanh tịnh.

Luật *Ngũ phân* ghi: “Lập các tâm: tâm trừ tham dục, tâm không tự xem thường mình, tâm không xem thường người khác, tâm từ, tâm hỉ, tâm muốn làm lợi ích cho người, tâm bất động, cho đến giảng nói một bài kệ bốn câu khiến người thật tâm nghe và hiểu rõ đúng như thật, thì người nói được an vui lâu dài, lợi ích vô lượng”.

Kinh *Niết-bàn* ghi: “Nếu có người thụ trì, đọc tụng, giảng dạy kinh Phật, không đúng thời, không đúng chỗ, không có người thỉnh mà thuyết, có tâm khinh thường pháp, xem thường người khác, tự ca ngợi mình giảng pháp khắp mọi chỗ, dẫn đến ngược lại là hủy diệt Phật pháp, làm cho vô số người sau khi chết phải đọa địa ngục, thì đó là ác tri thức của chúng sinh”.

Luật *Thập tụng* ghi: “Có năm hạng người sau đây hỏi pháp thì không nên giảng và cũng không được đối đáp với họ: một, người hỏi thử; hai, người không nghi mà hỏi; ba, người không vì hỏi hận về tội lỗi đã tạo mà hỏi; bốn, người hỏi mà không lắng nghe; năm, người hỏi để gây khó dễ.

Nếu có người thật sự hảo tâm, không có những ý như nói trên, chỉ vì muốn khởi tâm thiện, trừ bỏ tâm ác, thì pháp sư nên tùy căn cơ họ mà dùng phương tiện và hảo tâm giảng nói cho họ nghe. Nếu pháp sư hiểu chưa thấu đáo hoặc còn nghi ngờ, thì không được nói cho họ nghe, vì sợ rằng người giảng mắc lỗi truyền dạy sai lầm, khiến cả hai đều mắc tội”.

[09b] Kinh *Ưu-bà-tắc giới* ghi: “Đức Phật dạy:

- Người trụ đúng pháp thì có khả năng tự lợi lẫn lợi tha. Người trụ không đúng pháp thì không thể tự lợi và lợi tha. Người trụ đúng pháp có tám trí: một, pháp trí; hai, nghĩa trí; ba, thời trí; bốn, tri túc trí; năm, tự tha trí; sáu, chúng trí; bảy, căn trí; tám, thượng hạ trí.

Người có đầy đủ tám trí như trên, hễ nói điều gì thì đều có đủ mười sáu yếu tố:

1. Hợp thời
2. Chí tâm
3. Có thứ tự
4. Hòa hợp
5. Thuận nghĩa
6. Vui vẻ
7. Thuận ý
8. Không khinh mọi người
9. Không trách mọi người
10. Đúng pháp
11. Vì tự lợi và lợi tha
12. Không tán loạn
13. Hợp nghĩa
14. Ngay thật
15. Nói rồi không kiêu ngạo
16. Nói rồi không cầu phúc báo đời sau”.

Những người giảng có đầy đủ mười sáu việc như thế thì có thể nghe theo.

Kinh *Chính pháp niệm ghi*: “Nếu có chúng sinh chân chính tu tập nghiệp thiện, nói một bài kệ cho người tà kiến nghe, khiến họ khởi lòng thanh tịnh, tin Phật thì chúng sinh ấy lúc qua đời sẽ sinh vào cõi trời Ứng

Thanh⁴⁸ hưởng hạnh phúc, sau đó người ấy lại tùy nghiệp mà luân hồi. Nếu vì cầu tiền của mà thuyết pháp cho người nghe, nhận tiền của không vì lòng từ bi muốn làm lợi ích cho chúng sinh, mà vì để uống rượu, hoặc vì để ăn uống chung với phụ nữ, giống như cách các kỹ nữ bán mình lấy tiền, thì pháp thí này có rất ít phúc báo, chỉ được sinh lên trời làm loài chim có trí tuệ biết nói kệ. Đó là pháp thí hạ phẩm”.

Thế nào là pháp thí trung phẩm? Đó là vì danh tiếng, vì muốn hơn người, vì muốn hơn các đại pháp sư mà thuyết pháp cho người nghe; hoặc thuyết pháp với tâm không thanh tịnh. Loại pháp thí như thế cũng được phúc báo nhỏ, chỉ được sinh lên trời hưởng quả báo bậc trung, hoặc sinh làm người.

Thế nào là pháp thí thượng phẩm? Đó là thuyết pháp cho người nghe với tâm thanh tịnh, vì muốn mở mang trí tuệ cho chúng sinh, không vì lợi lộc mà vì muốn giúp cho chúng sinh tà kiến được sống trong chính pháp. Loại pháp thí như thế được lợi cho mình lẫn cho người, là cao thượng nhất, cho đến khi vào niết-bàn, sẽ được phúc báo vô tận.

Kinh *Ca-diếp* ghi: “Bấy giờ, Đức Phật nói kệ:

Đem tất cả châu báu

Đầy khắp cõi tam thiên,

Mà bố thí tất cả,

Chỉ được công đức nhỏ.

[09c] *Nếu giảng kệ một bài,*

Được rất nhiều công đức.

Âm nhạc trong tam giới,

Thí hết cho một người,

⁴⁸ Trời Ứng Thanh (Ứng Thanh thiên 應聲天; Cg: Tha Hóa Tự Tại thiên; S: Para-nirmita-vaśa-vartin): tầng trời thứ sáu trong sáu tầng trời cõi Dục. Cõi trời này nhờ niềm vui mà người khác hóa độ được để thành tựu niềm vui của mình.

*Thua thí một bài kệ,
Công đức được cùng tột.
Công đức này hơn kia,
Lìa được các khổ đau.
Hoặc đem muôn châu báu
Đầy khắp hà sa cõi
Mà cúng dường chư Phật,
Đâu bằng thí một pháp,
Thí báu, tuy phúc nhiều,
Còn thua thí một pháp.
Thí một kệ: phúc to,
Nhiều kệ sao tính nổi? ”.*

Luận *Thập trụ tì-bà-sa* ghi: “Người tại gia nên thực hành tài thí, người xuất gia nên thực hành pháp thí. Vì sao? Vì người tại gia bố thí pháp không thuận lợi bằng người xuất gia, bởi lòng tin của người nghe pháp đối với người tại gia cạn mỏng hơn đối với người xuất gia. Hơn nữa, người tại gia có nhiều tiền của, trong khi người xuất gia đọc tụng thông suốt kinh điển; do đó, người xuất gia hơn hẳn người tại gia về điểm giảng giải giữa đại chúng mà không sợ sệt. Thêm nữa, người tại gia cũng không làm cho người nghe có tâm cung kính bằng người xuất gia, người tại gia cũng hàng phục nhân tâm kém hơn người xuất gia”. Như bài kệ:

*Tự tu đạo trước đã,
Sau đem dạy mọi người,
Mới được nói như vậy:*

“Ông nên làm theo tôi”.

Mình làm việc bất thiện,

Dạy tu thiện được sao?

Tự chẳng được tịch diệt,

Dạy tịch diệt được chẳng?

Ngoài ra, nếu người xuất gia thực hành tài thí thì trở ngại các thiện hạnh khác, lại phải lìa xa nơi thanh tịnh để vào xóm làng cùng làm việc với người tại gia và chuyện trò nhiều thì sẽ sinh phiền não, tâm kém chuyên chú vào hạnh giải thoát như lục độ v.v..., thậm chí lại còn tham đắm ngũ dục, xả giới hoàn tục, đó là chết; hoặc có thể phạm giới, dễ sinh tội nặng. Đó là các phiền não khổ đau như bị chết v.v... Vì các nguyên nhân ấy, đối với người xuất gia thì ca ngợi pháp thí, đối với người tại gia thì ca ngợi tài thí.

Kinh *Kim quang minh* ghi: “Người thuyết pháp có năm việc:

1. Pháp thí được lợi mình lẫn lợi người; tài thí không được như thế.
2. Pháp thí có thể giúp chúng sinh ra khỏi tam giới; tài thí không ra khỏi Dục giới.
3. Pháp thí có lợi ích cho pháp thân; tài thí nuôi dưỡng sắc thân.
4. Pháp thí giúp tăng trưởng không cùng tận; tài thí chắc chắn có lúc cạn sạch.

[10a] 5. Pháp thí có khả năng trừ dứt vô minh; tài thí chỉ hàng phục lòng tham”.

Do đó, tài thí không bằng pháp thí. Nhưng pháp thí, cũng có thứ bậc. Nếu hiểu biết mà không giúp người khác biết, vì sợ người khác hơn mình, thì đời vị lai sẽ thường không được nghe pháp.

Luận *Đại trí độ* ghi: “Người xén tiếc pháp thì thường sinh ở vùng ven hoặc ở nơi không có Phật pháp. Do xén tiếc pháp, nên chướng ngại sự hiểu biết của người khác. Nếu người như vậy thì thua cả kẻ bán pháp cho người khác”.

Kinh *Chư pháp dũng vương* ghi: “Nếu tất cả chúng sinh dưới nước, trên cạn, hay trên không trung trong cõi Diêm-phù-đề đều được thân người, có người nào dạy tất cả họ an trụ trong ngũ giới và thập thiện, thì người ấy được công đức không bằng người dạy một người biết tin tưởng và tu hành”.

Luận *Thập trụ ti-bà-sa* ghi: “Bồ-tát nên xa lìa bốn pháp có thể làm giảm sút trí tuệ:

1. Không kính trọng pháp và người thuyết pháp.
2. Giấu kín và xén tiếc yếu pháp.
3. Tạo chướng ngại, phá ý muốn nghe pháp của người ưa thích pháp.
4. Có lòng kiêu ngạo, tự cao, xem thường người.

Bồ-tát phải nên thường xuyên tu tập bốn pháp giúp đạt trí tuệ:

1. Cung kính pháp và người thuyết pháp.
2. Tâm thanh tịnh giảng nói cho người khác nghe pháp đúng như mình đã được nghe và đọc tụng.
3. Biết rằng từ học rộng mà phát sinh trí tuệ, cho nên siêng năng cầu học không ngừng, giống như cứu lửa cháy đầu.
4. Thụ trì không quên pháp đã được nghe. Trọng sự thực hành theo lời dạy, không trọng việc bàn luận những lời ấy”.

I.2.3. Nhân duyên nghe pháp

Muốn nghe pháp, phải thật lòng kính pháp, trọng người, chí thành muốn xa lìa phiền não, không cầu pháp hữu vi trời và người. Do đó, trong kinh *A-hàm*, Đức Phật nói kệ:

Người nghe chú tâm như khát uống,

Từng lời từng nghĩa chẳng dám buông.

Nghe pháp, xúc động, mừng vô hạn,

Thuyết cho người này chẳng luống công.

Kinh *Ưu-bà-tắc* ghi: “Khi nghe người giảng pháp, phải có mười sáu điều:

1. Đúng lúc.
2. Ưa thích.
3. Chí tâm.
4. Cung kính.
5. Không nhằm vạch tìm lỗi của người.
6. Không nhằm bàn luận.
7. Không vì hiếu thắng.
8. Không khởi tâm xem thường người nói.
9. Không có tâm xem thường pháp.
10. Không tự khinh mình.
- [10b]** 11. Tâm xa lìa ngũ cái⁴⁹.

⁴⁹ Ngũ cái 五蓋 (S: pañca āvaraṇāni): năm thứ phiền não ngăn che chân tính của con người. Đó là tham dục, sân khuê, hôn trầm thùy miên, trạo cử và nghi.

12. Để thụ trì và đọc tụng.

13. Để dẹp trừ ngũ dục.

14. Tín tâm.

15. Để biết mà dạy bảo chúng sinh.

16. Để dứt trừ sự ngu dốt.

Này, thiện nam tử! Người đủ tám trí thì có khả năng nghe và nói pháp. Người như thế có thể làm lợi mình và lợi người”.

Kinh *A-dục vương* ghi: “Ngày xưa, vua A-thứ-già sai một vị đạo nhân thuyết pháp. Nhà vua thường dùng binh phong chắn ngang, rồi cho phụ nữ đến nghe pháp ở phía sau. Bấy giờ, pháp sư thường giảng cho các phụ nữ nghe về bố thí, giới và việc sinh lên trời.

Có một phụ nữ trái lệnh vua, khởi tâm kính ngưỡng đến gần pháp sư, thưa hỏi:

- Khi giác ngộ các pháp ở góc bờ-đề, Đức Như Lai Đại Giác đã chứng ngộ pháp thí và giới chăng? Hay Ngài còn chứng ngộ các pháp khác nữa?

Pháp sư đáp:

- Đức Phật giác ngộ rằng tất cả pháp hữu vi đều là khổ, giống như sắt bị nóng chảy. Nỗi khổ ấy do thói quen lâu ngày sinh ra, cũng như cây độc. Phải tu tập bát chính đạo để diệt khổ đế và tập đế.

Người phụ nữ nghe những lời ấy liền chứng được quả Tu-đà-hoàn, bèn lấy dao buộc vào cổ mình, rồi đến cung vua, tâu:

- Nay tôi đã phạm tội nặng. Xin đại vương dùng vương pháp trị tội!

Vua nói:

- Người phạm tội gì?

- Tôi vi phạm lệnh vua cấm đến chỗ của đạo nhân. Giống như con bò khát nước không sợ chết, tôi thật sự khao khát Phật pháp, vì thế, tôi mạo hiểm đi nghe giảng pháp.

Vua hỏi:

- Khi nghe pháp, người lĩnh hội được những gì?

- Tôi lĩnh hội được bốn chân đế, hiểu được âm, nhập, giới và các đại đều là vô ngã và chúng được pháp nhãn.

Vua nghe nói thế, phấn khởi vui mừng, liền lễ lạy và ra lệnh:

- Từ nay về sau, ta không cho phép kẻ nào ngăn cản người ưa thích nghe pháp. Người nào muốn nghe, cứ đến thẳng trước mặt pháp sư mà nghe giảng.

Vua lại khen:

- Lạ thay! Trong cung của ta mới xuất hiện nhân bảo⁵⁰.

Vì nhân duyên ấy, nên biết việc nghe pháp có lợi ích lớn”.

Kinh *Tạp bảo tạng* ghi: “Nước Bát-già-la đem hiến vua Ba-tư-nặc năm trăm chim nhạn trắng. Nhà vua sai người đưa số chim ấy đến tinh xá Kỳ-hoàn. Cứ đến giờ ăn, thấy chư tăng bày thức ăn mới khát thực được ra, năm trăm con chim nhạn liền bay đến đậu trước mặt chư tăng. Khi ấy, Đức Phật dùng một ngôn ngữ thuyết pháp, nhưng bất kì loài nào nghe cũng đều hiểu cả. Bầy chim nhạn cũng hiểu lời Phật, nghe pháp Phật giảng, rất vui mừng, cùng hòa giọng hót vang, rồi bay về ao nước. Về sau, khi lông đã mọc dài, chúng bay đến nơi khác, bị thợ săn giăng lưới bắt giết hết cả. Khi bị bắt, một con nhạn cất tiếng thì cả bầy hòa theo hót vang những âm thanh mà chúng thường hót lúc nghe pháp. Nhờ tâm thiện ấy, bầy nhạn được sinh lên trời Đao-lợi làm các thiên tử.

⁵⁰ Nhân bảo 人寶: từ khen ngợi Đức Phật là của báu trong loài người. Ở đây chỉ cho người phụ nữ nghe pháp và chứng quả Tu-đà-hoàn.

[10c] Hễ sinh lên trời thì có ba điều phải nhớ nghĩ: nhớ nghĩ mình vốn từ đâu đến; nhớ nghĩ đến nơi mình muốn sinh về; nhớ nghĩ thân trước đã tạo nghiệp gì để nay được sinh lên trời.

Khi ấy, năm trăm vị thiên tử tự suy nghĩ thấy đời trước mình chẳng tu được nghiệp thiện gì ngoài việc ở cạnh Phật và chur tăng nghe giảng pháp. Nghĩ thế xong, họ liền cùng xuống cõi Diêm-phù-đề, đến chỗ Đức Phật nghe giảng pháp, tất cả đều chứng được quả Tu-đà-hoàn.

Thời ấy, vua Ba-tu-nặc thường đến chỗ Đức Phật, cũng thường trông thấy năm trăm con chim nhận đậu trước Đức Phật. Hôm ấy, nhà vua không trông thấy bầy chim, bèn hỏi Đức Phật:

- Bầy nhận hôm nay đã bay đi đâu?

Đức Phật nói:

- Bầy nhận, đại vương muốn thấy đó đã bay đi nơi khác và bị thợ săn giết hết cả. Sau đó, chúng được sinh lên trời, nay chính là năm trăm thiên tử tuần tú đội thiên quan đang ở đây. Hôm nay, họ nghe pháp và đều chứng được quả Tu-đà-hoàn.

Nhà vua hỏi:

- Bầy nhận ấy vì nhân duyên gì mà phải đọa làm súc sinh, đến khi qua đời được sinh lên trời và hôm nay chúng được đạo quả?

Phật bảo:

- Xưa kia, vào thời Phật Ca-diếp, có năm trăm phụ nữ cùng thụ giới, rồi vì lòng tin không bền chắc nên đã phạm giới, vì thế họ bị đọa kiếp súc sinh, làm những con nhận ấy. Nhờ nhân duyên thụ giới trước đó, bầy nhận được gặp Như Lai nghe pháp và chứng đạo. Nhờ nhân duyên làm kiếp nhận nghe pháp nên chúng được sinh lên trời”.

Kinh *Cưu tap thí dụ* ghi: “Ngày xưa, có một vị sa-môn tụng kinh suốt ngày đêm. Có một con chó thường nằm dưới gầm giường để hết tâm nghe kinh, quên cả việc ăn. Cứ như thế trong nhiều năm, sau khi chết, con chó được sinh làm người nữ, trong thành Xá-vệ. Lớn lên, cô gái ấy trông thấy một vị

sa-môn đi khất thực, liền đem thức ăn đến cúng dường vị sa-môn. Về sau, cô gái xuất gia làm tì-kheo-ni, chúng được quả A-la-hán”.

Kinh *Phó pháp tạng* ghi: “Đức Phật nói:

- Tất cả chúng sinh muốn thoát khỏi biển cả sinh tử tam giới, cần phải nhờ thuyền pháp. Pháp là gió mát xua tan hơi nóng phiền não. Pháp là thuốc tốt chữa lành bệnh phiền não. Pháp là thiện tri thức chân thật của chúng sinh, đem lại lợi ích lớn, giúp trừ các đau khổ. Vì sao? Vì tất cả chúng sinh đều có tâm tính bất định, theo thói quen, gần gũi người thiện thì có tính thiện, ở gần người ác thì có tính ác. Nếu ở gần bạn ác, chúng sinh tạo nghiệp ác sẽ bị lưu chuyển trong sinh tử không có giới hạn. Nếu ở gần bạn tốt, chúng sinh khởi lòng tin kính, nghe và thụ trì diệu pháp, chắc chắn lìa được khổ đau trong ba đường. Do công đức ấy, người này được hưởng niềm vui tốt đẹp nhất.

Xưa kia, vua nước Hoa Thị có một con voi trắng thường hay giết kẻ thù địch. Nếu ai phạm tội, nhà vua thường cho con voi ấy đâm chết. Về sau, vì chuồng voi bị cháy rụi, nhà vua cho dời nó đến gần một ngôi chùa. Từ đó, con voi thường được nghe các tì-kheo tụng kinh *Pháp cú*:

[11a] *Làm lành sinh lên trời*

Làm ác đọa địa ngục.

Được nghe pháp, tâm nó trở nên nhu hòa, hiền lành. Nhà vua sai đưa tội nhân đến chỗ nó, nó chỉ lấy mũi người, lấy lưỡi liếm, rồi bỏ đi, không chịu giết. Thấy thế, nhà vua hoảng sợ trong lòng, liền gọi các quan vào triều cùng bàn việc ấy. Một vị quan hiểu rộng tâm:

- Con voi này ở gần chùa, được nghe diệu pháp nên mới như thế. Nay nên đem buộc nó ở gần lò mổ súc vật.

Nhà vua liền áp dụng theo lời tâm ấy. Con voi trắng nhìn thấy cảnh giết mổ súc vật, tâm nó trở nên rất hung ác, giết hại tàn bạo hơn trước nhiều.

Vì thế, nên biết tâm tính tất cả chúng sinh không cố định. Súc sinh còn như thế, nghe pháp thì hiền lành, thấy cảnh giết chóc thì trở nên thích tàn hại,

huống gì con người. Do đó, người trí thấy kẻ ác thì nên lià bỏ, thấy người thiện thì nên gần gũi, siêng năng nghe kinh pháp.

Ngày xưa, có một bà-la-môn đem rất nhiều sọ người đến thành Hoa Thị, rao bán trên khắp các đường phố, nhưng rao mãi mà chẳng có ai mua. Lúc ấy, bà-la-môn hết sức giận dữ, cất cao giọng chửi:

- Người trong thành này thật tối tăm, ngu dốt. Nếu không ai đến mua sọ người của ta thì ta sẽ nguyện a!

Các cư sĩ nam trong thành nghe thấy thế, sợ bị chửi mắng, liền đem tiền đến mua sọ người. Họ dùng đũa đồng xuyên qua tai các sọ người. Nếu cái sọ nào xuyên qua được thì họ trả giá cao, cái nào xuyên được phân nửa thì trả giá thấp hơn, cái nào không xuyên qua được thì không trả tiền.

Người bà-la-môn nói:

- Những sọ người này đều giống nhau, tại sao lại trả giá khác nhau?

Các cư sĩ ấy đáp:

- Những cái sọ xuyên qua được, là sọ của người lúc còn sống đã nghe và thụ trì diệu pháp mà có trí tuệ cao xa. Bởi thế, chúng tôi mua giá cao. Cái sọ nào xuyên qua được một nửa là sọ người tuy nghe kinh pháp, nhưng chưa hiểu rõ. Do đó, chúng tôi trả giá thấp hơn. Còn cái nào không xỏ qua được đều là sọ của người ngày xưa không nghe kinh pháp. Do đó, chúng tôi không mua.

Bấy giờ, các cư sĩ mang những sọ người ấy ra ngoài thành, xây tháp cúng dường. Về sau, khi qua đời, tất cả các cư sĩ nam ấy đều được sinh lên trời. Bởi nhân duyên ấy, nên biết diệu pháp có công đức lớn. Những cư sĩ xây tháp cúng dường sọ của những người nghe pháp còn được sinh lên trời, huống gì người thường chí tâm nghe kinh pháp và cúng dường người cung kính thụ trì kinh. Phúc báo của người ấy thật khó kể xiết, chắc chắn đời vị lai sẽ thành tựu đạo vô thượng”.

Thế nên, người trí muốn được an lạc cùng tột, phải nên chí tâm siêng năng nghe kinh pháp.

Kinh *Hiền ngu* ghi: “Ngày xưa, lúc Phật còn tại thế, trưởng giả Tu-đạt ở nước Xá-vệ là vị thí chủ kính tin Phật pháp. Ông ta cung cấp mọi thứ cần dùng cho chư tăng. [11b] Trong nhà ông Tu-đạt có hai con chim anh vũ; một con tên Luật-đề, con kia tên Xa-luật-đề. Chúng đều thông minh, hiểu tiếng người; hễ thấy tì-kheo đến nhà, chúng luôn báo trước để người trong nhà ra đón tiếp. Về sau, ngài A-nan đến nhà ông Tu-đạt, thấy hai con chim thông minh, bèn giảng cho chúng nghe pháp tứ đế. Nghe pháp xong, chúng bay lên cành cây trước nhà, vui vẻ tụng trì. Đêm ấy, chúng nghỉ trên cây, bị chồn ăn thịt. Nhờ căn lành ấy, chúng được sinh lên trời Tứ Thiên Vương; khi hết tuổi thọ ở đó, họ sinh vào cõi trời Đao-lợi; hết tuổi thọ ở trời Đao-lợi, họ sinh vào cõi trời Dạ-ma; khi hết tuổi thọ ở trời Dạ-ma, họ sinh vào cõi trời Đâu-suất; khi hết tuổi thọ ở trời Đâu-suất, họ sinh vào cõi trời thứ sáu Tha Hóa Tự Tại; khi hết tuổi thọ ở trời Tha Hóa Tự Tại, họ lại sinh vào cõi trời Hóa Lạc. Rồi lần lượt theo thứ lớp, họ sinh trở xuống đến cõi trời Tứ Thiên Vương; khi tuổi thọ ở trời này hết, họ lại lần lượt sinh trở lên đến cõi trời Tha Hóa Tự Tại. Trải qua bảy lần sinh lên và xuống như thế trong sáu cõi trời Dục, họ tự do hưởng sự vui sướng đến hết tuổi thọ, không bị chết yểu. Về sau, họ qua đời và sinh vào cõi người, xuất gia tu hành, thành Bích-chi Phật; một vị tên Đàm-ma, vị kia tên Tu-đàm-ma”.

Kinh *Hiền ngu* ghi: “Ngày xưa, lúc Phật còn tại thế, có một vị tì-kheo ở trong rừng, thường xuyên tụng kinh. Giọng tụng của vị ấy thật thanh thoát. Bấy giờ, có một con chim nghe tụng pháp, sinh lòng kính mến, thường đậu trên cây để lắng nghe. Một hôm, chim bị thợ săn bắn chết. Nhờ căn lành nghe pháp ấy, nó được sinh lên trời Đao-lợi, làm vị thiên tử có dung mạo xinh đẹp, hào quang rực rỡ không ai sánh bằng. Tự biết túc mạng của mình nhờ nghe tì-kheo tụng kinh pháp nên được sinh vào cõi trời này, vị thiên tử liền đến chỗ tì-kheo kia để cung kính lễ lạy, thăm hỏi, dâng hương và hoa trời cúng dường. Vị tì-kheo kia hỏi rõ và biết sự việc, liền bảo vị trời ấy ngồi xuống và giảng cho nghe pháp, khiến vị trời ấy chúng được quả Tu-đà-hoàn”.

Loài cầm thú nghe pháp còn được phúc báo vô biên, huống gì người tín tâm nghe pháp, lẽ nào không được quả báo lành.

Luật *Thiện kiến* ghi: “Thuở xưa, lúc còn tại thế, một lần Đức Phật đến bên ao Già-la ở nước Chiêm-ba-la giảng pháp cho mọi người nghe. Khi ấy, có

một con cóc ở trong ao nghe tiếng Phật giảng pháp, bèn ra khỏi ao, chui vào bụi cỏ để nghe. Cùng lúc ấy, có một người cầm gậy chặn bò, thấy Đức Phật ở trên tòa giảng pháp, liền đến chỗ Đức Phật lắng nghe. Khi cầm gậy xuống đất để đứng nghe giảng, người ấy cầm nhầm vào đầu con cóc, khiến nó chết ngay tại chỗ. Con cóc liền được sinh lên trời Đao-lợi. Nhờ phúc báo, vị trời ấy được hưởng hạnh phúc cùng với các thiên nữ trong cung điện dài và rộng đến mười hai do-tuần. Vị trời ấy từ cung điện xuống đến chỗ Đức Phật, lạy sát chân Phật. Đức Phật đã biết nhưng vẫn hỏi:

[11c] - Người là người ở đâu, sao có thần thông, tướng hảo và ánh sáng không ai bằng, chiếu đến chỗ này, lại bỗng nhiên lễ chân Ta?

Vị trời ấy đáp bằng kệ:

Ngày xưa là thân cóc,

Kiểm ăn trong ao nước,

Nghe tiếng Phật giảng pháp,

Con chui vào bụi cỏ.

Có một người chặn bò,

Cầm gậy đến nghe pháp,

Cầm gậy nhầm đầu con,

Con chết, sinh lên trời.

Khi vị trời nói kệ xong, Đức Phật giảng bài kệ ấy cho tứ chúng nghe. Bảy giờ, tám mươi bốn nghìn người đều được kiến đạo, vị trời chứng được quả Tu-đà-hoàn. Tất cả đều vui vẻ lui ra”.

I.2.4. Tiệm và đôn

Kinh *Bách dụ* ghi: “Xưa kia, tại một ngôi làng cách kinh thành nước nọ năm do-tuần, có một nguồn nước rất ngon ngọt. Nhà vua ra lệnh cho người làng ấy hàng ngày phải mang thứ nước ấy vào cung. Mọi người trong làng

rất vất vả vì việc ấy, nên đều muốn bỏ làng ra đi. Bấy giờ, trưởng làng bảo mọi người:

- Các người đừng bỏ đi! Tôi sẽ tâu vua xin sửa khoảng cách năm do-tuần thành ba do-tuần, để mọi người mang nước đi lại gần hơn, bớt mệt nhọc hơn.

Ông ta liền vào cung tâu và nhà vua liền ra lệnh sửa thành ba do-tuần. Mọi người trong làng ấy sau khi nghe lệnh đều rất vui mừng. Sau đó, có người bảo rằng: ‘Vốn chỉ là năm do-tuần, không có gì khác’. Tuy nghe lời này, nhưng vì quá tin vào lời của vua, nên họ vẫn không chịu bỏ.

Người đời cũng như thế, khi tu hành chính pháp để vượt khỏi năm đường⁵¹, hướng đến niết-bàn thường sinh lòng chán mỏi, muốn bỏ việc tu tập, dừng nơi bờ sinh tử, không tiến tu. Đức Như Lai Pháp Vương có phương tiện rộng lớn, tùy căn cơ chúng sinh mà chia pháp nhất thừa thành ba thừa để giảng dạy. Người căn cơ Tiểu thừa nghe pháp ấy rất vui mừng, cho là dễ thực hành, bèn tu thiện, tiến đức để cầu vượt thoát sinh tử. Về sau, họ nghe người khác nói rằng không có ba thừa vì ba thừa chính thật là một thừa thôi. Nhưng vì tin lời Phật giảng trước đó, nên họ không chịu bỏ quan niệm cũ. Như thế, họ cũng giống như những người trong làng kia”.

Kinh *Hoa nghiêm* ghi: “Này Phật tử! Thí dụ như mặt trời mọc, trước hết chiếu đến tất cả những ngọn núi chúa, kế đến chiếu đến các núi báu kim cương, sau đó mới chiếu khắp mặt đất. Ánh sáng mặt trời không nghĩ: ‘Ta phải chiếu trước hết các ngọn núi chúa, rồi sau đó mới chiếu khắp mặt đất’. Nhưng bởi núi và mặt đất cao thấp khác nhau, nên có sự chiếu sáng trước và sau. [12a] Đức Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chính Giác cũng như thế, thành tựu mặt trời trí tuệ soi sáng vô lượng pháp giới, thường phóng vô lượng ánh sáng trí tuệ vô ngại, đầu tiên chiếu đến các ngọn núi chúa là các bồ-tát v.v., kế đó, chiếu đến các vị duyên giác, rồi đến các thanh văn; kế đó, chiếu đến các chúng sinh có căn lành chắc chắn, tùy ứng mà họ được giáo hóa; sau đó, chiếu đến tất cả chúng sinh, ngay cả chúng sinh tà kiến. Vì tạo nhân duyên lợi ích cho đời vị lai, mặt trời trí tuệ Như Lai không nghĩ rằng Ta sẽ chiếu trước hết đến bồ-tát..., đến cả chúng sinh tà kiến, nhưng phóng ánh sáng trí tuệ rực rỡ chiếu khắp tất cả.

⁵¹ Năm đường (ngũ đạo 五道; S: pañca gatayah): năm nơi mà loài hữu tình hướng đến như trời, người, địa ngục, ngã quỷ, súc sinh.

Này Phật tử! Giống như mặt trời, mặt trăng mọc ở thế gian, cho đến núi sâu, hang thẳm đều chiếu khắp, mặt trời trí tuệ của Như Lai cũng như thế, chiếu sáng khắp tất cả. Nhưng vì sự mong cầu cũng như căn lành của chúng sinh không giống nhau nên họ thấy ánh sáng trí tuệ của Như Lai đều khác nhau”.

Kinh *Niết-bàn* ghi: “Không hề có việc lìa bốn pháp mà đạt được niết-bàn. Bốn pháp ấy là gì? Đó là:

1. Gần gũi thiện tri thức,
2. Chuyên tâm nghe pháp,
3. Tập trung tâm ý suy nghĩ,
4. Tu hành đúng như pháp”.

Vì nghĩa ấy, nghe pháp là nhân duyên đến gần đại bát-niết-bàn. Vì sao? Vì nghe pháp giúp mở được pháp nhãn. Ở thế gian có ba hạng người: một, người không có mắt (*ví dụ cho người phàm phu*); hai, người có một mắt (*ví dụ cho hàng thanh văn*); ba, người có hai mắt (*ví dụ cho các bồ-tát*). Người không có mắt là người thường không nghe pháp. Người có một mắt là người tuy tạm thời nghe pháp nhưng tâm không trụ nơi pháp. Người có hai mắt là người chuyên tâm nghe pháp và thực hành đúng theo pháp được nghe. Từ việc nghe pháp mà biết ba hạng người như thế ở thế gian.

I.2.5. Cầu pháp

Kinh *Tạp bảo tạng* ghi: “Phật pháp rộng lớn, cứu độ chúng sinh không cùng tận. Người chí tâm cầu đạo đều được chứng quả, đến cả người cười đùa Phật pháp cũng được phúc báo”.

Ngày xưa, có vị ti-kheo quá già, tinh thần không còn minh mẫn. Một hôm, nghe các ti-kheo trẻ tuổi giảng bốn quả⁵² sa-môn, vị ti-kheo già sinh lòng ưa thích, bảo các ti-kheo trẻ:

- Các ông thông minh, xin giảng cho tôi nghe bốn quả sa-môn.

⁵² Bốn quả (tứ quả 四果): bốn quả vị mà hàng thanh văn thuộc Tiểu thừa chứng được. Giai đoạn theo thứ lớp như quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán.

Các tì-kheo ấy ngu dốt, nhưng nói:

- Tôi có bốn quả sa-môn, nhưng ông phải đãi chúng tôi một bữa ăn ngon, rồi chúng tôi mới cho ông.

Nghe vậy, vị tì-kheo già vui mừng, liền sửa soạn nhiều món ăn ngon, rồi mời các tì-kheo trẻ đến để cầu xin bốn quả sa-môn.

Sau khi ăn xong, họ bắt đầu đùa vị tì-kheo già, nói:

- Đại đức! Ông hãy ngồi ở góc nhà này, tôi sẽ cho ông quả ấy.

[12b] Nghe vậy, vị tì-kheo già vui mừng, ngồi y theo lời các tì-kheo trẻ. Các tì-kheo trẻ liền dùng quả cầu da đánh vào đầu vị tì-kheo già và nói:

- Đây là quả Tu-đà-hoàn.

Nghe xong, tì-kheo già tập trung tâm ý không tán loạn, liền chứng được Sơ quả.

Các tì-kheo trẻ lại đùa, nói:

- Tuy tôi đã cho ông quả Tu-đà-hoàn, nhưng ông còn phải qua bảy lần sinh, bảy lần chết nữa. Hãy dời sang ngồi ở góc nhà khác, tôi sẽ cho ông tiếp quả Tu-đà-hàm.

Vị tì-kheo già vừa chứng được Sơ quả, đạo tâm càng tăng tiến, liền dời chỗ ngồi. Các tì-kheo trẻ lại dùng quả cầu da đánh vào đầu vị ấy và nói:

- Cho ông Nhị quả đây!

Vị tì-kheo già càng chú tâm suy niệm hơn và liền chứng Nhị quả. Các tì-kheo trẻ lại nói đùa:

- Nay ông đã được quả Tu-đà-hàm, nhưng vẫn còn vướng nạn qua lại sinh tử. Ông hãy chuyển chỗ ngồi, tôi sẽ cho ông quả A-na-hàm.

Vị tì-kheo già liền theo lời bảo, chuyển chỗ ngồi. Các tì-kheo trẻ lại dùng quả cầu da đánh tì-kheo già và bảo:

- Nay tôi cho ông quả thứ ba.

Nghe xong, tì-kheo già vui mừng, càng chú tâm suy niệm nhiều hơn, liền chứng quả A-na-hàm.

Các tì-kheo trẻ lại nói đùa:

- Nay ông đã được quả Bất hoàn, nhưng còn phải thụ thân hữu lậu ở cõi Sắc và cõi Vô sắc, nên còn chịu vô thường biến đổi và hoại diệt, phải khổ đau trong từng niệm. Ông hãy chuyển chỗ ngồi, tôi sẽ cho ông quả A-la-hán.

Vị tì-kheo già liền theo lời bảo, chuyển chỗ ngồi. Các tì-kheo trẻ lại dùng quả cầu da đánh vào đầu vị tì-kheo già và nói:

- Nay tôi cho ông quả thứ tư đấy!

Vị tì-kheo già nhất tâm tư duy, liền chứng quả A-la-hán. Hết sức vui mừng, vị tì-kheo già bèn sửa soạn các món ăn ngon, nhiều thứ hương, hoa, mời các tì-kheo trẻ đến để báo đáp ân đức và cùng họ luận bàn về công đức vô lậu của các đạo phẩm. Các tì-kheo trẻ tịt lời, không nói được. Vị tì-kheo già mới nói:

- Tôi đã chứng được quả A-la-hán.

Nghe như vậy, các tì-kheo trẻ đều hồi hận, xin tạ tội đã đùa trước đó.

Vì thế, người tu hành phải nên suy niệm điều thiện. Ngay cả đùa giỡn với Phật pháp còn được quả báo chân thật, huống gì là chí tâm.

Kinh *Tạp bảo tạng* ghi: “Ngày xưa, có một phụ nữ thông minh, hiểu biết rộng, có lòng tin tam bảo, thường theo thứ tự thỉnh từng vị tì-kheo đến nhà để cúng dường. Về sau, đến lượt vị tì-kheo già đến nhà người phụ nữ ấy. Vị ấy tuổi già, căn tính chậm lụt, thiếu hiểu biết. Sau khi vị tì-kheo già thụ trai xong, người phụ nữ chí tâm cầu thỉnh thuyết pháp, trải thảm ngồi trước mặt vị tì-kheo, nhắm mắt yên lặng. Tự biết mình không hiểu pháp gì để giảng, nhân lúc người thí chủ nữ đang nhắm mắt, vị tì-kheo già bỏ về chùa. Nhưng người phụ nữ ấy chí tâm tư duy rằng pháp hữu vi vô thường, khổ,

không, không được tự tại. Nhờ quán sát sâu, người phụ nữ liền chứng quả Tu-đà-hoàn.

[12c] Sau khi chứng quả, người phụ nữ đến chùa tìm vị tì-kheo kia để báo ân. Nhưng vị tì-kheo kia tự xét thấy mình không có trí tuệ, nên bỏ đi để tránh mặt người phụ nữ ấy. Càng hổ thẹn, vị tì-kheo càng ẩn kín. Song người phụ nữ không ngừng cố sức cầu kiến, nên vị tì-kheo kia đành phải ra gặp. Gặp được vị tì-kheo rồi, người phụ nữ trình bày rõ rằng nhờ nhân duyên chứng được đạo quả, nên mang lễ vật đến cúng dường để báo ân. Nghe vậy, vị tì-kheo già vô cùng hổ thẹn, tự trách mình rất nghiêm khắc và cũng chứng được quả Tu-đà-hoàn”.

Vì thế, hành giả phải nên chú tâm chân thành cầu pháp. Nếu chí tâm thì chắc chắn đạt được điều mong cầu.

Kinh *Tập nhất thiết phúc đức tam-muội* ghi: “Vào đời rất xa xưa, có một vị tiên tên Tối Thắng sống trong rừng núi, chứng được năm thần thông, thường thực hành tâm từ. Một hôm, vị tiên nghĩ: ‘Không phải chỉ có tâm từ mới cứu giúp chúng sinh, học rộng cũng có khả năng trừ sạch tà kiến và phiền não của chúng sinh, giúp chúng sinh khởi chính kiến’. Nghĩ xong, vị tiên liền đến khắp các xóm làng và thành thị, tìm cầu thầy giảng pháp.

Bấy giờ, có thiên ma đến bảo vị tiên:

- Ta có một bài kệ do Phật giảng. Nay nếu ông có thể lột da làm giấy, chích máu làm mực, chẻ xương làm bút để chép bài kệ ấy thì ta sẽ nói cho ông nghe.

Nghe xong, vị tiên nghĩ: ‘Trong vô số kiếp ta đã thường hoang phí cắt xẻ thân mình cho người khác, chịu khổ vô cùng, mà chẳng được lợi ích gì. Nay ta sẽ xả bỏ thân không bền chắc này để đổi lấy diệu pháp’. Thế rồi, vị tiên phấn khởi vui mừng dùng dao lột da làm giấy, chích máu làm mực, chẻ xương làm bút, rồi chấp tay hướng lên trời xin nói cho nghe bài kệ của Phật. Bấy giờ, trông thấy thế, thiên ma buồn rầu ủ rũ, liền ẩn mất. Thấy vậy, vị tiên nói:

- Tôi nay vì pháp không tiếc mạng sống, đã lột da làm giấy, chích máu làm mực, chẻ xương làm bút. Vì chúng sinh nên tôi chí thành không giả dối. Có

bậc Đại từ bi nào trong các thế giới khác có khả năng thuyết pháp, xin hãy hiện trước mặt tôi.

Khi vị tiên nói những lời ấy vừa xong, bỗng trước mặt hiện ra Đức Phật hiệu Tịnh Danh Vương ở cõi Phổ Vô Cấu cách cõi Ta-bà ba mươi hai cõi nước về phương đông. Đức Phật ấy phóng hào quang rực rỡ chiếu sáng thân tiên Tối Thắng. Vị tiên liền thấy hết đau đớn, thân thể lạnh lặn lại như trước. Đức Phật liền giảng cho tiên Tối Thắng nghe ‘Tập nhất thiết tam-muội’. Nghe xong, tiên Tối Thắng liền được vô ngại biện tài và Đức Phật ấy cũng biến mất. **[13a]** Sau khi được vô ngại biện tài, tiên Tối Thắng giảng nói diệu pháp khắp cho chúng sinh nghe, khiến vô lượng chúng sinh trụ nơi đạo Tam thừa. Một nghìn năm sau, tiên Tối Thắng mới qua đời, sinh vào cõi nước Phổ Vô Cấu của Đức Phật Tịnh Danh Vương. Nhờ tôn kính pháp nên nay tiên Tối Thắng đã được thành Phật”.

Đức Phật bảo ngài Tịnh Uy:

- Tiên Tối Thắng xưa kia chính là Ta.

Vì thế, nên biết, nếu có người thường cung kính cầu pháp, Phật sẽ vì người ấy mà không vào niết-bàn, pháp cũng không hoại diệt. Tuy Đức Phật ở cõi nước khác, nhưng người ấy vẫn thường được diện kiến Ngài và được nghe chính pháp.

Trong kinh *Niết-bàn* có đồng tử Tuyết Sơn⁵³ xả thân cầu nửa bài kệ, trong kinh *Đại phẩm* có bồ-tát Tát-đà vì cầu pháp mà chẻ xương lấy tủy v.v... Có vô số nhân duyên như vậy, không thể kể xiết.

Lời bàn: Bây giờ, người xuất gia cũng như tại gia học ít hiểu cạn, lại bảo mình có trí tuệ hơn người, nếu muốn tu học, không chuyên học nội điển, chỉ ưa thích học sách vở thế gian và ngoại đạo. Do đó, trong kinh *Niết-bàn* ghi: “Đức Phật dạy:

- Sau khi ta diệt độ, có đệ tử thanh văn ngu dốt phá giới thích đấu tranh, bỏ phé mười hai thể loại kinh, đọc tụng các sách vở, thơ văn ngoại đạo, cất chứa mọi thứ bất tịnh, lại bảo là Phật cho phép như vậy. Người như thế là người đem gỗ chiên-đàn đổi lấy gỗ tạp, đem vàng đổi lấy quặng đồng, đem

⁵³ Đồng tử Tuyết Sơn (Tuyết Sơn đồng tử 雪山童子): tên của Đức Thích Tôn lúc tu hạnh bồ-tát ở đời quá khứ.

bạc đôi lấy sáp trắng, đem lụa đôi lấy vải thô, đem cam lộ đôi lấy thuốc độc”.

Luận *Tì-bà-sa* ghi: “Giống như người nhìn mặt trời thì mắt bị lóa, khi người suy tìm sách ngoại đạo thì tuệ nhãn bất tịnh. Giống như người nhìn mặt trăng thì mắt sáng tỏ, khi người tư duy kinh luận Phật giáo thì tuệ nhãn trong sáng. Nếu đọc sách ngoại đạo và thế gian thì giống như đánh con khỉ, nó chỉ tuôn ra các thứ bất tịnh. Nếu tư duy Phật pháp thì giống như luyện vàng ròng, càng luyện vàng càng sạch”.

Kinh *Bồ-tát thiện giới* ghi: “Bồ-tát không đọc tụng kinh điển chính pháp của Như Lai, mà đọc tụng các sách vở, thơ văn, số giải của thế gian thì có phạm tội hay không? Nếu vì luận bàn nghĩa lý để phá tà kiến thì có thể đọc tụng hai phần kinh Phật, một phần ngoại điển. Vì sao? Vì ngoại điển là pháp giả dối, chỉ Phật pháp mới chân thật; hơn nữa, nếu biết việc đời thì không bị người đời xem thường”.

Căn cứ đoạn văn dẫn chứng trên, người học Phật pháp nếu cứ “bỏ nội, theo ngoại” thì phạm tội. Dù đã hiểu lý và hạnh thì cũng chỉ nên tạm học ngoại điển để hàng phục ngoại đạo, sau đó, phải bỏ, luôn tiến tu nội nghiệp cho giỏi. Nếu chỉ đắm mê ngoại điển thì làm hư hoại chính pháp.

Do đó, luận *Địa trì* ghi: “Nếu bồ-tát vứt bỏ không học những điều Phật dạy, lại học sách ngoại đạo và kinh điển thế gian thì phạm tội. Người phạm nhiều lần gọi là phạm nhiễm ô.[13b] Nếu người thật thông minh, có thể học nhanh, đã được bất động trí, hàng ngày học hai phần Phật pháp và một phần ngoại điển thì không phạm. Nếu ưa thích, không lìa bỏ, không có ý lìa bỏ sách vở thế gian và ngoại đạo, tà giáo thì phạm nhiễm ô”.

I.2.6. Cảm được phúc báo

Kinh *Phổ diệu* ghi: “Nếu có người nghe kinh điển này mà chấp tay tự qui y thì lìa bỏ được gốc của tám sự biếng nhác, thành tựu tám công đức”. Tám công đức đó là:

1. Dung mạo xinh đẹp.
2. Sức lực mạnh mẽ.

3. Quyền thuộc đông đảo.
4. Mau được vô lượng biện tài.
5. Học tập nhanh, được xuất gia.
6. Việc làm thanh tịnh.
7. Đạt được tam-muội.
8. Trí tuệ sáng suốt, hiểu biết tất cả.

Nếu có pháp sư trải tòa đọc tụng kinh này thì được tám điều phúc về tòa ngồi. Đó là:

1. Được tòa trưởng giả.
2. Được tòa Chuyển luân vương.
3. Được tòa của Thiên đế.
4. Được tòa của trời Tự Tại.
5. Được tòa của a-la-hán.
6. Được tòa của bồ-tát.
7. Được tòa của Như Lai.
8. Được tòa của Chuyển pháp luân, độ thoát tất cả chúng sinh.

Nếu pháp sư giảng dạy pháp này, có người khen ngợi: “Lành thay!”, thì người ấy sẽ được tám hạnh thanh tịnh. Đó là:

1. Lời nói và việc làm phù hợp nhau, không trái nghịch.
2. Lời nói chí thành, không giả dối.
3. Chân thật không giả dối ở trong chúng hội.

4. Nói điều gì cũng được người tin, không vứt bỏ.
5. Chỉ nói những lời êm dịu, không thô tháo.
6. Giọng nói từ hòa, cảm động người.
7. Thân tâm tùy thời, tiếng nói như Phạm âm, mọi người nghe đều lãnh thụ được.
8. Giọng nói giống như giọng Phật, phù hợp với tâm chúng sinh.

Nếu người biên chép kinh điển này, sẽ được tám tạng. Đó là:

1. Được Ý tạng, chưa từng quên sót.
2. Được Tâm tạng, hiểu biết rõ mọi kinh pháp.
3. Được Vãng lai tạng, thông hiểu tất cả kinh pháp của Phật.
4. Được Tổng trì tạng, ghi nhớ tất cả những điều nghe được.
5. Được Biện tài tạng, giảng giải kinh điển cho chúng sinh nghe.
6. Được Thâm pháp tạng, hộ trì chính pháp.
7. Được Đạo ý pháp tạng, chưa từng đoạn dứt giáo pháp của tam bảo.
8. Được Phụng hành pháp tạng, mau chóng được vô sinh nhẫn.

Chương *Độ vô cực* trong *Lục độ tập kinh* ghi: “Ngày xưa, có một vị tì-kheo tinh tiến thụ trì giáo pháp, thường xuyên tụng kinh Bát-nhã ba-la-mật. Nghe tiếng tụng kinh của vị ấy, người nào cũng vui mừng. [13c] Có một đứa bé mới bảy tuổi, hàng ngày chăn dê ở ngoài thành, nghe tiếng tụng kinh của tì-kheo ấy từ xa vọng lại, liền đến tinh xá lễ bái và lắng nghe. Đến đoạn nói về sắc và không, đứa bé liền tỏ ngộ, hỏi vị tì-kheo, nhưng vị ấy không trả lời được. Ngược lại, đứa bé còn giảng cho vị tì-kheo ấy nghe nghĩa lý mà trước đó vị ấy chưa từng được nghe. Vị tì-kheo rất ngạc nhiên về trí tuệ phi phàm của đứa bé.

Một hôm, khi lừa đàn dê đến chân núi, đứa bé bỗng gặp một con cọp và bị nó ăn thịt. Sau khi qua đời, đứa bé sinh vào một gia đình trưởng giả. Lúc mang thai, vợ ông trưởng giả tự nhiên đọc tụng được kinh Bát-nhã ba-la-mật suốt từ sáng đến tối không ngơi nghỉ. Gia đình ông trưởng giả ấy ngạc nhiên, đều cho là bà ta bị ma ám. Bấy giờ, có một vị ti-kheo đi ngang qua nhà ông trưởng giả, nghe tiếng đọc kinh, lòng rất vui mừng, bảo ông trưởng giả: “Phu nhân không phải bị bệnh ma ám, mà chỉ là đang giảng bộ kinh tôn quý”. Bà vợ ông trưởng giả ra lạy chào, vị ti-kheo liền giảng pháp cho bà ta nghe; đồng thời, giải thích hết các điều bà nghi ngờ và không hiểu. Chư tăng rất vui mừng. Đến khi đủ ngày tháng, bà ấy sinh một đứa bé trai. Vừa ra đời, đứa bé liền chấp tay, quì thẳng, nói kinh Bát-nhã ba-la-mật. Còn bà trưởng giả, sau khi sinh liền trở lại bình thường như cũ.

Vị ti-kheo bảo bà ta:

- Đây, đệ tử chân chính của Phật! Bà hãy nuôi nấng và chăm sóc tốt đứa bé này. Sau khi trưởng thành, nó sẽ làm thầy của tất cả mọi người. Chúng ta đây cũng sẽ theo học nó.

Khi lên bảy tuổi, đứa bé đã lĩnh hội đầy đủ đạo pháp, hiểu biết vượt xa mọi người, đạt được trí Bát-nhã ba-la-mật, có thể hiệu đính được tất cả những nhầm lẫn trong kinh sách. Đi đến đâu, đứa bé cũng thường xuyên giáo hóa mọi người. Tất cả năm trăm người già trẻ, gái trai trong nhà ông trưởng giả đều học đạo với đứa bé. Có đến tám mươi bốn nghìn người đã phát tâm Vô thượng chính chân đạo ý, năm trăm ti-kheo nghe đứa bé giảng đều được lậu tận ý giải⁵⁴, dốc lòng cầu Đại thừa, được pháp nhãn tịnh”.

Đứa bé ấy nay chính là Ta, vị ti-kheo kia chính là Phật Ca-diếp.

Kinh *Xá-lợi-phất xử thai* ghi: “Khi mang thai *Xá-lợi-phất*, mẹ ông ấy cũng trở nên thông minh”.

Cao tăng truyện ghi: “Khi mang thai *La-thập*, mẹ ngài trở nên thông minh. Trước đó, hàng ngày bà tụng thuộc lòng một nghìn bài kệ, nhưng khi mang thai, hàng ngày bà tụng thuộc được hai nghìn bài kệ. Đầu tiên, bà chứng quả *Tu-đà-hoàn*, sau đó, bà chứng quả *Tu-đà-hàm*”.

⁵⁴ Lậu tận ý giải 漏盡意解: đoạn trừ tất cả phiền não, tâm hoàn toàn giải thoát.

Kinh *Thắng thiên vương* chép: “Nếu nơi nào có pháp sư truyền bá kinh này, nơi ấy chính là nơi Như Lai đến. Phải xem vị pháp sư ấy là thiện tri thức và phải tỏ lòng tôn trọng vị ấy giống như Phật, phải cung kính vui mừng, tôn trọng và khen ngợi khi gặp vị ấy”.

Kinh còn ghi: “Dù Ta trụ thế trong một kiếp hay ít hơn một kiếp, cũng không thể nói hết công đức của pháp sư truyền bá kinh này. Mặt đất nơi pháp sư đi qua, thiện nam và thiện nữ nên chích máu tươi lên để bụi không bốc lên. Cúng dường như thế cũng chưa đáng xem là nhiều, bởi pháp của Như Lai thật khó thụ trì”.

[14a] Kinh *Niết-bàn* ghi: “Không hề có thiện nam hay thiện nữ nào nghe được kinh này mà còn sinh vào bốn đường ác⁵⁵. Nếu có chúng sinh nghe qua kinh này một lần, đều trừ sạch tất cả tội ác, ngay cả nghiệp tội địa ngục Vô Gián”.

Kinh cũng ghi: “Nếu chúng sinh nào nghe được kinh này một lần, trong bảy kiếp sau đó sẽ không đọa vào đường ác...Nếu chúng sinh nào biết được Như Lai thường trụ không biến đổi, hoặc nghe được hai tiếng ‘thường trụ’ một lần, thì sau khi chết được sinh lên trời. Về sau, đến lúc giải thoát, chúng biết được Như Lai thường trụ không biến đổi”.

Kinh *Hoa nghiêm* ghi: “Nếu nghe một câu pháp chưa từng được nghe, thì quý hơn tất cả châu báu trong cõi tam thiên đại thiên. Bồ-tát ấy được nghe một bài kệ chính pháp mà khởi tưởng là pháp tài vô thượng thì còn quý hơn cả được ngôi Chuyển luân thánh vương”.

Kinh *Pháp hoa* ghi: “Nếu người thiện nam hay thiện nữ nào thụ trì kinh *Pháp hoa* này, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc giảng giải, hoặc biên chép, người ấy sẽ được tám trăm công đức về mắt, một nghìn hai trăm công đức về tai, tám trăm công đức về mũi, một nghìn hai trăm công đức về lưỡi, tám trăm công đức về thân, một nghìn hai trăm công đức về ý”.

Kinh *Niết-bàn* ghi: “Sau khi Ta vào niết-bàn, nếu có ai nghe được kinh điển Đại thừa vi diệu mà sinh lòng kính tin, nên biết những người đó trong trăm nghìn ức kiếp vị lai sẽ không đọa vào đường ác... Nếu ai ở chỗ một

⁵⁵ Bốn đường ác (tứ ác thú 四惡趣): bốn nơi mà chúng sinh tạo nghiệp ác phải sinh vào đó chịu quả khổ. Đó là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh và A-tu-la.

hằng sa Đức Phật phát tâm, người ấy trong đời ác về sau sẽ không phỉ báng pháp này, mà lại ưa thích kinh này, nhưng không giảng nói đầy đủ, rành mạch được cho mọi người nghe. Nếu ai ở chỗ hai hằng sa Đức Phật phát tâm, người ấy trong đời ác về sau sẽ không phỉ báng pháp này, mà lại tìm hiểu đúng đắn, ưa thích thụ trì và tụng đọc kinh này, nhưng cũng không giảng nói được cho mọi người nghe. Nếu có ai ở chỗ ba hằng sa Đức Phật phát tâm, người ấy trong đời ác về sau sẽ không phỉ báng pháp này, mà lại biên chép kinh này, có thể giảng nghĩa sâu xa của kinh này cho người khác nghe, nhưng bản thân người ấy vẫn không hiểu nghĩa lý sâu xa trong kinh. Nếu có ai ở chỗ bốn hằng sa Đức Phật phát tâm, người ấy trong đời ác về sau sẽ không phỉ báng kinh này, ngược lại, còn biên chép kinh này và giảng được nghĩa của một trong số mười sáu phần kinh. Nếu có ai ở chỗ của năm hằng sa Đức Phật phát tâm, người ấy trong đời ác về sau sẽ giảng giải được nghĩa của tám trong số mười sáu phần kinh này cho khắp mọi người nghe. [14b] Nếu có ai ở chỗ sáu hằng sa Đức Phật phát tâm, đến đời ác về sau sẽ giảng giải được mười hai trong số mười sáu phần kinh này khắp cho mọi người nghe. Nếu có ai ở chỗ bảy hằng sa Đức Phật phát tâm, đến đời ác về sau sẽ giảng giải được mười bốn trong số mười sáu phần kinh này cho khắp mọi người nghe. Nếu ai ở chỗ tám hằng sa Đức Phật phát tâm, đến đời ác về sau sẽ biên chép, khuyên người thụ trì, tu hành đúng như kinh, hiểu và giảng giải được hết mọi nghĩa lý của kinh này”.

I.2.7. Báo ân

Kinh *Thiện cung kính* ghi: “Đức Phật bảo A-nan:

- Nếu có người nghe pháp sư giảng một bài kệ bốn câu, hoặc sao chép được kinh từ thẻ tre hoặc cuộn lụa của pháp sư, trong nhiều kiếp vác vị hòa thượng a-xà-lê ấy trên vai hoặc công trên lưng, hoặc đội trên đầu, hoặc thường công đi và cúng dường pháp sư đủ các loại âm nhạc, làm những việc như thế còn chưa báo hết được ân của thầy. Nếu trong đời vị lai người ấy khởi tâm bất kính, thường nói lỗi của pháp sư ấy, Ta nói người ấy ngu si và sẽ chịu đau khổ cùng tột, chắc chắn đọa vào đường ác ở đời vị lai. Vì thế, A-nan! Ta dạy các ông: nếu thường thực hành tâm cung kính tôn trọng thì sẽ được pháp tôn quý có tên là Pháp ái kính tam bảo sâu xa”.

Kinh *Phạm võng* ghi: “Nếu Phật tử trông thấy pháp sư Đại thừa đồng kiến giải, đồng hạnh tu từ ngoài xa trăm dặm, nghìn dặm đến tăng phùng, hoặc

các nhà trong thành thị thì phải đón tiếp, tiễn đưa, lễ lạy và cúng dường vị ấy. Hàng ngày ba thời cúng dường các món ăn uống ngon quý đáng giá ba lượng vàng, đồng thời phải sửa soạn giường ghế để nghỉ ngơi, cung cấp mọi thứ cần dùng cho pháp sư. Người ấy lại phải hàng ngày ba thời lễ lạy, thưa thỉnh pháp sư thuyết pháp, không được giận hờn, hay quấy phá pháp sư, phải quên mình vì pháp để cầu pháp. Nếu không, sẽ phạm tội khinh cầu”.

Kinh *Ưu-bà-tắc* ghi: “Nếu ưu-bà-tắc đã thụ trì sáu giới trọng⁵⁶ mà không đến chỗ giảng pháp trong vòng bốn mươi dặm để nghe pháp, thì phạm tội thất ý”.

Kinh *Đại phương quảng đà-la-ni* ghi: “Phật bảo A-nan:

- Nếu có người bị cha mẹ, vợ con không cho đến đạo tràng, người ấy phải đốt các thứ hương, quì thẳng chấp tay trước cha mẹ, ... thưa: ‘Nay con muốn đến đạo tràng, xin cha mẹ thương xót cho phép’. Đồng thời người ấy cũng nên khuyên giải cho cha mẹ hiểu, tùy nghi nói pháp cho cha mẹ nghe. [14c] Phải thưa thỉnh ba lần, nếu gia đình không cho phép thì người ấy phải ở nhà yên lặng suy niệm và tụng trì kinh điển”.

Kinh *Chính pháp niệm* ghi: “Nếu ai cúng dường vị pháp sư thuyết pháp thì người ấy đã cúng dường Thế Tôn hiện tại. Người như thế, tùy sự cúng dường mà điều mình mong cầu được thành tựu. Ngay đến việc được quả Vô thượng bồ-đề cũng là nhờ thường cúng dường pháp sư thuyết pháp. Vì sao? Vì nhờ nghe pháp nên tâm được điều phục; nhờ tâm được điều phục nên dứt trừ được vô tri tối tăm lưu chuyển trong sinh tử. Nếu lìa việc nghe pháp thì không có cách gì điều phục được tâm”.

Kinh *Thắng tư duy* ghi: “Không dấy nghiệp tội, không tạo nghiệp phúc, không dấy nghiệp bất động, đó là cúng dường Phật”.

Kinh *Pháp hoa* ghi: “Nếu đem hương, hoa, y phục, thức ăn, thuốc thang..., cúng dường chư Phật thì không gọi là cúng dường chân chính. Thường tu học theo pháp vi diệu mà Như Lai chứng được khi ngồi ở đạo tràng mới gọi là cúng dường chân chính”. Do đó, Phật nói kệ:

⁵⁶ Sáu giới trọng (lục trọng giới 六重戒; Cg: lục trọng pháp): sáu giới trọng mà hàng ưu-bà-tắc phải thụ trì. Đó là không sát sinh, không trộm cướp, không nói dối, không tà dâm, không nói lời bốn chúng, không uống rượu.

Nếu dùng hoa, hương thoa,

Thức ăn, thuốc, y phục,

Dâng cúng đến chư Phật,

Chẳng gọi chân cúng dường.

Như Lai ngồi đạo tràng,

Chúng được pháp vi diệu,

Nếu tu học pháp ấy,

Chính thật cúng dường Phật.

Luận *Thập trụ ti-bà-sa* ghi: “Đức Phật bảo A-nan:

- Trời mưa hương và hoa không gọi là cúng kính cúng dường Như Lai. Nếu ti-kheo, ti-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di nhất tâm không buông lung, gạn gủi và tu tập Phật pháp, đó là chân chính cúng dường Như Lai”.

Kinh *Bảo vân* ghi: “Không dùng tài thí cúng dường Phật. Vì sao? Vì pháp thân Như Lai không giữ tài thí. Chỉ nên dùng pháp thí để cúng dường Phật, như thế mới đầy đủ Phật đạo, vì đó là cách cúng dường bậc nhất”.

Kinh *Thiện cung kính* ghi: “Đức Phật dạy:

- Nếu có ti-kheo nhiều tuổi hạ mà không thông hiểu pháp cú thì phải nên nương học người khác. Vì sao? Vì tự mình còn không hiểu đạo pháp, huống gì muốn làm thầy người khác. Giả sử có vị ti-kheo già trăm tuổi hạ, nhưng không hiểu được các việc sâu kín của sa-môn, không thông hiểu luật, giới, pháp, cũng nên bảo vị ấy nương học người khác.

[15a] Nếu ti-kheo thụ pháp với một vị thầy, khi ở bên thầy phải có tâm tôn quý, kính trọng thầy. Khi muốn thụ pháp, lúc ở trước thầy, không được cười, không được lộ răng, không đứng tréo chân, không được nhìn chân, không được động chân, không được rung đùi. Thầy không hỏi thì không được vội nói. Thầy sai bảo gì thì không được từ chối. Không được nhìn

mặt thầy, phải cách xa thầy ba khuỷu tay⁵⁷. Thầy bảo ngồi thì ngồi, không được trái lời. Phải khởi tâm từ đối với thầy. Nếu có điều nghi gì thì nên thưa hỏi; khi được thầy chấp nhận thì mới xin thầy chỉ dạy. Hàng ngày phải ba thời thưa hỏi về các việc nên làm hay không nên làm. Nếu trong ba thời người học không thưa hỏi thì vị thầy ấy nên trị tội đúng như pháp. Nếu người học đến tham vấn mà vị thầy ấy không cho gặp thì người học phải lấy hòn đất hoặc cây, hoặc que ghi lại làm bằng chứng. Khi thấy thầy trong thất, người học phải chí tâm đi nhiễu quanh thất ba vòng, rồi đĩnh lễ thầy, sau đó mới trở về. Nếu không gặp thầy, mọi người phải ngưng hết các việc, không được làm gì cả, chỉ trừ việc tiêu và đại tiện. Khi ở chỗ thầy, đệ tử không được nói năng thô tháo, dù thầy có quở mắng cũng không được phản ứng. Đệ tử phải trải sẵn chỗ ngồi, giường ngủ của thầy và thường lau quét cho sạch bụi bẩn, kiến, muỗi... Lúc thầy ngồi, hoặc nằm nghỉ cho đến lúc đứng dậy, đệ tử phải đọc tụng kinh điển. Khi mặt trời mọc ở phương đông, người học liền đến chỗ thầy, khéo léo báo cho thầy biết đã đến giờ và luôn ở bên cạnh thầy thưa hỏi: ‘Thầy có cần việc gì, xin để con phục vụ’. Ngoài ra, khi ở trước mặt thầy, đệ tử không được khạc nhổ, xì mũi. Vì cung kính thầy, khi đi trong chùa, đệ tử không phủ ca-sa che hai vai, không được trùm đầu. Khi trời nóng bức, đệ tử phải hàng ngày ba thời quạt cho thầy mát, ba lần lấy nước cho thầy tắm rửa, cũng lại phải ba thời dâng nước mát cho thầy uống. Thầy có việc lo toan, đệ tử phải hết sức lo giúp thầy”.

Đức Phật bảo A-nan:

- Nếu trong đời tương lai có tà-kheo nào không cung kính thầy, nói lỗi của sư trưởng, người ấy không phải là tu-đà-hoàn, cũng không phải là phạm phu, mà là người ngu, phải trị phạt. Giả sử thầy thực sự có lỗi, đệ tử cũng không được nói, huống gì thầy không có lỗi. Nếu có tà-kheo không cung kính khi ở bên cạnh thầy, Ta nói người ấy sẽ đọa địa ngục nhỏ Tiêu Phác. Người bị đọa vào nơi ấy thì có một thân bốn đầu, toàn thân như đồng lửa lớn, cháy dữ dội không ngừng, càng lúc cháy càng lớn. Trong địa ngục ấy còn có loài thú dữ tên Câu Chủy thường ăn lười người. Khi thoát khỏi chỗ đó, người ấy sẽ sinh vào loài súc sinh. Đó đều do đời trước mắng chửi thầy. Do tội lỗi về lười, nên bấy giờ con vật ấy thường ăn phân, uống nước

⁵⁷ Ba khuỷu tay (tam khuỷu 三肘): từ đo lường. Theo HanyuDicidian, một khuỷu tay bằng một thước năm tấc, ba khuỷu bằng bốn thước năm tấc.

tiểu. [15b] Sau khi bỏ thân súc sinh, dù được sinh làm người, nhưng họ thường sinh ở vùng sâu vùng xa, phải chịu đủ các điều tồi tệ. Tuy họ được thân người, nhưng bề ngoài họ không giống người, không được đầy đủ hình hài, thường bị khinh rẻ, phỉ báng, nhục mạ, xa lìa Phật Thế Tôn, thường không có trí tuệ. Sau khi chết, người ấy lại bị đọa vào địa ngục, chịu vô lượng khổ sở.

I.2.8. Phỉ báng pháp

Trong đời mạt pháp ngày nay, chính pháp bị người làm sai lạc, người xuất gia và kẻ tại gia sống lẫn lộn nhau, truyền bá những điều sai lầm ngược với chân lý, cũng tu tập hỗn tạp, không tu học nội điển, chuyên làm việc thế tục. Dẫu có người sao chép kinh điển thì tâm họ cũng không tha thiết, không giữ sạch kinh sách, lại còn làm nhiều việc xằng bậy, ngủ nghỉ chung với kinh sách, hoặc bỏ mặc kinh sách ngoài hiên nhà cho mưa, gió, mối... hủy hoại, mà chẳng chút lo sợ tội, khiến cho kinh điển không còn linh nghiệm, đọc tụng không còn lợi ích cứu khổ nữa... Đó đúng là do người biên chép không thiết tha và cũng do mọi người chúng ta xem thường kinh điển.

Vì thế, kinh *Kính phúc* ghi: “Này hiền giả! Các ông không được làm điên đảo, hoặc sửa chữa, khiến sai lạc pháp Kinh Sinh⁵⁸”.

Nếu không, sẽ bị đọa trong đường mê lầm năm trăm đời không được nghe chính pháp”.

Kinh *Đại tập* ghi: “Nếu có chúng sinh trong đời quá khứ đã tạo các nghiệp ác, hoặc hủy hoại Phật pháp, hoặc phỉ báng bậc thánh, gây chướng ngại cho người thuyết pháp, hoặc tẩy xóa văn tự trong khi sao chép kinh pháp, hoặc phá hoại các pháp khác, hoặc che giấu kinh khác, do những nghiệp duyên đó, người ấy nay sẽ mắc phải quả báo mù lòa”.

Kinh *Đại bát-nhã quyển 14* ghi: “Đức Phật dạy:

- Này các người thiện nam, thiện nữ! Khi biên chép kinh Bát-nhã Ba-la-mật sâu xa, nếu vượn vai ngáp, cười đùa vô cớ, xem thường..., thân tâm xao động, đảo lộn văn tự, nhằm lẫn nghĩa lý, không lĩnh hội được chủ ý,

⁵⁸ Kinh Sinh 經生 (Cg: kinh Thủ): kinh sách được ghi chép, sửa chữa để lưu truyền.

gặp việc bỏ ngang khiến không biên chép xong, nên biết đó đều là ma sự của bò-tát”.

Kinh *Đại thừa liên hoa tạng* ghi: “Người lĩnh nhận giới cấm của Phật mà không giữ gìn, về sau lại tự cho mình đúng, đã không hiểu pháp Đại thừa, lại tự khoe mình lĩnh hội được Phật pháp, thì sẽ chịu khổ không kể xiết trong địa ngục Thiết Thương. Khi thoát khỏi địa ngục, người ấy phải làm người ngọng, câm, đui, điếc, không được gặp chính pháp”.

Luận *A-nan thỉnh giới luật* ghi: “Tăng ni hoặc cư sĩ nào khi đọc kinh, luật, luận mà bước đi, nói chuyện và úp sách kinh thì phạm trọng tội đột-cát-la, sẽ chịu quả báo làm loài súc sinh, trong hai ức năm (tính theo năm của trời Đao-lợi) phải đọa làm hươu nai, thường bị bẻ gãy xương sống, đau đớn không chịu nổi. [15c] Người vô tình nói đùa trong lúc cầm sách kinh, luật, luận thì cũng đón nhận quả báo như trên. Nếu người để kinh và tượng ngoài hiên nhà thì phạm trọng tội đột-cát-la, sẽ chịu quả báo sinh trong loài súc sinh, làm thân chó, lợn trong hai ức năm (tính theo thời gian ở trời Đao-lợi, một năm bằng tám trăm năm ở cõi Ta-bà). Sau đó, nếu được làm người thì trong một ức năm phải thường làm thuê mướn, lao nhọc, không được chút tự do”.

Kinh *Đại phẩm* ghi: “Người hủy báng ba đời chư Phật Nhất Thiết Trí, do nhân duyên tạo nghiệp phá pháp nên phải đọa địa ngục lớn trong vô lượng năm. Sau đó thoát khỏi địa ngục lớn này, lại vào địa ngục lớn khác. Nếu kiếp hỏa ở đây dấy lên thì họ sinh vào địa ngục lớn ở phương khác. Ở nơi ấy, họ lại phải vào địa ngục lớn này đến địa ngục lớn khác. Cứ như thế, họ phải vào địa ngục khắp trong mười phương. Nếu kiếp hỏa dấy lên ở các nơi kia, họ chết đi, nhưng vì nghiệp duyên phá pháp chưa hết, nên họ phải sinh vào địa ngục ở nơi này, cũng từ địa ngục lớn này đến địa ngục lớn khác chịu vô lượng khổ đau. Khi kiếp hỏa dấy lên ở nơi này, họ lại sinh vào loài súc sinh ở cõi khác trong mười phương, chịu quả báo đau khổ do nghiệp tội phá pháp. Nếu thoát khỏi địa ngục, tội nặng chuyển thành nhẹ, có thể họ được làm người, nhưng sinh trong gia đình người mù, gia đình chiêm-đà-la, các gia đình hèn hạ chuyên dọn rửa nhà xí, gánh thây người; hoặc sinh làm người một mắt, không mắt, hoặc bị mù, không có lưỡi, không tai, không tay, sinh nơi không có Phật, không có pháp, không có đệ

tử Phật. Vì sao? Vì họ đã gieo trồng, chất chứa nghiệp phá pháp quá sâu dày”.

Kinh *Niết-bàn* ghi: “Nếu người không tin kinh điển này, thì trong đời nay, người ấy sẽ bị vô lượng bệnh khổ hành hạ, bị nhiều chúng sinh nhục mạ. Sau khi chết, trở lại làm người thì bị mọi người khinh thường, dung mạo xấu xí, vất vả kiếm sống, thường xuyên thiếu thốn, dẫu kiếm được chút vật thực thì cũng là thứ thô dở, hư nát, thường ở trong gia đình nghèo túng, hèn hạ, tà kiến, phỉ báng chính pháp, gặp cảnh chiến tranh, loạn lạc; hoặc bị vua chúa bạo ngược hay kẻ oán thù bức hại; dẫu có bạn tốt, cũng không gặp; tìm kế sinh nhai cũng không được; hoặc tuy có được chút ít lợi lộc thì cũng thường bị đói khát; chỉ được những người thấp hèn quan tâm, không được vua chúa và các quan lớn đoái hoài. Giả sử người ấy nói, dù là điều hợp lí chẳng nữa, cũng chẳng ai tin theo. [16a] Giống như chim gãy cánh không bay được, người như thế không thể đến được chỗ tốt lành trong cõi trời và người.

Nếu có người tin được kinh điển Đại thừa như thế, dẫu thân thể vốn xấu xí, nhưng nhờ công đức của kinh ấy nên cũng sẽ trở nên xinh đẹp; dung mạo, oai nghi và sức khoẻ ngày càng tốt đẹp hơn; được mọi người và trời ưa thích gặp gỡ, kính trọng, mến mộ; vua chúa, các quan lớn và gia quyến cung kính tin nghe. Trong các đệ tử thanh văn của Ta, nếu ai muốn thực hiện việc hiếm có bậc nhất, thì phải giảng dạy rộng rãi kinh điển Đại thừa này cho người đời nghe.

Này, người thiện nam! Sương mù tuy muốn bền lâu, nhưng không thể tồn tại dưới ánh mặt trời. Khi mặt trời xuất hiện, sương mù sẽ tan. Này, người thiện nam! Ác nghiệp của chúng sinh cũng như thế, dẫu có sức mạnh ở đời ra sao, chúng cũng không thể tồn tại trước mặt trời Đại niết-bàn. Khi xuất hiện, mặt trời ấy sẽ tiêu diệt sạch tất cả ác nghiệp”.

Kinh *Pháp hoa* ghi: “Nay các ông hãy lắng nghe, khi Phật còn tại thế hay đã diệt độ, nếu những kẻ phỉ báng kinh điển, thấy người đọc tụng, hoặc biên chép, thụ trì thì khinh thường, ganh ghét, thù hận, thì tội báo của những kẻ ấy sau khi chết phải đọa địa ngục A-tì trọn một kiếp, rồi lại sinh trở lại địa ngục, cứ lần lượt như thế cho đến vô số kiếp. Sau đó, được ra khỏi địa ngục, người ấy sẽ phải đọa làm súc sinh, trong vô số kiếp vừa sinh ra liền bị cầm, điếc, thiếu các căn.

Xá-lợi-phất! Nếu nói tội của người phỉ báng kinh này thì trọn các kiếp cũng không hết được”.

Hãy lắng nghe bài tụng:

*Sáng nghe pháp thật vui,
Tối chết hẳn chẳng buồn,
Không tìm trong kinh sách,
Há thấu được nghĩa huyền,
Tươi máu còn khó hỏi,
Đốt thân đâu dễ cầu,
Hơi lạnh trùm đêm tối,
Ánh nắng soi vực sâu,
Đàn hồng sắp vui sướng,
Một con bỏ hạnh xưa,
Trước vui mở rương báu,
Sau làm loạn pháp thuyền.
Khó biết bát tạng⁵⁹ diệu,
Ba kì⁶⁰ chưa thể xong,
Chẳng tự lắng bụi tâm,
Chân như sao ngộ được?*

⁵⁹ Bát tạng 八藏: tám tạng giáo. Theo phẩm Xuất kinh trong kinh Bồ-tát Xứ thai thì thánh giáo của Đức Phật được chia làm tám loại như thai hóa, trung âm, ma-ha-diễn phương đẳng, giới luật, thập trụ bồ-tát, tạp tạng, kim cương, Phật tạng.

⁶⁰ Ba kì (tam kì 三祇): tức ba a-tăng-ki.

I.3. Kính tắng

Gồm ba phần: Lời dẫn, Lợi ích, Tôn giảm.

I.3.1. Lời dẫn

[16b] Tắng bảo là những người giữ gìn nghiêm túc giới cấm, oai nghi khác người đời, phát tâm xuất gia, bỏ đời sống thế gian, học đạo pháp, không động lòng trước danh lợi vinh hoa, không chuyển ý trước thân thuộc, hoằng truyền Phật đạo để báo đáp bốn ân, tu dưỡng giới đức để cứu giúp ba cõi, vượt cao khỏi chốn trời và người, quý hơn vàng ngọc. Tắng bảo đem lại lợi ích không thể kể xiết.

Do đó, kinh nói: “Đối với vị tắng dù già hay trẻ, giữ giới hay phá giới, đều nên thật cung kính, không được khinh thường. Nếu trái lời dạy này thì bị tội nặng. Như Phật Thích-ca..., đúng thật là Phật bảo; giáo, lí, hạnh, quả do kim khẩu Ngài nói ra đúng thật là Pháp bảo; các sa-môn chứng quả đúng thật là Tăng bảo. Cho nên, người chiêm ngưỡng và lễ lạy tam bảo thì tiêu sạch muôn phiền não, khen ngợi và xưng danh tam bảo thì tan hết nghìn tai họa”. Riêng người phúc mỏng không gặp được chính pháp, song nhờ giáo pháp Phật để lại, may được hưởng phúc âm của Như Lai, dùng sơn, chỉ xanh, đỏ... vẽ thù hình Phật trên vàng, gỗ quý, đồng, lụa..., đó là Phật bảo. Những lời sâu xa ghi chép trên giấy, lụa, tre, vải ... gọi là Pháp bảo. Người cạo râu tóc, mặc y nhuộm, ôm bình bát, gọi là Tăng bảo. Ba thể tướng ấy tuy giả, nhưng tiêu biểu cho hình ảnh chân thật. Do đó, tôn kính ba thể ấy thì mãi mãi thoát khỏi cảnh luân hồi; ngược lại, xem thường thì rước lấy khổ báo. Như tượng gỗ không phải mẹ ruột, nhưng lễ lạy thì phúc báo cũng hơn nghìn năm; phàm tắng không phải thánh tắng mà tôn kính thì ánh sáng cũng hơn vạn đời. Đó là phong tục lưu truyền từ lâu, khắp nơi đều theo. Công đức âm thầm cứu giúp chúng sinh siêu việt chẳng thể lường được. Nếu có lỗi lầm đối với bậc ấy thì mắc tội rất to. Người đã chấp nhận xuất gia, về lí phải khác thế tục”. Hơn nữa, kinh *Lễ* ghi: “Người mặc giáp thì không lễ lạy” là sai, đâu giống như người bỏ đời sống thế tục, thân khoác giáp nhẵn nhụi mà quì lạy hàng cư sĩ, theo lí thì không thể chấp nhận được. Tam bảo đều tôn quý như nhau, cần phải kính trọng như nhau, không nên chỉ tuân theo Phật và pháp mà lia bỏ tắng ni. Do đó, pháp không tự hoằng truyền, mà sự hoằng truyền là do người. Người có năng lực hoằng pháp thì nên tôn kính như Phật và pháp.

I.3.2. Lợi ích

Kinh *Phạm võng* ghi: “Phép tắc của người xuất gia là không lễ lạy quốc vương, cha mẹ, lục thân, cũng không thờ phụng qui thần”.

Kinh *Niết-bàn* ghi: “Người xuất gia không lễ lạy người tại gia”.

Luật *Tứ phần* ghi: “Phật dạy các tì-kheo theo thứ tự người trẻ lễ lạy người già, không nên lễ lạy tất cả người tại gia”.

Kinh *Phật bản hạnh* ghi: “Sau khi vua Thâu-đầu-đàn cùng quyền thuộc và các quan lần lượt lễ Phật, Đức Phật bảo:

- Bây giờ, đại vương nên lễ các tì-kheo Ưu-ba-li v.v...

[16c] Nghe lời Phật dạy, nhà vua đứng dậy khỏi chỗ ngồi, cung kính lễ năm trăm tì-kheo, rồi lần lượt lễ các tì-kheo mới xuất gia”.

Kinh *Tát-già-ni-kiền* ghi: “Nếu chê bai pháp của thanh văn, hoặc bích-chi phật và pháp Đại thừa, người chê bai và hủy hoại ấy phạm tội căn bản”.
(*Nay chư tăng theo kinh Tiểu thừa và Đại thừa, không lễ lạy vua chúa và cha mẹ là đúng lời Phật dạy từ xưa. Nếu buộc chư tăng quì lạy người thế tục thì trái lời Phật dạy. Như thế là không tin lời Phật, cho nên phạm tội căn bản*).

Luận *Thuận chính lí* ghi: “Các thiên thần không dám nhận lễ lạy của người thụ ngũ giới. Người đứng đầu đất nước cũng không muốn tì-kheo lễ lạy mình vì sợ hao tổn công đức và tuổi thọ”.

Kinh *Niết-bàn* ghi: “Đức Phật bảo Ca-diếp:

- Nếu có người kiến lập và hộ trì chính pháp như thế, nên theo thừa thỉnh người ấy giảng dạy và phải xả thân cúng dường người ấy giống như Ta nói về kinh Đại thừa ấy:

Người hiểu biết chính pháp,

Dù già hay còn trẻ,

Nên cúng dường vị ấy,

Cung kính và lễ lạy,

Giống như bà-la-môn,

Chuyên tâm thờ cúng lửa.

Người hiểu biết chính pháp,

Dù già hay còn trẻ,

Nên cúng dường vị ấy,

Cung kính và lễ lạy,

Cũng như các vị trời,

Phụng thờ trời Đế Thích.

Ca-diếp thưa:

- Nếu có vị trưởng lão tôn túc hộ trì giới cấm theo tì-kheo trẻ tuổi học hỏi những điều chưa biết, có nên kính lễ tì-kheo kia không? Nếu lễ kính thì không gọi là người trì giới.

Nếu có tì-kheo trẻ tuổi giữ gìn giới cấm theo học hỏi những điều chưa biết với các tì-kheo lớn tuổi phá giới thì có phải lễ lạy tì-kheo ấy không? Trong Phật pháp, người trẻ tuổi phải nên cung kính bậc trưởng lão tôn túc nhiều tuổi, vì vị ấy thụ giới cụ túc và thành tựu các uy nghi trước. Do đó, phải nên cung kính cúng dường các vị ấy.

Nếu người xuất gia theo học hỏi những điều chưa biết với người tại gia, có nên lễ lạy người tại gia không? Người xuất gia không nên lễ kính người tại gia”.

Kinh *Trung a-hàm* ghi: “Làm thế nào biết được người nào trội, người nào kém? Đó là tì-kheo, biết có hai hạng người: người có lòng tin và người không có lòng tin. Người có lòng tin là người trội hơn, người không có

lòng tin không bằng được. Người có lòng tin lại có hai hạng: thường đến gặp ò-kheo và không thường đến gặp ò-kheo. Người thường đến gặp ò-kheo thì trội hơn, người ít đến gặp ò-kheo chẳng bằng được. Người thường đến gặp ò-kheo lại có hai hạng: người lễ kính ò-kheo và người không lễ kính ò-kheo. Người lễ kính ò-kheo thì trội hơn, người không lễ kính ò-kheo chẳng bằng được. Người lễ kính ò-kheo lại có hai hạng: người hỏi kinh và người không hỏi kinh. [17a] Người hỏi kinh thì trội hơn, người không hỏi kinh chẳng bằng được”.

Kinh *Cưu tap thí du* ghi: “Ngày xưa, có vị quốc vương đi tuần du, mỗi lần gặp sa-môn, liền vội xuống xe đĩnh lễ. Có một đạo nhân bảo:

- Đại vương hãy thôi đi! Không cần bước xuống xe!

Nhà vua nói:

- Ta bước lên đây chứ, đâu có bước xuống. Sở dĩ ta nói bước lên, không phải là bước xuống là bởi nay lễ đạo nhân, sau khi qua đời, ta sẽ sinh lên trời”.

Luận *Thiện kiến* ghi: “Vua Thâu-đầu-đàn-na⁶¹ lễ Phật xong, liền bạch:

- Đến nay, con đã ba lần lễ Đức Thế Tôn. Lần thứ nhất, lúc Phật mới đản sinh, A-di⁶² xem tướng bảo: “Nếu là tại gia, đứa bé này sẽ làm Chuyển luân thánh vương. Nếu xuất gia học đạo, đứa bé này chắc chắn sẽ thành Phật”. Bấy giờ mặt đất chấn động, con thấy thần lực ấy, liền lạy Đức Thế Tôn. Lần thứ hai, con ra khỏi cung đi chơi, xem người cày ruộng. Khi ấy, bò-tát ngồi ở cội cây diêm-phù, mặt trời đã xế, nhưng bóng cây vẫn đứng lại phía trên để che bò-tát, không dời chuyển. Thấy thần lực ấy, con liền lạy Đức Thế Tôn. Lần thứ ba, nay con đón tiếp Thế Tôn đến nước con, Ngài đã bay lên không trung hiện mười tám thứ thần biến, như thần lực vô úy hàng phục ngoại đạo, thấy thế, con liền cúi lạy”.

Kinh *Trung a-hàm* cũng ghi: “Bấy giờ, Đức Phật bảo các ò-kheo:

⁶¹ Vua Thâu-đầu-đàn-na (Thâu-đầu-đàn-na vương 輸頭檀那王; S: Suddhodana): vua Tịnh-phạn, cha của thái tử Tất-đạt-đa.

⁶² A-di 阿夷 (S: ārya): tức tiên A-tu-đà.

- Vào thời quá khứ, mỗi lần đến ngôi trong vườn, Thích-đề-hoàn-nhân thường ra lệnh cho người đánh xe sửa soạn xe ngựa. Sửa soạn xong, người đánh xe tâu cho vua biết. Lúc ấy, trời Đế Thích liền bước xuống điện Thường Thắng, hướng về phía đông lễ Phật. Người đánh xe thấy thế, lòng rất kinh ngạc, dựng đứng chân lông, chiếc roi ngựa rơi xuống đất. Thấy vậy, Đế Thích liền nói kệ:

Sao ngươi lại hoảng sợ

Rơi roi ngựa xuống đất?

Người đánh xe dùng kệ đáp:

Thấy thiên vương Đế Thích,

Phu quân của Xá-chi⁶³,

Sở dĩ lòng sợ hãi,

Rơi roi ngựa xuống đất,

Vì thường thấy Đế Thích

Khắp các cõi lớn, nhỏ,

Bốn thiên vương hộ đời,

Và các trời Đạo-lợi,

Thảy đều cung kính lễ,

Ngài Đế Thích thiên vương.

Còn bậc tôn quý nào,

Tôn quý hơn Đế Thích,

Nay ngài hướng phía đông,

⁶³ Xá-chi 舍脂: đệ nhất thiên hậu của trời Đế Thích, con gái của a-tu-la.

Chấp tay cung kính lễ?

Đế Thích nói kệ đáp:

[17b]*Đối với tất cả vua,*

Lớn, bé trong thế gian,

Bốn thiên vương hộ thế,

Và các trời Đao-lợi,

Quả ta tôn quý nhất,

Tất cả tôn kính ta,

Nhưng thế gian có bậc,

Chứng quả Đẳng chính giác,

Hiệu là Mãn Đại Sư,

Nên ta dập đầu lễ.

Người đánh xe lại thưa:

Hẳn tôi thắng trong đời,

Mới khiến trời Đế Thích,

Chấp tay về phía đông,

Cung kính dập đầu lễ,

Nay tôi cũng sẽ lễ,

Người mà Thiên vương lễ.

Phật bảo các tì-kheo:

- Thiên Đế Thích kia là vua cõi trời Tự Tại còn cung kính Phật. Tì-kheo các ông xuất gia học đạo cũng nên cung kính Phật như vậy. Thiên Đế Thích kia, chồng của Xá-chi, cung kính lễ pháp và tăng, cũng khen ngợi người lễ kính pháp và tăng. Các ông đã có lòng chính tín xuất gia học đạo, thì cũng nên kính lễ pháp và tăng, ngoài ra, còn phải khen ngợi người lễ kính pháp và tăng.

Bấy giờ, Đế Thích từ điện Thường Thắng bước xuống, chấp tay hướng về các phương, lễ một cách cung kính. Thấy trời Đế Thích bước xuống khỏi điện, đứng ở giữa sân, chấp tay cung kính hướng về các phương, người đánh xe sợ hãi, buông chiếc roi ngựa rơi xuống đất, nói kệ:

Tại sao Kiều-thi-ca,

Tôn trọng người không nhà?

Giảng nghĩa ấy cho tôi,

Tôi khao khát muốn nghe.

Thiên Đế Thích nói kệ đáp:

Ta cung kính người kia,

Bậc xuất gia không nhà,

Tự tại đạo các phương,

Đến bất cứ nơi đâu,

Mọi đất nước, thành thị,

Lòng đều chẳng vương bận,

Không chứa vật mưu sinh,

Một đường định vô dục,

Đến đi chẳng cầu gì,

*Chỉ vui thú vô vi,
Khi nói toàn lời thiện,
Lúc im, tâm vắng lặng,
Các trời, a-tu-la
Thường xuyên chống đối nhau,
Loài người tranh giành nhau,
Chống nhau cũng như thế.*

[17c] *Chỉ có người xuất gia,
Không màng việc tranh đấu,
Buông bỏ hết đao, gậy,
Chẳng hại các chúng sinh,
Lìa sắc đẹp, tiền của,
Không say, không phóng túng,
Xa rời mọi điều ác,
Nên ta phải kính lễ.*

*Người đánh xe lại nói kệ:
Người thiên vương tôn kính,
Chắc là quý trong đời,
Nên tôi từ hôm nay,
Sẽ lễ người xuất gia”.*

Kinh *A-dục vương* ghi: “Ngày xưa, có lần trông thấy một sa-di bảy tuổi, vua A-thứ-già muốn đưa chú sa-di đến chỗ khuất để lễ, bèn bảo:

- Chú đừng nói với mọi người rằng ta lễ chú nhé!

Lúc ấy, trước mặt có một cái bình đựng nước, chú sa-di liền chui vào đó, rồi lại chui ra, bảo:

- Đại vương đừng nói với ai rằng có sa-di chui vào, chui ra từ bình đựng nước nhé!

Nhà vua liền nói:

- Ta sẽ nói cho mọi người biết. Đừng trốn nữa!”

Vì thế, các kinh đều ghi: “Sa-di tuy còn nhỏ nhưng mọi người cũng không nên xem thường. Con vua tuy còn bé, nhưng mọi người cũng không nên xem thường. Ròng con tuy còn bé, nhưng mọi người cũng không nên xem thường. Sa-di tuy còn bé, nhưng có thể độ được mọi người. Con vua tuy còn bé, nhưng có thể giết được người. Ròng con tuy còn bé, nhưng có thể tạo mây, làm mưa, sấm, chớp. Đừng thấy họ bé mà xem thường!”.

Kinh *Phó pháp tạng* ghi: “Xưa kia, sau khi Phật vào niết-bàn được một trăm năm, có vua A-dục kính tin tam bảo, thường tổ chức đại hội Ban-già vu-sát⁶⁴. Đến ngày hội, nhà vua tắm rửa bằng nước thơm, mặc áo mới, lên lầu cao, đỉnh lễ bốn phương và thỉnh chư tăng. Có hai mươi vạn thánh tăng bay đến. Lòng tin sâu xa của vua thật khó lường. Gặp sa-môn, dù già hay trẻ, dù phàm hay thánh, nhà vua đều đón tiếp, thăm hỏi và cung kính lễ lạy. Bấy giờ, có một vị quan tên Dạ-xa mang tà kiến nặng, không có lòng kính tin. Thấy nhà vua lễ lạy chư tăng, ông ta nói: “Nhà vua thật không có trí tuệ, tự hạ thấp thân tôn quý đức độ, lễ lạy trẻ con”. Nghe lời ấy, nhà vua liền ra lệnh cho các quan cho người tìm đầu thú vật đã chết, mỗi vị dâng một đầu thú. Riêng Dạ-xa, vua sai tìm một đầu người. Sau khi mọi người tìm được đầu, vua lại ra lệnh họ mang ra chợ bán. Tất cả các đầu thú đều bán được. Nhưng cái đầu người Dạ-xa cầm, ai trông thấy cũng ghét bỏ,

⁶⁴ Hội Ban-già vu-sát (Ban-già vu-sát hội 般遮于瑟會; S: pañca-vāṣṣika-maha): đại hội Vô-già. Đó là trai hội cúng dường tất cả mọi người, do vua A-dục tổ chức năm năm một lần.

khinh chê, chẳng ai mua. Qua mấy ngày sau, cái đầu người ấy sắp thối. Mọi người trông thấy đều mắng chửi Dạ-xa và nói:

[18a] - Ông hiện nay không phải là hạng người chiêm-đà-la, hoặc dạ-xoa, hay la-sát, tại sao ông lại tìm đầu người để bán?

Sau khi bị mắng chửi, Dạ-xa vào cung tâu:

- Đi bán đầu người, thần bị nhiều người chửi mắng! Không có ai muốn nhìn đầu người, huống gì mua.

Nhà vua bảo:

- Nếu không có ai mua, ông hãy cho không đi!

Vâng lời vua, Dạ-xa lại đem đầu người ra chợ, bảo mọi người:

- Người nào không có tiền để mua sắm thì tôi cho không cái đầu này.

Người đi chợ nghe thấy thế, lại càng mắng chửi Dạ-xa thậm tệ hơn, chẳng ai chịu lấy cái đầu. Dạ-xa hổ thẹn, trở về cung vua, chấp tay tâu:

- Cái đầu này thật khó bán. Thần cho không cũng không ai lấy, ngược lại, còn bị mắng chửi!

Nhà vua hỏi Dạ-xa:

- Vật gì quý nhất?

Dạ-xa thưa:

- Người quý nhất.

Nhà vua hỏi:

- Nếu quý, tại sao bán không được?

Dạ-xa đáp:

- Người sống tuy quý, nhưng chết rồi thì rẻ mạt.

Nhà vua lại hỏi:

- Nếu ta chết, đầu ta cũng rẻ mặt như thế chẳng?

Dạ-xa hoảng sợ, không dám trả lời.

Nhà vua liền bảo:

- Ta cho phép, ngươi đừng sợ, phải trả lời thành thật!

Sợ hãi, không dám ngừng đầu lên, dạ-xa đáp:

- Nếu đại vương chết thì đầu ngài cũng rẻ mặt như cái đầu này.

Nhà vua hỏi tiếp:

- Nếu ta chết thì đầu ta cũng giống như cái đầu hèn mặt này. Thế thì, tại sao ngươi ngạc nhiên về việc ta lễ kính chư tăng? Nếu ngươi đúng là bạn tốt của ta, phải nên khuyên ta đem cái đầu mong manh đổi lấy cái đầu bền chắc. Tại sao nay ngươi ngăn cản ta lễ lạy chư tăng?

Nghe vua nói thế, Dạ-xa mới hồi hận, tự trách mình, bỏ tà kiến, theo chính kiến, qui kính tam bảo.

Vì nhân duyên ấy, chúng sinh nào được nghe hoặc thấy tam bảo, phải nên chí tâm cung kính lễ bái”.

I.3.3. Tôn giảm

Kinh *Tượng pháp quyết nghi* ghi: “Tất cả mọi người tại gia, không kể sang hay hèn, đều không được đánh đập người phục dịch và súc vật của tam bảo, không được nhận lễ lạy của người phục dịch ấy. Nếu không, sẽ bị tội”.

Kinh *Tát-già-ni-kiền* ghi: “Nếu người nào phá chùa, tháp Phật, hoặc lấy vật của tam bảo, hoặc bảo người khác làm các việc ấy, hoặc vui mừng khi thấy người khác làm, hoặc đánh đập, trói, nhốt, bắt hoàn tục hoặc giết sa-môn mặc y nhuộm trì giới hay phá giới, thì phạm trọng tội căn bản, chắc chắn sẽ chịu khổ sở trong địa ngục vô gián. Nếu đất nước nào có vị vua làm những việc bất thiện ấy, các tiên nhân và thánh nhân sẽ bỏ đi khỏi nước ấy, các

thần có thể lực sẽ không bảo vệ nước ấy, các quan tranh giành, khắp nơi binh biến, thiên tai xảy ra, gió mưa trái thời, nhân dân đói kém, giặc cướp tung hoành, bệnh dịch tràn lan, người chết vô số. Vì không biết đó là do tự mình gây ra, nên vua nước ấy thường oán trách chư thiên”.

[18b] Kinh *Nhân vương* ghi: “Quốc vương và các đại thần tự cậy mình cao quý, nên chế định ra luật lệ để hủy diệt pháp của Ta như ngăn cấm không cho xuất gia, không cho tạo tượng Phật, đặt chức thống quan để kiểm soát tăng đoàn, lập sổ ghi chép lý lịch tăng sĩ, bắt tỉ-kheo đứng dưới đất trong khi người tại gia ngồi trên cao. Quốc vương và thái tử ngang ngược lập ra các biện pháp ngăn cấm, không theo lời Phật, phá hoại tăng đoàn, các thống quan kiểm soát tăng đoàn, dùng sổ sách quản lý tăng tịch, không chế, khiến chư tăng chịu nhiều khó khăn, Phật pháp không tồn tại được lâu”.

Kinh *Đại tập* ghi: “Đức Phật nói:

- Tất cả chúng sinh đời này và đời vị lai phải nên tin sâu Phật, pháp và chư tăng. Những chúng sinh đó thường được hưởng quả báo tốt đẹp trong cõi trời và người, sẽ sớm được vào thành vô úy. Những chúng sinh làm các việc như thế, cho đến cúng dường một người xuất gia vì Ta hoặc theo Ta cạo bỏ râu tóc, mặc ca-sa, song không thụ giới, cũng được công đức..., cho đến được vào thành vô úy. Vì nhân duyên ấy, Ta nói: ‘Nếu có chúng sinh nào vì Ta xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mặc ca-sa, mà không giữ giới cấm, những người đó đều đã được ấn chứng bằng ấn niết-bàn. Nếu có người dùng các cách sai trái để quấy rối, mắng chửi, chê bai, hoặc dùng tay, dao, gậy đánh, trói, chặt, cắt người xuất gia không giữ giới, hoặc đoạt y, bát và các dụng cụ sinh nhai của họ, thì đó là kẻ hủy hoại pháp thân và báo thân của chư Phật ba đời, là kẻ chọc vào mắt của tất cả trời, người, muốn phá hoại chính pháp của chư Phật và làm hủy diệt hạt giống tam bảo, khiến trời và người không còn được hưởng lợi ích, giúp ba đường ác lớn mạnh khắp nơi. Do đó, kẻ ấy sẽ đọa địa ngục’.

Bấy giờ, vị chúa thế giới Ta-bà là Đại Phạm Thiên vương thưa Phật:

- Nếu có người theo Phật cạo bỏ râu tóc, mặc ca-sa mà không thụ giới cấm hoặc thụ giới rồi vi phạm, bị vua dòng Sát-đế-lợi quấy rối, mắng chửi, đánh đập, bắt trói, thì vị vua ấy bị tội thế nào?

Đức Phật bảo:

- Nay, Đại Phạm vương! Nay Ta sẽ nói sơ qua cho ông nghe. Nếu có người làm cho thân vạ ỨC Phật chảy máu, người ấy bị tội có nhiều không?

Đại Phạm vương đáp:

[18c] - Nếu chỉ làm thân một Đức Phật chảy máu thì cũng mắc vô lượng tội vô gián, không thể tính được, sẽ đọa đại địa ngục A-tì, huống gì kẻ làm thân vạ ỨC Phật chảy máu. Trừ Đức Thế Tôn ra, không ai nói hết được quả báo nghiệp tội của kẻ kia.

Đức Phật dạy:

- Đại Phạm vương! Nếu có kẻ quấy rối, mắng chửi, đánh, trói người đã vì Ta mà cạo bỏ râu tóc, mặc ca-sa, không thụ giới cấm hoặc thụ giới rồi vi phạm, kẻ ấy mắc tội còn nhiều hơn kẻ (*làm thân Phật chảy máu*) kia. Vì sao? Vì người xuất gia ấy còn có thể chỉ dạy con đường niết-bàn cho trời và người, người ấy đã ở trong hàng tam bảo nên lòng kính tin sâu chắc hơn tất cả chín mươi lăm phái ngoại đạo, người ấy chắc hẳn vào niết-bàn nhanh hơn tất cả mọi người tại gia, trừ người tại gia chứng được pháp nhãn nhục. Vì thế, trời và người phải nên cúng dường người ấy, huống gì người thường giữ gìn giới cấm, ba nghiệp phù hợp chính pháp. Tất cả quốc vương, các quan và đoán sự tăng⁶⁵ nếu thấy người xuất gia theo giáo pháp của Ta phạm tội nặng như sát sinh, trộm cắp, làm hoen ố phạm hạnh, nói dối, hoặc các việc bất thiện khác, hãy trục xuất người ấy khỏi đất nước, không cho làm việc chung với tăng chúng trong chùa, nhưng không được đánh đập, chửi mắng, kết tội. Nếu ai cố ý làm trái, trách phạt người xuất gia ấy thì người này đã lạc mất đường giải thoát, chịu làm hạng thấp kém, xa lìa mọi đường thiện trời và người, chắc chắn sẽ vào địa ngục A-tì, huống gì kẻ đánh đập người xuất gia theo Phật và giữ gìn đầy đủ giới cấm”.

Kinh *Thập luân* ghi: “Đức Phật bảo:

⁶⁵ Đoán sự tăng 斷事僧: vị ti-kheo thông hiểu giới luật, chuyên xử lý các việc vi phạm giới luật của tăng, ni trong tăng đoàn. Chức này tương đương chức giám luật ngày nay.

- Nay thiện nam! Có bốn hạng tăng. Đó là: Đệ nhất nghĩa tăng, Thanh tịnh tăng, Á dương tăng và Vô tâm quý tăng.

Đệ nhất nghĩa tăng là gì? Đó là bảy bậc: Phật, bồ-tát, bích-chi Phật và bốn quả sa-môn.

Thế nào là Thanh tịnh tăng? Đó là những vị tăng giữ gìn đầy đủ giới cấm.

Thế nào là Á dương tăng? Đó là tăng không biết các việc: phạm hay không phạm, tội nặng hay tội nhẹ, lỗi nhẹ có thể sám hối. Đó hạng tăng ngu dốt, không có trí tuệ, không gần gũi thiện tri thức, không thường xuyên thưa hỏi nghĩa sâu xa. Dù thiện hay bất thiện, những tướng như thế đều gọi là á dương tăng.

Thế nào là Vô tâm quý tăng? Đó là những người vì mưu sinh mà vào Phật pháp, hủy hoại pháp, phá hòa hợp tăng, không sợ quả báo đời sau, buông lung lục tình, tham đắm ngũ dục”.

Bốn hạng tăng này, người tại gia đều phải cung kính.

[19a] Kinh *Đại bi* ghi: “Đức Phật bảo A-nan:

- Trong pháp của Ta, dầu cho người tính là sa-môn, đắp ca-sa mà làm hoen ố hạnh sa-môn, tự xưng là sa-môn, thì trong kiếp Hiền, đầu tiên là Di-lặc Như Lai, cuối cùng là Lô-già Như Lai, một nghìn vị Phật như thế vào cõi niết-bàn vô dư rồi, những sa-môn kia lần lượt sẽ được vào niết-bàn không sót một ai. Vì sao? Vì tất cả sa-môn như vậy, ngay cả người xưng tụng danh hiệu Phật một lần, hoặc một lần khởi lòng tin, mọi công đức ấy đều không uổng phí.

A-nan! Ta dùng Phật trí suy lường biết được hết pháp giới. Tất cả nghiệp thiện đều được quả báo thiện, nghiệp ác đều chịu quả báo ác. Những chúng sinh có tâm thanh tịnh, nếu xưng niệm: ‘*Nam-mô Phật*’, nhờ thiện căn này, họ chắc chắn sẽ được gần niết-bàn, hưởng gì là gặp Phật, gần gũi phụng sự và cúng dường”.

Kinh *Thập luân* ghi: “Đức Phật dạy:

- Nếu các tì-kheo xuất gia theo Phật pháp, tất cả trời, người, a-tu-la đều nên cúng dường. Nếu vị ấy giữ gìn giới pháp thì không nên trách phạt, trói, nhốt, hoặc chặt tay chân, hoặc giết chết. Vì những việc ấy đều không đúng pháp. Nếu có tì-kheo phá giới, không có Phạm hạnh mà nói mình giữ Phạm hạnh, thì giống như cái nhọt mủ vỡ, người ấy đã lạc mất thánh đạo, quả chúng đã bị phiền não hủy hoại. Nhưng họ vẫn còn có khả năng chỉ bảo cho tất cả trời, rồng, người và phi nhân v.v... biết kho báu chính pháp. Vì thế, người theo Ta xuất gia, dù giữ giới hoặc phá giới, Ta đều không chấp nhận các vua, hoặc tể tướng, đại thần trách phạt, trói, giam, đánh đập, chặt tay chân, giết chết, huống gì tì-kheo phá giới vì phạm các lỗi nhỏ về oai nghi. Dầu người ấy chết rồi, giới ấy vẫn còn sức mạnh, cũng như ngưu hoàng⁶⁶ trong thân trâu, tuy trâu chết rồi, mà người ta vẫn lấy dùng, hoặc như xạ hương vẫn còn có ích sau khi con hươu xạ đã chết. Tì-kheo phá giới còn có khả năng đem lại lợi ích cho tất cả chúng sinh. Tì-kheo ác hạnh tuy phạm giới cấm, nhưng sức mạnh của giới còn làm được các lợi ích cho vô lượng trời và người, giống như hương đốt rồi thì tàn rụi, nhưng mùi thơm của nó đã xông ướp vào người khác khiến họ trở nên thơm. Tì-kheo phá giới cũng như vậy, tự thân đọa đường ác, nhưng có thể làm cho chúng sinh tăng trưởng căn lành.

Vì lý do ấy, tất cả người tại gia không nên xúc phạm, khinh rẻ tì-kheo phá giới, mà nên bảo vệ, tôn trọng và cúng dường vị ấy, không cho phép ai phạt trách, giam, trói, hoặc giết chết vị ấy”.

Bấy giờ, Đức Phật nói kệ:

Hoa chiêm-bạc tuy héo,

Vẫn quý hơn hoa khác.

Các tì-kheo phá giới,

Còn tốt hơn ngoại đạo.

[19b] Trong kinh *Đại tập*, Đức Phật nói kệ:

Cạo đầu, mặc ca-sa,

⁶⁶ Ngưu hoàng 牛黃: sạn trong mật của trâu, bò được dùng làm một vị thuốc.

*Giữ giới và phá giới,
Trời, người nên cúng dường,
Thường giúp không thiếu thốn,
Cúng dường người như vậy,
Chính là cúng dường Ta.
Nếu vì cung kính pháp,
Nên cạo đầu qui y,
Thân đắp y ca-sa,
Ấy chính là con Ta,
Giả sử phá giới cấm,
Vẫn trụ địa Bất thoái.
Nếu ai đánh người ấy,
Tức là đánh đập Ta,
Nếu ai chửi người ấy,
Tức là chửi mắng Ta.
Tâm người kia muốn hủy,
Ngọn đèn lớn chính pháp.
Đánh nhau giành của cải,
Vua chúa cùng nổi giận.*

Kinh *Thập luân* ghi: “Đời xưa, có vị vua tên Phúc Đức. Một hôm, có một tì-kheo phạm tội bị bắt trói, nhưng nhà vua không muốn giết, bèn sai đưa

người ấy đến chỗ một con voi điên. Nó dùng vòi túm hai chân người ấy, định ném xuống đất, nhưng nhìn thấy người ấy mặc áo hoại sắc, nó liền nhẹ nhàng đặt người ấy xuống đất, không dám làm tổn thương. Nó ngồi xuống dùng mũi ngửi chân người ấy và tỏ lòng thương mến.

Này thiện nam! Voi là loài vật, nhưng thấy người mặc áo hoại sắc, nó còn không nảy sinh tâm độc ác làm hại. Đến đời vị lai, có vua Chiên-đà-la thấy trong pháp của Ta có người xuất gia có thể nhận lãnh trách nhiệm pháp khí, song đã không trở thành bậc pháp khí. Do đó, nhà vua hành hạ hoặc giết người ấy. Sau khi qua đời, ông vua ấy chắc chắn bị đọa địa ngục A-tì”.

Hãy nghe bài tụng:

Ngựa hay nhờ roi thúc,

Hoa cậy gió đưa hương,

Khó gặp lý cao tốt,

Không người, loài nào thông?

Thành tâm cầu viên mãn,

Thấu suốt chỗ vi diệu,

Nắm trọn hết ba cõi,

Quyền quý như ảo mộng,

Của tiền tựa bụi mù,

Mãi lìa xa cõi tục,

Thong dong khỏi lụy phiền.

Giác Chính dịch

CHƯ KINH YẾU TẬP

QUYỂN 3

II. KÍNH THÁP

Gồm bảy phần: Lời dẫn, Dẫn chứng, Làm phúc, Cảm báo, Nhiều tháp, Nhập tự, Trùng tu.

II.1. Lời dẫn

[19c] Đức Như Lai ứng hiện thân vi diệu rực rỡ khắp tam thiên; bậc Chính Giác tuy đã nhập diệt, nhưng tám vạn xá-lợi vẫn còn lưu lại. Vì thế, bảo tháp vọt lên từ dưới lòng đất ở Linh Sơn, hình tượng Phật lưu lại trong các hang đá, chạm trên gỗ quý, vẽ trên giấy lụa, đúc bằng vàng, chạm bằng ngọc. Như Lai lưu lại xá-lợi toàn thân và toái thân⁶⁷, việc tụ tháp và tán tháp đều thật diệu kỳ, hào quang soi sáng lớp lớp tối tăm, phúc báo cứu giúp vô số hàm thức, khiến tiếng tốt lừng xa, bọn tà chuyển lòng tin.

Việc dựng tháp bắt đầu từ thời vua A-dục, truyền đến Trung Hoa vào đầu triều Đại Đường. Từ đó trải qua các đời, nhiều tháp đã được dựng lên, sự thần biến chẳng phải một. Do đó, kinh ghi: “Chính pháp còn ở đời hay chính pháp bị hủy diệt” chính là điều này vậy”.

II.2. Dẫn chứng

Kinh *Quán Phật tam-muội* ghi: “Đức Phật đã để lại hình ảnh trong hang đá cạnh ao rồng độc ở nước Na-kiền-ha-la. Bây giờ, Phật ngồi trong thạch thất, hiện mười tám thứ thần biến để hàng phục loài rồng, rồi tung người vào trong vách đá bóng như gương sáng. Từ trong đá, bóng Ngài ánh hiện ra ngoài. Đứng xa nhìn thì thấy bóng Ngài, đến gần nhìn thì ẩn mất. Hàng trăm nghìn vị trời đã đến cúng dường bóng Phật. Hiện Ngài cũng còn đang thuyết pháp” (*Đến nay, hình bóng ấy vẫn còn, truyền mãi đến ngài Di-lặc*).

Kinh *Đại tập* ghi: “Trong vườn Chiêu Minh, phía đông cung điện của trời Đao-lợi có tháp thờ tóc Phật. Trong vườn Thô Sáp ở phía nam cung điện có tháp thờ y của Phật. Trong vườn Hoan Hi ở phía tây cung điện có tháp

⁶⁷ Toái thân 碎身: di cốt còn lại sau khi trà-tì. Như xá-lợi của Phật Thích-ca là toái thân xá-lợi, còn xá-lợi của Phật Đa Bảo trong tháp Đa Bảo là toàn thân xá-lợi.

thờ bát của Phật. Trong vườn Giá Ngự ở phía bắc cung điện có tháp thờ răng Phật”.

Luận *Đại trí độ* ghi: “Thiên Đế Thích đem tóc và y của bồ-tát về, thờ trong ngôi tháp dựng ở bên ngoài cửa phía đông cung điện”.

Truyện *A-dục vương* ghi: “Vua khởi lòng tin, hỏi đạo nhân:

- Tôi xưa nay đã tùy tiện giết hại nhiều người, nay nên tu nghiệp thiện gì để thoát tội ấy?

- Chỉ có cách dựng tháp, cúng dường chư tăng, cứu người tù tội, giúp đỡ người nghèo túng.

(Do đó, kinh Thí dụ nói rằng trong cung nhà vua thường cúng dường bốn thứ cần dùng cho hai vạn sa-môn, hết lòng lễ kính khó kể xiết).

[20a] Vua hỏi:

- Nên dựng tháp ở đâu?

Đạo nhân liền dùng thần lực đưa tay trái che ánh mặt trời, tạo thành tám mươi bốn nghìn luồng ánh sáng tỏa chiếu khắp cõi Diêm-phù-đề, chiếu đến chỗ nào thì nên dựng tháp ở đó. Đó chính là những nơi có các ngôi tháp A-dục ngày nay.

Bấy giờ, nhà vua muốn dựng tháp xá-lợi, nên đem bốn đạo quân đến thành Vương Xá lấy xá-lợi trong tháp Phật của vua A-xà-thế. Nhà vua cho sửa sang ngôi tháp giống như trước. Sau đó, nhà vua còn lấy xá-lợi trong bảy ngôi tháp Phật. Nhà vua cũng đến thôn Chúng Ma, được long vương đưa vào long cung. Nhà vua hỏi xin xá-lợi để cúng dường, liền được long vương chia cho một số xá-lợi. Nhà vua đã cho làm tám mươi bốn nghìn chiếc hộp bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê để tôn trí xá-lợi Phật; rồi lại sai làm tám mươi bốn nghìn cái bình báu để giữ những chiếc hộp ấy. Vua còn sai làm vô số tràng phan, lọng để cúng dường xá-lợi. Đồng thời, nhà vua cũng ra lệnh quỷ thần bảo với một ức gia đình trong các xóm làng, thành thị khắp cõi Diêm-phù-đề hãy dựng tháp thờ Đức Phật.

Bấy giờ, nước Trước-xoa-thi-la có ba mươi sáu ức gia đình. Dân trong nước ấy cầu xin quý thần cho ba mươi sáu hộp xá-lợi Phật để họ dựng tháp. Nhà vua liền tạo điều kiện cho dân trong nước: sai đem cho họ một ít xá-lợi để được đủ số mà dựng tháp thờ.

Khi ấy, ở ấp Ba-liên-phát có vị thượng tọa tên Da-xá. Một hôm vua A-dục đến chỗ của sư, thưa:

- Tôi có ý nguyện dựng tám mươi bốn nghìn ngôi tháp ở khắp cõi Diêm-phù-đề trong cùng một ngày.

Thượng tọa nói:

- Lành thay! Vào giờ ăn chính của ngày rằm, đại vương hãy sai dựng, cùng lúc đúng số lượng tháp như thế ở cõi Diêm-phù-đề.

Thế rồi, trong một ngày, tám mươi bốn nghìn ngôi tháp đã được dựng lên. Dân chúng trên thế giới hết sức vui mừng, cùng gọi đó là các tháp vua A-dục”.

Kinh *Đại A-dục vương* ghi: “Bấy giờ, tám nước chia nhau xá-lợi Phật. Sau khi được chia tám mươi bốn nghìn viên xá-lợi và được riêng phần râu mép của Phật, vua A-xà-thế liền mang về nước. Giữa đường, vua gặp long vương Nan-đầu-hòa đòi chia phần xá-lợi. Vua A-xà-thế không cho, long vương liền nói:

- Ta là long vương, có thừa sức mạnh để phá hoại đất nước của ông.

Lo sợ, vua A-xà-thế đành chia râu Phật cho long vương. Trở về long cung ở sâu tám mươi bốn nghìn dặm dưới chân núi Tu-di, long vương dựng tháp bằng thủy tinh để thờ râu Phật. Phần vua A-xà-thế, sau khi về nước, liền lấy hộp bằng vàng ròng đựng xá-lợi, làm một ngọn đèn thắp sáng được một nghìn năm, dùng cát và nước của sông Hằng xây tháp, rồi chôn hộp xá-lợi dưới tháp ấy. **[20b]** Mãi sau khi vua A-dục chiếm được nước của vua A-xà-thế, đã cưới một bà phu nhân cao tám thước, tóc cũng dài bằng thân người, đủ các tướng tốt. Theo lệnh vua, xem tướng cho bà ấy xong, thầy tướng nói: ‘Phu nhân này sẽ sinh cho đại vương một đứa bé da màu vàng ròng’. Nhà vua liền phong bà ấy làm đệ nhị phu nhân. Thái hậu ganh ghét, luôn

tìm thời cơ thuận tiện để trừ khử đệ nhị phu nhân. Một hôm, khi phu nhân ấy mang thai đã mười tháng, sắp sinh, nhà vua có việc phải ra khỏi cung. Thái hậu thừa dịp ấy, liền sai tìm một con lợn nái sắp đẻ, rồi bảo bà phu nhân:

- Em còn ít tuổi, lại mới sinh lần đầu, do đó, em không nên để lộ mặt ra ngoài trời.

Vừa trùm mặt lại, phu nhân liền sinh đứa bé trai da vàng sáng rực cung điện. Thái hậu trộm đem đứa bé giết đi, lấy lợn con đặt bên cạnh phu nhân, rồi mắng:

- Người bảo rằng sẽ sinh cho đại vương đứa con trai da vàng, nhưng tại sao lại sinh ra con lợn?

Thái hậu liền cầm cây luân đầu⁶⁸ đánh và nhốt bà phu nhân ở khu vườn phía sau cung điện, bắt trồng rau cải. Vừa trở về cung, nghe thái hậu tâu lại, nhà vua rất bực bội. Sau đó khá lâu, một hôm trong lúc đi dạo trong vườn, nhìn thấy phu nhân, nhà vua chợt thấy nhớ thương, liền cho đón bà về cung. Dần dần được gần gũi nhà vua trở lại, đệ nhị phu nhân kể lại đầy đủ sự tình trước kia. Nghe xong, vua A-dục rất kinh dị, liền sai giết tám mươi bốn nghìn bà phu nhân. Sau đó, nhà vua lại cho xây một nhà ngục ở ngoài kinh thành để trừng trị tội nhân.

Biết nhà vua vì giết các vợ mình nên phải đọa địa ngục, Da-xá liền sai Tì-kheo Tiêu Tán đến giảng giải cho nhà vua tin và hiểu đạo lý. Bây giờ, nhà vua hỏi:

- Tôi đã giết tám mươi bốn nghìn người vợ. Tội ấy có thể chuộc được không?

Tì-kheo đáp:

- Cứ giết một người thì phải dựng một ngôi tháp, rồi đặt dưới tháp một viên xá-lợi. Làm như thế thì ngài sẽ được thoát tội.

⁶⁸ Luân đầu 輪頭: một loại cây giống như cây gậy gỗ.

Vua A-dục liền đi tìm xá-lợi Phật của vua A-xà-thế. Khi ấy, có một vị tướng phụ⁶⁹ đã một trăm hai mươi tuổi, dẫn năm trăm người đi lấy xá-lợi trong nước. Tìm được xá-lợi, vua rất vui mừng, liền giao cho các quý thần mỗi vị đem xá-lợi về chỗ của mình. Vua ra lệnh đồng thời trong một ngày phải đưa xá-lợi đến tám mươi bốn nghìn nơi. Các quý thần nói:

- Bởi có nhiều núi ngăn cách, nên các nơi không thể báo tin được cho nhau.

Nhà vua bảo:

- Các người hãy trở về cõi nước của mình chuẩn bị sẵn sàng và treo chuông gió lên. Ta sẽ sai A-tu-la dùng tay che mặt trời để khắp thế giới có cùng một giờ”.

Kinh *A-nan* ghi: “Khi dựng xong mới được một nghìn hai trăm ngôi tháp, các tấm phan đã dệt xong chưa kịp treo lên cùng với hoa, nhà vua luôn sợ mình qua đời. Do đó, sáu ngày sau, nhà vua liền thỉnh chư tăng đến thượng uyển để cúng dường. Bảy giờ, có la-hán Ưu-ba-quật-đa nhận lời thỉnh của vua, đưa mười tám nghìn vị a-la-hán đến. Tôn giả Quật-đa có dung mạo xinh đẹp, da dẻ mịn màng; còn nhà vua thì thân thể xấu xí, da dẻ thô nhám. Tôn giả liền nói kệ:

[20c] *Khi ta làm bố thí,*

Dùng tâm tịnh, của tốt.

Không như vua bố thí,

Dùng cát dâng chư Phật.

Nghe rồi, nhà vua bảo các đại thần:

- Ta vì dùng cát cúng dường Phật, nên chịu quả báo như thế. Tại sao ta không tu hạnh cung kính Thế Tôn?

Sau đó, nhà vua sai tìm những ngôi tháp của các đệ tử Phật thời Phật tại thế, như Ca-diếp, A-nan v.v... Đích thân vua đến chỗ các tháp ấy, thành

⁶⁹ Tướng phụ 相父: tức vị tể tướng của triều đại trước.

tâm cung kính lễ, tỏ bày sự xót xa và cúng dường mọi thứ. Nhà vua còn dựng một ngôi đại tháp cho mỗi vị và cúng dường mỗi ngôi tháp này mười vạn lượng châu báu.

Đến lượt phải cúng dường ngôi tháp của Bạc-câu-la, nhà vua hỏi:

- Vị này có công đức gì?

Tôn giả Quật-đa đáp:

- Vị ấy là bậc ‘Vô bệnh đệ nhất’, nhưng không giảng câu pháp nào cho ai cả, chỉ luôn luôn im lặng.

Nhà vua sai các quan:

- Hãy cúng dường một đồng tiền.

Các quan hỏi nhà vua:

- Công đức vốn bình đẳng, tại sao bệ hạ chỉ cúng dường tháp này một đồng tiền?

Nhà vua bảo:

- Hãy nghe kệ của ta:

Tuy trừ vô minh si,

Trí tuệ soi xét khắp,

Tuy có Bạc-câu-la,

Thế gian được ích gì?

Sau đó, đồng tiền kia tự quay trở lại cung điện. Thấy việc lạ lùng ấy, các quan cùng ca ngợi vị a-la-hán kia:

- Than ôi! Tôn giả giữ hạnh thiếu dục tri túc, ngay cả một đồng cũng không cần.

Từ đó, nhà vua liên tục cúng dường cây bồ-đề. Một phu nhân tên Đê-xá-la-hi-đa nghĩ: ‘Đức vua đang rất yêu mến ta, nhưng nay lại bỏ thân ngọc ngà ta mà đến cội bồ-đề. Vậy ta nên tìm cách làm cho cây ấy chết để đức vua không đến chỗ ấy nữa. Như thế, đức vua mới chịu vui vầy với ta’. Bà phu nhân liền sai người tưới sữa nóng vào cây bồ-đề ấy khiến cây khô, lá rụng. Nghe tin cây bồ-đề chết, quá đau buồn, nhà vua đã ngất xỉu. Thấy nhà vua mãi âu sầu, bà phu nhân muốn làm vui lòng vua, liền hỏi nguyên do. Vua bảo:

- Nếu không có cây kia thì mạng ta cũng không còn. Như Lai đã đấng đạo ở cây ấy. Nay cây ấy không còn thì ta đâu cần sống!

Bà phu nhân bèn sai tưới sữa lạnh vào cây ấy, nó liền sống lại. Vua nghe tin, vui mừng, đến cội cây bồ-đề chiêm ngưỡng mắt không rời. Sau đó, nhà vua sai dùng một nghìn bình nước thơm tưới cây, khiến nó trở nên đẹp hơn trước nhiều, cao to và sum sê.

Về sau, nhà vua chuẩn bị thân tâm thanh tịnh, bung lư hương ở trên điện thờ, lễ bốn phương, tâm nghĩ, miệng nói:

- Các đệ tử hiền thánh của Như Lai ở các nơi! Hãy thương xót mà nhận sự cúng dường của con!

Khi nhà vua nói như thế xong, có ba mươi vạn ò-kheo tập hợp đến. Trong số đó, mười vạn người là a-la-hán, hai mươi vạn là thánh hữu học. Nhân dịp này, nhân dân, cung nhân, thái tử, các quan và nhà vua đã tạo công đức lớn lao vô cùng, không thể kể xiết”.

[21a] Kinh *Tạp a-hàm* ghi: “Vua A-dục hỏi các ò-kheo:

- Ai ở trong Phật pháp thường thực hành bố thí rộng lớn?

Các ò-kheo nói:

- Trưởng giả Cấp Cô Độc thực hành bố thí rộng lớn nhất.

Vua hỏi:

- Ông ấy bố thí như thế nào?

- Ông ấy đã bỏ ra ức nghìn lượng vàng để bố thí.

Vua nghe xong, nghĩ: ‘Ông trưởng giả kia còn có thể bỏ ức nghìn lượng vàng để cúng dường. Nay ta là vua, lý do gì lại dùng ức nghìn lượng vàng để bố thí? Ta sẽ dùng ức trăm nghìn lượng vàng để bố thí, cho đến đem hết kho báu riêng, cùng tất cả phu nhân, mỹ nữ, đại thần, thái tử cúng dường cho các thánh tăng. Sau đó, ta sẽ dùng bốn mươi ức lượng vàng chuộc họ lại. Tính ra, như thế ta đã dùng chín mươi sáu ức nghìn lượng vàng’. Đến khi bị bệnh nặng, nhà vua tự biết số mạng mình sắp hết, thường muốn dùng ức trăm nghìn lượng vàng làm công đức, nhưng nay điều nguyện chưa tròn thì sắp phải sang đời sau, chỉ còn thiếu bốn ức lượng vàng. Do đó, nhà vua sai lấy châu báu đưa đến chùa Kê-đâu-ma dâng cúng dường, ngay đến còn nửa quả a-ma-lặc cũng cúng dường. Nhà vua lễ chân chư tăng, thăm hỏi các đại thánh, nói:

- Con cai trị cõi Diêm-phù-đề này, cõi này là của con. Nay của cải đã hết, không được tự chủ nữa, chỉ còn nửa quả a-ma-lặc này, xin các ngài nhận lấy để con thêm phúc.

Thượng tọa Da-xá sai nghiền quả a-ma-lặc, cho vào canh thạch lựu. Làm như thế, tất cả chư tăng đều được phần.

Nhà vua liền hỏi cận thần:

- Ai là vua cõi Diêm-phù-đề?

Các quan tâu:

- Chính là đại vương.

Nhà vua ngồi dậy, ngoảnh nhìn bốn phía, chấp tay lễ, nghĩ đến công đức của Phật, lòng nghĩ, miệng nói:

- Nay ta cúng dường cõi Diêm-phù-đề này cho tam bảo.

Nhà vua viết giấy xác nhận, niêm phong lại, dùng ấn ngà đóng lên. Làm xong, nhà vua liền qua đời.

Bấy giờ, thái tử và nhân dân cúng dường mọi thứ và lo việc tống táng theo nghi thức hỏa thiêu dành cho vua”.

Kinh *Pháp ích* ghi: “Nay đất nước này thuộc tam bảo, tại sao lại lập thái tử làm vua?

Nghe dân nói thế, các quan liền bỏ ra bốn ức lượng vàng đem đến chùa chuộc lại đất nước”.

Luận *Thiện kiến* ghi: “Vua A-dục dùng chín mươi sáu ức đồng tiền vàng dựng tám mươi bốn ngôi tháp báu và bố thí rộng rãi nhiều thứ”.

II.3. Dựng tháp

Hỏi: Qua những kinh luận đã dẫn, lý do dựng tháp đã biết, nhưng chưa biết tháp nghĩa là gì, có mấy loại tháp, người được dựng tháp có thể là phạm phu không?

[21b] Đáp: Bởi chữ Phạn và chữ Hán khác nhau, việc phiên dịch lại thực hiện vào các thời điểm trước sau không đồng, cho nên đã dẫn đến việc dùng danh từ thuật ngữ khác nhau, văn tự cũng nhiều sai biệt.

Tháp, Phạn âm là *tháp-bà*, Trung Hoa dịch là *phương phần*; hoặc Phạn âm là *chi-đề*, Trung Hoa dịch là *nơi diệt ác sinh thiện*; hoặc Phạn âm là *đầu-tâu-ba*, Trung Hoa dịch là hộ tán, như người ủng hộ và khen ngợi người đáng được ủng hộ và khen ngợi. Chính âm tiếng Tây Phạn của *tháp* là *tốt-đồ-ba*, Trung Hoa dịch là *miếu*. Miếu nghĩa là *mạo*, tức là *linh miếu*.

Việc dựng tháp có ba ý nghĩa:

1. Biểu thị đức tính ưu việt của người được thờ.
2. Khiến người khác tin.
3. Để báo ân.

Nếu là ti-kheo phạm phu có đức hạnh cao trọng, cũng được dựng tháp thờ. Không nên dựng tháp thờ những người khác.

Dựng tháp, (chi-đề) ở bốn nơi:

1. Nơi đản sinh.
2. Nơi thành đạo.
3. Nơi chuyển pháp luân.
4. Nơi niết-bàn.

Nơi đản sinh và nơi thành đạo của chư Phật chắc chắn phải có chi-đề. Đức Phật chắc chắn sinh ở cội cây a-thâu-kha, Trung Hoa dịch là cây vô ưu. Đó là nơi phu nhân của vua Tịnh Phạn đã sinh thái tử, nên gọi cây ấy là chi-đề đản sinh. Như Lai thành đạo ở cội cây bồ-đề, nên gọi cây ấy là chi-đề thành đạo.

Nơi Như Lai chuyển pháp luân và niết-bàn thì không cố định. Đức Phật chuyển pháp luân lần đầu tiên để hóa độ năm vị tì-kheo ở Lộc Dã. Vườn này ngang dọc mỗi bề hai mươi lăm tầm. Một tầm bằng tám thước. Người xưa thân hình cao to nên một tầm bằng tám thước. Tổng cộng, hai mươi lăm tầm bằng hai mươi trượng. Hiện nay, người Ấn Độ lập chuyển pháp luân ở khắp nơi, chọn vị trí đẹp, theo kích thước ấy, trồng ba cây trụ và đặt lên đó ba bánh xe để biểu thị ngày xưa Đức Phật đã ba lần chuyển pháp luân tứ đế. Những nơi ấy gọi là chi-đề chuyển pháp luân.

Nơi Như Lai nhập niết-bàn có dựng tháp để tôn trí xá-lợi Ngài, gọi là chi-đề niết-bàn. Ngày nay, nơi ấy có lập chùa, tên là chùa niết-bàn, là nơi cố định. Nếu căn cứ vào các nơi dựng tháp có xá-lợi thì chi-đề niết-bàn không cố định. Bốn loại tháp ấy đều gọi là tốt-đỏ-ba.

Luận *Tì-bà-sa* ghi: “Nếu có người dựng tháp lớn ở nơi Như Lai đản sinh, chuyển pháp luân..., lại có người lấy hòn đá nhỏ cũng làm tháp ở những nơi ấy, thì phúc của người này bằng với phúc của người dựng tháp lớn ở trên. Vì hai việc làm ấy đều tôn quý. Nếu dựng tháp, dù lớn hay nhỏ để thờ Như Lai, Đại Phạm thì phúc như nhau, vì việc làm giống nhau”.

Kinh *A-hàm* ghi: “Có bốn hạng người đáng được dựng tháp thờ là Như Lai, bích-chi phật, thanh văn và Chuyển luân vương”.

Kinh *Thập nhị nhân duyên* ghi: “Có tám hạng người được dựng tháp là Như Lai, bồ-tát, duyên giác, a-la-hán, a-na-hàm, tư-đà-hàm, [21c] tu-đà-hoàn và Chuyển luân thánh vương. Còn những hạng dưới Chuyển luân vương thì không được dựng tháp. Thấy tháp có lộ bàn⁷⁰ một tầng thì không cần lễ, vì đó không phải là tháp của thánh nhân. Tháp của hàng sơ quả thì làm lộ bàn hai tầng..., cho đến tháp của Như Lai thì làm lộ bàn tám tầng. Tháp có lộ bàn tám tầng trở lên đều là tháp Phật”.

Luật *Tăng kỳ* ghi: “Muốn dựng chùa, trước hết phải đo đất. Chỗ định làm tháp không được ở phía nam chùa, không được ở phía tây, mà phải ở phía đông hoặc phía bắc, không được lấn vào chỗ thờ Phật. Chỗ thờ tăng phải ở phía tây, phía nam dùng làm tăng phòng. Tháp Phật phải làm chỗ cao ráo, quang đặng. Không được giặt, nhuộm, phơi y phục hoặc khắc nhỏ trong khuôn viên tháp. Phải làm khám thờ ở bốn mặt tháp. Phải vẽ hình sư tử, chim, thú... Phải treo phan, lọng trong tháp. Nên tạo vườn hoa, rừng với nhiều loại cây trái quanh tháp. Hoa mọc trong vườn ấy nên dùng cúng dường tháp. Nếu những cây ấy do thí chủ tự phát tâm trồng thì thí chủ nên nói: “Hoa trong vườn này để cúng dường Phật, quả cho tăng dùng”.

Đức Phật bảo:

- Phải làm theo lời thí chủ. Nếu hoa nhiều thì có thể đưa cho thợ kết hoa xâu thành vòng cho mình. Số hoa còn thừa phải tính xem, nếu có giá trị thì vị hương đặng bán đi để mua hương cúng dường Phật và sửa sang tháp. Nếu số hoa ấy bán được nhiều tiền thì cất vào vô tận vật⁷¹ của Phật. Nếu người nào nói Phật không có tham, sân, si, nhưng lại tự lấy hoa trang điểm cho mình và hưởng quả, thì người ấy bị tội báo nặng.

Đức Phật dạy: “Cũng phải làm chi-đề. Có xá-lợi thì gọi là tháp, không có xá-lợi thì gọi là chi-đề. Nơi Phật đản sinh, đắc đạo, chuyển pháp luân và niết-bàn đều phải dựng tượng bồ-tát, tượng bích-chi Phật. Nơi có chạm khắc dấu chân Phật thì phải che lọng đẹp cúng dường những chi-đề ấy. Về việc cúng dường, bậc thượng là cúng dường tháp Phật, bậc hạ là cúng dường chi-đề. Nếu chợt gặp mưa gió, phải thu dọn các vật cúng dường đặt vào chỗ kín đáo gần đó. Không được nói rằng ta là thượng tọa, là đại đức ở

⁷⁰ Lộ bàn 露盤: kiến trúc hình luân bàn nhiều tầng trên bình đầu của tháp.

⁷¹ Vô tận vật 無盡物 (Cg: vô tận tạng, vô tận tài): tự viện cho người vay tài vật do tín đồ dâng cúng, hoặc tài vật dư thừa, dùng tiền lời để làm chi phí sửa chữa, duy trì già-lam. Cũng có nghĩa là vốn lời xoay vần vô tận.

a-lan-nhã khát thực, nên không làm việc ấy. Nếu không, sẽ bị tội Việt ti-ni⁷². Nếu có giặc cướp đến, trong lúc nguy cấp, không được cất giấu các vật thờ ở tháp hoặc vật của tăng. Vật thờ Phật phải dùng trang nghiêm tượng Phật, tọa cụ của chư tăng cũng nên trải ra, sắp bày các thức ăn uống để giặc cướp trông thấy. Nếu bọn cướp khởi tâm từ hỉ han thì từ-kheo đừng sợ, cứ ra gặp. Người trẻ tuổi nên lưu ý, nếu giặc cướp chột đến thì không được cất giấu vật dụng, mà phải nói với chúng rằng tất cả các hành đều vô thường. Nói xong, thì bỏ đi. Đây là cách ứng xử khi gặp nạn cướp”.

II.4. Cảm báo

[22a] Kinh *Tiểu vị tăng hữu* ghi: “Đức Phật bảo A-nan:

- Giả sử cây cỏ trong khắp bốn thiên hạ đều có người chứng được bốn quả Sa-môn hoặc là Bích-chi phật, rồi có một người suốt đời cúng dường bốn thứ cần dùng cho các vị ấy, sau khi các vị ấy diệt độ, lại xây tháp cho từng vị, rồi cúng dường hương, hoa, tràng phan, lọng báu cho các tháp. Lại có người thiện nam hoặc thiện nữ làm trăm nghìn ức ngôi điện lớn và trang nghiêm như cung điện của trời Đế Thích, có tám mươi bốn nghìn cột báu, tám mươi bốn nghìn cửa sổ báu, tám mươi bốn nghìn cửa sổ báu ở thiên tinh, tám mươi bốn nghìn lầu gác được trang trí các thứ báu xung quanh để cúng dường tăng sĩ ở khắp nơi, người đó sẽ được nhiều phúc, nhưng còn kém phúc của người sau khi Phật vào niết-bàn, làm tháp bé như quả am-ma-lặc, trụ của lộ bàn bằng cây kim, các tầng lộ bàn bé như chiếc lá táo, bên trong tháp tôn trí xá-lợi nhỏ như hạt cải hoặc tượng Phật nhỏ như hạt lúa mạch. Công đức của người này lớn hơn của người kia gấp trăm lần, nghìn, vạn, trăm nghìn vạn lần, không thể tính nổi.

A-nan! Nên biết Như Lai có vô lượng công đức, gồm vô lượng công đức thuộc giới phần, định phần, tuệ phần, giải thoát phần, giải thoát tri kiến phần, có thần thông biến hóa, sáu ba-la-mật..., vô lượng công đức như thế”.

Kinh *Vô thượng ý* ghi: “A-nan chấp tay bạch Phật:

- Hôm nay con vào thành Vương Xá khát thực, thấy một căn gác lớn và đẹp mới được xây xong, trong ngoài đều kín đáo. Có một cư sĩ cúng dường căn gác ấy và đầy đủ bốn thứ cần dùng cho tăng sĩ bốn phương. Nếu sau

⁷² Tội Việt ti-ni (Việt ti-ni tội 越毗尼罪): tội vượt bỏ, không tuân thủ giới luật Phật chế.

khi Như Lai diệt độ, có người dựng tháp nhỏ như hạt a-ma-la, trụ của lộ bàn nhỏ như cây kim, các tầng lộ bàn nhỏ như chiếc lá táo, để tôn trí viên xá-lợi nhỏ như hạt cải, và làm tượng Phật nhỏ như hạt lúa mạch. Trong hai công đức này, công đức nào lớn hơn?

Đức Phật bảo A-nan:

- Giả sử số người chừa quả Sa-môn và Bích-chi Phật đầy khắp bốn thiên hạ, nhiều như rừng mía, ruộng lau, tre..., có người suốt đời cúng dường những vị ấy đầy đủ bốn thứ cần dùng, sau khi họ vào niết-bàn, lại xây tháp lớn, thấp đèn, đốt hương, treo tràng phan, dâng y..., để cúng dường, thì ông nghĩ thế nào? Công đức của người kia có nhiều không?

A-nan đáp:

- Bạch Đức Thế Tôn, công đức của người kia rất nhiều.

Đức Phật bảo:

- A-nan! Hãy gác qua việc ấy. Ở cung trời của Đế Thích có tòa lầu cao lơ lửng trên không tên là điện Thường Thắng, được trang trí bằng nhiều thứ báu, mỗi thứ đều tám mươi bốn nghìn vật. Nếu có người nam hoặc nữ làm trăm nghìn muôn ức ngôi điện Thường Thắng để cúng dường tăng sĩ bốn phương; lại có người khác, sau khi Đức Phật vào niết-bàn, lấy được viên xá-lợi Phật bằng hạt cải, [22b] làm ngôi tháp thờ nhỏ như hạt a-ma-la, trụ của lộ bàn nhỏ như cây kim, các tầng lộ bàn nhỏ như chiếc lá táo, làm tượng Phật nhỏ như hạt lúa mạch, thì công đức của người này lớn hơn của người trước hơn trăm lần, hơn nghìn vạn ức lần, hơn a-tăng-kì lần, không thể thí dụ được. Vì sao? Vì công đức Như Lai lớn vô lượng. Dầu nghiền nát thế giới Ta-bà thành bụi nhỏ, mà có số người nhiều bằng số bụi ấy lần lượt đều chừa bốn quả Sa-môn hoặc Bích-chi Phật, nếu có cư sĩ nam hoặc nữ suốt đời cúng dường số thánh ấy, sau khi các vị ấy diệt độ, lại dựng tháp cúng dường, thì cũng không bằng người làm tháp thờ xá-lợi Phật nhỏ như hạt cải, cho đến thờ tượng Phật nhỏ như hạt lúa mạch. Công đức của người này lớn hơn công đức của người nói trên gấp trăm, gấp nghìn vạn ức lần, không tính toán hoặc thí dụ được.

A-nan! Như thế, tất cả Như Lai ngày xưa còn ở nhân địa, đều biết chúng sinh giới vốn tự tính thanh tịnh, nhưng bị khách trần phiền não làm ô nhiễm. Các Ngài không vào chúng sinh giới thanh tịnh, mà vẫn ở tại thế giảng cho tất cả chúng sinh nghe diệu pháp sâu xa, giúp trừ phiền não chướng. Lẽ ra các Ngài khởi tâm cho là hèn kém, nhưng vì lòng đại lượng, nên các Ngài khởi tâm tôn trọng, tỏ lòng cung kính họ như đại sư, khởi trí bát-nhã, tâm tổng trì, tâm đại bi. Theo pháp này, bồ-tát lên được địa vị A-bệ-bạt-trí⁷³. Nương nơi trí như thật mà đạt được phương tiện trí, chúng đắc Vô thượng bồ-đề”.

Kinh *Niết-bàn* ghi: “Nếu cúng dường Phật, pháp, tăng một nén hương, một ngọn đèn, cho đến một cành hoa, sẽ sinh vào cõi nước Bất Động. Khéo giữ gìn vật của Phật và tăng, quét dọn chỗ thờ Phật hoặc chỗ ở của tăng, làm tượng, dựng tháp nhỏ như ngón tay cái, thì sẽ sinh tâm vui vẻ, cũng sinh cõi nước Bất Động. Đó là Tịnh Độ thường trang nghiêm, không bị ảnh hưởng bởi ba tai họa⁷⁴”.

II.5. Nhiều tháp

Kinh *Bồ-tát bản hạnh* ghi: “Khi còn tại thế, một hôm Phật cùng A-nan vào thành Xá-vệ khất thực. Bấy giờ, trong thành có một bà-la-môn từ ngoài thành đi vào. Trông thấy Phật với vàng hào quang rạng ngời quanh thân đang ra khỏi thành, bà-la-môn vui mừng, phấn khích, nhiễu quanh Ngài một vòng, đảnh lễ, rồi bước đi.

Đức Phật mỉm cười, bảo A-nan:

- Bà-la-môn này gặp Phật, liền vui mừng, nhiễu Phật một vòng với tâm thanh tịnh. Nhờ công đức ấy, từ nay đến hai mươi lăm kiếp về sau, ông ta không bị đọa vào đường ác, mà được hưởng hạnh phúc vô cùng ở cõi trời và cõi người. Hết hai mươi lăm kiếp, ông ấy sẽ thành Bích-chi Phật hiệu là Trì-thần-na-kì-lê. Vì nhân duyên ấy, nếu người nào nhiễu Phật hoặc nhiễu tháp Phật thì sinh nơi nào cũng được phúc đức vô lượng”.

[22c] Kinh *Đề-vị* ghi: “Trưởng giả Đề-vị bạch Phật:

⁷³ A-bệ-bạt trí 阿鞞跋致: địa vị bất thoái chuyển.

⁷⁴ Ba tai họa (tam tai 三灾): trong bốn thời kì thành, trụ, hoại, không của thế giới, hữu tình xuất hiện trong một thời kì nhất định của kiếp trụ, đến thời kì cuối cùng của kiếp hoại thì thế gian hoàn toàn bị hủy diệt. Trong kiếp trụ và kiếp hoại lần lượt có ba thứ tai ách gọi là tam tai.

- Bạch Đức Thế Tôn! Rải hoa, đốt hương, thắp đèn, lễ lạy đều đẽ cúng dường. Còn việc nhiều tháp được phúc đức như thế nào?

Đức Phật dạy:

- Nhiều tháp có năm điều phúc đức: một, đời sau được thân hình xinh đẹp; hai, được giọng nói hay; ba, được sinh lên trời; bốn, được sinh vào nhà vua chúa; năm, chứng được Niết-bàn.

Nguyên do gì mà được xinh đẹp? Do vui mừng khi nhìn thấy tượng Phật. Nguyên do gì mà có giọng nói hay? Do nhiều tháp và giảng kinh. Lý do gì mà được sinh lên trời? Do tâm ý không phạm giới trong khi nhiều tháp. Lý do gì mà được sinh vào nhà vua chúa? Do dập đầu lễ dưới chân Phật. Lý do gì mà được đạo Niết-bàn? Do có rất nhiều phúc.

Đức Phật dạy:

- Nhiều tháp có ba điều: một, khi nhắc chân phải nghĩ đang nhắc chân; hai, khi hạ chân xuống phải nghĩ đang hạ chân xuống; ba, không được ngoảnh nhìn hai bên hoặc khạc nhổ quanh tháp.

Nên nhiều theo chiều phải. Trong kinh luật đều dạy phải đi nhiều theo chiều phải. Nếu đi nhiều bên trái thì bị thần quỷ mắng..., cho đến người nhiều trái đồng lúa mạch còn bị người đời chê trách.

Việc đi nhiều hiện thời thuận với lẽ trời thì từ hướng tây chuyển sang bắc, trích áo bày vai phải, cung kính hướng về Phật. Có thể nhiều trăm vòng, chục vòng, bảy vòng..., mỗi số đều biểu thị một ý nghĩa. Hơn nữa, thường nhiều ba vòng là bày tỏ ý cúng dường ba bậc tôn quý, dùng ba độc, tịnh hóa ba nghiệp, trừ ba đường ác, được gặp tam bảo”.

Kinh *Hoa nghiêm* có bài kệ:

Nếu muốn nhiều tháp,

Nên nguyện chúng sinh,

Thực hành điều phúc,

Thông suốt đạo ý,

Nhiều tháp ba vòng,

Nên nguyện chúng sinh,

Được tâm rốt ráo,

Không mất tứ hi⁷⁵.

Kinh *Hiện giả ngũ giới* ghi: “Việc nhiều tháp ba vòng biểu thị sự tôn kính ba ngôi tôn quý là Phật, Pháp và Tăng, cũng biểu thị nhớ việc diệt ba độc: tham, sân và si”.

Kinh *Tam thiên oai nghi* ghi: “Nhiều tháp có năm việc: một, cúi đầu nhìn xuống đất; hai, không được dẫm lên côn trùng; ba, không được ngoảnh nhìn sang hai bên; bốn, không được khạc nhổ trước tháp; năm, không được đứng trong khuôn viên tháp chuyện trò với người”.

Kinh *Đại tập* ghi: “Đức Phật bảo các Phạm thiên vương:

- Đối với các đệ tử thanh văn của Ta hiện nay và đời sau giữ ba nghiệp tương đương và tương ứng với ba loại Bồ-đề, bậc vô học và hữu học, giữ giới đầy đủ, học rộng, tu các thiện hạnh, độ các chúng sinh trong ba cõi. Các thí chủ xây tháp, dựng chùa và cúng dường mọi thứ cần dùng cho đệ tử thanh văn của Ta, Ta ủy thác các ông phải bảo vệ họ và thân quyến họ, không để bị vua chúa hung bạo hành hạ một cách vô đạo.

[23a] Bảy giờ, Đại Phạm thiên vương, Đế Thích, tứ thiên vương, long vương và dạ-xoa v.v... đều chấp tay hướng về Phật, nói:

- Bạch Đại Đức Thế Tôn! Chúng con sẽ cùng bảo vệ tất cả tháp và chùa thờ Như Lai, các nơi thanh tịnh, những người tại gia hoặc xuất gia đời sau xây tháp, dựng chùa cho các đệ tử thanh văn của Đức Thế Tôn, khiến cho họ tránh khỏi mọi sự sợ hãi, tai nạn. Nếu có thí chủ cung cấp thức ăn uống, y phục, giường ghế, thuốc thang và tất cả những vật cần dùng như thế, chúng con cũng sẽ hộ trì họ”.

⁷⁵ Tứ hi 四喜: bốn niềm vui. Đó là niệm Phật ý hi, niệm pháp ý hi, niệm tăng ý hi và niệm giới ý hi.

Kinh *Thất Phật* ghi: “Có mười tám vị thần bảo vệ chùa là:

1. Mỹ Âm
2. Phạm Âm
3. Thiên Cổ
4. Thán Diệu
5. Thán Mỹ
6. Ma Diệu
7. Hương Âm
8. Sư Tử
9. Diệu Thán
10. Phạm Hưởng
11. Nhân Âm
12. Phật-nô
13. Thán Đức
14. Quảng Mục
15. Diệu Nhãn
16. Triệt Thính
17. Triệt Thị
18. Biến Thị.

Chùa đã có thần bảo vệ, người ở chùa cũng nên siêng năng, không được biếng nhác. Nếu không, e rằng sẽ lãnh chịu quả báo hiện tại”.

II.6. Vào chùa

Giải thích:

- Theo *Tây Vực*, hễ nam hay nữ vừa đến cổng chùa, liền khởi tâm vui gặp được chùa, nên trước hết sửa ngay ngấn y phục, lễ chung một lạy. Sau khi vào bên trong cổng, lại lễ một lạy, rồi khoan thai bước thẳng, không được ngoảnh nhìn hai bên. Do đó, kinh *Niết-bàn* ghi: “Khi đến tầng phường⁷⁶, có bảy việc: khởi lòng tin, lễ lạy, nghe pháp, chí tâm, suy nghĩ ý nghĩa pháp được nghe, thực hành đúng như lời dạy, hồi hướng Đại thừa giúp nhiều người được lợi ích. Giữ bảy việc thiện này thì được công đức cao hơn cả, không thể thí dụ được”.

Kinh *Úc-già trưởng giả* ghi: “Đức Phật bảo:

- Này trưởng giả! Bờ-tát tại gia khi vào chùa hoặc tinh xá, nên đứng ngoài cửa lễ lạy. Sau đó, bước vào chùa, tự nghĩ: “Bao giờ ta sẽ được ở chùa, nơi thoát ngoài trần lao, ô nhiễm”.

Luận *Thập trụ ti-bà-sa* ghi: “Nếu bờ-tát tại gia vào chùa, trước hết lạy sát đất ở ngoài cổng chùa, nghĩ rằng đây là nơi ở của bậc thiện nhân, nơi ở của người tu hạnh từ, bi, hỷ, xả, cho nên, mình phải lễ. [23b] Nếu thấy các tăng sĩ có đầy đủ oai nghi thì cung kính lễ lạy, gần gũi, thăm hỏi”.

Kinh *Tự ái* ghi: “Bấy giờ, có một vị vua đến chỗ Đức Phật. Thấy tinh xá ở phía xa, nhà vua liền xuống xe, xếp lọng, bỏ gươm, cởi giày, chấp tay đi thẳng đến”.

Luận *Tăng-kì* ghi: “Khi đi thì nhìn thẳng, lúc quay lại thì quay cả người. Khi bước đi, đặt gót chân xuống trước, đặt ngón chân xuống sau, nhìn xuống đất mà bước để tránh loạn tâm và bảo vệ chúng sinh. Đó là tác phong của bờ-tát bất thoái”.

Tây Quốc tự đồ ghi: “Đi đến chỗ của Phật, lễ ba lạy xong, đi nhiều ba vòng, tán tụng ba bài. Sau khi lễ xong, mới đến tầng phòng, lễ một lạy ở ngoài phòng, rồi vào yết kiến vị thượng tọa, tuần tự đến vị hạ tọa, lễ mỗi vị ba lạy. Nếu tầng đông thì lễ một lạy. Nếu thấy việc không đúng pháp thì

⁷⁶ Tầng phường (tăng phòng 僧房): phòng xá của chúng tăng.

không được chê trách. Nếu lên tiếng chê trách thì tự đánh mất sự tốt đẹp; đó không phải là việc nên làm khi vào chùa”.

Kinh *Niết-bàn* ghi: “Người đến chùa nên bỏ dao, gậy và các vật linh tinh, rồi mới vào chùa. Bỏ dao gậy tức là bỏ lòng giận hờn tam bảo; bỏ vật linh tinh tức là bỏ tâm cầu xin tam bảo. Hãy bỏ hai lỗi ấy, rồi mới nên vào chùa. Đi nhiều Phật theo chiều thuận, không được đi theo chiều nghịch. Giả sử gặp vật chướng ngại buộc phải đi theo bên trái thì phải luôn luôn nghĩ tưởng Phật ở bên phải. Lúc vào và ra khỏi chùa đều quay mặt về phía Phật lễ lạy. Luôn nhớ thể của tam bảo chỉ là một. Vì sao? Vì bậc giác ngộ pháp, có đủ phúc trí được gọi là Phật, đạo mà Phật giác ngộ gọi là pháp, người tu học Phật đạo gọi là tăng. Cho nên, thể của tất cả phàm và thánh như nhau, không hai. Khi vào chùa, nên cúi đầu nhìn xuống đất, không được nhìn lên cao, thấy côn trùng thì đừng làm tổn thương chúng. Phải ca tụng, khen ngợi tam bảo. Không được khạc nhổ trong khuôn viên chùa. Nếu thấy cỏ rác dơ bẩn thì phải dọn sạch”.

Luật *Tứ phần* ghi: “Vào chùa rồi, trước hết phải lễ tháp Phật, kế đó lễ tháp thanh văn. Sau đó, lễ vị thượng tọa lớn nhất, cho đến vị thượng tọa thứ tư”.

Luật *Ngũ phần* ghi: “Nếu vào chùa có nhiều tăng thì chỉ lễ riêng sư trưởng, còn những người khác thì lễ chung, rồi đi”.

Luật *Tứ phần* lại ghi: “Phải lễ tháp Như Lai và tháp của năm chúng xuất gia”.

Ngũ bách vấn sự cũng ghi: “Đệ tử phải lễ tháp của thầy để báo ân”.

Kinh *Tăng nhất a-hàm* ghi: “Khi ở trong tháp, không được lễ người khác”.

Luật *Thập tụng* ghi: “Trước tháp Phật và tháp thanh văn, không được lễ lẫn nhau”.

Ngũ bách vấn sự cũng ghi: “Ở trước tháp Phật mà lễ người khác thì bị tội”.

[23c] Kinh *Tam thiên oai nghi* ghi: “Không được ngồi trên cao mà lễ. Thời nay, thường ở một số chùa và các nhà cư sĩ, có người xuất gia và tại gia ngồi trên giường lễ Phật. Đây là quá kiêu mạn. Ví dụ muốn lạy nhà vua,

đâu được ở trên giường mà lạy! Đối với vua nhân gian còn không được phép như thế, huống gì đối với Pháp Vương lại được làm theo cách ấy sao?”.

Luận *Tì-ni mẫu* ghi: “Không được mang giày dép vào trong tháp”.

Ngũ bách vấn sự ghi: “Nếu là giày, dép, vớ sạch mới thì được mang khi lễ lạy”.

Luật *Tăng-kì* ghi: “Nếu nhận lễ lạy của người thì không được im lặng mà phải hỏi thăm họ có được khỏe và an vui không, đi đường có mệt nhọc không?”.

Giải thích: Nếu có người nam vì gặp nạn, phải đến chùa xin nghỉ qua đêm, thì không được nằm trên giường chiếu của chư tăng. Nếu không có đồ nằm riêng của mình thì nên mượn đồ nằm đúng phép tắc, nhưng không được chung giường với tăng. Cho nên, kinh *Bảo lương* ghi: “Nằm chung giường với tăng thì nửa người sẽ chết khô, đọa địa ngục chịu khổ cùng cực”.

Khi tăng chưa ngủ, không được ngủ trước, không được đùa giỡn, cười nói những lời trái pháp, làm mất uy nghi, xao động tâm mọi người. Nếu đại tiểu tiện, hỉ mũi, khạc nhổ, vì cầu pháp mà ban đêm không ra ngoài được, thì không phạm. Khi ngủ, phải nằm nghiêng người sang phải, hai chân để chồng lên nhau, tâm tự nhủ phải dậy sớm từ lúc trời vừa hừng sáng. Đó là biểu hiện nhân xuất gia.

Do đó, kinh ghi: “Nằm ngửa là cách nằm của a-tu-la; nằm sấp là cách nằm của ngựa quí; nằm nghiêng bên trái là cách nằm của người tham dục; nằm nghiêng bên phải là tư thế nằm của người xuất gia”.

Phải dậy sớm trước khi chư tăng dậy. Rửa mặt, sửa ngay ngắn y phục, đến trước phòng của tăng.

Kinh *Sa-di oai nghi* ghi: “Nếu muốn vào phòng của thầy, phải búng tay ba lần”.

Kinh *Tam thiên uy nghi* cũng ghi: “Nếu vào phòng của thầy, phải giữ đủ năm phép tắc: một, búng tay ở ngoài phòng thầy; hai, phải bỏ mũ; ba, phải

lễ; bốn, đứng thẳng, thầy cho ngồi mới được ngồi; năm, không quên trì kinh”.

Luật *Tăng-kì* ghi: “Đệ tử phải dậy sớm, đến phòng thầy, bước chân phải vào phòng trước, lạy sát chân thầy, hỏi thầy ngủ có ngon không”.

Luận *Thiện kiến*⁷⁷ ghi: “Đệ tử tham vấn thầy nên tránh sáu vị trí:

1. Không được đứng ngay trước mặt thầy
2. Không được ở sau lưng thầy
3. Không được ở quá xa thầy
4. Không được đến quá sát thầy
5. Không được đứng ở chỗ cao
6. Không được đứng trên gió”.

Nên đứng chệch sang một bên không quá gần hoặc quá xa, để có thể nghe được lời nói nhỏ của thầy và thầy cũng không phí sức. Khi thực hành như thế, trong mọi uy nghi đều không được rời xa thầy.

Luận *Thiện kiến* ghi: “Đệ tử đi theo thầy không được đập lên bóng thầy”.

[24a] Giải thích: Nếu phụ nữ vào chùa, cũng giữ phép tắc như trên, nhưng không được ngồi phía trước nam giới, không được trò chuyện, cười cợt, trang điểm son phấn, vẽ lông mày, đùa giỡn trái phép tắc, không được suồng sã nắm tay, chạm vào người khác. Cần phải giữ ý và giữ nghiêm vẻ mặt, vâng theo lời người trong chùa bảo, theo thứ tự cầm hương, nhất tâm cúng dường, sám hối tự trách rằng: “Mình bị sinh làm người nữ, luôn có chướng ngại, thiếu nhân duyên để tu tập diệu pháp này, không được tự chủ, phải làm theo ý người khác, thật khổ thay!”. Phải tỏ vẻ khẩn thiết. Nếu thấy sa-di, phải lễ như lễ vị tăng lớn, đừng cho là người nhỏ mà không cung kính, vì vị này nhỏ so với vị tăng lớn, nhưng tôn quý hơn người thế tục. Phải hết sức thực hành những phép tắc như thế. Có nhiều phép tắc cần

⁷⁷ Luận Thiện kiến (Thiện kiến luận 善見論): tên khác của Thiện kiến luật ti-bà-sa.

tuân theo, được trình bày đầy đủ ở thiên *Sĩ nữ* trong bộ *Pháp uyển châu lâm* gồm một trăm quyển.

Nếu nam nữ cư sĩ đã thực hiện xong các hạnh tu, muốn rời khỏi chùa, phải lạy ba lạy ở trước tháp Phật, nhiễu bên phải tháp ba vòng, chấp tay tán tụng, sau đó, ra ngoài cổng chùa, lại lễ một lạy nữa. Khi trông thấy tăng, nếu ít người thì lễ mỗi vị ba lạy, nếu nhiều vị thì lễ từ biệt chung ba lạy.

Luận *Thiện kiến* ghi: “Khi lễ Phật, phải đi nhiễu ba vòng, lễ ba lạy, lễ bốn phương, đưa hai bàn tay xoa lên đầu, rồi đi lùi ra ngoài. Khi không còn trông thấy tướng Như Lai nữa, lại lễ, rồi quay về phía trước mà đi”.

Đền chùa là tạo nhân duyên xuất thế, xây chùa là gieo nhân Tịnh độ, cúng dường chư tăng là gieo nhân xuất ly. Do người thế gian ô trọc, tâm tính thô tháo bước vào chốn già lam thanh tịnh, e rằng có những hành vi trái phép tắc, nên phải xả bỏ chút ít của cải cúng dường tam bảo để tự chuộc lỗi. Như vậy mới tỏ rõ người xuất gia có pháp thí, kẻ tục gia có tài thí, hành động hợp phép tắc thì người trong chùa và ngoài đời đều được lợi ích.

II.7. Sửa chùa tháp cũ

Kinh *Tượng pháp quyết nghi* ghi: “Xây cái mới không bằng sửa cái cũ. Làm phúc không bằng tránh họa”.

Lời này rất đúng!

Nếu đền chùa tháp cũ hư, điện thờ mục nát, nhà phòng sụp đổ, cửa rom, vách lá không ngăn được bụi bặm, mái tranh chẳng che được móc sương, tường vách, cửa nẻo tàn tạ, rác rưởi đầy thềm, đường không dấu chân người, tăng chúng bỏ đi nương nhờ các nơi khác, mà không sửa sang, không chăm sóc, khiến chùa ngày càng suy tàn, thì không có ngày dứt được tội lỗi. Già-lam đêm tối không có đèn đuốc, ban ngày chẳng từng thấy cắm hoa, treo phan; trên điện thờ không ai tụng kinh, lư hương chỉ toàn tro lạnh, khiến ác quỷ lộng hành, thiện thần không bảo vệ; chùa chiền không bền lâu chỉ vì tăng sĩ kiêu mạn, biếng nhác; Phật pháp đã suy vi cũng do cư sĩ không tôn kính. Sự tình như thế mà không lo lắng, còn muốn cầu gì nữa?

[24b] Kinh *Bảo lương* ghi: “Một vị hiền giả có tướng làm vua hiện trên mặt. Một thầy tướng nhìn thấy, liền gả con gái cho vị ấy. Về sau, có lần vị ấy vào chùa dựa gậy vào vách. Vì sinh lòng kiêu mạn như thế, nên tướng làm vua lặn mất, lại còn bị đọa địa ngục”.

Kinh *Tát-già* ghi: “Có người không thích chùa tháp, nên bắt chùa tháp phải dời đi nơi khác. Người như thế là hạng chúng sinh ác nghịch, đáng bị trị tội nặng”.

Kinh *Thập luân* ghi: “Nếu tà-kheo phá chùa, giết hại chúng sinh, khi sắp qua đời, từng lóng xương đau nhức, nhiều ngày không nói được. Sau khi chết, người ấy bị đọa địa ngục A-tì, chịu đủ mọi khổ sở”.

Kinh *Tam thiên uy nghi* ghi: “Có năm điều về việc quét tháp:

1. Không được mang giày dép.
2. Không được quay lưng về phía Phật mà quét.
3. Không được bỏ đất tốt trên tháp xuống dưới.
4. Không được lấy hoa cũ trên tượng Phật xuống.
5. Phải rửa tay mỗi ngày một lần, tự lấy khăn sạch lau tượng Phật”.

Lại có năm điều:

1. Phải tưới nước mặt đất trước khi quét.
2. Phải tưới cho đất thấm đều.
3. Phải đợi đất ráo nước.
4. Không được quét ngược.
5. Không được quét ngược gió.

Cũng có năm điều:

1. Không được bỏ đất tốt (trên tháp).

2. Phải tự tay nhổ cỏ.
3. Phải chuyển đất ở giữa xuống phía dưới.
4. Không được dồn rác vào bốn góc.
5. Phải quét sạch phạm vi sáu bước chân trước tháp.

(Đây là nói người bận công việc, nên hạn chế trong sáu bước chân. Nếu người rảnh việc, nên quét thêm ra thì tốt hơn).

Kinh *Chính pháp niệm* ghi: “Nếu có chúng sinh với tâm thanh tịnh cúng dường chư tăng, quét tháp Phật, khi qua đời sẽ sinh vào cõi trời Ý Lạc, thân không có xương thịt, cũng không bị cấu bẩn, có hương thơm tỏa xa một trăm do-tuần, sạch sẽ như gương sáng”.

Kinh *Chính pháp niệm* cũng ghi: “Nếu có chúng sinh hiểu biết về phúc điền, thấy tháp Phật hoặc tăng phòng bị mưa gió làm hư hỏng, khởi tâm tạo phúc đức sửa chữa, tô vá lại hoặc nhờ người sửa sang tháp cũ, thì khi qua đời sẽ sinh cõi trời Bạch Thân, được vào rừng lưu li hưởng thú vui ngũ dục với các thiên nữ. Khi hết nghiệp trời, người ấy sinh lại làm người có thân thể trắng trẻo”.

Kinh *Tạp bảo tạng* ghi: “Nếu quét tăng phòng rộng bằng một cõi Diêm-phù-đề, không bằng quét khoảng rộng một bàn tay ở tháp Phật” (luận *Thành thật* cũng nói như vậy).

Kinh *Soạn tập bách duyên* ghi: “Quét mặt đất già-lam được năm công đức:

1. Tự trừ được phiền não trong tâm.
2. Trừ sạch cấu bẩn trên đất.
3. Đẹp được kiêu mạn.
4. Chế ngự được tâm.
5. Tăng trưởng công đức, được sinh về nơi tốt đẹp”.

[24c] Kinh *Vô cấu thanh tịnh* nữ ghi: “Quét tháp được năm công đức:

1. Tự tâm thanh tịnh, người khác trông thấy cũng sinh tâm thanh tịnh.
2. Được người thương mến.
3. Khiến các trời vui vẻ.
4. Tích chứa nghiệp nhân cảm báo xinh đẹp.
5. Sau khi qua đời sẽ được sinh vào cõi trời tốt đẹp”.

Kinh *Sa-di uy nghi* ghi: “Quét tháp có năm phép tắc:

1. Không được quay lưng về tháp.
2. Không được quét ngược.
3. Phải tưới nước.
4. Phải quét sạch
5. Phải quét lùi ra từng phần”.

Kinh *Tăng nhất* nói: “Quét tháp Phật có năm phép tắc:

1. Tưới nước mặt đất.
2. Nhặt bỏ sỏi, đá.
3. San quét bằng phẳng mặt đất.
4. Giữ tâm ngay thẳng khi quét.
5. Quét sạch các chỗ dơ.

Sau khi quét sạch sẽ, nên rải một cành hoa thơm trên đất để cúng dường. Làm như thế, sẽ được vô lượng phúc”.

Kinh Hoa nghiêm có bài kệ:

Rải hoa tươi đẹp để trang nghiêm,

Trang hoàng hoa đẹp thành màn trướng,

Muôn sắc hoa tung khắp mọi nơi,

Cúng dường Như Lai mười phương cõi.

Kinh *Pháp diệt tận* (tiểu bản) ghi: “Về sau, khi kiếp Hỏa nổi lên, những nơi từng làm già-lam đều không bị cháy, cho đến chỗ làm thổ đàn⁷⁸ của Kim Cương giới⁷⁹ (thuộc Mật tông) cũng không bị cháy”.

Kinh *Bồ-tát bản hạnh* ghi: “Ngày xưa, lúc Phật còn tại thế, một hôm Ngài bảo năm trăm vị a-la-hán:

- Các ông hãy nói xem đời trước mỗi người đã tạo được công đức gì mà nay có nhân duyên được gặp Ta và được đắc đạo!

Bấy giờ, vị a-la-hán tên Bà-kiệt-đa-lê từ tòa đứng dậy thưa:

- Bạch Đức Thế Tôn, con nhớ trước đây vô số kiếp có Đức Phật Định Quang ra đời. Sau khi Phật ấy vào niết-bàn, xá-lợi của Ngài được chia ra để mọi người xây tháp cúng dường. Vào thời mạt pháp, có một người nghèo không kế sinh nhai, bèn làm nghề bán củi. Một hôm, người ấy đến bên đầm nước tìm củi, trông thấy một ngôi chùa tháp hết sức đồ sộ, liền đến cạnh tháp chiêm ngưỡng tượng Phật, vui mừng, lễ lạy. Ông ta thấy nơi đây chỉ có chó sói, chim chóc và thú rừng nương náu; cỏ cây, gai góc bần thiu đầy trong tháp, chẳng có bóng người, không dấu chân, không có người cúng dường. Thấy cảnh tượng tiêu điều, lòng tràn dâng cảm giác xót thương, nên dù không hiểu biết Như Lai đại đức, người ấy cũng vui vẻ chặt bỏ cỏ cây, quét dọn bùn rác, nhiều tháp tám vòng, lễ lạy, rồi đi. Nhờ công đức đó, sau khi qua đời, người ấy sinh vào cõi trời Quang Âm, ở trong cung điện đồ sộ làm bằng các thứ báu, ánh sáng rực rỡ, đẹp nhất trong các cõi trời, không thể kể xiết. Khi hết tuổi thọ, người ấy trở lại làm Chuyển luân thánh vương một trăm lần, có đủ bảy thứ báu, làm vua bốn thiên

⁷⁸ Thổ đàn 土壇: đài bằng đất để tôn trí tượng Phật, bồ-tát, hình tam-muội-da và vật cúng dường trong pháp tu của Mật giáo.

⁷⁹ Kim cương giới 金剛界 (S: vajra-dhātu): trí đức nội chứng của Như Lai, thể rất vững chắc, không bị phiền não làm ô nhiễm phá hoại, cũng như kim cương vững chắc không bị vật khác làm hư hoại. Theo kinh Kim cương đánh, Kim Cương giới được biểu thị bằng hình vẽ gọi là Mạn-đồ-la Kim Cương giới.

hạ⁸⁰. [25a] Về sau, khi qua đời, người ấy thường sinh vào nhà của vua chúa và các dòng họ cao quý, trưởng giả, tiền của vô số, dung mạo rất xinh đẹp, không ai sánh bằng, ai trông thấy cũng vui vẻ, mến trọng. Khi người ấy bước đi, đường xá tự nhiên sạch sẽ, trên không mưa xuống các thứ hoa”.

Ba-kiệt-đa nói:

- Người nghèo ngày xưa kia chính là con hôm nay. Nhờ công đức quét tháp, nên trong một a-tăng-kì và chín mươi kiếp con không bị đọa vào đường ác, dù sinh ở đâu trên trời hay trong cõi người, con tự nhiên được giàu sang, vinh hiển, được hưởng hạnh phúc vô cùng. Nay là thân sau cùng, được gặp Phật, con bỏ cảnh giàu sang, xuất gia và chứng được quả A-la-hán, có đủ tam minh, lục thông và bát giải thoát.

Nếu có người làm một việc thiện, dù nhỏ như sợi lông, cho Phật, pháp, tăng, thì sinh nơi đâu cũng được hưởng phúc báo to lớn vô cùng”.

Kinh *Thí dụ* ghi: “Vào thời Phật Tì-bà-thi, thái tử Kì-đà cúng dường cho chùa một người hầu nam và một người hầu nữ lo việc quét dọn chùa. Nhờ công đức ấy, đời đời thái tử thường được cung điện bằng bảy báu, hai bên cửa thường tự nhiên có một người nam và một người nữ bưng bát báu đựng đầy bảy thứ báu, lấy dùng không bao giờ hết. Ban đêm thường có hơn năm trăm thiên binh cưỡi ngựa bảo vệ cung điện, không ai dám đến gần; lại có bảy thứ báu của Chuyển luân thánh vương: xe vàng, voi trắng, ngựa xanh, thần châu, ngọc nữ, quan giữ kho tàng, tướng chỉ huy quân đội”.

Kinh *Tạp bảo tạng* ghi: “Ngày xưa, ở nước Xá-vệ có một trưởng giả xây một ngôi chùa tháp. Sau khi qua đời, ông ta sinh lên cõi trời Đao-lợi. Vợ ông ta ngày đêm thương nhớ chồng, nên luôn luôn buồn rầu, khổ sở. Để đỡ nhớ chồng, bà ấy thường xuyên đến quét dọn, sửa sang ngôi chùa tháp mà chồng đã xây. Bấy giờ, người chồng từ trên trời hạ xuống chỗ người vợ, thăm hỏi, an ủi:

- Bà nhớ tôi nên buồn rầu chẳng?

⁸⁰ Bốn thiên hạ (tứ thiên hạ 四天下): bốn châu lớn do Kim Luân thánh vương thống lĩnh. Đó là Đông Thắng Thân châu, Nam Thiệm Bộ châu, Tây Ngưu Hóa châu và Bắc Câu-lô châu.

Người vợ hỏi:

- Ngài là ai?

Người chồng liền đáp:

- Tôi chính là chồng của bà. Nhờ công đức xây chùa tháp nên tôi được sinh lên trời. Vì thấy bà nhớ tôi, thường đến quét dọn, sửa sang ngôi chùa tháp, nên tôi đến đây thăm hỏi.

Người vợ nói:

- Ông hãy đến gần đây.

Người chồng liền bảo:

- Thân thể con người hôi bẩn, nên tôi không thể đến gần được nữa. Nếu bà muốn làm vợ tôi trở lại, thì hãy siêng năng cúng dường Phật, tụng và quét dọn, sửa sang chùa tháp, đồng thời phát nguyện sinh lên cõi trời của tôi. Nếu sinh được lên đấy, tôi hẳn sẽ lại lấy bà làm vợ.

Người vợ làm theo lời chồng, tạo các công đức và phát nguyện sinh lên trời. Về sau, bà qua đời, được sinh lên trời, lại kết duyên vợ chồng với người chồng cũ. Hai vợ chồng lúc ấy đưa nhau đến chỗ Phật, được nghe Phật giảng pháp, cả hai cùng chứng được quả Tu-đà-hoàn, rồi cùng nhau trở về cõi trời”.

[25b] Luận *Phân biệt công đức* ghi: “Ngày xưa, trong thành Xá-vệ có một đôi vợ chồng không có con, rất siêng năng và kính tin tam bảo. Người vợ qua đời sớm, nhờ kính tin tam bảo nên được sinh lên trời Đao-lợi làm thiên nữ có dung mạo rất xinh đẹp, không vị trời nào sánh bằng. Thiên nữ ấy nghĩ: ‘Ta rất xinh đẹp, nơi này chẳng có ai đáng làm chồng ta’. Thiên nữ dùng thiên nhãn nhìn thấy người chồng cũ của mình bấy giờ đã xuất gia, già cả, tuy trí kém, nhưng dốc lòng tin, thường siêng năng quét dọn chùa tháp. Thấy vậy, biết ông ấy chắc chắn sẽ được sinh lên trời, thiên nữ liền hạ xuống, hào quang rực rỡ, đứng trước mặt ông ấy. Trông thấy thiên nữ, vị tì-kheo hỏi lý do. Thiên nữ đáp:

- Tôi là vợ ngày trước của ngài, nay là thiên nữ. Tôi thấy trên trời không có ai đáng làm chồng tôi, lại thấy ngài tinh tiến tu tập, siêng năng quét dọn chùa tháp, nên biết ngài sẽ sinh lên trời. Tôi mong nếu ngài được sinh lên trời sẽ ở cùng một nơi với tôi và lại làm chồng tôi. Vì thế, nay tôi đến để nói cho ngài biết. Nói xong, thiên nữ trở về trời. Từ sau khi thấy sự việc ấy, vị tì-kheo càng siêng năng quét dọn chùa tháp hơn, tích góp thêm nhiều công đức, đáng được sinh lên cõi trời Đâu-suất. Thiên nữ kia nhớ người chồng xưa, tìm đến nói:

- Phúc báo của ngài tăng thêm nhiều, nên đáng được sinh vào cõi trời Đâu-suất. Từ nay tôi không còn được làm vợ ngài nữa.

Nói xong, thiên nữ bỏ đi. Nghe nói thế, vị tì-kheo lại càng tinh tiến tu tập, chứng được quả A-la-hán, đầy đủ sáu thân thông và tám giải thoát”.

Kinh *Bách duyên* ghi: “Ngày xưa, lúc Phật còn tại thế, trong thành Ca-tỳ-la-vệ có một vị trưởng giả rất giàu, tiền của nhiều vô cùng. Vợ ông ta sinh một người con trai rất tuấn tú, ai thấy cũng quý mến. Khi trưởng thành, người con trai ấy được gặp Phật, xin xuất gia và chứng được quả A-la-hán. Bây giờ, Phật bảo các tì-kheo:

- Trước đây chín mươi một kiếp, sau khi Phật Tì-bà-thi ra đời, rồi vào niết-bàn, vua Bàn-đầu-mạt-đế thu nhật xá-lợi Phật, dựng tháp bằng bốn thứ báu để cúng dường. Về sau, tháp ấy bị hỏng một ít, một đứa bé vào chơi trong tháp, thấy chỗ tháp hỏng, liền vui vẻ kêu gọi mọi người cùng nhau sửa sang, lại phát nguyện, rồi bỏ đi. Nhờ công đức ấy, trong chín mươi một kiếp đứa bé không bị đọa địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, luôn được sinh vào cõi người và trời hưởng hạnh phúc, thường được người và trời kính trọng, xuất gia, đắc đạo.

Nghe Phật nói, mọi người đều vui vẻ vâng lời.

Tụng rằng:

Lưu thân tám vạn tháp,

Báu treo cao trăm trượng.

[25c] *Phụng hoàng xen quạ linh,*

Mâm vàng đỡ tay Phật,

Đầu củng⁸¹ nông kèo chạm

Mái tháp giăng lưới châu

Đất báu như cát vàng

Chuông gió thánh thót vang

Sinh động nghìn hình chạm

Rực rỡ muôn tượng vẽ

Thường ẩn hiện khói mây

Thần tiên chợt lai vãng

Sương sớm lưng chừng tháp

Phan bay chạm mây trời

Nghê⁸² bay không dám thờ

Côn⁸³ lượng há được nhìn

Dây vàng rải phúc địa

Quả báo trời đâu uổng

Nguyện nhờ thuyền từ giúp

Bờ kia đâu còn rộng!” .

⁸¹ Đầu củng 斗拱: cái trụ ngán trên xà.

⁸² Nghê 蜃: tên một loại ve sấu.

⁸³ Côn 鸛: một loài chim giống như con sếu.

III. NHIỆP NIỆM

Gồm có bốn phần: Lời dẫn, Thập niệm, Lục niệm, Phát nguyện.

III.1. Lời dẫn

Tâm phàm luôn chạy theo ngoại cảnh, khó cầm ngăn tựa như khỉ vượn, giống như voi điên. Ba nghiệp dấy động, duyên buộc càng tăng, nên Đức Phật lập ra giáo pháp, khiến thường chế ngự thân tâm.

Trong kinh chép: “Phải làm thầy của tâm, chẳng để tâm làm thầy, ba nghiệp thân, khẩu, ý không tạo việc ác thì thân, giới, tâm tuệ vững như núi”. Lại kinh chép: “Chế tâm ở một chỗ thì việc gì cũng làm xong”. Nhưng tâm tính mê lầm, điên đảo, do ngã kiến đứng đầu. Phiền não khó điều phục, bởi loạn sử⁸⁴ luôn hiện hành. Trong tất cả thời lấy lòng khó nhiếp phục, nếu chẳng gửi thân nơi chốn vắng lặng, thì không thể phá trừ ba độc. Thân không buông lung, miệng không nói lời vô ích, tinh thức ít ngủ, thường ngồi yên, tiết giảm ăn uống, tư duy chính pháp, biết chẳng thật có không, ngồi ngay thẳng giữ chính niệm, buộc ý trước mặt. Đó gọi là nhiếp niệm”.

III.2. Thập niệm

Kinh *Tăng nhất a-hàm* chép: “Bảy giờ, Đức Phật bảo các tỳ-kheo:

- Các ông nên tu hành mười pháp sẽ được thần thông, dứt trừ các loạn tướng, chứng quả Niết-bàn:

1. Niệm Phật

2. Niệm pháp

3. Niệm tăng

4. Niệm giới

5. Niệm thí

⁸⁴ Sử 使: tên khác của phiền não. Vì phiền não dẫn dắt con người chìm đắm trong cõi mê, nên gọi phiền não là sử.

6. Niệm thiên

7. Niệm dừng nghĩ

8. Niệm hơi thở

9. Niệm thân vô thường

10. Niệm tử.

Niệm Phật, pháp, thánh chúng,

Niệm giới, thí và thiên,

Dừng nghĩ và hơi thở,

Sau cùng niệm thân chết.

[26a] Thứ nhất, chuyên tâm niệm Phật: Thân tướng của Như Lai đầy đủ tất cả công đức, thân trí vô biên, biết khắp các đường sinh tử đến đi; tu hành một pháp dẫn đến Niết-bàn. Không lìa niệm Phật được các công đức, đó gọi là niệm Phật.

Thứ hai, chuyên tâm niệm pháp: Dứt trừ ái dục, không có tâm trần lao, khát ái; vĩnh viễn không khởi tâm dục hay vô dục, lìa các bệnh trói buộc, phiền não, giống như các mùi hương, không có niệm loạn tướng xấu ác. Như thế liền được thần thông, chứng quả Niết-bàn. Không rời niệm pháp được các công đức, đó gọi là niệm pháp.

Thứ ba, chuyên tâm nhớ nghĩ thánh chúng của Đức Như Lai: Thánh chúng thành tựu hạnh chân thật, không tà vạy, trên dưới thuận hòa, được tứ song bát bối⁸⁵, nên phải cung kính phụng sự, dứt trừ loạn tướng, chứng quả Niết-bàn. Không rời niệm tăng, được các công đức, đó gọi là niệm tăng.

Thứ tư, niệm giới: Giới hay dứt trừ các điều ác, thành tựu đạo nghiệp, khiến người vui mừng. Giới là chuỗi báu trang sức nơi thân, hiện lộ các vẻ đẹp. Giới như bình kiết tường, giúp thoả mãn các ước nguyện, lập tức dứt

⁸⁵ Tứ song bát bối 四雙八輩: bốn đôi, tám bậc. Bậc Thánh tiểu thừa có đủ bốn quả, bốn hướng. Hướng và quả là một đôi, bốn đôi tức tám bậc.

trừ loạn tưởng, chứng quả Niết-bàn. Không rời niệm giới, được các công đức, đó gọi là niệm giới.

Thứ năm, chuyên tâm niệm thí: Đã bố thí thì vĩnh viễn không hối hận, không cầu báo đáp, mau được lợi ích. Nếu bị người mắng chửi hay đánh đập, phải khởi tâm từ, không nên sân giận. Luôn luôn khởi tâm bố thí không để đoạn dứt, thì trừ các loạn tưởng, chứng quả Niết-bàn. Không rời niệm thí, được các công đức, đó gọi là niệm thí.

Thứ sáu, chuyên tâm niệm thiên: Thân, khẩu, ý không làm việc xấu, tu tập thành tựu giới thân, thân phóng ánh sáng chiếu khắp nơi, được quả lành và thành tựu đầy đủ các hạnh của thân trời, dứt trừ các loạn tưởng, chứng quả Niết-bàn. Không rời niệm thiên, được các công đức, đó gọi là niệm thiên.

Thứ bảy, niệm dừng nghĩ: Dứt trừ nghĩ tưởng, tính cẩn thận chu đáo, không vội vàng, thường chuyên nhất tâm, vui sống nơi thanh nhàn, thường tu phương tiện, vào định tam muội, thường niệm không tham, được ánh sáng rực rỡ, trừ các loạn tưởng, chứng quả Niết-bàn. Không rời niệm dừng nghĩ, được các công đức, gọi là niệm dừng nghĩ.

[26b] Thứ tám, chuyên ròng quán niệm hơi thở: Nếu lúc hơi thở dài, thì quán biết ta đang thở hơi thở dài; lúc hơi thở ngắn, thì cũng nên quán biết ta đang thở hơi thở ngắn. Nếu hơi thở quá lạnh hay quá nóng, cũng phải quán biết ta đang hít thở hơi thở lạnh, nóng. Phân biệt hơi thở ra vào dài hay ngắn, trừ các loạn tưởng, chứng quả Niết-bàn. Không rời quán niệm hơi thở, được các công đức, gọi là niệm hơi thở.

Thứ chín, chuyên ròng nhớ nghĩ đến thân: Thân gồm các thứ lông, tóc, móng, răng, da, thịt, gân, xương, mật, gan, phổi, tim, tì, lá lách, ruột già, ruột non, bọng đái, phần tiểu, nước miếng, nước mắt, nước mũi, máu mủ, đầu não v.v... Nên nghĩ những gì là thân? Đó là đất, nước, lửa, gió. Thân do cha mẹ tạo ra, từ đâu mà đến, sáu căn này, sau khi mất sẽ sinh về đâu? Như thế, trừ các loạn tưởng, chứng quả Niết-bàn. Không rời niệm thân, được các công đức, gọi là niệm thân.

Thứ mười, chuyên ròng nhớ nghĩ đến sự chết: chết ở chỗ này, sinh đến nơi kia, qua lại các đường. Sinh mạng mất đi, các căn tan hoại, như gỗ mục nát. Mạng căn đoạn dứt, thân tộc chia lìa, không hình, không bóng, cũng

không hình tướng. Niệm như thế, dứt trừ các loạn tướng, chứng quả Niết-bàn. Không rời niệm chết, được các công đức, gọi là niệm tử. Kệ rằng:

Phật, pháp và thánh chúng,

Cho đến niệm thân chết,

Tuy cũng đồng là niệm,

Nhưng ý nghĩa khác nhau.

III.3. Lục niệm

III.3.1. Niệm Phật

Luận *Phân biệt công đức* chép: “Niệm Phật là gì? Thân Phật như kim cương, không hề rỉ sét, lúc đi, chân Ngài cách đất bốn tấc, bàn chân có hình bánh xe nghìn căm in trên đất, các côn trùng dưới chân Ngài được an ổn bảy ngày, nếu chúng mạng chung, đều được sinh lên cõi trời.

Thuở xưa, có một tà-kheo ác, vốn là ngoại đạo giả trang để phỉ báng, đuổi theo Đức Phật, giẫm lên vết chân Ngài, làm chết côn trùng lại đổ tội cho Phật. Nhưng côn trùng chết nhằm vào vết chân Phật, liền được sống lại. Lúc Phật đi vào thành ấp, vừa bước qua cổng thành, trời đất đều chấn động, trăm thứ âm nhạc chẳng trỗi tự kêu. Những người mắc trăm thứ bệnh như đui, điếc, câm, ngọng v.v., đều được lành mạnh, nhìn thấy tướng hảo của Đức Phật, tùy theo hạnh mà được độ thoát, công đức cứu độ, không thể tính kể, tất cả muôn hạnh, cứu độ làm đầu. Đó là nghĩa niệm Phật”.

III.3.2. Niệm Pháp [26c]

Hỏi: Pháp là đạo vô lậu, vô vi, vô dục; Phật là chủ của các pháp, pháp là chủ các kết sử. Pháp sinh ra các Đức Phật, pháp sinh Phật đạo. Như vậy vì sao không niệm pháp trước, niệm Phật sau?

Đáp: Pháp tuy vi diệu, không thể nghĩ bàn, giống như kho báu ẩn kín trong đất, có khắp nơi, nhưng phải nhờ người thông hiểu chỉ bày, mới cứu giúp được những người nghèo thiếu. Pháp cũng như thế, lí tuy sâu xa vi diệu, nhưng chẳng nhờ Đức Phật thì pháp không hiển lộ. Do đó, niệm Phật trước, niệm pháp sau.

III.3.3. Niệm Tăng

Mười hai hiền sĩ⁸⁶ chứng quả tứ song bát bô, không tham lam, tranh cãi việc thế gian, chỉ dạy dẫn dắt trời người, làm ruộng phúc tốt cho chúng sinh.

Thuở xưa, có một tì-kheo kém phúc tên là Phạm-ma-đạt, sống cùng với một nghìn hai trăm năm mươi chúng, hằng ngày chúng tăng khát thực, mà không được thức ăn, nhưng không biết lỗi của ai. Đức Phật dạy chúng tăng nên chia làm hai bộ. Thế là một bộ thì được thức ăn, một bộ không được thức ăn. Lại chia làm hai bộ nữa, thì bộ này được thức ăn, bộ kia lại không được. Như thế lần lượt cho đến còn lại hai người, thì một người được thức ăn, người kia không được. Bấy giờ mới biết tì-kheo Phạm-ma-đạt không có phúc, tuy thức ăn đến bát, nhưng tự nhiên tan biến. Đức Phật thương xót, liền tự tay để thức ăn vào bát Phạm-ma-đạt, nhờ phúc lực của Ngài chế ngự, nên thức ăn không bị tan biến. Đức Phật cũng muốn làm cho hiện đời tì-kheo này được phúc, nên khiến hai tì-kheo đã chứng Diệt tận định⁸⁷ dùng thức ăn của Phạm-ma-đạt, tức thời Phạm-ma-đạt được phúc.

Lúc ấy, vua Ba-tư-nặc nghe tì-kheo bực phúc kia được Đức Phật ban thức ăn, liền bạch:

- Nay con cũng muốn làm phúc cho vị tì-kheo này.

Nói xong, vua sai người đem gạo đến. Lúc ấy có một con quạ bay đến ngậm lấy một hạt gạo bay đi, thấy thế người ấy liền trách:

- Vua làm phúc cho Phạm-ma-đạt, sao ngươi lại lấy đi?

Nghe xong, quạ liền mang hạt gạo trả về chỗ cũ. Cho nên, tì-kheo này nhờ phúc lực của chúng tăng, chim thú không thể xâm hại. Do đó biết rằng, tạo ruộng phúc tốt đã có thể tự độ, lại còn độ người đạt được đạo tam thừa. Đây là ý nghĩa của niệm chúng.

⁸⁶ Hiền sĩ 賢士: chỉ cho chúng tăng, đệ tử Phật, là người tài giỏi, có đức hạnh.

⁸⁷ Diệt tận định 滅盡定 (S: nirodha-samāpatti): định diệt trừ tâm và tâm sở mà trụ ở vô tâm vị. Định này là quả chứng đắc của Phật và các bậc a-la-hán.

III.3.4. Niệm giới

Giới gồm có năm giới, mười giới, hai trăm năm mươi giới, cho đến năm trăm giới. Tất cả đều có công năng ngăn cấm thân, khẩu, ý, dùng các lỗi lầm, ngăn chặn sáu căn, dứt trừ dục niệm. Trong ngoài thanh tịnh, mới hợp tính giới⁸⁸.

Thuở xưa, có hai vị tì-kheo cùng đến chỗ Đức Phật. Trên đường đi ngang qua cánh đồng vắng, lại thiếu nước uống. Nơi ấy có một ao nước nhỏ, đầy đầy các sinh vật. [27a] Một tì-kheo nghiêm trì giới luật, lấy việc giữ giới làm đầu, suy nghĩ: “Nếu ta uống nước này, ắt sẽ giết hại rất nhiều chúng sinh, thà tổn hại mạng mình mà giữ giới trọn vẹn”. Nghĩ thế, ông không uống nước và qua đời, liền sinh lên cõi trời. Tì-kheo kia nghĩ: “Ta phải uống nước để bảo toàn mạng sống, mới được gặp Phật, đâu biết sau khi chết lại sinh vào đường nào? Nghĩ xong, ông liền uống nước, làm tổn hại rất nhiều chúng sinh.

Khi đến nơi, tì-kheo kêu khóc và bạch Phật:

- Bạn cùng đi với con đã qua đời rồi.

Đức Phật chỉ một vị trời, hỏi tì-kheo:

- Ông biết vị trời này chăng? Đó là bạn của ông đây! Ông ta nhờ công đức giữ giới trọn vẹn mà được sinh lên cõi trời, hôm nay đến đây. Còn ông tuy được gặp Ta, nhưng lại cách Ta rất xa. Người kia tuy đã chết, nhưng thường ở bên Ta. Nay ông được gặp Ta, nhưng chỉ thấy được nhục thân của Ta mà thôi, làm sao biết được giới thân chân thật? Thế nên kinh chép: “Ba-la-đề-mộc-xoa là thầy của ông, nếu có thể giữ giới, lần lượt tu hành, chính là pháp thân Như Lai thường trụ không hoại diệt”. Giới có ba loại: tục giới, đạo giới, định giới. Năm giới, tám giới, mười giới, giới cụ túc là tục giới. Vô lậu tứ đế là đạo giới. Tam muội thiền tư là định giới. Dùng trí tuệ chế ngự ngăn chặn, khiến thành vô lậu mới được đạo giới. Giới thanh văn dụ như hoa đặt ở đầu gối, vừa động nhẹ thì rơi. Bạc đại sĩ trì giới giống như hoa cài trên tóc, dù đi hay đứng cũng đều không lay động. Tiểu thừa trì giới chú trọng nơi thân, vừa động thì vượt oai nghi. Đại sĩ trì giới cốt ở tâm, không câu nệ pháp bên ngoài. Khuôn phép Đại thừa và Tiểu thừa

⁸⁸ Tính giới 性戒: cấm giới được lập ra để ngăn chặn tính tội.

khác nhau, thế nên giữ thân, giữ tâm cũng khác. Trong ngoài tuy khác, nhưng mục đích đều đến niết-bàn. Đó gọi là niệm giới.

Lại nữa kinh *Bát-nê-hoàn chép*: “Người muốn gần đạo phải có bốn ý vui, nên khéo ghi nhớ và tu hành. Một, không rời ý vui niệm Phật; hai, không rời ý vui niệm pháp; ba, không rời ý vui niệm tăng; bốn, không rời ý vui niệm giới. Nhớ nghĩ đầy đủ và nhận rõ bốn niềm vui này, lại phải mong cứu độ, cầu giải thoát thân. Như thế mới dứt trừ ba đường địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Tuy còn qua lại nơi cõi trời người, nhưng không quá bảy đời sẽ vượt qua bể khổ (*niệm thí và niệm thiên giống như trước*).

Kinh *Tam thiên uy nghi chép*: “Phải nhớ nghĩ năm việc:

1. Công đức của Phật
2. Giới kinh của Phật
3. Trí tuệ của Phật
4. Ân Phật rất lớn, khó báo đền
5. Đức Phật tinh tiến tu hành cho đến niết-bàn.

Lại phải nhớ nghĩ năm điều:

1. Các từ-kheo tăng
2. Ân thầy
3. Ân cha mẹ
4. Ân bạn đồng học
5. Tất cả mọi người, giúp họ được giải thoát, lìa tất cả khổ”.

[27b] Kinh *Xú xú chép*: “Thí như cát trong biển lớn nhiều không thể tính kể, người tạo nghiệp thiện ác, chiêu cảm họa phúc trước sau cũng không thể kể xiết. Đến khi qua đời, người làm việc xấu sẽ sinh về đường ác, người làm việc tốt sẽ được sinh về cõi lành, họa phúc đều có chỗ sẵn, cũng

dự định trước cả quyền thuộc cha mẹ, anh em, vợ con v.v... Khi nào đắc đạo thì mới thoát khỏi, nếu không đắc đạo thì không thể đoạn dứt.

Đức Phật bảo các tì-kheo:

- Các ông phải niệm thân mình là vô thường!

Lúc ấy có một tì-kheo bạch Phật:

- Con nghĩ vô thường, như thế gian, có người chỉ sống đến năm mươi tuổi.

Đức Phật bảo:

- Ông chớ nói thế!

Lại có tì-kheo bạch Phật:

- Người thế gian sống đến ba mươi tuổi.

Đức Phật nói:

- Ông chớ nói lời này!

Có tì-kheo bạch:

- Người thế gian chỉ sống được mười tuổi.

Đức Phật bảo:

- Ông không nên nói như thế!

Lại có tì-kheo nói người thế gian chỉ sống đến một tuổi.

Đức Phật cũng nói:

- Không đúng!

Có tì-kheo nói người thế gian chỉ sống được một tháng, thậm chí có vị nói mạng sống chỉ trong một ngày hay một giờ.

Đức Phật cũng quở:

- Các ông không nên nói như thế!

Lúc ấy có một òi-kheo bạch Phật:

- Mạng sống con người chỉ trong hơi thở.

Đức Phật bảo:

- Đúng thế! Hơi thở ra mà không hít vào, liền qua đời khác. Mạng người mau chóng, chỉ trong hơi thở!”

Kinh *Tì-ni mẫu* chép: “Lúc thuyết pháp, các òi-kheo nên nhớ quán thân khổ, không, vô thường, vô ngã, bất tịnh đừng để gián đoạn. Vì sao? Phải luôn ghi nhớ mười hai điều, mới thành tựu thánh pháp. Mười hai điều:

1. Thành tựu chính mình
2. Giúp người khác thành tựu
3. Nguyên được thân người
4. Được sinh vào dòng cao quý
5. Khởi lòng tin sâu Phật pháp
6. Sinh ra, không cần gắng công mà được các pháp
7. Sinh ra, các căn đầy đủ
8. Gặp Phật xuất hiện ở đời
9. Nguyên sinh ra nơi nào cũng được giảng thuyết chính pháp
10. Nguyên chính pháp mà mình đã giảng nói, thường trụ thế gian
11. Nguyên pháp trụ lâu, được người tùy thuận tu hành
12. Luôn có tâm thương xót các chúng sinh

Đầy đủ mười hai niệm này, chắc chắn sẽ được thánh đạo”.

III.4. Phát nguyện

Quả Phật cao xa, muốn lên phải theo tầng bậc. Mây pháp vùi vọi, muốn đến phải y thứ lớp. Vì thế, ban đầu phát tâm chân thật thì đức cả soi sáng đến đời sau, lập thế rộng lớn thì nguyện nhiệm màu trải khắp cõi hư không. Một niệm dấy lên, tức cảm hoa lành vô số kiếp; nửa khắc cung kính, liền được cam lộ cả đại thiên. [27c] Phát đại nguyện chính là cội rễ của Đại thừa, là con đường đưa đến chủng trí⁸⁹.

Luận *Địa trì chép*: “Bồ-tát phát nguyện, lược có năm loại:

1. Phát tâm nguyện.
2. Sinh nguyện.
3. Cảnh giới nguyện.
4. Bình đẳng nguyện.
5. Đại nguyện.

Bồ-tát mới phát tâm Vô thượng bồ-đề, gọi là phát tâm nguyện. Nguyện đời sau vì chúng sinh mà thụ sinh vào đường lành, gọi là sinh nguyện. Nguyện chính quán các pháp, được vô lượng cảnh giới thiện căn tư duy, đó là cảnh giới nguyện. Nguyện đời sau thành tựu tứ nhiếp pháp của bồ-tát, đó là bồ-tát bình đẳng nguyện. Đại nguyện tức là bình đẳng nguyện.

Bồ-tát lại phát mười đại nguyện:

1. Nguyện dùng tất cả cúng dường vô lượng các Đức Phật.
2. Nguyện hộ trì tất cả chính pháp của các Đức Phật.
3. Nguyện thông suốt chính pháp của các Đức Phật.
4. Nguyện sinh lên cõi trời Đâu-suất cho đến bát-niết-bàn.

⁸⁹ Chủng trí 種智: trí tuệ của Phật biết rõ tất cả các pháp.

5. Nguyên thực hành tất cả chính hạnh của bồ-tát.
6. Nguyên thành tựu tất cả chúng sinh.
7. Nguyên có thể thị hiện giáo hoá ở tất cả thế giới.
8. Nguyên tất cả bồ-tát dùng một phương tiện Đại thừa hoá độ.
9. Nguyên tất cả phương tiện chính hạnh không ngăn ngại.
10. Nguyên thành Vô thượng chính giác.

Bồ-tát trụ bậc Sơ địa, hiện tại dùng phương tiện tịnh tín hiện tại tu hành, đối với việc ở đời vị lai, phát mười nguyện lớn:

1. Dùng tâm thanh tịnh, thường nguyện cúng dường tất cả các Đức Phật.
2. Thụ trì và gìn giữ chính pháp của các Đức Phật.
3. Khuyến thỉnh các Đức Phật chuyển pháp hi hữu.
4. Thực hành theo chính hạnh của bồ-tát.
5. Thành thực đầy đủ tất cả khí giới.
6. Đều có năng lực hóa hiện ở tất cả thế giới.
7. Tự làm thanh tịnh cõi Phật.
8. Tất cả bồ-tát cùng một phương tiện, dùng Đại thừa giáo hóa.
- [28a] 9. Lợi ích chúng sinh, tất cả đều không lường uổng.
10. Tất cả chúng sinh trong thế giới đều được A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề, làm tất cả Phật sự.

Bài tụng:

Gây chấn, tin là nhất

Dây đàn, cốt hoãn hòa
Vượn nhảy, sao chế phục?
Ngựa chạy, vốn khó kìm
Quen chạy theo thính sắc
Tranh danh vị sang giàu
Đã vào dinh vua chúa
Lại thích nhà dân thường
Tĩnh tâm lắng nghiệp lụy
Xét niệm dứt lỗi lầm
Nương vào bảy chi giác⁹⁰
Sẽ thoát khỏi ba tà⁹¹”.
Ngộ Bốn dịch

⁹⁰ Bảy chi giác (thất giác chi 七覺支; S: saptabodhyaṅgāni): bảy pháp có công năng giúp cho trí tuệ bồ-đề phát triển.

⁹¹ Ba tà (tam tà hạnh 三邪行): ba điều sai trái. Đó là tà ngữ, tà nghiệp và tà mạng.

CHỮ KINH YẾU TẬP

QUYỂN 4

IV. NHẬP ĐẠO

IV.1. Lời dẫn

Trộm nghĩ, nhân duyên giả hữu là gốc chấp trước của chúng sinh, các pháp vốn chẳng sinh là lí vi diệu của bậc thánh. Do đó, chúng sinh trong ba cõi, sáu đường luôn tạo nghiệp chướng mà tự mê muội; bậc Bát giải⁹², Thập trí⁹³ đạt đến cội nguồn mà được rỗng lặng. Vì thế, Đức Phật tùy duyên giáo hóa, thương nhà lửa đang bốc cháy, xót cõi Dục mãi mịt mù. Cho nên, Ngài nương vào cung vua Tịnh Phạn thị hiện thân màu vàng ròng; ở trong chốn đầy phiền não mà hiện sắc hình giả huyễn, rồi dạo chơi bốn cửa thành, lại nhàm chán cảnh đời như mây trôi chẳng bền vững, Ngài tự than thở: “Đời người đổi thay bất chợt đến như thế!”. Thế rồi, chư thiên nâng ngựa trắng vượt thành, Xa-nặc mang mao báu về cung khuyết, Ngài đã vứt bỏ tất cả để đi tìm chân lí như thế!

Tuy ở Trung Quốc đời Tần có Tiêu Sử⁹⁴, đời Chu có Tử Tấn⁹⁵, đời Nghiêu Thuấn có Hứa Do rửa tai ở Kỳ Sơn, Trang Chu sống an bản thủ đạo ở Bộc Thủy, họ đều từ bỏ thế tục như thế, nhưng đâu có ai khinh thường? [28b] Ngược lại, còn có người ngưỡng mộ đức của họ mà bỏ ác để tu thân, khâm phục phong thái của họ mà giữ mình trong sạch để tu thiện. Cho nên, để thành tựu chí nguyện, mà phải hủy hoại dung mạo, cạo bỏ râu tóc; để lĩnh hội đạo cả, mà phải lìa xa thế tục, từ bỏ ngôi vua; tuy thân không phụng dưỡng cha mẹ, nhưng lòng luôn hiếu thảo; dù không

⁹² Bát giải (Gđ: bát giải thoát 八解脫; S: aṣṭau vimokṣāḥ): tám định lực giúp lìa bỏ tham dục của hai cõi Sắc và Vô sắc. Một, trong có tướng về sắc dục, quán các sắc để giải thoát; hai, trong không có tướng về sắc dục, quán sắc để giải thoát; ba, thân thanh tịnh giải thoát chúng Cụ túc; bốn, vượt các sắc tướng diệt hữu đối tướng, không suy nghĩ mọi cái tướng, nhập vào Không vô biên xứ, an trụ đầy đủ giải thoát; năm, vượt tất cả Không vô biên xứ, nhập thức vô biên xứ, an trụ đầy đủ giải thoát; sáu, vượt qua tất cả Thức vô biên xứ, nhập vào Vô sở hữu xứ, an trụ đầy đủ giải thoát; bảy, vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ, nhập vào Phi tướng phi phi tướng xứ, an trụ đầy đủ giải thoát; tám, vượt qua tất cả Phi tướng phi phi tướng xứ, nhập vào tướng thụ diệt, thân tác chứng trọn vẹn, an trụ đầy đủ giải thoát.

⁹³ Thập trí 十智 (S: daśa jñānāni): mười thứ trí mà bỏ-tát ở Quán đĩnh trụ thành tựu được. Đó là trí làm chán động vô lượng thế giới; trí chiếu sáng vô lượng thế giới; trí trụ trì vô lượng thế giới; trí biết khắp vô lượng thế giới; trí trang nghiêm và tịnh hóa vô lượng thế giới; trí biết được tâm hạnh vô lượng chúng sinh; trí biết được tùy tâm sở hành của vô lượng chúng sinh; trí biết được các căn của vô lượng chúng sinh; trí phương tiện độ thoát vô lượng chúng sinh; trí điều phục được vô lượng chúng sinh.

⁹⁴ Tiêu Sử 簫史: người giỏi thổi tiêu sống vào đời Tần Mục Công, Trung Quốc.

⁹⁵ Tử Tấn 子晉: tên tự của Vương Tử Cao, là thái tử đời Chu Linh Công. Tương truyền Tử Tấn giỏi thổi sênh làm tiếng phượng hoàng, về sau được Phù Khâu Công đưa đến Tung sơn tu luyện thành tiên.

trọn lễ thờ vua, nhưng lòng thường nhớ nghĩa. Ân huệ thấm đượm cả oán thân để thành tựu đại pháp; phúc trạch gọi nhuần hai cõi âm, dương, đâu câu nệ lỗi nhỏ nhất!

Bậc thượng trí y theo lời Phật nên được lợi ích, hàng phàm phu phụ lời Ngài nên bị tổn hại. Trừng ác thì kẻ buông lung tự sửa đổi, khuyến thiện thì cảm hóa được mọi người. Cho nên, rừng Tiên⁹⁶ là nơi Thái tử xuất gia, dòng Ni-liên là chốn Bồ-tát tu khổ hạnh. Ngài tắm gội thân vàng trong dòng sông thanh tịnh, đến ngôi tòa cỏ nơi cội bồ-đề ở đạo tràng, thức ăn nhờ cô gái phụng cúng, tòa cỏ được người hiến dâng. Thế mà trí thập lực viên mãn, đầy đủ sáu thần thông, thành đạo Chính giác, quân ma cuốn cờ bỏ chạy.

IV.2. Ưu thích và nhàm chán

Kinh *Văn-thù vấn* ghi: “Đức Phật bảo:

- Nay Văn-thù-sur-lợi! Tất cả các công đức đều không bằng công đức của người xuất gia. Vì sao? Vì người tại gia có vô số khiếm khuyết, còn người xuất gia có vô số công đức; người tại gia có chướng ngại, người xuất gia không có chướng ngại; người tại gia ở chốn trần lao nhiễm ô, người xuất gia không ở chốn trần lao nhiễm ô; người tại gia chìm đắm trong bùn lầy tham dục, người xuất gia ra khỏi bùn lầy tham dục; người tại gia theo phép tắc của người ngu, người xuất gia xa lìa phép tắc của người ngu; người tại gia không giữ được chính mạng, người xuất gia sống đúng chính mạng; người tại gia ở nơi lo âu buồn bã, người xuất gia ở nơi an lạc vui vẻ; người tại gia ở nơi trói buộc, người xuất gia ở nơi giải thoát; người tại gia ở nơi có sự tổn hại, người xuất gia ở nơi không có tổn hại; người tại gia khổ vì tham lợi, người xuất gia không khổ vì tham lợi; người tại gia ở nơi ồn ào, người xuất gia ở nơi vắng lặng; người tại gia ở nơi thấp hèn, người xuất gia ở nơi cao quý; người tại gia bị phiền não thiêu đốt, người xuất gia trừ được lửa phiền não; người tại gia thường làm theo ý người khác, người xuất gia luôn sống vì chính mình; người tại gia lấy khổ làm vui, người xuất gia lấy việc lìa khổ làm vui; người tại gia tăng trưởng phiền não, người xuất gia thường diệt trừ phiền não; người tại gia thành tựu pháp nhỏ, người xuất gia

⁹⁶ Rừng Tiên (Lộc dã uyển 鹿野苑; S: Mrgadāva): nơi Đức Phật chuyển pháp luân lần đầu tiên, hiện nay chính là Sārnāth, ở cách thành phố Varanasi 6km, thuộc Bắc Ấn Độ.

thành tựu pháp lớn; người tại gia không có pháp yếu⁹⁷, người xuất gia có pháp yếu; người tại gia bị hàng tam thừa chê trách, người xuất gia được hàng tam thừa khen ngợi; người tại gia sống không biết đủ, [28c] người xuất gia sống thường biết đủ; người tại gia bị ma vương luyến nhớ, người xuất gia làm ma vương sợ hãi; người tại gia phần nhiều buông lung, người xuất gia không buông lung; người tại gia làm tội tởm cho người, người xuất gia sai khiến người khác; người tại gia ở nơi tối tăm, người xuất gia ở nơi sáng sủa; người tại gia tăng trưởng kiêu mạn, người xuất gia diệt trừ kiêu mạn; người tại gia được ít phúc báo, người xuất gia được nhiều phúc báo; người tại gia phần nhiều tâm tà vạy, người xuất gia tâm ngay thẳng; người tại gia thường lo lắng đau khổ, người xuất gia trong lòng vui vẻ; người tại gia lòng hay dối gạt, người xuất gia sống đời chân thật; người tại gia nhiều tán loạn, người xuất gia không tán loạn; người tại gia lưu chuyển trong sinh tử, người xuất gia không lưu chuyển trong sinh tử; đời tại gia như thuốc độc, hạnh xuất gia như cam lồ; người tại gia không biết tư duy, người xuất gia biết tư duy; người tại gia không nơi nương tựa, người xuất gia có nơi nương tựa; người tại gia nhiều giận hờn, người xuất gia thường thực hành từ bi; người tại gia có gánh nặng, người xuất gia buông bỏ gánh nặng; người tại gia có lỗi lầm, người xuất gia không có lỗi lầm; người tại gia mãi chịu sinh tử, người xuất gia có lúc đoạn dứt sinh tử; người tại gia lấy tài vật làm của báu, người xuất gia lấy công đức làm của báu; người tại gia thuận dòng sinh tử, người xuất gia ngược dòng sinh tử; người tại gia như ở trong biển lớn phiền não, người xuất gia như cưỡi con thuyền lớn; người tại gia bị phiền não trói buộc, người xuất gia xa lìa phiền não trói buộc; người tại gia nhận sự dạy dỗ của vua, người xuất gia được Phật giáo hóa; người tại gia kết bạn tùy tiện, người xuất gia kết bạn nghiêm túc; người tại gia hay gây tổn hại, người xuất gia hay giúp đỡ; người tại gia tăng trưởng phiền não, người xuất gia xa lìa phiền não; người tại gia như ở trong rừng gai, người xuất gia như đã ra khỏi rừng gai.

Này Văn-thù! Nếu Ta chê trách người tại gia, khen ngợi người xuất gia, dù lời nói đầy hư không cũng không kể hết. Đây chính là nói khiếm khuyết của người tại gia và công đức của người xuất gia”.

Lại nữa kinh *Niết-bàn* ghi: “Người tại gia bị ép ngặt như ở trong tù ngục, tất cả phiền não nhân đó sinh ra. Người xuất gia thông dong như ở nơi

⁹⁷ Pháp yếu 法要: những nghĩa lí cốt yếu trong giáo pháp.

trống trải, tất cả pháp lành nhân đó tăng trưởng. Người tại gia, trong thì lo nghĩ vợ con, ngoài thì phải rong ruổi phục dịch cho vua. Nếu là người giàu sang cao quý thì buông lung bừa bãi; nếu người nghèo khổ, hèn hạ thì đói rách, chán nản. Tất cả họ đều bị việc công, việc tư quấy nhiễu, nên ngày đêm cứ đau đầu, bị mọi việc lôi kéo, đầu rảnh mà tu tập”.

[29a] Lại nữa, Kinh *Úc-già trưởng giả* ghi: “Người tại gia rất nhiều phiền não: bị tình thương yêu của cha mẹ, vợ con trói buộc, thường suy nghĩ tham cầu tiền của, sắc đẹp không biết chán; cầu được rồi lại lo giữ gìn, tăng thêm nhiều lo âu. Thế nên, họ mãi lưu chuyển trong sáu đường ác, xa lìa Phật pháp. Nên khởi tưởng như là oan gia, bạn ác, nên nhàm chán đời sống tại gia, phát tâm xuất gia. Không có người tại gia nào tu tập đạo Vô thượng bồ-đề, tất cả đều nhờ xuất gia mới chứng quả Vô thượng”.

Lại nữa, kinh *Xuất gia công đức* ghi: “Nếu cho phép tứ gái, tôi trai, hoặc thứ dân xuất gia thì được công đức vô lượng. Nếu có người suốt một trăm năm cúng dường các vị a-la-hán trong khắp thiên hạ, không bằng cúng dường cho một người an trụ Niết-bàn. Một ngày một đêm xuất gia thụ giới thì được công đức vô lượng. Lại nữa, nếu có người dùng bảy báu xây tháp cao đến cõi trời Ba Mươi Ba⁹⁸ thì công đức ấy không bằng công đức của người xuất gia”.

Kinh *Đại duyên* ghi: “Nếu có người một ngày một đêm xuất gia thì trong hai mươi kiếp không rơi vào ba đường ác”.

Luật *Tăng-kỳ* ghi: “Người một ngày một đêm xuất gia tu Phạm hạnh thì sáu trăm sáu nghìn sáu mươi năm xa lìa cảnh khổ trong ba đường ác”.

Kinh *Xuất gia công đức* cũng ghi: “Nếu có ai làm khó, gây cản trở, chèn ép không cho người xuất gia, thì người này đã đoạn mất hạt giống Phật, thân sẽ phải chịu nhiều điều xấu, đời hiện tại phải mắc bệnh cùi, sau khi chết sẽ vào địa ngục tối tăm không có ngày ra”.

Lại nữa, kinh *Ca-diếp* ghi: “Bấy giờ, nghe dạy công đức xuất gia rất sâu rộng, đức vua và thái tử đều phát tâm xuất gia. Sau đó, tất cả nhân dân

⁹⁸ Trời Ba Mươi Ba (Tam Thập Tam thiên 三十三天; S: Trāyastriṃśat-deva): tầng trời thứ hai trong sáu tầng trời cõi Dục, tầng trời này nằm trên đỉnh núi Tu-di, có bốn đỉnh núi, mỗi phía có tám thiên thành, thành Thiện Kiến ở giữa dành cho trời Đế Thích, tất cả là ba mươi ba nơi, nên còn gọi là Tam Thập Tam thiên.

trong bốn thiên hạ cũng đều phát tâm cầu xin xuất gia. Sau khi xuất gia, họ không cần trồng trọt, mà từ đất tự nhiên sinh các loại lúa gạo, từ cây cối tự nhiên sinh ra quần áo, được tất cả chư thiên cung kính cúng dường”.

Lại nữa, kinh *Phật tạng* ghi: “Nên nhất tâm tu tập, thực hành theo chính pháp, chớ nghĩ nhớ việc ăn mặc. Về những món cần dùng, nên biết chỉ cần từ một phần tướng lông trắng của Đức Như Lai hiện ra, tất cả đệ tử xuất gia trong thời mạt pháp cũng không bao giờ dùng hết”.

Kinh *Hiền ngu* ghi: “Ví dụ có một thầy thuốc giỏi cùng lúc trị lành mắt cho một trăm người mù và một người cứu được một trăm kẻ thoát khỏi tội bị móc mắt. Hai người này phúc đức tuy vô lượng nhưng vẫn không bằng phúc đức cho phép người được xuất gia, cho đến tự mình xuất gia; công đức ấy thật to lớn”.

IV.3. Xuất gia

[29b] Người muốn xuất gia, theo luật, trước hết phải thỉnh hai thầy: một, hòa thượng; hai, a-xà-lê (pháp thỉnh đúng như luật).

Luận Tát-bà-đa ghi: “Trước hết, phải thỉnh hòa thượng. Khi đệ tử đang thụ mười giới, hòa thượng vắng mặt thì đệ tử cũng đắc giới. Nếu đệ tử nghe biết hòa thượng mất thì không đắc giới, nếu không nghe tin hòa thượng mất thì đắc giới. Trường hợp a-xà-lê cũng giống như vậy”.

Lại nữa, kinh *Thanh tín sĩ độ nhân* ghi: “Nếu người muốn cạo tóc, trước hết phải đến chỗ cạo tóc lấy nước thơm rảy trên mặt đất chu vi khoảng bảy thước, treo phan ở bốn góc, xếp một chỗ cao để người cạo tóc ngồi và đặt hai tòa cao đẹp hơn cho hai thầy ngồi. Người muốn xuất gia phải mặc áo quần thể tục, lạy từ biệt cha mẹ, người thân, rồi đọc bài kệ:

Xoay vần trong ba cõi,

Ái ân không thể rời.

Bỏ ân ái, vào đạo,

Là báo ân chân thật.

Nói kệ xong, người ấy liền cởi bỏ áo quần thế tục”.

Luận *Thiện kiến* ghi: “Trước khi xuất gia, nên dùng nước thơm tắm gội sạch sẽ để trừ hơi cư sĩ”.

Kinh *Độ nhân* ghi: “Tuy người mới xuất gia được mặc y phục xuất gia, nhưng chỉ được mặc quần và áo ngắn, chưa được đắp ca-sa. Khi vào giới trường, người mới xuất gia nên đến quỳ thẳng trước hòa thượng. Hòa thượng phải xem đệ tử như con, không được ghét, hoặc khinh rẻ. Đệ tử phải xem hòa thượng như cha, luôn cung kính cúng dường. Sau khi nghe hòa thượng nói giới pháp và khuyên răn xong, đệ tử phải đến ngồi trước mặt a-xà-lê”.

Luận *Thiện kiến* ghi: “A-xà-lê rưới nước thơm trên đầu đệ tử và đọc bài kệ:

Lành thay! Đại trượng phu,

Biết rõ đời vô thường,

Bỏ tục, hướng niết-bàn,

Ít có, khó nghĩ lường.

Đọc kệ rồi, a-xà-lê dạy đệ tử lạy mười phương chư Phật và nói kệ khen ngợi:

Quy y đáng Thế Tôn,

Hay cứu khổ ba cõi,

Và nguyện các chúng sinh,

Cùng hưởng vui niết-bàn.

Sau đó, a-xà-lê cạo tóc cho người ấy”.

Kinh *Độ nhân* ghi: “Khi a-xà-lê cạo tóc cho đệ tử, các thầy tôn chúng ở bên cạnh đọc bài kệ xuất gia:

Hủy hình giữ chí hướng,

Cắt ái, lìa người thân,

Xuất gia hoằng Thánh đạo,

Thệ độ các chúng sinh.

Khi cạo tóc, a-xà-lê nên chừa lại một ít tóc trên đầu đệ tử. Sau đó, đệ tử đến quỳ thẳng trước hòa thượng. Hòa thượng bảo:

- Nay ta cạo tóc trên đầu của ông được không?

Đệ tử đáp:

- Dạ được.

Cuối cùng, hòa thượng đắp ca-sa cho đệ tử. Khi đắp ca-sa, theo luận *Thiện kiến*, lại đọc bài kệ tán thán:

[29c] *Đẹp thay! Áo giải thoát,*

Áo rộng phúc không tướng,

Khoác rồi giữ nghiêm giới,

Độ khắp các chúng sinh”.

Kinh *Độ nhân* ghi: “Sau khi đắp ca-sa, người mới xuất gia phải lễ Phật. Người tại gia đi theo phía sau người ấy nhiễu Phật ba vòng. Người ấy sung sướng, nói kệ:

Tình cờ được gặp Phật,

Người nào lại không vui,

Phúc nguyện đúng thời gặp,

Nay ta được lợi pháp.

Sau khi lễ Phật, lễ tăng chúng và hai thầy, người mới xuất gia đến ngôi ở hàng cuối, nhận lễ mừng của gia đình và họ hàng. Người ấy được xuất gia, lìa xa thế tục, đã vui vẻ, lại còn được cha mẹ và người thân chúc mừng, nên đạo tâm càng phấn khởi. Trước khi cạo tóc nên ăn chay là tốt nhất”.

Luận *Tì-ni mầu* ghi: “Sau khi cạo tóc và mặc ca-sa, người mới xuất gia được hòa thượng truyền tam qui và ngũ giới”.

(Ngoài ra, còn những phép tắc khác, không thể trình bày hết được, ngay lúc ấy chiêm chước mà làm để cho tốt thì càng hay).

IV.4. Dẫn chứng

Kinh *Tap bảo tạng* ghi: “Ngày xưa, có một người đàn bà rất xinh đẹp xuất gia tu theo ngoại đạo. Một hôm, có người hỏi:

- Bà xinh đẹp như vậy, lẽ ra phải sống đời thế tục, tại sao lại xuất gia?

Bà ấy đáp:

- Đến nay, tuy tôi vẫn còn xinh đẹp, nhưng thời gian gần đây tôi chán ghét sự dâm dục, do đó, tôi xuất gia. Lúc còn tại gia, vì xinh đẹp, nên tôi phải sớm lấy chồng, sinh một đứa con trai. Con tôi lớn lên xinh đẹp vô cùng, nhưng dần dần, nó bỗng gầy yếu như người bị bệnh. Tôi hỏi nguyên do, nó không chịu nói. Tôi hỏi mãi, nó bất đắc dĩ mới nói: “Cứ im im không nói thì e rằng con sẽ chết. Nhưng con chẳng có mặt mũi nào mà nói ra. Bởi vì con muốn quan hệ tình dục với mẹ mà không được, nên con sinh bệnh thôi”. Tôi bảo nó: ‘Từ xưa đến nay, đâu có việc ấy’. Song tôi lại nghĩ rằng nếu tôi không làm theo ý con thì nó sẽ chết, thà nay tôi làm trái đạo lý để nó được sống. Tôi liền bảo nó cứ làm theo ý nó muốn. Khi nó định lên giường, mặt đất bỗng nứt ra, nó rơi ngay vào địa ngục. Tôi sợ hãi, nhanh tay kéo nó, nhưng chỉ túm được một nắm tóc của nó, đến nay tôi vẫn còn cất giữ. Quá đau lòng vì việc ấy, nên tôi xuất gia”.

Luận *Trí độ* ghi: “Người xuất gia trong Phật pháp dầu có phá giới, mắc tội, nhưng khi tội hết, vẫn được giải thoát. Như *tì-kheo-ni Ưu-bát-la Hoa* mà kinh *Bản sinh* nói đến. [30a] Vào thời Phật còn tại thế, *tì-kheo-ni* này chứng được quả *A-la-hán*, có sáu thần thông. Mỗi khi vào các nhà sang trọng, vị này thường khen ngợi pháp xuất gia và bảo với phụ nữ ở nhà ấy:

- Các chị em nên xuất gia.

Các phụ nữ sang trọng nói:

- Chúng tôi đang trẻ trung, khỏe mạnh, dung mạo xinh đẹp, khó giữ được giới, sẽ phá giới mất.

Tì-kheo-ni bảo:

- Phá giới thì phá, cứ hãy xuất gia đi.

Họ hỏi:

- Phá giới thì sẽ đọa địa ngục, làm sao phá được?

- Đọa địa ngục thì đọa.

Các phụ nữ ấy cười và hỏi:

- Đọa địa ngục phải chịu tội thì làm sao dám đọa được?

Tỳ-kheo-ni bảo:

- Nhớ lại kiếp trước, ta làm nghệ sĩ nữ, đã mặc nhiều kiểu y phục và nói đủ thứ ngôn từ. Có lần ta mặc y phục của tì-kheo-ni để cười đùa, song nhờ nhân duyên ấy, đến đời Phật Ca-diếp ta được làm tì-kheo-ni. Bây giờ, tự cậy mình xinh đẹp và là con nhà giàu sang, nên ta đã kiêu căng và phá giới cấm. Vì thế, ta bị đọa địa ngục chịu nhiều tội khổ. Sau khi chịu tội xong, ta được gặp Phật Thích-ca Mâu-ni cho xuất gia và chứng được quả A-la-hán. Tuy đời trước phá giới, nhưng đời này ta cũng chứng được đạo quả.

Hơn nữa, khi Phật đang ở tinh xá Kỳ-hoàn, có một người bà-la-môn say rượu đến chỗ Phật xin xuất gia làm tì-kheo. Phật sai ông A-nan cạo tóc và mặc pháp y cho người ấy. Sau khi tỉnh rượu, người ấy sợ hãi khi thấy mình bỗng trở thành tì-kheo, liền bỏ chạy. Các tì-kheo hỏi Phật vì sao cho người bà-la-môn ấy làm tì-kheo. Phật bảo rằng người bà-la-môn ấy trong vô số kiếp đã không có tâm xuất gia, nay do say rượu nên tạm thời phát tâm trong khoảnh khắc, song nhờ nhân duyên này, người ấy về sau sẽ xuất gia và đắc đạo.

Có nhiều nhân duyên xuất gia được lợi ích và công đức vô lượng như thế, vì vậy, người tại gia dù thụ năm giới, nhưng công đức cũng kém xa người xuất gia”.

Kinh *Tap bảo tạng* ghi: “Ngày xưa, tại thành Lư Lưu có vua Ưu-đà-di thông minh, trí tuệ uyên bác. Nhà vua có một vị phu nhân tên Hữu Tướng, xinh đẹp ít ai sánh bằng, lại có đức hạnh, nên nhà vua rất yêu mến. Theo luật nước ấy, người làm vua không được tự tay gảy đàn. Bấy giờ, bà phu nhân ấy đang cùng vui đùa với vua trong hậu cung. Tự cậy được nhà vua sủng ái, bà phu nhân bảo nhà vua gảy đàn cho mình múa. Nhà vua vốn rất giỏi xem tướng, nhìn thấy tướng chết của bà ấy hiện ra khi vừa đưa tay múa. Tính toán biết mạng sống của bà ấy chỉ còn chưa đầy bảy ngày, nhà vua liền buông đàn, buồn bã, thờ dài.

Bà phu nhân nói:

- Được hưởng ân sủng của đại vương, nay ở hậu cung, thiếp cả gan xin đại vương gảy đàn cho thiếp múa để đại vương được vui vẻ. Nhưng thiếp đã làm điều gì sai quấy khiến đại vương bỏ đàn, xin đại vương nói cho thiếp biết.

Nhà vua không chịu nói. Phu nhân ân cần hỏi mãi, nhà vua mới nói sự thực. Nghe nhà vua nói xong, bà phu nhân rất lo sợ, liền tâu:

[30b]- Thiếp có nghe một vị tì-kheo-ni trong hang đá nói, nếu người có lòng tin xuất gia được một ngày, chắc chắn được sinh lên trời. Nay thiếp muốn xuất gia, xin đại vương cho phép.

Là người nặng ái tình, nên nhà vua nói:

- Đến sáng ngày thứ sáu, ta sẽ cho nàng đi.

Đến ngày thứ sáu vẫn không làm phu nhân thay đổi ý định được, nhà vua bảo:

- Nàng có thiện tâm cầu xuất gia như vậy, nhưng nếu nàng hứa được sinh lên trời sẽ nhất định đến gặp ta, thì ta mới cho phép xuất gia.

Phu nhân đồng ý và liền được xuất gia, thọ tám trai giới. Ngay hôm ấy, bà bỗng bị đau bụng sau khi uống thạch mật⁹⁹, đến sáng sớm hôm sau thì qua đời. Nhờ duyên lành xuất gia ấy, phu nhân được sinh lên trời. Nhớ lời hứa trước kia, phu nhân liền đến chỗ nhà vua, ánh sáng trên người tỏa rực khắp hoàng cung. Nhà vua hỏi:

- Nàng là ai?

Vị trời đáp:

- Thiếp là Hữu Tướng, phu nhân của đại vương đây.

Nhà vua vui mừng nói:

- Xin nàng hãy đến đây ngồi!

Vị trời nói:

- Nay thiếp thấy đại vương hôi bẩn, không thể đến gần được, nhưng vì lời hứa trước đây, nên thiếp mới đến gặp đại vương.

Nghe xong, nhà vua hiểu ngay, liền than thở:

- Vị trời kia trước đây là vợ của ta, sau khi xuất gia một ngày thì được sinh lên trời, trở nên cao quý, nên vị trời ấy thấy ta thấp hèn. Tại sao nay ta không xuất gia? Ta từng nghe nói một móng tay của trời lớn bằng cả cõi Diêm-phù-đề. Đất nước này của ta đâu đáng tham tiếc!

Nói xong, nhà vua thoái vị nhường ngôi cho con, rồi xuất gia học đạo, cuối cùng chứng được quả A-la-hán”.

Luận *Đại trí độ* có bài kệ:

Chim công dẫu thân hình sắc sỡ,

Chẳng bằng hồng hạc thường bay cao.

Sống tại gia dẫu thật sang giàu,

⁹⁹ Thạch mật 石蜜 (S: phāṇita): tên gọi khác của đường phèn.

Chẳng bằng xuất gia công đức cao.

Kinh *Tạp thí dụ* ghi: “Ngày xưa có hai anh em nhà giàu sang, thế lực lớn, tiền của vô số, cha mẹ đều đã qua đời. Tuy là anh em, nhưng chí hướng của họ rất khác nhau. Người anh thích học đạo nghĩa, còn người em thích mở mang gia nghiệp. Thấy anh mình không tha thiết đến gia nghiệp, người em giận, bảo:

- Cha mẹ qua đời rồi, là anh em với nhau, em siêng năng chăm lo cuộc sống gia đình, ngược lại, anh bỏ bê gia nghiệp, chỉ đi theo các sa-môn nghe giảng kinh Phật. Các sa-môn đâu thể cho anh áo com, tiền của? Anh cứ theo họ thì gia đình trở nên nghèo khó, tiền của ngày một tiêu hao, bị người chê cười là bỏ bê gia đình. Chỉ có nối tiếp giữ gìn gia nghiệp của cha mẹ mới là hiếu thôi!

Người anh đáp:

- Thụ năm giới, thập thiện, cúng dường tam bảo, dùng thánh đạo giáo hóa người thân mới là hiếu. Đạo và tục khác nhau là lẽ tự nhiên¹⁰⁰. Điều người xuất gia ưa thích là điều người tại gia chán ghét. Điều người tại gia quý trọng thì người xuất gia xem thường. [30c] Sự suy tính của người trí và kẻ ngu không giống nhau, như sáng và tối. Người hiểu biết thường bỏ chỗ tối, đến nơi sáng, vì chỉ có thánh đạo là chân thật cùng tốt. Điều em ưa thích hôm nay chính là sự trá hình của đau khổ, mà em đâu biết đó là khổ đau!

Người em tỏ vẻ giận, cúi đầu, không tin lời anh. Thấy thế, người anh bảo:

- Em ham mở mang gia nghiệp, nên cho tiền của là quý, còn anh thích tu học giáo pháp, nên cho trí tuệ là quý. Xét ra, mạng người ở đời hư huyễn, như sóng nắng, vô thường chợt đến thì liền bị nghiệp tội vây trói. Vì thế, nay anh muốn lìa bỏ gia đình, lánh xa tham dục, đến nơi yên tĩnh, xuất gia trở thành phúc điền.

Thấy anh có chí hướng đến đạo nghĩa, người em im lặng và càng thêm tức giận. Thế rồi, người anh từ bỏ gia đình, xuất gia làm sa-môn, tinh tiến tu tập, suốt đêm ngồi thiền tư duy, thực hành đúng với giáo pháp, nên chóng

¹⁰⁰ Lẽ tự nhiên (nguyên bản là tự nhiên chi nguyện 自然之願), Pháp uyển châu lâm quyển 12 ghi là tự nhiên chi số 自然之數.

thành tựu đạo quả. Còn người em ham mở mang gia nghiệp, không bao giờ để tâm đến Phật pháp. Về sau, người em qua đời, bị đọa làm con bò rất to béo, được một lái buôn mua về dùng để kéo xe chở muối đi bán. Trải qua một số chuyến buôn thì con bò ấy gầy yếu đi, không còn khỏe như trước. Một lần nọ, khi vượt qua sườn núi một cách vất vả, nó khuyu chân nằm xuống không đứng lên được. Người lái buôn vung roi đánh, lay đầu mãi, nó mới cử động. Bấy giờ, người anh đang đi trên không trung nhìn thấy, liền bảo con bò:

- Nhà cửa, ruộng đất của em ở đâu mà nay lại đọa làm bò ở đây?

Người anh bèn dùng uy thần soi cho con bò biết kiếp trước của nó. Khi nhận biết rồi, nó tuôn nước mắt, tạ trách:

- Do làm việc bất thiện, bòn xén, tham lam, ganh ghét, không tin Phật pháp, khinh thường các thánh, không tin lời anh, ngang ngạnh, cho nên mình phải đọa làm thân bò vất vả, khổ nhọc. Nay có hối hận cũng đâu kịp!

Biết lòng dạ con bò đang xót đau, tê tái, người anh liền thuật đầu đuôi sự việc cho người chủ bò nghe. Nghe xong, người ấy liền cho người anh con bò. Người anh dắt con bò đến một ngôi chùa, dạy nó nhớ nghĩ đến tam bảo, ăn uống theo giờ giấc. Sau khi chết, con bò được sinh lên trời Đao-lợi¹⁰¹.

Lúc bấy giờ, các thương nhân đều nghĩ: Chúng ta lâu nay lo làm ăn buôn bán, không biết bố thí, không biết đạo pháp, sợ rằng sau khi chết cũng sẽ giống như vậy! Thế rồi, họ cùng từ bỏ vợ con, của báu và các thú vui để xuất gia làm sa-môn. Họ tinh tiến tu tập nên tất cả đều chứng được đạo quả.

Do đó, có thể thấy của cải, châu báu không có ích gì cho con người, nếu cung kính thờ phụng tam bảo, tu thân, học đạo thì đời đời được an vui”.

Kinh *Phó pháp tạng* ghi: “A-la-hán Xà-dạ-đa vừa dẫn các đệ tử đến thành Xoa-thi-la thì bỗng tỏ vẻ buồn rầu. Tiến thêm một quãng ngắn nữa, trông thấy một con quạ, tôn giả liền mỉm cười vui vẻ. Một đệ tử xin ngài cho biết nguyên do. Tôn giả đáp:

¹⁰¹ Đao-lợi (忉利) (S: Trāyastriṃśa): tầng trời thứ hai trong sáu tầng trời cõi Dục, tầng trời này nằm trên đỉnh núi Tu-di, bốn phía đỉnh núi, mỗi phía có tám thành, thành Thiện Kiến ở giữa dành cho trời Đế Thích, gồm ba mươi ba nơi, nên gọi là Tam Thập Tam thiên.

[31a] - Lúc ta vừa đến đây, có một con quỷ con đang đói lả dưới cửa thành nói với ta: ‘Mẹ tôi vào thành tìm thức ăn cho tôi đã được năm trăm năm rồi, tôi đang bị cơn đói hành hạ sắp chết. Tôn giả vào thành nếu thấy mẹ tôi thì nói giúp rằng tôi hiện đang đói khổ. Xin ngài hãy báo gấp hộ cho’. Vừa vào thành thì thấy con quỷ mẹ, ta liền bảo cho nó biết ý của con nó. Quỷ mẹ nói: ‘Tôi vào thành này đã năm trăm năm mà chưa kiếm được một miếng nước bọt hay nước mũi nào. Tôi vừa mới sinh xong, sức khỏe còn kém, có tìm được chút nước bọt nào thì liền bị các con quỷ khác cướp mất ngay. Hôm nay, tôi vừa tìm được một chút nước bọt của người, định ra ngoài thành cùng ăn với con, nhưng dưới cửa thành có nhiều quỷ thần mạnh mẽ, tôi sợ nên không dám ra. Cúi xin tôn giả đưa giúp tôi ra khỏi thành’. Ta liền đưa quỷ mẹ ra ngoài thành để nó cùng ăn với con nó. Ta hỏi nó sinh vào thời nào, nó đáp rằng nó thấy tòa thành này xây lên và đổ nát đã bảy lần. Nghe quỷ nói, ta xót thương cho cảnh chịu khổ đau triền miên trong sinh tử. Vì thế, ta buồn. Còn con quạ kia, cách đây chín mươi một kiếp, vào thời Phật Tì-bà-thi, ta là con một ông trưởng giả, muốn được xuất gia. Thời ấy, người xuất gia chắc chắn chứng được quả A-la-hán. Nhưng cha mẹ ta không cho phép, mà ép ta cưới vợ. Cưới vợ xong, ta lại xin xuất gia. Cha ta bảo nếu ta sinh được một đứa con trai thì sẽ cho phép. Ta đã vâng lời và sinh được một con trai. Khi con ta được sáu tuổi, ta lại muốn đi xuất gia. Bây giờ, cha mẹ ta bảo đứa bé ôm chân ta, khóc lóc cầu xin: ‘Nếu cha bỏ con thì ai nuôi dạy con đây? Cha nên giết con trước đã, rồi hãy đi xuất gia’. Nghe xong, ta khởi tâm ái nhiễm, bảo nó: ‘Vì con nên ta sẽ không đi xuất gia nữa’. Do ngăn cản ta xuất gia, nên từ đó đến chín mươi một kiếp về sau, đứa con ấy phải lưu chuyển trong năm đường ác, không được gặp ta. Nay ta dùng đạo nhãn thấy con quạ kia chính là đứa con ngày trước. Thương xót nó ngu si ở mãi trong sinh tử, cho nên ta mỉm cười. Vì nhân duyên ấy, nếu người nào cản trở người muốn xuất gia thì mắc tội báo phải thường ở mãi trong đường ác chịu đau khổ cùng tột, không được giải thoát. Sau khi hết tội trong đường ác, nếu sinh làm người thì sẽ bị mù bẩm sinh. Do đó, nếu thấy người muốn xuất gia, người trí phải siêng năng dùng các phương tiện khuyến khích, giúp đỡ họ được toại ý, chớ gây khó khăn cho họ”.

Kinh *Xuất gia công đức* ghi: “Ngày xưa, lúc còn tại thế, một hôm Đức Phật cùng A-nan vào thành Tì-xá-li¹⁰² khát thực, đi ngang qua một tòa lầu cao,

¹⁰² Tì-xá-li 毘舍離 (S: Vaiśālī): một nước thuộc Trung Ấn Độ xưa, là nơi ở của bồ-tát Duy-ma-cật.

nơi vương tử Tì-la-tiền-na đang vui đùa với các mỹ nữ. Nghe tiếng nhạc, Đức Phật bảo A-nan:

[31b] - Ta biết người này sau bảy ngày nữa sẽ chết. Nếu không xuất gia, người này có thể đọa địa ngục.

Nghe Phật nói thế, A-nan liền đến giáo hóa và khuyên vị vương tử ấy xuất gia. Nghe A-nan khuyên, trong sáu ngày sau đó, vị vương tử tận hưởng thỏa thích các thú vui. Đến ngày thứ bảy, vương tử Tì-la-tiền-na đến xin Phật cho xuất gia. Tu tập tịnh giới được một ngày một đêm thì vương tử qua đời, được sinh lên cõi trời Tứ Thiên Vương¹⁰³ làm con của bắc thiên vương Tì-sa-môn, cùng hưởng thú vui ngũ dục với các mỹ nữ. Sau khi hưởng hết năm trăm tuổi thọ ở cõi trời ấy, vương tử lại sinh lên cõi trời Đao-lợi làm con của Đế Thích, thọ một nghìn tuổi. Kế đó, vị ấy sinh lên làm vương tử ở trời Diêm-ma, thọ hai nghìn tuổi. Rồi vị ấy sinh lên làm vương tử ở trời Đâu-suất, thọ bốn nghìn tuổi. Tiếp theo, vị ấy sinh lên làm con của trời Hóa Lạc, thọ tám nghìn tuổi. Hết tuổi thọ ở trời Hóa Lạc, vị ấy sinh lên cõi trời Tha Hóa Tự Tại làm con của Thiên vương. Niềm vui ngũ dục được hưởng cùng với các mỹ nữ ở đây tuyệt vời hơn ở các cõi trời bên dưới, tuổi thọ ở cõi này là mười sáu nghìn tuổi. Vị vương tử qua lại hưởng thụ thú vui ở sáu cõi trời thuộc Dục giới như thế mà không bị chết yểu.

Một ngày xuất gia thì hai mươi kiếp không bị đọa vào đường ác, thường được sinh lên trời hưởng phúc tự nhiên; kiếp cuối cùng làm người được sinh vào gia đình giàu sang, đầy đủ tiền của, tuổi trẻ sung sướng, về già chán ghét thế tục nên xuất gia tu tập đạo pháp, thành Bích-chi Phật hiệu là Tì-lưu-đế-lê, độ khắp vô số trời và người. Vì nhân duyên ấy, nên biết công đức xuất gia lớn vô lượng, không thể ví dụ được. Giả sử có người hết lòng cúng dường đầy đủ bốn thứ cần dùng cho số a-la-hán đầy khắp trong bốn thiên hạ, đến khi các vị này vào niết-bàn thì lại xây tháp cho từng vị, cúng dường các thứ hương, hoa và chuỗi ngọc, thì công đức tạo được cũng không bằng công đức của người xuất gia trì giới một ngày một đêm cầu quả vị Niết-bàn. Vì thế, pháp xuất gia thật đáng tôn quý. Không được vì một chút tài sắc mà tham đắm thế gian để phải trôi giạt trong biển sinh tử, tự chuốc khổ vào thân.

¹⁰³ Trời Tứ Thiên Vương (Tứ Thiên Vương thiên 四天王天): tầng trời thứ nhất của cõi Dục, ở lưng chừng núi Tu-di.

Có bài tụng:

Tam sơn¹⁰⁴ tu đạo cũng chẳng thành,

Ngũ nhiệt¹⁰⁵ đau buồn tự trói thân,

Ở quán, vào lòng phiền lao cả,

Đâu bằng lặng lẽ vượt nguy thành.

Gương trí sáng tròn, thêm tinh sạch,

Giữa trời vắng vặc ánh trăng thanh,

Vết cũ quanh co theo lối hẹp,

Thông Trang, đạt Lão, há đồng hành?”.

V. TÁN TỤNG

Gồm ba phần: Lời dẫn, Dẫn chứng, Khen ngợi công đức.

V.1. Lời dẫn

[31c] Ý khen ngợi thường gửi vào lời thơ, lời thơ lại nương vào âm hưởng. Do đó, lời thơ hay đẹp thì ý khen ngợi rõ ràng; âm hưởng hay thì lời thơ lưu loát; ngôn từ phối hợp với âm hưởng cùng giúp cho nghĩa lí. Xét ra, Ấn Độ có bài, còn Trung Quốc có tán. Tán là văn dùng kết luận một chương. Bài là bài kệ ngắn dùng để truyền tụng. So sánh nội dung ý nghĩa thì bài và tán đúng là đồng nghĩa. Do đó, kinh ghi: “Dùng âm hưởng vi diệu để ca tụng công đức của Phật”.

Ngày xưa, khi Đức Phật nhập định thì tiếng đàn ca chấn động hang đá; khi Bà-đề¹⁰⁶ cất tiếng tụng thì âm thanh vang thấu đến trời Tịnh Cư¹⁰⁷. Âm

¹⁰⁴ Tam sơn 三山: ba ngọn núi thần trong thần thoại Trung Quốc.

¹⁰⁵ Ngũ nhiệt 五熱: một phái ngoại đạo ở Ấn Độ, chuyên tu khổ hạnh bằng cách phơi mình ngoài nắng mặt cho năm phần thân thể bị nắng thiêu đốt

¹⁰⁶ Bà-đề (婆提; S:Bhadrika): một trong năm vị ti-kheo đầu tiên trong giáo đoàn Đức Phật. Sau khi Đức Phật xuất gia, Bà-đề cùng A-nhã Kiêu-trần-như v.v... vâng lệnh vua Tịnh Phạn theo hầu hạ Đức Phật và cùng tu khổ hạnh.

¹⁰⁷ Trời Tịnh Cư (Tịnh Cư thiên 淨居天): tức năm cõi trời Tịnh Cư thuộc đệ tam thiên.

thanh cực vi diệu giác ngộ thể gian tất nhiên không thể dùng lời tán dương cùng tận. Đến đời mật pháp, việc tu tập rất có linh nghiệm; vì thế, Trần Tư¹⁰⁸ chú tâm suy tưởng đã nghe được tiếng Phạm bá ở Ngự Sơn. Bạch Kiều thành tâm thệ nguyện, nên hiểu được diệu âm của Đại sĩ. Được Luyện siêng tu, nên nghe được pháp âm ở chốn u minh, Văn Tuyên¹⁰⁹ chí thành, nên cảm được diệu âm ở nơi tịnh thất. Tất cả đều diễn theo âm thanh ở cung trời và cõi Phật, âm điệu trầm bổng, giọng văn nhanh chậm. Đó cũng là bằng chứng rõ ràng của tâm cảm, là khuôn thước sáng chói của người học. Lời kinh thâm diệu phát ra tự nhiên, cách đọc có thể tập được, nhưng giọng hay chẳng thể luyện nên. Bởi tuyên giảng pháp âm là để người thế tục nghe, nên phải giữ giọng trong mà không yếu, hùng hồn mà không dữ dội, trôi chảy mà không quá gấp, ngưng mà không trệ, nghĩa lí mang phong thái Ấn Độ, âm vận mang sắc thái Trung Quốc, xa nghe mênh mông mà thanh nhã, gần thì nghe thông dong mà hòa kính. Thật là vĩ đại! Kinh gọi âm giọng của Phật là lời âm sâu xa, có lẽ do đây chăng?

Nếu kể truyện *Liêu trai* thì mọi người tụ họp lại nghe đến tận đêm khuya, hương tàn nến tắt. Bởi thùy cái¹¹⁰ hay che lấp lục tình¹¹¹, sự biếng nhác thường vây trói thân thể, cho nên phải chọn người có giọng hay để lên tòa, tuyển người có tiếng tốt để giảng kinh. Khi lời tán tụng như tiếng nhạc cất lên thì khác nào tiếng ngọc tiếng vàng hòa điệu, lan xa khiến bảy chúng xúc động. Lại giống tiếng chim ca-lãng-tần-già, tựa giọng chim loan thần, khiến kẻ mê muội khai mở, người biếng nhác trở nên nghiêm túc, khắp giảng đường đều kinh ngạc, cả pháp hội cùng vui vẻ. Chính ngay lúc ấy, mới biết tiếng kinh là quý.

V.2. Dẫn chứng

Kinh *Trường a-hàm* ghi: “Âm thanh ấy có năm đặc tính thanh tịnh, nên gọi là Phạm âm. Đó là:

1. Ngay thẳng

¹⁰⁸ Trần Tư 陳思 (Cg: Trần Tư Vương): người con thứ hai của Tào Tháo, mới lên mười tuổi mà giỏi về văn thơ, chỉ cần hạ bút là thành thơ, không cần suy nghĩ.

¹⁰⁹ Văn Tuyên 文宣: chỉ cho Không Tử. Vào niên hiệu Khai Nguyên thứ 27, vua Huyền Tông nhà Đường phong cho Không Tử làm Văn Tuyên Vương.

¹¹⁰ Thùy cái 垂蓋: buồn ngủ, theo Duy Thức học, là một trong bốn tâm sở bất định.

¹¹¹ Lục tình 六情: đây chỉ cho sáu căn. Đó là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý.

- 2 . Hoà nhã
3. Trong trẻo
4. Sâu lắng, tròn đầy
5. Vang khắp”.

[32a] Lại nữa, kinh *Phạm-ma-du* chép: “Âm thanh thuyết pháp của Đức Phật có tám đặc tính:

1. Rất hay
2. Dễ hiểu
3. Êm dịu
4. Hoà nhã
5. Thông đạt
6. Không nhầm lẫn
7. Sâu lắng
8. Không có âm thanh người nữ, không thiếu sót, không ngắt hụt”.

Luật *Thập tụng* ghi: “Chư thiên nghe kệ tán, lòng rất vui mừng, nên Đức Phật cho phép tán tụng”.

Kinh *Tì-ni-mẫu* chép: “Đức Phật bảo các tì-kheo:

- Cho phép các ông tán tụng. Tán tụng là âm từ của lời nói, tuy nghe, nhưng chưa biết nói những pháp gì?

Đức Phật dạy: Từ Tu-đa-la cho đến Ưu-ba-đề-xá, thì tùy ý diễn nói. Nhưng đối với mười hai thể loại kinh, có người sinh tâm nghi ngờ, hoặc muốn diễn nói theo thứ lớp, thì văn rất dài dòng, e sinh tâm nhầm chán; nếu chỉ chọn lọc lấy những lời hay, nêu rõ ràng ý nghĩa, thì không biết thế nào?

Các tì-kheo đem việc này bạch Đức Phật. Đức Phật cho phép trích dẫn những lời hay ý đẹp, diễn đạt ý nghĩa rõ ràng trong kinh.

Lúc ấy, có một tì-kheo, đứng cách Phật không xa, cất tiếng hát lớn để diễn lời kinh. Đức Phật nghe xong, không cho phép tụng kinh bằng âm điệu này. Vì có năm lỗi giống âm điệu thuyết pháp của ngoại đạo.

1. Không tự kèm chế mình.
2. Không hợp với đại chúng.
3. Chư thiên không vui.
4. Lời không đúng, khó hiểu.
5. Lời không rõ, nên cũng khó hiểu nghĩa”.

Kinh *Hiền ngu* ghi: “Khi Đức Phật còn tại thế, một hôm, vua Ba-tư-nặc dẫn quân lính đến địa phận Kì-hoàn, bỗng nghe âm thanh tán tụng rất hay của một tì-kheo, tất cả quân lính và cả voi ngựa cũng đều dừng lại lắng tai nghe, không chịu đi. Vua dẫn quân lính vào chùa xem, thấy tì-kheo tán tụng, thân hình thấp bé, diện mạo vô cùng xấu xí thì không nỡ nhìn, liền đến hỏi Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn! Tì-kheo này đời trước đã tạo nghiệp gì mà bị quả báo như thế?

Đức Phật bảo vua:

- Sau khi Đức Phật nhập niết-bàn, vua Cơ-lí-tì thân xá-lợi, định xây tháp cúng dường. Lúc ấy có bốn long vương hóa làm hình người đến hỏi vua:

- Đại vương định xây tháp bằng vật báu hay bằng đất?

Nhà vua đáp:

- Muốn xây tháp lớn, phải cần rất nhiều của báu, nên nay ta chỉ dùng đất để xây, chiều ngang năm dặm, chiều cao hai mươi lăm dặm.

Long vương nói:

- Ta là long vương, hôm nay đến đây hỏi đại vương, nếu dùng vật báu xây tháp thì ta giúp đỡ.

Vua nghe xong, lòng rất vui mừng. Long vương lại nói:

- Ngoài bốn cổng thành có bốn dòng suối, [32b] ta sẽ biến dòng suối phía đông thành con hào toàn bằng lưu li; dòng suối phía nam bằng vàng ròng; dòng suối phía tây toàn bằng bạc; dòng suối phía bắc thì biến thành bạch ngọc trắng.

Vua nghe xong, càng thêm vui mừng, liền cho xây tháp, mỗi tháp đều đặt một vị quan trông coi. Ba vị quan kia siêng năng, nên việc xây dựng sắp xong, chỉ riêng một quan vì biếng trễ, nên chưa hoàn thành. Vua đích thân đến xem xét, thấy thế liền quở trách, vị quan ấy sinh lòng oán hận tâu vua:

- Tháp này quá lớn, làm đến bao giờ mới xong?

Ngay lúc ấy, vua ra lệnh cho nhân công ngày đêm siêng năng làm việc, trong thời gian ngắn, thì công trình xây dựng được hoàn thành. Ngôi tháp cao vút, các báu trang nghiêm, hùng vĩ khác thường. Vị quan ấy thấy thế, vui mừng khôn xiết, liền sám hối và đem chiếc chuông vàng đặt trên đỉnh tháp, phát nguyện:

- Nguyện cho con sinh ra nơi nào, cũng được giọng nói rất hay, tất cả chúng sinh đều thích nghe, tương lai được gặp Đức Phật Thích-ca và thoát khỏi sinh tử.

Vì thuở xưa, ông ta chê tháp quá lớn, nên sinh ra nơi nào cũng thường bị xấu xí. Nhưng nhờ đem chuông vàng đặt lên đỉnh tháp và nguyện gặp Phật, nên từ đó về sau, trải qua năm trăm đời, ti-kheo này được giọng nói tuyệt hảo. Nay lại được gặp Ta, xuất gia tu đạo, chứng quả A-la-hán. Do đó, tất cả chúng sinh thấy người khác làm phúc không nên chê bai, nếu không, sẽ bị quả báo ác, hối hận không kịp”.

V.3. Khen ngợi công đức

Kinh *Bồ-tát bản hạnh* ghi: “Đức Phật bảo A-nan:

- Ta nhớ thuở xưa, có Đức Phật Phất-sa Đa-đà-a-già-độ a-la-ha tam-miêu tam-phật-đà ra đời. Lúc ấy, Ta nhìn thấy đức Phật ở trong hang núi Tạt Bảo, lòng rất vui mừng, liền chấp tay, đứng một chân suốt bảy ngày bảy đêm và nói kệ khen Phật:

Khắp trời người, không ai bằng Phật,

Mười phương thế giới cũng không sánh,

Những người Ta gặp ở thế gian,

Tất cả đều không ai bằng Ngài.

Này A-nan! Khi Ta nói kệ xong, liền phát nguyện, cho đến khi Đức Phật kia bảo thị giả: ‘Người này trải qua chín mươi bốn kiếp sẽ được thành Phật, hiệu là Thích-ca Mâu-ni’. Ta được thụ kí xong, lại càng thêm tinh tấn, tăng trưởng công đức, trong vô lượng kiếp, thường làm trời Đế Thích, Chuyển luân thánh vương. Nhờ nhân duyên nghiệp lành ấy,[32c] nên Ta được đầy đủ bốn biện tài, không ai sánh kịp, cho đến đắc A-nậu-đa-la tam-miêu tam-bồ-đề, chuyển pháp luân vô thượng”.

Lại nữa, kinh *Niét-bàn* ghi: “Bấy giờ, bồ-tát Ca-diếp ở trước Phật nói kệ khen:

Đại Y Vương thương xót thế gian,

Thân và trí tuệ đều vắng lặng,

Trong pháp vô ngã có thật ngã,

Thế nên kính lễ Vô Thượng Tôn,

Sơ phát, rốt sau, tâm không khác,

Hai tâm như thế, tâm trước khó,

Chưa độ cho mình, trước độ người,

Nên con đảnh lễ Sơ phát tâm”.

Trong luận Phát bồ-đề tâm, luận chủ nói kệ khen Phật:

Nay con kính lễ vô biên Phật,

Quá khứ, vị lai và hiện tại,

Trí tuệ bất động tựa hư không,

Đấng Đại Bi hay cứu giúp đời.

Thầy ta là trời trong các trời,

Chúng sinh ba cõi chẳng bằng người (kinh Phổ diệu).

Vì sao thế giới được trường thọ,

Chứng đắc kim cương bất hoại thân (kinh Niết-bàn).

Sắc thân Như Lai thật vi diệu,

Tất cả trên đời không ai bằng (kinh Thắng man).

Sống nơi thế giới tựa hư không,

Giống như hoa sen không ô nhiễm (kinh Siêu nhật nguyệt tuệ minh).

Đại từ thương xót cả quần sinh,

Ấm cái phiền não khiến vô minh,

Mở mắt người mù nhìn thấy được,

Cứu người điếc tỏ đạo quang vinh,

Ở nơi thế giới tựa hư không,

Lại giống hoa sen nào nhiễm dính,

Vượt hơn cõi kia tâm hằng tịnh,

Cúi đầu đỉnh lễ đấng Đại Minh.

Kể rằng: nước Hán lưu hành lời kinh, rất thích lược bớt, cho nên trong chúng làm kệ tán tụng, phần nhiều chỉ có nửa bài. Do đó trong luận *Ti-ni-mẫu* chép: ‘Làm nửa bài kệ tụng, bị tội đột-cát-la’. Nhưng chưa biết âm từ Phạn báii này xuất xứ từ kinh điển nào ở Ấn Độ?

Đáp: Chỉ có bậc thánh mới có thể đặt ra kệ tán tụng, theo lời kệ trong kinh mà tán tụng thì không ngại. Ở vùng quan nội và quan ngoại, các triều đại Ngô, Thục, lời tán tụng tùy theo sự ưa thích mà có nhiều loại. Nhưng Phạn, Hán đã khác nhau, nên âm vận cũng không thể dùng lẫn lộn. Đến triều nhà Tống có pháp sư Khương Tăng Hội, người nước Khương Cư, học rộng hiểu nhiều, dịch các kinh điển, giới tiếng Phạn, lưu truyền kệ tụng Nê-hoàn, chế ra âm thanh hòa dịu buồn cảm, rất nổi tiếng ở đời; các nhà âm thanh học, đều lấy đó làm phép tắc. Lại thuở xưa, vào đời nhà Tấn có pháp sư Đạo An chế ra ba khoa như thượng kinh, thượng giảng và bố-tát¹¹². Các bậc hiền xưa lập ra qui chế, làm phép tắc trong thiên hạ, lưu truyền mãi mọi người đều thực hành.

[33a] Đến thời nhà Ngụy có người con thứ tư của Ngụy Vũ Đế là Trần Tư Vương Tào Thục, tự là Tử Kiến, tuổi nhỏ mà rất giỏi văn chương. Năm lên bảy tuổi, Tào Thục chỉ cần hạ bút là thành văn, hoàn toàn không cần phải sửa chữa. Bao nhiêu nghệ thuật thế gian, ông đều thông suốt. Hàm Đan Thuần nhìn thấy thì vô cùng khâm phục, khen là người cõi trời. Mỗi lần đọc kinh Phật, Tào Thục không ngớt khen ngợi, cho là cốt tủy của chí đạo, bèn chế ra bảy thanh, âm vận trầm bổng, uyển chuyển, đời đời lấy đó làm qui luật phúng tụng. Có lần, Tào Thục đến núi Ngự, bỗng nghe trên hư không phát ra âm thanh Phạm thiên, thanh nhã, bi thương, xúc động lòng người. Tào Thục nghe được một lát, thì những người hầu cận cũng đều được nghe. Ông cảm nhận sâu sắc được diệu lí, càng tỏ ngộ sự ứng nghiệm của Phật pháp, bèn mô phỏng âm thanh tiết tấu, soạn sách tán tụng bằng tiếng Phạn, chọn văn chế âm, truyền lại làm cách thức cho đời sau. Phạn báii xuất hiện ở đời khởi đầu từ đây. Pháp tán tụng này gồm có sáu kệ¹¹³”.

¹¹² Bố tát 布薩 (S: poṣadha, upavasatha, upoṣadha, upavāsa): các ti-kheo ở chung, cứ mỗi nửa tháng nhóm họp lại một chỗ, thỉnh vị ti-kheo tinh thông giới luật nói cho nghe giới bản Ba-la-đề-mộc-xoa, để xét lại hành vi của mình trong nửa tháng qua.

¹¹³ Lục kệ 六契: sáu âm vận

Kinh *Bách duyên* chép: “Thuở xưa, lúc Đức Phật còn tại thế, có những người sống trong thành Xá-vệ, tự trang điểm và tấu nhạc ca hát. Một hôm, họ lần lượt kéo nhau ra ngoài dạo chơi, vừa đến cổng thành thì gặp Đức Phật và chur tăng đi khát thực, lòng rất vui mừng, liền lễ bái, trỗi nhạc cúng dường và phát nguyện rồi đi.

Đức Phật mỉm cười, bảo A-nan:

- Những người này nhờ công đức trỗi nhạc cúng dường Ta và chúng tăng, vị lai, trải qua một trăm kiếp, họ không rơi vào đường ác, sinh lên cõi trời hay xuống cõi người, cũng đều hưởng thụ sự vui sướng. Trải qua một trăm kiếp sau, họ thành bích-chi phật, đồng một hiệu là Diệu Thanh. Do nhân duyên ấy, nếu có người trỗi nhạc cúng dường tam bảo, thì người ấy sẽ được công đức vô lượng vô biên, không thể nghĩ bàn. Thế nên trong kinh *Pháp hoa* có bài kệ:

Nếu có người trỗi nhạc,

Đánh trống thổi sừng, ốc,

Tiêu, địch, cầm, không hầu,

Tì bà, nao, đồng, bạt,

Những tiếng hay như thế,

Tất cả dâng cúng dường,

Đều đã thành Phật đạo”.

Lại nữa, kinh *Bồ-tát xử thai* chép: “Có một khản-na-la vương cư trú ở núi Đại Hắc, bên ngoài Tiểu Thiết Vi, phía bắc núi Tu-di, cũng ở trong khoảng mười núi báu. Nơi ấy đều không có Phật pháp, mặt trời, mặt trăng và các vì sao. Nhưng vị này nhờ sức bố thí mà được ở trong cung điện bảy báu, thọ mạng lâu dài. Thuở xưa, lúc vị khản-na-la này còn trong loài người, có một trưởng giả rất giàu phát tâm xây tháp Phật, khản-na-la cúng dường một cây cột, giúp hoàn thành ngôi chùa, lại cung cấp thức ăn ngon cho những người thợ. Sau khi mạng chung, ông sinh làm vị thần Hung Úc, sống trong khoảng giữa hai ngọn núi. [33b] Lại thuở xưa khản-na-la này ở

thế gian, làm một đại trưởng giả rất giàu có, của cải nhiều vô lượng, lúc ấy có một sa-môn đến khát thực, người vợ đem cơm dâng cúng, ông tức giận nói:

- Tại sao người khát thực nhìn vợ ta? Phải làm cho tay chân người này bị đứt lia!

Vì thế, sau khi mạng chung ông ta phải chịu thân hình xấu xí, trải qua tám mươi bốn kiếp, thường không có tay chân. Chư thiên mở hội yến tiệc, vị này cùng với các càn-thát-bà luân phiên lên xuống. Bây giờ, chư thiên định tấu nhạc, thì dưới nách đều tiết mồ hôi, họ liền lên trời, thấy một khản-na-la tên là Đầu-lâu-ma, đang đàn ca về thật tướng các pháp, khen ngợi Đức Thế Tôn. Lúc ấy, núi Tu-di và các núi rừng khác đều chấn động, ngài Ca-diếp ngồi trên tòa không an, năm trăm tiên nhân đều mê loạn, mất thần thông”.

Lại nữa, trong kinh *Đại Thụ khản-na-la vương sở vấn* ghi: “Lúc bấy giờ, Đại Thụ khản-na-la vương dùng hoa lá bằng vàng Diêm-phù-đàn trang trí cây đàn lưu li do nghiệp thiện tịnh tạo ra, lại đến trước Thế Tôn gảy đàn và tấu tám mươi bốn nghìn kỹ nhạc khác cúng dường Đức Phật. Khi vị Đạo Thụ vương này gảy đàn, âm thanh vang lên cao vút đến tận tam thiên đại thiên thế giới. Tiếng đàn và giọng ca tuyệt diệu của vị khản-na-la này, lẫn át cả âm nhạc của chư thiên ở cõi Dục; tất cả núi, rừng, cây cỏ thấy đều chấn động, trạng thái như người say rượu, bước đi nghiêng ngả, núi Tu-di lắc lư trôi sụt không yên, chỉ trừ những bậc bồ-tát bất thoái chuyển, mới không bị lay động, còn tất cả hễ nghe tiếng đàn và âm nhạc ấy đều không thể ngồi yên, liền đứng dậy nhảy múa. Tất cả thanh văn bỏ hết oai nghi, cùng nhau nhảy múa, đùa giỡn như đứa bé, không thể kiềm chế được. Lúc ấy, bồ-tát Thiên Quang nói với các vị thanh văn như ngài Đại Ca-diếp...

- Đại đức! Các ngài đã lia phiền não, đạt được tám giải thoát, vì sao hôm nay lại bỏ oai nghi, nhảy múa, ca hát giống như đứa bé vậy?

Các đại đức thanh văn đều đáp:

- Nay hiền giả! Lúc ấy chúng tôi không thể tự chủ được, như con lóc xoáy, quật ngã cây cối, không có năng lực kiềm giữ, chớ chẳng phải muốn như thế!

Lúc ấy, bồ-tát Thiên Quang nói với ngài Ca-diếp:

- Hôm nay ngài đã tận mắt nhìn thấy oai đức thế lực của bồ-tát bất thoái, bất cứ ai được nhìn thấy như thế, cũng đều phát tâm Vô thượng chính chân bồ-đề! Bởi vì oai lực tiếng đàn này đều phát ra âm thanh giáo pháp, giúp cho tám nghìn bồ-tát đều chứng Vô sinh nhẫn.

Tụng rằng:

Trời trong tỏa khí thanh,

Tiếng thần thấu tai điếc,

[33c] *Lên đài vịnh tiếng xuân,*

Cao hừng xa dấu vết,

Nương không cảm linh giác,

Núi Ngự chân Tư Vương,

Mô phỏng tiếng Phạm thiên,

Mong pháp âm rộng khắp,

Du dương không đoạn dứt,

Dù dặt giữa không gian,

Tì-kheo tụng âm Phạm,

Người, vật động cõi lòng,

Cũng do xướng pháp mâu,

Cảm bấy nhận trên không,

Sáng ra lòng tỉnh ngộ

Hoát nhiên tự linh thông”.

VI. HƯƠNG ĐĂNG

Gồm bốn duyên: Lời dẫn, Hương hoa, Đốt đèn, Treo cờ.

VI.1. Lời dẫn

Đã nhân nơi sự mà ngộ lí, nhất định nhờ tướng để hiển chân; chiêm ngưỡng dung nghi của bậc Thánh, hoặc phải mượn hương hoa để cúng dường. Thế nên, hoa báu tốt tươi, rục rờ tựa như sen hồng, hương quý ngạt ngào, nhẹ tỏa lan như sương biếc, mặt trời lên thì màn đêm cuốn, mặt trăng mọc thì bóng tối tan, ánh đèn xua tăm tối, cũng như vậy, trí tuệ diệt trừ vô minh. Vì thế, cung kính Phật Đăng Vương, thành tâm với Đức A-di-đà, gắng sức tiếp nối ánh sáng, cho nên được hiệu là Định Quang Như Lai. Nhờ chút duyên soi sáng, mà gần thì được ánh sáng sắc thân; do nhân thí đuốc đèn, mà xa thì được phúc báu thiên nhân. Huống gì dùng đại trí này hiển phát, khai mở ánh sáng thù thắng kia ư! Thế nên, vua A-dục đến lúc lâm chung, đã tạo tám mươi bốn nghìn ngọn đèn, chiếu khắp tám mươi bốn nghìn ngôi tháp; lại còn treo thần phan phát phối, mong bay vút lên tận cõi Đại thiên, những hạt châu màu tía xen nhau, tỏa ánh sáng đến trăm ức dặm. Lúc gió trí tuệ thổi lên thì nghiệp thuần thanh hiện; khi luồng gió nhiệm màu thổi đến, thì được quả báo vô tận của Chuyển luân thánh vương.

VI.2. Hoa hương

Trong kinh *Phật thuyết hoa tụ đà-la-ni* ghi: “Đức Phật dạy:

- Sau khi Ta diệt độ, nếu có người đi trên đường trống, thấy tháp miếu của Như Lai, mà dùng một cành hoa, một ngọn đèn, hoặc một viên đất bùn đặt trước tượng để cúng dường, cho đến cúng dường một đồng tiền để sửa sang tượng Phật, hoặc dùng một vốc nước rửa tháp Phật, rồi dùng hoa hương cúng dường, hoặc bước một bước hướng đến chùa tháp, hoặc chỉ một lần xưng nam-mô Phật, [34a] mà muốn người ấy rơi vào ba đường ác trăm nghìn vạn kiếp, thì thật vô lí”.

Lại kinh *Chính pháp niêm* ghi: “Nếu có chúng sinh dùng hương giới thoa lên tháp Phật, sau khi mạng chung được sinh lên cõi trời Hương Lạc, vui chơi với các thiên nữ, từ cõi trời mạng chung, sanh làm người trong một gia đình giàu có”.

Kinh *Thái hoa thụ quyết* ghi: “Lúc bấy giờ, vua La-duyệt sai hơn mười người thường xuyên vào rừng hái hoa đẹp dâng cho nhà vua. Một hôm, các cung nữ ra ngoài thành hái hoa, trên đường về thì gặp Đức Phật, họ liền cúi đầu kính lễ và suy nghĩ: ‘Thà bỏ thân mạng, dâng hoa cúng dường Phật và thánh chúng, cho dù bị hại cũng không rơi vào đường ác’. Nghĩ xong, họ liền tung hoa lên cúng dường Phật và thánh chúng rồi tự qui mạng nhất tâm kính lễ. Đức Phật biết ý niệm ấy, nên thương xót thuyết pháp cho họ nghe. Những người hái hoa nghe xong, đều phát đạo tâm, được Đức Phật thụ kí:

- Về sau các người sẽ được thành Phật hiệu là Diệu Hoa.

Lúc bấy giờ, các cung nữ liền trở về nhà từ biệt cha mẹ:

- Mạng con chắc không còn nữa! Vì hôm nay nhà vua sẽ giết con.

Cha mẹ ngạc nhiên hỏi:

- Con có tội lỗi gì mà bị vua giết?

Các cung nữ kể rõ câu chuyện cho cha mẹ nghe và nói:

- Nếu không có hoa dâng lên nhà vua, thì sẽ nguy hiểm đến tính mạng, nên hôm nay con trở về từ biệt cha mẹ!

Cha mẹ nghe xong càng thêm buồn rầu, họ liền mở giỏ ra, thì thấy đầy hoa đẹp, mùi thơm lan tỏa khắp nơi, liền bảo:

- Con hãy đem hoa này dâng lên nhà vua!

Chờ mãi vẫn không thấy hoa mang đến, nhà vua tức giận, sai người bắt trời những người hái hoa phạm tội đem ra chợ xử trảm. Thế nhưng sắc mặt của họ vẫn không biến đổi, lấy làm lạ nhà vua hỏi:

- Tội của các người sẽ bị giết, vì sao không sợ?

Những người hái hoa đáp:

- Con người có sống thì phải có chết, vạn vật có thành ắt có hoại, chúng tôi vì pháp mà phạm tội, nên không tiếc thân mạng. Buổi sáng đi hái hoa, trên đường về gặp Đức Phật, nên đã dâng lên cúng dường, biết làm như thế là trái mệnh vua, tội sẽ bị giết, nhưng thà có đạo mà chết, còn hơn sống mà không đạo. Nhưng khi trở về mở giỏ ra thì thấy hoa vẫn còn như cũ, đều là nhờ ân của Đức Phật chở che.

Nhà vua càng lấy làm lạ, trong lòng không tin, bèn đến hỏi Phật:

Đức Phật bảo:

- Đúng vậy! Những người này chí tâm, muốn độ chúng sinh khắp mười phương, không tiếc thân mạng, nên tung hoa cúng dường Như Lai, lại không có ý cầu quả báo, đã được Ta thụ kí tương lai sẽ thành Phật, hiệu là Diệu Hoa.

Nghe xong, nhà vua rất vui mừng, cười trối cho họ, hối hận trách mình quá ngu si, không bằng bò-tát và xin Đức Phật tha thứ. Đức Phật bảo:

- Lành thay! Người biết sửa lỗi lầm, thì đồng với người không có lỗi!

[34b] Kinh *Bách duyên* ghi: “Một thời, Đức Phật ở Kỳ Thụ Cấp Cô Độc Viên tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, Ngài đắp y ôm bát cùng các tỉ-kheo vào thành khát thực, vừa đến một ngõ phố thì thấy một phụ nữ bồng con ngồi dưới đất.

Lúc ấy, đứa bé từ xa thấy Đức Phật thì rất vui mừng, liền đòi mẹ mua hoa dâng cúng dường Đức Phật. Đứa bé được hoa, liền đến chỗ Phật tung lên hư không, biến thành lọng hoa theo che Đức Phật. Thấy thế, nó rất vui mừng, phát nguyện lớn:

- Xin đem căn lành công đức cúng dường này, nguyện đời sau con thành Chính giác, độ thoát chúng sinh giống như Đức Phật!

Bấy giờ, Đức Phật nghe đứa bé phát nguyện thì liền mỉm cười, từ miệng phóng ra một luồng ánh sáng năm màu, xoay quanh Phật ba vòng rồi trở vào đỉnh Ngài.

Khi ấy, ngài A-nan bạch Phật:

- Đức Thế Tôn là bậc cao quý, không bao giờ cười vô cớ, nay có nhân duyên gì lại mỉm cười? Kính xin Đức Thế Tôn chỉ dạy!

Đức Phật bảo A-nan:

- Ông thấy đóa búp hoa cúng dường ta chăng?

Ngài A-nan bạch:

- Vâng! Con đã thấy.

Đức Phật dạy:

- Đóa búp này đời vị lai, không rơi vào đường ác, sinh lên cõi trời hay xuống cõi người, thường được vui vẻ, trải qua ba a-tăng-kì kiếp được thành Phật hiệu là Hoa Thịnh, độ thoát chúng sinh không thể tính kể, thế nên ta cười.

Các tỳ-kheo nghe Đức Phật dạy xong, đều vui vẻ vâng theo”.

Lại trong kinh *Bách duyên* cũng ghi: “Một thời, Đức Phật ở Kỳ Thọ Cấp Cô Độc Viên tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, các trưởng giả giàu sang quyền quý trong thành, tụ tập bên bờ suối, mở hội Bà-la hoa, ca hát vui chơi. Họ sai một người vào rừng hái hoa bà-la về kết tràng. Người được sai đi, liền vào rừng hái hoa, trên đường về thấy Đức Phật đủ ba mươi hai tướng quý, tám mươi vẻ đẹp, sáng rực như trăm nghìn mặt trời, lòng rất vui mừng, liền cúi lễ dưới chân và tung hoa cúng dường. Cúng dường xong, người ấy lại vào rừng, leo lên cây định hái hoa, chợt cành cây bị gãy, ông ta rơi xuống đất và qua đời, liền được sinh lên cõi trời Đao-lợi, thân hình xinh đẹp, ở trong cung điện được làm bằng hoa bà-la. Đế Thích hỏi:

- Ông ở đâu, tu phước gì mà được sinh về cõi này?

Người hái hoa đáp:

- Tôi ở cõi Diêm-phù-đề, một hôm vào rừng hái hoa về lập hội vui chơi, trên đường về gặp Đức Phật, liền tung hoa cúng dường, nhờ nhân duyên công đức ấy, nên được sinh về cõi này!

Đế Thích thấy vị trời này, thân hình vô cùng xinh đẹp, liền nói kệ khen:

Thân như sắc vàng ròng,

Tỏa ánh sáng rực rỡ,

Dung mạo rất xinh đẹp,

Vượt hơn cả chư thiên.

Vị trời ấy liền nói kệ đáp:

Tôi nhờ ân Đức Phật,

Cúng dường hoa bà-la,

Do nhân duyên lành này,

Được quả báo tốt đẹp.

[34c] Nói kệ xong, ông ta liền cùng Đế Thích đến chỗ Đức Phật, đảnh lễ dưới chân rồi ngồi sang một bên, nghe Phật thuyết pháp, tâm ý khai mở, phá tan mười hai ức nghiệp chướng¹¹⁴, tà kiến¹¹⁵, chứng quả Tu-đà-hoàn. Do đó, ông vô cùng mừng rỡ, nói kệ khen Phật:

Đại Thánh Tôn vời vọi,

Vô thượng không ai bằng,

Công cha mẹ, thầy tổ,

Cũng không thể sánh kịp,

Làm khô bốn biển lớn,

Vượt qua núi xương trắng,

¹¹⁴ Nghiệp chướng 業障 (S: karmāvaraṇa): các nghiệp ác do thân, khẩu, ý của chúng sinh tạo ra, ngăn che chính đạo, một trong ba chướng, một trong bốn chướng.

¹¹⁵ Tà kiến 邪見 (S: mithyā-dṛṣṭi): kiến chấp sai lầm. Chỉ cho những chủ trương phản bác và không chấp nhận đạo lý nhân quả và tứ đế.

Lấp kín ba đường ác,

Mở rộng ba cửa lành”.

Lại kinh *Tạp bảo tạng* cũng ghi: “Lúc ấy, thiên nữ nói kệ:

Xưa ta dùng vòng hoa,

Cúng tháp Phật Ca-diếp,

Nay sinh lên cõi trời,

Được công đức thù thắng,

Đã sinh lên cõi trời,

Lại được thân sắc vàng”.

Luận *Tát-bà-đa* ghi: “Đất của tứ phương tăng, không được xây tháp, nên vì Phật pháp mà trồng trọt. Nếu tăng hòa hợp thì được, nếu không hòa hợp thì không được làm; hoặc trong đất chúng tăng có trồng hoa, thì cũng nên để cho tịnh nhân¹¹⁶ chăm sóc, thu hoạch trao cho tăng tùy ý cúng dường, không được tự ý lấy riêng cúng dường tam bảo. Nếu hoa nhiều, tăng sử dụng không hết, tăng hòa hợp cho phép, thì tùy ý mà lấy. Trong tăng phường, không được xây tháp, đúc tượng, vì để gần người thì như bản, không thanh tịnh. Nếu nhà nhiều tầng, có thờ tượng Phật ở tầng dưới, thì không được đứng ở tầng trên; không được lấy hoa trồng trên tháp cúng dường tăng, phải nên cúng dường Phật, hoa này cũng được bán để lấy tiền cúng dường tháp. Nếu nước thuộc về phần của tháp thì cúng dường cho tháp, nếu còn dư, mà nước này do công sức của người chăm lo tháp mà có, nên bán phần nước này lấy tiền cúng dường tháp, không được dùng vào việc khác, nếu dùng thì tính theo số tiền mà phạm tội. Hoặc trong tháp không có người, mà phần nước này hoàn toàn do công sức của tăng, số nước dùng cho tháp còn lại bao nhiêu, tăng khéo tính toán mà sử dụng”.

Kinh *Văn-thù vấn* ghi: “Lúc bấy giờ, ngài Văn-thù-sur-lợi bạch Phật:

¹¹⁶ Tịnh nhân 淨人: người ở trong chùa, nhưng chưa cạo tóc, chỉ lo làm những nghiệp thanh tịnh.

- Bạch Đức Thế Tôn! Các hoa cúng dường xong còn dư, dùng để trị bệnh, thì như thế nào?

Đức Phật bảo ngài Văn-thù-sư-lợi:

- Mỗi hoa đều phải chú nguyện riêng đủ một trăm lẻ tám biến.

Chú hoa Phật:

- Nam-mô Phật-thát-tả-dã sa-ha

[35a] Chú hoa bát-nhã ba-la-mật:

- Na-mạt kha-lô-lí bát-nhã-ba-la-mật-đa-duệ sa-ha

Chú hoa Phật túc:

- Na-mạc ba-đà-chế-điểm-đam-diêm sa-ha

Chú hoa bồ-đề thụ:

- Nam-mô bồ-đề hóa lực khám lam sa-ha

Chú hoa chuyển pháp luân xú:

- Nam-mô đạt-ma chước-kha-la-dạ sa-ha

Chú hoa tháp:

- Na-mạc thân-bạt-tà sa-ha

Chú hoa bồ-tát:

- Nam-mô bồ-đề tát-đỏa-dã sa-ha

Chú hoa chúng tăng:

- Na-mạc tăng-già-dã sa-ha

Chú hoa Phật tượng:

- Na-mạc ba-la-đề-da sa-ha

Đức Phật lại bảo Văn-thù-sư-lợi:

- Về việc sử dụng hoa này, nếu bốn chúng phát tâm tôn kính tu hành, thì sáng sớm thức dậy tắm gội, súc miệng sạch sẽ, nhớ nghĩ công đức của Phật và cung kính hoa này, không được dẫm lên hoặc bước ngang hoa, phải như pháp cắm hoa vào bình nước sạch. Nếu có người bị bệnh nóng lạnh, nhức đầu, thì giã nát hoa rồi cho vào nước lạnh, dùng thoa vào thân; hoặc có người bị bệnh kiết lỵ ra máu, hoặc bị đau bụng, cũng dùng hoa giã nát hòa vào nước lạnh rồi cho họ uống, thì liền hết bệnh. Nếu có người bị lở miệng, cũng cho họ ngâm nước hoa giã nát, cũng được lành. Nếu trời mưa không tạnh, nên đến nơi vắng vẻ đốt hoa, mưa liền dứt. Nếu gặp lúc trời khô hạn, cũng nên đến nơi vắng vẻ cắm hoa vào nước rồi chú nguyện trong nước lạnh, rưới lên hoa, trời liền tuôn mưa xuống. Nếu các loài trâu, ngựa... không thuần, thì đem hoa cho chúng ăn, chúng liền điều phục; hoặc các loại cây, hoa, trái không tươi tốt, nên trộn hoa giã nát với phân bò, hòa với nước lạnh rồi rưới lên gốc cây, không được dẫm đạp hay tiểu tiện trên đó thì hoa trái sum sê; hoặc ruộng có nhiều nước làm hư hại lúa mạ, thì giã hoa thành bột rồi đem rải vào ruộng, lúa mạ liền xanh tốt. Nếu trong cõi nước có bệnh tật thì giã nát hoa hòa vào nước lạnh, thoa vào loa hoặc trống, rồi thổi hoặc đánh, người nghe âm thanh này liền khỏi bệnh. Nếu các nước thù địch muốn đến xâm lăng, nên giã nát hoa, hòa vào nước rồi rải lên họ, tất cả liền lui tan. Nếu trên núi cao có tảng đá lớn, các tì-kheo mài hoa trên đá rồi cùng nhau lễ bái, ít lâu sau trên đá tự nhiên sinh ra trân bảo.

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

- Mỗi hoa đều phải tụng đủ một trăm lễ tám biến, ông cũng nên đi khắp nơi tuyên nói các câu chú này cho mọi người rõ biết. Hoa Phật, hoa pháp và các hoa khác cũng như vậy.

[35b] Kinh *Hoa nghiêm* ghi: “Thuở xưa trong loài người có một loại hương tên là Đại tượng tạng, do rồng đánh nhau mà có, nếu đốt một viên, thì phóng ra một luồng ánh sáng lớn, tạo thành lưới mây che phủ phía trên, vị ngọt như cam lộ. Trời mưa hương suốt bảy ngày bảy đêm, nếu dính vào thân, thì thân có sắc vàng, nếu dính vào y phục, cung điện, lầu gác, thì tất

cả đều biến thành sắc vàng. Nếu có chúng sinh ngửi được mùi hương này, trong bảy ngày bảy đêm thường được vui vẻ, diệt trừ tất cả bệnh khổ, không bị tai nạn bất ngờ, tâm hằng xa lìa sợ hãi, nguy hại, khởi lòng đại từ, nhớ nghĩ khắp chúng sinh. Ta biết rõ tâm họ, nên thuyết pháp, giúp cho vô lượng chúng sinh chứng được quả vị Bất thoái chuyển. Lại hương ngưu đầu chiên-đàn, do lìa cấu nhiễm mà có, nếu đem thoa vào thân, thì lửa không thể thiêu đốt”.

Kinh *Bách duyên* chép: “Lúc Đức Phật còn tại thế, trong thành Ca-tì-la-vệ có một trưởng giả rất giàu, của cải nhiều vô lượng, không thể tính kể. Ông sinh được một người con, dung mạo xinh đẹp, hiếm có trong đời, các lỗ chân lông trên thân đều tỏa ra mùi hương chiên-đàn, trong miệng thường thoảng ra mùi thơm hoa ưu-bát. Cha mẹ rất vui mừng, nhân đó đặt tên con là Chiên-đàn Hương. Thời gian sau Chiên-đàn Hương lớn lên, cầu Phật xuất gia và chứng quả A-la-hán, các tì-kheo thấy thế liền bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn! Chiên-đàn Hương này đời trước trồng phúc gì mà được sinh vào nhà giàu sang quyền quý, thân và miệng thường thoảng ra mùi thơm, lại được gặp Đức Thế Tôn xuất gia, chứng đạo quả?

Đức Phật bảo các tì-kheo:

- Thuở quá khứ, trải qua chín mươi một kiếp, sau khi Đức Phật Tì-bà-thi nhập niết-bàn, vua Bàn-đầu-mạt-đế thân lấy xá-lợi xây tháp bằng bốn báu, cao một do-tuần để an trí cúng dường. Lúc ấy có một trưởng giả vào tháp Phật, thấy nền tháp bị thủng, ông liền nhồi trộn đất bùn trám lại, lấy bột hương chiên-đàn rải lên, phát nguyện rồi đi. Nhờ công đức ấy, từ đó về sau trải qua chín mươi một kiếp, trưởng giả kia không rơi vào đường ác, được sinh lên cõi trời, người, thân và miệng thường thoảng ra mùi thơm, hưởng thụ niềm vui sướng, đến nay được gặp Ta xuất gia chứng đạo quả”.

Lại nữa, trong luận *Đại trang nghiêm* ghi: “Đức Phật dạy:

- Thuở xưa, vào thời Đức Phật Ca-diếp có một pháp sư thuyết pháp cho đại chúng, thường hay khen ngợi Đức Phật Ca-diếp. Nhờ nhân duyên ấy, nên khi mạng chung, pháp sư ấy được sinh lên cõi trời. Về sau dù sinh vào cõi trời hay cõi người, ông ta cũng thường hưởng thụ niềm vui sướng. Sau khi Đức Phật Thích-ca vẫn nhập niết-bàn một trăm năm, vào thời vua A-thâu-

ca, vị này cũng làm pháp sư, chứng quả A-la-hán, trong miệng thường thoảng ra mùi thơm vi diệu. Lúc ấy, pháp sư ở cách vua không xa, thuyết pháp cho đại chúng nghe, trong miệng tỏa ra mùi thơm bay đến chỗ vua. Nhà vua ngửi được mùi thơm, trong lòng nghi ngờ, liền nghĩ: ‘Tì-kheo này ngậm hương thơm trong miệng chẳng, sao lại thơm đến như thế?’. [35c] Nghĩ xong, nhà vua liền bảo pháp sư súc miệng, xem còn có mùi thơm không. Tì-kheo hỏi:

- Sao đại vương bảo tôi súc miệng?

Vua đáp:

- Tôi ngửi được mùi hương, trong lòng nghi ngờ, nên mới bảo ngài làm thế.

Thế là pháp sư liền súc miệng, mùi thơm ấy từ trong miệng pháp sư càng tỏa ra ngào ngạt, không có mùi thơm khác. Vua liền nói:

- Xin pháp sư thuyết pháp cho tôi nghe!

Pháp sư mỉm cười và nói kệ:

Tự tại trong trời đất,

Vì đại vương thuyết pháp,

Chẳng phải hương trầm thủy,

Cũng không phải lá hoa,

Các loại hương chiên-đàn,

Hòa hợp mà có được,

Tôi sinh tâm hi hữu,

Mà nói như thế ấy,

Nhờ khen Phật Ca-diếp,

Nên được mùi hương này,

Khi Phật nhập niết-bàn,

Mùi hương vẫn không khác,

Đêm ngày thường tỏa ra,

Chưa lúc nào đoạn dứt”.

Kinh *Nhật vân* ghi: “Hương cháy chưa hết mà ném xuống đất thì bị tội việť khí, rơi vào địa ngục Phần Thi trọn năm trăm năm. Vì sao? Vì tâm thường buông lung”. Lại trong kinh *Dạ vấn* ghi: “Nếu có người dùng miệng thổi tro bụi trên các vật dụng trang nghiêm, cúng dường, bị đọa vào địa ngục Ưu-bát-la, quả báo làm vua các thần giớ”. Lại kinh *Yếu dụng tối* ghi: “Nếu có người dùng mũi ngửi hương, làm giảm mùi thơm thì không có phúc đức, quả báo rơi vào địa ngục Ba-đầu-ma, đến đời vị lai tỉ căn không thưởng thức được hương thơm”. Kinh *Nhật cúng dường* cũng ghi: “Khi cúng dường hương mà không ngậm miệng lại, sẽ bị rơi vào địa ngục Hắc Phần Thi, chịu tội trọn nửa kiếp, quả báo không có trí tuệ. Vì sao? Vì thờ ra sẽ làm bốc bụi hương lên”.

Tam thiên oai nghi ghi: “Thắp hương trước Phật, có ba việc: một, thay hương cũ trong lò; hai, tự lấy hương ra; ba, nên chia cho người. Nói về lò hương cũng có ba việc: một, trước hết nên đổ tro cũ; gom hương trong lò để qua một bên; hai, lau lò hương cho sạch rồi mới thắp hương, lại lấy hương cũ cắm vào; ba, khi hương đang cháy, không được thổi tắt”.

VI.3. Đốt đèn

[36a] Như kinh *Bồ-tát bản hạnh* chép: “Đức Phật dạy:

- Thuở quá khứ, vô số kiếp về trước, Ta ở cõi Diêm-phù-đề làm vua một nước lớn, thường bỏ thân mạng ra để bố thí. Có lần Ta cầm dao trao cho quân thân khoét một nghìn lỗ sâu trên thân, lớn như đồng tiền, rồi đổ dầu vào, làm thành một nghìn ngọn đèn, sau khi đặt tim đèn vào, Ta bảo bà-la-môn:

- Xin ngài nói pháp trước, sau đó hãy đốt đèn!

Thế là, bà-la-môn nói kệ:

Thường rồi cũng phải đoạn,

Cao rồi cũng phải rơi,

Có hợp cũng biệt ly,

Có sinh ắt có tử.

Nghe kệ xong, Ta rất vui mừng, liền phát nguyện: ‘Hôm nay tôi vì cầu pháp, khoét thân làm đèn, không cầu vinh hiển ở đời, cũng không cầu chúng quả Nhị thừa, chỉ đem công đức này nguyện cầu đạo Vô thượng chính chân’. Ta vừa phát nguyện xong, tức thời cõi tam thiên đại thiên chấn động sáu cách, một nghìn ngọn đèn trên thân được thắp lên, tất cả chư thiên, Đế Thích, Phạm vương, Chuyển luân thánh vương... đều đến an ủi thăm hỏi:

- Một nghìn ngọn đèn đang cháy trên thân, Ngài có đau không? Hỏi hận không?

Ta đáp:

- Không đau, cũng không hỏi hận!

Đế Thích lại hỏi:

- Lấy gì làm bằng chứng đại vương không hỏi hận?

Ta liền phát nguyện:

- Tôi dùng thân làm một nghìn ngọn đèn, để cầu đạo Vô thượng, được thành Phật. Nếu đúng như thế, thì xin các vết thương đều lành lại’.

Phát nguyện xong, thân Ta liền bình phục như cũ. Lúc ấy Đế Thích, thiên vương, vua quan và quyền thuộc, cùng vô lượng nhân dân hết lòng khen ngợi và cùng nhau tu tập mười điều lành”.

Trong kinh *A-xà-thế vương thụ quyết* ghi: “Đức Phật nhận lời thỉnh của vua A-xà thế, sau khi thụ trai xong, Ngài trở về tinh xá Kì-hoàn. Lúc ấy, vua A-xà-thế bàn với Kì-bà:

- Đức Phật đã thụ trai xong, tiếp theo ta phải làm gì?

Kì-bà tâu:

- Nên thắp nhiều đèn để cúng dường!

Thế là vua A-xà-thế liền truyền lệnh đem một trăm hộc dầu vừng, thắp sáng từ cổng cung điện cho đến tinh xá Kì-hoàn. Bấy giờ có một bà già nghèo thấy vua làm công đức ấy, thì cảm động, bà đi xin khắp nơi được hai đồng tiền, liền ra tiệm mua dầu, chủ tiệm hỏi:

- Bà quá nghèo khổ, chỉ xin được hai đồng tiền, sao không mua thức ăn để nuôi thân, lại mua dầu làm gì?

Bà già đáp:

- Rất khó gặp Đức Phật ra đời, trăm kiếp chỉ có một lần, tôi may mắn được gặp Phật mà không cúng dường. Hôm nay thấy nhà vua làm công đức lớn, tuy nghèo khổ, nhưng tôi cũng muốn thắp một ngọn đèn cúng Phật để làm nhân duyên kiếp sau.

Nghe nói thế, chủ tiệm vui mừng. Lẽ ra hai đồng tiền chỉ mua được hai cấp¹¹⁷ dầu thô, nhưng ông đặc biệt thêm ba cấp nữa, tổng cộng là năm cấp. Sau đó bà già đem dầu đến trước Phật thắp lên, nhưng lại tính số dầu này không đủ thắp sáng đến nửa đêm, bà liền phát nguyện: ‘Nếu đời sau tôi đắc đạo giống như Đức Phật, thì xin số dầu này được cháy sáng suốt đêm không hết’. Phát nguyện xong, bà đĩnh lễ Phật rồi ra về.

Những ngọn đèn của vua, có ngọn bị tắt, có ngọn bị hết dầu, [36b] nhưng ngọn đèn của bà già vẫn còn cháy sáng hơn các đèn khác suốt đêm không tắt, đến sáng mà chất dầu vẫn không hết. Đức Phật bảo tôn giả Mục-kiền-liên:

¹¹⁷ Cấp 合: tên một đơn vị đo thể tích thời xưa, một cấp bằng 1/10 thăng.

- Trời đã sáng, ông nên tắt các ngọn đèn!

Tôn giả Mục-kiền-liên vâng lời Phật dạy, lần lượt tắt hết các ngọn đèn, chỉ còn lại ngọn đèn của bà già, thổi đến ba lần vẫn không tắt. Tôn giả liền vén ca-sa lên quạt cho tắt, nhưng ngọn đèn càng cháy sáng hơn. Tôn giả Mục-kiền-liên bèn dùng uy thần dẫn gió Tuy Lam¹¹⁸ đến thổi, mà đèn càng cháy mạnh, soi thẳng đến Phạm thiên, cho đến ba nghìn thế giới, đều nhìn thấy ánh sáng ngọn đèn ấy. Đức Phật bảo tôn giả Mục-kiền-liên:

- Thôi thôi! Đây là ánh sáng công đức của Phật đương lai, uy thần của ông không thể dập tắt, bà già này đời trước đã cúng dường tám mươi ức Phật và được Phật thụ kí, nhưng mãi lo tu tập kinh pháp, không rãnh làm việc bố thí, nên nay nghèo cùng không có của cải, trải qua ba mươi kiếp sau bà già này sẽ được thành Phật hiệu là Tu-di Đăng Quang Như Lai, Chí Chân, Đăng Chính Giác. Lúc ấy thế giới không có mặt trời mặt trăng, trong thân nhân dân tự phát ra ánh sáng, soi chiếu xen nhau như cõi trời Đao-lợi.

Bà già nghe xong, lòng rất vui mừng, liền đỉnh lễ Phật rồi ra về.

Vua hỏi Kì-bà:

- Ta tạo công đức rộng lớn như thế, Đức Phật không thụ kí. Bà già này chỉ cúng một ngọn đèn, lại được thụ kí?

Kì-bà đáp:

- Đại vương tạo công đức tuy nhiều, nhưng tâm không chuyên nhất, nên không bằng bà già chú tâm về Phật.

Thế là, sau đó vua A-xà-thế đem tâm chí thành dâng dầu và hoa cúng dường Phật. Đức Phật liền thụ kí:

- Đời sau, trải qua tám vạn kiếp, đến một kiếp tên là Hỉ Hoan, đại vương sẽ thành Phật hiệu là Tịnh Kì.

¹¹⁸ Gió Tuy Lam (Tùy Lam phong 毘嵐風): trận gió dữ thổi nhanh và mạnh khi vũ trụ bắt đầu hình thành (kiếp Sơ) và khi kết thúc (kiếp Tận).

Lúc ấy, thái tử con vua A-xà-thế tên là Chiên-đà-hòa-lợi, mới lên tám tuổi, nghe vua cha được thụ kí, lòng rất vui mừng liền cởi các châu báu trên thân, tung lên Phật và phát nguyện:

- Nguyện con đến thời Đức Phật Tịnh Kỳ, được làm Kim luân vương, cúng dường Phật, sau khi Đức Phật ấy bát-nê-hoàn, con sẽ được làm Phật kế tiếp.

Đức Phật bảo:

- Ông chắc chắn sẽ toại nguyện và được thành Phật hiệu là Chiên-đàn”.

Kinh *Hiền ngu* ghi: “A-nan bạch Phật:

- Không biết thuở quá khứ, Đức Thế Tôn đã tạo căn lành gì, mà đến đời này được phúc báo cúng dường Vô cực đăng¹¹⁹ như thế?

Đức Phật bảo A-nan:

- Thuở quá khứ trải qua hai a-tăng-kì, chín mươi một kiếp, cõi Diêm-phù-đề này có một vua nước lớn tên là Ba-tắc-kì, đại phu nhân của vua sinh được một thái tử, thân màu vàng tía, đầy đủ các tướng quý. Thời gian sau, thái tử dần lớn lên, xuất gia và thành Phật, giáo hóa, độ thoát vô số chúng sinh. Bấy giờ, vua cha thỉnh Phật và chúng tăng cúng dường ba tháng, lúc ấy có một tì-kheo tên là A-lê-mật-la nguyện làm đàn-việt cúng dường đèn suốt thời gian ấy. Hằng ngày ông vào thành xin các thứ tô dầu và bắc đèn. [36c] Khi ấy có vương nữ tên là Mâu-ni đứng trên lầu cao, thấy tì-kheo này hằng ngày vào thành xin các thứ cần dùng thì sinh lòng cung kính, sai người đến hỏi tì-kheo cần gì. Tì-kheo đáp:

- Hôm nay tôi làm đàn-việt cúng dường đèn cho Đức Phật và chúng tăng trong ba tháng, nên vào thành xin tô dầu và bắc đèn.

Người được sai đi trở về kể lại cho vương nữ biết, vương nữ rất vui mừng nói:

¹¹⁹ Vô cực đăng 無極燈: đèn cháy mãi không tắt.

- Từ nay về sau ngài đừng đi xin nữa, tôi sẽ cung cấp đầy đủ bắc đèn... cho ngài!

Tì-kheo đồng ý, thế là từ đó về sau, vương nữ thường dâng đủ các thứ như tô dầu và bắc đèn cho tì-kheo. Tì-kheo A-lê-mật-la thành tâm thắp đèn cúng Phật, Đức Phật liền thụ kí: ‘Đời sau trải qua a-tăng-kì kiếp, ông sẽ được thành Phật hiệu là Định Quang’. Vương nữ Mâu-ni nghe tì-kheo A-lê-mật-la được thụ kí, liền nghĩ: ‘Những thứ làm thành đèn cúng dường Đức Phật đều là của ta, mà tì-kheo đã được thụ kí, ta còn không được’. Suy nghĩ xong, bà liền đến chỗ Phật, trình bày suy nghĩ của mình. Đức Phật liền thụ kí: ‘Đời sau trải qua hai a-tăng-kì, chín mươi một kiếp, người sẽ được thành Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni, đầy đủ mười hiệu’. Vương nữ nghe Phật thụ kí xong, lòng rất vui mừng, liền hóa thành nam tử, cúi lạy chân Đức Phật, xin làm sa-môn. Đức Phật đồng ý. Từ đó vị sa-môn này tinh tấn tu tập không ngừng, nhờ thưở xưa cúng dường đèn sáng, từ đó đến nay trải qua vô số kiếp, thường được sinh lên cõi trời người, hưởng phúc tự nhiên, thân hình xinh đẹp, hơn hẳn mọi người, nay được thành Phật, phúc báo được cúng dường đèn sáng này”.

Lại trong kinh *Thí đặng công đức* ghi: “Đức Phật bảo ngài Xá-lợi-phất:

- Nếu có người đến trước hình tượng hoặc chùa tháp Phật mà cúng dường đèn sáng, cho đến dùng một ít bắc đèn, hoặc đốt đèn dầu cúng dường, ánh sáng ấy chỉ soi chiếu được một lối đi hoặc một bậc thềm. Nay Xá-lợi-phất, phúc đức của người này tất cả hàng thanh văn, duyên giác đều không thể biết được, chỉ có Phật Như Lai mới có thể biết. Người cầu quả báo thế gian, mà còn được phúc đức như thế, huống gì công đức của tâm thanh tịnh, tin ưa niệm Phật liên tục không gián đoạn. Ánh sáng chỉ chiếu đến một bậc thềm, còn được phúc đức như thế, huống là chiếu cả một lối đi, hoặc hai, ba, bốn lối đi, hoặc một tầng, hai tầng tháp, cho đến nhiều tầng, một phía, hai phía, bốn phía tháp, cho đến chiếu khắp tượng Phật. Nay Xá-lợi-phất, ngọn đèn của người kia hoặc tự nhiên vụt tắt, hoặc gió thổi tắt, hoặc dầu hết mà tắt, hoặc do bắc đèn hết mà tắt, hoặc tắt cả đều hết mà tắt. Nếu có người trong khoảng thời gian ngắn như thế cúng dường chùa tháp Phật một ít đèn sáng, vì tin Phật pháp tăng, nên phúc điền cúng dường chút ít đèn này, sẽ được quả báo, thành tựu phúc đức, chỉ có Phật mới biết được. [37a] Người kia chỉ cúng dường chút ít đèn sáng mà còn được nhiều

phúc đức không thể tính kể như thế, huông là sau khi Ta diệt độ, nếu có người tự mình hoặc dạy người khác đốt một ngọn đèn, hai ngọn đèn hoặc nhiều ngọn đèn cùng hương hoa, chuỗi báu, tràng báu, lọng báu và các thứ thượng diệu khác cúng dường tháp Phật! Lại nếu có người cúng dường tháp Phật một ngọn đèn, sau khi mạng chung sẽ được ba loại ánh sáng: một, người ấy đến khi lâm chung, những phúc đức đã làm trước kia, thấy đều hiện đến, luôn nhớ nghĩ các pháp lành không quên, nhờ nhớ nghĩ các pháp lành mà sinh tâm vui mừng; hai, nhờ đó mà có thể phát tâm niệm Phật, bỏ thí, tâm hoan hỷ không còn khổ về sự chết; ba, được tâm niệm pháp.

Này Xá-lợi-phất! Khi người kia mạng chung, lại được thấy bốn loại ánh sáng; một, thấy vàng mặt trời tròn sáng xuất hiện; hai, thấy vàng mặt trăng tròn sáng xuất hiện; ba, thấy chư thiên cùng ngồi một chỗ; bốn, thấy Đức Như Lai, Ứng Chính Biến Tri ngồi bên cội bồ-đề sắp chứng đạo quả, lại cũng tự thấy thân mình tôn trọng, chấp tay cung kính Đức Như Lai.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Nếu có người cúng dường tháp Phật một ngọn đèn, khi lâm chung được thấy bốn loại ánh sáng như thế, sau khi qua đời, được sinh lên cõi trời Tam Thập Tam. Đã sinh về cõi trời rồi, liền được năm việc thanh tịnh:

- 1- Được sức mạnh thanh tịnh
- 2- Được uy đức thù thắng trong hàng chư thiên
- 3- Được tuệ niệm thanh tịnh
- 4- Được nghe âm thanh nhiếp ý
- 5- Được quyền thuộc vừa ý, nên tâm thường vui vẻ.

Sau khi thọ mạng cõi trời đã hết, không rơi vào đường ác, sinh xuống nhân gian, làm con một gia đình giàu sang quyền quý, kính tin Phật pháp. Thuở ấy, nếu thế gian không có Phật pháp, cũng không sinh vào nhà thấp hèn, tà kiến.

Nhờ cúng dường đèn mà được bốn pháp đáng ưa thích; một, sắc lực; hai, của cải; ba, vui vẻ; bốn, trí tuệ. Nếu có người trụ bậc Đại thừa mà cúng dường tháp Phật một ngọn đèn sáng, sẽ được tám pháp thù thắng:

- 1- Được nhục nhãn thù thắng
- 2- Được niệm thù thắng không thể suy lường
- 3- Được thiên nhãn thù thắng
- 4- Nhờ tu tập đầy đủ, nên không khuyết giới
- 5- Đầy đủ trí tuệ, chứng quả Niết-bàn
- 6- Do những điều lành đã tạo trước kia, nên không sinh vào tám nơi nạn¹²⁰
- 7- Nhờ những nghiệp lành đã tạo, mà được gặp các Đức Phật, làm mắt sáng cho tất cả chúng sinh
- 8- Nhờ căn lành ấy, mà được luân bảo của Chuyển luân thánh vương, [37b] không bị người khác làm chướng ngại, thân hình xinh đẹp; hoặc làm Đế Thích có uy đức lớn, đầy đủ nghìn mắt; hoặc làm Phạm vương khéo tu tập, chứng đại thiên định.

Này Xá-lợi-phất! Đem căn lành này hồi hướng bồ-đề sẽ được tám pháp an lạc thù thắng như thế. Này Xá-lợi-phất! Nếu có người thấy người khác đem lòng tin trong sạch cúng dường đèn cho Như Lai, liền chấp tay, khởi tâm tùy hỷ, nhờ căn lành này, được tám pháp tăng thượng:

- 1- Được sắc thân tăng thượng
- 2- Được quyền thuộc tăng thượng
- 3- Được giới tăng thượng
- 4- Được cuộc sống tăng thượng trong cõi trời người

¹²⁰ Tám nơi nạn (bát nạn 八難; S: aṣṭāv akṣaṇāḥ): tám nơi khổ nạn chướng ngại chúng sinh đến với đạo pháp. Tám nạn đó là nạn địa ngục; nạn nga qui; nạn súc sinh; nạn sinh lên cõi trời Trường Thọ; nạn sinh ở cõi Uất-đan-việt; nạn điếc, đui, câm, ngọng; nạn thể trí biện thông; nạn sinh trước Phật và sau Phật.

- 5- Được niềm tin tăng thượng
- 6- Được biện tài tăng thượng
- 7- Được thánh đạo tăng thượng
- 8- Đắc A-nậu-đa-la tam-miêu tam-bồ-đề.

Này Xá-lợi-phất! Lại có năm pháp khó được:

- 1- Được thân người
- 2- Tin ưa chính pháp của Phật
- 3- Ưa thích xuất gia trong chính pháp của Phật
- 4- Đầy đủ giới thanh tịnh
- 5- Được lậu tận.

Tất cả chúng sinh khó được năm pháp này, các ông đã được”.

Kinh *Thí dụ* ghi: “Lúc Phật còn tại thế, các đệ tử của Ngài có đức hạnh không đồng nhau, như tôn giả Xá-lợi-phất trí tuệ bậc nhất, Đại Mục-kiền-liên thần thông đệ nhất còn A-na-luật thiên nhãn đệ nhất, có thể nhìn thấy ba nghìn đại thiên thế giới, cho đến các vật nhỏ nhiệm, tối tăm cũng đều nhìn thấy. Tôn giả A-nan thấy thế rồi liền bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn! Tôn giả A-na-luật đời trước trồng nghiệp lành gì mà được thiên nhãn như thế?

Đức Phật bảo:

- Thuở quá khứ cách nay chín mươi một kiếp, sau khi Đức Phật Tì-bà-thi nhập niết-bàn, bấy giờ có một tên cướp lên vào tháp lấy trộm vật, trong tháp có một ngọn đèn để trước tượng Phật, nhưng lại sắp tắt, tên cướp liền lấy mũi tên khêu đèn lên cho sáng, chợt thấy ánh sáng uy nghiêm của Đức Phật thì chấn động tâm thần, liền nghĩ: ‘Người ta còn bỏ của cải để cầu phước, sao ta lại đi trộm’. Nghĩ thế, tên trộm liền bỏ đi, nhờ nhân duyên

phúc đức sửa lại ngọn đèn, mà từ đó về sau trải qua chín mươi mốt kiếp, tên trộm ấy thường sinh về cõi lành, dần dần xả bỏ những việc ác, phúc đức càng tăng trưởng, đến nay được gặp ta, xuất gia tu đạo và chứng quả A-la-hán, ở trong chúng được thiên nhân, nhìn thấu suốt bậc nhất. Huống gì có người sinh tâm buông bỏ, thấp đèn cúng Phật, sẽ được phúc đức không thể suy lường. [37c] Trong luận *Trí độ* ghi: “Nếu có người trộm hạt châu trong tháp Phật, cho đến trộm đèn trong tháp Phật, sau khi chết sẽ rơi vào địa ngục, nếu được làm người, thì đời đời thường bị đui mù”.

Trong kinh *Quán đỉnh*¹²¹ cũng ghi: “Bồ-tát Cứu Thoát bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn! Nếu có kẻ nam người nữ nào đau bệnh nằm mãi trên giường, không người cứu giúp, con sẽ khuyến thỉnh chúng tăng trong bảy ngày bảy đêm, nhất tâm trì trai, vâng giữ tám điều giới cấm, sáu thời hành đạo, cho đến tụng đọc kinh điển bốn mươi chín biến, đốt đèn bảy tầng và treo thần phan tục mạng năm màu.

Ngài A-nan hỏi:

- Đèn và phan tục mạng phải làm như thế nào?

Bồ-tát Cứu Thoát nói:

- Thần phan phải làm bằng vải năm sắc, chiều dài bốn mươi chín thước; đèn cũng lại như vậy, phải đốt đèn bảy tầng, mỗi tầng để bảy ngọn đèn, mỗi ngọn lớn như bánh xe. Nếu gặp tai nạn nguy hiểm, hoặc bị giam giữ trong chốn lao tù, gông cùm xiềng xích, thì cũng phải tạo lập thần phan và đèn tục mạng, phóng sinh các loài vật, trong bốn mươi chín ngày, sẽ qua khỏi các ách nạn, không bị các loài ác quỷ nào hại”.

Lại trong kinh *Siêu nhật minh tam muội* ghi: “Nhật Thiên vương và vô số thiên chúng đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Ngài và bạch:

¹²¹ Kinh Quán đỉnh (Quán đỉnh kinh 灌頂經; S: Mahābhīṣeka-mantra): kinh, mười hai quyển, do ngài Bạch-thi-lê-mật-đa-la dịch vào thời Đông Tấn, Trung Quốc, được xếp vào Đại Chính tạng, tập 21. Kinh này được hình thành do mười hai bộ kinh nhỏ, từ kinh Quán đỉnh tam qui ngũ giới đái bội hộ thân chú, cho đến kinh Quán đỉnh bạt trừ quá tội sinh tử đặc độ. Mười hai bộ kinh này đều căn cứ vào công đức của mỗi kinh mà có bốn chữ “Phật thuyết Quán đỉnh”, nên gọi là Quán đỉnh kinh.

- Bạch Đức Thế Tôn! Phải tu pháp gì để được làm Nhật Thiên, ánh sáng chiếu khắp tứ thiên hạ, lại do duyên gì được làm Nguyệt Thiên chiếu sáng cảnh đêm tăm tối?

Đức Phật dạy:

- Thực hành bốn việc sẽ được làm Nhật vương:

1- Thường vui vẻ bố thí

2- Tu thân, cẩn thận các hành vi

3- Giữ giới không phạm

4- Đốt đèn nơi chùa Phật, hoặc ở chỗ cha mẹ, sa-môn và đạo nhân; thân, khẩu, ý, thực hành mười điều lành.

Đức Phật dạy tiếp:

- Thực hành bốn việc sẽ được làm Nguyệt vương:

1- Bố thí cho người nghèo thiếu.

2- Giữ gìn năm giới.

3- Cung kính phụng thờ tam bảo.

4- Đốt đèn sáng nơi tăm tối, hoặc chùa miếu, vua chúa, cha mẹ và thầy tổ.

Luật *Tăng-kì* ghi: “Đức Phật dạy:

- Từ nay về sau, cho phép khi đốt đèn, đặt mỗi lửa một bên, rồi lần lượt đốt, trước hết nên để đèn nơi thờ xá-lợi và hình tượng Phật, lễ bái xong, theo thứ lớp mà đốt. Khi đèn tắt, tắt những nơi khác trước, rồi mới tắt đèn trước Phật và xá-lợi, đồng thời nên nói: ‘Các đại đức không được dùng miệng thổi đèn (vì có trùng trong lửa, sợ làm tổn hại hơi thở của người, nên không cho phép thổi), chỉ cho phép dùng tay, hoặc dùng y quạt cho tắt, phải cúi thấp đầu xuống để mỗi lửa. Khi vào không được vội vàng, nên

xướng lên rằng: “Các đại đức nào muốn thắp đèn mới được vào, nếu không làm như thế, sẽ bị tội việc uy nghi”.

Lại nữa, trong *Tam thiên uy nghi* ghi: “Đốt đèn có năm việc:

- 1- Nên lấy khăn lau bên trong và ngoài đèn cho sạch
- 2- Phải làm sạch bậc đèn
- 3- Phải tự làm dầu
- 4- Khi châm dầu không được quá đầy, cũng không được quá ít
- 5- Phải giữ cho chắc, không được treo, làm trở ngại người đang hành đạo”.

[38a] *Ngũ bách vấn sự* ghi: “Giữ ánh sáng trước Phật suốt ngày không được tắt. Phật không có sáng tối, vì vốn không, nhưng lời nói và ý nghĩ của chúng sinh đều có giới hạn, nên làm mất ánh sáng là có tội”. Lại trong *Đại Đường tam tạng Ba-phả-sư* ghi: “Đèn đốt trước Phật, không được lấy, lấy vật cạnh đèn, mà không che mất ánh sáng thì được lấy”.

VI.4. Treo tràng phan

Trong kinh *Ca-diếp cáo A-nan* ghi: “Thuở xưa, vua A-dục xây dựng trong nước một nghìn hai trăm ngôi tháp. Sau đó vua lâm bệnh nặng, có một sa-môn đến thăm, vua liền nói với vị sa-môn:

- Trước kia, ta có xây một nghìn hai trăm ngôi tháp, muốn tự tay treo các tràng phan được dệt bằng sợi vàng và rải hoa mới thành tựu, nay bị bệnh nặng thế này, e rằng không toại nguyện.

Sa-môn bảo vua:

- Đại vương hãy chấp tay nhất tâm cung kính.

Nói xong, vị sa-môn liền hiện thân tức, tức thời một nghìn hai trăm ngôi tháp hiện ra trước mặt vua, vua A-xà-thế nhìn thấy, lòng rất vui mừng, liền sai lấy tràng phan và hoa bằng vàng treo lên các ngôi tháp, tức thời các ngôi tháp cao thấp đều hiện đến tay vua, vua được toại nguyện và lành

bệnh. Sau đó, vua phát tâm rộng lớn, kéo dài tuổi thọ thêm hai mươi lăm năm. Do đó gọi phan này là thần phan tục mạng”.

Lại trong kinh *Phổ Quang* ghi: “Nếu bốn chúng tì-kheo, tì-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, có người lâm chung, hoặc đã qua đời, thì ngay trong ngày mất quyền thuộc của họ làm tràng phan màu vàng treo trên tháp, thì người ấy được phúc đức, xa lìa tám nạn khổ, được sinh trong cõi nước của chư Phật ở mười phương. Cúng dường phan lọng, thì được sở nguyện tùy tâm, cho đến thành đạo bồ-đề. Tràng phan tung bay theo gió, rách nát hết, cho đến thành từng hạt bụi nhỏ. Khi tràng phan vừa xoay, sẽ được ngôi vị Chuyển luân thánh vương, cho đến bay một hạt bụi, cũng liền được ngôi vị tiểu vương. Quả báo ấy không thể suy lường. Đốt đèn cúng dường, chiếu sáng những nơi tăm tối, giúp cho chúng sinh đau khổ, nhờ ánh sáng này, mà được thấy nhau, cũng nhờ phúc đức ấy mà các chúng sinh đều được yên ổn.

Hỏi: Vì sao trong kinh dạy phải làm phan màu vàng treo trên mộ tháp cho người chết ?

Đáp: Tuy chưa thấy trong kinh giải thích, nhưng có thể theo nghĩa suy biết. Trong năm màu chính thì màu vàng ở giữa, tiêu biểu cho sự trung thành, tận tâm tu phúc, dẫn tới thân trung ấm không rơi vào đường ác, chẳng sinh biên địa. Lại màu vàng còn giống vàng trang sức, quý thần ở chốn u minh đều sử dụng vàng, nên trong nhân gian lúc cúng tế, người ta thường cất tiền giấy bạc để cúng, thì quý nhận tiền giấy sử dụng; khi cất tiền giấy màu vàng cúng cho quý, quý liền nhận được tiền giấy vàng để sử dụng.

Hỏi: Làm sao biết được?

Đáp: Trong *Minh báo kí* và *Minh tường kí* đã chép đầy đủ, nên biết”.

[38b] Lại trong kinh *Thí dụ* ghi: “Có người đào hầm chứa được mấy trăm tạ lúa, một hôm có một con vật trộm ngũ cốc đến trộm hết số lúa ấy đi, đến khi người chủ mở kho ra, thì phát hiện không còn một hạt lúa nào, chỉ thấy một con vật rất lớn, ông ta liền bắt tra hỏi:

- Vì sao ngươi lại trộm hết lúa của ta? Ngươi là thần gì?

Trùng đáp:

- Ông hãy đem tôi đến ngã tư đường, sẽ có người biết tên tôi!

Người chủ đồng ý và đưa con vật ấy đến ngã tư đường. Trên đường đi thì gặp một vị quan cưỡi ngựa vàng và mặc áo vàng, tất cả xe cộ và y phục đều đồng một màu vàng. Lúc ấy, vị quan ấy hỏi:

- Loài trộm lúa! Sao ngươi lại ở đây?

Lúc ấy, người chủ mới biết con vật này là kẻ trộm lúa, liền hỏi:

- Người mặc y phục màu vàng và cưỡi ngựa vàng là ai?

Kẻ trộm lúa đáp:

- Đó là tinh tinh của vàng ròng, tôi xin lấy số vàng này để đền lại giá trị số lúa đã mất cho ông.

Người chủ nhờ đó mà được vàng, dùng không hết. Bởi vì người và quỉ khác đường, cảm thấy không giống nhau, nên bậc thánh đã chế ra phan màu vàng, vì người chết mà treo lên mộ tháp, quỉ thần tìm được của báu, liền cứu giúp”.

Kinh *Bách duyên* ghi: “Khi Đức Phật còn tại thế, trong thành Ca-tì-la-vệ có một trưởng giả rất giàu, của cải nhiều vô lượng, không thể tính kể. Vợ ông sinh được một bé trai khôi ngô tuấn tú, không ai sánh bằng. Lúc mới sinh bé trai ấy, trên hư không có tràng phan lớn che phủ khắp thành, cha mẹ thấy thế thì rất vui mừng, nhân đó mà đặt tên con là Ba-đa-ca.

Thời gian sau, Ba-đa-ca lớn lên, liền xin Phật xuất gia và chứng quả A-la-hán, đầy đủ ba minh, sáu thông và tám giải thoát.

Các tì-kheo thấy thế liền bạch Phật.

- Bạch Đức Thế Tôn! Tì-kheo Ba-đa-ca thưở xưa trồng phúc gì, mà mới sinh ra đã xinh đẹp hơn người, lại có tràng phan lớn che phủ khắp thành, nay được gặp Đức Thế Tôn, xuất gia chứng đạo quả?

Đức Phật bảo các tì-kheo:

- Thuở quá khứ chín mươi một kiếp về trước, ở nước Ba-la-nại có Đức Phật Tì-bà-thi ra đời, sau khi Ngài nhập niết-bàn, vua Bàn-đầu-mạt-đế thâu lấy xá-lợi, xây tháp bằng bốn báu cao một do-tuần để tôn thờ. Lúc ấy, có một người mở hội lớn bên tháp để cúng dường. Khi cúng dường xong, ông làm một chiếc tràng phan treo lên tháp, phát nguyện rồi đi. Nhờ công đức này, từ đó về sau trải qua chín mươi một kiếp, ông ta không rơi vào ba đường ác, dù sinh lên cõi trời hay vào cõi người, thường có tràng phan theo che, hưởng thụ niềm vui sướng, đến nay gặp Ta, xuất gia chứng đạo quả”.

Kinh *Bồ-tát bản hạnh* ghi: “Thuở xưa, khi Phật còn tại thế, Ngài dẫn các tì-kheo từ nước Uất-ti-la-diên du hóa khắp nơi.[38c] Bảy giờ, khi trời nóng bức, có người chăn dê thấy Đức Phật đi như thế thì khởi tâm thanh tịnh, bện cỏ làm lọng, theo che cho Đức Phật, đến khi cách đàn dê rất xa, ông ta mới buông chiếc lọng xuống đất và trở về chỗ đàn dê. Đức Phật mỉm cười bảo ngài A-nan:

- Người chăn dê này, với tâm cung kính làm chiếc lọng bằng cỏ che cho Ta, nhờ công đức này, trong ba mươi kiếp, ông ta không rơi vào đường ác, được sinh lên cõi trời; sau khi sinh xuống cõi người, làm con trong một gia đình cao quý, hưởng thụ niềm vui, thường có lọng bảy báu tự nhiên theo che, mãn ba mươi kiếp, ông ta xuất gia tu đạo và thành Bích-chi Phật hiệu là A-nậu bồ-đề”.

Tụng rằng:

Nhàm chán cội vô minh,

Sẽ ra vườn Nại¹²² tốt,

Mới vào lối Hương sơn,

Trọn được thân bất hoại,

Hoa định sinh quả trí,

¹²² Vườn Nại (Nại viên 柰園): theo Nghệ Lâm Phật Sơn, vườn Nại tức là chùa Phật. Theo bản cựu dịch thì vườn cây am-la cũng được gọi là vườn Nại.

*Đèn thần chiếu Phạm thiên,
Tràng phan như sắc gấm,
Ngào ngạt tợ khói hương,
Quyện vút tận không trung,
Toả xuống như sen hồng,
Ngày đêm gió thường thổi,
Chông chất nhân Luân vương,
Chiêm ngưỡng không nhàm chán,
Kết bạn để ngắm nhìn,
Đâu biết trong sắc ấy,
Được phúc thọ lâu dài.*

Nguyễn Trang dịch

CHƯ KINH YẾU TẬP

QUYỂN 5

VII. THỤ THỈNH

Gồm tám phần: Lời dẫn, Cúng dường, Phân biệt những điều sai lầm, Thánh tăng, Bồ thí thức ăn, Giờ ăn, Cách ăn, Ăn xong.

VII.1. Lời dẫn

Tam bảo bình đẳng, rộng như hư không, chẳng oán chẳng thân, không sang không hèn. Pháp cúng dường trai hội là lấy sự không giới hạn làm căn bản, không chọn không bỏ, như thế mới hợp với tâm Bồ thí. Cho nên tâm thể là tướng, rộng lớn như hư không, tùy thời tùy duyên, lượng đồng với pháp giới¹²³. Nhân đã vô cùng thì quả cũng vô lượng. Và lại, người thể tục nghèo hèn thiếu thốn, Bồ thí có giới hạn, [39a] vật thí đã giới hạn, thì tâm cũng thiên chấp. Như xét người thì chọn đức, căn cứ vào hạnh thì bỏ ác, xem tướng thì chọn hình, theo dung mạo thì bỏ xấu. Thật khó mà ghi hết tâm lượng hạn hẹp! Cứ mãi chọn lựa thì khó mà thành tựu được phúc đức vô biên. Cho nên xưa kia, Tỳ-xá-khư mẫu¹²⁴ thỉnh riêng năm trăm vị a-la-hán¹²⁵ để cúng dường đã bị Đức Như Lai quở trách, chẳng bằng theo thứ tự trong tăng, thỉnh một phạm tăng sẽ được phúc vô cùng. Nên biết, tâm không giới hạn thì phúc đức bủa rộng muôn nơi, của tiền chẳng tính nhiều ít thì lòng bao trùm cả pháp giới.

VII.2. Cúng dường

Luận Địa trì¹²⁶ ghi: “Bồ-tát có mười cách cúng dường Đức Như Lai:

1. Cúng dường sắc thân Phật.

¹²³ Pháp giới 法界 (S: dharma-dhātu): tất cả các cảnh sở duyên của ý thức, một trong mười tám giới. Theo nghĩa rộng thì pháp giới chỉ chung cho tất cả các pháp hữu vi và vô vi.

¹²⁴ Tỳ-xá-khư mẫu 毘舍佉母 (S: Mrgāra-mātṛ; Cg: Lộc Tử Mẫu): vị ưu-bà-di đắc sơ quả, sống vào thời Đức Phật còn tại thế, là con gái của trưởng giả nước Ương-già. Bà đã từng phát tám lời nguyện lớn trước Đức Phật, còn cúng dường tài vật để xây dựng giảng đường Đông Viên Lộc Mẫu cho Đức Phật và các đệ tử.

¹²⁵ A-la-hán 阿羅漢 (S: arhat): bậc thánh đã đoạn hết kiến hoặc, tư hoặc trong ba cõi, chứng được tận trí, xứng đáng nhận tất cả sự cúng dường của thế gian; một trong bốn quả Thanh văn, một trong mười đức hiệu Như Lai.

¹²⁶ Luận Địa trì (Địa trì luận 地持論): luận, mười quyển, do ngài Đàm Vô Sám dịch vào đời Bắc Lương, được xếp vào Đại Chính tạng, tập 30. Nội dung kinh này nói rõ phương tiện tu hành của bồ-tát, chia làm ba phần: sơ phương tiện xứ, thứ pháp phương tiện xứ và tất cánh phương tiện xứ, gồm hai mươi bảy phẩm.

2. Cúng dường chi-đề.¹²⁷
3. Cúng dường hiện tiền.
4. Cúng dường không hiện tiền.
5. Tự mình cúng dường.
6. Khuyến giúp người khác cúng dường.
7. Cúng dường tài vật.
8. Cúng dường thù thắng.
9. Cúng dường không nhiễm ô.
10. Chí xú đạo cúng dường.

Bồ-tát thiết lễ cúng dường trước sắc thân Phật, gọi là cúng dường sắc thân Phật.

Bồ-tát vì Đức Như Lai mà cúng dường tháp, hang động, hoặc tinh xá¹²⁸, cho dù đã cũ hay mới xây, thì gọi là cúng dường chi-đề.

Bồ-tát gặp thân Như Lai và chi-đề mà thiết lễ cúng dường thì gọi là cúng dường hiện tiền.

Bồ-tát với niềm hoan hỷ, khao khát ở trước Đức Phật và chi-đề hiện tại cúng dường, đối với các Đức Phật ở ba đời cũng như thế, cho đến hiện tại cúng dường chi-đề Phật và cả ba đời mười phương vô lượng thế giới chi-đề hoặc cũ hoặc mới, thì gọi là cộng hiện tiền cúng dường. Nếu bồ-tát không cúng dường Như Lai và chi-đề hiện tiền mà sau khi Phật nhập niết-bàn, tùy khả năng của mình xây dựng cả trăm nghìn vạn ức bảo tháp tôn thờ xá-lợi, thì gọi là cúng dường rộng khắp không hiện tiền. Nhờ việc làm này nên thành tựu được nhiều quả lớn, có được Phạm phúc¹²⁹, trải qua vô số kiếp

¹²⁷ Chi-đề 支提 (S: Caitya): tháp miếu, theo luật Ma-ha-tăng-ki, nơi thờ xá-lợi mới gọi là tháp, tháp không thờ xá-lợi gọi là chi-đề. Đời sau phần nhiều dùng lẫn lộn. Luận Địa tri chủ trương bất luận tháp có thờ hay không thờ xá-lợi, đều gọi là chi-đề cả.

¹²⁸ Tinh xá 精舍: ngôi nhà của những người tinh chuyên tu luyện trí đức, tức tên khác của tự viện.

¹²⁹ Phạm phúc 梵福 (S: Brāhma-puṇyatva): phúc đức sinh về cõi trời Đại Phạm.

không bị rơi vào đường ác, được đầy đủ vật dụng cho đến chúng đắc Vô thượng bồ-đề¹³⁰. Bồ-tát cúng dường hiện tiền được công đức¹³¹ lớn, cúng dường không hiện tiền được công đức rất lớn, cúng dường hiện tiền và không hiện tiền được công đức vô cùng lớn.

Bồ-tát tự tay mình cúng dường Như Lai và chi-đề chứ không lười biếng nhờ người khác cúng, gọi là tự mình cúng dường.

[39b] Bồ-tát không chỉ riêng mình cúng dường Như Lai và chi-đề mà còn khuyến khích thân bằng quyến thuộc tại gia, xuất gia cùng cúng dường thì gọi là mình cùng với người khác cúng dường. Tuy có ít tài vật, nhưng bồ-tát vì lòng từ bi nên đem cho những người nghèo khổ thiếu phúc, rồi bảo họ cúng dường Như Lai và chi-đề để được an lạc, mà bồ-tát không tự làm, gọi là khuyến giúp người khác cúng dường. Người tự mình cúng dường được phúc báo lớn, bảo người khác cúng dường được phúc báo rất lớn, mình cùng với người khác cúng dường được phúc báo vô cùng lớn.

Bồ-tát cúng dường y phục, thức ăn, các bảo vật... lên Phật và chi-đề, gọi là cúng dường tài vật.

Từ trước đến nay, với lòng tin thanh tịnh, bồ-tát cúng dường tài vật lên Phật và chi-đề, hoặc nhiều hoặc ít, hoặc cúng dường hiện tiền và không hiện tiền, tự mình cúng dường hay khuyến người khác cúng dường, rồi đem việc tốt này hồi hướng Vô thượng bồ-đề, gọi là cúng dường thù thắng.

Bồ-tát tự tay mình cúng dường Như Lai và chi-đề, không xem thường người khác, không buông lung lười biếng, một lòng cung kính, tâm không nhiễm ô, không có tâm siểm khúc cầu lợi đối với người có lòng tin, cũng không đem các vật bất tịnh cúng dường, gọi là cúng dường không nhiễm ô.

Bồ-tát đem tài vật thù thắng, không nhiễm ô cúng dường Như Lai và chi-đề, hoặc tài vật do chính mình làm ra, hoặc xin từ người khác, hoặc tự có theo ý muốn. Bồ-tát hóa thân, hoặc hai, ba thân, cho đến trăm nghìn vạn ức thân lễ lạy Phật. Mỗi thân lại hóa ra trăm nghìn tay, trên mỗi tay đều cầm các loại hoa hương cúng dường Như Lai và chi-đề. Tất cả hóa thân đều ca

¹³⁰ Vô thượng bồ-đề 無上菩提: quả vị Phật. Vì quả vị Bồ-đề của Phật là cứu cánh vô thượng nên gọi là Vô thượng bồ-đề.

¹³¹ Công đức 功德 (S: Guṇa): công năng phúc đức có được do làm các hạnh lành.

ngợi công đức chân thật của Phật, làm lợi ích cho chúng sinh. Cúng dường như thế gọi là Như ý tự tại lực cúng dường.

Bồ-tát không đợi Như Lai xuất hiện ở đời. Vì sao? Vì bồ-tát đạt được giai vị Bất thoái chuyển, đối với các cõi Phật không bị chướng ngại. Bồ-tát không tự mình làm ra của cải, cũng không xin của cải người khác để cúng dường, nhưng khởi tâm thương, trung, hạ cúng dường tất cả chúng sinh khắp cả mười phương vô lượng thế giới. Bồ-tát cúng dường với tâm thanh tịnh, tâm hiểu biết vi diệu thù thắng, tùy thuận hoan hỷ khắp cả. Bồ-tát dùng một ít phương tiện thực hiện đại cúng dường, trụ trong tâm bồ-đề chỉ trong khoảnh khắc, đối với tất cả chúng sinh thực hành tứ vô lượng tâm... Đây gọi là Chí xứ đạo cúng dường, là cách cúng dường Như Lai cao tột nhất, so với cúng dường tài vật ở trước. Công đức cúng dường này gấp cả trăm nghìn lần, chẳng thể nào sánh được.

[39c] Đó là mười cách bồ-tát cúng dường Như Lai, cúng dường cho tăng cũng như thế. Phải thực hành mười pháp cúng dường này đối với tam bảo¹³².

Bồ-tát đối với Như Lai phát khởi sáu tâm thanh tịnh:

1. Tâm tôn Như Lai là phúc điền vô thượng.
2. Tâm tôn Như Lai là ân đức vô thượng.
3. Tâm tôn Như Lai là bậc nhất trong tất cả chúng sinh.
4. Tâm tôn Như Lai như hoa ưu-đàm-bát khó gặp.
5. Tâm tôn Như Lai là duy nhất trong tam thiên đại thiên thế giới.
6. Tâm tôn Như Lai là đầy đủ nghĩa nương tựa đối với pháp thế gian, xuất thế gian.

¹³² Tam bảo 三寶 (S:tri-ratna, ratna-traya): ba ngôi báu. Đó là Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo được tín đồ Phật giáo tôn kính, cúng dường. Phật (S: Buddha) là bậc đã giác ngộ và có năng lực giáo hóa chúng sinh; Pháp (S: Dharma) là giáo pháp của Đức Phật; Tăng (S: Samgha) là tập đoàn đệ tử Phật tu học theo giáo pháp. Ba ngôi báu trên có oai đức cao tột, có khả năng đem lại lợi ích an vui vĩnh viễn cho chúng sinh như của báu thế gian, nên gọi là tam bảo.

Đủ sáu tâm này, dù khởi một ý niệm nhỏ cúng dường Như Lai, cúng dường pháp, cúng dường tăng cũng được công đức vô lượng, huống gì là nhiều.

Luận *Du-già* ghi rằng: “Bồ-tát cúng dường Như Lai như thế nào? Tóm lược có mười cách:

1. Cúng dường Thiết-lợi-la¹³³
2. Biệt cúng dường¹³⁴
3. Cúng dường hiện tiền.
4. Cúng dường không hiện tiền.
5. Tự mình cúng dường.
6. Dạy người khác cúng dường.
7. Cung kính cúng dường tài vật.
8. Cúng dường rộng lớn.
9. Cúng dường không nhiễm ô.
10. Cúng dường chính hạnh”.

Kinh *Ưu-bà-tắc giới*¹³⁵ ghi: “Đức Phật dạy:

- Nay thiện nam tử! Nếu bồ-tát tại gia muốn thọ trì giới Ưu-bà-tắc, trước phải lần lượt cúng dường sáu phương:

1. Phương đông biểu thị cho cha mẹ: Nếu người nào có thể hết lòng lễ bái, ca ngợi tôn trọng và cung cấp cho cha mẹ các món: áo quần, thức ăn,

¹³³ Thiết-lợi-la 設利羅: thông thường chỉ cho di cốt của Phật, gọi là Phật cốt, Phật xá-lợi, về sau cũng chỉ cho xương còn sót lại sau khi thiêu nhục thân vị cao tăng. Phẩm Xá thân, kinh Kim quang minh 4 (Đại 16, 354 thượng) ghi: “Xá-lợi là vật được huân tu bởi giới, định, tuệ rất khó có được, là phúc điền tối thượng”.

¹³⁴ Biệt cúng dường 別供養: cúng dường riêng. Biệt cúng dường ở đây là cúng dường riêng cho Đức Phật.

¹³⁵ Kinh Ưu-bà-tắc giới (Ưu-bà-tắc giới kinh 優婆塞戒經; S: Upāsaka-sīla-sūtra): kinh, do ngài Đàm Vô Sấm dịch vào năm 426 đời Bắc Lương, Trung Quốc, được xếp vào Đại Chính tạng, tập 24. Nội dung kinh này, nói về trưởng giả Thiện Sinh giảng tam quy, ngũ giới cho các tín giả Đại thừa tại gia nghe.

giường nệm, thuốc men, nhà cửa, tiền của, thì gọi là cúng dường phương đông. Cha mẹ của người đó đối xử lại năm điều:

- Hết lòng lo lắng.
- Không bao giờ lừa dối.
- Di chúc tài sản.
- Cưới gả cho dòng họ có danh tiếng.
- Chỉ dạy việc đời.

2. Phương nam biểu thị cho thầy tổ: Nếu người nào cung cấp cho thầy tổ áo quần, thức ăn, giường nệm, thuốc men..., ca ngợi, cung kính, đỉnh lễ, thức khuya dậy sớm, vâng theo lời dạy bảo đúng đắn, thì gọi là cúng dường phương nam. Thầy đối xử lại năm điều:

- Chỉ dạy đúng lúc.
- Truyền dạy hết kiến thức.
- Không có lòng tạt đổ khi trò vượt trội.
- Gởi gắm cho thầy nghiêm, bạn hiền.
- Di chúc tài sản.

3. Phương tây biểu thị cho vợ con: Nếu người nào cung cấp cho vợ con áo quần, thức ăn, giường nệm, thuốc men, và các bảo vật trang sức như anh lạc... thì người này đã cung cấp cho phương tây. Vợ con của người đó đền đáp lại mười bốn điều:

- Hết lòng lo liệu công việc.
- Siêng năng.

[40a] - Luôn hoàn thành mọi công việc.

- Làm nhanh chóng, không để trễ thời gian.

- Thường ưu đãi khách.
- Dọn dẹp nhà cửa, giường nệm sạch sẽ.
- Yêu kính, nhu hòa.
- Dùng lời dịu dàng khuyên bảo những người giúp việc.
- Giữ gìn của cải cẩn thận.
- Dậy sớm thức khuya.
- Trông nom nhà cửa.
- Nghe theo lời chỉ dạy.
- Che giấu việc xấu.
- Chăm sóc lúc đau ốm.

4. Phương bắc biểu thị cho thiện tri thức: Nếu người nào cung cấp cho thiện tri thức, dốc lòng vì họ, cung kính, nói năng khiêm tốn, lễ bái, ca ngợi thì gọi là cúng dường phương bắc. Thiện tri thức sẽ đối xử lại bốn điều:

- Hướng dẫn tu pháp lành.
- Khiến xa lìa pháp ác.
- Cứu giúp trấn an khi sợ hãi.
- Sách tấn khi buông lung.

5. Phương dưới biểu thị cho nô bộc: Nếu người nào cung cấp cho hàng nô bộc các món: áo quần, thức ăn, thuốc men, không hề chửi mắng, cũng chẳng đánh đập, thì người này đã cung cấp cho phương dưới. Nô bộc sẽ báo đáp lại mười điều:

- Không gây ra lỗi lầm.

- Tự giác làm việc.
- Hoàn thành công việc.
- Gắng sức làm việc, không để mất thời gian.
- Dẫu cho chủ nghèo khổ cũng không bỏ đi.
- Dậy sớm.
- Giữ gìn vật dụng.
- Nhận ơn ít, nhưng báo đáp nhiều.
- Một lòng cung kính.
- Khéo léo che giấu việc xấu ác của chủ.

6. Phương trên biểu thị cho sa-môn¹³⁶, bà-la-môn¹³⁷: Nếu người nào cúng dường sa-môn, bà-la-môn... các món như áo quần, thức ăn, tinh xá, giường nệm; thường cứu giúp khi gặp hiểm nguy, cúng dường thức ăn lúc đói khổ, nghe tiếng xấu thì che giấu, hết lòng ca ngợi, lễ bái, cung kính thì gọi là cúng dường phương trên. Người xuất gia sẽ đối xử lại năm điều:

- Giúp phát sinh tín tâm.
- Dạy cho tu tập trí huệ.
- Dạy tu hạnh bố thí.
- Dạy trì giới.
- Dạy cho kiến thức uyên bác.

¹³⁶ Sa-môn 沙門 (S: Śramaṇa): người xuất gia cạo bỏ râu tóc, dứt bỏ các điều ác, khéo điều hòa thân tâm, siêng năng làm các việc thiện để mong đạt đến niết-bàn. Từ ngữ này vốn chỉ chung cho cả nội và ngoại đạo, là từ chuyên âm của phương ngôn Tây Vực.

¹³⁷ Bà-la-môn 婆羅門 (S: brāhmaṇa): giai cấp tăng lữ, giai cấp cao nhất trong bốn giai cấp ở xã hội Ấn Độ cổ. Chính giai cấp bà-la-môn này làm lũng đoạn tất cả hệ tri thức của Ấn Độ thời ấy. Họ tự cho mình là dòng dõi cao quý nhất.

Người nào cúng dường sáu phương sẽ được tăng trưởng tiền tài, tuổi thọ, có thể tu tập, giữ gìn giới ưu-bà-tắc”.

Luận Đại trí độ¹³⁸ ghi: “Các Đức Phật cung kính pháp, cúng dường pháp, lấy pháp làm thầy”. Vì sao? Vì các Đức Phật trong ba đời đều lấy thật tướng các pháp làm thầy.

Hỏi:

- Phật không cầu phúc đức, tại sao lại cúng dường?

Đáp:

- Phật từ vô lượng a-tăng-ki¹³⁹ kiếp¹⁴⁰ tu các công đức, thường làm các việc lành, không chỉ vì cầu quả báo mà còn vì kính trọng công đức, nên đã thực hành cúng dường.

[40b] Như khi Phật còn tại thế, tì-kheo A-na-luật¹⁴¹ mù mắt đang vá áo thì kim bị tuột chỉ. Tôn giả nói:

- Ai cần phúc đức hãy xỏ kim giúp tôi!

Đức Phật lại gần bên tôn giả nói:

- Ta là người thích phúc đức, sẽ xỏ kim cho ông.

Tì-kheo A-na-luật nhận ra tiếng nói của Phật, vội vàng đứng dậy đắp y, đĩnh lễ, thưa rằng:

- Kính lạy Đức Thế Tôn! Ngài đã đầy đủ công đức, tại sao lại nói cần phúc đức?

¹³⁸ Luận Đại trí độ (Đại trí độ luận 大智度論; S: Mahāprajñāpāramitāśāstra): luận, một trăm quyển, do Bồ-tát Long Thụ soạn, ngài Cưu-ma-la-thập dịch vào đời Hậu Tần, Trung Quốc, được xếp vào Đại chính tạng, tập 25. Nội dung luận này giải thích kinh Đại phẩm bát-nhã, luận này giải thích rất rõ ràng về học thuyết, tư tưởng, dụng lễ, truyền thuyết, lịch sử, địa lí, qui định thực tiễn, tăng-già.

¹³⁹ A-tăng-ki 阿僧祇 (S: asamkhyā): một đơn vị số lượng của Ấn Độ, là số cực lớn chẳng thể tính đếm được. Theo cách đọc thì một a-tăng-ki có một nghìn vạn vạn... triệu.

¹⁴⁰ Kiếp 劫 (S: kalpa): vốn là đơn vị thời gian rất dài của Bà-la-môn giáo thời Ấn Độ cổ, sau đó Phật giáo cũng sử dụng và xem đó là thời gian không thể tính đếm được.

¹⁴¹ A-na-luật 阿那律 (S: Aniruddha): một trong mười vị a-la-hán đệ tử lớn và là em chú bác của Đức Phật, thuộc dòng họ Thích ở thành Ca-tì-la-vệ, nước Ấn Độ cổ đại.

Đức Phật dạy:

- Công đức của Ta đã viên mãn, Ta biết rõ ràng nhân của công đức, quả báo của công đức, năng lực của công đức. Nhờ công đức này, nên Phật là bậc nhất trong tất cả chúng sinh, vì thế Ta thích công đức.

Phật muốn dạy đệ tử nên hỏi:

- Ta còn làm công đức, vì sao ông không làm?

Như một vũ công đã trăm tuổi mà vẫn còn múa hát, có người quả rằng:

- Đã trăm tuổi rồi, ông còn múa hát làm gì?

Lão ông đáp:

- Tôi không cần múa hát nữa, chỉ vì muốn dạy cho con cháu mà thôi!”. Đức Phật cũng vậy, công đức đã viên mãn, nhưng để chỉ dạy đệ tử làm công đức nên mới thực hành cúng dường. Như ti-kheo-ni Ma-ha-ba-xà-ba-đề¹⁴², nữ mẫu của thái tử Tất-đạt-đa, nhập niết-bàn. Tứ thiên vương¹⁴³ khiêng giường của bà, còn Phật ở trước cầm lò hương, đốt hương cúng dường. Đó chính là báo ân. Thế nên tuy không cầu quả, nhưng vẫn thực hành cúng dường.

Lại nữa, Phật chỉ cúng dường Phật, người khác không biết đức của Phật, như kệ nói:

Người trí kính bậc trí,

Trí luận người trí vui,

Người trí biết được trí,

¹⁴² Ma-ha-ba-xà-ba-đề 摩訶波闍波提 (S: Mahāprajāpatī): di mẫu của thái tử Tất-đạt-đa và là em gái của hoàng hậu Ma-ha Ma-da, con của vua Thiện Giác, thành Thiên Tí ở Ấn Độ thời xưa. Sau khi Thích Tôn thành đạo năm năm, vua Tịnh Phạn cũng mệnh chung, bà dẫn Da-du-đà-la và năm trăm người nữ thuộc chủng tộc Thích-ca đến Đức Phật xin xuất gia. Qua lời thỉnh cầu của A-nan, Đức Phật hứa khải, đây là những vị ti-kheo-ni đầu tiên trong giáo đoàn của Phật.

¹⁴³ Tứ Thiên vương 四天王: bốn thiên thần thủ hộ Phật pháp, ở lưng chừng núi Tu-di như Trì Quốc Thiên vương ở phương đông, Tăng Trưởng Thiên vương ở phương nam, Quảng Mục Thiên vương ở phương tây, Đa Văn Thiên vương ở phương bắc.

Như rắn biết chân rắn.

Kinh *Tần-tì-sa-la vương tác Phật cúng dường* ghi: “Bấy giờ ở nước Ma-kiệt¹⁴⁴, vua Tần-tì-sa-la¹⁴⁵ đến chỗ Phật, bạch rằng:

- Kính lạy Đức Thế Tôn! Con cai trị đất nước này, tất cả của cải có thể sử dụng: y phục, giường chiếu, ngọc cụ, thuốc men... con muốn trọn đời cúng dường Như Lai và chúng tăng. Và cũng sẽ khuyến khích tất cả quan dân cúng dường, để họ được cứu độ, thoát khỏi ba đường ác, mãi mãi được an ổn”.

Kinh *Tạp bảo tạng*¹⁴⁶ ghi: “Đức Phật dạy các tì-kheo, có tám hạng người nhất định cần phải cúng dường, không cần phải do dự: cha, mẹ, Phật, đệ tử Phật, người từ xa đến, người sắp đi xa, người bệnh, người nuôi bệnh”.

Luận *Đại trí độ* ghi: “Các bồ-tát thành tựu vô số công đức, nên dâng một bữa ăn cúng dường các Đức Phật và tăng mười phương, tất cả đều được no đủ, mà cũng không hết. Ví như dòng suối tuôn trào không bao giờ khô cạn. [40c] Như Văn-thù-sư-lợi dùng một bát bánh hoan hi¹⁴⁷, cúng dường tám mươi bốn nghìn tăng mà vẫn còn thừa”.

Lại nữa, bồ-tát chỉ dâng một bát cơm cúng dường các Đức Phật trong mười phương, mà thức ăn uống lại hiện ra đầy đủ trước các Đức Phật, ví như quỷ thần được một phần ăn rồi biến hiện ra gấp nghìn vạn lần.

Kinh *Văn-thù-sư-lợi vấn*¹⁴⁸ ghi: “Nếu bồ-tát vì cúng dường Phật Pháp Tăng, cha mẹ, anh em thì được cất chứa của cải. Vì xây chùa chiền, tặng

¹⁴⁴ Nước Ma-kiệt (Ma-kiệt-đà quốc 摩竭陀國; Smagadha): một quốc gia thời xưa ở Ấn Độ, tức vùng Bihar ngày nay với thành phố Patna (thành Hoa Thị) và Phật-đà-già-da là trung tâm. Đây là một trong mười sáu nước lớn thời Đức Phật còn tại thế. Nước này có quan hệ rất sâu sắc đối với lịch sử phát triển Phật giáo.

¹⁴⁵ Vua Tần-tì-sa-la (Tần-tì-sa-la vương 頻鞞娑邏王; Cg: Tần-bà-sa-la vương; S: Bimbisāra): vua nước Ma-kiệt-đà, sống cùng thời với Đức Thế Tôn, thuộc đời thứ 5 của vương triều Tây-tô-nạp-da (S: Śāśunāga), có hoàng hậu tên là Vi-đề-hi, và thái tử tên là A-xà-thế. Ông phát tâm hộ trì Phật pháp, là người ngoại hộ đầu tiên.

¹⁴⁶ Kinh Tạp bảo tạng (Tạp bảo tạng kinh 雜寶藏經; S: Saṃyukta-ratna-piṭaka-sūtra): kinh, mười quyển, do ngài Cát-ca-dạ và ngài Đàm Diệu cùng dịch vào đời Nguyên Ngụy, Trung Quốc, được xếp vào Đại Chính tạng, tập 4. Nội dung kinh nói về các sự tích liên quan đến Đức Phật và đệ tử cùng những duyên sự sau khi Đức Phật nhập diệt.

¹⁴⁷ Bánh hoan hi (nguyên bản: hoan hi hoàn 歡喜丸; S: Mahotikā): loại bánh được làm bằng bơ, bột mì, mật, gừng v.v., là một trong các món ăn của Ấn Độ. Bánh hoan hi được nói đến rất nhiều trong các kinh luận của Phật giáo.

¹⁴⁸ Kinh Văn-thù-sư-lợi vấn (Văn-thù-sư-lợi vấn kinh 文殊師利問經): kinh, hai quyển, do ngài Tăng-già-bà-la dịch vào đời Lương, Trung Quốc, được xếp vào Đại Chính tạng, tập mười bốn. Toàn kinh có mười bảy phẩm, quyển thượng mười bốn phẩm, quyển hạ ba phẩm.

phòng, tạc tượng, bố thí thì được nhận vàng bạc, tiền của mà không phạm tội”.

VII.3. Phân biệt những điều sai lầm

Kinh *Hiền ngu*¹⁴⁹ ghi: “Nếu có đàn-việt cúng dường riêng một vị trong mười sáu bậc¹⁵⁰, tuy là có được phúc báo nhưng không nhiều, chẳng bằng một phần mười sáu phúc báo cúng dường bất kì bốn người. Giả sử vào cuối đời mạt pháp, bốn ti-kheo có vợ con trở lên gọi là Danh tự chúng tăng, cũng phải cung kính họ như Xá-lợi-phất¹⁵¹, Mục-kiền-liên¹⁵²...”

Bấy giờ, bồ-tát Di-lặc hỏi chúng tăng rằng:

- Nếu có đàn-việt thỉnh một vị sa-môn trì giới thanh tịnh về nhà cúng dường thì sẽ được lợi ích như thế nào so với người được mười vạn tiền vàng?

Tôn giả Kiều-trần-như đáp:

- Ví như người có được một trăm chiếc xe chất đầy châu báu, thì phúc lợi này chẳng bằng thỉnh một sa-môn trì giới thanh tịnh đến nhà cúng dường.

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

- Giả như có người được châu báu chất đầy khắp cả Diêm-phù-đề cũng không bằng thỉnh một người trì giới thanh tịnh về nhà cúng dường, phúc lợi này càng nhiều hơn.

Tôn giả Mục-kiền-liên đáp:

- Giả như có người được một thế giới cho đến bốn thế giới châu ngọc vàng bạc thì phúc báu đó cũng không bằng thỉnh một sa-môn trì giới thanh tịnh đến nhà cúng dường”.

¹⁴⁹ Kinh Hiền ngu (Hiền ngu kinh 賢愚經; S: Damamuka-nidana-sutra): kinh, mười ba quyển, do ngài Huệ Giác dịch vào đời Nguyên Ngụy, được xếp vào Đại Chính tạng, tập bốn. Nội dung kinh này thu thập các thí dụ, nhân duyên nói về người hiền và người ngu.

¹⁵⁰ Mười sáu bậc (nguyên bản: thập lục chủng 十六種): mỗi bên ti-kheo và ti-kheo-ni đều có tứ hướng, tứ quả.

¹⁵¹ Xá-lợi-phất 舍利弗 (S: Śāriputra): vị a-la-hán có trí tuệ bậc nhất trong mười vị đại đệ tử của Đức Phật.

¹⁵² Mục-kiền-liên 目犍連 (S: Maudgalyāyana): vị a-la-hán, đệ tử thân thông bậc nhất của Đức Phật. Ngài là người thôn Câu-luật-đa ngoài thành Vương Xá, nước Ma-kiệt-đà thời cổ Ấn Độ, thuộc dòng bà-la-môn.

Kinh *Tượng pháp quyết nghi*¹⁵³ ghi: “Nếu đàn-việt thiết lễ, thỉnh chúng tăng khắp nơi về cúng dường, sai người canh cửa ngăn chặn ti-kheo-ni và những kẻ bệnh hoạn, già yếu, nghèo cùng, xin ăn, không cho họ vào trai hội. Thiết trai cúng dường như thế chỉ uổng phí thức ăn chứ hoàn toàn không có chút phúc thiện nào”.

Trong kinh *Phổ quang*¹⁵⁴ ghi: “Bốn chúng¹⁵⁵ đệ tử Phật, nếu thụ trì trai giới, hết lòng thỉnh mười phương tăng cúng dường, không nên chọn lựa người tốt người xấu, giữ giới hay phá giới, đức hạnh cao hay thấp. [41a] Khi đến các chùa thỉnh tăng, nên theo thứ lớp cúng dường, không được có ý niệm phân biệt thì phúc đức này nhiều đến vô lượng vô biên. Nếu gặp được vị đắc quả A-la-hán, hoặc người có tâm đại bồ-đề thì được phúc đức vô cùng, vừa nghe thuyết pháp có thể đạt đến đạo quả Vô thượng niết-bàn”.

Luật *Thập tụng*¹⁵⁶ ghi: “Lộc Tử Mẫu chọn thỉnh năm trăm vị a-la-hán về nhà cúng dường bị Phật quở trách: “Người thật là đại dột, làm không đúng. Chẳng bằng theo thứ tự trong tăng thỉnh một vị sẽ được phúc đức rất lớn.”

Kinh *Thỉnh tăng phúc điền* và kinh *Nhân vương*¹⁵⁷ ghi: “Thế Tôn dùng nhiều lời quở trách, không cho phép thỉnh riêng, nếu thỉnh riêng thì đó là phép tắc của ngoại đạo chứ chẳng phải pháp của bảy Đức Phật¹⁵⁸.”

Kinh *Phạm võng*¹⁵⁹ ghi: “Nếu có đàn-việt đến thỉnh chúng tăng thụ trai, thì khách tăng cũng có được lợi dưỡng. Vị liêu chủ¹⁶⁰ phải theo thứ tự cử

¹⁵³ Kinh Tượng pháp quyết nghi (Tượng pháp quyết nghi kinh 像法決疑經): kinh, một quyển, được xếp vào Đại Chính tạng, tập 85. Nội dung nói về sự suy biến của Phật pháp sau Phật nhập diệt một nghìn năm, đồng thời khuyến khích tu hạnh bố thí đại bi.

¹⁵⁴ Kinh Phổ quang (Phổ quang kinh 普廣經): do ngài Bạch-thi-lê-mật-đa-la dịch vào đời Đông Tấn, là quyển thứ 11 của kinh Phật thuyết quán đảnh.

¹⁵⁵ Bốn chúng (tứ bối 四輩; S: Catasrah parśadaḥ): ti-kheo, ti-kheo-ni, uru-bà-tác, uru-bà-di hoặc bốn chúng xuất gia: ti-kheo, ti-kheo-ni, sa-di, sa-di-ni.

¹⁵⁶ Luật Thập tụng (Thập tụng luật 十誦律): bộ quang luật của Tát-bà-đa bộ, sáu mươi một quyển, do hai Ngài Phát-nhã-đa-la và Cưu-ma-la-thập cùng dịch vào đời Đạo Tần, Trung Quốc, được xếp vào Đại Chính tạng, tập 23. Bộ luật này chia giới luật thành mười phần để giải thích nên gọi là Thập tụng.

¹⁵⁷ Kinh Nhân vương (Nhân vương kinh 仁王經): kinh, hai quyển, do ngài Cưu-ma-la-thập dịch vào đời Đạo Tần, Trung Quốc, được xếp vào Đại Chính tạng, tập 8. Nội dung kinh này Đức Phật nói cho mười sáu vị đại quốc vương nghe về hạnh giữ gìn quả vị Phật, thập địa và nhân duyên giữ gìn cõi nước.

¹⁵⁸ Bảy Đức Phật (thất Phật 七佛): bảy Đức Phật đời quá khứ, theo thứ tự như Phật Ti-bà-thi, Phật Thi-khí, Phật Tỳ-xá-phù, Phật Câu-lưu-tôn, Phật Câu-na-hàm-mâu-ni, Phật Ca-diếp, Phật Thích-ca Mâu-ni.

¹⁵⁹ Kinh Phạm võng (Phạm võng kinh 梵網經; T: Chos-kyi rgya-mo sañs-rgyas rnam-par snañ-mdsad-kyis byañ-chub sems-dpañi sems-kyi gnas bsad-pa leḥu bcu-pa): kinh, hai quyển, tương truyền do ngài Cưu-ma-la-thập dịch vào đời Hậu Tần, Trung Quốc, được xếp vào Đại Chính tạng, tập 24. Nội dung nói về giai vị và mười giới trọng, bốn mươi tám giới khinh của bồ-tát.

khách tăng đi thụ thỉnh. Nếu chỉ cử riêng tăng thường trụ đi mà không cử khách tăng, thì liêu chủ bị vô lượng tội, không xứng đáng là sa-môn, không thuộc dòng họ Thích, khác gì loài súc sinh, phạm tội khinh cầu¹⁶¹”.

Luận *Đại trí độ* ghi: “Có một trưởng giả giàu sang ưa thích cúng dường chúng tăng, thừa với vị tăng chấp sự¹⁶²:

- Con mời tăng theo thứ lớp đến nhà thụ thực.

Ngày ngày lần lượt thụ thỉnh, sau cùng đến phiên các vị sa-di¹⁶³, nhưng vị tăng chấp sự không cho sa-di thụ thỉnh, các sa-di thưa:

- Vì sao không cho sa-di đi?

Đáp:

- Vì đàn-việt không thích mời người trẻ tuổi, đồng thời nói kệ:

Thí chủ chỉ thích thỉnh,

Những người già răng rụng,

Thân gầy, da nhăn nheo,

Lưng còng, râu tóc bạc.

Các sa-di đều đã chứng quả A-la-hán, nghe bài kệ như bị đánh vào đầu sư tử, bỗng nhiên từ chỗ ngồi đứng dậy nói kệ:

Ngươi thí chủ kém trí,

Thấy hình, không chuộng đức,

Bỏ dáng niên thiếu này,

¹⁶⁰ Liêu chủ 寮主: chức vụ giúp việc cho vị liêu nguyên trong thiền lâm, phụ trách giữ gìn y bát cho chúng tăng trong liêu.

¹⁶¹ Tội khinh cầu (khinh cầu tội 輕垢罪): tội nhẹ, nhưng làm ô nhiễm hạnh thanh tịnh.

¹⁶² Chấp sự 執事 (S: Vaiyāvṛtyakara): người trông nom công việc trong tự viện.

¹⁶³ Sa-di 沙彌 (S: Śrāmaṇeraka, Śrāmaṇera): chỉ cho người nam xuất gia trong tăng đoàn của Phật giáo, tuổi từ bảy đến mười chín, đã thụ mười giới, chưa thụ giới cụ túc.

Chỉ chuộng già gầy yếu.

Các sa-di lại nói:

- Về tướng cao quý, lớn tuổi, Đức Phật dạy:

Gọi là tướng trưởng lão,

Không hấn vì tuổi tác,

Hình gầy, râu tóc bạc,

Mà phúc đức trổng rỗng.

Khéo lìa quả tội phúc,

Tinh tiến tu Phạm hạnh,

Đã lìa tất cả pháp,

Gọi đó là trưởng lão.

[41b] Khi ấy, các sa-di lại suy nghĩ: “Chúng ta không nên mặc nhiên ngồi xem vị đàn-việt này so lường tăng tốt xấu, liền nói kệ:

Đối với sự khen chê,

Tâm chúng ta chỉ một,

Người ấy hủy Phật pháp,

Cần phải nên răn dạy.

Mau đến nhà người kia,

Nói pháp dạy bảo họ,

Chúng ta không độ được,

Đó là người bỏ đi.

Tức thời, các sa-di tự biến thành trưởng lão, râu tóc trắng như tuyết, lông mày phủ xuống mắt, da nhăn như sóng gợn, lưng còm như cây cung, chống gậy bước đi, theo thứ lớp thụ thỉnh, cả thân đều run rẩy, đi đứng không vững, giống như liễu trắng lung lay theo chiều gió. Đàn-việt thấy những người này, lòng rất vui vẻ, thỉnh vào nhà ngồi. Bồng chốc biến trở lại hình trẻ trung, đàn-việt sợ hãi nói:

Tướng già nua như thế,

Lại biến thành thân trẻ,

Như uống thuốc hoàn đồng,

Việc này là thế nào?

Các sa-di nói:

- Ông chớ nghi sợ, chúng tôi đây chẳng phải hàng yêu quái phi nhân. Ông lượng định chúng tăng thật là đáng thương! Nên chúng tôi hóa hiện như vậy. Ông nên biết rõ rằng không thể lượng định được thánh chúng. Các sa-di lại nói kệ:

Như vôi của con muỗi,

Có thể đo đầy biển,

Nhưng tất cả trời, người,

Không thể lường được tăng.

Tăng quý do công đức,

Còn không thể phân biệt,

Mà ông dùng tuổi tác,

Cân lường các Đại đức!

Lớn nhỏ do nơi trí,

Không ở nơi trẻ, già.

Có trí, siêng tinh tiến,

Tuy trẻ mà lại già,

Biếng nhác, không trí tuệ,

Tuy già mà lại trẻ.

Nay ông định lượng tăng, đó là tội rất lớn, không khác nào dùng một ngón tay mà đo đầy biển, chỉ làm cho người trí chê cười. Ông không nghe Phật dạy bốn việc tuy nhỏ mà không thể xem thường đó sao? Bốn việc là:

[41c] - Thái tử tuy nhỏ, sẽ làm quốc vương.

- Rắn con tuy nhỏ, mà độc làm chết người.

- Đóm lửa tuy nhỏ, có thể đốt cháy núi rừng.

- Sa-di tuy nhỏ, mà được thần thông bậc thánh.

Đàn-việt nghe việc ấy xong, thấy rõ sức thần thông của các sa-di, lòng vô cùng kinh hãi, toàn thân rúng động, chấp tay thưa rằng:

- Thưa các bậc thánh! Con hôm nay xin sám hối, con là kẻ phạm phu, tâm thường mang tội lỗi. Xin hỏi, có lòng tin thanh tịnh đối với Phật bảo và có lòng tin thanh tịnh đối với tăng bảo, phúc nào hơn?

Đáp:

- Chúng tôi vốn không thấy sự hơn kém giữa tăng và Phật. Vì sao? Vì có một lần khát thực tại thành Xá-bà-đề, Phật thường đến nhà bà-la-môn tên là Bà-la-đỏa-thệ khát thực, bà-la-môn suy nghĩ: ‘Sao sa-môn này đến hoài, như ta mắc nợ ông vậy?’

Khi ấy Phật nói kệ:

Thường thường mưa đúng thời,

Ngũ cốc luôn được mùa.

Thường thường tu nhân phúc,

Luôn luôn hưởng quả lành.

Vì thường thường thụ sinh,

Nên phải luôn thụ tử.

Nếu thành tựu thánh pháp,

Còn ai chịu tử sinh!

Bà-la-môn nghe Phật dạy như thế, biết bậc Đại Thánh đã rõ tâm mình, trong lòng hổ thẹn, nhận lấy bát của Phật đem vào nhà đặt đầy thức ăn ngon đem ra dâng cúng, Phật không nhận mà nói rằng:

- Vì nói kệ nên Ta mới được thức ăn này, Ta không nhận!

Bà-la-môn thưa:

- Vậy thức ăn này, nên dâng cho ai?

Phật dạy:

- Ta không thấy trời hay người nào có thể tiêu hóa được thức ăn này, ông hãy để ở chỗ đất ít cỏ hoặc trong nước không có trùng.

Theo lời Phật dạy, bà-la-môn đem thức ăn đặt vào trong nước không có trùng, nước liền sôi trào, khói lửa bốc lên, như bỏ vào nước thanh sắt cháy đỏ, bà-la-môn thấy như thế sợ hãi nói:

- Thật chưa từng có, thức ăn mà cũng có thần lực như vậy!

Ông liền vội trở lại đỉnh lễ sám hối dưới chân Phật, xin xuất gia thọ giới, tu hành, dần dần dứt sạch kiết sử, chứng được đạo quả A-la-hán.

Lại có bà Ma-ha Kiều-đàm-di cúng dường Phật một chiếc y báu màu vàng ròng, Phật biết chúng tăng có thể thụ nhận, nên bảo Kiều-đàm-di đem y ấy cúng cho chúng tăng”.

Vì thế nên biết: Phật bảo và Tăng bảo phúc đức như nhau.

Nếu ai cung kính Phật,

Cũng phải cung kính tăng,

Không nên sinh phân biệt,

Vì đồng là bảo vật.

Kinh *Pháp cú thí dụ*¹⁶⁴ ghi: Thế Tôn nói kệ:

Người phải luôn suy nghĩ,

Mỗi bữa tự biết giảm,

Từ đó thụ dụng ít,

Thân gầy mà sống lâu.

[42a] Luật *Thập tụng* ghi: “Bấy giờ, trong thành Vương Xá có cư sĩ Thi-lợi-cừu-đa, rất giàu, là đệ tử của ngoại đạo. Ông ta thường phân vân chẳng biết sa-môn Cù-đàm¹⁶⁵ có phải là bậc Nhất Thiết Trí hay không? Một hôm, đi đến chỗ Phật, ông thưa rằng:

- Thỉnh sa-môn ngày mai đến nhà tôi thụ trai!

Phật muốn độ ông ta nên im lặng nhận lời. Bấy giờ cư sĩ trở về nhà, làm một hầm lửa lớn ở trước cửa, rồi lấy cát phủ lên lớp mặt để nguy trang và để không bốc khói; ông vào trong nhà sắp đặt chỗ ngồi, nhưng lại không lót vải trải nệm, còn lấy thuốc độc trộn chung với cơm, tự cho rằng: ‘Nếu

¹⁶⁴ Kinh Pháp cú thí dụ (Pháp cú thí dụ kinh 法句譬喻經; S: Dharmapadāvadāna-sūtra): kinh, bốn quyển, do các ngài Pháp Cự, Pháp Lập cùng dịch vào đời Tây Tấn, Trung Quốc, được xếp vào Đại Chính tạng, tập 4. Kinh này gom góp khoảng hai phần ba số kệ của Kinh Pháp cú và thêm câu chuyện làm thí dụ, nên gọi là kinh Pháp cú thí dụ.

¹⁶⁵ Cù-đàm 瞿曇 (S: Gautama, Gotama): một họ trong các chủng tộc Sát-đế-lợi ở Ấn Độ, dòng dõi tiên nhân Cù-đàm và cũng là họ gốc của Đức Phật.

Cù-dàm là bậc Nhất Thiết Trí thì phải biết việc này, còn không sẽ sa vào hầm lửa, hoặc bị chết vì trúng độc’.

Đến sáng hôm sau, ông sai người đến tinh xá thỉnh Phật. Phật bảo A-nan thông báo cho tất cả tì-kheo không được đi trước. Bảy giờ chúng tì-kheo tuân tự theo sau Phật đến nhà cư sĩ, khi đến trước cửa, Đức Phật biến hầm lửa thành hồ sen, chứa đầy nước sạch, vừa ngọt ngào vừa trong mát, Ngài cùng chúng tăng bước nhẹ trên lá sen đi vào nhà. Chỗ ngồi không trải vải, Phật hóa thành có vải. Đức Phật nói với cư sĩ rằng:

- Ông nên trừ bỏ nghi ngờ trong tâm, Ta chính là bậc Nhất Thiết Trí!

Cư sĩ thấy thần lực của Đức Phật qua hai lần biến hóa, liền phát lòng tin tôn kính Đức Phật, chấp tay bạch rằng:

- Kính lạy Đức Thế Tôn! Cơm này có thuốc độc, Ngài không ăn được!

Đức Phật bảo:

- Cứ cúng dường thức ăn này, chúng tăng dùng không sao đâu!

Phật lại bảo A-nan nói cho các tì-kheo biết, khi Ngài chưa xướng đảnh cúng¹⁶⁶ thì không được ăn, vì đây là lời chú nguyện của Phật. Chết độc trong thế giới này chính là dâm dục, sân hận và ngu si, Đức Phật có pháp chân thật để trừ tất cả độc. Nhờ thật ngữ¹⁶⁷ của Phật mà độc đều tiêu trừ, thức ăn trở nên thanh tịnh. Chúng tăng thụ trai xong, cư sĩ ngồi trước Phật, nghe Ngài giảng pháp, liền ngay đó chứng đắc Pháp nhãn tịnh¹⁶⁸. Đức Phật trở về tinh xá, nhóm họp chúng tăng dạy rằng:

- Từ nay trở về sau, không được đi trước Phật, hòa-thượng, thượng tọa, giáo thụ và khi chưa xướng đảnh cúng thì không được ăn”.

¹⁶⁶ Đảnh cúng (đăng cung 等供): pháp thụ thực của chúng tăng. Sau khi thức ăn được dâng cúng đồng đều từ bậc thượng tọa đến vị hạ tọa, vị duy-na xướng “đảnh cúng” rồi đại chúng mới được thụ thực, đó là biểu thị bố thí bình đẳng của thí chủ. Ngoài ra, đảnh cúng còn là mật ngữ để giải độc.

¹⁶⁷ Thật ngữ 實語 (S: Satya-vāda): lời nói chân thật không dối trá; chỉ cho lời nói do Phật hoặc người tu hành nói ra.

¹⁶⁸ Pháp nhãn tịnh 法眼淨 (S: Dharmacakṣu-viśuddha): pháp nhãn có năng lực quán sát chân lý các pháp mà không bị chướng ngại và nghi hoặc.

Luận *Ma-đức-lặc-già* ghi: “Chúng tăng sắp thụ trai, vị thượng tọa nên bảo tất cả cùng nhau xướng Tăng-bạt¹⁶⁹ rồi sau mới dùng”.

VII.4. Thánh tăng

Từ khi bậc Đại Giác¹⁷⁰ nhập niết-bàn, giáo pháp trở về thánh chúng. Các vị bồ-tát, a-la-hán tiếp nối tuyên dương giáo pháp, biến hiện đến khắp cõi nước, tùy duyên hóa độ. Nếu kiến giải sai khác thì trú cùng nhà mà cách xa như trời với đất, còn đồng lòng thì tuy ở khác cảnh mà gần nhau như đôi mắt.

[42b] Vào cuối niên hiệu Thái Thỉ đời nhà Tống, sa-môn Thích Pháp Nguyên ở chùa Chính Thắng, Thích Pháp Cảnh ở chùa Chính Hỉ... bắt đầu vẽ tượng thánh tăng theo các tư thế ngồi. Cho đến đầu nhà Đường, các thánh tăng thường hiện linh, hoặc hiện nửa bàn chân nơi tòa; hoặc chống tích trượng lưu lại dấu vết sâu trên mặt đất. Lương Võ Đế nghe được vui mừng ca ngợi, thành tâm kính ngưỡng cho là nước nhà cảm được điềm lành, nên thiết trai cúng dường. Đến niên hiệu Vĩnh Minh thứ 8, vua lâm trọng bệnh, mặc dù có Hòa Thước¹⁷¹ chữa trị, nhưng bệnh tình chẳng hề thuyên giảm, vua chí thành phát nguyện quy y thánh tăng, ra lệnh thiết lập trai đàn tại điện Diên Xương, cầu thỉnh bảy ngày, dâng cơm cúng dường chư Phật và thánh chúng. Trai đàn trang nghiêm thanh tịnh, chẳng động mảy trần. Bảy ngày sắp mãn, cảm được điềm lành, hương trời tỏa khắp, xông vào mũi, thấu đến tâm, khiến cho hương trong lư không thể lan tỏa. Lại có dấu chân, vết giày đầy khắp trong đại điện, tiếng động tích trượng vang ra ngoài cửa. Mọi người nhìn thấy dấu chân, ngửi mùi hương, nghe tiếng động tích trượng, vừa kính cẩn vừa kinh sợ. Lúc ấy có khoảng hơn mười người như: Từ Quang Hiển... đều thấy nghe, tâu lên vua. Bấy giờ, trai đàn đã mãn, vua hoàn toàn bình phục, vì vậy cả triều đình đều phát tâm quy y, vì đã chứng nghiệm được sự thần ứng. Sau đó, vài người gồm cả đạo và đời như Từ Quang Hiển... thiết đàn phụng thỉnh, cũng đều hiện điềm lành. Sự cảm ứng của thánh nhân chẳng thể nào ghi chép hết.

¹⁶⁹ Tăng-bạt 僧拔 (Cg: đấng cúng): pháp thụ thực của chúng tăng. Sau khi thức ăn được dâng cúng đồng đều, từ bậc thượng tọa đến hạ tọa, vị duy-na xướng “đăng cúng” rồi đại chúng mới được thụ thực. Đó là biểu thị sự bình đẳng của thí chủ.

¹⁷⁰ Đại Giác 大覺: từ tôn xưng Đức Thích Tôn.

¹⁷¹ Hòa Thước 和鵠: Hòa và Biển Thước. Biển Thước tên là Trần Việt Nhân, người đất Mạc thời Chiến quốc, học thuốc với Trường Tang Quân, nổi tiếng thần y. Hòa là danh y người nước Tần thời Xuân Thu. Hòa Thước ở đây chỉ cho danh y.

Xưa kia, trưởng giả Thụ-đề-già¹⁷² làm bát bằng gỗ chiên-đàn, đặt trong túi lưới, treo trên trụ ngà voi, nói:

- Nếu sa-môn hay bà-la-môn nào không dùng thang, sào mà lấy được thì tặng cho người đó.

Hàng ngoại đạo biết được, biến hiện thần thông để lấy, nhưng đều đành bất lực lắc đầu bỏ đi. Tân-đầu-lô¹⁷³ nghe việc này, hỏi tôn giả Mục-kiền-liên:

- Thật có việc đó không?

Đáp:

- Đúng thế!

Tân-đầu-lô nói:

- Ngài là bậc nhất Sư tử hồng¹⁷⁴, đến lấy đi!

Mục-kiền-liên sợ Phật quở trách nên không dám lấy. Tân-đầu-lô liền đến nhà trưởng giả, rồi nhập thiền định, từ chỗ ngồi duỗi tay ra lấy bát.

Theo luật *Tứ Phần*: “Lúc ấy, tôn giả ngồi trên tảng đá vuông lớn, bay trên hư không lấy bát rồi trở về. Đức Phật biết, quở trách:

- Tì-kheo vì bát của ngoại đạo mà hiện thần thông trước người chưa thụ giới. Từ nay cho đến trọn đời, ông không được ở trong cõi Diêm-phù-đề!

Như thế, Tân-đầu-lô theo lời Phật dạy, đến Tây Cù-da-ni¹⁷⁵ giáo hoá bốn chúng, truyền bá Phật pháp. Bốn chúng đệ tử ở Diêm-phù-đề muốn gặp tôn giả, đến bạch Phật. Phật cho phép trở về và cho phép hiện thần thông, nhưng không cho nhập niết-bàn, dạy ông phải làm phúc điền cho bốn

¹⁷² Thụ-đề-già 樹提伽 (S: Jyotiska): một đệ tử Phật ở thành Vương Xá, nước Ma-kiệt-đà, Ấn Độ; có thuyết nói là người nước Chiêm-bà, một trong các đệ tử Phật.

¹⁷³ Tân-đầu-lô 賓頭盧 (S: pinḍola): vị A-la-hán, đệ tử Phật, thuộc dòng bà-la-môn, người nước Ưu-điền. Vì Ngài thường trụ ở thế gian nên còn có tên Trụ Thế A-la-hán.

¹⁷⁴ Sư tử hồng 師子吼 (S: Simhanāda): tiếng gầm của sư tử. Đức Phật dùng âm thanh vô úy để thuyết pháp, như sư tử gầm rống mà không làm sợ hãi một loài thú nào khác. Sư tử là vua trăm thú; Phật là bậc chí tôn trong loài người nên gọi là Nhân Trung Sư Tử. Khi Phật thuyết pháp, hàng bồ-tát đều phát khởi tâm đồng mãnh để cầu đạo bồ-đề, bỏ ngoại đạo và ác ma sinh tâm sợ hãi.

¹⁷⁵ Tây Cù-da-ni 西瞿耶尼: một châu lớn trong bốn châu nằm ở phía tây núi Tu-di. Địa hình châu này giống như mặt trăng tròn.

chúng đòi sau. Tôn giả Tân-đầu-lô cũng tự phát nguyện, nếu như khắp thiên hạ có ai thỉnh cầu thì ngài sẽ nhận lời đến ngay”.

Trong kinh *A-dục vương* ghi: “Tì-kheo Hải Ý từ trong chảo sắt dùng thần lực bay lên hư không hiện mười tám thần biến¹⁷⁶. Vua vui mừng nói kệ:

[42c] *Thân ngài giống thân người,*

Mà sức vượt hơn người,

Hãy nói cho trẫm biết,

Sao ngài hiện thân thông?

Vua phát tâm thỉnh chúng tăng khắp bốn phương chứng minh, nói kệ:

Hỡi các a-la-hán!

Xin đến nhiếp thụ con.

Con thỉnh a-la-hán!

Xin các ngài đến đây”.

Kinh *Thỉnh Tân-đầu-lô* ghi: “Các vị ưu-bà-tắc, quốc vương, trưởng giả ở Thiên Trúc, mỗi khi thiết trai thường thỉnh a-la-hán Tân-đầu-lô-phả-la-đọa-thệ. Tân-đầu-lô là tên, Phả-la-đọa là họ. Tôn giả vì hiện thân thông trước trưởng giả Thụ-đề, nên Phật không cho nhập niết-bàn, và bảo tôn giả làm phúc điền cho bốn chúng trong thời mạt pháp.

Lúc thỉnh tôn giả phải ở nơi thanh tịnh, đốt hương lễ lạy, hướng về núi Ma-lê¹⁷⁷ Ấn Độ, thành tâm đọc rằng: ‘Đại đức Tân-đầu-lô-phả-la-đọa-thệ theo lời Phật dạy làm phúc điền ở đời mạt pháp, xin ngài hãy nhận lời thỉnh cầu của con đến nơi này thụ trai’.

¹⁷⁶ Mười tám thần biến (thập bát thần biến 十八神變): mười tám thứ thần biến do Phật, bò-tát, a-la-hán nương vào năng lực tự tại của thiền định mà thị hiện ra: chấn động; xí nhiên; lưu bố; thị hiện; chuyên biến; vãng lai; quyền; thư; chúng tượng nhập thân; đồng loại vãng thú; hiển; ẩn; sở tác tự tại; chế tha thân thông; năng thí biện tài; năng thí ức niệm; năng thí an lạc; phóng đại quang minh.

¹⁷⁷ Núi Ma-lê (Ma-lê sơn 摩梨山; S: Malaya): núi nằm ở nam Ấn Độ. Núi này có loại bạch chiên-đàn, ai vào đây cũng cảm thấy từ trong thân mình tỏa ra mùi thơm trong sạch, vì thế núi này còn được gọi là núi Trừ Cấu.

Hoặc xây cất nhà mới cũng nên thỉnh: ‘Xin ngài nhận lời thỉnh cầu của con đến nghỉ trên giường nhà này’.

Hoặc khi thỉnh chúng tăng đến tắm rửa, trước tiên cũng thỉnh ngài: ‘Thỉnh ngài hãy đến đây tắm rửa’. Lúc trời sắp sáng thì chuẩn bị nước nóng hòa với hương thơm, tro, xà phòng, cây chà răng, dầu thơm; pha nước lạnh nóng thích hợp, giống như cách thức tắm của người, mở cửa mời vào rồi đóng lại, đợi bằng khoảng thời gian của một người tắm xong, sau đó mới thỉnh chúng tăng vào.

Khi tổ chức trai hội, tắm rửa, muốn thỉnh tăng, thí chủ phải hết lòng cầu giải thoát, tâm không nghi ngờ, mê mờ, lòng tin tuyệt đối thanh tịnh, rồi sau đó mới thỉnh.

Gần đây, có một trưởng giả nghe đại a-la-hán Tân-đầu-lô vâng theo lời giáo huấn của Phật làm phúc điền cho chúng sinh, ông thiết lập trai đàn như pháp, chí tâm cầu thỉnh ngài Tân-đầu-lô. Muốn nghiệm biết có a-la-hán đến dự trai hội hay không, trưởng giả rải hoa tươi đẹp ở thảm lông.

Khi chúng tăng thụ thực vừa xong thì các loại hoa cũng vừa vàng úa. Trưởng giả buồn rầu tự trách không biết lỗi này do đâu. Ông dốc hết lòng thành kính hồi chú tụng, rồi lại thiết lập trai hội, cũng rải hoa y như trước, hoa cũng bị héo. Ông lại đem hết của cải trong nhà lập trai đàn lần nữa, và mọi việc cũng y như trước vậy. Ông rất buồn bã tự trách mình, rồi cầu thỉnh hơn một trăm pháp sư xin chỉ bày những lỗi lầm để sám hối. Trước tiên, ông đối trước vị thượng tọa lớn tuổi trình bày hết mọi việc và sám hối lỗi lầm của mình. [43a]Thượng tọa nói: ‘Ông ba lần mở trai đàn cung thỉnh, ta đều nhận lời, nhưng ông lại sai nô bộc canh cửa chặn lại không cho vào, chê là già nua, áo quần rách dơ, nên đuổi đi. Sa-môn Lại-đề không chịu vào, còn ta vì nhận lời thỉnh của ông nên miễn cưỡng vào hội, nhưng bị nô bộc dùng cây đánh vào đầu ta. Ông tự làm việc đó sao lại buồn trách’. Nói dứt lời liền biến mất.

Bấy giờ, trưởng giả mới biết đó là Tân-đầu-lô. Từ đó về sau, mọi người mở trai hội đều không dám canh cửa. Nếu được Tân-đầu-lô đến dự trai hội thì các loại hoa ở chỗ ngồi không héo. Hoặc lúc đóng giường, cất nhà mới, muốn thỉnh Tân-đầu-lô thì phải dùng nước thơm rưới lên đất, đốt đèn dầu thơm, trên giường lót nệm mới, trải một lớp vải bông mềm và dùng tấm lụa

trắng phủ lên. Trời bắt đầu tối thì theo phép mà thỉnh Ngài. Thỉnh rồi ra ngoài đóng cửa lại, chớ xem thường mà lén nhìn. Mỗi cử chỉ hành động đều hết lòng kính tin thì ngài sẽ đến, vì một lòng thành kính sẽ cảm ứng, không thể nào không đến. Nếu đến thì trên tấm lụa có dấu nằm, nước trong phòng tắm cũng ấm.

Ngài nhận lời thỉnh đến trai hội, tùy mỗi nơi mà hiện hình tướng thượng tọa, trung tọa hay hạ tọa. Nếu mong thấy những điều khác lạ thì hoàn toàn không được. Lễ trai đàn hoàn mãn, tặng đã về mà các loại hoa ở tòa ngồi không héo thì biết có Tân-đầu-lô đến”.

Lời bàn:

Thời nay, thấy việc thiết lập trai hội phần nhiều không đúng với phép tắc, chỉ theo lòng người mà sắp bày cho phàm tãng, hoàn toàn không lo lắng gì đến tòa của Phật và thánh tãng. Như phần trước kinh đã ghi, thí chủ trước phải quét dọn sạch sẽ điện Phật và an trí chỗ ngồi cho thánh tãng, rồi tắm gội sạch sẽ, đốt hương thơm, treo cờ phướn, bảo cái, rải các loại hoa, cầm lư hương hết lòng thành kính phụng thỉnh tam bảo và thánh tãng, tất cả thánh phàm mười phương pháp giới cũng đều thỉnh hết. Xin nhận lời thỉnh cầu, hạ cố đến nhà đệ tử. Mọi người trong nhà đều thành kính, phát tâm tôn kính trước bảy ngày. Nếu nhà nghèo, không có hương hoa tươi tốt, cũng không có nơi sắp đặt, nhưng gặp lúc này cũng phải cố gắng sắp đặt. Khi lập tòa ngồi, phải chọn nơi cao đẹp nhất để an trí Phật, quét dọn sạch sẽ, đúng pháp, lần lượt đến tòa của thánh tãng. Tòa này được trải nệm trắng sạch, rồi lấy vải phủ lên. Nếu thí chủ hết lòng kính trọng thì sẽ có cảm ứng. Lễ hội hoàn mãn, nhìn lại tòa thấy dấu như có người ngồi, thì biết đó là báo thân đến, nếu không có tướng hiện thì chỉ có hóa thân đến, nếu khinh mạn thì báo thân, hóa thân đều không đến. Tòa này không được dùng các vật như: tơ lụa nhiều màu, gấm vóc sắc sỡ, trang trí vàng bạc và rải hoa. [43b] Mặc dầu là a-la-hán, nhưng cũng thụ hai trăm năm mươi giới như phàm tãng, cho nên không nhận các vật gấm lụa, vàng bạc v.v... Còn chư Phật, các vị bồ-tát Đại thừa thì không bị hạn chế bởi tướng xuất gia, vì thế được dâng cúng các vật này.

Tòa ngồi cho thánh tãng và bàn để dâng thực phẩm, không được cao quá sáu tấc, có thể cao bằng tòa tãng đúng pháp, cũng không được đặt tượng thánh tãng trên tòa ngồi. Vì nếu báo thân đến thì đâu thể đẩy tượng mà

ngồi, cũng không được lấy bát của tăng thường trụ cho thánh tăng dùng, vì sợ báo thân đến, không thể sử dụng bát của tăng. Nếu dùng bát, chén, tô, đĩa của người tục, tức dâng cúng cả hóa thân và báo thân, thì rất đúng pháp.

Tiền cúng cho thánh tăng thì nên mua sắm đồ vật bát, chén, đĩa, muống, tô đồng, khăn tay, mâm, bôn, chậu... loại tốt nhất dành cho thánh tăng sử dụng, làm dấu lên mặt sau các vật đó để người khác khỏi nhầm lẫn. Hằng ngày theo giờ ăn gia đình, mỗi sáng và giờ Ngọ, đặt thức ăn vào bát dâng lên cúng Phật và tăng, chẳng phải là việc tốt ư! Hoặc có tiền thì mua một hồ sàng¹⁷⁸ và giỏ đựng cơm, mỗi bữa ăn xong dùng xà phòng rửa sạch giỏ và đặt trên hồ sàng, lấy tấm vải dầu phủ lên, ngày nào cũng thế, không gián đoạn để bày tỏ tâm thành kính cúng dường tam bảo thì được công đức rất lớn.

Nếu nhiều tiền thì làm như cách ở chùa Tây Quốc và nhà giàu thế tục, tức là chọn nơi thanh vắng xây phòng xá cho thánh tăng, quanh năm dâng lễ vật cúng dường. Vào mùa hạ thì hằng ngày nên trải chiếu trong phòng và đặt thau, chậu, xà phòng, khăn sạch..., trước giờ Ngọ dâng cơm, thức ăn, tối lại đốt đèn, thắp hương, như pháp cúng dường, tùy khả năng của mình. Vào mùa đông, sắp đặt mền lông, lửa than, nước nóng, đèn sáng... tùy thời cúng dường. Dù cho tiền của thánh tăng có dư cũng không được sử dụng cho tăng; dù là tăng thường trụ, cũng không được sử dụng cho Phật và pháp, không được dùng để vẽ hình các thánh tăng. Thường thấy có người đến lấy tiền thánh tăng, mua lụa tốt treo ở bốn vách, họa hình Phật, đắp vẽ hình tượng thánh tăng Ca-diếp¹⁷⁹, A-nan..., vì a-la-hán Tân-đầu-lô hiện tại không nhập niết-bàn, đã không được thánh tăng cho phép sử dụng, thì đâu thể đem dùng lẫn lộn vào việc khác. Nếu lỡ dùng rồi thì nên trả lại gấp đôi, còn không thì phạm tội rất nặng. Cho nên luật *Tứ phần* ghi: “Cho phép dùng vào việc này, không được dùng vào việc kia, nếu phạm thì bị tội”. *(cũng như vật của mình, người khác không hỏi mình mà đem làm vào việc khác, như thế có được không?)*

¹⁷⁸ Hồ sàng 胡床: một loại ghế ngồi hình dáng giống như ghế dựa hoặc ghế xếp hiện nay. Người Tây Nhung chế hai loại ghế “bị cơ” và “đơn cơ” trong đó “đơn cơ” gọi là hồ sàng. Tức chỉ cho thiên sàng.

¹⁷⁹ Ca-diếp 迦葉 (S: Mahā-kāśyapa): một vị đệ tử xuất sắc của Đức Phật. Tôn giả nổi tiếng có hạnh đầu-đà trong hàng đệ tử Phật. Trên hội Niêm hoa vi tiếu, Ca-diếp được Đức Phật Thích-ca truyền tâm ấn (chính pháp nhãn tạng). Từ đó ngài trở thành sơ tổ của Thiên tông Ấn Độ.

Văn trình bày trên đây đều căn cứ theo ý của Phật trong kinh luật ghi ra, cần phải thực hành. Vật của tam bảo rất nặng, không nên dùng lẫn lộn, e rằng sai một li mà xa cách nghìn dặm. Lời nói thành thật không hư dối, nên xét kỹ mà thực hành. [43c] Cho nên, vào thời Lương Vũ Đế, các đại đức, danh nho nước Hán thỉnh tam tạng Tây Vực biên soạn “*Thánh tạng pháp dụng*,” sau đó dịch thành năm quyển, như trước đã trình bày, đại khái cũng đồng nhau.

VII.5. Bố thí thức ăn

Kinh *Tăng nhất a-hàm*¹⁸⁰ ghi: “Bấy giờ, Đức Phật dạy các tì-kheo:

- Có bốn loại thức ăn để nuôi dưỡng chúng sinh, đó là: đoàn thực, cánh lạc thực, niệm thực, thức thực.

Đoàn thực là gì? Là thức ăn của người thế gian, tức những thức ăn có thể đưa vào miệng ăn được.

Cánh lạc¹⁸¹ thực là gì? Là những thứ mà thân xúc chạm sẽ phát sinh hỉ lạc như: quần áo, dù lọng, hương hoa, lò sưởi, dầu thơm, tụ tập cùng người nữ...

Niệm thực là gì? Đó là những điều nghĩ nhớ, tư tưởng, tư duy trong ý thức, hoặc do miệng nói, hoặc do thân xúc chạm và các pháp được chấp giữ.

Thức thực là gì? Là những nhận biết của ý thức. Từ cõi Phạm thiên cho đến cõi trời Hữu tướng, Vô tướng đều lấy “thức” làm thức ăn.

Chúng sinh do bốn loại thức ăn này mà lưu chuyển mãi trong sinh tử”.

Kinh *Tăng nhất a-hàm* ghi: “Đức Thế Tôn dạy tôn giả A-na-luật:

- Tất cả các pháp đều do ăn mà được tồn tại. Mắt lấy ngủ nghỉ làm thức ăn, tai lấy âm thanh làm thức ăn, mũi lấy mùi hương làm thức ăn, lưỡi lấy vị làm thức ăn, thân lấy xúc chạm làm thức ăn, ý lấy pháp làm thức ăn, cho đến niết-bàn lấy không phóng dật làm thức ăn”.

¹⁸⁰ Kinh Tăng nhất a-hàm (Tăng nhất a-hàm kinh 增一阿含經; S: Ekottarikāgama): kinh, năm mươi một quyển, do ngài Cù-đàm Tăng-già-đề-bà dịch vào đời Đông Tấn, Trung Quốc, được xếp vào Đại Chính tạng, tập 2, là một trong bốn bộ A-hàm Bắc truyền.

¹⁸¹ Cánh lạc 更樂: tức là xúc.

Đức Phật dạy các tì-kheo pháp vi diệu như sau: “Quán thức ăn có chín loại: bốn loại thức ăn thế gian và năm loại thức ăn xuất thế gian”.

Bốn loại thức ăn thế gian: đoàn thực, cánh lạc thực, niệm thực, thức thực.

Năm loại thức ăn xuất thế: thiên thực, nguyện thực, niệm thực, bát giải thoát thực, hỷ thực.

Các tì-kheo phải luôn nghĩ nhớ, bỏ bốn loại thức ăn thế gian, cần thành tựu năm loại thức ăn xuất thế”.

Kinh *Chính pháp niệm*¹⁸² ghi: “Nếu chúng sinh nào có tín tâm, từ bi bố thí nhiều loại thức ăn cho người khác. Sau khi qua đời sẽ được sinh về cõi trời Chất-đa-la hưởng thụ nhiều điều sung sướng. Sau khi mạng chung ở cõi trời sẽ tái sinh làm người giàu có, thường thực hành chính pháp”.

Kinh *Chính pháp niệm* ghi: “Nếu có chúng sinh nào bố thí thuốc men chữa trị lành bệnh cho người, sau khi qua đời sẽ được sinh về cõi trời Dục, hưởng thụ năm thứ dục lạc, ở cõi trời mạng chung sẽ tái sinh làm người giàu có. [44a] Nếu chúng sinh nào bố thí nước đường phèn, nước lạnh cho người bị khát nước sắp chết, thì chúng sinh đó sau khi qua đời sẽ được sinh về cõi trời Thanh Lương hưởng thụ nhiều khoái lạc, ở cõi trời mạng chung sẽ tái sinh làm người không bị nạn đói khát”.

Kinh *Niết-bàn*¹⁸³ ghi: “Quý thần Khoáng dã¹⁸⁴ được Phật trao cho giới không giết hại sinh mạng, nên không ăn thịt, do đó mà cơ thể suy yếu sắp chết. Cho nên Đức Phật nói với quý:

- Từ nay, Ta sẽ bảo đệ tử thanh văn, ở nơi nào có Phật pháp đều phải bố thí thức ăn cho các người. Nếu người ở trụ xứ nào mà không làm như vậy thì kẻ đó là quyền thuộc của ma, không phải là đệ tử của Ta, chẳng phải thanh văn”.

¹⁸² Kinh Chính pháp niệm (Chính pháp niệm kinh 正法念經; S: Saddharma-smṛty-upasthāna-sūtra): kinh, bảy mươi quyển, do ngài Bát-nhã-lưu-chi dịch vào thời Bắc Ngụy, Trung Quốc, được xếp vào Đại Chính tạng, tập 17. Nội dung chính của kinh này nói lên sự tu tập của tì-kheo; dù khái niệm thuộc phạm vi Tiểu thừa, nhưng ý tưởng rất đặc thù, bút pháp rất phóng khoáng, luôn luôn biểu lộ tư tưởng Đại thừa.

¹⁸³ Kinh niết-bàn (Niết-bàn kinh 涅槃經; S: Mahā-parinirvāṇa-sūtra): kinh, bốn mươi quyển, do ngài Đàm-vô-sấm dịch vào năm 421 đời Bắc Lương, Trung Quốc, được xếp vào Đại Chính tạng, tập 12. Nội dung nói về giáo nghĩa Như Lai thường trụ, chúng sinh đều có Phật tánh, hạng xiển-đề thành Phật...

¹⁸⁴ Quý thần Khoáng dã (khoáng dã quý thần 曠野鬼神; S: Āṭavika, Āṭavaka): thần ở đồng trống, là một trong sáu mươi thần được-xoa. Trong Phật giáo xưa nay có pháp thí thực, tức là đem thức ăn bố thí cho thần này.

Nhưng khi lấy thức ăn cho chúng sinh phải có sự khác nhau. Nếu dùng thức ăn của tín thí thì phải y cứ theo luật *Ngũ phần*: “Nếu cho người ăn xin, chim, chó... thì phải giảm bớt phần ăn của mình để cho, không được lấy ngoài phần ăn của mình”.

(Xưa nay thấy người đạo kẻ tục cúng dường thức ăn, đó là phần ăn của thí chủ tằn tiện không dám cho vợ con, mà đem cúng cho chúng tăng để được phúc đức. Chúng tăng không được dùng phung phí. Nhưng có người trước không chịu tính lượng thức ăn cần dùng bao nhiêu, mà khi ăn no rồi đem thức ăn dư thừa đó cho người ăn xin, chim, chó... làm tổn hao của tiền thí chủ, chỉ tự mình chuốc lấy tội lỗi. Nếu tự giảm bớt phần ăn của mình để đem cho thì cho bao nhiêu cũng được, không giới hạn).

Kinh *Thập nhị đầu-đà*¹⁸⁵ ghi: “Khi đến giờ ăn nên quán niệm: ‘Nếu thấy chúng sinh đói khát ta nên lấy một phần của mình cho họ. Mình là người cho, còn kia là người nhận’. Khi cho rồi nên nguyện rằng: ‘Vì khiến cho tất cả chúng sinh tăng phúc báo mà cứu khổ, chớ có sinh tâm tham lam bòn xén’. Khi đem thức ăn đến chỗ thanh vắng, lấy bớt một phần để trên tảng đá sạch bố thí cho cầm thú và cũng nguyện như trên. Ngay lúc ăn quán nghĩ rằng: ‘Trong thân có tám vạn ổ trùng, các trùng được thức ăn này đều được an ổn. Hôm nay, ta bố thí thức ăn, đến khi ta đắc đạo sẽ bố thí pháp cho các người’. Đó chính là tâm không bỏ chúng sinh”.

Kinh *Quán Phật hình tượng*¹⁸⁶ ghi: “Đức Phật dạy đại chúng:

- Có người muốn thành tựu những điều họ mong cầu, lúc bố thí chẳng kể nhiều ít, đều giúp cho được no đủ. Công việc đã xong, thức ăn dùng không hết đem cúng cho các sa-môn trì pháp trong chùa. Chúng tăng tự phân chia thọ dụng. Khi xuất tài vật bố thí thì nên cầu mong sinh phúc, không nên giành phần đem về cho vợ con, vì như thế chẳng khác nào trồng cây trên đá, gốc rễ sẽ bị khô héo, không thể sống được. Nay người bố thí đem phúc dư cúng dường cho tăng thì bố thí một mà được phúc báu gấp vạn lần”.

[44b] Luật *Tứ phần* ghi: “Cúng cháo cho tăng thì được năm điều lợi ích:

¹⁸⁵ Kinh Thập nhị đầu-đà (Thập nhị đầu-đà kinh 十二頭陀經): kinh, một quyển, do ngài Cầu-na-bạt-đa-la dịch vào đời Tống. Nội dung: Đức Phật thuyết mười hai hạnh đầu-đà cho tôn giả Đại Ca-diếp.

¹⁸⁶ Kinh Quán Phật hình tượng (Quán Phật hình tượng kinh 灌佛形像經): kinh, một quyển, do ngài Pháp Cự dịch vào đời Tây Tấn, Trung Quốc.

- Trừ đói.
- Trừ khát.
- Tiêu hóa thức ăn.
- Đại tiểu tiện thông suốt.
- Đôi mắt trong sáng”.

Luật *Tăng kì* ghi: “Cúng dường cháo cho tăng thì được mười điều lợi ích”.
Kệ:

*Giữ giới thanh tịnh, người cung phụng,
Tôn kính tùy lúc dâng cháo cúng,
Được mười lợi ích cho hành giả,
Sắc, lực, thọ, vui, từ, thanh, biện,
Trừ phong, tiêu thực, dứt đói khát,
Phật bảo đó là môn thuốc hay,
Muốn sinh nhân thiên hưởng phúc lạc,
Nên thường dâng cháo cúng chúng tăng.*

Kinh *Thực thí hoạch ngũ phúc báo*¹⁸⁷ ghi: “Phật dạy các tỳ-kheo:

- Nên biết ăn uống có tiết độ thì không tổn phúc.

Đức Phật dạy:

- Bỏ thí thức ăn cho người thì được năm phúc đức giúp đắc đạo, người trí khen ngợi, tâm lượng rộng lớn. Năm phúc đức đó là: thí mạng, thí sắc, thí lực, thí an, thí biện.

¹⁸⁷ Kinh *Thực thí hoạch ngũ phúc báo* (Thực thí hoạch ngũ phúc báo kinh 食施獲五福報經): kinh, một quyển, do ngài An Thế Cao dịch vào đời Hậu Hán, Trung Quốc.

Thí mạng là gì?

Người không được ăn thì nhan sắc tiêu tụy, không tươi sáng, chưa đến bảy ngày thì chết. Cho nên người trí đem thức ăn bố thí để bảo toàn tính mạng cho họ, gọi là thí mạng. Người bố thí mạng thì được đời đời sống thọ, sinh trong cõi trời, cõi người, thọ mạng dài lâu không bị chết yểu, được phúc báo giàu sang, của cải vô số.

Thí sắc là gì?

Người không được ăn thì nhan sắc tiêu tụy, không tươi nhuận. Cho nên bố thí thức ăn, gọi là thí sắc. Người bố thí sắc thì đời đời được sinh trong cõi trời, cõi người có thân tướng đoan chánh, nhan sắc xinh đẹp, mọi người nhìn thấy đều quý trọng, ưa thích.

Thí lực là gì?

Người không được ăn thì thân thể gầy yếu, tinh thần suy nhược không thể hoạt động. Cho nên bố thí thức ăn, gọi là thí lực. Người thí lực thì đời đời sinh trong cõi trời, cõi người, có được sức mạnh không ai sánh bằng, làm việc cả ngày sức lực cũng không suy giảm.

Thí an là gì?

Người không được ăn thì thân tâm sầu khổ, bất an, đứng ngồi không yên. Cho nên bố thí thức ăn, gọi là thí an. Người thí an thì đời đời sinh trong cõi trời, cõi người, luôn được an ổn, không bị các tai ương, đến nơi nào cũng gặp người hiền lương, của cải vô lượng, không bị chết yểu.

Thí biện là gì?

Người không được ăn thì thân thể gầy yếu, tâm ý mờ mịt, miệng không nói được. Cho nên bố thí thức ăn, gọi là thí biện. **[44c]** Người thí biện thì đời đời sinh vào cõi trời, cõi người, lời nói lưu loát, có trí tuệ, biện tài thông đạt, mọi người nghe đều vui mừng đĩnh lễ vâng theo”.

Đó chính là phúc đức có được do bố thí thức ăn.

Kinh *Tăng nhất a-hàm* ghi: “Có năm trường hợp bố thí đúng thời:

- Bồ thí cho người từ xa đến.
- Bồ thí cho người đi xa.
- Bồ thí cho người bệnh.
- Bồ thí lúc đói kém.
- Lúc mới thu hoạch cây trái hoặc ngũ cốc thì trước hết đem cúng dường cho người trì giới tinh tiến, sau đó mình mới ăn.

Lại nữa, có ba cách bồ thí:

- Mang thức ăn đến chùa cúng, là bậc nhất.
- Thỉnh đến nhà để cúng dường, là bậc trung.
- Phát tâm cúng dường người đến nhà mình khát thực, là bậc hạ.

Kinh *Phó pháp tạng*¹⁸⁸ ghi: “Vào thời quá khứ, sau Phật Tì-bà-thi nhập niết-bàn chín mươi một kiếp, có một tì-kheo bị bệnh đau đầu rất nặng. Lúc bấy giờ, Bạc-câu-la¹⁸⁹ là một người nghèo khổ thấy tì-kheo bệnh liền dâng một quả ha-lê-lặc, tì-kheo uống xong liền hết bệnh. Do nhân bồ thí này mà chín mươi một kiếp được sinh vào cõi trời, cõi người hưởng phúc sung sướng, chưa từng bệnh tật. Sau cùng, sinh vào nhà bà-la-môn, mẹ mất sớm, cha lại tái hôn. Lúc đó Câu-la còn nhỏ, thấy mẹ kế làm bánh, thường theo xin, nhưng bà ta căm ghét bắt Câu-la bỏ trên lò sấy. Lửa lò cháy hừng hực, nhưng không thể đốt cháy được Câu-la. Người cha từ ngoài vào thấy thế liền đến bế xuống. Lại lần nữa, lúc bà đang nấu thịt, Bạc-câu-la theo xin thịt, bà tức giận bắt Câu-la bỏ vào chảo luộc nhưng cũng không chết. Người cha tìm con không gặp, kêu gọi, khi nghe tiếng con trả lời, ông đến ẵm ra ngoài, Bạc-câu-la vẫn không bị tổn thương. Sau đó bà đi ra sông, Bạc-câu-la đi theo, đến bên bờ sông bà phẫn hận nói: ‘Ngươi là quỷ mị yêu

¹⁸⁸ Kinh Phó pháp tạng (Phó pháp tạng kinh 付法藏經: kinh, sáu quyển, do ngài Cát-ca-dạ và Đàm Diệu cùng dịch vào đời Nguyên Ngụy, Trung Quốc, được xếp vào Đại Chính tạng, tập 50. Nội dung nói về sự tích truyền pháp và thế hệ truyền thừa của hai mươi ba vị tổ sư Ấn Độ sau khi Đức Thế Tôn nhập diệt, từ ngài Ca-diếp, Anan... cho đến vị tổ sư cuối cùng là tôn giả Sư Tử. Tôn giả Sư Tử bị quốc vương nước Kế Tân là La-quật sát hại, sự phó pháp đến đây bị đoạn diệt.

¹⁸⁹ Bạc-câu-la 薄拘羅 (S: Vakkula, Bakkula, Bakula, Vakula): một vị đệ tử của Đức Phật. Thuở nhỏ, Bạc-câu-la bị mẹ kế sát hại năm lần mà không chết. Từ khi xuất gia cho đến khi viên tịch, ngài luôn khỏe mạnh không hề đau ốm, hưởng thọ một trăm sáu mươi tuổi, được người đời tôn xưng là trường thọ bậc nhất.

tin chôn nào, vì sao đốt nấu hai lần mà không chết?’ Rồi bà liền bắt ném xuống sông, ngay lúc ấy Bạc-câu-la bị con cá lớn nuốt chửng, nhưng nhờ có phúc duyên nên vẫn được bình an. Không lâu sau, ngư ông bắt được con cá này đem ra chợ bán, có nhiều người trả giá nhưng chẳng ai mua, cho đến chiều xế cá sắp ươn thì cha Bạc-câu-la nhìn thấy, liền mua cá ấy đem về nhà. Khi ông cầm dao mổ bụng cá, đứa bé gọi lớn tiếng rằng: ‘Xin cha nhẹ tay, chớ làm con bị thương!’ . Người cha nghe tiếng con kêu liền rạch bụng cá và bé ra.

Lớn lên, Bạc-câu-la xuất gia, đắc quả A-la-hán. Từ khi sinh ra cho đến già một trăm sáu mươi tuổi mà Bạc-câu-la chưa một lần bị bệnh, cũng không bị các chứng bệnh nhẹ như đau đầu, nóng sốt. Chính do xưa kia bố thí thuốc nên được trường thọ như thế. [45a] Năm lần vào chỗ chết mà vẫn sống bình thường: lửa đốt không cháy, chảo hầm không chín, nước nhận chìm không chết, cá nuốt không tiêu, dao cắt không trúng. Vì vậy, người trí nên thực hành bố thí”.

Kinh *Tạp thí dụ* ghi: “Xưa kia ở nước Xá-vệ có một nhà nghèo, cây nho trong sân có vài chùm trái gần chín. Ưu-bà-di dự định sẽ cúng dường cho đạo nhân. Nhưng trước đó, quốc vương đã thỉnh đạo nhân thụ thực một tháng. Ưu-bà-di nghèo kia thế lực không bằng vua, nên mong mỗi cả tháng mới gặp lại được đạo nhân, cô liền hái trái cúng dường và thưa:

- Tâm nguyện bố thí của con đã hơn một tháng rồi, nay mới được mãn nguyện.

Đạo nhân nói:

- Như vậy là đã bố thí được một tháng!

Ưu-bà-di hỏi:

- Con bố thí chỉ có một chùm nho, làm sao nói là đã bố thí được một tháng?

Đạo nhân trả lời:

- Có tâm niệm xả thí trong một tháng là đã bố thí một tháng rồi!”.

VII.6. Ăn đúng thời

Hỏi: Thời gian nào là ăn đúng thời và ăn quá thời?

Đáp: Luật *Tứ phân* ghi: “Từ khi mặt trời mọc, cho đến giờ Ngọ. Căn cứ theo đây thì giờ Ngọ là giờ ăn đúng thời” (*Luật Tăng kì ghi*: “*Quá giờ Ngọ là bóng đã ngã qua một sợi tóc, một khoảng chớp mắt, một cọng cỏ... tức là phi thời*). Trong tứ thiên hạ¹⁹⁰ đều lấy đây làm chuẩn mực”.

Kinh *Tì-la tam-muội* ghi: “Đức Phật nói với bồ-tát Đại Huệ:

- Có bốn lúc ăn: buổi sáng là giờ ăn của chư thiên, giờ Ngọ là giờ ăn đúng pháp, buổi chiều là giờ ăn của súc sinh, buổi tối là giờ ăn của quỷ thần.”

Phật muốn đoạn trừ nhân lưu chuyển trong sáu cõi, khiến đồng với các Đức Phật trong ba đời nên lấy giờ Ngọ làm giờ ăn. Qua Ngọ mà còn ăn là đồng với các cõi dưới chứ chẳng phải giờ ăn của bậc thượng thánh, cho nên gọi là phi thời.

Luật *Thập tụng* ghi: “Chỉ có chư thiên được ăn quá giờ Ngọ, nên không có tội”.

Lại nữa, luật *Thập tụng* ghi: “Tì-kheo ở cõi Diêm-phù-đề đi đến Tây Cù-da-ni thì thụ thực theo giờ của Diêm-phù-đề. Tì-kheo ở Tây Cù-da-ni đi đến ba châu khác cũng như thế. Nếu ở lại qua đêm nơi nào thì theo thời gian ở nơi ấy”.

Luận *Ma-đức-lặc-già* ghi:

“Hỏi: Có thể ăn phi thời mà không phạm không?”

Đáp: Có! Nếu đến bắc Uất-đơn-việt thụ thực theo thời gian ở đó thì không phạm, ở các phương khác cũng vậy. Lúc đúng Ngọ ở cõi Diêm-phù thì ở Bắc châu là lúc nửa đêm, Đông châu là lúc mặt trời lặn, Tây châu thuộc lúc mặt trời mọc, còn các phương khác cũng có thể tính biết được”.

Luận *Tát-bà-đa* ghi: “Có bốn cách giải thích về đúng thời:

¹⁹⁰ Tứ thiên hạ 四天下: tức bốn châu quanh núi Tu-di như Đông Thắng Thân châu, Nam Thiệm Bộ châu, Tây Ngưu Hóa châu, Bắc Câu-lô châu.

[45b] 1. Mặt trời vừa mọc cho đến giữa ngày, lúc ánh nắng gay gắt, gọi là đúng thời. Từ giữa trưa đến cuối đêm, ánh nắng kia giảm yếu dần và tắt hẳn, gọi là phi thời.

2. Từ sáng sớm cho đến giữa ngày là đúng giờ ăn, đi khát thực không sinh phiền não nên gọi là đúng thời. Từ giữa ngày đến cuối đêm là thời gian mà người thế tục tổ chức yến tiệc, vui chơi, nếu đi khát thực lúc này sẽ có nhiều phiền phức, nên gọi là phi thời.

3. Từ sáng đến giữa ngày, không có việc dâm loạn của người thế tục, đi khát thực không sinh phiền não, nên gọi là đúng thời. Từ giữa ngày về sau, họ dừng nghỉ mọi công việc, ham vui chơi, nếu vào thôn xóm khát thực dễ bị phí báng, nên gọi là phi thời.

4. Từ sáng cho đến giữa ngày là giờ khát thực, sẽ được thức ăn để nuôi thân, an tâm tu tập đạo hạnh, mọi việc thuận lợi, đúng với chính pháp, nên gọi là đúng thời. Từ giữa ngày về sau nên chuyên lo tu tập, chẳng phải lúc khát thực, nên gọi là phi thời.

VII.7. Cách ăn

Kinh *Đại di giáo* ghi: “Trước khi ăn, tì-kheo nên đốt hương, ba lần khen ngợi công đức bố thí của đàn-việt rồi mới ăn. Lại nữa, theo lời thượng tọa dạy rằng: “Các tu sĩ! Mỗi vị hãy tự ra ngoài rửa tay súc miệng rồi trở vào ngôi chỗ của mình, mỗi mỗi đọc một bài kệ, theo thứ lớp đọc tụng, chứ không được bỏ qua”.

Kinh *Tăng nhất a-hàm* ghi: “Nếu có cúng dường thì nên bung lư hương xướng rằng: ‘Đến lúc!’ Phật dạy: hương là sứ giả của Phật, cho nên phải đốt hương phụng thỉnh khắp mười phương (*phải biết rằng, đốt hương vốn là muốn thỉnh Phật, mà mắt phàm phu không nhìn thấy được. Phật dạy đốt hương cung thỉnh hết thấy phàm thánh khắp cả mười phương là biểu trưng cho phúc lành xông khắp hư không, lan tỏa đến khắp mọi nơi. Lúc hành hương*¹⁹¹, mỗi người phải xướng tụng bài kệ trong kinh *Hoa nghiêm*¹⁹²”.

¹⁹¹ Hành hương 行香: nghi thức thắp hương đi nhiều quanh tháp. Khi thí chủ thiết trai cúng dường chư tăng, trước thắp hương chia đều cho đại chúng, rồi đi nhiều và lễ bái quanh tháp, điện Phật.

¹⁹² Kinh *Hoa nghiêm* (Hoa nghiêm kinh 華嚴經; S: Buddhāvataṃsaka-mahāvaiṣṭya): bộ kinh trọng yếu của Phật giáo Đại thừa, cũng là pháp môn tự nội chứng mà Như Lai tuyên thuyết cho các bồ-tát thượng vị như bồ-tát Văn Thù, bồ-tát Phổ Hiền, sau khi Ngài thành đạo nơi cõi bồ-đề.

Hương giới, hương định, hương giải thoát,

Tu thành đài mây rục pháp giới,

Cúng dường vô lượng Phật mười phương,

Thấy nghe, xông ướp chứng niết-bàn).

Kinh *Tam thiên oai nghi* ghi: “Ngồi nhận hương cũng được, vì người nữ hành hương sợ chạm tay mà sinh tâm đắm nhiễm” (hoặc sợ chê cười thì cho buông từ trên xuống cũng được. Người nam hành hương người nữ nhận hương, thì ngược lại)

Lời bàn:

Nếu được y phục, thức ăn thì không nên phân biệt ngon hay dở, chỉ mong duy trì được thân mạng để tu tập là hợp ý Phật. Như dầu nhớt là dùng để bôi trơn xe chứ đâu cần gì thơm đẹp, miễn sao khiến xe có thể vận chuyển là tốt. Cho nên, trong kinh *Tạp bảo tạng*, Đức Phật nói kệ:

Thân này như chiếc xe,

Không chọn lựa tốt xấu,

Nhớt thơm hay mỡ hôi,

Cũng đều làm trơn nhuận.

Luận *Đại trí độ* ghi: “Ăn là để thực hành đạo giải thoát, chứ không vì bồi bổ thân thể, cũng giống như nuôi ngựa, nuôi heo vậy”.

Đến giờ ăn, trước hết phải dâng cúng tam bảo, rồi bố thí cho tứ sinh¹⁹³. Cho nên, kinh *Hoa nghiêm* có bài kệ:

[45c] *Khi được thức ăn,*

¹⁹³ Tứ sinh 四生 (S: Catasro-yonayah): bốn hình thái sinh của loài hữu tình. Noãn sinh: loài sinh ra từ trứng. Thai sinh: loài sinh ra từ thai mẹ. Thấp sinh: loài sinh ra từ khí ẩm ướt ở những nơi ẩm thấp. Hóa sinh: loài không chỗ nương tựa bỗng nhiên sinh ra như chư thiên, địa ngục, trung hữu đều do nghiệp lực đời quá khứ mà hóa sinh.

Nên nguyện chúng sinh,

Tâm tại Phật đạo,

Vì pháp cúng dường.

Kinh *Ưu-bà-tắc giới* ghi: “Nếu tự may áo quần và làm bát thì trước hết dâng lên Phật, đồng thời trao cho cha mẹ, sư trưởng, hòa-thượng dùng và mặc qua một lần rồi mình mới sử dụng. Nếu đã dâng Phật rồi thì phải dùng hoa hương cúng dường để nhận lại. Thức ăn uống, trước phải dâng lên sám-môn, Phạm chí rồi mới ăn. Lúc sắp ăn cần phải phát nguyện: muỗng thứ nhất, nguyện từ bỏ tất cả các việc ác; muỗng thứ hai, nguyện làm tất cả các việc lành; muỗng thứ ba, nguyện hồi hướng công đức đến tất cả chúng sinh cùng thành Phật đạo. Nếu không thể từng miếng quán niệm, thì trước lúc ăn phát nguyện chung một lần cũng được”.

Lược *Ma-đức-lặc-già* ghi: “Nếu được thức ăn phải từng miếng, từng miếng quán niệm, nếu được y phục thì mỗi khi mặc phải quán niệm, khi vào phòng thì từng bước, từng bước quán niệm. Nếu là người căn tánh thấp kém thì quán niệm chung một lần”.

Trong kinh *Hoa nghiêm*, quyển sáu ghi: “Bồ-tát có một trăm bốn mươi nguyện, nên mọi hành động đều tụng kệ. Người thụ thực như thế thì không có phiền não, cũng không lìa phiền não, lý sự viên thông, lợi lạc quần sinh”.

Kinh *Tăng nhất a-hàm* ghi: “Trong các loại bố thí, bố thí pháp là bậc nhất, trong các sự nghiệp, thì sự nghiệp của pháp là bậc nhất, trong các ân thì ân của giáo pháp là bậc nhất”.

Nếu ăn quá no thì thân thể nặng nề, hơi thở gấp gáp, các mạch không thông, khiến tâm mê mờ, ngồi nằm không yên. Nếu ăn quá ít thì thân thể ốm gầy, tâm ý lơ lảng, khí hư sức kiệt. Cho nên, kinh *Tăng nhất a-hàm* có bài kệ:

Ăn nhiều bị hoạn khổ,

Ăn ít khí lực suy,

Nên ăn uống đúng lượng,

Vừa phải không nhiều ít.

Kinh *Tát-già-ni-kiên-tử* có bài kệ:

Người ăn uống quá nhiều ,

Thân nặng, tâm lười biếng,

Đời hiện tại, vị lai,

Thân mất lợi ích lớn,

Ngủ nhiều tự chuốc khổ,

Lại làm phiền người khác,

Mê mờ khó tỉnh thức,

Đúng thời, lượng sức ăn.

Người nấu muốn nếm thức ăn thử mặn hay nhạt, sống hoặc chín thì cho phép để thức ăn trong lòng bàn tay rồi dùng lưỡi nếm. (Theo kinh *Trai pháp*, thì không cho nếm thức ăn vì sợ khởi tâm tham mà phạm tội)

Lời bàn:

[46a] Sở dĩ người xuất gia trước lúc ăn phải rửa tay sạch rồi mới nhận thức ăn từ người khác là vì người xuất gia thanh cao, chẳng giống với hạng người bình thường, nên phải nhận rồi mới ăn.

Luận *Tát-bà-đa* ghi: “Tì-kheo nhận thức ăn¹⁹⁴ có năm ý nghĩa:

- Trừ bỏ chủng tử trộm cắp (*tự lấy ăn cũng giống như ăn trộm*), chúng minh sự ngay thẳng (*giả như có mắt mát gì cũng không dính dáng đến tì-kheo*), dứt trừ sự phi báng (*người xuất gia tự lấy ăn thì chẳng cao quý*), sống đời thiếu dục tri túc (*nếu không nhận từ người khác thì chẳng phải là*

¹⁹⁴ Nhận thức ăn (thụ thực 受食): ý nói thí chủ được tì-kheo đồng ý, tận tay nhận lấy thức ăn.

sống tiết kiệm, đơn giản), khiến người khởi tâm kính tin (*được nhận rồi mới ăn làm ngoại đạo phát khởi tín tâm*)”.

Trước kia, có một tì-kheo đi chung với một ngoại đạo và cùng dừng nghỉ dưới một gốc cây. Trên cây có quả, lúc sắp đến giờ ăn, ngoại đạo bảo tì-kheo:

- Thầy hãy leo lên cây hái quả!

Tì-kheo đáp:

- Trong giới pháp của tôi, cây cao quá đầu người không được leo.

Ngoại đạo lại đề nghị:

- Sao không rung cây để quả rơi xuống?

Tì-kheo nói:

- Trong giới pháp của tôi, không được rung cây cho quả rụng.

Ngoại đạo nghe nói vậy, tự mình leo lên hái, rồi ném xuống đất cho tì-kheo, gọi rằng:

- Lượm quả ăn đi!

Tì-kheo đáp:

- Trong giới pháp của tôi, nếu không nhận được từ tay người trao thì không ăn.

Ngoại đạo trèo xuống, nhặt trái cây dâng cho tì-kheo. Ngoại đạo chứng kiến như thế, nghĩ rằng đối với một trái cây mà còn như vậy huống gì phép tắc của người xuất gia. Thế rồi, ngoại đạo phát khởi tín tâm tôn kính, nhận thấy Phật pháp thanh tịnh chẳng giống với hàng ngoại đạo, liền theo tì-kheo xuất gia tu hành, trừ sạch được lậu hoặc.

Kinh *Xá-lợi-phát vấn*¹⁹⁵ ghi: “Đức Phật dạy:

- Ngoại đạo, Phạm chí còn biết nhận, hưởng gì đệ tử của Phật sao lại không nhận mà ăn, nhưng tất cả các vật đều phải được nhận từ tay người, chỉ trừ tiền bạc, người nữ là không được nhận. Vật có tác pháp vẫn phải nhận từ tay người, như y phục trên thân. Nếu vì tích chứa vàng bạc mà nhận, tức là trái phép tắc”.

Lời bàn:

Thức ăn của tất cả chư tăng đều phải được phân chia bình đẳng, không được phân biệt phạm thánh, trên dưới.

Luật *Tăng-kì* ghi: “Khi đàn-việt dâng thức ăn, nếu dâng cho thượng tọa nhiều thì thượng tọa nên hỏi: ‘Tất cả chúng tăng đều được như thế không?’. Nếu đáp: ‘Chỉ có thượng tọa được như vậy’, thì nên bảo họ cúng dường tất cả bình đẳng. Nếu họ nói: ‘Tất cả đều được như vậy’, thì nhận. Phép tắc của vị thượng tọa trong chúng tăng là không được nhận xong liền ăn, mà phải đợi dọn đủ tất cả, rồi xưng ‘Đẳng cúng’, bấy giờ mới được ăn. Thượng tọa phải ăn từ từ, không được ăn xong rồi bỏ đứng dậy trước mà nên đợi người đưa nước uống, tùy thuận chú nguyện xong rồi mới đứng dậy”.

Kinh *Xứ xứ*¹⁹⁶ ghi: “Đức Phật dạy:

- Sau giờ Ngọ không ăn thì được năm phúc: ít dâm, ít ngủ, được nhất tâm, không hạ phong, thân an ổn, không bệnh’. Vì thế sa-môn phải biết lợi ích đó mà không ăn quá ngộ”.

Lời bàn:

¹⁹⁵ Kinh *Xá-lợi-phát vấn* (Xá-lợi-phát vấn kinh 舍利弗問經; S: Śāriputra-paripṛcchā): kinh, một quyển, thuộc luật bộ Tiểu thừa, dịch vào đời Đông Tấn, được xếp vào Đại chính tạng, tập 24. Nội dung kinh này nói Phật trả lời các câu hỏi của ngài Xá-lợi-phát dưới cây Nhạc Âm trong thành Vương Xá; gồm thứ lớp của việc truyền tri giới luật, việc phân phái dựa theo giới luật của các bộ, các việc khai già y bát, uống rượu, sát sinh, cách trùm kín hai vai, nhân duyên nghe pháp của bát bộ quý thân, Phật giáo sau thời tượng pháp diệt, việc thụ giới thí vật của Phân-nhã-đa-la, tịnh thực bất tịnh thực, nhân duyên xuất gia của những vị trong tông thân của Đức Như Lai, ân cha mẹ và thầy...

¹⁹⁶ Kinh *Xứ xứ* (Xứ xứ kinh 處處經): kinh, một quyển, do ngài An Thế Cao dịch vào khoảng năm 148 đến 170 đời Đông Tấn, được xếp vào Đại Chính tạng, tập 17. Kinh này lấy việc gom chép các phương diện tri thức Phật giáo làm chính, nội dung chia làm hơn năm mươi hạng mục, thỉnh thoảng có giới thiệu đặc tính của Phật giáo, bồ-tát, a-la-hán, bích-chi Phật.

[46b] Nếu tham ăn thì phiền não sẽ tăng trưởng, cần phải quán nhàm chán, khởi ý tưởng bất tịnh.

Luận *Đại trí độ* ghi: “Quán nhàm chán thức ăn tức là quán thức ăn từ nhân duyên bất tịnh sinh, như thịt từ tinh huyết, đường tiểu sinh ra. Đó là nơi máu mủ và các vi trùng trú ngụ. Váng sữa, sữa, lạc là do huyết biến thành, không khác gì máu mủ, sau đó hòa lẫn với mồ hôi nhờn nhớp của người nhà bếp và các thứ bất tịnh khác. Nếu đưa vào miệng thì từ não bộ có hai dòng nước hôi thối chảy xuống hòa với nước miếng để thành vị, tương trạng như đồ đã mưa ra lại nuốt vào bụng. Đất duy trì, nước làm nát, gió làm chuyển động, lửa rang nấu. Giống như cái chảo nấu chín nhừ, cạn bã lóng xuống dưới, nước trong nổi lên trên; ví như gậy rượu, phần cạn là phân, phần trong là nước tiểu. Yết hầu có ba lỗ, gió thổi chất béo tan vào trăm mạch, hòa hợp với huyết sẵn có trước, ngưng kết biến thành thịt. Từ thịt sinh ra mỡ, xương, tủy. Từ đó lại sinh thân căn; lại từ thịt mới thịt cũ hợp lại sinh năm căn, từ năm căn sinh năm thức, năm thức thứ lớp sinh ý thức. Từ đó, phân biệt chấp tướng, phân biệt tốt xấu, rồi sinh ngã, ngã sở, các phiền não và các tội nghiệp.

Lại nữa, nên suy nghĩ thức ăn này mang nặng công lao. Tính ra một bát cơm, công sức mồ hôi của nông phu góp lại nhiều hơn bát cơm ấy. Có được bát cơm này gian khổ như vậy, mà ăn vào miệng thì liền thành bất tịnh, không chút giá trị, trải qua một đêm đã biến thành phân dãi. Vốn là thức ngon mà ăn vào biến thành bất tịnh, gớm không muốn nhìn. Hành giả phải tự suy nghĩ: “Thức ăn tẻ như vậy, nếu ta tham đắm thì sẽ đọa vào địa ngục”. Quán thức ăn như vậy thì sinh ý tưởng nhàm chán, do nhàm chán thức ăn, nên không tham đắm năm dục.

Ví như có một bà-la-môn tu pháp thanh tịnh, có công việc đi đến một nước bất tịnh, tự suy nghĩ rằng: ‘Ta sẽ làm sao để tránh khỏi những thức ăn bất tịnh này, chỉ phải dùng thức ăn khô mới thanh tịnh được’. Khi nhìn thấy một bà cụ bán bánh bạch tủy¹⁹⁷, ông liền nói:

- Tôi có việc ở đây một trăm ngày, cụ hãy làm thứ bánh này bán cho tôi.

¹⁹⁷ Bánh Bạch tủy (bạch tủy bính 白髓餅): một loại thức ăn làm bằng bột.

Hằng ngày bà lão đem bánh đến, bà-la-môn rất thích ăn. Lúc ban đầu bánh trắng sạch nhưng dần về sau thì không còn màu sắc và hương vị như trước nữa. Bà-la-môn hỏi:

- Tại sao như vậy?

Bà cụ đáp:

- Mụn đã lành.

Bà-la-môn ngạc nhiên hỏi:

- Nghĩa là sao?

Bà cụ đáp:

- Chồng tôi sinh mụn nhọt ở chỗ kín, tôi lấy bột gạo trộn sữa đắp vào, mụn nhọt muối vỡ mủ ra hòa lẫn với bột, cứ mỗi ngày như vậy lấy bột này làm bánh đem cho ông, vì thế mà bánh ngon. Nay chồng tôi đã lành mụn thì tôi biết tìm ở đâu được!

[46c] Bà-la-môn nghe xong, nắm hai tay lại đánh đầu, đấm ngực nôn khan và nói:

- Biết làm sao đây? Ta đã phá pháp thanh tịnh rồi! Việc tu hành của ta tiêu rồi!

Bà-la-môn liền bỏ công việc trở về nước cũ.

Hành giả cũng như vậy, tham đắm ăn uống, hoan hỷ ưa thích mà chẳng quán xét bất tịnh, sau chịu quả báo đau khổ thì hối tiếc làm sao kịp!”.

VII.8. Ăn xong

Luật *Thập tụng* ghi: “Tì-kheo nhận lời thỉnh thụ thực, im lặng đến ăn rồi lặng lẽ ra về, các cư sĩ chê trách:

- Chúng ta chẳng biết thức ăn có ngon hay không?.

Các tì-kheo bạch Phật, Đức Phật dạy:

- Từ nay khi thụ thực, nên chú nguyện khen ngợi công đức thí chủ!

Các ti-kheo không biết người nào sẽ nói, Đức Phật dạy:

- Thượng tọa nói, nếu thượng tọa không nói được thì bảo người kế tiếp thượng tọa có khả năng để nói thay”.

Luật *Tăng-kì* ghi: “Vị thượng tọa phải biết thí chủ cúng dường vì mục đích gì mà chú nguyện cho thích hợp”.

Luận *Ba-li* ghi: “Tăng, ni, bạch y..., thụ trai xong, nếu không dùng bột đậu, cừ-ma¹⁹⁸..., để súc miệng thì không đúng phép thụ trai. Vào thời quá khứ, ti-kheo Liên-đề sáu mươi năm trì trai không một mảy may thiếu sót, ngày nào ăn xong cũng sử dụng cừ-ma, bột đậu..., nên đúng với trai pháp. Nếu không làm như thế thì không thành tựu trai pháp.

Kinh này không đề cập đến, nếu căn cứ vào bộ *Xuất yếu luật nghi* thì cừ-ma là phân bò. Nếu theo kinh này thì chẳng lẽ dùng phân bò làm sạch miệng ư? Truyện kí *Pháp sư Da-xá* ghi: “Người thế tục và ngoại đạo ở Ấn Độ... tôn thờ Phạm thiên, bò, vì cho đây là hai nguyên nhân sinh ra vạn vật và nuôi dưỡng nhân dân, nên phân bò dùng làm thanh tịnh đạo tràng. Phật thuận theo thế tục cũng lấy phân bò để làm sạch, vậy tại sao lại chẳng dùng để làm sạch miệng!”.

Các bộ luật như *Tứ phần*... ghi: “Giữ gìn bốn oai nghi đi đứng nằm ngồi, ăn năm món ăn chính, liền thành tựu trai pháp, không luận phải dùng bột đậu để làm sạch miệng mới thành tựu. Nếu quá thời, phạm oai nghi, gây lỗi lầm, dầu có sử dụng bột đậu, cừ-ma cũng không thành trai pháp”.

Luật *Thiện kiến* ghi: “Thụ trai xong bị nôn, nếu chưa tuôn ra khỏi cổ mà nuốt trở vào thì không phạm. Nếu đã tuôn ra rồi lại nuốt trở vào là phạm”.

Luật *Tăng-kì* ghi: “Ăn xong nếu khát nước, Phật bảo lấy tất cả các loại ngũ cốc, đậu, lúa mạch đem nấu, không như nát, lúc phi thời lọc lấy nước mà uống. Đối với tô du¹⁹⁹, mật, đường phèn, các loại nước ép trái cây, thì phải

¹⁹⁸ Cừ-ma 巨磨: phân bò.

¹⁹⁹ Tô du 酥油: thực phẩm được nấu bằng vàng sữa bò, một trong các vị thuốc dùng để trị bệnh nhiệt. Có hai loại sinh tô và thực tô khác nhau.

dùng nước tác tịnh²⁰⁰. Nếu ở đáy hũ còn lại một ít, có nước mưa văng vào, cũng được xem là tịnh”.

Luật *Thiện kiến* ghi: “Lắng trong nước Xá-lâu-già²⁰¹ được uống lúc phi thời”.

Luận *Ma-đức-lặc-già* ghi: “Nước đường cát cũng có thể uống lúc phi thời”.

[47a] Luật *Tăng-kì* ghi: “Con người có bốn trăm lẻ bốn bệnh:

- Phong đại có một trăm lẻ một bệnh, dùng dầu để chữa trị.
- Hỏa đại bệnh nhiệt có một trăm lẻ một bệnh, dùng váng sữa điều trị.
- Thủy đại bệnh rét có một trăm lẻ một bệnh, dùng mật chữa trị.
- Bệnh tạp có một trăm lẻ một bệnh, dùng ba loại thuốc trên để điều trị”.

Luật *Thập tụng* ghi: “Lúc phi thời không được ăn đường phèn. Có năm trường hợp lúc phi thời được ăn đường phèn: một, đi xa; hai, bệnh; ba, ít ăn; bốn, không xin được thức ăn; năm, ở chỗ bố thí nước, hòa đường phèn vào nước thì được uống”.

Luật *Ngũ phần* ghi: “Cho phép lúc đói và lúc khát được uống”. (*Nên biết người không bệnh, lúc phi thời mặc dầu có dư đường phèn, tô du..., cũng không được dùng*).

Luật *Tăng-kì* ghi: “Dùng lá tiêu, lá lốt, gừng, ha-lê-lặc²⁰²... làm thuốc dùng suốt đời. Dem hòa với nước cho phép uống lúc phi thời”.

Luật *Tứ phần* ghi: “Tất cả các vị đắng, cay, mặn, ngọt..., trong đó có loại không thể dùng làm thức ăn, thì cho phép dùng làm thuốc uống lúc phi thời suốt đời”.

²⁰⁰ Dùng nước tác tịnh (nguyên bản: dĩ thủy tịnh đắc ẩm 以水淨得飲): dùng nước hòa loãng để rửa sạch.

²⁰¹ Xá-lâu-già 舍樓伽 (S: Śāluka): một loại nước. Trong luận Thiện kiến, quyển 17 ghi: “Lấy ngó sen già nát lọc lấy nước trong, gọi là nước Xá-lâu-già”.

²⁰² Ha-lê-lặc 呵梨勒: quả ha-lê-lặc hơi tròn như quả trứng màu vàng chanh, dùng để chữa bệnh mắt và làm thông đại tiểu tiện. Đây là một trong năm thứ thuốc được nói trong luật điển thời xưa.

Luật *Thiện kiến* ghi: “Tất cả cây cối, quả, rễ, thân, cành, lá..., trong đó có loại không thể dùng làm thức ăn, thì đều được dùng làm thuốc uống cả đời”.

Lời bàn:

Gần đây thấy nhiều người lúc phi thời mà cũng ăn uống giống như lúc đúng thời. Như thế đúng chăng?

Người đạo kẻ tục ở vùng biên địa, nghe luật cho phép uống nước trái cây thì liền uống nước táo khô, hoặc lê, nho, lựu không giả nhuyễn, đều dùng hết. Dù có giả nát ép lấy nước nhưng cũng không lắng trong, thì uống luôn cả nước và xác. Hoặc nghe cho phép uống nước Xá-lâu-già để trị bệnh nhiệt, thì liền lấy ngó sen ăn sống, hoặc uống nước cơm. Hoặc khi không đói khát lại uống tô du, đường phèn... vào lúc phi thời. Hoặc dùng hạt mạn nấu đặc. Như thế quá lạm dụng, chẳng thể nào mà ghi chép hết. Theo luật *Thập tụng*, nếu chẳng phải là người thuộc năm trường hợp như đã nêu ở trên thì không được tự tiện ăn, nếu ăn là phá trai giới. Ngày nay thấy người sai phạm ngày càng nhiều!

Tụng rằng:

Tháng này thiết lập trai đàn,

Chọn giờ thích hợp thỉnh hàng xuất gia,

Bốn bộ đến đúng thời gian,

Bảy chúng nhóm họp cùng sang trai đường.

Lời kinh tiếng kệ du dương,

Thiết tha, như tiếng cung thương bổng trầm,

Hương thơm xông thẳng trời không,

Gió đưa lan tỏa khắp cùng mười phương.

Cao dày giới đức tán dương,

Ngôn từ ca ngợi khôn lường đạo sâu,

Diệt phiền, văn cú nhiệm màu,

Đúng thời phân tích đoạn câu tận tường.

Giúp cho đạo tục gá nương,

Tài pháp hưng thịnh phát dương rạng ngời.

[47b] *Phúc điền nay mãi nguyện rồi,*

Ân huệ dẫn dắt người còn kẻ vong.

Thiện Thuận dịch

CHỮ KINH YẾU TẬP

QUYỂN 6

VIII. THỤ TRAI

VIII.1. Lời dẫn

Sở dĩ chính pháp được lưu truyền rộng rãi là nhờ kinh điển. Phúc điền sở dĩ được tăng trưởng là do giữ trai giới. Vì thế, nhịn một bữa ăn để cúng dường thì được phúc giàu sang; giúp người một đồng thì được quả báo thù thắng hơn cõi trời. Do đó, nên quý trọng ruộng phúc, xem nhẹ tiền tài, cùng nhau lập hội Vô-già²⁰³ sẽ được phúc đức vô lượng.

VIII.2. Chứng minh

Kinh *Cựu tập thí dụ*²⁰⁴ ghi: “Ngày xưa, có một người giàu sang thỉnh Phật đến nhà thụ trai. Lúc ấy, một người đàn ông đến nhà ấy bán sữa bò, được chủ nhà mời ở lại ăn cơm và dạy cách thụ trì trai giới. Sau khi thụ trai và nghe pháp xong, ông trở về nhà. Người vợ nói:

- Thiếp chờ chàng từ sáng sớm đến giờ nên chưa ăn cơm.

Nói xong, cô cố ép buộc người chồng ăn, phá tâm giữ trai giới của chồng. Tuy vậy, sau khi chết ông ấy vẫn được bảy lần sinh lên cõi trời, bảy lần sinh xuống nhân gian”.

Đức Phật dạy:

- Một ngày trì trai thì được sáu mươi vạn năm giàu sang, lại có năm điều phúc:

1. Ít bệnh.

2. Thân thể được an ổn.

²⁰³ Hội Vô-già (Vô-già hội 無遮會; S: pañca-vāṣika maha): pháp hội thực hành tài thí và pháp thí một cách bình đẳng, không phân biệt hiền thánh, tăng tục, sang hèn.

²⁰⁴ Kinh Cựu tập thí dụ (Cựu tập thí dụ kinh 舊雜譬喻經): kinh, hai quyển, do ngài Khương Tăng Hội dịch vào đời Ngô. Đối với bản dịch thời Hậu Hán mà gọi là cựu. Nội dung tập hợp các thí dụ.

3. Tâm dâm nhẹ mỏng.

4. Ít ngủ mê.

5. Được sinh lên cõi trời và biết được việc làm đời trước của mình.

Lại nữa, một hôm vua Ba-tư-nặc muốn ban thưởng cho phu nhân Mạt-lợi chuỗi bảy báu, nên vua cho triệu bà đến. Gặp ngày trai nên phu nhân mặc y phục giản dị vào cung. Thế nhưng, trong sáu vạn phu nhân, Mạt-lợi lại rực rỡ như mặt trời, mặt trăng, xinh đẹp hơn hẳn ngày thường. Vua trông thấy, vô cùng kinh ngạc và càng yêu quý, liền hỏi:

- Phu nhân tu công đức gì mà dung mạo rạng rỡ khác thường như vậy?

Phu nhân thưa:

- Thiếp tự nghĩ mình kém phúc nên mới thụ thân người nữ, hình thể do bản, mạng sống ngắn ngủi. Vì sợ đọa vào ba đường ác, nên hằng ngày thiếp lễ Phật, thụ trai, lìa bỏ tình ái, tu theo chính pháp, để đời đời được phúc. Xin bệ hạ cho thiếp đem chuỗi bảy báu này dâng lên cúng dường Đức Phật.

[47c] Kinh *Trung a-hàm*²⁰⁵ ghi: “Bấy giờ, Lộc tử mẫu Tì-xá-khư²⁰⁶, sáng sớm tắm gội, mặc áo trắng sạch, dẫn con, dâu và quyến thuộc đến chỗ Đức Phật đĩnh lễ và bạch rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn! Nay con muốn thụ trì trai pháp!

Đức Phật hỏi:

- Nay nữ cư sĩ! Hôm nay bà muốn trì pháp trai nào? Có ba loại trai :

1. Trì trai như mục đồng²⁰⁷

2. Trì trai như ni-kiên²⁰⁸

²⁰⁵ Kinh Trung a-hàm (Trung a-hàm kinh 中阿含經; S: Madhyamāgama): kinh, sáu mươi quyển, do ngài Cù-đàm-tăng-già-đê-bà dịch vào thời Đông Tấn, Trung Quốc, được xếp vào Đại chính tạng, tập 1, là một trong bốn bộ A-hàm bắc truyền. Nội dung kinh này là Đức Phật và đệ tử nói về giáo nghĩa.

²⁰⁶ Lộc tử mẫu Tì-xá-khư 鹿子母毘舍佉 (S: Mṛgāra-mātṛ Viśākhā): vị ưu-bà-di đắc Sơ quả, sống vào thời Đức Phật còn tại thế, là con gái của trưởng giả nước Ương-già.

²⁰⁷ Trì trai như mục đồng (phóng ngưu nhi trai 放牛兒齋; S: gopālakūposatha): trì trai như đứa trẻ chăn súc vật.

3. Trì trai như tám chi thánh trai²⁰⁹.

Thế nào là trì trai như mục đồng? Buổi sáng đưa trẻ thả trâu ra đồng, buổi chiều dẫn trâu về thôn. Khi dẫn trâu về thôn, nó lại suy nghĩ: “Ngày nay ta thả trâu ở nơi này, ngày mai thả trâu ở chỗ khác. Hôm nay ta cho trâu uống nước ở nơi này, ngày mai cho trâu uống nước ở chỗ khác. Ngày nay ta cột trâu nghỉ ở nơi này, ngày mai cột trâu nghỉ ở chỗ khác”. Cũng thế, có người lúc trì trai mà lại suy nghĩ: “Hôm nay ta ăn thức ăn này, ngày mai ăn thức ăn khác. Hôm nay ta uống nước này, ngày mai uống nước khác. Hôm nay ta ăn uống thế này, ngày mai ăn uống thế nọ”. Người này ngày đêm luôn tham dục. Đó là trì trai như mục đồng. Nếu người trì trai như thế thì không được nhiều lợi ích, không có quả báo tốt, không được công đức lớn và cùng khắp.

Thế nào là trì trai như ni-kiền-tử? Người xuất gia theo ngoại đạo Ni-kiền, luôn khuyên người khác rằng: “Để bảo vệ chúng sinh ngoài một trăm do-tuần về phía đông, người hãy buông bỏ đao gậy. Đối với phương nam, tây, bắc cũng như thế. Hoặc họ cởi bỏ y phục để lỏa thể và nói: “Ta không có cha mẹ, vợ con”. Họ khuyên mọi người bằng lời nói giả dối như thế mà cho là chân đế. Hoặc họ hành các tà pháp như khổ hạnh nhịn đói... Nếu người trì trai giới như vậy, cũng không được nhiều lợi ích, không có hiệu quả lớn, không được nhiều công đức và cùng khắp.

Thế nào là tám chi thánh trai? Đó là thánh đệ tử đa văn khi trì trai, nên suy nghĩ: “Bậc A-la-hán trọn đời xa lìa nghiệp sát sinh, buông bỏ đao gậy, biết tầm quý, có tâm từ bi, làm lợi ích tất cả chúng sinh, cho đến với loài côn trùng, tâm đã trừ sạch nghiệp sát. Suốt đời vị ấy không ăn phi thời, chỉ ăn ngày một bữa, không ăn ban đêm, thích ăn đúng giờ. Ta thực hành chi này cũng giống như bậc a-la-hán, cho nên nói là trai”. Người ấy đã tu tám chi thánh trai rồi, phải luôn suy nghĩ: “Trên đây là pháp thanh tịnh xuất thế của Đức Như Lai Vô Sở Trước v.v., giúp xa lìa pháp bất thiện cấu uế”.

[48a] Nếu thiện nữ nhân tu tám chi thánh trai, khi mạng chung được sinh vào sáu tầng trời cõi Dục²¹⁰, sau đó chứng quả A-la-hán.

²⁰⁸ Trì trai như ni-kiền (ni-kiền trai 尼犍齋; S: Niganthūposatha): trì trai như phái Ni-kiền-tử.

²⁰⁹ Tám chi thánh trai (thánh bát chi trai 聖八支齋; S: atthaṅga samannāgato upasatho hay ariyūposatha): trì trai như thánh đệ tử đa văn của Đức Phật.

Kinh *Bồ-tát thụ trai*²¹¹ ghi: “Con tự quy y Phật, tự quy y Pháp, tự quy y Tăng. Thân con đã tạo nhiều nghiệp ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác. Nay con đã từ bỏ, bao nhiêu ngày đêm thụ trì Bồ-tát trai, tự quy y bồ-tát”.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

- Vào ngày trai của bồ-tát có mười điều cấm:

1. Không được thoa phấn sáp, ướp nước hoa vào thân
2. Không được ca múa, đánh trống, đàn hát
3. Không được nằm giường cao rộng
4. Không được ăn sau giờ Ngọ
5. Không được cất giữ vàng bạc, châu báu
6. Không được ngồi xe bò, xe ngựa
7. Không được đánh trẻ em, nô tì, súc sinh
8. Dùng trai này bố thí để được phúc.

Vào ngày trai, khi đi ngủ bồ-tát phải đến trước bàn Phật chấp tay bạch rằng: “Hôm nay tất cả mười phương, nếu có người trì trai, thực hành lục độ²¹², con đều giúp người ấy được an ổn, vui vẻ, ban phúc khắp mười phương. Tất cả nhân và phi nhân²¹³ v.v... ở nơi nguy khốn, khổ sở đều được hưởng phúc, thoát khỏi sầu khổ, đời sau sinh lại làm người sẽ được an ổn, vui vẻ, giàu có vô cùng”.

²¹⁰ Sáu tầng trời cõi Dục (Lục Dục thiên 六天): cõi Dục có sáu tầng trời như Tứ Vương, Đạo-lợi, Dạ-ma, Đâu-suất, Lạc Biến Hóa, Tha Hóa Tự Tại.

²¹¹ Kinh Bồ-tát thụ trai (Bồ-tát thụ trai kinh 菩薩受齋經): kinh, một quyển, do ngài Nhiếp Đạo Chân dịch vào đời Tây Tấn, được xếp vào Đại chính tạng, tập 24. Nội dung kinh này trình bày việc thực hành trai giới trong những ngày trai đã qui định, việc tu hành sáu ba-la-mật, tu mười niệm, mười giới... để trợ duyên cho quá trình hành đạo.

²¹² Lục độ 六度 (S: ṣaḍ-pāramitā, ṣaṭ-pāramitā; Cg: Lục ba-la-mật): sáu hạnh tốt ráo mà hàng bồ-tát Đại thừa cần phải thực hiện để đạt đến Phật quả. Đó là bố thí ba-la-mật, trì giới ba-la-mật, nhẫn nhục ba-la-mật, tinh tiến ba-la-mật, thiền định ba-la-mật và trí tuệ ba-la-mật.

²¹³ Phi nhân 非人 (S: amanuṣya): từ gọi chung các loại như trời, rồng, dạ-xoa, ác quỷ, tu-la, địa ngục... không thuộc loài người, mắt người không thể thấy được.

9. Không được ăn hết thức ăn trong bát.

10. Không được gằn gỏi, cười đùa hoặc ngồi cùng chiếu với người nữ. Người nữ cũng như vậy.

Đây là mười giới, không được vi phạm và dạy người khác phạm, cũng không được xúi người cố phạm.

Khi thực hiện pháp giải bồ-tát trai, phải nói:

- Nam-mô Phật, nam-mô pháp, nam-mô ti-kheo tăng, suốt mấy ngày đêm con trì trai giới của bồ-tát, nhờ tu bố thí, được thành tựu sáu pháp ba-la-mật, cũng như lục độ vạn hạnh của bồ-tát.

Một ngày một đêm trì trai được phân làm ba thời, ngồi thiền, tụng kinh, ngủ nghỉ. Đây là pháp trai của bồ-tát.

[48b] Ngày trì trai bồ-tát: từ ngày 14 tháng giêng trì trai đến ngày 17 thì giải; ngày mùng 8 tháng 4 trì trai đến ngày 15 thì giải; ngày mùng 1 tháng 7 trì trai đến ngày 16 thì giải; ngày 14 tháng 9 trì trai đến ngày 16 thì giải.

Giải thích:

Đã trì trai rồi, nếu muốn giải thì phải đợi minh tướng²¹⁴ xuất hiện mới được ăn cháo. Nếu không làm đúng như vậy là phá trai. Thế nào là minh tướng? Như luận *Tát-bà-đa*²¹⁵ ghi: “Minh tướng có ba màu. Khi mặt trời chiếu vào thân cây diêm-phù-đề thì có màu đen; chiếu trên lá thì có màu xanh; chiếu qua ngọn cây thì có màu trắng. Trong ba màu này, màu trắng là chính, nên lúc ánh mặt trời có màu trắng mới được xả giới và ăn cháo”.

Lại nữa, luật *Tăng-kỳ*²¹⁶ ghi: “Lúc Đức Phật trú tại nước Xá-vệ, ở phía nam có một ấp tên là Đại Lâm. Bấy giờ, một thương nhân dẫn tám con trâu đi về phía bắc đến nước Câu-đa, thương nhân thả trâu trong một cái đầm. Lúc

²¹⁴ Minh tướng 明相: trời vừa hừng sáng, cảnh vật bắt đầu hiện ra.

²¹⁵ Luận Tát-bà-đa (Tát-bà-đa luận 薩婆多論): luận, chín quyển, đã mất tên người dịch.

²¹⁶ Luật Tăng-kỳ (Tăng-kỳ luật 僧祈律; S: Mahāsaṅghavinaya): còn gọi là Ma-ha tăng-kỳ luật, gồm bốn mươi quyển, do ngài Phật-đà-bạt-đà và ngài Pháp Hiên cùng dịch vào đời Đông Tiền, Trung Quốc, được xếp vào Đại chính tạng, tập 22. Đây là bộ luật của Đại chúng bộ, thuộc Phật giáo Bộ phái. Nội dung nói về hai trăm năm mươi giới ti-kheo và ba trăm bốn mươi tám giới ti-kheo-ni.

đó, có một người Li-xa²¹⁷ bắt được một con rồng nữ muốn giết ăn thịt. Do rồng này đã thụ giới Bồ-tát, không có tâm giết hại, nên để cho người Li-xa xỏ mũi dẫn đi. Thương nhân thấy vậy, liền khởi lòng từ, hỏi người Li-xa rằng:

- Ông bắt con rồng này để làm gì?

Người Li-xa đáp:

- Tôi muốn giết nó ăn thịt.

Thương nhân nói:

- Xin ông đừng giết. Ta cho ông một con trâu để đổi lấy con rồng kia.

Người Li-xa không chấp nhận, thương nhân liền đem cả tám con trâu để đổi rồng thì người Li-xa nói:

- Thịt rồng ngon hơn, nhưng nay ta vì ông mà thả nó.

Lúc sắp thả rồng đi, thương nhân suy nghĩ: ‘Bọn họ rất hung ác, nếu ta thả rồng đi, e rằng họ đuổi theo bắt lại’. Nghĩ thế rồi, thương nhân thả rồng trong một đầm khác và đi theo xem. Rồng biến thành người và nói với thương nhân rằng:

- Ngài đã cứu tôi, nay tôi muốn báo ơn. Ngài hãy vào cung để tôi đền đáp.

Thương nhân đáp:

- Bản tính của loài rồng vốn hung dữ, sân giận vô chừng, có thể giết hại ta bất cứ lúc nào.

Rồng đáp:

- Tôi không làm thế đâu. Trước đây, người kia bắt tôi; sức của tôi có thể giết họ, nhưng vì tôi đã thụ giới Bồ-tát nên hoàn toàn không còn tâm giết

²¹⁷ Li-xa 離車 (S: Licchavi, Lecchavi; Cg: Li-xa-vi): chủng tộc Sát-đế-lợi ở thành Tì-xá-li thuộc miền Trung Ấn Độ, là một bộ phận của chủng tộc Bạt-ki.

hại. Huống gì ngài cứu sống tôi mà tôi lại giết sao? Nếu ngài muốn đi, hãy ở đây đợi tôi giây lát, để tôi vào trước sắp xếp.

Nói xong, rồng liền vào cung. Lát sau, thương nhân đến cổng thấy hai con rồng bị trói vào cột, liền hỏi:

- Tại sao các ngươi bị trói ở đây?

Hai con rồng đáp:

- Mỗi nửa tháng, long nữ trì trai ba ngày, anh em tôi có trách nhiệm bảo vệ long nữ, nhưng vì không canh giữ cẩn thận để long nữ bị người Li-xa bắt. Do đó, chúng tôi bị phạt trói ở đây. Xin ngài thương xót nói giúp để long nữ thả anh em chúng tôi!

Long nữ sắp xếp xong, liền mời thương nhân vào cung, ngồi trên giường báu. Long nữ thưa:

- Trong cung rồng có nhiều thức ăn, có loại ăn vào suốt đời mới tiêu hết, có loại ăn vào hai mươi năm mới tiêu hết, có loại ăn vào bảy năm mới tiêu hết, cũng có thức ăn của người ở cõi Diêm-phù-đề. Chẳng hay ngài thích dùng loại nào?

Thương nhân đáp:

- Tôi muốn dùng thức ăn của cõi Diêm-phù-đề.

Long nữ liền mang nhiều thức ăn, nước uống ra dâng cho thương nhân.

[48c] Thương nhân hỏi long nữ:

- Tại sao hai con rồng này bị trói?

Long nữ đáp:

- Chúng phạm tội nên tôi muốn giết.

Thương nhân nói:

- Người đừng giết, chúng không đáng giết. Người thả chúng ra ta mới ăn.

Long nữ nói:

- Tôi không thể hoàn toàn tha cho chúng được, phải phạt đuổi xuống nhân gian sáu tháng.

Thương nhân thấy cung điện loài rồng được trang hoàng vô số bảo vật, liền hỏi:

- Người có nhiều châu báu đẹp như thế, thụ giới Bồ-tát làm gì?

Long nữ đáp:

- Loài rồng chúng tôi có năm thứ khổ. Đó là: lúc sinh, khi ngủ, khi dâm dục, khi sân giận, khi chết. Trong một ngày có ba lần da thịt rơi xuống đất, cát nóng bám đầy thân.

Thương nhân hỏi:

- Người muốn cầu điều gì?

Long nữ đáp:

- Tôi thích sinh vào loài người. Vì loài súc sinh rất khổ sở, lại không biết Phật pháp. Vì thế tôi muốn theo Phật xuất gia.

Nói xong, long nữ liền mang cho ông ấy tám chiếc bánh bằng vàng và nói:

- Số vàng này đủ cho cha mẹ, quyền thuộc của ngài dùng suốt đời không hết.

Long nữ lại nói:

- Ngài hãy nhắm mắt lại.

Long nữ liền dùng thần thông đưa ông ta về quê nhà. Thương nhân đem tám chiếc bánh bằng vàng trao cho cha mẹ. Vì đó là vàng của loài rồng, nên cắt dùng rồi lại sinh, tiêu xài suốt đời cũng không hết”.

Tụng rằng:

Không tham đắm vị ngon,

Giữ thân, sống cần kiệm,

Khi ngồi đủ dung nghi,

Năm vạn đời giàu sang,

Hương giới bay ngào ngạt,

Cửa tâm đóng càng chặt,

Chớ bảo gian khổ sưng,

Cuối cùng khỏi nguy hiểm.

IX. PHÁ TRAI

IX.1. Lời dẫn

Xét kỹ cội rễ của vô thường, khổ, không; nghĩ thấu nguồn gốc của sinh, già, bệnh, chết; thương cho nỗi khổ bị “treo ngược” lâu dài, xót cho nạn theo dòng chìm nổi. Nghĩ đến những nguy hiểm này thật đáng kinh sợ! Vì ruộng phúc mỏng, nên của tín thí khó tiêu; giữ trai giới không bền như bình gốm chưa nung dễ vỡ, như sương móc dễ tan. Thế mà, con người tâm nhân ngã cứ tăng mạnh, lòng chấp trước chặt như keo sơn, không sợ tai ương nhiều kiếp, chỉ lo mạng sống trong một đời, ham ăn mê ngủ chẳng khác gì loài chó, phá trai ăn đêm tựa như loài ngựa quí. Do đó, thí chủ mất phúc cúng dường, chúng tăng bạc màu ruộng tốt.

IX.2. Chứng minh

[49a] Kinh *Xá-lợi-phát vấn* ghi: “Xá-lợi-phát bạch Đức Phật rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn! Có các đàn-việt xây dựng tăng-già-lam, cung cấp đầy đủ những thứ cần dùng. Đời sau có người xuất gia, phi thời đến gặp vị tăng coi về ăn uống xin cơm. Vậy hai người ấy bị tội gì? Đàn-việt cúng dường được phúc không?

Đức Phật dạy:

- Người ăn phi thời là người phạm giới, phạm tội trộm cắp. Người cho phi thời cũng là phá giới, phạm tội trộm cắp. Trộm vật của đàn-việt là lấy vật mà thí chủ không cho, hoặc lấy mà không được thí chủ đồng ý; như vậy, thí chủ không có phúc, vì bị mất vật, nhưng vẫn được thiện lợi do phát tâm làm thức ăn.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn! Khi thụ nhận thức ăn và ăn đúng thời mà không hết, đến lúc phi thời lại ăn tiếp; hoặc thức ăn nhận đúng thời, nhưng để đến phi thời mới ăn thì được phúc không?

Đức Phật dạy:

- Người ăn đúng giờ là thanh tịnh, tức là phúc điền, là người xuất gia, là tăng-già, là bạn tốt, là thầy của trời và người. Người ăn phi thời là bất tịnh, là phá giới, là trộm cắp, là nạ quỷ, phạm tội đào tường khoét vách.

Khi có người, phi thời đến xin, nếu người quản lý thức ăn cho thì người đó thoái tâm đạo, là ác quỷ, là tam ác đạo, là vật bị bẻ, là người bị bệnh hủi; vì như vậy là phá hoại quả lành, trộm cắp tự nuôi sống bản thân. Các bà-la-môn còn không ăn phi thời, hàng ngoại đạo Phạm chí cũng không kiếm ăn bằng nghề phi pháp, hưởng gì đệ tử của Ta, hiểu biết và thực hành theo chính pháp mà làm như vậy sao? Những người phạm như thế chẳng phải đệ tử của Ta. Đó là người không có phép tắc, là người hành không đúng pháp, trộm thức ăn. Trộm cho và trộm lấy, dù một nắm nhỏ hoặc một nhúm muối hay một ngụm rượu đều phạm tội trộm. Cả hai khi chết đều bị đọa vào địa ngục Tiêu Trường, nuốt hòn sắt nóng; khi ra khỏi địa ngục, sinh vào loài heo chó, ăn các thứ bất tịnh; lại sinh làm loài chim dữ có tiếng kêu khiến người ghê sợ, sau đó sinh vào loài nạ quỷ, trở lại chốn già-lam, ở trong nhà xí ăn những thứ phân dơ, trải qua trăm nghìn năm. Chịu tội xong, được sinh vào loài người, nhưng làm kẻ nghèo cùng, hạ tiện, bị người ghét bỏ, không ai tin dùng. Trộm vật của một người thì tội còn nhẹ, cướp đoạt vật của nhiều người thì ruộng phúc tiêu tan, đoạn mất con đường xuất thế”.

Kinh *Kiên-đà quốc vương*²¹⁸ ghi: “Lúc Đức Phật còn tại thế, có vị quốc vương tên Kiên-đà phụng thờ bà-la-môn. Các bà-la-môn ở trong núi trồng nhiều cây trái. Một hôm, có tiểu phu chặt phá cây trái, bà-la-môn trông thấy, liền bắt người ấy đưa đến vua, tâu rằng: ‘Người này vô cớ chặt phá cây trái của tôi, đại vương hãy giết ông ta’. [49b] Vua kính thờ bà-la-môn nên không dám trái ý, liền giết người kia. Sau đó không lâu, có một con trâu ăn lúa, bị người chủ ruộng đuổi theo đánh gãy một sừng, máu chảy đầy mặt, đau đớn vô cùng. Trâu chạy đến chỗ vua tâu rằng:

- Tôi chỉ vô ý ăn một ít lúa của người kia, mà chủ ruộng đánh gãy sừng của tôi.

Lúc ấy, người kia cũng vừa đuổi đến. Vua hiểu được tiếng của chim thú, nên nói với trâu rằng:

- Ta sẽ giết người này giúp ngươi.

Trâu liền thưa:

- Nay dù ngài giết chết người này cũng không thể làm cho tôi hết đau. Xin vua ra lệnh cho mọi người từ nay về sau không nên đánh những con trâu nữa!

Vua liền suy nghĩ: ‘Những bà-la-môn mà ta phụng thờ, chỉ vì mấy gốc cây bị đốn mà bảo ta giết người. Họ thật không bằng con trâu này. Ta thờ đạo này mà không thoát khỏi sinh tử thì đâu cần phải theo nữa?’.

Vua liền đến chỗ Phật, năm vóc gieo sát đất đảnh lễ Đức Phật, xin thụ ngũ giới và thập thiện.

Đức Phật dạy:

- Người nào bố thí, trì giới thì ngay đời hiện tại được phúc đức; còn tu nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, trí tuệ thì công đức vô lượng, sau khi mạng chung được sinh lên cõi trời.

²¹⁸ Kinh Kiên-đà quốc vương (Kiên-đà quốc vương kinh 犍陀國王經): kinh, một quyển, do ngài An Thế Cao dịch vào đời Hậu Hán, được xếp vào Đại chính tạng, tập 14. Nội dung kinh này thuật lại câu chuyện vua nước Kiên-đà nghe tiếng của con bò nói mà tỉnh ngộ, dứt tâm tàn bạo, bỏ Bà-la-môn giáo, qui y theo Phật.

Khi nghe Đức Phật nói xong, vua vô cùng hoan hỷ, liền đăc quả Tu-đà-hoàn”.

A-nan bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn! Vua và con trâu này vốn có nhân duyên gì với nhau?

Đức Phật dạy:

- Thuở xưa, vào thời Đức Phật Câu-na-hàm Mâu-ni²¹⁹, vua và con trâu này là hai anh em ưu-bà-tắc, cùng thụ trì trai giới một ngày một đêm. Người anh giữ giới tinh tiến, không dám lười biếng, đến lúc mạng chung được sinh lên cõi trời; thụ mạng ở cõi trời hết, sinh xuống nhân gian làm quốc vương. Người em phạm trai giới ăn đêm, nên khi chết phải chịu tội. Chịu tội xong, lại sinh làm thân trâu năm trăm kiếp, nhưng vẫn biết được việc đời trước của mình, nên đến khai ngộ cho vua. Bảy ngày sau, trâu chết, liền được sinh lên cõi trời.

Đức Phật lại dạy:

- Bốn chúng đệ tử phải thụ trì trai giới, không được tái phạm!

Kinh *Pháp cú dụ*²²⁰ ghi: “Bấy giờ, Đức Phật ở Kỳ Thụ Cấp Cô Độc Viên thuộc nước Xá-vệ, thuyết pháp cho hàng trời, rồng, quỷ thần nghe. Về phía đông, tại nước Uất-đa-la-bà-đề, có năm trăm bà-la-môn v.v... cùng nhau đến ba cái ao thần bên bờ sông Hằng tắm gội sạch sẽ, khóa thân để cầu pháp tiên như pháp của ni-kiền-tử²²¹. Do đăm quá lớn, nên họ lạc lối không thể qua được, trên đường đi bị thiếu lương thực. Từ xa họ trông thấy một cây lớn tỏa thần khí, lầm tưởng có người ở, bèn đi về đó, nhưng khi đến nơi thì không thấy ai. Các bà-la-môn khóc gào thảm thiết, đói khát khổ sở, sắp chết tại đăm ấy.

²¹⁹ Phật Câu-na-hàm Mâu-ni (Câu-na-hàm Mâu-ni Phật 拘那含牟尼佛; S: Kanakamuni): vị Phật thứ bảy trong bảy vị Phật quá khứ, hay là Phật thứ hai trong một nghìn vị Phật ở kiếp Hiền.

²²⁰ Kinh Pháp cú dụ (Pháp cú dụ kinh 法句喻經; S: Dharmapadāvadāna-sūtra): kinh, bốn quyển, do ngài Pháp Cự và Pháp Lập cùng dịch vào đời Tây Tấn, được xếp vào Đại chính tạng, tập 4. Nội dung đưa ra một số truyện thí dụ, đồng thời đưa ra một kệ tụng kinh Pháp cú để giải thích nhân duyên đó.

²²¹ Ni-kiền-tử 尼犍子 (S: Nirgrantha-putra): ngoại đạo Ấn Độ thời xưa. Phái này lấy việc tu khổ hạnh lỏa hình, xa lìa sự trói buộc về cơm áo của thế gian để giải thoát khỏi phiền não và sự ràng buộc trong ba cõi; cũng là một trong lục sư ngoại đạo, một trong tứ chấp ngoại đạo, một trong mười sáu tông ngoại đạo, một trong hai mươi thứ ngoại đạo Ấn Độ cổ đại.

Thụ thần hiện ra hỏi các Phạm chí:

- Các đạo sĩ từ đâu đến và muốn đi đâu?

Các Phạm chí cùng đáp:

- Chúng tôi muốn đến ao thần tắm rửa mong được thành tiên, nay bị đói khát. Xin ngài thương xót cứu giúp!

[49c] Thụ thần liền đưa tay ra thì trăm món thức ăn uống từ tay tuôn ra, mọi người chẳng những ăn uống no đủ mà còn dư làm lương thực đi đường.

Lúc sắp ra đi, họ đến hỏi vị thần:

- Ngài tạo công đức gì mà có điều kỳ diệu như vậy?

Thụ thần kể với Phạm chí:

- Ngày xưa, tôi ở nước Xá-vệ, lúc ấy trong nước có một vị đại thần tên Tu-đạt cúng dường thức ăn cho Đức Phật và chúng tăng. Tu-đạt ra chợ mua sữa, nhưng không có người mang về, ông nhờ tôi mang đến dâng cúng Phật và chúng tăng. Khi đến tinh xá, ông sai tôi pha sữa và múc nước rửa tay, nhờ đó mà nghe được giáo pháp. Tôi vô cùng vui mừng, hết lòng khen ngợi, liền phát tâm trì trai, nên đến chiều về nhà không ăn. Vợ tôi ngạc nhiên hỏi:

- Chẳng hay chàng hờn giận điều gì mà không ăn cơm?

Tôi kể lại chuyện gặp trưởng giả Tu-đạt dâng cơm cúng Phật ở trong vườn, ông ấy mời tôi đến thụ Bát quan trai. Vợ tôi nghe xong, nổi giận nói rằng: ‘Cù-đàm phá hoại tập tục, sao có thể chấp nhận được? Ông bỏ đạo đó ngay, nếu không sẽ mang họa vào thân’.

Vợ tôi cứ ép buộc mãi, nên tôi phải ăn cơm, nửa đêm đó mạng chung. Do phá trai giới, và nghiệp chướng chưa dứt, nên thần thức tôi sinh làm thụ thần ở đầm này. Nhưng nhờ phúc mang sữa đến tinh xá mà nay tay tôi tuôn ra nhiều thức ăn như vậy. Nếu thụ trì trai giới trọn vẹn thì tôi được sinh lên cõi trời, hưởng phúc tự nhiên.

Thụ thần nói cho các Phạm chí nghe bài tụng rằng:

Cúng tế gieo gốc họa,

Ngày đêm canh nó lớn,

Luống khổ hại thân mình,

Pháp trai độ trời người”.

Kinh *Bách duyên*²²² ghi: “Bảy giờ, Đức Phật trú tại Kỳ Thụ Cấp Cô Độc Viên thuộc nước Xá-vệ. Đầu đêm, có năm trăm thiên tử, toàn thân tỏa ánh sáng rực rỡ, mang hương hoa đến cúng dường Phật. Sau khi đảnh lễ Đức Phật xong, các thiên tử lui lại ngồi một bên nghe Đức Phật thuyết pháp. Tất cả đều đắc quả Tu-đà-hoàn, họ nhiễu quanh Đức Phật ba vòng rồi trở về thiên cung.

Đến sáng hôm sau, A-nan bạch Đức Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn! Vì nhân duyên gì mà chư thiên đến cúng dường như thế?

Đức Phật bảo A-nan:

- Vào thời quá khứ, khi Phật Ca-diếp còn trụ thế, có hai vị bà-la-môn theo quốc vương đến đảnh lễ, thăm hỏi Đức Phật. Trong đoàn có một ưu-bà-tắc khuyên hai vị bà-la-môn cùng thụ trai pháp. Người thứ nhất trì trai để cầu sinh lên cõi trời, người thứ hai cầu sinh làm quốc vương.

Thụ trai pháp xong, hai người trở về trú xứ. Các bà-la-môn nói:

- Chắc hai ông đã đói khát, hãy ăn uống cùng chúng tôi!

Họ ân cần mời mãi, nên vị cầu sinh lên cõi trời liền ăn. Do phá trai, nên sở nguyện không thành tựu, sau khi mạng chung ông ta bị đọa vào loài rồng. Còn người giữ giới, thì sinh làm quốc vương. Do đời trước hai người cùng thụ trai, nên con rồng sinh vào cái ao trong vườn của quốc vương.

²²² Kinh Bách duyên (Bách duyên kinh 百緣經): kinh, mười quyển, do cư sĩ Chi Khiêm người nước Nhục-chi, đời Ngô dịch.

[50a] Người giữ vườn, hàng ngày thường đem các loại rau quả dâng lên cho vua. Một hôm, người giữ vườn nhặt được trong ao một loại trái cây, màu sắc rất đẹp, hương vị thơm ngon. Ông suy nghĩ: ‘Ta ra vào nơi đây, thường được người gác cửa sắp xếp, ta nên mang quả này biếu cho ông ấy’. Nghĩ thế rồi, ông ta liền đem quả ấy biếu cho người gác cửa. Người gác cửa được quả ngon, lại suy nghĩ: ‘Ta ra vào hoàng cung, thường được thái giám sắp xếp, ta nên đem quả này biếu cho ông ấy’. Nghĩ thế rồi, ông ta liền mang quả ấy biếu cho thái giám. Thái giám được quả ngon, lại suy nghĩ: ‘Phu nhân thường khen ngợi công lao của ta trước vua, ta sẽ đem quả này dâng cho phu nhân’. Nghĩ vậy rồi, ông ta liền đem quả ấy dâng cho phu nhân. Phu nhân được quả ngon, liền dâng lên vua. Vua ăn cảm thấy rất thơm ngon, liền hỏi phu nhân:

- Từ đâu ái khanh có quả này?

Phu nhân đáp:

- Thái giám biếu cho thần thiếp!

Vua lần lượt tra hỏi, biết được quả này xuất phát từ người giữ vườn. Vua liền cho gọi người giữ vườn đến hỏi:

- Trong vườn có trái ngon như vậy, tại sao người không dâng lên cho trẫm mà lại đem cho người khác?

Người giữ vườn trình bày rõ ngọn ngành, nhưng vua không tin, lại bảo rằng: ‘Từ nay về sau, người phải thường xuyên dâng quả này cho ta. Nếu trái lộn, ta sẽ giết người’.

Người giữ vườn trở về khóc lóc sầu thảm, than thở: ‘Quả này không trông thì làm sao có được!’.

Khi ấy, rồng sống trong ao nghe tiếng khóc, liền hóa thành người đến hỏi rằng:

- Tại sao người khóc?

Người giữ vườn trình bày đầy đủ sự việc. Rồng nghe xong, liền xuống nước lấy quả ấy đặt trên mâm vàng, trao cho người giữ vườn và bảo:

- Người mang quả này dâng lên cho vua và thuật lại ý của ta rằng: ‘Vào thời quá khứ, lúc Đức Phật còn tại thế, ta và quốc vương vốn là bạn thân, cả hai đều là Phạm chí, cùng tu bát quan trai. Mỗi người có một ý nguyện. Do vua giữ giới trọn vẹn nên nay được làm quốc vương, còn ta phạm giới nên sinh làm long vương. Nay ta lại muốn tu pháp bát quan trai để mong xả bỏ thân này. Mong người hãy nói vua tìm cho ta một bản văn Bát quan trai, rồi mang đến đây, nếu vua trái ý ta, ta sẽ biến đất nước này thành biển cả’.

Bấy giờ, người giữ vườn nhận mâm trái cây dâng lên cho vua và tâu trình đầy đủ lời dặn dò của rồng. Vua nghe xong, trong lòng lo lắng, suy nghĩ: ‘Làm sao có thể tìm được. Hiện giờ, ngay cả danh từ Phật pháp cũng không có, huống gì văn Bát quan trai! Nếu tìm không được bản văn ấy, e rằng đất nước sẽ gặp tai ương’. Vua suy nghĩ mãi mà vẫn không thể tìm được cách giải quyết.

Bấy giờ, trong nước có một vị đại thần rất được vua quan kính trọng. Vua cho gọi đến và bảo:

[50b] - Rồng muốn xin trẫm bản văn Bát quan trai, khanh hãy tìm giúp trẫm!

Vị đại thần tâu:

- Đời nay không có Phật pháp thì làm sao tìm ra bản văn đó?

Vua lại bảo:

- Nếu khanh tìm không được, trẫm sẽ giết khanh.

Vị đại thần nghe xong, liền trở về nhà, sắc mặt lo lắng buồn rầu khác thường. Người cha của vị đại thần tuổi tác đã cao, thấy con về nét mặt khác thường, nên hỏi lý do. Vị đại thần liền trình bày rõ mọi việc cho cha nghe.

Người cha nói:

- Cha thấy cây cột trong nhà mình thường có ánh sáng phát ra. Con hãy chẻ ra xem thử.

Vị đại thần chẻ cột nhà ra thì quả thật có hai quyển kinh *Thập nhị nhân duyên*²²³ và văn *Bát quan trai*²²⁴. Đại thần tìm được kinh, vô cùng vui mừng, liền đặt trên mâm vàng dâng lên cho vua. Vua có được quyển kinh, vui mừng khôn xiết, liền mang đến cho long vương. Long vương được bản văn *Bát quan trai* cũng rất vui mừng, liền đem châu báu tặng cho vua. Hai người từ biệt nhau, ai nấy trở về nơi ở của mình.

Long vương cùng năm trăm người con siêng năng tu tập pháp *Bát quan trai*, sau khi mạng chung đều được sinh lên cõi trời *Đao-lợi*. Nay họ bay xuống cúng dường ta, nên có ánh sáng rực rỡ như vậy.

Đức Phật bảo A-nan:

- Ông nên biết, năm trăm rồng con thụ *bát quan trai* lúc đó, nay chính là năm trăm thiên tử này.

Lúc Đức Phật nói nhân duyên này, có người đắc bốn quả *Sa-môn*, có người phát tâm *Vô thượng bồ-đề*. Đại chúng nghe Đức Phật nói xong, đều hoan hỉ vâng theo”.

Tụng rằng:

Núi cao sắp thành, công dang dở,

Đường dài nghìn dặm, lại bỏ xe,

Sửa ác làm lành nhờ giáo pháp,

Đổi lòng nhiễm ác bởi nữ nhi,

Chuyên tu ngũ phúc không trọn vẹn,

*Trai giới đâu giữ thành *Bát quan*,*

²²³ Kinh *Thập nhị nhân duyên* (*Thập nhị nhân duyên kinh* 十二因緣經): kinh, một quyển, do ngài Chi Khiêm dịch vào thời Ngô, Trung Quốc, được xếp vào Đại chính tạng, tập 16. Nội dung kinh này nói rộng về mười hai nhân duyên.

²²⁴ *Bát quan trai* 八關齋 (S: *aṣṭāṅga-samanvāgatopavāsa*): Đức Phật chế cho người tại gia một ngày một đêm xa gia đình, đến chỗ chư tăng ở học tập theo đời sống của người xuất gia, có thể phòng hộ ba nghiệp thân, khẩu, ý tạo ác, lại có thể đóng cửa con đường ác. Trong tám giới, bảy chi trước là giới, chi ăn phi thời là trai, gọi chung là *Bát quan trai* giới.

Đêm dài dằng dặc nào ra khỏi,

Sông ái mệnh mông há được qua!

X. PHÚ QUÍ

X.1. Lời dẫn

Làm lành thì cảm được quả vui, như bóng theo hình; làm ác thì chuốc lấy quả khổ, như âm vang theo tiếng. Thế nên, giàu như ông Đào Chu và Y Đôn²²⁵, sang tợ Tiêu Hà²²⁶, Tào Tham²²⁷. Họ mặc áo gấm quần lụa, ở nhà vàng cửa bạc; phía trước thì mây nổi, tiêu ngân, bên trên thì gió reo, sáo vút; đứng lễ tiết bước lên quảng điện, dáng ung dung thả bộ nơi hành lang; mang giày ngọc bên thềm son, đội mũ vàng trong cửa biếc; ăn uống thì mâm cao cỗ đầy, đủ cả sơn hào hải vị, mùi thơm bay khắp; ngồi thì nhà cao cửa đẹp, thềm ngọc rèm châu, đàn tơ sáo trúc, [50c] âm thanh du dương trầm bổng; nằm thì đèn hoa rực rỡ, trướng màn buông, chăn gấm nệm lông trải sẵn; đi thì xe tứ mã phi nhanh như chớp, nghìn vạn cỗ xe rầm rộ theo sau. Đây chỉ là nói sơ lược về phúc báo của người tu thiện, do ngày xưa tu hạnh bố thí mà nay được sung sướng như vậy.

X.2. Chứng minh

Kinh *Hiền ngu*²²⁸ ghi: “Thuở xưa, Đức Phật còn tại thế, trong nước Xá-vệ có một vị trưởng giả rất giàu sang. Ông ta sinh được một người con trai khôi ngô tuấn tú hiếm có. Hai vợ chồng rất vui mừng, nhân đó đặt tên cho con là Đản-di-li. Đến khi Đản-di-li trưởng thành thì người cha qua đời. Vua Ba-tư-nặc ban cho Đản-di-li tước vị của người cha. Vừa nhận tước thì nhà ông biến thành bảy báu, các kho lẫm đều chứa rất nhiều vật báu.

Lúc ấy, thái tử Tì-lưu-li²²⁹ mắc bệnh nhiệt, các thầy thuốc đều tâu với vua rằng:

²²⁵ Đào Chu, Y Đôn 陶朱, 猗頓: hai người giàu có vào thời Xuân thu, Chiến quốc.

²²⁶ Tiêu Hà 蕭何: người có quyền lực, dám nói thẳng, một vị mưu thần của Hán Cao Tổ.

²²⁷ Tào Tham 曹參: người có quyền lực, dám nói thẳng, cũng là một vị mưu thần.

²²⁸ Kinh Hiền ngu (Hiền ngu kinh 賢愚經; S: Damamūka-nidāna-sūtra): kinh, mười ba quyển, do ngài Tuệ Giác dịch vào thời Nguyên Ngụy, được xếp vào Đại chính tạng, tập 4. Nội dung kinh này thu thập các loại thí dụ, nhân duyên nói về người hiền và người ngu.

²²⁹ Tì-lưu-li 毘琉璃 (S: Virūdhaka): thái tử con của vua Ba-tư-nặc ở nước Kiều-tát-la.

- Phải có bột ngưu đầu chiên-đàn²³⁰ xoa vào thân thì thái tử sẽ hết bệnh.

Vua liền cho người tìm kiếm, nếu ai tìm được một lượng ngưu đầu chiên-đàn thì được thưởng một nghìn lượng vàng. Nhưng không ai tìm được. Sau đó, có người tâu với vua rằng:

- Trong nhà trưởng giả Đàn-di-li có rất nhiều ngưu đầu chiên-đàn.

Vua nghe rồi, đích thân đến xin. Vua đến trước cánh cổng bằng bạc của nhà trưởng giả Đàn-di-li, bảo người canh cửa vào báo tin. Người canh cửa vào thưa trưởng giả rằng:

- Thưa trưởng giả! Vua Ba-tư-nặc đang đứng ở ngoài cửa.

Trưởng giả nghe xong, liền ra nghinh đón, mời vua vào nhà. Vừa bước vào, vua thấy bên trong có một người nữ dung mạo rất xinh đẹp, đang ngồi dệt sợi bạc trên giường bằng bạc, có mười đứa bé gái đứng hầu hai bên.

Vua hỏi:

- Người này là vợ của khanh ư?

Trưởng giả đáp:

- Đó là người tớ gái giữ cửa, còn mười bé gái kia là người thông báo tin tức.

Khi đi vào cửa giữa, vua thấy nơi đây toàn là lưu li xanh biếc, bên trong cửa lại có một người nữ ngồi giường lưu li, tướng mạo xinh đẹp hơn hẳn người trước; có hai mươi người hầu.

Lại vào tiếp cửa trong nữa, vua thấy toàn là vàng ròng. Trong cửa lại có một người nữ, tướng mạo xinh đẹp hơn người trước bội phần, ngồi giường vàng ròng, dệt sợi vàng; có bốn mươi người hầu.

Vua lại hỏi:

²³⁰ Ngưu đầu chiên-đàn 牛頭梅檀: loại chiên-đàn có mùi thơm nhất trong các loại chiên-đàn, sinh trưởng ở Ấn Độ. Thân cây thường có màu xanh, cao khoảng 9m, gỗ chiên-đàn rất thơm, màu vàng xám, hoặc màu đồng đỏ, có thể dùng để điêu khắc, rễ cây xay thành bột để làm nhang hoặc chế thành dầu thơm.

- Người này là vợ của khanh ư?

Trưởng giả đáp:

- Đây là người tớ gái giữ cửa.

Khi vua vào trong nhà, thấy đất đều bằng lưu li, gian nhà được chạm trổ nhiều hình chim thú, gió thổi thì bóng mọi vật hiện trên đất đều lay động. Thấy vậy, vua tưởng là nước, nên sợ không dám bước. Vua nói với trưởng giả:

- Trước nhà khanh sao không có đất, chỉ toàn là biển cả?

Trưởng giả Đàn-di-li tâu rằng:

- Tâu đại vương! Đây là đất lưu li chứ chẳng phải nước.

[51a] Trưởng giả liền cởi chiếc vòng bẩy báu trên tay ném xuống đất, vòng lăn tròn chạm vào bức tường thì dừng lại. Vua biết là đất, nên cùng trưởng giả bước vào bên trong. Lên điện bẩy báu, vua thấy vợ của trưởng giả đang ngồi giường lưu li. Trưởng giả mời vua ngồi trên giường bẩy báu bên cạnh. Vợ của trưởng giả vừa gặp vua thì mắt ngấn lệ.

Vua hỏi:

- Vì sao khanh khóc, không được vui chăng?

Vợ Trưởng giả đáp:

- Thần thiếp rất vui, nhưng vì người thấy mùi khói trên thân bệ hạ xông lên, do đó chảy nước mắt.

Vua hỏi:

- Trong nhà không bao giờ đốt lửa sao?

Vợ trưởng giả đáp:

- Dạ không.

Vua hỏi:

- Không có lửa làm sao nấu ăn?

Vợ trưởng giả đáp:

- Lúc chúng thần muốn ăn thì trăm món tự đến.

Vua lại hỏi:

- Vậy không cần ánh sáng sao?

Vợ trưởng giả đáp:

- Chúng thần dùng ngọc ma-ni soi sáng rọi rõ khắp nhà.

Bấy giờ, trưởng giả Đàn-di-li quì xuống thưa:

- Đại vương! Vì việc gì mà ngài nhọc lòng hạ cố đến đây?

Vua Ba-tư-nặc trình bày rõ sự việc. Trưởng giả nghe xong, liền dẫn vua đi xem khắp các kho chứa đầy bảy báu, Nguru Đầu chiêm-đàn nhiều không thể tính kể.

Trưởng giả thưa:

- Đại vương cần bao nhiêu thì tùy ý lấy.

Vua lấy hai lạng Nguru Đầu chiêm-đàn, sai người mang về trước. Vua tỏ vẻ kính trọng nói với trưởng giả:

- Nay có Phật xuất hiện ở đời, khanh biết không?

Trưởng giả Đàn-di-li hỏi:

- Sao gọi là Phật?

Nghe vua giải thích xong, trưởng giả vô cùng vui mừng, liền đến chỗ Phật. Nghe Phật thuyết pháp, ông liền đắc quả Tu-đà-hoàn. Sau đó, ông xin xuất gia, đắc quả A-la-hán, đầy đủ ba minh²³¹, sáu thông²³² và tám giải thoát²³³”.

A-nan thấy vậy, liền bạch Đức Phật rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn! Trưởng giả Đản-di-li kiếp trước tạo nghiệp lành gì mà nay được sinh làm người hưởng thụ phúc báo cõi trời, gặp Đức Thế Tôn, xuất gia và đắc đạo như thế?

Phật bảo A-nan:

- Vào thời quá khứ cách đây chín mươi một kiếp, có Phật Tì-bà-thi xuất hiện ở đời. Sau khi Đức Phật nhập niết-bàn, vào đời tượng pháp²³⁴, có năm vị tì-kheo cùng nhau giao ước ở chung trong rừng siêng năng tu tập.

Một hôm, bốn vị tì-kheo nói với một tì-kheo:

- Ở đây cách thành rất xa, việc khát thực khó khăn, vậy trọn mùa hạ này huynh hãy làm phúc, vào thành khát thực để cúng dường cho chúng tôi.

Vị tì-kheo ấy liền vào thành khuyên các đàn-việt hàng ngày đem thức ăn đến cúng dường. Nhờ đó, bốn vị kia được an ổn, siêng năng tu tập đắc quả A-la-hán. Họ nói với tì-kheo kia rằng:

- Nhờ huynh trợ duyên nên chúng tôi được an ổn tu tập, đến nay đã thành tựu. Huynh có phát nguyện gì không?

²³¹ Ba minh (tam minh 三明; S: tri-vidya): trí tuệ sáng tỏ thông đạt vô ngại ba việc tức mệnh, thiên nhân và lậu tận.

²³² Lục thông 六通: sáu môn thần thông mà bậc thánh tam thừa chứng đắc. Đó là thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông, túc mạng thông, thần túc thông, lậu tận thông.

²³³ Bát giải thoát 八解脫 (S: aṣṭau vimokṣāḥ): tám định lực giúp hành giả lìa bỏ tham dục của cõi Sắc và Vô sắc. Một, trong có tướng về sắc dục, quán các sắc để giải thoát; hai, trong không có tướng về sắc dục, ngoài quán sắc để giải thoát; ba, thân thanh tịnh giải thoát chứng Cụ túc trụ; bốn, diệt các sắc tướng diệt hữu đối tướng. Không suy nghĩ các tướng, nhập vào Không vô biên xứ, an trụ đầy đủ giải thoát; năm, vượt tất cả Không vô biên xứ, nhập Thức vô biên xứ, an trụ đầy đủ giải thoát; sáu, vượt qua tất cả Thức vô biên xứ, nhập vào Vô sở hữu xứ, an trụ đầy đủ giải thoát; bảy, vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ, nhập vào Phi tướng phi phi tướng xứ, an trụ đầy đủ giải thoát; tám, vượt qua tất cả Phi tướng phi phi tướng xứ, nhập vào Tướng thụ diệt thân tác, chứng trọn vẹn, an trụ tràn đầy giải thoát.

²³⁴ Tượng pháp 像法 (S: saddharma-pratirūpaka): thời kì mà giáo pháp tương tự với chính pháp. Sau khi Phật nhập diệt, y cứ vào sự vận hành của giáo pháp mà chia làm ba thời: chính pháp, tượng pháp và mạt pháp. Thời kì thứ hai này chỉ có giáo thuyết và người tu hành, ít người chứng quả.

Tì-kheo này nghe nói thế, vui mừng phát nguyện: ‘Tôi nguyện đời sau, sinh vào cõi trời hay cõi người đều tự nhiên được giàu sang, gặp Phật, xuất gia đắc đạo’. Nhờ công đức này, từ đó đến nay trải qua chín mươi một kiếp, vị ò-kheo ấy không rơi vào đường ác, sinh vào cõi trời hay cõi người đều được giàu sang, những thứ cần dùng tự nhiên đầy đủ, nay nhờ được gặp Ta nên xuất gia và đắc đạo.

Kinh *Hiện ngu* ghi: “Ngày xưa, Đức Phật còn tại thế, trong nước Xá-vệ có một vị trưởng giả rất giàu có, vàng bạc châu báu vô số, không thể tính kể. [51b] Hai vợ chồng trưởng giả sinh được một bé trai, toàn thân màu vàng ròng, khôi ngô, tuấn tú ít ai sánh bằng. Vợ chồng trưởng giả vui mừng khôn xiết, nhân đó mà đặt tên cho con là Kim Thiên. Ngày sinh Kim Thiên, trong nhà tự nhiên xuất hiện một cái giếng vuông, sâu và rộng đều tám thước. Ai múc nước giếng ấy dùng cũng đều vừa ý. Hễ cần y phục thì giếng hiện ra y phục, muốn thức ăn thì giếng hiện ra thức ăn, vàng bạc châu báu và tất cả các thứ cần dùng vừa mong ước liền được.

Đến khi khôn lớn, Kim Thiên thông thạo nhiều tài nghệ. Người cha suy nghĩ: ‘Con ta tướng mạo khôi ngô tuấn tú, tài giỏi hơn người. Ta phải tìm một người con gái xinh đẹp, thân thể màu vàng ròng giống như con ta, để cầu hôn cho nó’.

Bấy giờ, trong nước Xà-bà có vợ chồng đại trưởng giả sinh được một bé gái tên là Kim Quang Minh xinh đẹp tuyệt trần, toàn thân màu vàng ròng rực rỡ. Lúc Kim Quang Minh chào đời, tự nhiên trong nhà xuất hiện một cái giếng, sâu và rộng đều tám thước; trong giếng cũng hiện ra các thứ châu báu, y phục, thức ăn uống và những thứ cần dùng đều vừa ý người. Vợ chồng trưởng giả suy nghĩ: ‘Con gái chúng ta xinh đẹp thông minh hơn người. Chúng ta phải tìm được bậc hiền sĩ thân thể màu vàng ròng rực rỡ như con chúng ta, mới cho kết hôn’. Danh tiếng của Kim Quang Minh vang khắp nơi, nên Kim Thiên đến xin cưới làm vợ.

Một hôm, Kim Thiên thỉnh Phật và chúng tăng đến nhà để cúng dường. Sau khi thụ trai xong, Đức Phật thuyết pháp cho vợ chồng Kim Thiên và cha mẹ họ nghe; tất cả đều đắc quả Tu-đà-hoàn. Vợ chồng Kim Thiên xin cha mẹ xuất gia, được cha mẹ cho phép. Sau khi xuất gia, hai vợ chồng đều đắc quả A-la-hán, đầy đủ tất cả công đức.

A-nan bạch Đức Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn! Vợ chồng Kim Thiên kiếp trước tạo phúc duyên gì mà nay sinh vào nhà giàu sang, toàn thân màu vàng ròng, khi chào đời trong nhà tự nhiên xuất hiện cái giếng sâu và rộng đều tám thước sinh ra các vật báu như thế?

Đức Phật bảo A-nan:

- Từ thời quá khứ cách nay chín mươi một kiếp, sau khi Phật Tì-bà-thi nhập niết bàn, các tì-kheo đi giáo hóa đến một thôn nọ, người trong thôn thấy chư tăng thì đua nhau đến cúng dường. Lúc đó, có hai vợ chồng nọ nhà rất nghèo, không có gạo ăn. Người chồng thấy mọi người cúng dường chư tăng, nên trở về nhà buồn bã khóc than, nước mắt rơi trên tay người vợ.

Người vợ hỏi chồng:

- Tại sao chàng khóc?

Người chồng nói:

- Lúc còn sống cha anh rất giàu có, của cải đầy kho, đến đời anh thì nghèo nàn, khổ sở. Ngày xưa, tuy có tiền của mà cha anh không chịu bố thí, ngày nay gặp chư tăng, ta lại nghèo khổ không có gì để cúng dường. Do đời trước không bố thí, nay mới bị nghèo khổ như vậy. Đời này không bố thí thì đời sau càng nghèo khổ. Anh suy nghĩ như vậy nên buồn khóc.

[51c] Người vợ nói với chồng:

- Tuy chúng ta có lòng, nhưng không có tiền của thì biết làm sao? Hay chúng ta về tìm lại trong nhà cũ, biết đâu sẽ được vật gì!

Hai vợ chồng liền trở về nhà cũ, người chồng tìm được một đồng tiền vàng, mang đến chỗ vợ, lúc ấy người vợ cũng tìm được một tấm kính và chiếc bình. Họ đựng nước sạch đầy bình, bỏ đồng tiền vàng vào đó rồi lấy tấm kính đặt lên, cùng nhau mang cúng dường chư tăng, phát nguyện rồi trở về. Nhờ công đức ấy, hai vợ chồng từ đó đến nay, trải qua chín mươi một kiếp không đọa vào đường ác. Dù họ sinh lên cõi trời hay trong loài

người đều làm vợ chồng, thân màu vàng ròng, hưởng phúc sung sướng. Nay họ gặp Ta nên xuất gia và đắc đạo”.

Kinh *Xuất diệu*²³⁵ ghi: “Lúc Đức Phật còn trụ thế, em trai của Mục-kiền-liên sinh sống tại nước Ca-tì-la-vệ. Ông ta rất giàu có, của báu chứa đầy kho, người giúp việc nhiều không tính kể. Mục-kiền-liên thường đến nhà khuyên bảo người em rằng:

- Anh nghe đồn em bồn xén, không thích bồ thí. Đức Phật thường dạy. “Nếu ai bồ thí sẽ được phúc báo vô lượng”. Nay nếu em bồ thí cũng sẽ được phúc báo như thế.

Người em nghe lời anh dạy, liền mở kho bồ thí, đồng thời lại lập thêm một cái kho mới để nhận phúc báo đó. Chưa được mười ngày thì tiền của, châu báu đã cạn sạch. Kho cũ trống rỗng, kho mới lại không có gì. Người em buồn rầu đến nói với anh rằng:

- Hôm trước, anh bảo em bồ thí được nhiều phúc, nên em làm đúng như lời anh dạy. Mọi người đến xin, các kho đã bồ thí cạn kiệt. Nay kho cũ trống rỗng, kho mới không nhận được gì cả! Há chẳng phải em bị anh dối gạt rồi ư?

Mục-kiền-liên nói:

- Thôi thôi! Em đừng nói như thế. Chớ để các ngoại đạo tà kiến nghe những lời thô thiển này. Nếu nói phúc báo có hình tướng thì cả hư không cũng không thể chứa hết. Nay anh tạm chỉ cho em thấy phúc báo vi diệu này.

Nói xong, Mục-kiền-liên liền dùng thần lực nắm tay đưa người em lên tầng trời thứ sáu. Người em thấy cung điện làm bằng bảy báu, gió thơm, ao tắm, kho lẫm tràn đầy của báu, nhiều không thể tính kể, có vài nghìn vạn ngọc nữ, nhưng không thấy người nam.

Người em hỏi anh:

²³⁵ Kinh Xuất diệu (Xuất diệu kinh 出妙經; Cg: Xuất diệu luận 出妙論): kinh hoặc luận gồm ba mươi quyển (hoặc hai mươi quyển) do tôn giả Pháp Cứu soạn, ngài Trúc Phật Niệm đời Diêu Tần dịch thành sách khoảng năm 350-417 đời Đông Tấn, được xếp vào Đại chính tạng. Nội dung luận này gồm ba mươi hai phẩm, được hình thành bởi những bài kệ tụng theo hình thức giáo huấn của Phật giáo và tập hợp các sự tích theo lối chú thích.

- Đây là cung điện gì mà nguy nga tráng lệ như thế?

Mục-kiền-liên bảo em:

- Em tự đến hỏi họ đi.

Người em đến hỏi thiên nữ rằng:

- Đây là cung điện gì mà toàn làm bằng bảy báu, nguy nga tráng lệ, ở lơ lửng giữa hư không như vậy? Ai là người có phúc để thụ hưởng?

Thiên nữ đáp:

- Đệ tử thần thông bậc nhất của Phật Thích-ca tên là Mục-kiền-liên, đang ở nước Ca-tì-la-vệ, cõi Diêm-phù-đề. Vị ấy có người em là một trưởng giả rất giàu sang, do thích bố thí, nên đời sau sẽ sinh đến nơi này làm chồng chúng tôi.

Người em nghe nói vậy, liền phát tâm thiện, trở về chỗ anh mình trình bày rõ sự tình.

Mục-kiền-liên nói:

- Thế thì người bố thí có phúc báo hay không?

[52a] Người em hồ thẹn xin lỗi anh. Sau khi trở về nhà, người em lại siêng làm phúc, đến lúc mạng chung được sinh lên cõi trời hưởng phúc báo”.

Lại nữa, kinh *Thụ-đề-già*²³⁶ ghi: “Lúc Phật còn tại thế, có một vị trưởng giả tên là Thụ-đề-già, rất giàu sang, vàng bạc vô số, kho lẫm tràn đầy, tôi tớ rất đông, không còn mong muốn điều gì. Một hôm, chiếc khăn lụa trắng bên ao tắm trong nhà trưởng giả bị gió thổi bay đến trước điện vua. Vua liền triệu tập quần thần đến cùng nhau bàn bạc, bói quẻ để tìm hiểu. Tất cả đều lấy làm lạ về xuất xứ của chiếc khăn. Các vị đại thần đều nói: ‘Nước ta sắp hưng thịnh, nên trời ban cho khăn lụa trắng’. Chỉ có Thụ-đề ngồi im lặng.

²³⁶ Kinh Thụ-đề-già (Thụ-đề-già kinh 樹提伽經; S: Jyotiṣka): kinh, một quyển, do ngài Cầu-na-bạt-đà-la dịch vào đời Lưu Tống, Trung Quốc, được xếp vào Đại chính tạng, tập 14. Nội dung kinh này nói về nhân duyên và công đức bố thí của trưởng giả Thụ-đề-già thuở xa xưa khi Phật còn tại thế.

Vua hỏi Thụ-đề rằng:

- Tất cả các vị đại thần đều vui mừng, tại sao khanh không nói gì cả?

Thụ-đề tâu vua:

- Tâu bệ hạ! Thần không dám dõng bệ hạ. Đây là chiếc khăn tắm của nhà thần, treo bên bờ ao, bị gió thổi bay đến đây. Vì thế thần không dám nói.

Vài ngày sau, có một đóa hoa chín màu lớn như bánh xe, rơi trước điện vua. Vua lại cho nhóm họp các vị đại thần để bàn bạc, hỏi đáp cũng giống như trước.

Thụ-đề tâu vua:

- Tâu bệ hạ! Thần không dám dõng. Đây là hoa vườn sau nhà thần héo rụng, bị gió thổi bay đến trước điện của bệ hạ. Vì thế thần im lặng không nói.

Vua hỏi Thụ-đề:

- Nhà khanh thật có chuyện như vậy sao? Vậy thì khanh hãy trở về lo sắp đặt trước, trăm sẽ dẫn hai mươi vạn người đến nhà khanh xem.

Thụ-đề tâu:

- Xin bệ hạ cùng theo thần, không cần phải chuẩn bị trước. Nhà của thần giường chiếu tự nhiên sắp sẵn, không cần người trải, thức ăn tự nhiên hiện ra không cần người nấu, món ăn tự nhiên mang đến không cần gọi, ăn xong tự nhiên mang đi không cần dọn dẹp.

Bấy giờ, vua dẫn hai mươi vạn người đi từ cửa phía nam vào nhà Thụ-đề. Khi vừa bước vào, thấy có một thiếu niên tướng mạo khôi ngô rất đáng yêu, vua hỏi Thụ-đề:

- Đây là con của khanh ư?

Thụ-đề đáp:

- Đó là đứa trẻ gác cửa của thần.

Vua và mọi người tiến lên phía trước, vào cửa trong thấy có một thiếu nữ, dung mạo xinh đẹp, da dẻ mịn màng tươi sáng, thật đáng yêu.

Vua hỏi Thụ-đề:

- Người này là con gái hay vợ của khanh?

Thụ-đề tâu:

- Đó là tứ gái gác cửa nhà thần.

Đi thêm một đoạn ngắn thì đến trước tòa nhà chính; vua thấy tường xây bằng bạc trắng, nền bằng thủy tinh. Vua nhìn tường là nước nên không dám bước vào. Thụ-đề dẫn vua vào nhà, mời ngồi giường vàng, ghế ngọc.

Vợ trưởng giả ở phía trong một trăm hai mươi lớp màn làm bằng bạc trắng, vén màn bước ra hành lễ. Thấy trong mắt bà ngấn lệ, vua hỏi Thụ-đề:

- Khi vợ khanh thi lễ trẫm, tại sao lại khóc?

Thụ-đề tâu:

- Thần không dám dổi bệ hạ. Vợ thần ngủ thấy hơi khói trên thân bệ hạ, nên chảy nước mắt.

Vua nói:

- Dân thường đốt đèn bằng mỡ, chư hầu đốt bằng mật, thiên tử đốt bằng sơn. Sơn vốn không có khói, làm sao chảy nước mắt được?

Thụ-đề tâu:

[52b] - Nhà thần có viên thần châu minh nguyệt treo trên điện, đêm ngày đều sáng, nên không cần đốt lửa.

Trước nhà Thụ-đề có một tòa lầu cao mười hai tầng, Thụ-đề dẫn vua lên đó ngắm nhìn chung quanh, thoáng chốc đã hết một tháng.

Đại thần tâu vua:

- Tâu bệ hạ! Việc nước quan trọng, xin ngài hãy trở về cung!

Vua bảo:

- Hãy ráng một lát nữa rồi trở về.

Vua lại đi dạo quanh vườn, ao tắm, bỗng chốc trải qua một tháng nữa. Các vị đại thần thưa, vua cũng trả lời như trước.

Bấy giờ, Thụ-đề xuất kho, đem bảy báu và lụa là gấm vóc cấp cho hai mươi vạn người kia, người và ngựa mang vác không xuể.

Khi trở về nước, vua nói với các quần thần:

- Thụ-đề là dân của trẫm mà nhà cửa, vợ con đều hơn trẫm. Trẫm có thể xuất binh đánh ông ta để chiếm lấy không?

Các vị đại thần đều tâu:

- Tâu bệ hạ! Hãy chiếm lấy!

Vua dẫn bốn mươi vạn binh, khua chuông gióng trống đến vây quanh nhà Thụ-đề vài trăm lớp. Lúc ấy, tại cửa nam của nhà Thụ-đề có một lực sĩ, tay cầm gậy vàng khua một cái, lập tức bốn mươi vạn binh và ngựa đều té nhào, tay chân quờ quạng, thân thể lão đảo như người say rượu, đầu óc choáng váng không thể đứng dậy được.

Bấy giờ, Thụ-đề cỡi xe vân mẫu²³⁷ đến hỏi mọi người:

- Các người bị thương ra sao mà nằm trên đất không chịu đứng dậy?

Mọi người đáp:

- Đại vương sai chúng tôi đến đánh chiếm nhà trưởng giả, nhưng bị người lực sĩ cầm gậy vàng đánh, tất cả bốn mươi vạn người và ngựa đều ngã, không thể đứng dậy được.

Thụ-đề hỏi:

²³⁷ Vân mẫu 雲母: thứ ốc vỏ đẹp, thứ xa cừ để khám vào đồ gỗ - Tên một thứ khoáng chất đẹp, trong suốt.

- Các người muốn đứng dậy không?

Mọi người đều đáp:

- Chúng tôi muốn đứng dậy.

Thụ-đề liền dùng thân lực làm cho bốn mươi vạn người và ngựa đều đứng dậy, rồi đồng loạt trở về nước.

Lúc ấy, vua liền gọi Thụ-đề-già ngồi cùng xe đi đến chỗ Phật, vua thưa:

- Bạch Đức Thế Tôn! Đời trước Thụ-đề-già đã tạo công đức gì mà nay được hưởng phúc báo như thế?

Đức Phật đáp:

- Đại vương hãy lắng nghe! Đời trước có năm trăm thương buôn trên đường đi ngang qua một vùng núi hiểm trở, gặp một vị tăng bị bệnh. Một người trong đoàn cúng dường lều chõng, lương thực, đèn đuốc cho vị tăng. Người ấy cầu nhiều điều ước, như cầu chư thiên từ hư không xuống cúng dường. Bấy giờ, vị tăng mới hiện mười tám thứ thần biến, phóng ánh sáng rực rỡ chiếu khắp thiên hạ, đồng thời còn phát nguyện khi thành Phật sẽ phá tan núi Thiết Vi, chảo dầu sôi nở hoa, địa ngục ngát hương chiên đàn, ngựa quỷ trở thành sa-môn, la-sát ngồi tụng kinh. Năm trăm thương nhân thấy thế, liền mang các vật báu đến cúng dường. Do cúng cấp cho vị tăng bệnh, nay tất cả các thương buôn đều được phúc báo. Người cúng dường lúc ấy chính là Thụ-đề, vị tăng bệnh là Ta, năm trăm thương nhân đều đắc quả A-la-hán”.

Kinh *Bách duyên* ghi: “Khi Phật còn tại thế, trong thành Xá-vệ có một trưởng giả rất giàu có, của cải vô số không thể tính kể. Vợ trưởng giả sinh được một người con trai dung mạo khôi ngô tuấn tú, ít ai sánh kịp. [52c] Ngày cậu bé chào đời, trời mưa như thác đổ, vợ chồng trưởng giả rất vui mừng, cả nước đều biết việc ấy. Thầy tướng tiên đoán là điềm lành. Vì thế, đứa bé được đặt tên Da-xà-mật-đa. Lúc mới sinh, Da-xà không bú sữa mẹ, giữa kẽ răng thường tiết ra nước đủ tám tính chất, tự no đủ. Đến khi trưởng thành, Da-xà gặp Phật, xuất gia đắc quả A-la-hán, được trời và người kính ngưỡng.

Bấy giờ, các tì-kheo thấy sự việc như thế, cùng đến thỉnh Phật nói nhân duyên phúc báo đời trước của Da-xà-mật-đa.

Đức Thế Tôn bảo các tì-kheo:

- Vào thời Phật Ca-diếp, ở kiếp Hiền có một trưởng giả lớn tuổi, xuất gia tu đạo, nhưng không tinh tiến, lại bị bệnh nặng. Thầy thuốc chẩn đoán bảo phải uống tô tử²³⁸ bệnh mới lành. Ông nghe theo lời khuyên của thầy thuốc uống vào, đến nửa đêm thuốc ngấm, lên cơn sốt, miệng khát khô, liền chạy đi tìm nước nhưng các bình đều hết sạch. Ông liền chạy đến sông, suối, tất cả đều khô cạn, cứ thế tìm khắp nơi đều không có nước, lòng tự hối trách. Ông cởi áo cột vào cành cây cạnh bờ sông, rồi trở về. Sáng hôm sau, ông đến thưa thầy tất cả sự việc. Thầy nghe xong liền nói:

- Ông mắc bệnh này giống như ngựa quỉ. Nay ông hãy lấy nước trong bình của ta mang đến cho chúng tăng. Ông ấy làm theo lời thầy, đến bình lấy nước, nhưng nước trong bình khô cạn, liền lo sợ suy nghĩ: ‘Nếu ta mạng chung ắt đọa làm ngựa quỉ’. Nghĩ rồi liền đến chỗ Phật trình bày rõ sự việc và thưa:

- Bạch Đức Thế Tôn ! Xin Ngài chỉ dạy cho con.

Phật bảo:

- Nay ông phải thường lấy nước sạch cúng dường chư tăng, mới có thể thoát được thân ngựa quỉ.

Nghe Phật Ca-diếp dạy, lòng ông rất vui mừng, hàng ngày thường mang nước sạch cúng dường chư tăng, trải qua hai vạn năm mới mạng chung. Dù ông ấy sinh ra ở nơi nào, trong kẽ răng thường tiết ra nước tám tính chất²³⁹, tự nhiên no đủ không cần ăn uống, bú mớm, cho đến nay ông ấy gặp ta xuất gia và đắc đạo. Các tì-kheo nghe Phật nói hoan hỉ vâng theo”.

²³⁸ Tô tử 蘇子: một loại cây nhỏ lá thom dùng làm vị thuốc, hoặc làm rau thom ăn sống.

²³⁹ Nước tám tính chất (bát công đức thủy 八功德水): nước có đủ tám công đức thù thắng như trong trẻo, mát mẻ, ngon ngọt, mềm nhẹ, thấm nhuần, an hòa, trừ đói khát, nuôi lớn các căn.

Trong kinh *A-dục vương*²⁴⁰ ghi: “Thưở xưa, khi Phật còn tại thế, Ngài cùng các tì-kheo và A-nan thứ tự đi vào thành Vương Xá khát thực. Khi đến một ngõ hẻm, Phật gặp hai cậu bé tên Đức Thắng và Vô Thắng, đang chơi trò đắp đất xây thành, nhà cửa, kho lẫm, lại lấy đất làm gạo chứa trong kho. Hai cậu bé thấy Phật có tướng hảo, thân hình màu vàng rờng sáng rực khắp thành. Đức Thắng hoan hỉ vốc gạo bằng đất trong kho dâng lên Đức Phật, và phát nguyện: ‘Con nguyện mai này sẽ thống lãnh thiên hạ và cúng dường đầy đủ phẩm vật’. Nhờ duyên lành và công đức phát nguyện ấy, sau khi Phật niết-bàn một trăm năm, Đức Thắng làm Chuyển luân thánh vương, cai trị cõi Diêm-phù-đề. [53a] Vua ở trong thành Hoa Thị, dùng chính pháp trị đời, lấy hiệu là A-thứ-già vương. Vua đích thân phân chia xá-lợi Phật, xây dựng tám vạn bốn nghìn bảo tháp phụng thờ. Vua có lòng tin sâu tam bảo, thường thỉnh chư tăng vào cung cúng dường.

Bấy giờ, trong cung có một nô tì rất nghèo khổ, thấy vua làm phúc liền tự trách mình: ‘Lúc trước vua chỉ cúng dường Đức Phật một nắm đất, mà được giàu sang như thế. Nay vua lại cúng dường nhiều, nên chắc chắn đời sau sẽ giàu sang hơn. Đời trước ta tạo tội, nên nay mới làm kẻ thấp hèn, nghèo khổ, không thể tạo phúc, tương lai ắt sẽ càng nghèo hơn, biết bao giờ thoát khỏi kiếp nghèo’. Nữ tì nghĩ rồi liền rơi lệ.

Chư tăng thụ thực xong, nữ tì quét dọn, nhặt được một đồng tiền trong đồng rác, liền mang đến cúng dường chư tăng, trong lòng rất hoan hỉ. Không bao lâu nữ tì lâm bệnh qua đời. Bấy giờ trong cung vua có một phu nhân mang thai mười tháng, hạ sinh một công chúa cực kì xinh đẹp, ít ai sánh kịp, nhưng tay phải công chúa thường nắm chặt. Lúc công chúa lên năm tuổi, phu nhân tâu vua:

- Con gái chúng ta không biết tại sao tay phải thường nắm chặt.

Vua bảo bồng công chúa đến, đặt lên đầu gối, sờ vào tay con, công chúa liền xòe ra. Trong tay có một đồng tiền, lấy rồi lại sinh ra không bao giờ hết, chỉ trong chốc lát đầy một kho tiền. Vua rất ngạc nhiên, liền đến hỏi a-la-hán Dạ-xa:

²⁴⁰ Kinh A-dục vương (A-dục vương kinh 阿育王經): kinh, mười quyển, do ngài tam tạng Tăng-già-bà-la dịch ở nước Phù Nam, đời Lương, được xếp vào Đại chính tạng, tập 50. Nội dung đề cập về vua A-dục tôn sùng và hộ trì những sự tích của Phật giáo.

- Đòi trước công chúa đã tạo phúc đức gì mà nay sinh ra, trong lòng bàn tay thường có một đồng tiền, lấy hoài không hết?

A-la-hán đáp:

- Công chúa đòi trước là nữ tì trong cung, khi quét dọn nhặt được một đồng tiền liền cúng dường chư tăng. Nhờ duyên lành này nên người ấy được sinh làm con gái đại vương, trong tay luôn có một đồng tiền vàng lấy hoài vẫn không hết”.

Kinh *Tạp bảo tạng* ghi: “Thuở xưa, có nhiều vị tăng trụ trong núi Kì-xà-quật, mọi người khắp nơi nghe được đem vật thực cúng dường. Có một cô gái nghèo ăn xin, thấy các trưởng giả chở vật thực lên núi cúng dường, cô liền nghĩ: ‘Ở đây chắc có pháp hội bố thí, ta nên đến đó xin ăn’. Cô liền đi vào núi, thấy các trưởng giả chở đủ loại thực phẩm cúng dường chư tăng. Cô lại nghĩ: ‘Các vị ấy đòi trước tu phúc nên được giàu sang, nay lại tạo thêm, sẽ càng giàu hơn. Đòi trước ta không tu phúc nên nghèo khổ. Nếu bây giờ không tạo, tương lai sẽ càng nghèo khổ hơn’. Nghĩ rồi liền khóc. Trước đó, cô có nhặt được hai đồng tiền trong đồng rác, cất giữ cẩn thận, phòng khi xin không được thì dùng mua thức ăn. Nhưng nay thấy vậy, cô suy nghĩ: ‘Ta nên nhịn một hai ngày, dùng số tiền này cúng dường chư tăng’. Chờ chư tăng thụ trai xong, cô đến cúng dường. [53b] Vị tăng duy-na muốn chú nguyện cho cô, nhưng vị thượng tọa không cho mà đích thân chú nguyện, lại còn sót thức ăn cho cô gái nghèo ấy. Mọi người thấy vậy cũng mang thức ăn đến cho cô. Cô gái nghèo rất vui mừng nói: ‘Ta đã được phúc’. Nói rồi cô mang thức ăn đến dưới một tàng cây, ăn xong, nằm nghỉ ở đó. Nhờ phúc bố thí chiêu cảm, nên có mây màu vàng che phủ phía trên.

Bấy giờ, gặp lúc hoàng hậu vừa qua đời được bảy ngày, vua cho người đi tìm xem ai có đủ phúc đức, xứng đáng kế vị hoàng hậu. Sứ thần cùng thầy tướng đi tìm ngang qua cây ấy, thấy cô gái, thầy tướng liền đoán: ‘Cô gái này đầy đủ phúc đức, xứng đáng làm hoàng hậu’. Sứ thần liền lấy nước thơm cho cô gái tắm gội rồi cho mặc y phục phu nhân, tất cả đều vừa vặn. Thế rồi, các quan dùng nghìn vạn cỗ xe chở cô gái về cung. Vua trông thấy rất hoan hỉ và yêu quý.

Một thời gian sau, hoàng hậu suy nghĩ: ‘Ta được phúc báo này là nhờ trước đó cúng dường chư tăng hai đồng tiền, vì thế ta mang ơn chư tăng rất nhiều’.

Nghĩ rồi hoàng hậu tâu:

- Trước kia thần thiếp rất nghèo hèn, nhờ bệ hạ thương tưởng cho kế vị hoàng hậu. Xin bệ hạ cho thiếp đến chùa cúng dường để báo ơn đức chư tăng.

Vua nói :

- Tùy ý nàng.

Hoàng hậu liền cho xe chở thức ăn uống, các thứ châu báu đến chùa cúng dường. Thượng tọa bảo vị duy-na²⁴¹ chú nguyện. Phu nhân nghĩ: ‘Trước đây ta chỉ cúng dường hai đồng tiền mà lại được ngài chú nguyện, nay ta chở cả xe trân bảo đến lại không được ngài chú nguyện’. Các tì-kheo trẻ cũng hiềm trách việc này. Bấy giờ thượng tọa nói với phu nhân:

- Phu nhân có ý trách ta, khi phu nhân cúng hai đồng tiền mà ta đích thân đến chú nguyện, còn nay chở cả xe trân bảo đến lại không được ta chú nguyện. Trong Phật pháp chỉ quý tâm thiện, chứ không quý trân bảo. Lúc trước phu nhân cúng hai đồng tiền, nhưng tâm thiện rất lớn; nay cúng vô số trân bảo, nhưng khởi tâm ngã mạn cống cao, do đó, ta không chú nguyện. Các tì-kheo trẻ cũng chớ trách ta.

Các tì-kheo nghe nói rất hổ thẹn, liền tỉnh ngộ và đều chứng quả Tu-đà-hoàn. Phu nhân nghe pháp xong rất hổ thẹn, cũng tỉnh ngộ và chứng quả Tu-đà-hoàn”.

Trong kinh *Tạp bảo tạng* ghi: “Thuở xưa, vua Ác Sinh ở nước Câu-lưu-sa dạo chơi thượng uyển, bỗng trông thấy một con mèo vàng từ hướng đông bắc đi vào, rồi chạy ra hướng tây nam. Vua thấy vậy liền cho người đào theo hướng ấy, thì gặp được một chậu bằng đồng chứa khoảng ba hộc tiền vàng, đào sâu vào lại được hai chậu như trước, cả ba chậu đều đầy tiền vàng giống nhau. Đào tiếp qua bên cạnh khoảng năm dặm, mỗi bước đều

²⁴¹ Duy-na 維那: chức vụ quản lý, điều hành và lo liệu các việc của đại chúng trong chùa.

nhật được nhiều tiền. Tuy vua được nhiều tiền như thế, nhưng sợ không dám sử dụng. Vua thắc mắc về xuất xứ số tiền ấy, nên đến hỏi tôn giả Ca-chiên-diên. Nghe xong tôn giả đáp:

[53c] - Đây là phúc báo do nhân đời trước của bệ hạ. Bệ hạ cứ dùng, không hề gì đâu!

Vua liền thỉnh tôn giả nói về nhân duyên quá khứ của mình.

Tôn giả đáp:

- Thuở quá khứ cách đây chín mươi một kiếp, sau khi Đức Phật Tì-bà-thi nhập niết-bàn, trong thời chính pháp có các tì-kheo đến ngã tư đường, trải tòa, đặt bát, giáo hóa mọi người, khuyên rằng: ‘Nếu người nào có tài sản nên đem cất vào kho bền chắc này, sẽ không bị nạn vua, giặc, nước, lửa cướp đoạt’.

Khi ấy, có một người nghèo trước đó bán củi được ba đồng, thấy vị tăng khuyển, liền hoan hỷ cúng dường, đặt tiền vào bát, phát nguyện xong trở về. Suốt đoạn đường năm dặm về nhà, mỗi bước mỗi bước người ấy đều vui mừng. Khi sắp vào nhà, người ấy còn hướng về các vị tăng chí tâm đỉnh lễ phát nguyện rồi mới vào. Người nghèo lúc ấy chính là bệ hạ. Nhờ ngày xưa bệ hạ hoan hỷ cúng dường chư tăng ba đồng tiền, nên đời đời ở địa vị tôn quý, lại được ba chậu đồng chứa đầy tiền. Bởi ngày trước trên năm dặm đường mỗi bước đi đều hoan hỷ, nên nay suốt năm dặm đường mỗi bước vua đều nhật được tiền. Vì thế, khi cúng dường, nên hết lòng chí thành, chớ sinh tâm hối tiếc”.

Bài tụng:

Đá quặng chẳng phải chân,

Bình vẽ đúng là giả,

Áo gấm treo trên cao,

Xen ca-sa đặt dưới,

Lời đẹp chỉ kinh tâm,

Văn hay trọn thích thật,
Chân tướng đâu đã tỏ,
Phù vinh chưa thể buông,
Vết, khác bậc công hầu,
Sự, theo kẻ lãng du,
Thôi rồi! dứt nhạc Trịnh²⁴²,
Chẳng phải loạn Nhã Chu²⁴³,
Tranh danh giàu sang rộng,
Mắng chửi nhục vinh không,
Đền trước gió mong manh,
Bóng bọt đâu đáng bắt.

XI. BÀN TIỆN

Gồm năm duyên: Lời dẫn, Chứng minh, Tu-đạt, Bàn nhi, Bàn nữ .

XI.1. Lời dẫn

Phàm nghèo giàu sang hèn, đều do nghiệp nhân đời trước; được mất, có không đều do hành động kiếp xưa. Cho nên trong kinh có ghi: “Muốn biết nhân đời trước, phải xem quả hiện tại. Muốn biết quả vị lai thì nhìn nhân hiện tại”. Do đó, nhà của Nguyên Hiến²⁴⁴, lều của Kiềm Lũ²⁴⁵, cửa nẻo đều trống trải không ngăn được gió bụi, mái tranh vách lá không che được sương móc. [54a] Họ lấy rom cỏ làm chiếu, dùng lá sen làm áo; nếu khâu vai thì trống hai tay; nếu vá hai tay thì vạt đều thiếu; ăn uống nhờ hàng

²⁴² Trịnh thanh 鄭聲: chỉ cho âm nhạc của nước Trịnh, thời Xuân thu, Chiến quốc.

²⁴³ Chu nhã 周雅: chỉ cho Đại nhã và Tiểu nhã trong kinh Thi của nhà Chu.

²⁴⁴ Nguyên Hiến 原憲: người nước Lỗ, đồ đệ của Khổng Tử; là một nho sĩ nghèo, nhà làm bằng đất, lấy cỏ tranh lợp nhưng vẫn không che kín.

²⁴⁵ Kiềm Lũ 黔婁: người nước Lỗ thời Xuân thu, làm ẩn sĩ không chịu ra làm quan. Nhà ông rất nghèo, đến lúc chết không có một mảnh vải che thân.

xóm, ngủ nương nơi mồ hoang; một cái mũ đội đến mười năm, thân mặc áo vá trăm mảnh. Nơi quê hương không ruộng vườn, đến Lạc Dương lại không có chỗ nương tựa, lang thang vô định, vất vưởng qua ngày. Tuy xấu hổ như Linh Triếp²⁴⁶ vẫn bị nạn đói ở É Tang²⁴⁷, dù thẹn như Bá Di²⁴⁸ cũng phải chịu khổ ở Thủ Dương²⁴⁹. Áo quần thiếu thốn nào thấy được nắng xuân, gạo cơm không có sao sống qua đông rét? Tất cả chỉ vì đời trước không bỏ thí giúp người, lại tham lam, bòn xén, đến nỗi quả báo lành sớm cạn sạch. Vì thế, hành giả phải nên bố thí.

XI.2. Dẫn chứng

Kinh *Đăng chi*²⁵⁰ ghi: “Người nghèo cùng giống như ở địa ngục: không có chỗ nương tựa cậy nhờ, lòng buồn lo xôn xang hơn lửa đốt, nhan sắc suy tàn, mất vẻ uy dung, thân thể ốm yếu, đói khát bức bách, hai mắt lõm sâu, da bọc xương, gân mạch nổi lên, đầu tóc bù xù, tay chân teo tóp, da dẻ xanh xao, toàn thân nứt nẻ. Lại nữa, không có áo quần, phải lượm những vải xấu trong phân rác kết lại để mặc, nhưng chỉ đủ che thân, còn tay chân phải lộ; nằm trên rác bần, lại không có chiếu chăn, người thân trông thấy cũng không nhận ra, lang thang khắp ngõ hẻm xin ăn như quạ đói; muốn đến nhà bạn bè quen thân xin ăn, thì người gác cổng không cho, lén vào thì bị sỉ nhục; chủ nhà ra thấy còn muốn đánh đập. Người ấy cúi đầu lay lục xin tha, chủ nhà khinh miệt không thèm để ý. Giả sử được vào thì chủ nhà khinh rẻ, không muốn nói chuyện, cũng không mời ngồi, cho chút cơm thì ném vào trong bát, không đủ no lòng. Giả sử gặp đại hội, lần đến xin thức ăn thừa thì bị người khinh miệt không mời ngồi, trái lại còn xua đuổi.

Người nghèo cùng giống như cây không hoa, nên ong bướm chẳng vãng lai; như cỏ lá bị sương muối nên tàn tạ héo úa; như hồ cạn nước, nên hồng nhạn không bay đến; như rừng bị thiêu đốt nên các loài hươu nai bỏ đi; như ruộng lúa đã gặt xong nên không có người đến nhặt. Ngày nay nghèo

²⁴⁶ Linh Triếp 靈輒: người nước Tấn, thời Xuân Thu, ông bị nạn đói ở É Tang, Triệu Thuần thấy liền đem thức ăn cho ông.

²⁴⁷ É Tang 鬲桑: tên một đất nước thời xưa, Linh Triếp bị nạn đói ở đó.

²⁴⁸ Bá Di 伯夷: người đời Thương, con của vua nước chư hầu Cô Trúc. Trước khi vua mất, có lập di chiếu truyền ngôi cho người em của Bá Di là Thúc Tề, nhưng Thúc Tề không chịu lên ngôi, nhường lại cho anh, nhưng Bá Di bỏ nước mà đi, không chịu làm vua. Sau Vũ Vương nhà Chu đem quân diệt nhà Thương, anh em Bá Di, Thúc Tề dắt nhau lên núi Thủ Dương nhịn đói mà chết, không chịu ăn lúa nhà Chu.

²⁴⁹ Thủ Dương 首陽: tên một ngọn núi, còn gọi là núi Lô Thủ. Tương truyền xưa Bá Di, Thúc Tề ở ẩn trong đó.

²⁵⁰ Kinh Đăng chi (Đăng chi kinh hay Đăng chi nhân duyên kinh 燈指因緣經): kinh, một quyển, do ngài Cưu-ma-la-thập dịch vào thời Hậu Hán, được xếp vào Đại chính tạng, tập 16. Nội dung nói về nhân duyên của Đăng Chi xuất gia và đắc quả A-la-hán.

khô, kể chuyện giàu sang ngày trước thì mọi người không tin, cho là nói khoác. Người nghèo cùng không biết về đâu, giống như cánh đồng bị thiêu rụi thành tro không ai thích đến; [54b] như cây khô không bóng mát, nên mọi người không muốn dùng chân; như lúa non bị sương móc không thể thu hoạch; như rắn độc thường bị mọi người xa lánh; như thức ăn có độc chẳng ai dám nếm; như mồ hoang không người lui tới; như nhà xí chứa toàn phân tiểu; như kẻ giết người bị mọi người ghét bỏ. Người nghèo dù nói đúng, người khác cũng cho là sai, hoặc có làm điều tốt, mọi người cũng cho là xấu. Nếu làm nhanh thì người trách thô tháo, nếu thông thả thì bị trách là làm cao. Giả sử khen ngợi thì người ta cho là dua nịnh, nếu không khen ngợi thì người ta cho là chê bai. Họ cho rằng người nghèo này thường không nói lời tốt. Nếu có dạy ai điều gì thì người ta đều cho là hư dối, nếu giải thích đầy đủ thì người ta bảo là lảm lời. Nếu im lặng thì bị cho là giấu lòng, nếu nói thẳng ra thì bị cho là thô thiển. Nếu thỉnh ý người thì bị cho là nịnh hót, còn thường gằn gữ thì bị cho là mê hoặc người, ngược lại thì bị cho là kiêu căng. Nếu thuận theo lời người thì bị cho là lấy lòng, còn không thuận theo thì bị nói là tự chuyên. Nếu khuất phục theo thì bị mắng là hèn yếu, còn trái lại thì bị nói người nghèo mà còn cậy mình. Nếu cư xử phóng khoáng một chút thì bị cho là ngu si không biết kiềm chế, tự thúc liễm thì bị nói là không liêm sỉ đối cho là đ đoan chính. Nếu vui quá trớn thì bị nói là lừa dối, ngông cuồng. Nếu buồn rầu thì bị cho là có lòng hiểm ác, không vui. Nếu nghe người nói có chỗ chưa rõ ràng bèn muốn giải thích tường tận, thì bị cho rằng muốn dùng ngu thay trí, thật quá xấu hổ. Nếu im lặng thì bị cho rằng ngu si không biết lí lẽ. Có nói đùa một chút thì bị cho rằng không tin tội phúc. Nếu có xin điều gì thì bị nói không xứng đáng, không biết liêm sỉ. Nếu không xin thì bị cho rằng nay không xin, nhưng sau đó lại mong được nhiều. Nếu trích dẫn lời trong kinh sách thì nói giả vờ thông minh; còn nói lời chất phác thì bị chê là ngu dần. Nếu nói sự thật trước công chúng, lại bị bảo là nói càn. Nếu nói lời ngay thật ở nơi vắng lại bị cho là gièm pha. Nếu như mặc áo mới thì mọi người nói mượn để làm đẹp, mặc y phục thô xấu thì bị chê là nghèo cùng khôn khéo. Nếu ăn nhiều thì bị cho là đói khát ham ăn. Nếu ăn ít thì bị cho là trong bụng đói mà giả vờ trong sạch. Nếu nói kinh luận thì bị cho rằng khoe sự hiểu biết của mình để bày cái dốt của người; còn nếu không nói kinh luận thì bị cho rằng ngu si, không biết gì, chỉ đáng chần trầu. Nếu kể lại sự nghiệp ngày xưa thì bị cho là khoe khoang dối trá, còn im lặng thì bị nói là gia đình thấp hèn.

Những người nghèo cùng, mọi hành động, nói năng, cử chỉ đều bị cho là lỗi lầm. Còn người giàu sang thì dù nói phi pháp cũng không mắc lỗi, những hành động và việc làm của họ đều được cho là đúng. [54c] Người nghèo cùng giống như quỷ khởi thi²⁵¹, tất cả đều kinh sợ, gặp họ như gặp chứng bệnh khó chữa trị. Người nghèo như ở giữa đồng hoang, hiểm trở không có cỏ nước; như rơi vào biển lớn, bị dòng nước mạnh nhận chìm; như bị nghẹn cổ không thở được; như mắt mờ không thấy đường đi; như chất dơ bám dày khó tẩy trừ; như oan gia, tuy cùng ở chung, nhưng không bỏ được tâm oán ghét; như giếng khô nóng bức, người rơi xuống đó thì không thở được; như bị lún vào bùn sâu không thể bước ra; như nước lũ từ núi dốc cuốn trôi và ngã đổ cây cối. Người nghèo cũng thế, lắm nỗi gian nan.

Người giàu sang có uy đức lớn, dáng vẻ thong dong, tâm lượng rộng lớn, đầy đủ lễ nghi, hay sinh trí dũng, gia nghiệp hưng thịnh, quyền thuộc thuận hòa, tiếng tốt vang xa.

Nhưng tất cả người đời cũng không nên tham đắm phú quý vinh hoa; được trời người tôn quý cũng không nên quá thích. Phải biết nghèo hèn rất khổ sở, muốn chấm dứt sự nghèo khổ thì không nên bỏn xẻn, tham lam”.

Vì thế trong kinh ghi: “Nghèo cùng là nỗi khổ lớn nhất”.

XI.3. Tu-đạt

Kinh *Tạp bảo tạng*²⁵² ghi: “Thuở Đức Phật còn tại thế, có trưởng giả Tu-đạt nhà nghèo khổ, không có tài sản. Ông đi làm thuê được bốn thăng gạo đem về nấu cơm. Gặp lúc ngài A-na-luật đi khát thực, vợ trưởng giả cúng dường đầy bát. Sau đó, các ngài Tu-bồ-đề, Ca-diếp, Mục-kiền-liên và Xá-lợi-phất v.v... cũng đến khát thực, đều được cúng dường đầy bát. Cuối cùng, Đức Phật đến, bà cũng cúng dường đầy bát cơm. Lúc ấy Tu-đạt về đến nhà bảo vợ dọn cơm, người vợ liền nói:

- Nếu tôn giả A-na-luật đến, ông có cúng dường thức ăn không?

²⁵¹ Khởi thi quỷ 起尸鬼: loài quỷ của pháp Ti-đà-la thường dùng. Theo Bồ-tát giới sớ, Ti-đà-la là chú pháp của Tây Trúc, đọc chú ấy khiến cho thầy chết đứng dậy sai đi giết người.

²⁵² Kinh *Tạp bảo tạng* (Tạp bảo tạng kinh 雜寶藏經; S: Saṃyukta-ratna-piṭaka-sūtra): kinh, mười quyển, (có thuyết cho là tám quyển hoặc mười ba quyển) do ngài Cát-ca-dạ và Đàm Diêu cùng dịch vào đời Nguyên Ngụy, Trung Quốc, được xếp vào Đại chính tạng, tập 4. Nội dung kinh này nói về các sự tích liên quan đến Đức Phật và đệ tử cùng những duyên sự sau khi Đức Phật nhập diệt.

Tu-đạt đáp:

- Thà tôi nhịn ăn để cúng dường tôn giả.

Người vợ lại hỏi:

- Nếu tôn giả Ca-diếp, Mục-kiền-liên, Tu-bồ-đề, Xá-lợi-phất v.v... và Đức Phật đều đến ông phải làm sao?

Tu-đạt cũng đáp:

- Tôi sẽ nhịn ăn để cúng dường hết cho các vị ấy.

Lúc ấy người vợ mới kể:

- Sáng nay các vị ấy đã đến khát thực, có bao nhiêu thức ăn tôi đều cúng dường hết.

Tu-đạt nghe rồi rất vui mừng, liền bảo vợ:

- Chúng ta đã hết tội, phúc sẽ sinh.

Nói rồi liền mở kho ra thì lúa gạo, vải vóc và các thức ăn uống tự nhiên đầy đủ, hễ dùng hết chúng lại sinh. Phúc báo như thế không thể kể xiết”.

[55a] Theo kinh *Tạp thí dụ*²⁵³ ghi: “Ngày xưa trưởng giả Tu-đạt trải qua bảy đời nghèo khổ, đến đời cuối cùng nghèo đến nỗi không có một đồng. Một hôm ông nhặt trong đất dơ được một cái thăng bằng gỗ chiên-đàn, mang ra chợ bán, mua được bốn thăng gạo đem về, bảo vợ:

- Bà hãy nấu một thăng, tôi sẽ đi kiếm rau quả về, rồi chúng ta cùng ăn.

Bấy giờ, Đức Phật nghĩ: ‘Ta phải độ Tu-đạt, để ông ấy lại được phúc’. Vợ Tu-đạt nấu cơm vừa chín thì Đức Phật và các đệ tử Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, Ca-diếp đồng đến. Bốn thăng gạo đều được nấu hết và lần lượt mang ra cúng dường. Về sau ông rất giàu có, thường thỉnh Phật và chúng tăng

²⁵³ Kinh *Tạp thí dụ* (*Tạp thí dụ kinh 雜譬喻經*): kinh, một quyển, do ngài Đạo Lược gom tập, ngài Cưu-ma-la-thập dịch vào đời Diêu Tần, Trung Quốc, được xếp vào Đại chính tạng, tập 4. Toàn kinh gồm ba mươi chín dụ, nội dung chủ yếu là nêu các nhân duyên thí dụ để thuyết minh, lý luận về thiện ác nghiệp báo.

đến cúng dường. Đức Phật nói pháp cho hai ông bà nghe, họ đều chứng đắc quả vị”.

Kinh *Bồ-tát bản hạnh*²⁵⁴ ghi: “Lúc trước, nhà trưởng giả Tu-đạt rất nghèo. Nhờ nghe Phật thuyết pháp, thân tâm ông thanh tịnh, đắc quả A-na-hàm. Lúc đó, gia đình chỉ có năm đồng tiền, nhưng ông mang ba đồng đến cúng dường Phật, pháp, tăng; một đồng mua thức ăn, một đồng để dành làm vốn. Nhờ thế mỗi ngày ông đều có một đồng tiền dùng không bao giờ hết. Sau đó, ông thụ năm giới, đoạn dứt tâm dục. Các bà vợ đều thuận theo niềm vui của ông. Một hôm, vợ ông rang gạo làm bột, sơ ý để lửa cháy chết người và súc vật. Vì việc ấy, vua Ba-tư-nặc ra lệnh cấm: ‘Từ nay ban đêm không được thắp đèn, đốt lửa. Nếu ai phạm sẽ bị phạt một nghìn lượng vàng’.

Bấy giờ, Tu-đạt đã đắc đạo, sớm hôm thiền định tại nhà. Vào nửa đêm, ông thắp đèn tọa thiền, quan quân tuần tra bắt được tâu vua. Vua lệnh ông phải nộp phạt. Tu-đạt tâu:

- Thần nghèo khổ một trăm đồng cũng không có, lấy gì nộp phạt.

Vua nổi giận, sai lính bắt giam vào ngục. Tứ thiên vương trông thấy, đầu đêm liền bay xuống nói với Tu-đạt:

- Tôi sẽ cho ông tiền nộp phạt để được thả ra.

Tu-đạt liền thuyết kinh cho Tứ Thiên vương. Thiên vương nghe xong liền đi. Giữa đêm Đế Thích đến nghe Pháp, cuối đêm Phạm thiên đến; trưởng giả đều thuyết pháp cho các vị trời ấy. Nghe xong họ trở về thiên cung.

Đêm ấy, vua ở trên lầu cao, bỗng thấy trên ngục phát ra ánh sáng. Hôm sau, vua sai người đến nói với Tu-đạt:

- Ông thắp đèn nên bị giam vào ngục, không biết hổ thẹn hay sao mà còn tiếp tục đốt lửa?

Tu-đạt đáp:

²⁵⁴ Kinh Bồ-tát bản hạnh (Bồ-tát bản hạnh kinh 菩薩本行經): kinh, ba quyển, mất tên người dịch, được xếp vào kinh điển đời Đông Tấn. Nội dung kinh này nói về trưởng giả Tu-đạt nhờ nghe Đức Phật thuyết pháp mà được lợi ích, thoát khỏi sự nghèo khổ.

- Tôi không đốt lửa. Nếu đốt thì phải có khói và tro.

Sứ thần lại nói:

- Tại sao đầu đêm vua thấy bốn đóm lửa, giữa đêm lại có một đóm lửa lớn và sáng hơn bốn đóm lửa trước, cuối đêm cũng có một đóm lửa, sáng hơn gấp đôi. Ông nói không phải lửa, vậy đó là gì?

Tu-đạt đáp:

- Đó chẳng phải là lửa! Đầu đêm Tứ thiên vương đến gặp ta, giữa đêm trời Đế Thích đến, cuối đêm thì Phạm thiên đến gặp ta. Đó là ánh sáng của các vị trời chứ chẳng phải lửa.

[55b] Sứ thần liền trở về tâu vua. Vua nghe như thế, toàn thân rúng động. Vua nói:

- Người này phúc đức đặc biệt như vậy, sao ta lại làm nhục?

Vua liền lệnh cho sứ thần:

- Hãy thả ông ấy ngay, không được chậm trễ!

Quan giữ ngục liền thả ra. Được thả, Tu-đạt liền đi đến tinh xá, đình lễ Đức Phật và ngồi lại nghe pháp.

Khi ấy, vua Ba-tư-nặc cũng bảo quần thần chuẩn bị xa giá, đi đến chỗ Phật. Thấy vua, nhân dân đều đứng dậy tránh ra. Chỉ có Tu-đạt đang lắng tâm nghe pháp, nên thấy vua song vẫn ngồi an nhiên. Trong lòng vua hơi bực tức nghĩ rằng: ‘Người này là thần dân của ta mà có tâm xem thường, thấy ta không đứng dậy’. Nghĩ rồi vua càng tức giận. Phật biết tâm ý vua, nên ngừng thuyết pháp.

Vua bạch Phật:

- Xin Đức Thế Tôn hãy giảng tiếp!

Đức Phật bảo:

- Lúc này không thích hợp. Vì sao? Vì có người khởi sân giận, thắt chặt oán thù, không chịu cởi bỏ, tham đắm nữ sắc, tự cao bất kính, lòng đầy ô nhiễm, dù nghe pháp vi diệu cũng không thể hiểu được. Do đó, chẳng phải lúc thuyết pháp cho vua.

Vua nghe nói thế, suy nghĩ: ‘Vì người này mà hôm nay ta hai lần bị giam uy, lại khởi tâm sân, không được nghe pháp’. Nghĩ rồi, vua đình lễ Phật và đi về. Khi ra ngoài vua nói với cận thần:

- Nếu thấy người này ra hãy chém đầu.

Vua vừa dứt lời, lập tức bốn phía cọp sói, sư tử, các loài thú dữ đều đến vây quanh vua. Vua hoảng sợ, liền trở lại chỗ Phật. Phật hỏi:

- Sao đại vương quay lại?

Vua đáp:

- Trầm sợ thú dữ nên trở lại.

Phật chỉ Tu-đạt hỏi:

- Đại vương có biết người này chăng?

Vua đáp:

- Không biết.

Phật nói:

- Người này đã đắc quả A-na-hàm. Vì vua khởi tâm ác với người này nên xảy ra những việc như thế. Nếu đại vương không quay lại ắt sẽ nguy hại tính mạng.

Nghe Phật nói, vua rất kinh sợ, liền trải người trước Tu-đạt đình lễ sám hối và nói:

- Ông là dân của ta, mà ta chịu hạ mình trước ông thật là việc khó.

Tu-đạt tâu:

- Tôi nghèo mà bố thí mới là khó. Bấy giờ, Thi-ba-su-chất nói: ‘Tôi vì nước đẹp loạn, bị giặc bắt. Tuy gần kề cái chết vẫn không nói dối, đó cũng là điều khó’. Lại có trời Thi-ca-lê nói: ‘Tôi nằm nghỉ trên lầu cao, thiên nữ đến quyến rũ, giữ giới mà khước từ mới thật là khó’.

Khi ấy, mỗi người ở trước Đức Phật nói bài kệ:

Nghèo cùng khó bố thí,

Giàu sang khó nhẫn nhục,

Hiểm nguy khó giữ giới,

Tuổi trẻ khó bỏ dục.

Nghe thuyết kệ rồi, vua và nhân dân đều hoan hỉ đỉnh lễ lui ra”.

XI.4. Bàn nhĩ

[55c] Kinh *Biện Ý trưởng giả tử*²⁵⁵ ghi: “Lúc ấy, trưởng giả Biện Ý đỉnh lễ Đức Phật và chấp tay bạch rằng:

- Cúi mong Đức Thế Tôn và thánh chúng, ngày mai hạ cố đến xóm nghèo chúng con thụ thực.

Đức Phật im lặng nhận lời. Trưởng giả đỉnh lễ Phật trở về nhà sửa soạn đầy đủ thức ăn. Hôm sau, Đức Phật và đại chúng đi đến, thứ tự ngồi trang nghiêm. Biện Ý thưa cha mẹ và quyến thuộc, đỉnh lễ dưới chân Phật, rồi đứng hầu. Biện Ý đứng lên rót nước rửa tay và cung kính dâng thức ăn. Chưa dùng xong, có một người hành khát, đến từng vị tăng xin ăn. Vì Phật chưa chú nguyện, nên không ai dám cho. Người ấy đi khắp tòa, chẳng xin được gì, nổi giận bỏ đi và khởi niệm ác: ‘Các sa-môn này bụng lung, ngu si nào có tu hành gì. Thấy người nghèo đến xin không có tâm bố thí, còn

²⁵⁵ Kinh Biện ý trưởng giả tử (Biện ý trưởng giả tử kinh 辯意長者子經; S: Pratibhāna-mati-paripṛcchā): kinh, một quyển, do ngài Pháp Tràng dịch vào đời Bắc Ngụy, Trung Quốc, được xếp vào Đại chính tạng, tập 14. Nội dung thuật lại Đức Phật đáp lời hỏi của trưởng giả Biện Ý, mà nói yếu nghĩa của mười việc trong các đường trời, người, địa ngục, ngạ quỷ v.v... Mỗi một việc lại có năm duyên. Trưởng giả nghe pháp nghĩa của năm mươi sự việc xong, vui mừng hoan hỉ, đặc pháp nhân tịnh.

trường giả cũng bị mê hoặc, cúng dường cho những người không có lòng thương xót này. Nếu sau này ta làm vua, sẽ dùng bánh xe sắt cán đứt đầu họ'. Nói xong liền bỏ đi.

Khi Phật chú nguyện xong, lại có một người khác đến xin ăn. Tất cả chúng hội đều cho, người ấy được nhiều thức ăn rất vui mừng, nghĩ rằng: 'Các samôn này đều có tâm từ, thương xót mình nghèo khổ, bố thí thật nhiều thức ăn. Ta có thể ăn được vài ngày. Vui thay! Tốt thay! Trường giả cúng dường các vị đại sĩ này, sẽ được phúc vô lượng. Nếu ta được làm vua, dù cúng dường Đức Phật và chư tăng suốt bảy ngày, cũng không sao báo đáp được ân cứu đói hôm nay'.

Đức Phật thụ trai xong, thuyết pháp cho mọi người rồi trở về tinh xá.

Phật bảo A-nan:

- Từ nay về sau, khi chú nguyện xong mới dùng cơm.

Sau đó, hai người ăn xin kia lần lượt đi xin đến một nước nọ. Người khởi tâm thiện nằm nghỉ trong đám cỏ ven đường. Bấy giờ, vua của nước đó vừa qua đời, nhưng không có người kế vị. Trong nước có một người rất giỏi về tướng số, thấy trong sách ²⁵⁶ có ghi: 'Sẽ có người nghèo xứng đáng kế vị'. Nghe thầy tướng tiên đoán, các vị đại thần cùng bá quan điều động nghìn vạn cỗ xe đi khắp nước, tìm người xứng đáng lên ngôi. Khi đi ngang lùm cỏ rậm ven đường nọ, mọi người thấy phía trên có mây che phủ. Thầy tướng nói:

- Trong đây có thần nhân

Mọi người vào xem thì thấy một người hành khất, tướng mạo xứng đáng làm vua. Quần thần thi lễ, mỗi người tự xưng là hạ thần. Người ấy kinh hoàng nói:

- Tôi là kẻ thấp hèn chẳng phải dòng dõi vua chúa.

Nhưng tất cả đều nói:

²⁵⁶ Sách ^{識書} : sách đoán trước những sự việc xảy ra trong tương lai xa.

- Ngài có tướng xứng đáng làm vua chứ chẳng phải chúng tôi cưỡng ép.

Các quan đưa nước thơm cho người ấy tắm, rồi cho mặc y phục của vua. Người ấy liền lộ bày uy tướng sáng rõ. Mọi người hết lời khen ngợi, trang hoàng xa giá rước về cung. Còn người khởi niệm ác lúc trước, đang ngủ say trong đám cỏ rậm, bị xe chạy ngang cán đứt đầu. [56a] Vua về đến nước, âm dương điều hòa, bốn mùa khí thuận, nhân dân được an lạc, cả nước đều ca ngợi ân đức của vua.

Lúc ấy vua suy nghĩ: ‘Trước đây ta nghèo khổ, sao nay được làm vua?’ Vua liền nhớ lại, trước đó làm kẻ hành khất nhờ ân đức của Phật, xin được rất nhiều thức ăn, sinh tâm thiện, nguyện rằng nếu được làm vua sẽ cúng dường Đức Phật bảy ngày. Nay phúc báo đã được đúng như nguyện; vua liền triệu tập quần thần, hướng về nước Xá-vệ đốt hương, đình lễ, rồi sai sứ giả đến thỉnh Đức Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn! Nhờ ân đức của Ngài mà chủ của con được làm vua. Nay vua nước con muốn thỉnh Thế Tôn đến đó giáo hóa, giúp cho kẻ ngu muội nghe giáo pháp của Như Lai.

Đức Phật bảo các tì-kheo:

- Hãy nên nhận lời!

Bấy giờ, Đức Phật cùng rất nhiều đệ tử đi đến nước kia, vua đích thân ra ngoài nghinh tiếp, đình lễ Đức Phật, và thỉnh tất cả vào cung thụ trai. Sau đó, vua thỉnh cầu Đức Phật nói về nhân duyên đời trước của mình. Đức Phật kể lại tất cả những việc trên và bảo:

- Nhờ đại vương khởi niệm thiện, nên nay được làm vua. Người khởi niệm ác không những bị xe cán chết, mà còn phải đọa vào địa ngục, bị bánh xe bốc lửa nghiền nát, trải qua ức kiếp mới ra khỏi. Nay đại vương thỉnh Phật và chúng tăng đến cúng dường để đáp lại ân Phật theo thế nguyện xưa, nên sẽ được phúc báo đời đời không dứt.

Bấy giờ Đức Phật liền nói kệ:

Tâm người là gốc độc,

*Miệng là cửa tai họa,
Tâm nghĩ và miệng nói,
Thân chịu tội lỗi đó.
Không nghĩ đến thiện, ác,
Thân làm thân chịu khổ,
Ý muốn hại người khác,
Liền bị xe cán chết.
Nhờ hành pháp cam lộ,
Khiến người sinh cõi trời,
Tâm nghĩ, miệng nói thiện,
Thân được phúc báo kia.
Người nghĩ đến thiện, ác,
Tự lập gốc an thân,
Ý nghĩ về điều thiện,
Như vua được ngôi trời.*

Vua nghe Đức Phật nói kệ xong, lòng vô cùng hoan hỉ. Các quan và toàn thể nhân dân trong nước đều đắc quả Tu-đà-hoàn”.

Kinh *Hiền ngu* ghi: “Thuở xưa, lúc Đức Phật cùng một nghìn hai trăm năm mươi vị tì-kheo đang ở nước Xá-vệ, có năm trăm hành khất thường theo Đức Phật và chúng tăng xin ăn để sống. Sau đó, khởi tâm nhàm chán, tất cả cùng đến xin Đức Phật cho xuất gia. Họ bạch rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn! Rất khó gặp Như Lai ra đời. Chúng con là kẻ thấp hèn, nhờ Ngài cứu sống. Nay chúng con muốn được xuất gia, chẳng hay Ngài cho phép không?

Đức Phật đáp:

- Pháp của Ta bình đẳng, không phân biệt nghèo giàu, giống như nước sạch tẩy trừ những vật dơ ւế. Bất luận người giàu hay nghèo, [56b] dùng nước tẩy rửa đều được sạch sẽ. Pháp ấy như đồng lửa lớn lan đến đâu, nơi đó đều bị thiêu rụi; pháp ấy như hư không, người giàu nghèo, sang hèn đều có thể tùy ý đi lại trong đó.

Nghe Đức Phật nói như thế, những người hành khát vô cùng hoan hỉ, lòng tin thêm lớn, thành tâm xuất gia. Đức Phật bảo:

- Thiện lai tì-kheo!

Lập tức các vị ấy, râu tóc tự rụng, ca-sa đắp thân, đầy đủ hình tướng samôn. Năm trăm người nghe Đức Phật nói pháp đều chứng quả A-la-hán.

Lúc ấy, những trưởng giả giàu có nghe Đức Phật độ cho những kẻ ăn xin xuất gia, liền khởi tâm kiêu mạn nói: ‘Sao Đức Như Lai cho phép những kẻ hạ tiện ấy gia nhập tăng đoàn như thế! Chúng ta tu phúc, khi thỉnh Phật và chúng tăng thụ trai, thì những kẻ hạ tiện ấy cũng sẽ đến ngồi lên chiếu, cầm bát của chúng ta để ăn’.

Bấy giờ, thái tử Kì-đà sai người đến thỉnh Phật và chúng tăng. Sứ giả thưa:

- Bạch Đức Thế Tôn! Ngày mai, thái tử thỉnh Ngài và chư tăng đến thụ trai, nhưng không mời những kẻ ăn xin vừa xuất gia kia. Xin Ngài đừng dẫn đến.

Sáng hôm sau đến giờ thụ trai, Đức Phật bảo những vị tì-kheo kia:

- Ta nhận lời thỉnh của thái tử, nhưng ông ta không mời các ông. Vậy các ông hãy đến Uất-đơn-việt, lấy cơm tự nhiên rồi trở lại nhà thái tử, theo thứ tự ngồi thụ trai.

Các ti-kheo vâng lời, liền dùng thần túc thông bay đến châu kia. Mỗi người lấy đầy bát cơm, nhiếp thân lướt trong hư không như chim nhận bay đến nhà thái tử Kì-đà, theo thứ tự ngồi thụ trai. Lúc ấy, thái tử Kì-đà thấy chúng ti-kheo uy nghi, phúc đức và thần túc đầy đủ, sinh lòng cung kính hoan hỉ chưa từng có, liền thưa với Đức Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn! Những vị hiền thánh này từ đâu đến?

Đức Phật đáp:

- Họ chính là những người mà hôm qua ông không muốn thỉnh.

Đức Phật liền nói nhân duyên của những vị ấy cho thái tử nghe. Thái tử nghe rồi lòng vô cùng hổ thẹn, tự trách: ‘Ta ngu muội, không phân biệt được sáng tối’. Thái tử lại thưa:

- Bạch Đức Thế Tôn! Những vị này đời trước đã tạo phúc duyên gì, mà nay gặp Đức Thế Tôn, được xuất gia đắc đạo; lại không biết họ tạo ác nghiệp gì, mà phải làm kẻ ăn xin như thế?

Đức Phật đáp:

- Cách đây rất lâu, có một ngọn núi lớn tên Lợi-sur, thuộc nước Ba-la-nại, là trú xứ của các Đức Phật quá khứ. Lúc không có Phật ra đời, thì hai nghìn vị Bích-chi Phật thường ở trong đó. Bấy giờ, trong nước ấy có trưởng giả tên Tán-đà-ninh nhà rất giàu sang. Gặp lúc hạn hán mất mùa, ông hỏi người giữ kho:

- Trong kho của ta còn bao nhiêu lúa gạo? Ta muốn thỉnh các vị đại sĩ đến cúng dường mà chẳng biết có đủ không?

Người giữ kho đáp:

- Còn rất nhiều, đủ để cúng dường.

Trưởng giả liền thỉnh hai nghìn vị Bích-chi Phật đến cúng dường và sai năm trăm người hầu làm thức ăn. Những người hầu tỏ ý mỗi mệt và nói :

- Sở dĩ chúng ta khổ cực là do những kẻ ăn xin kia.

[56c] Lúc ấy, trưởng giả sai một người, hàng ngày đến báo giờ thụ trai cho các vị bích-chi phật. Ông ta có nuôi một con chó, hàng ngày nó thường đi theo chủ nhân. Một hôm, ông quên không đến báo giờ, con chó một mình đi đến chỗ ấy, hướng về các vị đại sĩ mà sủa vang. Các vị đại sĩ nghe tiếng chó sủa, biết đúng giờ, liền đi đến nhà trưởng giả như pháp thụ trai. Sau đó, các vị đại sĩ bảo trưởng giả:

- Hôm nay trời mưa, ông nên cày ruộng gieo giống!

Trưởng giả nghe lời, sai người cày ruộng gieo giống. Những hạt giống được gieo xuống đều biến thành cây bầu. Trưởng giả tuy ngạc nhiên, nhưng vẫn chăm sóc tưới bón. Bầu ra hoa kết trái, quả nào cũng to lớn. Trưởng giả bỏ quả bầu ra xem, thấy trong đó có đủ các loại hạt mà trước kia đã gieo, nay có kết quả rất tốt đẹp; trong ruột bầu chứa nhiều lúa gạo, ông rất vui mừng. Nhà ông trở nên giàu có, ông bèn đem chia cho họ hàng, quyến thuộc. Cả nước nhờ đó mà được sung túc.

Lúc ấy, năm trăm người làm thức ăn nghĩ rằng: ‘Trưởng giả có được kết quả tốt như thế, là nhờ ân đức của các bậc đại sĩ. Sao chúng ta lại nói những lời không tốt với các vị ấy?’. Nghĩ rồi liền đến các vị đại sĩ xin sám hối và lập nguyện: ‘Chúng con nguyện đời sau gặp các bậc hiền thánh và được giải thoát’. Do có niệm ác, nên trong năm trăm đời họ thường làm kẻ ăn xin; nhờ sám hối và lập nguyện nên nay gặp Ta, được xuất gia chứng quả. Thái tử nên biết! Tán-đà-ninh lúc đó nay chính là Ta, người giữ kho nay là Tu-đạt; người đến báo giờ là vua Ưu-điền; năm trăm người làm thức ăn lúc đó nay là năm trăm vị a-la-hán. Bây giờ, những người trong hội của thái tử Kì-đà thấy sự thần kì như thế, đều chứng quả A-la-hán”.

XI.5. Bàn nữ

Kinh *Hiền ngu* ghi: “Thuở Đức Phật còn tại thế, tôn giả Ca-chiên-diên du hóa đến nước A-bàn-đề, ở đó có ông trưởng giả rất giàu, của cải vô số. Trong nhà ông có người tứ gái, phạm lỗi nhỏ, bị trưởng giả đánh đập, sai làm việc ngày đêm không ngừng mà áo không đủ che thân, cơm ăn không no lòng. Đến già, bà ấy vẫn còn khổ, muốn chết cũng không được. Một hôm, bà ôm bình ra sông lấy nước, chợt buồn tủi, khóc lớn. Tôn giả Ca-chiên-diên nghe tiếng khóc đến hỏi, biết được nguyên nhân, liền bảo:

- Sao người không bán cái nghèo ấy đi!

Bà lão đáp:

- Ai mà mua cái nghèo?

Tôn giả đáp:

- Nghèo cũng có thể bán được.

Bà lão hỏi:

- Nghèo có thể bán được ư? Làm sao để bán?

Tôn giả đáp:

- Người muốn bán nó, hãy nghe theo lời ta.

Nói rồi tôn giả bảo bà đi tắm rửa, sau đó dạy cách bố thí. Bà lão thưa:

- Nay tôi nghèo khổ áo mặc không đủ lành lặn, chỉ có một chiếc bình, nhưng của ông chủ. Lấy gì cúng dường ngài đây?

[57a] Tôn giả liền trao bình bát cho bà, dạy đi lấy nước đến cúng dường. Tôn giả nhận rồi chú nguyện, truyền giới và dạy bà niệm Phật. Sau đó tôn giả hỏi:

- Người thường ngủ ở đâu?

Bà lão đáp:

- Tôi không có chỗ ngủ cố định. Tùy theo công việc xay giã, hoặc nấu cơm ở đâu thì ngủ ở nơi đó, hoặc ngủ trên đồng rác.

Tôn giả bảo:

- Người cứ hết lòng siêng năng làm việc, đợi lúc mọi người ngủ say, người lén mở cửa vào nhà, trải cỏ ngồi quán tưởng Phật.

Bà lão vâng lời, tối đến lén vào trong nhà ngồi quán Phật rồi mạng chung, sinh lên cõi trời Đao-lợi. Sáng ra, người chủ thấy vậy liền nổi giận nói:

- Người làm này không được vào nhà, sao nay lại chết ở đây?

Ông liền sai người lấy dây buộc chân, rồi đem bỏ trong rừng sâu. Bà lão sinh lên cõi trời làm quyến thuộc với năm trăm thiên tử. Bà dùng thiên nhãn quán xem thấy nhân duyên nào giúp được sinh lên cõi trời. Bà liền dẫn năm trăm thiên tử mang hương hoa đến khu rừng cúng dường thi thể kia, phóng ánh sáng cõi trời chiếu khắp rừng cây. Người chủ thấy kì lạ, liền bảo với mọi người cùng đến đó xem, thấy thi thể kia, ông liền hỏi:

- Đây là thi thể của người nô tì sao lại cúng dường?

Vị thiên tử đáp:

- Đây là thân đời trước của tôi!

Thiên tử liền kể lại nhân duyên được sinh lên trời. Sau đó, các vị thiên tử ấy đến chỗ ngài Ca-chiên-diên đỉnh lễ cúng dường, nhân đó được nghe pháp. Năm trăm vị thiên tử đều đắc quả Tu-đà-hoàn, sau đó bay về cõi trời. Vì thế, người trí phải tu học như lời ta dạy”.

Kinh *Phật thuyết Ma-ha Ca-diếp độ bản mẫu*²⁵⁷ ghi: “Khi Phật ở nước Xá-vệ, Ma-ha Ca-diếp một mình du hóa đến thành Vương Xá. Ngài Ca-diếp thường khất thực với tâm thương xót tạo phúc lành cho chúng sinh; nhưng không đến nhà giàu sang, chỉ ghé những nhà nghèo khổ. Trước khi đi khất thực, Ca-diếp thường nhập tam-muội, xem người nghèo ở đâu, sẽ đến đó tạo phúc cho họ. Một hôm, đi vào trong thành Vương Xá, Ca-diếp gặp một bà lão góa bụa. Bà ấy nghèo khổ cùng cực, phải khoét đồng rác lớn trong làng làm nơi nương thân. Thân thể bà gầy yếu, bệnh tật, thường nằm trong hang, cô độc không có ai giúp đỡ, không có cơm ăn, áo mặc, phải đặt một tấm phen nhỏ trong hang để che thân. Ca-diếp nhập định biết bà lão này đời trước không gieo trồng phúc thiện, nên ngày nay phải chịu nghèo khổ. Ngài biết bà sắp qua đời, nếu không được độ, sẽ mãi mãi không được hưởng phúc.

²⁵⁷ Kinh Phật thuyết Ma-ha Ca-diếp độ bản mẫu (Phật thuyết Ma-ha Ca-diếp độ bản mẫu kinh 佛說摩訶迦葉度貧母經): kinh, một quyển, do tam tạng Câu-na-bạt-đà-la người nước Vu-điền dịch vào đời Tống, được xếp vào Đại chính tạng, tập 14, số 497.

Do thường đói khổ, nên khi thấy người hầu của nhà trưởng giả đổ nước gạo thối, bà liền xin nước ấy, đựng trong những chiếc bình bẻ, đặt đầy trong hang. Ca-diếp đến xin và chú nguyện: ‘Nếu bà cúng dường, dù nhiều hay ít đều được phúc’.

Bấy giờ, bà lão liền nói kệ:

[57b] *Thân thể mang bệnh tật,*

Lại cô độc, khốn cùng,

Là người nghèo nhất nước,

Áo chẳng đủ che thân,

Người đời không lòng từ,

Khi gặp cũng thương xót,

Đã nói là xót thương,

Sao không biết thân này,

Đói khổ nhất trên đời?

Không ai khổ hơn tôi!

Xin xót thương lượng thứ,

Thật tôi chẳng tiếc gì.

Ngài Ca-diếp liền nói kệ:

Phật là thầy ba cõi,

Tôi ở trong pháp ấy,

Muốn bà hết nghèo đói,

Nên đến đây khát thực,

Nếu bà giảm phân ăn,

Sốt một ít cứng đường,

Mãi mãi sẽ thoát khổ,

Đời sau được giàu có.

Bà lão nghe kệ xong rất hoan hỉ, liền nhớ lại: ‘Hôm trước có chứa nước gạo hôi, nếu cứng đường, thì sợ ông ta không uống được’. Do đó, từ trong hang bà thưa rằng:

- Tôi có ít nước gạo hôi, Ngài hãy thương xót nhận cho, được không?

Ca-diếp đáp:

- Tốt lắm.

Bà lão lụm khum ở trong hang lấy nước gạo. Vì không có mảnh vải che thân, nên không mang nước gạo ra được, bà nép mình, khòm lưng với tay đưa qua tấm phen. Ca-diếp nhận lấy và chú nguyện cho bà được phúc báo an lành. Ca-diếp suy nghĩ: ‘Nếu ta mang nước đến chỗ khác uống, bà ấy sẽ không tin, cho rằng ta đem đồ’. Nghĩ rồi, liền ở trước bà lão uống hết nước ấy, rửa bát bỏ vào trong đũa. Ngay lúc ấy, bà phát lòng tin chân chính. Ca-diếp tự nghĩ: ‘Ta phải thị hiện thần thông, khiến bà được an ổn’. Nghĩ rồi, Ca-diếp liền bay lên hư không hiện các thứ thần biến. Bà lão thấy như vậy rất vui mừng, chí thành quỳ xuống, chiêm ngưỡng.

Ngài Ca-diếp nói:

- Nay bà có mong ước điều gì không?

Bà thưa:

- Tôi nguyện nhờ chút phúc này được sinh lên cõi trời.

Bà phát nguyện xong, không còn thấy Ca-diếp đâu nữa. Mấy hôm sau bà qua đời, sinh lên cõi trời Đao-lợi, uy đức vòi vọi chấn động trời đất, ánh sáng đặc biệt khác thường, giống như bảy mặt trời cùng xuất hiện một lần,

chiếu sáng khắp thiên cung. Đế Thích kinh sợ nghĩ : ‘Người nào có phúc đức mà chấn động đất trời, hơn ta như thế?’. Đế Thích liền dùng thiên nhãn quán sát biết được do phúc đức của thiên nữ này khiến như thế, và cũng biết được từ nơi nào sinh đến đây.

Bấy giờ, thiên nữ tự nghĩ: ‘Ta được phúc báo này là do đời trước cúng dường ngài Ca-diếp. Giả sử ta đem trăm nghìn các thứ trân bảo của cõi trời cúng dường ngài Ca-diếp cũng chưa thể báo đáp một chút ân của ngài’. [57c] Nghĩ rồi, thiên nữ liền dẫn người hầu mang hương hoa cõi trời, từ trên hư không rải cúng dường ngài Ca-diếp, sau đó, hạ xuống cung kính đảnh lễ, đứng qua một bên chấp tay tán thán:

Trong trăm nghìn cõi nước,

Phật là đáng chí tôn,

Kể đến ngài Ca-diếp,

Khéo đóng cửa tội lỗi.

Xưa ở cõi Diêm-phù,

Trước hang phân rác bẩn,

Vì bà lão nghèo khổ,

Ngài nói lời chân thật,

Bà lão rất vui mừng,

Dâng lên nước gạo hôi,

Cúng dường như hạt cải,

Mà được phúc như núi,

Thụ sinh làm thiên nữ,

Hưởng phúc báo tự nhiên,

Vì thế con bay xuống,

Kính lễ bậc phúc điền.

Thiên nữ nói kệ rồi, liền trở về thiên cung. Đế Thích suy nghĩ: ‘Người nữ ấy cúng dường nước gạo mà còn được phúc như vậy. Ngài Ca-diếp có tâm thương xót rộng lớn, nhưng chỉ ban phúc cho những người nghèo hèn, không đến nhà giàu sang. Ta phải tìm diệu kế để cầu phúc’. Nghĩ rồi, Đế Thích liền cùng thiên hậu mang thức ăn trăm vị, đựng trong một bình nhỏ, đến thành Vương Xá. Hai vợ chồng Đế Thích dựng một cái chòi nhỏ rách nát bên đường và biến đổi hình dạng thành người già, thân thể gầy ốm, đi đứng lòm khòm, làm nghề đan chiếu, bộ dạng nghèo túng, trong nhà không có lương thực. Ca-diếp thấy người nghèo ấy liền đến khát thực.

Ông lão nói:

- Tôi quá nghèo, không có thứ gì cúng dường, biết làm sao?

Ngài Ca-diếp vẫn đứng chú nguyện mãi không đi. Ông lão nói:

- Vợ chồng tôi quá già, làm nghề đan chiếu, không rảnh đi xin thức ăn, chỉ có một ít cơm, định ăn. Nhưng nghe ngài nhân từ đức độ, chỉ đến nhà nghèo khát thực để ban phúc cho họ, nên nay chúng tôi tuy nghèo khó, cũng muốn bớt phần ăn của mình để cúng dường ngài. Nếu đúng như lời đồn, chúng tôi sẽ được phúc.

Đế Thích suy nghĩ: ‘Mùi thơm của thức ăn cõi trời, người thế gian hiếm khi được nếm. Nếu ta mở nắp bình, ngài Ca-diếp sẽ biết và chắc chắn không chịu nhận’. Nghĩ rồi Đế Thích nói:

- Thức ăn của tôi không nhiều, xin ngài đem bát đến.

Ca-diếp nhận thức ăn và chú nguyện cho thí chủ. Mùi thơm của cơm ấy lan khắp thành Vương Xá, và cả nước. Ca-diếp nghe mùi thơm liền sinh nghi. Ông bà lão hiện lại thân Đế Thích, nhanh chóng bay lên hư không, vui mừng búng tay. Ca-diếp suy nghĩ và biết được Đế Thích hóa làm người nghèo để tạo phúc lành. Ca-diếp suy nghĩ: ‘Nay ta đã nhận thức ăn rồi không nên trả lại’, Ca-diếp tán thán Đế Thích làm phúc không biết mỏi

mệt, chịu mang lốt già xấu để gieo phúc, ắt sẽ được phúc báo. Đế Thích và thiên hậu vô cùng vui mừng. Lúc ấy, trên trời trỗi kĩ nhạc đến nghinh đón. Về cung rồi, Đế Thích càng hoan hỉ hơn, liền nói kệ:

[58a] *Mây dạt phương nam chẳng về đâu,*

Đông tây dong ruỗi mãi dài lâu,

Rau cá, Nguyên Hiến²⁵⁸ hằng thâm ước,

Cao lương, Điền Thị chẳng dám cầu,

Sân cỏ um tùm không xe ngựa,

Cửa tranh lạnh vắng kết chiếu lau,

Ngày trước trộm tham chút ánh sáng,

Hôm nay nghèo khổ chó âu sầu”.

Viên Châu dịch

²⁵⁸ Nguyên Hiến 原憲: đệ tử của Khổng Tử, là bậc văn sĩ bản hàn thanh cao thời xưa.

CHU KINH YẾU TẬP

QUYỂN 7

XII. KHUYẾN KHÍCH TU TẬP

Gồm bảy phần: Lời dẫn, Khuyên răn người nam, Khuyên răn người nữ, Khuyến khích tu tập, Quyên thuộc, Lìa chấp, Giáo giới.

XII.1. Lời dẫn

Ba cõi xoay vần, sáu đường trôi nổi. Bản tính sáng suốt không hư hoại nhưng ý thức nghĩ suy lại mê mờ. Chợt sinh chợt tử, lúc đến lúc đi, thân mạng này bỏ đi nhiều không sao kể xiết. Xác thân ta đã bỏ, chất cao vọi tội nợ núi đồi; máu huyết ta đổ xuống, cộng dồn mênh mông như sông biển. Lấy đây mà quán sát thì tất cả chúng sinh đều là quyên thuộc. Người và quỷ hình hài tuy khác, nhưng sinh diệt vốn đồng. Tình ân ái lúc nào cũng theo nhau như bóng theo hình, như vang theo tiếng. Do ngu si nên chẳng biết thân sơ, bèn giết mạng chúng sinh kia để nuôi dưỡng thân mình, tàn hại lẫn nhau, kết gieo oán đối, nhiều kiếp hận thù, chất chồng khổ báo. Nếu tĩnh tâm suy nghĩ việc này, há không xót lòng ư?

XII.2. Khuyên răn người nam

Những người nam ở đời có hai hạng cao thấp đối lập nhau: giàu sang và nghèo hèn. Những kẻ giàu sang, phần nhiều thường hay buông lung phóng đãng, cống cao kiêu mạn, khinh khi lăng mạ những người thấp kém. Hoặc có kẻ cậy quyền ý thế, tự đề cao mình, hạ thấp người; hoặc có kẻ học rộng hiểu nhiều, rồi cậy tài nhục mạ người; hoặc người có miệng lưỡi lanh lợi, liền dùng lời lẽ lẩn hiếp người khác; hoặc có kẻ khoe giàu sang, xa xỉ, khinh miệt người khác; hoặc người có thân hình tuấn tú, dáng mạo khôi ngô, rồi dựa vào vẻ đẹp, lăng mạ mọi người; hoặc có người ý mình cười ngạo béo tốt, mà nhục mạ mọi người; có người ý mình nhiều tiền của, lắm nô tì mà nhục mạ người khác v.v... rất nhiều trường hợp như thế không thể kể hết. [58b] Chúng sinh ngu si thật đáng thương xót! Không biết vô thường sắp đến, cứ mãi khởi tâm cao ngạo. Quả báo địa ngục nước sôi, lò lửa, sắt nung, vạc dầu, v.v... đang chờ đợi; ngục tốt cầm chia ba đang châu chực sẵn. Vậy mà không lo sợ, chỉ mãi ham khoái lạc. Khác nào heo dê chẳng biết cái chết kề bên? Khác gì ruồi nhặng tham đắm tử thi? Suy gẫm

xưa nay, giàu sang không vĩnh viễn, mất còn trong chớp mắt, sang hèn đều như cát bụi. Người giàu sang chỉ thấy mộ hoang, kẻ nghèo hèn cũng đồng tro bụi. Đã biết sinh diệt cấp thiết, cần phải khiêm cung, kính trọng bậc trên. Bởi vì, thân sơ không nhất định, sang hèn chẳng thường hằng; khổ vui nào khó đổi, lên xuống càng dễ dời.

Lại suy nghĩ, sang hèn không thường hằng, giống như nước và lửa xoay vần, lạnh với nóng theo đó đổi thay. Cho nên người giàu sang âm áo no cơm, không cần nhọc sức kiếm tìm, của cải vẫn tự nhiên đến. Ngược lại, kẻ nghèo khổ đói khát, bôn ba tìm cầu, thức khuya dậy sớm, thân hình tiêu tụy, tâm trí héo sầu. Dầu họ có kiếm được đôi đồng, rồi cũng bị tán thất trăm đường. Suốt ngày ao ước giàu sang, nhưng thực tế chưa từng có được, do đó, họ khổ não chất chồng. Bởi thế, nay khuyến khích mọi người thực hành bố thí, nỗ lực tu phúc.

Lại có người áo quần đẹp đẽ, sạch sẽ thơm tho, tùy theo thời tiết bốn mùa ấm, lạnh, nóng, mát đổi thay không thiếu. Nhưng lại có người, mảnh vải che thân cũng không đủ, rách nát bụi bặm, xấu xí hôi dơ. Tiết trời nóng nực, chẳng dám mơ quần lụa áo the; khí lạnh đóng băng, nào nghĩ đến chăn bông nệm ấm; đến nổi hình hài chẳng che kín, nam nữ trần truồng, không chỉ đáng thẹn mà thật khổ lắm thay! Thấy cảnh này há không muốn liả bỏ ư? Do đó, mới khuyến khích mọi người cần phải tu phúc, bố thí y phục, nhà cửa. Lẽ nào không thấy mọi người đều giàu có, còn ta hoàn toàn không? Cho nên cần phải đồng mãnh tu tập.

Lại có người, món ngon vật lạ được dâng đến tận nơi, thức ăn dọn bày hàng hàng lớp lớp, mâm cao cỗ đầy, hương thơm ngào ngạt. Nhưng lại có người, cơm gạo lúc cũng không đủ bữa, canh lê²⁵⁹ hoặc²⁶⁰ cũng không có mà ăn. Muối dưa sớm tối đều không, cá canh lâu ngày chẳng thấy, đến nổi một bữa phải chia đôi, nên cháo nhừ cháo lỏng thay nhau, trái chín trái xanh đắp đôi; hơn nữa, rau cỏ úa vàng, càng thêm khốn đốn, thật vô phương cứu vãn. Thấy cảnh khổ này, há không muốn xa liả ư? Bởi vậy, tôi nay khuyến khích mọi người nên tu phúc, thực hành bố thí thức ăn, món uống. Lẽ nào mọi người đều sung túc, còn ta khốn khó ư? Cho nên cần phải đồng mãnh tu tập.

²⁵⁹ Lê 莉: tên một thứ cỏ.

²⁶⁰ Hoắc 藿: lá cây đậu.

[58c] Lại có người công danh hiển hách, cưỡi ngựa tốt, mặc áo lụa, khoái chí tự tại; đi thì trời người đón rước; đứng thì quý thần kính trọng. Nhưng lại có người hèn hạ quê mùa, mọi người khinh khi, sống chết chẳng thèm quan tâm, sống làm than bên cống rãnh, lăn lóc giữa phân dơ. Dầu có lớn tiếng kêu gào, nhưng ngược lại họ chịu thêm nỗi khổ bị đánh đập. Không chỉ quý thần bất kính, cả đến chó mèo cũng muốn hại. Thấy nỗi thống khổ này, há không muốn lià bỏ ư? Bởi vậy, nay khuyến khích mọi người phải lo tu phúc, dẹp bỏ tâm kiêu mạn, nên thực hành đức tính khiêm cung. Lẽ nào mọi người thường giàu sang, còn ta nghèo hèn mãi sao? Cho nên hãy nỗ lực tu tập.

Lại có người hình dung tuấn tú, nói năng lưu loát, mọi người nghe đều ưa thích, giọng điệu bổng trầm, thường đem lợi ích cho người; lòng từ trang trải, lời lẽ chẳng làm tổn thương muôn vật. Nhưng lại có người mặt mày xấu xí, ăn nói cộc cằn, chỉ biết lợi riêng mình, chẳng nghĩ đến tha nhân. Người ta nhẫn nhục, nên nhận được quả tốt, còn mình lắm sân hận, nên phải chịu quả xấu. Thấy nỗi thống khổ này, há không muốn xa lià sao? Bởi vậy, nay tôi khuyến khích mọi người nên tu phúc, dẹp trừ tâm sân hận, nỗ lực tu nhẫn nhục. Lẽ nào mọi người thường ở nơi tốt đẹp, còn ta mãi mãi chìm trong cảnh xấu ác sao? Cho nên cần phải dũng mãnh tu tập.

Lại có người ý chí mạnh mẽ, ít khi bệnh tật, thường lo tu tập, không chút chướng ngại. Nhưng lại có người thân thể bệnh hoạn ốm gầy, khí lực rã rời, đi đứng khó khăn, ngồi nằm bất ổn. Thấy cảnh xấu ác này thật đáng xả bỏ. Bởi thế, nay khuyến khích mọi người cần phải tu phúc, thực hành bố thí, thuốc thang tùy thời cứu giúp. Lẽ nào mọi người luôn tráng kiện mạnh khỏe, còn ta mãi lăn lộn với bệnh tật sao? Do đó, cần phải nỗ lực tu tập.

Những việc như thế, thật rất cần khuyến khích. Nếu không khuyến khích nhau, thì người học đạo dễ sinh giải đãi.

XII.3. Khuyến răn người nữ

Người nữ ở tại gia, lòng nhiều sân hận. Phật nói tính gian tà, nịnh nọt của người nữ nhiều hơn người nam. Hoặc đánh phấn thoa hương, điểm tô trang nhã; hoặc mặc quần lụa áo hoa, chỉ để dụ dẫn bọn ngu phu. Hoặc khoa môi múa mép, chớp mắt hát cười; hoặc thở than ngậm vịnh, ngấm nhìn láo liên; hoặc bày vai hở ngực, che mặt dấu đầu; hoặc bước đi yếu điệu, thân hình

ngiên ngả lắc lư, hoặc liếc mắt đưa tình, chợt buồn chợt vui. Tất cả cũng để mê hoặc cánh đàn ông, khiến họ khởi tâm say đắm. Những thuật yêu tà như thế nhiều không kể xiết. Người ngu say đắm, đều bị mê hoặc. Giống như bọn gian tặc dùng nhiều xảo trá, giống như bình đẹp chứa phân dơ lừa dối người, [59a] như lưới giăng cao rập bắt chim muông, như bủa lưới kín rình chờ tôm cá, như người mù bị sa hầm tối, như thiêu thân đâm đầu vào lửa, như ruồi nhặng ưa thích tử thi. Gần họ thì tan nhà mất nước, chạm vào như nắm phải rắn độc. Bên ngoài thì nói lời mật ngọt, nhưng trong lòng chứa đầy thuốc độc. Nhà cửa khốn đốn đều do người nữ; ra ngoài mất thân cũng do người nữ; vợ chồng bất hòa cũng do người nữ; nam nữ phản nghịch cũng do người nữ; anh em li tán cũng do người nữ; gia tộc kiện thưa cũng do người nữ; rơi vào đường ác cũng do người nữ; không được sinh làm trời người cũng do người nữ; chướng ngại nghiệp thiện cũng do người nữ; không được dự vào quả Thánh cũng do người nữ..., tai họa như thế không thể kể hết.

Chúng sinh như thế, thật đáng khiếp sợ, thường bị lừa dục thiêu đốt mà cũng không lìa bỏ, đến nỗi từ trước đến nay không ngớt, phải mang khổ lụy triền miên.

Kinh *Ma-đăng nữ*²⁶¹ ghi: “Bấy giờ, A-nan bung bát khát thực xong, đi dọc theo bờ sông, thấy một người nữ đang gánh nước, tôn giả đến xin nước, người nữ liền dâng. Cô ta đi theo đến chỗ A-nan dừng nghỉ, sau đó, trở về nhà thưa với mẹ là Ma-đăng, rồi nằm than khóc. Mẹ hỏi:

- Việc gì khiến con buồn khóc?

Người nữ thưa:

- Mẹ muốn gả con thì đừng gả cho ai khác, vì lúc đi lấy nước ngoài sông, con đã gặp một sa-môn đến xin nước, con hỏi tên, ông ta nói tên là A-nan, nếu gả cho A-nan thì con mới đồng ý. Nếu mẹ không làm được thì con không chịu.

Người mẹ đi đến hỏi A-nan, biết A-nan là thị giả của Đức Phật, liền trở về nhà nói với con:

²⁶¹ Kinh Ma-đăng nữ (Ma-đăng giả kinh 摩登伽經): kinh, hai quyển, do các ngài Ngô Trúc, Luật-viêm dịch. Nội dung Đức Phật độ Ma-đăng-già và nói về các ngôi sao...

- A-nan là người tu học theo Đức Phật, không chịu làm chồng của con.

Người con khóc lóc bỏ ăn. Người mẹ biết phép thuật làm mê hoặc người, bèn thỉnh A-nan đến thụ trai, người con rất vui mừng. Người mẹ nói với A-nan:

- Con gái ta muốn làm vợ ông.

A-nan đáp:

- Tôi giữ giới, nên không lấy vợ.

Người mẹ nói:

- Nếu con gái ta không lấy được ông làm chồng thì sẽ tự sát ngay.

A-nan nói:

- Thầy ta là Đức Phật, không cho phép kết giao với người nữ.

Người mẹ trở vào nói rõ cho con gái nghe. Người con khóc lóc, rồi bảo mẹ đóng cửa nhốt A-nan trong nhà, không cho ra ngoài, đến chiều tối A-nan ắt phải chịu làm chồng. Người mẹ liền đóng cửa, rồi dùng phép thuật trói buộc A-nan. Đến chiều, người mẹ sắp đặt chỗ nằm cho con gái, cô ta rất vui mừng, liền trang điểm xinh đẹp, nhưng A-nan không đến. Người mẹ nhóm lửa giữa sân, kéo áo A-nan nói:

- Nếu ông không chịu làm chồng của con gái ta, ta sẽ ném ông vào đồng lửa này!

A-nan lấy làm hổ thẹn vì đã theo Phật xuất gia làm sa-môn mà không thoát được nạn này. [59b] Đức Phật biết A-nan gặp nạn, liền trì thần chú cứu về. A-nan trình bày rõ sự việc với Phật.

Nhìn A-nan ra đi, người nữ khóc lóc mãi không thôi, trong lòng luôn nhớ thương. Đến sáng hôm sau, người nữ đi tìm A-nan, lại thấy A-nan đi khát thực, bèn theo sau, hết nhìn chân, rồi đến nhìn mặt, A-nan hổ thẹn, lánh đi hướng khác, cô ta vẫn cứ bám theo. A-nan bạch Phật:

- Hôm nay, con gái bà Ma-đăng cứ đi theo sau con.

Đức Phật cho gọi cô gái đến, hỏi:

- Con đi theo A-nan để làm gì?

Cô gái thưa:

- Con nghe A-nan không vợ, con lại chưa chồng, nên con muốn làm vợ A-nan.

Đức Phật nói:

- A-nan không có tóc, còn con thì có tóc, con có thể cạo tóc, thì ta sẽ cho A-nan làm chồng.

Cô gái đáp:

- Con sẵn sàng cạo tóc!

Phật nói:

- Con hãy trở về thưa với mẹ, cạo tóc xong, rồi đến đây!

Người nữ về nhà thưa rõ với mẹ, mẹ nói:

- Mẹ sinh con, chăm chút mái tóc cho con. Tại sao con lại muốn lấy sa-môn làm chồng? Trong nước rất nhiều đàn ông giàu có, mẹ có thể gả con cho họ!

Người con nói:

- Sống chết gì con cũng chỉ lấy A-nan làm chồng.

Người mẹ nói:

- Con làm nhục giòng họ nhà ta rồi! Nói xong, người mẹ liền cạo tóc cho con.

Sau đó, người nữ đến chỗ Đức Phật, thưa:

- Con đã cạo tóc rồi!

Đức Phật hỏi:

- Con thương A-nan điểm nào?

Cô gái thưa:

- Con thương đôi mắt của A-nan, thương lỗ mũi, thương cái miệng, lỗ tai, giọng nói, bước đi của A-nan.

Đức Phật nói:

- Trong đôi mắt chỉ có nước mắt, trong mũi chỉ có nước mũi, trong miệng chỉ có nước bọt, trong tai chỉ có ráy tai, trong thân là chỗ bất tịnh chỉ có phân tiểu hôi thối. Vợ chồng sống với nhau thì phải có ác lộ, từ trong ác lộ đó mà sinh con, đã có con thì có chết chóc, có chết chóc thì có than khóc. Như vậy, những thành phần thuộc về thân hình mà con yêu thương kia có gì đáng quý đâu?

Người nữ bèn suy gẫm những thứ dơ xấu trong thân, tâm dục liền dừng, ngay đó chứng quả A-la-hán. Đức Phật biết cô ta đã đắc đạo, liền nói:

- Con hãy đứng dậy và đi đến chỗ A-nan!

Cô ta hồ thẹn, liền quỳ gối cúi đầu bạch với Đức Phật:

- Con thật ngu si nên mới theo đuổi tôn giả A-nan. Nay tâm con đã được khai ngộ, như trong nhà tối được thắp đèn, như người đi thuyền, thuyền hư mà được cập bờ, như người mù được người dẫn dắt, như người già được chống gậy. Nay con được Phật chỉ dạy, khiến tâm con được khai mở như thế này.

Các thầy tì-kheo bạch Đức Phật:

- Nhờ nhân duyên gì, người nữ này được đắc đạo?

Đức Phật dạy:

- Năm trăm đời trước, người nữ này là vợ của A-nan, họ thương kính nhau và cùng đắc đạo ở trong giáo pháp của ta. Ngày nay vợ chồng gặp lại nhau, kính mến như anh em. Như thế, ở trong Phật đạo có gì không tốt? Khi Phật giảng xong, các thầy ti-kheo rất vui mừng”.

[59c] Kinh *Xuất diệu* ghi: “Thuở xưa, trong nước Xá-vệ có một người nữ ẵm con, mang bình đến giếng lấy nước. Có một người nam dáng mạo xinh đẹp, đang ngồi vui thú đờn ca bên phải giếng. Lúc ấy, người nữ kia phát khởi lòng dục, mê thích người nam; người nam cũng phát khởi lửa dục không kém, đắm say người nữ. Người nữ bị lửa dục làm mê mờ, dùng dây buộc cổ đứa bé treo giữa giếng. Lát sau chợt tỉnh, cô ta trở lại kéo đứa bé ra, thì đứa bé đã chết. Cô ta ưu sầu khổ não, gào khóc kêu trời v.v...”

Khi Đức Phật du hóa tại nước Câu-thiền-di, đức vua có hiệu là Ưu-điền-câu-lưu, trong nước có một người giòng Bà-la-môn tên là Ma-nhân-đề sinh được một người con gái xinh đẹp tuyệt trần. Người cha thấy con gái xinh đẹp trong nước ít ai bằng, nên đặt tên cho con là Vô Tỷ. Từ vua quan, quần thần, cho đến những người giòng dõi quý phái ở các nước lân cận đều muốn tuyển cô ta làm thiếp. Người cha nói:

- Nếu bậc quân tử nào có dung mạo sánh ngang con gái ta, ta mới chấp thuận.

Bấy giờ Đức Phật đang du hóa tại nước ấy, bà-la-môn kia thấy Đức Phật có đủ ba mươi hai tướng quý và tám mươi vẻ đẹp, thân màu vàng ròng, cao lớn, nét mặt rạng ngời không ai sánh bằng, ông ta vui mừng, nói:

- Chồng của con gái ta chính là người này!

Ông ta về nhà, nói với vợ:

- Ta đã chọn được mối cho Vô Tỷ rồi! Hãy gấp trang điểm cho con rồi dẫn đi.

Thế là, vợ chồng cùng tô điểm cho con. Vô Tỷ bước đi uyển chuyển, dáng vẻ rạng rỡ, tuyệt đẹp với những vòng trang sức. Vợ chồng bà-la-môn dẫn cô gái đến chỗ Đức Phật. Trên đường đi người vợ thấy dấu chân của Đức

Phật hiện rõ, tướng quý, sắc thái rạng ngời thật hiếm thấy trên thế gian này. Biết là bậc tôn quý hơn trời, người vợ nói với chồng:

- Nét đẹp, tướng quý trên dấu chân của người này chính là đây! Thật hiếm có trên thế gian, chính là bậc phi phạm. Người này ắt đã hoàn toàn thanh tịnh, không còn khởi tâm dâm dục nữa, ông ấy sẽ không thâu nạp con gái ta đâu. Tôi không thể làm việc nhục nhã này.

Người chồng thắc mắc:

- Do đâu mà nàng biết rõ ông ta như vậy?

Người vợ liền tụng kệ:

Kẻ dâm, vết chân kéo lê,

Người sân, vết chân thiếu ngón,

Kẻ ngu, vết chân xéo đất,

Bậc tôn quý, vết chân này!

Người nữ các bà không biết đâu! Nếu bà không thích thì hãy đi về, mình ta dẫn con gái đến đó cũng được.

Thế là cha con cùng đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ Ngài, rồi bà-la-môn thưa:

- Nhân giả! Ngài giáo hóa nhọc nhằn, không ai phục vụ. Nay tôi có đưa con gái hèn kém này, xin dâng lên Ngài, tùy ý Ngài sai bảo.

Đức Phật bảo:

- Ông cho con gái của ông là đẹp ư?

Bà-la-môn thưa:

- Con gái của tôi nhan sắc tuyệt mỹ, thế gian này không ai sánh bằng. Các vị quốc vương và các nhà giàu có đều đến cầu hôn, mà tôi không gả. Nay

trộm thấy Đại nhân sắc tướng rực rỡ, uy nghi đỉnh đặc, hiêm có trên đời, nên muốn dâng. Do đó mạo muội dẫn đến đây!

Đức Phật nói:

- Người thiếu nữ này đẹp ở điểm nào?

Bà-la-môn thưa:

- Từ đầu đến chân, nhìn toàn thân không điểm nào không đẹp.

Phật nói:

[60a] - Mê lầm thay đôi mắt thịt! Nay ta nhìn cô ta từ đầu đến chân không có một điểm nào đẹp cả. Người hãy nhìn xem, trên đầu có tóc, tóc chỉ là sợi lông, đuôi của trâu ngựa cũng thế. Dưới tóc là cái sọ, sọ chỉ là xương; đầu heo của bọn đồ tể cũng giống vậy. Trong đầu có óc, óc chỉ giống như bùn, mùi thịt mỡ tanh hôi ngạt mũi, lỗ võ tuôn xuống đất chẳng ai dám giẫm đạp. Mắt là cái ao, chứa toàn là ghèn; trong mũi có nước mũi, trong miệng chỉ có nước bọt; trong bụng thì chứa tim, gan, phèo, phổi v.v... đều là những thứ tanh hôi. Ruột già, ruột non, dạ dày, bàng quang chỉ chứa toàn phân tiểu, hôi thúi khó tả. Như thế bụng là cái túi da, bên trong chứa toàn những thứ bất tịnh. Hai tay, hai chân thì xương liền xương liền kết nhau, gân căng da đùn, chỉ nhờ hơi thở để chuyển động. Giống như người gỗ, nhờ các cơ quan điều khiển thì nó mới hoạt động, tác động xong, tháo gỡ hết các bộ phận thân thể ra, các khớp lìa nhau, đầu chân lộn lạo, thân người cũng như vậy, có gì đáng quý đâu mà ông cho là không ai bằng? Khi xưa ta ngồi tại gốc cây bô-đa²⁶², ma vương trời Tha Hóa Tự Tại đã trang điểm ba cô gái nhan sắc tuyệt vời, cõi trời không sánh bằng, dẫn đến muốn phá đạo tâm của ta. Ta liền chỉ rõ sự dơ ứ trong thân, lập tức biến thành những bà lão, thân hình xấu xí, bọn chúng xấu hổ bỏ đi. Nay ông mang túi phân này đến muốn ta biến hóa thành thứ gì đây? Hãy mau dẫn trở về! Ta không nhận đâu!

Nghe Phật nói, bà-la-môn quá xấu hổ, đứng lạng cậm. Lát sau mới bạch với Đức Phật:

²⁶² Cây bô-đa (Gđ: bô-đa-la diệp 貝多羅葉; S: pattrā): loại cây dùng lá để chép tư liệu hoặc kinh văn. Khi chưa phát minh ra giấy, người Ấn Độ thời cổ dùng lá thay giấy.

- Nếu Ngài không nhận, thì tôi sẽ gả nó vua Ưu Điền được chăng?

Đức Phật im lặng không trả lời. Người bà-la-môn liền dẫn con gái đến dâng cho vua Ưu Điền. Có được thiếu nữ xinh đẹp ấy, vua rất vui mừng, liền phong cho vị bà-la-môn chức thái phó. Sau đó, vua xây dựng cung điện cho cô gái, cung cấp kĩ nữ, thị tì cả nghìn người. Chính hậu của vua quy y Phật và đã chứng quả Tu-đà-hoàn. Vì người nữ này sàm tấu, vua bị mê hoặc, nên dùng trăm mũi tên bắn vào hoàng hậu. Bị bắn tên, nhưng hoàng hậu vẫn không hoảng sợ, hoàn toàn không sân hận, chỉ một lòng nhớ nghĩ đến lòng từ của Phật. Bà quỳ thẳng, hướng về vua, những mũi tên bay vòng quanh hoàng hậu ba vòng, rồi bay trở lại rơi ngay trước mặt nhà vua, cả trăm mũi đều như thế. Nhà vua chột tỉnh, buồn rầu lo sợ, liền ra lệnh xa giá, mau đến chỗ Đức Phật. Chưa đến nơi, vua vội xuống xe, từ ngoài chấp tay, từng bước tiến vào, đỉnh lễ Đức Phật, rồi quỳ thẳng trình bày:

- Con có tội quá nặng, thật xấu hổ với ba ngôi tôn quý, vì bị tâm dâm dật thấp hèn bùng phát, nên khởi tâm ác độc đối với thánh chúng của Đức Phật, dùng trăm mũi tên bắn vào đệ tử của Ngài. Thấy như vậy, tâm con vô cùng hoảng sợ. [60b] Chỉ có Đức Phật, bậc Chí tôn mới có lòng từ vô lượng. Bởi vì hàng đệ tử bạch y mà còn có sức từ bi đến như vậy, huống gì Đức Phật là bậc Chính Chân Vô Thượng? Nay con cúi đầu xin quy y ba ngôi tôn quý. Cúi xin Đức Phật mở lòng từ bi, xá tội cho con!

Đức Phật khen:

- Tốt lắm! Nay bệ hạ nhận biết việc ác, ăn năn lỗi đã làm. Đây là hành động của người sáng suốt. Ta ghi nhận ý tốt của bệ hạ!

Nhà vua đỉnh lễ sám hối như vậy ba lần, Đức Phật cũng ba lần ghi nhận hành động của vua. Nhà vua cúi đầu sát đất, lui về chỗ ngồi thưa:

- Tính khí con người vốn ngang ngược, bạo ác buông lung, không có tâm nhẫn nhục, ba độc không diệt trừ, ý ưa thích làm việc xấu ác, chỉ đam mê sắc đẹp lộng lẫy của người nữ mà không biết đó chính là nguồn ác, sau khi chết ắt bị đọa địa ngục. Xin Phật thương xót, giảng rõ về những điểm xấu ác, mê hoặc của người nữ! Hễ ai sa vào lưới của nó thì khó lòng thoát ra được. Con nghe tai họa ấy, chột tự răn mình, để cho nhân dân trong nước, lớn nhỏ đều tu sửa đức hạnh!

Đức Phật dạy:

- Chỉ trả lời câu hỏi của bệ hạ hay nói rõ những ý khác?

Nhà vua nói:

- Những ý khác ngày sau thừa hỏi cũng không muộn. Nay xin Thế Tôn giảng về tai họa lớn do bị người nữ mê hoặc. Nếu không biết rõ tai họa ấy, thì làm sao tránh xa được. Cúi xin Phật hãy giải thích rõ về hiện trạng ở địa ngục và sự xấu ác của người nữ!

Đức Phật dạy:

- Hãy lắng nghe! Người nam có tính xấu, ngu si cuồng bạo khi nhìn người nữ xinh đẹp.

- Dạ vâng! Xin thụ nhận lời chỉ dạy! - Nhà vua nói.

Đức Phật dạy:

- Người nam có bốn việc ác cần phải biết:

1. Ở đời có những kẻ dâm phu, tâm thường mơ tưởng đến người nữ, ý luôn muốn nghe lời dịu ngọt, lìa bỏ pháp chân chính, nghi ngờ lời chân thật, tin theo điều tà vạy, sa vào lưới dục, chìm trong mê muội, bị dục sai khiến, giống như nô tì sợ chủ. Người đã ham thích nữ sắc rồi thì không kể đến ác lộ hôi dơ trong chín lỗ, lăn lộn trong dục giống như heo trong chuồng, chẳng biết hôi thúi, thích thú cho là nơi an vui, không tính đến đời sau sẽ rơi vào địa ngục Vô Gián, chịu khổ vô cùng. Người chú tâm vào dâm dục, thường mút những đàm dãi, lặn hụp trong máu mủ, quý nó như của báu, cho nó ngọt như mật, nên gọi là người nam làm nô tì cho dục.

2. Cha mẹ nuôi con, mang nặng đẻ đau, công ơn dưỡng dục rộng lớn không cùng, khổ nhọc không thể nghĩ bàn. Nuôi con thành người, đến nỗi phải tan gia bại sản, gởi mỗi chân mòn. Lại đến tuổi trưởng thành phải tìm mai mối, cưới vợ cho con. Nếu ở phương xa, cha mẹ vẫn tìm đến thăm viếng, chẳng quản gần xa, không từ khó nhọc, thế mà con chỉ chú tâm vào dâm dục, quên bặt cha già mẹ yếu. Có được vợ rồi quý mến như của báu, chỉ muốn cùng nhau hưởng lạc, ghét bỏ mẹ cha, tin lời yêu nữ dụ dỗ, đến nỗi

có khi tranh đấu kiện thưa, chẳng màng suy nghĩ thân ta từ đâu mà có, cô phụ ân đức vô lượng của song thân.

[60c] 3. Ở đời, có người nam khổ nhọc thân tâm, làm ra nhiều tiền của, vốn có ý kính tin Phật pháp, có lòng tôn thờ sa-môn, Phạm chí, hiểu rõ thế gian là vô thường, nên bố thí làm phúc. Nhưng sau khi cưới vợ, lại bị tình dục làm mê hoặc, ngu si che lấp tâm trí, bèn bỏ việc chân chính chạy theo điều tà vạy, đều do mưu kế của người nữ. Nếu có ý bố thí, quá lắm cũng chỉ bằng lời. Đắm say nữ sắc bỏ mất hạnh thanh tịnh, trở thành hạng người thấp hèn, chẳng cần biết đến lời răn dạy trong kinh Phật, không quan tâm đến kết quả của họa phúc. Nếu để bị dâm dật sai khiến tức ném thân vào lưới mê, nhất định đọa vào đường ác, trọn đời cũng không thể thoát ra.

4. Làm một người nam mà không suy nghĩ đến ân dưỡng dục, tiền của dư giả mà không phụng dưỡng song thân, chỉ dùng để chạy rảo khắp nơi vui hưởng dâm dục, ôm giữ của báu dụ dỗ phụ nữ; hoặc giết súc vật tế lễ quỷ thần nơi đền miếu; uống rượu, ca múa tụ tập nam nữ, ăn chơi khoái lạc, trọn ngày thâu đêm. Bên ngoài làm vẻ cầu phúc, nhưng bên trong chiêu dụ gian dâm. Sau khi say sưa, cùng nhau hưởng lạc, cùng nhau mời gọi để thỏa mãn gian tình. Đến khi gặp đôi thì vui mừng không gì sánh nổi, lưới dâm trói buộc không còn hay biết. Ngay lúc hành động như thế cho đó là thú vui, chẳng biết mùi hôi thúi nơi đường ác, nổi thống khổ nơi địa ngục. Vừa đáng chê cười, vừa đáng thương xót. Giống như kẻ nông cuồng chẳng biết tội lỗi.

Người nam có bốn việc xấu ác như thế, bị đọa vào ba đường ác. Vì thế phải nên suy xét tránh xa nó, mới thoát khỏi khổ đau. Hãy nghe Ta nói kệ về điều xấu ác của người nữ. Phật liền nói:

Do bị dục sai khiến,

Ý buông lung, bất an,

Thói quen làm việc ác,

Đâu thể cho là hiền,

Luôn ở ba đường ác,

*Xoay vần như bánh xe,
Sống trong đời có Phật,
Mà chẳng được nghe pháp,
Người nữ thật xấu ác,
Không thể là duyên lành,
Bị ân ái trói buộc,
Dẫn người vào nẻo tội,
Người nữ có gì đẹp,
Chỉ toàn là bất tịnh,
Sao không suy xét kỹ,
Bị nó làm cuồng mê,
Bên trong toàn hôi thúi,
Ngoài điểm tô xinh đẹp,
Lại chứa toàn nọc độc,
Nguy hiểm như rồng, rắn,
Giống như cá cắn câu,
Thieu thân đắm vào đèn,
Buộc tâm vào sắc dục,
Đâu biết họa về sau!*

Phật dạy như thế, vua Ưu-điền rất vui mừng, liền gieo năm vốc sát đất, bạch Phật:

[61a]- Bạch Thế Tôn! Quả thật, từ khi sinh ra đến nay, con chưa từng nghe những điều xấu ác của người nữ đến như thế. Người nam cuồng loạn chạy theo xấu ác ấy mà không hề hay biết, không chế ngự được tâm ý. Từ nay về sau, trọn đời con xin sám hối, quy y tam bảo, không dám tái phạm. Nói xong, vua đỉnh lễ Đức Phật, vui mừng lui ra.

Kinh *Thư* chép: “Trọng Ni²⁶³ răn: “Mỗi họa nuôi dưỡng tiêu nhân và con gái, gần thì không thể hòa hợp; xa thì bị oán trách”.

Do đó, kinh dạy: “Người nữ đẹp lộng lẫy, có tám mươi bốn thói xấu. Trong đó tám thói rất xấu bị người trí ghét bỏ. Đó là ganh tị; sân giận vô cớ; chửi mắng; nguyên rủa; trấn áp; xan tham; thích trang điểm. Cho nên người nữ có nhiều tà vạy yêu mị. Thế nên, phải nguyện lìa bỏ tà ác, để cầu chính pháp, sớm được xuất gia thực hành tự lợi, lợi tha”.

Luận *Đại trí độ* ghi: “Bản tính của người nữ, nếu được đối đãi tử tế thì họ cao ngạo; nếu không đối đãi tử tế, thì họ lo sợ. Người nữ thường đem lại những lo âu, phiền não, sợ hãi cho người khác, thì sao có thể gần gũi được? Người thân bè bạn xa lìa là tội của người nữ. Như truyện *Tích* nói: ‘Một hôm, có người đánh cá tên là Thuật-ba-già đang đi trên đường, từ xa nhìn thấy khuôn mặt vương nữ Câu-mâu-đà trên lầu cao, qua song cửa sổ. Về nhà trong lòng cứ mãi tưởng nhớ hình ảnh vương nữ, ngày tháng trôi qua, ông ta nhớ mãi đến nỗi bỏ ăn bỏ uống. Người mẹ thấy vậy bèn hỏi nguyên do, ông ta đem sự tình kể cho mẹ:

- Sau khi thấy vương nữ, trong lòng con nhớ mãi không quên!

Người mẹ khuyên:

- Không thể được! Bởi con là hạng thấp hèn, còn vương nữ là bậc tôn quý!

Người con đáp:

- Tâm con đã thâm yêu mến cô ta không thể nào quên. Nếu không được như ý nguyện, thì con không thiết sống nữa!

²⁶³ Trọng Ni 仲尼: Khổng Tử.

Người mẹ thương con, nên mang chim cá vào cung biếu cho vương nữ. Vương nữ thấy lạ, bèn hỏi:

- Bà muốn cầu điều gì?

Bà mẹ nói:

- Hãy cho mọi người lui ra, tôi sẽ trình bày hết sự tình! Tôi chỉ có một người con trai, nhưng vì nó ngưỡng mộ vương nữ, mà từ tình cảm kết thành bệnh nặng, mạng sống đang nguy cấp. Cúi xin vương nữ rũ lòng thương xót cứu mạng con tôi!

Vương nữ đáp:

- Hãy trở về, bảo con trai bà ngày rằm mỗi tháng, đến trong miếu thờ trời nọ, đứng phía sau tượng trời đợi ta!

Người mẹ trở về, nói với con:

- Ta đã xin được rồi! - Bà kể lại sự việc trên, rồi bảo con tắm gội sạch sẽ, mặc áo mới, đến đứng sau tượng trời.

Đến ngày, vương nữ thưa với vua cha:

- Con không được bình an, muốn đến miếu thờ trời để cầu phúc!

Vua nói:

- Rất tốt!

Rồi cho năm trăm cỗ xe chở đến miếu thờ trời. Đến nơi, vương nữ ra lệnh người hầu đều đứng ngoài cửa, một mình vào miếu. **[61b]** Thiên thần suy nghĩ: ‘Điều này không được, vua là chủ cõi này, không thể để cho gã tiểu nhân làm nhục vương nữ’. Thiên thần liền yểm anh ta ngủ say như chết. Vương nữ vào, thấy anh ta ngủ, liền đánh thức mấy lần mà vẫn không tỉnh, bèn đem xôi chuối giá trị mười vạn lượng vàng để lại bên anh ta rồi ra về. Sau khi tỉnh dậy, chàng ta thấy chuối anh lạc, liền hỏi mọi người. Anh ta biết vương nữ đến, nhưng không thỏa mãn tình dục, nên anh ta buồn giận,

rốt cuộc bị lửa dâm bùng phát, thiêu đốt mà chết”. Lấy đây để chứng minh đủ biết tâm người nữ chẳng chọn sang hèn, mà chỉ chạy theo lòng dục.

Luận *Tát-bà-đa* ghi: “Thà đem thân phần²⁶⁴ bỏ vào miệng rắn độc, chứ đừng bao giờ phạm vào người nữ. Rắn độc có ba cách hại người: nhìn người; chạm người; cắn người. Người nữ cũng có ba trường hợp hại người: nếu nhìn người nữ, phát khởi lòng dục, liền bị mất hết pháp thiện; nếu xúc chạm người nữ, thì thân phạm tội bực trung, liền bị mất hết pháp thiện; nếu cùng giao hợp, thì thân phạm trọng tội, liền bị mất hết pháp thiện. Lại có bảy trường hợp hại người:

1. Nếu bị rắn độc làm hại, thì chỉ hại thân đời này; còn nếu bị người nữ làm hại, thì hại vô số thân.
2. Nếu bị rắn độc làm hại, chỉ bị hại quả báo thân vô kí; còn nếu người nữ làm hại, thì hại thân thiện pháp.
3. Nếu bị rắn độc làm hại, thì chỉ hại thân năm thức (*nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt và thân thức*); còn nếu bị người nữ làm hại, thì hại thân sáu thức (*nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý thức*).
4. Nếu bị rắn độc làm hại, thì vẫn được dự vào chúng thanh tịnh; còn nếu bị người nữ làm hại, thì không được dự vào chúng tăng.
5. Nếu bị rắn độc làm hại, thì vẫn được sinh vào cõi người, cõi trời, được gặp hiền thánh; còn nếu bị người nữ làm hại, thì đọa vào ba đường ác.
6. Nếu bị rắn độc làm hại, thì vẫn còn có thể chứng được bốn quả Sa-môn; còn nếu bị người nữ làm hại, thì tu tập bát chính đạo cũng không thành tựu.
7. Nếu bị rắn độc làm hại, thì vẫn có người thương nhớ, cứu giúp; còn nếu bị người nữ làm hại, thì tất cả mọi người đều lia bỏ, không ai ưa thích. Vì nhân duyên ấy, cho nên thà đem thân phần bỏ vào miệng rắn độc, trọn đời đừng bao giờ xúc chạm người nữ!”.

Kinh *Tăng nhất a-hàm* ghi: “Người nữ có năm sức mạnh dẫn đến khinh thường chồng mình:

²⁶⁴ Thân phần 身分: nam căn.

1. Sức mạnh của sắc đẹp.
2. Sức mạnh của thân tộc.
3. Sức mạnh của cải.
4. Sức mạnh của con cái.
5. Sức mạnh tự vệ.

Do năm sức mạnh này, đưa đến người nữ khinh thường chồng mình. Người chồng chỉ có một sức mạnh có thể che lấp hết sức mạnh của người nữ, đó là sức mạnh giàu sang. Thiên ma Ba-tuần cũng có năm sức mạnh: sắc, thanh, hương, vị, xúc.

[61c] Người ngu si đắm trước năm pháp này, thì hết phương cứu vớt. Nếu thánh đệ tử thành tựu một năng lực không phóng dật, không bị nó trôi buộc, thì có khả năng phân biệt rõ pháp sinh, lão, bệnh, tử, chiến thắng được năm sức mạnh của thiên ma, không bị rơi vào cảnh ma, đến được bờ niết-bàn. Bây giờ Đức Phật liền nói kệ:

Giới là đường an ổn,

Phóng dật là nẻo chết,

Không tham thì không chết,

Mất đạo là mất mình.

Bây giờ, Đức Phật bảo các thầy tì-kheo:

- Người nữ mong ước năm điều: một, sinh trong nhà quý tộc; hai, được gả vào nhà giàu sang; ba, khiến chồng nghe theo lời mình; bốn, có nhiều con; năm, nắm quyền trong gia đình. Đây là năm việc mà người nữ luôn ham muốn”.

Kinh Đại Oai Đức đà-la-ni ghi: “Đức Phật bảo A-nan:

- Thí như có một đồng cát lớn, nhỏ vào một giọt nước, thì có thể thấm ướt; như một người nữ, có thể lấy hàng nghìn người nam để thỏa mãn lòng dục mà cũng không biết đủ. Người phụ nữ có ba điều không biết đầy đủ: một, tự trang điểm; hai, thụ hưởng dục lạc với người nam; ba, thích nói, nghe những lời dịu ngọt, bi ai. Này A-nan! Người nữ có năm ổ vi trùng ung nhọt, mà người nam không có, năm ổ trùng ấy ở trong âm đạo. Mỗi ổ trùng có tám mươi con, trùng này có hai đầu, miệng nhọn như mũi kim. Khi ăn, nó thường châm cắn người nữ, khiến cho người nữ bứt rứt khó chịu, buộc phải hành dâm. Vì bị khiến hành dâm, nên gọi là người nữ bị dâm làm khổ não. Đây là nỗi khổ riêng của người nữ. Vì quả báo của nghiệp mà phát khởi hạnh dâm, đam mê người nam không biết chán. Người nữ, khi thấy người nam, liền nói lời dịu dàng, ngắm nhìn đắm đuối, nhìn rồi lại nhìn, chiêm ngưỡng từ đầu đến chân, phát khởi ý dâm, mắt nhìn chăm chăm vào mặt người nam, răng cắn vào môi, mặt đỏ sắc tía, vì lửa dục đốt nên trán chảy mồ hôi, hễ đứng thì không muốn ngồi, ngồi thì không muốn đứng, dùng cành cây vẽ trên đất, hai tay quờ quạng. Hoặc đi được ba bước, đến bước thứ tư, liếc nhìn hai bên; hoặc đứng tựa ngạnh cửa, chau mày rên rỉ, uốn éo thân hình, tay trái vén y, tay phải vỗ đùi, lại dùng móng tay khảy răng, lấy cò xia răng, đưa tay gỡ đầu, lộ bày cẳng chân, cất tiếng như trẻ con, đường bằng phẳng mà đi nghiêng ngã, nhìn dáo dác khắp nơi. Các tướng như thế, nên biết người nữ ấy lửa dục đang phát, cần phải lánh xa, đừng cho nó phát khởi kéo bị sinh vào địa ngục!”.

[62a] Kinh *Giải thập nhị nhân duyên* trong *A-hàm* ghi: “Có một vị a-la-hán dùng thiên nhãn quán kỹ, thấy rất nhiều người nữ bị đọa địa ngục, bèn hỏi Phật nói nguyên do?”

Đức Phật dạy:

- Do bốn nhân duyên: Một, do lòng dục mà tham của báu, y phục.... Hai, do tính ganh ghét, đố kỵ. Ba, do lẩm lời. Bốn, do lòng dâm mà làm dâm. Do bốn nhân duyên này mà có nhiều người nữ bị đọa địa ngục!”.

XII.4. Khuyến đạo

Lòng kiêu mạn, người thiện kẻ ác đều có, trí ngu chẳng khỏi, sang hèn chẳng không, nhưng ở đây chỉ bàn đến những người có tâm kiêu mạn nặng. Người thế tục có tâm kiêu mạn rất nặng, ưa khoe điều hay của mình bằng

những lời không thật, xét nét người hiền lương, chê bai bậc thánh đức... Đó là điều mà trọn ngày họ thường làm! Họ chưa từng biết hổ thẹn, phát lồ sám hối, hướng lòng cầu đạo, soi xét lại mình. Nên sách thế tục có câu: “Gắng sức làm lành, để thân được an ổn; tận tâm hiếu dưỡng để cha mẹ vui lòng”.

Có nhiều bậc quân tử noi theo Phật pháp, tinh tiến tu hành, nhân từ, liêm khiết, khiêm cung, cẩn trọng, thành tín, vâng thuận; được như vậy đều nhờ có gieo nhân kiếp trước, nên bản tính tự nhiên hiển lộ, đâu khác gì với đạo?

Lại có người xuất gia, không nương theo Thánh giáo, trái phạm giới luật, không chịu học hỏi, mê muội chẳng khác người đời. Nhưng người tăng kẻ tục, hình tướng trái nhau, lỗi có nặng nhẹ, phạm có ít nhiều, tâm có ngu sáng. Do đó, người xuất gia khi chưa phạm, thì mỗi niệm đều thuận với đạo, nghiệp lành huân tập, nền phúc sâu dày. Mặc dầu mầm ác nhỏ, nhưng vì khinh suất, nên lỡ gây tạo, không đến nỗi nguy hại, nếu hổ thẹn sám hối thì trở lại thanh tịnh.

Người đời, thân không biết xấu hổ; tâm không biết thẹn, nuôi dưỡng vợ con; năm món dục đầy nhà, các thức cay nồng, rượu thịt muốn ăn liền có, ái tình sâu nặng chưa từng tạm bỏ. Sống trong xấu ác, há thoát khỏi quả báo ư? Thế thì đường sáng tối nên đã phân ngõ, thiện ác khác biệt. Nên biết, ánh sáng có thể xua tan bóng tối, nhưng bóng tối không thể đẩy lùi ánh sáng. Ánh sáng ngọn đèn nhỏ cũng đủ làm sáng tỏ căn nhà tối lớn.

Người xuất gia tuy trước đã phạm lỗi nhỏ, như trước đã nói, sửa đổi thành chính, tuy có thể ánh sáng chẳng tăng rực rỡ, nhưng nguồn sáng xưa vẫn hằng soi? Như đèn còn đủ tim dầu, nhà nông có nhiều trâu ruộng.

Lại nữa, người xuất gia làm ác rất khó, giống như đi thuyền trên đất; người tại gia dễ tạo lỗi lầm, giống như bơi thuyền trong biển. Trái lại, người xuất gia dễ dàng học đạo, giống như bơi thuyền trong biển; người tại gia tu phúc rất khó, giống như đi thuyền trên đất. Thuyền thì giống nhau mà biển và đất liền sai khác, nên nhanh chậm không đồng. Sự khó dễ của tu trì và sự vi phạm cũng như thế. **[62b]** Việc ác dễ nhiễm, điều thiện khó thành. Hãy sớm tự tìm giải thoát, cố gắng phát tâm xuất gia!

Kinh *Hiền ngu* ghi: “Phúc đức xuất gia rất nhiều. Nếu khuyến khích tôi tớ, người dân hay tự mình xuất gia học đạo thì công đức vô lượng, không gì sánh bằng. Công đức xuất gia cao hơn núi Tu-di, sâu hơn biển lớn, rộng hơn hư không, vì xuất gia, nhất định thành Phật.

Xưa, Phật còn tại thế, trong thành Xá-vệ có một trưởng giả tên là Phúc Tăng, đã hơn trăm tuổi, nên bị kẻ lớn người nhỏ trong nhà đều khinh chê. Ông nghe nói công đức xuất gia vô lượng, liền đến chỗ Phật xin xuất gia, gặp lúc Phật đi vắng, ông bèn đến chỗ tôn giả Xá-lợi-Phất. Tôn giả Xá-lợi-Phất thấy ông quá già nên không độ, cả năm trăm vị a-la-hán cũng như thế. Ông buồn bã đứng trước cổng chùa khóc lớn.

Đức Phật trở về, dùng nhiều lời an ủi, rồi bảo tôn giả Mục-kiền-liên độ ông xuất gia, tôn giả Mục-kiền-liên trao giới cho ông. Sau đó thường bị những tà-kheo nhỏ tuổi châm chọc, ông trầm mình xuống sông. Tôn giả Mục-kiền-liên quán thấy bèn dùng thần thông vớt ông lên bờ. Biết rõ nguyên do, tôn giả nghĩ: ‘Nếu không dùng việc sinh tử răn dạy, thì ông ta khó có thể đắc đạo’. Tôn giả liền bảo ông ta chú tâm, nắm chặt chéo áo của mình rồi vọt lên hư không bay ra bờ biển. Tại đây ông ta thấy một người nữ xinh đẹp, vừa mới chết trên xác người ấy có một con dòi từ miệng bò ra rồi chui vào mũi, lại từ mắt bò ra rồi rúc vào tai. Mục-kiền-liên thấy rồi bỏ đi. Ông lão hỏi:

- Người này là ai?

Tôn giả đáp:

- Đó là vợ của Đại-tát-bạc ở trong thành Xá-vệ, dung mạo xinh đẹp hiếm có trên thế gian, cô ta thường dùng ba thứ cây lạ để trang điểm, khi soi gương thấy mình xinh đẹp, nên sinh tâm kiêu mạn và tự đắm đuối mình. Người chồng rất thương vợ, một hôm cùng dẫn đi biển, biển dữ sóng lớn làm vỡ thuyền, nên bị chết đuối, thân tấp vào bờ. Do tự luyện tiếc thân mình, nên sau khi chết cô ta hóa thành con dòi bám víu thân này, đến lúc bỏ thân dòi liền rơi vào địa ngục lớn chịu khổ vô lượng.

Ông lão lại đi về phía trước, thấy một người nữ đang đội vạc đồng, sau đó đổ nước vào và đun sôi sùng sục, rồi cô gái cởi y phục nhảy vào trong vạc khiến cho thịt chín như tột khối xương, nước sôi đẩy xương văng ra khỏi

vạc. Bên ngoài có gió thổi biến bộ xương kia thành người trở lại, rồi tự ăn thịt mình.

Phúc Tăng hỏi thầy:

- Người nữ ấy là ai?

Thầy đáp:

- [62c] Trong thành Xá-vệ, có một vị ưu-bà-di kính tín tam bảo, xin cúng dường cho một vị tỳ-kheo trong mùa hạ. Bà ta cất một gian nhà ở đầu đường, làm các món hương hoa, thức ăn, nước uống ngon ngọt, sai người tớ gái đem đến cúng dường. Người tớ đem đến chỗ vắng chọn món ngon ăn hết, rồi mới đem đến cho tỳ-kheo. Bà chủ biết được hỏi:

- Người có lên ăn bớt không?

Đứa tớ gái đáp:

- Thưa không. Vị tỳ-kheo ấy ăn xong, còn dư cho con ăn. Nếu con ăn trước thì đời đời tự ăn thịt mình!

Do nhân duyên đó, nên trước chịu hoa báo²⁶⁵, sau đọa xuống địa ngục.

Ông lão lại đi về phía trước cách đó không xa, thấy một cây thịt, côn trùng vây quanh dày đặc, rút rĩa thịt. Thấy thế, ông bèn hỏi tôn giả Mục-kiền-liên:

- Đó là cây gì?

Mục-kiền-liên đáp:

- Đó là tỳ-kheo doanh sự²⁶⁶ Thác-lợi-tra. Vì xài phí tài vật của chúng tăng, đem hoa quả thức ăn cho người thế tục. Vì nhân duyên đó nay chịu hoa báo như thế, sau đọa xuống địa ngục. Những con dòi rúc rĩa cây thịt chính là những người lúc ấy nhận vật của tỳ-kheo kia.

²⁶⁵ Hoa báo 華報: hoa nở trước khi kết trái. Chúng sinh trồng nghiệp nhân thiện ác, quả có được từ nghiệp nhân này là quả báo, cái có trước quả báo thì gọi là hoa báo. Như lấy việc tu thiện, niệm Phật làm nghiệp nhân, vãng sinh Cực Lạc là hoa báo, về sau chứng Đại Bồ-đề là quả báo.

²⁶⁶ Tỳ-kheo doanh sự (doanh sự tỉ khâu 營事比丘): tỳ-kheo chuyên quản lí các việc chúng tăng trong chùa.

Ông lão lại đi tiếp, thấy một người nam, quanh thân mọc nhiều đầu thú, các ác quỷ thần tay cầm cung nỏ với ba mũi tên độc, đầu bịt sắt và đều có lửa cháy, tranh nhau bắn vào người nam, khiến cho người ấy toàn thân cháy rụi.

Phúc Tăng hỏi thầy:

- Đó là người nào?

Mục-kiền-liên đáp:

- Tiền thân người này là một vị thợ săn giỏi, giết hại nhiều cầm thú nên chịu quả khổ như thế. Sau khi chết, đọa vào địa ngục lớn.

Đi thêm một đoạn, Phúc Tăng thấy một ngọn núi lớn, chân núi có nhiều đao kiếm, lại có một người từ trên núi lao xuống bị mũi đao, ngọn kiếm đâm nát thân thể. Lao xuống rồi lại leo lên, làm mãi như thế không ngừng.

Phúc Tăng hỏi Thầy:

- Đó là người nào?

Đáp:

- Đó là Đại Đẩu Tướng, vua của thành Vương Xá. Vì mạnh mẽ, xông xáo, nên vua thường làm tiên phong, giết hại nhiều sinh mệnh, trước thụ khổ này, sau đọa địa ngục.

Lại đi thêm một đoạn, Phúc Tăng thấy một núi xương, núi này cao lớn bảy do-tuần, thường che lấp ánh sáng mặt trời làm cho biển tối tăm. Bảy giờ tôn giả Mục-kiền-liên đi qua lại trên một chiếc xương sườn lớn ở núi xương.

Phúc Tăng hỏi Thầy:

- Núi xương này là sao?

Đáp:

- Ông nên biết, đó là xương của thân đời trước ông đó!

Phúc Tăng nghe vậy, lòng kinh hoàng, sợ rón gáy, toát mồ hôi, bạch rằng:

- Nay con nghe điều này, nhưng lòng chưa hiểu, mong Ngài giảng rõ ngọn ngành!

Mục-kiền-liên bảo:

- Sinh tử xoay vần không có giới hạn, nghiệp thiện ác đã gây tạo, không bao giờ mất, nên nhất định phải chịu quả báo. Hãy lắng nghe: ‘Vào thời quá khứ ở cõi Diêm-phù-đề có một vị vua tên là Pháp Tăng, ưa thích bố thí, trì giới, nghe pháp, giàu lòng từ bi, không làm tổn hại mạng sống muôn vật, dùng chính pháp trị nước suốt mười hai năm. [63a] Một hôm, nhân lúc rảnh rỗi, vua cùng mọi người đang vui đùa, các quan thân tâu có một kẻ phạm tội giết người. Gặp lúc đang ham vui, nên vua liền phán:

- Hãy trị theo phép nước!

Vị quan liền theo pháp nước mà xử: giết người đáng tội chết, mà xử trảm người đó. Vui đùa xong, vua hỏi:

- Tội nhân đâu rồi.

Quan đáp:

- Đã chém đầu rồi!

Vua nghe xong, dậm chân bất tỉnh, vả nước vào mặt mới tỉnh dậy, rơi lệ mà nói:

- Người trong cung cùng kỹ nữ và voi ngựa bảy báu đều ở lại, chỉ riêng mình ta vào địa ngục. Ta nay đã giết người, ta chính là vua đồ tể, không biết đời đời thác sinh vào chốn nào. Nay ta quyết định không làm vua nữa!

Vua liền bỏ ngôi, vào núi sống một mình, sau khi chết sinh vào trong biển lớn làm cá ma-kiệt, thân dài bảy trăm do-tuần. Các vị đại thần của vua, cậy thế lực của mình, bức ép trăm họ, giết hại vô số, sau khi chết đều đọa làm cá ma-kiệt, bị nhiều côn trùng rúc rĩa thân xác, do ngứa thân nên cá cọ

mình vào núi, khiến cho dòi chết, máu chảy một trăm dặm, nhuộm đỏ cả biển. Cá ngừ một giấc dài đến một năm, tỉnh dậy đói khát liền hút nước, nước lùa vào miệng như chảy vào sông lớn.

Bấy giờ, gặp lúc có năm trăm người buôn vào biển tìm châu báu, bị cá há miệng nên thuyền trôi nhanh vào miệng, mọi người sợ hãi cất tiếng khóc lớn, vừa trôi đến miệng cá, trong khoảnh khắc có người xưng niệm Nam-mô Phật, cá nghe tiếng “Phật” liền ngậm miệng lại, nhờ vậy những người buôn sống sót. Cá vì đói mà chết, lại sinh vào thành Vương Xá, làm thân ông. Sau khi cá chết, dạ-xoa, la-sát mang xác cá đặt ở bờ biển, thịt tiêu hết, xương còn lại tạo thành núi xương. Vua Pháp Tăng thuở xưa, nay là thân ông. Do nhân duyên giết người, nên đọa làm cá trong biển.

Pháp Tăng nghe rồi sợ sự sinh tử vô cùng, nhìn thấy thân xưa, hiểu rõ vô thường, bèn đắc quả A-la-hán.

Kinh *Niết-bàn* ghi: “Nhà cửa như ngục tù, vợ con như xiềng xích, tài vật như gánh nặng, quyến thuộc như oan gia. Nếu người nào có thể một ngày một đêm thụ trì giới pháp thanh tịnh, sáu thời bái sám, một năm ăn chay ba tháng, mỗi tháng ăn chay sáu ngày, rau dưa đạm bạc, giữ gìn thân, khẩu, ý không cho chạy theo cảnh trần, chuyên tâm hướng đến giải thoát, dốc lòng tu tập Phật pháp, đi đứng oai nghi không thiếu, nằm ngồi giới tướng không quên, đêm ngồi thiền định, ngày học Phật pháp, kính trọng sa-môn, thương xót muôn loài. Nếu thường như thế, tuy người tại gia, nhưng có thể sớm được giải thoát. Vì thế kinh nói: ‘Vào thời Phật pháp sắp diệt, người tại gia hộ pháp, tu thiện được sinh lên cõi trời như tuyết bay trên không; còn tì-kheo phá giới, phạm trai sẽ đọa vào đường ác như mưa rơi xuống đất’. [63b] Nên biết sống trong cảnh khổ mà tu phúc, thì được phúc rất lớn; ở chốn giàu sang mà tạo tội thì chịu tội chẳng nhỏ. Cho nên, từ chốn khổ vào chỗ giàu sang, thì đâu biết hết niềm vui trong cảnh sướng; từ chỗ sướng vào nơi đau khổ, liền ném đủ nỗi khổ đau trong cảnh khổ. Lời nói này thật đáng chiêm nghiệm! Mong mọi người hãy tỉnh giác!

Kinh *Pháp cú* ghi:

“Lửa dâm dục nóng nhất,

Sân hận chất kịch độc,

Khổ nào bằng khổ thân,

Vui nào hơn Niết-bàn!”.

Phật nói kệ xong, bảo các tì-kheo: “Vào thuở xa xưa cách đây vô số kiếp, có một tì-kheo chúng được ngũ thông tên là Tinh Tiến Lực. Vị ấy thiên định cầu đạo bên một gốc cây trong rừng. Bấy giờ có bốn con vật đến nương tựa để được an ổn. Đó là bò câu, quạ, rắn độc và nai. Ban ngày chúng đi kiếm ăn tối về ngủ. Một hôm, bốn con hỏi nhau:

- Ở thế gian, thứ gì là khổ nhất?

Quạ nói:

- Đói khát là khổ nhất! Vì khi đói khát thân yếu, mắt mờ, tâm hoảng loạn, lao thân vào lưới không kể dao nhọn. Chúng ta tan thân mất mạng đều do đói khát. Vì thế tôi cho đói khát là khổ nhất!

Chim bò câu nói:

- Dâm dục mới là khổ nhất! Lòng dục lầy lừng như lửa mạnh, không còn nhớ nghĩ gì hết. Nguy thân, mất mạng đều do dâm dục!

Rắn độc nói:

- Sân hận là khổ nhất! Ý độc vừa khởi thì không kể đến kẻ thân người sơ, ai cũng có thể bị giết hại, lại cũng có thể hại cả chính mình!

Nai nói:

- Sợ hãi là khổ nhất! Tôi ở trong rừng hoang thường phải cảnh giác, lo sợ bọn thợ săn, cùng các loài sói... vẳng nghe có tiếng động, liền đâm đầu bỏ chạy, đến nỗi lao đầu xuống vực, khiến mẹ con phải xa nhau, gan mật tan nát. Vì thế tôi cho sợ hãi là khổ nhất!

Vị tì-kheo nghe xong nói:

- Các con nói vẫn chưa đúng, vì không xét đến gốc khổ. Nỗi khổ trong thiên hạ không gì bằng thân mình. Vì thân là đồ chứa đựng tất cả khổ, lo sợ

không cùng. Ta vì thế mà bỏ nhà thế tục, học đạo giải thoát, đoạn trừ vọng tưởng, không tham bốn đại, là vì muốn đoạn gốc khổ, lòng hướng đến giải thoát niết-bàn!”.

Thế nên biết thân là gốc của nỗi khổ lớn.

Do đó *Lão Tử* có câu: “Tại họa lớn nhất không gì bằng thân!”.

XII.5. Quyên thuộc

Kinh *Tu-ma-đề trưởng giả* ghi: “Khi Đức Phật còn tại thế, tại nước Xá-vệ có một vị trưởng giả tên là Tu-ma-đề. Sau khi ông ta chết thì cha mẹ, thân tộc và những người quen biết đều thương tiếc, khóc lóc, than ngẩn thở dài, ngất xỉu trên đất. Có người kêu gào cha mẹ anh em; có người réo gọi chồng con v.v..., trong nhà đầy cảnh tượng mọi người đua nhau kêu khóc như thế. [63c] Lại có người đem bùn đất bôi lên thân, lại có người dùng dao tự cắt tóc ..., đau đớn, vật vã như bị tên độc bắn trúng tim mình. Có người trùm vật áo lên đầu khóc lóc bi ai, giống như rừng cây bị xác xơ sau một cơn bão dữ. Lại có người giã giụa trên đất như cá mắc cạn v.v..., nằm ngổn ngang như cây bị đốn gốc tiện cảnh; như đem gai độc đâm vào thân thể. Bây giờ Đức Thế Tôn biết rõ sự tình, nhưng vẫn cứ hỏi tôn giả A-nan:

- Bọn người kia vì sao mà gào khóc bi ai như thế?

Tôn giả A-nan trình bày rõ sự việc, rồi bạch:

- Cúi xin Đức Thế Tôn lòng thương xót mà đến nhà ấy hóa độ mọi người! Các Đức Phật Thế Tôn không bao giờ giảng nói khi không có lời cầu thỉnh, nay con vì bọn họ mà cầu thỉnh Đức Thế Tôn, vì lòng đại bi, hãy đến độ cho gia đình ấy!

Như Lai nhận lời cầu thỉnh của tôn giả A-nan, liền đến gia đình họ. Lúc đó, mọi người từ xa trông thấy Đức Thế Tôn, mỗi mỗi đưa tay gạt lệ lau mặt, ra trước đón Đức Phật. Khi đến gần, họ liền đĩnh lễ bên chân Ngài, đau xót, nghẹn ngào nói không nên lời, lòng muốn than lớn, nhưng vì kính nể Như Lai nên người lại đứng im không dám thở. Bây giờ Đức Phật bảo cha mẹ của trưởng giả:

- Sao các quá bi ai sâu não, mãi chấp vào thân giả tạm này!

Mọi người đều đồng thanh bạch với Đức Phật:

- Bạch Thế Tôn! Khắp thành Xá-vệ chỉ có một người thông minh trí huệ, xinh đẹp tài giỏi, tuổi vừa đôi mươi, người trong thành không ai sánh bằng. Anh ta lại có nhiều tiền của, kho đụn, xe ngựa, y phục, nô tì v.v... tất cả đều không thiếu một thứ gì. Vậy mà bỗng nhiên người này bỏ mạng, khiến chúng tôi vô cùng thương xót, luyến tiếc, không thể tự kiềm chế được! Kính lạy Đức Thế Tôn thương xót chúng con, bằng cách nào chỉ dạy, giúp cho chúng con vượt qua nỗi thương đau này và từ nay về sau chúng con hoàn toàn không còn chịu những nỗi thống khổ như thế này nữa!

Nghe vậy Đức Phật bảo với cha mẹ, quyến thuộc của trưởng giả và mọi người:

- Các vị đã từng thấy người nào có sinh mà không có già, bệnh và chết không?

- Chưa từng thấy! Bạch Thế Tôn! – Mọi người thưa.

Đức Phật lại dạy tiếp:

- Các vị muốn lìa bỏ những nỗi sầu bi khổ não của sinh, già, bệnh, chết, vậy các vị có từng nghĩ đó là do bị ân ái trói buộc không? Hãy có chính kiến mà quy y Tam bảo. Vì sao? Bởi vì trong thế gian không ai hơn Phật, vì Phật khéo dẫn dắt kẻ ngu si mê muội. Giáo pháp Phật dạy chính là thuốc hay”.

Kinh *Pháp cú dụ* ghi: “Xưa có một bà-la-môn xuất gia học đạo từ lúc thiếu niên, đến năm sáu mươi tuổi vẫn chưa chứng đạo. Theo giáo pháp Bà-la-môn, hễ vị nào tu tập đến sáu mươi tuổi mà vẫn chưa chứng đạo thì phải hoàn tục. [64a] Sau khi trở về sống với vợ, sinh được một bé trai xinh đẹp, dễ thương. Năm lên bảy tuổi đi học, cậu bé rất thông minh, nói năng lưu loát. Một hôm, đứa bé thông tuệ hơn người này bỗng nhiên mắc bệnh nặng, chỉ một đêm liền chết. Vô cùng thương tiếc, đau xót không chịu nổi, bà-la-môn nằm vật vã bên thi thể, nhưng cậu bé đã tắt thở, không thể sống lại được. Thân tộc khuyên can rồi tận liệm và đem mai táng ở ngoài thành.

Người cha suy nghĩ: ‘Nay ta than khóc, kể lể có ích gì? Chi bằng ta hãy đến chỗ Diêm-la vương để cầu xin mạng sống cho con trai ta!’. Nghĩ vậy, ông ta liền tắm gội sạch sẽ, trì trai giới rồi mang hoa hương ra đi. Ông ta hỏi mọi người về nơi làm việc của Diêm-la vương, nhưng chẳng ai biết cả. Cứ thế, ông ta đi mãi về phía trước, đi được vài nghìn dặm, đến một khu rừng sâu, thấy có nhiều vị Phạm chí đắc đạo, ông ta cũng hỏi nơi làm việc của Diêm-la vương như trước. Các vị Phạm chí hỏi:

- Ông hỏi nơi làm việc của Diêm-la vương để cầu điều gì?

Ông ta đáp:

- Tôi có một đứa con trai thông minh, tuấn tú hơn người vừa mới chết, vì quá đau xót, tiếc thương không thể chịu nổi, nên tôi muốn đến Diêm vương cầu xin cho nó được sống lại. Tôi sẽ quay về nuôi dạy để mong được nương tựa tuổi già.

Các vị Phạm chí thương hại kẻ ngu si, liền bảo ông ta:

- Nơi làm việc của Diêm-la vương chẳng phải là chỗ mà người sống có thể đến được. Nay ta chỉ cho ông một cách: ông hãy đi về phía tây hơn bốn trăm dặm, có một dòng sông lớn, trong dòng sông đó có một tòa thành. Đó là thành mà các thiên thần xem xét, lưu giữ các việc làm của người thế gian trong đời trước. Vào ngày mùng bốn, tháng tư hằng năm, Diêm-la vương thường xét xử hành vi thiện ác của nhân gian, ắt phải đến thành này. Ông trì trai giới đến đó nhất định sẽ gặp được Diêm-la vương.

Người bà-la-môn rất vui mừng, nghe theo lời chỉ dẫn đi đến dòng sông ấy. Đến giữa dòng sông, ông ta thấy một thành trì rất đẹp, cung điện, nhà cửa giống như trời Đao-lợi. Ông ta đến cửa thành, đốt hương, nhón gót chân đứng cầu xin được diện kiến Diêm-la vương. Diêm-la vương bèn lệnh cho lính gác cửa dẫn ông ta vào gặp. Người bà-la-môn tâu:

- Con sinh muộn được một bé trai, năm nay được bảy tuổi mong nương tựa lúc tuổi già. Nào ngờ, nó vừa chết cách đây mấy ngày! Cúi xin đại vương rủ lòng thương xót cứu cho con trai con được sống lại!

Diêm-la vương nói:

- Lòng mong cầu của người rất tốt! Con trai của người hiện đang vui đùa trong vườn phía đông, hãy đến dẫn nó về!

Người bà-la-môn liền đi ngay, thấy con mình cùng vui đùa với các đứa trẻ, ông ta chạy đến ôm nó vào lòng, khóc nức nở, nói với nó:

- Cha ngày đêm nhớ con, ăn ngủ không yên, mà con chẳng nhớ nghĩ đến nỗi đắng cay thống khổ không nguôi của cha mẹ sao? Đứa bé ngạc nhiên, ngơ ngác trách ngược lại ông ta:

- Ô! Ông già ngu si lắm lắm, không hiểu gì cả! Nương nhờ một lát mà gọi người ta là con? Chớ nhiều lời, chi bằng hãy đi mau! Nay ta có cha mẹ ở đây, chỉ gặp tình cờ sao ông ôm ta vào lòng?

[64b] Người bà-la-môn buồn bã, khóc lóc bỏ đi, liền suy nghĩ: ‘Ta nghe nói sa-môn Cù-đàm biết rõ về đạo lí thần hồn của con người biến hóa. Ta nên đến đó để hỏi Ngài’. Ông ta liền đi tìm Đức Phật. Lúc đó Đức Phật đang giảng pháp cho các Phạm chí tại Kỳ-hoàn, nước Xá-vệ. Ông ta đến gặp Phật, cúi đầu đảnh lễ, trình bày cặn kẽ đầu đuôi sự việc lên Đức Phật, rồi khóc:

- Thật đúng là con trai của con, mà nó chẳng nhận ra; trái lại nó cho con là ông già ngu si, lắm lắm, chỉ nương nhờ một lát mà nhận lầm nó là con? Hoàn toàn nó không có chút tình cha con! Bạch Thế Tôn! Vì nguyên do gì mà như thế?

Đức Phật nói:

- Ông thật ngu si! Người sau khi chết, thần thức liền đi thụ thân. Cha mẹ, vợ con đều do nhân duyên mà gặp nhau, giống như khách tạm đến rồi đi. Người ngu si chấp trước, cho là của riêng mình rồi sầu bi, khổ não, không hiểu rõ gốc rễ, chìm đắm sinh tử, không chịu dừng nghỉ. Chỉ có người trí, không đắm mê ân ái, biết khổ mà dứt bỏ những thói thường tình, nỗ lực tu trì giới luật, học tập kinh điển, diệt trừ vọng tưởng, thoát khỏi sinh tử.

Người bà-la-môn nghe xong, tâm hoát nhiên hiểu rõ, liền ngay chỗ ngồi chứng quả A-la-hán”.

Kinh *Đại pháp cù* ghi: “Đức Phật dạy:

- Tất cả chúng sinh đều tùy theo loại thân hình mà đặt tên, như chim sẻ, v.v... Nhưng chúng sinh trong loài ngựa quý không có tên gọi nhất định. Đừng cho rằng trời nhất định là trời, người nhất định là người, ngựa quý nhất định là ngựa quý. Phải biết, một việc có nhiều tên gọi, một người có nhiều tên gọi, một trời có nhiều tên gọi, cho đến ngựa quý, súc sinh cũng có nhiều tên gọi. Như thế, cũng có nhiều ngựa quý hoàn toàn không có tên, bởi vì trong khoảng khảy móng tay, hình hài nó đã thay đổi, tạo thành muôn thân hình khác, thì làm sao có thể gọi tên nó được? Trong đó, nếu nhân duyên nghiệp ác chưa hết, thì trong một niệm phải bị biến đổi rất nhiều loại thân hình”.

Kinh *Pháp cú dụ* ghi: “Thuở xưa, khi Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, có một trưởng giả giòng Bà-la-môn giàu có vô cùng, nhưng lại là người rất keo kiệt, không thích bố thí, mỗi khi ông ta ăn, liền sai người nhà đóng chặt các cửa, không được để người xông vào xin ăn. Một hôm, Đức Phật đang thuyết pháp cho trời người, lúc đó, ông ta ở nhà muốn được món ăn ngon, bèn sai vợ làm cơm, rồi giết con gà mập, ướp gia vị tiêu, gừng... hớp khẩu vị, rồi đem nấu chín, dọn lên mâm bát xong, bảo đầy tớ đóng cửa để vợ chồng ngồi ăn. Đứa con ngồi giữa cùng ăn chung với hai người, cha mẹ xé thịt gà dứt con ăn, không bỏ một thứ gì. Đức Phật biết vị trưởng giả này có phúc đức sâu dày, đã đứng lúc được độ, [64c] nên Ngài hóa làm sa-môn, xét biết lúc ông ta ngồi ăn, liền hiện đến trước mặt, chú nguyện vào thức ăn và nói:

- Dù ít hay nhiều người cũng nên bố thí, nhất định sẽ được phúc lớn!

Ông ta ngẩng đầu lên, thấy vị sa-môn, liền chửi mắng:

- Ông là người xuất gia mà không biết liêm sỉ, nhà ta đang ăn, sao ông đường đột vào đây?

Sa-môn đáp:

- Ông mới là người ngu si không biết liêm sỉ! Ta là kẻ xin ăn, có sao lại xấu hổ?

Trưởng giả hỏi:

- Gia đình ta cùng nhau hưởng lạc, tại sao lại xấu hổ?

Sa-môn đáp:

- Ông giết cha mẹ để nuôi dưỡng oan gia mà không biết xấu hổ; ngược lại còn chửi người ăn xin không biết xấu hổ!

Ngay đó, Đức Phật liền nói kệ:

Cõi đã sinh không đoạn,

Mà bôn thêm tham dục,

Oán cừ càng chất cao,

Người ngu lòng bất an,

Địa ngục lá đồng sắt,

Người trí không bị giam,

Kẻ ngu thấy vợ đẹp,

Đắm say nên bị nhốt,

Bậc trí cho ân ái,

Là địa ngục, khó thoát,

Cho nên cần trừ dục,

Không luyến ái, được an.

Trưởng giả nghe bài kệ, kinh ngạc hỏi:

- Vì sao đạo nhân nói như vậy?

Sa-môn đáp:

- Con gà trên bàn kia chính là thân phụ của ông đời trước, vì keo kiệt tham lam nên thường sinh trong loài gà bị ông ăn thịt. Đứa bé này, đời trước làm la-sát. Ông là một nhà lái buôn lớn, đi thuyền vào biển, thuyền lật, ông bị cuốn trôi dạt vào nước La-sát, bị la-sát ăn thịt. Như thế đến năm trăm đời, khi tuổi thọ hết, la-sát trở lại sinh làm con ông. Vì tội của ông đời trước chưa hết, nên đời này nó muốn hại ông. Vợ của ông ngày nay, chính là mẹ của ông đời trước. Vì ân ái sâu nặng, nên nay trở lại làm vợ ông. Vì ông ngu si, không nhận ra người thân đời trước, nên nay ông giết cha gây oán thù, lấy mẹ làm vợ. Sinh tử trong năm đường xoay vần không bờ mé, lẫn lộn trong năm loài chẳng ai còn có thể nhận ra nhau! Chỉ có bậc Đạo sư thấy rõ đời này đời trước; người ngu không biết, há không xấu hổ sao?

Lúc đó, lông tóc trưởng giả bỗng nhiên dựng đứng, vô cùng khiếp sợ. Đức Phật liền hiện thần lực giúp ông ta thấy được đời trước. Nhờ oai thần của Phật, ông ta biết rõ đời trước của mình, bèn xin sám hối tạ tội. Sau đó, thụ trì ngũ giới, Đức Phật thuyết pháp độ ông ta. Từ đó ông ta tu tập và chứng được quả Tu-đà-hoàn”.

Kinh *Phật thuyết trưởng giả tử áo nâu tam xứ* ghi: “Bấy giờ, tại thành Xá-vệ có vị trưởng giả rất giàu có, tài sản vô số, nhưng không có con, nên ông ta sợ sau khi chết, tài sản của ông ta sẽ bị rơi vào tay triều đình. [65a] Vợ cả của ông ta lo đi cầu đảo thần linh, quy y tam bảo, siêng năng không biếng trễ, nên đã mang thai. Bà là người thông minh, biết rõ được năm điều: một, biết rõ ý chồng; hai, biết chồng suy nghĩ hay không suy nghĩ; ba, biết rõ nhân duyên mang thai; bốn, phân biệt rõ nam hay nữ; năm, phân biệt rõ điều thiện, điều ác. Do đó, bà báo tin cho chồng là bà đã thụ thai! Trưởng giả nghe tin vô cùng mừng rỡ. Đủ tháng đủ ngày, bà sinh được một bé trai, ông ta liền cấp cho năm nhũ mẫu, ẵm bồng nuôi nấng. Đến khi cậu bé lớn khôn, ông ta liền tìm cưới cho con một người vợ đẹp. Một hôm, vợ chồng cậu bé đi dạo trong vườn, thấy cây Vô Ưu, hoa màu trắng, nhụy hoa màu lụa đỏ mịn màng. Thấy vậy, cô vợ nói:

- Thiếp muốn có được đóa hoa này!

Người chồng liền leo lên cây, vì muốn hái được hoa, mà cành cây quá nhỏ yếu, nên bị gãy, cậu ta rơi xuống đất và chết. Cha mẹ nghe tin, vội vã chạy đến ôm đầu con vào lòng, xoa bóp lay gọi nhưng hoàn toàn tuyệt vọng. Cha mẹ đau xót, thân thể tiêu tụy, héo sầu. Bần bè thân thuộc thấy vậy

cũng đau xót lây. Gặp lúc Đức Phật và A-nan đi vào thành, thấy cảnh ấy, thương xót cho ông bà chỉ có một người con mà bị té chết.

Phật bảo trưởng giả:

- Con người có sinh phải có tử, sự vật có thành ắt có hoại. Do đó, người khi thọ mạng hết thì không thể lẫn trốn, vì thế ông không nên quá đau xót, đừng để luyến ái mê hoặc.

Đức Phật dạy tiếp:

- Cậu bé này vốn từ cõi trời Đao-lợi, vì tuổi thọ hết, nên nó sinh vào làm con ông. Sau khi tuổi thọ làm con trong nhà ông hết, nó liền sinh vào loài rồng và bị kim sí điều bắt ăn thịt. Cha mẹ ba nơi đồng thời cùng khóc lóc, như vậy nó là con ai? Đức Phật liền nói kệ:

Là trời trên cõi trời,

Hay là con của ông?

Hay là con loài rồng,

Sinh trong chốn long cung?

Hãy nghe Ta giảng giải,

Chẳng phải là con trời,

Cũng không phải con ông,

Càng không phải loài rồng,

Chỉ là nhân duyên sinh,

Vô thường, không thật có,

Mọi vật không bền chặt,

Giống như khách qua đường!

Đức Phật bảo trưởng giả:

- Chết không ai có thể tránh được, chết rồi không thể sống lại được nữa!

Trưởng giả bạch:

- Vậy, tội phúc đời trước của đứa trẻ này như thế nào?

Đức Phật dạy:

- Cậu bé này đời trước rất thích bố thí, tôn kính mọi người, nhờ phúc đức này mà nó được sinh vào nhà giàu có; nhưng cũng vì ưa săn bắn, làm tổn hại sinh vật, nên đời nay tuổi thọ nó ngắn ngủi. Tội và phúc bám theo người như bóng theo hình”.

Nghe Phật giảng giải, vị trưởng giả vui mừng, lòng thanh thản, liền chứng được pháp nhãn.

XII.6. Bỏ chấp

[65b] Luận *Thập trụ tỳ-bà-sa* ghi: “Trong nhà, từ quyền thuộc như cha mẹ, anh em, vợ con... cho đến các vật như xe ngựa... đều làm cho con người tăng thêm lòng tham cầu không biết đủ. Gia đình là chốn khó đầy như biển gom chứa nước của các dòng sông. Gia đình là nơi không bao giờ đủ như bếp thiêu đốt củi. Gia đình là nơi xét nét suy tính nối tiếp không dừng. Gia đình vốn là khổ như kẻ oán giả làm người thân. Gia đình ngăn cản đến Thánh đạo. Gia đình là chỗ rối loạn từ sự chống trái đấu tranh nhau. Gia đình tạo thêm nhiều sân hận, chê trách xấu tốt. Gia đình tuy khá dài lâu, nhưng cũng biến đổi vô thường. Gia đình là nơi chứa nhóm các khổ bởi mong cầu và bảo vệ. Gia đình là chỗ đáng nghi ngờ, như không tin kẻ giặc. Gia đình là điên đảo, tham đắm và hư dối. Gia đình là người kỹ nữ với những trang sức giả dối. Gia đình là nơi đổi thay, vì có kết hợp ắt có ly tan. Gia đình là vay mượn không phải thật có. Gia đình như giấc mộng, vì giàu sang rồi sẽ nghèo khổ. Gia đình như sương buổi sáng tan biến trong chớp lát. Gia đình như giọt mật, vì vị ngọt rất ít. Gia đình như bãi gai muốn đâm hại người. Gia đình như con trùng sắt, thường luôn rúc rĩa. Gia đình có các tai họa như thế không thể kể hết. Thế nên bỏ-tắt tại gia nên biết vợ con, quyền thuộc, tiền của...không thể cứu mình, không thể đưa mình về chính đạo, cũng chẳng phải là bạn tốt. Do đó nên mau buông bỏ.

Lại từ vô thi đến nay, hết thầy chúng sinh trong sáu đường từng qua lại làm cha con... xa, gần có gì cố định? Có bài kệ:

*Vô minh che trí tuệ,
Nhiều kiếp trong sinh tử,
Đến, đi biết bao lần,
Làm cha con lẫn nhau,
Tham đắm vui trần thế,
Không biết điều vui hơn,
Kẻ oán thành người thân,
Người thân lại thành oán,
Nên ta phương tiện nói,
Chớ sinh tâm thương ghét,
Nếu sinh tâm thương ghét,
Không thể thấu rõ pháp.*

Kinh Đại bồ-tát tạng ghi: “Này Xá-lợi! Nếu có chúng sinh tham đắm sắc dục nam nữ, nên biết người đó tham đắm bão cát, tham đắm mũi dao nhọn, tham đắm hòn sắt nóng, tham đắm giường sắt nóng, tham đắm ghế sắt nóng. Này Xá-lợi! Nếu có người ưa đeo vòng hoa, xoa ướp mùi hương ưa, tức là ưa đeo vòng hoa sắt nóng, cũng là ưa bôi phân tiểu vào thân.

Này Xá-lợi! Nếu có người gìn giữ bảo vệ nhà cửa nên biết người đó đang ôm ấp vò sắt nóng lớn. Nếu có người gìn giữ tội tở, nên biết người đó đang gìn giữ những ngục tốt ác độc ở địa ngục. [65c] Nếu có người gìn giữ voi, ngựa, lừa, lạc đà, trâu, dê, heo, gà, nên biết người đó đang gìn giữ những con chó đen mạnh dữ ở địa ngục và cũng là đang gìn giữ một trăm do-tuần lính cấm vệ.

Tóm lại, nếu gìn giữ sắc dục vợ con, nam nữ tức là gìn giữ hết thảy nỗi khổ nhóm họp như lo buồn, sầu não, bi ai.

Này Xá-lợi! Thà phải nằm giường sắt nóng lớn cả nghìn do-tuần, khiến cho lửa thiêu cháy tan thân thể còn hơn nhận sắc dục người nữ như vợ lớn, vợ bé mà cha mẹ ban cho, nhần đến không dùng tâm ái nhiễm từ xa nhìn tướng ấy, huống gì là gần gũi ôm ấp. Vì sao? Này Xá-lợi! Nên biết, người vợ là gốc của các khổ; là gốc của mọi sự chướng ngại; là gốc của giết hại; là gốc của mọi sự ràng buộc; là gốc của sầu lo; là gốc của oán đối; là gốc của đui mù. Nên biết, người vợ làm mất con mắt tuệ của người chồng; người vợ như hoa sắt nóng, rải khắp mặt đất mà người chồng phải dẫm lên; người vợ làm cho người chồng ngày càng tăng thêm thói quen tà vạy.

Này Xá-lợi! Vì nhân duyên gì gọi là người vợ? Vợ là tăng thêm gánh nặng. Vì sao? Vì người vợ thường khiến cho chúng sinh phải nhận chịu gánh nặng, khiến cho chúng sinh vì mang gánh nặng đó mà làm việc, khiến chúng sinh mang gánh nặng đó mà rong ruổi cùng khắp; hay khiến chúng sinh vì gánh nặng đó mà lòng khổ nhọc, hay khiến cho chúng sinh bị gánh nặng đó nung nấu bức bách, hay khiến chúng sinh bị gánh nặng đó làm tổn thương.

Này Xá-lợi! Lại vì nhân duyên gì gọi là người vợ? Vì vợ là chỗ chúng sinh phải cống hiến tài vật, là chỗ đọa đày những kẻ làm nô lệ cho tham ái. Như người thuận theo vợ thì vợ là nơi thu thuế. Nếu người vợ đẹp thì vợ là chốn mê hoặc. Như người vợ giỏi hơn chồng thì chồng bị sai khiến, như vợ kém chồng thì chồng là nơi để vợ nương nhờ, như người vợ dễ dãi thì đó là chỗ phóng dật. Như làm tôi tớ cho vợ thì vợ là chỗ khổ nhọc, như chịu theo ý vợ thì vợ là chỗ làm cho nghiêng ngửa. Này Xá-lợi! Vì các nhân duyên như thế nên gọi là các chỗ đó chính là vợ”.

Kinh *Tap a-hàm ghi*: “Bấy giờ Đức Phật bảo các tì-kheo:

- Có ba dạng con: một; người con tốt như cha mẹ; hai, người con tốt hơn cha mẹ; ba, người con xấu hơn cha mẹ.

1. Người con tốt như cha mẹ là sao? Nghĩa là cha mẹ giữ năm giới, thì người con cũng noi theo cha mẹ giữ năm giới.

2. Người con tốt hơn cha, mẹ là sao? Đó là cha mẹ không giữ gìn năm giới, nhưng người con thường giữ gìn năm giới.

3. Người con xấu hơn cha mẹ là sao? Như cha mẹ không giữ gìn năm giới, con cũng không giữ được năm giới”.

XII.7. Giáo giới

[66a] Kinh *Trung a-hàm* ghi: “Bấy giờ có người làm nghề dạy ngựa tên là Chi-thi, đến chỗ Phật, đĩnh lễ dưới chân Ngài rồi ngồi một bên thưa:

- Bạch Đức Thế Tôn! Con thấy người đời rất kém cỏi giống như bầy ngựa. Ở thế gian chỉ có con là có thể điều phục được loài ngựa, những con ngựa hung dữ thì con có biện pháp khiến chúng biểu hiện tính nết chỉ trong chốc lát, rồi tùy theo tính nết mỗi con mà có cách trị riêng.

Phật bảo người dạy ngựa:

- Này người chủ tỵ lạc! Người có bao nhiêu phương pháp để điều phục ngựa?

Người dạy ngựa đáp:

- Thưa, có ba phương pháp:

1. Dịu dàng vỗ về
2. Cứng rắn, đánh phạt
3. Vừa dịu dàng vừa cứng rắn.

Phật nói:

- Người dùng ba phương pháp này, nếu con ngựa không điều phục được thì phải làm thế nào?

Người dạy ngựa bạch Phật:

- Con nào không điều phục được thì giết. Vì không để nó làm mất uy tín của con.

Người dạy ngựa lại bạch Phật:

- Thế Tôn là bậc điều phục không ai bằng, vậy Ngài dùng mấy cách để điều phục người khác?

Phật bảo:

- Ta cũng dùng ba cách để điều phục người khác. Sao gọi là ba?

1. Thuận dịu dàng

2. Thuận cứng rắn

3. Vừa dịu dàng vừa cứng rắn.

Phật bảo chủ tỳ lệ:

- Thuận dịu dàng, như người nói, đó là thân làm việc thiện, đó là quả báo của thân làm việc thiện; đó là miệng nói điều thiện, ý khởi điều thiện, đó là quả báo của miệng nói lời thiện, ý khởi điều thiện; đó gọi là trời, đó gọi là người; đó gọi là hóa sinh cõi thiện; đó gọi là niết-bàn; đó gọi là dùng thuận dịu dàng để dạy bảo.

- Thuận cứng rắn, như người nói, tức thân người ấy làm việc ác, thân người đó chịu quả báo ác, miệng người đó nói lời ác và khởi ý ác, là miệng ý chịu quả báo ác. Đó gọi là địa ngục, đó gọi là súc sinh, đó gọi là ngã quý, đó gọi là đường ác, đó gọi là rơi vào ác thú. Đó gọi là Như Lai dùng phương pháp cứng rắn để điều phục.

- Vừa dịu dàng vừa cứng rắn, nghĩa là Như Lai có lúc nói thân làm việc thiện; có lúc nói quả báo của thân làm việc thiện; có lúc nói miệng nói điều thiện, ý khởi việc thiện; có lúc nói quả báo của miệng nói điều thiện, ý khởi việc thiện; có lúc nói thân làm việc ác; có lúc nói quả báo của thân làm việc ác; có lúc nói, miệng nói điều ác, ý khởi việc ác; có lúc nói quả báo của miệng nói điều ác, ý khởi việc ác. Như thế gọi là trời, như thế gọi là người, như thế gọi là cõi thiện, như thế gọi là niết-bàn. [66b] Như thế gọi là địa ngục, như thế gọi là súc sinh, ngã quý, như thế gọi là đường ác. Đó gọi là vừa dịu dàng vừa cứng rắn.

Người dạy ngựa bạch Phật:

- Thế Tôn! Như dùng ba phương pháp này điều phục chúng sinh. Nhưng có người không thể điều phục thì làm sao?

Đức Phật bảo chủ tỵ lạc:

- Cũng nên giết, vì sao? Vì không để làm mất uy tín của Ta.

Người dạy ngựa bạch:

- Giết hại mạng sống, đối với pháp của Đức Thế Tôn là không thanh tịnh. Trong pháp của Ngài cấm giết hại mà sao nay Ngài nói giết? Nghĩa ấy như thế nào?

Phật bảo chủ tỵ lạc:

- Trong pháp của Như Lai không cho giết hại, nhưng trong pháp của Như Lai cũng dùng ba cách để dạy. Đối với người không điều phục được thì không nói chuyện, không dạy bảo, cũng không khuyên nhắc. Há chẳng phải đã chết sao?

Người dạy ngựa bạch Phật:

- Đúng thế thưa Thế Tôn, không nói chuyện, mãi mãi không khuyên răn dạy bảo, đúng là người ấy đã chết. Vì nhân duyên này, từ nay con xa lìa các điều ác, các nghiệp bất thiện.

Người dạy ngựa sau khi nghe Phật nói pháp, vui mừng đĩnh lễ lui ra”.

Kinh *Pháp cú dụ* ghi: “Đức Phật hỏi người quản tượng:

- Có mấy cách điều phục voi?

Đáp:

- Có ba cách: một, dùng móc sắt móc vào miệng rồi buộc dây dẫn; hai, giảm phần ăn khiến voi đói gầy; ba, dùng gậy đánh làm cho nó đau đớn. Do móc sắt móc miệng nên chế ngự được miệng hung dữ, do không cho ăn

nên điều phục được thân, do dùng gậy đánh nên điều phục được tâm của voi.

Đức Phật bảo cư sĩ:

- Ta cũng dùng ba cách để điều phục tất cả chúng sinh và tự điều phục mình, đạt đến giải thoát:

1. Dùng tâm chí thành để điều phục tai họa của miệng.
2. Dùng tâm từ bi, thuần khiết để điều phục thân cang cường.
3. Dùng trí tuệ để diệt trừ mê mờ.

Dùng ba điều này để độ thoát hết thảy chúng sinh ra khỏi ba đường ác”.

Kinh *Diêm-la vương ngũ sứ* ghi: “Đức Phật bảo các tì-kheo:

- Con người sinh ở đời, không hiếu cha mẹ, chẳng kính sa-môn, không nhân từ, không học giới kinh, không sợ đời sau, người ấy sau khi chết sẽ đọa vào địa ngục. Chủ ghi chép sổ bộ đưa tội nhân đến thưa với vua Diêm-la:

- Chúng sinh nay quá ác, không hiếu kính cha mẹ, tạo các tội lỗi, không có phúc đức, không hề sợ chết, mong vua trừng phạt.

[66c] Vua Diêm-la trước nhẹ nhàng dùng lời chân chính lần lượt hiện thành năm sứ giả và hỏi:

- Thứ nhất, người đời lúc mới sinh nằm trên giường tiểu tiện trên đó, nhưng không thể tự dọn, miệng không biết nói, không biết xấu tốt. Người có thấy thế không?

Tội nhân đáp:

- Thưa, có thấy.

Vua nói:

- Người cho rằng mình không như thế sao? Nhưng thần thức con người theo thân ấy, hễ có chết thì có sinh. Tuy còn nhỏ chưa biết gì nhưng phải thường làm thiện để trau dồi ba nghiệp chân chính, vì sao buông tâm phóng ý tạo các tội lỗi?

Tội nhân đáp:

- Vì ngu muội không biết.

Vua nói:

- Người tự mình ngu si, buông lòng làm ác, lỗi đó chẳng phải của cha, mẹ, vua, thầy, trời, sa-môn, người xuất gia v.v..., đâu có thể không nhận tội? Nên nay phải chịu khổ. Đó là Diêm vương đưa ra thiên sứ thứ nhất để răn dạy tội nhân.

Thứ hai, Diêm-la lại hỏi:

- Lúc người làm người, thiên sứ lại đến, người có biết không?

Tội nhân đáp:

- Thưa, không biết.

Vua nói:

- Người có thấy người đời khi già tóc bạc, răng rụng, ốm yếu, dáng đi lưng còng cúi thấp, đứng phải nhờ gậy không thể tự lực chăng?

Tội nhân đáp:

- Thưa có thấy.

Vua nói:

- Người cho rằng chỉ một mình người có thể không già ư? Phàm con người sinh ra thì phải có già chết, vì thế thường phải làm thiện để trau dồi ba nghiệp chân chính, giữ gìn giới cấm, cố sao người tự buông bỏ?

Tội nhân đáp:

- Con vì ngu si nên dẫn đến như thế.

Vua nói:

- Người tự mình ngu si mà làm ác, chứ chẳng phải lỗi của cha mẹ, vua, trời, sa-môn, người xuất gia... Tội tự do người, há có thể không chấp nhận? Nên nay phải chịu quả báo. Đó là vua Diêm-la đưa ra thiên sứ thứ hai để răn dạy tội nhân.

Thứ ba, vua Diêm-la lại nói:

- Lúc làm người, người há không thấy nam, nữ ở thế gian thân thể bệnh tật đau khổ, đứng ngồi không yên, cái chết đến gần, sinh ra buồn phiền, thầy thuốc chữa trị vẫn không thể khỏi sao?

Đáp:

- Thưa, có thấy.

Vua nói:

- Người liệu có thể không bệnh tật chẳng? Con người đã có già thì đều phải có bệnh. Thấy thân khỏe mạnh nên cố gắng làm thiện giữ gìn giới cấm, làm cho ba nghiệp chân chánh. Cớ sao lại tự buông bỏ!

Tội nhân đáp:

- Vì ngu muội nên dẫn đến như vậy.

Vua nói:

- Người do ngu muội mà làm ác, lỗi này chẳng liên quan đến cha, mẹ, vua, trời, sa-môn, người xuất gia. Tội tự do người, há có thể không chấp nhận? Nên nay phải chịu quả báo. Đó là vua Diêm-la đưa ra thiên sứ thứ ba để răn dạy tội nhân.

[67a] Thứ tư, vua Diêm-la lại hỏi:

- Lúc làm người, người há không thấy người chết, người ta đem chôn hay bỏ thây nơi vắng để tự hoại, cho đến bảy ngày thì da thịt tan rã, chồn, cáo, trăm chim đến ăn. Con người hể đã chết thì thân như thối rữa, người há không thấy?

Tội nhân đáp:

- Thưa có thấy.

Vua nói:

- Người cho rằng riêng người có thể thoát khỏi cái chết chăng? Con người hể có sinh thì phải có chết, biết mình còn ở đời thì thường làm việc thiện, giữ gìn ba nghiệp, thọ trì giới cấm. Cớ sao tự mình buông bỏ?

Tội nhân đáp:

- Vì ngu muội nên dẫn đến như thế.

Vua nói:

- Người tự làm ác, đó chẳng phải là lỗi của cha, mẹ, vua, trời, sa-môn, người xuất gia... Tội tự do người, há có thể không chấp nhận? Nên nay phải chịu quả báo. Đó là vua Diêm-la đưa ra thiên sứ thứ tư để răn dạy tội nhân.

Thứ năm, vua Diêm-la lại hỏi:

- Lúc làm người, người há không thấy những kẻ xấu, người ác bị lính đuổi bắt dẫn chỗ quan, rồi bị hình phạt, hoặc là chặt tay, chân; hoặc xẻo tai, mũi; hoặc thiêu thân hình; hoặc treo đầu lên cao cho ánh mặt trời thiêu đốt; hoặc phanh tứ chi... rất nhiều hình phạt đau đớn khổ sở không?

Tội nhân đáp:

- Thưa có thấy.

Vua nói:

- Người cho rằng riêng người làm ác có thể thoát được sao? Mắt thấy ở đời tội phúc rõ ràng, sao chẳng làm thiện, giữ gìn ba nghiệp, vâng theo giới kinh. Vì sao vui thích làm điều ác?

Tội nhân đáp:

- Vì ngu muội nên dẫn đến như thế.

Vua nói:

- Người cố ý làm những việc không chân chính. Đó chẳng phải là lỗi của cha, mẹ, vua, trời, sa-môn, người xuất gia... Nay tội chương này phải tự lãnh nhận. Đó là vua Diêm-la đưa ra thiên sứ thứ năm để răn dạy tội nhân.

Phật nói kinh xong các đệ tử đến trước Phật cúi đầu đảnh lễ, vui vẻ vâng làm”.

Kinh *Đại pháp cú* có bài kệ:

Tuy tụng nghìn lời hay,

Không hành có ích gì,

Chẳng bằng vừa nghe qua,

Siêng tu được lợi ích.

Tuy tụng đến nghìn lời,

Mà ý nghĩa sai lạc,

Không bằng nắm nghĩa chính,

Nghe rồi tâm thanh tịnh.

Tuy tụng nghìn lời hay,

Vô nghĩa có ích gì,

Không bằng nghe một nghĩa,

Làm theo được giải thoát.

Tuy tụng đến nghìn lời,

Không kính có ích gì,

Không bằng chỉ một hạnh,

Vui vẻ nguyện thực hành.

Tuy tụng đến nghìn lời,

Tâm chấp ngã không diệt,

Không bằng hiểu một câu,

Bỏ kiêu mạn phóng dật.

Tuy tụng đến nghìn lời,

Câu danh càng dính mắc,

Không bằng nghe một điều,

Bỏ chấp, lìa tham đắm.

Tuy tụng đến nghìn lời,

Chẳng muốn trừ tội chướng,

Không bằng chỉ một câu,

Xa lìa đường sinh tử.

Tuy tụng đến nghìn lời,

Sắc dục càng bền chắc,

Không bằng hiểu một nghĩa,

Tâm, cảnh hư vọng dứt.

Tuy tụng đến nghìn lời,

Không cầu đạo xuất thế,

Không bằng ngộ một pháp,

Lìa hẳn khỏi ba cõi.

Tuy tụng đến nghìn lời,

Không giữ lòng bi trí,

Không bằng nghe một điều,

Làm lợi mình, lợi người.

Người sống một trăm tuổi,

Xan tham ngày càng chặt,

Chẳng bằng sống một ngày,

Xả bỏ tài và sắc.

Người sống một trăm tuổi,

[67b] *Không thích nghiêm trì giới,*

Không bằng sống một ngày,

Tịnh tâm giữ giới hạnh.

Người sống một trăm tuổi,

Hay sân hận không nhẫn,

Không bằng sống một ngày,

*Hoan hỷ không sân hận.
Người sống một trăm tuổi,
Giải đãi không siêng năng,
Không bằng sống một ngày,
Thân tâm đều tinh tiến.*

*Người sống một trăm tuổi,
Lòng ưa việc phóng túng,
Không bằng sống một ngày,
Đưa tâm về tĩnh lặng.*

*Người sống một trăm tuổi,
Mà tâm thức mê muội,
Không bằng sống một ngày,
Tỏ ngộ, hết vô minh.*

*Người sống một trăm tuổi,
Không khéo điều thân tâm,
Không bằng sống một ngày,
Khéo điều tâm chuyển ý.*

*Người sống một trăm tuổi,
Mà chí nguyện nhỏ, yếu,
Không bằng sống một ngày,*

Mà sức tuệ mạnh mẽ.

Người sống một trăm tuổi,

Không phát được nguyện lành,

Không bằng sống một ngày,

Phát bốn hoằng thệ nguyện²⁶⁷.

Người sống lâu trăm tuổi,

Không phát sinh trí tuệ,

Không bằng sống một ngày,

Mà trí tuệ nhạy bén.

Kinh Tạp a-hàm ghi: chư thiên nói kệ rằng:

Người ở trong thế gian,

Búa từ cửa miệng sinh,

Trở lại chặt thân mình,

Đó là vì lời ác.

Đáng chê thì khen ngợi,

Đáng ngợi khen lại chê,

Tội áy từ miệng sinh,

Chết đọa vào đường ác.

Kệ rằng:

²⁶⁷ Bốn hoằng thệ nguyện (tứ hoằng thệ nguyện 四弘誓願): bốn điều nguyện rộng lớn mà tất cả bồ-tát nên phát khởi khi còn ở nhân vị như: chúng sinh vô biên thệ nguyện độ. Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn. Pháp môn vô lượng thệ nguyện học. Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.

*Lập chí ngăn tâm ngu,
Vui ra kết bạn hiền,
Cùng nhau lập nguyện rộng,
Bỏ tục chuộng thanh cao,
Buông xả người và vật,
Rảnh rang khỏi bó buộc,
Lặng lặng tìm về chân,
Gắng lên tâm mềm yếu,
Cảnh tỉnh tu ba nghiệp,
Quyết dùng lặng bốn lưu²⁶⁸,
Khởi thế nguyện rộng lớn,
Thuyền từ cứu người đắm,
Vui mong về diệu giác²⁶⁹,
Khéo biết tu giải thoát,
Giữ tâm tu chính đạo²⁷⁰,
Nguyện thành Phật mới thôi.*

Chúc Đức dịch

²⁶⁸ Bốn lưu (tứ lưu 四流): gồm kiến lưu, dục lưu, hữu lưu và vô minh lưu.

²⁶⁹ Diệu giác 妙覺: tự mình giác ngộ khiến người giác ngộ, hai việc làm ấy đều được tròn đầy gọi là diệu giác. Tức chỉ quả vị Phật.

²⁷⁰ Chính đạo 正道 (Cg: bát chính đạo; S: āryāṣṭāṅgika-mārga): tám con đường thánh. Đó là chính kiến, chính tư duy, chính ngữ, chính nghiệp, chính mạng, chính tinh tiến, chính niệm, chính định.

CHU KINH YẾU TẬP

QUYỂN 8

XIII. BÁO ÂN

Gồm bốn phần: Dẫn nhập, Báo ân, Vong ân, Kệ tụng kết khuyến.

XIII.1. Lời dẫn

[67c] Tam bảo có ân rất lớn đối với chúng sinh. Đức Phật là bậc cha lành của bốn loại, giáo hóa rộng khắp mười phương, bình đẳng xem tất cả như con một. Người căn cơ dù kém đến đâu cũng được thấm nhuần; kẻ trí thông lợi cỡ nào vẫn mong dạy dỗ. Vì thế, vua Ưu-điêm tạc tượng chiêm-đàn, tượng phóng quang rực rỡ; vua Ba-tư-nặc đúc tượng bằng vàng, tượng rời tòa đi đến đỉnh lễ Phật.

Từ đó về sau, diêm lành nhiều lần ứng hiện, tiếng tốt đồn xa, người người qui hướng. Niệm Phật thì tội diệt phúc sinh; kính Phật thì tâm lành nhiều đời chẳng mất. Nhân vì, Như Lai nuôi dưỡng pháp thân của ta; cha mẹ nuôi nấng nhục thân của ta, ân đức ấy đã sâu, lại cao vời khó báo. Như vậy người trái nghịch với ân nặng, lẽ nào chẳng mãi chìm nổi trong bể khổ?

Thế nên, vợ ngầm bỏ thuốc độc hại chồng mà chồng nhờ đó được vua ban thưởng. Tiều phu phản bội hại gấu liền bị hiện báo rụng tay. Vì vậy, luận *Trí độ* nói: “Biết ơn là gốc của đại bi, là cửa ngõ đầu tiên để mở ra nghiệp lành, được người kính mến, tiếng tăm vang xa, chết được sinh lên cõi trời, rốt sau thành quả Phật. Người không biết ơn còn tệ hơn cả súc sinh”

XIII.2. Báo ân

Kinh *Chính pháp niệm* ghi: “Có bốn ân khó báo đáp: một là ân mẹ; hai là ân cha; ba là ân Như Lai; bốn là ân sư trưởng. Nếu có người nào cúng dường bốn hạng người trên thì phúc báo vô lượng, đời này được mọi người khen ngợi, về sau sẽ thành Phật”.

Kinh *Đại bát-nhã* ghi: “Nếu có người hỏi:

- Ai là người biết ân và báo ân?

Nên đáp ngay rằng:

- Phật là người biết ơn và báo ân.

Vì sao? Vì trong thế gian không ai biết ân và báo ân bằng Phật”.

Kinh *Tăng nhất a-hàm* ghi: “Bấy giờ, Đức Phật bảo các tì-kheo:

- Nếu có chúng sinh biết ân và báo ân thì dù ân nhỏ còn không quên hưởng gì ân lớn.[68a] Người ấy thật đáng kính. Hạng người như thế dẫu có cách Ta trăm nghìn do-tuần cũng như ở gần bên Ta, Ta thường khen ngợi. Nếu có chúng sinh không biết ân và báo ân thì ân lớn còn không nhớ hưởng gì ân nhỏ. Người ấy không thể gần Ta, Ta cũng không gần người ấy. Dẫu người ấy có đắp tăng-già-lê ở bên Ta, nhưng vẫn cách xa Ta. Thế nên, tì-kheo phải biết ân và báo ân, chớ học theo thói bội bạc”.

Kinh *Xá-lợi-phất vân* ghi: “Đức Phật dạy:

- Đệ tử Phật tùy theo sức mình mà thực hiện việc báo ân không kể nhiều ít.

Văn-thù-sur-lợi bạch Phật:

- Vì sao Như Lai nói ân cha mẹ không thể không báo đáp, lại nói ân sư trưởng không thể tính lường, vậy ân nào lớn nhất?

Đức Phật dạy:

- Người tại gia phải thường ở bên cạnh hiếu dưỡng cha mẹ, chớ cho rằng ân sinh trưởng bằng ân thầy thế tục. Vì ân sinh dưỡng sâu nặng nên nói là lớn. Nếu theo thầy học thế gian, mở mang kiến thức thì đó là ân lớn thứ hai. Người xuất gia lìa bỏ nhà sinh tử của cha mẹ vào nhà Phật pháp, thụ nhận được giáo pháp vi diệu là nhờ công sức của thầy. Thầy chính là người nuôi lớn pháp thân của ta; đem tài sản công đức vun bồi tuệ mệnh của ta, nên ân ấy to lớn vô cùng, hơn cả ân sinh dưỡng”.

Kinh *Trung âm* ghi: “Phật hỏi ngài Di-lặc:

- Ở châu Diêm-phù-đề²⁷¹ từ khi đứa bé sinh ra cho đến ba tuổi, người mẹ ẵm bồng cho bú hết bao nhiêu sữa?

Ngài Di-lặc đáp:

- Người châu Diêm-phù-đề bú hết một trăm tám mươi hộc sữa và khi còn trong bụng mẹ lấy hết bốn phần thức ăn của mẹ. Người châu Đông Phát-vu-đãi²⁷² từ khi sinh ra cho đến ba tuổi bú hết một nghìn tám trăm hộc sữa. Người châu Tây Câu-da-ni²⁷³ từ khi sinh ra cho đến ba tuổi bú hết tám trăm tám hộc sữa. Vì ở châu Bắc Uất-đơn-việt²⁷⁴ không có sữa, nên đứa bé châu này khi sinh ra được đặt ở đầu đường, người đi ngang cho mút ngón tay, trải qua bảy ngày thì đã lớn khôn.

Thân trung ẵm của bốn châu đều hưởng thụ mùi trong gió mà sống”.

Kinh *Nan báo* nói: “Nếu có người vai trái cõng cha, vai phải mang mẹ, suốt cả nghìn năm, mặc cho cha mẹ tiểu tiện trên lưng, vẫn chưa đền hết công ơn cha mẹ”.

Kinh *Tăng nhất a-hàm* nói: “Công đức của người hiếu thuận, nuôi dưỡng cha mẹ sánh bằng công đức của vị bồ-tát Nhất Sinh Bồ Xứ”.

Lục độ tập kinh chép: “Xưa, bồ-tát là một người giàu có, của cải vô lượng, thường cung phụng tam bảo và có lòng thương xót chúng sinh.

Một hôm đi qua chợ, bồ-tát thấy một con ba ba bị bắt đem bán, động lòng trắc ẩn, bồ-tát bèn hỏi mua. Người bán ba ba biết bồ-tát có lòng từ bi nên nói thách:

- Giá một trăm vạn tiền.

Bồ-tát nói:

²⁷¹ Diêm-phù-đề 閻浮提 (S: Jambu-dvīpa): châu Nam Thiệm-bộ, một trong bốn châu lớn nằm ở phía nam núi Tu-di. Diêm-phù-đề vốn riêng chỉ cho Ấn Độ nhưng sau trở thành chỉ chung cho thế giới này.

²⁷² Đông Phát-vu-đãi 東弗于逮 (S: Pūrva-videha): châu Đông Thắng Thân. Châu này nằm trong biển nước mặn phía đông núi Tu-di, vì thân người ở châu này xinh đẹp nên gọi là “Thắng Thân”.

²⁷³ Tây Cù-da-ni 西拘耶尼 (S: Aparā-godānīya): châu Tây Ngưu Hóa. Châu này nằm ở phía tây của núi Tu-di, do dùng trâu, bò để trao đổi buôn bán nên gọi là “Ngưu Hóa”.

²⁷⁴ Bắc Uất-đơn-việt 北鬱單越 (S: Uttara-kuru): châu Bắc Câu-lu. Châu này nằm ở phía bắc núi Tu-di. Câu-lu nghĩa là thắng xứ. Vì người ở cõi này y báo, chính báo đều thù thắng nên có tên như thế.

- Được, tôi mua.

Thế rồi, bò-tát đem ba ba về nhà, thả xuống dòng sông. Nhìn nó bơi đi mà lòng bò-tát vô cùng vui vẻ, phát thệ nguyện: ‘Mong cho những chúng sinh gặp nạn được an toàn như người hôm nay’.

Phát nguyện lớn ấy xong, ngài được các Đức Phật khen ngợi.

Vào nửa đêm hôm sau, ba ba đến găm vào cánh cửa nhà bò-tát. Nghe tiếng lạ, bò-tát bèn mở cửa ra xem thì thấy ba ba. Ba ba nói với bò-tát:

- Tôi mang ơn của ngài nên được bảo toàn thân mạng mà nay không biết lấy gì để đền đáp. Là loài ở dưới nước, tôi biết được sự lên xuống của nước. Nạn hồng thủy sắp xảy ra, nó sẽ gây thiệt hại rất lớn. Mong ngài mau chuẩn bị thuyền, đến lúc ấy tôi sẽ đến đón.

[68b] Bò-tát nói:

- Tốt lắm!

Sáng hôm sau, bò-tát vào cung trình bày hết sự việc cho vua nghe. Vua cho rằng bò-tát trước đây vốn nổi tiếng là người tốt nên tin lời bò-tát. Liên đó, vua ra lệnh cho di dời từ chỗ thấp đến chỗ cao.

Nước dâng cao, ba ba bơi đến, nói với bò-tát:

- Ngài hãy mau lên thuyền đi theo tôi sẽ được an toàn. Thuyền của bò-tát liền theo sau ba ba.

Đi được một đoạn, thấy có con rắn bơi đến thuyền, bò-tát nói:

- Hãy cứu con rắn.

Ba ba đáp:

- Vâng.

Đi thêm một đoạn, lại gặp một con cáo đang bị nước cuốn trôi, bò-tát nói:

- Hãy cứu con cáo.

Ba ba cũng đáp:

- Vâng!

Tiến đến đoạn nữa lại gặp một người bị nước cuốn trôi, mặt mày tái nhợt, ngửa mặt lên trời luôn gọi cứu mạng.

Bồ-tát nói:

- Hãy vớt người ấy lên.

Ba ba trả lời:

- Đừng vớt! Người phạm tâm dối trá, ít giữ chữ tín, ưa chạy theo quyền thế, vong ân bội nghĩa, làm chuyện phản nghịch.

Bồ-tát nói:

- Loài vật ta còn cứu vớt, huống hồ là con người mà ta khinh rẻ thì sao gọi là nhân từ? Ta không thể nhẫn tâm!

Thế rồi, bồ-tát vớt người ấy lên. Ba ba nói:

- Rồi ngài sẽ hối hận!

Thuyền của bồ-tát đã đến được một nước an toàn. Ba ba bèn từ biệt và nói với bồ-tát:

- Ân nghĩa đã đền xong, tôi xin từ biệt.

Bồ-tát nói:

- Khi thành tựu được Như Lai, Vô Sở Trước, Chí Chân, Đẳng Chính Giác, ta sẽ độ người.

Ba ba đáp:

- Vâng!

Ba ba đã cáo biệt, rấn và cáo cũng tạ từ, mỗi con đi mỗi đường.

Cáo đào một cái hang để ở, chợt nó phát hiện có một trăm cân vàng ròng của người xưa chôn cất. Nó vui vẻ nói:

- Ta sẽ lấy số vàng này dâng cho bò-tát để đền ơn.

Nói rồi, cáo đi đến chỗ bò-tát thưa:

- Tôi mang ơn ngài cứu giúp mà được bảo toàn thân mạng. Khi tôi đào hang để ở gặp được một trăm cân vàng. Hang này không phải gò mã, không phải là nhà. Cho nên số vàng này chẳng phải ăn trộm, cũng chẳng phải cướp giựt. Tôi xin thật lòng mang đến dâng lên hiền giả.

Bò-tát suy nghĩ: ‘Ta không nhận thì cũng vất bỏ một cách vô ích, chi bằng tạm nhận rồi đem chia cho những người nghèo, cứu giúp họ, chẳng phải tốt lắm sao!’.

Ngài bèn nhận lấy số vàng ấy. Người được bò-tát cứu thấy thế nói:

- Hãy chia cho tôi một nửa.

Bò-tát bèn lấy mười cân vàng chia cho người ấy. Ông ta lại nói:

- Ngài đào mồ để ăn cắp vàng, tội này phải chết, vì sao không chia cho tôi một nửa? Tôi sẽ báo quan!

Bò-tát nói:

- Ta muốn chia đều số vàng này cho những người nghèo khổ, người muốn giành về cho mình, chẳng phải không công bằng sao?

Người kia đi báo quan. Bò-tát bị bắt, ngài không biện bạch, chỉ hướng về tam bảo sám hối lỗi lầm của mình, ăn năn tự trách. Với lòng từ bi ngài nguyện: ‘Mong cho chúng sinh sớm lìa được tám nạn, không bị oán kết như tôi ngày nay’.

Rấn và cáo họp lại bàn:

- Làm thế nào để giải quyết việc này?

Rắn nói:

- Tôi sẽ đi cứu bồ-tát.

[68c] Nói rồi, nó liền ngậm một viên thuốc quý bỏ vào ngực, thấy bồ-tát thân thể tiêu tụy, trong lòng đau xót, liền nói với bồ-tát:

- Nay tôi trao viên thuốc này, ngài hãy mang nó bên mình. Tôi tìm cách cắn vào ngón tay thái tử, chất độc của tôi là cực độc, không ai có thể giải được. Lúc đó, ngài trình lên vua và lấy viên thuốc này xin giải độc cho thái tử thì độc liền được giải và ngài nhờ đó được thoát nạn.

Bồ-tát im lặng làm theo lời của rắn.

Lúc bấy giờ, mạng sống của thái tử đang lâm vào tình huống nguy kịch, vua bèn ra lệnh:

- Nếu có ai trị được chất độc cho thái tử, ta sẽ phong làm thừa tướng và cùng ta cai trị đất nước.

Bồ-tát xin vua được trị độc cho thái tử, thái tử liền hoàn toàn bình phục. Vua rất vui mừng, hỏi duyên cớ. Bồ-tát kể hết sự việc cho vua nghe. Vua buồn bã tự trách:

- Ta thật ngu muội.

Sau đó, vua lệnh bắt người kia chém đầu, rồi ra lệnh ân xá cho tội nhân trong cả nước. Đúng như lời hứa, vua phong bồ-tát làm tướng quốc, cầm tay bồ-tát dắt vào cung, đàm luận Phật pháp. Từ đó, đất nước hưởng cảnh thái bình thịnh trị.

Đức Phật bảo các tì-kheo:

- Người giàu có lúc ấy nay là Ta. Vị vua của đất nước ấy là Di-lặc; ba ba là A-nan; cáo là Xá-lợi-phất; rắn chính là Mục-kiền-liên; người sắp chết đuối ấy là Đề-bà-đạt-đa.

Bồ-tát từ bi, trí tuệ thực hành bồ thí ba-la-mật như thế”.

Luận *Tân-tì-bà-sa* ghi: “Thuở xưa thời vua Ba-nị-sắc-ca nước Kiền-đà-la, có một hoàng môn²⁷⁵ giám sát các việc trong nội cung. Một hôm, ông ra ngoài thành thấy bảy bò năm trăm con đang được đưa vào nội thành. Ông ta đến hỏi người lừa bò:

- Đây là loại bò gì?

- Đây là những con bò đang đưa đi thiện. Người lừa bò trả lời.

Người hoàng môn suy nghĩ: ‘Ta đời trước gây nghiệp ác, đời này mang thân hoàng môn. Nay ta nên xuất tiền cứu đàn bò gặp nạn này’.

Nghĩ rồi, ông đến hỏi giá của cả đàn bò và bỏ tiền cứu thoát chúng. Nhờ năng lực nghiệp thiện vừa làm, ngay đó ông trở lại thành người đàn ông hoàn thiện. Lòng vô cùng sung sướng, ông bèn trở về hoàng cung, đứng ngoài cửa hồi lâu rồi nhờ sứ vào thưa xin được gặp vua. Vua lấy làm lạ cho gọi ông vào và hỏi nguyên do. Vị hoàng môn kể lại đầu đuôi sự việc. Vua nghe kinh ngạc, vui mừng, ban tặng nhiều châu báu và cho ông làm quan lớn coi việc bên ngoài”.

XIII.3. Vong ân

Kinh *Bách dụ* ghi: “Thuở xưa, có một người phụ nữ hoang dâm vô độ, tính dục lầy lùng, ghen ghét chồng mình. Bà thường nghĩ phương cách để làm hại chồng, tuy đã lập ra nhiều mưu kế nhưng không thành. Một hôm, bà biết chồng sẽ làm sứ giả đến nước láng giềng, nên đã âm thầm tính kế làm viên thuốc độc để hại. Bà nói dối chồng:

- Nay chàng làm sứ giả đi xa, sợ gặp phải khó khăn thiếu thốn, nên thiếp đã chuẩn bị năm trăm hoan hỷ hoàn²⁷⁶ dùng làm lương thực để chàng mang theo. Khi chàng ra khỏi nước đến lãnh thổ của người, lúc đói thì có thể lấy lương thực ra dùng.

²⁷⁵ Hoàng môn 黃門 (S: paṇḍaka): ở đây chỉ cho người nam bị tịnh thân mất nam căn để đưa vào cung lo liệu các việc trong hậu cung.

²⁷⁶ Hoan hỷ hoàn 歡喜丸: một dạng thức ăn dùng sữa, bột, mật gừng v.v... trộn đều vo thành viên.

Tin theo lời vợ, người chồng khi vào đến địa phận nước khác, định dừng bữa, nhưng chưa kịp ăn thì trời đã sập tối nên phải dừng nghỉ qua đêm trong rừng. [69a] Vì sợ thú dữ, ông leo lên cây, bỏ quên hoan hỷ hoàn dưới gốc. Ngay đêm đó, có năm trăm tên giặc cướp được năm trăm con ngựa và báu vật của vua nước ấy cũng dừng nghỉ bên gốc cây của người đi sứ. Vì vội vàng tháo chạy nên tất cả đều đói khát, nay chợt gặp được hoan hỷ hoàn ở gốc cây, bèn giặc mỗi người lấy ăn một viên. Sau đó, thuốc độc phát tác, năm trăm tên giặc cùng một lúc chết ngay tại chỗ.

Bảy giờ, người ở trên cây đến sáng tỉnh dậy thấy bọn cướp chết ở dưới gốc cây, ông xuống giả lấy dao, tên đâm vào thân người chết, thâu lấy ngựa và của cải châu báu rồi đi đến vua nước ấy. Đúng lúc, vua nước ấy đem quân đuổi theo dấu của bọn cướp, giữa đường gặp người đi sứ, vua hỏi:

- Người là người nước nào, ở đâu có được nhiều ngựa như thế?

Người đi sứ trả lời:

- Tôi là người nước kia, tình cờ ở trên đường gặp bọn giặc cướp nên đã ra tay trừ gian, năm trăm tên giặc đó nay đều chết chung một chỗ ở dưới gốc cây. Vì thế mà tôi có được ngựa, của cải châu báu, nay xin đem đến dâng trả cho bệ hạ. Nếu người không tin thì hãy đến xem nơi giặc đã bị giết chết.

Vị vua kia liền sai người thân tín đi xem thì thật đúng như lời người sứ nói. Vua vui mừng khen ngợi, cho là điều chưa từng có. Sau khi về cung, vua thưởng cho ông ta rất hậu và còn phong cho làm chủ một vùng. Các vị cựu thần của vua đều ghen ghét ông ta nên tâu:

- Người này từ xa đến, chưa tin dùng được, vì sao bệ hạ vội vàng sủng ái, hậu đãi quá mức, thậm chí còn ban chức lớn hơn những vị cựu thần?

Người đi sứ nghe được liền nói:

- Ai là người mạnh mẽ, hãy cùng ta thi đấu, xin mời ra chỗ đất trống so tài. Các vị cựu thần hoảng sợ không ai dám đối địch.

Về sau, ở trong một vùng hoang dã rộng lớn có con sư tử dữ chặn đường giết người, làm cản trở sự qua lại. Lúc đó, các vị cựu thần cùng nhau bàn

bạc: ‘Ông ấy tự cho mình là người mạnh mẽ không ai địch nổi, nếu nay ông ta có thể giết sư tử kia trừ họa cho đất nước thì thật là một điều tốt đẹp’. Bàn xong, họ liền tâu vua. Vua nghe theo, lại ban cho người đi sứ đao gậy, sai đi giết sư tử.

Ông ta nhận sắc lệnh của vua, ý chí kiên cường đi đến chỗ sư tử. Sư tử thấy ông đến liền chồm dậy, rống lên rồi lao tới trước, ông sợ hãi liền leo lên cây. Sư tử há miệng ngẩng đầu nhìn lên. Ở trên cây, ông run sợ làm rơi dao trúng miệng sư tử, làm cho sư tử chết ngay tại chỗ. Ông ta vui mừng sung sướng đi đến tâu vua. Vua càng thêm quý trọng. Lúc này, mọi người trong nước đều kính phục và khen ngợi ông ta không một chút nghi ngờ”.

Chư kinh yếu tập ghi: “Có người vào rừng đốn củi nhưng không nhớ lối về, lại gặp trời mưa lớn, đến chiều vì bị đói rét và sợ trùng độc thú dữ làm hại nên người ấy trú trong hang đá. Trong hang ông gặp phải một con gấu rất lớn, người ấy hoảng hốt chạy ra ngoài. Con gấu liền nói:

- Ông chớ khiếp sợ, hang đá này thật ấm áp, hãy trú ngụ nơi đây!

Lúc ấy, trời mưa liên tiếp bảy ngày, gấu thường đem trái ngon nước ngọt cung cấp cho người ấy. Bảy ngày sau trời tạnh, gấu dẫn người ấy ra chỉ lối tắt cho về. Trước khi ông ấy đi, gấu dặn:

- Thân tôi đầy tội lỗi, nhiều người oán ghét, nếu có gặp người nào hỏi, chớ nói là ông đã gặp tôi.

Người ấy trả lời:

- Được!

Người ấy đi về phía trước thì gặp những người đi săn, họ hỏi ông:

- Ông từ đâu đến, có thấy con thú nào không?

Người ấy trả lời:

- Có thấy một con gấu lớn, nhưng nó có ân cứu mạng, tôi không thể chỉ cho các vị.

Những người đi săn nói:

- Ông là loài người, hãy đứng về phía của con người, sao lại tiếc một con gấu. Ông chỉ lạc đường một lần hôm nay, biết khi nào ông mới trở lại chỗ này? Ông hãy chỉ cho tôi, tôi sẽ chia cho ông nhiều hơn.

Người ấy xiêu lòng, dẫn thợ săn đến hang gấu. Thợ săn giết con gấu, chia cho ông ta phần nhiều, nhưng khi vừa đưa hai tay ra lấy thịt thì lập tức hai tay ông ta lìa khỏi thân. Người thợ săn hỏi:

Ông có tội gì thế?

Người ấy trả lời:

- Gấu này xem tôi như cha với con, thế mà nay tôi vong ân bội nghĩa, cho nên mới đưa đến quả báo này.

Người thợ săn nghe nói hoảng sợ không dám ăn thịt gấu, họ lại đem đến cúng dường cho chúng tăng. Trong đó có vị thượng tọa đã đắc A-la-hán bảo các vị hạ tọa:

- Đây là thịt của bồ-tát, tương lai ngài sẽ thành Phật, các vị chớ ăn thịt này.

Chư tăng bèn xây tháp cúng dường. Vua nghe việc đó liền ban sắc lệnh: “Người trong nước ta, nếu ai vong ân bội nghĩa thì bị đuổi ra khỏi nước”.

(Luận Tân-bà-sa ghi: “Khi ấy, vị thượng tọa quán sát biết đó là thịt của bồ-tát nên đã cùng nhau lấy gỗ hương thiêu nhục thân rồi gom xương còn lại để xây tháp lễ bái cúng dường, giống như thờ tháp Phật”).

Kinh *Cửu sắc lộc* ghi: “Thuở xưa, bồ-tát là một con nai có bộ lông chín màu, sừng nai trắng như tuyết. Con nai thường ra bờ sông ăn cỏ, uống nước và làm bạn với một con quạ. Một hôm, có một người bị nước cuốn trôi giữa dòng. Người ấy ngoi ngóp, ngóc đầu lên kêu cứu: ‘Hỡi tiên thân, thụ thân, chư thiên, long thần, sao không thương tôi!’. Nghe tiếng kêu, con nai liền bơi xuống sông cứu người ấy. Nai nói:

- Ông hãy ngồi lên lưng và nắm chặt hai sừng của tôi, tôi sẽ đưa ông lên bờ.

Sau khi được đưa lên bờ, người ấy đi quanh con nai ba vòng cúi đầu lạy tạ mà nói:

- Nay tôi xin làm kẻ hầu hạ, tùy ý ngài sai khiến như lấy nước, hái rau v.v..

Con nai nói:

- Thôi, không cần đâu! Từ nay, đừng ai nấy đi. Nếu muốn đền ơn, tôi chỉ xin ông một điều là đừng nói cho ai biết tôi ở đây. Vì người ta thích da và sừng của tôi, nếu biết được chỗ của tôi, nhất định họ sẽ tìm giết.

Bấy giờ, hoàng hậu của vua nước ấy, đêm nằm mộng thấy có con nai chín màu, rồi bà giả bệnh nằm mãi không ngồi dậy. Thấy vậy, vua hỏi nguyên nhân, hoàng hậu tâu:

- Đêm qua thiếp nằm mộng thấy một con nai rất lạ, lông nó có chín màu, [69c] sừng nó trắng như tuyết; thiếp mong sao có thể lấy da nó làm nệm lót ngồi, lấy sừng nó làm cán cho cây quét bụi. Bệ hạ hãy tìm bắt nó cho thiếp. Nếu bệ hạ không tìm được chắc thiếp sẽ chết mất!

Nghe xong, vua thông báo cho cả nước biết, nếu ai tìm được con nai như vậy thì sẽ chia đất nước cho cùng cai trị và ban cho bát vàng đựng đầy hạt lúa bạc; bát bạc đựng đầy hạt lúa vàng.

Bấy giờ, người bị nước cuốn trôi nghe được tin ấy, vì muốn được giàu sang nên anh ta nghĩ: ‘Nai là loài vật, sống chết đâu có nghĩa gì!’ Nghĩ vậy rồi, người ấy đến cung vua và tâu: ‘Tôi biết chỗ ở của con nai ấy’.

Nhà vua vui mừng nói: ‘Nếu người lấy được da và sừng của nó đem về đây thì ta sẽ chia cho người một nửa đất nước’. Vua nói lời ấy xong thì bỗng dưng mặt người ấy sinh mụn độc. Ông lại tâu:

- Đại vương! Con nai kia tuy là loài vật, nhưng nó có oai thần lớn. Bệ hạ nên cho nhiều binh lính cùng đi mới có thể bắt được nó.

Nghe lời người ấy, vua đích thân dẫn một đạo quân lớn đi thẳng đến bên bờ sông Hằng. Bấy giờ, con quạ đang đậu trên ngọn cây trông thấy binh lính nhà vua ồ ạt kéo đến, nó liền gọi nai: ‘Bạn ơi! Hãy tỉnh dậy mau! Quân lính nhà vua đã đến!’ Nai vẫn ngủ say, không hề biết. Thấy

vậy, con quạ bay xuống mổ vào tai con nai, nai vừa tỉnh giấc, ngoái nhìn bốn phía thì thấy quân lính đã vây kín không còn đường thoát. Nai đi đến cạnh xe của vua, có vị đại thần đứng gần vua định bắn, nhưng nhà vua ngăn: ‘Đừng bắn! Con nai này trông rất lạ, chắc có lẽ đây là thiên thần!’.

Nai nói với vua:

- Đại vương chớ bắn tôi. Trước đây tôi có cứu sống một người trong nước của nhà vua.

Nói rồi nó lại quỳ xuống và hỏi nhà vua:

- Ai đã chỉ cho bệ hạ biết tôi ở đây?

Nhà vua chỉ sang người đứng bên cạnh xe và nói:

- Chính người mặt có đầy mụn độc kia đã dẫn ta đến đây.

Con nai ngược nhìn vào mặt người kia, nó nghẹn ngào rơi lệ, không sao cầm lại được và nói với nhà vua:

- Người kia trước đây bị nước cuốn trôi, tôi không tiếc thân mạng, liều mình xuống mang anh ta lên bờ. Khi chia tay người kia đã hứa không nói cho ai biết chỗ tôi ở. Người này chẳng biết báo ân, cứu người này không bằng vớt một khúc gỗ trôi sông.

Nhà vua nghe nai nói, lấy làm hổ thẹn mới mắng người kia:

- Người chịu ơn cứu mạng của nai, vì sao lại trở lòng muốn làm hại? Nói rồi, vua liền hạ lệnh khắp cả nước:

- Nếu người nào đuổi bắt con nai này thì bị giết cả năm họ!

Từ đó, một bầy nai mấy nghìn con thường đến cư trú ở nước này, chúng chỉ ăn cỏ, uống nước mà không hề phá hoại lúa mạ. Nước ấy mưa hoà gió thuận, ngũ cốc được mùa, nhân dân không có bệnh dịch và thiên hạ an hưởng thái bình.

Phật nói với các tì-kheo:

- Con nai chín màu thỏ đỏ nay chính là Ta. Con quạ là A-nan; nhà vua nước kia nay là vua Tịnh Phạn ; hoàng hậu của vua thỏ đỏ nay là Tôn-đà-lợi; người bị nước cuốn trôi kia nay chính là Điều-đạt. Dù Ta có lòng tốt mà Điều-đạt²⁷⁷ lại cố muốn hại Ta song vẫn không được toại nguyện”.

Kinh *Tước vương* ghi: “Thuở xưa, bồ-tát là một chim sẻ chúa, với tâm từ bi cứu độ tất cả chúng sinh. Có lần, vì cứu mạng chúng sinh mà bồ-tát bị thương.

Lúc ấy, có một con hổ chuyên ăn thịt các loài vật. Một hôm ăn thịt xong, răng nó bị mắc xương nên không ăn uống gì được, đói khát kéo dài sắp chết. Chim sẻ chúa thấy vậy bay vào miệng mổ gỡ xương giúp nó. Ngày nào chim sẻ chúa cũng bay vào miệng mổ gỡ xương cho hổ, nhưng cũng vì thế mà mỏ của chim sẻ chúa bị thương, không ăn được, thân thể gầy mòn.

[70a] Sau khi lấy xương ra, hổ được thoát chết, chim sẻ chúa bay lên cây nói cho hổ nghe lời Phật dạy: ‘Giết hại mạng sống là việc làm tàn bạo, tội ác ấy không tội nào lớn bằng!’.

Nghe tiếng khuyên bảo của chim sẻ chúa, hổ ùng ùng nổi giận và nói:

- Người mới vừa thoát khỏi miệng của ta mà còn dám nhiều lời!

Thấy hổ không thể giáo hóa được, chim sẻ chúa liền bay xa.

Đức Phật dạy:

- Chim sẻ chúa thỏ ấy nay chính là Ta, còn con hổ kia nay chính là Điều-đạt”.

Kinh *Tạp bảo tạng* ghi: “Bây giờ, Đề-bà-đạt-đa luôn ôm lòng ác muốn hại Đức Phật, ông thuê năm trăm bà-la-môn giỏi bắn cung bắn Đức Phật. Khi giương cung thì những mũi tên bắn ra đều hóa thành các bông hoa. Năm trăm bà-la-môn thấy sự thần biến như thế đều rất sợ hãi, lập tức buông bỏ cung tên, lễ Phật sám hối. Đức Phật thuyết pháp, tất cả đều chứng được quả Tu-đà-hoàn.

²⁷⁷ Điều-đạt 調達 (S: Devadatta; Cg: Đề-bà-đạt-đa): vị ti-kheo phạm tội ngũ nghịch, phá hoại tăng đoàn, đối nghịch với Phật. Ông là con của Hộc Phạn vương (chú của thái tử Sĩ-đạt-ta), cũng có thuyết cho là con của Cam Lộ Phạn vương hoặc con của trưởng giả Thiện Giác.

Năm trăm bà-la-môn lại bạch Phật:

- Cúi xin Đức Thế Tôn cho phép chúng con được xuất gia học đạo.

Phật nói:

- Thiện lai tì-kheo!

Năm trăm bà-la-môn râu tóc tự rụng, pháp phục được đắp lên thân. Phật lại thuyết pháp cho họ, khiến tất cả đều chứng được quả A-la-hán.

Bấy giờ, các tì-kheo bạch Phật:

- Thân lực của Đức Thế Tôn thật là hiếm có, Đề-bà-đạt-đa luôn muốn hại Phật, nhưng Ngài thường khởi lòng từ đối với ông ta.

Đức Phật nói:

- Không chỉ đời này như thế. Vào thời quá khứ, trong nước Ba-la-nại có một vị chủ buôn tên là Bất Thức Ân. Một hôm, ông cùng với năm trăm người lái buôn vào biển tìm châu báu. Khi tìm được châu báu, trên đường trở về đến đoạn vực sâu nước xoáy, lại gặp la-sát dưới nước bắt giữ, nên thuyền không thể đi được. Mọi người đều rất sợ hãi đồng thanh kêu cứu:

- Thiên thần, địa thần, các thần mặt trời, thần mặt trăng, xin các ngài xót thương cứu giúp chúng tôi.

Lúc ấy, có một con rùa lớn, lưng nó rộng một dặm, nghe tiếng cầu cứu, sinh lòng thương xót liền đến chỗ thuyền, chở mọi người vào bờ.

Khi đến bờ, rùa nằm thiếp đi, Bất Thức Ân muốn lấy đá đập đầu giết rùa, thì mọi người đều can:

- Chúng ta nhờ ơn cứu nạn của rùa nên mới toàn mạng, nếu giết nó là điều không tốt, là kẻ vong ân.

Bất Thức Ân nói:

- Giải quyết cơn đói đang bức bách, ai còn nghĩ đến việc ân nghĩa.

Nói xong, anh ta liền giết rùa ăn thịt. Ngay trong đêm ấy bỗng có một bầy voi lớn kéo đến giày đạp chết hết cả bọn thương buôn.

Đức Phật bảo các tì-kheo:

- Con rùa lớn lúc ấy chính là thân Ta; Bất Thức Ân chính là Đê-bà-đạt-đa, còn năm trăm thương buôn chính là năm trăm bà-la-môn xuất gia đắc đạo ngày nay. Thuở xưa, ta cứu họ thoát hoạn nạn, bây giờ lại giúp họ thoát khỏi họa sinh tử”.

Phật thuyết kinh chiên-đàn thụ ghi: “Phật bảo A-nan:

- Hãy lắng nghe và lĩnh thụ. Lúc bấy giờ, trong nước Duy-da-li²⁷⁸ có năm trăm người ra biển tìm châu báu, họ bỏ thuyền đi bộ trở về theo con đường tắt xuyên qua rừng sâu. Trời sụp tối, họ dừng nghỉ và dự định sáng đi sớm. [70b] Sáng đến, bốn trăm chín mươi chín người đều ra đi nhưng có một người vì ngủ say nên dậy trễ. Do đó lạc đoàn, lại gặp lúc trời mưa tuyết xóa mất lối đi. Người này khốn đốn trong rừng, gào khóc kêu trời.

Trong rừng có cây chiên-đàn hương rất lớn, vị thụ thần của cây này đến nói với người lạc đường: ‘Người có thể lưu trú ở đây, ta sẽ cung cấp thức ăn đồ mặc cho người, đợi đến mùa xuân thì có thể đi’.

Người lạc đường liền ở lại ba tháng. Một hôm, người lạc đường nói với thụ thần:

- Tôi nhờ ân của ngài nên mới bảo toàn được tính mạng, lại chưa có chút gì báo đáp, nhưng tôi còn song thân ở quê nhà nên muốn trở về, xin ngài chỉ giúp đường.

Thụ thần nói:

- Được.

Thần còn tặng cho người lạc đường một bình vàng, lại nói:

²⁷⁸ Nước Duy-da-li (Duy-da-li quốc 維耶離國; Cg: Ti-xá-li thành; S: Vaiśāli): một quốc gia thời xưa thuộc vùng Trung Ấn Độ. Đại sĩ Duy-ma trụ ở nước này và cũng là nơi bảy trăm vị hiền thánh kết tập kinh điển lần thứ hai sau khi Đức Phật nhập diệt một trăm năm.

- Đi không bao xa sẽ trở về làng.

Người lạc đường sắp đi bèn hỏi thọ thần:

- Cây này có hương thơm thanh khiết, thật ít có ở đời, nay tôi sắp ra về, muốn được biết tên của nó.

Thọ thần nói:

- Anh chẳng nên hỏi làm gì.

Người lạc đường lại nói:

- Tôi nhờ cây này che chở trải qua ba tháng, nếu trở về quê nhà thì phải tuyên dương công ơn của cây này.

Thọ thần đáp:

- Cây này tên chiên-đàn, gốc rễ cành lá của nó đều chữa được nhiều bệnh, hương của nó bay xa. Đây là cây quý hiếm, nên nhiều người rất muốn được nó, xin ông đừng nói cho ai biết.

Người lạc đường trở về quê hương, họ hàng thân tộc đều rất vui mừng.

Sau đó không lâu, vua nước này mắc bệnh đau đầu, đã cầu cúng các thần đất, trời, non nước... nhưng bệnh không khỏi. Danh y xem bệnh nói: ‘Chỉ có cây chiên-đàn hương mới chữa khỏi bệnh cho bệ hạ’.

Nghe xong, vua liền sai người tìm khắp nhưng không có, vua lại ra lệnh trong nước nếu ai tìm được cây chiên-đàn hương thì sẽ được phong hầu và gả cho công chúa.

Bấy giờ, người lạc đường nghe vua ban thưởng hậu hỉ liền đến tâu: ‘Tôi biết chỗ có cây chiên-đàn hương’.

Vua liền ra lệnh cho thợ mộc cùng người lạc đường đốn cây đem về. Khi đến nơi vị quan thấy cây to cao sừng sững, cành lá sum suê, hoa quả rục rĩ hiếm thấy nên không nỡ chặt, song nếu không chặt thì trái lệnh vua, đang

phân vân do dự chưa biết phải làm sao thì nghe từ không trung có tiếng của vị thụ thần nói:

- Hãy chặt đi, nhưng để gốc lại rồi lấy máu người bôi vào và lấy ruột gan đắp lên trên thì cây tự nhiên sẽ xanh tốt lại như cũ. Vị quan nghe thụ thần nói như vậy liền sai người chặt cây.

Trong lúc chặt, người lạc đường đứng bên tàng cây bỗng nhiên bị cành cây rơi xuống đè chết. Chặt xong, vị quan nói với mọi người:

- Lúc đầu thụ thần có nói nên lấy máu và gan ruột của người để tể cây, nhưng không biết phải lấy ai để thay thế. Nay người này đã chết luôn tiện dùng ông ta để tể.

Bàn xong, họ liền mổ thân người chết lấy máu và gan làm theo lời của vị thụ thần, cây liền xanh tốt như cũ.

Xe chở cây về nước, ngự y bào chế thuốc đem dâng vua, vua uống bệnh liền khỏi, khắp nước đều rất vui mừng. Vua ra lệnh cho dân chúng trong nước nếu có ai mắc bệnh đều được ban cho cây chiên-đàn hương để chữa trị. Thế là mọi bệnh đều khỏi, người người hân hoan hưởng cảnh thái bình.

[70c] Bấy giờ, ngài A-nan rời tòa đỉnh lễ Đức Phật thưa:

- Bạch Thế Tôn! Vì sao người ấy lại bội ân, thất hứa với vị thụ thần.

Phật đáp:

- Khi xưa, vào thời Đức Phật Duy-vệ²⁷⁹, có ba cha con một nhà nợ; người cha trì trai giữ giới rất tinh tiến, người con lớn thường ra ngoài trồng ở sân đốt hương cúng dường mười phương chư Phật, còn người con út ngu si chẳng biết tam bảo nên thấy anh đốt hương cúng dường liền lấy áo phủ lên trên. Người anh nói:

- Tội này rất nặng, sao em dám phạm?

Người em vì oán giận liền dọa lại người anh:

²⁷⁹ Phật Duy-vệ (Duy-vệ Phật 維衛佛): tức Phật Tỳ-bà-thi, một vị Phật ở kiếp quá khứ.

- Coi chừng, em chặt hai chân của anh đấy.

Người anh lại nghĩ: ‘Ta phải đánh chết người em này mới được’. Người cha nghe hai anh em cãi nhau nói:

- Hai con cãi nhau làm cho cha đau đầu.

Người anh thưa:

- Con xin đem thân này làm thuốc chữa bệnh cho cha để cha được bình phục.

Lời nói không mất nên đòi đòi họ phải chịu tội: người em khởi lòng ác muốn chặt chân anh, nên quả báo về sau dẫn người đến chặt thân cây. Người anh muốn đánh chết em, nên nay làm thụ thân, quả đúng là do thân cây đánh chết người em. Vị quốc vương đau đầu ấy kiếp trước chính là phụ thân của người lạc đường, vì trước đây trì trai giữ giới nên nay được tôn quý. Lúc ấy ông ta nói: ‘Anh em cãi nhau làm ta đau đầu’, nên quả báo về sau lại bị đau đầu. Mỗi người phải tự chuốc họa của mình”.

Phật bảo:

- Tội phúc báo ứng theo nhau như bóng với hình.

XIII.4. Kệ kết khuyên

Vòi vọi thay Đức Thế Tôn,

Từ bi cứu khổ làm đầu,

Tùy cơ chúng sinh ứng hiện,

Thương yêu, chăm sóc, vỗ về.

Chôn tặng vàng, rấn đưa thuốc,

Hoàng môn cứu trâu phúc hiện,

Người biết ân báo đáp đức,

Âm thầm cảm được phúc lành.

Vợ ác hạ độc hại chồng,

Vua ban tước vị oai quang,

Giặc cướp, ác thú tránh khỏi,

Lại được báo đáp nhiều năm.

Quên ân bội nghĩa nữ đàn,

Họa lai tai đến nguy thân,

Tham sang giàu có chặt cây,

Máu gan té hiến cho thân.

XIV. PHÓNG SINH

Gồm năm phần: Dẫn nhập, Giết hại, Phóng sinh, Cứu nguy, Kệ kết khuyên.

XIV.1. Lời dẫn

Tùng nghe, muôn loài hữu tình thấy đều tham sống, trùng nhỏ u mê cũng biết sợ chết. Thế nên, hổ bị mất rừng phải nương mạng nơi am tranh; chim bị gãy cánh đành trú thân bên cạnh án. Đến như Dương Sinh²⁸⁰ nuôi chim sẻ, đâu có ý với vòng ngọc, họ Khổng²⁸¹ thả rùa vốn vô tình nơi ấn vàng, mà nhân lành âm thầm đến, quả tốt đáp trả chẳng sai. Mới hay, hành nghiệp có nhân quả rõ ràng như ban ngày.

Vả lại, sự giáo hóa của đấng Từ Tôn lấy cứu khổ làm đầu, tâm nguyện rộng lớn lấy độ sinh làm gốc. Song năm bộ tộc nổi tiếng đều khoe binh hùng tướng mạnh; [71a] tam phụ²⁸² bỏ lòng nhân, dấy đao binh làm sự

²⁸⁰ Dương Sinh 楊生: người Hoàng Nông, đời Đông Hán. Thuở nhỏ ông cứu một con chim sẻ vàng, sau đó có một đồng tử áo vàng tặng cho ông bốn vòng ngọc trắng, khiến cho con cháu được hiển vinh, tước vị lên đến tam công.

²⁸¹ Họ Khổng (Khổng thị 孔氏): chỉ cho Khổng Tử.

²⁸² Tam phụ 三輔: tiếng hợp xưng ba chức quan cùng cai trị một địa phương thời Tây Hán.

ngiệp. Quần sinh đâu có tội gì mà phải bị chết oan; hàm thức nào có lỗi lầm mà luống chịu nạn thảm sát, khiến cho oán hờn không dứt, thù hận vằn xoay.

Nay khuyên mọi người hãy đồng tu hạnh từ bi, tất cả hận cừu, sợ hãi thảy đều buông bỏ. Dù kia là loài chim bay hay cá lặn, tùy tập tính uống ăn của nó mà để cho loài vầy hồng đuôi đỏ đồng thỏa mãn sông hồ; giống yếm gấm, lông xanh lại được tung bay trong bầu trời cao rộng. Hoặc nghe được tam qui mà ngộ đạo không khác rồng mù; hiểu tứ đế được sinh thiên giống như chim két. Tất cả đều là để lập nền móng trường thọ, chiêu cảm quả báo thọ mệnh lâu dài.

XIV.2. Giết hại

Như kinh *Niết-bàn* ghi: “Có mười sáu việc trái với luật nghi:

1. Vì lợi, chăn nuôi dê con rồi đem bán.
2. Vì lợi, mua dê về làm thịt.
3. Vì lợi, chăn nuôi lợn rồi đem bán.
4. Vì lợi, mua lợn về làm thịt.
5. Vì lợi, mua trâu nghé về vỗ béo rồi đem bán.
6. Vì lợi, mua trâu về làm thịt.
7. Vì lợi, nuôi gà béo mập rồi đem bán.
8. Vì lợi, mua gà về làm thịt.
9. Câu cá.
10. Làm thợ săn.
11. Làm giặc cướp.
12. Giết thuê, hoặc làm đao phủ.

13. Giăng lưới bắt chim.
14. Nói lưới đôi chiều.
15. Làm lính giữ ngục.
16. Luyện chú sai khiến rồng.

Người thường vì chúng sinh mà dứt hẳn mười sáu điều ác trên, đó gọi là người trì giới”.

Tap a-tì-đàm tâm luận ghi: “Có mười hai việc trái với luật nghi:

1. Mổ dê
2. Nuôi gà
3. Nuôi lợn
4. Bắt chim
5. Đánh cá
6. Săn bắn
7. Làm giặc
8. Giết thuê, hoặc đao phủ.
9. Giữ ngục
10. Luyện chú sai khiến rồng
11. Làm thịt chó
12. Chủ đoàn thợ săn”.

Mổ dê nghĩa là giết dê. Vì tâm cố ý giết hại nên hoặc là nuôi, hoặc là bán, hoặc là giết đều gọi là mổ dê. Nuôi gà, nuôi heo cũng như thế.

Bắt chim là dùng nghề bắt giết chim để kiếm sống. Đánh cá, săn bắn cũng như thế.

Làm giặc là thường đi cướp của, giết người.

Giết thuê, làm đao phủ là giết người để nuôi sống.

Giữ ngục là làm nghề giữ ngục để kiếm sống.

Luyện chú rồng là dùng bùa chú sai khiến rồng, rắn làm những trò vui để kiếm sống.

Làm thịt chó chỉ cho nghề làm thịt chó của hạng chiên-đà-la.

Chủ đoàn thợ săn, các vương gia thường làm chủ đoàn săn bắn.

Luận *Đôi pháp* ghi: “Những người nào làm trái luật nghi? Đó là những người thích làm những việc tổn hại chúng sinh như: giết dê, nuôi gà, heo, bắt chim, đánh cá, săn nai, bẫy thỏ, trộm cướp, giết thuê, đao phủ, mổ bò, trói voi, lập đàn chú rồng, giữ ngục, đặt điều gièm pha...”.

[71b] Những ác luật nghi như thế hoặc có người do sinh vào gia đình làm nghề ấy, hoặc có người học theo nghề nghiệp ấy. Nghĩa là có người sinh vào nhà đã làm như thế, hay sinh vào nhà khác sau mới học theo nghiệp ấy. Thời gian quyết định nghiệp ấy hiện hành là dùng phương tiện thân, miệng làm đầu để quyết định thời gian hiện hành ác nghiệp ấy. Đó gọi là trái với luật nghi.

XIV.3. Phóng sinh

Kinh *Phạm võng* ghi: “Nếu là Phật tử, nên dùng tâm từ tu hạnh phóng sinh. Tất cả người nam là cha ta, tất cả người nữ là mẹ ta. Đời đời ta đều do cha mẹ sinh ra, cho nên tất cả chúng sinh trong sáu nẻo đều là cha mẹ của ta. Ai giết hại chúng sinh để ăn thịt tức là giết hại cha mẹ của mình và cũng chính là giết hại bản thân. Tất cả đất nước là thân của ta, tất cả gió lửa là thể của ta, cho nên phải thường phóng sinh. Đời đời ta sinh ra, nếu thấy người giết hại chúng sinh, nên tìm phương cách cứu giúp chúng sinh thoát khổ; thường giáo hóa, giảng nói giới Bồ-tát để cứu độ chúng sinh. Khi có cha mẹ, anh em qua đời, nên thỉnh pháp sư giảng giới kinh Bồ-tát để người

mất nương nhờ phúc đức ấy được thấy chư Phật, sinh lên cõi trời, cõi người. Nếu không làm như vậy thì phạm khinh cấu tội”.

Luật *Tăng-kì* ghi: “Tất cả tăng-tục bảy chúng đều phải lọc nước cho sạch rồi mới được uống. Nước đã lọc, nên đổ vào lòng bàn tay, sao cho vừa nhìn qua liền thấy được những đường chỉ nhỏ trong lòng tay. Nếu biết nước không trùng thì mới dùng.

Cần bảo người tin cậy lọc nước, nếu người không đáng tin thì tự lọc. Trùng đã lọc được, nên thả lại chỗ nước đã lấy. Nếu quá xa mà gần đó có ao, giếng trong bảy ngày nước không cạn thì thả trùng vào đó. Nếu biết nước có trùng, không được mang gàu nhờ người múc; nước sông, hồ có trùng không được hô to rằng: ‘Nước ở đây có trùng’. Nếu có người hỏi thì trả lời: ‘Ông hãy tự xem’. Như biết là bạn cùng thầy thì nên bảo: ‘Trong nước có trùng nên lọc rồi dùng’”.

Luật *Thập tụng* ghi: “Có hai tì-kheo chưa từng được gặp Phật, [71c] nên từ phương bắc xa xôi cùng nhau đi đến Xá-vệ để được gặp Ngài. Trên đường bị khát nước, gặp được vũng nước có trùng, người phá giới nói:

- Chúng ta hãy uống nước này.

Người giữ giới nói:

- Trong nước có trùng, đâu được uống?

Người phá giới nói:

- Nếu chúng ta không uống thì chắc chắn sẽ khát nước mà chết, không được gặp Phật.

Nói xong vị ấy uống nước rồi tiếp tục đi. Người giữ giới vì cẩn thận bảo vệ giới cho nên không uống, bị khát nước mà chết. Thần thức vị này được sinh lên cõi trời Ba Mươi Ba, thân tướng xinh đẹp, đến kính lễ dưới chân Phật. Nghe Phật thuyết pháp, vị này được Pháp nhãn thanh tịnh, thọ tam qui rồi trở về cõi trời.

Sau đó, người uống nước đến gặp Phật. Phật đang thuyết pháp cho bốn chúng, Ngài đưa tay vén y, chỉ vào thân sắc vàng của mình mà nói với người phá giới:

- Người là kẻ ngu si chỉ muốn thấy nhục thân của Ta, đâu bằng người giữ giới đã thấy được pháp thân trí tuệ của Ta?

Phật dạy:

- Từ nay về sau, nếu tì-kheo đi hơn hai mươi dặm không mang theo dây lọc nước thì phạm tội. Nếu tự thân không có mà bạn cùng đi có dây lọc nước thì được phép đi.

Lại có quân nhân đi chinh chiến, được một tì-kheo-ni dạy cho phép lọc nước, nên mọi người đi đường đều mang theo dây lọc nước, treo trên đầu cung. Vị quan nghe được việc ấy liền tâu lên vua. Vua rất giận, muốn giết chết mọi người, liền nói:

- Người đối với loài trùng nhỏ còn sợ không dám giết, huống gì khi gặp giặc lại dám giết sao?

Vị quân nhân đối trước nhà vua phân giải:

- Trùng nhỏ nếu làm hại đất nước thì thần nhất định giết chúng, nhưng chúng chẳng có oán thù gì sao không cho lọc nước để uống?

Vua nghe xong liền tha. Sau đó, nhờ sức căn lành và nghĩa cử nhân ái của quân nhân mà bọn giặc đều được cảm hóa, qui thuận”.

Kinh *Chính pháp niệm ghi*: “Nước để qua đêm, nếu không xem kỹ e rằng sinh trùng nhỏ, như không lọc lại thì chẳng nên dùng. Đây gọi là cẩn thận giữ giới không sát sinh”.

Luận *Trí độ* ghi: “Vào thời quá khứ, có nhiều người dân bị bệnh tê liệt và sắc da đổi màu nhợt nhạt. Bấy giờ, bồ-tát làm thân cá hồng tự đem thịt của mình bố thí cho người bệnh. Lại có một kiếp bồ-tát làm thân chim thường ở trong rừng. Một hôm, chim thấy có người bơi vào chỗ nước sâu, nơi bắt đầu chân người, rồi bị thủy thần trói lại không thể thoát ra. Bồ-tát đến Hương sơn lấy loại cỏ thuốc đặt lên dây trói, dây liền đứt đoạn, người đó

thoát nạn. Đồi trước, bò-tát làm những việc lợi sinh như thế, ngài nhiều kiếp cứu giúp chúng sinh, nên gọi đó là Bản sinh”.

Luật *Thập tụng* ghi: “Đức Phật dạy:

- Vào thời quá khứ, gần chân núi Tuyết có con nai đầu đàn tên là Uy Đức, thống lĩnh đàn nai năm trăm con. Bấy giờ có người thợ săn đặt thức ăn cái bẫy, nai đầu đàn đi trước, chân phải bị mắc bẫy. [72a] Nó suy nghĩ: ‘Nếu ta vẫy vùng thì cả đàn nai sẽ không dám đến ăn, phải đợi cả đàn ăn xong mới kiếm cách thoát thân’.

Cả đàn ăn xong, nai đầu đàn vẫy vùng, các con khác đều bỏ đi, chỉ còn một con nai cái ở lại. Nó nói kệ:

Đại vương! Hãy nên biết,

Thợ săn sắp đến rồi,

Xin tìm cách mau mau,

Ra khỏi lưới trời này.

Nai đầu đàn dùng kệ trả lời:

Ta cố tìm nhiều cách,

Đã dùng hết sức rồi,

Lưới ngày càng thắt chặt,

Nào có thể thoát ra.

Nai cái thấy thợ săn đến, nói kệ:

Ông hãy dùng dao bén,

Trước giết chết thân tôi,

Nhưng sau xin hãy thả,

Nai chúa được ra đi.

Thợ săn nghe thế, lòng thương xót đáp kệ:

Ta không hề giết người,

Cũng không giết nai chúa,

Nay thả cả hai người,

Muốn đi đâu tùy ý.

Nói rồi thợ săn liền tháo bẫy thả nai đầu đàn.

Phật dạy:

- Nai đầu đàn thỏ ấy chính là thân Ta, đàn nai năm trăm con chính là năm trăm từ-kheo hôm nay.

Thỏ xưa, có con nhận đầu đàn, bị thợ săn bắt được, nhưng lại có một con nhận bạn nó muốn đến thế mạng. Nhận đầu đàn bèn nói kệ đáp tạ ý tốt của bạn. Thợ săn thấy thế động lòng thương xót nên thả luôn cả hai. Sau đó, chim nhận đi tìm châu báu để đền ơn thợ săn. Đại ý cũng giống như trên”.

Luận *Đại trí độ* ghi: “Vua nghe nai đầu đàn trình bày liền đứng dậy mà đáp kệ:

Ta thật là súc sinh,

Gọi là người đầu nai,

Người tuy là thân nai,

Mà là nai đầu người.

Theo lí để mà luận,

Chớ lấy tướng định người,

Nếu giàu lòng từ bi,

Tuy thú nhưng là người.

Ta bắt đầu từ đây,

Không ăn tất cả thịt,

Sẽ dùng vô úy thí,

Để lòng người được an”.

Luật *Thiện kiến* ghi: “Một hôm, ngài Mục-kiền-liên Tử Đế-tu²⁸³ nói kinh *Bản sinh* cho vua A-dục nghe:

- Đại vương! Thuở xưa có một con chim chá cô bị người bắt nhốt trong lồng rồi đặt dưới đất. Nó rầu rĩ lo sợ bèn kêu gào inh ỏi. Bấy giờ, bầy chim chá cô nghe tiếng kêu liền bay lại và tất cả đều bị người kia giết. Thấy vậy, chim chá cô sinh nghi mới hỏi đạo nhân:

- Đồng loại bị giết, tôi có tội không?

Đạo nhân hỏi lại:

- Lúc người kêu gào có tâm muốn giết chúng không?

Chim chá cô nói:

- Tôi chỉ kêu cứu mạng, bạn tôi kéo đến chứ tôi không có tâm giết hại.

Đạo nhân nói:

- **[72b]** Nếu người không có tâm giết hại thì không có tội.

Thế rồi, đạo nhân nói kệ:

Khác nghiệp mà chịu họa,

Vô tình khiến đốn đau,

²⁸³ Mục-kiền-liên Tử Đế-tu 目犍連子帝須 (S: Maudgaliputra Tisya): vị a-la-hán sống vào thời vua A-dục ở Ấn Độ. Theo truyền thuyết ngài là Đại Phạm thiên Đế-tu từ cõi trời Phạm giáng sinh vào gia đình bà-la-môn Mục-kiền-liên, cho nên gọi là Mục-kiền-liên Tử Đế-tu.

Người trí khéo nhiếp ý,

Tội chẳng mang, khỏi sầu”.

Luật Tăng-kì ghi: “Phật dạy các tì-kheo:

- Vào thời quá khứ, có một vị tiên nhân ở tại Hương sơn. Cách núi này không xa có một hồ nước, trong hồ có một con ba ba.

Một hôm, ba ba lên bờ kiếm ăn, sau khi ăn uống no nê, nó hướng về phía mặt trời há miệng mà ngủ. Bấy giờ, trong Hương sơn có bầy khỉ xuống hồ uống nước, khi lên bờ chúng nhìn thấy con ba ba đang há miệng nằm ngủ. Một con khỉ liền đến làm chuyện dâm dục, nó dùng sinh căn²⁸⁴ đưa vào miệng con ba ba. Ba ba chợt tỉnh giấc ngậm miệng lại và rút sáu chi vào trong mai.

Đức Phật vì việc ấy mà nói kệ:

Người ngu si chấp tướng,

Như ba ba ngậm vật,

Thất thủ bị Ma-la bắt,

Không chặt thì chẳng tha.

Bấy giờ, ba ba cắn chặt con khỉ muốn lôi xuống hồ, khỉ vô cùng sợ hãi, nghĩ: ‘Nếu ta bị kéo xuống nước chắc chắn phải chết’, nhưng vì đởn đau, kiệt sức, khỉ mặc tình cho ba ba kéo đi. Ba ba lôi khỉ đi một đoạn thì gặp phải chỗ gập ghềnh nên bị lật ngửa. Bấy giờ, khỉ dùng hai tay nhắc ba ba lên và nghĩ: ‘Ai sẽ giúp ta thoát khỏi khổ nạn này?’. Khỉ biết có vị tiên nhân ở trong núi, nó thầm nghĩ: ‘Người này sẽ cứu ta’. Thế rồi, nó ôm con ba ba đi đến chỗ vị tiên nhân. Từ xa trông thấy chúng, tiên nhân nghĩ: ‘Trời ơi! Việc gì lạ lùng thế này? Con khỉ đang làm gì đây? Có phải nó muốn bày trò chằng?’. Tiên nhân cất tiếng hỏi:

²⁸⁴ Sinh căn 生根: tức nam căn.

- Này khi ! Người được bảo vật gì đựng đầy bát đem đến đây? Hay người có việc gì cần mà tìm đến ta?

Bấy giờ con khi liền nói kệ :

Tôi, con khi ngu si,

Vô có phá kẻ khác,

Xin hiền sĩ cứu nguy,

Mạng chẳng còn lâu nữa.

Hôm nay bà-la-môn,

Nếu người không cứu tôi,

Sinh chi²⁸⁵ sắp bị đứt,

Cùng khốn trở về rừng.

Tiên nhân nói bài kệ đáp lại:

Ta nghĩ cứu được người,

Trở về với núi rừng,

Sợ người là giống khi,

Thói cũ ấy lại sinh.

Thế rồi, tiên nhân kể một câu chuyện về kiếp trước:

Ba ba người ngày xưa,

Có tên là Ca-diếp,

[72c] *Khi kia trong kiếp ấy,*

²⁸⁵ Sinh chi 生支: tức nam căn.

Hiệu là Kiều-trần-như,

Xưa đã làm dâm dục,

Nay nên dứt duyên này,

Ca-diếp! Thả Trần-như,

Được trở về núi rừng.

Ba ba nghe vị tiên nhân nói liền thả cho khi đi vào rừng”.

XIV.4. Cứu nạn

Kinh *Xuất diệu* ghi : “Nam hải bỗng nhiên nổi lên một con sóng lớn dội vào bờ, đẩy ba con cá lớn đến chỗ nước cạn. Chúng nói với nhau: ‘Chúng ta bị mắc cạn ở đây, phải nhân lúc nước chưa rút, ta bơi ngược dòng trở về biển khơi’. Bơi được một đoạn chúng gặp chiếc thuyền chắn ngang dòng nước nên cả ba đều không qua được. Con thứ nhất dốc hết sức nhảy qua thuyền và bơi đi. Con thứ hai lướt dưới đám cỏ mà vượt qua. Riêng con thứ ba vì hơi tàn, sức kiệt nên bị người đánh cá bắt. Phật thấy như thế liền nói kệ:

Ngày nay đã qua,

Mạng sống giảm dần,

Như cá cạn nước,

Nào có vui gì?”.

Kinh *Di-lặc sở vấn bản nguyện* ghi: “Phật bảo tôn giả A-nan:

- Thuở xưa, khi Ta cầu đạo, phải chịu vô số khổ nhọc. Vào thời quá khứ, có thái tử tên là Bảo Hoa, tướng mạo đẹp đẽ. Một hôm, thái tử từ trong nhà mát của hoa viên đi ra ngoài, dọc đường gặp một người bị bệnh hủi. Thái tử hỏi người bệnh:

- Dùng thuốc gì có thể chữa lành bệnh cho ông?

Người bệnh nói:

- Phải lấy máu tủy của người trong dòng họ nhà vua bôi lên thân tôi thì bệnh này mới hết.

Thái tử nghe nói thế liền tự cắt thân lấy máu tủy, cho người bệnh. Thái tử tâm thành hiến dâng, không chút hối hận”.

Đức Phật bảo A-nan:

- Vị thái tử thuở đó nay chính là Ta. Nước trong bốn biển còn có thể đo lường, nhưng xương, tủy, máu thịt của Ta đem bố thí thì không sao tính đếm được. Vì cầu đạo Chính giác mà Ta xả thân như vậy.

Kinh *Đại tập* ghi: “Bấy giờ, có năm trăm vị bồ-tát như: bồ-tát Khoáng Dã hiện thân làm quý, bồ-tát Tán Chỉ hiện thân làm nai, bồ-tát Tuệ Cự hiện thân làm khi, bồ-tát Li Ái hiện thân làm dê, bồ-tát Tận Lậu hiện thân làm ngỗng chúa... Mỗi vị hiện ra các loại thân hình khác nhau. Thân của các vị đều phát ra hương thơm và ánh sáng. Mỗi một vị bồ-tát tay cầm đèn để cúng dường chư Phật trong mười phương. Từ thời bảy vị Phật quá khứ đến nay, các vị thường làm quyến thuộc với bảy Đức Phật, luôn giữ gìn năm giới, phát tâm bồ-đề. Vì muốn điều phục tất cả chúng sinh, khiến họ phát tâm bồ-đề, nên các ngài mang đủ các loại thân hình như thế”.

Kinh *Tạp bảo tạng* ghi: “Thuở xưa có một vị a-la-hán nuôi một chú sa-di. [73a] Vị a-la-hán biết chú sa-di khoảng bảy ngày sau nhất định sẽ chết. Vì thế ngài mới cho sa-di về thăm nhà và dặn qua bảy ngày mới trở về chùa. Sa-di từ giả thầy trở về nhà. Trên đường đi chú thấy đàn kiến bị nước cuốn trôi, sinh lòng thương xót, cởi áo bung đất đắp ngăn dòng nước, rồi đem đàn kiến đặt ở chỗ cao ráo. Đàn kiến nhờ vậy mà thoát chết.

Đến ngày thứ bảy chú trở về chùa. Người thầy trông thấy chú trở lại vô cùng ngạc nhiên liền nhập định, dùng thiên nhãn quan sát, biết chú sa-di tuy phúc đức chẳng còn nhưng nhờ cứu sống đàn kiến nên được phúc báo. Trong vòng bảy ngày chẳng những chú không chết mà còn được kéo dài tuổi thọ”.

(Ngoài ra, nếu tu sửa tháp cũ, đắp vá chỗ nứt trong tường chùa cũng được tuổi thọ kéo dài).

Kinh Đại bi chép: “Đức Phật bảo A-nan:

- Vào thời quá khứ có một thương chủ dẫn các thương nhân ra biển tìm châu báu. Châu báu tìm được chở đầy cả thuyền trở về, nhưng giữa biển cả mênh mông thuyền bỗng bị vỡ. Các thương nhân rất sợ hãi. Trong số đó hoặc có người bám vào mảnh ván thuyền, có người đang bồng bênh, có người đã chết... Bấy giờ, Ta chính là vị thương chủ ấy, đang ôm chiếc phao, có thể an toàn vào bờ.

Nhưng lúc ấy, có năm thương nhân đang bồng bênh trên mặt nước gọi thương chủ:

- Đại nhân ơi! Xin ngài hãy cứu lấy chúng tôi, hãy giúp chúng tôi được an ổn.

Thương chủ bảo họ:

- Nay các vị, chớ có sợ hãi! Tôi sẽ đưa các vị thoát khỏi biển, vào bờ một cách an toàn.

A-nan! Lúc ấy, vị thương chủ mang bên mình một cây kiếm bén, trong lòng nghĩ: ‘Theo đặc tính của biển là không bao giờ dung chứa tử thi, do đó ta nên xả thân mạng này để cho các thương nhân thoát được kiếp nạn’.

Thế rồi, thương chủ bèn gọi các thương nhân:

- Nay các bạn ! Hãy bám chặt vào thân tôi.

Lúc ấy các thương nhân, có người ngồi lên lưng, có người nắm hai vai, có người ôm vào bắp đùi... Vị thương chủ vì muốn cứu sống họ, lòng đại bi khơi dậy mạnh mẽ liền lấy kiếm bén đâm vào thân mình, nhận lấy cái chết. Thế rồi, biển đầy tử thi vào bờ, năm người kia nhờ thế sống sót bình an trở về Diêm-phù-đề”.

A-nan! Vị thương chủ lúc ấy đâu phải người nào khác, mà chính là Ta. Năm thương nhân kia nay chính là năm tì-kheo. Năm tì-kheo ngày xưa ở

trong biển được Ta cứu thoát, nay trong biển lớn sinh tử cũng được Ta độ thoát, an ổn không sợ hãi, đi đến bờ giải thoát niết-bàn.

[73b]Luận *Trí độ* ghi: “Thời quá khứ vô lượng a-tăng-kì kiếp, ở trong khu rừng nọ có rất nhiều cầm thú. Một hôm, bỗng lửa từ ngoài lan vào làm cháy khắp cả ba mặt của khu rừng, chỉ còn lại một phía giáp với con suối. Những con thú sống trong khu rừng này lâm vào cảnh khôn cùng mà không có lối thoát.

Đức Phật nói:

- Ta lúc ấy, là một con nai lớn, với sức lực mạnh mẽ, nên dùng hai chân trước gác bờ bên kia, hai chân sau gác bờ bên này để những con thú đạp lên lưng qua bờ bên kia thoát nạn, vì thế, thịt da trên lưng Ta đều bị rách nát. Với lòng từ bi, Ta chịu đựng sự đau đớn cho đến chết. Có một con thỏ đi sau cùng, sức lực Ta lúc đó đã cạn kiệt, nhưng cố hết sức để nó qua được bờ kia. Sau khi thỏ qua được bờ, xương sống Ta bị gãy, rơi xuống dòng nước mà chết.

Những việc như thế, Ta đã làm từ nhiều đời trước, chứ chẳng phải chỉ hôm nay thôi đâu. Những con thú được thoát nạn khi xưa, nay đều là đệ tử của Ta. Con thỏ qua sau chính là Tu-bạt-đà-la.

Phật đời đời siêng năng thích làm những việc như thế, đến nay vẫn còn chưa dừng”.

Kinh *Hiền ngu* ghi: “Vào thời quá khứ rất lâu xa, lúc Như Lai còn là bò-tát, gặp lúc đói kém, Ngài khởi lòng từ bi cứu độ, nên Ngài hóa làm một con cá lớn, thân dài đến năm trăm do-tuần để cung cấp thịt cho nhân dân khắp nước. Không kể là người hay vật đều có thể đến lấy thịt để dùng, khi vừa cắt xong thì thịt trên thân liền lại như cũ. Ta cung cấp như vậy trải qua mười hai năm”.

Kinh *Thụ sinh* chép: “Ngày xưa, có một vị bò-tát làm ba ba chúa, sống giữa đại dương để giáo hóa đồng loại. Con dân của ba ba đều tu hành nhân đức, còn ba ba chúa thì thực hành lòng từ bi, cứu giúp chúng sinh như con ruột. Biển cả mênh mông không bờ bến mà lòng từ của ba ba bủa khắp.

Bấy giờ, ba ba bơi lên bờ biển để nghỉ ngơi, trải qua nhiều ngày tháng, lưng nó khô cứng như mặt đất. Những người thương buôn từ xa đến dừng lại nghỉ trên lưng ba ba. Họ chế củi, nhúm lửa nấu ăn và còn đẩy cả xe hàng hóa, cột cả ngựa, bò trên lưng nó.

Lúc ấy, ba ba chúa muốn bò xuống nước nhưng sợ sẽ nhấn chìm tất cả, làm mất lòng nhân từ, nên nó tìm cách khác. Ba ba bò xuống chỗ nước cạn dập tắt ngọn lửa đang thiêu đốt mà chẳng làm hại đến các thương buôn. Các thương buôn lúc ấy hết hoảng lo sợ cho rằng thủy triều đang dâng cao nên kêu la thống thiết, đem hết tâm thành cầu trời cứu giúp.

Ba ba chúa thấy thế trong lòng càng thương xót nói với các thương buôn:

- Các người chớ sợ hãi, ta bị lửa đốt nóng nên muốn dìm xuống nước để dập tắt ngọn lửa cho bớt đau đớn mà thôi. Các người vẫn bình an, ta không làm nguy hại đến các người.

Các thương nhân nghe vậy biết là còn sống, nên cùng nhau niệm: “ Nam-mô Phật”.

Tâm từ bi của ba ba chúa nhân đó càng gia tăng, nên đưa mọi người vào bờ. Được an toàn họ rất vui mừng không ngớt khen ngợi ân đức của ba ba: ‘Ngài là chiếc cầu đưa người qua sông, là con thuyền lớn đưa chúng sinh vượt khỏi ba cõi. [73c] Khi đắc đạo ngài nhớ cứu thoát nạn sinh tử cho chúng tôi’.

Ba ba chúa nói:

- Lành thay, lành thay! Tôi sẽ làm theo ý nguyện của các người !

Nói rồi, mỗi bên đi mỗi đường.

Đức Phật bảo:

- Ba ba chúa ngày ấy chính là Ta. Năm trăm thương nhân kia nay là năm trăm đệ tử của Ta, như ông Xá-lợi-phất...”.

Kinh *Chính pháp niệm* chép: “Nếu có người thấy kẻ phạm pháp bị tội chết, nên lấy tiền của để chuộc, khiến họ được thoát mà không cần báo đáp.

Người làm như thế, đến khi mạng chung, được sinh lên cõi trời Hoan Hỷ²⁸⁶; khi tuổi thọ hết, sinh xuống làm người cũng không gặp nạn vua quan bức bách. Người nào giữ giới khi thấy chúng sinh bị lửa dữ thiêu đốt thì hãy lấy nước mà dập tắt, cứu họ thoát nạn, đến khi mạng chung được sinh lên cõi trời, thụ hưởng vô số niềm vui”.

Kinh *Độ cứu* chép: “Ngày xưa, tại một nước nọ, ngũ cốc tăng giá, khiến nhân dân đói khổ. Bấy giờ, có một sa-môn vào thành khất thực, ngài đi khắp mọi nhà nhưng không xin được thứ gì. Sa-môn đi dần đến gia đình trưởng giả giàu có xin được chút cơm nhạt. Sa-môn vừa định ra khỏi thành thì chợt gặp một người thợ săn, trên tay đang ôm con chó đem về làm thịt. Thấy vị sa-môn anh ta vui mừng hành lễ, ngài cầu nguyện và chúc thọ cho người thợ săn.

Vị sa-môn biết anh đang ôm con chó, nghi là đem về giết, nên hỏi:

- Anh đang mang thứ gì vậy?

Đáp:

- Tôi đi tay không có mang gì đâu?

Sa-môn nói:

- Tôi đã thấy rồi, anh đâu cần giấu diếm?

Sa-môn lại nói:

- Anh nên biết giết hại mạng sống là việc làm bất thiện, ta xin đem bát cơm này đổi lấy con chó để cứu nó và giúp anh được phúc vô lượng.

Thợ săn đáp:

- Tôi không thể đổi cho ngài được, bởi tôi còn có người nhà, chút cơm của ngài chúng tôi làm sao ăn đủ?

²⁸⁶ Trời Hoan Hỷ (Hoan Hỷ thiên 歡喜天; S: Nandikeśvara): tên một cõi trời. Hoan Hỷ thiên còn là tên khác của thần Thấp-bà ở Ấn Độ. Phật giáo gọi Nga-na Bát-đề là con của Thấp-bà và Ba-la-hòa-đề. Nga-na Bát-đề ý dịch là quân đội, nghĩa là Hoan Hỷ thiên và em trai là Tắc-kiền-đà cùng nhau thống trị quyền thuộc của cha là trời Đại Tự Tại, cho nên có tên là Hoan Hỷ thiên.

Sa-môn hết lòng thuyết phục, nhưng thợ săn vẫn không chịu đổi.

Sa-môn bèn nói:

- Nếu anh không đổi thì hãy để con chó gặp tôi một lát có được không?

Thợ săn liền đưa con chó ra. Sa-môn lấy bát cơm của mình cho chó ăn, lấy tay xoa đầu nó, roi lệ mà chú nguyện:

- Người mang tội phải làm thân chó không được tự do, bị người đem giết để ăn thịt. Ta cầu mong cho người đời đời tội diệt phúc sinh, lìa bỏ thân chó được làm thân người, ở đâu cũng gặp được Phật pháp, gặp được tam bảo.

Con chó được thức ăn, trong lòng phát khởi thiện tâm, vui mừng khôn xiết, biết tự qui y.

Thợ săn đem chó về giết thịt rồi cùng nhau ăn. Sau khi mạng chung, chó được sinh vào một gia đình trưởng giả giàu có. Lúc vừa chào đời trong lòng đã sẵn có từ tâm.

Bấy giờ, vị sa-môn kia theo thứ lớp đi khất thực, dần đến nhà ông trưởng giả. Đứa bé con ông trưởng giả khi thấy vị sa-môn thì chợt nhớ lại việc xưa, nên đến cúi đầu hành lễ dưới chân sa-môn, [74a] xin được cúng dường những thức ăn ngon.

Thế rồi, đứa bé đến trước cha mẹ thưa:

- Con nay muốn theo đại hòa-thượng làm đệ tử, thụ học kinh giới, xin cha mẹ bằng lòng!

Cha mẹ đứa bé vì rất thương con, nên không bằng lòng, nói:

- Gia đình ta chỉ có mình con nối dõi tông đường, kế thừa tài sản, vì sao con muốn bỏ đi?

Đứa bé khóc lóc không chịu ăn uống, thưa:

- Nếu cha mẹ không đồng ý thì con sẽ chết.

Cha mẹ thấy thế liền đồng ý cho đưa bé theo thầy học đạo, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, đọc tụng kinh điển, hiểu sâu nghĩa lí, liền đắc tam-muội, không còn thoái chuyển, giáo hóa mọi người khiến phát đạo tâm.

Ở đời, gặp Phật là khó, được nghe giáo pháp là khó. Nếu có duyên được gặp Phật pháp thì không loài nào không được độ. Súc sinh còn đắc đạo, lẽ nào loài người không chứng quả thánh sao? Nếu có sai phạm điều gì thì phải biết sinh lòng hổ thẹn. Ánh sáng thanh tịnh chiếu đến thì trần cấu đen tối tự diệt”.

Kinh *Tạp a-hàm* ghi: “Bấy giờ, Phật bảo các tì-kheo:

- Vào thời quá khứ, có một con chim tên la-bà, bị chim ưng gấp bay lên hư không. Ở trên cao chim la-bà kêu:

- Tôi vừa ra khỏi nơi thân yêu tôi sống để đến nơi khác, do không cảnh giác, nên tôi bị người khác bắt, không được tự do.

Chim ưng nói với la-bà:

- Ngươi phải ở nơi đâu mới được tự do?

La-bà đáp:

- Tôi ở nơi gò ruộng. Ở đó mới chính là chỗ tự do, hoàn toàn không có các nạn và cũng chính là nơi cha mẹ tôi đang sinh sống.

Chim ưng kiêu mạn nói với La-bà:

- Nếu như ta thả ngươi về lại gò ruộng, có chắc chắn ngươi được thoát nạn không?

Bấy giờ, La-bà thoát khỏi móng vuốt của chim ưng trở về lại nơi gò ruộng. Sau khi về được chỗ an ổn dưới gò đất, La-bà lên trên khiêu chiến với chim ưng.

Thấy vậy, chim ưng dùng dùng nỗi giận nói:

- Ngươi là con chim nhỏ mà dám khiêu chiến với ta?

Do quá giận nên chim ưng lao xuống để mổ la-bà, lúc ấy la-bà thụt xuống núp dưới gò đất. Chim ưng dùng hết sức lao xuống, ngực nó va vào gò đất nên bị vỡ mà chết.

Bấy giờ, la-bà núp dưới gò đất ngược lên nói kệ:

Chim ưng lao xuống mổ,

La-bà trốn vào gò,

Do vì quá sân giận,

Đưa đến họa tan thân.

Ta đã đủ khôn khéo,

Nên ẩn núp trong gò,

Phục thù, khéo dùng kế,

Thấy vui với sức mình.

Ngươi hung tợn mà ngu,

Dẫu sức nghìn rồng, voi,

Cũng thua ta trí tuệ,

Một phần mười sáu thôi.

[74b] *Xét trí ta siêu việt*

Tiêu diệt được chim ưng.

XIV.5. Kết khuyến

Chúng sinh đều sợ chết,

Ai chẳng ngại hiểm nguy,

Như cá trong ao cạn,

Khó gặp được dòng nước.

Thân sơ đều cha mẹ,

Cớ sao lại không thương,

Thường từ bi cứu khổ,

Phúc báo đến tự nhiên”.

XV. LÀM PHÚC

Gồm bảy phần: Lời dẫn, Tu phúc, Đúng pháp, Cúng dường, Chuẩn bị nước cho tắm, Các việc phúc khác.

XV.1. Lời dẫn

Xưa, vua Ưu-diên là người đầu tiên tạc tượng Phật bằng gỗ chiên-đàn; vua Ba-tu-nặc là vị khởi xướng nấu vàng đúc tượng. Tượng nào cũng hiện tả được chân dung; khéo vẽ được điệu tướng, nên tượng phóng quang, hiện điềm lành rời tòa chí thành lễ Phật.

Đến như hai tháp tóc và móng tay Phật, hai đài y và ảnh Phật đều đã được xây dựng lúc Như Lai còn tại thế.

Thế Tôn tự thân nhập diệt bên bờ sông, làm lễ trà tỳ ở ven rừng. Tám nước đều xin phần xá-lợi để đem về nước xây tháp phụng thờ; tám tháp ấy cùng với hai tháp thờ bình và tro cộng thành mười tháp. Bốn chỗ: đản sinh, đắc đạo, thuyết pháp đầu tiên và nhập niết-bàn của Đức Phật cũng như xương đỉnh, bốn chiếc răng, hai dấu chân, bình bát, tích trượng, bình nhỏ và niết-bàn-tăng của Phật đều được dựng tháp, khắc bia ghi việc thân di.

Sau đó, hơn một trăm năm, vua A-dục sai sứ vượt biển, phá bỏ các tháp, lấy xá-lợi. Khi đoàn người trở về gặp sóng gió lớn, một ít xá-lợi đã bị rơi xuống biển nên ngày nay đôi khi có người bắt gặp xá-lợi trong bụng của loài sống ở biển. Về sau, vua A-dục lại xây dựng tám vạn bốn nghìn ngôi tháp thờ xá-lợi.

Hai người con của vua lần lượt phát tâm xuất gia, cùng tạc đá, đúc tượng vàng, họa vẽ tôn dung, qua sông vượt biển, mang theo hoàng hóa ở vùng Tích Lan. Tuy cũng có những dấu tích linh ứng, nhưng còn ẩn kín, ít người hay biết. Đến khi Thái Âm, Tần Cảnh²⁸⁷ từ Tây Vực trở về nước, mới bắt đầu truyền họa, tượng Phật Thích-ca. Thế rồi nơi đền đài Thanh Lương, lăng Thọ, người ta thường tạc vẽ hình tượng của Ngài.

Từ đó về sau, phong trào họa vẽ hình tượng, tạo lập tháp miếu, phát triển mạnh. Đến đời nhà Lương, lại càng thêm hưng thịnh. Nhưng pháp thân vốn không hình tượng, nhân cảm mà ứng hình. Cảm được có sai khác, nên ứng hình cũng bất đồng. Nếu tâm nghi ngờ thì chân dung ẩn giấu; chí nguyện tha thiết thì gỗ đá cũng mở lòng. Nên Lưu Ân chí hiếu được cảm ứng trên nôi hiện bài minh. Đinh Lan tâm thành, tượng gỗ của mẹ cũng phải biến sắc. [74c] Lỗ Dương²⁸⁸ múa giáo khiến mặt trời xoay chuyển, Kỉ phụ rơi lệ khiến thành quách sụp đổ. Đó đều là do lòng thương cảm chuyển vào tính tình, khiến điềm lành hiển hiện rõ, mọi người đều được thấy nghe.

Thế nên biết, đạo nhờ người mà được rộng truyền, thần nhờ vật mà cảm hiện. Lẽ nào nói là hư ngụy? Do đó, nếu thờ thần như thần đang hiện hữu thì nhận được sự cảm ứng của thần; kính tượng như kính Phật thì pháp thân ứng hiện. Bởi vậy học đạo phải lấy trí tuệ làm gốc, trí tuệ hẳn phải lấy phúc đức làm nền. Thí như chim phải có đủ hai cánh mới bay xa vạn dặm; xe đủ hai bánh mới đi được nghìn dặm. Lẽ nào chẳng siêng năng? Lẽ nào không gắng sức sao?

XV.2. Tu phúc

Kinh *Phật thuyết phúc điền* ghi: “Đức Phật bảo trời Đế Thích:

- Có bảy pháp bổ thí được gọi là phúc điền. Người thực hành pháp này được phúc, sau khi chết được sinh về cõi Phạm thiên. Đó là:

1. Xây chùa đúc tượng, tạo dựng tăng xá, tháp miếu.
2. Tạo vườn cây ăn quả, ao tắm, trồng cây che mát.

²⁸⁷ Thái Âm, Tần Cảnh 蔡愔, 秦景: hai vị quan mà vua Hán Minh Đế sai sang Tây Vực thỉnh kinh tượng, vào niên hiệu Vĩnh Bình năm thứ 10.

²⁸⁸ Lỗ Dương 魯揚: Chi Lỗ Dương công, người nước Sở thời Chiến Quốc. Theo truyền thuyết, ông là bậc anh hùng, múa giáo khiến cho mặt trời quay ngược lại.

3. Thường bố thí thuốc men chữa bệnh.
4. Làm thuyền bè đưa người sang sông.
5. Xây dựng cầu cống giúp người già yếu sang sông.
6. Đào giếng nước bên đường để người đi đường giải khát.
7. Làm nhà xí gần đường để người đi vệ sinh.

Bấy giờ, trong hội chúng có một tì-kheo tên là Thính Thông nghe pháp vui mừng, bạch Phật:

- Con tự nhớ đời trước sinh làm một vị trưởng giả trong thành Ba-la-nại. Con đã xây dựng một ngôi tinh xá bên đường, cúng dường thức ăn, nước uống, giường nằm cho chúng tăng, đến cả người đi đường ai mỗi mệt cũng được vào dùng nghỉ. Do công đức này, khi mạng chung con được sinh lên trời làm Đế Thích, sinh xuống nhân gian làm Chuyển luân thánh vương; lên xuống, đến đi ba mươi sáu lần. Trải qua chín mươi một kiếp, con thường thống lĩnh nhân thiên, dưới chân mọc lông, đi không chạm đất, ăn uống tự nhiên có sẵn. Nay gặp Phật là bậc thương xót chúng sinh, giúp con trừ sạch ngu muội, có được trí tuệ thanh tịnh, đốn gốc sinh tử, khô giống luân hồi, hiệu là A-la-hán. Nhân nơi phúc báo của công đức ấy mà thành tựu giải thoát như thế.

Lại có tì-kheo tên Ba-câu-lô bạch Phật:

- Con nhớ thời quá khứ sinh làm một trưởng giả trong thành Câu-na-kiệt. Thời đó không có Phật, gặp lúc chúng tăng thuyết pháp cho hội chúng, con đến nghe pháp. Sau khi nghe pháp con rất vui mừng đem một quả thuốc tên ha-lê-lặc dâng cúng cho chúng tăng. Nhờ quả báo này, sau khi mạng chung được sinh lên trời, [75a] sinh xuống nhân gian thường ở địa vị tôn quý, hơn hẳn mọi người, chín mươi một kiếp chưa hề bị tật bệnh. Phúc báo còn lại, con được gặp Phật, chứng quả A-la-hán.

Lại có tì-kheo hiệu Tu-đà-da bạch Phật:

- Con nhớ đời trước, sinh làm một người thường dân trong thành Duy-da-li. Thời đó không có Phật, chỉ có chúng tăng giáo hóa. Một hôm, con mang

sữa lạc²⁸⁹ vào thành bán, gặp lúc chúng tăng mở hội thuyết pháp con qua đó nghe, nghe xong lòng rất vui vẻ, đem bình sữa lạc cúng dường chư tăng. Các ngài nhận rồi lại còn chú nguyện, khiến con càng thêm vui mừng. Nhờ phúc duyên đó, sau khi mạng chung, con được sinh lên cõi trời hay sinh xuống nhân gian thường ở địa vị tôn quý, trải qua chín mươi một kiếp như thế. Đời sau cùng, do ác nghiệp còn sót lại, con sinh vào nhân gian, khi mẹ vừa mang thai vài tháng đã lâm bệnh qua đời nên con bị chôn cùng với mẹ, nhưng khi đủ ngày đầy tháng thì con sinh ra. Ở trong gò mả bảy năm, bú sữa thầy mẹ để tự sống. Nhân nơi phúc báo nhiệm màu kia, con được gặp Phật, chứng A-la-hán.

Lại có ti-kheo tên là A-nan bạch với Đức Phật:

- Nhớ có một kiếp con sinh vào nước La-duyệt-kì làm một người dân bình thường. Một hôm, thân con mọc một mụn ghẻ trị không thể lành. Có một đạo nhân là bạn thân đến bảo con:

- Ông hãy chuẩn bị nước cho chúng tăng tắm sau đó dùng nước ấy để tẩy rửa mụn ghẻ thì bệnh có thể lành, lại còn được phúc.

Nghe xong, con vui mừng đi thẳng đến chùa, tâm thành như lời dạy, đào giếng lấy nước, hòa thêm dầu thơm, chuẩn bị các dụng cụ để chúng tăng tắm. Thế rồi, con lấy nước ấy đem rửa mụn ghẻ, nhờ thế bệnh con được lành. Nhân công đức này, sinh ra ở đời con thường xinh đẹp thân tỏa sắc vàng rực rỡ, không dính bụi bặm, trong chín mươi một kiếp thường được hưởng phúc sạch sẽ, công đức tăng trưởng. Nay được gặp Phật, tâm nhờ của con tiêu trừ, thành tựu Ứng chân²⁹⁰.

Bấy giờ, trong chúng hội có ti-kheo-ni tên là Nại Nữ bạch Phật:

- Nhớ kiếp trước con là một cô gái nghèo cùng ở nước Ba-la-nại. Bấy giờ có Phật Ca-diếp ở đời. Một hôm, trong hội chúng thuyết pháp của Ngài, con ngồi nghe pháp, lòng rất vui mừng muốn cúng dường, nhưng nhìn lại mình chẳng có một vật gì. Nghĩ thân phận nghèo hèn mà lòng buồn tủi, con đến vườn nhà người định xin một trái dưa để đem cúng Phật, nhưng lại

²⁸⁹ Sữa lạc: (lạc tô 樂酥): một dạng sữa được nấu đặc.

²⁹⁰ Ứng chân 應真: quả vị A-la-hán.

xin được một quả nài lớn tỏa hương rất thơm. Thế là con dâng một bát nước và một trái nài lên Phật cùng chúng tăng.

Phật biết tâm thành của con nên thọ nhận, chú nguyện rồi đem nghiền quả nài hòa trong nước rồi chia cho tất cả chúng tăng. Nhân nhờ phúc ấy nên khi mệnh chung con được sinh lên cõi trời làm hoàng hậu; sinh ở cõi người thì chẳng phải từ bào thai sinh ra. Trong chín mươi một kiếp con thường sinh trong hoa nài²⁹¹, xinh đẹp thanh khiết, thường nhớ kiếp trước của mình, nay gặp được Thế Tôn khai mở đạo nhân.

[75b] Bảy giờ Thiên đế²⁹² từ tòa đứng dậy, lễ Phật, quì gối chấp tay bạch:

- Bạch Thế Tôn! Nhớ lại kiếp trước, con sinh vào nước Câu-lưu, làm con của một trưởng giả. Người hầu bồng con vào thành dạo chơi, gặp lúc chúng tăng đang đi khát thực. Con thấy nhân dân cúng dường rất nhiều, liền tự nghĩ: ‘Nếu có của báu cúng dường tăng chúng chẳng phải là vui sướng lắm sao?’. Nghĩ thế rồi con vội cởi chuỗi báu cúng dường chúng tăng. Các ngài chú nguyện, lòng con vui mừng mà đi. Nhờ nhân duyên đó, sau khi mệnh chung, con được sinh lên cõi trời làm Thiên đế, trong chín mươi kiếp thường xa lìa tám nơi nạn.

Phật bảo Thiên đế cùng đại chúng:

- Các ông hãy lắng nghe Ta nói việc làm đời trước của mình. Có một đời, Ta ở nước Ba-la-nại. Gần bên đường lớn Ta dựng nhiều nhà xí, giúp cho nhân dân trong nước, không còn bị đại tiểu tiện bức ép khổ sở, mọi người đều nhớ ơn. Nhân công đức này, đời đời ta được trong sạch, nhiều kiếp hành đạo không bị vướng nhiễm bởi ô uế, thân được sắc vàng rực rỡ, bụi bặm không hề dính mắc, thức ăn tự tiêu hóa, đại tiểu tiện thông lợi.

Phật lại bảo Thiên đế:

- Trong chín mươi sáu đạo, Phật đạo là đáng tôn trọng nhất, trong chín mươi sáu pháp, Phật pháp là chân thật nhất, trong chín mươi sáu hạng tu sĩ, đệ tử của Phật là chân chính nhất. Vì sao như thế? Vì Như Lai từ vô số

²⁹¹ Hoa Nại (Nại hoa 花奈): loài hoa mà khi kết quả có hình giống như trái lê. Trong Kê Chích tập có ghi: “Thuở xưa, ở nước Tây Vực có một loài cây, lúc kết trái thì có một người con gái ngồi trên đó và được vua đưa về làm vợ. Sau đó bà ta cúng dường khu vườn ấy cho Đức Phật làm tịnh xá”.

²⁹² Thiên đế 天帝: vua của cõi trời Đạo-lợi, mang họ Thích-ca nên thường gọi là Thiên Đế Thích.

kiếp thành tâm phát nguyện xả bỏ thân mệnh, gom nhóm công đức, nguyện vì chúng sinh. Sáu độ, bốn tâm, các điều lành đều đủ, trí tuệ trọn vẹn. Các bậc tôn quý trong ba cõi không ai sánh bằng. Nếu có chúng sinh hướng về Như Lai phát tâm thành kính, phúc ấy lớn hơn bố thí châu báu cho cả đại thiên thế giới. Ba mươi bảy phẩm trợ đạo, mười hai thể loại kinh nói về tội phúc rất rõ ràng chân xác, mở bày ba thừa²⁹³, khiến hết thảy căn cơ đều có thể thực hành, người nghe đều vui mừng, thích làm sa-môn, tin Phật hành pháp, ý chí thanh cao, bỏ sự tham lam, tranh giành của thế tục, làm phúc lợi cho thế gian. Chúng sinh hưởng được phúc trời, người là nhờ chúng tăng. Đó là đạo đáng tôn kính nhất, không gì sánh bằng”.

Kinh *Tăng nhất a-hàm* ghi: “Bây giờ, Đức Phật bảo các tì-kheo:

- Có bốn phúc được sinh lên Phạm thiên. Đó là:

1. Người có lòng tin, phát tâm xây tháp, ở những nơi chưa có tháp
2. Người có lòng tin, phát tâm tu bổ chùa chiền
3. Người có lòng tin, thường làm cho tăng chúng hòa hợp
4. Khuyến thỉnh Phật chuyển pháp luân đầu tiên

Lúc ấy, có một vị tì-kheo bạch Thế Tôn:

[75c] - Bạch Đức Thế Tôn! Phúc báo của Phạm thiên rốt cùng là nhiều hay ít?

Thế Tôn đáp:

- Những công đức của tất cả chúng sinh ở cõi Diêm-phù-đề cộng với phúc của Tứ thiên vương, cho đến phúc báo của cõi trời Tha Hóa Tự Tại cũng không bằng phúc báo của Phạm thiên. Như muốn cầu phúc báo của Phạm thiên thì lượng của phúc ấy như thế”.

²⁹³ Ba thừa (tam thừa 三乘, S: trīṇi yānāni): ba phương tiện độ sinh phù hợp với ba dạng căn cơ là thanh văn, duyên giác và bồ-tát.

XV.3. Đúng pháp

Nếu muốn tu tạo thì phải đúng pháp. Tạo tác tuy ít, nhưng phúc báo vô lượng. Nếu không đúng pháp thì dù có tạo tác nhiều cũng không có lợi ích; nên kinh *Phật tại kim quan kính phúc* ghi: “Người chủ khắc kinh, tạo tượng đừng luận bàn đạo lý; thợ được thuê khắc kinh, tạo tượng, chớ nói mình làm thuê mà tạo tượng để cúng dường như thế, cả hai đều được phúc vô lượng, muốn nói về phúc này cũng không thể nói hết. Nếu người nghe theo lời dạy của Ta thì đó là đệ tử chân chính của Phật. Tâm thành rất mực như thế thì tạo tuy ít mà phúc lại nhiều.

Có người hỏi:

- Thông thường người thợ khắc kinh tượng thì được thù lao vật dụng, vậy họ có được ra giá hay không?

Phật đáp:

- Không được ra giá. Ví như người đem bán cha mẹ để lấy tài lợi, kẻ ấy bạo nghịch mắc tội rất nặng, chính là thiên ma. Kẻ ấy cũng chẳng phải là quyến thuộc của Ta; hãy mau rời khỏi Phật pháp.

Kẻ uống rượu, ăn thịt cùng ngũ vị tân không theo lời Phật dạy, tuy tạo kinh tượng số lượng như cát bụi, nhưng phúc ấy thật quá nhỏ bé, không đáng nói. Gặp lúc kiếp thiêu chẳng thể vào được cung của hải long vương. Người ấy tuy lao nhọc mà công đức không được bao nhiêu. Tội lỗi của sự bất kính, chết đọa vào địa ngục. Chủ, thợ đều không lợi ích, không được chư thiên hộ vệ, không bằng chẳng tạo kinh tượng mà chỉ thành tâm lễ bái, cũng được phúc vô lượng.

Như trên đã nói, tạo nhiều mà phúc ít. Nếu tạo tượng không đủ tướng hảo thì người tạo mắc phải quả báo trong năm trăm vạn đời các căn thường thiếu. Tốt nhất là vận hết lòng thành thì sẽ hưởng quả phúc tốt đẹp”.

Kinh *Tội phúc quyết nghi* ghi: “Nếu người xuất gia và tại gia, hoặc tự bỏ tài sản hoặc do khuyến hóa được rồi dâng cúng Phật, nhưng người quản lý dùng những vật ấy tạo các hình tượng chim thú, trang trí trước Phật; ước lượng nếu trị giá hao tổn đủ năm tiền thì phạm tội nghịch, không thể bồi thường được và bị đọa vào địa ngục A-tỳ trong một kiếp. Nhưng nếu mua

huong, dầu, đèn cúng dường thì không phạm. Mặc dù, Phật không tham cầu lợi dưỡng, nhưng không ai xứng đáng tiêu dùng của ấy.

Khi dâng cúng Phật, thượng tọa, trung tọa, hạ tọa phải dạy cho người tại gia biết dâng lên Phật và tăng. Dâng Phật rồi cúng cho tăng dùng thì không phạm. Nếu không làm như thế mà ăn thức dùng của Phật thì nghìn ức năm bị đọa vào địa ngục A-tỳ. Nếu người tại gia không làm theo lời các bậc thượng, trung, hạ tọa chỉ dạy cũng sẽ mắc tội như trên đã nói. Nếu được sinh làm người thì mắc quả báo chín trăm vạn năm làm người hạ tiện. Vì sao? Vì vật thuộc về Phật thì không ai có thể định giá được”.

[76a] (Ghi chú: Ở đây ý nói, thí chủ quyết định cúng Phật, vì thế phải chuộc lại mới được làm. Như hiện nay trong các buổi cúng Phật, người tại gia thường dâng thức ăn, uống trên bàn Phật, cúng xong họ tự ý lấy dùng, dùng xong trả lại cho thí chủ mà không cần chuộc. Như ngày rằm tháng bảy hiến cúng Phật và tăng nhưng nếu không có Phật và tăng, thì cũng có thể tạm dùng, nhưng phải chuộc, vì những vật thực ấy theo kinh nói là những vật thực được hiến dâng Phật và tăng vào ngày Tự tứ²⁹⁴. Phật và tăng là ruộng phúc tốt, là bậc có đạo cao có thể giúp người quá cố và bày đời cha mẹ đã mất, bà con đang còn sống đều được khỏi tai nạn, sinh về chốn an lành. Bởi vì, ruộng phúc của người đời cần cỗi không thể giúp ích cho việc dạy đạo, nên nói không cho người tục tùy tiện sử dụng. Vì nhiều lần chứng kiến hàng tại gia cúng Phật xong lại lấy dùng, nên mới ghi chú riêng.)

Kinh *Quán Phật tam-muội* ghi: “Bấy giờ Vua Ưu-điền vì thương nhớ Phật nên mới đúc tượng bằng vàng. Nghe Phật sẽ rời tòa báu, ông vội vàng cho voi chở tượng vàng đến đón. Lúc ấy, tượng vàng từ trên lưng voi bước xuống giống như Phật thật, chân bước đi cách đất, có hoa đỡ chân, tượng lại phát ra ánh sáng rực rỡ đi đến đón rước Thế Tôn, chấp tay, đảnh lễ Phật. Lúc ấy, Đức Thế Tôn cũng quỳ xuống chấp tay hướng về phía tượng, trong hư không trăm nghìn hóa Phật cũng đều chấp tay, quỳ xuống hướng về phía tượng. Bấy giờ, Thế Tôn nói với tượng: ‘Về sau ngươi sẽ làm nhiều Phật sự. Sau khi Ta nhập diệt rồi, những đệ tử của Ta đều giao hết cho ngươi’. Trong hư không các hóa Phật cũng đồng thanh nói như vậy. Sau

²⁹⁴ Tự tứ 自恣 (S: pravāraṇā): thuận theo ý người khác mà tự nêu lên lỗi lầm của mình đã phạm trước chúng tăng. Tức ngày cuối cùng của mùa an cư, mỗi vị tỉ-kheo tự nêu lên các tội mình đã phạm trong ba việc thấy nghe nghĩ, đối trước các tỉ-kheo khác mà sám hối, sám hối thì được thanh tịnh, tự sinh vui mừng, nên gọi là tự tứ.

khi Phật nhập diệt rồi, nếu có chúng sinh tạo lập hình tượng, hết lòng cúng dường, người ấy đời sau nhất định sẽ đạt được tam-muội Niệm Phật Thanh Tịnh”.

Ngoại quốc kí ghi: “Khi Đức Phật lên cung trời Đao-lợi nói pháp cho thánh mẫu Ma-da suốt chín mươi ngày, vua Ba-tư-nặc muốn thấy tôn dung của Ngài nên ông đã cho người tạc tượng Phật bằng gỗ Ngưu Đâu chiên-đàn và đặt lên chỗ Ngài thường ngồi. Sau đó Phật trở về lại tinh xá, tượng Phật rời tòa đón tiếp. Lúc ấy, Phật nói với tượng: ‘Hãy ngồi lại chỗ cũ! Sau khi Ta nhập Niết-bàn, người phải thay ta làm các pháp sự cho bốn chúng’. Nghe vậy, tượng Phật liền ngồi lại chỗ cũ. Tượng này là tượng đầu tiên.

Về sau Đức Phật dời sang ở hai tinh xá nhỏ ở hai bên cách chỗ an trí tượng khoảng hai mươi bước. Tinh xá Kì-hoàn vốn có bảy tầng, các nước thay nhau cúng dường không dứt. Trong đài luôn luôn thấp đèn sáng. Một hôm, bị chuột kéo tim, đèn đang cháy thiêu đốt cờ phướn, lọng lụa và cháy lan, làm cho tinh xá bảy tầng bị thiêu rụi hết. Nhân dân trong cả nước vô cùng buồn lo; ai nấy đều cho rằng tượng Phật chiên-đàn đã bị cháy thành tro. Nhưng khoảng bốn năm ngày sau, mọi người mở cửa tinh xá phía đông nhỏ thì bỗng nhiên nhìn thấy tượng chiên-đàn đã di chuyển sang. Vì thế mọi người vô cùng mừng rỡ, chung sức đồng lòng sửa sang lại tinh xá. Họ dựng lại tinh xá, được hai tầng và thỉnh tượng về an trí lại vị trí cũ”.

Kinh Ưu-điền vương tác Phật tượng hình ghi: “Khi xưa, Đức Phật còn ở đời, có vua nước Bạt-kì tên là Ưu-điền đến gặp Phật, đầu mặt lạy dưới chân Ngài và chấp tay bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn! Sau khi ngài nhập diệt, nếu có người nào tạo hình tượng Phật, người ấy sẽ được phúc như thế nào?

[76b] Phật bảo vua Ưu-điền:

- Người nào tạo hình tượng Phật, sẽ được vô lượng công đức, không thể tính kể; đời đời sinh ra không bị rơi vào đường ác. Người ấy sinh lên cõi trời, cõi người đều được vô cùng sung sướng; toàn thân có ánh sáng vàng tía rực rỡ; mắt đen, mặt sáng, thân thể, tay chân xinh đẹp vô cùng, và thường được trời người thương mến. Nếu người ấy sinh làm người thì thường sinh làm con của các trưởng giả hiền thiện, quan đại thần, vua chúa

và những nơi giàu sang tôn quý; tài sản, châu báu nhiều không thể đếm xuể, được cha mẹ, anh em, chị em thương yêu. Nếu người ấy làm vua thì vô cùng tôn quý, được vua các nước quy phục thậm chí còn làm đến bậc Chuyển luân thánh vương cai trị bốn thiên hạ, bảy thứ báu tự nhiên có sẵn, con cái rất đông, dạo đi khắp các cõi trời. Nếu người ấy sinh lên trời thì làm vị trời tối thắng, đứng đầu cõi trời Lục Dục. Nếu người ấy sinh lên cõi trời Phạm thì làm vị Đại Phạm vương đoan chính không ai bằng, hơn cả các Phạm thiên khác, thường được các Phạm thiên tôn kính. Về sau đều được sinh về cõi nước Vô Lượng Thọ, làm vị đại bồ-tát được tôn kính bậc nhất; trải qua vô số kiếp sẽ được làm Phật và nhập niết-bàn. Nếu có người nào tạo hình tượng Phật thì nhất định sẽ được phúc báo như thế”.

Kinh *Pháp hoa* có bài kệ:

Nếu có người vì Phật,

Tạo lập các hình tượng,

Cho đến trẻ con giỡn,

Dùng cỏ cây và bút,

Hoặc dùng móng ngón tay,

Mà họa vẽ hình Phật,

Những người như thế ấy,

Đều sẽ thành Phật đạo.

Kinh *Tạo lập hình tượng phúc báo* ghi: “Vua Ưu-điền nước Câu-duy-la mới vừa mười bốn tuổi, nghe tin Đức Phật sẽ đến nước mình liền ra lệnh cho các vị cận thần ra đón Phật. Khi Đức Phật đến, vua đầu mặt lạy dưới chân Phật, quỳ xuống chấp tay bạch:

- Bạch Thế Tôn! Trong cõi người, cõi trời không ai bằng Phật; hào quang của Ngài vòi vọi; chỉ có Ngài mới được như thế. Con sợ Phật đi rồi sau này e khó gặp lại Ngài, nên nay con muốn tạo hình tượng Phật để cung kính

thờ phụng. Xin Ngài hãy thương tưởng nói cho con biết, nếu kính thờ Phật thì sẽ được những phúc báo gì?

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ đáp:

Đại vương nghe Ta nói,

Phúc của Vô Thượng Sĩ,

Thế gian không ai bằng.

Quả báo tạo tượng Phật,

[76c] *Thường sinh nhà giàu sang,*

Tôn quý không gì hơn,

Bà con thường yêu mến.

Quả báo tạo tượng Phật,

Thường có được thiên nhân,

Trong sáng không ai bằng.

Quả báo tạo tượng Phật,

Cha mẹ luôn yêu thương,

Xinh đẹp, uy đức lớn,

Thương yêu không nhàm lìa.

Quả báo tạo tượng Phật,

Thân phát ánh sáng vàng,

Giống như tượng sư tử,

Chúng sinh thấy vui mừng.

*Quả báo tạo tượng Phật,
Sinh vào dòng cao quý,
Sát-lợi, Bà-la-môn,
Làm hạng người có phúc.*

*Quả báo tạo tượng Phật,
Không sinh nước biên địa,
Không mù, không xấu xí,
Sáu căn luôn đầy đủ.*

*Quả báo tạo tượng Phật,
Lúc chết biết đời trước,
Thấy Phật ở trước mặt,
Không biết khổ lúc chết.*

*Quả báo tạo tượng Phật,
Làm vị vua danh tiếng,
Hoặc làm Chuyển luân vương,
Cai trị tứ thiên hạ.*

*Quả báo tạo tượng Phật,
Sẽ làm Thiên Đế Thích,
Thống lĩnh đệ nhị thiên²⁹⁵,
Trời Dao-lợi kính thờ.*

²⁹⁵ Đệ nhị thiên 第二天 (S: Trāyastriṃśa; Cg: Dao-lợi thiên): tầng trời thứ hai trong sáu tầng trời cõi Dục.

*Quả báo tạo tượng Phật,
Người ấy thoát cõi Dục,
Làm đến Phạm thiên vương,
Được Phạm chúng cung kính.*

*Quả báo tạo tượng Phật,
Hưởng phúc đúng như thế,
Hoặc khắc, vẽ tượng Phật,
Trời đất còn đếm được
Phúc kia không thể lường.*

*Vì thế cúng dường Phật,
Dùng hoa, hương, nước thơm,
Cúng dường bậc Đại sĩ,
Được vô lậu giải thoát.*

XV.4. Cúng dường

Kinh *Chuyển luân ngũ đạo* ghi: “Đức Phật nói:

- Tu tạo công đức, thì bản thân phải tự làm, như thắp hương, đốt đèn, được phúc rất lớn. Thắp hương, làm phúc..., cho đến tụng đọc kinh điển, không được nhờ người làm, như mời người khác ăn cơm, mình sao no được? Thắp hương, quét dọn, chong đèn, dâng hương ở trai hội, đọc kinh cúng dường, [77a] đó là việc phải thường làm. Cúng dường được phúc, chư thiên phù hộ, muôn ác đều tiêu, chúng ma qui phục. Nếu người biếng nhác, không chịu siêng năng, một mai mắc bệnh, hoặc gặp việc chẳng lành, mới muốn thắp hương làm phúc thì chư thiên chưa kịp xuống trần mà các ma đã tranh nhau đến quấy nhiễu, biến hiện muôn điều quái dị. Vì lí do đó, cần phải siêng năng làm phúc. Tội phúc đã gieo, theo người như bóng với hình.

Gieo giống vào ruộng phúc, như cây Câu-ni-loại, ban đầu chỉ gieo một hạt, dần dần lớn lên, đơm hoa kết trái vô số.

Phật bảo A-nan:

- Cúng dường chỉ một mà phúc báo đạt được gấp vạn phần. Lời ta nói không hề hư dối vậy.

Ngài lại nói kệ:

Người hiền ưa cúng dường,

Được thiên thần phù hộ,

Thí một được vạn lần,

Sống lâu và an vui.

Nay cúng dường người hiền,

Phúc ấy không thể tính,

Rồi sẽ thành Phật đạo,

Độ thoát khắp mười phương”.

XV.5. Chuẩn bị nước tắm cho tăng

Kinh *Thí dụ* ghi: “Vào ngày mùng tám tháng chạp Đức Phật dùng thần lực hàng phục bọn lục sư ngoại đạo²⁹⁶. Chúng đâu không lại Phật bèn nhảy

²⁹⁶ Lục sư ngoại đạo 六師外道: sáu phái ngoại đạo gồm có:

1. Phú-lan-na Ca-diếp 富蘭那迦葉 (S: PūraṇaKāśyapa): Phú-lan-na là tên, Ca-diếp là họ. Phái này chủ trương hết thảy các pháp đoạn diệt tính không, phá bỏ đạo lí vua tôi, cha, con, trung, hiếu.

2. Mạt-già-lê Câu-xa-lê tử 末伽梨拘睺梨子 (S: MaskārīGośaliputra): Mạt-già-lê là tên, Câu-xa-lê là tên của mẹ. Phái này chủ trương sự khổ vui của chúng sinh chẳng phải do nhân duyên, chỉ là tự nhiên mà có.

3. San-xà-dạ Tỳ-la-chi tử 刪闍夜毘羅胝子 (S: SañjayaVairāṭīputra): San-xà-dạ là tên, Tỳ-la-chi là tên của mẹ. Phái này chủ trương không cần cầu đạo giải thoát, chỉ cần trải qua kiếp số sinh tử thì tự dứt hết sự khổ, như cuộn gai tròn lăn từ trên núi cao xuống, khi cuộn gai hết thì tự dừng.

4. A-ki-đa-sí-xá Khâm-bà-la 阿耆多翅舍欽婆羅 (S: Ajitakeśakambala): A-ki-đa-sí-xá là tên, Khâm-bà-la là y phục thô xấu. Phái này chủ trương thân mặc y xấu, dùng năm thứ nóng để đốt thân, lấy khổ hạnh làm đạo.

xuống sông tự tử. Phật lại thuyết pháp giáo hóa các ngoại đạo khác, họ đều quy phục, nên cùng nhau bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn! Ngài đã dùng nước chính pháp tẩy sạch hết những vết cấu bẩn trong tâm chúng con, nay chúng con thỉnh chư tăng tắm gội để trừ sạch những nhơ bẩn trên thân thể”.

Lấy đây làm lệ thường. *(Theo văn kinh này cúng nước cho tăng tắm gội vào ngày mồng tám tháng chạp)*

Kinh *Ma-ha sát-đầu*²⁹⁷ có ghi: “Phật bảo với mọi người:

- Chư Phật trong mười phương đều hạ sinh, xuất gia, thành đạo, nhập niết-bàn vào nửa đêm ngày mồng tám tháng tư.

Đức Phật lại bảo:

- Sở dĩ lấy ngày mồng tám tháng tư là vì trong khoảng giao thời giữa mùa xuân và mùa hè, mọi tai ương đều tan biến, vạn vật đều sinh sôi, độc khí không xuất hiện, không nóng cũng không lạnh, khí hậu ôn hòa nên chư Phật đều sinh ra trong ngày ấy.

Nhân dân trong nước đều ghi nhớ công đức của Phật, nên tắm gội tượng Phật như khi Ngài còn tại thế.

Lại vì muốn chỉ bày cho mọi người nên Phật nói:

- Khi còn là bồ-tát, Ta ba mươi sáu lần làm vua trời Đế Thích, ba mươi sáu lần làm Kim luân vương, ba mươi sáu lần làm Phi hành hoàng đế²⁹⁸.

5. Ca-la-curu-đa Ca-chiên-diên 迦羅鳩駄迦旃延 (S: KakudaKātyāyand): Ca-la-curu-đa là tên; Ca-chiên-diên là họ. Phái này chủ trương các pháp cũng có tướng cũng không tướng. Ứng với vật mà phát khởi nhận thức. Nếu người hỏi là có thì đáp là không, nếu người hỏi là không thì đáp là có.

6. Ni-kiền-đà Nhã-đê tử 尼鞞陀若提子 (S: NirgrantaJñātiputra): Ni-kiền-đà là tên gọi chung cho người xuất gia, Nhã-đê là tên mẹ. Phái này chủ trương khổ vui, tội phúc hết thảy đều do đời trước mà nhất định có sự đền bù, chẳng phải đời nay hành đạo mà có thể dứt trừ được.

²⁹⁷ Kinh Ma-ha-sát đầu (Ma-ha-sát đầu kinh 摩訶剎頭經; S: Mahāsattva Sūtra): kinh Quán Phật hình tượng.

²⁹⁸ Phi Hành hoàng đế 作飛行皇帝: vị vua có uy lực thống trị cả bốn châu thiên hạ, đầy đủ bảy báu và có nghìn người con làm quyến thuộc.

Ngày nay, ai có lòng thành nhớ nghĩ đến ân Phật Thích-ca, dùng hoa, hương tẩm gội tượng Phật, người đó sẽ được phúc tối thắng, được chư thiên, quỷ thần chứng minh. Phép tẩm Phật ngày mùng tám tháng tư nên dùng ba loại hương như đô lương hương²⁹⁹; [77b] hoặc hương và ngãi nạp hương.

Hòa ba loại hương này lại rồi đem ngâm trong nước sẽ cho ra màu xanh. Nếu ba loại hương trên không đủ, có thể dùng tần bì màu tía xanh để thay. Lại lấy uất kim hương vò nát và ngâm trong nước thì sẽ ra màu đỏ. Lấy nước sạch rưới trên tượng xong rồi lấy bông vải trắng, lụa trắng lau khô tượng. Sau cùng, tự kiểm tra lại rồi lấy nước hương trên rưới lên tượng. Đây mới là thanh tịnh được phúc báo đệ nhất”.

Kinh *Ôn thất* ghi: “Phật bảo trưởng giả Kỳ-vực:

- Khi tẩm gội phải chuẩn bị đủ bảy thứ thì trừ được bảy bệnh, được bảy phúc báo. Bảy thứ là đốt lửa, nước sạch, tháo đậu³⁰⁰, tô cao³⁰¹, tro sạch, cành dương, ao lót.

Trừ bảy bệnh là tứ đại an ổn, trừ phong hàn, trừ bệnh tê liệt; trừ lạnh, trừ nóng, tẩy sạch như bản; thân thể nhẹ nhàng, mắt trong sáng.

Được bảy phúc báo là:

1. Thân thể không bệnh, sinh ra ở đâu cũng thường an ổn
2. Đòi đòi sinh ra thân luôn sạch sẽ và tướng mạo xinh đẹp
3. Thân thể thường thoảng hương thơm, y phục sạch sẽ chỉnh tề
4. Thân thể trơn láng, có oai quang, có đức lớn
5. Nhiều người theo phẩy sạch bụi bặm trên thân

²⁹⁹ Đô lương hương 都梁香: tên khác của cây trạch lan. Vào thời Bắc Ngụy, ở phía tây huyện Đô Lương có ngọn núi nhỏ, trên núi có một dòng suối cạn, nước trong vắt, trong suối mọc nhiều lan, vì mọc ven dòng suối, nên người ta gọi cây ấy trạch lan, loại thực vật này sống ở phía tây huyện Đô Lương nên cũng gọi là đô lương hương.

³⁰⁰ Tháo đậu 澡豆: chất tẩy giống như xà phòng ngày nay.

³⁰¹ Tô cao 酥膏: chất gội giống như sữa tắm ngày nay.

6. Răng trắng đều, miệng thoảng hương thơm, lời nói được nhiều người tin tưởng

7. Sinh ra ở đâu cũng tự nhiên có y phục”.

Luật *Thập tụng* ghi: “Tắm gội có năm điều lợi ích:

1. Thân thể sạch sẽ.

2. Da đồng một màu.

3. Trừ nóng lạnh.

4. Hạ phong³⁰² điều hòa.

5. Ít bệnh hoạn.

Vào mùa hạ, thời tiết rất nóng bức, có người làm vườn gánh nước tưới cây, thấy Xá-lợi-phất liền phát khởi chút lòng lạnh, ông gọi:

- Xin hãy cởi áo đến bên gốc cây, tôi sẽ tắm gội cho ngài để cơ thể được mát mẻ.

Người làm vườn sau khi mạng chung liền sinh lên trời Đao-lợi, có oai lực lớn. Công lao tuy ít, nhưng nhờ gặp ruộng phúc tốt, nên phúc báo đạt được rất lớn.

Vị trời ấy liền bay xuống chỗ ngài Xá-lợi-phất, rải hoa cúng dường. Thấy vị trời ấy thành tâm, ngài Xá-lợi-phất liền thuyết pháp khiến ông ta đắc quả Tu-đà-hoàn”.

Kinh *Hiền ngu* ghi: “Bảy giờ, trời Thủ-đà-hội³⁰³ xuống cõi Diêm-phù-đề, đến chỗ của Đức Phật thỉnh Ngài cùng các tì-kheo tắm rửa và cúng dường. Đức Phật im lặng nhận lời. Thưa xong, vị trời chuẩn bị thức ăn, thức uống

³⁰² Hạ phong 下風: xì hơi. Thuở xưa, khi Đức Phật ngự tại thành Xá-vệ, có nhóm lục quần tì-kheo không giữ uy nghi, làm việc xấu ác, cố ý ăn nhiều đậu, bột, uống nhiều sữa, rồi ở trong phòng lẩn lượt xì hơi vang tiếng, dùng âm thanh ấy đùa giỡn chọc tức các tì-kheo trưởng lão. Nhân đó, các tì-kheo thỉnh cầu Đức Phật chỉ dạy việc hạ phong. Đức Phật dạy: “Ai sắp hạ phong phải đè nén, nếu không được thì nên đến ngồi phía dưới cùng, khi xì hơi không được gây tiếng động làm nhiễu loạn các tì-kheo ngồi gần”.

³⁰³ Trời Thủ-đà-hội (Thủ-đà-hội thiên 首陀會天): cõi trời Tịnh Cư, thuộc cõi Sắc nằm trong Tứ Thiên thiên.

và đồ dùng tắm rửa. Phòng tắm, nước ấm thích hợp, dầu tồ, cỏ chà thân đều đầy đủ.

[77c] Nhận sự cúng dường này. Đức Phật và các tì-kheo tắm xong rồi thụ thực với những thức ăn ngon bổ thật hiếm có ở đời. Ăn xong, súc miệng rồi mỗi vị đều trở về chỗ ngồi của mình.

Bấy giờ, ngài A-nan bạch Phật:

- Vị trời này khi xưa làm công đức gì nay thân hình được xinh đẹp uy nghiêm lạ thường, ánh sáng rực rỡ như núi báu lớn?

Phật bảo A-nan:

- Thuở xưa, vào thời Đức Phật Tì-bà-thi, vị trời này là một người nghèo khổ đi làm thuê để kiếm sống. Một hôm, ông nghe Đức Phật dạy về công đức của việc tắm cho chúng tăng, trong lòng ông sinh vui mừng, liền siêng năng làm việc, kiếm được một ít tiền. Ông đem số tiền đó sắm sửa thức ăn và dụng cụ tắm rửa rồi thỉnh Phật và chúng tăng đến cung kính dâng cúng. Nhờ phúc đức đó, sau khi ông mạng chung được sinh lên trời Thủ-đà-hội có được tướng tốt này. Từ bảy đời Đức Phật đến nay và cho đến nghìn Đức Phật ra đời, ông cũng tắm Phật và tặng như thế. Phật thụ ký cho ông ta, hai a-tăng-kì và một trăm kiếp ở đời vị lai sẽ thành Phật hiệu là Tịnh Thân, đầy đủ mười đức hiệu”.

Kinh *Tạp thí dụ* ghi: “Thuở xưa, vào thời Phật Duy-vệ, Nan-đà em của Phật do nhờ phúc đức của một lần tắm chúng tăng, nên nay được sinh vào họ Thích, có ba mươi tướng quý, thân hình có ánh sáng màu vàng rực rỡ, được sinh cùng thời với Phật, lại tu hành tinh tiến chứng được lục thông.

Người xưa cúng dường chỉ một lần mà còn được phúc báo lớn, huống gì nay đàn-việt có thể cúng dường nhiều lần. Hạnh cúng dường rộng khắp nhất định sẽ thành Phật, được an lạc lớn, độ thoát hết thầy chúng sinh”.

Kinh *Phúc điền* ghi: “Tì-kheo A-nan bạch Phật:

- Nhớ đời trước con làm người dân trong nước La-duyệt-kì, thân thể mọc mụn độc chữa trị không lành, có một đạo nhân bạn thân đến nói với con:

‘Ông nên chuẩn bị nước tắm cho tăng rồi lấy nước ấy đem rửa mặt ghê thì mặt sẽ lành, lại còn được phúc’.

Nghe xong, con vui mừng liền đến chùa với tâm thành kính đào giếng, sắm sửa dầu gội và dụng cụ tắm. Chờ cho chúng tăng tắm rồi con lấy nước ấy rửa mặt ghê, mặt lành rất nhanh. Do nhân duyên đó, đời đời sinh ra con được tướng mạo xinh đẹp, thân có ánh sáng màu vàng kim rực rỡ, không dính bụi bặm, chín mươi một kiếp thường được phúc lành, quả vui ấy thật là rộng lớn, dài lâu. Nay được gặp Phật, phiền não tiêu trừ, chúng quả A-la-hán”.

Luật *Thập tụng* ghi: “Phòng tắm ở nước ngoài có hình tròn giống như cái nhà kho, bên trên có lỗ thông hơi, phía dưới có rãnh thoát nước để dẫn nước thoát ra ngoài. Lại đặt một chiếc bình ba ngăn bằng nhau ở nơi mà người có thể sử dụng được. [78a] Bình này đựng ba loại nước, ngăn trên đựng nước nóng, ngăn giữa đựng nước ấm, ngăn dưới cùng đựng nước lạnh. Người tắm có thể tùy ý sử dụng, không nấu nước nóng tắm riêng, nên gọi là tịnh thủy³⁰⁴”.

Kinh *Tăng nhất a-hàm* ghi: “Bấy giờ, Đức Phật bảo các tì-kheo:

- Xây dựng nhà tắm có năm công đức: trừ gió; chóng lành bệnh; trừ được bụi bặm; thân thể nhẹ nhàng; da dẻ hồng hào.

Bốn chúng, nếu có ai muốn được năm công đức này phải nên xây dựng nhà tắm”.

Luật *Tăng-kỳ* ghi: “Khi muốn tắm, sai người phụ việc v.v... rưới nước quét dọn sạch sẽ, chuẩn bị củi lửa, nấu nước vừa đủ nóng rồi mới đánh kiền chùy để mọi người biết. Khi vào tắm mỗi người phải lấy giầy buộc y làm dấu rồi móc lên giá. Không được đi vung tay mà vào nhà tắm, nên để một tay che phía trước mà đi vào. Nếu muốn vào lau cho thầy thì phải thưa trước mới không có lỗi, không được đồng thời bảo nâng cả hai tay mà lau, lau một tay, một tay che phía trước, xong thì lau tay kia và những bộ phận khác. Vào tắm thì phải đóng cửa mà ngồi để cho mồ hôi trong thân thoát ra. Phải lượng nước mà dùng không được dùng nhiều. Nếu tắm ở ao thì được dùng nước thoải mái không có tội. Không cho phép trần truồng tắm ở

³⁰⁴ Tịnh thủy 淨水: nước trong sạch, ý nói nước được sử dụng đúng với phép tắc Phật chế.

chỗ trống, nếu nước tới ngang lưng hay nách thì được tắm trần không phạm. Nếu khi ngồi xuống mà nước ngập đến rốn thì cũng được tắm trần. Tắm xong, ra khỏi nước phải đắp y vào, chỉnh sửa ngay thẳng mới được đi”.

XV.6. Các việc phúc khác

Luận *Tát-bà-đa* ghi: “Người làm phòng tăng, tháp, tượng, đào giếng nơi đường lớn, cho đến làm cầu, thuyền, thì sinh ra ở nơi nào cũng thường làm thí chủ giàu có, trừ ba lý do: việc làm trước bị hủy hoại, hai là chưa làm mà chết, ba là khởi tà ác. Không có ba lý do này thì được phúc đức”.

Kinh *Tăng nhất a-hàm* ghi: “Bây giờ, Phật bảo các tì-kheo:

- Bồ thí có năm việc không được phúc:

1. Đem dao cho người.
2. Đem thuốc độc cho người.
3. Đem trâu rừng cho người.
4. Đem gái dâm cho người.
5. Xây dựng miếu cúng thần.

Lại làm năm việc được phúc đức sinh lên cõi trời, người:

1. Tạo lập công viên.
2. Trồng rừng.
3. Xây dựng cầu đường.
4. Đóng thuyền lớn.
5. Xây dựng phòng xá, nhà nghỉ”.

[78b] Bây giờ, Đức Phật nói kệ:

*Lập vườn cho bóng mát,
Và tạo dựng cầu đường,
Đóng thuyền chở người qua,
Cùng xây dựng phòng xá,
Người ấy trong mọi thời,
Luôn luôn được phúc đức,
Giới định đã thành tựu,
Nhất định được sinh thiên.*

Luật Tăng-kì ghi: “Có các thiên tử dùng kệ hỏi Đức Phật:

Người nào sinh cõi thiện?

Người nào được sinh thiên?

Người nào cả ngày đêm,

Trưởng dưỡng công đức lành?

Bấy giờ, Thế Tôn dùng kệ đáp:

Đào giếng nơi đường vắng,

Lập vườn cây ăn quả,

Trồng rừng cho bóng mát,

Cầu, đò để người qua,

Bố thí tu tịnh giới,

Trí tuệ bỏ xan tham,

Công đức ngày thêm lớn,

Thường sinh làm trời, người”.

Kinh *Chính pháp niệm* ghi: “Nếu có chúng sinh đem nước sạch bỏ thí cho mọi người, hoặc đập miệng giếng vì sợ rắn độc rơi vào trong giếng khiến những người đi đường uống nhầm nước này đưa đến ngộ độc. Những người thường làm việc này, sau khi chết được sinh lên trời Tam Không Hầu, hưởng năm thứ dục lạc. Khi thọ mạng hết sinh làm thân người, được vua yêu mến.

Nếu người bị bệnh khô, hơi thở nặng nhọc, mạng sống chưa hết, như có người bỏ thí cho họ nước uống hay của cải để họ trị bệnh thì sau khi chết, người bỏ thí sinh lên cõi trời Thâm Thủy được hưởng niềm vui giống như Đế Thích. Khi thọ mạng cõi trời hết tuy theo nghiệp thác sinh, nhưng không bị rơi vào ba đường ác, được làm thân người, đời đời sinh ra không bị bệnh khổ cho đến không có buồn phiền.

Nếu có chúng sinh nào trì giới, cúng dường quạt cho tì-kheo tăng, giúp được mát mẻ trong lúc tụng kinh thì sau khi chết, người ấy được sinh lên cõi trời Phong Hành, thường có mùi hương thổi đến, khiến được an vui không gì sánh bằng.

Nếu có chúng sinh, tạo lập cầu, thuyền, bằng tâm thiện giúp người trì giới và những người khác qua lại, họ cũng không làm điều ác thì sau khi chết người ấy sinh lên cõi trời Man Trì hưởng năm thứ dục lạc, lúc thọ mạng hết, sinh vào cõi người được giao trông coi kho báu của vua”.

Kinh *Thí dụ* ghi: “Xưa có ba mẹ con thường làm ba việc:

1. Làm thuyền lớn đặt sẵn ở dòng sông để đưa mọi người qua.
2. Ở nơi đô thị đào giếng nước trong để cung cấp cho muôn dân.
3. Tại bốn cửa thành đều xây nhà xí để mọi người tiểu tiện.

Nhờ tu công đức này, ba người sau khi chết đều được sinh lên trời hưởng phúc tự nhiên, sinh xuống trong cõi người thì được giàu sang phú quý và sống lâu, dù sinh ra nơi nào cũng không bị rơi vào trong ba đường

ác. [78c] Tạo phúc này tuy nhỏ, nhưng được kết quả nhiều vô lượng, huống gì có người rộng tu công đức, dựng tháp xây chùa lập đàn bố thí làm các việc phúc thì phúc báo ấy gấp trăm nghìn vạn lần, phúc báo này, không thể tính kê.

Luận *Thành thật* có trích dẫn một bài kệ trong kệ kinh:

Nếu trồng rừng, vườn cây,

Đào giếng, xây dựng cầu,

Việc phúc người ấy làm,

Ngày đêm thường tăng trưởng.

Kinh *Hoa thủ* ghi: “Phật bảo Xá-lợi-phất:

- Bồ tát có bốn pháp làm cho quả vị Vô thượng bồ-đề hoàn toàn không lui sụt, đó là:

1. Nếu thấy chùa tháp hư hoại, nên dùng đất, hoặc vữa hồ cho đến một viên gạch tu sửa.
2. Ở ngã tư, nơi nhiều người nhìn thấy mà xây tháp, tạc tượng; trong tháp vẽ hình Đức Phật chuyển pháp luân, cảnh Phật xuất gia cho đến cảnh Phật nhập niết-bàn nơi ta-la song thụ, tạo điều kiện khiến cho mọi người nhớ nghĩ đến ân đức của Phật.
3. Nếu có hai bộ ti-kheo tăng tranh cãi thì ân cần tìm đủ mọi cách giúp cho chư tăng hòa hợp.
4. Nếu thấy Phật pháp sắp hoại diệt, phải thường đọc tụng, thuyết giảng kinh điển cho đến một bài kệ khiến cho chính pháp không mất; lại vì giữ gìn chính pháp mà cúng dường pháp sư, chuyên tâm hộ pháp không tiếc thân mạng.

Nếu bồ-tát thành tựu bốn pháp này thì đời đời sẽ làm Chuyển luân thánh vương, được thân hình to lớn, có sức mạnh như Na-la-diên, về sau bỏ bốn thiên hạ mà đi xuất gia, tu bốn Phạm hạnh một cách trọn vẹn. Sau khi chết,

sinh lên trời làm Đại Phạm vương cho đến chứng quả Vô thượng. Người trí muốn cầu Phật đạo phải tu học như thế”.

Kinh *Phóng ngưu*³⁰⁵ ghi: “Phật bảo các tì-kheo:

- Có mười một việc, người chăn trâu không biết chăn tốt, không biết cách nuôi dưỡng trâu. Đó là:

1. Không biết khí sắc của trâu.
2. Không biết xem tướng mạo.
3. Không biết tắm rửa.
4. Không biết chăm sóc vết thương.
5. Không biết xông khói un muối.
6. Không biết chọn đường đi.
7. Không biết cách đối xử với trâu.
8. Không biết chọn nơi để trâu qua sông.
9. Không biết tìm chỗ cỏ ngon, nước trong mát cho trâu.
10. Không biết vắt sữa trâu, không chừa sữa lại.
11. Không biết phân biệt thức ăn nào nên cho trâu ăn, thức ăn nào không nên cho trâu ăn.

Mười một việc như thế, người chăn trâu không biết cách nuôi dưỡng, bảo vệ trâu, làm cho trâu không thể sinh sôi nảy nở mà ngày càng suy giảm”.

Đây là ví dụ cho một tì-kheo cũng có mười một pháp tổn hại, ở đây không thể trình bày đầy đủ.

[79a] Thế rồi Đức Phật nói kệ:

³⁰⁵ Kinh Phóng ngưu (Phóng ngưu kinh 放牛經): kinh, một phẩm rút ra từ Tăng-nhất A-hàm đồng với nội dung kinh này.

*Người chăn trâu cẩn thận,
Là phúc của ông chủ,
Sáu con sinh sáu năm,
Trở thành sáu mươi con,
Người chăn trâu thông minh,
Biết phân biệt các tướng...
Kẻ chăn trâu như thế,
Phật đời trước thường khen.*

XV.7. Kệ kết khuyên

*Bóng ngay thì hình thẳng,
Hang trống vọng âm vang,
Phúc lành giúp vận tốt,
Do nhân thì có quả.
Xả thân cúng dường Phật,
Chỉ thành được khen,
Âm đức bố thí,
Phúc đến âm thầm.*

Đức Nghiêm- Nguyên Nhứt dịch

CHU KINH YẾU TẬP

QUYỂN 9

XVI. CHỌN BẠN KẾT GIAO

Gồm năm phần: Lời dẫn, Thiện tri thức, Ác tri thức, Mắc nợ, Răn lỗi lầm.

XVI.1. Lời dẫn

Tốt cùng của lý chỉ có thiện và ác. Xét hai con đường này, thật dễ luận bàn; sâu kín thì có tội phúc, khổ vui; trước mắt thì có hiền ngu, vinh nhục. Thích vinh ghét nhục, theo vui bỏ khổ là tâm lý chung của tất cả chúng sinh.

Con người ngày nay thích vinh mà không biết chuộng hiền, cầu phúc mà không biết tránh lỗi, cũng như gieo giống lép mà đến mùa mong được hạt chắc, cưỡi ngựa yếu què mà mong vượt đường xa, há chẳng phải là việc không tưởng ư? Ví như các loài chim muông, trùng, rắn... khôn ngoan còn biết nhờ gió, mượn sương, nương cao, cậy xa để thành tựu việc của mình; huống là con người, sao không nương bạn hiền để trở thành người tốt?

Thế nên, gần gũi bạn tốt thì danh cao, đức trọng; chơi với kẻ xấu thì danh bại, thân tàn. Vì vậy, phép tắc đáng quý xuất phát từ con người mẫu mực, tâm ý có thiết tha mới giữ được tinh thân. Lại như ruồi trâu chỉ có thể bay xa trăm bước, nhưng nếu biết đậu nhờ vào đuôi chim loan thì bay xa cả nghìn dặm. [79b] Đó, há chẳng phải là nhờ vào năng lực của đôi cánh chim loan ư? Cũng vậy, người đời đắm chìm trong đường tăm tối không thể bước lên cõi trời người, nhưng nếu biết nương vào uy lực của chư Phật thì mau chứng Thập địa³⁰⁶, cùng về cõi Tịnh.

XVI.2. Thiện tri thức

Kinh *Niết-bàn* ghi: “Tì-kheo A-nan hỏi Phật:

- Người có phân nửa Phạm hạnh có được gọi là thiện tri thức không?

³⁰⁶ Thập địa 十地 (S: bhūmi): mười giai vị bồ-tát chứng đắc, được nói trong kinh Hoa nghiêm. Đó là Hoan hỉ địa, Li cầu địa, Minh địa, Diệm địa, Nan thắng địa, Hiện tiền địa, Viễn hành địa, Bất động địa, Thiện huệ địa, Pháp vân địa.

Đức Phật bảo:

- Không được. Người có đầy đủ Phạm hạnh mới được gọi là thiện tri thức.

Phật lại bảo:

- Thiện tri thức là người nói đúng pháp, thực hành đúng như lời nói.

Thế nào là nói đúng như pháp, thực hành đúng như lời nói? Nghĩa là tự mình không sát sinh, dạy người không sát sinh, cho đến tự mình thực hành chính kiến, dạy người thực hành chính kiến. Nếu được như thế thì gọi là thiện tri thức chân chính. Tự mình tu tập bồ-đề, cũng dạy người tu tập bồ-đề, gọi là thiện tri thức. Tự mình tu hành chánh tín, trì giới, bố thí, đa văn, trí huệ, gọi là thiện tri thức.

Thiện tri thức là người có thiện pháp. Thiện pháp là việc làm của họ không mong cầu sự an lạc cho riêng mình, mà mong cầu sự an lạc cho tất cả chúng sinh; thấy người khác có lỗi thì không nói lỗi của họ, mà lúc nào cũng nói tốt về họ. Đây gọi là thiện tri thức.

Này thiện nam tử! Như mặt trăng giữa hư không, từ ngày mỏng một sáng dần cho đến ngày rằm. Cũng vậy, thiện tri thức khiến cho người học dần dần xa lìa pháp ác, tăng trưởng pháp thiện.

Này thiện nam tử! Nếu người nào vốn chưa có định tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, khi gần gũi thiện tri thức, thì liền được; còn người chưa đầy đủ thì được tăng trưởng.

Phật lại bảo:

- Thiện tri thức nên quán người này nặng về tham dục hay là sân nhuế, ngu si hay vọng tưởng? Nếu biết người ấy nhiều tham dục, thì nên dạy cho pháp quán bất tịnh; người nhiều sân nhuế, thì nên dạy cho pháp quán từ bi; người nhiều vọng tưởng, thì nên dạy cho pháp quán sở tức; người nhiều chấp ngã, thì nên giảng giải mười tám giới. Sau khi nghe pháp, vị ấy tu hành, lần lượt chứng đắc bốn pháp niệm xứ³⁰⁷, mười hai nhân duyên³⁰⁸,

³⁰⁷ Bốn pháp niệm xứ (tứ niệm xứ 四念處; S: catvāri smṛty-upasthānāni; Cg: tứ niệm trụ): bốn chỗ để trụ tâm, một khoa trong bảy khoa thuộc ba mươi bảy phẩm trợ đạo, là bốn phương pháp tập trung tâm niệm vào một điểm, đề phòng và ngăn dứt không cho tạp niệm vọng tưởng sinh khởi để đạt được chân lí.

pháp noãn³⁰⁹, đảnh³¹⁰, nhẫn³¹¹, thế đệ nhất³¹², cho đến các quả vị như A-la-hán, Bích-chi Phật, Bồ-tát, Phật, cũng nhờ những pháp này mà thành tựu, không bị ngưng trệ. Lợi mình, lợi người, pháp và hạnh viên mãn, gọi là thiện tri thức. Nếu vị pháp sư không đầy đủ các pháp trên, thì không được gọi là thiện tri thức và người học cũng không có pháp tu hành để chứng đắc các quả vị.

[79c] Cho nên, luận *Phật tính* dẫn bài kệ trong kinh rằng:

Không gặp thiện tri thức,

Bạn xấu phá hạnh lành,

Như nhện rơi vào sữa,

Sữa ấy thành chất độc.

Như vậy, thiện tri thức cần phải làm lợi ích chúng sinh một cách thật sự, trước điều phục bản thân, sau mới dạy người và không có mười lỗi: ít nghe, thối tâm, tán loạn, kiêu mạn, điên đảo, mong cầu, sân hận, tà hạnh, chấp ngã, ác hạnh.

Luận *Trang nghiêm* có bài kệ:

Đa văn, thấy tứ đế,

Giảng hay và thông đạt,

Người này được bất thoái,

Bồ-tát khéo nương tựa.

³⁰⁸ Thập nhị nhân duyên 十二因緣 (S: dvādaśāṅgapraṭītya-samutpāda): mười hai điều kiện liên kết làm nhân quả cho nhau, hình thành sự sinh tồn và hoại diệt của loài hữu tình.

³⁰⁹ Noãn 煖: giai vị đầu tiên trong tứ thiện căn. Pháp niệm trú tổng duyên cộng tướng khi đã thành tựu tột bậc thì phát sinh thiện căn thuận quyết trạch phần. Thiện căn này gọi là noãn pháp.

³¹⁰ Đỉnh 頂 (S: mūrdhāna): gia vị thứ hai trong bốn thiện căn.

³¹¹ Nhẫn 忍: giai vị tu hành trước kiến đạo, đạt được sau khi đã thành tựu viên mãn đảnh thiện căn.

³¹² Thế đệ nhất 世第一: gia hạnh vị thứ tư trong bốn gia hạnh vị, là pháp cùng cực nhất của trí hữu lậu, thù thắng bậc nhất trong các pháp thế tục.

Kinh *Phật bản hạnh* ghi: “Một thời, Đức Phật cùng với trưởng lão Nan-đà đi đến tiệm bán hương. Thấy trong tiệm có nhiều loại hương, Đức Phật bảo trưởng lão Nan-đà:

- Này Nan-đà! Ông hãy đến lấy các loại hương trong tiệm này!

Vâng lời Phật dạy, Nan-đà đến lấy.

Phật lại bảo Nan-đà:

- Ông hãy lấy ít hương để trong lòng bàn tay, sau đó thả xuống đất.

Nghe vậy, Nan-đà cầm một ít hương, chốc lát rồi thả xuống đất.

Đức Phật bảo:

- Nay ông tự ngửi tay xem.

Vâng lời Phật, Nan-đà ngửi tay mình.

Đức Phật hỏi:

- Ông ngửi có mùi gì không?

Nan-đà thưa:

- Bạch Thế Tôn! Tay con có mùi thơm kỳ diệu.

Đức Phật bảo:

- Đúng vậy, đúng vậy! Nếu người gần gũi thiện tri thức, nhờ thường ở chung, tùy thuận, huân tập và thân cận, nên nhất định được tiếng tốt vang xa”.

Nhân việc này, Đức Phật nói kệ:

Nếu trong tay cầm các loại hương,

Hương trầm, hương hoắc³¹³ cùng hương xạ³¹⁴,

Chốc lát mùi thơm thấm vào tay,

Gần gũi thiện tri thức cũng vậy.

Đức Phật lại nói kệ:

Nếu người gần gũi ác tri thức,

Đời này không được tiếng tốt vang,

Cũng vì thân gần với bạn ác,

Đời sau sẽ đọa ngục A-tì.

[80a] *Nếu người gần gũi thiện tri thức,*

Vâng làm theo những việc tốt lành,

Đời này tuy không được lợi lộc,

Nhưng sau dứt sạch nhân khổ đau.

Luật *Tứ phần* ghi: “Bạn thân cần phải đủ bảy yếu tố:

1. Làm được việc khó làm.
2. Cho được thứ khó cho.
3. Nhẫn được điều khó nhẫn.
4. Nói với nhau điều bí mật.
5. Cùng giữ kín cho nhau.
6. Gặp khổ không lìa bỏ.

³¹³ Hương hoắc (hoắc hương 藿香; S: tamālapatra): mùi thơm của cây hoắc.

³¹⁴ Hương xạ (xạ hương 麝香; S: kastūrī) : chất thơm lấy trong mình con xạ hương.

7. Nghèo hèn không khinh thường.

Người thực hành được bảy yếu tố này là bạn tốt, nên gần gũi, học tập”.

Trong luận *Đại trang nghiêm*, Đức Phật nói kệ:

Không bệnh được lợi nhất,

Biết đủ, giàu bạc nhất,

Bạn lành, đáng gần nhất,

Niết-bàn, vui lớn nhất.

Kinh *Thi-ca-la-việt lục hướng bá* ghi: “Thiện tri thức có bốn hạng:

1. Ngoài như oan gia, nhưng trong thì thân thiết.
2. Trước mặt thì thẳng thắn can ngăn, sau lưng thì nêu việc tốt.
3. Thấy người bị thua trong việc kiện tụng, thì lo buồn và tìm cách giúp đỡ.
4. Thấy người nghèo khổ, tâm không bỏ rơi, thường muốn giúp họ giàu có.

Lại nữa, thiện tri thức cũng có bốn hạng:

1. Gặp người bị quan bắt dẫn về che dấu, sau đó giải quyết thỏa đáng.
2. Gặp người bị bệnh ốm gầy thì đem về chăm sóc.
3. Hay tin bạn chết thì an táng, lo liệu.
4. Biết bạn đã mất thì đến nhà chia buồn.

XVI.3. Ác tri thức

Kinh *Thi-ca-la-việt lục hướng bá* ghi: “Ác tri thức có bốn hạng:

1. Trong tâm thì oán thù, nhưng ngoài gắng gượng làm ra vẻ cảm thông.
2. Trước mặt thì nói tốt, sau lưng lại nói xấu.

3. Khi có việc khẩn cấp, trước mặt người tỏ vẻ buồn khổ, nhưng sau lưng lại vui mừng.

4. Ngoài như thân thiết, nhưng trong ngầm làm hại.

Lại nữa, ác tri thức cũng có bốn hạng:

1. Xúc phạm nhỏ, liền giận dữ quá đáng.

2. Không chịu làm những việc đáng làm.

3. Thấy bạn gặp nạn, liền lẩn tránh.

4. Thấy bạn chết, không hề quan tâm thăm viếng.

Kinh *Niét-bàn* ghi: “Đại Bò-tát xem ác tri thức giống như voi dữ. Vì sao? Vì cả hai đều làm tổn hại thân mạng. Nhưng đại bò-tát không sợ hãi voi dữ, mà rất sợ ác tri thức. Vì sao? Vì voi dữ chỉ hại thân chứ không hại tâm, ác tri thức hại cả thân và tâm. [80b] Voi dữ chỉ hại một thân, ác tri thức hại vô lượng thiện thân, vô lượng thiện tâm. Voi dữ chỉ phá hoại thân như ướ, ác tri thức phá hoại thân thanh tịnh và tâm thanh tịnh. Voi dữ chỉ hại nhục thân, ác tri thức phá hoại pháp thân. Người bị voi dữ giết chết thì không đọa ba đường ác, còn bị ác tri thức giết hại thì nhất định đọa ba đường ác. Voi dữ chỉ là oán thù của thân, ác tri thức là oán thù của pháp lành”.

Thế nên, bò-tát thường phải xa lìa các ác tri thức.

Kinh *Tăng nhất a-hàm* ghi: “Đức Phật nói kệ:

Chớ gần ác tri thức,

Cũng đừng theo người ngu,

Thân cận thiện tri thức,

Bậc nhất trong loài người.

Nếu người tâm hiền lành,

Gần gũi ác tri thức,

Lâu dần gieo giống xấu,

Mãi chìm trong tối tăm”.

Kinh *Trung a-hàm* ghi: “Bấy giờ, Đức Phật bảo các tì-kheo:

- Có bảy trường hợp gây thành oan gia:

1. Không muốn oan gia có sắc đẹp, cho nên tuy thường tắm gội, dùng danh hương thoa thân, nhưng sắc thân vẫn xấu. Đó là do tâm bị sân giận chi phối mà gây thành oan gia.

2. Không muốn oan gia ngủ nghỉ yên ổn, cho nên tuy nằm giường gối được phủ bằng gấm vóc, lụa là, nhưng giấc ngủ vẫn lo âu, đau khổ. Đó là do tâm bị sân giận chi phối mà gây thành oan gia.

3. Không muốn oan gia được lợi ích lớn, cho nên đáng lẽ được lợi mà không được lợi, đáng lẽ không được lợi lại được lợi. Hai điều này chống trái nhau. Đó là do tâm bị sân giận chi phối mà gây thành oan gia.

4. Không muốn oan gia có bạn bè, cho nên nếu có bạn bè thân thiết, họ cũng tìm cách lánh mặt bỏ đi. Đó là do tâm bị sân giận chi phối mà gây thành oan gia.

5. Không muốn oan gia được tiếng khen, cho nên danh nhơ, tiếng xấu đồn khắp. Đó là do tâm bị sân giận chi phối mà gây thành oan gia.

6. Không muốn oan gia giàu sang, cho nên dù người ấy giàu có vẫn bị mất nhiều tài vật. Đó là do tâm bị sân giận chi phối mà gây thành oan gia.

7. Không muốn oan gia khi mạng chung sinh về nơi hạnh phúc, cho nên người ấy tạo ba nghiệp ác, khi mạng chung nhất định sinh về chỗ đau khổ kịch liệt như địa ngục... Đó là do tâm bị sân giận chi phối mà gây thành oan gia”.

Kinh *a-hàm* ghi: “Tránh xa bạn ác, thân cận bạn lành”.

Có bốn điều xấu, không nên gần gũi, cách xa một trăm do-tuần³¹⁵. Đó là bạn ác; chúng ác; nói nhiều, cười giỡn; sân giận, đánh nhau”.

[80c] Kinh *Thiện sinh* ghi: “Có năm nơi không được tổ chức đàn giới là lò mổ; nhà dâm; quán rượu; cung vua; nhà của chiêm-đà-la.

Lại có năm nghề không nên làm: bán thuốc độc, nấu rượu, đánh bạc, chơi cờ lục bác³¹⁶, ca múa kỹ nhạc”.

Kinh *Bảo vân* ghi: “Người trì giới không được đến nhà người phá giới khát thực”.

Luận *Kim cương tiên* ghi: “Người xuất gia không được đến lò mổ, quán rượu, nhà dâm, nơi có voi dữ, chó dữ... khát thực, cũng không được thương tới lui thân cận”.

Kinh *Đại phương quảng tông trì* ghi: “Đức Phật bảo:

- Nay thiện nam tử! Sau khi ta diệt độ, nếu vị pháp sư nào theo sở thích của người nghe mà khéo thuyết pháp cho họ, có thể khiến cho bồ-tát học kinh điển Đại thừa và các đại chúng phát mảy may tâm hoan hỷ, cho đến cảm động rơi một giọt nước mắt, nên biết đó đều là nhờ thần lực của Phật.

Nếu có người ngu si thật chẳng phải bồ-tát mà tự xưng là bồ-tát, rồi phỉ báng bồ-tát chân thật và các pháp bồ-tát ấy thực hành; lại nói rằng: ‘Người ấy đâu có biết gì, đâu có hiểu gì. Nếu đây kia hòa hợp, thì có thể giữ gìn và lưu truyền giáo pháp của Ta. Nếu đây kia trái nghịch, thì chính pháp không được lưu truyền. Người phỉ báng chính pháp này mắc tội rất lớn, đọa vào ba đường ác, thật khó ra khỏi.

Nếu có người ngu không tin nhận lời Phật dạy, cho dù đọc tụng cả nghìn bộ kinh điển Đại thừa, hoặc giảng nói khiến người chứng được Tứ thiên, nhưng vì tội phỉ báng người khác, nên phải chịu đau đớn cùng cực trong bảy mươi kiếp. Huống gì người ngu si kia thật không hiểu biết, lại còn cống cao ngã mạn, cho đến phỉ báng một bài kệ bốn câu, người này phải

³¹⁵ Do-tuần 由旬 (S: yojana): đơn vị đo độ dài thời xưa ở Ấn Độ. Theo Đại Đường Tây Vực kí 2, một do-tuần chỉ lộ trình một ngày hành quân của nhà vua.

³¹⁶ Cờ lục bác (lục bác kì 陸博棋): một loại cờ thời xưa, có hai người chơi, gồm mười hai quân cờ, sáu quân đen và sáu quân trắng, mỗi bên thủ sáu cờ để đánh với nhau.

đọa địa ngục, vĩnh viễn không được gặp Phật. Do kẻ kia nhìn người phát tâm bồ-đề bằng con mắt hung dữ, nên chịu quả báo không có mắt; lại do phỉ báng người phát tâm bồ-đề bằng lời độc ác, nên chịu quả báo không lưỡi”.

Kinh *Hiện ngu* ghi: “Thuở xưa, khi Phật còn tại thế, tì-kheo-ni Vi Diệu đã chứng quả A-la-hán kể cho ni chúng nghe quả báo của các nghiệp thiện và ác mà mình đã tạo đời trước.

Tì-kheo-ni kể:

- Vào thời quá khứ, có ông trưởng giả rất giàu, nhưng không có con, nên ông cưới một người vợ nhỏ và rất mực thương yêu. Thời gian sau, cô ta sinh được một đứa bé trai, người chồng càng yêu thương hơn, nhìn hoài không chán. Thấy vậy, người vợ lớn ganh ghét, thầm nghĩ: ‘Đứa bé này lớn lên sẽ nối nghiệp nhà. Ta đây khó nhọc cất chứa có ích gì, chi bằng giết nó đi!’. Suy nghĩ như vậy, bà ta lấy kim chích vào đầu đứa bé, đứa bé chết, vợ nhỏ nghi là do vợ lớn giết con mình, liền hỏi:

- Bà giết con tôi ư?

[81a] Người vợ lớn cho là không có quả báo tội phúc, nên thề rằng: ‘Nếu tôi giết con bà, thì đời đời chồng tôi bị rắn cắn chết; con tôi bị nước trôi, sỏi cắn; còn tôi tự ăn thịt con và hiện đời sẽ bị chôn sống; cha mẹ tôi ở nhà bị lửa thiêu đốt mà chết!’

Phát lời thề xong, bà ta mạng chung. Do giết đứa bé ấy, nên bà bị rơi vào địa ngục, chịu khổ cùng cực.

Hết tội ở địa ngục, bà sinh làm nữ Phạm chí trong loài người, dần dần khôn lớn, gả chồng, sinh được một đứa con. Sau bà mang thai đứa thứ hai, năm tháng đã đủ, gần đến kì sinh. Một hôm, bà cùng với chồng về thăm cha mẹ. Đi được nửa đường, bà đau bụng, liền sinh. Đêm ấy, hai vợ chồng nghỉ dưới gốc cây, người chồng ngủ riêng. Nay đã đến lúc chịu quả báo theo như lời thề của bà trước đây. Bấy giờ, một con rắn độc đến cắn chết chồng bà. Thấy chồng chết, bà cũng chết giấc, sau mới tỉnh lại. Sáng ra, bà cũng đứa lớn trên vai và bồng đứa nhỏ, tiếp tục lên đường, vừa đi vừa khóc.

Trên đường đi, gặp một con sông sâu và rộng. Bà để đứa lớn ở bờ bên này, rồi bồng đứa nhỏ lội qua bờ bên kia trước, sau mới trở lại đón đứa lớn. Thấy mẹ lội xuống nước, đứa bé liền lội theo, thì bị nước cuốn trôi. Người mẹ lập tức bơi theo, nhưng không cứu được. Chốc lát, đứa lớn đã bị chết chìm. Người mẹ trở lại bờ bên kia để đón đứa nhỏ, thì hổ đã ăn mất, chỉ còn thấy vết máu trên đất. Người mẹ chết ngất, hồi lâu mới tỉnh, lại tiếp tục lên đường.

Đi được một đoạn, gặp vị Phạm chí là bạn thân của cha, bà khóc lóc kể đầy đủ nỗi khổ của mình cho Phạm chí nghe, rồi hỏi thăm gia đình của bà có an ổn không. Phạm chí đáp: ‘Hôm trước, một vụ cháy nổi lên, cha mẹ và cả nhà bà đồng loạt bị chết cháy’. Nghe vậy, bà chết ngất, hồi lâu mới tỉnh.

Phạm chí đem về nhà nuôi dưỡng như con, rồi gả chồng. Một hôm, lúc bà sắp sinh, người chồng đi ra ngoài uống rượu. Tối đến, vợ đóng cửa, ở nhà một mình, lại sinh con. Nửa đêm, chồng trở về, ở ngoài kêu cửa. Người vợ đang sinh, nên không có ai ra mở cửa. Chồng phá cửa vào, lôi vợ ra đánh. Vợ nói là đang sinh, chồng nổi giận, liền giết và hầm đứa bé với sữa, rồi bắt vợ ăn. Trong lúc sợ hãi, người vợ ăn con, sau đó hối hận, tự nghĩ: ‘Vì mình phúc mỏng nên gặp phải ông này’.

Thế rồi, bà bỏ trốn sang nước Ba-la-nại. Đến một khu vườn, bà ngồi nghỉ nơi gốc cây. Bấy giờ, con của ông trưởng giả nọ có vợ vừa chết. Mỗi ngày, ông ta đi ra thăm mộ, thương nhớ, khóc lóc. Thấy người nữ này ngồi một mình dưới gốc cây, ông đến hỏi sự tình, rồi hai người trở thành vợ chồng. Mấy ngày sau, người chồng chết. Theo phép nước thời ấy, khi sống thì vợ chồng thương nhau, khi chồng chết, thì vợ cũng bị chôn sống chung với chồng.

[81b] Đêm ấy, có một đám cướp đến đào mộ. Tên tướng cướp thấy bà xinh đẹp, liền bắt mang về làm vợ. Mấy tuần³¹⁷ sau, chồng phá mộ nhà người khác, nên bị chủ nhà bắt giết. Bọn giặc đem thây chồng về cho bà, bà phải bị chôn sống lần nữa.

³¹⁷ Tuần 旬: mười ngày.

Ba ngày sau, có con sói đến đào mộ, nên bà được thoát. Bà tự trách: ‘Không biết đời trước gây tội gì mà chỉ trong mấy mươi ngày, đã gặp tai họa chết đi sống lại hai lần; nay phải làm sao để bảo toàn tính mạng?’

Khi ấy, nghe Phật Thích-ca đang ở tinh xá Kỳ-hoàn, bà đến xin Phật xuất gia. Nhờ nguyện lực phát tâm cúng dường thức ăn cho vị Bích-chi Phật trong đời quá khứ, nên nay bà được gặp Phật, xuất gia tu hành, chứng quả A-la-hán. Nhờ trí tuệ vô lậu, bà biết được đời trước đã tạo nghiệp sát sinh, lại thề đọa địa ngục, nên hiện đời phải chịu quả báo đau khổ thống thiết này, không ai thay thế được.

Tì-kheo-ni Vi Diệu tự nói:

- Người vợ lớn trước đây chính là tôi. Tuy chứng quả A-la-hán, nhưng tôi thường đau nhức như bị kim sắt nóng châm từ đỉnh đầu xuống chân, ngày đêm đau đớn, không thể chịu nổi. Tai họa rành rành như thế, không hề sai chạy”.

Trong luận *Nhập đại thừa*, bồ-tát Kiên Huệ nói kệ:

Phỉ báng pháp Đại thừa,

Nhất định đọa đường ác,

Thiêu đốt thật thống khổ,

Tội báo thật như thế.

Nếu ra khỏi địa ngục,

Lại phải chịu dư báo,

Các căn không đầy đủ,

Trọn không được nghe pháp.

Nếu được nghe diệu pháp,

Thì sinh lòng phỉ báng,

Do nhân phỉ báng này,

Lại rơi vào địa ngục.

XVI.4. Vay trả

Kinh *Pháp cú thí dụ* ghi: “Thuở xưa, khi Phật còn tại thế, có một tì-kheo tên là Phất-ca-sa-vương vào thành La-duyệt khát thực.

Ngay tại cửa thành, ông bị con trâu cái mới sinh húc chết. Chủ trâu lo sợ, bèn bán trâu cho người khác. Người chủ mới dẫn trâu ra sông uống nước, cũng bị trâu từ phía sau húc chết. Gia đình người chủ nổi giận, bắt trâu giết, rồi đem thịt ra chợ bán.

Có người làm ruộng mua đầu trâu, xỏ dây mang về. Anh ta ngồi nghỉ nơi gốc cây cách nhà hơn một dặm, rồi treo đầu trâu lên cành cây. Lát sau, dây bị đứt, đầu trâu rơi xuống ngay anh ta, sừng đâm vào người, anh ta chết ngay tại chỗ.

Nghe trong một ngày có ba người bị giết như thế, vua Bình-sa lấy làm lạ, liền cùng quần thần đi đến chỗ Phật, hỏi rõ nguyên nhân.

[81c] Đức Phật bảo nhà vua:

- Ngày xưa, có ba thương gia đến một nước khác để buôn bán, xin ở nhờ nhà của một bà lão cô độc. Bà lão bằng lòng cho thuê nhà, nhưng ba người kia thấy bà đơn độc, nên dối gạt, không muốn đưa tiền. Đợi bà đi vắng, họ lén bỏ đi, không trả tiền. Trở về, không thấy khách, bà lão hỏi nhà hàng xóm. Mọi người đều nói là họ đi rồi. Bà lão nổi giận, liền đuổi theo kịp và khỏ nhọc đòi tiền. Ba người khách mắng chửi lại: ‘Trước đây, chúng tôi đưa rồi, sao còn đòi nữa?’ Thế là, họ đồng thanh phản đối, không chịu trả tiền. Bà lão một mình yếu thế không biết làm sao, bèn buồn bã, khóc than và thề độc: ‘Ta nay đã khôn quẫn, sao họ nỡ dối gạt. Ta thề rằng đời sau sinh ở nơi nào, nếu gặp lại, ta sẽ giết chết các người. Giả sử có đấng đạo, ta cũng không buông tha’.

Phật bảo vua Bình-sa:

- Bà lão thuở ấy chính là con trâu cái ngày nay. Ba người khách buôn là Phất-ca-sa v.v... những người bị trâu húc chết”.

Thế rồi, Đức Phật nói kệ:

Lời ác mắng người,

Coi thường, lẩn lớt,

Tạo ác như thế,

Oán khổ càng sâu.

Lời hòa khiêm cung,

Tôn trọng người khác,

Bỏ giận, nhẫn ác,

Oán khổ tự tan.

Người sống trên đời,

Búa ở cửa miệng,

Vì nói lời ác,

Nên bị chém thân.

Kinh *Xuất diệu* ghi: “Xưa có hai anh em ở nước Kê-tân. Người anh xuất gia, chúng quả A-la-hán, người em ở nhà lo gầy dựng gia nghiệp. Bây giờ, người anh thường về nhà dạy em, khuyên bố thí, trì giới, tu thiện, làm phúc để hiện tại được tiếng thơm, chết thì được sinh về nơi hạnh phúc, nhưng em trả lời:

- Anh nay đã xuất gia, không còn phải lo việc chung việc riêng, không nghĩ đến vợ con, ruộng vườn, cửa cái, còn em thì phải lo những việc như thế.

Người anh thường khuyên nhắc, nhưng em không chịu nghe. Sau đó, người em bị bệnh mà chết, sinh vào loài trâu, bị người sai khiến, phải chở muối

vào thành. Từ trong thành đi ra, người anh trông thấy, liền nói pháp cho trâu nghe. Nghe xong, nó buồn tủi ghen ngào. Chủ trâu thấy thế, nói với vị a-la-hán:

- Ông đã nói điều gì mà khiến con trâu của tôi buồn rầu, không vui?

A-la-hán đáp:

- Con trâu này đời trước vốn là em tôi. Ngày xưa, nợ anh một đồng muối, nên nay đọa làm trâu dùng sức để trả nợ cho anh.

Nghe vậy, chủ trâu nói với a-la-hán:

- Đời trước, em của ngài là bạn thân của tôi.

Lúc ấy, người chủ nói với trâu:

- Nay ta thả ngươi ra, chẳng phải làm việc nữa.

Nghe chủ nói vậy, trâu rất xúc động, thành tâm nghĩ đến Phật, rồi tự đâm đầu chết ở khe sâu, thần thức sinh lên cõi trời, hưởng sự vui sướng cùng cực”.

[82a] Từ câu chuyện này, có thể biết rằng, nếu đã mắc nợ người, thì không thể không trả.

Luận *Thành thật* ghi: “Nếu có người mắc nợ mà không trả, thì đọa vào trong các loài trâu, dê, chươg, nai, lừa, ngựa... để trả nợ xưa”.

Luận *Tỳ-bà-sa* ghi: “Từng nghe, một cô gái nợ bị nợ quý bắt, có người dùng chú thuật hỏi quý:

- Vì sao làm hại cô gái ấy?

Quý trả lời:

- Cô gái ấy là oan gia của tôi. Trong năm trăm đời, cô ta thường giết hại tôi, tôi cũng năm trăm đời lấy mạng cô ấy. Nếu cô ta có thể bỏ tâm oán thù trước đây, tôi cũng sẽ dứt bỏ.

Khi ấy, cô gái nói:

- Nay tôi đã bỏ tâm thù oán.

Quán thấy cô gái tuy miệng nói bỏ mà tâm không xả, quý liền giết cô ta”.

Kinh *Tạp bảo tạng* ghi: “Ngài Mục-kiền-liên đến bờ sông Hằng, thấy có năm trăm ngạ quỷ đi xuống sông. Bấy giờ, con quý giữ sông dùng gậy sắt xua đuổi, không cho bầy quỷ đến gần. Thế rồi, bầy quỷ đi thẳng đến Mục-kiền-liên, lễ dưới chân Ngài và hỏi về tội của mình. Một con quỷ thưa:

- Thân tôi thường chịu khổ nóng khát. Trước đây, nghe nói nước sông Hằng vừa trong vừa mát, nên tôi vui mừng đến đây thì nước sôi hại thân, thử uống vào một ngụm, thì ngũ tạng bị cháy tiêu, hôi thối không chịu nổi. Vì nguyên nhân gì mà phải chịu tội như thế?

Ngài Mục-kiền-liên trả lời:

- Đồi trước, người từng làm thầy tướng số, xem tướng lành dữ cho người, nhưng đúng ít, sai nhiều, hoặc chê, hoặc khen, mà tự xưng là lời nói chắc thật để làm người động lòng, dụ dỗ, lừa dối họ để mong cầu tài lợi, mê hoặc mọi người nhưng rốt cuộc họ cũng chẳng được như ý.

Một quỷ khác thưa:

- Tôi thường bị loài chó lớn, răng nhọn, có màu đỏ nhạt, đến ăn thịt, chỉ còn bộ xương. Khi ấy, một con gió thổi qua, da thịt sinh ra, lại bị chó đến ăn. Sự khổ như thế là do nhân duyên gì?

Ngài Mục-kiền-liên trả lời:

- Đồi trước, người là ông chủ trông coi miếu trời, thường bảo mọi người giết dê để lấy máu tế trời, còn thịt thì ông ăn. Do đó, ngày nay phải lấy thịt để trả.

Một quỷ khác thưa:

- Tôi thường bị phân dơ dính khắp trên thân và cũng phải ăn thứ phân đó. Tội ấy là do nhân duyên gì?

Ngài Mục-kiền-liên trả lời:

- Đòi trước, người làm bà-la-môn ác độc, tà kiến, không tin tam bảo. Khi tì-kheo đến khát thực, thì người lấy phân bỏ vào bát, lấy com phủ lên trên, rồi đưa cho tì-kheo. Tì-kheo ôm bát trở về, lấy tay bốc com ăn, phân dính dơ tay. Vì vậy, ngày nay phải chịu tội như thế.

Một quỷ khác thưa:

[82b] - Bụng tôi lớn như cái vò, mà cổ họng và chân tay thì nhỏ như cây kim, không thể ăn uống. Khổ ấy là do nhân duyên gì?

Ngài Mục-kiền-liên trả lời:

- Đòi trước, người là ông trưởng làng, cậy sự giàu sang, uống rượu bừa bãi, khinh khi người khác, đoạt miếng ăn, thức uống của họ, làm cho mọi người đói khổ. Thế nên phải chịu khổ này.

Một quỷ khác thưa:

- Tôi thường muốn đến nhà xí để ăn phân, nhưng có một bày quỷ rất đông cầm gậy xua đuổi tôi, không cho vào gần nhà xí. Vì vậy, miệng tôi hôi thối, đói khổ, nhưng không biết nhờ ai. Đó là do nhân duyên gì?

Ngài Mục-kiền-liên trả lời:

- Đòi trước, người làm chủ một ngôi chùa. Có người tại gia cúng dường chúng tăng đủ các món ăn. Người lấy món dờ đem cúng khách tăng, riêng mình ăn món ngon. Thế nên phải chịu khổ này.

Một quỷ khác thưa:

- Toàn thân tôi mọc đầy lưỡi. Có một cái búa đến chặt lưỡi, chặt đứt lại mọc ra, cứ như thế mãi. Đó là do nhân duyên gì?

Ngài Mục-kiền-liên trả lời:

- Đòi trước, người làm tì-kheo, chúng tăng sai hòa nước đường phèn. Có một cục đường lớn khó tan, nên người dùng búa chặt nhỏ, rồi khởi tâm

trộm lấy ăn một miếng. Do nhân duyên đó, nên nay ngươi lại bị búa cắt lưỡi.

Một quý khác thưa:

- Tôi thường bị bảy hòn sắt nóng lăn thẳng vào miệng, rồi chui xuống bụng, làm cho ngũ tạng cháy tiêu, hòn sắt lăn ra, rồi lại lăn vào. Do nhân duyên gì mà phải chịu tội như thế?

Ngài Mục-kiền-liên trả lời:

- Đồi trước, ngươi làm sa-di, được sai mang trái cây đến cho thầy, vì kính thầy mình nên sinh tâm thiên vị đưa nhiều hơn bảy quả. Thế nên phải chịu khổ này.

Một quý khác thưa:

- Tôi thường bị hai bánh xe sắt nóng nằm dưới hai nách, hễ thân cử động thì liền bị thiêu cháy. Đó là do nhân duyên gì?

Ngài Mục-kiền-liên trả lời:

- Đồi trước, ngươi làm bánh cho chúng tăng, khởi tâm trộm lấy hai lần và kẹp vào trong nách. Thế nên phải chịu khổ này.

Một quý khác thưa:

- Tôi có cục bấu lớn như cái vò, lúc đi phải vác lên vai, dừng lại thì ngồi lên trên nó, đi đứng đau đớn, khổ sở. Đó là do nhân duyên gì?

Ngài Mục-kiền-liên trả lời:

- Đồi trước, ngươi làm chức thị lệnh³¹⁸, giao cho người thì cân non, đấu nhỏ, còn cân nặng, đấu lớn lấy về phần mình, lại thường muốn mình được lợi lớn, làm thiệt hại người khác.

Một quý khác thưa:

³¹⁸ Thị lệnh 市令: người quản lý chợ.

- Hai vai tôi thường có mắt, ngực có mũi miệng, nhưng không có đầu. Đó là do nhân duyên gì?

Ngài Mục-kiền-liên trả lời:

- Đồi trước, người thường làm đệ tử của tên đầu đảng giết người. Khi giết người tội, người thường cảm thấy vui sướng, lấy dây buộc vào, rồi lôi kéo đi. Thế nên phải chịu khổ này.

Một quý khác hỏi:

- Thân tôi thường bị kim sắt châm vào, rút ra, đau đớn không biết kêu ai. Đó là do nhân duyên gì?

Ngài Mục-kiền-liên trả lời:

[82c] - Đồi trước, người làm người huấn luyện ngựa, hoặc huấn luyện voi. Voi ngựa khó trị, người lấy kim sắt đâm vào chân chúng. Những lúc chúng đi chậm, người cũng lấy kim đâm vào. Thế nên phải chịu khổ này.

Một quý khác thưa:

- Thân tôi thường có lửa nổi lên thiêu cháy, đau đớn vô cùng. Đó là do nhân duyên gì?

Ngài Mục-kiền-liên trả lời:

- Đồi trước, người làm hoàng hậu, lại có một vương phi được vua sủng ái, nên người ghen ghét, rắp tâm làm hại. Gặp lúc nhà vua ngủ dậy, bước ra ngoài, vị thứ phi còn ngủ, chưa dậy mặc áo, người khởi tâm ác, dùng dầu mè còn nóng, đổ lên bụng vương phi. Vương phi bị phỏng bụng mà chết. Thế nên ngày nay người phải chịu khổ này.

Một quý khác thưa:

- Tôi thường bị gió xoáy vây bọc lấy thân, không thể tự do đi lại, lòng thường sầu não. Đó là do nhân duyên gì?

Ngài Mục-kiền-liên trả lời:

- Đòi trước, người làm thầy bói, có lúc nói thật, có lúc nói dối để mê hoặc lòng người, nhưng họ không được như ý. Thế nên phải chịu khổ này.

Một quý khác thưa:

- Thân tôi như cục thịt, không có tay chân, mắt, tai, mũi... lại luôn bị chim, trùng rúc ăn, đau đớn không chịu nổi. Đó là do nhân duyên gì?

Mục-kiền-liên trả lời:

- Đòi trước, người thường cho người uống thuốc trục thai, nên phải chịu khổ này.

Một quý khác thưa:

- Tôi thường bị lồng sắt nóng chụp giữ quanh thân, thiêu cháy đau đớn. Đó là do nhân duyên gì?

Ngài Mục-kiền-liên trả lời:

- Đòi trước, người thường dùng lưới, rờ giăng bắt chim cá, nên phải chịu khổ này.

Một quý khác thưa:

- Tôi thường lấy vật tự trùm kín đầu, lại hay sợ người đến giết hại, nên lòng thường lo sợ, không thể chịu được. Đó là do nhân duyên gì?

Ngài Mục-kiền-liên trả lời:

- Đòi trước, người tà dâm, thường sợ người thấy, hoặc sợ chồng người kia bắt trói, đánh giết, hoặc sợ phép vua giết bêu thây giữa phố thị, nên lúc nào cũng sợ hãi. Thế nên phải chịu khổ này.

Một quý khác thưa:

[83a] - Tôi thường vác một bình nước đồng sôi trên vai, rồi tự tay cầm gáo múc nước đồng ấy xối từ đầu xuống, toàn thân bị cháy rã, chịu khổ vô cùng. Đó là do tội gì?

Ngài Mục-kiền-liên trả lời:

- Đòi trước, người xuất gia làm tì-kheo, trông coi về việc ăn uống, bèn lấy một bình bơ sữa để riêng nơi khác. Có khách tăng đến, người không cho ăn, khách tăng đi rồi, thì đem bơ sữa ra cho tăng thường trụ. Bơ sữa này là vật của bốn phương tăng, tất cả đều có phần. Người cất giữ, tuy có phân chia cho tăng thường trụ, nhưng như thế là không bình đẳng. Do nhân duyên đó nên phải chịu tội này”.

Kinh *Thí dụ* ghi: “Xưa, tại một nước nọ, có một người chết, thân hồn tự lấy roi đánh vào xác chết của mình. Người bên cạnh hỏi:

- Người nay đã chết, vì sao lại tự đánh?

Đáp:

- Đó là thân cũ của tôi, vì tôi làm ác, thấy giới kinh không chịu đọc tụng, lại còn trộm cắp, dối trá, cưỡng hiếp vợ người, bắt hiếp với cha mẹ, không kính nhường anh em, tham tiếc tài vật, không chịu bố thí. Nay thân này chết đi, khiến tôi đọa vào đường ác, đau đớn, khổ sở không thể kể xiết. Thế nên, tôi đánh thân mình”.

Kinh *Vô lượng thọ* ghi: “Trong đời quá khứ, Kiền-phạm-ba-đề từng làm tì-kheo, đã ngắt lấy một gié lúa ở ven ruộng lúa của người để xem lúa chín chưa, thì có vài hạt rơi xuống đất, do đó năm trăm đời thường làm trâu để trả nợ”. Cho nên, luận *Đại trí độ* ghi: “Vì tập khí cũ, nên khi làm người, lúc sinh ra, miệng tì-kheo này vẫn còn nhơ như trâu, sau được Phật thương xót, độ cho xuất gia, đắc quả A-la-hán”.

XVI.5. Răn lỗi lầm

Kinh *Duy-ma-cật* ghi: “Cho nên, dùng bao nhiêu lời thống thiết mới có thể đưa người vào khuôn phép”.

Sách *Nho* chép: “Nghe lời can gián như dòng nước chảy”. Câu nói này đáng ghi. Thông thường, người ta hay chống báng, không nghe theo lời can gián, giống như ngựa chướng khó điều phục. Người hổ thẹn, biết nhìn lại mình thì thường tự răn nhắc, mong có được những lời góp ý chân tình để mở mang tâm trí. Nay muốn ngấm miệng để chỉnh thân, đâu bằng trước

kèm chế tâm, sau nhiếp phục ý! Thế nên, kinh chép: “An trụ tâm vào một chỗ thì không việc gì không thành”. Ví như chồn, thỏ đâu dám ở trong hang núi vàng³¹⁹; ếch, nhái nào dám sống nơi vực sâu, biển rộng.

Vì vậy, người biết lắng tâm và định ý thì dứt được quả báo trong ba đường, đầy đủ bốn đức³²⁰. Những ai giữ ý như giữ thành, giữ miệng như giữ bình thì người ấy đáng nhận lãnh giáo pháp để lại nơi Kim Hà³²¹, đáng được giao phó việc trị hóa của đế vương³²². Người giữ gìn ba nghiệp như thế thì có khả năng dứt trừ được bốn nỗi khổ: sinh, già, bệnh, chết”.

Cho nên, kinh *Thụ thai* ghi: “Lúc thụ thai, chúng sinh chịu đủ mọi thứ khổ sở, mờ mờ mịt mịt giống như đám bụi. [83b] Sắp đủ mười tháng thì thai nhi bắt đầu biết khổ. Bấy giờ, gió nghiệp thúc đẩy đầu đứa bé hướng về cửa mình người mẹ. Vừa lọt lòng mẹ, toàn thân đau đớn như nằm trên núi đao, gió thổi lạnh buốt như băng giá. Ngay khi ấy, sinh là nỗi khổ đích thực”.

Kinh *Niết-bàn* ghi: “Giống như tim đèn cháy được là nhờ dầu. Nếu dầu hết thì đèn không thể cháy được lâu. Con người cũng thế, chỉ nhờ lúc mạnh khỏe trẻ trung, đến khi sức khỏe cạn kiệt thì đã già yếu, làm sao sống được lâu dài”.

Trong kinh *Xuất diệu*, Đức Phật nói về nỗi khổ của tuổi già bằng bài kệ:

Tuổi trẻ có sức khỏe,

Về già, khổ bức bách,

Gầy yếu như cây khô,

Kiệt sức, đi nhờ gậy.

Đức Phật nói về nỗi khổ của cái chết bằng bài kệ:

Tắt thở hồn lìa xác,

³¹⁹ Núi Vàng (kim sơn 金山): tức là núi Tu-di, vì cát ở chân núi ấy thuần bằng vàng.

³²⁰ Bốn đức (tứ đức 四德): bốn đức của pháp thân Như Lai. Đó là thường, lạc, ngã, tịnh.

³²¹ Kim Hà 金河: địa danh thuộc nước Câu-thi-na, nơi Đức Phật nhập niết-bàn.

³²² Đế vương 帝王 (nguyên văn: ngọc môn 玉門): theo Đại tạng kinh ngọc môn đổi thành vương môn, nghĩa là cửa cung.

Hình hài thật lạnh lẽo,

Người vật cũng như nhau,

Có sinh ắt có tử.

Kinh *Niết-bàn* ghi: “Người chết như vào nơi hiểm nạn mà không có lương thực; đến chốn xa xôi, nguy hiểm mà không có bạn bè, ngày đêm thường đi mà không biết chỗ dừng, tối tăm mờ mịt mà không có đèn sáng, vào nơi không nhà mà lại có nơi chốn, tuy không đau đớn nhưng không thể chữa trị; đến đâu cũng không ngăn ngại nhưng không có lối thoát”.

Kinh *Vô lượng thọ* ghi: “Sinh một mình, chết cũng một mình; một mình đến, một mình ra đi; chốn khổ vui, riêng mình chịu lấy, không người thay thế, mờ mờ mịt mịt vĩnh viễn cách xa, đường đi không cùng lối, không bao giờ gặp nhau. Khó thay! Khó thay! Nếu được gặp nhau, sinh ra thì vui vẻ, bà con quần quít, rất mực yêu thương, quý mến. Đến khi chết thì sáng mắt chiều chôn, lại lo sợ cảnh chia ly, khóc lóc tiễn đưa mà người chết rồi không hề hay biết. Quyên thuộc trở về thì trong nhà trống trải, vắng vẻ, không còn trông thấy người thân. Còn, mất, có, không thay đổi trong khoảnh khắc”.

Cho nên, kinh *Xuất diệu* ghi: “Đức Phật nói lại nỗi khổ của sự chết bằng bài kệ:

Mạng sống như quả chín,

Thường sợ phải rụng rơi,

Đã sinh ắt có khổ,

Đời người ai không chết.

Như kẻ tử tù kia,

Bị đưa đến pháp trường,

Biết chắc là phải chết,

Mạng người cũng như vậy.

Như dòng nước chảy xiết,

Trôi đi không trở lại,

Mạng người cũng như thế,

Chết nào sống lại đâu”.

Kinh *Hoa nghiêm* ghi: “Có mười hành vi được xem là ngã mạn, cần phải tránh xa. Đó là:

[83c] 1. Không tôn trọng, cung kính, cúng dường các phúc điền đáng tôn kính như: hòa thượng, a-xà-lê, cha mẹ, sa-môn, bà-la-môn.

2. Các vị pháp sư đã đạt được pháp vi diệu, biết pháp Đại thừa sâu xa là con đường ra khỏi sinh tử, đắc Đà-la-ni³²³, thành tựu đa văn, đầy đủ trí tuệ khéo nói pháp mà ta không tin nhận, cung kính cúng dường.

3. Được nghe pháp mầu, phát tâm ly dục, hoan hỷ vô lượng mà lại không khen ngợi pháp sư, khiến cho đại chúng hoan hỷ.

4. Khởi tâm kiêu mạn, đề cao mình, chê bai người, không xét lỗi mình, không điều phục tâm.

5. Khởi tâm chấp ngã, thấy người có công đức, trí tuệ, không khen ngợi điều tốt đẹp của họ; thấy người không có đức lại khen là hay; hoặc nghe khen ngợi người khác lại sinh lòng ganh tỵ với người ấy.

6. Nếu có pháp sư biết đúng pháp, đúng luật, đúng sự thật, đúng lời Phật dạy; nhưng vì ganh ghét nên nói chẳng phải pháp, chẳng phải luật, chẳng phải sự thật, chẳng phải lời Phật nói, để phá hoại lòng tin của người khác.

7. Tự trải tòa cao, rồi xưng: ‘Ta là pháp sư’ không cần làm các việc, không phải cung kính, cúng dường người khác. Các bậc tôn trưởng tu Phạm hạnh có đức đều phải cung kính, cúng dường ta.

³²³ Đà-la-ni 陀羅尼 (S: dhāraṇī): năng lực của trí tuệ tóm thâu, giữ gìn vô lượng Phật pháp không để cho quên sót.

8. Không nhìn người bằng cặp mắt ác cảm, nét mặt cau có, mà thường nhìn chúng sinh bằng ánh mắt hiền hòa, lời nói nhã nhặn, không có vẻ dữ dằn, không có tâm sân hận, nhưng lại tìm lỗi của pháp sư.

9. Vì lòng ngã mạn, thường không cung kính những người học rộng, hiểu nhiều; khi nghe pháp, có điều thắc mắc cũng không chịu hỏi: những gì là thiện, những gì là bất thiện, những gì nên làm, những gì không nên làm, những việc làm nào có lợi ích lâu dài cho tất cả chúng sinh, những việc làm nào không có lợi ích cho chúng sinh, làm những việc nào gọi là từ sáng vào sáng, làm những việc nào gọi là từ tối vào tối. Những người như thế là bị tâm chấp ngã nhận chìm, nên không thể thấy được chính đạo xuất thế.

10. Vì khởi tâm kiêu mạn, nên không được gặp chư Phật, khó được nghe pháp, mất hết các căn lành đã gieo trồng từ nhiều đời trước, nói điều không nên nói, sinh lòng hiềm khích rồi cùng nhau tranh cãi. Người sống theo cách này sẽ bị rơi vào đường tà, đó chỉ là vì tâm Bồ-đề yếu kém. Cho dù người ấy không bỏ việc làm của Bồ-tát, cũng không bỏ đạo Bồ-tát, nhưng trong vô lượng trăm nghìn vạn kiếp vẫn không được gặp Phật, hưởng là nghe pháp”.

Kinh *Xuất diệu* có bài kệ:

Người bị ngã mạn trôi,

Đắm nhiễm nơi kiêu căng,

Bị kiến chấp mê hoặc,

Không thoát bờ tử sinh.

[84a] Thế nên biết, phàm phu làm ác tuy ít, nhưng đời sau chịu quả báo khổ đau không cùng. Ví như chất độc ở trong tâm, ý muốn mỗi người đều khác. Người đời thì lo làm ăn không nghĩ đến cái chết, nhưng mạng sống không thể bảo đảm, cái chết đến rất bất ngờ. Tính mạng mong manh này chẳng sớm thì chiều chỉ trong khoảnh khắc đã biến đổi vô thường, vậy mà người ta chỉ chăm lo ruộng vườn nhà cửa, luyện ái vợ con.

Kinh *Pháp cú dụ* ghi: “Khi Đức Phật ở nước Xá-vệ, trong thành có một bà-la-môn tuổi gần tám mươi, của cải vô số, là người khó hóa độ, không biết đạo đức, chẳng nghĩ đến vô thường, chỉ lo xây nhà đẹp, nào là gian trước, gian sau, nhà mát, phòng ấm, chái đông, chái tây đến mấy chục gian, chỉ còn mặt trước của nhà sau là làm chưa xong.

Bấy giờ, bà-la-môn ấy cứ mãi lo làm ăn và chỉ đạo mọi việc. Phật dùng đạo nhãn thấy ông lão này sẽ chết nội trong ngày nay. Thế mà ông ta không thể tự mình biết điều đó, nên mới lãng xãng tạo dựng, đến nỗi tinh thần mỏi mệt, thật đáng xót thương!

Đức Phật cùng A-nan đi đến nhà bà-la-môn ấy, hỏi thăm:

- Ông có khỏe không? Nay ông xây ngôi nhà này để làm gì?

Ông lão đáp:

- Phòng trước để tiếp khách, phòng sau tôi ở; chái đông, chái tây để con cái, người giúp việc ở và chứa đồ đạc; mùa hạ thì ở nhà mát, mùa đông thì ở phòng ấm.

Đức Phật nói với ông lão:

- Ta nghe danh đức của ông đã lâu, nhưng nay mới đến chuyện trò. Như Lai có bài kệ quan trọng, rất ích lợi cho sự sống chết, nay muốn tặng cho ông. Xin ông gác lại chút việc để cùng nói chuyện, được không?

Ông lão đáp:

- Thật sự hôm nay tôi rất bận, không rảnh để cùng nói chuyện với Ngài. Xin mời hôm sau Ngài đến, chúng ta sẽ cùng chuyện trò, còn bài kệ xin hãy nói đi.

Bấy giờ, Đức Phật liền nói kệ:

Có con, có của,

Kẻ ngu lãng xãng,

Ta còn không thật,

Hướng con và của.

Nóng ở chỗ này,

Lạnh ở chốn kia,

Ngu nhiều suy tính,

Chẳng biết vô thường.

Do ngu che lấp,

Tự cho mình trí,

Ngu mà xưng trí,

Ấy là đại ngu.

Bà-la-môn nói:

- Bài kệ này hay lắm, song giờ đây tôi quá bận rộn, xin mời Ngài giảng giải vào khi khác.

Nghe nói vậy, Đức Phật ra về mà xót thương cho ông ấy.

Sau đó, ông lão đỡ cây đòn tay, chẳng may nó rơi xuống trúng vỡ đầu, rồi ông qua đời. Gia đình ông khóc lóc thảm thiết, làm kinh động khắp xóm làng. Đức Phật đi chưa xa đã xảy ra tai nạn này. Đến đầu làng, Ngài gặp mấy mươi người Phạm chí, họ hỏi:

- Ngài từ đâu đến?

Đức Phật bảo:

[84b] - Chúng tôi vừa đến nhà ông lão mới chết kia, nói pháp cho ông ta, nhưng ông ấy không tin Phật pháp, không biết vô thường. Giờ đây, ông ấy đột nhiên đã qua đời.

Bấy giờ, Đức Phật nói lại nghĩa lý của bài kệ trên cho các Phạm chí nghe. Các vị Phạm chí nghe xong vui mừng, đều được kiến đạo. Đức Phật bèn nói kệ:

Kẻ ngu gần bậc trí,

Như bầu chứa đầy rượu,

Dù gạn gủi lâu ngày,

Vẫn không hiểu được pháp.

Thông minh gần bậc trí,

Tợ lưỡi nếm mùi vị,

Tuy gạn trong chốc lát,

Liền hiểu được pháp mau.

Kẻ ngu làm việc ác,

Thân tự chuốc tai họa.

Có ý làm điều ác,

Phải gánh chịu tai ương.

Do làm các điều ác,

Sau hối hận sao kịp,

Khóc lóc và than van,

Khi báo đến nhân cũ.

Các Phạm chí nghe bài kệ này, niềm tin càng thêm sâu sắc. Họ đỉnh lễ Đức Phật và vui vẻ vâng theo”.

Kinh *Chính pháp niệm* ghi: “Nếu có chúng sinh nào thấy bạn bè đánh đập nhau đưa đến oán thù mà giải hòa cho họ, thì sau khi mạng chung sinh lên cõi trời Dục Ái, tùy tâm nghĩ gì liền có năm dục để tự vui. Nếu có chúng sinh nào thấy người sắp chết hoặc bị người khác bắt đi mà cứu họ được thoát nạn; hoặc ở chốn nguy hiểm chỉ cho họ con đường thoát hiểm; hoặc trong chốn sợ hãi giúp người được an ổn, thì sau khi mạng chung sinh lên cõi trời Chính Hạnh, có thiên nữ hầu hạ và hưởng đầy đủ năm dục lạc; nếu sinh làm người thì được vào nhà trưởng giả giàu sang, có chính kiến. Nếu người có tâm nhu hòa, xa lìa các cấu uế thì dễ dàng đạt được quả Niết-bàn giải thoát trong tầm tay. Người nhu hòa tâm trong sáng như cây nến trắng, được mọi người tin tưởng. Người thô tháo tâm cố chấp như kim cương, thường kết oán thù mãi không quên, tính tình ngang ngược, bị mọi người ghét bỏ, không tin tưởng cũng không thương mến.

Bảy giờ, bồ-tát Khổng Tước nói bài kệ trong kinh Phật:

Người thiện tâm nhu hòa,

Như vàng đã luyện lọc,

Trong ngoài đều tốt đẹp,

Chóng dứt mọi khổ đau.

Nếu người tâm điều phục,

Mọi việc đều hài hòa,

Người này trông căn lành,

Giống như ruộng phúc tốt”.

Kinh *Ha điêu A-na-hàm*³²⁴ ghi: “A-na-hàm có tám điều không muốn cho người khác biết. Đó là:

1. Không mong cầu

³²⁴ Kinh Ha-điêu A-na-hàm (Ha-điêu A-na-hàm kinh 呵鵬阿那含經): kinh, một quyển, do tam tạng Trúc Đàm Vô Lan người Thiên Trúc dịch vào thời Đông Tấn. Nội dung Đức Phật khen ngợi ưu-bà-tắc Ha-điêu A-na-hàm.

2. Có niềm tin
3. Xấu hổ với người
4. Tâm tự hổ thẹn

[84c] 5. Tinh tiến

6. Tự quán chiếu

7. Đắc được pháp thiên

8. Trí tuệ sáng suốt

Sở dĩ A-na-hàm không muốn cho người khác biết những điều trên là vì không muốn làm phiền lòng người khác.

Có bài tụng rằng:

Chiêm-bặc³²⁵ hóa cỏ bông,

Y lan³²⁶ thành cỏ thơm,

Trăng tròn rồi lại khuyết,

Tơ trắng chẳng trắng hoài.

Riêng vui nơi ba ích³²⁷,

Phòng hộ bốn uy nghi³²⁸,

Hãy tự mình cố gắng,

Răn dè mới đáng quý.

³²⁵ Chiêm-bặc 瞻蔔: tên một cây mọc trong rừng sâu và trên đồi núi ở vùng nhiệt đới Ấn Độ. Thân cây cao lớn, lá dài 0,21m, mặt trên bóng láng, mặt dưới có phần trắng và lông mịn. Hoa màu vàng óng, mùi thơm bay xa đến vài dặm. Vỏ cây có thể ép ra nước thơm; vỏ, lá và hoa đều có thể chế thuốc hoặc làm hương liệu.

³²⁶ Y lan: 伊蘭: một loại thực vật thuộc họ bèo-ma (thầu dầu), có mùi hôi, hạt dùng để ép dầu.

³²⁷ Ba ích (tam ích 三益): ba điều lợi ích như được gặp bậc thánh, xa lìa các khổ, tâm được an vui.

³²⁸ Bốn uy nghi (nguyên bản là tứ khích hạnh 四隙行): đi, đứng, nằm, ngồi.

XVII. SUY NGHĨ THẬN TRỌNG

Gồm năm phần: Lời dẫn, Thận trọng đối với lỗi lầm, Thận trọng đối với tai họa, Thận trọng đối với hoàn cảnh, Thận trọng đối với vật thụ dụng.

XVII.1. Lời dẫn

Suy nghĩ thận trọng để ngăn ngừa lỗi lầm là nguyên lý tránh tai họa; ngậm miệng không chê bai là nguồn gốc để xa lìa tội ác. Răn trước, ngừa sau là nguyên tắc hàng đầu của người quân tử. Kính già quý trẻ là cốt lõi trong việc nuôi dưỡng sinh linh. Sau đó, xét rõ sự nổi chìm của tội phúc, biết nỗi khổ vui của tốt xấu. Thí như muốn tự thấy mặt mình thì phải nhờ soi gương, tóc rối mà muốn suôn thẳng thì phải nhờ lược chải. Thế nên, thấy được mặt là nhờ gương sáng, tóc được suôn thẳng là nhờ lược tốt, đức hạnh được vang xa là nhờ lời nói hiền thiện, quả báo được thù thắng là nhờ gieo nhân tốt lành. Vì vậy, bản thân phải chịu thất bại hẳn là do không chấp nhận lời khuyên đúng đắn; mạng sắp lìa đời hẳn là do không uống thuốc hay.

XVII.2. Thận trọng đối với lỗi lầm

Phẩm *Tế long* trong kinh *Đại tập* ghi: “Lúc bảy giờ, trong chúng hội, có một con rồng mù tên là Phả-la-cơ-lê-xa lớn tiếng khóc than, thưa rằng:

- Bạch Đại Thánh Thế Tôn, xin Ngài cứu con! Xin Ngài cứu con! Nay thân con chịu nhiều đau khổ, ngày đêm thường bị các loài côn trùng cắn rủa, ăn thịt, sống trong nước nóng, không lúc nào được tạm vui.

Đức Phật bảo Lê-xa:

- Vào thời quá khứ, ngươi từng làm ti-kheo ở trong Phật pháp, nhưng lại hủy phá giới cấm, trong ngằm dối trá, ngoài hiện tướng hiền lành, tham muốn quyền thuộc đông, đệ tử nhiều, danh tiếng vang khắp, ai ai cũng biết đến, còn tự xưng: ‘Ta là hòa thượng đã đắc quả A-la-hán’. [85a] Do nhân duyên này, ngươi được thí chủ cúng dường rất nhiều, nhưng chỉ riêng mình thụ dụng. Thấy người giữ giới thì ngươi lại nói xấu, khiến họ buồn khổ và thề rằng: ‘Đời đời dù sinh ra nơi nào, ta cũng ăn thịt ông’. Đó là thân đời trước của ngươi. Do nghiệp ác này, sau khi chết, ngươi sinh trong loài rồng. Những người kia vì lời thề nên ăn thịt ngươi, còn ngươi do tạo

nghiệp ác nên phải chịu quả báo mù lòa. Lại nữa, trong vô lượng kiếp quá khứ lúc ở nơi địa ngục nước đồng sôi, người cũng thường bị các loài côn trùng cắn rủa, ăn thịt.

Nghe câu chuyện này, rồng buồn khổ khóc lớn, bạch Phật:

- Chúng con ngày nay đều xin chí thành sám hối, nguyện cho chúng con mau được thoát khỏi nỗi khổ này.

Khi ấy, hai mươi sáu ức con rồng đỏi kia đều nhớ lại thân quá khứ của mình, khóc lóc thảm thiết, nhớ lại đời trước tuy đã xuất gia ở trong Phật pháp nhưng tạo đủ các nghiệp ác, nên trải qua vô số thân bị đọa vào ba đường ác; do nghiệp báo này chưa hết, nên lại sinh vào loài rồng, chịu khổ cùng cực, chẳng hạn như con rồng mù này vậy.

Bấy giờ, Đức Phật bảo các con rồng:

- Các người hãy lấy nước rửa chân Như Lai thì tội báo của các người dần dần được tiêu trừ.

Ngay đó, tất cả rồng lấy tay vốc nước, thì nước đều biến thành lửa, lại biến thành tảng đá lớn, rồi nổi lửa dữ dội rực khắp cả lòng bàn tay, dập tắt thì lại cháy, bảy lần như thế. Thấy vậy, tất cả rồng đều kinh sợ, sàu não, nước mắt đầm đìa. Vâng lời Phật dạy, chúng phát nguyện lớn, lửa dữ đều bị dập tắt. Đến lần thứ tám, chúng lấy tay vốc nước rửa chân Như Lai, chí thành sám hối. Đức Phật thụ ký cho các con rồng này: ‘Vào thời Phật Di-lặc, các người sẽ được làm người, gặp Phật xuất gia, tinh tiến trì giới, đắc quả A-la-hán’.

Bấy giờ, các con rồng đều chứng được túc mạng tâm³²⁹, tự nhớ lại nghiệp đã tạo trong đời quá khứ, từng ở trong Phật pháp, hoặc làm cư sĩ thân cận với chúng tăng, hoặc tới lui nghe pháp. Những người có lòng tin cúng dường các món ăn, thức uống, hoa quả, thì cùng với các từ-kheo ăn uống.

Có rồng nói:

³²⁹ Túc mạng tâm 宿命心(Cg: túc mạng trí): trí biết được những thụ báo sai biệt, thiện ác khổ vui trong một đời hay trong vô lượng đời ở quá khứ.

- Tôi thường dùng thức ăn, thức uống và hoa quả của tứ phương chúng tăng.

Có rồng nói:

- Tôi đến chùa cúng dường chúng tăng, hoặc lễ bái và cũng ăn uống như thế.

Rồng khác nói:

- Tôi từng làm người cư sĩ ở trong pháp hội của Phật Tì-bà-thi.

Rồng khác lại nói:

- Tôi từng làm người cư sĩ ở trong pháp hội của Phật Thích-ca Mâu-ni, hoặc do nhân duyên quen biết thăm hỏi, hoặc tới lui nghe pháp mà qua lại chốn chùa chiền. Những người có lòng tin đem các thứ hoa quả, đồ ăn, thức uống cúng dường chúng tăng. [85b]Tì-kheo nhận rồi, trở lại cho tôi, tôi liền thụ. Vì nghiệp duyên ấy, nên tôi bị đọa vào địa ngục trải qua vô số kiếp, hoặc bị thiêu nấu ở trong lửa dữ, hoặc uống nước đồng sôi, hoặc nuốt hòn sắt nóng... Ra khỏi địa ngục, tôi đọa làm súc sinh; bỏ thân súc sinh, lại sinh vào loài ngạ quỷ, chịu nhiều sự thống khổ như thế. Nhưng vì nghiệp ác chưa hết, nên tôi phải sinh trong loài rồng này, thường bị khổ đau.

Đức Phật dạy:

- Những nghiệp ác này không khác gì trộm vật của Phật... Tội này bằng nửa năm tội nghịch. Nay người nên suốt đời quy y tam bảo, dốc lòng tu thiện. Nhờ công đức này, trong đời hiện kiếp, các người sẽ gặp vị Phật cuối cùng hiệu là Lôu-chí³³⁰. Vào thời Đức Phật ấy, tội lỗi của các người sẽ được dứt trừ.

Sau khi nghe Phật dạy, tất cả rồng đều chí thành, nguyện suốt đời thụ trì tam quy.

Bấy giờ, trong số ấy, có vợ của con rồng mù, miệng bị lở loét, đầy đầy giòi bọ, hôi thối giống như phân tiểu, cho đến những thứ dơ uế toát từ thân căn

³³⁰ Lôu Chí 樓至 (S: Rudita, Rucika): vị Phật xuất thế sau cùng trong số một nghìn vị Phật trong kiếp Hiền.

của người nữ, thật là khó nhìn. Khi nó ăn uống, thì máu mủ chảy ra. Toàn thân thường bị ruồi muỗi, các loài trùng độc cắn rĩa, ăn thịt. Thân thể hôi thối, chẳng ai dám nhìn.

Lúc ấy, với lòng đại bi, Đức Phật nhìn thấy vợ của rồng kia mù lòa khôn khổ như thế, bèn hỏi:

- Vì sao người phải mang lấy thân xấu xa như vậy, trong quá khứ đã từng làm nghiệp gì?

Rồng vợ đáp:

- Bạch Đức Thế Tôn, thân của con đây phải chịu các thứ khổ bức bách, không có lúc nào tạm dừng, giả sử muốn nói cũng không thể nói được. Con nhớ lại, vào thời quá khứ cách đây ba mươi sáu ức kiếp, trong trăm nghìn năm, con sinh vào loài rồng chịu khổ như thế, suốt cả ngày đêm, không phút giây tạm dừng. Lại trong chín mươi một kiếp xa xưa, vào thời Phật Tì-bà-thi, con từng làm tì-kheo ni ở trong Phật pháp, thường nghĩ đến việc dâm dục hơn cả người say. Tuy đã xuất gia, nhưng con không thực hành đúng pháp, trong chốn già-lam trái phạm giới luật, nên thường bị thiêu nướng trong ba đường ác.

Trình bày xong, rồng bạch Phật:

- Xin Ngài cứu con!

Nghe rồng kể lại sự thật như thế, Đức Phật lấy một ít nước đổ vào miệng rồng. Khi ấy lửa và giới bọ, máu mủ đều tan biến. Miệng được sạch sẽ, rồng lại thưa:

- Đại Thánh Như Lai! Con nhớ thưở quá khứ, thời Phật Ca-diếp, con từng làm người cư sĩ. Một hôm, con đang cày ruộng, có vị tì-kheo đến xin con năm mươi đồng tiền. Khi ấy, con trả lời:

- Đợi khi lúa chín, tôi sẽ cúng cho ngài.

Vị tì-kheo nói:

- Nếu không thể cho năm mươi đồng thì cho xin mười đồng cũng được.

Lúc đó, con tức giận, nói với vị tì-kheo:

- Dù chỉ mùi đồng, tôi cũng không cho.

Bấy giờ, vị tì-kheo sinh lòng buồn khổ, ra về.

[85c] Lại một lần khác, con vào vườn cây của chùa trộm lấy mười quả xoài là vật của hiện tiền tặng, rồi ăn một mình. Do nghiệp ác này, nên con chịu khổ trong chốn địa ngục. Nghiệp ác ấy chưa hết, con phải sinh làm rồng đói ở nơi đầm vắng, thường bị các loài côn trùng cắn rủa, ăn thịt, máu mủ chảy khắp, đói khát khổ não. Còn vị tì-kheo kia do nghiệp ác của lòng sân giận, nên chết đọa làm con rồng độc nhỏ sống trong vách con để hút máu, hơi nóng xông khắp thân, không thể chịu được. Thế nên, thân con nóng bức, máu mủ đầm đìa.

Rồng lại bạch Phật:

- Xin Ngài từ bi thương xót cứu con, để con mau được thoát khỏi rồng độc oan gia này!

Bấy giờ, Đức Phật dùng tay vốc nước, phát nguyện và kể rằng:

- Thuở xưa, gặp thời đói khát, Ta phát nguyện làm một con vật có thân to lớn, dài rộng vô lượng, rồi dùng năng lực thần thông ở giữa hư không xưng lên rằng:

- Trong đầm vắng kia, có một con vật to lớn, tên là Bất Sân, các người nên đến lấy thịt của nó về làm thức ăn cho khỏi đói.

- Người, phi nhân v.v.. nghe lời này, tất cả đều tranh nhau đến ăn thịt nó.

Nghe Phật phát nguyện và kể lại sự thật này, con rồng nhỏ ở dưới vách rồng kia bèn chui ra, cả hai cùng bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn! Đến khi nào chúng con mới hết kiếp rồng, dứt sạch tội báo?

Đức Phật bảo:

- Nghiệp này rất nặng, sẽ bị đọa địa ngục Ngũ Vô Gián³³¹. Vì sao? Nếu có vật của tứ phương tăng³³², hoặc vật của hiện tiền tăng³³³, vật do đàn-việt có niềm tin sâu dày dâng cúng, như hoa quả, vườn cây, đồ ăn, thức uống, giường chiếu, tọa cụ, thuốc thang... mà mình tự tiện tiêu xài riêng, hoặc mang ra ngoài cho những người cư sĩ, bạn bè quen biết, tội này rất nặng, phải chịu quả báo nơi địa ngục A-tỳ. Vì thế, các người nên thụ trì tam quy. Sau khi quy y tam bảo, các người mới có thể sống trong dòng nước lạnh. Ba lần xung, ba lần thụ như thế, các người sẽ được an ổn sống trong dòng nước ấy”.

Bấy giờ, Đức Phật liền nói kệ cho các con rỗng nghe:

Thà dùng dao bén tự xẻ thân,

Tùng đoạn xương khớp, thịt, da, gân,

Tài vật do đàn-việt dâng cúng,

Cư sĩ thế tục chẳng có phần.

Thà nuốt sắt nóng cháy phừng phừng,

Khiến cho miệng lưỡi lửa bốc lên,

Đồ ăn, thức uống của tăng chúng,

Cư sĩ không nên lén tự dùng.

Là người cư sĩ sống tại gia,

Thà đem lửa lớn như Tu-di,

Tự tay bốc lấy bỏ vào miệng,

³³¹ Địa ngục Ngũ Vô Gián (Ngũ Vô Gián địa ngục 五無間地獄): địa ngục có năm quả báo vô gián, tức chỉ cho địa ngục A-tỳ. Năm quả báo vô gián là thời vô gián, hình vô gián, thụ khổ vô gián, thú quả vô gián và mạng vô gián.

³³² Vật của tứ phương tăng (tứ phương tăng vật 四方僧物): chỉ cho các vật cúng dường đến từ nơi khác và thuộc về vật dùng chung của tất cả tỉ-kheo, như chùa chiền, kho lẫm, ruộng vườn, com gạo, y phục, thuốc men...

³³³ Vật của hiện tiền tăng (hiện tiền tăng vật 現前僧物): đồ vật mà chúng tăng hiện tiền có thể thụ dụng theo nhu cầu vật chất trong cuộc sống, như y phục, thực phẩm, thuốc men và những di vật của vị tỉ-kheo đã mất.

Chớ không dám dùng vật của tãng.

[86a] *Thà dùng dao bén xẻ thân mình,*

Tự ăn da thịt của bản thân,

Nếu là người tại gia cư sĩ,

Không nên nhận thức ăn tãng chúng.

Thà tự gieo mình vào ngọn lửa,

Đang cháy phòng phục khắp căn phòng,

Nếu là người tại gia cư sĩ

Chớ ngồi, chớ nằm giường chúng tãng.

Thà dùng chày sắt nung lửa dử,

Đưa tay cầm lấy bị cháy tiêu,

Nếu là người tại gia cư sĩ,

Không nên lén dùng vật của tãng.

Thà dùng dao chày thật bén tốt,

Tự lóc, giả thịt của bản thân,

Đối với hàng xuất gia thanh tịnh,

Chớ khởi lên một niệm giận sân.

Thà tự tay móc hai mắt mình,

Vứt bỏ, quăng ném xuống nền đất,

Đối với người tu tập pháp lành,

Không nên nhìn bằng tâm sân giận.

Thà lấy tâm sắt nóng quán thân,

Đi đứng, ngồi nằm thân chẳng yên,

Chớ khởi tâm sân, sinh đố kỵ,

Mà khoác y thanh tịnh của tăng.

Thà uống nước tro hay nước muối,

Nước sôi phỏng miệng như lửa bỏng,

Không nên ôm lòng tham, sân, ác,

Uống thuốc đàn-việt cúng chúng tăng.

Sau khi Đức Phật nói bài kệ này, bày rông một vạn bốn nghìn con đều thụ trì tam quy, tất cả nghiệp báo khổ đau trong quá khứ, hiện tại đều được tiêu trừ, tin sâu tam bảo, tâm không lui sụt. Lại có các bày rông khác gồm tám mươi ức con cũng phát tâm quy y tam bảo.

Kinh *Đại tập* ghi: “Có vị ti-kheo nhận được tất cả những vật dụng cần thiết. Tất cả vật dụng ấy đều do đàn-việt có tín tâm cúng dường. Vậy mà vị này hoặc để mình ăn, hoặc cho người khác, hoặc cùng mọi người lén lấy cất giấu, dùng riêng ở chỗ khuất. Vì những việc làm như thế, nên vị này đọa vào ba đường ác, mãi chịu khổ đau.

Lại có chúng sinh nghèo cùng hèn hạ, không được an ổn, cho nên xuất gia mong được giàu có, an ổn vui sướng. Thế nhưng, sau khi xuất gia, vị ấy biếng nhác, không chịu đọc tụng kinh điển, không siêng năng tu tập thiền định, trí tuệ, chỉ thích tò mò việc của tăng.

Lại có ti-kheo ngày đêm siêng năng tu tập pháp lành, đọc tụng kinh điển, tọa thiền, tu tuệ không phút giây lơ là. Nhờ công đức này, vị ấy được bốn chúng cúng dường đầy đủ. Bấy giờ, vị ấy làm tri sự được nhiều lợi dưỡng, rồi hoặc lấy dùng riêng, hoặc lén cho những người thế tục thân quen. Do nghiệp duyên này, vị ấy ở mãi trong đường ác, ra rồi lại vào. Kẻ ngu si như

thế không sợ quả báo đòi sau nặng nhẹ ra sao. [86b] Thế nên, nay Ta răn nhắc các đệ tử sa-môn: ‘Hãy nhớ nghĩ đến pháp mà hành trì, không được tự xưng: ‘Tôi là sa-môn, tu hành đúng chính pháp’. Nhờ nương tựa vào chúng tăng, nên các ông được nhận các vật do đàn-việt cúng dường, như bánh, rau, hoa, quả, nhưng đó là vật thực của chúng tăng, không được tự tiện lấy cho người thế tục, cũng không được nói: ‘Đó là vật của tôi’, rồi ăn biệt³³⁴ chúng”.

Lại nữa, cũng không được lấy vật của chúng tăng cất chứa, kiếm lời, mua bán đổi chác... bảo là làm lợi ích, để rồi phải bị người đời chê bai. Lại cũng không được mua rẻ bán đắt, để tranh lợi với đời. Lại cũng không được vì việc ăn uống hay việc tăng mà làm cho chúng sinh bị rơi vào ba đường ác, phải nên khuyên bảo họ an trú trong pháp lành để họ có niềm tin vững chắc vào tam bảo, nhiếp hộ tất cả chúng sinh cho đến cha mẹ, đều được an ổn, đắc ba môn giải thoát³³⁵.

Kinh *Thập luân* ghi: “Nếu vật của tứ phương tăng, hoặc các vật dụng cần thiết v.v., mà không chia cho những người trì giới, phá giới, người này sau khi mạng chung, sẽ đọa vào địa ngục A-tì”.

XVII.3. Thận trọng đối với tai họa

Kinh *Cưu tap thí dụ* ghi: “Xưa, ở một nước nọ, ngũ cốc được mùa, nhân dân an lạc, không có tật bệnh, ngày đêm ca múa, chẳng ai lo phiền. Bấy giờ, vua hỏi quần thần:

- Trẫm nghe trong thiên hạ có tai họa, đó là gì vậy?

Quần thần trả lời:

- Chúng thần không biết.

Nhà vua bèn sai một vị quan đến nước lân cận tìm mua tai họa. Lúc đó, thiên thần hóa làm người, vào chợ bán một con vật lạ trói bằng dây sắt, hình dáng giống như heo.

³³⁴ Ăn biệt chúng (biệt chúng thực 別眾食): không cùng ăn chung với chúng tăng.

³³⁵ Ba môn giải thoát (tam giải thoát môn 三解脫門): ba môn giải thoát đạt đến Niết-bàn, bao gồm Không môn, Vô tướng môn và Vô nguyện môn.

Thấy vậy, vị quan hỏi:

- Đây là con gì?

Thiên thần trả lời:

- Là mẹ của tai họa.

- Có bán không?

- Có bán.

- Bao nhiêu tiền?

- Một nghìn vạn.

- Nó ăn những thứ gì?

- Ăn một thặng kim.

Sau khi mua được mẹ tai họa, vị quan ra lệnh mỗi nhà phải đi tìm kim. Thế là mọi người xúm đôi xúm ba cùng nhau tìm kim, khiến cho quận huyện khắp nơi đều rối loạn, người dân chịu nhiều tai họa, đau thương.

Vị quan tâu vua:

- Tuy được mẹ của tai họa, nhưng lại làm cho dân tình rối loạn, nam nữ thất nghiệp. Giờ đây, thần muốn giết chết nó, không biết bệ hạ có cho phép không?

Vua bảo:

- Tốt lắm.

Vị quan liền đem ra ngoài thành định giết, nhưng đâm thì không vào, chém thì không đứt, chặt thì không chết, chất củi đốt thì thân nó đỏ như lửa rồi bỏ chạy. Nó chạy qua làng thì cháy làng, đến chợ thì cháy chợ, vào thành thì cháy thành, vào đất nước thì cháy đất nước, làm cho dân chúng rối ren, đói khát, khốn khổ. Cảnh khổ ấy là do chán vui, rước họa gây ra”.

Câu chuyện này dụ cho người nam thường bị lừa dục nữ sắc thiêu đốt. Người đời tham đắm sắc dục, đến chết vẫn không biết khổ.

XVII.4. Thận trọng đối với hoàn cảnh

[86c] Kinh *Chính pháp niệm* ghi: “Bồ-tát Khổng Tước bảo đại chúng:

- Nếu ti-kheo nào sợ tiếng xấu thì nên tránh xa những nơi tội lỗi:

Không vào nơi người nữ vui chơi.

Không vào quán rượu.

Không gần gũi cũng không nói chuyện với người bán rượu.

Không gần gũi cũng không nói chuyện với kẻ nghiện rượu.

Không giao du với kẻ trộm cắp.

Không gần người trước đây đã từng làm việc ác.

Không gần kẻ ưa đánh nhau.

Không gần kẻ độc ác, ngầm hại người.

Không gần người đã nhiều lần bỏ đạo.

Không gần kẻ đam mê cờ bạc.

Không gần người ca múa hát xướng.

Không gần gũi trẻ em.

Không gần người say đắm nữ sắc.

Không gần người tính tình nóng nảy.

Không gần người nói năng bừa bãi.

Không gần người tham lam.

Không gần người mua bán dối trá.

Không tới lui với kẻ xảo trá ở đầu đường, xó chợ, bị người khinh ghét.

Không gần người đào ao, vét hồ.

Không gần kẻ hoàng môn, không đi chung đường với người nữ.

Không gần người huấn luyện voi.

Không gần kẻ đâm thuê chém mướn.

Không gần người huấn luyện ngựa.

Không gần người chấp đoạn kiến.

Không gần người chẳng có giới luật”.

Tì-kheo không nên gần gũi những hạng người xấu xa như thế, nếu gần những người này, thì sẽ có hành vi giống như họ.

Vì vậy, tì-kheo phải sợ tiếng xấu, không nên đi chung đường hoặc gần gũi những người có hành vi không chân chính.

Khi ấy, bò-tát nói kệ:

Nếu gần kẻ xấu ác,

Sẽ thành người bất thiện,

Thế nên phải tránh ác,

Chớ làm điều bất thiện.

Thân cận với người nào,

Hẳn luôn gần gũi họ,

Vì gần nên cùng làm,

Hoặc thiện, hoặc bất thiện.

Những ai chuộng điều tốt,

Nên gần gũi người lành,

Nhờ vậy được an vui,

Thiện không gây ra khổ.

Gần thiện tăng công đức,

Gần ác thêm lỗi lầm,

Công đức và tai họa,

Nay lược nói như vậy.

Nếu thân cận người thiện,

Sẽ được tiếng tốt đẹp,

Còn gần người bất thiện,

Bị mọi người xem thường.

Phải luôn gần người thiện,

Xa lìa bạn bè ác,

Nhờ gần gũi người thiện,

Dứt bỏ các việc ác.

[87a] Kinh *Tạp a-hàm* ghi: “Bấy giờ, Đức Phật bảo các tì-kheo:

- Ví như cái chày gỗ cứ giã suốt ngày đêm, không lúc nào dừng, thì nó sẽ mau mòn. Cũng vậy, này các tì-kheo! Từ xưa đến nay không phòng hộ các căn, ăn uống không biết tiết độ, đầu hôm, cuối đêm không siêng năng tỉnh

giác tu tập pháp lành; nên biết, những người này suốt ngày chỉ làm tổn giảm chứ không làm tăng trưởng pháp lành, cũng như cái chày gỗ kia vậy”.

Lại nữa, kinh *Tự ái* ghi: “Phật dạy:

- Người sống ở đời, tâm nghĩ điều ác, miệng nói lời ác, thân làm việc ác. Ba nghiệp này xuất phát từ tâm rồi thể hiện ra thân, miệng, tạo thành nghiệp ác, làm tổn hại chúng sinh. Do bị tổn hại, chúng sinh kết thành oán hận, lòng thù muốn báo thù ngay trong đời này. Hoặc sau khi chết, thần thức sinh lên trời, rồi trở xuống báo thù; hoặc sinh làm người, hay đọa làm súc sinh, ngựa quỉ, địa ngục, lại đánh giết nhau. Đây đều là do nghiệp ác đời trước, chứ chẳng phải vô cớ vậy.

Đức Phật nói kệ:

Tâm làm chủ các pháp,

Tâm dẫn đầu, tâm tạo,

Nếu với tâm ngu si,

Nói năng hay hành động,

Thì tội khổ theo sau,

Như xe lăn theo vết.

Tâm làm chủ các pháp,

Tâm dẫn đầu, tâm tạo,

Nếu với tâm hiền thiện,

Nói năng hay hành động,

Thì phúc báo theo sau,

Như bóng luôn theo hình”.

Kinh *Cưu tap thí dụ* ghi: “Xưa, gặp lúc hạn hán, ao hồ khô cạn, ba ba không thể đến hồ để tìm thức ăn. Lúc ấy, một con hạc lớn bay đến đậu bên cạnh, ba ba theo van xin, mong được cứu giúp. Chim hạc bèn gấp ba ba bay qua thành ấp, xóm làng. Ba ba không chịu im lặng, cứ hỏi liên tục: ‘Đây là nơi nào?’, hạc liền đáp lời. Vừa lúc hạc mở miệng, ba ba rơi xuống đất, thì bị người bắt ăn thịt”.

Người đòi ngu si, không giữ gìn miệng lưỡi, cũng như con ba ba này vậy.

Kinh *Pháp cú thí dụ* ghi: “Phật bảo bà-la-môn:

- Thế gian, có bốn điều mà con người khó làm được. Nếu người nào thực hành thì được phúc báo, không bị nghèo khổ. Bốn điều ấy là:

1. Tuổi trẻ khỏe mạnh, mà không sinh tâm kiêu mạn
2. Tuổi già tinh tiến, mà không tham lam dâm dật
3. Có của quý giá, thường nghĩ đến bố thí
4. Theo thầy học hỏi, tin nhận lời đúng đắn.

Như ông cụ này không thực hành bốn điều trên, còn cho rằng thân mạng và của cải là thường còn, không tính đến thành hay bại; bỗng chốc chúng sẽ tiêu tan, cũng như con hạc canh giữ ao khô, hoàn toàn không được gì cả. Ngay đó, Đức Phật nói kệ:

Ngày đêm kiêu mạn,

Già vẫn tham dâm,

Có của không thí,

Không vâng lời Phật,

Làm bốn điều xấu,

Là tự hại mình,

*Than ôi! Già đến,
Sắc biến, da nhăn,
Trẻ được trọng dụng,
[87b] Già bị xem thường,
Không tu Phạm hạnh,
Lại chẳng giàu sang,
Già như hạc trắng,
Canh giữ ao khô,
Đã không giữ giới,
Cũng không có của.
Già yếu, sức tàn,
Hối hận sao kịp,
Già như lá thu,
Rách rưới, bán thiu,
Cái chết kề bên,
Hối hận sao kịp”.*

Kinh *Tạp bảo tạng* ghi: “Phật bảo:

- Xưa, vua nước Ca-thi tên là Ác Thụ, thường làm điều phi pháp, bạo ngược vô đạo, gây khổ đau cho muôn dân. Nếu có khách buôn từ các nơi đến, tất cả vật quý báu tốt đẹp của họ đều bị vua đoạt lấy, không trả tiền. Do vậy, vật báu trong nước rất đắt. Mọi người truyền tai nhau, tiếng ác của vua vang khắp.

Bấy giờ, chim anh vũ³³⁶ chúa ở trong rừng, nghe người đi đường đều chê trách sự ác độc của vua, liền suy nghĩ: ‘Ta tuy là loài chim mà còn biết đó là điều sai trái, nay ta phải đến chỉ bày con đường lành cho vua. Nếu vua nghe theo lời ta, ắt sẽ cho rằng: ‘Con chim chúa kia còn biết nói lời hiền thiện, còn ta là vua mà để nó chê trách?’, có thể ông ấy sẽ sửa đổi.

Nghĩ xong, anh vũ chúa bay đến vườn của vua, liệng quanh rồi đậu trên một cành cây. Gặp lúc phu nhân nhà vua vào vườn dạo chơi, anh vũ chúa liền vỗ cánh kêu vang, rồi nói: ‘Nay vua thật là bạo ngược vô đạo, tàn sát muôn dân, giết hại cả loài chim thú. Người và vật đều căm phẫn, tiếng ai oán đầy khắp thiên hạ, phu nhân cũng độc ác giống như vua vậy. Là bậc cha mẹ của dân, há lại như thế sao?’.

Nghe vậy, phu nhân vô cùng tức giận, suy nghĩ: ‘Sao con chim bé nhỏ này lại trách mắng ta thậm tệ như thế?’

Thế là, phu nhân sai người đuổi bắt chim anh vũ.

Không chút sợ hãi, anh vũ bèn đậu trên tay người định bắt mình. Phu nhân được chim, liền mang đến cho vua. Vua hỏi anh vũ:

- Vì sao ngươi trách mắng ta?

Anh vũ trả lời:

- Tôi nói những việc làm sai quấy của vua là muốn giúp ích cho vua, chứ tôi đâu dám mắng vua.

Khi ấy, vua hỏi:

- Ta đã làm điều gì sai quấy?

Anh vũ trả lời:

- Vua có bảy điều sai quấy, làm nguy hại đến tính mạng của vua.

Vua hỏi:

³³⁶ Anh vũ 鸚鵡: chim két.

- Bảy điều ấy là gì?

Anh vũ kể:

1. Say đắm nữ sắc, không trọng người chính trực.
2. Đam mê rượu chè, không chăm lo việc nước.
3. Ham cờ bạc, không giữ gìn phép tắc.
4. Không có tâm từ, chuyên săn bắn giết hại.
5. Ưa nói lời ác, không nói lời hiền thiện.
6. Suu cao, thuế nặng, hình phạt khắt khe, gấp bội lệ thường.
7. Bất chấp đạo nghĩa, cướp đoạt tài sản của dân.

Đó là bảy điều làm nguy hại cho vua. Lại có ba điều làm cho đất nước suy đồi.

Vua lại hỏi:

- Ba điều đó là gì?

Anh vũ nói:

- 1- Gần gũi với những hạng người đua nịnh, độc ác.
- [87c] 2- Không thân cận những bậc hiền tài, không học hỏi điều hay, lẽ phải.
- 3- Thích xâm chiếm nước khác, không chăm lo đời sống của dân.

Nếu đại vương không trừ bỏ ba điều này, thì chẳng bao lâu đất nước sẽ bị diệt vong. Là bậc quân vương, thì cả nước đều hướng về trông cậy. Vua phải như cây cầu, cứu giúp muôn dân. Vua phải như cái cân, thân sơ đều đối xử bình đẳng. Vua phải như con đường, dẫn theo dấu chân của bậc thánh. Vua như mặt trời, chiếu sáng khắp thế gian. Vua như mặt trăng, làm muôn vật mát dịu. Vua như cha mẹ, thương yêu nuôi dưỡng muôn dân.

Vua như trời cao, che chở mọi loài. Vua như đất rộng, dưỡng nuôi vạn vật. Vua như ngọn lửa, thiêu rụi tai họa cho trăm họ. Vua như dòng nước, thấm nhuần khắp nơi. Vua phải như các bậc Chuyển luân thánh vương thời quá khứ, dùng pháp thập thiện³³⁷ giáo hóa chúng sinh.

Vua nghe lời này, lòng rất hổ thẹn, cho rằng: ‘Lời chim anh vũ thật chí thành tha thiết, ta là vua một nước mà làm điều vô đạo. Giờ đây, ta phải nghe theo lời khuyên của anh vũ, tu tập chính hạnh và tôn chim làm thầy’”.

Từ đó, trong nước, đường lối đạo đức được ban hành, tiếng xấu không còn. Phu nhân và bá quan văn võ đều hết lòng trung thành kính trọng. Nhân dân cả nước đều vui mừng.

Chim anh vũ thưở ấy chính là Ta. Vua Ác Thụ nước Ca-thi nay là phụ tướng. Phu nhân thưở ấy nay là phu nhân của phụ tướng.

XVII.5. Thận trọng đối với vật thụ dụng

Luật *Tăng-kì* ghi: “Đức Phật bảo các tì-kheo:

- Vào thời quá khứ, tại thành Ba-la-nại, nước Ca-thi, có vị bà-la-môn đào một cái giếng công cộng ở nơi đồng trống để cho người đi đường và kẻ chăn trâu đến giếng đó lấy nước uống và tắm rửa.

Một hôm, lúc trời về chiều, có bầy dã can đến uống nước còn đọng lại trên đất, nhưng dã can chúa không chịu uống nước bản ấy. Nó bèn chui đầu vào cái chum để uống. Uống xong, nó hất cái chum lên cao, rồi giáng xuống đất làm vỡ cái chum, nhưng miệng chum vẫn dính nơi cổ của nó.

Thấy vậy, bọn dã can nói với dã can chúa:

- Lá cây dính nước còn có thể dùng được thì cũng phải giữ gìn, huống là cái chum này có lợi cho người đi đường, sao lại đập vỡ nó đi?

Dã can chúa nói:

- Tôi làm như vậy chỉ để vui thôi, đâu cần nghĩ đến những việc khác.

³³⁷ Thập thiện 十善: mười điều lành, tại gia hay xuất gia đều phải gìn giữ thân, miệng và ý không cho trái phạm. Đó là Không sát sinh; Không trộm cướp; Không tà dâm; Không vọng ngữ; Không ý ngữ; Không lường thiệt; Không ác khẩu; Không tham; Không sân; Không si.

Bấy giờ, người đi đường mách với vị bà-la-môn:

- Cái chum của ngài đã bị vỡ rồi.

Vị bà-la-môn lại làm cái khác giống như cái trước, rồi cũng bị dã can chúa phá vỡ, cho đến mười bốn lần. Bọn dã can nhiều lần khuyên can, nhưng dã can chúa vẫn không nghe theo.

Khi ấy, bà-la-môn suy nghĩ: ‘Kẻ nào làm vỡ cái chum này, ta sẽ rình xem’, thì biết đó chính là dã can. **[88a]** Bà-la-môn lại nghĩ: ‘Ta đào giếng để làm điều phúc thiện mà còn gặp nạn’. Thế rồi, ông ta làm một cái chum gỗ chắc chắn, khó vỡ, để dã can chui đầu vào để mà khó chui ra và cũng đặt bên cạnh giếng. Sau đó, ông ta cầm gậy, núp ở chỗ khuất rình bắt nó.

Khi người đi đường uống nước xong, dã can chúa cũng đến uống nước như trước. Uống xong, nó cũng đập cái chum xuống đất, nhưng chum không vỡ. Ngay đó, vị bà-la-môn cầm gậy, đánh chết dã can. Bấy giờ, trên không trung có vị trời nói kệ:

Bạn tốt nói lời lành,

Cứng đầu, không chịu nghe,

Ngoan cố nên chuốc họa,

Đó là tự hại mình,

Vì vậy, dã can ngu,

Tự rước họa vào thân.

Phật bảo các tì-kheo:

- Dã can chúa thuở ấy là Đề-bà-đạt-đa ngày nay, bây giờ dã can thuở ấy nay là các tì-kheo can gián Đề-bà-đạt-đa. Nên biết, vào thời quá khứ, Đề-bà-đạt-đa đã nhiều lần không chịu nghe theo lời can gián của đồng loại để đến nỗi tán thân mất mạng. Ngày nay, ông ấy lại không chịu nghe theo lời khuyên can của các tì-kheo, nên bị rơi vào đường ác, mãi chịu khổ đau.

Có bài tụng rằng:

Luôn luôn thận trọng,

Soi lại chính mình,

Không nói hai lời,

Tâm không vọng tưởng.

Ít muốn, biết đủ,

Đừng xét kia đây,

Canh cánh giữ gìn,

Mọi nỗi buồn vui.

Thọ Phước-Quảng Hùng dịch

CHƯ KINH YẾU TẬP

QUYỂN 10

XVIII. LỤC ĐỘ

XVIII.1. Bồ thí

Gồm có bảy phần: Lời dẫn, Bỏ xén và dối trá, Bồ thí tài vật, Bồ thí giáo pháp, Xét về sự bố thí, Phúc điền, Tương đối.

XVIII.1.1. Lời dẫn

Bồ thí là nền tảng của muôn hạnh, được nêu đầu tiên trong lục độ³³⁸ và được đề cập trước nhất trong tứ nhiếp pháp³³⁹. Cho nên, Cấp Cô Độc trải vàng lót vườn mà không suy tính, vua Tu-đạt-noa bố thí voi quý mà chẳng hối tiếc. Lại vì giải cứu các nguy ách khổ nạn mà quên cả thân mình, [88b] nên bồ-tát đã gieo mình để cứu hổ đói, vua Thi-tì lóc thịt đùi để thay thức ăn cho chim ưng... Huống gì đất nước, vợ con... đâu đáng lưu tâm! Tiền bạc, của cải, nào đáng để lòng!

Sách thế gian còn ghi: “Nhường cơm, sẻ áo, quên mình vì người, ngựa xe, y phục, đồng cam cộng khổ”. Đó đều là những tấm gương trọng nghĩa, khinh tài, chuộng hiền, quý sĩ.

Vả lại, của cải vốn vô thường, đâu liên quan gì đến con người mà phải nhọc lòng cất chứa, để làm gì? Lại còn bị bốn nỗi sợ hãi³⁴⁰ dày vò, năm nhà tranh đoạt³⁴¹, người trí nào mà ham thích? Gần đây thấy có kẻ ngu tham tiếc tài sản, không chịu buông bỏ mà phải mất thân mạng. Chỉ vì tham sống, sợ chết mà khiến cho vợ con bất hòa, anh em tranh đấu, quyến thuộc chia lìa, bạn bè xa lánh. Do nhân bỏ xén, duyên bỏ xén, cách thức bỏ xén, nghiệp bỏ xén, nên trái với tâm của bồ-tát, làm chướng ngại đạo

³³⁸ Lục độ 六度 (S: ṣaḍ-pāramitā, ṣaṭ-pāramitā): sáu hạnh rốt ráo mà bồ-tát Đại thừa phải thực hiện để đạt đến quả vị Phật. Đó là bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định và trí tuệ.

³³⁹ Tứ nhiếp pháp 四攝法 (S: catvāri saṃgraha-vastūni): bốn phương pháp mà bồ-tát dùng để nhiếp thụ chúng sinh, khiến họ sinh khởi tâm thân ái mà dẫn dắt vào Phật đạo để đạt đến khai ngộ. Đó là bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự.

³⁴⁰ Bốn nỗi sợ hãi (nguyên bản tứ bố giao tiễn 四怖交煎): Bốn kiếp thành, trụ, hoại, không.

³⁴¹ Năm nhà tranh đoạt (ngũ gia tranh đoạt 五家爭奪): năm súc phá hoại. Đó là nước trôi, lửa cháy, giặc cướp, con hư, vua quan tịch thu.

từ bi, không khởi tâm cứu hộ, mà chỉ khởi ý tổn hại mà thôi. Nguyên nhân của những tội lỗi ấy chính là tham lam và bòn xén.

XVIII.1.2. Bòn xén và đối trá

Trong kinh *Bồ-tát xử thai*, Đức Phật nói kệ:

Người phần nhiều ngu si,

Keo kiệt chẳng bố thí,

Cát chứa nghìn vạn ức,

Cho là vật của ta.

Đến lúc sắp mạng chung,

Nhìn thấy quý thần dữ,

Gió lạnh xé thân này,

Mạng sống không còn nữa.

Lòng tham có thiện ác,

Thụ báo rất khổ đau,

Sắp đến nơi chịu tội,

Hối hận làm sao kịp.

Trong kinh *Tát-già Ni-kiền tử* có bài kệ:

Người tham cát chứa nhiều,

Chẳng bao giờ biết đủ,

Tâm điên đảo vô minh,

Luôn ôm lòng hại người.

*Đời này bị oán ghét,
Chết về chốn khổ đau,
Vì vậy, người có trí,
Phải nên thường biết đủ.
Tiếc của, chẳng bố thí,
Cát giữ sợ người hay,
Chết rồi, đi tay không,
Chịu khổ trong loài quý.
Nào đói, khát, nóng, lạnh,
Lo buồn thường thiêu đốt,
Người trí không cất chứa,
Để dẹp lòng san tham.*

[88c] Trong kinh *Phân biệt nghiệp báo* có bài kệ:

*Hạnh tu bố thí khắp,
Nóng nảy, nhiều sân giận,
Không nương vào chính niệm,
Sau làm thân rồng dữ.*

Kinh *Bồ-tát bản hạnh* ghi: “Nếu thấy người đến xin mà lộ vẻ bức tức, xua đuổi, nên biết người này đang mở cửa ngạ quỷ”.

Kinh *Đại tập* ghi: “Có bốn trường hợp làm chướng ngại Đại thừa. Đó là:

1. Không thích bố thí

2. Bồ thí rồi hồi hận
3. Bồ thí xong, xét lỗi người
4. Lòng không nghĩ đến sự khổ mà bồ thí.

Lại có bốn trường hợp:

1. Bồ thí vì tham dục
2. Bồ thí vì sân giận
3. Bồ thí vì ngu si
4. Bồ thí vì sợ hãi.

Lại có bốn trường hợp khác:

1. Không hết lòng bồ thí
2. Không tự tay bồ thí
3. Không trực tiếp bồ thí
4. Xem thường mà bồ thí”.

Kinh *Ưu-bà-tắc giới* ghi: “Đức Phật dạy: Bồ-tát bồ thí thì xa lìa được bốn điều ác: phá giới; nghi ngờ; tà kiến; bòn xén”.

Lại xa lìa năm trường hợp:

1. Khi bồ thí, không phân biệt người có đức hay không có đức
2. Khi bồ thí không phân biệt người tốt hay người xấu
3. Khi bồ thí, không phân biệt giai cấp
4. Khi bồ thí, không xem thường người xin
5. Khi bồ thí, không dùng lời ác mắng chửi.

Bố thí không được quả báo tốt đẹp, có ba nguyên nhân: trước phát tâm cho nhiều, nhưng sau cho ít; chọn đồ dở cho người; bố thí rồi, sinh lòng hối hận.

Có tám nguyên nhân khiến bố thí không được quả báo cao tốt:

1. Bố thí rồi, thấy lỗi của người nhận
2. Khi bố thí, tâm không bình đẳng
3. Bố thí rồi, mong người nhận đáp lại
4. Bố thí rồi, thích tự khen mình
5. Trước nói không cho, sau lại đem cho
6. Bố thí rồi, dùng lời ác mắng chửi
7. Bố thí rồi, mong trả lại gấp đôi
8. Bố thí rồi, sinh tâm nghi ngờ.

Người có tâm bố thí như vậy thì không được gặp Phật và các bậc hiền thánh. Nếu bố thí đầy đủ sắc, hương, vị, xúc... đối với mọi người một cách bình đẳng, mới được gọi là bố thí thanh tịnh.

Nếu người nào bố thí chỉ vì phúc báo, không thích bố thí thường xuyên, thì đời sau được quả báo tốt đẹp, nhưng không thích làm việc bố thí.

Nếu người nào bố thí rồi hối hận, hoặc cướp đoạt tài vật của người để đem bố thí thì đời sau tuy có của cải, nhưng thường bị mất, không cất giữ được.

Nếu người nào bức bách nhiều loạn làm buồn lòng họ hàng để có được tài vật đem bố thí, thì đời sau tuy được quả báo tốt đẹp, nhưng thân thường mang bệnh tật, đau khổ.

[89a] Nếu người nào trước đây không lo phụng dưỡng cha mẹ, náo loạn vợ con, tội tở, gắng gượng mà bố thí, thì đó là người ác, là giả danh bố thí, không đúng nghĩa bố thí. Người bố thí như thế là không có lòng thương

yêu, không biết báo đáp công ơn, thì đời sau tuy có nhiều tiền của, nhưng thường bị mất, không cất giữ được, cũng không thể sử dụng được, thân mang nhiều bệnh tật, đau khổ.

Kinh *Ưu-bà-tắc giới* ghi: “Người không có của cải, tự nói không có của cải, như vậy là không đúng. Vì sao? Vì ai ai cũng có cỏ cây, sông nước. Dù là bậc đế vương nhưng chưa hẳn có thể bỏ thí, tuy là người nghèo cùng nhưng vẫn bỏ thí được. Vì sao? Người nghèo cùng cũng có phần cơm, ăn rồi rửa bát, nếu biết đem nước rửa bát đó thí cho loài cần dùng, thì cũng được phúc đức; hoặc lấy bột cám thí cho loài kiến, cũng được phúc báo vô lượng. Người nghèo khó nhất thiên hạ, cũng có chút bột cám này! Người nghèo cùng cực, ai mà không có quần áo để mặc! Nếu có quần áo, há lại không có một sợi chỉ, một cây kim để cho người băng bó vết thương, hoặc một mảnh vải nhỏ bằng đầu ngón tay để làm tim đèn ư?”.

Này thiện nam tử! Người trong thiên hạ hiện tại đều nghèo cùng thì vẫn có thân này. Nếu đã có thân, khi thấy người làm việc tốt, mình cũng nên đến giúp họ quét dọn, tưới tắm, làm những việc nặng nhọc..., thì cũng được quả báo tốt đẹp. Cho nên, luận *Thành thật* ghi: “Phúc báo quét đất già-lam khắp cõi Diêm-phù, không bằng quét quanh tháp Phật một khoảng chỉ nhỏ bằng một bàn tay”.

Luật *Tứ phần*³⁴² và luận *Di-sa-tắc* ghi: “Thuở xưa, lúc Đức Phật còn tại thế, trong thành Bạt-đề có một cư sĩ nổi danh tên là Mân-trà. Ông có nhiều vàng bạc, của cải, lại có quyền lực lớn, nên mọi người cần gì ông đều cung cấp đầy đủ.

Trong nhà ông có một lỗ hồng to bằng trục bánh xe, lúa gạo tự nhiên tuôn ra không ngớt. Vợ ông lấy tám thăng gạo nấu cơm cho bốn bộ binh và những người từ khắp nơi đến ăn, ăn hoài mà vẫn không hết. Con trai ông lấy nghìn lượng vàng cho bốn bộ binh và người từ bốn phương đến xin, ban phát theo nhu cầu của họ mà vẫn không hết. Người con dâu lấy một thỏi hương thoa, đem cho bốn bộ binh và người từ khắp nơi đến xin, cung cấp đầy đủ theo sự mong cầu của họ mà hương vẫn không hết.

³⁴² Luật Tứ phần (Tứ phần luật 四分律): luật tạng, sáu mươi quyển do ngài Phật-đà-da-xá và Trúc Phật Niệm cùng dịch ở Trường An vào thời Đạo Tần, Trung quốc, khoảng 410-412. Đây là giới luật do Pháp Tạng bộ, thuộc hệ thống Thượng Tọa bộ ở Ấn Độ truyền, được xếp vào Đại chính tạng, tập 22.

Người tứ trai lấy cày ra cày bảy luống mà lúa càng lúc càng nhiều. Người tứ gái lấy tám thặng lúa nấu cho người và ngựa của bốn bộ binh ăn, ăn hoài mà vẫn không hết. Người sang kẻ hèn trong nhà tranh nhau, ai cũng cho đó là phúc lực của mình. Mân-trà đến thưa hỏi Phật:

- Đó là nhờ phúc lực của ai?

Đức Phật bảo:

- Là phúc lực của tất cả những người trong nhà.

Đức Phật lại bảo:

- Thuở xưa, trong thành Vương Xá, có một người thợ dệt. Ông ta có một người vợ, một con trai, một con dâu, một tôi trai và một tứ gái. Một hôm, cả nhà đang dùng cơm, có một vị bích-chi phật đến khát thực. Lúc ấy, ai cũng muốn dâng cúng phần cơm của mình. [89b] Vị bích-chi phật nói: ‘Chỉ cần mỗi vị bớt đi một chút, thì tôi được no mà các vị cũng không thiếu’. Cả nhà cùng nghe theo. Thụ trai xong, vị bích-chi phật biến hiện ra các loại thần biến³⁴³ ở trên hư không rồi ra đi. Nhờ phúc cúng dường này, thời gian sau, cả nhà người thợ dệt mạng chung, đều sinh lên cõi trời Tứ Thiên Vương³⁴⁴ cho đến cõi Tha Hóa Tự Tại³⁴⁵, lên xuống bảy lần, phúc đức còn lại sinh ở cõi này, quả báo như nhau”.

Kinh *Tịnh nghiệp chương* ghi: “Nếu bỏ-tát quán bản xén và bỏ thí chẳng phải hai tướng, trì giới và phá giới, sân nhuế và nhẫn nhục, giải đãi và tinh tiến, tán loạn và thiền định, ngu si và trí tuệ... chẳng phải hai tướng, đây gọi là dứt trừ các nghiệp chương”.

XVIII.1.3. Bồ thí tài vật

Kinh *Đại bảo tích* ghi: “Bồ thí tài vật có năm cách:

1. Bồ thí với lòng thành

³⁴³ Thần biến 神變 (S:vikurvaṇa): thần thông biến hiện. Vì hóa độ chúng sinh nên Phật, bỏ-tát dùng năng lực không thể nghĩ bàn, siêu việt nhân gian biến hiện ra các hình tướng và động tác bên ngoài.

³⁴⁴ Cõi trời Tứ Thiên Vương (Tứ Thiên Vương thiên 四天王天): tầng trời thứ nhất trong sáu tầng trời cõi Dục.

³⁴⁵ Cõi Tha Hóa Tự Tại (Tha Hoá Tự Tại thiên 他化自在天; S: Para-nirmita-vaśa-vartin): tầng trời thứ sáu trong sáu tầng trời cõi Dục.

2. Bồ thí với lòng tin

3. Bồ thí đúng lúc

3. Tự tay bồ thí

4. Bồ thí đúng pháp”.

Luận *Bồ-tát địa trì*³⁴⁶ ghi: “Tất cả tài vật để bồ thí, nói sơ lược có hai loại là nội vật và ngoại vật. Bồ-tát xả thân bồ thí gọi là nội thí. Nếu bồ-tát vì những chúng sinh ăn đồ mưa, ăn rồi mưa ra để bồ thí, gọi là nội ngoại thí. Ngoài hai trường hợp trên gọi là ngoại thí”.

Bồ-tát nội thí có hai cách:

1. Tùy theo sở thích của chúng sinh muốn nương vào năng lực của các ngài để được an ổn, thì bồ-tát xả thân để bồ thí. Thí như có người vì miếng cơm, manh áo mà phải lệ thuộc vào người, làm tôi tớ cho họ. Cũng vậy, bồ-tát không vì lợi dưỡng mà chỉ vì Vô thượng bồ-đề, vì an lạc cho chúng sinh, vì viên mãn bồ thí ba-la-mật mà tùy theo sở thích của chúng sinh muốn nương vào năng lực của các ngài để được an ổn, thì bồ-tát xả thân để bồ thí.

2. Tùy theo nhu cầu của chúng sinh, cần những bộ phận trên thân của các ngài, bồ-tát đều bồ thí tất cả.

Bồ-tát ngoại thí cũng có hai cách:

1. Tùy theo những đồ vật mà chúng sinh mong cầu, thọ dụng, ưa thích, bồ-tát đều vui vẻ bồ thí.

2. Vì phụng sự chúng sinh, bồ-tát sẵn lòng bồ thí tất cả.

Nội vật và ngoại vật mà bồ-tát đem bồ thí tuy có khác nhau, nhưng cách bồ thí thì bình đẳng đối với tất cả chúng sinh. Bồ-tát có lúc bồ thí, có lúc không bồ thí. Nếu làm cho chúng sinh vui mừng mà không an lạc, hoặc không vui mừng và không an lạc, thì bồ-tát không bồ thí. Nếu làm cho

³⁴⁶ Luận Bồ-tát địa trì (Bồ-tát địa trì luận 菩薩地持論): theo Đại chính tân tu đại tạng kinh, đây là kinh Bồ-tát địa trì, không phải luận.

chúng sinh không vui mừng mà an lạc, hoặc vừa an lạc vừa vui mừng, thì bồ-tát bố thí tất cả.

Kinh *Đại tập* ghi: “Bồ-tát có bốn cách bố thí để đầy đủ trí tuệ. Đó là:

1. Dâng cúng pháp sư giấy, bút, mực... để chép kinh, viết sách.
2. Dâng cúng pháp sư tòa ngồi cao đẹp được trang trí bằng các thứ quý báu.
3. Dâng cúng pháp sư các vật cúng dường cần thiết.
4. Khen ngợi pháp sư với tâm thành kính”.

Kinh *Ưu-bà-tắc giới* ghi: “Nếu bố thí y phục, thì được thân hình xinh đẹp. [89c] Nếu bố thí món ăn, thì được sức mạnh vô biên. Nếu bố thí đèn sáng, thì được pháp nhãn³⁴⁷ thanh tịnh. Nếu bố thí xe cộ, thì thân thường an lạc. Nếu bố thí phòng nhà, thì được đầy đủ mọi thứ cần dùng.

Nếu bố thí vật thanh tịnh vi diệu, sau sẽ được thân hình xinh đẹp, ai cũng thích nhìn, tiếng tốt vang xa, những điều mong cầu đều toại nguyện, sinh vào giai cấp cao quý. Đây không gọi là người ác.

Nếu người nào sắm sửa các đồ dùng tốt đẹp để trang nghiêm tự thân, như y phục... sắm xong rất thích mà chưa dùng, lại đem bố thí cho người, thì đời sau sẽ được cây như ý³⁴⁸.

Nếu người nào hàng ngày lập nguyện: trước bố thí thức ăn cho người, sau đó mới ăn. Như trái lời nguyện này tức là trộm vật của Phật³⁴⁹, thì cảm thấy hổ thẹn. Như không trái phạm thì đó là nhân duyên để thành tựu trí tuệ cao siêu. Đây là cách bố thí cao quý nhất trong các cách bố thí. Người này cũng được gọi là thí chủ lớn nhất.

Nếu người nào bố thí y phục, thức ăn... cho vợ con, tôi trai, tớ gái với lòng thương yêu, vui vẻ, thì đời sau được phúc đức vô lượng. Nếu thấy nhiều

³⁴⁷ Pháp nhãn 法眼 (S: dharma-cakṣu): con mắt trí tuệ có thể thấy được thật tướng của tất cả các pháp, có thể thấu suốt rõ ràng lý duyên sinh của các pháp sai biệt.

³⁴⁸ Cây như ý (như ý thụ 如意樹): theo truyền thuyết, cây như ý sinh ra các vật dụng thường dùng như y phục, chăn nệm...

³⁴⁹ Vật của Phật 佛物: những vật giành riêng để cúng dường Phật, như điện đường, hoa thơm, phướn lọng...

chim, chuột cắn phá lúa gạo trong kho hay trên đồng ruộng, thường khởi tâm thương xót, nghĩ rằng: “Nhờ lúa gạo của ta mà chúng được sống”. Do suy nghĩ như vậy, vị ấy vui vẻ, không có ý giết hại chúng. Nên biết, người này được phúc báo vô lượng”.

Kinh *Đại bồ-tát tạng* ghi: “Vi chúng đắc Vô thượng bồ-đề, bồ-tát thực hành bố thí ba-la-mật, nên được mười điều lợi ích đáng khen ngợi. Đó là:

1. Nhờ bố thí năm món dục tịnh diệu³⁵⁰, Đại bồ-tát được đầy đủ tất cả giới, định, tuệ, giải thoát và giải thoát tri kiến thanh tịnh.
2. Nhờ bố thí đồ chơi tốt đẹp, bồ-tát được đầy đủ tất cả pháp lạc du hý thanh tịnh.
3. Nhờ bố thí đầy đủ mọi nhu yếu phẩm, bồ-tát được đầy đủ tất cả pháp nghĩa viên mãn, hướng đến tòa bồ-đề.
4. Nhờ bố thí tay, bồ-tát được đầy đủ tất cả pháp thủ thanh tịnh viên mãn, cứu độ chúng sinh.
5. Nhờ bố thí tai, mũi, bồ-tát được đầy đủ tất cả các căn thành tựu viên mãn.
6. Nhờ bố thí các bộ phận trên thân, bồ-tát được đầy đủ tất cả thân tướng của Phật, uy nghiêm thanh tịnh vô nhiễm.
7. Nhờ bố thí mắt, bồ-tát được đầy đủ tất cả pháp nhãn thanh tịnh vô ngại, thấy suốt tất cả chúng sinh.
8. Nhờ bố thí máu thịt, bồ-tát được đầy đủ tất cả thân mạng bền vững, bảo hộ, nuôi dưỡng thiện căn chân thật cho tất cả chúng sinh.
- [90a]** 9. Nhờ bố thí tủy não, bồ-tát được đầy đủ tất cả thân kim cương viên mãn, không thể phá hoại.

³⁵⁰ Năm món dục tịnh diệu (thượng diệu ngũ dục 上妙五欲): sắc, thanh, hương, vị, xúc. Đây là năm cảnh hữu lậu, tự tính của nó là khổ, nhưng tâm ham muốn của phàm phu cảm nhận là vui, nên gọi là năm món dục tịnh diệu.

10. Nhờ bố thí đầu, bỏ-tát chúng đắc đầy đủ tất cả Nhất thiết trí vô thượng tối thượng viên mãn, vượt ngoài ba cõi³⁵¹.

Này Xá-lợi Tử! Vì chúng đắc Vô thượng bồ-đề, đại bỏ-tát thực hành bố thí như vậy, nên thành tựu thân tướng tương ứng như vậy. Các ngài làm cho Phật pháp viên mãn, lợi ích đáng khen ngợi và công đức tối thượng đều thành tựu trọn vẹn là nhờ bố thí ba-la-mật.

Khi ấy, Phật nói kệ:

Bố thí chẳng cầu tài, sắc đẹp,

Cũng không mong cảm báo trời, người,

Chỉ vì chúng Bồ-đề tối thượng,

Thí tuy ít, phúc lại vô cùng.

XVIII.1.4. Bố thí giáo pháp

Phần này trình bày sự hơn kém tương đối giữa tài thí và pháp thí.

Luận *Đại trí độ* ghi: “Phật dạy:

- Pháp thí là cách bố thí cao nhất trong các cách bố thí. Vì sao? Vì tài thí có thể tính lường, pháp thí không thể tính lường. Tài thí được phúc báo cõi Dục, pháp thí được phúc báo vượt ngoài ba cõi. Tài thí không thể đoạn trừ lậu hoặc, pháp thí dứt sạch lậu hoặc, lên bờ giải thoát. Tài thí chỉ được phúc báo cõi trời, cõi người; pháp thí được phúc báo chung cả ba thừa. Tài thí, kẻ ngu, người trí đều làm được; pháp thí chỉ hạn cuộc nơi người trí. Tài thí, chỉ có người thí được phúc, pháp thí lợi ích cho cả người thí và người nhận. Tài thí, người ngu và súc sinh đều có thể tiếp nhận, pháp thí chỉ hạn cuộc nơi người trí. Tài thí chỉ lợi ích cho xác thân, pháp thí lợi ích cho tinh thần. Tài thí làm cho lòng tham tăng trưởng, pháp thí dứt trừ hết ba độc³⁵²”.

³⁵¹ Ba cõi (tam giới 三界; S:trayo dhātavaḥ): cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc.

³⁵² Ba độc (tam độc 三毒): ba thứ phiền não tham, sân, si.

Cho nên, kinh *Đại tập* ghi: “Dù bố thí thật nhiều của báu cũng không bằng chí tâm đợc tụng, thọ trì một bài kệ. Pháp thí thù thắng nhất, hơn cả món ăn, thức uống”.

Kinh *Vị tăng hữu* ghi: “Trời Đế Thích hỏi đã can³⁵³:

- Bố thí thức ăn và bố thí giáo pháp có công đức thế nào? Xin nói cho tôi biết.

Đã can đáp:

- Bố thí món ăn, thức uống chỉ nuôi sống thân mạng trong một ngày. Bố thí tài vật quý báu thì giúp thoát cảnh nghèo khổ trong một đời, nhưng vẫn tăng thêm trói buộc. Thuyết pháp giáo hóa gọi là pháp thí, có thể khiến chúng sinh vượt khỏi ba cõi”.

Luận *Đại trượng phu* ghi: “Tài thí, tất cả mọi người đều có thể thực hiện; pháp thí, chỉ người có lòng đại bi mới làm đợc. Tài thí trừ đợc nỗi khổ về thân cho chúng sinh, pháp thí trừ đợc bệnh khổ về tâm cho chúng sinh. Đối với người nhiều tham ái, thì ban cho tài vật; người nhiều ngu si thì ban cho giáo pháp. [90b] Người bố thí tài vật đợc tiền tài vô tận, người bố thí giáo pháp đợc trí tuệ vô biên. Người bố thí tài vật, thân đợc an vui, người bố thí giáo pháp, tâm đợc an lạc. Người bố thí tài vật đợc chúng sinh yêu mến, người bố thí giáo pháp đợc chúng sinh kính trọng. Người bố thí tài vật đợc người ngu ưa thích, người bố thí giáo pháp đợc người trí mến mộ. Người bố thí tài vật đem lại niềm vui cho chúng sinh trong đời hiện tại, người bố thí giáo pháp đem lại niềm vui ở cõi trời và niết-bàn. Như bài kệ nói:

Trí Phật giữa hư không,

Mây đại bi giăng kín,

Pháp thí như mưa lành,

Tràn đầy ao ấm³⁵⁴, giới³⁵⁵.

³⁵³ Đã can 野干 (S: śrgāla): loài thú giống chồn, nhưng nhỏ hơn; lông màu vàng pha xanh giống chó, sống thành đàn, ban đêm cất tiếng kêu như sói.

Bốn nhiếp làm phương tiện,

Nhân an lạc giải thoát,

Hành trì bát chính đạo,

Sẽ được quả Niết-bàn.

Kinh *Nguyệt đăng tam-muội* ghi: “Đức Phật dạy:

- Nếu thực hành pháp thí, bỏ-tát sẽ được mười điều lợi ích. Đó là:

1. Dứt trừ các việc ác.
2. Thường làm các điều thiện.
3. An trụ pháp bậc thánh.
4. Thanh tịnh cõi nước Phật.
5. Thành tựu tâm bồ-đề.
6. Xả bỏ điều ham muốn.
7. Chế ngự được phiền não.
8. Ban phúc đức cho các chúng sinh.
9. Thường khởi tâm từ đối với chúng sinh.
10. Thấy đạo, được an vui”.

Luận *Bồ-tát địa trì* ghi: “Nếu bỏ-tát biết người kia tà kiến, muốn tìm khuyết điểm của giáo pháp, thì không nên trao cho pháp ấy, không ban cho kinh sách. Nếu người có tính tham của cải, hay bán kinh sách, cũng không nên trao cho. Nếu người được kinh sách lại đem cất giấu, không xem, cũng

³⁵⁴ Âm 陰 (S: skandha): sự nhóm họp của nhiều sự vật. Tức chỉ pháp hữu vi. Chẳng hạn như các sắc pháp như ngũ căn, ngũ cảnh nhóm họp lại gọi là sắc âm.

³⁵⁵ Giới 界 (S: dhātu): từ ngữ để gọi các phạm trù đã phân loại, nghĩa là có sự sai khác giữa các vật mà không lẫn lộn. Theo tông Duy Thức, chủng tử của tất cả các pháp là giới, có nghĩa là yếu tố, nguyên nhân.

không nên trao cho. Nếu không phải nghĩa lý để người kia cần hiểu, cũng không nên trao cho. Nếu là nghĩa lý để người kia cần hiểu, mà bồ-tát đã tự hiểu, thì tùy theo sở thích của họ mà giảng giải. Nếu họ vẫn chưa hiểu nghĩa lý, thì nên khuyên họ tự tu học. Lại nữa, nếu biết người khác có những kinh sách như thế, bồ-tát nên chỉ cho biết nơi ấy, hoặc biên chép rồi trao cho họ. Bồ-tát nên quán xét tâm mình, nếu phát giác thấy có chút tâm xén pháp, bồ-tát nên lấy kinh trao cho, gọi là bố thí pháp. Bố thí pháp cho người ngu si, cảm ngong... trong hiện đời để trừ phiền não cho họ, ta còn phải nên làm, huống gì làm phương tiện trí tuệ cho đời sau”.

Kinh *Ưu-bà-tắc giới* ghi: “Nhu tì-kheo, tì-kheo ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di nào đầy đủ trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, có khả năng giáo hóa người khác; hoặc đưa giấy mực bảo người biên chép; hoặc tự mình biên chép kinh sách của Phật, rồi bố thí cho người để họ đọc tụng, đây gọi là bố thí pháp. [90c] Người bố thí như vậy, đời sau sinh lên cõi trời, được thân hình xinh đẹp. Vì sao?

Vì chúng sinh nghe pháp, dứt trừ tâm sân; nhờ nhân duyên ấy, nên đời sau được thân hình xinh đẹp. Chúng sinh nghe pháp, tâm từ mở rộng, không giết hại chúng sinh; nhờ nhân duyên ấy, đời sau được thọ mạng lâu dài. Chúng sinh nghe pháp, không trộm tài vật của người; nhờ nhân duyên ấy, đời sau có nhiều vàng bạc, của cải. Chúng sinh nghe pháp, phát tâm hoan hỷ bố thí; nhờ nhân duyên ấy, đời sau, thân được khỏe mạnh. Chúng sinh nghe pháp, không còn buông lung; nhờ nhân duyên ấy, đời sau, thân được an lạc. Chúng sinh nghe pháp, trừ bỏ tâm sân si; nhờ nhân duyên ấy, đời sau được biện tài vô ngại. Chúng sinh nghe pháp, lòng tin kiên cố; nhờ nhân duyên ấy, đời sau được tín tâm vững chắc.

Tương tự, đối với trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ... cũng lại như vậy. Vì thế nên biết, bố thí giáo pháp thù thắng hơn bố thí tài vật”.

Hỏi: Đã biết bố thí giáo pháp thù thắng hơn bố thí tài vật, vậy chúng sinh chỉ học theo bố thí giáo pháp, không chịu thực hành bố thí tài vật, như thế có được không?

Đáp: Vì không hiểu rõ ý nghĩa của việc bố thí tài vật, nên chúng sinh bố thí với tâm si mê, vọng cầu phúc báo tốt đẹp về vật chất của cõi trời người, e rằng sẽ rơi vào ba nơi khổ, không thành tựu đạo giải thoát. Cho nên, Đức

Phật ân cần thuyết pháp để chúng sinh hiểu rõ, thật thể của người bố thí, người nhận thí và vật bố thí đều không mà thực hành bố thí tài vật, ngõ hầu chóng thành tựu quả vị Bồ-đề niết-bàn thù thắng. Các pháp còn lại trong sáu độ muôn hạnh, như trì giới, nhẫn nhục... đều phải nhờ trí tuệ dẫn dắt mà thành tựu viên mãn.

Luận *Đại trí độ* ghi: “Trong sáu độ, năm độ trước giống như người mù, độ trí tuệ thứ sáu ví như người có mắt. Nếu không có trí tuệ dẫn dắt mà hành trì năm độ trước, sẽ bị rơi vào những nơi thống khổ, không giải thoát được. Nếu nghe nói bố thí giáo pháp thù thắng hơn bố thí tài vật, người ngu không hiểu liền bo bo giữ của, chỉ thích đọc tụng kinh điển. Nếu thực hành như vậy thì không bằng người hiểu biết chỉ bố thí một đồng, vẫn thù thắng hơn người mê muội đọc tụng kinh điển cả trăm nghìn vạn quyển.

Vì thế, Đức Như Lai thuyết pháp cốt cho chúng sinh hiểu và hành. Nếu chỉ hiểu mà không hành thì đó là hiểu suông, vô ích. Nếu chỉ hành mà không hiểu thì đó là việc làm thấp kém, vô vị. Cho nên, cần phải đầy đủ hiểu và hành thì mới đạt đến bờ giải thoát. Nếu chỉ hiểu mà không hành, giống như người có mắt mà không chân thì không thể đi xa. Nếu chỉ hành mà không hiểu, khác nào người có chân mà không mắt thì không thể thấy đường. Lại nữa, nếu chỉ hiểu mà không hành, thí như hoa đóm trong hư không chẳng thể kết trái. Nếu chỉ hành mà không hiểu, tựa như quả không sinh ra từ hoa. Thế nên, hiểu và hành cần phải đi đôi thì mới thành tựu quả Phật”.

XVIII.1.5. Lượng định để bố thí

Nói về người thực hành bố thí, thì có người trí, kẻ ngu. [91a] Khi người trí thực hành bố thí, nên quán xét người nhận thí, nếu có ích thì bố thí, không có ích thì không bố thí.

Cho nên, kinh *Ưu-bà-tắc giới* ghi: “Nếu gặp người nghèo khổ, trước nên hỏi: ‘Ông có thể quy y tam bảo³⁵⁶, thụ trì trai giới³⁵⁷ không?’. Nếu họ nói ‘được’, thì trước nên truyền pháp tam quy và trai giới, sau mới bố thí tài

³⁵⁶ Quy y tam bảo 歸依三寶: quay về nương tựa ba ngôi báu Phật, Pháp, Tăng.

³⁵⁷ Trai giới 齋戒 (Cg: bát quan trai giới; S: Aṣṭāṅga-samanvāgatōpavasa): tám pháp trai giới, học xứ cho hàng đệ tử tại gia tập sự để xuất gia do Đức Phật chế định. Người thụ phải tạm rời gia đình một ngày một đêm đến ở trong tăng đoàn để học tập cách sinh hoạt của người xuất gia. Giới đó là không sát sinh, không trộm cắp, không dâm dục, không vọng ngữ, không uống rượu, không dùng hương hoa trang sức nơi thân hay xem nghe ca múa, không ngồi nằm giường rộng cao đẹp, không ăn phi thời. Trong tám giới thì bảy phần trước là giới, một phần sau không ăn phi thời là trai, hợp lại gọi là bát quan trai giới.

vật cho họ. Nếu họ nói ‘không được’, thì lại hỏi: ‘Ông có thể nói tất cả pháp là vô thường, vô ngã, niết-bàn tịch diệt theo tôi, được không?’; nếu họ nói ‘được’, thì chỉ dạy cho họ, rồi sau mới bố thí tài vật. Nếu mình không có của cải, thì khuyến khích người có của cải nên bố thí cho họ.

Như người ngu tham tiếc của cải, không biết vô thường, người và vật vốn thuộc về người khác mà lại tham tiếc, bòn xén. Bồ-tát thấy tài vật này không có ích lợi, lại có thể đưa đến việc phế bỏ đạo nghiệp nên bảo họ hãy mau xả thí”.

Luận *Trang nghiêm* ghi: “Nếu những thứ làm cho mình phiền não thì không nên cất chứa cần phải xa lìa, dù làm cho mình giàu sang. Như ong hút mật thì người khác được lợi mà bản thân nó chẳng được gì cả. Tài vật cũng như vậy.

Lại nữa, của cải để bố thí có vật đúng pháp, có vật phi pháp. Của cải phi pháp, dù bố thí chỉ được phúc rất ít, còn bố thí của cải đúng pháp được phúc rất nhiều”.

Kinh *Đại bảo tích* ghi: “Có năm thứ tài vật không nên bố thí:

1. Không nên bố thí tài vật có được một cách bất chính, vì đó là vật không thanh tịnh
2. Không nên bố thí rượu và thuốc độc, vì đó là vật làm loạn tâm chúng sinh
3. Không nên bố thí nôm bầy, lưới chài, vì đó là vật làm chúng sinh đau khổ
4. Không nên bố thí dao gậy, cung tên, vì đó là vật làm tổn hại chúng sinh
5. Không nên bố thí âm nhạc, nữ sắc, vì đó là thứ làm phá hoại tâm thanh tịnh của chúng sinh”.

Kinh *Địa trì* ghi: “Bồ-tát không nên bố thí đồ ăn, thức uống phi pháp. Chẳng hạn như đồ ăn, thức uống cách đêm của người xuất gia, thức ăn bị dính phân tiểu, đờm dãi, máu mủ, cơm và gạo không rõ xuất xứ. Các món ăn không đúng pháp, nên bỏ đi là những thức ăn có lẫn hành hẹ tanh hôi,

thức ăn có thịt, thức uống có lẫn rượu cay nồng... Những thứ không đúng pháp này không nên bố thí cho người và súc vật”.

Luận *Đại trí độ* ghi: “Nếu người dùng đủ mọi cách đánh đập, tra khảo, bắt trói để có được tài vật đem bố thí, thì đời sau sinh vào loài voi, ngựa, trâu. Tuy thụ thân súc sinh, thường mang vác nặng, hay bị đánh đập, cột trói, chở cưỡi, nhưng chúng có chỗ ở tốt, được ăn thức ngon, được người thương yêu, chăm sóc.

Người ác, lòng đầy sân hận, gian dối, bất chính mà thực hành bố thí, đời sau sẽ bị đọa vào loài rồng ở trong cung điện bằng bảy báu, được ăn thức ngon, thân hình đẹp đẽ.

Người kiêu căng, ngã mạn, bố thí với tâm sân hận, đời sau sẽ bị đọa làm kim sí điều³⁵⁸, thường được tùy ý, có chuỗi bằng bảo châu như ý, mọi thứ cần dùng đều đầy đủ, [91b]biến hóa khôn lường, việc gì cũng thành tựu.

Như quan tể tướng bóc lột của người dân không đúng phép nước, rồi lấy của cải đó đem bố thí, đời sau sẽ bị đọa làm quỷ Cưu-bàn-đồ³⁵⁹, có thể biến năm trăm thành đủ mọi thứ để tự vui.

Người nhiều sân hận, bạo ngược, thích ăn thịt, uống rượu mà thực hành bố thí, đời sau sẽ bị đọa làm quỷ Địa hành dạ-xoa³⁶⁰, thường được hưởng mọi sự vui sướng, âm nhạc và các thức ăn uống.

Người ngang tàng, hống hách mà bố thí ngựa, xe cho người đi bộ, đời sau sẽ bị đọa làm Hư không dạ-xoa³⁶¹, có sức mạnh và đi nhanh như gió.

Lại như người có tâm đố kỵ, hay gây gổ mà biết bố thí phòng nhà, giường chiếu, y phục tốt đẹp, thức ăn uống ngon, thì đời sau sẽ sinh làm Phi hành

³⁵⁸ Kim sí điều 金翅鳥 (S: garuḍa): một loại chim giống như chim diều hâu trong thần thoại Ấn Độ. Đây là loại chim được thần thoại hóa, thân to lớn và hung dữ, là loài chim trời.

³⁵⁹ Cưu-bàn-đồ 鳩槃荼 (S: Kumbhāṇḍa): loại quỷ ăn tinh khí của người, đi nhanh như gió, biến hóa khôn cùng, ở trong chốn rừng hoang đồng vắng, cai quản các loại quỷ.

³⁶⁰ Địa hành dạ-xoa 地行夜叉: loài dạ-xoa sống trên mặt đất.

³⁶¹ Hư không dạ-xoa 虛空夜叉: loài dạ-xoa sống trong hư không.

dạ-xoa³⁶² ở trong cung điện lầu gác, nơi ăn ở đầy đủ tiện nghi và được hưởng mọi sự vui sướng.

Nếu người làm kẻ khác buồn khổ, ép bức họ để lấy đồ vật, rồi đem tạo phúc, thì phải chuốc lấy tội lỗi; chi bằng giữ tâm thanh tịnh, tu sửa tâm tính, thì càng được lợi ích hơn”.

Luận *Địa trì* ghi: “Nếu bỏ-tát bố thí mà làm người khác đau khổ, hoặc bị họ bức ép, hoặc bị họ khinh thường, hoặc cầu xin một cách phi pháp, thì cả người cho và người nhận đều không được lợi ích. Bỏ-tát vì chúng sinh, thà xả bỏ thân mạng, chứ không bố thí theo lòng ham muốn của chúng sinh, dẫn đến bị bức bách, vẫn không bố thí, vì đó chẳng phải là lúc bỏ-tát thực hành bố thí thanh tịnh.

Ngoại vật mà bỏ-tát không nên bố thí là nếu có người đến xin những thứ phi pháp, như thuốc độc, lửa, dao, rượu, hoặc nhờ làm mai mối, trò vui v.v..., bỏ-tát không nên bố thí. Nếu bỏ-tát bố thí những thứ ấy thì khiến họ gây nhiều tội lỗi, sẽ bị đọa vào nơi thống khổ, không thể giải thoát. Nếu có người đến xin các bộ phận trên cơ thể của bỏ-tát thì nên cho ngay, không cần suy xét để họ không nản lòng”.

Kinh *Ưu-bà-tắc* ghi: “Nếu người nào nảo loạn họ hàng để có được tài vật đem bố thí, thì đời sau tuy được quả báo tốt đẹp, nhưng thân thường mang bệnh tật, đau khổ. Nếu người nào trước đây không lo phụng dưỡng cha mẹ, nảo loạn vợ con, tội tở, đau khổ mà bố thí, thì đó là người ác, là giả danh bố thí, không đúng nghĩa bố thí. Người bố thí như thế là không có lòng thương yêu, không biết báo đáp công ơn, đời sau tuy có nhiều tiền của, nhưng thường bị mất, không cất giữ được, cũng không thể sử dụng, thân mang nhiều bệnh tật, đau khổ”.

Đoạn này minh chứng cho việc cưỡng đoạt tài vật của người để tạo phúc, phải chuốc lấy quả báo khổ đau, đâu có ích gì.

Thời nay mặt pháp, đạo tục suy đồi, tranh nhau giảng giải trai giới, cưỡng bức người để có tiền của đem dựng chùa, xây tháp. Như thế chẳng đúng

³⁶² Cung quán phi hành dạ-xoa 宮觀飛行夜叉 (Cg: cung điện phi hành dạ-xoa): loài dạ-xoa biết bay sống trong cung điện.

với kinh điên, trái lại phải chuốc lấy tội báo; chỉ bằng tĩnh tọa, tu sửa tâm tính, thực hành pháp trung thẳng³⁶³ xa lìa tham ái để không phạm lỗi này.

[91c] Nếu người thuyết pháp với tâm thanh tịnh, người nghe lại hết lòng cầu pháp, xả vật cúng dường, thì nên thuyết pháp cho họ để họ thành tựu phúc đức và trí tuệ. Không được thấy sự phán định ở trên mà hồ đồ bác bỏ tất cả, sinh lòng chê bai, ngăn cản việc tạo phúc.

Nhiếp luận thích của ngài Vô Tính³⁶⁴ ghi: “Nếu thấy người kia coi trọng tiền tài, địa vị, bỏ-tát không nên bố thí, đừng để cho sự bố thí trở nên vô ích, không có phúc báo. Giả sử có bố thí, người kia cũng không nhận. Vậy bố thí làm gì? Như bài tụng nói:

Như mẹ cho con bú,

Suốt tháng không mỗi mệt,

Nếu con không bú được,

Mẹ biết làm sao đây?

Thà nghèo tiền của và địa vị,

Xa lìa đường ác, việc chẳng lành,

Chớ để giàu sang nhiều loạn tâm,

Đời sau cảm báo nhiều thống khổ”.

Kinh *Tăng nhất a-hàm* ghi: “Bấy giờ, Đức Phật bảo các tì-kheo:

- Có năm trường hợp gọi là bố thí đúng lúc và có lợi ích. Đó là:

1. Bố thí cho người từ xa đến.

2. Bố thí cho người đi xa.

³⁶³ Trung thẳng 中勝: thẳng xú bậc trung, một trong ba pháp thiên xuất thế gian giúp xa lìa tất cả nhân trực tiếp hoặc duyên gián tiếp đưa đến tham ái trong ba cõi.

³⁶⁴ Vô Tính 無性: tên khác của ngài Vô Trước.

3. Bồ thí cho người bệnh.

4. Bồ thí lúc ngặt nghèo.

5. Khi vừa thu hoạch hoa trái như lúa mì, lúa tẻ v.v..., trước nên bồ thí cho người tinh tiến trì giới, sau đó mới ăn.

Cho nên, đối với năm trường hợp này, nên nhớ tùy thời mà bồ thí. Nếu người bồ thí thanh tịnh và đúng thời sẽ được quả báo đúng thời, nghĩa là lúc nào nên bồ thí thì thanh tịnh mà bồ thí. Nếu trời lạnh thì bồ thí nhà ấm, chăn lông, củi lửa, cơm nóng v.v... Nếu trời nóng thì bồ thí các thứ: nhà mát, áo mỏng, nước, quạt v.v... Khi khát thì giúp nước uống, khi đói thì dâng cơm ăn, khi mưa gió thì đưa đón, lúc đẹp trời thì thỉnh chuông tụng... Như vậy, tùy thời mà đáp ứng theo nhu cầu để họ được an vui thì đời sau được phúc và cảm quả báo tốt đẹp”.

XVIII.1.6. Phúc điền

Kinh *Ưu-bà-tắc giới* ghi: “Nếu bồ thí cho súc vật, được phúc báo trăm lần. Bồ thí cho người phá giới, được phúc báo nghìn lần. Bồ thí cho người trì giới, được phúc báo trăm nghìn lần. Bồ thí cho ngoại đạo ly dục, được phúc báo trăm vạn lần. Bồ thí cho người hướng tâm về Phật đạo, được phúc báo nghìn ức lần. Cúng dường cho vị tu-đà-hoàn, được phúc báo vô lượng. Cúng dường cho vị tu-đà-hàm cũng được phúc báo vô lượng, cho đến cúng dường vị đã thành Phật, cũng được phúc báo vô lượng.

Nay Ta phân biệt các loại phúc điền³⁶⁵ cho các ông rõ.

Nếu người hết lòng thương xót bồ thí cho súc vật, thì phúc báo này ngang bằng với phúc báo của người chí thành cung kính cúng dường chư Phật.

Nói ‘được phúc báo trăm lần’ nghĩa là người bồ thí cho súc vật, đời sau được sống lâu, sắc đẹp, mạnh khỏe, an lạc, biện tài gấp trăm lần. Tùy theo từng đối tượng bồ thí mà được phúc báo tăng tiến lên đến vô lượng.

³⁶⁵ Phúc điền 福田(S: puṇya-Kṣetra): mảnh ruộng có khả năng sinh trưởng phúc đức, vì kính thờ Phật, chư tăng, cha mẹ hoặc thương xót người nghèo khổ thì được phúc đức, giống như người nông phu gieo cấy trên ruộng thì có thu hoạch.

[92a] Như Ta đã nói trong khế kinh: ‘Ta bố thí cho Xá-lợi-phất, Xá-lợi-phất cũng cúng dường cho Ta, nhưng Ta được phúc báo nhiều, chứ không phải Xá-lợi-phất được phúc báo nhiều’.

Có người nói: ‘Người nhận vật bố thí mà làm ác, thì tội cũng ảnh hưởng đến thí chủ’. Nghĩa này không đúng. Vì sao? Khi thí chủ bố thí là vì dứt trừ cái khổ cho người kia, chứ chẳng phải làm cho họ tạo tội. Do đó, thí chủ sẽ được quả báo tốt đẹp, còn người nhận tạo ác thì tự chuốc lấy tội báo, không liên quan gì đến thí chủ.

Hỏi: Nếu cúng dường cho bậc thánh, được phúc rất nhiều. Vì sao kinh nói: ‘Người trí thực hành bố thí không chọn lựa phúc điền’?

Đáp: Nay giải thích ý nghĩa này có nhiều cách, để nói người bố thí có phân biệt người trí và kẻ ngu; đối tượng được bố thí có phân biệt bi điền³⁶⁶ và kính điền³⁶⁷.

Bi là bố thí cho người nghèo khổ. Kính là cúng dường tam bảo. Bi thì ruộng phúc kém mà tâm lớn. Kính là ruộng phúc lớn mà tâm nhỏ. Nếu dùng tâm lớn mà cúng dường Phật, thì phúc báo không bằng bố thí cho người nghèo khổ”.

Cho nên, kinh *Tượng pháp quyết nghi* ghi: “Có các chúng sinh thấy người khác gom góp tiền của để tạo phúc, chỉ vì cầu danh, nên họ cũng dốc hết của cải trong nhà để đem bố thí, nhưng khi thấy người nghèo cùng, cô độc đến xin, thì lại mắng chửi, xua đuổi, không cho một đồng. Người như vậy gọi là làm thiện một cách điên đảo. Tạo phúc ngu si, điên đảo như thế gọi là tạo phúc không chân chính. Những hạng người này thật đáng thương xót! Họ bố thí của cải rất nhiều, nhưng được phúc rất ít.

Này thiện nam tử! Có lần, Ta bảo đại chúng:

- Nếu người cúng dường mười phương chư Phật, các vị bồ-tát và chúng thanh văn trong a-tăng-kì³⁶⁸ kiếp cũng không bằng người thí cho súc vật một vốc cơm, ngụm nước. Phúc báo này hơn phúc báo cúng dường kia gấp

³⁶⁶ Bi điền 悲田: ruộng phúc do bố thí cho người nghèo khổ, tật bệnh với tâm từ bi.

³⁶⁷ Kính điền 敬田: ruộng phúc nhờ cúng dường tam bảo với tâm cung kính.

³⁶⁸ A-tăng-kì 阿僧祇 (S: Asamkha): một đơn vị số lượng của Ấn Độ, là số cực lớn không thể tính đếm được.

trăm trăm nghìn vạn ức, vô lượng vô biên. Ngay cả thí cho các loài chó đói, trùng kiến v.v... cũng được phúc báo như vậy. Cho nên, bi điền là tối thắng”.

Luận *Đại trí độ* ghi: “Nhu Xá-lợi-phất dâng cúng Phật một bát cơm, Phật liền quay sang cho chó ăn, rồi hỏi Xá-lợi-phất:

- Ai được phúc nhiều hơn?

Xá-lợi-phất thưa:

- Theo như con hiểu về ý nghĩa Phật pháp, thì Phật cho chó ăn được phúc nhiều hơn”.

Nếu căn cứ vào ý nghĩa kính pháp trọng người và giai vị tu hành, thì kính điền là thù thắng. Cho nên, kinh *Ưu-bà-tắc giới* ghi: “Nếu bố thí cho súc vật được phúc báo trăm lần, cho đến cúng dường vị tu-đà-hoàn được phúc báo vô lượng. Cúng dường vị a-la-hán, bích-chi vẫn không bằng cúng dường Phật, huống gì là các loài khác”.

Nếu căn cứ vào tâm bình đẳng mà thực hành bố thí, thì không luận là bi hay kính, hễ bố thí với tâm bình đẳng thì được phúc rất lớn. Cho nên, kinh *Duy-ma* ghi: “Phân làm hai phần, một phần dâng cúng Đức Phật Nan Thắng Như Lai, một phần đem cho người ăn xin thấp hèn nhất trong thành. Hai phúc điền này bằng nhau”.

[92b] Kinh *Hiền ngu* ghi: “Sau khi Đức Thế Tôn xuất gia, di mẫu của Ngài là Ma-ha Ba-xà-ba-đề đã tự tay dệt lụa, may thành một tấm y màu vàng. Lòng bà luôn trông ngóng, chỉ chờ Phật về để dâng cúng. Thế nên, vừa gặp Phật, di mẫu vô cùng vui mừng, liền đem tấm y dâng cúng.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Kiều-đàm-di:

- Di mẫu nên đem tấm y này đến cúng dường chúng tăng!

Ba-đề lại bạch Phật:

- Từ khi Đức Thế Tôn xuất gia, di mẫu thương nhớ ngày đêm, nên tự tay dệt lụa mà lòng mong mỗi đợi chờ. Cúi mong Đức Thế Tôn thương xót mà nhận tấm y này!

Phật bảo di mẫu:

- Biết di mẫu một lòng muốn dâng cúng Như Lai, nhưng cúng dường với tâm thương yêu thì phúc báo không lớn, nếu đem cúng dường chúng tăng thì được phúc nhiều hơn. Như Lai biết rõ điều này, nên khuyên di mẫu như thế”.

Kinh *Cư sĩ thỉnh tăng phúc điền* ghi: “Thỉnh riêng năm trăm vị a-la-hán không bằng theo thứ tự thỉnh cúng một phàm phu tăng. Trong giáo pháp của Ta, không có phép nhận thỉnh riêng. Nếu người nào thỉnh tăng riêng thì chẳng phải đệ tử của Ta, vì đó là pháp của lục sư ngoại đạo, là điều bậy Đức Phật quá khứ³⁶⁹ đều không chấp nhận.

Nên biết, bố thí có ba cách, không thể nói đều giống nhau”.

XVIII.1.7. Đối đãi

Có năm trường hợp đối đãi:

1. Ruộng phúc với tài vật, có bốn trường hợp:

a. Ruộng phúc lớn, tài vật ít: như đồng tử dâng cúng cát cho Phật v.v...

b. Tài vật nhiều, ruộng phúc kém: như đem vật báu bố thí cho người nghèo v.v...

c. Ruộng phúc và tài vật đều lớn: như đem vật báu cúng dường Phật v.v...

d. Ruộng phúc và tài vật đều kém: như đem cỏ thí cho súc vật v.v...

2. Nặng với nhẹ, có bốn trường hợp:

³⁶⁹ Bảy Đức Phật quá khứ (quá khứ thất Phật 過去七佛): bảy Đức Phật thời quá khứ. Tức Đức Phật Thích-ca và sáu Đức Phật xuất hiện trước Ngài. Đó là Đức Phật Tì-bà-thi, Đức Phật Thi-khí, Đức Phật Tì-xá-phù, Đức Phật Câu-lưu-tôn, Đức Phật Ca-diếp.

a. Tâm lượng lớn, tài vật ít: như cô gái nghèo cúng dường một mảnh vải cho đại chúng mà được phúc rất lớn.

b. Tài vật nhiều, tâm lượng hẹp: như phu nhân nhà vua cúng dường chúng tăng vật báu với lòng đầy kiêu mạn, nên được phúc rất ít.

Hai trường hợp sau có thể biết được.

3. Không với hữu.

a. Tâm không, cảnh chẳng không: như người tuy học pháp quán ‘không’, nhưng lại tham tiếc tài vật, không chịu bố thí, thì trái lại phải chịu quả báo nghèo thiếu.

b. Cảnh không, tâm chẳng không: như người biết bố thí tài vật sẽ được giàu có nên rất thích bố thí, vì thế phúc báo càng nhiều.

Hai trường hợp sau có thể biết được.

4. Nhiều với ít

Kinh *Pháp cú* ghi: “Bố thí có bốn trường hợp. Đó là:

a. Bố thí nhiều, được phúc ít: như người ngu si bày việc cúng tế, uống rượu, ca múa v.v... làm hao tổn tiền của mà không có phúc đức, trí tuệ. Đây là bố thí nhiều, nhưng được phúc ít.

b. Bố thí ít, được phúc nhiều: như người cúng dường chúng tăng với tâm từ, chúng tăng ăn rồi, tinh tiến tu học. Đây là bố thí tuy ít, nhưng phúc báo rất nhiều.

[92c]c. Bố thí ít, được phúc ít: như bố thí cho hai hạng người ngu si là kẻ tham san, ác ý và ngoại đạo tà kiến. Đây là bố thí ít, được phúc cũng ít.

d. Bố thí nhiều, được phúc cũng nhiều: như có bậc hiền thánh rõ cuộc đời là vô thường, nên thích xuất tiền của để xây tháp, cất chùa, tinh xá, vườn cây;

cúng dường Tam bảo những thứ cần thiết như: y phục, chăn nệm, giày dép, giường chiếu, thức ăn uống... Phúc báo cúng dường này như năm dòng sông lớn chảy vào biển cả. Phúc chảy mãi như thế, đời đời không dứt. Đây là bố thí nhiều, phúc báo cũng nhiều”.

5. Nhiễm ô với thanh tịnh

Luận *Đại trí độ* ghi: “Trong giáo pháp của Phật, có bốn trường hợp bố thí:

- a. Người bố thí thanh tịnh, người nhận không thanh tịnh.
- b. Người bố thí không thanh tịnh, người nhận thanh tịnh.
- c. Người bố thí và người nhận đều thanh tịnh.
- d. Người bố thí và người nhận đều không thanh tịnh.

Ở đây chỉ giải thích một trường hợp, các trường hợp còn lại có thể hiểu được.

Thế nào là cả hai đều thanh tịnh? Như Phật cúng dường Phật, đây là cả hai đều thanh tịnh. Lại như đem hoa có được do năng lực công đức của Phật Bảo Tích ở phương đông gửi cho thập trụ pháp thân Phổ Minh bồ-tát³⁷⁰ để rải cúng dường Đức Phật Thích-ca Mâu-ni. Nên biết, chư Phật trong mười phương là phúc điền lớn nhất. Đây là cả hai đều thanh tịnh”.

Kinh *Ưu-bà-tắc giới* ghi: “Đức Phật dạy:

- Nếu người có của cải thấy kẻ đến xin, liền từ chối, nói là ‘không có’, nên biết người này đã gieo nhân nghèo cùng, đức mỏng cho đời sau. Người như thế gọi là buông lung, tự nói không có của cải là không đúng. Vì sao? Vì ai ai cũng có cỏ cây, sông nước. Dù là bậc đế vương, nhưng chưa hẳn có thể bố thí, tuy là người nghèo cùng nhưng vẫn bố thí được. Vì sao? Người nghèo cùng cũng có phần cơm, ăn rồi rửa bát, nếu biết đem nước rửa bát đó thí cho loài cần dùng, thì cũng được phúc đức; hoặc lấy bột cám thí cho loài kiến, cũng được phúc báo vô lượng. Người nghèo khó nhất thiên hạ, ai mà không có chút bột cám này! Ai mà một ngày không ăn ba

³⁷⁰ Thập trụ pháp thân Phổ Minh bồ-tát 十住法身普明菩薩: bồ-tát Phổ Minh thành tựu pháp thân ở giai vị Thập trụ.

vắt com để duy trì mạng sống! Do vậy, mọi người nên đem nửa phần com của mình bố thí cho người xin.

Này thiện nam tử! Dù là người nghèo cùng cực, ai có thân này mà không có quần áo để mặc? Nếu có quần áo, há lại không có một sợi chỉ để cho người băng bó vết thương, hay một mảnh vải nhỏ bằng đầu ngón tay để làm tim đèn ư?

Người trong thiên hạ hiện tại đều nghèo cùng thì vẫn có thân này. Nếu đã có thân, khi thấy người làm việc tốt, mình cũng nên đến giúp đỡ, vui vẻ, không mỏi mệt. Đây cũng gọi là bố thí sinh mạng, cũng được phúc đức, có khi được phúc một phần, có khi bằng họ, có lúc nhiều hơn. [93a] Vì vậy, khi nhận thức ăn của vua Ba-tư-nặc, Ta cũng chú nguyện. Như thế, vua và người nghèo đều được phúc đức bằng nhau không khác.

Như có bốn loại hương: hương thoa, hương bột, hương rải, hương đốt, nếu có người chạm đến, hoặc người mua, hoặc người bán v.v... đều được ngửi mùi hương như nhau mà các mùi hương ấy không hề hao tổn mảy may. Pháp tu bố thí cũng như vậy, hoặc nhiều, hoặc ít, hoặc thô, hoặc tế, hoặc đến giúp đỡ với tâm tùy hỷ, hoặc thấy nghe từ xa mà tâm sinh vui vẻ. Do những tâm ấy như nhau nên được quả báo không có sai khác.

Nếu người không có tài vật thấy người khác bố thí mà không tin, không tùy hỷ, lại nghi ngờ về ruộng phúc, đây gọi là nghèo cùng. Nếu người có nhiều của cải, tự do sử dụng, lại có phúc điền tốt lành, nhưng tự thân không có lòng tin, không biết bố thí cúng dường, thì cũng gọi là nghèo cùng. Do đó, người trí tuệ quán xét, giả như ăn thêm một vắt com thì sống, bớt cho người thì chết, vẫn nên đem bố thí, huống gì là có nhiều!

Người trí tuệ lại quán xét, thế gian này hoặc có người trì giới, đa văn, cho đến đắc quả A-la-hán, nhưng vẫn không thoát khỏi nỗi khổ đói, khát v.v...; hoặc có người không dễ gì có được phòng nhà, y phục, đồ ăn, thức uống, giường chiếu, thuốc thang... đều là do đời trước không gieo nhân bố thí.

Người phá giới nếu thích bố thí, thì tuy đọa vào loài ngựa quý, súc sinh, nhưng thường được no đủ, không hề thiếu thốn.

Người tuy giàu sang, hưởng sự vui sướng tốt bậc của cõi trời người, nhưng vẫn không biết đủ. Cho nên, Ta vì sự an lạc vô thượng mà thực hành bố thí, chứ không vì sự vui sướng của cõi trời người. Vì sao? Vì sự vui sướng ấy là vô thường và có giới hạn.

Nếu người bố thí vui vẻ, không hối tiếc, gần gũi người tốt, thì sau sẽ được sinh vào gia đình quý tộc, giàu sang tự tại, hưởng sự vui sướng của cõi trời người, cho đến đắc quả Vô thượng bồ-đề, xa lìa tất cả phiền não trói buộc.

Nếu thí chủ tự tay bố thí, thì sau sẽ sinh vào gia đình thượng lưu, gặp thiện tri thức, có nhiều của cải, quyến thuộc đầy đủ, có thể thụ dụng, có thể bố thí. Tất cả chúng sinh ưa thích nhìn họ, khi gặp thì cung kính, tôn trọng, ngợi khen”.

Luận Đại trượng phu ghi: “Nếu người bỏn xẻn, thì dù là bùn đất nhưng xem trọng hơn vàng ngọc. Nếu người có tâm bi lớn, tuy bố thí vàng ngọc, nhưng xem nhẹ hơn cỏ cây. Nếu người lòng nhiều bỏn xẻn, khi bị mất tiền của thì vô cùng buồn khổ.

Người bố thí khiến người nhận vui vẻ, nên họ cũng vui theo. Giả sử có thức ăn ngon, nếu không bố thí mà ăn một mình, thì không cảm thấy ngon. [93b] Còn như có thức ăn dở, trước đem bố thí, sau đó mới ăn, trong lòng vui vẻ, nên cảm thấy ngon vô cùng. Sau khi bố thí, vị ấy dùng những thức còn lại, tâm luôn vui vẻ như đắc Niết-bàn. Người không có lòng tin đâu thể tin được lời này.

Hoặc người có thức ăn dở, thấy kẻ đói đứng trước mặt, còn không thí cho, huống gì những thứ ngon. Hoặc có người đang ở bên sông lớn, còn không lấy chút nước thí cho chúng sinh, huống gì những vật tốt khác. Trên thế gian này, đất bần dễ được hơn nước, vậy mà người tham lam, bỏn xẻn nghe người đến xin đất bần vẫn cảm thấy tiếc, huống gì là tiền của.

Như có hai người: một thì rất giàu, một lại rất nghèo. Có người xin đến, cả hai đều cảm thấy buồn khổ. Người có tiền của thì sợ người kia đến xin. Người không có của cải, thì nghĩ: ‘Mình phải làm sao có chút vật gì để bố thí cho họ’. Hai người này tuy đều buồn khổ như nhau, nhưng quả báo sai khác. Người nghèo nhờ tâm thương xót, nên sinh vào cõi trời người, hưởng

sự vui sướng vô lượng. Người giàu vì tham lam, bòn xén, nên sinh vào loài ngựa quý, chịu khổ vô cùng.

Bồ-tát chỉ có lòng thương xót đã là đầy đủ, huống gì là bố thí chút ít tài vật. Với tâm bi, bồ-tát muốn bố thí nhưng không có tài vật. Khi thấy người xin, bồ-tát không nỡ nói ‘không có’, đành buồn khổ rơi lệ. Giả như nghe họ than khổ, bồ-tát còn không chịu nổi, huống gì tận mắt nhìn thấy họ khổ đau mà không cứu giúp, là điều không thể có được.

Người có tâm bi thấy chúng sinh nghèo khổ mà không có của cải để bố thí thì buồn khổ, đau xót vô cùng. Bồ-tát cứu giúp chúng sinh, thấy chúng sinh chịu khổ, phải ngậm ngùi rơi lệ. Vì rơi lệ, nên biết tâm bồ-tát rất đau buồn.

Có ba trường hợp làm bồ-tát rơi lệ :

1. Thấy người tạo công đức, bồ-tát kính mến mà rơi lệ.
2. Thấy chúng sinh đau khổ, không có công đức, bồ-tát thương xót họ mà rơi lệ.
3. Khi thực hành bố thí rộng lớn, vì quá xúc động nên bồ-tát rơi lệ.

Nếu tính nước mắt mà bồ-tát đã rơi từ trước đến nay còn nhiều hơn nước bốn biển lớn. Nước mắt mà chúng sinh khắp thế gian này buồn khóc vì xa lìa người thân vẫn không bằng nước mắt của bồ-tát.

Khi thấy chúng sinh nghèo khổ mà bồ-tát không có của cải để bố thí thì ngậm ngùi rơi lệ. Nghe tiếng của người xin, bồ-tát cũng rơi lệ. Người xin thấy bồ-tát lệ rơi, tuy bồ-tát không nói là ‘cho’, nhưng nên biết chắc chắn sẽ ‘được’.

Khi thấy người xin đến, bồ-tát vô cùng buồn khổ. Khi người xin có được tài vật, tâm sinh vui mừng, thì bồ-tát mới hết buồn khổ. Khi nghe tiếng than của người xin, bồ-tát ngậm ngùi rơi lệ, không kèm chế được. Đến khi người xin nói ‘đủ rồi’, bồ-tát mới cảm được nước mắt.

Sau khi thực hành bố thí, chúng sinh đã đầy đủ, bồ-tát bèn vào núi rừng tu tập thiền định, diệt trừ ba độc. [93c] Lúc này, tài vật nhiều gấp bội, nhưng

không có người xin để bố thí. Bấy giờ, bồ-tát nghĩ: ‘Ta nay xuất gia, đoạn trừ các kết sử’”.

XVIII.2. Trì giới

XVIII.2.1. Lời dẫn

Trộm nghe, giới là thầy của loài người, đạo tục đều nên vâng giữ. Tâm là chủ của hành động, phạm thánh đều phải điều phục. Thật do tam bảo gia hộ mà bốn loài³⁷¹ đều được thấm nhuần. Cho nên, kinh chép: “Chính pháp trụ hay chính pháp diệt” ý tại chỗ này.

Vì thế, lấy việc trì giới làm công đức đã được hiển bày rõ ràng trong Đại kinh³⁷², tính thiện đáng tôn sùng đã được trình bày đầy đủ trong Đại luận³⁷³. Giới được ví như mặt trời, mặt trăng sáng chói, tựa như bảo châu, về nghĩa thì đồng với hương thoa, về sự thì đồng với nước quý. Giới có công năng vượt qua biển lớn, nên được gọi là “chiếc thuyền kiên cố”; lại có năng lực nuôi lớn mầm thiện, nên được gọi là “mảnh đất bằng phẳng”. Vì vậy, hàng bồ-tát vâng giữ, không thiếu sót mảy may như vi trần, bậc a-la-hán giữ gìn không phạm lỗi nhỏ như hạt cải. Các ngài thà chịu khát mà chết chứ không uống nước có trùng, thà bị trói mà mất mạng chứ không làm hại lá cỏ.

Kinh *Thư* chép: “Lập thân tu đạo, rạng danh ở đời sau, phải nên canh cánh bên lòng ngôn hạnh trung tín”, đâu thể để tâm buông lung như ngựa không cương roi, mặc ý dong ruổi như vợ chồng chèo thuyền càn, không kiềm chế. Một khi phao nổi đã thủng thì đường trước mịt mờ, bình công đức đã vỡ thì duyên lành bật đứt. Hoặc giao du với người xấu, kết bạn với kẻ hung tàn, cùng nhau làm loạn, tạo đủ điều tội lỗi mà không chút xấu hổ, không chút nhục nhã, ngày càng sa đọa, cứ mãi nổi trôi.

³⁷¹ Bốn loài (tứ sinh 四生; S: catasro-yonayah): bốn cách sinh sản khác nhau của loài hữu tình trong sáu đường thuộc ba cõi. Đó là noãn sinh; thai sinh; thấp sinh và hoá sinh.

³⁷² Đại kinh 大經: kinh trọng yếu chỉ về nghĩa cứu cánh. Nhưng mỗi tông phái nhìn nhận Đại kinh khác nhau, như tông Thiên Thai cho kinh Niết-bàn là Đại kinh, tông Tịnh Độ thì cho kinh Vô lượng thọ là Đại kinh.

³⁷³ Đại luận 大論 (Cg: Đại trí độ luận): luận, một trăm quyển, do bồ-tát Long Thụ soạn, ngài Cưu-ma-la-thập dịch vào đời Hậu Tần, Trung Quốc, được xếp vào Đại chính tạng, tập 25.

Người phạm giới tợ như rau đay, ngải cứu, cành lá đều đắng; lại như cây ha-lê³⁷⁴, toàn thân không có vị ngọt. Người này từ sáng vào tối, không có ngày ra, nhiều kiếp trôi lăn, đau đớn vô cùng, thật khó nhẫn chịu.

Thế là, họ phải chịu cảnh vạc sắt nước sôi sùng sục, khí độc xông lên ngút trời; lò than lửa dữ hừng hực, thiêu nổ xé đất; nước đồng sôi rót vào miệng, ruột nát gan tan; cột đồng cháy đỏ đốt thân, xương thịt rã vụn, lăn lộn kêu gào, lời nào tả được!

Những nỗi khổ như thế đều là do hủy phạm giới cấm”.

XVIII.2.2. Khuyên giữ giới

Luận *Đại trang nghiêm* ghi: “Nếu người chí thành trì giới cho dù mất mạng vẫn được quả báo trong đời hiện tại. Xưa Ta từng nghe, trong thành Nan-đề-bạt-đề có hai anh em ưu-bà-tắc đều thụ trì năm giới. Bấy giờ, người em đột nhiên bị đau lưng sắp chết. Khi ấy, thầy thuốc bảo anh ta:

- Cậu phải ăn thịt chó mới giết và uống rượu thì bệnh sẽ khỏi.

Người bệnh trả lời:

- Thịt chó thì có thể ra chợ mua về ăn, nhưng việc uống rượu thì tôi thà chết chứ không phạm giới.

[94a] Thấy bệnh tình của em vô cùng nguy cấp, người anh bèn lấy rượu đưa cho em và nói:

- Em nên xả giới uống rượu để trị cho lành bệnh!

Người em trả lời:

- Em tuy bệnh nặng, nhưng nguyện xả bỏ thân này, quyết không phạm giới mà uống rượu.

Rồi người em lại nói kệ:

³⁷⁴ Cây ha-lê (ha-lê-lặc thụ 呵梨勒樹; S: haritakī): loại trái cây này là vị thuốc, có rất nhiều công dụng, bệnh gì cũng dùng được.

*Lạ thay! Sắp mạng chung,
Phá giới báu của em,
Lấy giới trang nghiêm thân,
Không cần đồ mai táng.
Thân người đã khó được,
Gặp giới càng khó hơn,
Nguyện bỏ trăm nghìn mạng,
Không hủy phạm giới cấm.
Vô lượng trăm nghìn kiếp,
Nay mới gặp được giới,
Trong cõi Diêm-phù này,
Thân người rất khó được.
Tuy đã được thân người,
Gặp chính pháp càng khó,
Nay được gặp pháp bảo,
Kẻ ngu không giữ gìn,
Người khéo biết nhận thức,
Việc này càng khó hơn.
Giới báu đã thụ trì,
Sao có kẻ muốn đoạt,*

Đó là kẻ oán thù,

Chẳng phải là người thân.

Nghe bài kệ xong, người anh nói với em rằng:

- Anh vì thương em, chứ không phải muốn em phá giới.

Người em trả lời:

- Đó chẳng phải thương em mà là làm hại em.

Người em lại nói kệ:

Em muốn về cõi lành,

Phá giới sẽ đọa lạc,

Xả giới cũng như thế,

Sao gọi là thương yêu?

Em giữ giới căn bản,

Anh lại bảo hủy phạm,

Trong năm giới đã thụ,

Giới rượu rất quan trọng,

Nay ép em phá giới,

Chẳng thể gọi là thương.

Người anh hỏi em:

- Vì sao nói rượu là giới căn bản?

Người em đáp lại bằng bài kệ:

*Nếu đối với giới cấm,
Chẳng dốc lòng hộ trì,
Sẽ trái tâm đại bi,
Rượu bằng đầu ngọn cỏ,
Còn không dám ném vào,
Vì thế nên em biết,
Rượu là nhân đường ác.
Kinh của hàng tại gia,
Nói ác báo của rượu,
Chỉ Phật mới biết rõ,
Ai có thể suy lường!
Phật nói về ác hạnh,
[94b] Ba nghiệp thân khẩu ý,
Nhưng rượu là căn bản,
Khiến rơi vào đường ác.
Ngày xưa ưu-bà-tắc³⁷⁵,
Do nhân duyên uống rượu,
Bèn phá luôn bốn giới,
Đây là nhân ác hạnh.*

³⁷⁵ Ưu-bà-tắc 優婆塞 (S: upāsaka): cư sĩ nam tại gia gần gũi phụng thờ tam bảo, thụ trì năm giới, là một trong hai chúng tại gia, một trong bốn chúng hoặc bảy chúng đệ tử Phật.

Rượu chịu quả phóng dật,
Không uống, bít đường ác,
Có được tâm tin thích,
Dứt tham, hành bồ thí.
Thủ-la nghe Phật dạy,
Được rất nhiều lợi ích,
Ý em cũng như vậy.
Còn muốn hủy phạm giới,
Nói sơ lược như vậy:
Thà bỏ nghìn mạng sống,
Không trái lời Phật dạy,
Thà để thân khô gầy,
Quyết không uống rượu này.
Giả sử hủy phạm giới,
Được sống trăm nghìn năm,
Chẳng bằng giữ giới cấm,
Mà thân liền hư hoại.
Biết chắc bệnh sẽ lành,
Em vẫn cố không uống,
Huống nay chưa biết rõ,

Là lành hay không lành.

Lòng quyết định như thế,

Tâm sinh đại hoan hỷ,

Liên được thấy chân đế,

Bệnh liền được tiêu trừ.

Luận Đại trang nghiêm ghi: “Xưa ta từng nghe, có các tì-kheo cùng với những người thương buôn vào biển tìm châu báu. Vừa ra giữa biển thì thuyền bị hỏng. Bấy giờ, có một tì-kheo tuổi trẻ vợ được một tấm ván, vị tì-kheo thượng tọa vì không nắm được tấm ván nên sắp chìm xuống nước. Lúc ấy, vị tì-kheo thượng tọa vô cùng hoảng hốt, sợ bị nước cuốn trôi bèn nói với vị tì-kheo tuổi trẻ:

- Con há không nhớ lời Phật dạy nên kính bậc thượng tọa sao? Tấm ván mà con vợ được nên đem đến cho thầy!

Bấy giờ, tì-kheo tuổi trẻ suy nghĩ: ‘Đức Phật thật có dạy lời này: những gì có lợi lạc, trước nên dâng cho vị thượng tọa’. Lại nghĩ như vậy: ‘Nếu mình nhường tấm ván này cho vị thượng tọa thì chắc chắn mình sẽ bị chìm, bị cuốn theo dòng nước xoáy. Biển lớn thật rộng sâu, nguy hiểm, mạng sống của mình rất khó bảo toàn. Hơn nữa, mình tuổi còn trẻ, vừa mới xuất gia, chưa đắc đạo quả. Đó là điều làm mình lo buồn. Nay mình liều bỏ thân này để cứu thượng tọa thì thật là đúng lúc’. Sau khi suy nghĩ như vậy, vị tì-kheo tuổi trẻ nói kệ:

Ta nên tự cứu mình,

Hay vâng lời Phật dạy,

[94c] *Được vô lượng công đức,*

Danh vang khắp mười phương.

Thân này rất hèn mọn,

Sao lại trái Thánh giáo,

Ta nay thụ Phật giới,

Dẫu chết vẫn vững trì.

Vì vâng lời Phật dạy,

Dâng ván, bỏ thân mạng,

Nếu chẳng làm việc khó,

Không thể được quả Phật.

Nếu trái lời Phật dạy,

Mất lợi ích trời, người,

Cho đến quả Niết-bàn,

Sự an lạc vô thượng.

Nói bài kệ xong, vị tì-kheo trẻ mang tấm ván dâng cho vị tì-kheo thượng tọa. Khi vị tì-kheo tuổi trẻ vừa rời tấm ván, cảm động trước lòng thành ấy, thần biển liền đưa vị ấy lên bờ. Sau đó, thần biển chấp tay thưa với vị tì-kheo:

- Con nay xin quy y người nghiêm trì tịnh giới. Thầy nay gặp việc nguy hiểm như vậy mà vẫn giữ được giới của Phật. Thần biển lại nói kệ:

Thầy đúng là tì-kheo,

Thật là người khổ hạnh,

Gọi thầy là sa-môn³⁷⁶,

Thật xứng với tên này.

³⁷⁶ Sa-môn 沙門 (S: śramaṇa): người xuất gia cạo bỏ râu tóc, dứt bỏ các điều ác, khéo điều hòa thân tâm, siêng năng làm các việc thiện để mong đạt đến Niết-bàn.

*Lẽ gì ngay bây giờ,
Ta không ủng hộ thêm,
Bậc kiến đế trì giới,
Không có gì là khó.
Phàm phu chẳng hủy giới,
Mới là việc khó làm.
Tì-kheo sống an ổn,
Thanh tịnh tự giữ gìn,
Xả bỏ điều yêu thích,
Để hộ trì cấm giới,
Làm được việc khó làm,
Thật là điều hiếm có”.*

Luận Đại trang nghiêm ghi: “Ta từng nghe, xưa kia có một vị tì-kheo theo thứ tự khát thực, đến nhà làm nghề xỏ châu thì đứng ngoài cửa. Bấy giờ, người thợ đang xỏ châu ma-ni cho quốc vương, sắc đỏ từ ca-sa của vị tì-kheo chiếu vào hạt châu, làm hạt châu cũng có màu đỏ. Người thợ xỏ châu liền vào nhà lấy com ra cúng dường vị tì-kheo. Lúc ấy, có một con ngỗng nhìn thấy hạt châu màu đỏ giống như cục thịt, liền đến nuốt mất. Người thợ xỏ châu mang com ra dâng cúng vị tì-kheo, rồi tìm hạt châu mà chẳng thấy đâu cả. Vì hạt châu này rất quý, nên người thợ xỏ châu nổi giận, và hỏi:

- Thầy lấy hạt châu của tôi ư?

Vị tì-kheo sợ người thợ sẽ giết con ngỗng để lấy hạt châu, nên tìm cách để nó được thoát khỏi họa này, liền nói kệ:

Ta nay hộ mạng ngỗng,

Thân mình chịu khổ đau,

Không còn cách nào khác,

Chỉ biết lấy mạng thay!

[95a] *Nếu nói nó nuốt châu,*

Điều này không thể được,

Nếu nói nó vô tội,

Thì thành kẻ vọng ngữ.

Ta nay xả thân mạng,

Để cứu con ngỗng này,

Nhờ duyên ta giữ giới,

Nên thành tựu giải thoát.

Tuy đã nghe bài kệ này, người thợ xỏ châu vẫn nói với vị tì-kheo:

- Nếu không chịu trả lại, thì ông đành phải chịu khổ, tôi không tha cho ông đâu!

Vị tì-kheo nhìn quanh, không biết trông cậy vào ai. Như con nai bị bao vây, chẳng còn lối thoát, vị tì-kheo không người cứu giúp cũng giống như vậy. Bây giờ, vị tì-kheo bèn chỉnh thân ngay thẳng, sửa lại y phục, người thợ xỏ châu nói với tì-kheo:

- Bây giờ, ông và tôi đánh nhau nhé!

Vị tì-kheo trả lời:

-Tôi không đánh với ông đâu! Tôi tự đánh với các kết sử thôi!

Vị tì-kheo lại nói kệ:

Khi ta bỏ thân mạng,

Xuống đất như củi khô,

Đáng để người khen ngợi,

Vì ngỗng mà xả thân.

Khi ấy, người thợ xỏ châu trời chặt hai tay và đầu của vị tì-kheo, rồi lấy gậy đánh. Vị tì-kheo nhìn quanh bốn phía nhưng không biết nói gì, bèn suy nghĩ: ‘Những nỗi khổ trong đường sinh tử đều là như thế’!

Tì-kheo lại nói kệ:

Xả thân tạm bợ này,

Đôi lấy thân giải thoát,

Ta mặc y phân tảo,

Khất thực làm sự nghiệp,

Dừng nghỉ nơi gốc cây,

Do vì nhân duyên gì,

Mà phải làm kẻ trộm,

Ông nên suy nghĩ kỹ.

Bấy giờ, người thợ xỏ châu nói với vị tì-kheo:

- Đâu cần phải nhiều lời!

Thế rồi, người ấy trời chặt và đánh đập nhiều hơn. Dây quấn chặt đến nỗi tai, mắt, mũi, miệng của vị tì-kheo đều chảy máu. Khi ấy, con ngỗng chạy đến liếm máu, người thợ tức giận đánh chết con ngỗng. Thấy thế, vị tì-kheo hỏi:

- Con ngỗng còn sống hay đã chết rồi?

Người thợ trả lời:

- Nó chết hay sống, mắc mớ gì đến ông mà hỏi!

Bấy giờ, nhìn sang con ngõng, thấy nó đã chết, vị tì-kheo buồn bã, rơi lệ, rồi nói kệ:

Ta chịu mọi khổ đau,

Vì mong ngõng được sống,

Nay mạng ta chưa hết,

Ngõng đã chết trước ta.

Ta muốn cứu mạng người,

Gánh chịu cực khổ này,

Vì sao người chết trước,

Tâm nguyện ta không thành.

[95b] Người thợ xỏ châu hỏi vị tì-kheo:

- Rốt cuộc, con ngõng đó có thân thích gì với ông mà ông buồn khổ đến thế?

Vị tì-kheo đáp:

- Vì không tròn tâm nguyện, nên tôi không vui.

Người thợ xỏ châu lại hỏi:

- Ông có ước nguyện gì?

Vị tì-kheo đáp lại bằng bài kệ:

Xưa bỏ-tát đã từng,

Xả thân cứu bồ câu.

Ý tôi cũng như vậy,

Xả mạng thay ngỗng kia.

Muốn cho ngỗng được sống,

Lâu dài, thường an vui,

Do ông giết nó rồi,

Nên nguyện tôi chẳng tội.

Sau khi nghe vị ò-kheo trình bày đầy đủ, người thợ xỏ châu mổ bụng con ngỗng để lấy lại hạt châu. Vừa nhìn thấy hạt châu, ông ta òa khóc, nói với ò-kheo:

- Thầy bảo hộ mạng ngỗng mà không tiếc thân mình, đã khiến tôi làm điều sai trái này!

Người thợ xỏ châu lại nói kệ:

Thầy thâm tạo công đức,

Tợ như lửa vùi tro,

Bởi vì tôi ngu muội,

Chịu khổ trăm nghìn kiếp,

Thầy rất là tương xứng,

Với đức tính của Phật.

Do vì tôi ngu si,

Không thể quan sát kỹ,

Bị lửa si thiêu đốt,

*Xin thầy lưu lại đây,
Cho tôi được sám hối,
Giống như người vấp ngã,
Nương đất để đứng lên,
Đỉnh lễ hạnh thanh tịnh,
Đỉnh lễ người trì giới,
Gặp phải nguy nan này,
Vẫn kiên trì giữ giới,
Vì ngỗng, thân chịu khổ,
Chẳng hề phạm giới cấm,
Việc này thật khó làm”.*

Luận Đại trang nghiêm ghi: “Có các vị tì-kheo đang đi giữa đồng trống thì bị bọn cướp lột hết quần áo. Lúc ấy, bọn cướp sợ các tì-kheo chạy đến báo cho làng xóm biết, nên định giết tất cả. Trong số bọn họ, có một người trước đây đã từng xuất gia, nói với đồng bọn:

- Nay chúng ta đâu cần giết hại họ! Giới luật của tì-kheo là không được làm tổn thương cỏ cây. Bây giờ chỉ cần chúng ta lấy cỏ trói các tì-kheo, vì sợ làm tổn hại cây cỏ, nên họ sẽ không bút ra để đi báo cho mọi người hay đâu!

Nghe nói vậy, bọn giặc liền lấy cỏ trói các tì-kheo lại, rồi bỏ đi. Các vị tì-kheo đã bị trói bằng cỏ, lại sợ phạm giới nên không dám bút đi. Thân không có y phục, nên các tì-kheo bị ánh nắng mặt trời thiêu đốt, muỗi mòng, ruồi kiến cắn chích... Họ bị trói từ sáng đến chiều, mãi đến lúc trời tối. Đêm đến, cầm thú rượt đuổi, thật là đáng sợ! Một vị tì-kheo lớn tuổi răn nhắc các tì-kheo trẻ bằng bài kệ:

[95c] *Nếu người có trí tuệ,*

Kiên trì giữ giới cấm,

Sẽ cảm báo như nguyện,

Trời, người và niết-bàn.

Long vương Y-la-bát,

Vì phá giới cấm này,

Làm tổn thương cây cỏ,

Mạng Các vị tì-kheo chịu nhiều đau khổ, lại sợ làm tổn thương cây cỏ, nên không dám co duỗi, cử động, một lòng giữ giới đến chết chẳng phạm. Vị tì-kheo lớn tuổi lại nói kệ:

Ta từ thuở xa xưa,

Từng tạo các nghiệp ác,

Hoặc được sinh làm người,

Trộm cắp và tà dâm.

Sống phải chịu quốc pháp,

Số nhiều không kể xiết,

Chết bị đọa địa ngục,

Cũng thật khó tính được.

Giả sử nắng mặt trời,

Thiêu thân ta khô cháy,

Ta vẫn giữ giới Phật,

Quyết không phạm giữa chừng.

Giả như gặp thú dữ,

Vô xé thân thể ta,

Quyết không dám hủy phạm,

Giới của đấng Thích Tôn,

Thà giữ giới mà chết,

Không phạm giới mà sống.

Chết đọa làm loài rồng

Sau khi nghe vị tì-kheo lớn tuổi nói kệ, các tì-kheo đều đứng ngay thẳng, không dám cử động, như cây đại thụ lúc không có gió, cành lá đều không lay động. Gặp lúc vua nước ấy đi săn, lần hồi đi đến chỗ các vị tì-kheo bị trói. Từ xa nhìn thấy họ, vua khởi tâm nghi, cho đó là các vị thuộc phái Ni-kiền-tử lừa hình. Vua bèn sai người đến xem, mới biết đó là các tì-kheo. Nghe lời tâu lại, vua lấy làm quái lạ, liền đến chỗ các tì-kheo và nói kệ:

Dùng cỏ xanh trói tay,

Tợ cánh chim anh vũ,

Lại như dê té trời,

Không động, không lay chuyển,

Tuy biết chôn nguy nan,

Đứng yên, không hại cỏ,

Như rừng bị lửa đốt,

Li ngưư³⁷⁷ chết vì đuôi.

Nói kệ xong, vua đến hỏi các tì-kheo:

Thân thể không bệnh hoạn,

Khỏe mạnh như lực sĩ,

[96a] *Do vì nhân duyên gì,*

Cỏ buộc, không cử động,

Các vị há không biết,

Thân mình đang khỏe ư!

Bị chú làm mê hoặc,

Hay là tu khổ hạnh,

Hoặc nhàm chán thân này?

Hãy mau nói trẫm nghe.

Các tì-kheo liền trả lời vua bằng bài kệ:

Do giữ gìn giới cấm,

Không dám bứt cỏ cây.

Phật nói loài cây cỏ,

Là nơi quý thần nương,

Chúng tôi không dám trái,

Cho nên chẳng bứt phá.

Cũng như nơi tụng chú,

³⁷⁷ Li ngưư 犂牛: loài trâu đuôi dài.

Vẽ ranh giới cho rắn,

Vì nhờ sức thân chú,

Rắn độc chẳng dám qua.

Mâu-ni phân phạm vi,

Chúng tôi không dám vượt,

Có phương tiện của Phật,

Được lợi ích bậc nhất,

Là người có trí tuệ,

Há phá bình giới đức?

Nghe kệ xong, vua vô cùng hoan hỷ, liền cởi trói cho các tỳ-kheo và nói kệ:

Lành thay vững lòng trì,

Giới pháp của Thích Tôn,

Thà xả bỏ thân mình,

Giữ giới, chẳng hủy phạm.

Tôi nay xin kính lễ,

Người xiển dương pháp mẫu,

Quy y đáng Mâu-ni,

Giải thoát, là phiền não,

Tôi nay xin kính lễ,

Người giữ giới kiên trì”.

XVIII.3. Nhẫn nhục

XVIII.3.1. Lời dẫn

Từng nghe, nhẫn là đức tính vô cùng cao quý, trì giới và khổ hạnh không thể sánh bằng. Cho nên, ti-kheo Sần-đề³⁷⁸ dù bị hình phạt tàn khốc vẫn không hối hận. Tiên nhân nhẫn nhục³⁷⁹ dù bị chặt đứt tay chân vẫn không giận dữ.

Vả lại, đạo từ bi lấy việc cứu độ làm trên hết; bản hoài của Bồ-tát là lấy sự thương xót làm sự nghiệp. Thế nên, các ngài thường hiện thân khắp địa ngục để chịu khổ thay cho chúng sinh, độ tất cả hữu tình, ban cho họ sự an lạc. Lẽ nào chúng sinh vì một xúc chạm nhỏ mà sân hận, thậm chí, vừa trừng mắt nhìn nhau, giận hờn to tiếng thì liền đánh nhau, để rồi kết thành thù hận. Có khi cha con, anh em làm tổn hại nhau, bạn bè, thân thuộc lại gây thương tích, bạo ngược còn hơn chim cú, điều hâu, hiểm độc hơn cả loài ong, bò cạp. Cho nên, kiếp kiếp oán thù, đời đời không dứt.

XVIII.3.2. Khuyên nhẫn nhục

[96b] Luận *Thành thật*³⁸⁰ ghi: “Kẻ tiểu nhân không thể chịu nổi sự mắng chửi, sỉ nhục, như chim gặp mưa đá. Bậc đại nhân có thể nhẫn chịu sự chửi bới, mạ nhục, như voi gặp mưa hoa. Thế nên, hành giả phải thường quán sát nguồn gốc nhân duyên của người đối diện, hoặc quá khứ là cha mẹ của ta, vì nuôi dưỡng ta nên không kể là tội hay phúc, mà ta chưa từng báo ân, lẽ nào lại giận họ ư? Hoặc họ là anh em, vợ con, quyến thuộc, hoặc là thánh nhân, hoặc là bạn tốt, nhưng vì tâm phàm phu nên ta không nhận ra, vì sao lại hủy báng họ?”.

Nhiếp luận ghi: “Nhờ quán sát năm trường hợp mà diệt trừ được sân hận.

1. Quán tất cả chúng sinh đều là ân nhân của ta

³⁷⁸ Ti-kheo Sần-đề (Sần-đề ti-kheo; Cg: Sần-đề ti-khâu 羸提比丘): tên gọi Đức Thế Tôn ở kiếp quá khứ, lúc Ngài đang tu hạnh Bồ-tát và thành tựu được hạnh nhẫn nhục.

³⁷⁹ Tiên nhân nhẫn nhục (nhẫn nhục tiên 忍辱仙; S: Kṣānti-vādi-ṛṣi): vị tiên tu hạnh nhẫn nhục ở nước Ba-la-nại, Ấn Độ vào thời quá khứ, là tiền thân của Đức Phật Thích-ca, khi Ngài còn ở giai vị tu nhân.

³⁸⁰ Luận Thành thật (Thành thật luận 成實論; S: Satyasiddhi-sāstra): luận, mười sáu quyển, hoặc hai mươi quyển, do ngài Ha-lê-bạt-ma soạn, ngài Cưu-ma-la-thập dịch vào khoảng năm 411-412 đời Đạo Tần, được xếp vào Đại chính tạng tập 32. Đây là kinh điển căn bản của tông Thành Thật.

2. Quán tất cả chúng sinh bị hoại diệt trong từng sát-na, người nào gây tổn hại, người nào bị tổn hại?
3. Quán chỉ có pháp, không có chúng sinh, thì ai gây tổn hại, ai bị tổn hại?
4. Quán tất cả chúng sinh đều phải chịu khổ, sao lại muốn làm họ khổ thêm?
5. Quán tất cả chúng sinh đều là con của ta, sao lại sinh lòng tổn hại?”.

Kinh *Báo ân* chép: “Giả sử bị dội vòng sắt nóng trên đầu, không bao giờ vì nỗi khổ này mà sinh lòng ác”.

Luận *Thành thật* ghi: “Người thực hành tâm từ, dù ngủ hay thức đều được an ổn, không thấy ác mộng, được chư thiên ủng hộ, mọi người yêu mến, không bị hãm hại, không bị binh đao, không bị chết vì nước trôi, lửa cháy”.

Trong luật *Tứ phần* có bài kệ:

Nhẫn nhục hạnh đứng đầu,

Phật nói vô vi cao,

Xuất gia quấy rối người,

Không gọi là sa-môn.

Kinh *Di giáo*³⁸¹ ghi: “Người thực hành nhẫn nhục được gọi là người có sức mạnh”. Kinh này cũng chép: “Thấy lỗi của người, miệng không được nói. Chính mình phạm lỗi, cần phải tỏ bày”.

Sách *Nho* ghi: “Nghe lỗi của người như nghe tên cha mẹ. Tai có thể nghe, nhưng miệng không được nói”.

Kinh chép: “Khen ngợi điều hay của người, chớ khoe việc tốt của mình”.

³⁸¹ Kinh Di giáo (Di giáo Kinh 遺教經): kinh, một quyển, do ngài Cưu-ma-la-thập dịch vào thời Hậu Tần, được xếp vào Đại chính tạng tập 12. Nội dung tả lại sự việc trước khi nhập diệt của Đức Thích Tôn tại Ta-la song thọ, nơi rừng Câu-thi-la, ngài dạy các đệ tử phải lấy giới bản làm thầy để chế ngự năm căn, lìa giận dữ, kiêu mạn, buồn lung, để đạo nghiệp được tinh tiến.

[96c] Sách *Nho* ghi: “Bậc quân tử khen điều tốt của người, không phá điều tốt của người”.

Kinh chép: “Bố thí không mong cầu báo đáp. Nếu được người báo đáp dù ít hay nhiều đều nên chú nguyện, thụ nhận với lòng biết hổ thẹn”.

Sách *Nho* ghi: “Công tử ban ơn cho người, xin công tử hãy quên việc ấy! Người ban ơn cho công tử, xin công tử chớ quên!”.

Lại ghi: “Bố thí cho người, chớ nên ghi nhớ! Nhận sự bố thí, nhớ mãi không quên”.

Kinh ghi: “Như khoan thứ cho mình, đối với người chớ giết, chớ đánh!”.

Sách *Nho* chép: “Điều mình không muốn, chớ đem đến cho người”.

Nên biết Phật giáo và các tôn giáo khác căn bản đều giống nhau. Tuy hình tướng khác nhau, nhưng lập hạnh không sai khác. Nếu trái với ý chỉ này thì đồng với hạng người ngu muội, chứ đâu căn cứ vào nội ngoại giáo. Kinh chép: “Phật thuyết pháp cho chúng sinh là vì khiến họ đoạn trừ vô minh³⁸² mê hoặc, cũng như thầy thuốc giỏi tùy bệnh cho thuốc. Đó gọi là nội giáo”.

Sách *Nho* chép: “Lẽ trời xa xôi, chỉ lòng nhân là gần gũi”. Đây gọi là ngoại giáo.

Lại nữa, nếu người xuất gia khéo quán sát khổ, không, vô thường, vô ngã³⁸³, xa lìa sinh tử, chí cầu thoát tục. Đó gọi là nương vào nội giáo. Nếu trái hạnh này thì đồng với ngoại đạo. Nếu người tại gia biết nhàm chán thế gian, mền chuộng ý chí cao vời, một lòng tôn kính tam bảo, giữ gìn bốn đức, thực hành hiếu đễ, nhân, nghĩa, lễ, trí, trinh, hòa, ái, kính, thì cũng đồng với nội giáo; nếu trái với điều này, ắt đồng với ngoại đạo.

Nếu người đời biết nương vào nội giáo, thì sẽ thấu rõ chân lý, tâm thể hội được lý đạo, dần dần bước lên con đường giải thoát, thẳng đến quả Bồ-đề.

³⁸² Vô minh 無明 (S: avidyā): tên khác của phiền não. Thấy biết không đúng sự thật, trạng thái tinh thần mê muội đối với sự vật, không thông đạt chân lý và không thể lý giải rõ ràng sự tướng và đạo lý.

³⁸³ Khổ, không, vô thường, vô ngã 苦空無常無我: bốn hành tướng của quả báo hữu lậu, tức bốn hành tướng của Khổ đế trong mười sáu hành tướng của tứ đế, là bốn thứ do quán cảnh Khổ đế mà phát khởi.

Nếu người đã biết như thế, lại muốn thực hành hạnh nhẫn nhục này, chỉ cần tự hạ thấp mình, khen ngợi đức hạnh của người, cũng như chiếc khăn lau bụi, gom bụi bẩn về mình, đưa sạch sẽ cho người. Cho nên, kinh chép: “Lùi một bước mà được, đó là Phật đạo”.

Vì thế, sách Nho ghi: “Bậc quân tử kính nhường mà được, đó là nghĩa”. Cho nên, thường phải đề cao người khác, luôn biết khiến trách chính mình.

XVIII.3.3. Lợi ích của nhẫn nhục

Kinh *Đại bảo tích*³⁸⁴ ghi: “Nhẫn nhục³⁸⁵ có mười lợi ích:

1. Không chấp vào ta và vật của ta.
2. Không phân biệt giai cấp.
3. Phá trừ tâm kiêu mạn.
4. Bị kẻ xấu hại, nhưng không trả thù.
5. Quán tưởng vô thường.
6. Tu tập từ bi.
7. Tâm không phóng dật.
8. Không màng đến những việc đói khát, khổ vui.v.v...
9. Đoạn trừ sân hận.
10. Tu tập trí tuệ.

Nếu người nào thành tựu được mười điều này, thì có thể tu hạnh nhẫn nhục”.

[97a] Kinh *Nguyệt đăng tam-muội*³⁸⁶ ghi: “Phật dạy:

³⁸⁴ Kinh Đại bảo tích (Đại bảo tích kinh 大寶積經; S: Mahā-ratnakūṭa-sūtra): kinh, một trăm hai mươi quyển, do ngài Bồ-đề-lưu-chi dịch vào đời Đường, Trung quốc, được xếp vào Đại chính tạng, tập 11. Nội dung bàn về các pháp môn chủ yếu của Đại thừa Phật giáo.

³⁸⁵ Nhẫn nhục 忍辱: nhịn nhục hay là chịu nhục, nghĩa là chịu lấy sự đau khổ, khuất nhục, không có lòng nghĩ trả hận.

- Nếu vị bồ-tát nào an trụ trong hạnh nhẫn nhục nhân từ, sẽ được mười điều lợi ích:

1. Lửa không thể thiêu cháy
2. Dao không thể đâm chém
3. Chât độc không thể hại
4. Nước không thể cuốn trôi
5. Được phi nhân ủng hộ
5. Được thân tướng trang nghiêm
7. Bít lấp các đường ác
8. Sinh lên cõi Phạm thiên tùy theo sở thích
9. Đêm ngày thường an ổn
10. Thân được an vui”.

Kinh *Tu-ha tam-muội* ghi: “Đức Phật dạy:

- Nhẫn có sáu lợi ích để thành tựu được Nhất thiết trí³⁸⁷. Đó là:

1. Thân thể có sức mạnh phi thường
2. Lời nói có sức thuyết phục
3. Ý chí hướng đến quả vị Phật
4. Năng lực thần túc tự tại vô ngại
5. Năng lực thành tựu quả Phật

³⁸⁶ Kinh Nguyệt đăng tam-muội (Nguyệt đăng tam-muội kinh 月燈三昧經; S: Samādhi-rāja): kinh, mười quyển, Đức Phật dạy đồng tử Nguyệt Quang về việc nhờ tu tâm bình đẳng, tâm cứu hộ, tâm vô ngại, tâm vô độc và vô lượng tam muội ở nhân địa hoặc nhờ biết đúng như thật thể tính của tất cả các pháp, chúng được Bồ-đề, thành tựu các pháp bố thí, trì giới, nhẫn nhục thì đạt được tam muội “Thể tính các pháp bình đẳng không hý luận”.

³⁸⁷ Nhất thiết trí 一切智 (S: sarvajña): trí biết rõ tất cả pháp tướng trong ngoài.

6. Trí tuệ có công năng phá trừ phiền não”.

*Lục độ tập kinh*³⁸⁸ ghi: “Có bốn trường hợp cần phải nhẫn nhục để được đầy đủ trí tuệ. Đó là:

1. Khi cầu pháp, nhẫn chịu lời mắng chửi của người.
2. Khi cầu pháp, nhẫn chịu sự đói, khát, lạnh, nóng, gió, mưa.
3. Khi cầu pháp, vâng làm theo lời dạy của hòa thượng³⁸⁹, a-xà-lê³⁹⁰.
4. Khi cầu pháp, lãnh hội ba môn giải thoát: không, vô tướng, vô nguyện”.

Trong kinh *Tì-kheo ty nữ nhân ác danh*, có bài kệ:

Tuy nghe nhiều tiếng xấu,

Người khổ hạnh nhẫn chịu,

Không nên tự than khổ,

Cũng không được buồn phiền.

Loài nghe tiếng sợ hãi,

Ấy là thú trong rừng,

Làm chúng sinh loạn động,

Không phải pháp xuất gia.

Nhân giả nên nhẫn chịu,

Tất cả mọi tiếng xấu,

³⁸⁸ *Lục độ tập kinh* 六度集經: kinh, tám quyển, do ngài Khương Tăng Hội dịch vào đời Ngô, Tam Quốc, Trung Quốc, được xếp vào Đại chính tạng, tập 3. Nội dung kinh này gồm chín mươi một câu chuyện bản sinh của Đức Phật.

³⁸⁹ Hòa thượng 和尚 (S: upādhyāya): bậc thầy có trí tuệ và đức độ cao vời. Hòa thượng là vị thầy gương mẫu cho người thụ giới nên các tông Hoa Nghiêm, Thiên Thai, Tịnh Độ thường gọi là “Giới Hòa Thượng”.

³⁹⁰ A-xà-lê 阿闍梨 (Hd: Qũ Phạm sư; S: ācārya): người dạy dỗ đệ tử, khiến cho mọi việc làm của đệ tử đều trang nghiêm, đúng pháp, chính bản thân cũng xứng đáng làm bậc thầy gương mẫu cho đệ tử noi theo nên còn gọi là đạo sư.

Người giữ tâm vững chãi,

Đó là pháp xuất gia.

Không phải do người nói,

Làm ông thành giặc cướp,

Cũng không vì lời họ,

Ông thành A-la-hán.

Nếu ông tự biết rồi,

Chư thiên cũng sẽ biết.

Luật Ngũ phần³⁹¹ ghi: “Đức Phật bảo các tì-kheo:

- Vào thời quá khứ, bên cạnh hồ nước trong a-luyện-nhã³⁹², có hai chim nhận cùng kết bạn với một con rùa. Một thời gian sau, nước trong hồ khô cạn, hai chim nhận bàn với nhau: ‘Nay nước trong hồ này đã khô cạn, chắc bạn rùa khổ sở lắm đây!’. Bàn luận xong, chúng nói với rùa:

- Nước trong hồ đã khô cạn, bạn không thể sống được! Bây giờ, bạn ngậm một cành cây, còn chúng tôi mỗi người ngậm một đầu. Chúng tôi sẽ đưa bạn đến chỗ có nhiều nước, nhưng khi ngậm cây, bạn không được nói!

Thế rồi, chúng ngậm cành cây như đã định. Khi đi qua một làng nọ, bọn trẻ thấy thế, la lên:

- Ôi! Nhận gấp rùa bay kia! Nhận gấp rùa bay kia!

Nghe vậy, rùa nổi giận nói:

- Can gì đến bọn bay!

³⁹¹ Luật ngũ phần (Ngũ phần luật 五分律): luật, ba mươi quyển, do Hóa Địa Bộ (Di-sa-tác) lưu truyền và được ngài Pháp Hiền thỉnh bản Phạn về từ nước Sư tử (Tích Lan). Vì bộ luật này có năm phần nên gọi là Ngũ phần luật. Trong đó quy định giới tì-kheo hai trăm năm mươi một điều, tì-kheo ni ba trăm bảy mươi điều.

³⁹² A-luyện-nhã 阿練若 (S: aranya): nơi tịch mịch thích hợp với người tu hành, tức nơi vắng vẻ cách làng xóm khoảng 2,5 km.

[97b] Vừa mở miệng, rùa liền tuột khỏi cành cây, rơi xuống đất mà chết. Nhân việc này, Đức Phật nói kệ:

Người sống ở đời,

Búa ở trong miệng,

Sở dĩ chém mình,

Là do lời ác.

Đáng chê lại khen,

Đáng khen lại chê,

Tự chuốc tai họa,

Trọn không an vui.

Đức Phật bảo:

- Con rùa đó chính là Điều-đạt, xưa kia vì tức giận mà mở miệng nói đến nỗi phải chịu cái khổ mất mạng; ngày nay, lại sân giận mắng nhiếc Như lai, nên bị rơi vào địa ngục lớn.

Kinh *Pháp cú thí dụ* ghi: “Ngày xưa, khi La-vân³⁹³ chưa đắc đạo, tính nghịch ngợm, lời nói ít chân thật. Thấy vậy, Phật bảo La-vân:

- Con hãy đến tinh xá Hiền Đề mà ở, cố gắng giữ gìn lời nói và nhiếp phục tâm ý, siêng năng tụng kinh, trì giới.

La-vân vâng lời, đỉnh lễ Phật rồi ra đi.

Đến đó ở được chín mươi ngày, La-vân thấy hổ thẹn, tự thân sám hối, ngày đêm chẳng nghỉ. Một hôm, Đức Phật đến tinh xá, La-vân nhìn thấy, vui mừng chạy đến đỉnh lễ. Phật dạy La-vân:

- Con hãy mang chậu nước đến rửa chân cho Như Lai!

³⁹³ La-vân 羅雲 (Cg: La-hâu-la; S:Rāhula): một trong mười vị đệ tử lớn của Đức Phật.

Vâng lời Phật, La-vân mang nước đến rửa chân cho Ngài. Sau đó, Phật hỏi La-vân:

- Nước này dùng để nấu ăn và uống có được không?

La-vân bạch Phật:

- Nước này không dùng lại được! Bởi vì, nước này vốn sạch, nhưng nay đã đem rửa chân, trở thành dơ bẩn, nên không thể dùng.

Phật bảo La-vân:

- Con cũng như thế, tuy là con của Như Lai, cháu của quốc vương, lia bỏ vinh hoa ở đời, xuất gia làm sa-môn, nếu con không siêng năng kiểm soát việc làm, giữ gìn lời nói, lòng dạ chứa đầy cấu uế của ba độc, thì cũng như chậu nước bẩn này, không thể dùng lại được. Mặc dù nước trong chậu đã đổ đi, nhưng cái chậu vẫn không thể đựng thức ăn, vì nó đã từng đựng đồ dơ bẩn rồi. Con nay cũng như vậy, miệng không nói thành thật, tính tình ngang bướng, không chịu tinh tiến, từng mang tiếng xấu, khác nào chậu đựng nước rửa chân không thể đựng thức ăn!

Bấy giờ, Phật dùng ngón chân hất đổ chậu nước, rồi hỏi:

- Con có tiếc cái chậu này không?

La-vân bạch Phật:

- Con cũng thấy tiếc, nhưng không buồn gì cả!

Phật bảo La-vân:

- Cũng như vậy, con tuy làm sa-môn, nhưng không biết nhiếp phục thân miệng, làm rách lòng nhiều người, sau khi mạng chung thần thức luân chuyển trong ba đường ác, bậc hiền thánh chẳng thương tiếc, cũng như lời con nói.

La-vân nghe lời này, lòng hổ thẹn tự nhủ sẽ cố gắng, khắc cốt chằng quên, tinh tiến nhu hòa, luôn nhẫn nhục như đất, ngay đó đắc quả A-la-hán”.

Kinh *La-vân nhân nhục* ghi: “Lúc bấy giờ, La-vân đi đến nhà một bà-la-môn không có tín tâm để khát thực. Vị bà-la-môn này keo kiệt không cho còn đánh La-vân đến vỡ đầu chảy máu, rồi hốt cát bỏ vào bình bát của La-vân. [97c] La-vân nhân chịu không chống trả, lặng lẽ mang bát đến bên sông gội đầu, rửa bát và tắm rửa. ‘Ta đi khát thực một mình không ngờ họ vô cớ ngang ngược đánh ta, ta chỉ đau trong chốc lát, nhưng e rằng ông ấy phải chịu khổ lâu dài. Cũng như kiếm bén chém cây thối rửa, cây không biết đau, chẳng phải kiếm không bén. Lại như vị cam lộ của cõi trời đem cho loài heo ngu si kia ăn, heo không ăn mà bỏ chạy, đó chẳng phải do vị cam lộ không ngon. Ta đem lời chân thật của Phật để dạy cho người ngu si, hung ác ở thế gian, người ngu không biết suy xét, há chẳng giống như vậy sao!’.

La-vân trở về bạch Phật, Phật dạy:

- Người ấy đã tự hại mình! Sau khi mạng chung, họ sẽ đọa vào địa ngục Vô Trạch, bị quỷ ngục hành hình đau đớn, muôn khổ ập đến. Trải qua tám mươi bốn nghìn năm, thọ mạng người kia mới hết, lại thụ thân trần, nọc độc trở lại hại mình. Sau đó lại thụ thân rắn hổ mang, thường ăn đất cát, trải qua mười nghìn năm mới hết. Người này vì lòng sân giận, đối với bậc trì giới nên phải mang thân rắn độc, vì lấy đất cát bỏ vào bình bát nên đời đời ăn đất cát mà chết. Tội hết, được sinh làm người. Khi mang thai, người mẹ mắc phải bệnh nặng, của cải trong nhà ngày một sút giảm. Đứa bé sinh ra ngu đần, không có tay chân. Cha mẹ hoảng sợ, đều nói: ‘Yêu tinh gì đến đây, là việc chẳng lành’, liền đem đứa bé ấy bỏ ở ngã tư đường. Người qua kẻ lại đều kinh ngạc, tranh nhau lấy ngói, đá, dao, gậy, đánh chọi vào đầu làm dập não, đau đớn cùng cực suốt mười ngày mới chết. Sau khi chết, thần thức tái sinh làm người ngu đần như trước, trải qua năm trăm đời, tội nặng kia mới hết. Sau đó lại sinh làm người nhưng thường bị đau đầu, sinh vào nơi không gặp Phật pháp, nên mãi luân chuyển trong ba đường ác”.

Luận *Tân bà-sa* ghi: “Ta từng nghe trong hiền kiếp vào thuở quá khứ, có vị vua tên là Yết-lợi. Bấy giờ, có vị tiên nhân tên là Nhân Nhục, sống trong rừng, chuyên tu khổ hạnh.

Một hôm, vua cùng với quyền thuộc trong cung vào rừng dạo chơi nhưng không cho người nam theo. Đi một hồi lâu, nhà vua mệt mỏi, ngủ thiếp đi. Khi ấy, vì thích hoa quả, các thể nữ trong cung dạo khắp khu rừng. Từ xa,

trông thấy vị tiên nhân ngồi ngay thẳng, một mình lặng lẽ tư duy, các thể nữ cùng đi đến chỗ vị tiên. Sau khi đến, họ đĩnh lễ, rồi ngồi xung quanh. Vị tiên liền giảng giải về tội lỗi của tham dục cho họ nghe. Các thể nữ nghe rồi, sinh lòng nhàm chán. Bấy giờ, vua tỉnh giấc không thấy các thể nữ, liền suy nghĩ: ‘Chẳng lẽ có ai dụ dỗ các thể nữ của ta đi mất rồi ư!’. Nghĩ rồi, vua bèn rút kiếm đi tìm khắp nơi, chợt thấy các thể nữ đang ngồi vây quanh vị tiên. Lòng rất tức giận, vua nghĩ ‘Con quỷ nào đây đã dụ dỗ các thể nữ của ta’, rồi đến hỏi vị tiên:

- Ông là ai?

Vị tiên đáp:

- Tôi là tiên nhân.

Vua lại hỏi:

- Ông ngồi ở đây làm gì?

Tiên nhân đáp:

- Tu đạo nhẫn nhục.

Vua suy nghĩ: ‘Người này vì thấy ta nổi giận nên nói tu đạo nhẫn nhục. Bấy giờ, ta hãy thử, xem ông ấy như thế nào!’.

[98a] Vua lại hỏi:

- Ông đã đắc định Phi tướng phi phi tướng xú chưa?

Vị tiên đáp:

- Chưa!

Cứ thế, nhà vua lần lượt gạn hỏi cho đến:

- Ông đã đắc thiền thứ nhất chưa?

Tiên nhân đáp:

- Chưa!

Vua càng thêm tức giận, nói:

- Ông là người chưa ly dục, sao lại tùy tiện ngắm nhìn các thể nữ của ta?

Vị tiên đáp:

- Tôi là người tu đạo nhẫn nhục.

Vua nói:

- Ông thử duỗi một cánh tay ra, xem có thể nhẫn được không?

Bấy giờ, vị tiên duỗi ra một cánh tay, vua dùng kiếm bén chặt cánh tay rơi xuống đất tợ như cắt ngó sen. Vua lại hỏi vặn:

- Ông là ai?

Vị tiên đáp:

- Tôi là người tu đạo nhẫn nhục!

Vua lại bảo duỗi cánh tay còn lại, rồi chém đứt nó. Vua gạn hỏi như trước, vị tiên cũng đáp như trước. Như thế, vua lần lượt chém đứt hai chân, rồi cắt hai tai, xẻo lỗ mũi, mỗi lần hỏi đáp cũng giống như trước, khiến cho bảy bộ phận trên cơ thể của vị tiên đều rơi xuống đất, để lại bảy vết thương, vua mới hả giận. Tiên nhân bèn nói:

- Đức vua hôm nay vì sao lại tự mệt mỏi chán chường? Giả sử ngài có vằm nát thân thể của tôi ra nhỏ như hạt cải, cho đến vi trần, tôi cũng không khởi một niệm tức giận, cũng không hề động tâm.

Vị tiên lại phát nguyện:

- Hôm nay, ta thật không có tội mà ông lại chặt đứt bảy bộ phận trên thân ta để lại bảy vết thương. Đời sau, khi ta đắc quả A-nậu-bồ-đề³⁹⁴, với tâm

³⁹⁴ A-nậu-bồ-đề 阿耨菩提 (S: Anuttara-samyak-sambodhi): sự giác ngộ cao nhất trùm khắp tất cả. Trong đó, A-nậu-đa-la là Vô thượng. Tam-miệu tam-bồ-đề: dịch ý là chính biến tri, tức trí tuệ giác ngộ của Phật hàm ý bình đẳng viên mãn.

đại bi, không đợi ông tỉnh, trước nhất ta sẽ khiến ông tu thất chủng đạo³⁹⁵ để đoạn trừ thất tùy miên³⁹⁶”.

Nên biết, vị tiên tu hạnh nhẫn nhục lúc bấy giờ nay chính là Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, vua Yết-lợi tức là Cự Thọ³⁹⁷ Kiều-trần-na³⁹⁸. Sau khi Kiều-trần-na thấy thánh đế³⁹⁹, Đức Phật dùng thần lực phá trừ ám chướng cho ông ta, khiến cho ông ta nhớ lại sự việc trong đời quá khứ. Kiều-trần-na nghe xong, vô cùng hổ thẹn, chấp tay cung kính đảnh lễ Đức Phật.

XVIII.4. Tinh Tiến

Có ba : Lời dẫn, Biếng nhác, Chuyên tu.

XVIII.4.1. Lời dẫn

Chỉ tu hạnh nhẫn nhục thôi thì chưa đủ, vì ý chỉ rất ráo chưa được hiển bày, thế nên phải tinh tiến để tâm không biếng nhác.

Kinh ghi: “Ti-kheo các ông phải dũng mãnh tinh tiến, mặt trời trí tuệ của đấng Thập Lực⁴⁰⁰ đã lặn, các ông sẽ bị vô minh che phủ”.

Lại nói: “Người xiển-đề⁴⁰¹ suốt ngày nằm dài như thây chết, mà nói họ thành tựu đạo nghiệp, thật không có lý này”.

*Thích luận*⁴⁰² ghi: “Người tại gia biếng nhác thì mất quyền lợi ở đời. Người xuất gia biếng nhác thì mất pháp bảo. Thế nên, Tu-na dũng mãnh được chư Phật ngợi khen, Ca-diếp⁴⁰³ tinh tiến được Như Lai ấn chứng”.

³⁹⁵ Thất chủng đạo 七種道 (Cg: thất giác chi): bảy pháp có công năng giúp cho trí tuệ bồ-đề phát triển.

³⁹⁶ Thất tùy miên 七隨眠: bảy tùy miên. Trong sáu tùy miên tham, sân, si, mạn, nghi, kiến, tham tùy miên được chia làm hai thứ là dục tham và hữu tham, cộng chung là bảy tùy miên.

³⁹⁷ Cự Thọ 具壽 (S: Āyusmat): bậc đầy đủ đức hạnh và trí tuệ được mọi người tôn kính.

³⁹⁸ Kiều-trần-na 憍陳那 (Cg: A-nhã Kiều-trần-như; S:kaundimya): một trong năm vị đệ tử ti-kheo được Phật độ trong lần chuyển pháp luân đầu tiên.

³⁹⁹ Thánh đế 聖諦: cảnh giới vắng lặng hoàn toàn mà bậc thánh chứng biết, là đại nghĩa căn bản của Phật giáo; đây là thâm nghĩa cứu cánh trong các pháp bất ly thế gian.

⁴⁰⁰ Thập Lực 十力 (S:daśa balāni): ở đây chỉ Đức Phật.

⁴⁰¹ Xiển-đề 闡提: người mất hết căn lành, không có điều kiện thành Phật.

⁴⁰² Thích luận 釋論: luận giải thích kinh điển, ở đây chỉ cho luận Đại trí độ của ngài Long Thụ giải thích kinh Đại phẩm bát-nhã.

⁴⁰³ Ca-diếp 迦葉 (Hd: Âm Quang; S: Mahā-kāśyapa): một vị đệ tử xuất sắc, nổi tiếng có hạnh đầu đà nghiêm túc nhất trong hàng đệ tử Phật.

[98b] Sách *Nho* ghi: “Thức khuya dậy sớm, dốc sức quên thân mới được gọi là bề tôi trung, mới xứng đáng người con hiếu”. Nên biết, người buông lung biếng nhác thì không được mọi người tôn trọng, người siêng năng chịu khó thì lúc nào cũng được thành tựu. Sao cứ mãi buông lung, ngu mê phóng túng kiêu mạn, để đến nỗi hạt giống thiện căn không thể nảy mầm, cành nhánh bồ-đề ngày càng khô héo. Huống hồ thân này rồi cũng ra đi, Diêm vương gọi tên, lôi vào âm phủ, mãi mãi đánh mất tư lương, quan ngục tra hỏi, lấy gì đối đáp, đến lúc này hối hận sao kịp!”.

Vì thế, ngày nay khuyên các hành giả nhân lúc còn mạnh khỏe, hãy chuẩn bị tư lương, trong sáu thời thường kiểm soát ba nghiệp, chớ để trái phạm. Sớm tối mỗi ngày, từ sáng đến trưa, từ trưa đến chiều, từ chiều đến tối, từ tối đến sáng, cho đến một giờ một khắc, một niệm một sát-na, hành giả phải kiểm soát ba nghiệp, biết rõ: có bao nhiêu tâm làm thiện, bao nhiêu tâm làm ác, bao nhiêu tâm hiếu thuận, bao nhiêu tâm ngỗ nghịch, bao nhiêu tâm xa lìa tài sắc, bao nhiêu tâm tham đắm tài sắc, bao nhiêu tâm gieo nghiệp thiện của cõi trời, người; bao nhiêu tâm tạo nghiệp bất thiện của ba đường ác⁴⁰⁴, bao nhiêu tâm xa lìa danh lợi chấp ngã, bao nhiêu tâm tham cầu danh tiếng chấp ngã, bao nhiêu tâm thích tu pháp xuất thế của ba thừa⁴⁰⁵, bao nhiêu tâm khinh chê ba thừa, tham đắm thế gian.

Các tâm thiện ác ngày đêm trái nhau như thế, nên hành giả thường phải kiểm soát chớ để buông lung, rơi vào lưới tà, hằng tỉnh thức ba nghiệp, luôn răn nhắc, cảnh tỉnh cho nhau. Tâm và miệng luôn nhắc nhở nhau. Tâm nhắc nhở miệng: “Anh nên nói điều thiện, đừng nói điều phi pháp”. Miệng lại dặn dò tâm: “Anh nên nghĩ đến chính pháp, đừng nghĩ điều phi pháp”. Tâm lại nói với thân: “Anh nên tinh tiến chớ biếng nhác”.

Như thế, tâm ta tự điều phục, miệng ta tự thận trọng, thân ta tự cấm ngăn. Tự cảnh tỉnh như vậy, mới xứng đáng là người hoàn thiện, đâu phiền đến người khác nhắc nhở, gây thêm sự oán ghét nhau.

Cho nên, kinh ghi: “ Thân làm việc thiện, miệng nói lời hay, ý nghĩ điều tốt, nhất định sẽ sinh vào đường lành. Ngược lại, thân làm việc ác, miệng

⁴⁰⁴ Tam đồ 三塗: đồng nghĩa với ba đường ác địa ngục, nga quý, súc sinh. Đó là hỏa đồ, đao đồ và huyết đồ, là nơi do ác nghiệp của thân, khẩu, ý dẫn sinh.

⁴⁰⁵ Tam thừa 三乘 (S: trīṇi yānāni): ba xe, dụ cho ba pháp môn chuyên chở chúng sinh vượt qua sinh tử đến bờ Niết-bàn. Đó là Thanh văn thừa, Duyên giác thừa, Bồ tát thừa.

nói lời hung dữ, ý nghĩ điều tà vạy chắc chắn, sẽ sinh vào nẻo ác. Ví như ngựa hay vừa thấy bóng roi liền chạy, không như ngựa hèn phải đợi roi vọt mới đi. Con người cũng như vậy, nếu không tự răn nhắc, để người khác quở trách, thì trái lại chỉ tăng thêm phiền não, tội càng nặng hơn.

XVIII.4.2. Biếng nhác

Kinh *Bồ-tát bản hạnh* ghi: “Đức Phật bảo A Nan:

- Biếng nhác sẽ làm chướng ngại mọi điều. Như người tại gia biếng nhác thì cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc, tài sản thiếu hụt. [98c] Người xuất gia biếng nhác thì không thể thoát khỏi cái khổ sinh tử. Nên biết, tất cả mọi việc đều nhờ siêng năng mà được hưng thịnh.

Bấy giờ, Đế Thích liền nói kệ:

Muốn cầu đạo giải thoát,

Đừng tiếc thân mạng mình,

Xả thân như đất bản,

Thấu rõ không thật ngã.

Dùng của báu bố thí,

Không có gì là khó,

Người tinh tiến đồng mãnh,

Mới chóng được thành Phật”.

Kinh *Tăng nhất a-hàm*⁴⁰⁶ ghi: “Nếu người biếng nhác, gieo nghiệp bất thiện sẽ làm tổn hại đến sự nghiệp. Nếu siêng năng mới là điều tốt đẹp hơn cả. Cho nên, bồ-tát Di-lặc trải qua ba mươi kiếp mới thành Phật. Ta nhờ sức tinh tiến và tâm đồng mãnh, nên thành Phật trước ngài Di Lặc. Vì vậy, các ông phải luôn tinh tiến, chớ có biếng nhác”.

⁴⁰⁶ Kinh Tăng nhất a-hàm (Tăng nhất a-hàm kinh 增壹阿含經; S: Ekottarikāgama): kinh, năm mươi một quyển, do ngài Cù-đàm Tăng-già-đề-bà dịch vào đời Đông Tấn, Trung quốc, được xếp vào Đại chính tạng, tập 2, là một trong bốn bộ A-hàm thuộc Bắc truyền.

Kinh *Thí dụ* ghi: “Vào thời đức Phật Ca-diếp, có hai anh em nọ đều làm sa-môn. Người anh luôn giữ giới, tu tập thiền định, một lòng cầu đạo, nhưng không bố thí. Người em bố thí tu phúc, nhưng hay phá giới. Người anh xuất gia theo Phật Thích-ca đắc quả A-la-hán, nhưng áo không đủ mặc, cơm không đủ no. Còn người em tái sinh vào loài voi, làm voi có sức mạnh, có khả năng đánh thắng kẻ địch nên được vua yêu quý, phong cho mấy trăm ấp và cung cấp cho vàng bạc, châu báu, anh lạc..., voi muốn gì đều được đầy đủ. Bấy giờ, gặp lúc mất mùa, người anh là tì-kheo đi khắp nơi khát thực suốt bảy ngày vẫn không được thức ăn, cuối cùng mới được chút ít đồ ăn dở, tạm giữ được mạng sống. Vị tì-kheo quán biết voi kia đòi trước là em mình nên đi đến bên cạnh, kề tai voi nói: ‘Trước kia ta và người đều mắc tội’. Voi suy gẫm lời của vị tì-kheo, nhớ lại nhân duyên kiếp trước của mình nên buồn bã, không chịu ăn uống. Người giữ voi lo sợ, đi đến tâu việc ấy với vua. Vua hỏi ông ta:

- Trước đây có người nào xúc phạm voi không?

Người giữ voi thưa:

- Không có người nào khác chỉ có một vị sa-môn đi đến bên voi chốc lát rồi đi.

Vua liền sai người đi tìm vị sa-môn, hỏi xem đến bên voi nói điều gì. Vị sa-môn đáp:

- Tôi nói với voi ‘Ta và người đều mắc tội’.

Vị Sa-môn kể lại cho nhà vua nghe đầy đủ sự việc đòi trước. Vua hiểu ra, liền cho thả vị sa-môn”.

Kinh *Phật thuyết mã hữu bát thái thí nhân ghi*⁴⁰⁷:

- Phật bảo các tì-kheo: “Loài ngựa có tám thói xấu. Đó là:

1. Khi tháo dây cương liền muốn kéo xe chạy

⁴⁰⁷ Kinh Phật thuyết mã hữu bát thái thí nhân (Phật thuyết mã hữu bát thái thí nhân kinh 馬有八態譬人經): kinh, một quyển, do ngài Chi Diệu dịch vào đời Hậu Hán. Nội dung nói về ngựa chứng có tám tính xấu để chỉ cho hàng tì-kheo có thói xấu.

2. Khi đóng xe vào thì nó nhảy cõn lên, muốn đá người
3. Cát hai chân trước lúc kéo xe chạy
4. Đạp vào bánh xe
5. Khi người mang ách vào thân nó, thì nó giật xe lùi lại
6. Đi càn chạy bừa
7. Kéo xe ruồi chạy, nhưng khi gặp bùn lầy thì đứng lì, không chịu đi
8. Treo máng cho ăn, thì nhìn hoài không chịu ăn, nhưng khi chủ dắt đi sắp đóng vào xe, bắt ngậm hàm thiết, thì muốn ăn cũng không được”.

Đức Phật dạy:

- Con người cũng có tám tật xấu. Đó là:

1. Nghe giảng kinh Phật, liền bỏ đi không thích nghe, như khi ngựa được mở dây cương, thì kéo xe chạy.
2. Nghe giảng nghĩa kinh, không hiểu, không biết yếu chỉ của kinh điển thì nổi giận, nhảy dựng lên, không muốn lắng nghe, như ngựa khi đóng xe vào thì nó nhảy cõn lên, muốn đá người.
3. Nghe giảng kinh, liền chống đối, không chấp nhận, như khi ngựa cát hai chân trước, kéo xe chạy.
- [99a]** 4. Khi nghe giảng kinh, lại mắng chửi, như ngựa đạp bánh xe.
5. Nghe giảng kinh, liền đứng dậy, bỏ đi, như ngựa khi người mang ách vào thân nó, thì nó giật xe lùi lại.
6. Khi giảng kinh, không chịu lắng nghe, ngoài đầu nhìn quanh, rồi nói chuyện riêng, như khi ngựa đi càn, chạy bừa.

7. Nghe giảng kinh, liền muốn bắt bẻ đến cùng, hỏi vặn để đối phương không thể đáp được, lại cắt ngang, nói càn, như ngựa gặp bùn lầy thì đứng lì, không chịu đi.

8. Nghe giảng kinh, không chịu lắng nghe, lại nghĩ đến sự dâm dục, mong cầu đủ thứ, không muốn tiếp nhận, sau khi chết bị rơi vào đường ác, dù muốn học hỏi, hành đạo cũng không thể được. Người này giống như ngựa khi treo máng cho ăn, thì nhìn hoài không chịu ăn, nhưng khi chủ dắt đi sắp đóng vào xe, bắt ngậm hàm thiết, thì muốn ăn cũng không được.

Đức Phật dạy:

- Ta nói ngựa có tám thói hư, con người cũng có tám tật xấu như vậy. Sau khi nghe Phật dạy, các tì-kheo vui vẻ lễ Phật, rồi lui ra.

XVIII.4.3. Sách tấn tu tập

Kinh *Thí dụ* ghi: “Có vị sa-môn nước La-duyệt-kỳ tọa thiền, tự lập thế rằng: ‘Nếu ta không đắc đạo thì không bao

giờ đứng lên’. Vì thế, vị ấy đeo cây dùi dài tám tấc, khi sắp buồn ngủ thì chích vào hai bắp vế làm cho đau để khỏi ngủ, nên một năm sau thì đắc đạo”.

Kinh *Bạc-câu-la* ghi: “Bạc-câu-la⁴⁰⁸ nói:

- Từ khi xuất gia đến nay đã tám mươi năm, ta chưa từng nằm nghỉ, hông không dính chiếu, lưng không tựa giường”.

Kinh *Di giáo* ghi: “Các thầy tì-kheo! Nếu tinh tiến đồng mãnh thì không việc gì là khó, thế nên các thầy phải luôn tinh tiến. [99b] Thí như dòng nước nhỏ mà chảy mãi thì đá cũng mòn. Nếu hành giả tâm luôn biếng trễ thì cũng giống như dùi lửa, lửa chưa có mà đã dùng, dầu muốn có lửa cũng không thể được”.

⁴⁰⁸ Bạc-câu-la 薄拘羅 (S: Vakkula, Bakkula, Bakula, Vakula): một vị đệ tử của Đức Phật. Thuở nhỏ, Bạc-câu-la bị kẻ mẩu sát hại năm lần mà không chết. Từ khi xuất gia cho đến khi viên tịch, ngài luôn khỏe mạnh không hề đau ốm, hưởng thọ một trăm sáu mươi tuổi, được người đời tôn xưng là trường thọ bậc nhất.

Luận *Trí độ* ghi: “Thân tiến là việc nhỏ, tâm tiến mới là việc lớn. Tinh tiến làm những việc bên ngoài là việc nhỏ, tinh tiến quán sát tự thân mới là việc lớn”.

Lại nữa, Phật dạy, sức của ý nghiệp rất mạnh, như khi tiên nhân sân giận đã khiến cho nước lớn bị diệt vong. Lại nữa, thân miệng tạo năm tội nghịch, chịu quả báo một kiếp ở địa ngục A-tì⁴⁰⁹, nhưng nhờ sức của ý nghiệp mà sinh vào cõi Phi hữu tướng phi vô tướng, thọ tám mươi nghìn đại kiếp, lại sinh về cõi nước Phật trong mười phương, thọ mạng vô lượng. Vì thế, thân miệng tinh tiến là việc nhỏ, ý tinh tiến mới là việc lớn. Tất cả các kinh đều tán thán hạnh tinh tiến, nếu nhất tâm chính niệm thì sớm đắc đạo quả, không nhất định phải học rộng nghe nhiều.

Luận *Tỳ-bà-sa* ghi: “con ngựa chạy chậm. Tuy cưỡi con ngựa chạy chậm, nhưng nhờ xuất phát trước nên người ấy đến đích trước. Cũng vậy, người có đức tin giải thoát, tinh tiến tu hành sẽ đến Niết-bàn trước. Như vậy, cả hai đều đạt kết quả viên mãn như nhau”.

Kinh *Lục độ* ghi: “Có bốn trường hợp tinh tiến để có đầy đủ trí tuệ. Đó là:

1. Siêng năng đa văn⁴¹⁰
2. Siêng năng tổng trì⁴¹¹
3. Siêng năng nhạo thuyết⁴¹²
4. Siêng năng chính hạnh⁴¹³”.

Trong *Lục độ tập kinh* ghi: “Phật bảo các đệ tử phải tinh tiến dũng mãnh lắng nghe, đọc tụng, không được biếng nhác mà bị năm ám⁴¹⁴, năm cái⁴¹⁵ ngăn che. Ta nhớ cách đây vô số kiếp về quá khứ, có vị Phật hiệu là

⁴⁰⁹ Địa ngục A-tì (A-tì địa ngục 阿鼻地獄; S: Avīci): địa ngục vô gián, một trong tám địa ngục nóng.

⁴¹⁰ Đa văn 多聞 (S: bahu-sruta): học rộng nghe nhiều những kinh giáo của Đức Phật.

⁴¹¹ Tổng trì 總持 (S: dharani): pháp môn tổng trì, là sức niệm tuệ có công năng tổng nhiếp ghi nhớ vô lượng Phật pháp, không cho quên mất.

⁴¹² Nhạo thuyết 樂說: ưa thích thuyết pháp và thuyết pháp thuận theo sự ưa muốn của chúng sinh.

⁴¹³ Chính hạnh 正行 (S: Samyak-pratipatti): hành vi chân chính, mực thước do Phật dạy hoặc chính nhân vãng sinh Tịnh Độ.

⁴¹⁴ Năm ám (ngũ ám 五陰; S: pañca-skandha; Cg: ngũ uẩn): năm sự tích tụ theo từng loại tất cả pháp hữu vi. Đó là sắc, thụ, tưởng, hành, thức.

⁴¹⁵ Năm cái (ngũ cái 五蓋; S: pañca āvaraṇāni): năm thứ phiền não che lấp tâm tính, làm cho pháp lành không phát sinh được. Đó là tham dục, sân khuê, hôn miên, trạo cử ố tác, nghi.

Nhất Thiết Độ Vương. Bảy giờ, trong chúng có hai vị tì-kheo, một vị tên là Tinh Tiến Biện, một vị tên Đức Lạc Chỉ cùng nghe pháp. Tinh Tiến Biện nghe kinh, sinh tâm hoan hỷ, ngay khi ấy đắc quả A-duy-việt-trí⁴¹⁶, đầy đủ thần thông. Còn Đức Lạc Chỉ vì mê ngủ không tỉnh giác nên không đạt được gì cả. Bảy giờ, Tinh Tiến Biện nói với Đức Lạc Chỉ: ‘Huynh phải siêng năng lên chứ, sao cứ ngủ hoài vậy?’. Đức Lạc Chỉ nghe lời nhắc nhở này liền kinh hành, nhưng lại đứng ngủ, không thể định tâm, sau đến bên bờ suối ngồi thiền, cũng lại buồn ngủ. Bảy giờ, vì muốn dùng phương tiện khéo léo đến độ anh ta, Tinh Tiến Biện hóa thành con ong chúa bay đến đậu trên mắt như muốn chích. Vì sợ ong chúa này chích, Chỉ ngồi tỉnh táo, nhưng được chốc lát lại ngủ. Khi ấy, con ong bay vào nách, chích vô ngực và bụng, Lạc Chỉ hoảng sợ không dám ngủ nữa. [99c] Lúc này, quanh suối có nhiều loài hoa tươi đẹp, ong chúa bay đến đậu trên hoa hút mật, Lạc Chỉ ngồi ngay thẳng nhìn ong chúa, sợ nó bay đến chích nên không dám ngủ. Ong chúa ham hút mật hoa không chịu bay. Một lát sau, ong chúa ngủ gục, rơi xuống bùn. Tắm gội thân thể xong, nó lại bay về đậu trên hoa. Bảy giờ, Lạc Chỉ nói kệ cho ong chúa nghe:

Thân mày được no đủ,

Là nhờ hút mật hoa,

Chẳng phải nên mang về,

Cho cả vợ con ư?

Cớ sao rơi xuống bùn,

Tự làm như thân thể,

Vì thế nếu sáng suốt,

Bỏ đi mật hoa này,

Cũng không nên ở lâu,

Bên trong đóa hoa ấy,

⁴¹⁶ A-duy-việt-trí 阿維越致 (Cg: A-bệ-bạt-trí): quả vị bất thoái chuyển.

*Mặt trời lặn, hoa khép,
Muốn ra cũng không được,
Phải đợi sáng hôm sau,
Mây mới bay ra khỏi,
Suốt đêm dài tăm tối,
Như thế thật khổ nhọc.*

Bấy giờ, ông chúa nói kệ đáp lại Lạc Chi:

*Phật pháp như cam lộ,
Nghe hoài không biết chán,
Chớ nên sinh biếng lười,
Không ích lợi cho ai.
Biển sinh tử năm đường,
Như rơi vào bùn nhơ,
Người ngu si mê lầm,
Bị ái dục trói buộc.*

*Mặt trời mọc, hoa nở,
Vì cho sắc thân Phật,
Mặt trời lặn, hoa khép,
Như Thế Tôn niết-bàn.*

Gặp thời Phật ra đời,

Nên tinh tiến tu hành,

Bỏ ngủ nghỉ ngăn che,

Đừng nghĩ Phật còn mãi.

Yếu chỉ của pháp mâu,

Không phải nơi hình tướng,

Tôi hiện ra tham đấm,

Nên biết là phương tiện,

Khéo léo để độ ông,

Được lợi ích thật sự,

Nay biến hóa như vậy,

Cũng là vì tất cả.

Bấy giờ, Đức Lạc Chi nghe bài kệ này liền đặc Bất khởi pháp nhẫn⁴¹⁷, và nhân đó đặc Đà-la-ni”.

Đức Phật bảo tôn giả A-nan:

- Tinh Tiến Biện thưở ấy là Ta, Đức Lạc Chi chính là bồ-tát Di-lặc. [100a] Thưở ấy Ta và Di-lặc cùng nghe pháp, nhưng vì Di-lặc mê ngủ nên không chứng đạo. Nếu Ta không dùng phương tiện khéo léo để giúp đỡ thì bồ-tát Di-lặc đến nay vẫn còn ở trong sinh tử, chưa được giải thoát.

Kinh *Pháp cú thí dụ* ghi: “Thưở xưa, ở nước ngoài, có một thanh tín sĩ⁴¹⁸ hết lòng cúng dường tam bảo. Bấy giờ, có vị sa-môn cùng với các bạn đồng đạo đều đã đặc thần thông, sinh tử đã dứt. Khi ấy, vị thanh tín sĩ này lâm bệnh nặng, trị đủ thuốc men vẫn không khỏi. Bấy giờ, người vợ đứng

⁴¹⁷ Bất khởi pháp nhẫn 不起法忍 (Cg: Vô sinh pháp nhẫn; S: anutpattika-dharma-ksanti): pháp nhẫn vô sinh, một trong ba nhẫn, tức quán lý không sinh không diệt của các pháp, nhận kỹ lý ấy, an trụ tâm bất động.

⁴¹⁸ Thanh tín sĩ 清信士 (Cg: thanh tín nam; S: Upāsaka): người nam thụ tam qui, ngũ giới, có lòng tin trong sạch đối với Phật pháp.

bên cạnh khóc lóc sầu khổ, nói: ‘Cùng là vợ chồng, sao một mình anh phải chịu khổ như thế. Nếu anh chết đi, em biết nương tựa vào đâu, phận gái cô đơn biết cậy nhờ ai!’. Nghe vậy, người chồng xót xa, ngay đó mạng chung. Thần thức tái sinh làm con dòi ở trong lỗ mũi người vợ, người vợ khóc mãi không ngớt.

Bấy giờ, vị sa-môn ấy đến thăm bà ta, biết người chồng mới chết hóa làm con dòi ở trong lỗ mũi, nên muốn khuyên bảo để bà vui bớt nỗi buồn. Thấy vị sa-môn đến, bà ta càng thêm sầu khổ, thưa:

- Bạch hòa thượng, làm sao đây! Chồng con chết mất rồi!

Bấy giờ, người vợ nước mắt nước mũi chảy dài, con sâu trong mũi bèn rơi xuống đất, người vợ xấu hổ định lấy chân chà chết nó, vị sa-môn liền can:

- Đứng, đứng! Chớ giết nó! Người chồng của con hóa sinh làm con dòi này.

Người vợ thưa với Sa-môn:

- Chồng con siêng năng tụng kinh, giữ giới không ai bì kịp, vì sao mạng chung lại đọa làm con dòi này?

Vị sa-môn đáp:

- Bởi vì con thương yêu, khóc lóc, than thở, nên chồng con lưu luyến. Vì vậy sau khi chết, chồng con đọa làm dòi.

Vị sa-môn thuyết pháp cho dòi nghe: ‘Lẽ ra ông được sinh lên trời hay sinh ở trước chư Phật, nhưng vì ân ái nên ông bị đọa làm dòi, thật đáng hổ thẹn!’. Dòi nghe lời này, tâm ý bừng tỉnh, bèn tự trách mình, ngay khi ấy mạng chung, sinh lên cõi trời”.

Cho nên, chúng ta phải tự cảnh tỉnh! Làm người thì không được biếng trễ mà tổn hại đến đời sau.

XVIII.5. Thiền định

XVIII.5.1. Lời dẫn

Thần thông thù thắng, nếu không có thiền định thì không thể sinh. Trí tuệ vô lậu nếu không an tĩnh thì không thể khai phát. Cho nên, kinh chép: “Chuyên tu thiền định sẽ đắc năm thần thông, tâm duyên vào một cảnh là tướng của tam-muội”. Sách *Nho* cũng chép: “Hãy để thân như cây khô, tâm như tro lạnh, không khuất phục trước giàu sang, không nhụt chí trong nghèo khổ, gửi tinh thần trong tĩnh lặng, để thân thể ngoài trần ai”.

Cho nên, nhiếp tâm vào một chỗ là rừng công đức, tán tâm trong khoảnh khắc là la-sát⁴¹⁹ phiền não. Vì thế, Thích tử Đàm Quang hàng phục hổ dữ quỳ trước gối, tiên nhân Loa Kế⁴²⁰ để chim làm tổ trên đầu. [100b] Nên biết, bậc đại sĩ⁴²¹ thường tu thiền định, chẳng đoạn phiền não mà vào niết-bàn, không bỏ đạo pháp mà thị hiện việc phàm phu. Lại nữa, hành giả phải khéo quán sát thân này, từ đầu đến chân có ba mươi sáu vật là chỗ chứa đựng tám vạn ổ vi trùng. Cho nên, thân này vốn là bất tịnh, vô thường, khổ, không, phi ngã⁴²². Nhưng tâm tính của chúng sinh ví như khí vượn, chạy nhảy leo trèo, vui đùa phóng dật, nếu không biết nhắm mắt, kềm thân, giữ tâm, nhiếp ý, thì ngang ngược khó dạy, cứng đầu khó khuyên, quen chạy theo năm trần, trôi lăn trong ba cõi, rơi vào cạm bẫy của ngoại đạo, vướng vào tầm gậy của thiên ma. Lúc ấy, mãi chìm trong biển khổ, vĩnh viễn đọa vào địa ngục sâu thẳm. Tất cả đều là do buông lung tinh thần, tán loạn tâm ý, tựa như ngọn đèn trước gió, ánh trăng trên mặt sóng, cứ chao đảo lay động, nhấp nhô bồng bênh. Bóng đã không rõ thì làm sao chiếu sáng được. Cho nên các điều ác từ đó mà dậy khởi, muôn điều thiện do đây mà tiêu diệt.

Bởi không tu đoạn trừ lậu hoặc, luôn khởi tham sân, chưa chế ngự được vô tri, chỉ tham đắm lạc thụ, để cho lậu hoặc tranh nhau kéo đến làm chướng ngại thiền định, các duyên đua nhau tụ tập làm hại định tĩnh, năm triền cái

⁴¹⁹ La-sát 羅刹 (S:rākṣasa): loại ác quỷ trong thần thoại Ấn Độ, được thấy ghi đầu tiên trong bộ Lê-câu-phê-đà, bộ kinh điển xưa nhất của Bà-la-môn giáo Ấn Độ. Tương truyền la-sát nguyên là tên gọi dân tộc Thổ Trú ở Ấn Độ, sau khi người Arya chinh phục Ấn Độ, la-sát trở thành một đại danh từ chỉ kẻ ác, dần dần dùng làm tên gọi chung loài ác quỷ.

⁴²⁰ Tiên nhân Loa Kế (Loa Kế tiên nhân 螺髻仙人): tiền thân Đức Phật Thích-ca Mâu-ni. Theo luận Đại Trí Độ 17, Đức Thích-ca là vị tiên nhân tên Thượng-Xà-lê, vì có búi tóc hình xoắn ốc trên đỉnh đầu nên được gọi là Loa Kế tiên nhân.

⁴²¹ Đại sĩ 大士 (S: mahāpuruṣa): ở đây chỉ cho hàng bồ-tát.

⁴²² Phi ngã 非我: những người biên dịch sau này dịch là vô ngã.

che tâm, cửa thiền định bị đóng kín, sáu trần buộc niệm, vọng tưởng đeo đuổi, khác nào voi cuồng không mọc, vượn hoang gặp được cành. Cho nên phải luôn cảnh tỉnh tâm mình trong từng niệm khi vừa dấy khởi. Đâu thể thấy niệm trước ác bèn ra sức lắng tâm, nhưng khi niệm sau thiện, lại mặc tình theo ý làm ác.

Vì thế, luận ca ngợi bậc an định cả bốn mùa, kinh tán dương người chính định trong từng niệm, rồi sau mới có thể chính niệm vượt khỏi phàm tình. Nếu trái lẽ này bậc thánh cũng bó tay. Ngày nay, vạn vật không thể tự nhiên sinh xúc, mà phải nương vào các căn, trong tâm nghĩ tưởng mới có cảm. Vì sao biết được như vậy? Bên trong có tâm cảm nhận, sự vật bên ngoài mới phát sinh, hoặc do duyên theo ngoại cảnh làm cho tâm ô nhiễm. Nên biết, tâm và cảnh nương nhau khởi, trong và ngoài tác dụng nhau mà sinh. Tâm và thức như vua và bề tôi, không thể bỏ cả hai. Cho nên, kinh ghi: “Tâm vua chính trực thì sáu bề tôi chẳng tà vạy. Ý thức hôn trầm thì tâm vương không sáng suốt”. Nay răn sáu thức bề tôi, mọi người phải biết hổ thẹn, chế ngự sáu căn, đừng để rong ruổi tán loạn.

XVIII.5.2. Tướng của thiền định

Phẩm *Tâm ý* trong kinh *Pháp cú* ghi: “Xưa, lúc Phật còn tại thế, có một vị đạo nhân tu tập nơi gốc cây bên bờ sông. Trải qua mười hai năm, nhưng lòng tham vẫn chưa dứt, tâm ý rong ruổi, chỉ nhớ tưởng đến sáu dục: mắt đắm sắc, tai thích tiếng, mũi nhiễm mùi, miệng tham vị, thân ưa cảm thụ, ý duyên theo pháp trần. Thân tuy ngồi yên mà tâm chưa từng dừng nghỉ, nên mười hai năm vẫn không đắc đạo.

[100c] Phật biết đã đến lúc độ cho ông ấy, nên hóa làm một sa-môn, đến ngồi cạnh ông ta. lát sau, trăng lên, một con rùa dưới sông bò đến bên gốc cây, lại có con chó đang đói cũng đi tìm thức ăn. Thấy rùa, chó định ăn thịt, rùa thụt đầu, rút đuôi và dấu bốn chân vào trong mai nên chó không ăn thịt được. Chó bỏ đi không xa, rùa lại lộ đầu và chân, tiếp tục lên đường như cũ, chó không làm gì được, nên rùa thoát nạn.

Bấy giờ, đạo nhân hỏi sa-môn:

- Con rùa này nhờ có cái mai che thân, nên chó không ăn thịt được, phải không?

Vị sa-môn đáp:

- Ta nghĩ, con người ở đời không bằng con rùa này, không biết vô thường, buông lung theo sáu tình⁴²³, nên bị ngoại ma nhiễu loạn. Đến khi hồn lìa khỏi xác thì sinh tử không cùng, luân chuyển trong năm đường, khổ não triền miên, đều là do ý gây ra. Vì thế, mỗi người phải cố gắng mong cầu sự an lạc của niết-bàn”.

Thế rồi, vị sa-môn nói kệ:

Dấu sáu căn như rùa,

Giữ ý tợ giữ thành,

Dùng trí tuệ đánh ma,

Quyết thắng không lo sợ.

Kinh *Đại bảo tích* ghi: “Bồ-tát tu tập thiền định có mười pháp khác với hàng Nhị thừa. Đó là:

1. Bồ-tát tu thiền định không còn chấp ngã, vì đầy đủ các loại thiền định của Như Lai
2. Bồ-tát tu thiền định không còn đắm trước, dứt trừ tâm nhiễm ô, không cầu niềm vui cho riêng mình
3. Bồ-tát tu thiền định đầy đủ các thần thông, biết rõ các tâm hành của chúng sinh
4. Bồ-tát tu thiền định biết rõ các loại tâm, hóa độ tất cả chúng sinh
5. Bồ-tát tu thiền định thực hành đại bi, để đoạn trừ phiền não kết sử cho các chúng sinh
6. Bồ-tát tu thiền định thành tựu các pháp tam-muội, khéo biết cách ra vào trong ba cõi

⁴²³ Sáu tình (lục tình 六情): sáu căn. Các kinh điển cựu dịch phần nhiều dịch là sáu tình. Vì sáu căn mắt tai, mũi, lưỡi, thân và ý đều có tình thức nên gọi là sáu tình.

7. Bồ-tát tu thiền định thường được tự tại, đầy đủ tất cả thiện pháp
8. Bồ-tát tu thiền định tâm được tịch tĩnh, hơn hẳn các thiền tam-muội của hàng Nhị thừa
9. Bồ-tát tu thiền định thường được trí tuệ, vượt ngoài thế gian, đến bờ giác ngộ
10. Bồ-tát tu thiền định có khả năng làm chính pháp hưng thịnh, tiếp nối Tam bảo không để đoạn dứt”.

Bồ-tát tu tập thiền định như thế, nên khác với hàng thanh văn⁴²⁴ và bích-chi phật⁴²⁵.

Đức Phật dạy:

- Nếu bồ-tát thích tu hạnh đầu-đà⁴²⁶ khát thực sẽ được mười lợi ích. Đó là:

1. Bẻ gãy cờ ngã mạn.
2. Không mong cầu thương yêu.
3. Chẳng màng đến danh tiếng.
4. An trụ vào dòng thánh.
5. Không dối trá, nịnh hót, không hiện tướng khác lạ, không kiêu căng ngạo mạn.
6. Không tự đề cao mình.
7. Không chê bai người khác
8. Dứt trừ tâm thương ghét
9. Nếu vào nhà người là vì bố thí pháp chứ không vì ăn uống

⁴²⁴ Thanh văn 聲聞 (S: śrāvaka): các đệ tử xuất gia nghe âm thanh thuyết giáo của Phật mà chứng ngộ.

⁴²⁵ Bích-chi phật 辟支佛 (S: pratyeka-buddha): bậc thánh không có thầy mà tự giác ngộ.

⁴²⁶ Đầu-đà 頭陀 (S: dhūta): khổ hạnh tu tập để dứt bỏ sự tham trước y phục, uống ăn, chỗ ở v.v... ngộ hầu điều phục thân tâm.

10. Các pháp nói ra đều được mọi người tin nhận.

[101a] Luận *Đại trí độ* ghi: “Tam-muội có hai loại là tam-muội của Phật và tam-muội của bồ-tát. Các vị bồ-tát chỉ được tự tại trong tam-muội của bồ-tát, không được tự tại trong tam-muội của Phật”.

Chư Phật yếu tập kinh ghi: “Bấy giờ, Văn-thù-thi-lợi⁴²⁷ muốn đến diện kiến chư Phật nhưng không được. Sau khi các Đức Phật trở về chỗ của mình, Văn-thù-thi-lợi bèn đi đến chỗ chư Phật vân tập, thì thấy có một người nữ ngồi nhập định bên cạnh Phật. Văn-thù-thi-lợi đến đảnh lễ Phật và bạch rằng:

- Vì sao người nữ này được ngồi gần Phật, còn con thì không?

Phật bảo Văn-thù-thi-lợi:

- Ông hãy làm cho người nữ này xuất định, rồi tự hỏi cô ấy.

Văn-thù-thi-lợi liền khảy móng tay để đánh thức, nhưng cô ấy vẫn không xuất định, gọi lớn cũng không xuất định, cầm tay kéo cũng không xuất định, lại dùng thần túc làm chấn động đại thiên thế giới, cô ấy cũng không xuất định. Văn-thù-thi-lợi bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn! Con không thể làm cho cô ấy xuất định.

Bấy giờ, Phật phóng một luồng ánh sáng lớn, từ cõi nước phương dưới có một vị bồ-tát tên là Khí Chư Cái hiện ra, đi đến chỗ Phật, đảnh lễ Ngài, rồi đứng qua một bên. Phật bảo bồ-tát Khí Chư Cái:

- Ông hãy đánh thức người nữ này!

Vâng lời Phật, bồ-tát Khí Chư Cái khảy móng tay, người nữ này liền xuất định.

Văn-thù-thi-lợi bạch Phật:

⁴²⁷ Văn-thù-thi-lợi 文殊尸利: tức ngài Văn-thù-su-lợi.

- Vì nhân duyên gì mà con làm chấn động cả ba nghìn đại thiên thể giới cũng không thể làm cho người nữ này xuất định, còn bồ-tát Khí Chư Cái chỉ gảy móng tay một cái cô ấy liền xuất định?

Đức Phật bảo Văn-thù-thi-lợi:

- Ông nhờ người nữ này mà phát tâm bồ-đề, người nữ này nương bồ-tát Khí Chư Cái mà phát tâm bồ-đề. Vì thế, ông không thể làm cô ấy xuất định. Ông chưa đầy đủ công đức tam-muội của chư Phật, còn bồ-tát Khí Chư Cái đã được tự tại trong tam-muội. Ông mới vào được chút ít tam-muội của Phật nên chưa được tự tại”.

Ở đây chỉ trích dẫn một vài đoạn kinh nhằm khen ngợi pháp tu thiền định. Nếu muốn biết rõ cách tọa thiền, nghi thức pháp quán của Đại thừa và Tiểu thừa thì trong bộ *Quán môn* gồm mười quyển có ghi đầy đủ. Người học tự tìm xem, ở đây không trình bày hết được.

XVIII.6. Trí tuệ

XVIII.6.1. Lời dẫn

Trong hai loại trang nghiêm⁴²⁸, trí tuệ là tối thắng. Trong ba phẩm thứ đệ⁴²⁹, trí tuệ là Vô ngu. [101b] Cho nên, kinh ghi: “Năm độ trước nếu không có trí tuệ thì tựa như người ngu, kẻ mù. Sở dĩ Ba-nhã⁴³⁰ hơn hẳn các pháp thế gian là vì có công năng phá trừ các hữu⁴³¹”.

Thích luận lại chép: “Phật là mẹ của chúng sinh, ba-nhã là mẹ của chư Phật”. Thế thì, trí tuệ là bà của tất cả chúng sinh. Cho nên, ngoại thư⁴³² có ghi: “Thông minh, trí tuệ, khiêm cung, sáng suốt mới đúng là đức của Phóng Huân⁴³³. Nhân, nghĩa, lễ, trí chính là đạo của Tuyên Ni⁴³⁴”.

⁴²⁸ Hai loại trang nghiêm (nhị chủng trang nghiêm 二種莊嚴): trí tuệ trang nghiêm và phúc đức trang nghiêm.

⁴²⁹ Ba phẩm thứ đệ (tam phẩm thứ đệ 三品次第): ba môn vô lậu học giới, định và tuệ.

⁴³⁰ Ba-nhã 波若 (Cg: bát-nhã; S: prajñā): trí tuệ chân thật được hiển hiện do tu tập tám chính đạo và sáu hạnh ba-la-mật. Trí tuệ này cao sâu, thấy rõ tất cả sự vật và đạo lý, nên gọi là bát-nhã.

⁴³¹ Chư hữu 諸有: vạn tượng sai biệt của cõi mê. Tất cả những nghiệp do chúng sinh gây tạo, từ nhân sinh quả, những nhân duyên và quả báo này thật có, không hư dối; cho nên gọi là hữu.

⁴³² Ngoại thư 外書: Phật giáo gọi những loại sách ngoài kinh điển của Phật là ngoại thư, ở đây chỉ cho sách Nho.

⁴³³ Phóng Huân 放勛: tên của vua Nghiêu.

⁴³⁴ Tuyên Ni 宣尼: tên của đức Khổng Tử.

Thế nên, pháp trí tuệ này không thể không tu học, nhân giải thoát ấy không thể không huân tập. Bởi vì trí tuệ có năng lực phá trừ sự ngu tối như mặt trăng tròn đầy có khả năng chiếu sáng khắp ba đường ác, lại có công năng diệt trừ ba thứ độc tợ như thuốc ma-kì⁴³⁵ có khả năng chế ngự các loài độc hại. Như vậy, lẽ nào hành giả mặc tình đắm chìm trong đường mê sinh tử để cho tâm chấp tướng buộc ràng, lòng chấp ngã mãi trói chặt, ái dục đầy đầy, vô minh dày đặc; đã không rõ lý nhân duyên, lại không đoạn trừ phiền não, khiến cho núi ngã mạn cao ngất như núi Tung⁴³⁶, núi Hoa⁴³⁷, sông ái cuộn cuộn rộng sâu như biển cả hay sao!

Có người vọng chấp vào đoạn kiến⁴³⁸ hoặc thường kiến⁴³⁹; hoặc chỉ bàn đến lý tức ly⁴⁴⁰; hoặc chấp thần vàng, thần trắng⁴⁴¹; hoặc khởi tưởng “ta thấy, ta biết”.

Có kẻ thường thực hành các phép khổ hạnh của ngoại đạo như đứng một chân, phó hỏa⁴⁴², ăn cỏ như loài trâu, nuốt phân như loài chó.

Có người chuyên bàn luận về tục đế⁴⁴³, thì làm sao biết đến lý trung đạo⁴⁴⁴?

Có kẻ chấp chặt vào bốn bộ Vi-đà⁴⁴⁵ thì há có thể lĩnh hội được ý chỉ Đại thừa?

Có người cho rằng, minh sơ sinh ra giác⁴⁴⁶...; ngoài hai mươi lăm đế này, không cần biết thêm gì nữa, vì đây là lý tối cao của thế gian.

⁴³⁵ Ma-kì 摩訶: loại thuốc có công năng chế ngự được các loài rắn độc.

⁴³⁶ Núi Tung (Tung sơn 嵩山): ngọn núi nổi tiếng nằm cách huyện Đãng Phong, tỉnh Hà Nam, Trung Quốc khoảng hơn 5km về phía bắc.

⁴³⁷ Núi Hoa (Cửu Hoa sơn 九華山): núi nằm cách huyện Thanh Dương, tỉnh An Huy về phía tây nam 20km, là một trong bốn núi lớn nổi tiếng của Phật giáo Trung Quốc.

⁴³⁸ Đoạn kiến 斷見: kiến chấp chủ trương các pháp thế gian và ngã đều phải đoạn diệt.

⁴³⁹ Thường kiến 常見: kiến chấp chủ trương thế giới là thường trụ bất biến, tự ngã của con người là bất diệt; tự ngã này sau khi chết cũng không tiêu diệt, có khả năng tái sinh và tái diễn lại hiện trạng tương tục, tức nói Ngã là thường trụ.

⁴⁴⁰ Tức ly 即離: pháp môn bất nhị. Sự, lý không hai là “tức”; sự, lý sai biệt là “ly”. Tông Thiên Thai dùng “tức và ly” này để phân biệt sự cạn sâu của Biệt giáo và Viên giáo.

⁴⁴¹ Thần vàng thần trắng (thần hoàng, thần bạch 神黃神白): thần sát-lợi màu vàng, thần bà-la-môn màu đỏ, thần ti-xá màu trắng, thần thủ-đà màu đen (Theo Đại thừa tứ luận huyền nghĩa Kí 9).

⁴⁴² Phó hỏa 赴火 (nguyên bản: ngũ biên trường chích 五邊長炙): pháp tu khổ hạnh của ngoại đạo, Ấn Độ thời xưa, nướng thân trên lửa, hoặc hơ lỗ mũi, cam chịu sự nóng bức để làm nhân chứng đạo.

⁴⁴³ Tục đế 俗諦 (S: samvṛti-satya): lý sinh diệt được thuyết minh tùy thuận theo sự hiểu biết của thế gian.

⁴⁴⁴ Trung đạo 中道 (S: madhyamā-pratipad): con đường trung chính, lia bỏ cực đoan, không thiên về bất cứ một bên nào hoặc một quan điểm, một phương thức nào. Trung đạo là lập trường căn bản của Phật giáo, được Đại thừa lần Tiêu thừa xem trọng.

⁴⁴⁵ Vi-đà 違陀 (Cg: Phệ-đà; S: Veda): thánh điển căn bản của Bà-la-môn giáo Ấn Độ.

Có kẻ lại nói, đạt đến Phi hữu tướng là chứng Niết-bàn⁴⁴⁷; hoặc cho rằng Tự Tại thiên⁴⁴⁸ có khả năng sáng tạo ra thế giới v.v...

Những hạng người như thế đều là ngu si, mê muội, nông cuồng, khó bảo, chỉ biết ôm cây đợi thỏ, chấp ngón tay là mặt trăng, chưa phân biệt được cỏ thơm và cỏ hôi, thì làm sao phân định được đậu và lúa? Dầu rằng họ biết vui cười, nhưng khác nào dã nhân, chỉ biết suông trên ngôn từ thì đâu khác gì đười ươi. Đó đều là do họ chẳng hiểu rõ lý không, thường sống trong vô minh, đó là tâm điên đảo, đều gọi là kiến chấp sai lầm. Năm trụ phiền não⁴⁴⁹ chưa từng giảm bớt, dù bằng mảy lông. Cho nên một trăm lẻ tám kết sử⁴⁵⁰ đầy khởi mãi không ngừng.

Do đó, bậc Đại sĩ vì mong được nghe tám chữ⁴⁵¹ mà chẳng tiếc thân mạng, vậy mà còn sợ bị lui sụt khi gặp nghịch cảnh, chương duyên. Thế nên, mỗi người phải tự nhiếp phục tâm mình để ý chí càng thêm kiên định.

XVIII.6.2. Cầu pháp

Kinh *Hoa nghiêm* ghi: “Bồ-tát vì cầu pháp, nên khi nghe người bố thí pháp hỏi:

- Nếu ông có thể gieo mình vào hầm lửa sâu bảy nhận⁴⁵², thì tôi sẽ nói pháp cho. Bồ-tát vô cùng vui mừng, tự nghĩ: ‘Ta vì cầu pháp mà không tiếc thân mạng, đã từng chịu vô lượng khổ ở trong các đường ác như địa ngục A-tỳ, sá gì vào hầm lửa bé nhỏ ở thế gian này mà được nghe pháp?’”

⁴⁴⁶ Minh sơ sinh ra giác (nguyên văn là minh sơ sinh giác 明初生覺): đề thứ nhất trong hai mươi lăm đề của học phái Số Luận ở Ấn Độ thời cổ đại.

⁴⁴⁷ Phi hữu tướng là chứng Niết-bàn (Phi hữu tướng thị chứng Niết-bàn 非有想是證涅槃): một trong sáu mươi hai kiến chấp của ngoại đạo ở Ấn Độ thời cổ đại. Đây là một loại thường kiến sinh khởi do chấp trước đời vị lai.

⁴⁴⁸ Tự Tại thiên 自在天 (Gđ: Đại Tự Tại thiên; S: Maheśvara): thần thủ hộ của Phật giáo, trụ ở tầng trời Đệ tứ thiên, cũng là chủ thần Thấp-bà, một trong ba chủ thần của Bà-la-môn giáo.

⁴⁴⁹ Ngũ trụ phiền não 五住煩惱: năm phiền não như kiến nhất thiết xứ trụ địa, dục ái trụ địa, sắc ái trụ địa, hữu ái trụ địa và vô minh trụ địa. Vì năm hoặc này là sở y, sở trụ của tất cả phiền não và có khả năng sinh ra phiền não, nên gọi là trụ địa.

⁴⁵⁰ Kết sử 結使: tên khác của phiền não. Kết là các phiền não trói buộc chúng sinh làm cho không thể ra khỏi sinh tử; “sử” là các phiền não sai khiến làm não loạn chúng sinh.

⁴⁵¹ Tám chữ (bát tự 八字): sinh diệt diệt dĩ, tịch diệt vi lạc. Câu này nghĩa là sinh diệt diệt rồi, tịch diệt là vui.

⁴⁵² Nhận 刃: đơn vị đo chiều dài thời cổ Trung Hoa, bằng tám thước của nhà Chu, khoảng sáu thước bốn tấc tám phân ngày nay.

[101c] Kinh *Tập nhất thiết công đức tam-muội*⁴⁵³ ghi: “Vào thời quá khứ lâu xa, Đức Phật Thích-ca là một vị tiên nhân đã đắc ngũ thông, tên là Tối Thắng”.

Luận *Đại trí độ* lại ghi: “Phật Thích-ca-văn khi còn làm vị bồ-tát tên là Nhạo Pháp. Bấy giờ, gặp thời không có Phật, không được nghe pháp lành, bồ-tát đi khắp nơi cầu pháp, tinh tiến không biếng nhác, nhưng hoàn toàn không gặp được.

Khi ấy, ma vương hóa thành một vị bà-la-môn nói với bồ-tát: ‘Ta có một bài kệ do Phật nói, nếu ông có thể lấy da làm giấy, lấy xương làm bút, lấy máu làm mực để viết bài kệ này thì ta sẽ nói cho ông nghe’. Ngay đó, Nhạo Pháp suy nghĩ: ‘Đời đời ta đã từng bỏ vô số thân mạng vẫn không được lợi ích như vậy’. Nghĩ xong, bồ-tát liền lột da đem phơi nắng cho khô, khi định viết bài kệ thì ma vương biến mất. Lúc này, biết được lòng thành của bồ-tát, từ phương dưới Phật hiện lên, diễn nói pháp màu cho bồ-tát. Ngay đó, bồ-tát chứng được Vô sinh pháp nhẫn”.

Kinh *Niết-bàn* ghi: “Bồ-tát vì cầu pháp mà khoét thân làm đèn, lấy vải quấn làm tim, đổ dầu mỡ vào, rồi đốt lên. Đang lúc chịu khổ cùng cực như vậy, bồ-tát vẫn tự nhủ mình: ‘Nỗi khổ này so với cảnh khổ ở địa ngục chưa bằng một phần trong trăm nghìn vạn lần. Trong vô lượng trăm nghìn kiếp, thân này đã chịu đau đớn cùng cực mà vẫn không được lợi ích gì, nếu không chịu được chút khổ này thì làm sao cứu vớt chúng sinh đang đau khổ trong địa ngục?’ Khi bồ-tát ma-ha-tát khởi quán như vậy, thì thân không biết đau, tâm không lui sụt, không dao động cũng không lay chuyển. Bấy giờ, bồ-tát tự biết rõ: ‘Ta nhất định sẽ đắc quả A-nậu Bồ-đề’.

Lúc này, tuy chưa dứt sạch phiền não, nhưng vì cầu pháp nên bồ-tát bố thí cho chúng sinh đầu, mắt, tủy, não, tay, chân, máu, thịt; lấy đinh đóng vào thân, gieo mình nơi vách núi, xả thân vào hầm lửa. Tuy bồ-tát chịu vô số thống khổ như thế, nhưng tâm Ngài vẫn không lui sụt, không dao động, cũng không lay chuyển. Bồ-tát nhận biết: ‘Nay ta đã có tâm không lui sụt thì nhất định sẽ đắc quả A-nậu Bồ-đề’”.

⁴⁵³ Tập nhất thiết công đức tam-muội kinh 集一切功德三昧經: theo Đại chính tạng là Tập nhất thiết phúc đức tam-muội kinh.

Kinh *Đại tập* ghi: “Bồ-tát vì nghĩa của một chữ một câu mà đem châu báu trong mười phương thế giới dâng cúng pháp vương, vì một bài kệ mà bỏ cả thân mạng. Tuy trải qua vô lượng hằng-hà-sa kiếp, thực hành bố thí, nhưng không bằng vừa nghe pháp giác ngộ, tâm sinh vui vẻ. Do thích nghe, thích giảng chính pháp, nên được chư Phật, chư thiên gia hộ; nhờ thần lực gia trì của các ngài mà hành giả thông đạt hết thảy kinh điển, sách, luận trong thế gian”.

[102a] Kinh *Đại phương tiện báo ân* ghi: “Bồ-tát luôn mong cầu thiện tri thức để được nghe Phật pháp, chỉ cần nghe một câu, một bài kệ, một nghĩa, thì phiền não trong ba cõi thấy đều tiêu diệt. Khi mong cầu pháp Phật, bồ-tát tha thiết không tiếc thân mạng, cho dù phải vào những sắt nóng, lửa dữ, cũng không lo sợ. Bồ-tát vì một bài kệ còn không tiếc thân mạng, huống là mười hai thể loại kinh, vì một bài kệ còn không tiếc thân mạng, huống là của cải. Nhờ nghe giáo pháp, thân được an vui, lòng tin vững chắc, tâm ý ngay thẳng, hiểu biết đúng đắn. Khi gặp pháp sư, bồ-tát vui mừng như gặp cha mẹ, tâm không kiêu căng. Vì chúng sinh mà bồ-tát chí tâm nghe pháp chứ không phải vì lợi dưỡng, cũng không vì lợi ích riêng mình; vì chính pháp mà bồ-tát không sợ mọi điều như nạn vua, đói, khát, lạnh, nóng, hổ, beo, thú dữ, giặc cướp v.v... Trước hết, bồ-tát tự nhiếp phục phiền não, điều phục các căn sau đó mới nghe pháp”.

Kinh *Hoa nghiêm* ghi: “Bồ-tát cầu pháp bằng cách như thế, bao nhiêu châu báu có được đều không xem trọng, luyện tiếc, không có ý tưởng khó xả bỏ. Nếu được nghe một câu pháp chưa từng nghe thì còn hơn được châu báu khắp trong ba nghìn thế giới; được nghe một bài kệ còn hơn được ngôi vị Chuyển luân thánh vương, Thích-đề-hoàn-nhân, Phạm thiên vương. Bồ-tát suy nghĩ: ‘Nếu ta được nghe một câu pháp thì dầu phải gieo mình vào hầm lửa lớn bằng ba nghìn đại thiên thế giới, lửa cháy lên tới cõi Phạm thiên, ta còn làm được, huống là ngọn lửa bé nhỏ. Ta còn chịu hết tất cả nỗi khổ trong chốn địa ngục để cầu pháp, sá gì một chút khổ não ở nhân gian’. Vì cầu pháp, bồ-tát phát tâm như thế; sau khi nghe pháp, tâm luôn vui vẻ, chắc chắn đạt được chính quán”.

Kinh *Tăng nhất a-hàm* ghi: “Nếu không xa lìa sáu điều này thì không thể dứt trừ trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh, đó là:

1. Không thích nghe pháp

2. Tuy nghe pháp nhưng không chú tâm lắng nghe.
3. Không vì sự hiểu biết mà nghe pháp
4. Không chịu khó tìm câu pháp chưa được nghe.
5. Không khéo giữ gìn pháp đã được nghe
6. Không thành tựu Thuận nhẫn⁴⁵⁴.

Ngược lại, xa lìa sáu điều này thì dứt trừ được trần cấu, đắc pháp nhãn thanh tịnh”.

Kinh *Vị tăng hữu* ghi: “Xưa kia, trong núi Tỉ-đà ở nước Tỳ-ma, có một con dã can bị sư tử đuổi bắt, rớt xuống một cái giếng ở gò hoang. Trải qua ba ngày, vui vẻ chấp nhận cái chết, dã can bèn nói kệ:

Tất cả đều vô thường,

Tiếc không cho sư tử,

Sao lúc thân gặp nguy,

Tham sống, chết lãng phí.

[102b] *Vô ích đáng giận rồi,*

Còn làm bản giếng người,

Sám hối mười phương Phật,

Xin soi xét lòng con.

Các nghiệp ác đời trước,

Kiếp này xin trả hết,

Từ nay gặp minh sư,

⁴⁵⁴ Thuận nhẫn 順忍: chỉ cho bồ-tát từ địa thứ tư đến địa thứ sáu. Hàng bồ-tát ở giai vị này thuận theo quả Bồ đề mà hướng đến quả Vô sinh.

Tu mãi đến thành Phật.

Đế Thích nghe bài kệ, liền cùng với tám mươi nghìn chư thiên đến bên giếng nói:

- Đã từ lâu, chúng tôi không được nghe thánh giáo, ở mãi trong chốn tối tăm. Những lời kệ vừa rồi thật cao siêu, xin ngài giảng lại cho chúng tôi nghe.

Dã can đáp:

- Đế Thích thật vô lễ, không biết phép tắc. Pháp sư ở dưới, còn mình thì ở trên, hoàn toàn không biết cung kính mà đòi học hỏi yếu chỉ của giáo pháp.

Đế Thích nghe vậy, liền thả áo trời xuống kéo dã can lên khỏi giếng, và cúi đầu sám hối. Đế Thích nhớ lại xưa kia từng thấy người ở trần gian trải tòa cao trước, sau đó mới thỉnh pháp sư.

Bấy giờ, chư thiên liền cõi y báu xếp làm tòa cao. Dã can bước lên tòa nói:

- Có hai nhân duyên lớn, một là thuyết pháp giáo hóa trời người được phúc báo vô lượng; hai là báo đáp ân bố thí thức ăn, được phúc báo vô lượng.

Đế Thích hỏi:

- Cứu ngài thoát khỏi nguy hiểm dưới giếng, công đức ấy rất lớn, vì sao ân ấy không bằng?

Dã can đáp:

- Sống chết tùy theo quan niệm mỗi người, có người tham sống, có người thích chết, có người ngu si không biết sau khi chết sẽ sinh lại kiếp khác, nên sống không đúng theo Phật pháp, không gặp minh sư. Người này tham sống sợ chết, sau khi chết bị rơi vào địa ngục. Người có trí tuệ quy kính tam bảo, gặp bậc minh sư, bỏ ác làm lành. Người như thế ghét sống thích chết, sau khi chết được sinh lên trời.

Đế Thích nói:

- Như lời ngài dạy thì việc tôi cứu sống ngài không có công đức gì. Vậy chúng tôi xin được nghe về việc bố thí thức ăn và bố thí pháp.

Dã can đáp:

- Bố thí các thức ăn uống cứu được mạng sống trong một ngày, bố thí châu báu giúp thoát khỏi sự thiếu thốn trong một đời, chỉ kéo dài sinh tử. Người thuyết pháp giáo hóa có thể đưa chúng sinh ra khỏi đường sinh tử, đắc quả Tam thừa, ra khỏi ba đường ác, được sự an lạc ở cõi trời, người. Cho nên, Phật dạy bố thí pháp được công đức vô lượng.

Đề Thích hỏi:

- Hiện tại ngài mang thân hình dã can là thân nghiệp báo hay thân ứng hóa?

Dã can đáp:

- Là thân tội báo, chẳng phải là ứng thân.

Đề Thích nói:

- Tôi nghĩ ngài là bậc thánh. Tôi vừa được nghe thân này là nghiệp báo, nhưng chưa biết nguyên nhân, xin ngài kể cho.

Dã can đáp:

- Xưa kia, tôi làm con của một gia đình nghèo dòng Sát-đế-lợi sống trong thành Ba-đâu-ma nước Ba-la-nại. Thuở nhỏ, tôi vốn là người thông minh, hiếu học. Năm mười hai tuổi, tôi vào núi tìm thầy học đạo, siêng năng tu tập không bỏ phí thời gian. Trải qua năm mươi năm, tôi thông đạt tất cả chín mươi sáu loại kinh thư, đó là nhờ ân của hòa thượng. Công ơn ấy thật khó đáp đền. Nhờ trước đây đã tu huệ, nên tôi biết được kiếp trước của mình, do làm một vị vua tham đắm dục lạc nên khi phúc báo hết, mạng chung bị đọa vào địa ngục, súc sinh...

[102c] Bây giờ, Đề Thích cùng tám mươi nghìn chư thiên xin thụ mười điều thiện, rồi cùng nói:

- Nay, chúng tôi trở về thiên cung, bao giờ hòa thượng mới bỏ thân tội báo này được sinh lên trời?

Dã can đáp:

- Có thể bảy ngày sau tôi sẽ bỏ thân này, sinh lên cõi trời Đâu-suất, các ông cũng có thể sinh lên đấy. Chư thiên ở cõi trời đó phần lớn được bồ-tát thuyết pháp giáo hóa.

Bảy ngày sau, dã can mạng chung, sinh lên cung trời Đâu-suất, còn biết được đời trước của mình đã từng tu tập mười điều thiện”.

Lại nữa, kinh *Hiền ngu* ghi: “Trong khu rừng ở nước Ba-la-nại, Đức Phật giảng nói diệu pháp cho chư thiên và bốn chúng nghe. Bấy giờ, trên không trung có bầy chim nhạn năm trăm con nghe được tiếng giảng pháp của Phật, ưa thích liệng quanh, muốn sà xuống để nghe. Lúc đó, có người thợ săn giăng lưới, cả bầy nhạn sa vào lưới và bị thợ săn giết chết, nhạn sinh lên cõi trời Đao-lợi, từ đầu gối của cha mẹ và lớn bằng đứa bé tám tuổi, thân tướng xinh đẹp không ai sánh bằng, sáng ngời như núi vàng. Nhạn suy nghĩ: ‘Vì nhân duyên gì mà ta được sinh lên đây?’. Biết được kiếp trước nhờ mến mộ Phật pháp mà được phúc báo này, bầy nhạn cùng mang hoa bay xuống cõi Diêm-phù-đề, đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ và bạch Phật:

- Chúng con nhờ nghe pháp âm của Ngài mà được sinh lên cõi trời thù thắng, xin Ngài giảng lại cho chúng con nghe.

Đức Phật giảng giáo lý tứ đế. Nghe xong, chúng đắc quả Tu-đà-hoàn, rồi về lại cõi trời.

Có bài tụng rằng:

Thuyền bè, cầu bến,

Phương tiện qua sông,

Muốn thoát tử sinh,

Trước nhờ phúc huệ,

Huệ thâu tam luân⁴⁵⁵,
Trí lắng lục tế⁴⁵⁶,
Ngựa thuần nhờ cương,
Vàng ròng nhờ luyện,
Vật sạch nhờ nước,
Thảo hệ tì-kheo⁴⁵⁷,
Ngũ nhẫn⁴⁵⁸ là thêm,
Tứ cần⁴⁵⁹ chuyên nhất.

Sóng tâm lắng trong,
Bụi lòng giữ sạch,
Nghiệp duyên đã hết,
Đạo tràng là đây”.

Như Chơn dịch

⁴⁵⁵ Tam luân 三輪: người bố thí, người nhận thí và vật thí. Khi thực hành pháp bố thí, hành giả phải trụ vào Không quán, tức tâm không chấp vào ba thứ này.

⁴⁵⁶ Lục tế 六蔽: sáu thứ ác tâm che lấp tâm thanh tịnh của chúng sinh. Tâm san tham, tâm phá giới, tâm sân hận, tâm biếng trễ, tâm tán loạn, tâm ngu si.

⁴⁵⁷ Thảo hệ tì-kheo 草繫比丘: tì-kheo bị trói bằng cỏ, dụ cho tì-kheo nghiêm trì cấm giới.

⁴⁵⁸ Ngũ nhẫn 五忍: năm nhẫn như phục, tín, thuận, vô sinh và tịch diệt:

1. Phục nhẫn: chỉ cho hàng tam hiền trước thập địa, ở giai vị này chưa đoạn trừ được vô lậu, phiền não nhưng có thể ngăn chặn phiền não khiến không cho sinh khởi.

2. Tín nhẫn: chỉ cho giai vị Bồ tát từ Sơ địa đến địa thứ ba. Bồ-tát ở giai vị này đã được niềm tin vô lậu, tùy thuận pháp tính không có tâm nghi ngờ.

3. Thuận nhẫn: chỉ cho bồ-tát từ địa thứ tư đến địa thứ sáu. Hàng bồ-tát ở giai vị này thuận theo quả Bồ đề mà hướng đến quả vô sinh.

4. Vô sinh nhẫn: chỉ cho bồ-tát từ địa thứ bảy đến địa thứ chín. Hàng bồ-tát ở giai vị này đã dứt trừ tất cả những vọng hoặc, rõ biết các pháp thầy đều không sinh.

5. Tịch diệt nhẫn: chỉ cho bồ-tát địa thứ mười và Phật quả, bậc đã đạt được ở giai vị này dứt trừ được các hoặc, thanh tịnh vô vi, trong lặng thường tịch.

⁴⁵⁹ Tứ cần 四勤 (Gđ: tứ chính cần; S: catvāri prahāṇāni): vì đoạn trừ việc ác đã sinh mà siêng năng tinh tiến; vì khiến cho việc ác chưa sinh đừng sinh mà siêng năng tinh tiến; vì khiến cho việc thiện chưa sinh phát sinh mà siêng năng tinh tiến; vì khiến cho việc thiện đã sinh càng thêm tăng trưởng mà siêng năng tinh tiến.

CHỮ KINH YẾU TẬP

QUYỂN 11

XIX. NGHIỆP NHÂN

Gồm năm phần: Lời dẫn, Phát nghiệp, Hành vi tội, Hành vi phúc, Các nghiệp khác.

XIX.1. Lời dẫn

[103a] Đáng thương thay! Chúng sinh mê muội, nghiệp chướng sâu dày mà ba xe⁴⁶⁰ pháp chẳng chịu ngồi; nổi chìm trong biển khổ, mặc cho lửa dữ đốt thiêu mà không hề biết mệt mỏi. Như ruồi nhặng chỉ ham thích mùi tanh hôi, như thiêu thân mãi đắm đầu vào lửa. Bởi do mê nhân, làm quả, chẳng biết phân biệt thiện ác, cho nên thích gây tạo nhân đau khổ, theo duyên mà tạo nghiệp; từ đó nếm đủ vị đắng cay, chịu nhiều nỗi khổ cực, mãi đến nay vẫn còn chịu thiêu đốt, chưa từng dừng nghỉ. Đức Như Lai đại từ đại bi, không nở bỏ rơi, nên Ngài chỉ cho chúng sinh biết rõ khổ để nhàm lìa, biết rõ vui để ưa thích.

XIX.2. Phát nghiệp

Hỏi: Thế nào là nghiệp đạo?

Đáp: Tướng tự thể của bảy nghiệp thuộc thân và miệng là nghiệp đạo. Ba nghiệp thuộc ý là tương ưng tâm⁴⁶¹. Bảy nghiệp ấy hay tạo ra đạo quả, nên gọi là nghiệp đạo.

Hỏi: Nếu nghiệp gọi là đạo thì tất cả đều có thể dẫn đến địa ngục v.v... tại sao ba nghiệp thuộc ý kia không phải là nghiệp đạo?

Đáp: Bởi vì ba nghiệp của ý là nền tảng của bảy nghiệp, lại vì tương ưng với tâm, không thể tạo tác như bảy nghiệp, cho nên không gọi là nghiệp đạo.

⁴⁶⁰ Ba xe (tam xa 三車): phẩm thí dụ trong kinh Pháp hoa nói về ba xe. Xe dê dụ cho hàng thanh văn tu hạnh tứ đế, cầu ra khỏi ba cõi, nhưng chỉ muốn tự độ, không nghĩ đến người khác; xe nai dụ cho hàng duyên giác tu mười hai nhân duyên để cầu ra khỏi ba cõi, có tâm vị tha; xe trâu dụ cho hàng bồ-tát tu hạnh lục độ, tự lợi lợi tha viên mãn.

⁴⁶¹ Tương ưng tâm 相應心: vọng tâm duyên với các phiền não mê lầm.

Như luận *Đối pháp*⁴⁶² ghi: “Lại nữa, có bốn loại nghiệp khác nhau: hắc hắc dị thực nghiệp; bạch bạch dị thực nghiệp; hắc bạch hắc bạch dị thực nghiệp; phi hắc bạch vô dị thực nghiệp năng tận chư nghiệp.

1. Hắc hắc dị thực nghiệp: nghiệp bất thiện; do tâm nhiễm ô, cảm quả dị thực không vừa ý.

2. Bạch bạch dị thực nghiệp: nghiệp thiện trong ba cõi; do tâm không nhiễm ô, cảm quả dị thực vừa ý.

3. Hắc bạch hắc bạch dị thực nghiệp: tạp nghiệp ở cõi Dục, tức nghiệp thiện ác xen lẫn nhau.

4. Phi hắc bạch vô dị thực nghiệp năng tận chư nghiệp: các nghiệp vô lậu trong phương tiện đạo⁴⁶³, vô gián đạo⁴⁶⁴. Vì phương tiện đạo, vô gián đạo là những pháp đối trị các nghiệp. Phi hắc là lìa các phiền não, **[103b]** bạch là hoàn toàn thanh tịnh; vô dị thực là trái với sinh tử; năng tận chư nghiệp là do nghiệp vô lậu mà vĩnh viễn đoạn trừ sạch hết ba nghiệp hữu lậu và tạp khí dị thực”.

Vả lại, kinh *Ưu-bà-tắc giới* ghi: “Nếu người nam nào không hiểu rõ được nghiệp duyên như thế, thì bị trôi lăn sinh tử trong nhiều đời, nhiều kiếp, dẫu có sinh về cõi Phi tưởng phi phi tưởng, thọ tám vạn kiếp, khi phúc báo hết thì cũng bị đọa trở lại trong ba đường ác, cho nên Đức Phật dạy:

- Này thiện nam!

Hết thấy các họa sự,

Không gì tài hơn ý,

Ý vẽ ra phiền não,

Phiền não vẽ ra nghiệp,

⁴⁶² Luận Đối Pháp (Đối pháp luận 對法論): tức luận Câu-xá do ngài Thế Thân trước tác, hàm nhiếp diệu nghĩa của luận Lục túc, luận Phát trí v.v.

⁴⁶³ Phương tiện đạo 方便道: một trong bốn quá trình đoạn trừ phiền não chứng đắc chân lí.

⁴⁶⁴ Vô gián đạo 無間道: sự tu hành bắt đầu đoạn trừ các phiền não phải đoạn trừ mà không bị phiền não làm chướng ngại, nhờ đó có thể tiến đến giải thoát đạo không có xen hở.

Nghiệp lại vẽ ra thân.

Lại nữa, phẩm *Nghiệp* trong luận *A-tỳ-đàm tạp tâm* có bài kệ:

Nghiệp kiến tạo thế gian,

Các cõi và chủng tính,

Chính đều do tư nghiệp⁴⁶⁵,

Cầu giải thoát thế gian,

Thân, miệng, ý tạo nghiệp,

Trong tất cả các hữu⁴⁶⁶,

Nghiệp ấy là các hành⁴⁶⁷,

Tạo ra các loại thân,

Thân nghiệp có hai loại,

Là tác và vô tác,

Khẩu nghiệp cũng như thế,

Ý chính là tư nghiệp.

Lại nữa, luận *Di-lặc bồ-tát sở vấn* kinh ghi: “Tất cả pháp ác trong mười nghiệp bất thiện này, đều phát sinh từ tham, sân, si.

Từ ba độc khởi nghiệp sát sinh: như có người do lòng tham khởi, ưa thích thịt cá, tiền tài mà giết hại sinh mạng v.v... Như có người do tâm sân khởi, dẫn đến giết hại kẻ thù oán v.v... Như có người do tâm si khởi, nói giết rần, rít v.v... để bớt đi khổ não cho chúng sinh, nên tuy giết hại, nhưng

⁴⁶⁵ Tư nghiệp 思業: tư duy trước những việc phải làm và suy nghĩ muốn làm việc gì đó.

⁴⁶⁶ Các hữu (chư hữu 諸有): tất cả những nghiệp do chúng sinh gây tạo, từ nhân sinh quả, những nhân duyên và quả báo này thật có, không hư dối; cho nên gọi là Hữu. Hữu có thể chia làm các loại: tam hữu, tứ hữu, thất hữu, cửu hữu, nhị thập ngũ hữu, gọi chung là chư hữu.

⁴⁶⁷ Các hành (chư hành 諸行): tất cả các pháp hữu vi. Hành là biểu thị cho pháp do nhân duyên hòa hợp mà thành.

không có tội. Hoặc nước Ba-la-tur v.v... cho rằng giết bỏ cha mẹ già và những người bệnh nặng thì không bị tội báo.

Từ ba độc khởi nghiệp trộm cắp: như người do lòng tham khởi, hoặc vì bản thân mình mà làm, hoặc vì người khác, hoặc vì ăn uống v.v... mà trộm cắp. Đó gọi là do tâm tham khởi nghiệp trộm cắp. Như người do tâm sân khởi mà trộm lấy vật của người mình giận, cho đến vật của hàng thân thuộc của người ấy. Đó gọi là từ sân khởi nghiệp trộm cắp. Từ tâm si khởi, như có bà-la-môn nói tất cả tài sản trên quả đất này đều là của ta. Vì sao? Vì trước kia, vị vua của nước ấy đã cấp cho ta rồi, nhưng do ta không có sức lực nên bị người ngoài đoạt lấy. Thế nên, nay ta lấy dùng, vì nó chính là vật của ta, không phải là trộm cắp. Đó gọi là từ tâm si khởi trộm cắp.

[103c] Từ ba độc mà khởi tà dâm: như người do lòng tham khởi, đối với chúng sinh khởi tâm tham nhiễm, không tu hành đúng như pháp v.v... Từ tâm sân dấy khởi tà dâm, như có người giữ gìn của cải cho người khác, do tâm sân khởi lên, liền hành dâm với thê thiếp của người cừ oán, hoặc hành dâm với người thương yêu của người ấy v.v... Từ tâm si dấy khởi, như có người nói tất cả người nữ như hoa nở, trái chín, đồ ăn thức uống, dòng sông, đường đi v.v... nên hành dâm với họ là không có tội; hoặc như phong tục ở nước Ba-la-tur cho rằng tà dâm với mẹ v.v... không có tội. Đó gọi là từ tâm si mà khởi tà dâm.

Như người do tham, sân, si mà dấy khởi vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ý ngữ đều có thể biết. Do tâm tham dấy khởi, do tâm tham kết sinh⁴⁶⁸, theo thứ tự hai tâm⁴⁶⁹ hiện tiền, gọi là do tâm tham dấy khởi. Từ tâm sân kết sinh, gọi là do tâm sân dấy khởi; từ tâm si kết sinh, gọi là do tâm si dấy khởi. Tham sân và tà kiến cũng như thế.

Hỏi: Trong nghiệp đạo, nghiệp nào là tiền quyền thuộc, nghiệp nào là hậu quyền thuộc?

Đáp: Nếu khởi phương tiện sát sinh, như người đồ tể bắt dê, dẫn con vật đến lò mổ, ngay nhát đao đầu tiên, hoặc hai, ba nhát tiếp theo mà con vật vẫn chưa chết, những nghiệp ác đó gọi là tiền quyền thuộc. Còn bất cứ một nhát đao nào đâm theo, làm chết con vật, trong tâm niệm lúc ấy, dầu khởi

⁴⁶⁸ Kết sinh 結生 (S: pratisamḍhi): thân trung hữu gá sinh vào thai mẹ.

⁴⁶⁹ Hai tâm (nhị tâm 二心): chân tâm và vọng tâm.

tác nghiệp hay vô tác nghiệp⁴⁷⁰, đều gọi là căn bản nghiệp đạo. Những nghiệp tạo tác do thân gây ra tiếp theo sau gọi là nghiệp hậu quyền thuộc sát sinh; cho đến ý ngữ cũng như vậy. Nên biết, trong các nghiệp tham, sân, si khác, không có tiền quyền thuộc vì vừa khởi tâm liền thành tựu căn bản nghiệp đạo.

Vậy tất cả mười nghiệp bất thiện của thân, khẩu, ý đều có tiền quyền thuộc, hậu quyền thuộc. Nghĩa này là thế nào? Như người khởi tâm muốn đoạn mạng sống của chúng sinh này, rồi lại giết chúng sinh khác. Như muốn cúng tế trời mà giết hại chúng sinh, tức là đoạt mạng sống của sinh vật khác. Hay muốn giết người kia để hành dâm với vợ của họ, đã khởi tâm như vậy rồi, lại còn xúi giục người vợ về giết chồng. Lại dùng nhiều ngôn từ bạo loạn phá hoại gia quyến của người kia; tham tài sản rồi khởi tâm sân mà muốn giết người kia. Sinh ý nghĩ hành động sai lầm như thế, rồi liên tục làm việc sai lầm để giết hại, còn muốn giết cả vợ con của họ nữa. **[104a]** Người này lần lượt khởi sinh đủ mười nghiệp bất thiện. Những nghiệp bất thiện như thế gọi là tiền quyền thuộc. Tất cả mười nghiệp bất thiện cũng như vậy.

Lại nữa, xa lìa pháp thiện chẳng phải là phương tiện. Tu hành thiện nghiệp chính là phương tiện, bởi vì đã xa lìa căn bản, xa lìa phương tiện. Phương tiện như một vị sa-di muốn thọ giới cụ-túc, đưa đến giới trường đỉnh lễ túc số tăng, thỉnh hòa thượng đàn đầu, thọ trì ba y, tác bạch lần thứ nhất, tác bạch lần thứ hai. Như thế, tất cả các việc đó đều gọi là tiền quyền thuộc. Khi tác bạch lần thứ ba đến khi tác pháp yết-ma xong, thì khởi tác nghiệp hay khởi vô tác nghiệp ... tất cả đều gọi là căn bản nghiệp đạo. Tiếp đến nói về tứ y⁴⁷¹, cho đến không bỏ những thiện hạnh đã thọ, tác nghiệp hoặc vô tác nghiệp của thân khẩu. Những việc như thế đều gọi là hậu quyền thuộc.

Giải thích: Từ đầu đến đây, tuy trích dẫn kinh luận rất nhiều để minh chứng nghiệp nhân, nhưng đến khi định tội thì chưa nói rõ nặng nhẹ, cho

⁴⁷⁰ Tác nghiệp, vô tác nghiệp 作業,無作業: pháp tạo tác và pháp không do tạo tác.

⁴⁷¹ Tứ y 四依 (S: catvāri pratisaraṇāni): bốn hành pháp mà người tu phải nương theo để nhập đạo, là chỗ y chỉ của bậc thượng căn lợi khí: một, mặc y phần tảo, cũng gọi là áo nạp, là lượm năm thứ y phục vứt bỏ ngoài đồng, coi như thứ bẩn lau phân, lấy về may lại mặc; hai, thường đi khát thực để nuôi sống; ba, ở dưới gốc cây hay hang đá để tu tập; bốn, khi dùng trần hủ dục, hay dùng các vị thuốc do súc vật bài tiết chế thành, hoặc chôn nước tiêu trâu và quả đại hoàng vào lòng đất đợi lên men rồi uống. Nếu ti-kheo thực hành theo bốn pháp này thì cuộc sống tự tại giải thoát.

nên trích dẫn kinh *Ưu-bà-tắc giới phân biệt*, để nói về các nghiệp khác nhau. Tất cả có bốn loại: so sánh hữu tình và tâm, có bốn trường hợp; nặng nhẹ khác nhau, có tám trường hợp; thượng, trung, hạ không giống nhau, cũng có tám trường hợp; căn cứ luận Tát-bà-đa thì hữu tâm, vô tâm không giống nhau, cũng có tám trường hợp. Nhưng đến khi phán xét tội thì đều gom nhiếp tất cả. Do đó, kinh ghi:

Thứ nhất, so sánh hữu tình với tâm thì có bốn trường hợp:

1. Hữu tình nặng tâm nhẹ: như người giết hại cha mẹ với tâm không ác độc.
2. Hữu tình nhẹ tâm nặng: như người giết hại súc sinh với tâm ác độc.
3. Hữu tình nặng tâm nặng: như người giết hại cha mẹ với tâm vô cùng ác độc.
4. Hữu tình nhẹ tâm nhẹ: như người giết hại súc sinh với tâm không ác độc.

Thứ hai, nghiệp ác như thế, lại có tám trường hợp nặng nhẹ khác nhau:

1. Phương tiện nặng, căn bản và thành dĩ⁴⁷² nhẹ.
1. Căn bản nặng, phương tiện và thành dĩ nhẹ.
1. Thành dĩ nặng, phương tiện và căn bản nhẹ.
1. Phương tiện và căn bản nặng, thành dĩ nhẹ.
1. Phương tiện và thành dĩ nặng, căn bản nhẹ.
1. Căn bản và thành dĩ nặng, phương tiện nhẹ.
1. Phương tiện, căn bản và thành dĩ nặng.
1. Phương tiện, căn bản và thành dĩ nhẹ.

⁴⁷² Phương tiện, căn bản, thành dĩ 方便根本成已: quá trình tạo nghiệp được chia làm ba giai đoạn, đó là gia hành, căn bản và hậu khởi.

Chỉ là một loại hữu tình, do tâm lực cho nên chiêu cảm quả nặng nhẹ khác nhau. Như kinh *Thập thiện nghiệp đạo* ghi: “Có ba việc phương tiện, căn bản, thành dĩ. Như có người siêng năng lễ bái, cúng dường [104b] các bậc có ân đức như cha mẹ, sư trưởng, hòa thượng; trước khởi tâm thăm hỏi, kế đến nói lời dịu dàng, đó là phương tiện. Như các việc đã làm xong, tâm niệm luôn vui vẻ không hối hận, đó gọi là thành dĩ. Khi hành động luôn chuyên chú, gọi là căn bản”. Mười nghiệp thiện đã thế, mười nghiệp ác cũng vậy.

Thứ ba, mười thiện nghiệp này lại có ba giai đoạn: giai đoạn trước, giai đoạn giữa và giai đoạn sau. Có trường hợp phương tiện là giai đoạn trước, căn bản giai đoạn giữa, thành dĩ là giai đoạn sau; có trường hợp phương tiện giữa, căn bản trước, thành dĩ sau; có trường hợp phương tiện sau, căn bản trước, thành dĩ giữa (*Xáo trộn qua lại tạo thành tám trường hợp, căn cứ theo trước có thể biết*).

Thứ tư, theo luận *Tát-bà-đa* thì phương tiện, căn bản và thành dĩ do hữu tâm hoặc vô tâm tạo tác (*có tám trường hợp*). Sau đây, căn cứ ba cõi, sáu đường mà phát khởi nghiệp ít hay nhiều có khác nhau.

Trường hợp thứ nhất, phát khởi nghiệp bất thiện ở địa ngục như luận *A-tỳ-đàm* ghi: “Có năm nghiệp đạo: ác khẩu, ý ngữ, tham, sân, tà kiến. Trong đó, khi người phạm tội thụ khổ thì ba nghiệp ác khẩu, ý ngữ và sân hiện hành mắng nhiếc ngục tốt. Khi ác khẩu hiện hành, tội nhân sẽ nói lời ác không đúng thời, trái phép tắc, bất chính thì rơi vào ý ngữ; bấy giờ, phần nộ nổi lên tức là tâm sân hận. Đây là ba nghiệp bất thiện hiện khởi ở địa ngục. Còn nghiệp tham và tà kiến thì thành ở trong tâm chứ không hiện hành. Vì tâm thô của phạm phu trong địa ngục kia chưa đoạn được phiền não, cho nên tham và tà kiến thành tựu ở trong tâm. Trong địa ngục, các nam nữ đều thường phải chịu khổ bức, nên không có việc nam nữ hành dâm với nhau, nên tâm tham không hiện hành. Vì thường chịu khổ bức, nên tâm thức bị ám độn, không thể tìm cầu nhân quả, có không, do đó, cũng không có tâm tà kiến hiện hành. Những nghiệp khác như giết hại, trộm cướp, vọng ngữ, lưỡng thiệt ở địa ngục cũng hoàn toàn không hiện hành.

Hỏi: Nếu ở địa ngục không có nghiệp tham và tà kiến hiện hành, tại sao nói hai nghiệp ấy đã thành tựu?

Đáp: Hai nghiệp này, nếu phiền não thuộc tâm pháp chưa đoạn trừ, dù không hiện hành, nhưng tính hằng thành dĩ, không giống với bảy nghiệp của thân và miệng thuộc về sắc pháp, là những pháp tạo tác thô, chỉ cần phát động liền thành tựu, không có chỗ tạo tác thì không thành tựu. Vì thế luận *Tap tâm* nói: “Ở địa ngục không có tướng giết hại, nên không có nghiệp giết hại; không thụ tài vật, nên không có nghiệp trộm cướp; không đắm say người nữ, nên không có nghiệp dâm. Lời nói khác với ý nghĩ nên gọi là vọng ngữ, ở địa ngục không có như thế nên không có nghiệp vọng ngữ; thường muốn nhàm lìa, nên không có lưỡng thiệt; vì bị khổ bức bách, nên có ác khẩu; nói không đúng thời, nên có ỷ ngữ; tham và tà kiến thành tựu ở trong tâm mà không hiện hành”.

Trường hợp thứ hai và thứ ba phát khởi nghiệp bất thiện trong ngạ quỷ và súc sinh, [104c]đều có đủ mười nghiệp ác, nhưng không có bảy ác luật nghi⁴⁷³ của thân và miệng.

Hỏi: Ngày nay, loài súc sinh không biết nói, tuy có phát ra âm thanh, nhưng có tạo thành khẩu nghiệp không?

Đáp: Khi loài súc sinh phát khởi tâm sân, từ miệng phát ra tiếng, tuy không phải lời nói, nhưng vẫn thành khẩu nghiệp.

Do đó luận *Thành thật* ghi:

Hỏi: Âm thanh của súc sinh có phải là khẩu nghiệp không?

Đáp: Tuy không có ngôn ngữ, nhưng vẫn do tâm phát khởi, cũng gọi là nghiệp. Cũng có loài đầy đủ mười nghiệp, như vua rồng có thể biết được ý người, nên có đủ mười nghiệp. Riêng loài súc sinh ngu si, ám độn, chỉ có sáu nghiệp của thân và ý, còn bốn nghiệp của miệng thì không đủ, vì không nói và không hiểu được lời nói. Nếu là súc sinh trong kiếp sơ, hiểu và nói được tiếng nói của người, thì cũng có thể đủ mười nghiệp ác”.

Trường hợp thứ tư, phát khởi tội nghiệp ở loài người. Loài người ở bốn châu thiên hạ, trong đó, người ở trong ba châu Nam Diêm, Đông Phát, Tây

⁴⁷³ Ác luật nghi 惡律儀: vô biểu sắc bất thiện sinh khởi do tham lợi hoặc do cuộc sống mà làm các nghiệp sát sinh Kinh Đại phương tiện Phật báo ân nêu ra mười hai loại ác luật nghi: kẻ làm hàng thịt; đầu đảng giết người; nuôi heo; nuôi gà; đánh cá; săn bắn; giăng lưới bắt chim; bắt rắn; chú rồng; cai tù; làm kẻ cướp; vương gia sai bắt giặc.

Da⁴⁷⁴ đều khởi nhiều nghiệp ác, nên có đủ mười nghiệp ác. Nhưng Đông và Tây thì nhẹ, còn Nam rất nặng, vì có thụ ác luật nghi. Còn Bắc Đôn⁴⁷⁵ thì chỉ có bốn nghiệp bất thiện: ý ngữ, tham, sân và tà kiến. Do có ca vịnh nên có ý ngữ, tham, sân và tà kiến thành tựu, nhưng không hiện hành.

Hỏi: Phương bắc có việc hành dục, tại sao nói không có nghiệp tà dâm?

Đáp: Phương ấy không có việc vợ chồng giao phối nhau, tuy có việc dâm, nhưng không có sự cưỡng bức, lẳng nhục lẫn nhau, do đó không có tà dâm.

Hỏi: Đã có hành dâm, tức là tham dục hiện hành, tại sao lại cho là chỉ thành tựu chứ không hiện hành?

Đáp: Ở phương ấy khởi tham dâm, chẳng phải tục, nên có thể đoạn dứt, tuy có hiện hành, nhưng Phật cho là không tội. Nhưng nghiệp dâm do tâm tham này phát khởi, còn chẳng phải tội, không đưa đến khổ báo, hưởng gì tham chỉ khởi trong tâm; như vợ chồng ở thế gian, không ngăn cấm tham ái.

Hỏi: Người ở phương bắc đã có ca vịnh v.v... việc này không đúng pháp, tức là vọng ngữ, tại sao nói không có nghiệp vọng ngữ?

Đáp: Người ở phương ấy mộc mạc, chân thật, không gian xảo, không dối gạt, cho nên chẳng có vọng ngữ. Người ở phương ấy thọ nghìn tuổi nên không giết hại mạng sống; cơm ăn, áo mặc, lúa gạo ngon ở phương ấy do đất sinh ra; từ cây tự nhiên lưu xuất áo quý báu, không cần cất giữ, nên không có trộm cướp. Người ở phương ấy hòa thuận dịu dàng, cho nên không có nghiệp lưỡng thiệt, ác khẩu v.v...

Luận *Tạp tâm* ghi: “Uất-đơn có bốn nghiệp thiện, tuổi thọ ổn định, nên không có nghiệp sát sinh; không tham tài của, nên không có nghiệp trộm;

⁴⁷⁴ Nam Diêm, Đông Phát, Tây Da 南閻東弗西耶: ba châu trong bốn đại châu. Theo thế giới quan của người Ấn Độ thời xưa cho rằng trong lớp biển mặn giữa bảy lớp núi vàng và núi đại Thiết Vi, ở bốn phía núi Tu-di có, bốn đại châu.

⁴⁷⁵ Bắc Đôn 北單 (Cg: Bắc Câu-lô châu; Hd: Thảng xứ): châu này nằm trong biển mặn ở phía bắc núi Tu-di, hình vuông, mỗi cạnh dài hai nghìn do-tuần, giống như nắp hộp, bao quanh có núi Thất Kim, núi Đại Thiết Vi, đất bằng vàng ròng, ngày đêm chói sáng. Đất có đủ bốn tính chất: bằng phẳng, vắng lặng, sạch sẽ và thoải mái. Nhân dân ở châu này có gương mặt chữ điền giống như hình thể cuộc đất họ sống, ai nấy sắc diện giống nhau và đều cao một trượng tư (4,8m). Họ sống bình đẳng, an lạc, không có điều gì trói buộc... sống đủ một nghìn năm. Sau khi chết, họ được sinh lên cõi trời Đạo-lợi hoặc Tha Hóa Tự Tại.

không có người nữ thương yêu tạp loạn, nên không có nghiệp tà dâm; không dối người khác, nên không có nghiệp vọng ngữ; thường hòa hợp, nên không có nghiệp lưỡng thiệt; vì nhu thuận, nên không có lời nói thô ác; vì có [105a] ca vịnh, nên có không ý ngữ. Còn như luận về nghiệp của ý thì tuy có mà không hiện hành”.

Trường hợp thứ năm: phát khởi tội ở cõi trời. Trước là nói về sáu tầng trời cõi Dục⁴⁷⁶ có nghiệp sát sinh, trộm cướp. Trong đó tuy có mười nghiệp bất thiện, nhưng không có bảy ác luật nghi của thân và miệng, nên luận *Tạp tâm* ghi: “Sáu tầng trời cõi Dục có mười nghiệp đạo, nhưng xa lìa bất luật nghi, tuy không hại loài trời, nhưng lại giết hại những loài khác, như giết hại a-tu-la. Nếu chặt đứt tay chân, thì liền được sinh lại, nhưng nếu chặt đầu thì chết ngay, xoay vần đoạt mạng lẫn nhau, cho đến hết thấy mười nghiệp đạo đều có đủ. Cũng có các vị trời bạc phúc, thiếu của cải, tài sản, nên lén lấy của nhau, do đó có nghiệp trộm cắp; hoặc có các trời tự bội bạc vợ mình, hành dâm với những thiên nữ đẹp khác, nên có nghiệp tà dâm”. Còn bảy nghiệp kia, theo ý có thể biết rõ.

Căn cứ mười nghiệp thiện để phân biệt, như luận *A-tỳ-đàm* ghi: “Chúng sinh ở địa ngục, chỉ có ba nghiệp thiện của ý, nhưng chỉ thành tựu trong tâm chứ không hiện hành. Phương bắc cũng giống như vậy. Ngoài ra, tất cả đều có đủ mười nghiệp”. Theo văn có thể biết.

Nếu luận về cõi Sắc và Vô sắc, theo *A-tỳ-đàm* thì đều là nghiệp thiện. Xét theo lí thì cũng có ba nghiệp bất thiện vi tế, đó là ý nghiệp có tà mạn v.v... Về lỗi của nghiệp thân, miệng, như trong Sơ thiên, vua Bà-già-phạm nói với Phạm chúng:

- Các người được trụ ở đây, ta có thể khiến các người khởi cảnh già, chết, các người không cần phải đến chỗ Cù-đàm!”.

Tì-kheo Hắc Xi hỏi:

- Tam-muội cõi Sơ thiên, nương vào tam-muội nào mà sinh, từ tam-muội nào mà diệt?

⁴⁷⁶ Sáu tầng trời cõi Dục (Lục Dục thiên 六欲天): Tứ Thiên Vương thiên; Tam Thập Tam thiên; Diêm Ma thiên; Đâu-suất thiên; Hóa Tự Tại thiên; Tha Hóa Tự Tại thiên.

Phạm vương đáp:

- Ta là bậc tôn kính trong Phạm chúng.

Tì-kheo Hắc Xỉ nói:

- Tôi không hỏi Phạm vương là bậc tôn quý hay hạ tiện, mà chỉ hỏi tam-muội Sơ thiên từ tam-muội nào sinh, từ tam-muội nào diệt?

Phạm vương kia không trả lời được, bèn đuổi tôn giả Hắc Xỉ ra khỏi chúng, rồi nói với tôn giả:

- Ta không thể biết được tam-muội cõi Sơ thiên từ tam-muội nào sinh, từ tam-muội nào diệt. Sao ông nữ mạ nhục ta trước Phạm chúng thế?

Lời của Phạm vương siểm trá, bất thiện, phiền não. Ông ta nói Phật không có khả năng giúp cho người giải thoát, tức là ý ngữ, ác khẩu hủy báng Phật. Ở hai cõi này chỉ có lời siểm trá này, phát động thân, khẩu hành nghiệp bất thiện nhỏ nhiệm, nhưng không khởi những hạnh thô gây tổn hại cho người khác. Vì người sinh về hai cõi này từng được định, lia bỏ các tâm tham, sân v.v... ở cõi Dục, nên được quả báo ở cõi ấy, lại thường hay tu thiện định, nên tuy có phiền não, nhưng chỉ là tâm si. Vì không ngộ đạo nên khởi ái, mạn v.v... thích tu tập pháp thiện, mong được hơn người. **[105b]** Những phiền não này bị thiên định phá trừ, nên không gây tổn hại vật, không nghịch hại lẫn nhau. Nếu căn cứ *A-tỳ-đàm* thì phiền não ở hai cõi này không phải bất thiện, mà đó là vô ký. Tâm tham vi tế này có thể làm nhiễm ô tâm thanh tịnh; tuy là vô ký, nhưng là nhiễm ô, không giống với báo sinh⁴⁷⁷, các pháp sắc, tâm, khổ vui và oai nghi đều là bạch tịnh vô ký. Luận cho là nhiễm ô vô ký; vì nhiễm ô này mà nhuận nghiệp thọ sinh⁴⁷⁸. Nếu phiền não này không có nhuận nghiệp thì hạt giống nghiệp sẽ bị tiêu hủy, không còn khả năng dẫn đến quả báo. Chúng sinh hai cõi trên không phải sinh trở lại, nhưng vì có nhuận nghiệp nên mới có sinh trở lại.

⁴⁷⁷ Báo sinh 報生: quả báo tự nhiên sinh ra, không phải do tu tập mà được. Bô-tát từ bát địa trở lên, lúc thụ thân biến dịch, ngay lúc sinh ra tự nhiên đã định, gọi là báo sinh tam-muội.

⁴⁷⁸ Nhuận nghiệp thọ sinh 潤業受生: lấy phiền não cấu sinh khởi để tưới tẩm nghiệp đã tạo mà sinh ra quả khổ ở vị lai.

Hỏi: Phiền não ở hai cõi trên, đã có năng lực nhuận nghiệp, nhuận sinh thụ quả báo, tại sao cho là vô kí?

Đáp: Phiền não ở hai cõi trên tuy có nhuận nghiệp, nhưng chỉ là tổng báo⁴⁷⁹ thụ sinh chung mà thôi. Không phải do những hoặc này làm nhân chính để cảm ứng quả vui, chiêu cảm quả khổ. Cho nên nó là vô kí, không giống với những bất thiện, phiền não ở các cõi dưới chiêu cảm quả khổ tổng báo và biệt báo.

Nếu theo luận *Thành thật* thì tà kiến phát khởi trong hai cõi trên, đều gọi là bất thiện. Như luận ghi: “Chúng sinh ở cõi Sắc và Vô sắc cho đây là niết-bàn, khi lâm chung thấy thân trung ấm ở cõi Dục và cõi Sắc liền sinh tà kiến cho rằng không có niết-bàn, rồi hủy báng pháp vô thượng”. Vì thế, nên biết nơi ấy có nghiệp bất thiện. Lại nữa, luận ghi: “Tà kiến ở hai cõi trên là nhân duyên khổ. Theo lẽ thì hai cõi trên phải căn cứ theo địa vị của họ mà phán định. Tâm chúng sinh vi tế, phát khởi phiền não nhỏ nhiệm, phần nhiều không thành nghiệp, cho nên gọi là vô kí. Nếu luận chung thì đối với thân trung hữu⁴⁸⁰ cũng khởi tà kiến thô thành nghiệp bất thiện. Ở đây đúng với nghĩa mà luận *A-tỳ-đàm* đã nói ở trước, cũng thích hợp với nghĩa mà luận *Thành thật* sẽ trình bày ở sau.

Lại nữa, nói về lí thì phiền não nhỏ nhiệm kia đều trái với đạo lí, đều là bất thiện. Theo luận *Thành thật* thì nghiệp ác, bất thiện trong ba cõi đều phát khởi như nhau, chỉ có khác nhau là nhiều hay ít, tăng hay giảm mà thôi.

Giải thích: Từ trước đến đây chỉ đứng trên phương diện phàm phu mà trình bày các tội chướng phát khởi từ thân và miệng. Nếu đứng trên phương diện thánh nhân mà luận thì như các bậc tu-đà-hoàn khi xuất định, mất chính niệm vẫn khởi ý bất thiện nhỏ nhiệm, sinh các ác nguyện, đầy đủ phiền não cõi Dục. Tham sân tuy mạnh, hơi giống với phàm phu, có thể khởi ngay tham, dục, sân, mạn, nhưng không suy nghĩ tính lường để khởi tâm tà kiến, và không khởi tâm giết hại, trộm cắp v.v.... Theo luận *A-tỳ-đàm*, đối với quyền thuộc có những việc đánh đập thì đó chỉ là những nghiệp bất thiện nhỏ nhiệm. Nếu như căn cứ luận *Thành thật* thì giả sử có tâm bất thiện, đầy

⁴⁷⁹ Tổng báo 總報: do sức nghiệp dẫn của thức thứ tám có công năng dắt dẫn chúng sinh chiêu cảm tổng thể của dị thực như ngũ thú, tứ sinh. Thí như loài người, cùng sinh làm quả báo cõi người thì gọi là tổng báo.

⁴⁸⁰ Trung hữu 中有 (S:antarā-bhava): thân của chúng sinh trong khoảng thời gian từ khi chết đến lúc được thụ sinh; một trong bốn hữu; một trong bảy hữu.

động thân, miệng cũng không thành nghiệp báo, như giọt nước rơi trên lò sấy nóng, tuy ướt liền khô ngay.

XIX.3. Hành vi tội

[105c] Giải thích: phần này nói về bậc thánh, căn cứ hành vi phúc ở sau mà nói có hành vi tội. Hành vi tội ở đây chính là do vọng thấy có cảnh nhiễm ô, chấp trước có ngã nhân, dính mắc vào cảnh thuận nghịch, phân biệt tự tha, đều thành nghiệp ác. Cho nên kinh ghi:

Tham dục không sinh diệt,

Không khiến tâm phiền não.

Nếu người chấp có “ta”

Và người chấp có “đắc”.

Người ấy bị tham dục,

Lôi kéo vào địa ngục.

Cho nên ngoài tâm không có cảnh, nhưng vì mê lầm, vọng thấy có rồi khởi tâm đắm nhiễm. Như người nằm mộng thấy cảnh rồi khởi các tâm tham sân, vì người nằm mộng đó cho rằng có cảnh thật. Thật ra, hoàn toàn không có cảnh, chỉ do tâm vọng thấy. Do đó luận *Tri độ* ghi: “Như người ở trong mộng, không có việc vui mà cảm thấy vui; không có việc sân mà khởi tâm sân; không có việc sợ hãi mà sợ hãi. Chúng sinh trong ba cõi cũng như thế. Do vô minh che lấp nên việc không đáng sân mà sân”. Cho nên biết được, ngoài tâm không có cảnh, nhưng vì mê, vọng thấy rồi khởi đắm nhiễm. Ngoài tâm tuy không có tướng địa ngục v.v... nhưng khi nghiệp ác thành thực thì vọng thấy có thụ nhận khổ.

Như kinh *Chính pháp niệm* ghi: “Ngục tốt ở Diêm-ma-la chẳng phải là chúng sinh, nhưng người bị tội thấy họ là chúng sinh, trong tay cầm kềm sắt cháy đỏ. Người ở địa ngục, đến lúc nghiệp ác hết, sau khi thân hoại mạng chung thì không còn thấy ngục tốt ở trong địa ngục ấy nữa. Vì sao? Bởi vì họ chẳng phải là chúng sinh. Giống như đèn hết dầu thì không cháy; nghiệp tận cũng như thế, cho nên không còn thấy ngục tốt Diêm-la nữa.

Như ánh sáng mặt trời ở cõi Diêm-phù-đề xuất hiện thì bóng tối không còn; khi nghiệp ác không còn thì ngục tốt Diêm-la cũng như thế. Mắt dữ, miệng ác giống như sắc tướng đáng sợ của chúng sinh đều dần dần tiêu diệt. Như phá bỏ bức bích họa thì hình vẽ cũng bị mất; cũng vậy, bức bích họa nghiệp ác phá đi thì không còn thấy cảnh đáng sợ của ngục tốt ở Diêm-la nữa”.

Đoạn kinh này chứng minh chúng sinh tạo nghiệp ác chiêu cảm quả khổ, đều là tự nhiên trong chỗ trống không, vọng thấy có cảnh địa ngục.

Hỏi: Người thấy địa ngục, thấy những cảnh ngục tốt cho đến hổ, sói v.v... có thể cho là vọng thấy, nhưng trong địa ngục kia, thật có cảnh vua Diêm-la ngồi phán xử tội nhân, tại sao nói là không có?

Đáp: Người kia thấy có chúa ngục cũng là vọng thấy, chính do nghiệp ác của tội nhân huân tập vào tâm, khiến cho tâm người ấy biến dị, trong chỗ trống không mà vọng thấy có, chứ thật ra không có Diêm-la trong địa ngục. Cho nên luận *Duy Thức* ghi: “Như trong địa ngục, không có chúa ngục, mà chúng sinh trong địa ngục chỉ do nghiệp tự nhiên thấy có chúa ngục và các thứ khổ. Từ tâm phát khởi mà thấy đây là địa ngục, đây là ban đêm, đây là ban ngày. [106a] Hoặc vì nghiệp ác mà thấy chó, chim, hoặc thấy núi đồi, sông hồ”.

Đoạn văn này chứng minh nghiệp thiện ác huân tập vào tâm, khiến tâm biến hiện cảnh khác nhau, thật ra hoàn toàn không có địa ngục. Cho nên ngoài tâm tuy không có địa ngục, nhưng khi nghiệp ác thành thực thì tự vọng thấy.

Hỏi: Nghiệp báo khổ này chẳng phải thiện. Há chẳng phải là ngài nói việc thiện để chúng sinh tu tập sao? Đâu cần phải lượng tâm mà trình bày nghiệp khổ?

Đáp: Nhân quả thiện ác là pháp đối lập nhau, nếu không nói tham v.v... là ác, thì lấy gì để hiển bày bố thí v.v... là thiện; nếu không thuyết tam đồ là chốn khổ đau, thì lấy gì để hiển bày cõi trời, người là cảnh an vui. Do đó, cần phải nói hành vi tội của phàm phu, khiến cho người tu biết rõ mà xa lìa việc ác để quay về điều thiện. Nếu kẻ độn căn nghe nghiệp khổ này, liền sinh tâm xa lìa, tìm cầu niềm vui ở đời, từ đó chuyên tâm tu tập các phúc

nghiệp. Nếu người lợi căn nghe nghiệp khổ này, liền sinh tâm xa lìa, mong cầu giải thoát, từ đó chuyên tâm tu quán, ngay trong thiền nào, phát khởi nhân xuất thế. Cho nên kinh nói: “Tất cả thiền nào đều là hạt giống Phật! Nên biết nghiệp khổ chính là căn bản của sự xa lìa, là nhân duyên phát khởi tâm thiện”, vì thế cần phải nêu rõ. Nếu không nêu rõ hành vi tội, nghiệp ác này, thì chúng sinh không nhận biết, cứ mãi gây tạo, không đoạn trừ. Tuy lượng định tâm mà nói các nghiệp ác, nhưng thật ra, ngoài tâm không có nghiệp khổ nào khác, chỉ có thức, không có cảnh, thể của tâm thường thanh tịnh. Cho nên, kinh ghi: “Tuy nói lỗi của tham dục, nhưng thật ra không thấy có pháp nào đáng để tham đắm; tuy nói lỗi của sân khuê, nhưng thật ra không thấy có pháp nào đáng để sân hận; tuy nói lỗi của ngu si, nhưng biết các pháp không si không ngại; tuy trình bày nỗi khổ bị đọa trong tam đồ đáng sợ, nhưng thật không có các tướng địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh”.

Đoạn văn này chứng minh biết được tội hạnh nhân quả không ở ngoài tâm. Người ngu không hiểu, nên lượng định tâm mà lập phương tiện, cần nêu rõ nghiệp khổ qua hai môn ở trên. Theo Thật giáo trình bày, thể của tội vốn chân thật, không có gì đáng phá, nhưng vì người ngu si không hiểu, nên cần phải nêu rõ tội. Đây là chỉ trình bày cho người ngu, mê chân, khởi vọng nên nhất định phải nêu rõ hành vi tội.

XIX.4. Hành vi phúc

Giải thích: Đối lại với hành vi tội ở trước mà nói về hành vi phúc.

Trước tiên luận về phạm phu tu thiện ở cõi Dục. Tức người với tâm tán loạn, tu các phúc nghiệp mà sinh về cõi dưới thì gọi là nghiệp cõi Dục. Trong năm đường đều phát khởi nghiệp này.

1. Cõi địa ngục

Theo *A-tỳ-đàm*, chúng sinh ở địa ngục cũng có ba nghiệp thiện, chính là [106b] ba thiện căn của tâm. Ba thiện căn này chỉ là thành tựu trong tâm chứ không hiện hành, vì chúng sinh ở nạn xứ⁴⁸¹ này, phần nhiều không được nghe pháp, tư duy hướng đến đạo, nên không hiện hành. Nếu luận về

⁴⁸¹ Nạn xứ 難處 (Gđ: Bát nạn xứ): tám nơi khó thể tu tập Phật pháp. Đó là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, cõi trời trường thọ, biên địa, chư thiên ở cõi Sắc và Vô sắc, Bắc-câu-lô châu, người thông hiểu học thuyết thế gian, người sinh trước Phật hoặc sau Phật.

việc phát sinh thiện căn thì ở địa ngục cũng có. Như quốc vương Tiên Dự, giết hại năm trăm bà-la-môn, bị đọa vào địa ngục, nhưng nhờ phát tín tâm mà được sinh về nước Cam Lộ. Cho nên biết thiện căn vẫn hiện hành. Luận *Thành thật* cũng cho địa ngục có thiện căn hiện hành. Tuy không có sức phương tiện khởi tu thiện để đạt được thánh đạo, nhưng nhờ sinh thiện căn mà phát tâm thiện. Nghĩa là từ vô thủy đến nay, chúng sinh ở trong thế gian từng tu các pháp tín, tấn, niệm v.v... chưa khởi tâm tà kiến, hủy báng không có nhân quả, pháp thiện này không diệt, cho nên vừa sinh ra liền có được, gọi là sinh đắc thiện; rồi nương vào thiện căn này mà phát khởi thiện tâm. Nếu nghiệp xưa cảm được duyên mạnh, gặp Đức Phật ứng hiện, chuyển hóa khiến khổ não chấm dứt, thuyết pháp cho chúng sinh ấy nghe mà được pháp tu phương tiện.

Cõi súc sinh, rồng v.v... cũng có tu thiện. Như kinh *Niết-bàn* ghi: “Khi Đức Phật thuyết pháp, thì có vô lượng chim, thú phát tâm bồ-đề, được sinh lên cõi trời. Theo *A-tỳ-đàm* ghi: “Mười điều thiện của ngựa quý, súc sinh thuộc về phi luật nghi⁴⁸², vì tất cả các loài chúng sinh đều phát sinh bảy luật nghi thiện của thân, miệng, nhưng riêng loài quý thần không thể phát được”. Cho nên luận *Tát-bà-đa* cho súc sinh ngu si ám độn, nên không phát khởi luật nghi. Nếu căn cứ theo luận *Thành thật* thì quý thần, súc sinh, v.v... đều có khả năng đắc giới.

1. Luận về cõi người, người ở châu Bắc-đơn-việt ba nghiệp thiện chỉ thành tựu trong tâm chứ không hiện hành, không đoạn mất, đến kiếp tân⁴⁸³ thì mọi người đều tu thiện định. Riêng người ở châu này hoàn toàn không xa lìa dục, còn người ở ba châu kia đều có mười nghiệp thiện, nhưng cũng có người không đủ.

Sáu tầng trời cõi Dục hoàn toàn không có giới biệt giải thoát⁴⁸⁴ của hàng xuất gia, chỉ có mười thiện và giới tại gia. Cho nên, luận *Thành thật* ghi: “Như trời Đế Thích và loài rồng v.v... cũng thọ bát quan trai, chứ không chỉ riêng cõi người”. Về các tầng trời cõi Sắc, luận *A-tỳ-đàm* ghi: “Khi

⁴⁸² Phi luật nghi 非律儀: tí-kheo như người nông dân gán gũ người hiền, lắng nghe chính pháp, suy nghĩ những điều hay lẽ phải, lấy đó làm cảnh giới tu tập, khiến họ sinh ra những hạt giống lành. Nếu tâm tính người kia nhiều tham lam chưa từng tu tập và cũng chưa từng biết hổ thẹn, nên khi gặp cảnh vừa ý thì khởi tâm tham, chấp chặt không bỏ, tâm tham trói buộc nên không giữ giới, buông thả theo đời, suy nghĩ những điều phi lý, giống như con trâu vào ruộng phá hoại lúa của người. Cũng vậy, vị tí-kheo này phá hoại hết các hạt giống thiện.

⁴⁸³ Kiếp tân 劫新: kiếp mới được hình thành.

⁴⁸⁴ Biệt giải thoát giới 別解脫戒: một trong ba thứ luật nghi, là giới luật mà bảy chúng mỗi mỗi phân biệt thụ trì để xả bỏ các điều ác ở bảy chi nơi miệng và thân.

chúng sinh được sinh lên tầng trời trên, thì mất đi nghiệp thiện tầng trời dưới”. Nghĩa là tầng trời trên không phát khởi nghiệp thiện ở tầng trời dưới, vì nhân quả ở tầng trời ấy đã đoạn mất; thân được sinh lên tầng trời trên, thì pháp ở tầng trời dưới không còn. Đây là căn cứ theo nghiệp hữu lậu ở tầng trời dưới mà tu tập sinh lên tầng trời trên, khi được sinh lên tầng trời trên rồi, thì mất hết nghiệp thiện ở tầng trời dưới, không thể tu tập phát khởi. Nếu theo luận *Thành thật* thì tầng trời trên được thành tựu là nhờ ở tầng dưới, cũng là nương vào nghiệp thiện ở cõi dưới. Như các Phạm thiên thấy Phật liền đảnh lễ, nói lời khen ngợi, tức là tán thiện⁴⁸⁵. Đây là nương vào Tán thiện phát khởi nghiệp thiện cõi Dục. Nếu theo các luận *A-tỳ-đàm*, *Tỳ-bà-sa*, Phạm thiên đảnh lễ, khen ngợi Phật, chẳng phải là thiện cõi Dục. Đây là tâm oai nghi cõi Sơ thiên phát khởi. Theo sở y thì đây là vô kí, chẳng phải thiện, còn thân, miệng chính là nghiệp cõi Sắc. [106c] Đây là trình bày về nghiệp phúc thiện tán loạn ở cõi Dục nương vào thân phát khởi.

2. Trình bày về nghiệp tứ thiên⁴⁸⁶ cõi Sắc nương phát khởi: nếu trong loài quý, súc sinh, khi gặp Phật, nhờ duyên mạnh cũng có thể ngộ đạo, cũng có được nghiệp thiện do tu phát khởi. Vì nghiệp vô lậu này nương vào thiên định mà phát khởi, dù không có chính thể của thiên định căn bản sâu xa, ắt cũng có tâm thiên định tương lai cạn cợt. Thiên định tương lai này là nghiệp cõi Sắc, khi nương vào Thiên định tương lai này đoạn trừ phiền não cõi Dục thì nghiệp này cảm được quả Sơ thiên ở Phạm thiên. Nếu từ cõi trời người mà luận, tức là tu tập nghiệp cõi Sắc, trừ người ở châu Bắc-đơn-việt không tu thiên, còn ba châu kia cho đến các trời cõi Dục đều có mười thiện cõi Sắc do tu tập phát khởi. Người chứng đắc Sơ thiên, trong tâm có ba pháp: vô tham, vô sân và chính kiến. Nếu luận về bảy nghiệp thiện của thân và miệng, thì nương vào tâm định để phát khởi thiên giới. Thiên giới chính là bảy nghiệp thiện của thân và miệng. Cho nên khi đắc thiên vẫn có mười nghiệp thiện ở cõi Sắc. Nếu từ cõi Vô sắc mà luận, theo *A-tỳ-đàm* thì các trời cõi Vô sắc không có nghiệp thiên định cõi Sắc do tu tập khởi, vì khi sinh về cõi trên thì đoạn trừ thiện ở cõi dưới. Nếu theo luận *Thành thật* thì khi sinh về cõi Vô sắc cũng vẫn có nghiệp cõi Sắc. Đây là trình bày

⁴⁸⁵ Tán thiện 散善: thiện nghiệp được tu tập với tâm tán loạn. Sư Thiện Đạo thì cho rằng tu ba phúc chín phẩm đều là tán thiện.

⁴⁸⁶ Tứ thiên 四禪 (Cg: Tứ thiên định; S: catvāri dhyānāni): bốn loại thiên định căn bản dùng để đối trị hoặc nghiệp và sinh ra các công đức. Đó là sơ thiên, nhị thiên, tam thiên và tứ thiên thuộc cõi Sắc, nên còn gọi là Sắc giới định.

phúc nghiệp thiên định và mười nghiệp thiện của chư thiên cõi Sắc nương vào thân để phát khởi.

Nếu luận về nghiệp Tứ không định cõi Vô sắc nương vào thân phát khởi, thì nghiệp của trời, người trong ba cõi đều có do tu tập phát khởi. Trên đây là trình bày về các hành vi phúc nương vào thân phát khởi. Nếu luận về phúc nghiệp phát khởi của thánh nhân, thì không liên quan đến phạm phu, nên không đề cập.

XIX.5. Nghiệp khác

Lời bàn: tên gọi của hành nghiệp này, chư Phật không nói nhất định. Về hành vi tội, có kinh gọi là hắc hắc nghiệp; có kinh gọi là Bất thiện nghiệp. Hành vi phúc của phạm phu, có kinh gọi là hắc bạch nghiệp; có kinh gọi là thiện nghiệp. Tên gọi tuy có nhiều, nhưng thể của hành vi không khác.

Thể của hành vi là gì? Như luận *Trí độ* ghi: “Giết hại v.v... là nghiệp bất thiện, bố thí v.v... là nghiệp thiện. Đây là hai hành vi tội phúc”. Nói giết hại v.v, tức gồm cả mười điều ác đều gọi là hành vi tội. Nói bố thí v.v, tức gồm tất cả giới, định v.v, là nghiệp thiện thế gian, đều gọi là hành vi phúc. Trong nghiệp thiện thế gian, tám thiên định⁴⁸⁷ nếu nói theo tán thiện ở cõi Dục là bất động hạnh⁴⁸⁸; nếu theo trí tuệ lí quán xuất thế, thì thiên định này duyên nơi sự mà lập, nên gọi là hành vi phúc. [107a] Như thiên định trong sáu độ, cũng gọi là phúc. Nhưng hành vi tội phúc của mỗi người khác nhau. Có người chuyên tu phúc, có người chuyên tạo tội, lại cũng có người tạo cả tội lẫn phúc. Người chuyên tu phúc là người có tâm thanh tịnh, làm những việc lợi ích cho người khác như bố thí, trì giới v.v.... Người chuyên tạo tội là người không phát khởi lòng từ, mỗi khi nói hay làm hoặc suy nghĩ đều làm tổn hại cho người khác. Người tạo cả phúc lẫn tội, là khi tu phúc, tâm người ấy không thanh tịnh, có khi còn làm tổn hại vật. Đây chính là nghiệp xen tạp ở cõi Dục, chẳng phải là thuần thanh tịnh, cũng gọi là bất tịnh. Nếu luận về hành vi tội, thì những hành vi thô biểu hiện ra có thể biết rõ. Nếu luận về hành vi tội phúc lẫn lộn, so với hành vi thanh tịnh

⁴⁸⁷ Tứ thiên bát định 四禪八定 (S: catvāri-dhyānāni): tứ thiên cõi Sắc và tứ định cõi Vô sắc hợp chung thành bát định. Do cõi Sắc và cõi Vô sắc đối nhau nên ở cõi Sắc là thiên, còn ở cõi Vô sắc là định; nếu cõi Sắc và cõi Vô sắc đối lại với “Tán” ở cõi Dục thì cõi Sắc và cõi Vô sắc đều gọi là định. Nếu phân biệt thiên định cõi Sắc và cõi Vô sắc thì thiên định cõi Sắc là “Định, huệ bằng nhau”, còn thiên định cõi Vô sắc thì tướng của nó vi tế và “Định nhiều huệ ít”.

⁴⁸⁸ Bất động hạnh 不動行: các thiện hữu lậu của bốn định cõi Vô sắc.

thì phúc có đồng có dị, hơi ẩn kín khó biết. Nghĩa là những người tu phúc, xét hình tướng bên ngoài, đối với việc làm thì có sự tin thích và hành động giống nhau; nhưng xét tâm ý bên trong thì có sự mong cầu cho mình, cho người mỗi mỗi khác nhau, tinh tế hay thô thiển đều không giống. Vì các việc tu phúc, bên ngoài thì giống nhau, nhưng bên trong khác nhau; cho nên có hai nghiệp thuần và tạp. Nếu có năng lực điều phục tâm từ bi, thương xót chúng sinh, tùy theo sự mong cầu của chúng sinh mà thực hành bố thí thì thành tựu nghiệp thiện lớn. Nếu không chế ngự tâm ý, nhìn tướng để tu phúc, thì bên trong thô thiển, bên ngoài vi tế, chỉ tạo thành tạp nghiệp, thích hợp với những kẻ ngu; tuy hơn hẳn lý thế gian, nhưng trái với đạo, cũng chẳng phải là phúc thanh tịnh. Vì khi tu phúc mà không quán xét lý sinh không⁴⁸⁹, ngã chấp điên đảo⁴⁹⁰ thường hiện hành khắp ba tính⁴⁹¹, những nghiệp tạo tác đều tương ứng với điên đảo, đây là hư vọng chấp tính, cho nên mê đạo. Vì không chí tâm, mà phần nhiều chỉ cầu phúc báo thế gian và cầu danh, cho nên chẳng phải là phúc thanh tịnh. Vì phần nhiều không hiểu rõ nghiệp thế tục thuần tạp lẫn lộn này, nên luận bàn sơ lược để mọi người biết mà thực hành.

Trước trình bày về tạp nghiệp, sau trình bày về phúc nghiệp thanh tịnh. Tạp nghiệp có thô có tế. Thô thì vừa xấu ác vừa làm tổn hại cho người khác. Tế thì chỉ mong cầu phúc báo thế gian. Trước luận về tạp nghiệp thô, như có người dùng tài vật phi pháp để bố thí, như vật trộm của người khác. Nghiệp này cảm quả báo ở đời sau thường bị suy hao. Bố thí rồi sinh tâm hối tiếc cũng bị quả báo như vậy. Cho nên kinh *Ưu-bà-tắc* ghi: “Nếu người nào bố thí rồi sinh tâm hối tiếc, hay cướp đoạt của người khác để bố thí thì đời sau người ấy tuy có được tài vật, nhưng thường bị suy hao, phân tán. Hoặc người vừa bố thí vừa làm tổn hại người khác, nghĩa là trong lúc bố thí không nghĩ đến điều thiện, hoặc sinh tâm sân giận, hoặc khởi tâm kiêu mạn, thì sẽ bị rơi vào đường ác. Tuy được phúc báo, nhưng chỉ thụ thân trong loài súc sinh chứ không cảm được quả báo trời người. Cho nên kinh *Phân biệt nghiệp báo* có bài kệ:

Tu hạnh bố thí lớn,

⁴⁸⁹ Sinh không 生空 (S: ātma-sūnyatā): chúng sinh do năm uẩn sắc, thụ, tưởng, hành, thức giả hợp mà thành, không có ngã thể thường nhất.

⁴⁹⁰ Ngã đảo 我倒: Kiến chấp hư vọng, điên đảo cho là có thật ngã.

⁴⁹¹ Ba tính (tam tính 三性): thiện, ác, vô kí.

Nóng tính, nhiều sân hận,

Không nương vào chính niệm,

Đời sau cảm thân rỗng,

Đã tu hạnh bố thí,

Cống cao lãng mạ người,

[107b]Do nghiệp này chiêu cảm,

Sinh làm chim cánh vàng⁴⁹².

Tu phúc cầu quả báo thế gian, như khi xả bỏ tài sản, mong cầu quả báo tốt đẹp ở đời sau, hoặc sợ thân mạng, tài sản vô thường mà xả bỏ, hoặc vì mong được nổi tiếng, cầu lợi ích cho mình mà bố thí thì chẳng phải là hành động xuất phát từ lòng từ bi cứu giúp người nghèo khổ, chỉ giống như chuyện mua bán ở chợ; như vậy chẳng phải là nghiệp thuần thanh tịnh, vì thế trong kinh gọi là bất tịnh thí. Như *Bách luận*⁴⁹³ ghi: “Người vì mong cầu quả báo mà thực hành bố thí, đó là bố thí không thanh tịnh, giống như buôn bán”. Quả báo của sự bố thí này có hai loại: hiện báo, đời này có tiếng tăm, mọi người kính yêu v.v...; hậu báo đời sau được giàu có v.v... tất cả đều gọi là bất tịnh thí. Thí như người khách buôn đến phương xa, tuy mang nhiều đồ vật khác nhau, làm nhiều lợi ích, nhưng chẳng phải vì thương chúng sinh, mà chỉ mong cầu lợi riêng cho mình, đây là nghiệp bất tịnh. Bố thí để mong cầu quả báo cũng giống như vậy. Từ minh chứng này biết rõ, hễ bố thí mà không có lòng thương xót, chỉ cầu tiếng tăm, hoặc cầu quả báo đời sau, dầu có bố thí rộng lớn cũng chẳng phải là nghiệp thanh tịnh; nghiệp đã không thanh tịnh, thì quả báo cũng không thanh tịnh.

Thế nên kinh *Phân biệt nghiệp báo* ghi: “Nếu người muốn sinh về cõi trời, mong cầu danh tiếng, đền ơn, vì mong báo đáp, hoặc sợ hãi mà thực hành

⁴⁹² Chim cánh vàng (Kim sí điều 金翅鳥; S: suparṇa): một loại chim giống như chim diều hâu trong thần thoại Ấn Độ. Đây là loại chim được thần thoại hóa, thân to lớn và hung dữ, là loài chim trời Tì-thấp-nô cưỡi. Tương truyền lúc mới sinh ra, thân nó phát ánh sáng chói lọi, chư Thiên lầm tưởng là Hóa thiên nên kéo nhau đến lễ bái. Trong các kinh điển Phật giáo thường có nói đến loại chim này.

⁴⁹³ *Bách luận* 百論 (S: Śataśāstra): luận, hai quyển, do ngài Đề-bà ở Ấn Độ soạn, ngài Cru-ma-la-thập dịch, được xếp vào Đại Chính tạng, quyển 30. Nội dung bộ luận này nói về nghĩa lý không, vô ngã của Phật giáo Đại thừa để bác bỏ các kiến chấp của ngoại đạo Số Luận.

bố thí, thì quả không thanh tịnh, chịu nhiều việc xấu. Bố thí đã như vậy thì các việc thiện của trì giới v.v... cũng không thanh tịnh giống như thế”.

Vì vậy *Bách luận* ghi: “Giữ giới với tâm không thanh tịnh, tức là giữ giới để mong cầu quả báo dục lạc. Như giữ giới vì mong cầu sinh về cõi trời để cùng hưởng lạc với thiên nữ, hoặc mong cầu giàu sang ở cõi người để hưởng thụ năm món dục lạc. Vì lòng dâm dục, như người có tướng tráo trở, bên trong ham muốn sắc đẹp của người, bên ngoài thì biểu lộ vẻ thân thiện, đó gọi là bất tịnh. Đây chính là ngoại đạo với tâm vi tế không thanh tịnh trì giới”.

Như bài kệ mà tôn giả A-nan nói với Nan-đà:

Như dê đực húc nhau,

Húc tới rồi đẩy lui.

Người vì dục giữ giới,

Việc ấy cũng như vậy!

Người mở tâm rộng chỉ vì lợi ích người khác thì được phúc rất nhiều. Lại nữa, bố thí cho người nghèo, người bệnh, người biết pháp mà thiếu duyên tu tập, giúp họ được lợi ích lớn thì người thực hành bố thí kia sẽ đạt được nhiều phúc báu.

Cho nên kinh *Hiền ngu* ghi: “Đức Phật khen ngợi năm pháp bố thí đạt được phúc vô lượng. Đó là bố thí cho người từ phương xa đến, bố thí cho người sắp đi xa, bố thí cho người bệnh tật, bố thí cho người bị đói khát, bố thí cho người biết pháp. Bố thí cho năm đối tượng như vậy thì hiện đời được nhiều phúc báu”, cách bố thí này đúng pháp, không giống như bố thí để cầu danh. Nếu bố thí không đúng chỗ, mặc dầu xả bỏ tài sản nhiều nhưng không được quả báo thanh tịnh.

Lại nữa, người thấy người khác bố thí mà vui theo, nếu so với người làm các việc bất thiện lớn thì người này cũng được gọi là thiện; nhưng so với người li dục và luôn vì lợi ích người khác thì nghiệp này chính là tội. Cho nên luận *Trí độ* ghi: [107c] “Người hành động thô thiển có tội thô thiển,

người hành động vì tế có tội vì tế, cho nên tạp nghiệp này có đủ cả hành vi tội phúc. Tâm mong cầu không thuần chính là bất tịnh nghiệp”.

Trên đây vừa trình bày hành vi tội phúc lẫn lộn, chính là tạp nghiệp bất tịnh ở cõi Dục.

Nếu luận về nghiệp thanh tịnh, thì ngược lại phần trước, cho nên *Bách luận* ghi: “Người bố thí thanh tịnh, thì được mọi người cung kính, thương mến, được phúc cũng nhiều”.

Kinh *Nhân quả* có bài kệ:

Như có người nghèo khó,

Không có của bố thí,

Khi thấy người bố thí,

Khởi sinh tâm tùy hỷ,

Phúc báo tùy hỷ kia,

Cũng bằng người bố thí.

Lại nữa, luận *Đại trượng phu* có bài kệ:

Với lòng thương chân thật,

Bố thí cho một người,

Công đức lớn vô cùng.

Vì cầu lợi riêng mình,

Dẫu bố thí nhiều người,

Phúc chỉ bằng hạt cải.

Cứu một người gặp nạn,

Hơn bố thí nhiều người,

Ánh sáng của nhiều sao,

Đâu bằng một mặt trăng!

Nếu phạm phu tạo tội phúc, không hiểu nhân quả, thiện ác là vô tính, chính là mê sự, chấp tính thường bị trôi buộc trong ba cõi. Luận *Trí độ* ghi: “Giống như ruồi nhặng, không chỗ nào không bu đậu, trừ lửa dữ; chúng sinh cũng như vậy, đều đắm trước vào pháp thiện và bất thiện này, cho đến cõi Phi tướng, chỉ trừ lửa dữ tính không của bát-nhã ba-la-mật”. Đoạn văn này chứng minh rằng không có tính thiện ác thường luôn chuyển trong năm đường, tức sẽ không có Phật tính, chúng sinh. Đây là nêu sơ lược kinh luận chứng minh hai hành vi tội phúc của phạm phu do mê sự, chấp tính đã xong.

Lại nữa, kinh *Tap bảo tạng* ghi: “Khi Đức Phật còn ở đời, vua Ba-tư-nặc có một người con gái, tên là Thiện Quang, thông minh, đoan chính. Vua và hoàng hậu hết lòng thương yêu, tất cả cung phi đều kính mến. Vua cha nói với Thiện Quang:

- Con nhờ oai lực của ta mà trong cung ai cũng kính mến.

Thiện Quang thưa:

- Con vốn có nghiệp riêng, đâu cần nhờ vào phụ vương!

Vua cha nghe Thiện Quang nói, liền nổi giận nói:

- Nay ta sẽ thử xem con có sức tự lập như thế nào?

Vua liền sai cận thần tìm một người hết sức thấp hèn, xin ăn nghèo khó, gả Thiện Quang cho người nghèo đó.

Vua nói:

- Con vốn có nghiệp riêng, không cần nhờ vào ta, từ nay có thể kiếm chường!

- Con vốn có nghiệp riêng!

Thiện Quang vẫn trả lời như vậy, rồi cùng người nghèo ấy dắt nhau ra đi.
Thiện Quang hỏi chồng:

- Chàng có cha mẹ không?

Người chồng đáp:

- Cha mẹ ta trước đây là một vị trưởng giả đứng đầu trong thành Xá-vệ này. **[108a]** Nay cha mẹ ta đã qua đời cả rồi, ta không còn chỗ nương tựa, do đó phải đi xin ăn.

Thiện Quang hỏi:

- Nay chàng còn nhớ ngôi nhà cũ của mình không?

Người chồng đáp:

- Nhớ chứ! Nhưng ngôi nhà đã bị hư hoại chỉ còn đất trống thôi!

Nói xong, người chồng dắt vợ trở về ngôi nhà cũ. Thiện Quang đi dạo quanh, nơi nàng đi qua thì kho báu⁴⁹⁴ tự nhiên xuất hiện. Thiện Quang liền dùng châu báu ấy, xây dựng nhà cửa, chưa đầy một tháng, hoàn thành tòa nhà như cung điện, kĩ nữ, nô tỳ, phục dịch nhiều không kể xiết.

Một hôm, vua chợt nhớ đến con gái và nghĩ: “Không rõ cuộc sống của con ta như thế nào?”.

Lúc đó, có người tâu:

- Công chúa Thiện Quang hôm nay có cung điện, tiền của không kém bề hạ!

Một ngày nọ, công chúa liền bảo chồng đến thỉnh vua cha, vua cha nhận lời mời, đến thăm con gái, vua thấy nhà cửa, cung thất của con trang

⁴⁹⁴ Kho báu (phục tạng 伏藏): nơi cất giữ báu vật hoặc kinh điển được thiết lập trong lòng đất. Phục tạng dụ cho chúng sinh không biết ngay tự thân mình có Phật tính, đợi đến lúc Phật thuyết pháp chỉ dạy mới giác ngộ.

nghiêm, trong lòng mừng chưa từng có. Vua đem việc này đến thưa hỏi Đức Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn! Người con gái này đời trước tạo phúc nghiệp gì, mà đời nay được sinh vào dòng vua chúa, thân có ánh sáng?

Đức Phật dạy:

- Vào thời quá khứ xa xưa, cách đây chín mươi một kiếp, sau khi Đức Phật Tỳ-bà-thi nhập niết-bàn, có vua Bàn-đậu tôn thờ xá-lợi Phật trong bảo tháp bằng bảy báu. Phu nhân của vua thấy vậy, liền dùng thiên quan đội lên đầu tượng, dùng hạt ngọc như ý trong thiên quan treo vào đầu cửa tháp, nhân đó phát lời nguyện: “Xin cho con đời sau, thân có ánh sáng màu vàng ròng, được sinh vào nhà giàu có tôn quý, không bị đọa vào ba đường ác, tám chỗ nạn”. Phu nhân ngày xưa nay chính là Thiện Quang.

Về sau, vào thời Đức Phật Ca-diếp, người vợ dùng món ăn ngon để cúng dường Phật và tăng, nhưng bị người chồng ngăn cản, người vợ liền cầu xin:

- Nay thiếp đã cầu thỉnh rồi, mọi việc đã xong!

Người chồng đồng ý.

Người vợ lúc ấy, chính là Thiện Quang bây giờ. Người chồng nay chính là chồng của Thiện Quang, do ngày xưa ngăn cản vợ cúng dường nên thường bị nghèo khó; nhờ đồng ý cho vợ cúng dường, mà thành nhân chính được làm chồng của Thiện Quang giàu sang; khi không còn làm chồng nữa thì lại nghèo khó. Do nhân duyên này, mà nghiệp thiện ác đeo đuổi theo thân, cảm thọ quả báo, chưa hề trái mất.

Lại nữa, kinh *Tap bảo tạng* ghi: “Khi Đức Phật còn tại thế, vua Ba-tư-nặc lúc đang ngủ, nghe hai vị quan thị vệ cùng tranh luận đạo lý. Một vị nói:

- Ta nương nhờ vua để sống.

Vị kia nói:

- Ta vốn sống theo nghiệp của mình, không nhờ vào vua.

Vua nghe người nói sống nương nhờ vào vua, liền muốn ban thưởng cho ông ấy. Lập tức sai người hầu báo với phu nhân:

- Nay ta sẽ sai một người đến, nàng ban thưởng tài vật cho người ấy!

Vua liền sai người nói “sống nương nhờ vào vua” mang rượu đến dâng cho phu nhân. Người này vừa ra khỏi cửa, thì hộc máu mũi không thể đi được, bèn nhờ người nói “sống do nghiệp” đi thay. Phu nhân gặp người này [108b] liền ban thưởng tài vật y phục, anh lạc rất hậu. Khi trở về chỗ vua, vua lấy làm lạ, liền gọi người nói câu “sống nhờ vua” đến và hỏi:

- Ta sai người đi, tại sao người không đi?

Người kia liền thưa đầy đủ sự việc lên vua. Nghe xong, vua rất vui và nói:

- Lời của Đức Phật rất chân thật! Tự tạo nghiệp thì nhận lấy quả báo, không thể thay thế được.

Do đó, biết rõ thiện ác báo ứng do nghiệp dẫn dắt, chứ không do trời, không do vua ban tặng, chính là do tự làm thì tự hưởng. Phát khởi chính kiến, cho là quả báo là do nghiệp; gần thì đạt được quả báo trời người, xa thì đạt được quả Phật; nếu trái với thánh giáo, thì chịu đủ những đau khổ như trước đã nêu.

Xét nhân, đường có khác,

Xả bỏ, cõi giống nhau,

Khổ hết, liền an vui,

Vui hết, khổ lại sinh.

Tội phúc có khác chăng?

Đều do tâm đả trước,

Nếu đoạn nghiệp hữu lậu,

Thường thấy rõ Pháp thân!

Lệ Tuyên dịch

CHU' KINH YẾU TẬP

QUYỂN 12

XX. DỤC CÁI⁴⁹⁵

Gồm ba phần: Lời dẫn, Năm dục⁴⁹⁶, Năm triền cái.

XX.1. Lời dẫn

Xét trong kinh luận thì người tu đạo đều cho rằng ngũ dục chính là gốc rễ chướng ngại gốc thánh đạo, nếu không đoạn trừ thì không thể nào chứng được quả thánh. Cội rễ ấy chính là năm căn, năm trần và năm thức, do căn trần tiếp xúc sinh ra.

Do ba loại này mà sinh ra nhiễm dục, cho nên kinh *Niết-bàn* ghi: “Này thiện nam! Thí như voi ác chưa được điều phục, nếu có người cưỡi, nó sẽ không tuân theo, bỏ xóm làng, chạy vào rừng hoang; cũng thế, người không khéo nhiếp phục năm căn, sẽ dẫn dắt người lìa bỏ thành trì niết-bàn đến chốn đồng hoang sinh tử. Thiện nam tử! Thí như gian thần xúi dục vua làm ác, gian thần ngũ căn cũng thế, thường xúi dục chúng sinh tạo vô lượng ác. Như đứa con hư hỏng, không nghe lời dạy dỗ của cha mẹ, sư trưởng, [108c] thì không có điều ác nào mà không làm; cũng vậy, người không điều phục năm căn, không nghe theo lời dạy tốt đẹp của sư trưởng thì không có điều ác nào mà không gây tạo.

Thiện nam tử! Hàng phàm phu không điều phục năm căn, thường bị bọn giặc địa ngục, nga quỷ và súc sinh làm hại, cũng như kẻ cừ oán, trộm cắp hại người lương thiện”.

Kinh *Di giáo* ghi: “Năm căn gây họa đến nhiều kiếp, tai hại rất nặng, cần phải thận trọng! Thế nên, người trí chế ngự, không chạy theo, canh giữ nó như giặc. Nếu buông lung năm căn, thì chẳng bao lâu sẽ bị chúng phá hoại tất cả”.

⁴⁹⁵ Cái 蓋 (S: Āvaraṇa): phiên âm ngăn che thiện tâm. Cái gồm có năm thứ như tham dục, sân khuê, thù miên, trạo cử và nghi.

⁴⁹⁶ Năm dục (ngũ dục 五欲; S: panca Kamah): năm thứ ham muốn sinh ra từ sự nhiễm trước của năm trần. Có năm thứ: sắc dục là ham muốn sắc đẹp của thế gian; thanh dục: ham muốn âm thanh; hương dục: ham muốn mùi thơm; vị dục: ham muốn những thức ăn ngon; xúc dục: ham muốn sự xúc chạm.

Cái là ngăn che, nghĩa là hành giả bị nó ngăn che làm cho tâm tính mê mờ, định tuệ không sáng tỏ, nhận chìm người thiện, là chướng ngại chính đối với người tu đạo.

Vì thế, luận *Đối pháp* ghi: “Cái khiến cho điều thiện không hiển lộ, che lấp tâm tính, làm chướng ngại, không cho các tâm thiện hoạt động”. Năm dục nói ở trước, phát sinh từ năm trần, năm cái này phát sinh từ năm căn.

XX.2. Năm dục

Phần này có ba ý

XX.2.1. Khổ do dục trói buộc

Do có năm căn, nên dễ dàng phát sinh năm dục trói buộc chúng sinh khiến không thể giải thoát. Do đó, kinh *Niết-bàn* ghi: “Phàm phu bị năm dục trói buộc, để ma ba-tuần tự do dẫn đi, như người thợ săn bắt khi vượn mang về nhà. Thiện nam tử! Giống như quốc vương, khi ở trong nước của mình, tất nhiên thân tâm luôn được an lạc, nhưng nếu đến nước khác thì phải chịu những khổ đau. Cũng vậy, tất cả chúng sinh ở trong cảnh giới của mình thì sẽ được tự do, an lạc; nhưng nếu đến cảnh giới khác thì sẽ gặp ác ma, chịu nhiều thống khổ. Cảnh giới của chính mình là bốn niệm xứ⁴⁹⁷, cảnh giới khác là năm dục”.

Năm dục là sắc, thanh, hương, vị và xúc được nhận biết ở nơi thân của người nam và nữ. Dục nghĩa là mong cầu; vì tham đắm năm trần nên gọi là dục; còn tất cả các cảnh mà ý căn tiếp xúc, gọi là pháp trần. Sáu trần này không chỉ là chỗ hoạt động của ma, mà còn là ác tặc. Cho nên kinh *Niết-bàn* ghi: “Như sáu tên giặc lớn có thể cướp hết tài sản của muôn dân; cũng vậy, giặc cướp sáu trần có thể cướp hết tài sản thiện của chúng sinh. Sáu tên giặc lớn, nếu đột nhập vào nhà người thì sẽ cướp hết tài sản hiện có của họ, không kể tốt hay xấu, khiến nhà giàu bỗng chốc sẽ trở thành nghèo khổ. Cũng vậy, bọn giặc sáu trần, nếu đột nhập vào năm giác quan của người, thì có thể cướp đoạt hết tất cả pháp thiện. [109a] Khi pháp thiện mất hết thì nghèo cùng cô cút, làm kẻ nhất-xiển-đề. Vì thế, bỏ-tát xem sáu trần như sáu tên giặc lớn”.

⁴⁹⁷ Bốn niệm xứ (tứ niệm xứ 四念處): một khoa trong bảy khoa thuộc ba mươi bảy phẩm trợ đạo, là bốn phương pháp tập trung tâm niệm vào một điểm, đề phòng và ngăn ngừa không cho tạp niệm vọng tưởng sinh khởi để đạt được chân lí.

XX.2.2. Khô do dục chương ngại

Lỗi của dục là tệ ma năm dục và ác tặc sáu trần. Đức Phật cho những thứ đó là phiền não điên đảo, ngăn che Phật tính.

Kinh *Niét-bàn* ghi: “Năm thức của chúng sinh tuy chẳng phải nhất niệm, nhưng đều là hữu lậu, tà kiến điên đảo, làm tăng trưởng lậu hoặc. Tất cả phàm phu đều tham đắm sắc, thức v.v... Vì đắm trước sắc nên sinh tâm tham; do sinh tâm tham mới bị sắc cho đến thức trói buộc, do bị trói buộc nên không thể thoát khỏi tất cả những phiền não khổ đau sinh, lão, bệnh, tử và ưu bi”.

Lại ghi: “Bồ-tát tự cho là giữ giới thanh tịnh, tuy không chuyện trò, cười nói bốn cọt, nhưng thích nghe giọng nói của người nữ; hoặc thấy người nam đi theo người nữ, hay thấy người nữ đi theo người nam liền khởi tâm tham đắm. Bồ-tát ấy đã nhiễm pháp dục, phá hủy tịnh giới, ô nhiễm Phạm hạnh, khiến giới bị cấu uế, không được gọi là tịnh giới trọn vẹn”.

Như luận *Trí độ* ghi: “Bồ-tát quán sát các thứ bất tịnh, trong những mối nguy hại thì người nữ là nguy hại nhất. Những thứ như dao, lửa, giông tố, sấm sét, oan gia và rắn độc còn có thể gần được; chứ người nữ đầy dẫy tham lam, keo kiệt, giận dữ, đua nịnh, đấu tranh ganh tị, không nên gần gũi. Vì sao? Vì người nữ là tiểu nhân, tâm trí cạn cợt, chỉ thích gần với dục, không màng đến danh tiếng, phú quý, trí đức; chuyên hành dục ác, phá hoại thiện căn của người. Gông cùm, xiềng xích trói buộc, giam cầm tuy khó thoát nhưng vẫn dễ; còn khóa nữ sắc, hễ khóa người rồi thì không thể mở ra, đó là căn bệnh nặng nhất”.

Đức Phật dạy:

Thà lấy thanh sắt nóng,

Đâm vào tròng mắt mình,

Chứ không dùng tâm nhiễm,

Trộm liếc nhìn nữ sắc.

Người nữ hay mỉm cười,

Và làm duyên làm dáng,
Thường kiêu căng, then thùng,
Quay mặt cùng nhắm mắt,
Giọng nhỏ nhẹ, đôi hờn,
Cùng dáng đi yếu điệu,
Làm mê hoặc lòng người,
Lưới dâm giăng cùng khắp,
Sa vào đều mất thân.
Khi đi, đứng, nằm, ngồi,
Liếc mắt nhìn, bốn cợt,
Kẻ ngu trí cạn mỏng,
Bị nó làm đắm say,
Cầm dao đẹp quân địch,
Còn có thể thắng được.
Nữ tặc hại lòng người,
Không sao ngăn cản được,
Rắn hổ mang ngậm độc,
[109b] Còn có thể nắm bắt,
Nữ tình mê hoặc người,
Thật chẳng nên tiếp xúc.

*Người có trí sáng suốt,
Không nên nhìn người nữ,
Nếu muốn nhìn đến họ,
Phải xem như mẹ, chị,
Nhìn kỹ rồi quán tưởng,
Thấy toàn là bất tịnh,
Lửa dâm nếu không trừ,
Ắt sẽ bị tiêu diệt.*

Lỗi về sắc đã vậy, hương, vị, xúc cũng đều như thế. Từ xưa tới nay, tất cả chúng sinh trôi lăn trong sinh tử, không thể thoát ly, đều là do nữ sắc trói buộc khó thoát ra được. Kẻ mê mờ không có mắt tuệ, nên bị rơi xuống hầm sinh tử. Nay kẻ tục, người đạo, không nhận ra cái họa của dục, mà cứ rong ruổi theo nó, biết ngày nào mới quay đầu lại để thoát khỏi họa ấy! Tâm luôn đắm trước, không thể bỏ rời, giới còn không có, nói gì đến định và tuệ hay Phật tính!

Bài kệ trong kinh *Niết-bàn* ghi:

*Làm ác không hối hận,
Như sữa kết thành lạc⁴⁹⁸,
Tro tàn che phủ lửa,
Người ngu dâm đạp lên.*

XX.2.3. Chê trách khổ đau do dục gây tạo

Luận *Trí độ* ghi: “Hành giả nên chê trách năm dục: Thương thay! Chúng sinh thường bị ngũ dục quấy nhiễu, vậy mà cứ tìm cầu mãi không thôi, để

⁴⁹⁸ Lạc 酪: chất dinh dưỡng đặc chế từ sữa bò, có mùi vị thơm ngon tuyệt hảo, là một trong năm vị bổ dưỡng nhất.

rồi phải rơi xuống hầm lửa lớn, chịu nỗi khổ bị lửa nướng quay. Ngũ dục không lợi ích, như chó gặm xương; ngũ dục làm tăng sự đấu tranh, như quạ tranh thịt; ngũ dục đốt người, như cầm đuốc ngược gió; ngũ dục hại người như đập phải rắn độc; ngũ dục không thật, như cảnh mộng; ngũ dục không bền lâu, chỉ gá tạm chốc lát. Người đời vì mê muội nên tham đắm ngũ dục, cho đến chết mà vẫn không chịu từ bỏ, đến nỗi phải chịu khổ đau cùng cực ở nhiều đời sau. Ngũ dục này chỉ làm vui sướng nhất thời, còn đau khổ thì triền miên. Như mật bôi trên dao, người tham ngọt liếm vào, đâu biết họa bị đứt lưỡi. Ngũ dục ấy là sắc, thanh, hương, vị và xúc. Năm món này là trở ngại lớn cho các thiên gia, nếu muốn tu định cần phải buông bỏ”.

1. Quả trách lỗi tham đắm sắc

Như vua Tần-bà-bà-la vì tham sắc mà phải dẫn thân vào nước kẻ thù, một mình ở trong phòng dâm nữ A-phạm-bà-la. Vua Ưu-điền vì tham đắm sắc, nên đã chặt tay của năm trăm vị tiên nhân. Do nhiều nhân duyên như thế, nên quả trách lỗi của sắc.

2. Quả trách lỗi tham đắm âm thanh

Âm thanh vô thường, vừa nghe liền diệt. Người ngu si không hiểu bản chất của âm thanh là vô thường, biến đổi, nên vọng sinh tâm ưa thích; [109c] âm thanh đã trôi qua rồi, mà tâm còn sinh đắm trước. Như năm trăm tiên nhân sống trong núi, nghe tiếng hát của cô gái Khẩn-đà-la tắm nơi ao trong núi Tuyết, họ liền đánh mất thiền định, tâm say đắm cuồng loạn không tự chế ngự, mất hết công đức, về sau đọa vào đường ác. Người trí quán chiếu sự sinh diệt của âm thanh, trước sau không phải một, không liên tục. Khi đã nhận biết như vậy thì không còn đắm nhiễm. Với người như thế, dù cho âm nhạc của trời cũng không thể cảm dỗ được, huống gì là âm thanh trần tục. Do những nhân duyên như thế, nên quả trách lỗi tham đắm âm thanh.

Luận ghi: “Năm trăm tiên nhân đang bay, nghe tiếng ca của cô gái Khẩn-đà-la, tâm đắm nhiễm, rồi loạn, liền mất hết thần túc, liền rơi xuống đất. Khi tiếng đàn Truân-luân-ma của vua Khẩn-đà-la⁴⁹⁹ diễn tả thật tướng các

⁴⁹⁹ Khẩn-đà-la 緊陀羅 (S: Kimnara): chỉ các vị thần trong thần thoại Ấn Độ, sau được Phật giáo dung nạp và xếp vào bộ thứ bảy trong tám bộ chúng, hình dáng của vị thần này giống như người, nhưng trên đánh đầu có một cái sừng.

pháp đề ca ngợi Đức Phật thì núi Tu di và cây cối đều rung động, các đại đệ tử như Ca-diếp v.v... ngồi trên tòa cũng đều múa máy theo, không chế ngự được tâm mình. Bồ-tát Thiện Mãn liền hỏi ngài Ca-diếp:

- Thầy là bậc đại kỳ túc, thực hành hạnh đầu-đà, tại sao hôm nay lại không chế ngự được tâm mình?

Ca-diếp đáp:

- Đối với các dục của cõi trời người, tâm ta không hề bị lay động, nhưng đây là âm thanh từ vô lượng công đức của bồ-tát phát ra, lại do trí tuệ biến hóa tạo nên, do đó ta không thể kiềm chế được.

Thí như gió từ tám phương thổi đến cũng không thể lay động được núi Tu-di; nhưng đến kiếp tận, gió Tì-lam thổi đến khiến cho núi Tu-di giống như cỏ mục. Như cây đàn của A-tu-la⁵⁰⁰ thường tự phát ra âm thanh đúng theo sở thích của họ, cho dù không có người khảy. Tiếng đàn này không làm cho tâm tán loạn, cũng không giúp nhiếp tâm. Đây là quả báo sinh ra từ phúc đức, đúng theo sở thích mà phát ra âm thanh. Cũng vậy, bồ-tát đã chứng Pháp thân thì không có tâm phân biệt, cũng không có tâm tán loạn, cũng không có tướng thuyết pháp. Đây là nhờ vô lượng phúc trí phát sinh”.

3. Quả trách lỗi tham đắm mùi hương

Người đời cho rằng tham đắm mùi hương thì ít tội, nhưng thật ra nhiễm đắm mùi hương là mở cửa kết sử⁵⁰¹. Dầu người nỗ lực giữ giới cả trăm năm cũng có thể bị nó làm hại trong phút chốc. Như có vị a-la-hán thường vào cung rồng, sau khi ăn xong, mang bát về trao cho một vị sa-di rửa. Khi rửa, trong bát còn sót vài hạt cơm, vị sa-di ngửi, nghe mùi quá thơm, ăn rất ngon, liền tìm cách chui xuống, hai tay bám lấy chân thẳng sàng⁵⁰², để khi thầy vào cung rồng thì sẽ đi cùng.

Khi đến nơi, rồng hỏi:

⁵⁰⁰ Cây đàn của a-tu-la (a-tu-la cầm 阿修羅琴): loài a-tu-la do phúc đức mới có cây đàn này. Khi a-tu-la muốn nghe một nhạc khúc, dù không có người đàn, cây đàn ấy cũng có khả năng phát ra âm thanh đúng theo sở thích của họ.

⁵⁰¹ Kết sử 結使: tên khác của phiền não. Kết là phiền não trói buộc chúng sinh làm cho họ không thoát khỏi sinh tử; sử là các phiền não sai khiến làm não loạn chúng sinh. Kết có chín loại, sử có mười loại, gọi là chín kết mười sử.

⁵⁰² Thẳng sàng 繩床: loại ghế làm bằng dây, dùng để ngồi hoặc nằm; một trong mười tám vật của ti-kheo.

- Vị này chưa đắc đạo, vì sao ngài dẫn theo?

Thầy trả lời:

- Tôi không biết!

Nhờ vậy, vị sa-di kia được ăn uống no nê, lại thấy rồng nữ xinh đẹp, tỏa hương thơm, liền sinh tâm đắm nhiễm, khởi nguyện xấu ác: **[110a]** “Ta sẽ tạo phúc đức để đoạt được cung rồng và ở tại cung điện này”.

Lúc ấy, rồng nói:

- Lần sau ngài chớ nên dẫn vị sa-di này theo!

Sau khi trở về, vị sa-di hết lòng bỏ thí, trì giới luôn mong cầu sớm thành rồng. Bấy giờ, sa-di đang đi kinh hành ở trong chùa, tự nhiên dưới chân phun ra nước, nên tự biết chắc mình đã được làm rồng, vội vàng đi đến bờ ao lớn, chỗ mà trước kia thầy mình vào long cung, lấy ca-sa trùm lên đầu, nhảy vào trong ao lớn chết, biến làm rồng lớn. Nhờ phúc đức tu tập, nên vị sa-di ấy giết được con rồng chúa kia, máu nhuộm đỏ ao. Trước đó, các vị thầy và chúng tăng đều quở trách, sa-di liền nói:

- Ý con đã định, khi tâm tướng đã hiện, sẽ dẫn chúng tăng đến ao xem.

Do những nhân duyên như vậy, nên quở trách lỗi đắm trước sắc.

Lại, có một vị tì-kheo đi kinh hành bên bờ ao trong khu rừng, ngửi hương thơm của hoa sen liền sinh tâm đắm trước. Thần ao hỏi:

- Tại sao ông bỏ ngôi thiền dưới khu rừng kia mà lại đến trộm mùi hương của tôi? Vì đắm trước hương, nên những kết sử đã lắng yên liền dậy khởi.

Khi ấy, có một người vào trong ao hái rất nhiều hoa sen, nhổ rễ, bẻ cành vứt bừa bãi rồi bỏ đi. Thần ao im lặng, không nói gì.

Tì-kheo nói:

- Người kia phá hết ao sen mà ông không nói gì, sao tôi chỉ kinh hành bên bờ liền bị ông mắng là kẻ ăn trộm hương?

Thần ao nói:

- Người ác thế gian thường ở trong phần dơ tội lỗi, bất tịnh ngập đầu thì tôi nói làm gì; còn thầy là người tốt, đang hành thiện mà đấm trước hương này là phá hủy việc thiện của mình, cho nên tôi mới chê trách! Giống như tấm lụa trắng bị vấy bẩn, thì mọi người đều nhìn thấy. Còn người ác giống như tấm vải đen, dẫu dính thêm một vết đen nữa thì người ta cũng không nhìn thấy, ai hỏi làm gì? Những nhân duyên như thế, nên quở trách lỗi đấm trước mùi hương.

4. Quở trách lỗi đấm trước mùi vị

Nên tự hiểu rằng, chỉ vì ta tham đấm vị ngon nên phải chịu nỗi khổ uống nước đồng sôi, nuốt hòn sắt nóng. Nếu không quán chiếu thức ăn mà tâm cứ mãi đấm trước thì sẽ đọa làm loài trùng bất tịnh.

Có một sa-di thường thích sữa đông, khi các đàn-việt mang sữa đông cúng cho chúng tăng, sa-di được chút phần dư, trong lòng thích thú tham đấm không rời, nên sau khi qua đời, liền sinh vào trong chiếc bình chứa sữa đông này. Thầy của sa-di đã chứng quả A-la-hán, biết được nên khi tăng chia sữa thì liền nói:

- Hãy cẩn thận! Chớ làm tổn thương vị sa-di!

Mọi người nói:

- Đây là loài trùng, sao thầy bảo là sa-di?

Thầy đáp:

- Con trùng này vốn là sa-di đệ tử của ta, chỉ vì tham đấm sữa đông dư mà sinh vào trong chiếc bình này!

Bấy giờ, từ trong phần sữa đông của thầy, con trùng ấy bò ra. Vị thầy nói:

- Ta là hòa thượng của người. Người nên bỏ tâm tham đấm sữa, cầu đạo xuất thế để thoát khỏi thân trùng!

Nói xong, thầy trao tam quy, trùng chết liền được sinh lên cõi trời.

[110b]Lại thái tử con vua Nhật Nguyệt Phần rất ưa thích mùi vị ngon. Người giữ vườn của vua hàng ngày mang quả ngon đến cho thái tử. Bây giờ, trên cây lớn trong vườn có một tổ chim. Chim mẹ thường bay đến núi Hương lấy những quả thơm ngon về nuôi con. Vì các chim con tranh nhau, nên có một quả rơi xuống đất. Sáng sớm hôm sau, người làm vườn thấy quả này có màu sắc kỳ lạ vô cùng, bèn mang dâng lên cho nhà vua. Vua rất quý quả này, vì nó có mùi hương quá đặc biệt, thái tử thấy được liền xem. Vì thương con, nên nhà vua ban cho thái tử. Khi thái tử thưởng thức hương vị quả này, tâm lại càng tham đắm, hàng ngày mong có quả này để ăn. Nhà vua liền gọi người giữ vườn, hỏi nguyên do có được trái cây này.

Người giữ vườn tâu:

- Quả này không có ai trồng, thân nhặt dưới đất, không biết từ đâu đến?

Thái tử khóc lóc không ăn uống gì, nhà vua bèn ra lệnh người giữ vườn:

- Người hãy mau tìm cho được trái ấy mang về đây!

Người giữ vườn liền đến chỗ mình nhặt được trái cây hôm nọ, thấy trên cây có tổ chim, mới biết trái cây này do chim mang về. Ông ta ẩn mình trên cây, rình chờ lấy quả. Khi chim mẹ bay về, ông ta cướp lấy quả dâng lên cho nhà vua. Hàng ngày như vậy, chim mẹ tức giận, bèn đến núi Hương hái một quả độc, nhưng mùi cũng giống như quả kia. Người giữ vườn cũng cướp lấy, rồi dâng lên nhà vua. Nhà vua và thái tử ăn, chưa được bao lâu thân thể thối rửa mà chết.

Do các nhân duyên như vậy, cho nên quả trách lỗi tham đắm mùi vị.

5. Quả trách lỗi tham đắm sự xúc chạm

Xúc là nguyên nhân của kết sử, là căn bản trói buộc tâm. Vì sao? Vì bốn dục kia mỗi mỗi chỉ duyên với căn tương ứng, còn xúc thì toàn thân. Và lại, nó rất khó xa lìa, thường tạo trọng tội.

Bây giờ, Đức Thế Tôn nói nhân duyên Bản Sinh⁵⁰³ cho các tì-kheo:

⁵⁰³ Bản sinh 本生: sự tích Đức Phật trong đời quá khứ thụ các thân hình và thân phận khác nhau mà tu đạo Bồ-tát.

- Vào thời quá khứ xa xưa, ở nước Ba-la-nại có một tiên nhân sống trong núi. Vào một đêm tháng tám, vị tiên nhân đi tiểu trong bồn tắm, chợt thấy những con nai giao hợp, tâm dâm sinh khởi nên xuất tinh rơi vào bồn. Khi nai cái đến uống nước, gặp phải, liền mang thai. Đủ tháng, nó đến bên am của tiên nhân, sinh ra một sinh vật, thân hình giống người, nhưng trên đầu có một chiếc sừng và chân thì giống nai. Nai mẹ thấy con của mình giống người, bèn bỏ đó cho tiên nhân rồi đi. Tiên nhân bước ra, thấy sinh vật nhỏ bé này, tự nhớ nghĩ lại duyên xưa, biết là con của mình. Ông ta mang về nuôi dưỡng, khi khôn lớn, dạy nó học tập, thông thạo mười tám loại đại kinh, lại học tọa thiền và thực hành tứ vô lượng tâm⁵⁰⁴, chứng ngũ thần thông⁵⁰⁵. Một hôm, nó lên núi, gặp lúc trời mưa lớn, đường đi lầy lội, trơn trượt, chân đi không vững, nên té ngã làm bể chiếc bình đựng nước, chân lại bị thương. Nó tức giận quá, về nhà lấy bình chứa nước [110c] rồi chú nguyện, khiến cho trời không mưa. Vì phúc đức của tiên nhân, nên các loài rồng, quỷ thần đều không làm mưa. Do không mưa, nên ngũ cốc, ngũ quả đều không thể sinh trưởng, nhân dân vô cùng khốn khổ, dường như không còn đường sống. Vua Ba-la-nại ưu sầu, nhóm họp các đại thần để bàn luận. Có một vị quan thông thái thưa:

- Nghe đồn có vị tiên có sừng sống trong núi Tiên Nhân, một hôm vào núi, vì chân không vững, khiến chân bị thương, ông ta tức giận bèn chú nguyện suốt mười hai năm không mưa.

Nhà vua liền nghĩ: “Nếu suốt mười hai năm mà không mưa, đất nước ta không còn nhân dân, ắt sẽ bị diệt vong!”. Nhà vua liền chiêu mộ, ai có khả năng khiến cho tiên nhân mất thần thông, để ông ấy làm một người dân bình thường, ta sẽ chia nửa quốc gia. Trong nước, có một dâm nữ tên là Phiến-đà, xinh đẹp và rất giàu có, đến nhận lời chiêu mộ của nhà vua. Cô ta hỏi mọi người:

- Đó là người phải không?

Đáp: Phải! Do một tiên nhân sinh ra!

Dâm nữ nói:

⁵⁰⁴ Tứ vô lượng tâm 四無量心 (S: catvāry apramāṇāni): bốn tinh thần phải có của Phật và bồ-tát để độ khắp vô lượng chúng sinh, làm cho chúng sinh lìa khổ được vui. Đó là từ, bi, hỷ, xả.

⁵⁰⁵ Ngũ thần thông 五神通 (S: pañcābhijñā): năng lực siêu việt tự nhiên đạt được do tu tập bốn tinh lực căn bản. Đó là thần túc thông, thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông, túc mạng thông.

- Nếu là người thì ta có thể phá được.

Nói xong, cô ta lấy mâm vàng đựng đầy báu vật, đồng thời thưa với vua:

- Tiểu nữ sẽ cười trên cổ vị tiên nhân đó về đây!

Ngay lúc đó, dâm nữ xin nhà vua ban cho năm trăm cỗ xe chở năm trăm mỹ nữ, năm trăm xe nai chở các loại rượu ngon có nồng độ cao, màu sắc giống như nước và các loại bánh hoan hỷ rồi dùng các loại dược thảo hòa với nước vẽ lên bánh đủ màu sắc, giống như các loại trái cây lẫn lộn, rồi mặc áo vỏ cây để giống với tiên nhân, vào trong rừng, cất thảo am ở bên cạnh tiên nhân. Khi tiên nhân ra, các tiên nữ đón tiếp, mang những đóa hoa đẹp với mùi hương thượng diệu cúng dường. Họ dùng những lời hay, tỏ vẻ cung kính, thăm hỏi tiên nhân rồi đưa vào phòng, mời ngồi trên chiếc giường nệm, dâng rượu ngon thay nước trong bình, mời bánh hoan hỷ thay quả, tiên nhân rất vui. Sau khi ăn uống no say, tiên nhân nói với những dâm nữ:

- Từ khi sinh ra đến nay, ta chưa từng được thưởng thức những quả ngon và nước bổ như thế này!

Những dâm nữ nói:

- Tôi hết lòng làm điều thiện, nên trời ban cho tôi như sở nguyện được quả ngon, nước bổ này!

Tiên nhân hỏi:

- Vì sao các nàng có được nhan sắc xinh đẹp như thế?

Người nữ đáp:

- Tôi nhờ ăn quả ngon, uống nước bổ này nên có được nhan sắc như vậy.

Người nữ thưa với tiên nhân:

- Ngài ở lại đây luôn chứ?

Đáp:

- Vâng! Tôi cũng có thể ở lại!

Người nữ hỏi:

- Ngài có thể cùng tắm với tôi được không?

Đáp:

- Cũng được!

Bởi tay của dâm nữ mềm mại, khi chạm vào da thịt, tâm tiên nhân rung động, dục tâm liền sinh khởi, nên đưa đến việc hành dâm. Tiên nhân liền mất hết thần thông, trời liền mưa suốt bảy ngày đêm, nhân dân ăn mừng thỏa thích. Trái qua bảy ngày, rượu ngon, thức bổ đã hết, chỉ còn lại trái cây và nước suối, [111a] hương vị chẳng ngon gì. Tiên nhân đòi thức ăn uống như trước.

Dâm nữ nói:

- Đã hết rồi! Chúng ta sẽ cùng đi tìm, cách đây không xa sẽ có!

Tiên nhân đồng ý.

Thế là họ cùng nhau ra đi, cách thành không bao xa, người nữ nằm giữa đường nói:

- Tôi thật không thể đi được nữa!

Tiên nhân nói:

- Nếu không đi được, tôi sẽ cõng cô!

Trước đó, người nữ đã sai người báo tin cho vua biết, để vua đến chứng kiến tài năng của mình. Do đó, vua ra lệnh nghiêm chỉnh xa giá đến xem.

Vua hỏi:

- Nguyên nhân nào mà cô làm được việc này?

Người nữ tâu nhà vua:

- Tôi dùng tài khéo léo của mình. Nay ông ta đã như vậy, không thể có lại thần thông như trước nữa. Hãy cho ông ta ở trong thành, cung kính cúng dường đầy đủ, tùy theo ý muốn, đồng thời phong cho ông ta chức quan lớn.

Sống ở trong thành được ít ngày, thân thể ông ta trở nên gầy ốm, nhớ lại niềm vui thiên đình, nhàm chán dục lạc thế gian. Thấy vậy, vua liền hỏi:

- Tại sao ngài không vui, khiến cho thân thể trở nên gầy ốm như thế?

Tiên nhân đáp:

- Tuy tôi có đầy đủ năm dục, nhưng cứ nhớ mãi chốn núi rừng yên tĩnh, nơi các tiên nhân dạo chơi, không thể nào quên được!

Vua nghĩ: “Nếu cưỡng ép ở lại thì làm cho ông ta khổ đau; khổ đau cùng tột thì sẽ chết. Họa hoạn mà ta muốn trừ bỏ cũng đã trừ, cưỡng ép ông ta làm gì nữa?”. Nghĩ như vậy, vua liền cho người đưa ông ta trở về núi. Khi đến núi, tiên nhân tinh tấn tu hành, không bao lâu lại chứng được ngũ thông.

Đức Phật bảo các tì-kheo:

- Vị tiên nhân một sừng xưa kia, nay chính là Ta. Dâm nữ kia nay chính là Da-du-đà-la. Lúc đó, cô ta dùng bánh hoan hỷ mê hoặc Ta, do Ta chưa đoạn trừ kết hoặc nên bị mê hoặc. Nay cô ta vẫn còn dùng bánh hoan hỷ mê hoặc Ta, nhưng không được.

Qua việc này nên biết sự xúc chạm mịn màng có thể lay động cả tiên nhân, huống chi người phàm?

Do các nhân duyên như thế, nên chê trách lỗi đấm trước xúc. Như vậy, có thể chê trách năm dục, đoạn trừ năm loại ngăn che.

XX.3. Năm món ngăn che

Hỏi: Năm món ngăn che là gì?

Đáp: Tham dục, sân khuê, thùy miên, trạo hồi và nghi.

XX.3.1. Tham dục

Ví như người đang thực tập thiền định, bỗng tâm sinh dục giác⁵⁰⁶, vọng niệm tương tục, tham cầu mãi không thôi, đến nỗi sinh bệnh. Như luận *Đại trí độ* ghi: “Thuật-bà-già vì nhớ vương nữ, dục tâm nội phát thiêu đốt thân thể, cháy lan đến cả miếu thờ trời. Huống chi người khởi ngọn lửa dục độc mà không thiêu đốt các pháp thiện sao? Tâm đã nhiễm dục thì làm sao gần đạo được? Cho nên, kệ ghi:

Người hành đạo tà quý,

Khát thực giáo hóa người,

[111b] *Cớ sao theo dục trần,*

Chìm đắm mãi trong đó.

Đã xa lìa năm dục,

Dứt bỏ không đoái hoài,

Làm sao lại muốn được,

Như ngu ăn đàm dãi.

Khi cầu dục thì khó,

Lúc được, sợ hãi nhiều,

Mất đi càng phiền muộn,

Tất cả đều không vui.

Tai họa như vậy đó,

Làm sao để xả bỏ,

Tạo phúc vui thiền định,

⁵⁰⁶ Dục giác 欲覺: cảm giác của tham dục, một trong ba ác là dục giác, sân giác và hại giác.

Ắt không bị người khinh.

XX.3.2. Sân khuê

Sân hận là cội gốc đánh mất các pháp thiện, là nguyên nhân đọa vào các đường ác, là oan gia của pháp lạc, là giặc lớn của thiện tâm, là kho tàng ác khẩu, là dao búa họa hoạn. Nếu người đang tu đạo mà suy nghĩ: “Người này nã hại ta và người thân của ta, khen ngợi kẻ oán thù của ta, xét kĩ quá khứ, vị lai cũng đều như vậy”. Đó là chín chỗ phiền não sinh ra sân hận; niệm sân hận che lấp tâm trí, nên gọi là Cái. Hãy mau dứt bỏ không nên để nó tăng trưởng.

Như luận *Đại trí độ* ghi: “Thích-đề-bà-na dùng kệ hỏi Đức Phật:

Trừ pháp nào, an ổn?

Diệt pháp nào, hết ưu?

Pháp nào gốc của độc,

Nuốt mất các pháp thiện?

Đức Phật dùng kệ đáp:

Lìa sân được an ổn,

Diệt sân hết lo buồn,

Sân là gốc của độc,

Sân diệt mọi pháp thiện!

Khi biết được như vậy, nên tu tập tâm từ bi, dùng nhẫn nhục trừ bỏ sân hận để tâm thanh tịnh; quán âm thanh là trống rỗng, giả tạm, không nên khởi sân giận. Cho nên, luận *Đại trí độ* ghi: “Bồ-tát biết các pháp không sinh, không diệt, thể tính vốn không”. Nếu người nào tức giận mắng chửi, đánh đập, giết hại ta, ta đều xem như huyễn, như hóa; quán âm thanh vốn không, chỉ là tiếng gió, từ duyên mà có thì việc gì phải tức giận. Cho nên, luận

ghi: “Như khi sắp nói, gió Ưu-đà-na⁵⁰⁷ từ miệng chuyển xuống rốn, chạm rốn thì tạo thành âm hưởng, âm hưởng này trở ra tiếp xúc với bảy chỗ (*cổ, lợi, răng, môi, lưỡi, cổ họng và ngực*) phát ra tiếng, đó gọi là nói. Như kệ ghi:

Ngọn gió Ưu-đà-na,

Chạm rốn thì chuyển lên,

Trở ra qua bảy chỗ,

Cổ, lợi, răng, môi, lưỡi,

Yết hầu đến lồng ngực,

Mới phát ra âm thanh,

[111c] *Người ngu không hiểu được,*

Mê chấp sinh sân hận.

Lại nữa, kinh *Ưu-bà-tắc* ghi: “Bậc trí nếu bị chửi mắng, liền nghĩ lời mắng chửi này không phát ra cùng một lúc. Lời trước phát ra, thì lời sau chưa có; đến khi lời sau phát ra thì lời trước đã qua rồi. Đã không cùng một lúc như thế, tại sao cho là mắng chửi, chỉ là tiếng gió thoảng qua, có sao ta lại nổi sân?”

Cho nên, luận *Đại trí độ* ghi: “Bồ-tát quán chúng sinh, dẫu trăm nghìn kiếp bị mắng chửi cũng không khởi tâm sân hận; nếu trăm nghìn kiếp được khen ngợi cũng không hề vui mừng. Bồ-tát biết rõ âm thanh sinh diệt như mộng huyễn, như tiếng vang”.

XX.3.3. Thụy miên

Nội tâm mê muội gọi là miên; năm thức ám độn, thân thể lờ đờ, nằm ngủ say sưa gọi là thụy. Thụy miên này có năng lực phá niềm vui chân thật của đời này đời sau, cho nên nó là pháp ác, bất thiện nhất. Vì sao? Vì các món che đậy khác, chúng sinh có thể nhận biết mà đoạn trừ, còn lúc thụy miên

⁵⁰⁷ Ưu-đà-na 優陀那 (S: udāna): đây có nghĩa là hơi thở.

thì như người chết, tâm không thể nhận biết được; vì không nhận biết được, nên khó đoạn trừ.

Như luận *Đại trí độ* ghi: “Bồ-tát nói kệ khuyên răn đệ tử về thụy miên:

*Các ông chớ ôm thây chết ngủ,
Những thứ bất tịnh tạm gọi người,
Như thân bệnh nặng, bị tên bắn,
Các khổ tích chứa, đâu thể ngủ!
Như người bị trời sắp hành hình,
Tai họa phủ xuống, đâu thể ngủ!
Phiền não chưa diệt, hại chưa trừ.
Như cùng rấn độc ngủ chung nhà,
Giống như giữa trận nghìn đao bén,
Lúc ấy làm sao có thể yên,
Ngủ thì tối tăm, không nhìn thấy,
Hàng ngày lừa dối đạo trí người,
Vì ngủ che tâm không thấy được,
Lỗi lớn như thế, ngủ được sao?”*

XX.3.4. Trạo hối

Có ba phần: trạo hối của miệng là ưa thích ngâm vịnh, tranh cãi thị phi, bàn luận vô ích, nói chuyện thế tục; trạo hối của thân là thích cưỡi ngựa, đánh xe dong ruổi đó đây, đấu vật, đánh đấm; trạo hối của tâm là tâm tình

phóng túng, ý duyên theo cảnh, suy nghĩ tìm tòi kỹ thuật, văn nghệ thế gian. Nói chung trạo là những ác giác quán⁵⁰⁸ phá mất tâm xuất gia.

Cho nên luận *Đại trí độ* có bài kệ:

Ông đã cạo đầu đắp ca-sa,

Tay ôm bình bát khắp mọi nhà,

Vì sao đả trước các trạo hối,

Buông lung tâm ý đọa pháp tà.

[112a] Đã không có lợi ích về chính pháp, mà còn đánh mất niềm vui ở thế gian. Khi nhận biết được lỗi ấy thì phải trừ bỏ ngay. Nếu chỉ có trạo mà không có hối thì không thành món che đậy. Vì khi trạo, phiền não vẫn còn ở trong duyên, nhưng đến lúc nhập định thì mới sinh tâm hối hận hành động đã làm. Do đó, buồn bực che tâm, nên gọi là che lấp. Ở đây có hai trường hợp là do trạo và sau đó sinh hối, như trước đã trình bày; hai là người phạm trọng tội, lòng luôn sợ hãi, như mũi tên độc cắm sâu vào tim không thể nhổ được.

Như trong luận *Trí độ* có bài kệ:

Không nên làm mà làm,

Nên làm lại không làm,

Lừa hối hận thiêu đốt,

Đời sau đọa đường ác.

Người có tội biết hối,

Hối rồi chớ buồn lo,

Tâm an lạc như thế,

⁵⁰⁸ Ác giác quán 惡覺觀: tư tưởng xấu, có tám thứ khác nhau. Theo Đại Thừa Nghĩa chương thì tư tưởng sai gọi là giác, trái với lẽ thật gọi là ác.

Không nên luôn nghĩ nhớ,

Có hai loại hối hận,

Việc nên làm không làm,

Không nên làm lại làm,

Đó chính là người ngu,

Do tâm không hối hận,

Việc không nên mà làm,

Các điều ác đã làm,

Không thể nói không làm.

XX.3.5. Nghi

Vì nghi che lấp tâm tính, nên không thể định tâm trước các pháp; do không thể định tâm, nên ở trong Phật pháp không thu hoạch được kết quả gì. Như người đi vào trong núi báu, nếu không có tay thì không thể lấy được. Nói chung, nghi rất nhiều, nhưng chưa hẳn tất cả làm chướng ngại định. Ở đây chỉ nêu ba mối nghi làm chướng ngại định: nghi mình; nghi thầy và nghi pháp.

a. Nghi mình: nghĩ ta ngu tối, tội lỗi sâu dày, chẳng phải là người ư? Khi đã nghi ngờ chính mình thì định tuệ không phát khởi. Nếu muốn học pháp, không nên xem thường mình, vì thiện căn đời trước thật khó lường.

b. Nghi thầy: vị kia oai nghi tướng mạo đã như vậy, bản thân còn chưa chứng đạo, làm sao có thể chỉ dạy ta? Khi khởi tâm nghi kiêu mạn như vậy, thì chướng ngại định. Muốn trừ bỏ tâm nghi, thì phải xem như vàng ở trong túi da hôi, vì tham vàng nên không bỏ túi da. Cũng vậy, tuy thầy mình bất tịnh, nhưng hành giả nên khởi quán tưởng như Phật.

c. Nghi pháp: Người đời phần nhiều chấp vào bốn tâm, không có lòng kính tin, thực hành đối với pháp đã thụ. Nếu do dự thì pháp sẽ không thâm nhập vào tâm. Vì sao? Vì ngăn che tâm.

Như luận *Trí độ* ghi:

Như người giữa ngã rẽ

Chẳng biết đi đường nào,

[112b] *Trong thật tướng các pháp,*

Nghi hoặc cũng như vậy.

Vì nghi, không siêng cầu,

Thật tướng của các pháp,

Nghi phát sinh từ si,

Là ác trong pháp ác.

Các pháp thiện, bất thiện,

Sinh tử và niết-bàn,

Chắc chắn là pháp hữu,

Nơi pháp chớ sinh nghi,

Người ôm lòng nghi hoặc,

Thân chết, ngục tốt trời,

Như sư tử bắt nai,

Không thể thoát khỏi chết,

Ở đời tuy có nghi,

Nên vui theo pháp thiện,

Như người giữa ngã rẽ,

Chọn đường tốt để đi.

Hỏi: Pháp bất thiện nhiều vô số, vì sao chỉ trừ bỏ năm pháp thôi?

Đáp: Năm pháp này, tên gọi tuy hạn hẹp, nhưng nghĩa lí bao trùm ba độc, cũng thâm nhiếp cả tám vạn bốn nghìn trần lao. Phiền não cái tham dục chính là tham độc, sân khuê chính là sân độc, thù miên và nghi chính là si độc, còn trạo hối chính là đẳng phần, gồm đủ cả bốn món phiền não. Trong một món ngăn che có hai vạn một nghìn, bốn món thì có tám vạn bốn nghìn trần lao. Cho nên, nếu trừ năm phiền não ngăn che này, thì bỏ được tất cả pháp bất thiện. Như người trả nợ xong, người bệnh được lành, người đói đến được nước giàu có; như ở chỗ giặc ác nguy hiểm được cứu đến nơi an ổn, không hoạn nạn. Cũng vậy, hành giả trừ năm phiền não ngăn che thì tâm được thanh tịnh. Giống như mặt trời, mặt trăng bị năm thứ che lấp: khói, mây, bụi, sương và bàn tay của a-tu-la thì không thể chiếu sáng. Tâm cũng như vậy, như ví dụ có thể biết được.

Bài tụng:

Năm dục mờ thân thức,

Năm cái che phúc đức,

Sáu căn nguồn gốc khổ,

Sáu giặc loạn tâm thức,

Sóng dục theo tình nổi,

Lưới ái theo tâm dết,

Ba độc ngăn nhân không⁵⁰⁹,

⁵⁰⁹ Nhân không 人空: quán con người do năm uẩn giả hợp làm duyên sinh ra, biết nó là ngã thể vô thường, nên gọi là nhân không.

Bốn dòng⁵¹⁰ trôi không dừng,

Vàng đúc tuy đổi dạng,

Tính toán lại không cùng,

Chim câu còn chẳng biết,

Vượn chuyền đâu thể dừng,

Chưa dứt sạch đục cái,

Làm sao vượt cao xa,

Cùng đến nơi thành báu,

Được thấy đáng Năng Nhân.

XXI. TỨ SINH

[112c] Gồm sáu phần: Lời dẫn, Hội danh, Tương nhiếp, Ngũ sinh, Trung âm, Thụ thai.

XXI.1. Lời dẫn

Thực hành điều thiện thì cảm báo vui, gần thì sinh lên cõi trời người, xa thì thành Phật đạo. Còn làm ác sẽ chịu quả khổ, gần thì rơi vào ba đường ác, xa thì trái với quả thánh. Người ngu không tin, nhưng kẻ trí nhận biết. Cho nên mới có bốn loại tương trạng chẳng đồng, sáu nẻo thân hình sai khác, sáng tối đôi đường riêng lẻ, thẳng trảm muôn lối khác nhau. Lý nghiệp nhân duyên đã quá rõ ràng, báo ứng nhân quả muôn đời chẳng lệch.

XXI.2. Tổng hợp các tên gọi về bốn hình thái sinh (*hội danh*)

Như kinh *Bát-nhã* ghi: “Noãn sinh, thai sinh, thấp sinh, hoá sinh”.

⁵¹⁰ Bốn dòng (tứ lưu 四流): chúng sinh bị bốn pháp này mà sinh tử không dứt. Kiến lưu là sự thấy sai lầm trong ba cõi; đục lưu là tất cả các sai lầm trong cõi Đục, chỉ trừ kiến và vô minh; hữu lưu là sự mê lầm của cõi Sắc và Vô sắc, chỉ trừ kiến và vô minh; vô minh lưu là sự vô minh trong ba cõi.

Kinh *Giải thập nhị nhân duyên* trong *A-hàm* ghi: “Có bốn hình thái sinh: sinh từ bụng là loài người và súc sinh (*thai sinh*); sinh do nóng lạnh hòa hợp là các loài trùng, bướm, bò chét, rận (*thấp sinh*); sinh do biến hóa là trời và địa ngục (*hóa sinh*); sinh từ trứng là chim, cá v.v... (*noãn sinh*).”

Kinh *Chính pháp niệm* ghi: “Súc sinh nhiều vô số, gom thành ba loại: loài sống dưới nước như cá v.v..., loài đi trên mặt đất như voi v.v..., loài bay trên hư không như chim v.v... Hoặc bằng thiên nhãn, thấy các loài súc sinh có bốn hình thái sinh: thai sinh, là những loài như voi, ngựa, trâu, dê; noãn sinh, là các loài chim như rắn rít, ngỗng, vịt, gà và chim trĩ; thấp sinh, là những loài như bò chét, kiến; hoá sinh, là các loài như rồng có thân hình dài”.

Cho nên, kinh ghi: “Sinh là các căn mới được sinh khởi, chết là các căn cũ bị hoại diệt”.

Lược *Thiện kiến* ghi: “Một, sắc⁵¹¹ sinh; hai, vô sắc⁵¹² sinh. Sắc sinh thì bị hoại diệt, Vô sắc sinh không hoại diệt. Vô sắc sinh nương vào sắc mà sinh, sắc và tâm nương nhau, tạo thành một giả thể, nên gọi là sinh. Khi thân trước không cảm biết thân sau, thân sau không liên hệ với thân trước, nên gọi là chết”.

Kinh *Niết-bàn* ghi: “Phật tính của chúng sinh ở trong thân ngũ ấm, nếu giết thân ngũ ấm thì gọi là sát sinh; đã sát sinh thì bị đọa đường ác”.

Căn cứ vào sinh tử này, mà có tứ sinh. Từ trứng sinh, gọi là noãn sinh; từ chỗ dung chứa sinh, gọi là thai sinh; nhờ vào âm thấp để sinh, gọi là thấp sinh; [113a] bỗng nhiên xuất hiện, gọi là hóa sinh. Bốn loài này bao gồm tất cả chúng sinh.

XXI.3. Phối thuộc giữa bốn loài và sáu đường (*tương nhiếp*)

Lược *Bà-sa* ghi: “Trong cõi Dục gồm cả sáu đường, cõi Sắc và Vô sắc cũng là một phần trong sáu đường. Sở dĩ có sự phân chia như vậy, vì cõi

⁵¹¹ Sắc 色 (S: rūpa): từ gọi chung cho tất cả vật chất tồn tại; theo nghĩa hẹp thì sắc chỉ riêng những đối tượng của nhãn căn, nói rộng là sắc uẩn trong năm uẩn, sắc pháp trong năm vị. Sắc có tính chất biến hoại và ngăn ngại.

⁵¹² Vô sắc 無色 (S: arūpya): thế giới siêu việt vật chất, là cõi trời sẽ sinh về sau khi chết của những người nhàm chán sắc tướng vật chất mà tu Tứ vô sắc định; nghĩa là sự sinh tồn của hữu tình ở thế giới này hoàn toàn không có sắc pháp, nơi chốn, do đó nên không có không gian khác nhau, nhưng do quá báo tốt xấu sai biệt nên chia thành bốn không xứ, đó là Không Vô Biên xứ, Thức Vô Biên xứ, Vô Sở Hữu xứ, Phi Tướng Phi Thi Tướng xứ.

Dục là nơi hỗn loạn, chúng sinh tạp ác khởi nghiệp không thuần nhất, hoặc thiện hay ác. Chính vì bất đồng, nên theo nghiệp thụ quả báo, mới có nhiều sai biệt. Tuy nhiên, ở cõi Sắc và Vô Sắc là nơi tâm dễ an định, chúng sinh thanh tịnh, khởi nghiệp cũng thuần thiện, cho nên không có nhiều đường khác nhau”.

Hỏi: Sự phối thuộc giữa bốn loài và sáu đường như thế nào?

Đáp: Luận *Tạp a-tỳ-đàm tâm* ghi: “Trời và địa ngục chỉ có hóa sinh, loài ngạ quỷ có thai sinh và hóa sinh. Loài người và súc sinh đều có đủ bốn hình thái sinh”.

Cho nên, luận ấy hỏi: “Sinh thân nhiếp cõi, hay cõi thân nhiếp sinh?”. Rồi chính luận này đáp:

Sinh thân nhiếp các cõi,

Chẳng phải cõi nhiếp sinh,

Nếu là thân trung âm,

Chẳng thuộc về cõi nào.

Cho nên biết bốn loài thì rộng, sáu cõi thì hạn hẹp. Vì loài hóa sinh rất nhiều, nên tóm thân cả hai cõi và một phần của cõi thứ ba (*cõi Dục*), ở địa ngục toàn là hóa sinh.

Hỏi: Chúng sinh ở sáu tầng trời cõi Dục hành dâm giống như người, tại sao không có thai sinh?

Đáp: Thụ dục tuy giống nhau, nhưng hành vi khác nhau, cho nên kinh *Lâu thán chính pháp niêm* ghi: “Hai cõi Tứ thiên và Đao Lợi thuộc cõi trời, khi hành dâm, thân thể của nam nữ giao hợp giống với cõi người, nhưng không xuất tinh. Những cõi trời trên thì hoàn toàn khác, trong đó, cõi trời Diệm-ma khi hành dâm chỉ khởi ý ôm nhau, hoặc nắm tay là thành. Cõi trời Đâu-suất thì ý vui vẻ, nói cười với nhau là thành. Cõi trời Hóa Lạc chỉ nhìn nhau là xong, không cần nói cười. Cõi trời Tha Hóa chỉ nghe tiếng nói, hoặc ngửi mùi hương là thành dâm. Cho nên hình thái sinh ở cõi trời hoàn toàn khác với cõi người và được hóa sinh từ đầu gối mẹ”.

Việc hóa sinh ở ngã quý có thể tự biết được. Còn thai sinh thì hơi khó thấy, như phần *Quán bất tịnh* có ghi: “Thuở xưa, trong thành Vương Xá có một người thiếu nữ bị dính tinh của loài quý, nên sinh ra năm trăm quý con”. Lại luận *Câu-xá* ghi: “Có một con quý nói với tôn giả Mục-liên: ‘Ban ngày, tôi sinh năm đứa con, ban đêm sinh năm đứa con, sinh được đứa con nào liền ăn hết mà vẫn không no’. Đây là quý thai sinh”.

[113b] Loài a-tu-la cũng có hóa sinh và thai sinh, vì có vợ chồng giao phối nên có thai sinh. A-tu-la vào kiếp sơ, từ trời sinh ra, tức là hóa sinh. Lại nữa, theo kinh *Quán Phật tam-muội* ghi: “Nguồn gốc của nữ a-tu-la vốn từ trứng bùn dưới biển lớn, nhờ ẩm ướt sinh ra, đây chính là noãn và thấp sinh. Cho nên loài a-tu-la gồm đủ bốn hình thái sinh”.

Người có đủ bốn hình thái sinh: thai sinh hiện thấy có thể biết; noãn sinh như kinh *Niết-bàn* ghi: “Như Tỳ-xá-khư mẫu sinh ra một cái trứng thịt, trong quả trứng ấy lại sinh ra ba mươi hai trứng”.

Như luận *Tỳ-bà-sa* ghi:

Hỏi: Vì sao biết trong loài người có noãn sinh?

Đáp: Đức Phật dạy: “Cõi Diêm-phù-đề-lợi có nhiều thương nhân vào biển tìm châu báu, bắt được hai con chim hạc đem về, tùy theo ý thích mà dạy dỗ. Sau đó, một con chết, hằng ngày thương nhân cùng vui đùa với con còn lại, đêm đến nằm ngủ chung một nhà và cùng giao hợp với nó, sinh ra hai quả trứng. Đến ngày, trứng nở ra hai đồng tử, một vị tên là Thi-bà-la, một vị tên là Ưu-bát-thi-bà, về sau lớn lên cho xuất gia học đạo, chứng quả A-la-hán”.

Hỏi: Vì sao biết trong loài người có hình thái thấp sinh?

Đáp: Như kinh dạy: “Có vua Đỉnh Sinh, tôn giả Già-la, tôn giả Ưu-ba-già-la, Lê nữ và Nại nữ” là những người thuộc thấp sinh!

Hỏi: Làm sao biết được trong loài người có hóa sinh?

Đáp: Như loài người trong kiếp Sơ và người đã được thánh pháp. Vì đã chứng thánh pháp thì không còn noãn sinh và thấp sinh.

Hỏi: Vì sao không còn noãn sinh và thấp sinh?

Đáp: Vì noãn sinh và thấp sinh là thuộc về loài súc sinh.

Súc sinh có đủ bốn hình thái sinh. Trong đó thai sinh, noãn sinh và thấp sinh có thể biết. Còn hoá sinh, theo kinh *Lâu thán* ghi: “Như bốn loài kim sí điều (*noãn, thai, thấp, hóa*) ăn thịt bốn loài rỗng (*noãn, thai, thấp, hóa*). Trong đó, kim sí điều hóa sinh ăn bốn loài rỗng, kim sí điều thai sinh ăn ba loài rỗng (*trừ loài rỗng hóa sinh*), kim sí điều noãn sinh ăn hai loài (*trừ hóa và thai*), kim sí điều thấp sinh ăn một loài rỗng thấp sinh”.

Lại nữa, kinh *Khởi thế* ghi: “Ở phía bắc biển lớn có các rỗng chúa, các kim sí điều chúa, và có một cây lớn tên là Cu-trá-xa-ma-ly. Chu vi của gốc cây ấy rộng bảy do-tuần, rễ ăn sâu vào đất hai do-tuần, thân cao một trăm do-tuần, cành lá che phủ năm mươi do-tuần. Phía đông của cây ấy có rỗng noãn sinh và kim sí điều noãn sinh, phía nam cây ấy có rỗng thai sinh và kim sí điều thai sinh, phía tây cây ấy có rỗng thấp sinh và kim sí điều thấp sinh, phía bắc cây ấy có rỗng hóa sinh, kim sí điều hóa sinh. Bốn phương đều có cung điện, diện tích sáu trăm do-tuần, có bảy lớp tường và bảy báu trang nghiêm, [113c] mùi hương vi diệu xông khắp nơi, có những loài chim ca hát. Lại nữa, kim sí điều chúa noãn sinh ở nơi đó, khi muốn bắt rỗng noãn sinh liền bay đến đậu trên cành phía đông của cây Cu-trá-xa-ma-ly, nhìn biển lớn, rồi đáp xuống dùng đôi cánh quạt mạnh, khiến nước rẽ ra hai trăm do-tuần, bắt rỗng noãn sinh, rồi mang ra khỏi biển ăn thịt. Kim sí điều chúa noãn sinh chỉ bắt được rỗng noãn sinh, chứ không thể bắt được rỗng thai sinh, thấp sinh và hóa sinh. Nếu kim sí điều thai sinh, muốn bắt rỗng noãn sinh thì trở lại vùng biển phía đông cây ấy để bắt; muốn bắt rỗng thai sinh thì đến vùng biển phía nam cây ấy rẽ nước bốn trăm do-tuần để bắt. Kim sí điều thai sinh chỉ bắt được loài rỗng thai sinh và noãn sinh, không thể bắt được rỗng thấp sinh và hóa sinh.

Lại nữa, kim sí điều thấp sinh, muốn bắt rỗng noãn sinh thì trở lại vùng biển phía đông cây ấy bắt ăn; muốn bắt rỗng thai sinh thì đến vùng biển phía nam cây ấy rẽ nước bốn trăm do-tuần để bắt ăn; muốn bắt rỗng thấp sinh thì đến vùng biển phía tây của cây ấy rẽ nước tám trăm do-tuần để bắt; kim sí điều thấp sinh chỉ bắt được rỗng thai sinh, noãn sinh và thấp sinh, không thể bắt được rỗng hóa sinh.

Lại nữa, kim sí điều chúa hóa sinh muốn bắt rồng noãn sinh thì đến vùng biển phía đông cây ấy để bắt; muốn bắt rồng thai sinh thì đến vùng biển phía nam cây ấy để bắt; muốn bắt rồng thấp sinh thì đến vùng biển phía tây của cây ấy để bắt; muốn bắt rồng hóa sinh thì đến vùng biển phía bắc của cây ấy rẽ nước một nghìn sáu trăm do-tuần để bắt. Các loài rồng đều là thức ăn của kim sí điều chúa”.

Kinh *Quán Phật tam-muội* ghi: “Đức Phật dạy: trong cõi Diêm-phù-đề và tứ thiên hạ có loài kim sí điều tên Ca-lâu-la vương, nó rất tự tại trong các loài chim. Nghiệp báo của loài chim này là thích ăn thịt các loài rồng. Ngày thứ nhất ở cõi Diêm-phù-đề, nó ăn một con rồng chúa và năm trăm con rồng nhỏ; ngày thứ hai ở cõi Phát-bà-đề, ngày thứ ba ở cõi Cù-da-ni, ngày thứ tư ở cõi Uất-đan-việt đều ăn một con rồng chúa và năm trăm rồng nhỏ. Cứ lần lượt xoay vần như thế, trải qua tám nghìn năm, chim này chết rồi lại xuất hiện. Bấy giờ, các loài rồng nhả độc để nó không thể ăn được. Loài chim kia bị đói khát bức bách, hoảng hốt đi tìm thức ăn, [114a] bay lượn khắp các núi mà cũng không được. Nó bay đến núi Kim Cương rồi dừng lại, từ đây nó bay thẳng đến Thủy luân⁵¹³; từ Thủy luân bay đến Phong luân, tại đây, nó bị gió thổi bay trở về lại núi Kim Cương. Qua lại bảy lần như thế thì chết. Sau khi chết, do nọc độc của nó mà mười núi báu đồng thời phát cháy. Bấy giờ, rồng chúa Nan-đà sợ cháy núi này bèn phun mưa lớn như trút nước, thịt chim tan hết chỉ còn quả tim. Tim của nó cũng bay lên rơi xuống bảy lần như trước. Sau đó, quả tim trở lại ở trên đỉnh núi Kim Cương. Rồng chúa Nan-đà lấy quả tim của chim này làm hạt minh châu. Về sau, Chuyển luân vương có được ngọc này, cho đó là ngọc như ý”.

Lại nữa, kinh *Lâu thân* ghi: “Các rồng chúa trong bốn phương thiên hạ bị ba thứ nóng thiêu đốt, chỉ riêng rồng chúa A-nậu-đạt tránh khỏi. Bởi ba lý do là các rồng chúa khác bị mưa cát nóng tấp vào thân, thiêu đốt rất đau đớn; các rồng chúa khác khởi tâm dâm liền có ngọn gió nóng thổi đến thiêu đốt thân, nên nhan sắc bị hủy hoại, làm thân rắn, nên sợ hãi không vui; các rồng chúa khác bị kim sí điều ăn, nên rất sợ hãi. Do đó, các rồng chúa khác trong thiên hạ đều bị độc nóng thiêu đốt, chỉ có rồng chúa A-nậu-đạt không bị thiêu đốt”.

⁵¹³ Thủy luân 水輪 (S: jala-maṇḍala): nằm trên Phong luân và ở dưới Kim luân. Ba luân này là sự thành lập đầu tiên của thế giới bắt đầu từ dưới lên trên, do ba lớp kiên cố này giữ gìn.

Kinh *Thiện kiến* ghi: “Đức Phật dạy: loài rồng có năm trường hợp không lia thân rồng. Một, khi hành dâm, nếu rồng với rồng hành dâm thì được thân rồng, còn rồng hành dâm với người thì không hiện thân rồng; hai, lúc sinh ra; ba, khi thay da; bốn, khi ngủ; năm, khi chết”.

Hỏi: Bốn loại thức ăn và các cõi tương quan như thế nào?

Đáp: Luận *Tì-đàm* ghi: “Trong sáu đường đều có bốn loại thức ăn, nhưng tính chất khác nhau. Như ở địa ngục có đoàn thực là hòn sắt nóng và nước đồng sôi, tuy khổ đau tăng mà vẫn còn đói khát; như trong địa ngục Khinh Hệ có hai ngọn gió nóng và lạnh cùng thổi vào thân, đó là đoàn thực⁵¹⁴. Riêng hai cõi Sắc và Vô sắc không có đoàn thực, vì thân ở đó rất nhẹ nhàng”.

Bài kệ trong luận ghi:

Dục có bốn thức ăn,

Xúc, đoàn, thức, thiên duyệt,

Bốn loài trong sáu nẻo,

Cũng đầy đủ như thế,

Cõi Sắc và Vô sắc,

Chỉ có ba thức ăn,

Vốn không có đoàn thực.

Hỏi: Chưa biết chúng sinh trong sáu nẻo dùng thức ăn gì để tăng trưởng?

Đáp: Trong luận *Tì-đàm* ghi: “Chúng sinh trong sáu nẻo thì loài quý, loài noãn sinh và chư thiên ba tầng trời dưới ở cõi Vô sắc đều chỉ nhờ vào tư thực⁵¹⁵ mà được tăng trưởng. [114b] Vì sao? Vì chúng sinh trong loài ngạ

⁵¹⁴ Đoàn thực 段食 (S: kavaḍḍimkārahāra, kavī-kārahāra): cõi Dục lấy hương, vị, xúc làm thể, ăn từng nắm từng miếng, từng phần bằng miệng và mũi. Đoàn thực chia làm hai phần: thô là cơm, cá, thịt; tế là sữa, hương và các thức uống.

⁵¹⁵ Tư thực 思食 (S: manah-samcetanā-āhāra): thức ăn của ý thức, là một trong bốn loại thức ăn, một trong chín loại thức ăn. Khi tâm sở tương ưng với thức thứ sáu, đối với cảnh vừa ý thì khởi tâm mong cầu, khiến cho các căn sinh trưởng liên tục. Như người đói khát chỉ nghĩ đến ăn uống khiến cho họ no.

quỷ nhiều ý hành⁵¹⁶. Chúng sinh thuộc noãn sinh khi còn ở trong trứng nhờ nhớ nghĩ đến mẹ, nên trứng không bị hư. Chư thiên thuộc ba tầng trời dưới của cõi Vô sắc cũng giống như ý hành, nhiều tư duy, cho nên đều dùng tư thực để tăng trưởng.

Lại, trong cõi người và sáu tầng trời cõi Dục, đều dùng đoàn thực mà tăng trưởng. Vì sao? Vì chúng sinh trong hai cõi này nhờ vào đoàn thực để nuôi sống thân mạng.

Còn toàn bộ chúng sinh trong các địa ngục và cõi Phi tưởng đều nhờ thức thực⁵¹⁷ để tăng trưởng. Vì sao? Vì chúng sinh trong địa ngục nhờ thức để giữ danh (*tâm*) và sắc (*thân*); còn chúng sinh cõi Phi tưởng dùng thức để giữ danh (*tâm*).

Lại, chúng sinh ở cõi Sắc và loài thấp sinh đều nhờ xúc thực mà tăng trưởng. Vì sao? Vì chúng sinh ở cõi Sắc cảm thụ niềm vui tu thiền định để nuôi thân; chúng sinh thuộc loài thấp sinh nhờ tiếp xúc với sự ẩm ướt để duy trì sự sống”.

XXI.4. Ngũ sinh

Luận *Địa trì* ghi: “Sinh thân của bồ-tát có năm loại trụ trong các hạnh, làm an lạc cho tất cả chúng sinh: sinh thân dứt khổ; sinh thân tùy loại; sinh thân thù thắng; sinh thân tăng trưởng và sinh thân sau cùng.

Vì nguyện lực mà bồ-tát ở trong đời đói khát làm thân loài cá lớn v.v... dùng thịt mình để cứu tất cả chúng sinh. Ở trong đời có nhiều bệnh tật, bồ-tát làm vị đại y vương chữa trị bệnh cho các chúng sinh. Ở trong đời binh đao, bồ-tát làm vua có thể lực mạnh để chấm dứt chiến tranh, dùng chính pháp để giáo hóa kẻ tà ác. Như thế, bồ-tát cứu vô lượng chúng sinh được vãng sinh, nên gọi là sinh thân dứt khổ.

Dùng năng lực của nguyện tự tại, nếu các loại chúng sinh như trời, rồng, quỷ, thần thay nhau nhiễu loạn và các hàng ngoại đạo khởi tà kiến, bồ-tát

⁵¹⁶ Ý hành 意行: những tâm sở pháp nương ở tâm, trói buộc tâm, nương vào tâm mà lưu chuyển, trợ giúp tâm, cho nên suy nghĩ gọi là ý hành.

⁵¹⁷ Thức thực 識食 (S: vijñānākārahāra): thức hữu lậu do thể lực của đoàn thực, xúc thực và tư thực mà tăng trưởng. Lấy thức a-lại-da làm thể, duy trì thân mạng hữu tình không hư hoại, như chúng sinh cõi Vô sắc và địa ngục lấy thức làm thức ăn.

hiện thân vào trong đó, làm vị đứng đầu, chỉ dạy và dẫn dắt họ vào chính đạo. Đây gọi là sinh thân tùy loại.

Bồ-tát dùng tính để thụ thân, nên tuổi thọ và hình tướng của thân thù thắng hơn người ở thế gian, nên gọi là sinh thân thù thắng.

Từ bồ-tát Tịnh tâm trụ cho đến bồ-tát Tối thượng trụ, tự tại thụ sinh ở cõi Diêm-phù-đề, tất cả chỗ thụ sinh đều đặc biệt, đó là thân tăng thượng.

Bồ-tát tối thượng trụ thụ sinh, điều phục các nghiệp, bồ-đề tăng trưởng đầy đủ, sinh vào nhà sát-đế-lợi, bà-la-môn và chúng Vô thượng đẳng chính giác, làm tất cả các Phật sự, đó là sinh thân sau cùng.

Bồ-tát trong ba đời đều có năm loại sinh thân này, tất cả đều là thân tối thượng, nhân đó mà mau thành Vô thượng chính đẳng giác”.

[114c] Luận *Du-già* ghi: “Sinh thân của bồ-tát đại khái có năm loại, thâm nhiếp tất cả sinh thân. Tất cả bồ-tát thụ sinh thân không có tội, làm lợi ích an lạc cho các loài hữu tình. Năm sinh thân đó là sinh thân trừ tai họa; sinh thân tùy loại; sinh thân có thể lực lớn; sinh thân tăng thượng và sinh thân sau cùng.

Bồ-tát ở trong cảnh đói khát, làm loài cá lớn cứu giúp cho tất cả chúng sinh được no đủ. Hoặc có chúng sinh nào đau ốm, bồ-tát làm vị đại y vương, chữa trị cho họ lành bệnh; hoặc gặp lúc chiến tranh, bồ-tát làm vị vua có thể lực lớn, khéo dùng phương tiện để chấm dứt chiến tranh; hoặc nước có vua ác cai trị không đúng đạo lý, thì bồ-tát dùng nguyện lực thương yêu tất cả; hoặc khởi tà kiến để dứt trừ tà ác. Đó là lược nêu về sinh thân trừ tai họa.

Bồ-tát dùng sức nguyện lớn, sinh vào cõi có nhiều loài khác nhau, dùng phương tiện giáo hóa, khiến họ thực hành điều thiện. Đây là lược nêu sinh thân tùy loại.

Có bồ-tát khi nương vào tính thụ sinh, thụ hưởng phúc báo về tuổi thọ, thân thể, dòng họ tự tại, giàu sang v.v... rất thù thắng. Tất cả các việc làm đều lợi mình, lợi người. Đây là lược nêu sinh thân có thể lực lớn.

Có bồ-tát giai vị Thập địa⁵¹⁸, thụ Thập vương hoa báo⁵¹⁹ rất tối thắng, thành tựu viên mãn. Đó là nhờ phúc nghiệp tăng thượng cảm ứng. Đây là lược nêu sinh thân tùy tăng thượng.

Có bồ-tát ngay trong đời này đã viên mãn tư lương bồ-đề, hoặc sinh vào nhà quốc vương tôn quý, có khả năng thị hiện bậc Đẳng giác, làm nhiều Phật sự. Đây là lược nêu sinh thân tối hậu.

Chỗ sinh về thanh tịnh, hiền thiện, thù thắng của các bồ-tát ở trong quá khứ, hiện tại, vị lai đều thuộc vào năm thân này. Ngoài năm sinh thân này ra, không có sinh thân nào hơn, chỉ trừ phàm địa bồ-tát⁵²⁰ thụ sinh. Vì ở đây ý muốn nêu sinh thân bồ-tát, là nơi nương gá của quả đại Bồ-đề, giúp cho các bồ-tát mau chứng quả Bồ-đề”.

XXI.5. Trung âm

Như luận *Tân Bà-sa* ghi: “Trung âm có rất nhiều tên: trung hữu⁵²¹, kiên-đạt-phước, câu hữu, ý thành.

Hỏi: Thế nào gọi là trung hữu?

Đáp: Vì thân này tồn tại trong khoảng thời gian từ một niệm sau khi thân này chết đến một niệm trước khi thụ sinh. Tức tự thể tồn tại trong thời gian giữa tử hữu⁵²² và sinh hữu⁵²³.

Hỏi: sao trung hữu gọi là kiên-đạt-phước?

Đáp: Vì thân trung hữu chỉ ngửi hương để sống. Tên gọi này chỉ gọi thân trung hữu ở cõi Dục.

⁵¹⁸ Thập địa 十地 (S: bhūmi): mười giai vị trong quá trình tu tập của bồ-tát để tiến lên quả vị Phật. Đó là Hoan Hỷ địa, Li Cấu địa, Minh địa, Diệm địa, Nan Thắng địa, Hiện Tiền địa, Viễn Hành địa, Bất Động địa, Thiện Huệ địa và Pháp Vân địa.

⁵¹⁹ Thập vương hoa báo 十王華報: hàng bồ-tát thập địa tu tập giáo hóa thành tựu công đức lớn, nên được quả báo làm vua cõi Diêm-phù-đề cho đến vua cõi trời Ma-ê-thù-la và thập đại thiên vương, luôn giáo hóa chúng sinh. Vì làm thập vương là nói theo quả của bồ-tát thập địa, nên gọi là hoa báo.

⁵²⁰ Phàm địa bồ-tát 凡地菩薩: bồ-tát ngoại phàm trước Thập tín, hoặc chỉ cho bồ-tát trước Thập địa.

⁵²¹ Trung hữu 中有 (S: antarā-bhava): thức thân của chúng sinh trong khoảng thời gian từ khi chết đến lúc được thụ sinh.

⁵²² Tử hữu 死有 (S: maraṇa-bhava): sát na cuối cùng của thọ mạng, tức là phần sắc tâm sau bản hữu, trước trung hữu.

⁵²³ Sinh hữu 生有 (S: upapatti-bhava): sát-na đầu tiên khi sinh duyên thành thực, thoát li trung hữu và thác sinh vào thai mẹ.

Hỏi: Vì sao thân trung hữu lại có tên là cầu hữu?

Đáp: Vì cầu sinh hữu ở sáu cõi.

Hỏi: Vì sao thân trung hữu lại gọi là ý thành?

Đáp: Vì từ ý sinh, nghĩa là các hữu tình từ ý sinh, hoặc từ nghiệp sinh, hoặc [115a] từ quả báo dị thực sinh, hoặc từ dâm dục sinh. Từ ý sinh là loài người ở kiếp sơ, thân trung hữu ở cõi Sắc, Vô sắc và thân biến hóa. Từ nghiệp sinh là chúng sinh trong các địa ngục. Như khế kinh ghi: “Loài hữu tình ở trong địa ngục, do nghiệp lực trói buộc không thể thoát ly, đó là sinh từ nghiệp lực, không phải từ ý. Từ quả dị thực sinh là các loài chim và quỷ thân; do năng lực quả báo dị thực của các loài ấy nhẹ, nên có khả năng bay trên hư không, không bị ngăn ngại. Từ dâm dục sinh là sáu tầng trời ở cõi Dục và loài người. Các thân trung hữu từ ý sinh, nên mọi hoạt động cũng đều theo ý. Đó gọi là ý thành”.

Lại nữa, luận *Bà-sa* ghi:

Hỏi: Thân trung hữu đầy đủ các căn không?

Đáp: Tất cả thân trung hữu đều đầy đủ các căn. Khi vừa mới thụ quả báo dị thực thì đã hoàn hảo. Nhưng cũng có thuyết cho rằng không toàn vẹn các căn, như cái ấn đóng vào vật thì hình tượng hiện ra. Từ thân trung hữu đến bản hữu⁵²⁴ cũng như thế, khi ở giai đoạn bản hữu thì các căn không đầy đủ”.

Trong hai thuyết này, thuyết thứ nhất là đúng, nghĩa là thân trung hữu cầu thụ sinh ở sáu cõi thì các căn đầy đủ. Ở đây nói các căn như mắt v.v... chứ chẳng phải nam nữ căn. Thân trung hữu ở cõi Sắc thì không có các căn, còn thân trung hữu ở cõi Dục thì có, nhưng các căn ấy không nhất định. Thân trung hữu của hai hình thái thai sinh và noãn sinh đều có nam căn và nữ căn, đến khi vào thai thì trở thành thiếu khuyết; nếu không như vậy thì không có nghĩa thai sinh và noãn sinh.

Hỏi: Hình tướng của thân trung hữu trong các đường như thế nào?

⁵²⁴ Bản hữu 本有 (S: pūrva-kāla-bhava): từ sau khi thụ sinh cho đến khi chết, hiện thân trong khoảng đó gọi là thân bản hữu.

Đáp: Thân trung hữu trong địa ngục thì đầu hướng xuống chân hướng lên.
Cho nên kệ ghi:

Rơi vào trong địa ngục,

Chân lên, đầu quay xuống,

Do hủy báng chư tiên,

Khổ hạnh nơi vắng lặng.

Thân trung hữu của các cõi trời, chân hướng xuống, đầu hướng lên, như người bắn mũi tên lên bầu trời, tư thế của thân trung hữu này hướng thẳng đến cõi trời. Còn các thân trung hữu của các loài khác đều hướng đi ngang, như chim bay ngang trong bầu trời hướng về tổ của nó; lại như các vị tiên bay được vẽ trên bức tường, toàn thân bay ngang tìm đến những nơi sẽ sinh về.

Hỏi: Tướng di chuyển của thân trung hữu đều như thế hết sao?

Đáp: Không hẳn như thế! Hơn nữa, căn cứ vào khi chết của loài người mà nói, nếu chúng sinh ở địa ngục chết sinh trở lại địa ngục thì không hẳn chuyển theo tư thế đầu hướng xuống, chân hướng lên. Nếu loài trời chết, sinh lại cõi trời thì không hẳn với tư thế chân hướng xuống, đầu hướng lên. Nếu chúng sinh ở địa ngục chết mà sinh vào cõi người thì chuyển theo tư thế đầu hướng lên. Nếu loài trời chết mà sinh về cõi người thì đầu quay xuống dưới. Nên biết, tướng di chuyển của thân trung hữu loài quỷ và bàng sinh như thế nào thì tùy theo nơi sinh đến của chúng.

[115b] Hỏi: Khi thân trung hữu sinh, có mặc áo không?

Đáp: Trung hữu ở cõi Sắc, hầu hết đều có áo, vì chúng sinh ở cõi Sắc rất hồ thẹn, hồ thẹn chính là y phục của pháp thân. Như pháp thân đầy đủ y phục tốt đẹp, thì sinh thân cũng vậy, cho nên thân trung hữu ở cõi ấy đều mặc áo. Thân trung hữu ở cõi Dục phần nhiều không có áo, vì chúng sinh trong cõi Dục phần lớn ít tâm quý, chỉ trừ bồ-tát và tì-kheo-ni bạch tịnh khi thụ thân trung hữu thường có y phục rất đẹp. Có thuyết khác ghi: Thân

trung hữu của bồ-tát cũng có khi không mang y phục, nhưng thân trung hữu của tì-kheo-ni bạch tịnh thường mặc y phục.

Hỏi: Vì sao thân trung hữu của bồ-tát không có y phục, mà tì-kheo-ni bạch tịnh lại có y?

Đáp: Vì tì-kheo-ni bạch tịnh thường dùng y phục cúng dường cho tăng bốn phương, cho nên thân trung hữu của họ thường có y phục.

Hỏi: Nếu như thế, bồ-tát vào thời quá khứ cũng cúng dường y phục đẹp cho tăng bốn phương, dù tì-kheo-ni bạch tịnh cúng dường nhiều như vi trần cũng không thể so sánh với bồ-tát, sao thân trung hữu của bồ-tát không có y phục, mà họ lại có?

Đáp: Nguyên lực của họ khác với bồ-tát, vì sau khi tì-kheo-ni bạch tịnh cúng dường y phục cho tăng bốn phương xong, liền phát nguyện: “Nguyện con đời đời được mang y phục, cho đến thân trung hữu cũng không thể để lộ thân hình”. Do nguyên lực ấy, cho nên khi được sinh về bất cứ nơi nào họ thường được đầy đủ y phục. Đến thân sau cùng, khi thụ thân trung hữu cũng mang y phục vào thai mẹ và y phục không lìa thân cho đến khi xuất thai. Thân ấy cứ như thế, dần dần lớn lên, về sau xuất gia thụ giới cụ túc, liền chuyển thành ngũ y⁵²⁵, nỗ lực tu chính hạnh, không lâu liền chứng quả A-la-hán. Về sau, khi chứng Niết-bàn, họ liền dùng y này trùm thân để thiêu. Bồ-tát trong quá khứ ba a-tăng-kì, tu tập vô lượng hạnh thiện thù thắng đều hồi hướng Vô thượng bồ-đề, làm lợi ích an lạc cho mọi chúng sinh, do hạnh nguyện này, nên tuy được tướng hảo, nhưng không có y phục. Đó là nguyên lực thù thắng của bồ-tát chứ không phải nạn.

Hỏi: Có phải thức ăn của thân trung hữu là đoàn thực không?

Đáp: Trung hữu của chúng sinh ở cõi Sắc không dùng đoàn thực. Thân trung hữu của chúng sinh ở cõi Dục thì dùng đoàn thực.

Hỏi: Trung hữu ở cõi Dục dùng đoàn thực như thế nào?

⁵²⁵ Ngũ y 五衣 (S: pañca cīvarāṇi): y năm điều, y phục mặc bình thường của tì-kheo.

Đáp: Có thuyết ghi: “Trung hữu cỗi Dục đến chỗ có thức ăn liền ăn; đến chỗ có thức uống liền uống. Nhờ thức ăn, thức uống đó để sinh sống, tồn tại”.

Thuyết này không đúng! Vì sao? Bởi vì trung hữu của chúng sinh rất nhiều, khó cứu tế hết được, cho nên khế kinh chép: [115c] “Nhu đồ lúa gạo đầy vào trong chảo lớn. Chúng sinh trong năm đường, thụ thân trung hữu khắp nơi, số lượng gấp bội với số lúa gạo kia. Gom hết tất cả thức ăn, thức uống ở thế gian cũng chỉ đủ cung cấp cho trung hữu loài chó mà thôi. Trung hữu của một loại chúng sinh còn không thể cung cấp đủ, huống có thể cung cấp đủ cho tất cả trung hữu của các loài chúng sinh khác ư?” Lại, trung hữu rất nhẹ và nhỏ nhiệm, nếu thụ thức ăn thô nặng thân sẽ bị tan hoại. Nói đúng hơn, trung hữu chỉ hưởng mùi hương, chứ không thể ăn sắc chất thô, cho nên nếu không có tội lỗi trong quá khứ thì gọi đó là chúng sinh có phúc, hưởng thụ các thứ hoa quả thanh tịnh, mùi hương nhẹ nhàng để sinh tồn. Nếu chúng sinh không có phúc thì hưởng các thứ không sạch, có mùi hôi thối, để sinh tồn. Lại nữa, các trung hữu ấy hưởng rất ít mùi hương, cho nên trung hữu dù nhiều vẫn cung cấp đủ.

Lại nữa, luận *Đại tì-bà-sa* trích dẫn lời dạy của Đức Thế Tôn: “Ba việc hòa hợp sẽ vào thai mẹ: một, cha mẹ đều có niềm tâm hòa hợp; hai, thân thể người mẹ an vui không bị bệnh, đúng thời; ba, *kiền-đạt-phạ*⁵²⁶ đang ở ngay đó; bấy giờ *kiền-đạt-phạ* này lần lượt khởi hai tâm⁵²⁷ mà nhập thai mẹ”. Cũng tức là: cha mẹ yêu thương giao phối nhau; thân thể người mẹ đúng thời an vui; *Kiền-đạt-phạ* hiện diện.

Cha mẹ đều có niềm tâm hòa hợp, nghĩa là cha mẹ đều khởi tâm tham dâm, rồi cùng nhau giao hợp.

Thân thể người mẹ đúng thời, an vui, nghĩa là người mẹ khởi tham dâm, thân tâm đều vui thích. Người trì luật cho là do người mẹ khởi tâm tham dâm, thân tâm vẫn đục như nước mùa xuân, mùa hạ chảy ra không thể tự kiềm chế, đó gọi là thân vẫn đục. Bụng mẹ không có các chứng phong nhiệt thay nhau bức bách, nên gọi là không mắc bệnh. Từ đây thai nhi được bảo bọc trong bụng mẹ khoảng chín hoặc mười tháng không bị hư hoại.

⁵²⁶ *Kiền-đạt-phạ* (*Kiền-đạt-phược* 健達縛; S: *gandharva*): tên khác của thân trung hữu.

⁵²⁷ Hai tâm (*nhị tâm* 二心): *đình tâm* và *tán tâm*. *Đình tâm* là *đình chí vọng niệm tạp lự*, *tâm trụ một cảnh*; *tán tâm* là *tâm rong ruổi theo sáu trần*.

Nói “đúng thời” là thân người mẹ có các chất dơ xấu, hằng tháng thường có khí huyết chảy ra. Nếu khí huyết chảy nhiều thì do quá ẩm ướt, nên thai không thành; nếu chảy ít, thì khiến cho quá khô, nên thai cũng không thành. Nếu khí huyết này vừa đủ, không khô không ướt thì thai nhi mới thành, gọi là đúng thời. Lúc thân trung hữu này nhập thai, chính là lúc còn lại hai giọt huyết sau cùng của người mẹ, kết hợp với một giọt tinh sau cùng của người cha, tinh và huyết này hòa quyện với nhau mới thành thai.

Kiên-đạt-phạ hiện diện, chính là thân trung hữu có mặt tại chỗ ấy, ngay lúc đó, không phải ở nơi khác, không sớm không muộn. [116a] Bảy giờ, kiên-đạt-phạ này hiện khởi hai tâm, liền nhập thai mẹ. Nghĩa là khi kiên-đạt-phạ sắp nhập thai, nếu kiên-đạt-phạ là nam thì khi sắp nhập thai thì khởi tâm thương yêu người mẹ; khởi tâm sân đối với người cha, và ngược lại.

Hỏi: Thân trung hữu nhập thai mẹ từ đâu ?

Đáp: Có thuyết ghi: thân trung hữu không bị ngăn ngại, tùy theo chỗ nó ưa thích đều có thể vào thai.

Hỏi: Nếu thân trung hữu không có gì ngăn ngại, tại sao lại phải nương thai mẹ?

Đáp: Do nghiệp lực dẫn dắt cho nên nương thai mẹ. Nghiệp lực của chúng sinh không thể nghĩ bàn, từ không chướng ngại thành có chướng ngại, vì thế chẳng nên gạn hỏi điều này. Phải nói: trung hữu nhập thai ắt từ sinh môn, chính là chỗ nó ưa thích. Từ lý này đưa đến song sinh, người sinh ra sau là anh, chị. Vì sao? Vì người nhập thai trước ắt sinh ra sau.

Hỏi: Trung hữu của bồ-tát nhập thai từ đâu?

Đáp: Bồ-tát nhập thai từ hông bên phải, biết rõ việc nhập thai, đối với người mẹ biết rõ là mẹ, không khởi tâm dâm ái. Lại có thuyết ghi: nhập thai từ sinh môn, vì các loài noãn sinh, thai sinh đều như thế cả. Lại có thuyết khác nói: bồ-tát có phúc trí rất lớn, cho nên khi sắp nhập thai, tâm hoàn toàn không điên đảo, không khởi dâm ái. Còn Chuyển luân thánh vương, độc giác tuy cũng có phúc trí nhưng không lớn, nên khi sắp nhập thai tuy không điên đảo cũng khởi dâm ái. Do vậy, khi nhập thai nhất định phải qua sinh môn.

Lại nữa, luận này trích dẫn: “Nếu cha mẹ nhiều phúc đức, con kém phúc đức thì không thể nhập thai. Nếu cha mẹ kém phúc đức mà con phúc đức lớn, cũng không thể nhập thai. Phúc và nghiệp của cha, mẹ và con bằng nhau mới nhập thai”.

Hỏi: Nếu bậc trượng phu giàu sang, giao hợp với người nữ bản cùng, hoặc người nữ giàu sang giao hợp với người nam bản cùng, thì trung hữu nhập thai như thế nào?

Đáp: Nếu người nam giàu sang giao hợp với người nữ bản cùng thì tự thân khởi tướng thấp hèn, đối với người nữ kia sinh tâm tôn kính. Nếu người nữ giàu sang giao hợp với người nam bản cùng thì tự thân khởi tướng thấp hèn, đối với người nam kia khởi tâm tôn quý. **[116b]** Nếu người nam bản cùng giao hợp với người nữ giàu sang thì tự thân khởi tướng tôn quý, đối với người nữ khởi tướng thấp hèn. Nếu người nữ bản cùng giao hợp với người nam giàu sang thì tự thân khởi tướng tôn quý, đối với người nam kia khởi tướng thấp hèn. Người con đối với cha mẹ khi sắp nhập thai cũng như thế, cho nên khi nhập thai đều có nghĩa bình đẳng.

Luận hỏi: Thân trung hữu nhỏ nhiệm, tất cả tường vách núi đồi, cây cỏ đều không thể ngăn ngại, còn trung hữu này với trung hữu kia có bị ngăn ngại với nhau không?

Đáp: Có thuyết ghi: thân trung hữu này với thân trung hữu kia cũng không ngăn ngại nhau, vì nó rất nhỏ nhiệm, nên khi thân tiếp xúc nhau, không hay biết. Lại có thuyết chép: thân trung hữu này với thân trung hữu kia cũng có ngăn ngại, vì khi tiếp xúc, hai bên có lời lẽ qua lại nhau.

Hỏi: Nếu như thế thì đâu thể cho rằng thân trung hữu không ngăn ngại?

Đáp: Không ngăn ngại đối với các vật, chứ không nói với thân trung hữu khác.

Hỏi: Tất cả thân trung hữu đều ngăn ngại nhau sao?

Đáp: Cùng loại thì ngăn ngại nhau, khác loại không ngăn ngại. Nghĩa là thân trung hữu ở địa ngục ngăn ngại thân trung hữu ở địa ngục; cho đến thân trung hữu ở cõi trời luôn ngăn ngại thân trung hữu cõi trời. Có thuyết

ghi: thân trung hữu thấp kém ngăn ngại thân trung hữu thù thắng, do thô nặng. Thân thù thắng không ngăn ngại thân thấp kém, do thân nhẹ. Thân trung hữu của chúng sinh ở địa ngục ngăn ngại thân trung hữu của năm đường; thân trung hữu bàng sinh ngăn ngại thân trung hữu bốn đường; thân trung hữu ngã quỷ ngăn ngại thân trung hữu trong ba đường; thân trung hữu loài người ngăn ngại thân trung hữu của hai đường; thân trung hữu ở cõi trời chỉ ngăn ngại thân trung hữu loài trời.

Lại nữa, kinh *Chính pháp niệm* ghi: “Có mười bảy loại trung ấm hữu. Ông nên buộc niệm thực hành đạo tịch diệt. Nếu trời, hoặc người nhớ nghĩ đạo này, trọn không sợ sứ giả Diêm-la làm hại. Mười bảy thân trung ấm hữu là gì?

1. Chúng sinh ở cõi người, sau khi chết nếu sinh về cõi trời, thì thấy tướng vui, bấy giờ trung ấm giống như tấm lụa trắng tinh, mềm mại, rơi xuống; lại thấy vườn, rừng, hoa, ao; nghe các tiếng ca múa đùa cười; ngửi các mùi thơm. Các thứ đáng ưa thích như thế nhiều vô lượng. Trung ấm lần lượt an vui, tiếp xúc, liền sinh về cõi trời. Nhờ nghiệp thiện nên nay được thú vui ở cõi trời, tâm vui vẻ, miệng mỉm cười, thân thể thanh tịnh. Dù thân quyền thương xót khóc than, nhưng nhờ tướng thiện nên không nghe, không thấy, tâm cũng không nhớ nghĩ. Sau khi chết, liền sinh về chỗ vui, thân giống chư thiên, như in như ấn, thấy cõi trời thù thắng nên sinh tâm ưa thích cảnh trời, liền thụ thân trời.

2. Nếu thân trung ấm của người ở cõi Diêm-phù-đề sau khi chết, sinh về cõi Uất-đan-việt. [116c] thì thấy tấm lụa màu đỏ mềm mại đáng ưa, liền sinh tâm đắm trước và đưa tay nắm bắt như nắm bắt hư không, quyền thuộc cho rằng hai tay quờ quạng vào hư không. Lại có gió thổi đến, nếu người bệnh gặp lúc mùa đông lạnh, thì có gió ấm thổi đến đẩy lùi nỗi khổ bị lạnh; nếu gặp lúc nóng bức thì gió mát thổi đến xoa tan không khí nóng, khiến tâm vui vẻ. Vì tâm duyên theo sự vui vẻ ấy mà không nghe tiếng than khóc xót thương. Nếu nghiệp của người ấy đầy động thì tâm họ đầy động, nghe tiếng bị ai kia liền bị thổi đến nơi khác. Cho nên khi có người thân chết, mà thương xót khóc than thì rất chướng ngại. Nếu không bị trở ngại thì sẽ được sinh về cõi Uất-đan-việt. Trong thời gian đó, lần lượt có tướng thiện xuất hiện, thấy ao sen xanh, trong ao có nhiều ngỗng, vịt, uyên ương, thân trung ấm liền chạy đến, vào đó vui đùa. Nếu muốn vào thai mẹ,

thì trung âm từ ao sen này đi đến mặt đất, ngay lúc cha mẹ nhiễm đục giao hợp. Do việc bất tịnh này, đồng thời từ kiến chấp điên đảo, nên thấy người cha chính là ngỗng đực, người mẹ là ngỗng cái. Nếu sinh làm người nam thì tự thấy thân mình là ngỗng đực; nếu sinh làm người nữ thì tự thấy thân mình là ngỗng cái. Nếu sinh làm người nam thì ghét cha; mà yêu thích mẹ. Nếu sinh làm người nữ thì yêu mến cha mà ghét mẹ.

3. Nếu chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề chết, sinh về cõi Cù-da-ni, thì khi sắp chết, chúng sinh đó thấy nhà cửa đều màu vàng như mây màu vàng rờn che phủ; thấy trong hư không có dải lụa vàng, liền đưa tay nắm bắt. Anh em, thân quyến cho rằng hai tay người bệnh cào cấu hư không. Bấy giờ, tướng thiện người này sắp hết, thấy thân mình như trâu và thấy các bầy trâu, như thấy trong giấc mộng. Nếu sinh làm người nam thì thấy cha mẹ mình giao hợp, hành bất tịnh, thấy thân người và nhiều phòng nhà. Thấy hình tướng cha mình giống như trâu đực, liền đuổi người cha đi để giao hợp cùng người mẹ. Nếu sinh làm người nữ thì tự thấy thân mình giống như trâu cái, liền nghĩ như vậy: “Cớ gì trâu đực kia giao hợp với trâu cái này mà không giao hợp với ta?”. Nghĩ như vậy rồi liền thụ thân người nữ.

4. Nếu người cõi Diêm-phù-đề sau khi chết sinh về cõi Phát-bà-đề, thì thấy một dải lụa xanh, màu xanh trùm khắp hư không và thấy phòng nhà trống rỗng. Sợ tấm lụa màu xanh ẩn mất liền dùng tay ngăn lại. [117a] Anh em quyến thuộc cho rằng người này ngăn hư không. Khi sắp chết, thân trung âm như hình dáng con ngựa, thấy cha mình giống như ngựa đực, mẹ giống như ngựa cái. Khi cha mẹ ân ái giao hợp, nếu sinh làm người nam thì nghĩ: “Ta đang cùng với con ngựa cái này giao hợp”. Nếu sinh làm người nữ, thì tự thấy thân mình như hình ngựa cái và nghĩ: “Ngựa đực như thế, tại sao ta không giao hợp?”, nghĩ như vậy rồi, liền thụ thân người nữ.

5. Nếu người ở cõi Uất-đan-việt thuộc nghiệp bậc hạ khi sắp chết, trung âm có tướng di chuyển lên phương trên. Nếu tâm nghiệp lớn, tự tại sinh về cõi trời, thì đưa tay nắm bắt hư không. Như những gì đã thấy trong mộng, người mùi hương vi diệu của hoa, nắm trong tay hoa đẹp có màu sắc và hương thơm bậc nhất, thấy hoa sinh tâm tham đắm, liền suy nghĩ ta nên leo lên cây đẹp này! Nghĩ như vậy rồi liền leo lên cây, chính là leo lên núi Tu-di, thấy hoa quả ở cõi trời vô cùng xinh đẹp. Nghĩ rằng “Ta đang dạo chơi”.

6. Người ở cõi Uất-đan-việt, do nghiệp thuộc bậc trung, khi sắp chết sinh về cõi trời, thì thấy ao sen nở rất đẹp, có nhiều đàn ông cũng xinh đẹp, các nơi đều tỏa hương thơm; người đó bước lên hoa sen này rồi trong khoảng sát-na bay lên hư không. Giống như trong giấc mộng được sinh về cõi trời, liền nghĩ như vậy: “Nay ta sẽ đến ao sen tuyệt đẹp này!”.

7. Người ở cõi Uất-đan-việt do nghiệp thù thắng, sinh về Thiên pháp đường⁵²⁸ của cõi trời Ba Mươi Ba. Khi sắp chết, người này thấy pháp đường xinh đẹp trang nghiêm bậc nhất. Bấy giờ, người này liền bay lên pháp đường, sinh làm thiên tử trong cung điện này.

8. Người ở cõi Uất-đan-việt sinh về cõi trời Ba Mươi Ba khi sắp chết, thấy đang vui đùa ở trong vườn rừng, hương thơm dễ chịu, nghe càng thích thú, không có các khổ não, tâm không vẫn đục. Nhờ tâm thanh tịnh nên bay lên cung điện trong hư không, cũng thấy các vị trời bay trong hư không, giống như trong mộng, thấy cõi trời Ba mươi ba thật xinh đẹp, có đầy đủ năm món dục lạc. Thế là, người này chết liền sinh về cõi trời Uất-đan-việt. [117b]

9. Người ở cõi Cù-da-ni sau khi chết sinh về cõi trời, có hai loại nghiệp là Dư nghiệp và Sinh nghiệp. Khi sinh về cõi trời, nhờ nghiệp thiện, cho nên khi sắp bỏ thân mạng, hơi thở không uất nghẹn, mạch không đoạn dứt, các căn thanh tịnh. Người này thấy một ao lớn, nước trong ao mát mẻ, dễ chịu, rờn rã tuôn ra, chảy đến bờ kia. Lại thấy các thiên nữ xinh đẹp tuyệt vời, trang điểm đủ loại, ca múa cười đùa. Thấy các cảnh ấy, người này muốn gần gũi, đến ôm người nữ, lập tức được sinh về cõi trời hưởng thụ khoái lạc như trong giấc mộng, trung âm liền diệt. *(Người ở cõi Cù-da-ni sinh về cõi trời có ba phẩm nghiệp thượng, trung và hạ đều có thân trung âm như nhau, ánh sáng như nhau, không giống như ba loại người ở cõi Uất-đan-việt thụ sinh khác nhau).*

10. Người ở cõi Phát-bà-đề khi lâm chung thấy tướng chết, thấy nghiệp của chính mình, hoặc nghiệp của người khác, hoặc thấy cung điện trang nghiêm thù thắng, tâm sinh hoan hỷ, muốn được sinh về chỗ ấy. Ở bên ngoài cung điện thấy có nhiều thể nữ vui chơi, ca hát cùng với những

⁵²⁸ Thiên pháp đường 善法堂: pháp đường ở góc tây nam bên ngoài thành Thiên Kiến, trên đỉnh núi Tu-di là nơi nhóm họp của chúng trời Đạo-lợi.

người nam. Ngay lúc đó, thân trung ấm nghĩ: “Ta muốn cùng vui chơi”, liền nhập vào nhóm đó, giống như đi vào giấc ngủ, liền sinh về cõi trời.

11. Các loài naga quỷ khi nghiệp ác đã hết, thụ các nghiệp thiện. Các nghiệp thiện này vốn được tạo ở các cõi khác, giống như cha mẹ, sắp sinh về cõi trời thì có các tướng xuất hiện. Chúng sinh ở trong cõi naga quỷ chết, sinh về cõi trời, thì lúc ở trong cõi naga quỷ, chúng sinh ấy bị đói khát thiêu đốt, thường ham ăn, thường nhớ thức uống, nhưng khi sắp chết, lại không khởi niệm này, tất cả đều diệt, xa lìa được tất cả nghiệp ác. Nay tuy thấy ăn uống, nhưng chỉ dùng mắt nhìn, như người trong mộng thấy việc ăn uống và cõi trời xinh đẹp này, chạy đến, liền sinh về cõi trời.

12. Chúng sinh do ngu si nên thụ thân súc sinh, chịu trăm nghìn ức thân sinh tử, đọa vào địa ngục, naga quỷ, súc sinh trôi lăn trong thế gian không thể cùng tận. Do còn nghiệp thiện, nên sau khi bỏ thân súc sinh [117c] liền được sinh về cõi Nhị thiên hoặc tầng trời Tứ Thiên Vương. Súc sinh, khi quả báo khổ sắp hết sẽ được thoát khỏi thân súc sinh. Khi sắp chết, nhờ còn nghiệp thiện nên thấy ánh sáng hiện, tâm ngu si mỏng dần; hoặc thấy cõi an vui, giống như những điều đã thấy trong mộng, liền chạy đến, ngay đó được sinh về cõi trời.

13. Chúng sinh trong địa ngục khó được sinh lên cõi trời, nhưng nhờ còn nhân duyên thiện, nên khi nghiệp thành thực, nghiệp báo hết sẽ được giải thoát. Chúng sinh trong địa ngục này, khi mạng sắp hết thì có các tướng hiện ra, như bị các ngục tốt ném vào trong chảo thì giống như tằm, hết tội không còn sinh về địa ngục; nếu dùng gậy đánh, ngay khi bị đánh liền chết, không còn sinh trở lại địa ngục nữa; nếu bị ném vào trong thùng sắt, ngay khi ném liền chết thì không còn sinh về địa ngục; nếu bị ném vào sông tro, vừa bị ném xuống liền tiêu tan, không còn sinh vào địa ngục; nếu bị đánh bằng gậy sắt, liền chết, không còn sinh vào địa ngục nữa; nếu bị các loài chim sắt, các loài thú dữ ăn thịt, thì không còn sinh vào địa ngục nữa. Chúng sinh trong địa ngục này, nghiệp ác đã hết, sau khi chết không còn thấy Diêm-la ngục tốt, như dầu hết thì đèn tắt, thân trung ấm trong địa ngục không xuất hiện, bỗng nhiên nghe giữa hư không có tiếng ca múa, cười đùa, gió thơm thổi vào thân, chúng sinh này cảm thụ sự vui sướng tột bậc, liền được sinh về cõi trời Ba Mươi Ba, hoặc sinh về tầng trời Tứ Thiên Vương.

14. Nếu chúng sinh trong cõi người chết sinh lại cõi người, thì lúc đó họ thấy bóng núi đá lớn đang ở trên đầu. Bấy giờ, người này nghĩ: “Quả núi này sẽ đè trên thân ta!”, cho nên đưa tay muốn ngăn quả núi lại. Thân quyền thấy vậy, cho là người này nắm bắt hư không. Thấy như vậy rồi, người này lại thấy quả núi giống như dải lụa trắng, liền bay lên dải lụa ấy; rồi thấy dải lụa đỏ... lần lượt thấy như thế cho đến lúc sắp chết thì thấy ánh sáng, thấy cha mẹ ân ái hòa hợp liền khởi tâm điên đảo. Nếu sinh làm người nam, thì tự thấy thân mình giao hợp với người mẹ; người này cho người cha là vật ngăn ngại. Nếu sinh làm người nữ, thì tự thấy thân mình giao hợp với người cha, cho người mẹ là vật ngăn ngại. Ngay lúc ấy, thân trung âm này hoại, thân kế tiếp hình thành, như ấn sáp ấn xuống bùn, ấn sáp hoại thì đường nét thành.

[118a] 15. Chư thiên ở cõi trời sau khi chết sinh về cõi trời trên thì không có khổ não. Như các vị trời khác khi sắp chết, do có nổi khổ thương yêu chia lìa, nên bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Các vị trời này không mất những vật dụng trang nghiêm thân mình, cũng không có vị trời khác ngồi vào chỗ của mình, liền sinh về cõi trời tốt đẹp hơn. Như các vị trời ở Tứ Thiên Vương sau khi chết sinh lên cõi trời Ba Mươi Ba có tướng tốt đẹp đáng ưa thích.

16. Nếu các vị trời từ cõi trời trên sinh xuống cõi trời dưới, thì lúc đó thấy các cảnh hoa sen, vườn cây, ao hồ v.v... đều không giống như nơi mình ở. Khi thấy như vậy rồi, liền đói khát, khổ não mong muốn được sinh đến cõi ấy. Như vậy, tuy cùng sinh về cõi trời, nhưng trung âm có hai loại tướng sinh khác nhau.

17. Nếu chúng sinh ở cõi Phát-bà-đề sinh vào cõi Cù-đà-ni, có những tướng như thế. Còn chúng sinh ở cõi Cù-đà-ni sinh vào cõi Phát-bà-đề thì có những tướng gì? Người trong hai cõi ấy sinh qua lại lẫn nhau đều cùng một tướng. Khi sắp chết, họ thấy một hang tối, trong hang đó có tia chớp đỏ chiếu xuống như lá phướn, hoặc màu đỏ, hoặc màu trắng. Người ấy nhìn thấy liền đưa tay nắm bắt, vin theo phướn mà vào trong hang này, sinh âm liền diệt, thụ thân trung âm. Khi sắp thụ thân sau, cũng giống như đã trình bày ở trước. Hoặc thấy hai con trâu, hoặc hai con ngựa ân ái giao hợp, liền sinh tâm dục; khi sinh tâm dục liền thụ sinh âm”.

XXI.6. Thụ thai

Luật *Thiện kiến* ghi: “Người nữ khi sắp mang thai, thì nguyệt hoa thủy (*một loại máu*) chảy ra, nơi mang thai sinh một cục máu, sau bảy ngày tự vỡ rồi chảy ra. Nếu máu chảy không dứt thì tinh trùng của người nam không bám vào được mà cùng chảy ra ngoài. Nếu máu hết chảy, thì tinh trùng trở lại vùng ấy, sau đó mới kết thành thai. Lại nữa, người nữ có bảy việc đưa đến thụ thai: một là tiếp xúc nhau; hai, nhận áo; ba, rơi tinh; bốn, xoa tay; năm, thấy sắc; sáu, nghe tiếng; bảy, ngửi mùi”.

Hỏi: Thế nào là tiếp xúc nhau thụ thai?

Đáp: Khi người nữ có nguyệt thủy, rất thích người nam, nếu người nam [118b] dùng thân mình tiếp xúc với phần thân của người nữ, liền sinh yêu thích mà mang thai.

Hỏi: Sao gọi là nhận áo thụ thai?

Đáp: Như Ưu-đà-di cùng với vợ xuất gia, nhưng dục ái vẫn không dứt, nên hai người thăm hỏi nhau, tâm dâm bộc phát, xuất tinh vấy vào áo, người vợ dùng lưỡi liếm tinh đó và bỏ vào nữ căn, do đó mà thụ thai.

Hỏi: Thế nào là hạ tinh thụ thai?

Đáp: Như Lộc Mẫu do dục tâm mà uống tinh của đạo sĩ, liền mang thai sinh ra đạo sĩ Lộc Tử.

Hỏi: Sao gọi là thụ thai do dùng tay xoa?

Đáp: Như cha mẹ của bồ-tát Thiêm Tử sắp bị mù, Đế Thích biết được, bèn xuống gặp và bảo: “Âm dương hòa hợp mới sinh con!”. Nhưng vợ chồng người ấy đã xuất gia, nên thưa với Đế Thích: “Chúng tôi đã xuất gia, theo giới luật thì không được làm như vậy”. Đế Thích mới bảo: “Như vậy nên lấy tay xoa rốn”. Hai vợ chồng bèn làm theo lời chỉ bảo của Đế Thích liền mang thai sinh ra Thiêm Tử.

Hỏi: Sao gọi là thấy sắc thụ thai?

Đáp: Có một người nữ, đến kỳ kinh nguyệt mà không được giao hợp với người nam, vì tình dục quá mạnh, nên chỉ thấy người nam liền thụ thai, như cung nữ.

Hỏi: Sao gọi là nghe âm thanh thụ thai?

Đáp: Như loài hạc trắng chỉ có chim mái mà không có chim trống, đến mùa xuân, khí dương bắt đầu bao phủ, tiếng sấm vừa phát ra, chim hạc mái lắng nghe tiếng sấm, liền mang thai. Gà cũng có khi nghe tiếng gà trống mà mang thai.

Hỏi: Sao gọi là ngửi mùi thơm liền thụ thai?

Đáp: Như trâu cái chỉ ngửi mùi trâu tơ mà mang thai.

Kinh *Tăng nhất a-hàm* ghi: “Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các thầy tì-kheo, có ba nhân duyên thần thức không thể thụ thai: một, người mẹ khởi tâm dục, cha mẹ cùng ở một chỗ, nhưng bên ngoài thần thức chưa đến, thì không thụ thai; nếu thần thức đến mà cha mẹ không cùng ở một chỗ, thai cũng không thành; hai, nếu người mẹ không khởi tâm dục, người cha tâm dục khởi mạnh, người mẹ không ưa thích việc dục nên không thụ thai; ba, nếu cha mẹ cùng ở một chỗ, người mẹ khởi dục mạnh, nhưng người cha không ưa thích thì cũng không thụ thai.

Lại có ba trường hợp: một, nếu cha mẹ cùng ở một chỗ, cha bị bệnh phong, mẹ bị bệnh hàn, thì không thụ thai; hai, nếu mẹ có bệnh phong, cha có bệnh phong thì cũng không thành thai; ba, nếu thân thể người cha có nhiều thủy khí, mẹ không bị bệnh này cũng không thụ thai.

Lại có ba trường hợp: một, nếu cha mẹ cùng ở một chỗ, mà tướng cha có con nhưng tướng mẹ không có con thì không thụ thai; hai, nếu tướng mẹ có con nhưng tướng cha không có con thì cũng không thụ thai; ba, nếu tướng cha mẹ đều không có con thì không thụ thai.

Lại có ba trường hợp: một, đúng thời, thần thức đến, nhưng cha đi xa thì không thụ thai; hai, nếu đã đúng thời, cha mẹ lẽ ra cùng ở một chỗ, [118c] nhưng mẹ đi xa thì cũng không thụ thai; ba, cha mẹ cùng ở một chỗ thì thụ thai.

Lại có ba trường hợp: một, nếu đã đúng thời cha mẹ cùng ở một chỗ, nhưng thân cha bị bệnh nặng, dù thần thức đến, cũng không thụ thai; hai, nếu thân mẹ bị bệnh nặng, cũng không thụ thai; ba, nếu cha mẹ đều bị bệnh nặng thì không thụ thai, cha mẹ không bị bệnh, thần thức đến, cha mẹ đều đủ tướng có con thì thụ thai”.

Luận *Du-già* ghi: “Lại nữa, thai tạng này có tám vị khác nhau: yết-la-lam; át-bộ-đàm; bế-thi; kiện-nam; bát-la-xa-khur; phát mao thảo; căn; hình. Thai vừa kết tụ nhưng vẫn còn lỏng, gọi là yết-la-lam. Nếu trong ngoài như sữa đặc, mà chưa phát triển thành thịt, gọi là át-bộ-đàm. Khi đã phát triển thành thịt, nhưng còn rất mềm thì gọi là bế-thi. Khi đã cứng chặt, có khả năng chịu đựng xúc chạm gọi là kiện-nam. Khối thịt này phát triển lớn dần và xuất hiện các tướng chi phần, gọi là bát-la-xa-khur. Khi tóc, lông, móng... xuất hiện, thì gọi là phát mao thảo. Từ đây về sau các căn như mắt, tai v.v... phát sinh, gọi là căn. Từ đây về sau, sở y của các căn hiện bày rõ ràng, gọi là hình.

Ở trong thai, đứa bé do nghiệp lực trước kia, hoặc do mẹ không tránh được sự bất bình nên buồn vui tức giận, tác động đến bào thai, khiến thai này, hoặc tóc, hoặc màu sắc, hoặc da, cho đến các chi phần đều bị biến đổi. Tóc biến đổi, là do nghiệp tạo tác đời trước, có thể chiêu cảm nghiệp ác bất thiện này và do người mẹ có thói quen dùng các vị mặn, hoặc ăn mặn hoặc uống mặn, khiến cho tóc của thai nhi thưa thớt. Màu sắc biến đổi, là do nghiệp đời trước và do người mẹ khi mang thai hay gần với khói lửa, nên khiến cho thai nhi khi sinh ra có da màu đen. Lại do người mẹ khi mang thai ở gần chỗ quá lạnh, nên khiến thai nhi sinh ra có da màu trắng. Lại do người mẹ ăn nhiều đồ nóng, khiến thai nhi sinh ra có da màu hồng. Da biến đổi là do nghiệp đời trước và do thói quen của người mẹ khi mang thai thường khởi tâm dục, khiến thai nhi khi sinh ra hoặc da bị xấu xí lở loét v.v... Chi phần biến đổi là do nghiệp đời trước và do người mẹ khi mang thai không có oai nghi, bồn ba chạy nhảy và không kiêng cử, không quân bình v.v... [119a] nên khiến thai nhi khi sinh ra các căn và các chi phần khuyết thiếu.

Lại nữa, nếu thai nhi là nữ thì nằm bên hông phải của người mẹ, tựa vào xương sống, mặt hướng về bụng; nếu thai nhi là nam thì nằm bên hông trái của mẹ, tựa vào bụng, mặt hướng vào xương sống.

Lại khi thai nhi đã đầy đủ vóc hình, người mẹ không mang nổi, sức gió bên trong liền phát sinh, rất khổ não, cũng do nghiệp báo của thai nhi này mà gió sinh phần phát khởi, khiến cho đầu hướng xuống, chân hướng lên, bọc thai quần kín rồi hướng đến chỗ sinh ra. Đúng thời kỳ sinh nở, bọc thai liền tách ra thành hai lá. Khi ra khỏi bụng mẹ, gọi đó là đã sinh. Sau khi sinh, các căn lần lượt tiếp xúc với cảnh, tức là nhãn xúc cho đến ý xúc”.

Bài tụng:

*Lẽ nghiệp thật nhiều mối,
Đường sống cũng vô cùng,
An, nguy thành đôi ngã,
Dơ sạch, đâu cùng nguồn.
Chết đi không hình dáng,
Thần thức lặn theo hương,
Đọa lạc nẻo tăm tối,
Bước lên con đường sáng,
Khí âm thật giá buốt,
Uy thanh xướng rền vang,
Ném mình trong nhà cỏ,
Vui nghĩ vào vườn hoa,
Tình vợ chồng nhiều loạn,
Tham sân mê muội mình,
Biến Tri xưng Chính Giác,
Đưa tay độc xưng Tôn.*

Chúc Đức dịch

CHU KINH YẾU TẬP

QUYỂN 13

XXII. THỤ BÁO

Gồm chín phần: Lời dẫn, Loại báo, Hiện báo, Sinh báo, Hậu báo, Định báo, Bất định báo, Thiện báo, Ác báo.

XXII.1. Lời dẫn

[119b] Nghiệp dụng của thiện ác chính là biểu hiện của ba báo. Cả hai giống như bóng theo hình, rõ ràng như sáu đường đã minh chứng. Ba báo:

1- Hiện báo: vì làm vui lòng cho thiên hậu⁵²⁹, mà loan truyền ân sâu của Cửu sắc⁵³⁰, chìm đuối vào lòng vua mà được toàn mạng, thân chịu năm hình phạt⁵³¹ tàn khốc.

2- Sinh báo: chúng sinh chìm đắm trong chốn tối tăm, thần thức trôi lăn không dừng nghỉ, thân hình nhiều kiếp bị chết chóc khổ đau, không hiểu nỗi khổ mù mắt của vương tử⁵³².

3- Hậu báo: ngoại đạo gieo họa nơi cõi trời Phi tướng, mê pháp mà vĩnh viễn lầm lẫn một đời⁵³³, cuối cùng phải làm loài chồn dử thêm cánh, chịu nỗi khổ không cùng, phải bay lên không bắt chim, lặn xuống nước bắt cá.

Xét rõ chúng sinh ba đời bị chìm đắm, thấu nỗi khổ thay hình đổi dạng của loài rắn, mà ngộ được ngôi nhà tứ đế, tam minh, ngộ hầu vượt ra khỏi màn tối ba báo, năm khổ.

XXII.2. Loại báo

Kinh *Ưu-bà-tắc giới* ghi: “Phật dạy: Này thiện nam! Chúng sinh gây tạo nghiệp có bốn loại:

⁵²⁹ Thiên hậu 天后: Trung Hoa phiên âm là Đề-bà-da, dịch nghĩa là phu nhân.

⁵³⁰ Cửu sắc 九色 (Cg: cửu sắc lục): con nai chín màu.

⁵³¹ Năm hình phạt (ngũ hình 五刑): năm cách trừng phạt kẻ có tội. Đó là tội chết, tội bị đày suốt đời, tội bị đày một thời gian, tội giam và tội phạt tiền.

⁵³² Nỗi khổ mù mắt của vương tử (vương tử chi táng mục 王子之喪目): sự tích cặp mắt thái tử Câu-na-la.

⁵³³ Mê pháp vĩnh viễn lầm lẫn một đời (mê pháp vĩnh hoặc ư thi chung 迷法永惑於始終): chỉ cho Uất-đâu-lam-phát tu chứng đến định Phi Phi Tướng xứ, tức Tứ thiên không của ngoại đạo, nhưng vì mê pháp, một niệm sân giận bị đọa làm chồn có cánh (phi ly).

1. Hiện báo: thân đời nay gây tạo nghiệp cực thiện hay cực ác, thì ngay hiện đời sẽ thụ nhận quả báo.

2. Sinh báo: thân đời nay gây tạo nghiệp thiện ác, thì thân tiếp theo sau sẽ thụ nhận quả báo.

3. Hậu báo: thân đời nay gây tạo nghiệp thiện ác, nhưng thân tiếp theo chưa thụ nhận quả báo mà cách hai, ba hay nhiều đời sau mới thụ nhận quả báo.

4. Vô báo: không có ba báo trên.

Lại có bốn loại:

1. Thời gian nhất định, nhưng quả báo không nhất định. Loại này đối với ba thời thì nhất định không thay đổi, nhưng do nghiệp có thể chuyển, nên quả báo không nhất định.

2. Quả báo nhất định, thời gian không nhất định. Bởi do nghiệp lực nhất định, không thể thay đổi, nhưng thời có thể thay đổi, nên thời gian không nhất định.

3. Thời gian và quả báo đều nhất định. Do nghiệp nhất định, nên thời gian và quả báo cũng nhất định.

4. Thời gian và quả báo đều không nhất định. Do nghiệp không nhất định, nên thời gian và quả báo cũng không nhất định.

Chúng sinh tạo nghiệp, có người tạo đủ các nghiệp, có người tạo không đủ. Nếu trước suy nghĩ rồi sau mới tạo gọi là tạo tác đầy đủ các nghiệp. Nếu không suy nghĩ, mà chỉ tạo tác thì gọi là tạo tác không đầy đủ. Lại có người đã gây tạo nhưng không đầy đủ, như nghiệp gây tạo đã nhất định rồi, nhưng quả báo chưa nhất định. Lại có người tạo nghiệp cũng đã đầy đủ, nghĩa là nghiệp gây tạo đã nhất định rồi, sẽ nhận quả báo. Lại có người đã gây tạo nhưng không đầy đủ, như quả báo tuy đã nhất định, nhưng thời gian không nhất định. Lại có người đã gây tạo nghiệp cũng đã đầy đủ, thời gian và quả báo đều nhất định. Lại có người gây tạo nghiệp rồi nhưng không đầy đủ, như trì giới và có chính kiến. Lại có người tạo nghiệp đã

đầy đủ, như phá giới, tà kiến. Lại có người đã tạo nghiệp mà không đầy đủ, tức là trong ba thời sinh tâm hối hận. Lại có người tạo nghiệp đã đầy đủ, tức là trong ba thời không hối hận. Nghiệp ác đã như vậy thì nghiệp thiện cũng không khác”.

XXII.3. Hiện báo [119c]

Kinh *Phật thuyết hành thất hành hiện báo* ghi: “Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các thầy tì-kheo:

- Nay các thầy tì-kheo! Có bảy hạng người đáng tôn kính, là ruộng phúc bậc nhất trong thế gian: người tu tập hạnh từ, người tu tập hạnh bi, người tu tập hạnh hỷ, người tu tập hạnh xả, người tu tập hạnh không; người tu tập hạnh vô tướng, người tu tập hạnh vô nguyện. Nếu có chúng sinh nào tu tập bảy pháp này thì có được phúc báo ở trong pháp hiện tại!

Tôn giả A-nan bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn! Sao Ngài không đề cập đến tu-đà-hoàn, tu-đà-hàm, a-na-hàm, a-la-hán, bích-chi phật mà chỉ nói bảy hạng người này?

Đức Phật dạy:

- Bảy hạng người này, về hạnh thì giống tu-đà-hoàn cho đến Phật, nhưng về sự thì không giống nhau. Cho nên tuy cúng dường tu-đà-hoàn v.v... nhưng không đạt được phúc báo hiện tại, song nếu cúng dường bảy hạng người này thì sẽ được phúc báo ở đời hiện tại. Vì thế, này A-nan! Hãy nỗ lực đồng mãnh để thành tựu bảy pháp ấy!”.

Lại nữa, kinh *Tap báo tạng* ghi: “Thuở xưa, tại nước Càn-đà-vệ, có một đồ tể sắp đem năm trăm con nghé đi thiến, lúc ấy có một vị quan thái giám dùng vàng bạc mua hết số bò nghé đó phóng thích. Nhờ nhân duyên ấy, ngay đời hiện tại ông được đầy đủ lại thân tướng người nam. Lát sau, ông trở về cung vua, nhưng không dám vào mà cho người thông báo cho vua biết: ‘Có người tên đó họ đó đang đứng bên ngoài’.

Vua nói:

- Đã là gia nhân của ta, hãy tự nhiên vào! Trước đã từng nói rồi, nay vì sao lại như thế?

Sau đó, vua gọi ông ta đến hỏi nguyên do. Ông liền thưa:

- Hôm trước vì thấy người đồ tể định thiến năm trăm con nghé, thần liền mua hết số nghé đó phóng thích, nhờ nhân duyên đó mà thân thể được trọn vẹn, nên thần sợ, không dám vào!

Sau khi nghe rõ nguyên do, vua vô cùng kinh ngạc, cho Phật pháp nhiệm màu, nên hết lòng kính tín”.

Hoa báo mà còn có cảm ứng như thế, huống gì quả báo, đâu thể lường được?

Lại nữa, luận *Tân Bà-sa*⁵³⁴ ghi: “Xưa có người đồ tể buôn trâu, khi lừa trâu đi trên đường, người đi trong đoàn nhiều mà lương thực lại cạn, tất cả đều đói khát mỗi một, liền bàn với nhau: ‘Bầy trâu này chẳng phải là tài sản của mình, ta nên cắt lưỡi nó để cứu đói cho mọi người’. Nghĩ vậy, mọi người lập tức dùng muối bôi lên miệng trâu, vì thêm vị mặn, trâu thè lưỡi ra liếm, họ liền dùng dao bén cắt lấy lưỡi trâu, đốt lửa nướng rồi cùng nhau ăn. Sau khi ăn xong, cùng nhau xuống sông tắm gội, súc miệng, xỉa răng. Xỉa răng xong, họ dùng ngón tay cái nạo lưỡi. Do sức nghiệp ác chiêu cảm, nên lưỡi của mọi người bị chín như, cùng lúc đều rơi rụng hết”. (*Đây đều là hiện báo do tạo nghiệp nặng*).

XXII.4. Sinh báo

Kinh *Niết-bàn* ghi: “Này Thiện nam! Như người khi sắp bỏ thân mạng, chịu nhiều nỗi thống khổ, [120a] quyền thuộc vây quanh đau xót kêu gào khóc than, người này kinh hoàng sợ hãi, không biết nương tựa, cầu cứu vào ai? Tuy có năm giác quan, nhưng không còn hay biết, tay chân tê cứng, không cử động được, thân thể lạnh ngắt, hơi ẩm sắp tàn, những tướng nghiệp báo thiện ác đã tạo từ trước kia hiện ra trước mắt. Như mặt trời sắp lặn, bóng núi gò đều ngã về hướng đông, không bao giờ chuyển sang tây.

⁵³⁴ Luận Tân bà-sa 新婆沙論 (Gđ: A-tì-đạt-ma Đại tì-bà-sa luận; S: Abhidharmamahāvibhāṣā-sāstra): luận, hai trăm quyển, do ngài Huyền Trang dịch vào đời Đường, Trung Quốc, được xếp vào Đại chính tạng tập 27. Luận này chú thích luận A-tì-đạt-ma Phát trí của luận sư Ca-đa-diễn-ni từ ở Ấn Độ, giải thích rõ về ý nghĩa các pháp và liệt kê đầy đủ các thuyết khác nhau.

Nghiệp quả của chúng sinh cũng như thế, khi thân ngũ ấm này diệt, thì thân ngũ ấm sau tiếp tục sinh. Như ngọn đèn được thắp sáng thì bóng tối diệt; bóng tối biến mất, do ngọn đèn chiếu sáng.

Này Thiện nam! Như ấn sáp xuống bùn, ấn và bùn tiếp xúc nhau, ấn hư hoại mà đường nét đã hiện. Nhưng cái ấn sáp này chẳng biến mất trong bùn, nét vẽ cũng không phải ở trong bùn hiện ra, cũng không từ chỗ khác đến, nhưng nhờ ấn, mới thành nét vẽ. Cũng vậy, thân ngũ ấm hiện tại diệt, thì thân trung ấm sinh; thân ngũ ấm hiện tại rốt cuộc chẳng biến thành thân trung ấm; thân trung ấm chẳng phải tự sinh, cũng không từ nơi khác đến, nhưng nhờ ấm thân hiện tại mà sinh thân trung ấm. Như đóng ấn vào bùn, tuy ấn hoại mà đường nét đã thành. Danh từ tuy không sai biệt, nhưng thời tiết mỗi mỗi có khác. Cho nên ta nói thân trung ấm, mắt thường của người, trời không thể nhìn thấy. Thân trung ấm này có ba thức ăn: tư thực; xúc thực⁵³⁵ và ý thực.

Thân trung ấm có hai loại: Quả của nghiệp thiện và quả của nghiệp ác. Từ nghiệp nhân thiện, nên đạt được giác quán⁵³⁶ thiện; từ nghiệp nhân ác, nên đạt được giác quán ác. Khi cha mẹ giao hợp, tùy theo sức của nghiệp nhân mà dẫn đến chỗ thụ sinh. Đối với mẹ thì sinh lòng luyến ái, đối với cha thì khởi tâm sân hận. Khi tinh cha chảy ra, thì cho là mình hiện hữu, bèn sinh tâm vui mừng, ưa thích. Vì nhân duyên ba thứ phiền não này, nên thân trung ấm hoại diệt, thân ngũ ấm sinh trưởng. Giống như cái ấn in vào bùn, lấy ấn đi thì đường nét thành.

Khi sinh ra, có người đầy đủ các căn, có người không đầy đủ. Người đầy đủ các căn, thấy sắc liền sinh lòng tham đắm; do tham đắm nên gọi là ái; do hư dối mà sinh tham, nên gọi là vô minh. Từ hai nhân duyên tham ái và vô minh, nên cảnh giới được nhìn thấy đều điên đảo⁵³⁷.

Kinh *Tu hành đạo địa* ghi: “Hành vi của người không thuần nhất, hoặc thiện, hoặc ác, nếu được đầu thai vào loài người, khi cha mẹ giao hợp, tinh cha không bị hư hoại, thân trung ấm liền gá vào. Thai mẹ thông suốt không

⁵³⁵ Xúc thực 觸食 (S: sparsākārahāra): lấy tâm sở xúc làm thể, đối với cảnh xúc chạm sinh khởi sự yêu thích vui mừng mà nuôi lớn thân. Đó là do căn, cảnh, thức hữu lậu hòa hợp sinh ra.

⁵³⁶ Giác quán 覺觀: giác là tâm cầu suy tính, suy nghĩ về sự lý; quán tức tư duy tường tận danh nghĩa của các pháp. Giác quán làm trở ngại sự định tâm từ nhị thiên trở lên, nếu giữ liên tục trạng thái này thì thân tâm mỗi một, định sai lạc. Cho nên giác quán là một trong các tùy phiền não.

⁵³⁷ Điên đảo 顛倒 (s: viparīta): tư tưởng bị xáo trộn, vô thường thấy là thường, vô ngã thấy là ngã, vô lạc thấy là lạc, bất tịnh thấy là tịnh. Do bốn thứ điên đảo này nên gây tạo những hạnh nghiệp thiện ác.

có gì trở ngại, lòng luôn vui mừng, không có tà niệm thì dịu dàng đón nhận thai nhi. Tinh cha không trong không đục, điều hòa, không mạnh cũng không hư hại, cũng không đỏ, không đen, không bị gió lạnh và các thứ độc xen lẫn, khác với tiểu tiện, ngay lúc đó thích hợp cho việc thụ sinh, trung ấm liền đến. Từ tâm nghĩ rằng giả sử là nam mà không giao hợp với người nữ, thì ta muốn giao hợp, trung ấm nam nhớ nghĩ muốn hướng đến người nữ. [120b] Khi cha xuất tinh, trung ấm rất hoan hỷ, cho là của ta. Bảy giờ trung ấm liền mát, thân ngũ ấm liền gá vào bào thai. Khi tinh cha mẹ hòa hợp là ngũ ấm đã có mặt trong bào thai, càng vui mừng, đó là sắc ấm; khi vui mừng, đó là khỗ thụ, lạc thụ ấm; lúc nhớ nghĩ đến tinh, đó là tướng ấm; do duyên tội phúc xưa kia mà vào thai, đó là hành ấm; thần thức ở trong thai, đó là thức ấm. Sự hòa hợp như thế gọi là ngũ ấm.

Khi mới nhập thai thì liền có ý căn và thân căn. Tuần đầu tiên ở trong thai không tăng không giảm. Đến tuần thứ hai, chất tinh dần dần chuyển biến, giống như váng sữa mỏng. Tuần thứ ba, giống như sữa đông sũng. Tuần thứ tư, chất tinh ngưng đặc như sữa đông chín. Tuần thứ năm tinh thai biến đổi giống như sinh tô⁵³⁸. Tuần thứ sáu biến thành như bươu thịt. Tuần thứ bảy chuyển dần thành một cục thit. Tuần thứ tám chất tinh cứng dần như cục đất. Tuần thứ chín, biến thành năm chi phần: hai khuỷu tay, hai bắp đùi và từ trong đó xuất hiện đầu cổ. Tuần thứ mười, lại có năm chi phần nữa: hai cổ tay, hai cổ chân và đầu. Tuần thứ mười một, từ đây tiếp tục sinh thêm mười bốn chi phần: năm ngón tay, năm ngón chân, mắt, tai, mũi và miệng. Tuần thứ mười hai, hình dạng các chi phần này phát triển dần dần hoàn chỉnh. Tuần thứ mười ba, thì phát triển vùng bụng. Tuần thứ mười bốn, gan, phổi, tim, lá lách và thận được hình thành. Tuần thứ mười lăm, hình thành đại tràng (*ruột già*). Tuần thứ mười sáu, hình thành tiểu tràng (*ruột non*). Tuần thứ mười bảy, hình thành vùng dạ dày. Tuần thứ mười tám, hình thành sinh tạng, thực tạng. Tuần thứ mười chín, hình thành xương đầu gối, xương sườn, xương ngực, bàn tay, bàn chân, cánh tay, đốt xương, dây gân. Tuần thứ hai mươi phát triển các hình tướng cơ quan sinh dục, rốn, vú, cổ. Tuần thứ hai mươi một, bắt đầu hoàn thành bộ phận xương ở các vùng: hai xương vùng đầu, ba mươi hai xương vùng miệng, bảy xương cổ, hai xương đùi, hai xương khuỷu tay, bốn xương cánh tay, mười hai xương vùng ngực, mười tám xương sống, hai xương chậu, bốn xương đầu gối, bốn mươi xương chân, và nhiều xương nhỏ khác, tất cả một

⁵³⁸ Sinh tô 生蘇: thức ăn được nấu bằng váng sữa bò, một trong các vị thuốc dùng để trị bệnh nóng.

trăm lẻ tám xương. Toàn thân thể liên kết với phần thịt gồm mười tám xương ở hai bên hông, hai xương vai, như vậy toàn bộ xương trong thân thể người gồm ba trăm xương kết nối nhau. Trong thời gian này xương còn mềm như quả bầu non. Tuần thứ hai mươi hai, xương hơi cứng dần như quả bầu sắp chín. Tuần thứ hai mươi ba xương cứng như quả hồ đào, ba trăm xương này liên kết chặt nhau. [120c] Xương chân nâng giữ chân, xương cẳng chân nâng giữ cẳng chân. Như thế, xương chậu, xương đùi, xương sống, xương ngực, xương sườn, xương vai, xương cổ, xương má, xương cánh tay, xương cổ tay, cẳng chân v.v... mỗi mỗi đều liên kết chặt chẽ với nhau. Nhóm xương như thế giống như huyền hóa, tùy theo sức gió nơi thân mà cử động điều khiển. Tuần thứ hai mươi bốn, phát triển một trăm sợi gân để kết nối toàn thân. Tuần thứ hai mươi lăm phát triển bảy nghìn mạch máu, nhưng vẫn chưa hoàn thành. Tuần thứ hai mươi sáu, các mạch máu đều đã hoàn chỉnh, thông rộng như rễ sen. Tuần thứ hai mươi bảy, có ba trăm sáu mươi ba mạch máu được hoàn chỉnh. Tuần thứ hai mươi tám, bắt đầu hình thành các cơ bắp. Tuần thứ hai mươi chín, các cơ bắp hơi dày chắc. Tuần thứ ba mươi, hình thành da bao bọc quanh thân. Tuần thứ ba mươi một, da dần dần dày và cứng. Tuần thứ ba mươi hai, lớp da hoàn chỉnh. Tuần thứ ba mươi ba, tai, mũi, môi, các ngón tay, đốt chân hình thành. Tuần thứ ba mươi tư, hình thành chín mươi chín vạn tóc và lỗ chân lông, nhưng vẫn chưa hoàn chỉnh. Tuần thứ ba mươi lăm, lỗ chân lông hoàn chỉnh. Tuần thứ ba mươi sáu, các móng bắt đầu phát sinh. Tuần thứ ba mươi bảy, thai nhi trong bụng mẹ, do sức gió đẩy khởi, nên mắt, tai, mũi, miệng bắt đầu máy động; khi có gió thì tác động đến lông tóc, hoặc xinh đẹp, hoặc thô xấu. Lại có gió khởi thì tạo thành nhan sắc của thân thể, hoặc trắng, hoặc đen đỏ, hoặc đẹp xấu, tất cả đều do nghiệp xưa tạo thành. Trong tuần này, phát sinh hơi lạnh, nóng, các đường đại tiện, tiểu tiện. Đến tuần thứ ba mươi tám, thai nhi trong bụng mẹ, tùy theo nghiệp xưa, tự nhiên có sức gió. Nếu nghiệp xưa là thiện, thì có mùi thơm làm cho thân và ý dễ chịu, mềm mại không tì vết, gân cốt ngay thẳng, khiến cho xinh đẹp ai cũng kính mến. Nếu nghiệp xưa xấu ác, thì có mùi hôi, khiến cho thân thể bất an, tâm ý khó chịu, tác động đến gân cốt, khiến xương cong lưng gù, thân tướng không được đoan nghiêm. Lại có trường hợp bất năng nam, mọi người không ưa thích. Lúc này đã ba mươi tám tuần lễ, thiếu bốn ngày đủ chín tháng, thai nhi đã hoàn chỉnh xương cốt thân thể của một người. Thai nhi nhận đủ hai phần: một phần từ cha, một phần từ mẹ. Các thứ mềm mại như lông tóc trên thân, hai gò má, mắt, lưỡi, cổ họng, tim, gan, lá lách,

thận, ruột, huyết đều từ mẹ sinh trưởng; còn những thứ khác hơi cứng hơn như móng, răng, xương, gân, tủy, não, mạch v.v... đều từ cha sinh ra. Thai nhi nằm trong bụng mẹ, ở dưới sinh tạng, trên thực tạng. Nếu là bé trai, nằm ở bên hông trái, lưng hướng ra ngoài, mặt hướng vào trong; nếu là bé gái, thì nằm ở hông bên phải, mặt hướng ra ngoài, lưng hướng vào trong. [121a] Thai nhi nằm chỗ hôi dơ, khó chịu, toàn là bất tịnh. Tất cả xương gân co rút lại, không được duỗi thẳng, bọc trong túi da, trôi trong bụng mẹ, nơi chứa đầy máu mủ, ô nhiễm, chỗ ở bức ép, lẫn vào chỗ phân tiểu, ngập chìm trong chỗ dơ uế. thai nhi ở trong ấy chín tháng. Nhưng bốn ngày sau cùng, trong đó, ngày thứ nhất, ngày thứ hai, nếu đời trước tạo nghiệp lành, thì phát khởi nghĩ: “Ta ở trong vườn hoặc ở cảnh trời”. Nếu đời trước tạo nghiệp ác, thì khởi nghĩ: “Ta ở trong địa ngục, hoặc ở thế gian”; ngày thứ ba sầu lo, không vui; đến ngày thứ tư sức gió trong bụng mẹ phát động, hoặc trên hoặc dưới, xoay chuyển thân thể thai nhi đảo ngược, đầu hướng xuống sản môn. Nếu là người có phúc thì tâm nghĩ: “Ta trảm mình vào trong ao nước để bơi lội vui chơi, giống như rơi từ trên giường cao xuống vườn hoa đầy hương”. Nếu là người thiếu phúc, tự nghĩ: “Ta rơi từ trên núi cao xuống bờ ao, rừng cây, trong chuồng xí, hoặc như rơi trên lưới gai địa ngục, hoặc trong rừng kiếm, giữa núi đá hoang vu”, nên tâm buồn rầu, không vui. Như thế, quả báo thiện ác hoàn toàn không giống nhau. Khi đứa bé vừa sinh ra được đặt trên đất, bị gió bên ngoài thổi đến, tay người xúc chạm, dùng nước ấm tắm rửa, khiến thân thể bị bức bách đau đớn giống bị ung nhọt. Do những nỗi khổ não này, mà lòng sợ chết và sinh nghi hoặc, cho nên mê muội không biết gì. Đứa bé sinh ra với đầy đầy máu mủ và chất bất tịnh, nên các quỷ mị đến nhiều loạn, nào là quỷ khiến động kinh, quỷ phi thi xúc chạm, trùng độc, quỷ gây bệnh điên tà, mỗi mỗi đều rình chờ để xâm phạm đứa trẻ. Như cục thịt rơi ở ngã tư đường, chim, diều hâu, chó sói đua nhau đến giành giật. Bọn yêu quỷ đều muốn thừa dịp làm hại đứa trẻ kia, nên vây quanh giành giật cũng giống như vậy. Nhưng nếu đời trước tạo nhiều phúc đức, thì yêu tà không thể làm hại được.

Đứa trẻ được nuôi dưỡng khôn lớn, từ các thứ thức ăn và không khí, khiến cho thân thể nó sinh ra tám mươi loại trùng:

- Hai loại ở chân tóc là Thiệt đê, Trọng đê.

- Ba loại ở đầu là Kiên cố, Thương tôn, Hủy hại.
- Một loại ở trong não và hai loại ở ngoài não là Đế chu, Mao nhiều, Hội loạn.
- Hai loại ở trán là Giáp hạ, Hủ hủ.
- Hai loại ở mắt là Thiệt thị, Trọng thị.
- Hai loại ở trong tai là Thức vị, Hiện vị kỳ.
- Hai loại ở vành tai là Xích, Phục xích.
- Hai loại ở mũi là Phì, Phục phì.
- Hai loại ở miệng là Diêu, Động diêu.
- Hai loại ở trong răng là Ác tộ, Hung bạo.
- Ba loại ở chân răng là Suyễn tức, Hưu chỉ, Tốt diệt.
- Một loại ở lưỡi là Cam mỹ.
- **[121b]** Một loại ở cuống lưỡi là Nhu nhuyễn.
- Một loại ở đầu lưỡi là Vãng lai.
- Một loại ở yết hầu là Thấu hầu.
- Hai loại ở con người gọi là Sinh, Bất thực.
- Hai loại ở vai gọi là Thùy, Phục thùy.
- Một loại ở cánh tay gọi là Trụ lập.
- Một loại ở tay là Chu toàn.
- Hai loại ở ngực là Ngạch khanh, Quảng phổ.
- Một loại ở tim là Ban bác.

- Một loại ở vú là Chúng hiện.
- Một loại ở rốn là Vi nhiều.
- Hai loại ở hông gọi là Nguyệt, Nguyệt diện.
- Hai loại ở xương sống là Nguyệt hành, Nguyệt mạo.
- Một loại giữa các đốt xương sống là An phong.
- Một loại ở trong da gọi là Hổ trảo.
- Hai loại ở thịt là Sảo phu, Thiêu thụ.
- Bốn loại ở xương là Thâm độc, Tập độc, Tế cốt, Tật độc.
- Năm loại ở tủy là Sát hại, Vô sát, Phá hoại, Tật hài, Bạch cốt.
- Hai loại ở ruột già là Đường lang, Đường lang chủy.
- Hai loại ở ruột non là Nhi tử, Thương tử.
- Một loại ở gan là Ngân chủy.
- Một loại ở sinh tạng gọi là Kỹ mục.
- Một loại ở thực tạng gọi là Đại tức.
- Một loại ở hậu môn gọi là Trùng thân.
- Ba loại ở trong phân là Cân, Kết, Tật biên phát.
- Hai loại ở xương cùng (*xương cụt*) là Lưu hạ, Trùng lưu.
- Năm loại ở trong bào thai là Nhục tính, Ác tộc, Ngọa ngu, Nhi ngu, Hộ kố.
- Một loại ở bắp vế gọi là Qua chi.
- Một loại ở đầu gối gọi là Hiện thương.

- Một loại ở cẳng chân gọi là Thiết chủy.
- Một loại ở ngón chân là Thiêu nhiên.
- Một loại ở giữa lòng bàn chân gọi là Thực bì.

Đó là tám mươi loại trùng ở trong thân người, ngày đêm cắn rứt cơ thể.

Trong thân người, do phong khí chuyển động, nên phát sinh ra một trăm lẻ một thứ bệnh, nóng lạnh kết hợp mỗi mỗi cũng có một trăm lẻ một thứ bệnh. Cộng chung trong thân người có bốn trăm lẻ bốn thứ bệnh. Như gỗ sinh ra lửa, lửa trở lại đốt cháy gỗ. Cũng như thế, bệnh vốn phát sinh từ thân, trở lại làm tổn hại thân người. Như trùng ở trong thân, luôn quấy nhiễu làm cho thân thể bất an.

Ba mươi sáu vật, giả kết hợp lại, tạm gọi là người, vọng che đậy, dối gạt phàm phu, cho nên mới khởi tâm yêu thương, gàn gỏi. Bậc trí thấy rõ là hư vọng, nào dám gàn gỏi! Giống như đồ gốm, cuối cùng cũng bị hư hoại. Cũng vậy, [121c] thân này giả tạm, mạng sống ngắn ngủi. Kẻ giàu người nghèo đều mê lầm, đến chết vẫn không hay biết. Giống như bốn cửa thành lớn bị lửa lần lượt thiêu cháy, thì tất cả đều bị thiêu thành tro bụi. Sinh, lão, bệnh, tử cũng như vậy!

Luận *Du-già* ghi: “Ở trong thai ba mươi tám tuần, thai nhi đầy đủ tất cả các chi phần, bốn ngày sau đó mới được sinh ra”.

Kinh này cho là thai nhi hoàn toàn đầy đủ, phải trải qua chín tháng, hoặc hơn chín tháng. Nếu chỉ tám tháng cũng tạm gọi là đầy đủ; nếu chỉ có bảy tháng, hoặc sáu tháng thì gọi là thiếu tháng. Cho nên kinh *Pháp hoa* có bài kệ:

Thụ thai hình bé nhỏ,

Tháng ngày lớn dần lên,

Nếu đực mỏng, thiếu phúc,

Bị các khổ bức bách.

Kinh *Tam-muội* ghi: “Trong thân người, do phần lửa dần dần tăng trưởng, phần nước dần dần suy giảm, nên già-la-la⁵³⁹ đông đặc và cứng dần, biến thành cục thịt. Vì thế, nếu chúng sinh phúc mỏng, từ nhỏ đến lớn đều chịu các khổ”.

Kinh *Thiên bí yếu* ghi: “Thân người có ba phần, rón là phần trung tâm, đầu là điện đường, trán là thiên môn”.

Kinh *Xử thai*⁵⁴⁰ ghi: “Khi con người thụ thai, tuần thứ nhất hình thành bốn đại; tuần thứ hai do gió phát động, thai dần dần xoay chuyển hướng về phía hông của người mẹ; đến tuần thứ ba mươi tám có loại gió tên là Hoa trong bụng mẹ thổi, khiến cho thai nhi xoay đầu về sản môn”.

Kinh *Thí dụ* ghi: “Gió tác động đến nước, nước tác động đến đất, đất tác động đến lửa. Nếu tác động mạnh là nam, yếu là nữ. Gió với nước tác động nhau là nam, đất với nước tác động nhau là nữ”.

Luận *Giải thoát đạo* ghi: “Phần đất trong thân con người, nếu tán thành bụi thì có thể lường được một học hai thăng”.

Kinh *Tăng nhứt a-hàm* ghi: “Trong cơ thể của một người gồm có ba trăm hai mươi cái xương; chín mươi chín nghìn lỗ chân lông; năm trăm gân và mạch máu; tám mươi loại trùng”.

Kinh *Ngũ đạo thụ sinh* ghi: “Đưa trẻ lên ba, uống tất cả một trăm tám mươi học sữa. Ngoài ra, khi còn ở trong thai việc ăn uống của mẹ, cũng có phần của nó. Người ở Đông Phát-vu-đãi uống một nghìn tám trăm học sữa. Người ở Tây Cù-da-ni⁵⁴¹ uống một nghìn tám trăm học sữa. Người ở Bắc Uất-đan-việt, bảy ngày là thành thân người, ngày mới sinh ra, đưa bé được đặt ở ven đường, [122a] người đi đường dùng ngón tay cho nó bú, vì thế nên không uống sữa”.

⁵³⁹ Già-la-la 迦羅邏: phôi, thai. Trạng thái tinh cha huyết mẹ mới hòa hợp, ngưng kết. Một trong năm giai đoạn trong thai; tức trạng thái của thai nhi trong thời gian bảy ngày đầu, sau khi gá thai.

⁵⁴⁰ Kinh Xử thai (Xử thai kinh 處胎經): kinh nói về chuyện bò-tát Hộ Minh từ cung trời Đâu-xuất giáng thần vào thai mẹ.

⁵⁴¹ Tây Cù-da-ni 西瞿耶尼 (Cg: Tây Nguru Hóa châu): do dùng trâu bò để trao đổi mua bán nên gọi là Tây Nguru Hoá châu. Địa hình châu này giống như mặt trăng tròn, khuôn mặt người cũng giống thế.

XXII.5. Hậu báo

Luận *Tỳ-bà-sa* ghi: “Có một người, bảy đời nay thường làm nghề mổ thịt, nhưng lại không đọa vào ba đường ác, mà được sinh lên cõi trời, cõi người. Đây là nhờ phúc lực của người này đã cúng dường cho vị bích-chi phật một bữa ăn cách nay bảy đời, khiến cho anh ta bảy đời không đọa vào đường ác. Nhưng do người này tạo nghiệp sát sinh suốt bảy đời nay, nên anh ta sẽ lần lượt nhận chịu quả báo không thể tránh khỏi. Như thế, việc thiện, việc ác đều có phúc báo rõ ràng”.

Luận *Trí độ* ghi: “Tôn giả Xá-lợi-phất tuy thông minh, nhưng chưa đạt được bậc Nhất thiết trí, nên so với trí tuệ của Phật, trí của tôn giả giống như một đứa trẻ”.

Kinh *A-bà-đàn-na*⁵⁴² ghi: “Đức Phật ở Kỳ Viên, sau khi thọ trai, Ngài cùng với tôn giả Xá-lợi-phất kinh hành. Lúc ấy, có một con chim ưng đuổi bắt chim bồ câu. Bồ câu bay đến đậu bên cạnh Đức Phật. Khi Đức Phật kinh hành ngang qua, bóng của Ngài che lên chim bồ câu, nó cảm thấy được an ổn, không còn sợ hãi, không hót hoảng kêu la nữa. Khi bóng tôn giả Xá-lợi-phất che đến, thì bồ câu liền hoảng hốt kêu vang, run sợ như lúc bị chim ưng rượt đuổi. Thấy vậy, tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

- Đức Phật và con, thân đều không còn ba độc, vì sao khi bóng của Thế Tôn che, thì bồ câu không kêu la sợ hãi; nhưng khi bóng của con che, thì nó liền kêu vang, run sợ như vậy?

Đức Phật dạy:

- Vì tập khí ba độc của ông vẫn còn, nên khi bóng của ông che, thì bồ câu sợ hãi!

Đức Phật lại bảo tôn giả Xá-lợi-phất:

- Ông hãy quán sát nhân duyên đời trước của chim này xem thử nó đã làm bồ câu trong bao nhiêu kiếp?

⁵⁴² Kinh A-bà-đàn-na (A-bà-đàn-na kinh 阿婆檀那經; S: Avadāna; Hd: Thí dụ kinh, Xuất diêu kinh): một thể loại kinh dùng phương thức thí dụ, ngụ ngôn để nói về giáo nghĩa cực kì sâu xa, mâu nhiệm của Đức Phật.

Tôn giả Xá-lợi-phất liền nhập Túc mạng trí⁵⁴³ tam-muội. Ngài quán thấy chim bồ câu này, từ tám vạn đại kiếp đến nay, nó thường làm thân bồ câu. Những kiếp trong quá khứ xa hơn nữa, tôn giả không thể thấy được. Tôn giả Xá-lợi-phất bèn xuất định, khởi thân bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn! Con quán sát thấy chim này thường làm thân bồ câu trong tám vạn đại kiếp, còn những kiếp về trước xa hơn nữa, con không thể biết được!

Đức Phật dạy:

- Nếu ông không thể biết hết được đời quá khứ của nó, vậy ông thử quán xem đời vị lai, đến khi nào chim này mới thoát kiếp bồ câu?

Tôn giả Xá-lợi-phất liền nhập tam muội, quán thấy trải qua tám vạn đại kiếp, chim này vẫn chưa thoát khỏi kiếp bồ câu. Về sau xa hơn nữa, thì tôn giả không thể quán biết được đến khi nào chim này mới thoát khỏi thân bồ câu.

Đức Phật dạy tiếp:

- Nay trừ số kiếp mà các thanh văn và bích-chi phật biết, con chim này đã và sẽ trải qua hằng hà sa đại kiếp làm thân bồ câu, khi tội hết rồi, mới thoát khỏi thân bồ câu, nhưng lưu chuyển trong năm đường. Sau đó, được làm người, trải qua năm trăm đời mới được thông minh lanh lợi. Lúc ấy, có Phật ra đời, [122b] độ vô lượng a-tăng-kỳ chúng sinh, sau khi nhập Vô dư niết-bàn, giáo pháp của Ngài được lưu truyền ở đời. Bảy giờ chim bồ câu là vị ưu-bà-tắc giữ gìn năm giới, nghe các vị tì-kheo ca tụng công đức của Phật, bèn phát nguyện được gặp Đức Phật. Sau đó, trải qua ba a-tăng-kỳ kiếp, tu tập sáu ba-la-mật, đầy đủ giai vị Thập địa. Sau khi thành Phật, độ vô lượng chúng sinh, rồi mới nhập niết-bàn.

Khi đó, tôn giả Xá-lợi-phất hướng về Đức Phật cầu xin sám hối và bạch:

⁵⁴³ Túc mệnh trí (宿命智): sức trí tuệ tự tại vô ngại, biết rõ sự việc của nhiều kiếp trong quá khứ; một trong sáu thần thông.

- Đối với một con chim, mà con chưa biết rõ quá khứ và vị lai của nó, huống chi các pháp khác! Nếu con có được trí tuệ như Ngài, đâu có vào địa ngục A-tỳ chịu khổ vô lượng kiếp, cũng không lấy làm khó!”

XXII.6. Định báo

Kinh *Phật thuyết nghĩa túc* ghi: “Đức Phật bảo vị Phạm chí:

- Người đời có năm việc không thể tránh khỏi, đó là hao tổn, mất mát, bệnh tật, già yếu và chết. Muốn tránh năm pháp này cũng không thể được”.

Kinh *Phật thuyết tứ bất khả đắc* ghi: “Sáng sớm, Đức Phật cùng với các vị tì-kheo và bò-tát ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực, cả bốn chúng đều cùng đi theo. Từ hư không, các trời rồng quỷ thần rải hoa hương, trỗi kỹ nhạc cúng dường.

Bấy giờ, Đức Phật dùng đạo nhãn⁵⁴⁴ quán sát thấy có bốn anh em đồng sản⁵⁴⁵, lìa bỏ gia đình, sự nghiệp, vào núi tu tập và chứng được năm thần thông, đều là tiên nhân. Vô thường đến, tự biết mạng sống sắp hết, nên họ đều muốn lần tránh, bèn bàn với nhau:

- Chúng ta đều có thần thông, bay trên hư không, đến đi tự do, không gì ngăn ngại. Nhưng nay lại sắp bị vô thường cướp mất mạng sống, chúng ta nên tìm cách tránh khỏi tai họa này, không thể chết được!

Thế rồi, một người cho rằng bay lên hư không để ẩn mình, vô thường làm sao có thể tìm được?

Một người cho rằng đi vào trong chợ để lánh thân, ở chỗ rộng lớn người đông đúc ồn ào, vô thường làm sao tìm được?

Một người cho rằng đi vào biển lớn, cách bờ ba trăm ba mươi sáu vạn dặm, lặn sâu xuống biển, ở khoảng giữa đáy và mặt nước, ở đó, vô thường làm sao tìm được?

Một người mưu tính, vào trong núi lớn không người, tách quả núi làm đôi, rồi chui vào trong đó, khép quả núi lại, vô thường làm sao tìm được?

⁵⁴⁴ Đạo nhãn 道眼 (Cg: thiên nhãn thông): mắt có khả năng nhìn thấu suốt mọi nơi.

⁵⁴⁵ Đồng sản 同產: anh em cùng một mẹ sinh ra, cũng có thể anh em cùng sinh một lần, như sinh đôi, sinh ba.

Bấy giờ, mỗi người theo cách của mình đi lánh nạn, nhưng cuối cùng cũng không thể thoát chết được.

Người trốn trong hư không, thì tự rơi xuống đất, giống như quả chín mùi rơi rụng. [122c]Người ở trong núi, tự chôn mình, lại bị cầm thú ăn thịt. Người ở trong biển rồi cũng chết, bị cá ăn thịt. Người vào trong chợ, cũng bị chết giữa đám đông người.

Đức Thế Tôn thấy việc này, cho họ là kẻ ngu si, không thông hiểu. Muốn bỏ oán của đời trước mà không trừ ba độc, chưa được tam đạt⁵⁴⁶ và huệ vô cực, thì xưa nay chưa có ai thoát khỏi. Đức Phật liền tụng kệ:

Dù trốn trong hư không,

Hay lặn sâu giữa biển,

Hoặc chui vào lòng núi,

Để tự dấu thân mình.

Muốn cầu tránh cái chết,

Nếu chưa từng đạt định,

Việc ấy thật không thể,

Phải tinh tấn tu học,

Không thân mới được an!

Đức Phật bảo các tì-kheo:

- Người đời có bốn việc không thể đạt được:

1. Trẻ mãi không già: tuổi trẻ nhan sắc hồng hào, tóc đen, răng trắng, hình dáng xinh đẹp, sức sống dồi dào, đi đứng, ra vào thông dong tự tại, lên xe xuống ngựa, nhiều người hầu hạ, ai cũng ngưỡng mộ. Nhưng thoáng một

⁵⁴⁶ Tam đạt 三達: thiên nhãn, túc mệnh và lậu tận. Thiên nhãn là biết rõ sinh tử, nhân quả ở đời vị lai; túc mệnh là biết rõ sinh tử, nhân quả ở đời quá khứ; lậu tận là biết rõ phiền não ở đời hiện tại để đoạn sạch lậu hoặc.

chốc bỗng trở thành già nua, đầu bạc răng long, da nhăn mặt sạm, thân thể nặng nề, đi đứng phải chống gậy, thở dài. Do đó, người muốn trẻ mãi không già, không bao giờ được.

2. Khoẻ hoài không bệnh: thân thể cường tráng, xương cốt cứng cáp, đi đứng nhanh nhẹn, ăn uống tùy theo sở thích, trang điểm lộng lẫy, cho rằng không ai bằng mình, giương cung lấp tên, vung đao múa gậy. Như có ai hại, chẳng hề suy xét phải trái, chửi mắng nguyên a, cho là quyền thế. Tự cho mình không bao giờ bị suy tổn. Đến khi lâm bệnh, nằm liệt trên giường, tay chân không cử động được, thân thể đau đớn như vừa bị đánh; tai, mắt, mũi, miệng không nghe, không thấy, chẳng biết mùi vị ngon dở, đứng ngồi phải nhờ người khác, tiêu tiểu tùy tiện rồi nằm lăn trên đó, bao nhiêu khổ nạn khó mà kể hết. Giả sử có người muốn mãi mãi an vui khỏe mạnh, cũng không bao giờ được.

3. Sống hoài không chết: muốn cầu sống lâu ở cõi đời này đến vô cùng, nhưng lại bị khổ bệnh chết. Mạng sống đã ngắn ngủi, mà còn ôm nỗi lo muôn đời. Tuổi thọ ít mà lo nhiều, chẳng hiểu vô thường, chạy theo năm dục, buông lung tâm ý, tạo ra các nghiệp giết hại, trộm cướp, dâm dật, nói dối chiều ác khẩu, nói dối, ý ngữ, tham lam tà kiến, bắt hiếu cha mẹ, không vâng lời thầy bạn, khinh khi người lớn, phản nghịch vô đạo, mong cầu giàu có, cho rằng có thể trường tồn, xem thường thánh đạo; cho ta là hơn tất cả, ngã mạn tự cao, chạy theo danh vọng thế gian, chẳng biết nguyên do trong ngoài của trời đất; [123a]chẳng hiểu rõ tứ đại do nhân duyên hợp thành, giống như nhà ảo thuật; không biết được thế gian hưng khởi xưa nay, không nghe theo lời chỉ dẫn, chẳng biết từ đâu sinh đến, chết đi về đâu? Tâm chứa trời đất cho là ta, khi vô thường đến, giống như gió thổi mây tan. Mong được sống lâu, nhưng mạng sống bỗng chốc tiêu tan, không được tự tại. Muốn việc ấy không đến với ta thì chẳng bao giờ được.

4. Mọi người không khổ: cha mẹ anh em, thân bằng quyến thuộc, bạn bè thân thích, ân ái thỏa thích, tiền của giàu sang, quan tước bổng lộc, xe ngựa dạo chơi, thê thiếp con cái, hưởng thụ dục lạc, ăn uống thỏa mãn, chòng con tôi tớ, không cần biết đến ai, luôn tự ngắm mình, bước đi ngạo nghễ, coi thường mọi người, cho mình là hơn tất cả; xem kẻ ở tầm thường như trâu ngựa, đồng hạng với súc vật, rồi ra vào tùy tiện, không quy định thời gian, chẳng suy xét trước sau, cho mọi người là kẻ tôi tớ để sai khiến, nên

phải phục tùng theo ý của mình. Đến khi nghiệp xưa chín mùi thì như băng tuyết bị dội nước sôi, lòng mới hoảng hốt hoang mang, lúc này mới cầu xin cứu vớt hoạn nạn, thì làm sao mà như ý nguyện được? Than ôi! Mạng sống đã đoạn, quỷ thần dẫn đi. Lúc đó, dẫu cha mẹ anh em, vợ con thân tộc, bạn bè thân thích, quyến thuộc ân ái đều tự lo liệu phần mình; quan tước của tiền, kẻ hầu người hạ cũng tự tan theo mỗi ngã. Mong được thoát chết cũng không bao giờ được.

Đức Phật bảo các tì-kheo:

- Từ khi có trời đất đến nay, không ai thoát khỏi bốn khổ nạn này. Chính vì bốn khổ nạn này nên Ta mới thị hiện ở đời!”

XXII.7. Bất định báo

Luận *Thập trụ tì-bà-sa* ghi: “Biết rõ pháp bất định là khi các pháp chưa sinh, chưa thể phân biệt được”.

Kinh *Phật phân biệt nghiệp* ghi: “Đức Phật bảo A-nan:

- Có người, thân làm việc thiện, miệng nói lời thiện, ý nghĩ điều thiện mà sau khi chết bị rơi vào địa ngục. Có người, thân làm việc ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác mà sau khi chết lại được sinh về cõi trời!

A-nan bạch Đức Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn! Vì sao như thế?

Đức Phật dạy:

- Do nghiệp nhân tội phúc đời trước của người này đã chín mùi, nghiệp nhân tội phúc ở đời nay chưa chín mùi; hoặc lúc sắp chết sinh chính kiến, hoặc tà kiến mà khởi lên các tâm thiện, ác mà dẫn đến như thế. Tâm thức của người lúc sắp chết có năng lực rất lớn”.

Kinh *Tăng nhất A-hàm* ghi: “Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các thầy tì-kheo:

- Có bốn hạng người xuất hiện ở đời: có người trước khổ, sau vui; có người trước vui, sau khổ; có người trước khổ, sau càng khổ; có người trước vui, sau cũng vui.

[123b] Thế nào là người trước khổ, sau vui?

Có người sinh vào nhà thấp hèn, nghèo khó không đủ cơm ăn, áo mặc. Nhưng nhờ không có tà kiến, nên người ấy biết được quả báo của công đức bố thí đời trước, sẽ cảm sinh vào nhà giàu sang; nếu trước không bố thí thì sẽ sinh vào nhà nghèo khó, không có đủ cơm ăn, áo mặc. Biết vậy, người này liền hướng tâm cầu sám hối, ăn năn, sửa đổi lỗi lầm xưa kia. Tất cả của cải có được đem chia cho mọi người. Người này đời sau, nếu được sinh vào loài người, thì có nhiều tiền tài của báu, không bị thiếu thốn.

Thế nào là người trước vui, sau khổ?

Có người được sinh vào nhà dòng dõi quý tộc, cơm áo đầy đủ, nhưng người này thường chấp giữ tà kiến và biên kiến, nên đời sau ắt sinh vào địa ngục. Nếu được sinh làm người, thì sinh vào nhà nghèo cùng, không đủ cơm ăn áo mặc.

Thế nào là người trước khổ, sau khổ?

Có người sinh vào nhà nghèo cùng không đủ cơm ăn áo mặc, lại còn chấp giữ tà kiến và biên kiến, đời sau bị rơi vào địa ngục. Nếu sinh vào loài người, thì rất nghèo khổ, không có cơm ăn áo mặc.

Thế nào là người trước vui, sau càng vui?

Có người sinh vào nhà thuộc dòng dõi quý tộc, giàu sang, lại còn biết kính trọng tam bảo, thường tu bố thí, thì đời sau được sinh về cõi trời, cõi người luôn được giàu sang.

Bấy giờ, Đức Phật bảo các thầy tì-kheo:

- Có chúng sinh trước khổ, sau vui; có chúng sinh trước vui, sau khổ; có chúng sinh trước khổ, sau khổ; có chúng sinh trước vui, sau vui! Như người tuy sống trăm tuổi, nhưng thật chỉ có mười năm. Trong khoảng trăm năm đó, hoặc tạo các công đức, hoặc tạo các nghiệp ác. Vào khoảng thời

gian nào đó, người kia hoặc mùa đông được sung sướng, nhưng mùa hạ chịu khổ sở. Hoặc có người lúc trẻ tạo phúc, khi lớn gây tội, thì đời sau, lúc trẻ hưởng phúc, khi lớn chịu tội khổ. Hoặc có người lúc trẻ tạo tội, khi lớn làm phúc, thì đời sau, lúc trẻ chịu tội, nhưng khi lớn được hưởng phúc. Hoặc có người lúc nhỏ gây tội, khi lớn cũng gây tội, thì người này ở đời sau, trước chịu khổ, sau cũng chịu khổ. Hoặc có người lúc nhỏ làm phúc, lớn lên cũng làm phúc, thì người này ở đời sau, trước vui, sau cũng vui!

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các thầy tì-kheo:

- Có bốn hạng người xuất hiện ở đời: người thân vui mà tâm không vui; người tâm vui mà thân không vui; người thân tâm đều vui; người thân tâm đều không vui.

Thế nào là người thân vui mà tâm không vui?

Phàm phu tạo phúc, cúng dường đầy đủ bốn món như: y phục, thức ăn món uống, giường mùng chăn chiếu và thuốc men, [123c] nhưng không thoát khỏi nỗi khổ trong ba đường ác.

Thế nào là người tâm vui mà thân không vui?

Đó là bậc a-la-hán, mặc dầu không tạo công đức, không thể tự lo liệu cúng dường bốn món, nhưng có thể thoát được nỗi khổ trong ba đường ác.

Thế nào là người thân tâm đều không vui?

Đó là hạng phàm phu không tạo công đức, không cúng dường bốn món, thì không thể thoát khỏi nỗi khổ trong ba đường ác.

Thế nào là người thân tâm đều vui?

Đó là bậc a-la-hán tạo nhiều công đức, cúng dường bốn món đầy đủ, nên thoát khỏi nỗi khổ trong ba đường ác”.

XXII.8. Thiện báo

Luận *Di-lặc bồ-tát sở vấn kinh* ghi:

Hỏi: Thế nào là quả bố thí?

Đáp: Nói chung, bố thí có một loại quả gọi là quả thụ dụng. Quả thụ dụng lại chia ra hai: quả thụ dụng hiện tại và quả thụ dụng vị lai. Lại có ba loại quả, đó là hai loại quả trên, cộng với bát-nhã. Lại có bốn loại quả: hữu quả vô dụng; hữu dụng vô quả; hữu quả hữu dụng và vô quả vô dụng.

1. Hữu quả vô dụng: không thành tâm bố thí, không tự tay mình bố thí, bố thí với tâm khinh thường. Bố thí như thế tuy được nhiều quả báo, nhưng không thể thụ dụng. Như Thiên chủ ở Xá-vệ tuy có vô lượng của báu, nhưng không thể thụ dụng.

2. Hữu dụng vô quả: tự mình không bố thí, nhưng thấy người khác thực hành bố thí thì khởi tâm tùy hỷ, do đó tuy được thụ dụng, nhưng mình không được quả. Như tất cả sa-môn, bà-la-môn v.v... tuy thụ dụng y phục, thức ăn và vật dụng của vua, nhưng mình không được quả. Như tứ binh⁵⁴⁷ tuy nhận được y phục, thức ăn của Chuyển luân thánh vương, mà không được quả.

3. Hữu quả hữu dụng: bố thí với tâm chí thành, bố thí không có tâm khinh thường; như các vị trưởng giả Thụ-đề-già v.v...

4. Vô quả vô dụng: bố thí rồi, nhân bố thí liền diệt; hoặc bị thánh đạo xuất thế ngăn chặn. Cũng giống như thánh nhân xa lìa phiền não.

Lại có năm loại phúc quả, đó là được năm thứ: mạng sống, sắc tướng, sức lực, thuốc men, biện tài. Như nhờ ăn mà được mạng sống, cho nên thí thực tức là thí mạng. Do nhân duyên này về sau được quả báo thọ mạng dài lâu. Bố thí sắc tướng, bố thí sức lực, bố thí thuốc men, bố thí biện tài cũng giống như thế.

[124a] Lại có năm loại quả thù thắng đạt được do cung dưỡng cho cha, mẹ, người bệnh, pháp sư, bồ-tát. Vì cha mẹ có ân đức sinh thành nuôi dưỡng thân mạng ta, cho nên cung dưỡng cho cha mẹ được quả báo thù thắng. Người bệnh nằm một mình rất đáng thương, do đó nên khởi lòng từ bi,

⁵⁴⁷ Tứ binh 四兵 (S: Catur-aṅga-balāḥkāyāḥ): bốn loại quân binh trên chiến trường thời cổ Ấn Độ. Một, tượng binh là cứ bốn người hợp thành một đội, cùng bảo vệ voi; hai, mã binh là cứ tám người hợp thành một đội, cùng bảo vệ ngựa; ba, xa binh là cứ mười sáu người hợp thành một đội, cùng bảo vệ xe; bốn, bộ binh là cứ ba mươi hai người hợp thành một đội, cầm binh trượng.

cung dưỡng cho người bệnh thì được phúc báo thù thắng. Người thuyết pháp có khả năng sinh ra pháp thân, tăng trưởng pháp thân cho ta, giúp ta phân biệt được thiện ác, đúng sai, chân chính hay điên đảo, cho nên cung dưỡng cho người thuyết pháp thì được phúc báo thù thắng. Bồ-tát có năng lực thâm nhiếp giữ gìn, làm lợi ích cho chúng sinh, thường khởi tâm từ bi giữ gìn tam bảo, không đoạn tuyệt nhân. Do đó, nên cung dưỡng cho bồ-tát thì được phúc báo thù thắng. Bồ-tát vì phát tâm đồng mãnh, sức bi nguyện độ sinh rất lớn, nên không giống với những phúc báo khác có tâm nhỏ hẹp.

Kinh *Tăng nhất A-hàm* ghi: “Đức Thế Tôn bảo các tì-kheo:

- Nay Như Lai sẽ nói về bốn phúc mà thiện nam, thiện nữ tạo ra sẽ được sinh về cõi Phạm thiên:

1. Có lòng kính tin, xây dựng *thâu-bà*⁵⁴⁸ ở những nơi chưa có.
2. Có lòng kính tin, sửa chữa chùa cũ.
3. Có lòng kính tin, ủng hộ hòa hợp thánh chúng.
4. Các trời, người khuyến thỉnh *Đa-tát-a-kiệt*⁵⁴⁹ Sơ chuyển pháp luân.

Đó là bốn loại phúc được sinh về cõi Phạm thiên.

Các tì-kheo bạch Đức Thế Tôn:

- Phúc sinh về Phạm thiên nhiều hay ít?

Đức Thế Tôn đáp:

- Công đức của tất cả chúng sinh trong châu Diêm-phù-đề bằng công đức của một Chuyển luân thánh vương. Công đức của người trong châu Diêm-phù-đề cộng với công đức của một Chuyển luân thánh vương mới bằng công đức của một người ở châu Cù-da-ni. Công đức của hai châu Diêm-phù và Cù-da-ni không bằng công đức của một người ở châu Phát-vu-đài. Phúc của người ở trong ba châu nói trên, không bằng phúc của một người

⁵⁴⁸ Thâu-bà 偷婆 (S: Stūpa; Cg: phù-đò): tháp miếu. Vốn chỉ cho những kiến trúc được xây bằng gạch, gỗ, đất, đá... để an trí xá-lợi Phật. Về sau chỉ chung cho các kiến trúc an trí tượng chư Phật, bồ-tát, dấu chân Phật, di cốt các vị tổ sư, cao tăng được xây bằng đất, đá, gạch, gỗ để mọi người cúng dường lễ bái.

⁵⁴⁹ Đa-tát-a-kiệt 多薩阿竭 (S: Tathāgata; Cg: Đa-a-kiệt): Như Lai. Một trong mười hiệu tôn xưng của Đức Phật.

ở châu Uất-đơn-việt. Phúc của người trong bốn châu thiên hạ đó, không bằng phúc của Tứ Thiên Vương. Cho đến phúc của người trong bốn châu thiên hạ và phúc của trời Lục Dục, không bằng phúc của một Phạm Thiên vương. Đây chính là lượng phúc của người thiện nam, thiện nữ cầu sinh về Phạm thiên mà các thầy muốn biết!”

Kinh *Trung A-hàm* ghi: “Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các thầy tỳ-kheo:

- Nếu người nào hay thụ trì bảy việc, thì được sinh về chỗ của Đế Thích.

Ngài liền nói kệ:

*Cúng dường cha và mẹ,
Bậc tôn trưởng trong nhà,
Nhu hòa và khiêm tốn,
Bỏ nói ác, đôi chiều,
Điều phục tâm keo kiệt,
Thường nói lời chân thật.*

[124b] *Vua trời Ba Mươi Ba,
Thấy người hành pháp này,
Mỗi mỗi đều bảo rằng,
Sẽ sinh về Đế Thích!”*

Kinh *Tạp bảo tạng* có bài kệ:

*Phúc nghiệp như quả chín,
Cầu thân đâu thể được,
Người cười xe trì giới,*

Sau được sinh cõi trời.

Tâm định như đèn tắt,

Đạt đến cõi Niết-bàn,

Tất cả do tu hành,

Cầu trời làm sao được!

XXII.9. Ác báo

Nếu có hình thì ảnh hiện, có tiếng tức có vang! Chưa thấy việc hình còn mà ảnh đã mất, tiếng dội mà vang đã dừng. Lẽ thiện ác có báo ứng rõ ràng không sai lệch. Xin nguyện tin sâu, chẳng sợ mai sau mất mát. Quả báo khổ đau nặng hay nhẹ sẽ được trình bày đầy đủ ở phần sau.

XXII.9.1. Sát sinh là nỗi khổ lớn thứ nhất

Như thân tạo nghiệp sát, hoặc lóc thịt theo da, nướng rang loài dưới nước, săn bắn chim thú. Nếu giết hại chúng sinh thì nhất định sẽ bị đọa vào trong các địa ngục mỡ xẻ, cưa chém v.v... Nếu chưng nấu, rang nướng chúng sinh thì nhất định đọa vào các địa ngục vạc dầu sôi, lò than đỏ, v.v... Do nghiệp sát sinh này, nên đọa vào địa ngục, quanh năm mãi kiếp chịu đủ các thứ khổ đau kịch liệt. Sau khi chịu khổ xong, lại đọa vào loài súc sinh, làm các loài trâu, ngựa, heo, dê, la lừa, lạc đà, gà, chó, cá, chim, sò, ốc v.v... bị người giết hại. Các loài ốc hên mạng sống không dài lâu, lại đem thân mình làm món ăn ngon; làm cầm thú trong núi trải qua vô lượng kiếp sinh tử. Nếu không có may mắn thiện thì vĩnh viễn không thoát ra được. Ví như nhờ có chút phúc, thì được làm thân người. Nhưng vừa gá thai đã bị hư sảy, hoặc sinh ra liền chết, hoặc đến mười tuổi, hai mươi tuổi mà chưa hề biết gì, như từ chỗ tối tăm lại vào chỗ tối tăm. Thật đáng xót thương! Nên biết mạng sống ngắn ngủi đều do sát sinh.

Luận *Địa trì* ghi: “Tội sát sinh có thể khiến chúng sinh bị đọa vào ba đường ác. Nếu được sinh vào loài người, thì phải chịu hai loại quả báo: Mạng sống ngắn ngủi, thân mang nhiều bệnh tật”.

Mười điều ác, mỗi mỗi đều có đủ năm quả báo:

Sát sinh có năm nỗi thống khổ lớn:

a. Sát sinh phải chịu khổ trong địa ngục: bởi vì sát sinh là làm cho chúng sinh phải chịu khổ, nên sau khi thân hoại mạng chung, tất cả các thứ khổ trong địa ngục đều dồn về bức bách mình.

b. Sát sinh phải bị sinh vào loài súc sinh: vì sát sinh là không có lòng từ bi, trái với đạo lí làm người, nên sau khi chịu khổ ở địa ngục xong, phải chịu làm thân súc sinh.

c. Sát sinh phải bị đọa vào loài ngựa quý: vì sát sinh ắt do tâm keo kiệt dẫn đến, lại còn tham đắm vị ngon bở, nên sau bị đọa làm ngựa quý.

[124c] d. Sát sinh khi được làm người thì tuổi thọ ngắn ngủi: vì sát sinh là tàn hại mạng sống của muôn vật, nên tuổi thọ ngắn.

e. Sát sinh thân bị mang nhiều bệnh tật: vì sát sinh làm trái đạo lí, chuốc lấy các tai họa vào thân, nên thân sinh nhiều tật bệnh.

Kinh *Tap tạng* ghi: “Bấy giờ có một con quỷ bạch tôn giả Mục-kiền-liên:

- Tôi thường có mắt ở hai vai, có miệng và mũi ở trước ngực, mà không có đầu. Đó là do nhân duyên gì?

Mục-kiền-liên đáp:

- Trong đời trước, người thường là đệ tử của bọn đao phủ đồ tể, mỗi khi giết người, người rất vui thích, dùng dây thừng cột tóc người kéo đi, do nhân duyên đó, nên người phải chịu tội như vậy. Đây chỉ là hoa báo của việc ác, còn quả báo bị đọa vào địa ngục ở đời sau!

Sau đó, lại có một con quỷ khác đến hỏi tôn giả Mục-liên:

- Thân tôi thường như khối thịt, chẳng có tay chân, mắt, tai, mũi v.v... thường làm các loài sâu, dòi và bị chim đến mổ ăn, tội khổ thật không chịu nổi. Do nhân duyên gì mà bị như thế?

Mục-liên đáp:

- Ở kiếp trước, người thường cho người ta uống thuốc phá thai, nên nay phải chịu tội như vậy. Đây mới chỉ là hoa báo, còn quả báo là bị đọa vào địa ngục ngay thân đời sau!”

Lại do nhân sát sinh, nên lòng tham càng nhiều; lòng tham càng nhiều, thì không có tâm nhường nhịn, mà còn trộm cướp. Nay thân trộm cướp, sau khi chết bị đọa vào địa ngục Hang sắt, chịu nhiều khổ não trong vô lượng kiếp. Sau khi hết các khổ địa ngục, lại phải sinh vào loài súc sinh, thân thường mang chở nặng, lại bị roi gậy đánh đập, không có chút dừng nghỉ, chỉ ăn toàn cỏ nước. Ở trong loài súc sinh này trải qua vô lượng kiếp sinh tử. Nhờ nhân duyên xưa, nếu gặp được một chút căn lành, thì được làm người thấp hèn, thường làm tôi tớ, bị người sai khiến không được tự do, trả nợ không bao giờ xong, chẳng được nghe pháp, phải chịu nỗi khổ luân hồi không cùng tận.

XXII.9.2. Trộm cắp là nỗi thống khổ lớn thứ hai

Nay dùng thân hình che lấp ánh sáng, không dâng ánh sáng cúng dường tam bảo, mà ngược lại, lấy ánh sáng của tam bảo để dùng riêng cho mình, sau khi chết nhất định bị rơi vào các địa ngục Hắc Nhĩ, Hắc Thành, Hắc Âm chịu khổ vô lượng kiếp. Sau khi chịu khổ trong các địa ngục ấy rồi, lại bị đọa làm thân chí rận... không chịu nổi ánh sáng. Ở trong loài này vô lượng sinh tử. Nhờ nhân duyên xưa, gặp được chút căn lành, thì được làm thân người thấp hèn, dung mạo xấu xí, thân đầy nốt đen, thường ở những nơi như uế, hôi thối, người thấy đều nhàm ghét xa lìa, hai mắt mù lòa không thấy được muôn vật. Nên biết tội che lấp ánh sáng cũng do trộm cắp mà ra!

Luận *Địa trì* ghi: “Tội trộm cắp cũng khiến cho chúng sinh bị đọa vào ba đường ác. [125a] Nếu được sinh làm người thì bị hai loại quả báo là nghèo cùng và tài sản không được tự do tiêu dùng”.

Nên biết trộm cắp có năm quả báo khổ:

1. Trộm cắp bị đọa vào địa ngục: vì cướp đoạt, bóc lột, trộm cắp tài sản của người, làm khổ não chúng sinh, sau khi chết liền đọa vào địa ngục Hàn Băng chịu nhiều nỗi thống khổ.

2. Trộm cắp bị sinh vào loài súc sinh: do không thực hành đạo làm người, nên chịu quả báo súc sinh, thân thường mang nặng, đem thịt mình cung cấp cho người để đền nợ đời trước.

3. Trộm cắp bị đọa vào ngạ quỷ: do keo kiệt, bòn xén, tham lam dẫn đến trộm cắp. Vì thế, sau khi chịu khổ báo trong loài súc sinh xong, liền phải bị đọa vào ngạ quỷ.

4. Trộm cắp thường sinh làm người nghèo cùng: vì tội cướp đoạt khiến cho người ta mất hết tài sản, do đó mà chiêu cảm quả báo nghèo cùng.

5. Tài sản chung, không được tự do thụ hưởng: vì tội trộm cắp thường bị sung vào cửa quan, nếu có tiền của thì bị năm nhà⁵⁵⁰ cùng cướp đoạt, nên không được tự do.

Kinh *Tạp bảo tạng* ghi: “Lúc đó có một con quỷ bạch với Mục-kiền-liên:

- Bạch đại đức! Bụng của con quá to giống như cái lu, cổ họng và tay chân lại nhỏ như cây kim, không thể ăn uống được. Do nhân duyên gì mà con phải chịu nỗi thống khổ này?

Tôn giả Mục-liên đáp:

- Trong đời trước, người làm chủ một thôn xóm, tự ý mình giàu sang, ăn nhậu say sưa, khinh khi mọi người, cướp đoạt miếng ăn của người khác, khiến cho nhiều người đói khổ. Do nhân duyên đó, mà người phải chịu tội này. Đây chỉ là hoa báo, còn quả báo là thân sau người phải chịu khổ báo trong địa ngục.

Lại có một con quỷ khác đến bạch tôn giả Mục-liên:

- Hai bên nách của con thường có hai bánh xe sắt nóng, khiến cho thân thể con bị nung nấu nhuyển như. Do nhân duyên gì mà con bị như thế?

Tôn giả Mục-liên đáp:

⁵⁵⁰ Cửa chung năm nhà (ngũ gia sở cộng 五家所共): tiền của vật chất là của chung năm nhà. Đó là vua chúa, giặc cướp, thủy tai, hỏa tai và con bất hiếu.

- Trong đời trước, khi làm bánh cho chúng tăng, người đã lén lấy hai cái bánh kẹp dầu vào trong hai nách, do đó, người phải chịu tội như thế. Đây chỉ là hoa báo, còn quả báo là thân sau phải chịu khổ trong địa ngục.

Do trộm cắp mà tâm không ngay thẳng, trong sạch, tư tình dâm dật. Nay thân dâm dật, hiện đời bị gặp phải những điều hung ác, nguy hiểm, thường bị sợ hãi. Có khi bị chồng biết được, đến lúc bị ách nạn dao gậy đánh đập, đầu chân bị chặt lia, thậm chí mất mạng. Sau khi chết bị đọa vào địa ngục, nằm trên giường sắt, hoặc ôm trụ đồng, bị quỷ trong ngục đốt lửa thiêu thân. Chịu tội trong địa ngục vừa xong, lại phải thụ thân súc sinh: gà, vịt, chim, sê, chó, heo, bươm bướm v.v... trải qua vô lượng sinh tử như thế, chịu khổ đau trong vô lượng kiếp. Sau khi chịu khổ trong loài súc sinh xong, nhờ nhân duyên xưa, nếu gặp được chút căn lành, thì được làm thân người thấp hèn, lại dâm loạn chôn khuê phòng, thê thiếp không trinh tiết. Nếu được sủng ái, thì bị người khác cướp đoạt, thường ôm lòng sợ hãi, [125b] nhiều mối nguy hiểm, tinh thần bất an.

XXII.9.3. Tà dâm là nổi thống khổ lớn thứ ba

Luận *Địa trì* ghi: “Tội tà dâm cũng khiến cho chúng sinh bị đọa vào trong ba đường ác. Nếu được sinh vào loài người thì gặp hai loại quả báo là vợ không trinh tiết và quyến thuộc không được như ý”.

Tà dâm có năm nổi quả báo khổ lớn:

1. Tà dâm bị quả báo đọa vào địa ngục: vì tà dâm xâm phạm người khác trái với lẽ thường, làm cho người khác bị khổ. Do đó, sau khi chết chịu khổ trong địa ngục.
2. Tà dâm bị quả báo đọa vào súc sinh: vì tà dâm không hợp đạo lí làm người, do đó khi chịu khổ báo ở địa ngục xong, liền phải thụ thân súc sinh.
3. Tà dâm bị quả báo đọa vào ngựa quỷ: vì tà dâm đều do xan tham, luyến ái dẫn đến, nên bị đọa làm ngựa quỷ.
4. Tà dâm bị quả báo gặp vợ không trinh tiết: vì xâm phạm vợ người ta, do đó mà thường gặp phải vợ không đoan chính, trinh tiết.

5. Tà dâm bị quả báo quyên thuộc không như ý: vì tà dâm là cướp đoạt sự sủng ái của người, cho nên quyên thuộc không được như ý. Do đó thường bị kẻ khác đoạt mất người mình yêu quý.

Kinh *Tạp bảo tạng* ghi: “Xưa có một con quỷ hỏi tôn giả Mục-liên:

- Con thường dùng vật tự trùm kín lên đầu, lại luôn sợ người đến giết hại, tâm thường hoảng hốt, không thể chịu nổi. Do nhân duyên gì mà bị như thế?

Tôn giả đáp:

- Trong đời trước, người thường tà dâm, xâm phạm người ngoài, thường sợ người ta phát hiện, hoặc sợ chồng người bắt trói đánh giết, hoặc sợ pháp luật trừng trị, bêu thây nơi phố chợ, luôn ôm lòng lo sợ, hoảng hốt, bất an, nên nay người phải chịu tội như thế. Đây chỉ là hoa báo của hạnh dơ xấu, còn quả báo là đời sau phải chịu quả khổ trong địa ngục”.

Lại do tà dâm, mà dẫn đến lời nói đều không thật, dối gạt người khác. Đời nay dối gạt làm mọi người phải khổ não, thì sau khi chết nhất định phải đọa địa ngục Đê Khấp, chịu khổ vô lượng kiếp. Sau khi chịu khổ trong địa ngục đó xong, liền bị đọa vào loài ngạ quỷ chịu khổ sinh tử vô lượng kiếp. Nhờ vào nhân duyên xưa, nếu gặp được điều thiện nhỏ, thì được làm người thấp hèn, chịu nhiều nỗi đau khổ bệnh tật, gầy ốm yếu đuối, khôn đốn khổ sở, tự mang nhiều chứng bệnh nguy kịch khó trị, không ai thương tưởng.

XXII.9.4. Vọng ngữ là nổi thống khổ lớn thứ tư

Luận *Địa trì* ghi: “Tội vọng ngữ cũng khiến cho chúng sinh đọa vào ba đường ác. Nếu được sinh vào loài người thì mắc hai quả báo là bị nhiều người phỉ báng và bị người dối gạt”.

Do đó, vọng ngữ có năm nổi thống khổ lớn:

a. Vọng ngữ bị đọa vào địa ngục: do vọng ngữ là nói lời không chân thật, khiến cho người tin theo lời hư dối ấy mà phải chịu khổ não, do đó, sau khi chết phải chịu nổi khổ trong địa ngục.

b. Vọng ngữ bị đọa vào súc sinh: vì vọng ngữ là khinh khi, trái ngược với lòng tin chân thật của người, do đó, [125c] vừa ra khỏi địa ngục liền chịu quả báo khổ súc sinh.

c. Vọng ngữ bị đọa vào ngựa quý: vì vọng ngữ đều do bòn xén, khinh khi dẫn đến. Do đó sau khi chết bị đọa vào ngựa quý.

d. Vọng ngữ bị người phỉ báng: vì vọng ngữ là không thành thật.

e. Vọng ngữ bị người dối gạt: vì vọng ngữ dối gạt, cảm dỗ người.

Lại nữa, vọng ngữ còn dẫn đến tội nói đôi chiều. Nếu đời nay nói lời không từ ái, phỉ báng, hủy nhục, nói lời hung ác, tạp loạn, thì sau khi chết sẽ bị đọa vào các địa ngục rớt nước đồng sôi vào miệng, kéo lưỡi cho trâu cày. Chịu khổ ở trong các địa ngục ấy trong vô lượng kiếp. Sau khi chịu khổ trong địa ngục đó vừa xong, liền đọa vào loài súc sinh, ăn các thứ phân dơ, như chim đê hồ (bò nông) không có lưỡi. Ở trong loài này chịu vô lượng kiếp sinh tử. Nhờ nhân duyên xưa, nếu may gặp được chút thiện nhỏ, thì được làm người thấp hèn, lưỡi không được toàn vẹn, hơi miệng hôi thúi, cảm ngọng, nói năng khó khăn, răng không trắng đều, mà lại thừa thiếu, nếu có nói ra lời lành mọi người cũng không tin. Nên biết sàm tấu, nhiễu loạn đều do nói đôi chiều sinh.

XXII.9.5. Nói đôi chiều là nổi thống khổ lớn thứ năm

Luận *Địa trì* ghi: “Tội nói đôi chiều cũng khiến chúng sinh đọa vào ba đường ác. Nếu được sinh làm người thì gặp phải hai loại quả báo là quyền thuộc xấu ác và quyền thuộc bất hòa”.

Nên biết nói đôi chiều bị mắc phải năm nổi thống khổ lớn:

a. Nói đôi chiều bị đọa vào địa ngục: vì nói đôi chiều làm cho những người thương yêu nhau phải chia lìa; thương yêu mà bị chia lìa là khổ não, cho nên phải chịu khổ não trong địa ngục.

b. Nói đôi chiều bị đọa vào loài súc sinh: vì nói đôi chiều gây ra việc đấu tranh hiềm khích, giống như loài dã can, cho nên phải chịu thân súc sinh.

c. Nói đôi chiều bị đọa vào loài nga quý: vì nói đôi chiều cũng do bòn xén, ganh ghét dẫn đến. Vì tội keo kiệt ganh ghét, nên bị đọa vào nga quý.

d. Nói đôi chiều khi được làm người lại gặp phải quyền thuộc xấu ác: vì nói đôi chiều khiến bạn bè thân thiết bỗng trở sinh lòng hiểm ghét nhau.

e. Nói đôi chiều khi được làm người lại gặp phải quyền thuộc bất hòa: vì nói đôi chiều làm li gián mối quan hệ tốt, khiến trở thành bất hòa.

Lại nữa, do lời nói đôi chiều dẫn đến nói lời thô ác. Nếu đời nay nói lời thô ác, đấu tranh, tàn hại, xâm phạm lẫn nhau, giết hại các loài chúng sinh, thì sau khi chết sẽ bị đọa vào địa ngục đao binh, chịu vô lượng khổ não. Sau khi chịu khổ ở địa ngục ấy xong, lại đọa vào loài súc sinh, bị bẻ chân chặt cánh, móc ruột moi gan, chịu khổ vô lượng kiếp. Ở trong loài súc sinh chịu khổ sinh tử vô lượng kiếp. Nhờ nhân duyên xưa, nếu may gặp được chút thiện nhỏ, thì được làm người thấp hèn, tay chân không được đầy đủ, bị nạn hoạn quan, cắt gân cắt mũi, thân hình tàn tật, quỷ thần không hộ vệ, bị người khinh bỏ. Nên biết tội tàn sát chúng sinh đều do ác khẩu phát sinh.

XXII.9.6. Ác khẩu là nổi thống khổ lớn thứ sáu

[126a] Luận *Địa trì* ghi: “Tội ác khẩu cũng khiến chúng sinh đọa vào ba đường ác. Nếu được sinh làm người thì bị hai quả báo là thường phải nghe những tiếng xấu ác và nói ra điều gì cũng thường có tranh cãi”.

Nên biết ác khẩu bị năm quả báo khổ lớn:

a. Ác khẩu bị đọa vào địa ngục: vì ác khẩu đều muốn hại người, khiến cho người nghe phải buồn khổ. Do đó, sau khi mạng chung bị đọa vào địa ngục chịu nhiều thống khổ.

b. Ác khẩu bị đọa làm súc sinh: vì ác khẩu thường mắng nhiếc, nhục mạ người, chửi người khác là súc sinh. Do đó, sau khi chịu khổ địa ngục xong, lại phải chịu quả báo làm súc sinh.

c. Ác khẩu bị đọa làm nga quý: do tham lam bòn xén dẫn đến mạ nhục, nguyên a người khác, nên sau khi chịu khổ trong loài súc sinh rồi, lại bị đọa làm nga quý.

d. Ác khẩu thì khi được làm người thường bị quả báo nghe những tiếng ác: vì ác khẩu thường phát ra lời thô lỗ, xấu xa, nên khi được làm người thường bị quả báo nghe những tiếng ác, lời nói cộc cằn.

e. Ác khẩu thì khi được làm người, nói ra điều gì cũng luôn gây tranh cãi: vì ác khẩu trái tai người nghe, nên khi nói ra điều gì thường dẫn đến sự tranh cãi nhau.

XXII.9.7. Nói lời vô nghĩa là nổi thống khổ lớn thứ bảy

Từ lời nói ác dẫn đến nói lời hoa mỹ, phù phiếm, hoàn toàn vô nghĩa, không đem lại lợi ích. Người kiêu ngạo, đến khi chết liền rơi vào địa ngục Trói buộc, chịu nhiều nổi thống khổ trong nhiều kiếp. Khi chịu khổ ở địa ngục xong, lại đọa làm thân súc sinh, chỉ biết nghĩ đến cỏ và nước, không biết ơn dưỡng dục của cha mẹ. Ở trong loài này qua vô lượng kiếp sinh tử. Nhờ nhân duyên xưa, nếu may gặp được chút thiện nhỏ, thì được làm người nhưng thấp hèn, sinh vào những vùng biên địa, không biết trung, hiếu, nhân, nghĩa, không gặp tam bảo. Nếu sinh vào chốn thành thị thì chịu thân lùn xấu, lệch què, lưng gù, bị người lăng nhục. Nên biết bốn xén, kiêu ngạo, tự cao đều do vô nghĩa, điều hí, không biết cách sống.

Luận *Địa trì* ghi: “Tội nói lời vô nghĩa, cũng khiến chúng sinh đọa trong ba đường ác, nếu sinh trong cõi người, phải chịu hai loại quả báo là nói ra mọi người không tin nhận, và có nói điều gì cũng không được rõ ràng”.

Do đó, nói lời vô nghĩa phải chịu năm nổi khổ lớn:

a. Nói lời vô nghĩa bị đọa vào địa ngục: vì nói lời vô nghĩa để thành tựu việc của mình, làm tổn hại người khác. Do đó, sau khi chết liền rơi vào địa ngục chịu vô lượng khổ.

b. Nói lời vô nghĩa bị làm súc sinh: vì nói lời vô nghĩa, trái với đạo lý làm người, nên khi ra khỏi địa ngục, lại phải làm thân súc sinh.

c. Nói lời vô nghĩa bị làm ngạ quỷ: vì nói lời vô nghĩa nên bị tâm bốn xén ngăn che, vì tâm bốn xén nên phải bị đọa làm thân ngạ quỷ.

d. Nói lời vô nghĩa, sau khi được làm người, có nói ra lời gì, đều không ai tin nhận: vì lời nói vô nghĩa, nên không được mọi người chấp nhận.

e. Nói lời vô nghĩa thì bị quả báo lời nói không rõ ràng: lời nói đã vô nghĩa, đều là do ngu si; vì ngu si nên lời nói diễn đạt không được rõ ràng.

[126b] Người nói lời vô nghĩa thì không biết khiêm nhường, tham lam, không nhàm chán. Đời này bôn xěn, tham lam, không bố thí, nên sau khi chết phải trải qua nhiều kiếp chịu nỗi thống khổ trong địa ngục Phí thí. Sau khi chịu khổ trong địa ngục này xong, họ lại đọa vào súc sinh, ngựa quỉ không có áo mặc, phải nương tựa vào người, ăn các phân dơ, người không cho thì không có ăn. Ở trong các loài này trải qua vô lượng kiếp sinh tử. Nhờ nhân duyên xưa, nếu may gặp được chút duyên lành, được làm người nhưng thấp hèn, đói rách trần truồng, khôn khổ nghèo cùng, không ai cho, dù cầu xin cũng chẳng được; dẫu được chút ít của cải, cũng bị cướp đoạt mất. Ôm giữ nỗi thống khổ vô cùng tận, cho đến lúc chết. Nên biết, không tu bố thí, đều do tham dục sinh ra.

XXII.9.8. Tham dục là nỗi thống khổ lớn thứ tám

Luận *Địa trì* ghi: “Tội tham dục, cũng khiến chúng sinh rơi vào ba đường ác. Nếu được sinh trong loài người, thì phải chịu hai quả báo: Nhiều ham muốn, không biết đủ”.

Nên biết tham dục có năm nỗi thống khổ lớn:

1. Tham dục bị đọa vào địa ngục: vì người tham dục tác động đến thân, miệng làm khổ não chúng sinh, nên sau khi thân hoại mạng chung, phải chịu khổ trong địa ngục.
2. Tham dục bị làm thân súc sinh: do tham dục khiến hành động trái với luân thường đạo lý của người; cho nên sau khi ra khỏi địa ngục liền bị làm súc sinh.
3. Tham dục lại bị làm ngựa quỉ: do tham dục nên tham tiếc keo kiệt, tội tham tiếc keo kiệt, nên bị đọa làm ngựa quỉ.
4. Tham dục lại càng nhiều ham muốn: do tham dục dẫn đến ham muốn mọi thứ càng nhiều hơn.
5. Tham dục không nhàm chán, không biết đủ: do tham dục mà lòng mong cầu không bao giờ nhàm chán, không biết đủ.

Nên biết tham dục không thỏa mãn tâm ý, từ đó, có phần nộ và sân hận nổi lên. Thân này nếu nhiều sân hận, thì sau khi chết liền đọa vào địa ngục Nê-lê, chịu đủ các khổ trong nhiều kiếp. Sau khi chịu khổ ở đó xong, lại bị đọa vào loài súc sinh, làm rắn độc, hổ báo, chó sói chịu khổ trong vô lượng kiếp. Nhờ nhân duyên xưa, nếu may gặp được chút duyên lành, được làm người thấp hèn, tâm đầy sân hận, diện mạo xấu xí, bị mọi người ghét bỏ, không những không kết bạn, mà thật ra, mắt cũng không muốn nhìn. Nên biết phần sân hận đều là sân khuể, não hại sinh ra.

XXII.9.9. Sân hận là nỗi khổ thứ chín

Luận *Địa trì* ghi: “Tội sân hận cũng khiến chúng sinh đọa trong ba đường ác. Nếu được sinh làm người, thì bị hai quả báo: thường bị mọi người thấy rõ chỗ hay dở của mình; thường bị mọi người não hại”.

Nên biết sân hận, não hại có năm nỗi thống khổ lớn:

[126c] 1. Sân hận, não hại bị đọa địa ngục: vì sân hận gây não hại đến các chúng sinh, nên phải chịu khổ ở địa ngục.

2. Sân hận, não hại bị đọa làm súc sinh: vì sân não không thể có lòng nhân từ khoan dung, nên sau khi ra khỏi địa ngục lại phải làm thân súc sinh.

3. Sân hận, não hại bị đọa làm ngạ quỷ: sân não từ lòng tham lam, keo kiệt sinh ra. Tội tham lam keo kiệt khiến bị làm ngạ quỷ.

4. Sân hận, não hại thường bị mọi người thấy rõ chỗ hay dở của mình: vì sân não không thể khoan dung tha thứ, nên thường bị mọi người thấy rõ chỗ hay dở của mình.

5. Sân hận, não hại thường bị mọi người não hại: vì sân hận làm não hại đến người, nên cũng bị người hại lại.

Lại nữa, người sân hận thường ôm giữ lòng tà vạy, không tin chính đạo; nay bản thân đã tà kiến lại còn ngăn cản người khác tụng kinh, nghe pháp, thì khi sống không đủ ăn, khi chết liền đọa vào những địa ngục ngu si và câm điếc, trải qua nhiều kiếp chịu các khổ não. Sau khi chịu khổ não trong địa ngục rồi, liền bị đọa vào loài súc sinh. Nghe nói đến tam bảo, tứ đế, nào có hay biết đó là điều lành; bị đánh đập giết hại, cũng chẳng phân biệt

được đây là việc ác. Ở trong loài súc sinh trong vô lượng kiếp. Nếu may gặp được chút duyên lành, được làm người thấp hèn, lại bị mù lòa, câm điếc không hề nghe thấy chẳng khác tường vách. Lời hay, tiếng tốt đều chẳng được nghe. Nên biết ngăn cản người nghe pháp đều do tà kiến sinh ra.

XXII.9.10. Tà kiến là nỗi khổ thứ mười

Luận *Địa trì* ghi: “Tội tà kiến cũng khiến chúng sinh rơi vào ba đường ác. Nếu được sinh vào loài người, thì bị hai quả báo: sinh vào nhà tà kiến và có tâm siểm nịnh”.

Nên biết tà kiến bị năm quả báo khổ lớn:

1. Tà kiến bị đọa vào địa ngục: vì từ tà kiến dẫn dắt đến tà đạo và quỷ thần, rồi chê bai Phật, pháp, tăng, không phụng thờ tam bảo; đã không kính tin phụng thờ, lại còn ngăn cản người khác đến với chính đạo, khiến họ phải gặp nhiều đau khổ, nên sau khi chết, bị rơi vào địa ngục A-tỳ.

2. Tà kiến bị đọa làm súc sinh: vì tà kiến không biết chính đạo, vì thế sau khi ra khỏi địa ngục, lại phải chịu những thống khổ trong loài súc sinh.

3. Tà kiến bị đọa làm ngạ quỷ: vì tà kiến này do tâm tham lam, keo kiệt dẫn đến, cất chứa trái đạo, không chịu buông xả; vì keo kiệt, không buông xả, nên phải bị đọa làm ngạ quỷ.

4. Tà kiến, khi được làm người lại bị sinh vào nhà tà kiến: vì tà kiến này do tâm chấp giữ tập khí, tà kiến, nên khi được làm người, bị sinh vào nhà tà kiến.

5. Tà kiến, khi được làm người, thường có tâm siểm nịnh, tà vạy: vì tà kiến có tâm không ngay thẳng, nên khi được làm người, thì thường có tâm siểm nịnh, tà vạy.

Như thế, mỗi mỗi nghiệp ác nhỏ nhiệm đều có tội lỗi vô lượng vô biên, đều bị đọa vào địa ngục, [127a] chịu nhiều nỗi thống khổ, không thể tính đếm biết được. Ở đây chỉ nói sơ lược. Nếu bỏ ác làm lành, tức là thầy ta!

Kinh *Bát sư* ghi: “Đức Phật nói về tám pháp làm thầy Phạm chí:

1. Hung bạo: giết hại mạng người và vật, hoặc bị oan gia hành hình phanh thây, hoặc bị pháp luật vua trị tội, giết cả dòng họ. Sau khi chết bị đọa địa ngục thiêu đốt, khảo tra, khổ đau chất chồng gấp vạn lần, cầu chết cũng không được. Sau khi tội khổ trong địa ngục hết, được thoát ra thì làm ngựa quỉ, hoặc làm súc sinh, bị bọn đồ tể giết mổ, lột da, bị chết trong rừng đao kiếm, thần hồn còn lảng vảng, lại tàn hại lẫn nhau. Thấy khổ báo của tội giết hại như vậy, nên ta không dám giết hại! Đó là vị thầy thứ nhất của Ta!

Đức Phật nói bài kệ:

Hung bạo, chẳng nhân từ,

Mạnh yếu tàn hại nhau,

Quá khứ gây nghiệp sát,

Kết nhiều kiếp oán thù,

Chịu tội, mạng chết yếu,

Thường lo âu gặp họa,

Vì ta sợ khổ báo,

Dem lòng từ hàng ma.

2. Trộm cướp: cưỡng đoạt tài sản của người, bị người chủ tài sản, dùng dao, gậy, ngói đá đánh ném, hoặc bị pháp luật vua bắt trời giam vào ngục. Khảo tra roi vọt năm thứ khổ độc vây quanh. Giết rồi đem bêu đầu ra nơi chợ, giết hết dòng họ. Sau khi chết bị đọa vào địa ngục, tay bùng lò lửa, miệng phun ra nước đồng sôi, cầu chết cũng không được. Sau khi chịu tội trong địa ngục xong, phải làm ngựa quỉ, khi muốn uống nước, thì nước liền hóa thành máu mủ; muốn ăn thì thức ăn liền hóa thành than lửa. Thân thường mang vác nặng, các khổ não đeo theo. Hoặc làm súc sinh, chết trong rừng đao kiếm, đem thịt mình cung cấp cho người để trả nợ đời trước. Thấy tội báo của người trộm cướp khổ như vậy, ta không dám trộm cướp. Đó là vị thầy thứ hai của Ta!

Đức Phật nói bài kệ:

*Trộm không cho mà lấy,
Đoạt tài sản nhà người,
Mất của chẳng bao nhiêu,
Lòng buồn khổ sâu hận.
Chết mang hình lục súc⁵⁵¹,
Để trả nợ đời trước,
Vì ta sợ khổ báo,
Bố thí cả quốc gia.*

3. Tà dâm: xâm phạm vợ con nhà người khác, nếu bị chồng của người đàn bà kia biết được, thì phải chịu tai họa không lường, hoặc bị dao gậy đánh đập, đầu một nơi, chân một nẻo, họa lây đến cả dòng họ. Hoặc bị pháp luật vua bắt giam vào ngục tù, tra khảo trừng trị thảm khốc. Thân gây tạo tội ác, sau khi chết bị đọa địa ngục, nằm trên giường sắt nóng, hoặc ôm cột đồng, quỷ ngục châm lửa đốt cháy thân. **[127b]** Chịu tội địa ngục hết, lại phải làm súc sinh. Nếu đời sau được làm người, thì thường dâm loạn chốn khuê phòng, xa lìa Phật pháp, không gần gũi các bậc hiền đức, thường ôm lòng lo sợ; bất an, chịu nhiều mối nguy hiểm. Thấy như vậy, nên ta không dám tà dâm. Đó là vị thầy thứ ba của Ta!

Đức Phật nói bài kệ:

*Dâm là hạnh bất tịnh,
Mê lầm mất chính đạo,
Tiêu hình, tan hôn phách,
Tồn mạng, bị chết yếu,
Phải chịu tội ngu si,*

⁵⁵¹ Lục súc 六畜: sáu loài vật nuôi trong nhà gồm bò, ngựa, dê, chó, lợn và gà.

Chết đọa vào đường ác,

Ta bố thí vợ con,

Lập chí vui sơn thủy.

4. Nói đôi chiều, ác khẩu, vọng ngữ và thêu dệt: vu không người vô tội, hủy báng tam bảo, lưỡi như búa gậy, khiến cho cửa nhà tan nát. Người này sau khi chết đọa vào địa ngục, bị quỷ thần trong ngục kéo lưỡi ra cho trâu cày bừa trên đó, hoặc rót nước đồng sôi vào miệng, lúc ấy cầu chết cũng không được. Sau khi chịu tội hết, phải làm súc sinh, thường ăn cỏ gai. Về sau nếu được làm người, thì nói không ai tin, trong miệng thường hôi hám, bị nhiều tiếng chê bai, mắng nhiếc, khi ngủ thấy ác mộng, có miệng mà không ăn được. Trong kinh Phật đã từng nêu rõ các khổ trên. Thấy như vậy, nên ta không dám ác khẩu. Đó là vị thầy thứ tư của Ta!

Đức Phật nói bài kệ:

Khinh người có bốn lỗi,

Sàm nịnh thương tổn người,

Chịu thân ngu, đui, điếc,

Câm ngọng, miệng tanh hôi,

Điên cuồng chẳng ai tin,

Chết đọa ngục Bạt Thiệt⁵⁵²,

Ta tu bốn tịnh khẩu,

Tự đạt tám âm thanh⁵⁵³.

5. Uống rượu: rượu là chất độc, là nguyên nhân chủ yếu sinh ra các tội ác. Nó hủy hoại đức nhân từ của mình quân; phá tan lòng cung kính của trung

⁵⁵² Bạt thiệt 拔舌: địa ngục kéo lưỡi cho trâu cày.

⁵⁵³ Tám âm thanh (bát âm thanh 八音聲): tiếng nói của Như Lai, là lời nói thanh tịnh hòa nhã, có tám thứ công đức thù thắng, khiến các chúng sinh nghe rồi liền hiểu ngộ. Đó là cực hảo âm; nhu nhuyễn âm; hòa thích âm; tôn huệ âm; bất nữ âm; bất ngộ âm; thâm viển âm; bất kiệt âm.

thần; tiêu diệt hết đức nghiêm từ của cha mẹ; đốt thiêu tâm hiếu đạo, khiến cháu con trở thành bạo ngược vô đạo, vợ chồng mất lòng tin với nhau, hoang dâm trụy lạc, giòng họ tranh quyền đoạt lợi, tổn hao tài sản; mất nước, hại thân, tất cả đều do rượu gây ra. Rượu gây ra hơn ba mươi lăm tội lỗi. Thấy như vậy, nên ta tuyệt đối không uống rượu. Đó là vị thầy thứ năm của Ta.

Đức Phật liền nói bài kệ:

Người say là bất hiếu,

Họa từ trong sinh khởi,

Mê hoặc bậc thanh cao,

Loạn đức, bại trình tiết,

Ta quyết không uống rượu,

Lòng từ độ quần mê,

Trí tuệ vượt tám nạn,

Tự chứng Chính Đẳng Giác.

6. Tuổi già: phải chịu nhiều nỗi khổ, đầu bạc răng long, mắt mờ,[127c] tai điếc. Sức khỏe dần dần suy yếu, mặt táp, da nhăn, trăm đốt xương đau nhức, bước đi khó nhọc, đứng ngồi rên rỉ, tâm lo buồn áo não, tinh thần chuyển dần đến hoại diệt, xoay qua trở lại liền quên hết, ngày tháng qua mau, mạng sống sắp hết. Nói đến điều này, nước mắt tuôn trào. Thấy biết vô thường, tai biến như vậy, nên ta vội tìm cầu chính đạo, không còn ham muốn điều gì cả. Đó là vị thầy thứ sáu của Ta!

Đức Phật liền nói bài kệ:

Ta nghĩ đời vô thường,

Người sinh ắt phải già,

*Thịnh qua suy lại đến,
Hình khô gầy, đầu bạc,
Mệt mỏi trăm bệnh sinh,
Đứng ngồi đau thống khổ,
Ta lo sợ điều ấy,
Nên bỏ nước, cầu đạo!*

7. Bệnh gầy yếu: thân hình khi bệnh thì thật hao mòn dần, chỉ còn tro xương, trăm đốt xương đều đau nhức, giống như bị gậy đánh. Tứ đại⁵⁵⁴ tăng giảm không đồng đều, tay chân rã rời, khí lực cạn kiệt, ngồi đứng phải nhờ người dìu đỡ, môi miệng khô khan, gân cốt nhức buốt, mũi dãi chảy ra. Mắt không còn nhìn thấy cảnh, tai không còn nghe rõ tiếng, thân thể tiết ra mồ hôi lạnh, nằm liệt trên giường, lòng ôm bao nỗi thống khổ, than thở bi ai. Nay quán sát đời người, khi còn trẻ tuổi thì sức lực cường tráng, nhan sắc hồng hào, đến lúc phúc hết tội dồn về, vô thường biến đổi trăm bề. Thấy nỗi thống khổ của bệnh hoạn như vậy, nên ta đi cầu đạo, không tham đắm dục thế gian này nữa. Đó là vị thầy thứ bảy của Ta!

Phật liền nói bài kệ:

*Nghĩ người lúc già yếu,
Trăm bệnh đồng thời sinh,
Nước cạn, lửa lây lưng,
Gió đao vây khắp mình,
Xương gân mạch rã rời,
Mạng lớn cũng suy sụp,*

⁵⁵⁴ Tứ đại 四大: đất, nước, gió, lửa tạo thành thân người. Thịt thuộc về đất, máu thuộc về nước, hơi thở thuộc về gió, hơi ấm thuộc về lửa.

Ta lo sợ bệnh yếu,

Nguyện cầu đạo Vô sinh!

8. Người chết: lúc sắp chết có bốn trăm lẻ bốn thứ bệnh đồng thời phát tác, thân tứ đại sắp tan rã, thân hồn bất an. Phong đại hết chuyển động thì hơi thở dứt; Hỏa đại diệt thì thân lạnh dần. Phong đại hết trước, kế đến là hỏa đại. Lúc ấy thân hồn lìa khỏi xác, thân thể cứng đờ, không còn biết gì nữa. Trong khoảng một tuần, thịt vữa nát, máu chảy ra, sinh trướng nhuễn như hôi thối, không còn nguyên vẹn. Trong thân có sâu dòi đục khoét, ăn hết thịt, chỉ còn lại bộ xương trắng, gân mạch cũng nát như, các lóng xương bắt đầu tan rã từng đốt, đầu lâu xương đù, mỗi thứ nằm rải rác một nơi. Các loài chim muông đến tranh nhau ăn thây chết. Tất cả trời, rồng, quỷ, thần, vua chúa, thứ dân, nghèo giàu, sang hèn không một ai tránh khỏi hoạn nạn này. Thấy sự vô thường biến đổi của thân như vậy, nên ta đi cầu đạo, không tham đắm dục lạc nữa. Đó là vị thầy thứ tám của Ta!

Đức Phật liền nói bài kệ:

Nghĩ đến già, bệnh, chết,

Nạn lớn trong ba cõi,

[128a] *Phúc hết, thân mạng chung,*

Vứt vào bãi tha ma,

Thân mục trả về đất,

Hồn phách theo nhân duyên,

Ta lo sợ như vậy,

Nên cầu đạo Niết-bàn!

Nghe Đức Phật giảng như thế, tâm Phạm chí liền rộng mở, chứng quả Tu-đà-hàm, đình lễ Phật cầu thụ giới, làm cư sĩ, không sát sinh, không trộm cướp, không tà dâm, không khinh khi, lo phụng thờ cha mẹ, không say rượu. Bây giờ, lòng Phạm chí vô cùng hoan hỷ đình lễ Đức Phật rồi lui ra!

Sách ghi: “Năm sắc khiến người ta mù mắt; năm âm thanh khiến người ta điếc tai; năm mùi vị khiến người ta tê lưỡi; giận dữ tổn âm; quá vui thì hại dương; sắc đẹp bên ngoài là búa chém đứt bản tính; mùi vị ngon là chất độc làm mục nát thân. Người ngộ được ý chỉ này, đó là bậc đại sư!”

Kệ tụng:

Tâm cảnh gá nương nhau,

Nghiệp dẫn kết trói buộc,

Thức thứ bảy phát khởi,

Thức thứ tám gây nhân,

Thụ khổ trong ba cõi,

Trôi lăn khắp sáu đường,

Nơi nơi đã tạo nghiệp,

Chón chón kết liền nhau,

Khiến năm ám mỗi mết,

Chín ách nạn⁵⁵⁵ dày vò.

Nếu chẳng phải Đại Từ,

Tuệ nào chiếu sáng tâm,

Hữu tình đều thấm nhuận,

Tỏ ngộ đến bến huyền⁵⁵⁶,

Phóng ra thì lợi vật,

Cuộn lại tức tích ân.

Diệu Tuyên-Đức Thuận dịch

⁵⁵⁵ Chín ách nạn (cửu não 九惱): chín tai nạn mà Đức Phật Thích-ca-sau khi thành đạo phải chịu, do nhân ác đời quá khứ còn sót lại.

⁵⁵⁶ Bến huyền (huyền tân 玄津): quá vị Phật.

CHỮ KINH YẾU TẬP

QUYỂN 14

XXIII. MƯỜI VIỆC ÁC

Gồm mười phần: Sát sinh, Trộm cướp, Tà dâm, Nói dối, Nói lời hung ác, Nói lời đê tiện, Nói thêu dệt, Tham lam, Giận dữ, Nhận thức sai lầm.

XXIII.1. Sát sinh

Thụ thân trong sáu nẻo⁵⁵⁷, loài nào cũng tham sống; nhận hình của trời đất thì tất cả đều sợ chết. Mặc dù, chúng sinh sinh lên thác xuống trong muôn loài; trí, ngu đổi thay nghìn mối, nhưng cuối cùng cũng không ngoài hai việc lánh khổ cầu vui. **[128b]** Điều này có gì lạ!

Vì thế, con chim do sợ hãi lao xuống bàn, cầu xin vua Ngụy⁵⁵⁸ tha mạng. Con thú cùng đường chạy vào nhà tranh mong được họ Âu cứu sống. Hán vương cung cấp thức ăn mà được đền đáp bằng minh châu⁵⁵⁹. Dương Bảo cúng hoa mà được báo đáp vòng ngọc⁵⁶⁰. Thậm chí, một vị sa-di cứu đàn kiến giữa dòng nước chảy mà được phúc báo tuổi thọ kéo dài. Người tạo dòng nước cứu đàn cá lại được đáp trả trời mưa trên bảo⁵⁶¹... Những việc tương tự như vậy, đâu thể kể hết!

Như thế đâu thể buông lung giết hại chúng sinh để dưỡng thân mình, làm cho các loài phải chịu khổ, ôm hận mà chết? Đến nỗi, đất tuy rộng thênh thang, nhưng chúng không có chỗ để trốn tránh, trời dù cao lồng lộng mà chẳng biết cùng ai giải bày.

Thế nên, kinh ghi: “Tất cả chúng sinh đều sợ dao, gậy và tham tiếc sự sống. Do đó, tha thứ cho chúng sinh là như tha thứ chính mình, chớ giết, chớ đánh”. Kẻ phạm phu điên đảo, nhận thức sai lầm nên có người hoặc vì việc tốt, việc xấu, việc riêng, việc chung hay vì cúng tế, đãi khách mà phải nhóm bếp nôi lửa, cắt nấu các loài vật để làm thức ăn. Hoặc có người một

⁵⁵⁷ Sáu nẻo (lục đạo 六道): theo đạo Phật, chúng sinh tùy theo nghiệp thiện hay ác của mình mà luân chuyển trong sáu đường như trời, người, a-tu-la, ngạ quỷ, súc sinh, địa ngục.

⁵⁵⁸ Vua Ngụy (ngụy quân 魏君): tức Ngụy Văn Hầu, vị vua khai quốc vào thời Chiến quốc.

⁵⁵⁹ Minh châu 明珠: viên ngọc sáng.

⁵⁶⁰ Vòng ngọc (bạch hoàn 白環): vòng ngọc màu trắng.

⁵⁶¹ Trân bảo 珍寶: chỉ chung cho ngọc ngà, đá quý.

tháng trọn năm công tư rảnh rỗi, buổi sáng mờ mịt sương rơi, đến ban trưa hùng hực nắng cháy; họ cưỡi con ngựa truy phong, thả con chim ưng bay nhanh như điện chớp; cầm cây kiếm cự khuyết⁵⁶², can tương⁵⁶³; mang cây cung ô hiệu⁵⁶⁴, phồn nhược⁵⁶⁵, bắt hết các loài nơi ao đầm, bắn trọn chim non nơi rừng núi, phá nát tổ chim, đào bới hang thú, giăng lưới đầy đồng khắp núi, rồi phía trước ngăn, phía sau chặn, bên trái đón, bên phải vây. Vô ngựa tung bụi mù che khuất mặt trời, hun khói lửa mù mịt bốc đến tận mây; làm cho chim lạc đàn bay tán loạn, thú rời bầy chạy thoát thân; chim nhận đang bay nghe tiếng dây cung khiếp vía sa thân, đàn vượn ôm cây hú lên ai oán. Tất cả bị dồn vào hang hiểm mà kêu gào thảm thiết, trọn nhìn rừng xanh mà cất tiếng kêu tuyệt vọng.

Thế là, cung chẳng uông bụng, tên chẳng sai đích. Sau đó xỏ lưng, khâu ngực, chặt đầu khoét óc. Hoặc có kẻ buông câu nước đục, quăng mồi vào đầm lầy, hay câu cá chép ở bên sông, bắn cá diếc nơi ao giếng. Một khi, vẫy hồng đã treo lên thì mãi mãi không còn khả năng truyền tin⁵⁶⁶; thịt trắng đã mọc thì vĩnh viễn mất điềm lọt vào thuyền, bằm nát thịt xương đưa vào mâm mà phân tán. Hoặc vì bộ tộc Hiểm Duẫn⁵⁶⁷ tà ác nên phải ra tay đánh dẹp; do quân giặc nhiễu loạn biên cương mà phải nhờ đến uy vũ. Dù là bậc vua hiền, nhưng vẫn khởi chiến tranh, là đáng minh quân mà còn phải chinh phạt. Vì thế, nhờ chiến dịch bay lên núi Nhi⁵⁶⁸ mới được nổi tiếng, đại thắng nơi Mục Dã⁵⁶⁹ mà được khen là đức cao. Trong những người đó, có kẻ mang trăm vạn quân binh tung hoành ngang dọc; có người đưa năm nghìn quân mà âm thầm tiến đánh phá quân Tào Tháo ở trận Xích Bích⁵⁷⁰; đánh bại Hạng đế tại Ô Giang⁵⁷¹, bêu đầu Vương Mãng⁵⁷² trên đài

⁵⁶² Cự khuyết 巨闕: tên của một thanh kiếm thời xưa.

⁵⁶³ Can tương 干將: tên một thanh kiếm. Vào thời Xuân Thu, thời nhà Ngô có người đúc kiếm rất giỏi, tên là Can Tương, nên người ta lấy tên ông đặt cho tên kiếm.

⁵⁶⁴ Ô hiệu 烏號: cây cung. Thuở xưa có một loại cây tên là cây tang, cây chát rất cứng chắc, chim đậu trên đó, mỗi khi sắp bay, cành cây nhún xuống, nhưng không gãy, người ta thường chặt cành cây này để làm cung. Nhân đó gọi là cung ô hiệu.

⁵⁶⁵ Phồn nhược 繁弱: tên của một cây cung tốt thời xưa.

⁵⁶⁶ Truyền tin (nguyên âm: đài tín 待信): chờ đợi tin tức một người nào, hay một việc gì.

⁵⁶⁷ Hiểm Duẫn 獫狁: tên của một dân tộc ít người ở phương bắc thời cổ đại nước Trung Quốc.

⁵⁶⁸ Nhi 隰: tên một ngọn núi thời cổ, nay thuộc huyện Vĩnh Tề, tỉnh Sơn Tây, Trung Quốc.

⁵⁶⁹ Mục Dã 牧野: là nơi nhà Thương và đồng minh nhà Chu đánh nhau vào năm 1045 trước CN. Nhân lúc chính trị nhà Thương rối loạn, nhà Chu và một số đồng minh tiến đánh tiêu diệt. Họ đánh thắng và bắt giết vua nhà Thương ở trận Mục Dã.

⁵⁷⁰ Xích Bích 赤壁: là một trận đánh lịch sử thời Tam Quốc, một trận đấu có sự quyết định đến vận mệnh của cả hai nước Đông Ngô và Tây Thục.

⁵⁷¹ Ô Giang 烏江: tên một con sông ở phía đông bắc huyện Hòa, tỉnh An Huy, Trung Quốc. Hạng Vũ đóng quân ở Cai Hạ, bị quân Hán bao vây, ông khăng khái hát một bài ca, rồi nhảy xuống sông tự vận.

cao, ném thây Đổng Trác⁵⁷³ nơi đô thị. Tất cả đều là bậc anh hùng, [128c] một thời uy vũ. Những người như thế nhiều không thể ghi chép hết, nhưng họ cùng tạo nghiệp xương chát thành núi, máu chảy thành sông.

Nay quân triều đình khí thế như sấm, ra uy quyết sạch phản nghịch, bày binh bố trận gìn giữ biên cương. Đã dự quân tiên phong, lại tham gia quân đoạn hậu. Dưới vãn kỳ⁵⁷⁴ đâu dám tự an, trước đao bén, thật lắm nguy hiểm. Vì thế, bao kẻ phải khấu đầu trước mũi gươm, xin tha mạng dưới ngọn giáo. Những tội như thế không thể nói hết. Chúng sinh xâm hại lẫn nhau, hoặc là do oán thù, hoặc là do hiềm khích, hoặc là vì tạo nhân yếu thọ, nên phải chuốc lấy quả báo bệnh nhiều... Xin nguyện từ nay, mãi mãi đoạn tuyệt, cho đến vị lai cùng là quyến thuộc bồ-đề, chẳng hoại duyên lành, tất cả trở thành bạn pháp.

Kinh *Chính pháp niệm* ghi: “Thế nào là không giết hại? Nếu trong ngũ cốc như lúa, đậu, sinh côn trùng nhỏ nhít thì không được xay, không được giã. Biết trong đó có côn trùng, phải bảo vệ, không được giao cho người khác, cũng không được giết chúng. Hoặc trâu, ngựa, lừa, lạc đà vì chuyên chở nên trên cổ, lưng bị lở loét sinh trùng, lúc tẩy rửa vết thương không được dùng thuốc để giết chúng trùng ghẻ mà trước nên dùng lông chim bắt lấy rồi đặt chúng trong một miếng thịt thối khác, để chúng không bị chết. Như vậy, vừa bảo vệ cho trâu, lừa... mạnh khoẻ lại vừa giữ được sinh mạng các loài trùng kiến. Phải luôn luôn cẩn thận, chớ khởi tâm giết hại. Nếu chúng sinh muốn ăn thịt côn trùng, phải đem thức ăn của mình đổi mạng chúng, để chúng được toàn mạng”.

Kinh *Tỳ-nại-da* ghi: “Xưa Đức Phật còn tại thế, trong nước Xá-vệ có một bà-la-môn, thường cúng dường tì-kheo Ca-lưu-đà-di đã chứng A-la-hán. Bà-la-môn ấy chỉ có một người con và đã lập gia đình. Lúc sắp chết, bà-la-môn dặn con: ‘Sau khi ta chết, con phải kính trọng cúng dường tôn giả Ca-lưu-đà-di như ta ngày nay, chớ để ngài thiếu thốn’.

⁵⁷² Vương Mãng 王莽(45BC-23CN): Vương Mãng tự là Cự Quân, người thành Nguyên, là Đại tư mã, phò tá Bình đế nhà Hán. Đến năm Ất Sửu niên hiệu Khai Thi thứ 5, Bình đế băng, Mãng lập cháu bốn đời của Tuyên đế lên ngôi hiệu là Nhụ Tử, Mãng làm thừa tướng ba năm, đến năm thứ 17, Mãng bị cháu bảy đời của Cảnh đế tên là Lưu Huyền tự là Thánh Công giết.

⁵⁷³ Đổng Trác 董卓: một vị quan nổi tiếng trong lịch sử Trung Quốc, sống cuối thời Đông Hán, đầu thời Tam Quốc. Đổng Trác tên chữ là Trọng Dĩnh, người huyện Lâm Thao, quận Lũng Tây (nay là huyện Mân, tỉnh Cam Túc).

⁵⁷⁴ Vãn kỳ 雲旗: lá cờ lớn có vẽ các đồ hình gấu và cọp.

Cha mẹ qua đời, người con vâng theo lời cha mẹ dặn, cúng dường tôn giả Ca-lưu-đà-di như khi cha mẹ còn sống.

Một hôm, người con có việc đi xa nhà, ông dặn vợ ở nhà cúng dường cho Ca-lưu-đà-di. Ngày ấy lại có năm trăm tên cướp đến, trong số đó có một tên cướp tướng mạo khôi ngô, người vợ từ xa trông thấy tên cướp này, liền sai người gọi đến rồi tư thông với hắn. Tôn giả Ca-lưu-đà-di nhiều lần đến bắt gặp họ quan hệ bất chính. Sợ tôn giả tiết lộ việc này ra ngoài nên người vợ của con bà-la-môn cùng với tên cướp lập mưu giết tôn giả. Vì nhớ thương tôn giả, vua Ba-tư-nặc nghe tin Ca-lưu-đà-di bị giặc cướp giết, nên nổi giận, [129a] ra lệnh giết cả nhà bà-la-môn và hơn mười tám nhà xung quanh; bắt năm trăm tên cướp, chặt đầu, chặt chân ném xuống rãnh.

Các vị tì-kheo thấy vậy trở về bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Ca-lưu-đà-di xưa đã tạo nghiệp ác gì mà nay bị vợ của bà-la-môn kia giết hại?

Đức Phật bảo các tì-kheo:

- Vào thuở xưa, Ca-lưu-đà-di là vị chủ miếu thờ trời. Bấy giờ, có năm trăm người khiên một con dê đã chặt bốn chân đến tế trời và cùng nhau khẩn nguyện, vị chủ miếu liền giết con dê ấy. Vì ông ta giết dê nên đọa vào địa ngục, chịu khổ vô lượng. Vị chủ miếu thuở xưa, nay chính là Ca-lưu-đà-di, tuy tôn giả đã chứng quả A-la-hán nhưng do ác nghiệp đời trước chưa hết nên nay phải chịu quả báo này. Con dê lúc ấy, nay chính là người vợ của vị bà-la-môn; năm trăm người chặt chân dê khi xưa, nay là năm trăm tên cướp bị vua chặt chân.

Đức Phật bảo các tì-kheo:

- Nếu người giết hại sẽ bị quả báo, không bao giờ mất”.

Kinh *Hiền ngu* ghi: “Xưa Phật còn tại thế, trong thành Xá-vệ có một trưởng giả tên là Lưu-kì-di. Ông có bảy người con, tất cả đều đã lập gia đình. Vợ của người con út tên Tì-xá-li, bà là người có đủ tài đức và thông thạo mọi việc. Lưu-kì-di đem cả gia nghiệp của mình giao phó cho con

dâu. Do có tài đức nên Tì-xá-li được vua Ba-tư-nặc ái mộ và cùng nàng kết nghĩa anh em.

Sau đó, nàng mang thai, đến ngày khai hoa nở nhụy thì sinh ra ba mươi hai trứng, mỗi một trứng nở ra một người con trai. Lớn lên những người con của nàng tướng mạo xinh đẹp, sức mạnh phi thường, một mình có thể địch cả nghìn người. Khi đến tuổi lập gia thất, họ đều cưới con gái của gia đình hiền lương, giàu sang trong nước.

Một hôm, Tì-xá-li thỉnh Phật và chúng tăng về nhà cúng dường. Sau khi nghe Đức Phật thuyết pháp, cả nhà đều chứng quả Tu-đà-hoàn, chỉ còn người con út vẫn chưa chứng đắc.

Ngày nọ, người con út cưới voi dạo chơi, gặp con của thừa tướng đang đi trên cầu, nó liền bắt lấy người ấy ném xuống dưới cầu khiến toàn thân bị thương tích. Người con thừa tướng trở về báo với cha, thừa tướng nói với con: “Người này không những cường tráng, lại kết thân với vua, chúng ta khó dùng sức thắng được họ, phải dùng mưu để báo thù”.

Ông liền lấy bảy báu làm ba mươi hai cái roi ngựa, lại dùng thép rèn thành dao bén lồng vào trong roi rồi tặng cho ba mươi hai người con của Tì-xá-li mỗi người một chiếc roi. Con của nàng đều rất thích, vui vẻ đón nhận mà không chút nghi ngờ. Họ thường mang bên mình kẻ cả mỗi khi ra vào châu vua.

Theo phép nước, người đến gặp vua, không được mang theo vũ khí. Vốn đã lập mưu, nay cơ hội đã đến, thừa tướng thấy họ cầm roi, liền sàm tấu với vua:

- Tâu bệ hạ! Những người con của Tỳ-xá-li, tuổi vừa thành niên, lại cường tráng, một người địch lại nghìn người. Nay họ lại mưu tính ám sát vua nên mỗi người đều cầm đao dẫu trong roi ngựa, xin vua xác minh.

Vua liền sai người khám xét, quả đúng như lời khai báo. Tin là thật, vua ra lệnh giết tất cả người con của Tì-xá-li rồi [129b] sai đem ba mươi hai cái đầu đặt vào một trong thùng, niêm phong, đóng dấu của vua mang tặng cho người em kết nghĩa.

Cùng ngày hôm ấy, Tỳ-xá-li thỉnh Đức Phật và chúng tăng về nhà để cúng dường, thấy vua đem tặng một thùng, bà thầm nghĩ: ‘Có lẽ nhà vua ban cho đồ cúng dường Đức Phật và chúng tăng’. Nghĩ vậy, bà định mở xem nhưng Phật ngăn lại và bảo:

- Hãy đợi chúng tăng thọ thực xong rồi mở.

Thọ thực xong, Đức Phật thuyết pháp về khổ, vô thường v.v... cho Tỳ-xá-li khiến bà chứng quả A-na-hàm.

Sau khi Đức Phật ra về, Tỳ-xá-ly mở thùng ra xem thì thấy ba mươi hai cái đầu con của mình, nhưng nhờ đã đoạn ái dục, nên bà không còn sầu não mà chỉ than: ‘Đau đớn thay! Con người sinh ra rồi phải chết đâu được sống mãi, trôi nổi trong năm đường, khổ như thế sao?’.

Vợ của ba mươi hai chàng trai cùng họ hàng thân thích biết được việc này đều cảm phẫn thét: ‘Vua vô đạo làm giết người lương thiện’. Thế rồi, họ tập hợp binh mã kéo đến báo thù. Vua hay tin hoảng sợ chạy đến chỗ Phật, họ lại đem binh bao vây tinh xá Kỳ-hoàn.

A-nan thấy vua giết ba mươi hai người con của Tỳ-xá-li, khiến cho họ hàng thân thích của họ kéo đến báo thù liền chấp tay bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn! Vì nhân duyên gì, ba mươi hai người con của Tỳ-xá-li bị vua giết?

Đức Phật bảo A-nan:

- Vào thời quá khứ, có ba mươi hai người trộm một con trâu rồi dẫn đến nhà một bà lão cùng nhau giết ăn, bà lão vui vẻ mang dụng cụ ra để giết. Khi sắp hạ dao, con trâu quỳ xuống xin tha mạng, nhưng mọi người quyết định giết. Trâu liền thề: ‘Các người nay giết ta, đời sau ta sẽ không tha cho các người’.

Họ giết rồi cùng nhau nấu ăn. Bà lão ăn no nê, vui vẻ nói: ‘Từ trước tới nay ta đi ăn cỗ, chưa có khi nào ăn ngon như hôm nay’.

Đức Phật bảo A-nan:

- Con trâu lúc ấy, nay là vua Ba-tư-nặc. Những người trộm trâu, nay chính là ba mươi hai người con của Tì-xá-li. Bà lão thuở nọ nay là Tì-xá-li. Vì giết trâu nên những người này trong năm trăm đời thường bị người giết. Vì vui theo nên trong năm trăm đời bà lão thường làm mẹ của những người kia và khi con bị giết lòng mẹ đau buồn vô hạn. Nay người mẹ ấy nhờ gặp được Ta, nên chứng quả A-na-hàm.

Vợ và người thân của ba mươi hai người kia nghe Đức Phật nói như thế, trong lòng không còn oán hận, mỗi người tự nói: ‘Những người này, do đời trước gieo nhân, nay phải gặt quả. Vì giết một con trâu, mà nay phải chịu quả báo như thế, huống gì giết nhiều sinh mạng. Ba-tư-nặc là vua của chúng ta, vì sao chúng ta lại oán giận muốn giết ngài?’.

Thế rồi, họ liền quỳ trước vua xin ăn năn xin chịu tội. Qua câu chuyện vua cũng vui vẻ bỏ qua, không bắt tội.

A-nan bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn! Những người con của bà Tỳ-xá-li nhờ tu phúc lành gì mà nay được khoẻ mạnh giàu sang lại được gặp Phật và chứng quả?

Đức Phật dạy:

- Quá khứ, thời Phật Ca-diếp có một bà lão, dùng các loại hương hòa với dầu rồi đem đi sơn tháp. Trên đường đi, bà gặp ba mươi hai người, bà khuyên họ cùng đến sơn tháp.[129c] Sơn tháp xong, họ đồng phát nguyện: ‘Nguyện chúng tôi đời đời sinh ra nơi nào cũng được giàu sang quyền quý, thường làm mẹ con với nhau và được gặp Đức Phật đấng đạo’. Vì thế, từ đó đến nay trải qua năm trăm đời họ thường sinh vào dòng dõi tôn quý, luôn luôn làm mẹ con với nhau. Ngày nay gặp Đức Phật, họ đều chứng đắc đạo quả”.

Bài kệ về chính báo:

Giết vật lòng dạ vui,

Vào ngục sâu than khóc,

Nước dơ rưới xuống thân,

*Đông sôi rót vào miệng,
Núi dao hằm lửa lớn,
Phanh thây xương thịt tan,
Triệu năm vạn mối sầu,
Đau lòng không kể hết.*

Bài kệ về tập báo:

*Sát sinh đọa bốn đường⁵⁷⁵,
Chịu khổ ba nẻo ác,
Rồi được sinh làm người,
Ôm đau lại yếu số,
Tật bệnh nhiều khôn khổ,
Mạng sống rất mong manh,
Nếu là người có trí,
Chớ buông lung giết hại.*

XXIII.2. Trộm cướp tài vật

Chúng sinh thụ thân trong sáu đường đều lấy tham dục làm nguồn; nhận khí chất âm dương thủy do luyện ái làm gốc. Tuy người và vật không đồng, nhưng sự tham tiếc chẳng khác. Thế nên, gặp của cải mà lấy một cách bất chính thì chẳng phải là hiền nhân; kẻ thấy lợi quên nghĩa chẳng thành người quân tử.

Vả lại, tiền tài, vàng ngọc, vải lụa, vật cần dùng của người đời; phan, lọng, hoa, quả là vật cúng cho tăng chúng. Mình dù nghèo cùng lẽ ra cũng nên

⁵⁷⁵ Bốn đường (tứ thú 四趣): bốn nơi khổ não mà chúng sinh tạo nghiệp ác phải sinh về. Đó là a-tu-la, súc sinh, nga qui, địa ngục.

vui theo sự giàu sang của người, đâu vì mình nghèo mà tham muốn đoạt lấy của người khác? Điều-đạt hái hoa, nhân đó mà đọa lạc. Kiêu-phạm ngắt lúa trở lại làm thân trâu. Ca-diếp xin bánh bị người chê cười. Tì-kheo gửi hương hoa, bị thần giữ hồ quở trách. Vì vậy ta nên biết tội trộm cướp rất nặng.

Thế nên, có người ban ngày không có chỗ ăn, ban đêm không có nơi ngủ; sống lây lất như chim đậu, nai dưng, thân hình lỏa lồ co cuộn, ngủ bên lề đường, xin ăn từng nhà. Đến nổi, mẹ phải theo chim giá cô đi về hướng nam; con thì theo ngựa hồ ngược lên phương bắc. Chồng như bóng mặt trời ngã về tây, vợ tựa dòng sông chảy xiết về đông. Họ đều nghĩ đến quê xưa mà lòng đau như đứt ruột, nhớ nơi sinh cất tiếng kêu gào; lệ chảy khiến thành lệ máu, tâm uất ức đọng nơi bờ mi.

Những khổ như thế đều do đời trước không biết bố thí, lại do trộm cướp mà ra. Cho nên kinh ghi: Muốn biết nhân quả khứ, nên xem quả hiện tại; muốn biết quả vị lai thì xét nhân hiện tại. [130a] Do đó, khuyên những người tu hành thường phải tự răn dè dặt khởi tâm trộm cướp, cho đến của roi cũng không tham đắm, huống gì lấy vật của người khác. Trộm cướp có trường hợp:

XXIII.2.1. Trộm vật cúng Phật

Như kinh *Niết-bàn* ghi: “Xây chùa, thờ Phật, cúng dường tràng hoa, người chưa xin mà vội lấy, dù có người biết hay chẳng biết, người lấy đều mắc tội trộm cướp”.

Luận *Tỳ-nại-da* ghi: “Nếu trộm phướn, hoa trong tháp của thanh văn và Phật đều bị tội nặng, vì làm mất phúc của thí chủ”.

Luật *Thập tụng* ghi: “Nếu trộm vật trong tháp thờ Phật, đồ cúng dường trong tinh xá có người giữ thì phạm tội nặng”.

Như trong luật *Thập tụng* thuật chuyện một người trộm xá-lợi; luận *Tát-bà-đa* nói về việc có người trộm tượng Phật. Trong hai trường hợp, người trộm có lòng thành phụng thờ, cúng dường. Người ấy nghĩ: “Họ là đệ tử, ta cũng là đệ tử”. Người như vậy, tuy không xin mà lấy, nhưng chỉ vì muốn

cúng dường nên không phạm tội (*Trường hợp này thí chủ thông cảm cho người trộm thì không phạm tội, nếu không thông cảm thì phạm tội nặng*).

Luận *Ma-đức-lặc-già* ghi: “Nếu trộm xá-lợi, tượng Phật đem bán để sinh sống thì phạm tội rất nặng” (*Pháp vật này, căn cứ theo Phật mới biết, nên văn sau của luật Tứ phần có dẫn câu chuyện: “Bấy giờ, có người trộm quyển kinh của người khác, Phật dạy: Lời của Phật là vô giá, nên căn cứ giấy mực, tính đủ năm tiền thì phạm tội nặng”*)

XXIII.2.2. Trộm vật của tăng

Luật *Ngũ phần* ghi: “Mượn vật của tăng mà không trả lại, tính theo giá trị của vật ấy mà định tội”.

Kinh *Quán Phật tam-muội* ghi: “Trộm tăng man vật⁵⁷⁶, tội còn nặng hơn giết hại tám vạn bốn nghìn cha mẹ”.

Kinh *Bảo lương* ghi: “Thà ăn thịt mình, nhất định không được dùng vật của tam bảo”.

Kinh *Phương đẳng* ghi: “Bồ-tát Hoa Tụ nói: ‘Năm tội nghịch⁵⁷⁷ và bốn tội nặng⁵⁷⁸ ta còn có thể cứu, tội trộm vật của tăng ta không thể cứu’”.

Phẩm *Tế long* kinh *Đại tập* ghi: “Khi ấy, có những con rồng đạt được túc mệnh thông, chúng nhớ lại nghiệp quá khứ của mình buồn khóc như mưa, đi đến trước Đức Phật, mỗi con tự thưa:

- Nhớ đời quá khứ, con làm người, có nhân duyên gần gũi Phật pháp, lại được nghe pháp, có lòng tin, phát tâm cúng dường nhiều hoa quả, thức ăn uống rồi cùng với các tì-kheo tuần tự ăn.

Con rồng khác nói:

- Con từng ăn những thức ăn uống và hoa quả của tăng bốn phương.

Lại có con rồng nói:

⁵⁷⁶ Tăng-man vật 僧鬘物: chỉ cho vật cúng trực tiếp. Xưa cho “tăng-man vật” là hoa quả.

⁵⁷⁷ Năm tội nghịch (ngũ nghịch 五逆): giết cha, giết mẹ, giết a-la-hán, làm thân Phật ra máu, phá hòa hợp tăng.

⁵⁷⁸ Bốn tội nặng (tứ trọng 四重): sát sinh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ.

- Con đã đến chùa, cúng dường và lễ bái chúng tăng. Do cúng dường như thế từ thời bảy Đức Phật tới nay, con đã từng làm người có lòng tin, cúng dường tam bảo các thứ hoa quả, nhiều thức ăn uống. Các tì-kheo nhận rồi cho lại, con liền ăn. Do nghiệp duyên đó, con phải ở trong địa ngục trải qua vô lượng kiếp, bị thiêu đốt, nung nấu trên ngọn lửa dữ hoặc uống nước đồng sôi hay ngâm hoàn sắt nóng. Khi ra khỏi địa ngục, con lại sinh vào loài súc sinh; bỏ thân súc sinh sinh vào loài ngựa quỉ. Cứ như thế, chúng con chịu rất nhiều đắng cay.

[130b] Đức Phật bảo:

- Những nghiệp ác như thế giống với việc trộm vật cúng Phật. Tội của nghiệp ngũ nghịch chỉ bằng một nửa tội này. Quả báo của tội này rất khó thoát. Trong kiếp Hiền⁵⁷⁹, kẻ ấy gặp vị Phật cuối cùng hiệu là Lô-chí, mới hết tội này.

Hỏi: Vì sao trộm và dùng vật của tăng bị tội rất nặng?

Đáp: Trộm bất kỳ vật nào của tăng đều liên quan tới thánh, phạm mười phương, trên từ chư Phật, dưới đến phạm tăng. Vì cảnh giới vô biên nên tội cũng vô biên. Vì trần còn có thể đếm biết, quả báo của người mắc tội này không thể suy lường. Vì sao? Vì thí chủ kia đã bỏ ra một chút phẩm vật, dù nhỏ bằng sợi lông, một hạt gạo để cúng dường các bậc phạm, thánh xuất gia trong mười phương để quý ngài thụ dụng, ngày đêm tu đạo, chứ không cung cấp cho người thế tục. Vì thế, khi nghe tiếng chuông vang lên chư tăng gần xa cùng thụ thực; phạm, thánh thụ dụng đều thành đạo nghiệp, thậm giúp cho thí chủ được lợi ích vô biên. Cảm phúc đã nhiều thì thụ tội cũng không ít. Nay thấy chúng sinh mê mờ lầm lạc không phân biệt sang hèn, đều không tin tam bảo. Có người tham vật cúng dường, đem làm vật của riêng mình, dùng thức ăn, hoa quả, cưới các súc vật, dụng nô bộc của tăng; mượn vật của tăng lâu ngày không trả, bị tăng đòi nhiều lần thì trở lại mắng chửi; ý quan quyền, cậy thế lực, xét tìm lỗi của chúng tăng... Các việc làm hại tăng như thế khó mà liệt kê cho hết. Tĩnh tâm nghĩ đến lỗi này, sao chẳng đau lòng!

⁵⁷⁹ Kiếp Hiền (Hiền kiếp 賢劫): trong kì kiếp này, có rất nhiều vị thánh, hiện ra đời. Vì vậy nên gọi là kiếp Hiền.

Nay chur tăng chẳng cho người, không phải là keo kiệt, không có nhân ái mà vì từ bi thương xót hàng bạch y, lo sợ họ nhận lãnh rồi phải chịu khổ. Nếu đem vật của tăng cho người, chẳng những trực tiếp làm tổn hại người thế tục mà vị trí sự cũng mang tội; cả hai đều phải chịu quả khổ ở đời sau. Cho nên kinh *Phật bản hạnh* ghi là một niệm ác có thể đưa đến năm điều chẳng lành:

1. Thiêu cháy căn lành của con người.
2. Phát sinh niệm ác khác.
3. Bị thánh nhân quở trách.
4. Đạo quả bị lui sụt.
5. Khi chết sinh vào nẻo ác.

Đã biết quả báo của tội trộm không thể nào thay đổi, nên tôi thành thật khuyên răn mọi người, sau này lấy dùng vật của chúng tăng cần phải xét mình.

XXIII.2.3. Trộm và sử dụng vật lẫn lộn

Kinh *Bảo án* ghi: “Vật thuộc về Phật và pháp không được sử dụng lẫn lộn. Vì không ai có thể làm chủ vật của Phật và pháp, cũng không có người để thừa hỏi. Vật của Phật và pháp không giống với vật của tăng, vật của tăng thường trụ và tăng chiêu-đề⁵⁸⁰ đều có người để thừa hỏi.

Nếu dùng vật của tăng để tu sửa tháp Phật thì phải như pháp đã quy định, tăng đồng ý mới được lấy dụng. Nếu tăng không chấp nhận thì khuyên khích người tại gia tu sửa. Nếu tháp Phật có vật dụng, hoặc có từ một tiền trở lên do thí chủ thành tâm cúng dường, chur thiên và mọi người phải nghĩ những vật ấy thuộc về Phật và pháp,[130c] dù cho gió thổi, hư hoại cũng không được đem bán đổi lấy vật cúng dường. Vì vật thuộc về tháp Như-lai không ai có thể định giá”.

⁵⁸⁰ Chiêu-đề tăng 招提僧 (S: catur-diśa): những vị tăng nay đây mai đó, hoằng hóa bốn phương không ở một nơi cố định.

Luật *Thập tụng* ghi: “Đức Phật cho phép phạm vi sinh hoạt của tăng, trong chùa được nuôi người giúp việc, voi, ngựa, trâu, dê v.v... nhưng vì chúng đều có chủ nên không được sử dụng lẫn lộn”.

Luật *Tăng -ki* ghi: “Nếu vật cúng dường thuộc về Phật tồn dư nhiều thì cho phép đổi, bán mua hương, đèn. Sở dĩ được phép làm như vậy là vì số vật dụng tồn dư nhiều nên dù có đổi bán cũng vẫn còn để sử dụng”.

Ngũ bách vấn sự khẩu quyết ghi: “Trường hợp cờ phướn cúng Phật dư nhiều, muốn dùng làm vào việc Phật khác, nếu thí chủ bằng lòng thì được phép dùng; ngược lại, nếu thí chủ không chấp nhận thì không được dùng sai việc”.

Luật *Tứ phần* ghi: “Thức ăn cúng dường ở tháp Phật, người trông coi tháp được phép dùng”.

Luận *Thiện kiến* ghi: “Thức ăn dâng cúng Phật, ti-kheo hầu Phật được dùng. Nếu không có ti-kheo, người cư sĩ hầu Phật cũng được dùng”.

Kinh *Tội phúc quyết nghi* ghi: “Trước khi cư sĩ dâng cúng cho Phật, các bậc thượng, trung và hạ tọa phải dạy họ cúng Phật rồi mới cúng tăng. Dâng cúng thức ăn cho Phật rồi theo thứ tự cúng cho tăng thì không phạm. Nếu không thực hành đúng như vậy, dùng thức ăn của Phật sẽ bị đọa địa ngục A-tì trải qua nghìn ức năm. Đàn-việt không nghe lời chỉ dạy của tăng cũng chuốc lấy quả báo như trước. Nếu được làm người thì bị sinh vào nơi hạ tiện trải qua chín trăm vạn năm. Vì sao? Vì vật thuộc về Phật thì không ai có thể xác định được giá”.

(Hoặc nói rộng ra, trong hai bữa ăn thường ngày của cư sĩ và tăng, ngoài những thức ăn đã dâng cúng Phật và thánh tăng, những thứ không thuộc về Phật và tăng thì không cần phải mua lại; những thức ăn ấy sau khi xong dư thực, tất cả mọi người đều được ăn. Nếu ý đã trình bày rõ chỉ cúng thức ăn cho Phật và tăng, không có phần của người tại gia thì phải mua lại mới được lấy dùng).

Nếu thí chủ đã dự định cúng dường để tạc tượng Phật Thích-ca mà đổi lại tạc tượng Phật A-di-đà; đã định cúng in *Đại phẩm* mà đổi lại sung vào in kinh *Niết-bàn*; đã cúng để xây dựng phòng cho tăng lại đổi thành cúng

thức ăn cho tăng; đã cúng cho hai chúng nhưng đôi lại chỉ cúng cho một chúng; đã cúng cho thập phương tăng nhưng lại sung vào cúng hiện tiền tăng; đã cúng cho đại chúng nhưng lại chỉ cúng riêng cho một người; đã cúng cho chúng tăng nhưng lại đem cho cư sĩ ... trái với ý muốn của người cúng. Những trường hợp như vậy nên quy giá trị thành tiền, nếu đủ năm tiền trở lên thì phạm tội nặng, nếu dưới năm tiền thì phạm tội nhẹ.

Luật *Tứ phân* ghi: “Nếu đã hứa cúng cho trú xứ này, nhưng lại đem cúng cho trú xứ kia thì phạm tội” (*Định tội nặng hay nhẹ thì trước phải thăm dò ý của người cúng*).

Căn cứ vào ý trên: nếu tô sửa tượng Phật còn dư vật liệu cũng không được dùng làm hình tượng bồ-tát, thánh tăng v.v... vì địa vị thầy và trò khác nhau, nên không thể sử dụng lẫn lộn được. Nếu tô điếm các vật dụng khác rồi đem cúng dường Phật thì không phạm. Nếu thí chủ bằng lòng sau khi tô vẽ tượng Phật, tùy ý trang sức loại hình tượng tăng, tục, thánh, phàm cùng tô điếm các phẩm vật cúng dường khác như: danh hoa, cỏ cây, núi, hồ, chim, thú v.v...những vật ấy tuy không thuộc tượng Phật, nhưng sử dụng lẫn lộn mà không có tội.

Ngũ bách vấn sự ghi: “Dùng sơn để tô vẽ tượng Phật, mà đem vẽ hình chim, thú thì phạm tội. Trừ khi làm hình chim, thú để cúng dường Phật thì không phạm” (*Từng nghe kể tăng, người tục sống ở vùng biên giới xa xôi không giữ giới luật, dù dốc lòng lo lắng tam bảo[131a] nhưng lại theo ý kiến riêng của mình sử dụng lẫn lộn vật của tam bảo. Cho đến tiền cúng dường thánh tăng, hoặc lấy dùng riêng cho mình, hoặc sung vào vật của thường trụ tăng, hoặc dùng làm tượng Phật, hoặc đắp, vẽ hình tượng tôn giả A-nan-da, Ca-diếp v.v... tất cả đều không được. Nếu sử dụng thì phạm tội. Những việc này như đã nói đầy đủ trong thiên Thụ thỉnh*).

Hỏi: Thời nay trong các buổi thọ trai, thí chủ thường dâng tiền cúng, không biết tiền đó sử dụng vào việc gì?

Đáp: Nếu người cúng muốn dùng để tạo tượng thì theo ý nghĩa của đoạn văn trước đã trình bày mà thực hiện, chỉ được dùng để tạo tượng Phật chứ không được sử dụng vào các mục đích khác.

Thời nay, nếu có thí chủ sau khi cúng thức ăn cho tăng đem tiền cúng chung cho Phật và tăng. Nếu thí chủ không nói rõ từng phần thì nên mua hương, mua dầu, làm phan, tu sửa điện Phật, tất cả dùng để cúng dường Phật đều được, nhưng không được nhập vào của tăng hay cá nhân dùng.

Từ trước đến đây tuy là trình bày sơ lược, nhưng tất cả đều căn cứ theo kinh, luật mà xét chứ chẳng phải ý kiến của một người. Nếu không thực hành đúng theo luật, theo pháp thì kết tội chẳng học, không hiểu biết. Ngoài những việc này ra, còn nhiều việc khác không sao kể hết, trong bộ *Luật Sao* mười quyển của tăng ni đã trình bày đầy đủ. Cho nên, trông coi công việc tam bảo là một trọng trách, chẳng nên xem thường. Tự mình không hiểu rõ giới luật thì phải tin sâu nhân quả, dụng tâm cẩn thận, lo sợ nghiệp đạo, luôn cảnh giác, không chiều ý người. Như thế mới xứng đáng trở thành một vị tri sự gương mẫu. Không được như vậy thì không nên làm.

Kinh *Bảo lương* ghi: “Đức Phật bảo Ca-diếp:

- Ta cho phép hai hạng tì-kheo xứng đáng được trông coi việc của tăng. Đó là tì-kheo trì giới thanh tịnh và tì-kheo biết lo sợ quả báo đời sau. Vì hai hạng đó tâm kiên định giống như kim cương. Lại có hai hạng tì-kheo, một là biết được nghiệp báo, hai là biết hổ thẹn và sám hối. Có hai hạng khác là tì-kheo chúng A-la-hán và tì-kheo thường tu Bát bội xá⁵⁸¹. Hai hạng tì-kheo như thế ta cho phép điều hành việc của tăng. Vì chính những vị ấy không lầm lỗi, có thể giúp đỡ cho những tì-kheo khác vào đạo.

Ý Đức Phật cho việc này là khó nên bảo ngài Ca-diếp như vậy.

Trong Phật pháp có nhiều hạng xuất gia. Họ thuộc dòng họ khác nhau, tâm nguyện sai khác, tu theo nhiều pháp môn và việc đoạn kết sử cũng khác nhau. Như có tì-kheo ở a-lan-nhã⁵⁸², có vị đi khát thực, có vị thích chốn núi rừng, hay có người ưa ở gần thôn xóm, nhưng trì giới thanh tịnh. Lại có vị

⁵⁸¹ Bát bội xá 八背捨 (S: aṣṭau vimokṣāḥ; Cg: bát giải thoát): tám pháp môn thực hành thiền quán từ cạn vào sâu, nương vào tám môn thiền định này có thể đoạn được phiền não trong tam giới, chứng quả giải thoát nên gọi là bát giải thoát. Gọi là bát bội xá vì nương vào tám môn thiền định này có thể xả bỏ cảnh ngũ dục và xa rời tâm chấp trước nên có tên này.

⁵⁸² A-lan-nhã 阿蘭若 (S: aranya): nơi núi rừng u tịch, hay đồng ruộng hoang vắng; hoặc nơi sông đầm tĩnh mịch, cách li thôn ấp, thành thị một câu-lư-xá hay nửa câu-lư-xá.

lìa được tứ ách⁵⁸³, có vị siêng tu đa văn, có người giỏi luận thuyết các pháp, hoặc có vị khéo trì giới luật, có vị khéo giữ oai nghi, lại có vị đi khắp đó đây để thuyết pháp. Có các hạng ti-kheo như thế, nên ti-kheo tri sự phải khéo biết được tâm hạnh của từng người.

Thế nên trong kinh có ghi: “Vị ti-kheo tri sự cần phải phân biệt rõ, vật của tăng thường trụ không được cho tăng chiêu-đề và ngược lại”. Vật của tăng thường trụ và vật của tăng chiêu-đề không được để lẫn lộn với vật của Phật (*vật của Phật cũng không được để lẫn lộn với vật của hai hạng tăng trên*). Nếu vật của tăng thường trụ nhiều mà tăng chiêu-đề cần dùng thì vị tri sự phải nhóm tăng, phát thẻ⁵⁸⁴, yết-ma; tăng hòa hợp thì mới lấy vật của tăng thường trụ chia cho tăng chiêu-đề. Như tháp Phật cần tu sửa hay sắp bị hư, nếu vật của tăng thường trụ hay vật của tăng chiêu-đề có nhiều thì vị tri sự nên nhóm tăng, phát thẻ lấy ý kiến và bạch:

- Nay tháp Phật bị hư cần tu sửa, vật của tăng thường trụ và tăng chiêu-đề có nhiều, nên họp chúng yết-ma (bạch rằng) ‘Đại đức tăng lắng nghe! Nếu tăng đúng thời mà đến, xin nghe cho! **[131b]** Nay tăng không tiếc vật được cúng dường, hoặc là vật của tăng thường trụ hay vật của tăng chiêu-đề, tôi nay đem dùng để tu sửa tháp Phật’.

Nếu tăng không đồng ý thì vị tri sự nên khuyên hóa người tại gia cúng dường tài vật để tu sửa tháp Phật. Vật của Phật nhiều, không được chia cho tăng thường trụ và tăng chiêu-đề. Vì sao? Vì đối với vật đó nên nghĩ tưởng là của Đức Phật. Vật của Phật cho đến một sợi chỉ đều là vật của thí chủ tín tâm cúng Phật, nên trời, người đối với những vật đó phải nghĩ là của tháp Phật, huống là những vật báu. Vật ở trong tháp Phật, thà để gió táp, mưa chan làm rách nát, không nên dùng vật cúng Phật để trao đổi dù là vật báu. Vì sao? Vì vật của Như Lai không ai có quyền định giá cả, hơn nữa Phật không cần phải dùng gì mà cần đến sự trao đổi.

Như thế, vị tri sự đối với vật của tam bảo không nên dùng lẫn lộn. Nếu tự ý dùng lẫn lộn bị mắc quả báo lớn, phải chịu khổ một kiếp hay nhiều kiếp.

⁵⁸³ Tứ ách 四扼 (S: Catvāro yogāḥ): chỉ cho bốn thứ phiền não trói buộc chúng sinh trong ba cõi mà không thể thoát li. Một, dục ách: chỉ cho thứ phiền não khiến chúng sinh thường phải chịu khổ trong cõi dục; hai, hữu ách: chỉ cho phiền não thường khiến chúng hữu tình phải chịu khổ trong hai cõi Sắc và Vô sắc; ba, kiến ách: chỉ cho phiền não kiến, thường khiến cho chúng sinh phải chịu khổ trong ba cõi; bốn, vô minh ách: chỉ cho phiền não si, khiến cho chúng sinh phải chịu khổ trong ba cõi.

⁵⁸⁴ Phát thẻ (hành trụ 行籌): phát thẻ đếm số thứ tự để biết số lượng của chư tăng trong buổi họp.

Kinh *Bảo lương* ghi: “Đức Phật dạy:

- Tì-kheo tri sự nếu sinh tâm giận, tùy tiện sai bảo vị đại đức trì giới thanh tịnh chấp lao phục dịch, nhân việc làm này vị tri sự phải chịu khổ báo ở địa ngục. Nếu được làm người thì làm kẻ tội tở bị chủ đánh đập hành hạ khổ sở.

Lại nữa, nếu vị tri sự tự ý chế lại những điều lệ vượt ra ngoài phép tắc thông thường của tăng để trách phạt tì-kheo, sai làm việc không hợp thời, sau khi chết vị tri sự phải đọa vào địa ngục đóng đinh, bị trăm nghìn cây đinh đâm đóng vào thân, khiến thân bùng cháy như đồng lửa lớn.

Lại nữa, vị tì-kheo tri sự vì tâm sân hận, nên đem những việc nặng giao cho đại đức trì giới thanh tịnh khiến vị ấy khiếp sợ. Vị tri sự ấy phải chịu tội đọa vào địa ngục. Nơi ấy lưỡi tự dài ra năm trăm do tuần rồi bị trăm nghìn đinh đóng lên trên lưỡi. Mỗi một cây đinh đều phát ra tia lửa dữ.

Lại nữa, vị tri sự nhiều lần nhận vật của tăng, nhưng vì bôn sển nên cứ bo bo cất giữ, hoặc cho tăng không đúng lúc, hoặc cực chẳng đã mới cho, hoặc vì bắt buộc phải cho, nên cho, hoặc cho ít hay không cho, hoặc cho người này không cho người kia... Vì nghiệp bất thiện đó nên vị tri sự này sau khi chết sẽ sinh vào loài quỷ đói thường ăn phân hay trong trăm nghìn năm không được ăn hoặc khi ăn, thức ăn thường biến thành phân tiểu, máu mủ. Thế nên Ca-diếp! Vị tì-kheo tri sự thà tự ăn thịt thân mình, nhất định không dùng lẫn lộn vật của tam bảo như y, bát, thức ăn uống v.v...”

XXIII.2.4. Trộm vật của người

Luận *Thiện kiến* ghi: “Người cất giữ hộ tài sản cho người khác hoặc cho tam bảo, [131c]giữ gìn cẩn thận, khóa chặt kho lẫm, nhưng kẻ trộm theo lỗ hổng vào nhà lén lấy hết tài sản, hoặc chúng cưỡng bức để lấy tài sản mà người giữ không thể ngăn cản. Trường hợp này, nếu cứ y theo việc người chủ mất vật mà kết tội cất giữ thì hoàn toàn không hợp lý. Nhưng nếu người giữ lơ là, không giữ gìn cẩn thận để kẻ trộm lấy cắp thì người giữ phải bồi thường. Đây là căn cứ vào trách nhiệm người giữ mà kết tội”.

Luật *Thập tụng* ghi: “Nếu người nhận chuyển hộ vật dụng cho người ở xa, trên đường đi vật bị hư hỏng, như người chuyển có tâm tốt, song vì sơ ý bị

hur thì không bồi thường. Nếu có tâm xấu khiến cho đồ vật bị hư hỏng thì người chuyển phải bồi thường. Mượn vật của người, bất luận là tâm tốt hay tâm xấu, nếu làm hư thì nhất định phải bồi thường”.

Luật *Thập tụng* ghi: “Có kẻ trộm vật mang đến, họ thật lòng cúng dường, hay vì bị người rượt đuổi lo sợ mà cúng thì tì-kheo được phép nhận. Bởi hiện tại chính kẻ trộm là chủ nhân của vật. Nếu kẻ trộm tự cúng dường thì được phép nhận, nhưng không được xin. Nếu những vật ấy đã được nhuộm màu khác mà người chủ trước kia nhận ra thì cũng nên trả lại cho họ”.

Luận *Ma-đắc-lặc-già* ghi: “Có người loạn trí mang vật đến cúng, nếu không biết cha mẹ hay người thân của người đó thì được phép nhận. Nếu biết người ấy có cha mẹ mà không được chính tay cha mẹ người ấy cúng thì không được nhận”.

Luật *Thập tụng* ghi: “Nếu lấy thịt ăn dư của hổ thì phạm tội nhỏ, vì hổ chưa bỏ thức ăn dư ấy. Nếu lấy thịt ăn dư của sư tử thì không phạm, vì sư tử đã bỏ thức ăn ấy”.

Luận *Tát-bà-đa* ghi: “Trộm thức ăn dư của tất cả loài chim, thú thì phạm tội nhẹ”. (*Ngày nay gặp năm mất mùa, đói kém, nhiều người đào bới hang chuột để lấy những thứ hạt, trái mà chúng đã tha về trữ như: hạt giẻ, trái hồ đào v.v..., căn cứ theo văn trên đã nói thì phạm tội*).

Luật *Tứ phần* ghi: “Hoặc có người vì nghĩ cho mình rồi lấy, hoặc nghĩ mình có phần rồi lấy, hoặc nghĩ vải cũ rách, xấu tệ rồi lấy, hoặc nghĩ mượn dùng tạm rồi lấy, hoặc nghĩ là của bạn thân rồi lấy v.v... Những trường hợp vừa nêu nếu lấy đều không phạm”.

Thế nào là bạn thân? Theo luật thì phải có đủ bảy điều kiện sau mới được gọi là bạn thân.

1. Làm được việc khó làm.
2. Cho được cái khó cho.
3. Nhẫn được việc khó nhẫn.
4. Nói cho nhau nghe chuyện riêng.

5. Đùm bọc lẫn nhau.

6. Không bỏ nhau lúc khó khăn.

7. Không chê nghèo khổ.

Người nào có thể thực hiện đủ bảy điều kiện trên thì gọi là người thân. Lấy vật của bạn như thế thì không phạm”.

Kinh *Tăng nhất a-hàm* ghi: “Phật dạy các tì-kheo:

- Kẻ trộm vật của người, bị chủ bắt được, trói đem giao cho vua trị tội. Vua liền sai người giam vào ngục; hoặc chặt tay chân; hoặc cắt tai, mũi; hoặc lột da; hoặc rút gân; hoặc treo ngược; hoặc cưa xẻ; hoặc dùng lửa đốt; hoặc nấu dầu; hoặc dùng da sống quấn quanh đầu người ấy; hoặc lấy nước đồng sôi xối lên thân thể; hoặc dùng chia ba đâm vào hông bụng; hoặc thả voi dữ giẫm đạp; hoặc mổ bụng, rút ruột rồi nhét cỏ vào; hoặc trói ngược;[132a] hoặc đánh trống chát chúa; hoặc đem treo giữa chợ chém đầu; hoặc cắt bỏ từng bộ phận trên cơ thể; hoặc dùng dao cắt; hoặc bắn tên... bị giết bằng nhiều cách tàn khốc như thế. Vì ác nghiệp trộm cướp này, nên sau khi chết liền đọa vào địa ngục, bị lửa dữ đốt thân, nước đồng sôi rót vào miệng, vạc nước sôi, lò lửa đỏ, núi dao, rừng kiếm, lò than, phân nhơ, xay giã... chịu đủ tất cả những nỗi khổ như thế. Người tội đau đớn, khổ sở thấu tim gan không sao kể xiết, trải qua trăm nghìn vạn năm không biết bao giờ thoát khỏi. Khi chịu tội ở địa ngục xong, họ lại sinh vào loài súc sinh làm thân voi, ngựa, trâu, dê, lạc đà, chó v.v... trải qua trăm nghìn năm để trả nợ cũ cho người. Sau khi chịu tội trong đường súc sinh xong, người tội lại sinh làm loài quỷ đói, chịu đói khát khổ sở không sao kể xiết, thậm chí không nghe đến tiếng cơm nước, trải qua trăm nghìn năm chịu đủ các sự khổ sở như thế. Khi tội khổ trong đường ác hết được sinh lại làm người, nhưng khi được làm người họ lại mắc hai loại quả báo là nghèo khổ, cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc và thường bị năm nạn như nạn vua, nạn giặc, nạn nước, nạn lửa và bị kẻ cướp”.

Kinh *Chính niệm* ghi:

Hỏi: Thế nào gọi là trộm?

Đáp : Như có người luôn khởi niệm ác: “Ta muốn tất cả các loại ngũ cốc như lúa, thóc v.v... chỉ thuộc về mình ta, còn mọi người đều bị mất mùa”. Một thời gian sau, do chúng sinh phúc mỏng nên đều bị mất mùa. Người ác ấy thấy mất mùa, mọi người bị đói khát thì lòng vui mừng nói: ‘Quả nhiên đúng như ta mong muốn!’, đem lúa thóc ra chợ rao bán với giá rẻ nhưng tâm gian dối, lòng lọc lừa, cân, đong lúa thóc dối gạt người, tạo thành nghiệp trộm” .

Nếu lòng suy nghĩ thì gọi là nghiệp tư duy. Khi dối gạt người gọi là nghiệp dối gạt. Sau khi lừa dối thì đã thành nghiệp trộm.

XXIII.2.5. Trộm vật rơi

Kinh *Chính niệm* ghi: “Nếu thấy vật rơi bên đường như vàng, bạc hay các loại vật báu khác, người nhặt được phải rao lớn : ‘Vật này của ai?’

Nếu có người nói : ‘Vật ấy của tôi’ thì phải hỏi họ hình dáng vật ấy thế nào; nếu nói đúng thì trả lại cho họ.

Nếu không có ai nhận lại thì trong bảy ngày, mỗi ngày phải mang vật ấy đi rao lớn lên cho mọi người biết. Nếu vẫn không ai nhận thì nên đem vật báu ấy giao cho vua, quan lớn hay người đứng đầu châu, quận ở đó. Nếu vua, quan lớn, người đứng đầu châu quận thấy người kia có phúc đức, không nhận lấy vật ấy thì nên đem vật ấy dùng vào việc của tam bảo. Như thế mới không gọi là trộm”.

Luật *Tăng-kì* ghi: “Nếu thấy y, vật rơi phải nói cho mọi người biết để người đánh rơi được nhận lại. Nếu không có ai nhận nên treo một nơi cao và trống trải để mọi người nhìn thấy. Nếu có người nhận đó là vật của tôi, thì phải hỏi: ‘Vật của anh mất ở đâu?’ Nếu người kia trả lời đúng thì trao cho họ. Nếu không có người nhận thì nên giữ. Qua ba tháng, nếu vật ấy trước kia nhặt được trong tháp thì dùng cho những việc thuộc về tháp. [132b] Nếu vật ấy nhặt được trong vườn của tăng thì chia cho bốn phương tăng.

Nếu là những vật quý giá như vàng, bạc, chuỗi ngọc thì không nên tùy tiện trưng bày, rao báo rộng rãi mà người nhặt được phải xem đi, xét lại cho thật kĩ hình dạng của nó như thế nào, rồi sau đó mới rao xướng. Nếu người

đến nhận nói đúng thì trả lại cho họ, nhưng khi trả phải có nhiều người chứng kiến và không được trao trả ở nơi che khuất. Nhân đây, vị ấy cũng nên khuyên người được nhận lại của bị rơi thọ tam quy và nói : ‘Nếu Phật không chế giới thì ông không thể thấy lại được các vật này’.

Nếu không có người đến nhận thì giữ lại ba năm, rồi như trước mà giải quyết. Vật thuộc phạm vi nào thì sử dụng cho phạm vi đó. Nếu tu sửa tháp, nhặt được tài bảo thì dùng vào việc của tháp. Nếu nhặt được vật trong phạm vi sinh hoạt của tăng thì dùng vào việc của tăng”.

Luận *Thành thật*⁵⁸⁵ ghi: “Nếu kho tàng trong lòng đất tự nhiên xuất hiện, lấy dùng thì không có tội. Khi Phật còn ở đời, trưởng giả Cấp Cô Độc là thánh nhân mà còn lấy những vật ấy, cho nên biết là không có tội. Nếu tình cờ nhặt được vật cũng không gọi là trộm”.

Luật *Tăng-kì* ghi: “Tì-kheo khi vào trong thôn làng thấy vật rơi, không được nhặt lấy nhưng có người nhặt cúng cho được phép nhận, vì người ấy chính là thí chủ. Y phục của người khác bị gió cuốn bay trong làng xóm, tì-kheo không được nghĩ đó là y phần tảo⁵⁸⁶ rồi nhặt lấy, nếu trên đường hoang vắng không có người thì được lấy”.

Luật *Ngũ phần* ghi: “Nếu cất hộ y cho người trải qua mười hai năm, người ấy không quay lại lấy thì nên nhóm tăng định giá, rồi chia cho tăng bốn phương sử dụng. Nếu sau đó người kia trở lại thì lấy vật của tăng bồi thường cho người đó. Nếu người đó không nhận thì tốt”.

Bài kệ tụng *Chính báo*:

Cướp vật cúng cho người,

Sẽ rơi vào địa ngục,

Bị chim mổ cứng mổ,

Tan nát cả tim gan,

⁵⁸⁵ Luận Thành thật (Thành thật Luận 成實論; S: Satyasiddhi-sāstra): luận, mười sáu quyển hoặc hai mươi quyển, do ngài Ha-lê-bạt-ma soạn, ngài Cưu-ma-la-thập dịch vào khoảng năm 411-412 đời Diêu Tần, được xếp vào Đại chính tạng, tập 32. Đây là kinh điển căn bản của tông Thành Thật.

⁵⁸⁶ Y phần tảo (phần tảo y 糞掃衣; S: su-kūla): là loại áo rách, vải vụn mà người ta vớt bỏ ở bãi rác, nghĩa địa..., được đem về giặt sạch may thành.

*Đồng sôi rót vào miệng,
Gậy sắt đập vào thân,
Hoảng hốt chạy thất kinh,
Lạc vào rừng gươm, giáo.*

Bài kệ tụng *Tập báo*:

*Trộm cướp bị quả báo,
Địa ngục đốt thân hình,
Tội hết sinh làm người,
Đói khổ đến trọn kiếp,
Của tiền bị người giữ,
Khác chi kẻ nghèo hèn,
Mấy lời xin ghi nhớ,
Suy nghĩ nhân khôn cùng.*

XXIII.3. Tà dâm

Tiếng dâm hại đức là điều mà người trí không làm; tướng dục mê tâm là chỗ mà bậc thánh xa lánh. Vì thế Châu U Vương mất nước bởi lỗi của Bao Tự⁵⁸⁷; Tấn Hiến Đế mất ngôi là tội của Lệ Cơ⁵⁸⁸. Độc Giác tiên⁵⁸⁹ trên núi chẳng biết nổi nhục bị cưới cô; Thuật-già-bà⁵⁹⁰ hện tại miếu đường nào hay cảnh đau đớn bị đốt thân.

⁵⁸⁷ Bao Tự 褒姒: người đẹp Trung Quốc thời nhà Chu.

⁵⁸⁸ Lệ Cơ 麗姬: mỹ nhân của Trung quốc, sắc đẹp của bà đã làm say đắm Tấn Hiến công đến nỗi phải bị mất nước.

⁵⁸⁹ Độc giác 獨角: vị tiên một sừng có pháp thuật làm hạn hán, đã bị một kỹ nữ lập mưu cưới cô dẫn về triều đình.

⁵⁹⁰ Thuật-già-bà 述伽婆: câu chuyện về chàng trai đánh cá.

Như thế, tất cả đều do chúng sinh trong Dục giới không tu quán giải⁵⁹¹, [132c] bị phiền não trói buộc chẳng thể phục đoạn⁵⁹². Vả lại, địa thủy hỏa phong, đâu là chủ tể? Thân, thụ, tâm, pháp bản tính vốn không. Da dày, da mỏng đều là bất tịnh; sinh tạng, thực tạng dơ thối khó bàn, luôn đưa đẩy con người rơi vào ba đường ác. Thế nên, bậc đại bồ-tát, thường tu quán hạnh⁵⁹³, thấy toàn thân chảy đầy chất dơ ứ. Lục trần⁵⁹⁴ là sáu giặc thường xúc não; năm ám như chiêm-đà-la⁵⁹⁵ khó thân cận.

Phàm phu điên đảo đam mê hình sắc, thấy dáng yêu kiều, đăm đuổi dung nhan. Răng trắng, môi hồng, mi dài, tóc bối, lác người, uốn thân càng tăng thêm vẻ mỹ miều. Thế nên, mỹ nữ cõi ngọc nơi Lạc Xuyên⁵⁹⁶ khiến Trần Vương⁵⁹⁷ phải hạ giá; người đẹp chơi cầu ở Hán Khúc⁵⁹⁸ cảm Giao Phủ⁵⁹⁹ phải lưu tình. Trên đỉnh Vu sơn mượn mây mưa để đến đi⁶⁰⁰; bên suối Thư Cô nương dòng nước mà qua lại. Còn có kẻ sai đốt hương mà nhớ tưởng áo ngắn của Hàn Thọ⁶⁰¹; gảy khúc đàn cầm để thâm nhận tình ý của Trương Như⁶⁰². Hoặc có người nhân dưng gói chột thành thân; hoặc nhờ treo mũ trở nên gần. Họ đâu biết rằng hình hài như bọt nổi; thể chất tựa mây trôi, trong ngoài đều không, khoảnh khắc tan biến. Toàn thân bất

⁵⁹¹ Quán giải 觀解: quán sát tư duy về chân lý mà được tỏ ngộ. Đại thừa Nghĩa chương ghi: “Khởi sự thực tập quán giải có thể chế phục phiền não”

⁵⁹² Phục đoạn 伏斷: chế phục hoặc nghiệp, khiến tạm thời không khởi gọi là phục hoặc; Đoạn tuyệt nhân hoặc khiến cho mãi mãi không sinh gọi là đoạn hoặc.

⁵⁹³ Quán hạnh 觀行: thực hành theo sự quán chiếu của tâm gọi là quán hạnh. Tức tâm quán lý còn thân thì như lý ấy mà thực hành.

⁵⁹⁴ Lục trần 六塵: chỉ cho sáu cảnh sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp. Sáu cảnh này thâm nhập vào tâm thông qua sáu căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý làm cho ô nhiễm nên gọi là trần, nó thường cướp mất thiện tâm của chúng sinh nên còn gọi là giặc.

⁵⁹⁵ Chiêm-đà-la 旃陀羅 (S: caṇḍāla): giai cấp thấp hèn nhất trong bốn giai cấp của Ấn Độ. Ở đây ý nói thân ngũ âm thật như bản thấp hèn không nên thương yêu chiều chuộng mà nên phát tâm chán xa.

⁵⁹⁶ Lạc Xuyên 洛川: tên một con sông, nay thuộc tỉnh Hà Nam.

⁵⁹⁷ Trần Vương 陳王 (Cđ: Trần Tư Vương): con thứ hai của Tào Tháo, rất giỏi về văn thơ. Khi đi qua sông Lạc, ông gặp mỹ nhân, nên phải dừng chân lại.

⁵⁹⁸ Hán Khúc 漢曲: vùng có khúc quanh ở núi Hán Cao. Núi này ở Hồ Bắc, phía tây bắc Nhung Dương.

⁵⁹⁹ Giao Phủ 交甫: Trịnh Giao Phủ, lúc dạo chơi dưới khúc quanh của núi Hán Cao, ông gặp hai mỹ nhân rồi cùng nhau du sơn ngoạn thủy và được hai mỹ nhân này tặng đồ trang sức.

⁶⁰⁰ Trên đỉnh Vu sơn mượn mây mưa để đến đi (Vu sơn đài thượng thác vân vũ dĩ khứ lai 巫山臺託雲雨以去來): trong bài tựa “Cao đường phú” của Tống Ngọc thời Chiến Quốc ghi: “Thờ xưa, tiên vương thường dạo chơi ở Cao Đường, đêm mộng thấy người con gái đẹp đến nói: ‘Thiếp là con gái của núi Vu, là khách của cao đường, nghe bệ hạ dạo chơi ở đây, nên đến cùng nhau chẵn gối’. Tỉnh mộng, vua rất vui mừng, trở về ghi lại giấc mộng thành thơ”.

⁶⁰¹ Hàn Thọ 韓壽 (Cg: Lưu Nghĩa Khánh): người đời Tống, rất khôi ngô tuấn tú. Khi ông tư thông với người phụ nữ tên là Giả Sung, bà ta có mùi hương lạ, mùi hương này dính trên người ông, trải qua một tháng vẫn còn. Con gái của bà ta lên trộm mùi hương và đến với Hàn Thọ. Giả Sung gửi được mùi hương ấy, liền tìm hiểu sự việc. Thế là Giả Sung gả con gái cho ông ta. Nhân đó người đời lấy từ “Giả Sung hương” để biểu hiện hương tình giữa nam và nữ.

⁶⁰² Trương Như 相如 (Gđ: Tư Mã Tương Như): một nhà văn nổi tiếng đời nhà Hán.

tịnh, khắp thể vô thường, vừa mới quăng xuống ngòi rãnh đã thành mồi ngon cho trùng kiến.

Chúng sinh thường mang thói tà dâm, trái ngược với hạnh thanh tịnh, chướng ngại tâm bồ-đề, gây nhân bốn thú, gạt quả ba đường. Nên biết, gốc của ba cõi chính do nghiệp dâm; quả báo sáu nẻo thật vì ái nhiễm, khiến cho nhuận nghiệp càng thêm sâu nặng. Vì thế Đức Phật chế giới không được tà dâm.

XXIII.3.1. Quả trách dục gây nhiều khổ

Kinh *Niết-bàn* ghi:

Nếu hay sâu muộn,

Thì khổ càng tăng.

Như người thích ngủ,

Thì ngủ càng mê,

Tham dâm thích rượu,

Cũng lại như thế.

Kinh *Chính niệm* ghi:

Như lửa thêm củi khô,

Thì lại càng cháy mạnh,

Cũng như người thích ái,

Lửa ái càng tăng thêm.

Củi khô tuy cháy dữ,

Nhưng người có thể ra,

Còn lửa ái tiêu đốt,

Mãi mãi không thoát được.

Luận Đại trí độ ghi:

Người đời ngu si,

Tham mê năm dục,

Đến chết không chừa,

Mãi đến đời sau,

Chịu vô lượng khổ.

Thí như người ngu,

Ham thích quả ngọt,

Trèo lên cây hái,

Mà không chịu xuống,

Chợt người đến đón,

Cây liền đổ ra,

Thân đầy thương tích,

Chết trong đau đớn,

Được, có chút vui,

Mát, muôn vạn sầu.

Như dao thoa mật,

Người thích liếm vào,

Lưỡi liền bị đứt,

Đau khổ vô cùng.

Luận Thành thật ghi:

Tham dục là khổ,

Chúng sinh điên đảo,

Vọng là ý vui,

Người khôn thấy rõ,

Thì khổ không còn.

Ái dục không chừa,

Như uống nước mặn,

Khát càng thêm khát,

Vì làm tăng khát,

Thì có vui đâu.

Giống như con chó,

Gặm cục xương khô,

Chảy tràn nước dãi,

Tưởng được món ngon.

Tham dục cũng vậy,

Bên trong không vị,

Nhưng vì đảo điên,

Cho là vị ngon.

Nên biết sắc dục,

Là khổ không vui,

Nếu không tham cầu,

Mới thật là vui.

XXIII.3.2. Quán thấy người nữ như uế

Ở đây chỉ đơn cử người nữ bên ngoài dáng vẻ yêu kiều, nhưng bên trong chứa toàn đồ hôi thối. Người mê muội thì say đắm hình tướng bên ngoài, không biết sự tạm bợ giả dối đó, chỉ có người trí mới biết được sự thật, đáng nhàm chán xa lìa .

Kinh *Thiền bí yếu* ghi: “Trưởng lão Mục-kiền-liên đã chứng quả A-la-hán, nhưng người vợ cũ cứ đeo đuổi, cô ta trang điểm lộng lẫy theo quấy phá ngài. Bây giờ, tôn giả Mục-kiền-liên nói kệ cảnh tỉnh người vợ cũ:

Thân như đông xương khô,

Thịt da gá nương thành,

Trong toàn chất hôi tanh,

Không có gì tốt đẹp.

Chỉ là túi phân dơ,

Chín chỗ thường rỉ chảy,

Gướm ghê như loài quỉ,

Đâu có gì đáng quý.

Thân giống như hàm xí,

Lớp da mỏng bọc ngoài,

Người khôn đã nhàm lìa,

Như xa rời hổ phân.
Nếu người biết như vậy,
Thứ mà ta chán chường,
Thầy đều chẳng vấn vương,
Như người tránh hãm phân.
Còn người cứ trau chuốt,
Hương hoa cùng chuỗi báu,
Thứ phàm phu tham đắm,
Người trí không bị mê.
Thân người vốn không sạch,
Ô uế chất chồng thôi!
Trang điểm nhà xí rồi,
Người ngu cho là đẹp.
Xương sườn và xương sống,
Như kèo cột nương nhau,
Ngũ tạng ở trong đó,
Hôi dơ tợ hổ phân.
Thân người như hãm phân,
Ngu si cho là quý,
Trang sức chuỗi ngọc châu,

*Ngoài đẹp như bình vẽ.
Nếu người không còn dục,
Trọn đời không dính mắc,
Nay người đến nhiều ta,
Khác gì con thiêu thân.
Tất cả các độc dục,
Nay ta đã diệt rồi,
Và xa lìa năm dục,
Lưới ma cũng xé rách,
Tâm ta như hư không,
Không còn gì nhiệm trước,
Dù dục cõi trời đến,
Cũng không động lòng ta.*

Kinh *Tăng nhất A-hàm* ghi: “Thà đốt cho thanh sắt cháy đỏ rồi đâm vào mắt, chẳng nên vì nhìn sắc mà làm cho tư tưởng rối loạn”.

Kinh *Chính niệm* ghi: “Bản tính của người nữ là hay ganh ghét. Do đó nên sau khi chết phần nhiều sinh vào trong loài quỷ đói. Dù họ luôn nói lời ngọt ngào, dịu dàng, nhưng trong lòng thì thâm độc vô cùng. Đặc biệt, người nữ rất giỏi về các mảnh khoe, những trò lừa dối, mê hoặc mọi người”.

XXIII.3.3. Người nữ khó gần đáng chán

Kinh *Ưu-điền vương* có bài kệ:

Người nữ thật là ác,

Khó kết giao trọn đời,

Dây ân ái trời buộc,

Đẩy người vào cửa tội.

Họ không chỉ kéo người,

Sa vào con đường ác,

Mà còn mê hoặc trời,

Khiến phải bị đọa lạc.

Kinh *Chính pháp niệm* có bài kệ:

Ràng buộc trong cõi trời,

Không gì qua nữ sắc,

Người nữ trời chư thiên,

Dẫn đến ba đường ác.

Luận *Đại trí độ* ghi: “Bồ-tát quán sát các dục thấy tất cả đều bất tịnh, trong tất cả các tai hại thì sự tai hại từ người nữ là nguy hiểm nhất. Các thứ như: lửa, dao, sấm sét, kẻ thù, rắn độc còn có thể tạm gằn gủi, nhưng tuyệt đối không nên gằn gủi người nữ. Vì người nữ có tính keo kiệt, ganh ghét, giận dữ, nịnh nọt, lăng lợ, xấu xa, tranh cãi, tham lam.

[133c] Đức Phật nói bài kệ:

Thà dùng sắt nóng,

Đâm thẳng vào mắt,

Tâm chớ buông lung,

Đắm nhìn người nữ,

Mỉm cười làm dáng,
Kiêu mạn, then thừng,
Quay mặt, liếc mắt,
Lời hay, ganh ghét,
Bước đi yếu điệu,
Mê hoặc lòng người.
Lưới dâm giăng bủa,
Khiến người sa vào,
Đi, đứng, nằm ngò,
Liếc mắt làm duyên,
Kẻ ngu vô trí,
Say mê điên đảo.
Chiến đấu với địch,
Còn có thể thắng,
Giặc nữ hại người,
Đàn phải chịu thua.
Rắn ngậm nọc độc,
Tay vẫn bắt được,
Người nữ mê hoặc,
Không thể chạm vào.

Kinh Tăng nhất A-hàm có bài kệ:

Chớ thân với người nữ,

Cũng không nên chuyện trò,

Nếu ai xa lìa được,

Sẽ dứt trừ tám nạn.

Kinh Tát-già Ni-kiền-tử ghi: Ni-kiền-tử có bài kệ:

Vợ mình chưa đủ sao?

Còn ham thích vợ người,

Người này không xấu hổ,

Nên thường khổ không vui,

Đời này và đời sau,

Bị nổi khổ đánh đập,

Chết rồi vào địa ngục,

Khổ đau mãi không thôi.

Kinh Tạp thí dụ ghi: “Khi Đức Phật còn ở đời, có một người thuộc dòng dõi Bà-la-môn sinh được hai người con gái, cả hai đều rất xinh đẹp. Ông ta treo một giải thưởng và nói: ‘Trong vòng chín mươi ngày, nếu có ai tìm và chỉ ra điểm xấu của hai con gái ta thì giải thưởng này thuộc về người đó’, nhưng cuối cùng không có người nào tìm ra điểm xấu của hai cô gái. Người bà-la-môn dẫn hai con mình đến chỗ Phật, Đức Phật vừa thấy liền quở :

- Hai cô gái này đều xấu xí, chẳng có gì xinh đẹp.

Tôn giả A-nan Bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn! Hai cô gái này rất đẹp, nhưng Ngài lại nói không, vậy có gì không đẹp?

Đức Phật nói:

- Mắt không nhìn sắc mới gọi là mắt đẹp. Tai, mũi và lưỡi cũng như thế. Thân không ham thích sự mịn màng, trơn láng, đó mới gọi là thân đẹp. Tay không lấy tài sản của người, đó mới gọi là bàn tay đẹp. Nay Ta xem xét biết hai người con gái này mắt nhìn sắc, tai nghe âm thanh, mũi ngửi mùi hương, thân thích sự mềm mại, trơn láng, tay muốn lấy tài sản của người. Những người như thế đều không phải là người đẹp”.

Kinh *Phật bát-nê-hoàn* ghi: “Đức Phật bảo Nại nữ:

- Người ham thích quan hệ trai gái bất chính thì có năm điều tự hại:

1. Tiếng tăm không tốt.
2. Phạm vào pháp luật quốc gia.
3. Lòng nhiều nghi ngờ.
4. Chết rồi bị đọa vào địa ngục.
5. Khi tội ở địa ngục hết tiếp tục sinh vào loài súc sinh.

Năm điều trên đây, đều do tội tham dâm mà dẫn đến kết quả như vậy”.

Người không quan hệ bất chính thì có năm điều làm tăng trưởng phúc thiện.

- [134a] 1. Được nhiều người khen ngợi.
2. Không sợ quan quyền.
 3. Thân được an ổn.
 4. Sau khi chết được sinh lên cõi trời.
 5. Tâm thanh tịnh nên đắc đạo Niết-hoàn”.

XXIII.3.4. Người nữ gian trá

Như kinh *Cựu tạp dụ* ghi: “Thuở xưa, có một thanh niên đẹp trai con của một gia đình giàu sang. Người ấy đúc một tượng người nữ bằng vàng rồi thừa với cha mẹ: ‘Nếu có người con gái nào giống như tượng này con mới cưới làm vợ’.

Bấy giờ, ở một nước khác cũng có một người con gái xinh đẹp không kém gì chàng thanh niên kia. Cô gái cũng đúc một tượng người nam bằng vàng rồi thừa với cha mẹ: ‘Nếu có người con trai nào giống như tượng này con mới chịu cưới làm chồng’.

Cha mẹ hai bên nghe tin như vậy mới tìm đến nhau và tác thành cho đôi trai gái này.

Bấy giờ, nhà vua cầm gương soi và hỏi các cận thần:

- Trong thiên hạ có ai đẹp như ta không?

Các cận thần tâu:

- Chúng thần nghe, ở nước kia có một người thanh niên rất đẹp không ai sánh bằng.

Vua nghe vậy liền sai sứ giả đến mời chàng trai ấy. Sứ giả tìm đến nhà chàng trai truyền lệnh:

- Nhà vua muốn gặp hiền giả.

Vâng lệnh vua, chàng thanh niên lập tức chuẩn bị xe ngựa đi vào cung. Trên đường đi anh ta nghĩ: ‘Nhà vua cho ta là người hiểu biết, thông thạo mọi mặt nên mới cho người đến mời ta’. Nghĩ như vậy rồi, anh ta quay trở về nhà lấy sách, tình cờ bắt gặp người vợ đang tư thông với người ở. Anh ta vừa buồn vừa giận, vì thế trong lòng u uất, làm cho nhan sắc tiêu tụy.

Sứ thần thấy thế liền nghĩ: ‘Chắc vì đi đường xa khiến anh ta bị gầy ốm’ nên đã để chàng trai tạm nghỉ lại trong tàu ngựa. Đêm đến, chàng trai bắt gặp đại phu nhân của vua tư thông với người đánh ngựa. Chứng kiến việc ấy, tâm chàng trai bừng tỉnh tự nhủ: ‘Đại phu nhân của nhà vua mà còn

làm như vậy, hưởng chi người khác!’. Mọi ảm ức được giải tỏa, tinh thần nhẹ nhõm và cũng vì thế mà nhan sắc hồi phục như cũ.

Sau khi nhan sắc hồi phục, chàng trai vào cung yết kiến vua.

Vua hỏi:

- Vì sao khanh ở lại ngoài cung ba ngày?

Chàng trai tâu:

- Trên đường thân vào cung bỗng sực nhớ để quên mấy cuốn sách, rồi quay về lấy thì tình cờ bắt gặp vợ thân đang tư thông với người ở. Thân nổi giận vì thế làm cho nhan sắc tiêu tụy nên thân ở lại trong tàu ngựa ngoài cung ba ngày. Đêm qua, thân bắt gặp chính phu nhân của bệ hạ đến tư thông với người đánh ngựa. Thân cho rằng phu nhân còn như thế, hưởng gì người khác. Vì chứng kiến việc đó, lòng thân nhẹ nhõm, nhan sắc mới hồi phục như cũ.

Nhà vua thốt lên:

- Phu nhân của ta còn như thế, hưởng chi những người nữ bình thường khác?

Nói rồi, hai người bỏ tất cả cùng nhau đi vào rừng, cắt tóc làm sa-môn. Họ suy nghĩ người nữ không đáng để chúng ta kết thân rồi nỗ lực tinh tiến tu hành, cuối cùng cả hai đều chứng quả Bích-chi Phật”.

Kinh *Cựu tạp thí dụ* ghi: “Thuở xưa, có một phụ nữ sinh được cô gái xinh đẹp không ai bằng. Năm lên ba tuổi, nhà vua tuyển chọn cô con gái ấy vào cung rồi gọi đạo nhân đến xem tướng.

Nhà vua hỏi:

- Sau này cô gái có thể làm phu nhân của ta không?

Người xem tướng tâu:

- Người con gái này có một người chồng rồi mới làm phu nhân của bệ hạ sau.

Vua suy nghĩ:

- Ta phải đem nó đến một nơi kín đáo, nuôi giữ cẩn mật, như thế lẽ nào lại đến sau?

Nghĩ như vậy rồi, vua liền gọi chim hạc đến và hỏi:

- Người sống ở đâu?

Chim hạc tâu:

- Thần sống trên một cây lớn ở lưng chừng sườn núi Thái. Chỗ ấy, người và vật không qua lại được, bên dưới có dòng nước chảy, thuyền bè chẳng thể lưu thông.

Vua nói:

- Nay ta gởi cô gái này cho người đem về nuôi.

[134b] Chim hạc liền mang cô gái về chỗ mình. Ngày ngày, nó đến cung vua lấy thức ăn về nuôi cô gái.

Trải qua một thời gian rất lâu, trên đỉnh núi Thái có một ngôi làng, bỗng nhiên một hôm bị nước lũ cuốn trôi. Trên dòng nước xuất hiện một cây lạ theo dòng trôi xuống. Một chàng trai bám được cây ấy nhưng do rơi vào dòng xoáy nên cứ bị xoay quanh. Có một cây bồ đào từ dòng suối mọc thẳng, cao vút tựa vào sườn núi, chàng trai bám theo cây bồ đào lần tìm đến được cây mà chim hạc ở rồi tư thông với cô gái ấy. Cô gái đem giầu chàng trai. Chim hạc biết thân thể của cô gái này ngày càng nặng hơn, nên đi khắp núi tìm kiếm và bắt giết chàng trai. Sau đó, chim hạc đem việc này tâu lên vua.

Vua nói:

- Trước đây đạo nhân đã xem tướng, người đoán thật đúng!”

Luận rằng: “Người có oán nghiệp đời trước, không thể dùng sức cưỡng lại, gặp lại liền thành. Loài súc sinh cũng giống như vậy”.

Kinh *Cựu tạp thí dụ* ghi: “Thuở xưa, có một vị vua nọ giữ các phu nhân thể nữ rất nghiêm. Một hôm, chính phu nhân của vua nói với thái tử:

- Từ khi sinh con ra đến nay mẹ chưa được một lần nhìn ngắm giang sơn, mẹ muốn ra ngoài đi dạo một lần. Con có thể xin vua cha giúp mẹ không?

Phu nhân thúc giục thái tử nhiều lần như thế. Thái tử tâu với vua cha, nhà vua liền đồng ý. Thái tử đánh xe đưa mẹ đi. Quần thần hai bên đường nghinh đón, vái chào. Phu nhân đưa tay vén tấm màn, cố ý để mọi người nhìn thấy nhan sắc của mình. Thái tử thấy mẹ mình làm như thế, liền giả vờ đau bụng rồi đánh xe trở về. Phu nhân than:

- Còn nhiều người chưa biết vẻ đẹp của ta!

Thái tử thầm nghĩ: ‘Mẹ của ta còn như thế, huống gì những người khác!’

Nghĩ rồi, đêm đó thái tử rời hoàng cung, vào rừng ngao du sơn thủy. Trên đường đi, tình cờ thái tử thấy bên đường có một cây lớn, phía dưới có con suối. Thái tử trèo lên cây nhìn thấy một vị Phạm-chí lợi xuống suối tắm rửa, rồi lên ăn cơm. Sau đó, Phạm chí lại làm phép nhả ra một bình hồ lô, trong bình ấy có một người nữ, rồi họ cùng nhau vui vẻ trong một phòng kín. Khi Phạm chí đi ngủ, người nữ kia cũng nhả ra một bình hồ lô giống như vậy, bên trong hồ lô lại có một chàng trai và người nữ lại ăn nằm với chàng trai đó. Nằm xong, cô ta nuốt bình hồ lô trở lại. Khi Phạm chí thức dậy, đem người phụ nữ đặt trong bình hồ lô rồi nuốt vào bụng, chống gậy đi.

Thái tử trở về nước xin vua cho mời Phạm chí và các vị cận thân đến. Lại sai người làm một bữa cơm cho ba người ăn, rồi để qua một bên. Phạm chí đi đến thấy mâm cơm có ba phần ăn liền nói:

- Tôi chỉ đến một mình.

Thái tử nói:

- Này Phạm chí! Ông hãy gọi vợ mình ra cùng ăn. Phạm chí bắt đắ dĩ phải đem vợ ra.

Thái tử lại nói với người vợ của Phạm chí:

- Bà cũng nên gọi chồng mình ra đễ cùng ăn.

Thái tử bảo ba lần như thế, bắt đắ dĩ bà ta mới mang chàng trai ra đễ ăn chung. Ba người ăn xong liền bỏ đi.

Vua hỏi thái tử:

- Vì sao con biết đượ chuyện này?

Thái tử tâu:

- Khi trước, con đánh xe đưa mẹ đi dạo trong nước, mẹ đã vén tấm màn, cố ý đễ cho mọi người nhìn thấy mẹ. Lúc ấy, con chợt nghĩ người nữ phần nhiều thích dâm dục. Vì thế, con đã giả vờ đau bụng và đánh xe về. Sau đó, vì chán nản con bỏ vào núi đi dạo thì tình cờ thấy đượ việc Phạm chí giấu người phụ nữ trong bụng. Người nữ là như thế đó, họ dâm dục không bao giờ dừng. Cúi xin đại vương trả tự do cho tất cả cung nữ đễ họ tùy ý muốn đi đâu thì đi.

Vua chấp nhận thỉnh cầu của thái tử, ra lệnh cho hậu cung:

- Người nào muốn đi thì cứ tùy ý!”

[134c] Luận nói: “Người không đắ tin trong thiên hạ chính là người nữ!”

Kinh *Cựu tạp thí dụ* ghi: “Thuở xưa, có một người nhà giàu nọ, thường giữ kín vợ mình không cho bất cứ ai trông thấy. Người vợ mới sai người hầu đào một đường hầm rồi tư thông với người thợ bạc. Sau đó, bà bị người chồng phát hiện, người vợ nói:

- Đòi thiếp chưa bao giờ quan hệ bất chính, chàng chớ đổ oan cho thiếp!

Người chồng nói:

- Ta không tin nàng, ta sẽ đưa nàng đến chỗ cây thần để nàng thề.

Người vợ nói:

- Được thôi!

Sau đó, người chồng trì trãi bảy ngày. Khi chồng mới vào thắt, người vợ liền lên nói với người thợ bạc: ‘Chàng hãy giả làm một người điên ra chợ xin ăn, khi gặp thiếp ở giữa đám đông chàng làm bộ ôm chầm, lôi kéo và vuốt ve, đùa giỡn’.

Người chồng trì trãi bảy ngày xong, liền dẫn người vợ đi đến chỗ cây thần.

Người vợ nói:

- Từ hồi nào tới giờ thiếp chưa biết chợ, chàng có thể dẫn thiếp đi ngang qua chợ một lần không? Người chồng chiều ý vợ dẫn cô ta đi ngang qua chợ. Như kế hoạch đã định, vừa thấy cô ta người thợ bạc liền đến ôm chầm, vuốt ve và giả điên nằm lăn ra trên đất. Người vợ liền trách chồng:

- Tại sao chàng lại để người này ôm lấy thiếp?

Người chồng nói:

- Đó là người điên, nàng đừng để bụng!

Rồi hai vợ chồng dẫn nhau đến chỗ cây thần. Người vợ cúi đầu thề:

- Đòi tôi chưa bao giờ làm chuyện gì xấu, nhưng nay lại bị người điên kia ôm.

Nhờ thế mà người vợ được thoát tội. Người chồng thì chỉ biết im lặng, lấy làm xấu hổ.

Đức Phật nói:

- Nên biết, tất cả người nữ gian trá như thế, thật không đáng tin’.

Luật *Thập tụng* ghi: “Đức Phật ở nước Xá-vệ, bấy giờ có người thuộc dòng dõi bà-la-môn sinh được một người con gái rất xinh đẹp, đặt tên là Diệu Quang.

Thầy tướng nói: ‘Đứa bé này về sau sẽ hành dâm với năm trăm người nam’. Chuyện này mọi người đều biết.

Năm đứa bé mười hai tuổi, nhưng vẫn chưa có ai xin hỏi cưới. Bấy giờ, có một người lái buôn gần nhà vị bà-la-môn kia, người lái buôn này thường ra biển tìm châu báu, ít khi ở nhà. Một hôm, ông đang ở trên lầu, từ xa trông thấy cô gái lập tức lòng dục nổi lên, ông hỏi những người xung quanh:

- Cô gái kia con ai ?

Mọi người đáp:

- Là con gái của người bà-la-môn đó.

Người lái buôn hỏi tiếp:

- Cô ấy có chồng chưa?

Đáp: Chưa.

Người lái buôn lại hỏi:

- Có ai cầu hôn chưa?

Đáp: Chưa có ai cầu hôn.

Người lái buôn ngạc nhiên hỏi:

- Vì sao không ai chịu cầu hôn?

Mọi người đồng thanh nói:

- Thầy tướng tiên đoán: ‘Cô gái này về sau thế nào cũng sẽ hành dâm với năm trăm người đàn ông’. Vì thế mãi cho đến nay vẫn không có ai dám cầu hôn với cô ta.

Lúc ấy, người lái buôn liền nghĩ: ‘Nhà ta ngoài hàng sa-môn Thích tử ra không có ai đến’. Nghĩ vậy rồi, ông liền đến nhà người bà-la-môn xin cưới cô gái ấy. Cô gái về nhà chồng chưa bao lâu thì người lái buôn lại cùng các thương buôn khác chuẩn bị đi biển. Trước khi đi, ông gọi người giữ cửa đến và dặn:

- Ta sắp đi biển, người chớ để bất cứ người nam nào vào nhà tùy tiện, trừ hàng sa-môn Thích tử. Vì hàng sa-môn Thích tử không bao giờ làm điều sai trái.

Người giữ cửa thưa:

- Xin vâng!

Người lái buôn đi rồi, cũng như thường lệ các tì-kheo vẫn đến nhà ấy khát thực. Vợ của người lái buôn thấy các vị sa-môn liền nói:

- Hãy quan hệ với tôi!

Các tì-kheo không biết vì sao cô ta lại nói như vậy, mới đem việc ấy hỏi Phật.

Đức Phật dạy:

- Nhà ấy chắc chắn có người bất chính, các ông chớ đến đó nữa.

Vợ của người lái buôn về sau mắc bệnh và đã qua đời vào lúc nửa đêm. [135a] Người trong nhà đem tất cả đồ trang sức của cô bỏ cùng với tử thi rồi khiêng ra bãi tha ma.

Bấy giờ, có năm trăm tên cướp đi ngang qua nơi ấy, họ trông thấy thi thể cô gái chột lòng dục nổi lên, rồi họ thay nhau hành lạc trên xác chết cô gái.

Do người nữ đó trước kia mời các sa-môn, bà-la-môn hành dâm với mình, nên nay bị đọa vào đường ác. Cô ta đã sinh đến phương bắc của nước ấy làm con rồng cái tên là Tì-ma-đạt-đa”.

Bài kệ *Chính báo*:

*Tà dâm chịu ngục hình,
Lên núi đao, rừng kiếm,
Sắt nung đóng vào miệng,
Đông sôi rót vào tim,
Ròng độc nghiền xương tủy,
Chuột sắt cắn thân hình,
Ôm cột đồng lên xuống,
Nằm giường sắt tối tăm.*

Bài tụng về Tập báo:

*Tham dâm loạn thân tâm,
Chịu khổ trong lần ngoài,
Nếu còn được làm người,
Thì vợ thường phản bội,
Luôn nghi ngờ lẫn nhau,
Không ai chịu nhường ai,
Người có chút tính linh,
Sao chẳng biết hổ thẹn.*

XXIII.4. Nói lời giả dối

Người sinh ra trong cõi đời, gặp phải thời ô trược; đã mang thân giả tạm, còn ở trong thế giới phù hư. Vì thế, ý nghĩ không thật, đặt điều vu khống, lòng đầy dẫy mê hoặc, điên đảo nghịch lòng; trái lý, lời nói giả dối, mê hoặc mọi người, làm cho họ hiểu sai, dẫn đến muôn khổ bủa vây, trăm lo

dần vất. Nếu người gieo nhân hư dối thì gặt quả hèn hạ, địa ngục đã quá khổ lại thêm nước sôi, tro nóng. Do nói dối phải gặt quả báo không hiểu chính pháp, chẳng biết giả-thật.

Bài kệ kinh *Chính pháp niệm ghi*:

Người nói năng dối trá,

Làm khổ não chúng sinh,

Họ là người ngu si,

Dù sống cũng như chết.

Dao lòi tự cắt lưỡi,

Làm sao lưỡi khỏi rơi!

Luôn nói lời dối trá,

Thì mất hết công đức,

Người nói lời giả dối,

Trong miệng có rắn độc.

Dao ở ngay trong miệng,

Thêm lửa dữ cháy bùng,

Độc trong miệng thật độc,

Độc của rắn chẳng bằng.

Miệng độc, hại chúng sinh,

Chết rồi đọa địa ngục,

Người nói lời dối trá,

*Trong miệng mủ tuôn hoài.
Lưỡi khác gì bùn dơ,
Cũng giống như lừa dữ,
Nếu ai nói xấu người,
Thì hay bị khinh chê,
Người tốt thường lánh xa,
Trời cũng không ủng hộ,
Thường ganh tị với người,
Cũng ghét bỏ chúng sinh,
Rồi tìm cách nã loạn,
Nhân đổ vào địa ngục.
Kinh Ưu-bà-tắc giới ghi:
Nếu lại có người,
Thường hay nói dối,
Sẽ bị quả báo,
Răng thưa miệng méo.
Dù có nói thật,
Người cũng không tin,
Ai cũng oán ghét,
Thấy mặt chẳng ưa,*

Là quả hiện tại.

Đã gây nghiệp ác,

Sau khi chết rồi,

Rơi vào địa ngục,

Chịu vô lượng khổ,

Đói khát, nóng bức,

Là quả vị lai.

Đã gây nghiệp ác,

Nếu được làm người,

Miệng bị méo lệch,

Tuy có nói thật,

Người cũng không tin,

Người không thích nhìn.

Hoặc nói chính pháp,

Cũng không ai nghe,

Người làm việc ác,

Do sức nghiệp duyên,

Tất cả vật dụng,

Đều bị thiếu thốn.

Qua đây, chúng ta biết rằng người nói dối nhất định phải chịu quả khổ trong ba đời.

Kinh *Thiền bí yếu* ghi: “Bốn chúng đệ tử của Phật, người nào vì lợi dưỡng tham cầu không biết chán, vì thích tiếng tăm mà giả dối làm ác, thật chẳng tu hành, thân miệng phóng túng, hành động tùy tiện, vì tham cầu lợi dưỡng mà nói ta tọa thiền... thì người ấy phạm Thâu-lan-giá. Nếu ti-kheo có tội mà không chịu phát lồ, cũng không tự mình sửa đổi, dù chỉ che giấu chốc lát cũng đã phạm tội tăng tàn⁶⁰³. Nếu che dấu một ngày đến hai ngày, phải biết ti-kheo này chính là giặc, là la-sát trong loài người, sau này nhất định đọa vào đường ác và phạm tội nặng.

Nếu ti-kheo, ti-kheo ni thật chẳng thành tựu được phép quán xương trắng mà tự cho mình đã thành tựu, cho đến nói thành tựu được phép quán sô tức thì người này đã dối gạt mê hoặc trời, rồng, quỷ thần v.v... Bọn người ác ấy là dòng họ ma Ba-tuần⁶⁰⁴, vì đã nói dối. Nếu họ nói: ‘Ta chứng đắc được phép quán bất tịnh⁶⁰⁵, cho đến phép quán đỉnh⁶⁰⁶, [135c] thì sau khi chết, họ liền đọa vào địa ngục A-tỳ. Ở trong địa ngục trải qua một kiếp, ra khỏi địa ngục rơi vào ngạ quỷ, trải qua thời gian tám trăm năm phải nuốt hoàn sắt nóng. Chịu khổ trong ngạ quỷ xong, lại đọa vào súc sinh, thân thường mang nặng chớ nhiều, khi chết bị lột da xẻ thịt, trải năm trăm đời rồi mới được sinh lại làm người. Khi làm người thân thường mắc bệnh đui mù, câm ngọng, tàn tật đủ điều, chịu tất cả khổ như thế không thể kể xiết’.

Kinh *Chính pháp niệm* ghi:

Cam lộ hay độc được,

Đều từ lưỡi mà ra,

Cam lộ là lời thật,

Độc được là lời gian.

Nếu người cầu cam lộ,

⁶⁰³ Tăng tàn 僧殘 (S: saṃghāvaśeṣa): tội nặng thứ hai trong năm thiên bảy tụ. Vị tăng phạm tội này thì pháp mạng sắp hết, chỉ còn sót lại ít, như người bị chém sắp chết, chỉ còn hơi thở thoi thóp.

⁶⁰⁴ Ma ba-tuần 魔波旬 (S: Mārāpapiyaṇa): tên gọi khác của Ma vương.

⁶⁰⁵ Quán bất tịnh (bất tịnh quán 不淨觀; S: a-subhā-smṛti): phép quán bất tịnh là một trong năm phép quán của “Ngũ đỉnh tâm quán”. Bất tịnh quán có hai cách: quán sự bất tịnh ngay trên thân mình; quán sự bất tịnh trên thân người khác.

⁶⁰⁶ Đỉnh pháp 頂法 (Cg: đing vị; S: mūrdhāna): một trong bốn thiện căn. Hai thiện căn noãn và đing trong bốn thiện căn gọi là động thiện. Hai thiện căn nhẫn và thể đệ nhất gọi là bất động thiện. Ngôi này cao nhất trong động thiện, ví như đỉnh đầu là cao nhất trong con người nên gọi là đỉnh pháp.

*Thì nên nói lời thật.
Nếu ai muốn độc dược,
Thì cứ nói chua ngoa.
Thuốc độc không giết người,
Nói dối ắt sẽ chết,
Như người luôn nói dối,
Thì giống như người chết.
Nói dối không lợi mình,
Lại càng không lợi người,
Mình và người không vui,
Cớ sao phải gian dối.
Nếu thật là người ác,
Thích nói lời dối gian,
Sẽ rơi trên đao lửa,
Khổ não vô cùng tận.
Độc hại tuy rất ghê,
Nhưng chỉ hại một thân,
Nghệp ác của vọng ngữ,
Sẽ hại trăm nghìn đời.*

Kinh *Phật thuyết Tu-lại*⁶⁰⁷ ghi: “Đức Phật dạy: Nói dối không những tự lừa dối chính mình mà còn dối người. Người nói dối mắc quả báo thân thể hôi hám, lời nói và tâm ý của họ trái ngược nhau, làm cho tâm luôn bất an. Người nói dối lại mắc quả báo miệng hôi hám, thân hình xấu xí, thiên thần xa lánh. Người nói dối là tự đánh mất tất cả các thiện căn, bản thân mê muội quên mất đường lành. Vì thế, người nói dối là gốc của tất cả các việc ác, đoạn dứt hạnh lành và cuộc sống tĩnh lặng”.

Kinh *Chính pháp niệm* ghi: “Vua Diêm-la nói kệ quở trách tội nhân:

Lời thật được an vui,

Lời thật được niết-bàn,

Lời dối sẽ khổ đau,

Đời này và đời sau.

Nếu không bỏ nói dối,

Thì sẽ bị khổ đau.

Lời thật không cần mua,

Thật dễ được, chẳng khó,

Cũng không từ đâu đến,

Lại chẳng cầu xin ai,

Cớ sao phải xa lìa,

Ưa thích lời dối trá.

Người nói lời không thật,

⁶⁰⁷ Kinh Phật Thuyết Tu-lại (Phật thuyết Tu-lại kinh 佛說須賴經; S: Sūrata-paripṛchā): kinh, một quyển, do ngài Bạch Diên người nước Ngụy, sống vào đời Tam Quốc dịch; được xếp vào Đại Chính tạng, tập 12. Nội dung kinh này thuật chuyện trong thành Xá-vệ của Ấn Độ cổ có một người bạn cùng tên Tu-lại, đức hạnh ưu việt, giữ gìn giới luật kiên cố và tu pháp Thập thiện.

*Ấy là nhân địa ngục.
Nhân xưa vốn đã làm,
Than van có ích chi.
Lửa vọng ngữ mạnh nhất,
Thieu đốt cả biển khơi,
Huống là đốt kẻ dối,
Giống như đốt cỏ cây.
Nếu người không nói thật,
Mà luôn nói dối gian,
Người ngu si như thế,
Bỏ ngọc ngà, ôm đá.
Nếu người không thương mình,
Mà thích vào địa ngục,
Lửa vọng ngữ nơi thân,
Lập tức đốt cháy hình,
Lời thật rất dễ được,
Trang nghiêm cho mọi người,
Mà lại bỏ lời thật,
Vì ngu, đến chỗ này.
Luận Đại trí độ ghi:*

Lời thật là bậc nhất,

Là nấc thang lên trời,

Lớn nhỏ đều như nhau,

Nói dối địa ngục vào.

Luận *Tát-bà-đa* ghi: “Người không nói dối, khi thuyết pháp, luận nghị, dẫn giải nếu gặp những vấn đề không phân định được là phải hay trái thì không được tự cho mình là đúng mà phải chí thành học người, như vậy mới không mắc lỗi. Còn không thì cũng giống như búa nằm trong miệng”.

Luật *Thập tụng* ghi: “Nhu người cao sang quý phái, mà cho là hạng bần cùng hèn hạ, như người hai mắt cho là một mắt... tất cả những cách nói như thế đều gọi là vọng ngữ. Hoặc nói với người một mắt: ‘Người là kẻ mù’... đều mắc tội khinh thường xúc phạm người khác”.

Chính báo tụng ghi:

Nói dối gạt gẫm người,

Địa ngục chịu tội khổ,

Cửa nóng xé thân hình,

Sắt đỏ cày trên lưỡi,

Đồng sôi lại rưới vào,

Chùy sắt nghiền tan thân,

Xương cốt nát đôn đau,

Kêu rên mãi chẳng ngừng.

Tập báo tụng ghi:

Nói dối đọa ba đường,

*Chịu tội nơi ấy rồi,
Nghiep còn, sinh làm người,
Bị chê bai buồn khổ,
Lại còn bị đối gạt,
Nóng giận như lửa đốt,
Người trí chẳng trách ai,
Vì biết rõ nhân quả.*

XXIII.5. Nói lời hung ác

Ngon lửa giận hờn của hàng phàm phu lúc nào cũng hùng hực, hễ gặp điều kiện liền bùng cháy, vấp phải nghịch cảnh liền nổi giận. Vì thế, chúng sinh hễ buông lời liền giận dữ, mở miệng đốt cháy lòng, làm tổn thương người khác, đau đớn hơn dao cắt. Người nào nói ra những lời lẽ như thế thì trái với thiện tâm của bồ-tát, ngược với lời dạy từ ái của Đức Phật.

Kinh *Nghiep báo sai biệt*⁶⁰⁸ có bài kệ:

*Lời nói xúc não người,
Bói móc chuyện riêng tư,
Ngang bướng khó điều phục,
Làm quỷ đói ngậm lửa.*

Luận *Đại trí độ* ghi: “Có một con quỷ đói, đời trước nó làm người, thường nói năng thô lỗ và hay dùng lời ác mắng nhiếc chúng sinh. Chúng sinh oán ghét người này, xem như kẻ thù. Vì nghiệp nói lời thô ác ấy nên sau khi chết người ấy bị đọa vào trong loài quỷ đói này”.

⁶⁰⁸ Kinh *Nghiep báo sai biệt* (Nghiep báo sai biệt kinh 業報差別經): kinh, một quyển, do ngài Cù Đàm Pháp Trí đời Tùy dịch. Nội dung nói về việc Đức Phật đã giảng cho trường giả Thủ-ca biết tất cả chúng sinh đều bị trói buộc vào nghiệp, đều nương theo nghiệp, tùy theo nghiệp mà chuyển vận.

Kinh *Pháp cú*⁶⁰⁹ ghi: “Dù làm sa-môn nhưng nếu không giữ thân, miệng mà cứ nói lời thô lỗ, làm tổn thương nhiều người, người ấy chẳng những không được mọi người kính mến mà những bậc có trí tuệ cũng không thương xót. Sau khi chết thân thức người ấy quanh quẩn mãi trong ba đường, sinh rồi chết, chết rồi sinh, chịu khổ vô cùng. Lại cũng chẳng được Phật và các bậc hiền thánh thương xót. Nếu chúng sinh dù thân không có lỗi, nhưng do không giữ gìn cẩn thận khẩu nghiệp thì cũng bị đọa vào đường ác”.

Luận ghi: “Bấy giờ có một con quỉ, đầu của nó giống như đầu heo, dò từ trong miệng bò ra nhưng toàn thân lại có ánh sáng sắc vàng rực rỡ. Con quỉ này đời trước là một tì-kheo, vì dùng lời lẽ thô ác mắng nhiếc tì-kheo khác nên mắc quả báo bị trùng từ trong miệng bò ra, lại nhờ giữ giới nên thân có ánh sáng sắc vàng rực rỡ”.

Kinh *Tăng nhất A-hàm* ghi: “Thà dùng kiếm bén cắt đứt lưỡi mình, chớ dùng bao giờ nói lời thô lỗ mắng chửi, để phải bị đọa vào ba đường”.

Kinh *Hộ khẩu* ghi: “Vào thời quá khứ, có Đức Phật Ca-diếp xuất hiện ở đời, giảng nói giáo pháp. Khi việc giáo hóa đã hoàn mãn, Ngài vào cảnh giới Vô dư Niết-bàn. Sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn, có một vị tam tạng tì-kheo, tên là Hoàng Đầu. Chúng tăng nói với Hoàng Đầu: ‘Tất cả các việc vụn vặt thầy khỏi phải làm, chỉ xin thầy lo giảng dạy diệu pháp cho hàng hậu học’.

Bấy giờ, tì-kheo Tam Tạng trong lòng khinh miệt nhưng không thể làm trái mệnh lệnh của tăng, bắt đấng dĩ Hoàng Đầu phải diễn giảng nghĩa kinh cho hàng hậu học, nhưng trong lúc giảng kinh, ông lại gọi người học: ‘Kẻ đầu voi kia hãy tiến nhanh về phía trước!’. Cứ như thế lần lượt ông gọi người khác là đầu ngựa, đầu lạc đà, đầu heo, đầu dê, đầu sư tử, đầu hổ. Ông gọi những người nghe pháp bằng tên các loài thú như thế nhiều không sao kể hết.

Tuy Hoàng Đầu giảng dạy kinh điển, nhưng ông cũng không khỏi tội ấy. Sau khi qua đời, ông bị đọa vào địa ngục, [136c] trải qua mấy nghìn vạn

⁶⁰⁹ Kinh Pháp Cú (Pháp cú kinh 法句經, S: Dhammapada): kinh, hai quyển, ba mươi chín phẩm, bảy trăm năm mươi hai bài tụng, do ngài Pháp Cú, người Ấn Độ soạn, ngài Duy-kì-nan nước Ngô dịch vào thời Tam Quốc, được xếp vào Đại Chính tạng, tập 4. Nội dung gom góp những bài kệ do Đức Phật nói trong các kinh mà biên tập thành.

kiếp chịu khổ vô cùng. Tội báo chưa hết nên từ địa ngục sinh vào trong biển lớn mang thân của loài ở nước. Một thân có một trăm đầu, hình thể to lớn vô cùng. Các loài khác trông thấy nó đều tránh xa”.

Kinh *Xuất diệu*⁶¹⁰ ghi: “Thuở xưa khi Đức Phật còn ở đời, tôn giả Mãn Túc đi vào cảnh giới naga quý, gặp một con quý hình thù xấu xí, ai thấy cũng phải rợn người kinh hãi. Thân nó tự nhiên bốc cháy phừng phừng giống như một đồng lửa lớn, dòi trong miệng bò ra, máu mủ chảy tràn ra ngoài, hôi thối không sao đến gần được. Hoặc miệng nó phát ra lửa phun xa mười mấy trượng hoặc mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và các chi phóng ra lửa dữ xa mười mấy trượng. Mũi miệng của nó lòng thông giống như lợn rừng, thân lại dài rộng một do tuần. Nó lấy tay tát vào mặt rồi gào khóc thảm thiết, chạy rảo từ đông sang tây.

Tôn giả Mãn Túc thấy thế mới hỏi:

- Người đã gây ra tội nghiệp gì mà nay phải chịu quả khổ này?

Quý đỏi thưa:

- Xưa kia tôi xuất gia, vì luyện tiếc phòng ốc, tham lam không xả bỏ; ý mình thuộc dòng dõi quý tộc nói năng thô lỗ, độc ác. Nếu thấy từ-kheo giữ giới, nỗ lực tu hành thì lại nhục mạ, hoặc trề môi, nheo mắt, hoặc nói ngược, nói xuôi, vì những nguyên nhân đó mà phải chịu quả báo khổ sở này.

Thế nên, thà lấy dao bén tự cắt đứt lưỡi mình trải qua nhiều kiếp chịu khổ, chớ đừng bao giờ mắng chửi, chê bai từ-kheo nỗ lực tu hành, giữ giới nghiêm mật.

Quý đỏi lại thưa với ngài Mãn Túc:

- Khi tôn giả trở về nhân gian nên đem hình ảnh của tôi mà nhắc các từ-kheo, khuyên mọi người nên giữ gìn lỗi lầm của miệng, chớ nói lời hư dối. Nếu thấy có người giữ giới thì nên khen ngợi công đức của người đó. Từ khi tôi mang thân quý đỏi này đến nay đã trải qua mấy nghìn vạn năm, luôn

⁶¹⁰ Kinh Xuất diệu (Xuất diệu kinh 出曜經): kinh, ba mươi quyển, tôn giả Pháp Cứu soạn, Trúc Phật Niệm dịch vào đời Diêu Tần.

luôn chịu khổ sở như thế này. Vừa bỏ thân này thì ngay lập tức đọa vào địa ngục.

Qui đói nói như vậy rồi gào khóc thảm thiết và gieo mình xuống đất như núi Thái sụp đổ, như trời long đất lở”.

Những quả báo như thế đều do lỗi của miệng gây ra!

Kinh *Bách duyên* ghi: “Có người vợ của một ông trưởng giả, khi mang thai thân thể hôi hám không ai có thể đến gần. Đến kỳ khai hoa nở nhụy bà sinh ra một bé trai giống như bộ xương, gầy còm không ai dám nhìn; phân tiểu chảy ra khắp thân. Đứa bé mỗi ngày một lớn, nhưng nó không muốn ở nhà chỉ thích ăn phân như, không cách nào bỏ được. Cha mẹ và những người thân đều chán ghét không muốn thấy nó nên cho nó ở riêng trong một ngôi nhà cách họ rất xa. Được tự do ở bên ngoài, đứa bé tha hồ mà ăn phân. Mọi người thấy vậy, gọi nó là Đạm-bà-la. Sau đó, đứa bé gặp được Phật xuất gia, tu hành chứng quả A-la-hán.

Nhân duyên là vào thời Phật Câu-lưu-tôn, đứa bé xuất gia, trụ trì một ngôi chùa. Bấy giờ, có Phật tử tại gia cúng dầu thơm để chúng tắm xoa thân sau khi tắm rửa. Trong chúng tắm có một vị đã chứng quả A-la-hán, vị trụ trì thấy vậy liền nổi giận mắng vị a-la-hán: ‘Ông là người xuất gia mà còn dùng dầu thơm xoa thân thể, [137a] thì chẳng khác gì dùng phân người bôi lên thân’.

A-la-hán cảm thương vị trụ trì nên thị hiện thân thông. Vị trụ trì thấy thế liền thành khẩn sám hối, mong trừ diệt được tội chướng.

Vì tạo nghiệp ác mắng chửi như thế nên vị trụ trì phải mắc quả báo trải qua năm trăm đời thân thường bị hôi thối, không ai dám gần gũi, nhưng nhờ thưở xưa xuất gia và đã tha thiết sám hối với vị a-la-hán nên nay được gặp Phật xuất gia chứng đắc đạo quả. Vì thế chúng sinh nên giữ gìn khẩu nghiệp, chớ có mắng chửi, nhục mạ người”.

Kinh *Hiện ngu* ghi: “Khi Phật còn tại thế, có lần Ngài cùng với các tì-kheo trên đường đi về thành Tì-xá-li, đến sông Lê-việt, Ngài thấy những ngư phủ bắt được một con cá có một trăm cái đầu và có tới năm trăm người cùng nhau kéo con cá lên bờ nhưng không sao kéo được. Bấy giờ, có năm

trăm người chần bò bên bờ sông, họ đều thả bò và cùng nhau phụ kéo. Nhờ sức của một nghìn người hợp lại mới kéo được con cá lên bờ. Thấy con cá quái lạ, mọi người tranh nhau đến xem. Phật và các tì-kheo cũng đến. Đức Phật liền hỏi:

- Người có phải là Ca-tì-lê không?

Con cá đáp:

- Thưa phải.

Ngài lại hỏi:

- Thầy của người hiện đang ở đâu?

Con cá đáp:

- Thầy tôi đã bị đọa vào địa ngục A-tì rồi.

Lúc ấy, tôn giả A-nan chứng kiến và nghe qua câu chuyện, lấy làm lạ mới thưa Phật :

- Bạch Thế Tôn! Chuyện này là thế nào?

Phật bảo A-nan:

- Thuở xưa khi Phật Ca-diếp ra đời, có một người dòng dõi bà-la-môn, người này sinh được một người con trai, đặt tên là Ca-tì-lê. Ca-tì-lê thông minh, học rộng, nghe nhiều bậc nhất. Sau khi cha Ca-tì-lê qua đời, người mẹ hỏi:

- Nay con đã là bậc cao minh, thế gian này có ai biện luận thắng con không?

Người con thưa:

- Hàng sa-môn rất giỏi, con có nghi ngờ gì đến hỏi họ, họ đều giải thích cho con hiểu rõ. Ngược lại, nếu họ hỏi con, con không sao trả lời được.

Người mẹ hỏi con:

- Làm thế nào con có thể học được pháp của họ?

Người con thưa:

- Nếu muốn học pháp của họ thì phải là sa-môn. Chúng ta là hàng bạch y làm sao có thể học được?

Người mẹ bảo con:

- Nay con tạm giả làm sa-môn để học pháp của họ, khi nào học thành sẽ trở về nhà.

Người con nghe theo lời mẹ dạy giả làm tì-kheo. Trải qua một thời gian ngắn, người con học thông cả tam tạng và hoàn tục trở về nhà.

Người mẹ lại hỏi:

- Bây giờ con biện luận thắng họ chưa?

Người con thưa:

- Vẫn chưa thắng được họ.

Người mẹ lại bảo con:

- Từ nay trở về sau, mỗi khi đàm luận với họ, nếu không thắng thì con quay sang chửi mắng, làm như thế con sẽ thắng được họ. Người con nghe theo lời mẹ dặn. Sau đó, người con đàm luận với các tì-kheo bị thua, nhớ lời mẹ dặn, liền quay sang mắng chửi các tì-kheo: ‘Các ông là những sa-môn ngu đần, không hiểu biết, đầu các ông như đầu thú’. Thế rồi, người con dùng đến cả trăm đầu thú để so sánh mắng chửi các tì-kheo. Do trước kia người con mắng nhiếc các tì-kheo như vậy nên nay mắc quả báo phải mang thân cá, một thân có một trăm đầu, đủ tất cả các loại đầu của các loại cầm thú như: đầu lạc đà, đầu lừa, đầu bò, đầu ngựa, đầu heo, đầu dê, đầu chó v.v...

Tôn giả A-nan hỏi Phật:

- Đến khi nào người con kia mới thoát khỏi thân cá này?

[137b] Đức Phật bảo A-nan:

- Trong kiếp Hiền, khi một nghìn Đức Phật xuất hiện và nhập diệt hết rồi kẻ ấy vẫn không thoát khỏi thân cá này.

Thế nên, mọi người phải hết sức thận trọng đối với ba nghiệp thân, khẩu và ý”.

Truyện về hành trình của Vương Huyền Sách ghi: “Khi còn ở đời, có lần Đức Phật đi đến thành Tì-da-lê, Ngài quán sát thấy tất cả chúng sinh chịu nhiều khổ não nên muốn cứu độ. Ngài lại thấy trong nước kia có hai nhóm Kê-việt-trá⁶¹¹, tổng cộng năm trăm người đánh được một con cá lớn Ma-kiệt ở sông Bà-la-câu-mạt-đề. Con cá có một trăm linh tám đầu, ba mươi sáu con mắt. Nó có nhiều đầu, hình thù giống với đầu của nhiều loại thú khác nhau như đoạn trước đã mô tả. Đức Phật nói pháp cho con cá nghe, cá liền xả báo thân ngay lúc đó và được sinh lên trời làm thiên tử. Sau đó, cá quán sát biết thân trước mình là một con cá lớn, nhờ nghe Phật thuyết pháp mà được sinh lên trời, nó mang tất cả các thứ hoa, hương, chuỗi ngọc, châu báu cõi trời trở lại nhân gian, đến cúng dường Phật. Bảy giờ, hai nhóm Kê-việt-tra chứng kiến đều sấm hối lỗi lầm. Họ cùng nhau tiến về hướng bắc cách sông Bà-la-câu-mạt-đề hơn một trăm bước đốt lưới, thiêu cá, lại dùng bình bằng đồng đựng hết tro tàn và chôn cất kỹ lưỡng. Đồng thời, họ xây dựng một ngôi bảo tháp ngay trên chỗ đức Phật đã nói pháp và dựng một bức tượng cao lớn cho đến nay vẫn còn. Tháp ấy được xây dựng đúng như pháp cho nên ai thấy cũng hài lòng”.

Kinh *Bách duyên* ghi: “Khi Đức Phật còn tại thế, bảy giờ vợ của vua Ba-tư-nặc là hoàng hậu Mạt-lợi phu nhân sinh được một công chúa tên là Kim Cương. Kim Cương vô cùng xấu xí, da dẻ sần sùi như da rắn; đầu tóc thô cứng như đuôi ngựa. Vua thấy vậy không vui, ra lệnh giam ở thâm cung không cho ra ngoài. Công chúa ngày một lớn và đã đến tuổi lấy chồng. Vì thế, vua sai một đại thần: ‘Khanh hãy đi tìm một người trước đây vốn thuộc dòng họ giàu có nhưng nay bị nghèo thiếu rồi dẫn người đó đến gặp

⁶¹¹ Kê-việt-trá 鷄越吒: (Cg: Li-xa-bì; S: Licchavi, Lecchavi): chủng tộc Sát-đề-lợi ở thành Tì-xá-li thuộc miền Trung Ấn Độ, là một bộ phận của chủng tộc Bạt-kì.

trẫm’. Vị đại thần vâng lệnh vua tìm được một người như thế liền dẫn đến gặp vua.

Vua đưa người ấy đến chỗ vắng rồi nói nhỏ:

- Trẫm nghe khanh sinh ra trong dòng họ giàu có nhưng nay lâm vào cảnh nghèo thiếu, trẫm có một đứa con gái rất xấu xí, nếu khanh bằng lòng cưới nó làm vợ trẫm sẽ cung cấp tiền bạc châu báu cho khanh.

Người nghèo khổ liền quỳ xuống tâu vua:

- Giả sử đại vương ban cho thần một con chó, thần còn không dám trái ý, huống chi được đại vương ban cho thần con gái cung của phu nhân Mặt-lợi!

Vua liền cử hành lễ cưới cho anh ta. Đồng thời cho xây dựng ngôi nhà có bảy lớp cửa và dặn người con rể: ‘Con phải giữ khoá cửa, khi ra lúc vào nhớ khoá thật kĩ, chớ để người khác trông thấy con gái trẫm’. Nhà Vua lại xuất tiền tài, vật báu cung cấp cho con rể, không để cho nó thiếu thốn thứ gì và phong cho làm đại thần.

Một thời gian sau, các nhà giàu có trong nước cùng nhau tổ chức yến tiệc. Theo quy định khi tham dự đại hội mỗi người phải dắt vợ đi cùng, nên tất cả mọi người ai cũng dắt vợ theo, riêng vị đại thần kia chỉ đến một mình. Mọi người lấy làm lạ và cho rằng: ‘Vợ của anh ta, hoặc là rất đẹp, hoặc là quá xấu, nên không dám xuất hiện trước mọi người vì thế chẳng đến dự hội’.

Đại hội hoàn mãn, mọi người cùng nhau phục rượu vị đại thần kia đến say, lăn ra ngủ. Họ tìm lấy chìa khoá cửa trong người anh ta rồi cử năm người đến nhà vị ấy xem thực hư thế nào. Khi năm người đến mở cửa nhà vị đại thần, người vợ đoán biết không phải chồng mình, [137c] nàng tự trách, buồn bã thầm nghĩ: ‘Đời trước ta tạo tội gì mà bị chồng giam cầm không thấy mặt trời, mặt trăng thế này?’. Nghĩ như vậy rồi, cô ta liền vọng hướng về Phật chí tâm đỉnh lễ và nguyện: ‘Xin Phật từ bi đến chỗ con, cứu giúp khổ nạn cho con!’. Phật biết ý nguyện của công chúa, Ngài bỗng từ dưới đất hiện ra trước công chúa. Ngài hiện tóc xanh, công chúa ngẩng đầu nhìn thấy đầu tóc của Phật sinh lòng tôn kính, vui mừng, vì thế, tóc của công

chúa tự nhiên xanh óng. Dần dần Phật cho công chúa thấy mặt, công chúa càng vui vẻ hơn, nhờ vậy mặt mũi của công chúa tự nhiên xinh đẹp lạ thường; làn da sần sùi cũng tự nhiên biến mất. Cuối cùng Phật hiện toàn thân, công chúa nhìn thấy vui mừng vô cùng, vì thế mà thân thể trở nên đẹp, không khác gì tiên nữ.

Bấy giờ, Đức Phật nói các pháp yếu cho công chúa nghe. Nghe xong, công chúa liền chứng quả Tu-đà-hoàn. Sau khi Đức Phật đi, năm người kia mở cửa vào nhà trông thấy một cô gái xinh đẹp tuyệt trần. Xem xong họ khóa cửa lại, trở về và để chìa khoá vào chỗ cũ.

Sau khi tỉnh rượu, người chồng trở về nhà, trông thấy vợ mình tự nhiên đẹp đẽ lạ thường. Anh ta vô cùng vui vẻ và hỏi vợ:

- Nàng là ai?

Người vợ trả lời:

- Thiếp là vợ của chàng đây.

Người chồng nói:

- Trước kia nàng xấu xí, vì sao nay lại đẹp đẽ thế này?

Người vợ trình bày lại mọi việc đã xảy ra cho chồng biết, rồi nói với chồng:

- Thiếp muốn gặp vua cha. Chàng hãy giúp thiếp thưa với phụ vương.

Người chồng vào cung tâu với vua:

- Nay công chúa muốn đến ra mắt bệ hạ.

Vua nói với con rể:

- Đừng bao giờ đề cập đến việc này! Hãy mau mau giam vợ người lại, chớ để nó ra ngoài.

Người con rể tâu với vua cha:

- Nương tử của con nhờ oai thần của Phật mà nay được đẹp đẽ chẳng khác gì tiên nữ.

Vua nghe như thế liền sai người đến đón con gái mình về cung. Thấy con xinh đẹp lạ thường, vua vui sướng vô cùng.

Sau đó, vua dẫn công chúa đến gặp Phật và bạch:

- Không biết công chúa đời trước gieo trồng phúc đức gì mà được sinh vào dòng họ giàu sang, nhưng lại xấu xí như thế?

Đức Phật nói:

- Vào thời quá khứ, ở nước Ba-la-nại có một trưởng giả thường cúng dường cho một vị bích-chi phật nhưng vị bích-chi phật này có thân hình rất xấu xí. Con gái của trưởng giả thấy vị bích-chi phật xấu xí, cô cười chê: ‘Người gì đâu mà da dẻ sần sùi xấu xí thế này!’. Vì khinh chê vị bích-chi phật nên nay công chúa mắc phải quả báo như vậy.

Khi sắp nhập niết-bàn, bích-chi phật liền hiện mười tám món thần biến. Người con gái thấy rồi tự trách mình, khẩn thiết cầu xin sám hối. Vì thuở xưa chê cười bích-chi phật nên cô gái thường bị quả báo thân hình xấu xí. Do biết ăn năn sám hối kịp thời nên nay thân hình đẹp đẽ trở lại. Do cô gái có tâm cúng dường nên dù sinh ở đâu cũng được làm người tôn quý, giàu có, vui sướng”.

Kinh *Hưng khởi hạnh* ghi: “Thuở quá khứ, Đức Thích-ca vì dùng lời ác mắng Đức Ca-diếp: ‘Sa-môn đầu trọc ngu đần ấy làm gì có Phật đạo’. Vì thế nên kiếp sau cùng, trong sáu năm, mỗi ngày Ngài chỉ ăn một hạt mè, hạt gạo hay hạt đậu lớn. Khổ hạnh như thế”.

[138a] Kinh *Tu hành đạo địa*⁶¹² có bài kệ ghi:

Tính nông hay nói càn,

Thô tháo không mềm mại,

⁶¹² Kinh Tu hành đạo địa (Tu hành đạo địa kinh 修行道地經): kinh, bảy quyển, ba mươi phẩm, do sa-môn Chúng Hộ soạn, Trúc Pháp Hộ đời Tây Tấn dịch. Nội dung nêu rõ pháp tướng của ngũ ấm và hành pháp tam thừa.

*Đến đây lại nói kia,
Chẳng nghĩ lợi cho người.
Lời nói không rõ ràng,
Trong tâm nghĩ kế độc,
Như lửa dưới tro tàn,
Người đạp sẽ phồng chân.
Hay nói lời nhỏ nhẹ,
Thuận theo ý của người,
Nói, làm luôn đi đôi,
Không tổn hại người khác,
Như hoa đẹp trên cây,
Ắt sẽ cho trái ngọt.
Như lời dạy của Phật,
Tâm miệng thường hợp nhau.*

Kinh *Bách duyên* ghi: “Lúc Đức Phật còn ở đời, bấy giờ trong thành Vương Xá có một trưởng giả giàu có, tiền tài của báu nhiều không sao tính kể. Vợ trưởng giả mang thai đủ mười tháng, đến ngày khai hoa nở nhụy, bà chuyển bụng, nhưng không sinh được.

Sau đó, vợ trưởng giả lại mang thai, đủ mười tháng, sinh được một người con nhưng thai nhi mang lần đầu tiên vẫn còn nằm bên hông phải. Theo thứ tự như thế, bà mang chín lần, lần nào cũng tròn mười tháng là sinh con. Chỉ riêng thai nhi đầu tiên cứ nằm hoài trong bụng mẹ.

Một hôm, vợ trưởng giả bị bệnh nặng, mặc dù đã dùng nhiều loại thuốc để chữa trị nhưng bệnh vẫn không thuyên giảm. Biết là hết cách, bà dặn người

nhà: ‘Đứa con trong bụng tôi vẫn còn sống. Nếu tôi qua đời, mọi người nhất định phải mổ bụng tôi để cứu lấy đứa con và nuôi dưỡng nó’.

Bấy giờ, người mẹ không thể vượt qua khỏi căn bệnh hiểm nghèo và đã qua đời. Thế là những người thân đem thi thể của bà bỏ ngoài bãi tha ma, và mời thầy thuốc Kỳ-bà mổ bụng ra xem. Quả nhiên họ thấy có một bé trai, thân hình rất nhỏ mà râu tóc bạc phơ. Nó lom khom bước đi, ngoái nhìn bốn phía và nói với những người thân: ‘Các người biết không! Vì đời trước tôi dùng lời độc ác mắng nhiếc, nhục mạ chúng tăng nên nay mắc quả báo ở trong bào thai, trải qua sáu mươi năm chịu khổ sở như thế, khó có thể nói cho hết được’.

Những người thân nghe đứa bé nói, tất cả đều khóc, nghẹn ngào không nói nên lời.

Bấy giờ, Đức Phật từ xa biết được đứa bé này thiện căn đã thuần thực. Ngài cùng các tì-kheo đi đến chỗ tử thi và hỏi đứa bé:

- Người có phải là trưởng lão tì-kheo không?

Đứa bé thưa:

- Dạ phải.

Đức Phật hỏi lần thứ hai, thứ ba, đứa bé vẫn nói ‘Phải’.

Các tì-kheo đi theo Đức Phật, chứng kiến cuộc đối đáp như vậy, lấy làm lạ, liền bạch:

- Bạch Đức Thế Tôn! Đứa bé này đời trước tạo nghiệp gì mà nay phải chịu quả báo ở trong bụng mẹ, râu tóc bạc phơ, lom khom bước đi, lại cùng với Như Lai đối đáp như thế?

Đức Phật nói với các tì-kheo:

- Trong kiếp Hiền, có Đức Phật ra đời hiệu là Ca-diếp. [138b] Bấy giờ vào mùa hạ, chúng tăng an cư. Mọi người đều nhất trí sai một vị tì-kheo già làm duy-na cho tăng. Đồng thời đặt ra quy định: ‘Trong mùa an cư, người nào đắc đạo mới cho phép cùng chúng tăng tự tứ; nếu ai chưa đắc đạo thì

không cho phép tự tứ'. Lúc ấy, chỉ có một mình thầy duy-na kia không đắc đạo, nên tăng không cho phép bố-tát, tự tứ. Vì đó, lòng ông ta buồn bã, bực tức nói: 'Tôi trông coi công việc của tăng để các ông an ổn tu hành, vậy mà nay trở mặt không cho tôi tham dự tự tứ, bố-tát, yết-ma'.

Thế là, vị duy-na nổi giận mắng chửi chúng tăng. Chúng tăng liền bắt ông giam vào trong phòng tối. Ông càng bực tức mắng: 'Tôi sẽ làm cho bọn các ông ở trong chỗ tối tăm, mù mịt không thấy ánh sáng, giống như nay các ông giam tôi trong nhà tối!'.

Nói xong ông tự kết liễu đời mình. Sau khi chết liền bị đọa vào địa ngục, chịu khổ vô cùng, mãi đến nay mới thoát khỏi, nhưng vẫn phải mắc quả báo ở trong bào thai chịu khổ như thế.

Chúng tăng nghe Đức Phật dạy rồi, mọi người tự giữ gìn ba nghiệp, nhằm chán đường sinh tử. Có người chứng được bốn quả Sa-môn; có người phát tâm cầu chứng quả Bích-chi Phật; có người phát tâm cầu chứng quả Vô thượng bồ-đề.

Thế rồi, trưởng giả đem đứa bé về nhà nuôi dưỡng. Đứa bé ngày một lớn khôn, họ cho đứa bé theo Phật xuất gia, tu tập và chứng quả A-la-hán.

Phật bảo các tì-kheo:

- Vì trong quá khứ người ấy từng cúng dường chúng tăng và làm duy-na trông coi công việc của tăng nên nay mới được gặp Phật, xuất gia, chứng quả.

Các tì-kheo nghe Đức Phật dạy rồi, vui vẻ làm theo".

Bài kệ tụng về *chính báo* ghi:

Lời ác như tên độc,

Người trúng bị tổn thương,

Cửa ngục mở đang chờ,

Roi vào chảo nước sôi,

*Cắt lưỡi buộc phải ăn,
Đau khổ không kể xiết.
Nếu không có lợi ích,
Sao chẳng phòng lời nói?
Bài kệ tụng về Tập báo ghi:
Lời ác xúc phạm người,
Bị địa ngục thiêu đốt,
Nếu sinh lại làm người,
Thường nghe lời đay nghiến.
Giả như có luận bàn,
Bị người thêm hờn oán,
Cam tâm chịu quả báo,
Bỏ ác thiện tự nhiên.
Chúc Giải-Huệ Hạnh dịch*

CHỮ KINH YẾU TẬP

QUYỂN 15

XXIII. MƯỜI VIỆC ÁC [tt]

XXIII.6. Nói lười đôi chiều

[138c] Nếu không tu thì đừng có mong ngày ra khỏi sinh, lão, bệnh, tử; nếu tu sẽ có lỗi vào bò-đề, niết-bàn. Sở dĩ chư Phật đắc đạo là do thực hành tứ nhiếp pháp⁶¹³, cho nên người phạm, bậc thánh đều qui y. Bỏ-tát thành thánh là do thực hành lục độ, nên người thiện kẻ ác đều kính ngưỡng.

Nay thấy bọn người thế tục thường dựng lên những lời không chân thật, nói xấu bên này bên kia, khiến cho quyền thuộc của người chia lìa, bạn bè tan rã. Do thích gieo các nghiệp bất hòa, nên họ chiêu lấy quả báo sinh li. Giả sử dùng lòng tốt dạy người xa lìa kẻ ác thì cũng là việc phá hoại, nhưng có lợi ích cho người, nên không bị tội. Do đó, luận *Thành thật* ghi: “Nếu dùng lòng tốt giáo hóa người, dù khiến họ xa lìa nhau, vẫn không phạm tội. Còn dùng lời ác xúi người khác đánh nhau thì gọi là lưỡng thiệt, tội này rất nặng, sẽ đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh; nếu sinh vào loài người, thường bị kẻ khác chê bai, chửi mắng, chỉ gặp được quyền thuộc xấu ác phá hoại mình. Như trong phần lỗi vọng ngữ đã trình bày ở trên, nói dối để gây mâu thuẫn giữa bên này và bên kia, gọi là lưỡng thiệt. Người phạm tội này thì chịu quả báo khổ trong ba đời, như trên đã nói rõ, không cần trình bày lại”.

Luật *Tứ phần*⁶¹⁴ ghi: “Đức Phật bảo các tỳ-kheo:

- Các ông hãy lắng nghe! Ngày xưa, có hai con thú dữ kết bạn với nhau. Một con sư tử tên Thiện Nha, một con cọp tên Thiện Bác, ngày đêm cùng nhau săn bắt hươu, nai để ăn thịt.

Lúc ấy, có một con chồn thường theo sau hai con thú kia, ăn thịt thừa để sống. Bấy giờ, chú chồn suy nghĩ: ‘Nay ta không thể theo họ mãi như thế

⁶¹³ Tứ nhiếp pháp 四攝法 (S: catvāri saṃgraha-vastūni): bốn phương pháp bỏ-tát dùng để nhiếp thụ chúng sinh, khiến họ sinh khởi tâm thân ái mà dẫn dắt họ vào Phật đạo để đạt ngộ. Đó là bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự.

⁶¹⁴ Luật Tứ phần (Tứ phần luật 四分律; S: Dharmagupta-vinaya): luật, sáu mươi quyển, do ngài Phật-đà-da-xá và Trúc Phật Niệm cùng dịch ở Trường An vào đời Diêu Tần, Trung Quốc, khoảng 410-412, được xếp vào Đại chính tạng, tập 22.

được, phải tìm cách gì khiến chúng cãi vã, không còn đi chung với nhau nữa'. Nghĩ như thế rồi, nó liền đến chỗ sư tử Thiện Nha nói:

- Cọp Thiện Bác nói với tôi: 'Ta sinh nơi tốt đẹp, dòng tộc cao quý, tướng mạo và sức mạnh cũng hơn Thiện Nha. Vì sao? Vì mỗi ngày ta đều ăn thịt tươi ngon, Thiện Nha theo sau, ăn những thức ăn thừa của ta để sống'. Thiện Bác còn nói kệ:

Tướng mạo và nơi sinh,

Sức mạnh đều hơn cả,

Thiện Nha không bằng ta,

Thiện Bác nói như thế!

[139a] Thiện Nha hỏi chồn:

- Làm sao ngươi biết được việc này?

Chồn đáp:

- Các anh gặp nhau sẽ tự biết.

Bấy giờ, chồn lén nói với Thiện Nha rồi, liền đến chỗ Thiện Bác nói:

- Anh biết chăng? Thiện Nha nói: 'Hiện nay dòng tộc, nơi sinh và sức mạnh của ta đều trội hơn Thiện Bác. Vì sao? Vì ta thường ăn thịt tươi ngon, còn Thiện Bác theo sau, ăn thức ăn dư của ta để sống'. Thiện Nha còn nói kệ:

Tướng mạo và nơi sinh,

Sức mạnh đều hơn cả,

Thiện Bác không bằng ta,

Thiện Nha nói như thế!

Thiện Bác hỏi:

- Làm sao người biết được việc này?

Chồn đáp:

- Hai anh gặp nhau sẽ tự biết.

Sau đó, hai con ác thú gặp mặt, nhìn nhau rất giận dữ. Sư tử Thiện Nha liền nghĩ: ‘Ta phải hỏi rõ việc này!’ Nghĩ thế rồi liền ra tay đánh Thiện Bác và nói kệ hỏi:

Tướng mạo và nơi sinh,

Sức mạnh đều hơn cả,

Thiện Nha không bằng ta,

Thiện Bác nói thế ư?

Thiện Bác nghĩ: ‘Chắc chắn là do chồn muốn chúng ta đánh nhau’. Nó liền nói kệ đáp:

Thiện Bác không hề nói,

Tướng mạo và nơi sinh,

Sức mạnh đều hơn cả,

Thiện Nha không bằng ta!

Nghe lời không lợi ích,

Tin lời kẻ đâm thọc,

Tự hủy hoại tình thân,

Khiến trở thành oan gia.

Nên dùng trí chân thật,

Để diệt trừ sân hận,

Nếu nói lời thành thật,

Khiến thân được lợi ích.

Nay phải khéo hàng phục,

Diệt trừ ác tri thức,

Nên phải giết chồn kia,

Làm chia rẽ chúng ta.

Nói xong, chúng liền đánh chết chồn kia.

Bấy giờ, Đức Phật dạy các tì-kheo:

- Hai con thú này bị chồn li gián, khiến chúng gặp nhau không vui. Huống gì con người bị kẻ khác li gián mà không phiền não sao?”

Trong kinh *Chính pháp niệm*, Diêm-la vương nói bài kệ trách các tội nhân:

[139b] *Vui quá, nói nhiều lời,*

Tham lam, khiến người sợ,

Lỗi miệng, nói không thật,

Lưỡng thiệt là đứng đầu.

Trong kinh *Hoa thủ*⁶¹⁵, Đức Phật nói kệ:

Ác khẩu và lưỡng thiệt,

Thích nói lỗi người khác,

Đó là người không tốt,

⁶¹⁵ Kinh Hoa thủ (Hoa thủ kinh 華首經; S: Kuśala-mūla-saṃgraha): kinh, mười quyển, do ngài Curu-ma-la-thập dịch vào đời Diêu Tần, Trung Quốc, được xếp vào Đại chính tạng, tập 16. Nội dung kinh này thuật lại việc Đức Phật ở vườn tre Ca-lan-đà thành Vương Xá, giảng nói cho các bồ-tát ở mười phương nghe về quá trình đắc đạo của Đại thừa bồ-tát, quả báo khổ đau của việc hủy báng hành giả Đại thừa và công đức hộ trì Phật pháp, tạo tượng v.v.

Việc ác nào cũng làm.

Luận Đại trí độ⁶¹⁶ ghi: “Không nhờ vào sự bố thí, trì giới, học rộng và nghe nhiều mà chỉ cần nói lời chân thật thì cũng được vô lượng phúc”.

Trong kinh Báo ân⁶¹⁷, Đức Phật nói kệ:

Đức Phật bảo A-nan,

Người sống ở thế gian,

Họa từ miệng mà ra,

Nên giữ gìn khẩu nghiệp,

Vì hại hơn lửa dữ.

Lửa dữ chỉ đốt cháy,

Tài vật ở thế gian,

Còn ác khẩu đốt cháy,

Hết thấy thất thánh tài⁶¹⁸.

Tất cả loài chúng sinh,

Họa từ miệng mà ra,

Khiến thân chịu búa chém,

Sẽ bị họa diệt thân.

⁶¹⁶ Luận Đại trí độ (Đại trí độ luận 大智度論; S: Mahāprajñāpāramitāśāstra): luận, một trăm quyển, do Bồ-tát Long Thụ soạn, ngài Cưu-ma-la-thập dịch vào đời Hậu Tấn, Trung Quốc, được xếp vào Đại chính tạng, tập 25. Nội dung luận này giải thích kinh Đại phẩm bát-nhã.

⁶¹⁷ Kinh Báo Ân (Báo ân kinh 報恩經; Cg: kinh Đại phương tiện Phật báo ân): kinh, bảy quyển, chín phẩm, mất tên người dịch. Nội dung kinh này nói lúc Đức Phật ở núi Linh Thứu, A-nan nghe ngoại đạo chê trách Đức Phật không có hiếu, nên bạch Phật. Đức Phật liền phóng ánh sáng nhóm họp chư Bồ-tát khắp mười phương, Ngài nói về nhân duyên thái tử Tu-xà-đề lấy thịt của mình để cứu cha mẹ, hoặc lên cõi trời Đao-lợi thuyết pháp cho mẹ nghe.

⁶¹⁸ Thất thánh tài 七聖財: bảy thánh pháp để thành tựu Phật đạo. Đó là tín, giới, tâm, quý, văn, thí, tuệ. Vì bảy pháp được giữ gìn này có công năng trợ giúp cho việc thành Phật, nên gọi là tài.

Bài tụng *Chính báo*:

Lương thiệt chia rẽ người,

Đọa địa ngục phân thân,

Linh ngục đánh vào miệng,

Dao nóng cắt đứt lưỡi,

Đau khổ đã như thế,

Lại thêm bị đói khát,

Nghiệp ác luôn trôi buộc,

Lại phải uống máu mình.

Bài tụng *Tập báo*:

Thêu dệt hại người khác,

Đọa vào ba đường dữ,

Giả sử được thân người,

Dư báo⁶¹⁹ vẫn còn theo,

Gặp quyền thuộc xấu ác,

Trái nghịch, thù hận nhau,

Chỉ luôn nhớ làm ác,

Địa ngục không thời hạn.

⁶¹⁹ Dư báo 餘報: nghiệp báo đời trước còn sót lại.

XXIII.7. Nói lời nịnh hót

Lời nói trung thực thì lý lẽ rõ ràng, lời thêu dệt luôn trái với sự thật. Do trung thực nên có lẽ thật; vì chân thật nên phúc đức phát sinh; phúc đức sinh nên thành bậc thánh.

Vì ý ngữ nên giả dối, vì giả dối nên tội sinh, tội sinh nên phải chịu khổ. Vì vậy, đạt đến chân lý để cầu thánh quả, cần phải nói lời chân thật. Nếu nói lời giả dối thì trái với chân lý. Những lời nói không ngay thẳng đều gọi là ý ngữ. Những lời thêu dệt không lợi ích cho mình và người, chỉ làm tăng thêm tâm buông lung, nuôi lớn các điều bất thiện, [139c]khiến người rơi vào trong ba đường ác. Sau khi chịu tội xong, người đó được sinh lại làm người, dù nói ra lời chân thật thì mọi người vẫn không tin. Tất cả những lời nói không rõ ràng cũng gọi là ý ngữ.

Nên luận *Thành thật* ghi: “Tuy nói lời chân thật, nhưng không đúng lúc, cũng là ý ngữ”.

Trong luận *Đại trí độ* có bài kệ:

Đọa vào loài ngạ quỷ,

Miệng thường phun lửa dữ,

Kêu gào vang khắp nơi,

Là nghiệp báo của miệng.

Tuy học rộng hiểu nhiều,

Ở trong chúng nói pháp,

Do gieo nghiệp bất tín,

Nên mọi người không tin,

Muốn học rộng nghe nhiều,

Được mọi người tin tưởng,

Thì phải nên thành thật,

Không nói lời thêu dệt.

Luận *Tát-bà-đa*⁶²⁰ ghi: “Bốn lỗi của miệng kết hợp qua lại, mỗi lỗi có bốn trường hợp:

1. Lưỡng thiệt nhưng chẳng phải vọng ngữ, cũng chẳng phải ác khẩu. Như có người đem lời người này đến nói với người kia, vì truyền đạt đúng sự thật nên chẳng phải vọng ngữ, nói nhã nhận nên chẳng phải ác khẩu. Nhưng do có tâm li gián, nên gọi là lưỡng thiệt.

2. Lưỡng thiệt lại vọng ngữ, nhưng không ác khẩu. Như có người đem lời người này đến nói với người kia, với tâm muốn li gián người khác, nên gọi là lưỡng thiệt. Vì người ấy truyền đạt không thật nên gọi là vọng ngữ, nói lời nhã nhận nên chẳng phải ác khẩu.

3. Vừa lưỡng thiệt vừa ác khẩu, nhưng không vọng ngữ. Như có người đem lời người này đến nói với người kia, với tâm muốn li gián người khác, nên gọi là lưỡng thiệt. Do người ấy dùng lời thô tháo nên gọi là ác khẩu, song truyền đạt chân thật nên chẳng phải vọng ngữ.

4. Gồm cả lưỡng thiệt, vọng ngữ và ác khẩu. Như có người đem lời người này đến nói với người kia, với tâm muốn li gián người khác, nên gọi là lưỡng thiệt. Vì người ấy truyền đạt không thật, nên gọi là vọng ngữ, nói lời thô tháo, nên gọi là ác khẩu.

Vọng ngữ và ác khẩu mỗi loại cũng có đủ bốn trường hợp như thế. Ý ngữ luôn có mặt trong các trường hợp, nên không trình bày riêng. Do đó, luận *Thành thật* ghi: “Ba nghiệp khác của miệng, hoặc có lúc kết với hợp nhau, hoặc không, nhưng ý ngữ nhất định có mặt trong cả bốn trường hợp”.

Bài tụng *Chính báo*:

Lời thêu dệt vô nghĩa,

⁶²⁰ Luận Tát-bà-đa (Tát-bà-đa luận 薩婆多論): luận, chín quyển, mất tên người dịch, được xếp vào kinh sách đời Tần.

*Khiến lòng người mê loạn,
Đoạn thiện căn người khác,
Đông sôi rót vào miệng,
Sắt nóng thiêu đốt lưỡi,
Ruột gan đều cháy tan,
[140a]Đau đớn không thể nhẫn,
Khổ sở thường kêu trời.
Bài tụng Tập báo:
Ý nghĩ che chân lý,
Chết rơi vào đường ác,
Ra khỏi, được làm người,
Lời nói không rõ ràng,
Sống chẳng ai tin kính,
Thường bị người chê cười,
Làm người biết hổ thẹn,
Sao chẳng nói lời hay.*

XXIII.8. Tham lam keo kiệt

Căn nguyên bệnh mê lầm của chúng sinh chính là chấp ngã; cội gốc bệnh tà mê của phàm phu là xan tham. Do đó, điều thiện nhẹ như lông hồng, còn điều ác thì nặng như núi Thái, phúc đức ít như băng mùa xuân, nghèo thiếu nhiều như mưa mùa thu, lưới lọc tình chưa dễ thoát ra, bờ ba độc không sao vượt nổi. Thân nặng thường bị chìm đắm, như cá dưới sông dù vẫy đuôi muốn bay lên, nhưng không thể giống chim trên trời được. Vì thế, dẫn

đến nỗi nghèo túng tranh nhau bức bách, sự khổ sở nối nhau gây tổn hại. Giống như con thiêu thân lao vào lửa, tự thiêu cháy mình, loài tằm làm kén tự trói buộc mình.

Bởi do nghiệp tham lam, bòn xén nên phải chịu tội đói rét. Bồ thí là nhân đưa đến giàu sang, vui vẻ.

Như kinh *Phân biệt nghiệp báo*⁶²¹ có bài kệ:

Thường ưa tu trí tuệ,

Mà không hành bố thí,

Kiếp sau được thông minh,

Nhưng nghèo không tài sản.

Chỉ thích làm bố thí,

Mà không tu trí tuệ,

Kiếp sau được giàu sang,

Nhưng ngu si vô trí.

Tu cả tuệ và thí,

Kiếp sau đủ tài, trí,

Nếu không tu tuệ, thí,

Mãi ngu si, nghèo hèn.

*Nhiếp luận*⁶²² ghi: “Bòn xén làm trở ngại sự giàu sang; ghen ghét làm chướng ngại sự tôn quý. Lại nữa, chúng sinh khởi lòng tham không ngoài

⁶²¹ Kinh Phân biệt nghiệp báo (Phân biệt nghiệp báo kinh 分別業報經): kinh, một quyển, bồ-tát Đại Dũng soạn, ngài Tăng-già-bạt-ma đời Tống dịch. Kinh này đều là kệ tụng; nội dung giải thích nghiệp báo của năm đường.

⁶²² Nhiếp Luận 攝論 (S: Mahāyāna-Samparigraha-Sastra): luận, ba quyển, do ngài Vô Trước người Ấn Độ soạn, ngài Huyền Trang dịch, được xếp vào Đại chính tạng, tập 31. Nội dung luận này bao gồm tất cả yếu nghĩa pháp môn thánh giáo của Phật giáo Đại thừa.

sắc dục và tiền tài. Lỗi thứ nhất, tham đắm sắc dục, như trước đã trình bày. Ở đây chỉ trình bày tóm tắt những ý khác”.

Như kinh *Niết-bàn*⁶²³ ghi: “Thí như có người lấy nữ la-sát làm vợ. Nhưng sau khi sinh con ra, nữ la-sát kia ăn thịt con mình; ăn hết con, nó lại ăn luôn chồng. Nữ la-sát ái dục cũng như vậy, hễ chúng sinh có bao nhiêu hạt thiện căn thì nó ăn bấy nhiêu, đến khi hạt thiện căn hết thì lại ăn chúng sinh. Do đó, chúng sinh phải bị đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh”.

[140b] Lại có người ưa thích hoa đẹp mà không thấy mỗi họa rắn độc núp dưới hoa, vội đưa tay hái thì bị rắn độc cắn, nọc độc thấm vào thân, nên phải chết. Tất cả hàng phàm phu cũng lại như thế, tham đắm hoa năm dục mà không thấy họa rắn độc ái dục, vội đưa tay hái liền bị nọc độc ái dục hại, sau khi chết đọa vào ba đường ác.

Luận Đại trí độ ghi: “Tiền của là nguyên nhân gây ra các phiền não, nghiệp tội. Tất cả các pháp lành như trì giới, thiền định, trí tuệ là nhân duyên của niết-bàn. Thế nên, tài vật còn phải bỏ, hưởng gì trong ruộng phúc tốt mà không gieo trồng hạt giống bố thí sao!

Ví như có hai anh em, mỗi người mang mười cân vàng ra đi. Khi đến đoạn đường vắng, không người qua lại, người anh suy nghĩ: ‘Tại sao ta không giết em mình để lấy vàng? Ở đây vắng vẻ chẳng ai biết!’. Người em cũng suy nghĩ, muốn giết người anh để lấy vàng. Hai anh em đều khởi tâm ác, nên lời nói và ánh mắt nhìn nhau khác lạ.

Sau đó, hai anh em liền tỉnh ngộ, lòng vô cùng hối hận và nói: ‘Chúng ta chẳng khác gì loài cầm thú! Hai anh em ruột thịt, chỉ vì một ít vàng mà khởi tâm ác muốn giết hại nhau’. Hai anh em cùng đến bên bờ sông, người anh lấy vàng ném xuống nước. Người em nói:

- Hay thay! Hay thay!

Người em cũng ném vàng xuống sông. Người anh nói:

- Hay thay! Hay thay!

⁶²³ Kinh Niết-bàn (Niết-bàn kinh 涅槃經; Gđ: kinh Đại bát Niết-bàn; S: Mahā-parinirvāna-Sūtra): kinh, ba quyển, do ngài Pháp Hiền dịch vào đời Đông Tấn, Trung Quốc, Được xếp vào Đại chính tạng, tập 1. Nội dung kinh này giảng thuyết về giáo nghĩa Như Lai thường trụ, chúng sinh đều có Phật tính, hạng tiên-đề thành Phật.

Hai anh em cùng hỏi nhau: Tại sao mà nói “Hay thay!”. Hai người đều đáp: “Ta vì số vàng này mà khởi tâm ác muốn giết hại lẫn nhau, nay bỏ được nó nên nói là “Hay thay!”.

Vì nhân duyên này, nên phải trừ diệt tham lam, bỏ xén.

Luận *Đại trang nghiêm*⁶²⁴ ghi: “Ta từng nghe, có lần Đức Phật và A-nan đi qua một cánh đồng hoang ở nước Xá-vệ. Thấy bên bờ ruộng có một khối vàng, Đức Phật bảo A-nan:

- Đó là rắn độc.

A-nan bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn! Đúng là rắn độc!

Bấy giờ, có một người đang cày ruộng, nghe Đức Phật và A-nan nói có rắn độc, liền nghĩ: ‘Ta đến xem thử thế nào mà sa-môn nói là rắn độc’. Ông ta liền đến xem thì thấy một khối vàng rỗng liền nghĩ: ‘Sa-môn nói rắn độc, nhưng đây chính là vàng rỗng’. Thế là, ông liền gom lấy tất cả số vàng kia mang về nhà. Người này trước kia rất nghèo, cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc, nhưng từ khi nhặt được vàng thì trở nên giàu có, ăn mặc dư giả.

Vua và các quan rất kinh ngạc về sự giàu có của ông, bèn đến tra xét và bắt giam vào ngục. Cho dù ông ta giao nộp tất cả số vàng lấy được lúc trước, nhưng vẫn không khỏi tội. Khi sắp bị xử chém, ông ta thốt lên:

- Rắn độc, A-nan! Rắn độc, Thế Tôn!

Người đứng bên cạnh nghe nói như thế, liền tâu lên vua. Vua liền cho gọi ông ta đến hỏi:

- Tại sao ngươi nói: ‘Rắn độc, A-nan! Rắn độc, Thế Tôn!’

Ông ta tâu:

⁶²⁴ Luận Đại trang nghiêm (Đại trang nghiêm luận 大莊嚴論. Gđ: Đại trang nghiêm kinh luận): luận, mười lăm quyển, do ngài Mã Minh sáng tác; ngài Cưu-ma-la-thập dịch. Nội dung ghi chép rộng rãi những câu chuyện về tiền thân, hiện đời của Đức Phật, cho đến những chuyện liên quan đến việc thiện ác, nhân duyên, thí dụ vào thời đại của người biên soạn, với mục đích đưa con người vào chính tín.

- Ngày trước, thần đang cày ruộng thì nghe Đức Phật và A-nan gọi vàng là rấn độc, nay thần mới hiểu.

[140c] Vua nghe nói thế liền thả cho ông ta về”.

Kinh *Tăng nhất A-hàm*⁶²⁵ ghi: “Ngày xưa, Đức Phật còn tại thế, trong thành Xá-vệ có vị trưởng giả tên Bà-đề rất giàu có, tài sản vô số, vàng bạc không thể tính kể. Tuy giàu nhưng ông rất bần xén, không dám tiêu xài. Hàng ngày ông ăn uống đạm bạc, áo quần thô xấu, lại không dám cho vợ con, quyến thuộc, người giúp việc, bạn bè, bậc tri thức và các vị sa-môn, bà-la-môn v.v... lại thường khởi tà kiến, đoạn các căn lành. Vì ông không có con cháu nối dõi nên sau khi chết, của cải đều sung vào cửa quan. Vua Ba-tu-nặc đích thân đến tịch thu tất cả tài sản mang về, sau đó vua đến chỗ Đức Phật bạch:

- Bạch Đức Thế Tôn! Trưởng giả Bà-đề sau khi mạng chung sẽ sinh vào nơi nào?

Đức Phật bảo vua:

- Trưởng giả Bà-đề phúc đã hết mà không tạo phúc mới, còn khởi tà kiến đoạn mất căn lành, nên sau khi mạng chung sinh vào địa ngục Đê Khốc.

Vua Ba-tu-nặc nghe Đức Phật nói thế, thương cảm rơi lệ và thưa:

- Bạch Đức Thế Tôn! Ngày xưa, trưởng giả Bà-đề tạo nghiệp thiện gì mà sinh vào nhà giàu có? Và ông tạo nghiệp ác gì mà không được hưởng sự giàu sang ấy?

Đức Phật đáp:

- Từ thời quá khứ lâu xa, sau khi Đức Phật Ca-diếp nhập niết-bàn, vị trưởng giả này làm con của một điền chủ ở nước Xá-vệ. Khi đó, có vị bích-chi phật đến nhà ông ta khát thực, trưởng giả mang thức ăn ra cúng dường. Vị bích-chi phật được thức ăn, liền bay lên hư không đi. Trưởng giả thấy như vậy liền phát nguyện: ‘Nhờ căn lành này khiến con đời đời sinh ra nơi

⁶²⁵ Kinh Tăng nhất A-hàm (Tăng nhất A-hàm kinh 僧一阿含經; S: Ekottari kâgama): kinh, năm mươi một quyển. Do ngài Tăng-già-đề-bà thời Đông Tấn dịch. Gồm nhiều bài kinh ngắn do Đức Phật tùy thời nói cho chư thiên và người nghe. Kinh này mang đậm tư tưởng Đại thừa.

nào cũng được giàu có, không đọa vào ba đường ác’. Nhưng sau khi cúng dường xong, ông lại hối tiếc và nghĩ: ‘Những thức ăn vừa rồi, lẽ ra ta nên đem cho người giúp việc, không nên cho vị sa-môn trọc đầu kia’

Đức Phật lại bảo vua:

- Trưởng giả Bà-đề, do công đức đời quá khứ cúng dường thức ăn cho bích-chi phật và lời phát nguyện, nên ông sinh vào nơi nào cũng được giàu có. Nhưng do sau khi cúng dường lại sinh lòng hối tiếc, nên dù ông sinh ra nơi nào cũng giàu sang, nhưng không hưởng được sự giàu sang ấy, lại còn tham lam, bòn xén, chỉ lo cất giữ, bản thân không dám ăn mặc, chẳng cho vợ con, quyến thuộc, bạn bè, bậc tri thức và các vị sa-môn, bà-la-môn v.v...

Vì thế, người trí nghe được việc này, [141a] nếu có tiền của phải bố thí, chớ sinh lòng bòn xén. Khi bố thí thì phải hết lòng tự tay mình đem cho, bố thí rồi thì sinh lòng vui vẻ, không nên khởi tâm hối tiếc. Nếu được như thế thì phúc báo lớn vô lượng vô biên”.

Kinh *Xuất diệu*⁶²⁶ ghi: “Ngày xưa, Đức Phật còn tại thế, ở nước Xá-vệ có vị trưởng giả tên Nan-đà, rất giàu có, vàng bạc, châu báu, voi, ngựa, xe cộ, kẻ hầu, y phục, trang sức, ruộng vườn nhiều không thể tính kể. Tất cả những người giàu có trong nước không ai sánh bằng. Ông tuy rất giàu, nhưng không có lòng tin tam bảo, lại tham lam, bòn xén. Nhà bảy lớp cửa mà còn dặn người canh giữ, nếu có người đến xin không được cho vào. Ông dùng lưới sắt phủ kín phía trên sân, vì sợ chim bay vào ăn lúa gạo; dùng vữa trét kín quanh chân tường, vì sợ chuột khoét lỗ chui vào làm hao tổn của cải.

Ông chỉ có một người con duy nhất tên là Chiên-đàn Hương. Lúc sắp chết, ông bảo người con: ‘Ta e rằng không sống được bao lâu nữa. Sau khi ta chết, số của cải này con không được tiêu xài phung phí, đừng cho sa-môn và bà-la-môn. Nếu có trẻ nhỏ đến xin cũng không cho một đồng. Số của cải này đủ để tiêu xài cho bảy đời.’ Dặn dò xong, ông liền qua đời và đầu thai lại làm con của một người mù, thuộc giai cấp Chiên-đà-la ở nước Xá-

⁶²⁶ Kinh Xuất diệu (Xuất diệu kinh 出曜經; S: Dharmatrāta): kinh hoặc luận, ba mươi quyển, do tôn giả Pháp Cứu soạn, ngài Trúc Phật Niệm đời Diêu Tần, Trung Quốc dịch vào khoảng năm 351-417 đời Đông Tấn, được xếp vào Đại chính tạng, tập 4. Nội dung kinh này gồm 34 phẩm, được hình thành bởi những bài kệ tụng theo hình thức giáo huấn của Phật giáo và tập hợp các sự tích theo lối chú thích.

vệ. Sau khi sinh ra, đứa bé đã bị mù hai mắt. Bà mẹ nghĩ: ‘Nay ta mù lòa, nếu sinh con trai thì nó sẽ giúp đỡ ta!’

Nghe nói đứa con cũng bị mù bẩm sinh, bà vô cùng buồn khổ, khóc lóc và nói kệ:

Ta mù, con cũng mù,

Cả hai đều bị mù,

Gặp kẻ hao tài này,

Làm ta thêm sầu khổ.

Bấy giờ, người mẹ mù nuôi đứa bé lớn khoảng tám, chín tuổi, có thể tự đi lại được, bà trao cho nó một cây gậy, một cái bát và bảo đứa bé: ‘Con hãy tự đi xin ăn mà sống, không cần ở đây nữa. Ta cũng bị mù, phải xin ăn để nuôi cái mạng thừa này, không thể lo cho con được’.

Đứa bé đi từng nhà xin ăn, dần dần đến nhà Chiên-đàn Hương, đứng ngoài cửa gọi lớn: ‘Tôi là đứa trẻ mù, xin cho tôi thức ăn!’

Khi ấy, người canh cửa nổi giận, nắm tay nó ném xuống hầm sâu, làm nó gãy cánh tay trái và bị thương ở đầu, những thức ăn xin được đều vung vãi ra đất. Những người đi ngang qua thấy vậy, vô cùng thương xót, đến nói với bà mẹ mù. Nghe thế, bà liền chống gậy lần đến chỗ con mình, bế nó đặt lên nằm trên gối và than:

- Con tôi có tội gì mà phải chịu khổ thế này?

Đứa bé kể với mẹ:

- Con đến nhà Chiên-đàn Hương đứng ngoài cửa gọi xin thức ăn thì gặp người xấu ném ngã như thế này.

Đức Phật biết việc này liền bảo A-nan:

- Tai họa! Tai họa! Trưởng giả Nan-đà sau khi qua đời, đầu thai trở lại làm con một người phụ nữ mù thuộc giai cấp Chiên-đà-la, [141b] vừa sinh ra thì hai mắt bị mù.

Ngày xưa, nhà ông ta rất giàu có, tiền của vô số, voi, ngựa, xe cộ, bảy báu nhiều không thể tính hết mà nay không được hưởng. Do tham lam, bòn xén nên phải chịu quả báo mù mắt như thế, sau khi mạng chung sẽ đọa vào địa ngục A-tỳ.

Quá ngạc, Đức Phật cùng chúng tì-kheo và tất cả nhân dân trong thành vây quanh đến trước nhà Chiên-đàn Hương, nơi đứa bé mù đang nằm. Chiên-đàn Hương nghe Đức Phật ở ngoài cửa, liền ra đình lễ, rồi đứng qua một bên. Đức Phật biết đại chúng đã nhóm họp, lại thấy Chiên-đàn Hương có mặt, liền giảng cho đại chúng nghe về tâm tham lam, bòn xén, ghen ghét sẽ bị vô lượng tội, thực hành bố thí sẽ được phúc đức vô số. Đức Phật muốn họ xa lìa pháp hữu vi, theo đạo vô vi.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn trừ nỗi khổ địa ngục cho Chiên-đàn Hương, nên Ngài hỏi đứa trẻ:

- Người có phải là trưởng giả Nan-đà không?

Đứa trẻ đáp ba lần:

- Con đúng là trưởng giả Nan-đà.

Đại chúng nghe như thế, kinh ngạc bảo nhau: ‘Trưởng giả Nan-đà chính là đứa trẻ này!’

Bấy giờ, Chiên-đàn Hương chứng kiến việc này, thương cảm khóc lóc mãi không thôi, lại đình lễ cầu xin Đức Phật giúp nhổ hết gốc tội, đồng thời thỉnh Phật và chúng tăng ngày hôm sau đến nhà thụ thực.

Hôm sau, thụ thực xong, Đức Phật thuyết pháp vi diệu, Chiên-đàn Hương nghe xong liền đắc quả Tu-đà-hoàn.

Đức Phật bảo A-nan:

- Nếu người nào cất chứa tiền của, không dám ăn tiêu, lại không bố thí, đó là người ngu si nhất. Thế nên, người trí phải thực hành bố thí để mong xa lìa sinh tử, chớ bồn xển mà chịu khổ vô cùng”.

Luật *Thập tụng*⁶²⁷ ghi: “Khi Đức Phật ở tại nước Xá-vệ, trưởng lão Ca-lưu-đà-di đã chứng quả A-la-hán. Một hôm, Ca-lưu-đà-di ôm bát vào thành khát thực, đến nhà một vị bà-la-môn, người chồng vắng nhà, người vợ đóng cửa làm bánh rán. Ngài liền nhập định, vận sức thần thông đi xuyên lòng đất vào trong sân, gầy móng tay làm tín hiệu, người vợ quay lại nhìn và suy nghĩ: ‘Vị sa-môn này vào đây bằng đường nào? Chắc chắn ông ta vì tham bánh mà đến, nhưng ta không cho’. Bà liền nói với Ca-lưu-đà-di: [141c]

- Dù ông nhìn lòi mắt, ta cũng không cho!

Ca-lưu-đà-di liền vận thần lực làm cho hai mắt lòi ra.

Bà lại nghĩ:

- Dù hai mắt ông lòi ra bằng cái bát ta cũng không cho.

Ca-lưu-đà-di liền biến hai mắt lòi ra lớn bằng cái bát.

Bà lại nghĩ:

- Dù ông đứng ngược đầu xuống đất trước mặt ta, ta cũng không cho.

Ca-lưu-đà-di liền đứng ngược đầu xuống đất.

Bà lại nghĩ:

- Dù ông có chết, ta vẫn không cho.

Ca-lưu-đà-di liền nhập định Diệt thụ tướng⁶²⁸, tâm ý không còn hoạt động.

⁶²⁷ Luật Thập tụng (Thập tụng luật 十誦律): luật, sáu mươi một quyển, do hai ngài Phất-nhã-đa-la và Cru-ma-la-thập cùng dịch vào đời Diêu Tần, Trung Quốc, được xếp vào Đại chính tạng, tập 23. Nội dung bộ luật này chia giới luật thành mười phần để giải thích.

⁶²⁸ Diệt thụ tướng định 滅受想定 (Cg: diệt tận định; S: nirodha-samāpatti): định diệt trừ tâm và tâm sở để trụ ở vô vi tâm, cùng với Vô tướng định, gọi là nhị vô tâm định. Nhưng vô tướng định là quả vị chứng đắc của hàng dị

Bấy giờ, vợ của bà-la-môn đến xô đẩy, kéo giật, nhưng ngài vẫn bất động, bà vô cùng hoảng sợ và suy nghĩ: ‘Vị sa-môn này thường đến cung vua Batur-nặc thuyết pháp, là thầy của phu nhân Mạt-lợi. Nếu vua và phu nhân nghe sa-môn chết trong nhà ta, ắt ta sẽ mang họa lớn’. Bà nói với tì-kheo:

[141c] - Nếu ông sống lại, ta sẽ cho một chiếc bánh.

Ca-lưu-đà-di liền xuất định. Bà nhìn những chiếc bánh đã chiên xong, cái nào cũng rất ngon, có ý tiếc không muốn cho. Bà mới vét bột trong chậu được một ít bỏ vào chiên thì nó phồng lớn và ngon hơn những chiếc bánh trước. Bà liền lấy một cái bánh đã chiên trước đó đem cho, nhưng khi vừa cầm lên thì những chiếc bánh còn lại đều dính theo. Ca-lưu-đà-di hỏi:

- Bà cho tôi bao nhiêu chiếc bánh?

Bà liền cầm bốn chiếc bánh định cho, thì Ca-lưu-đà-di nói:

- Ta không cần bánh này, bà hãy đem đến tinh xá Kì-hoàn cúng dường cho chư tăng.

Do đời trước đã gieo trồng căn lành, nên bà ấy liền suy nghĩ: ‘Tì-kheo này thật ra không tham bánh, chỉ vì thương xót ta mà đến đây khát thực!’ Nghĩ thế rồi, bà liền mang một giỏ bánh đến tinh xá Kì-hoàn cúng dường chư tăng. Cúng dường xong, bà đến ngồi trước ngài. Bấy giờ, Ca-lưu-đà-di quán xét nhân duyên và thuyết pháp, bà liền đắc pháp nhãn tịnh, xin làm *ru-bà-di*⁶²⁹.

Khi trở về nhà, bà thuật lại, nghe xong chồng bà liền đến chỗ ngài Ca-lưu-đà-di và nghe thuyết pháp. Nghe xong, ông cũng đắc Pháp nhãn tịnh, làm *ru-bà-tắc*⁶³⁰. Họ đem hết tiền tài và sức lực cúng dường, phụng sự chư tăng. Đến khi mạng chung họ còn dặn dò các con cúng dường mãi không dứt”.

sinh phạm phu. Còn định này là quả vị chứng đắc của Phật và các vị a-la-hán, bậc đã xa lìa định chướng, đầy đủ sự giải thoát.

⁶²⁹ *Uu-bà-di* 優婆夷 (S: upāsikā): người nữ tôn kính tam bảo, thụ tam qui, giữ năm giới, thực hành thiện pháp, là một trong hai chúng đệ tử tại gia của Phật.

⁶³⁰ *Uu-bà-tắc* 優婆塞 (S: upāsaka): người nam phụng thờ tam bảo, thụ trì năm giới, là một trong hai chúng đệ tử tại gia của Phật.

Kinh *Bách duyên*⁶³¹ ghi: “Đức Phật ở vườn tre Ca-lan-đà tại thành Vương Xá. Một hôm, Mục-kiền-liên đang ngồi bên gốc cây, thấy một con quỉ, thân như cây cột cháy, bụng lớn như quả núi, cổ nhỏ như cây kim, tóc như dao bén quần cắt vào thân, các chi phần trên thân đều bốc cháy, khát nước sắp chết, môi miệng khô khan, muốn đến sông suối uống nước thì nước ở đó bỗng nhiên cạn khô. Giả sử trời mưa cam lồ, khi rơi trên thân nó, cam lồ đều biến thành lửa đỏ.

Mục-kiền-liên hỏi:

- Người bị nghiệp gì mà chịu quả báo khổ như vậy?

Nga quỉ đáp:

- Tôi khát nước quá không thể giải thích được, Ngài đến hỏi Đức Phật sẽ rõ.

Mục-kiền-liên đến chỗ Đức Phật trình bày câu chuyện và bạch:

- Bạch Đức Thế Tôn! Con quỉ này kiếp trước do tạo nghiệp gì mà chịu quả báo khổ như vậy?

Đức Thế Tôn đáp:

- Hãy lắng nghe! Ta sẽ giải thích cho ông rõ. Vào kiếp Hiền, ở nước Ba-la-nại, có Đức Phật ra đời hiệu là Ca-diếp. Bấy giờ, có vị sa-môn trên đường đi giáo hóa, quá khát nước, gặp một người nữ tên là Ác Kiến đang múc nước bên giếng. Vị tăng kia đến xin nước uống, người nữ bảo:

- Dù ông có khát đến chết ta cũng không cho, nếu cho ông thì nước của tôi vơi đi, không thể gánh về.

Sa-môn xin không được nước bèn đi tiếp. Người nữ kia quá tham lam, bòn xén, dù ai đến xin vẫn không cho. Sau khi mạng chung, cô ta bị đọa vào loài nga quỉ. Do nghiệp duyên này mà chịu quả báo đau khổ như thế.

⁶³¹ Kinh Bách duyên: tức kinh Soạn tập bách duyên (Soạn tập bách duyên kinh 撰集百緣經; S: Avadāna-śataka), mười quyển, do ngài Chi Khiêm dịch vào đời Ngô, được xếp vào Đại chính tạng, quyển 4. Nội dung bộ kinh này gồm mười phẩm, nói về nhân duyên nghiệp báo thiện ác của chúng sinh.

Đức Phật bảo Mục-kiền-liên:

- Người nữ không cho nước lúc đó, nay chính là con quỷ này.

[142a] Lúc Đức Phật nói nhân duyên của Ác Kiến, các ti-kheo v.v... dứt bỏ tâm tham lam, bòn xén, đắc bốn quả Sa-môn, có người phát tâm Vô thượng bồ-đề. Tất cả nghe Đức Phật nói đều hoan hỷ vâng giữ hành trì”.

Kinh *Phó pháp tạng*⁶³² ghi: “Bấy giờ, có vị a-la-hán tên là Tăng-già-da-xá, trí tuệ rộng lớn, giọng nói thanh nhã rõ ràng. Ngày xưa, lúc ngài đã xuất gia, nhưng chưa chứng đạo, một hôm trên đường giáo hóa, ngài đi đến vùng bờ biển, thấy một cung điện trang hoàng bảy báu, ánh sáng rực rỡ. Vào giờ thụ trai, ngài liền đến cung điện kia, nói kệ khát thực:

Đói là bệnh đê nhất,

Hành là khổ đê nhất,

Biết các pháp như thế,

Sẽ đắc quả Niết-bàn.

Lúc ấy, chủ nhà liền ra đón tiếp, trái chiếu mời ngài ngồi. Tăng-già-da-xá thấy trong nhà này có hai con quỷ, thân thể trần truồng gầy đen, đói khát yếu ớt, mỗi con đều bị xiềng xích vào chân giường, bên cạnh hai con quỷ đặt một bát đựng đầy cơm thom và một bình nước.

Bấy giờ, chủ nhà lấy thức ăn đó cúng dường cho ngài Da-xá và nói:

- Đại đức! Ngài chớ đem thức ăn này cho hai con quỷ kia.

Da-xá thấy chúng quá đói khổ, liền lấy một ít cơm đem cho. Hai con quỷ vừa ăn cơm xong thì nôn ra máu mủ chảy khắp mặt đất, làm dơ cả cung điện. Da-xá kinh ngạc hỏi ông chủ:

- Hai con quỷ này vì nguyên nhân gì mà chịu quả báo khổ như vậy?

⁶³² Kinh Phó pháp tạng (Phó pháp tạng kinh 付法藏經; Cg: Phó pháp tạng nhân duyên truyện): kinh hoặc truyện, sáu quyển, do ngài Cát-ca-dạ và Đàm Diệu cùng dịch vào đời Nguyên Ngụy, Trung Quốc, được xếp vào Đại chính tạng, tập 50. Nội dung nói về sự tích truyền pháp và thế hệ truyền thừa của hai mươi ba vị tổ Ấn Độ.

Chủ nhà đáp:

- Đồi trước, hai con quỉ này, một đứa là con trai tôi, một đứa là con dâu tôi. Ngày xưa, thấy tôi bố thí để tạo các công đức, vợ chồng nó thường tức giận và tham tiếc. Tôi thường dạy bảo mà chúng không nghe lời. Nhân đó, tôi lập nguyện: ‘Tội như thế nhất định bị quả báo xấu, lúc chúng chịu tội, tôi sẽ trông coi’. Do nhân duyên đó mà chịu khổ như vậy.

Sau đó, Tăng-già-da-xá đi tiếp đến một nơi khác, thấy một tòa lầu gác được trang hoàng nhiều châu báu quý hiếm. Trong ấy chư tăng đi kinh hành, ngời thiên rất đông. Đến giờ thụ thực, tiếng kiền chùy⁶³³ vang lên, chúng tăng nhóm họp tại trai đường thụ thực. Khi sắp xong, các thức ăn ngon bỗng biến thành máu mủ, họ liền cầm bát ném nhau vỡ đầu, sưng mắt, máu chảy khắp thân, và tự than: ‘Sao chúng ta tham tiếc một chút thức ăn để nay phải chịu khổ thế này!’.

Tăng-già-da-xá đến hỏi nguyên nhân thì họ đáp:

- Trưởng lão! Vào thời Phật Ca-diếp, chúng tôi cùng ở chung với nhau. Một hôm, có khách tăng đến, chúng tôi tức giận, cất giấu thức ăn không chia cho vị ấy. Vì việc đó mà nay chúng tôi phải chịu khổ như vậy”.

Bài tụng nói về chính báo⁶³⁴:

[142b] *Tham lam, giả đạo đức,*

Sống bằng nghề sát sinh,

Lòng dối gạt muôn điều,

Tâm cầu lợi vạn thứ,

Chịu tội trong địa ngục,

Thói quen vẫn còn theo,

⁶³³ Kiền chùy 鞞椎 (Cg: kiền trī): khí cụ để đánh báo giờ trong tự viện. Theo luật Ngũ phần 18 và đại tì-kheo tam thiên uy nghi, quyên hạ, khi bố-tát hoặc tụng kinh, để tập họp chúng tăng thụ trai..., các chùa đều có đánh kiền chùy, giống như đánh chuông trong tự viện ngày nay.

⁶³⁴ Chính báo 正報: quả báo chính thể của hữu tình do nghiệp nhân quá khứ mà cảm được. Tức thân tâm của hữu tình hiện tại.

*Bị dao bén lóc thịt,
Chỉ còn bộ xương trắng.
Bài tụng về Tập báo⁶³⁵:
Do lòng nhiều tham dục,
Chìm đắm trong đường ác,
Tội hết, sinh làm người,
Tập khí vẫn còn theo.
Thường ôm lòng lang sói,
Không ai thích gần gũi,
Suốt đời không tỉnh ngộ,
Đáng cười là người ngu.*

XXIII.9. Giận dữ ghen ghét

Do bốn đại biến động, ba độc duỗi rong, sáu giặc xâm hại, khiến phát sinh trăm mối lo dồn dập. Con người vốn đã nuôi lòng hiểm khích, nên luôn rình kiếm chỗ hay dở của nhau; hoặc luôn ôm mối hận thù, mà thường hãm hại nhau. Họ hoàn toàn mất hết nhân nghĩa, chẳng có lòng từ; tìm cách giết hại, tạo có giết, hoặc xúi người giết, hoặc khen sự giết, hoặc âm thầm đầu độc, hoặc bí mật dùng tà chú khiến vật độc đi vào lục phủ, ngũ tạng xé nát tâm can, làm cho người phải ngậm mối bi hận, mãi mãi ôm nỗi đau xuống cửu tuyền. Không biết dùng lời nào để nói hết nỗi oan khiên! Cho nên, kinh nói: “Trong nhà ông trưởng giả mọc nhiều cây độc, như người ôm phao qua biển mà la-sát theo xin”.

Cũng như một ngọn đèn có thể phá tan trăm năm tăm tối, một đốm lửa nhỏ cũng có thể thiêu rụi vạn bó củi khô. Thế mà, tâm sân hận còn hơn lửa dữ, cho nên người học đạo phải tự giữ gìn. Không có giặc cướp công đức nào

⁶³⁵ Tập báo 集報: quá báo do tập khí ác quá khứ còn sót lại.

ác hơn sân hận. Nếu một niệm lửa sân khởi lên, liền thiêu rụi tất cả các công đức lành. Do đó, người có tính ác thì tất cả mọi người và súc sinh đều kinh sợ. Không biết chọn người tốt để gần gũi thì lời nói trở thành ác độc; lòng luôn thích phá hoại người khác thì khiến người chán ghét. Người không có lòng từ ái, chúng sinh sẽ kinh sợ và ghét bỏ, lánh xa như tránh hổ sói; hiện tại bị người khinh miệt, sau khi chết sẽ đọa vào địa ngục. Cho nên, người trí thấy được lỗi này, phải dùng nhẫn nhục diệt trừ để chấm dứt đau khổ.

Kinh *Chính pháp niệm* ghi: “Nếu người nào khởi tâm sân hận là tự thiêu đốt thân mình. Tâm luôn sân hận thì dung mạo biến đổi, khiến mọi người đều kinh sợ, xa lánh, khinh miệt, ruồng bỏ, sau khi chết bị đọa vào địa ngục. Vì sân hận thì không việc ác nào mà không làm. Cho nên, người trí phải dứt bỏ tâm sân hận như tránh xa lửa dữ. Biết được lỗi của sân hận là tự làm lợi ích cho mình. Nếu muốn lợi ích cho mình và người thì phải thực hành hạnh nhẫn nhục.

[142c] Người dùng nước trí tuệ dập tắt lửa sân hận, cũng giống như người có sức mạnh dùng nước dập tắt lửa lớn đang thiêu đốt nhà cửa. Người hay nhẫn nhục thì tâm được thuần thiện. Nếu người bỏ được tâm sân hận thì ai cũng yêu mến, ưa gần gũi, tin tưởng, dung mạo luôn tươi sáng, tâm ý vắng lặng. Người khéo giữ tâm trong sạch thì thân miệng không làm lỗi, hết sầu lo, không sợ đường dữ, dứt sự oán ghét, không mang tiếng xấu, không còn phiền não, oan gia chướng ngại, không bị người xấu chửi mắng, không còn các nỗi sợ hãi như hối tiếc, tiếng ác, điều bất lợi, bị khổ, tâm kiêu mạn. Nếu người không còn những nỗi sợ hãi như thế thì đầy đủ tất cả công đức, tiếng tốt đồn khắp, được niềm vui trong đời hiện tại và vị lai. Chúng sinh xem người nhẫn nhục ấy như cha mẹ, ưa thích gần gũi.

Thế nên, sân hận giống như rắn độc, dao bén, lửa dữ. Dùng nhẫn nhục diệt trừ thì mọi sân hận đều chấm dứt. Kiểm chế sự sân giận mới gọi là nhẫn.

Nếu người tu pháp lành thì nên suy nghĩ: “Nhẫn nhục giống như của báu cần phải khéo giữ gìn”. Nhưng chúng sinh, người thiện kẻ ác khác nhau; người ngu cho việc chửi mắng, vạch lỗi kẻ khác là hay, còn người trí thì cho hạ mình im lặng là trên hết. Người ngu, thường biến chuyện tranh cãi nhỏ thành oán thù lớn. Nếu mình hơn thì người kia oán hận càng sâu, ngược lại, thua người thì mình thêm buồn khổ. Vì thế, phải cẩn thận lời

nói, không bàn lỗi của người. Người khác chửi mắng mình, đều là do nhân đời trước, chẳng phải vô cớ”.

*Lục độ tập kinh*⁶³⁶ ghi: “Ngày xưa, có vị bồ-tát hóa làm một con voi chúa, tâm lượng rộng lớn, quán biết có Phật, pháp, tăng, nên qui y tam bảo, luôn dùng lòng từ cứu độ chúng sinh và phát nguyện: ‘Nếu thành Phật, ta sẽ độ tất cả chúng sinh’.

Voi chúa cai quản đàn voi năm trăm con, trong đó có hai con là vợ nó. Một hôm, voi chúa xuống ao hái được một hoa sen rất đẹp, liền cho vợ cả. Được hoa, vợ cả rất vui mừng nói:

- Tiết trời lạnh giá như thế, tại sao trong ao lại có hoa này?

Vợ nhỏ nổi lòng tham lam, ghen tức và thề:

- Ta sẽ dùng chất cực độc giết người!

Vợ nhỏ do quá uất hận mà chết, thân thức đầu thai trở lại làm con gái một nhà giàu có, nhan sắc tuyệt trần, thông minh, hiểu thấu các việc xưa nay, có tài xem thiên văn, biết rõ thời vận thịnh suy.

Vua nghe tiếng, liền cưới cô ấy làm phu nhân. Vừa vào cung, phu nhân liền tâu trình chính sách cai trị đất nước, rất hợp với ý các trung thần, nên vua rất vui mừng và yêu quý, mỗi lời phu nhân nói ra vua đều nghe theo. Một hôm, phu nhân tâu:

- Thiếp nằm mộng thấy một con voi sáu ngà, nên muốn lấy ngà của nó để khảm lên ghế. Nếu bệ hạ không tìm được thì thiếp sẽ chết.

[143a] Vua nói:

- Nàng đừng nói những lời không hay như thế, mọi người nghe được sẽ chê cười!

⁶³⁶ *Lục độ tập kinh* 六度集經: kinh, tám quyển, do ngài Khương Tăng Hội dịch vào đời Ngô, Trung Quốc, được xếp vào Đại chính tạng, tập 3. Nội dung kinh này gồm chín mươi một câu chuyện bản sinh của Đức Phật, phối hợp với lục độ mà thành.

Thấy phu nhân buồn rầu, vua liền cho gọi bốn vị đại thần đến bàn bạc, và nói đó là điềm mộng của mình rồi hỏi:

- Xưa nay có con voi như thế không?

Vị đại thần thứ nhất tâu:

- Tâu đại vương! Thần không nghe thấy!

Vị đại thần thứ hai tâu:

- Đại vương không mơ thấy chứ?

Vị đại thần thứ ba tâu:

- Thần nghe nói có con voi này, nhưng ở rất xa.

Vị đại thần thứ tư tâu:

- Nếu hỏi Đế Thích, sẽ biết rõ việc này.

Bốn vị đại thần cho gọi tất cả các thợ săn giỏi ở khắp nơi đến để hỏi việc đó.

Người thợ săn ở phương nam nói:

- Người cha quá cố của tôi nói có con voi đó, nhưng ở rất xa, khó đến được.

Bốn vị đại thần liền tâu lên vua:

- Tâu bệ hạ! Có một người biết!

Vua liền cho gọi người ấy đến. Phu nhân căn dặn:

- Người đi thẳng về phía nam ba nghìn dặm, vào trong núi đi khoảng hai ngày thì đến chỗ con voi kia. Người đào một cái hầm bên đường, cạo bỏ râu tóc, đắp ca-sa núp dưới hầm bắn nó, rồi cưa hai ngà mang về.

Thợ săn vâng lệnh, đi đến chỗ voi ở, núp bắn vào chân của nó trước, sau đó đáp pháp y, ôm bát đứng dưới hầm. Voi chúa thấy sa-môn, liền đập đầu nói:

- Kính lễ đạo sĩ! Vì có gì mà ngài muốn giết tôi?

Người thợ săn đáp:

- Ta muốn lấy ngà của ngài.

Voi chúa nói:

- Tôi đau đớn khó chịu đựng nổi, ngài hãy cưa lấy ngà và đi nhanh, đừng để tâm tôi tán loạn khiến niệm ác khởi lên. Nếu khởi niệm ác, chết sẽ đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Phạm tu nhẫn nhục, thực hành hạnh từ bi, lấy thiện đáp ác, là hạnh cao thượng của bồ-tát.

Thợ săn liền cưa lấy ngà voi.

Voi chúa bảo:

- Đạo sĩ! Ngài hãy đi nhanh, chớ để đàn voi tìm thấy dấu vết.

Bảo thợ săn đi xa rồi, vì không chịu được sự đau đớn, voi quỳ hai chân xuống đất kêu lớn rồi an nhiên chết, thần thức liền sinh lên cõi trời.

Đàn voi khắp nơi kéo đến và hỏi:

- Ai giết vua của chúng tôi?

Chúng kéo nhau đi tìm, nhưng không thấy kẻ giết, liền trở về canh giữ xác của voi chúa, đau khổ gào khóc thống thiết.

Người thợ săn mang ngà voi về, vua vừa trông thấy vô cùng sợ hãi. Phu nhân cầm ngà voi trên tay vừa định xem thì bỗng nhiên bị sét đánh thổ huyết chết, thần thức đọa vào địa ngục.

Đức Phật bảo các tì-kheo:

- Voi chúa lúc đó chính là Ta, người vợ cả là Cù-di, người thợ săn là Điều-đạt, phu nhân là Hảo Thủ. Bồ-tát tu nhẫn nhục ba-la-mật thì phải giữ giới như thế”.

Luận *Đại trí độ* ghi: “Thích-đề-hoàn-nhân nói kệ hỏi Đức Phật:

Giết vật nào an ổn,

Giết vật gì hết lo,

Vật gì gốc của độc,

Diệt mất tất cả thiện?

Đức Phật nói kệ đáp:

[143b] Giết sân được an ổn,

Giết sân không còn lo,

Sân là gốc của độc,

Sân diệt tất cả thiện”.

Kinh *Tạp bảo tạng* có bài kệ:

Thắng người, người càng oán,

Thua người, ta khổ sâu,

Người chẳng tranh hơn thua,

Là người vui tốt bậc.

Nếu người thực hành hạnh nhẫn nhục thì có được năm đức:

1. Không hận thù.
2. Không trách mắng.

3. Được mọi người thương yêu.

4. Tiếng tốt vang xa.

5. Đời sau sinh vào đường lành.

Năm đức này gọi là năm việc an lành.

Lại nữa, kinh *Trường a-hàm*⁶³⁷ có bài kệ:

Ngu mắng, người trí im,

Tự cho mình đã thắng,

Người ngu không hiểu biết,

Bảo rằng ta sợ hãi,

Ta quán đệ nhất nghĩa,

Nhẫn nhục là tối thượng.

Những người tâm cực ác,

Giận hờn luôn chất chồng,

Không giận việc đáng giận,

Là chiến thắng tối thượng.

Làm người có hai việc,

Vì mình cũng vì người,

Mọi người có tranh cãi,

Không đáp lại mới hay.

⁶³⁷ Kinh Trường A-hàm (Trường A-hàm kinh 長阿鎗經; S: Dīrghāgama): kinh, hai mươi quyển, do ngài Phật-đà-da-xá và Trúc Phật Niệm cùng dịch vào năm 413 đời Hậu Tần, Trung Quốc, được xếp vào Đại chính tạng, tập 1; là một trong bốn bộ A-hàm Bắc truyền.

Làm người có hai việc,
Vì mình cũng vì người,
Thấy người không tranh cãi,
Đừng cho là người ngu.
Nếu người có sức mạnh,
Mà nhịn kẻ yếu đuối,
Đấy mới là mạnh nhất,
Là hạnh nhân tới thượng.
Kẻ ngu cho mình mạnh,
Đấy chẳng phải là mạnh,
Người nhân nhục như pháp,
Sức này không ai bằng.
Kinh Tu hành đạo địa⁶³⁸ có bài kệ:
Miệng nói lời dịu dàng,
Nhưng lòng lại xấu xa,
Gặp người rất vui mừng,
Tỏ vẻ thích gần gũi.
Miệng nói lời hòa nhã,
Trong lòng lại độc ác,

⁶³⁸ Kinh Tu hành đạo địa (Tu hành đạo địa kinh 修行道地經; S: Yoga-cārya-bhūmi-sūtra): kinh, bảy quyển, ba mươi phẩm, do sa-môn Chúng Hộ soạn, Trúc Pháp Hộ đời Tây Tấn dịch. Nội dung luận này nêu rõ pháp tướng của ngũ âm và hành pháp tam thừa.

Như cây hoa rất đẹp,

Quả lại đắng và độc.

Kinh *Xích chủy ô dụ* ghi: “Ngày xưa, có con quạ tên Câu-kỳ⁶³⁹, làm tổ trên cây tại khu rừng rậm. Nó sinh con và kết bạn thân với một con khỉ. Lúc đó, trong rừng có con rắn độc luôn rình rập, đợi lúc Câu-kỳ đi vắng, [143c] liền đến bắt hết quạ con ăn thịt. Trở về thấy con bị mất, Câu-kỳ đau đớn khóc gào, không biết con mình ở đâu. Nó suy nghĩ mãi mới biết được rắn đã ăn con của mình. Khỉ trở về thấy Câu-kỳ buồn khóc, nên hỏi lý do.

Câu-kỳ đáp:

- Rắn bắt con của tôi ăn hết rồi!

Khỉ nói:

- Tôi sẽ trả thù cho bạn.

Bấy giờ, rắn độc đang bò đi thì khỉ đến vờn trước mặt. Rắn tức giận quẩn lầy khỉ. Khỉ nắm được đầu của rắn, kéo đến chà sát vào một tảng đá cho chết, rồi ném bỏ xác rắn. Khỉ trở về báo tin, Câu-kỳ vô cùng vui mừng. Loài súc sinh còn báo thù như thế, huống gì loài người!”

Kinh *Tạp thí dụ*⁶⁴⁰ ghi: “Ngày xưa, có một con rắn, đầu và đuôi tranh cãi nhau. Đầu nói:

- Ta lớn.

Đuôi nói:

- Ta lớn hơn.

Đầu nói:

⁶³⁹ Câu-kỳ 拘耆: tên loài quạ mỏ đỏ.

⁶⁴⁰ Kinh Tạp thí dụ (Tạp thí dụ kinh 雜譬喻經): kinh, một quyển, ba mươi chín dụ, ngài Cưu-ma-la-thập dịch. Nội dung chủ yếu là nêu các nhân duyên thí dụ để thuyết minh, lí luận về thiện ác nghiệp báo.

- Ta có tai để nghe, mắt để thấy, miệng để ăn, lúc nào cũng đi trước, cho nên ta lớn hơn. Người không có những khả năng đó thì làm sao gọi là lớn?

Đuôi nói:

- Ta cho đi thì người mới đi được. Nếu ta không cho đi thì người sẽ không đi được.

Nói rồi, nó liền dùng thân quấn vào cây ba vòng suốt ba ngày không buông ra. Đầu vì không tìm được thức ăn, đói khát sắp chết.

Đầu nói với đuôi:

- Người hãy thả ra, ta chấp nhận người lớn.

Đuôi nghe nói thế liền buông ra. Đầu nói với đuôi:

- Người lớn hơn thì hãy đi trước.

Đuôi liền đi trước chưa được vài bước thì rơi xuống hố sâu chết”.

Truyện này Đức Phật dụ cho chúng sinh không có trí tuệ, mê chấp nhân ngã, cuối cùng phải đọa vào ba đường ác.

Luật *Tăng-kỳ*⁶⁴¹ ghi: “Vào đời quá khứ, có một đàn gà thường ở trong bụi rậm, bị chồn rình bắt ăn thịt, chỉ sót lại một con gà mái. Bấy giờ, có một con quạ đến sống chung và sinh được một con. Lúc nó tập kêu, quạ nói kệ:

Con không phải của ta,

Cha rình, mẹ xóm thôn,

Sống chung sinh ra nó,

Không quạ, chẳng phải gà.

Nếu muốn học tiếng quạ,

⁶⁴¹ Luật Tăng-kỳ (Tăng-kỳ luật 僧祈律; S: Mahāsaṅghavinaya): luật nói về hai trăm năm mươi giới ti-kheo và ba trăm bốn mươi tám giới ti-kheo-ni.

Lại do gà sinh ra,

Nếu muốn học tiếng gà,

Cha nó lại là quạ.

Học quạ giống tiếng gà,

Học gà kêu tiếng quạ,

Học cả quạ và gà,

Cả hai đều không thành.

Ví dụ này là chỉ cho đạo sĩ tuy giữ giới cấm, nhưng chưa tinh thuần, còn tạp nhiễm, hình tướng tỏ như thuần thiện, nhưng miệng nói ra lời ác. Muốn cho họ là người thiện, nhưng miệng họ lại nói ra những lời ác; muốn cho họ là người xấu, nhưng họ mang hình tướng xuất gia”.

Kinh *Phạt độc thụ* ghi: “Ngày xưa, trong khu vườn của một vị quan tại nước Xá-vệ, có mọc một loại cây độc. [144a] Người nào đi qua cây này đều bị đau đầu, hoặc bị đau lưng. Vị quan chặt bỏ, nhưng nó lại đâm chồi. Nó có vẻ đẹp khiến mọi người thích nhìn, nhưng họ không biết cây này rất độc. Người hiểu biết nói: ‘Phải đào tận gốc rễ’. Có người muốn đào, nhưng lại sợ chết, nên cứ lưỡng lự mãi. Người xuất gia học đạo cũng lại như thế.

Đức Phật liền nói kệ:

Đốn cây, không đào gốc,

Dù chặt, nó vẫn mọc,

Diệt ái không tận gốc,

Thì khổ lại phát sinh.

Vị ti-kheo tỉnh ngộ, lòng tự trách, liền đắc quả Tu-đà-hoàn”.

Lại trong kinh *Bột*⁶⁴² có bài kệ:

Điều ác từ tâm sinh,

Nó trở lại hại mình,

Như thanh sắt bị rỉ,

Hủy diệt hình tướng nó.

Cây trở nhiều hoa, quả,

Ắt sẽ bị gãy cành,

Rắn hổ ngậm nọc độc,

Trở lại hại thân mình.

Luận *Thiện kiến*⁶⁴³ có bài kệ:

Nếu người khởi tâm sân,

Giống như xe lao nhanh,

Người lái khéo điều khiển,

Cũng không có gì khó,

Người chế ngự tâm sân,

Việc ấy mới thật khó.

Kinh *Tu hành đạo địa* có bài kệ:

Người khởi tâm sân hận,

⁶⁴² Kinh *Bột* (Bột kinh 孝經): kinh, do cư sĩ Chi Khiêm dịch ở nước Nhục-chi vào đời Ngô. Bột là tên vị quốc sư nước Lam-đạt, tiền thân Đức Phật.

⁶⁴³ Luật *Thiện kiến* (Thiện kiến luật 善見律; S: Samantapāsādikā.): luật, nói về sự kết tập kinh điển lần thứ nhất, thứ hai, thứ ba và việc truyền trì luật tạng và việc con vua A-dục tên Ma-thần-đà đến Tích Lan truyền giáo. Từ quyển 4 trở về sau chủ yếu chú thích luật *Tứ phần*.

Thường oán ghét người khác,

Đòi sau đọa thân rắn,

Hoặc làm loài thú dữ.

Như tre bị đốn ngang,

Chuối trở, la ghen chửa⁶⁴⁴,

Trở lại tự hại mình,

Nên phải khởi lòng từ.

Kinh *Bách duyên* ghi: “Lúc Đức Phật ở vườn tre Ca-lan-đà tại thành Vương Xá. Bảy giờ, trong thành kia có một vị trưởng giả tên là Hiền Diện, rất giàu có, của báu vô số không thể tính hết, nhưng tính tình xấu xa, tham lam, ghen tị, nịnh hót, không có tâm bố thí. Ngay đến các loài chim, ông cũng đuổi không cho đến gần nhà mình.

Một hôm, có các vị sa-môn và bà-la-môn nghèo khổ đến nhà ông khát thực, ông dùng những lời độc ác chửi mắng. Do đó, sau khi mạng chung ông đọa làm thân rắn, trở lại giữ tài sản. Có ai đến gần nhà thì nó trợn mắt nhìn giận dữ và muốn cắn chết.

Vua Tần-bà-sa-la nghe việc này, lòng vô cùng kính sợ, liền nghĩ: ‘Rắn độc này thấy người là muốn giết hại, nay chỉ có Đức Phật mới điều phục được nó thôi’. Vua nghĩ như thế, liền dẫn quần thần đến chỗ Đức Phật, [144b] đỉnh lễ dưới chân Ngài, ngồi sang một bên. Vua trình bày rõ sự việc trên và thỉnh Đức Thế Tôn hàng phục rắn độc này, không để nó hại người nữa. Đức Phật liền chấp nhận.

Ngày hôm sau, Đức Phật đáp y, ôm bát đến chỗ rắn độc. Vừa thấy Đức Phật, nó liền nổi cơn giận dữ muốn cắn. Đức Phật vận sức từ bi, từ năm đầu ngón tay phóng ra ánh sáng năm màu chiếu vào thân rắn độc kia, khiến toàn thân nó được mát mẻ, lửa độc tiêu trừ, lòng rất vui vẻ, ngoảnh đầu nhìn bốn phía và suy nghĩ: ‘Người này có phúc đức gì mà phóng ánh sáng

⁶⁴⁴ La ghen chửa (la hoài nhâm 騾懷妊): con la sinh sản một lần rồi chết.

chiều vào thân thể khiến ta được mát mẻ thế này?’ Nó vui mừng không thể kể xiết.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn điều phục được rắn độc và nói nhân duyên đời trước của nó. Nghe xong, rắn độc tự trách, phiền não được tiêu trừ, tự nhớ biết đời trước mình là một trưởng giả, đã tạo các nghiệp ác, nên nay phải chịu quả báo này. Rắn độc liền ở trước Đức Phật, khởi lòng kính tin.

Đức Phật bảo:

- Đời trước ngươi không nghe lời Ta dạy nên phải chịu mang thân rắn này. Nay ngươi hãy lắng nghe.

Rắn độc thưa:

- Con sẽ nghe theo lời dạy của Đức Thế Tôn, không dám làm trái!

Đức Phật liền bảo:

- Nếu ngươi đã thuận phục thì hãy bò vào trong bát của Ta.

Đức Phật vừa nói xong, nó liền bò vào bát, Ngài mang về thả trong rừng. Vua và quần thần nghe Đức Phật đã điều phục được rắn độc và nhốt trong bình bát mang về, nhân dân cả nước kéo nhau đến xem. Khi thấy mọi người nhìn, rắn độc vô cùng hổ thẹn, chán ghét thân rắn, liền mạng chung, được sinh làm một vị trời lên cõi Đao-lợi. Bấy giờ, vị trời suy nghĩ: ‘Ta đã tạo phúc lành gì mà được sinh lên cõi trời?’. Vị trời liền quán sát, biết được lúc ở thế gian làm thân rắn, nhờ gặp Đức Phật mà sinh lòng kính tin và chán ghét thân rắn, nên đời sau được sinh lên cõi trời hưởng sự vui sướng. Vị trời nói: ‘Nay ta sẽ trở lại báo ân Đức Phật’. Vị trời hiện thân ánh sáng rực rỡ, mang hương hoa đến, đỉnh lễ dưới chân Đức Phật, cúng dường hoa hương xong, ngồi sang một bên, nghe Phật nói pháp, tâm ý khai thông, chứng quả Tu-đà-hoàn, liền nói kệ:

Bậc Đại Thánh cao tột,

Công đức đều đầy đủ,

Hãy độ kẻ tối tăm,

Khiến chóng thành đạo quả.

Trừ cấu bản não phiền,

Vượt khỏi biển sinh tử,

Nay nhờ ơn Đức Phật,

Thoát khỏi ba đường ác.

Lúc bấy giờ, thiên tử khen ngợi Đức Phật, nhiễu quanh ba vòng, rồi trở về thiên cung. Vua Tần-bà-sa-la và hội chúng nghe Đức Phật nói về nhân duyên xan tham, có người đăc bốn quả Sa-môn, có người phát tâm Vô thượng bồ-đề, tất cả đều vui mừng, tin nhận, hành trì”.

[144c] Lại nữa, kinh *Bách duyên* ghi: “Lúc ở nước Kiền-tát-la, Đức Phật cùng các vị tì-kheo muốn đến bên cây lặc-na. Trên đường đi, ngang qua một đầm lầy có năm trăm người chăc năm trăm con trâu rất hung dữ. Từ xa, trông thấy Đức Phật cùng các tì-kheo đăng đi đến, những mục đồng vội gọi lớn:

- Xin Đức Thế Tôn chớ đi con đường này! Vì trong đàn trâu kia có một con rất hung dữ, thường húc chết người, Ngài không thể qua đưọc!

Bấy giờ, Đức Phật bảo năm trăm người chăc trâu:

- Các người chớ lo sợ, giả sử trâu dữ kia đến húc, Ta sẽ tự biết cách đôi phó!

Đức Phật vừa nói dứt lời, trâu dữ kia liền chạy đến, cong đuôi, cúi sừng, chân dậm xuống đất và rống lớn rồi lao thẳng về phía Đức Phật.

Lúc ấy, từ năm đầu ngón tay của Đức Như Lai hóa ra năm con sư tử đứng vây quanh Ngài, và có hầm lửa lớn bao bọc bốn phía. Trâu dữ kia thấy vậy vô cùng hoảng sợ, chạy quanh tìm lối thoát nhưng không có, chỉ thấy còn một khoảnh đất nhỏ trước chân Đức Phật là an ổn, mát mẻ. Nó liền chạy đến đó, bỗng nhiên lòng không còn lo sợ, quì xuống cúi đầu liêm chân Đức Phật, rồi ngẩng lên nhìn Ngài, vui mừng khôn xiết.

Bấy giờ, Đức Như Lai biết tâm của trâu dữ kia đã được điều phục, liền nói kệ:

Tâm ý khởi ác độc,

Muốn đến tổn hại Ta,

Mong sẽ được chiến thắng,

Trái lại, liếm chân Ta.

Khi trâu dữ nghe Đức Phật nói kệ xong, lòng vô cùng hổ thẹn, bỗng nhiên tỉnh ngộ, phiền não tiêu trừ. Nó liền biết được đời trước của mình làm người tạo nhiều nghiệp ác, lòng càng xấu hổ, không màng đến ăn uống. Sau đó nó mạng chung, được sinh làm thiên tử trên cõi trời Đao-lợi. Vừa sinh đến, vị trời bỗng thấy thân mình cao lớn như đứa trẻ tám tuổi, liền suy nghĩ: ‘Ta tu phúc lành gì mà được sinh lên cõi trời này?’. Thiên tử quán sát biết được lúc còn ở thế gian làm thân trâu, nhờ Đức Phật hóa độ mới được sinh lên cõi trời này, lại nghĩ: ‘Ta nay sẽ trở lại báo ân Đức Phật’. Nghĩ như vậy rồi, thiên tử liền mang hương hoa đến chỗ Đức Phật, ánh sáng rực rỡ chiếu rọi khắp nơi, đỉnh lễ dưới chân Đức Phật, ngồi sang một bên. Bấy giờ, Đức Phật nói pháp tứ đế. Thiên tử nghe xong, tâm ý thông suốt, đắc quả Tu-đà-hoàn, liền đứng dậy nhiễu quanh Đức Phật ba vòng, rồi trở về thiên cung.

Sáng sớm hôm sau, năm trăm người chăn trâu kéo nhau đến chỗ Đức Phật. Nghe Phật giảng pháp vi diệu, tâm ý họ khai thông, mỗi người đều hiểu được lý đạo, cầu xin xuất gia. Đức Phật nói:

- Thiện lai tì-kheo!

Râu tóc của họ tự rụng, thân đắp ca-sa, liền thành sa-môn. Sau đó, họ siêng năng tu tập, đắc quả A-la-hán.

Các tì-kheo thấy việc này, liền bạch Đức Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn! Trâu dữ này và năm trăm người chăn trâu kia, kiếp trước tạo nghiệp gì mà chịu quả báo như thế? Lại tu phúc lành gì mà gặp được Đức Thế Tôn?

Đức Phật bảo các tì-kheo:

- Các ông muốn biết nghiệp báo của họ đã tạo ở kiếp trước, Ta sẽ nói cho các ông rõ. Đức Phật liền nói kệ:

Nghiệp thiện, ác đã tạo,

Năm kiếp vẫn không mất,

Nhờ nhân duyên thiện nghiệp,

Nay được phúc báo này.

[145a] Vào kiếp Hiền, tại nước Ba-la-nại, có Đức Phật Ca-diếp ra đời. Bảy giờ, trong pháp hội có vị tì-kheo Tam Tạng dẫn năm trăm đệ tử đến nước khác giáo hóa. Lúc ở trong chúng hội cùng nhau bàn luận, có người vặn hỏi, nhưng tì-kheo Tam Tạng trả lời không thông suốt, liền nổi giận, mắng nhiếc: ‘Các người đã không hiểu biết, lại còn vặn hỏi ta, chẳng khác nào loài trâu muốn đến húc người’.

Lúc ấy, các vị đệ tử đều im lặng bỏ đi. Do miệng nói lời ác như thế, nên vị tì-kheo này năm trăm đời sinh làm trâu và năm trăm đệ tử làm người chăn trâu luôn đi theo canh giữ, đến hôm nay vẫn chưa được giải thoát.

Đức Phật bảo các tì-kheo:

- Các ông nên biết, tì-kheo Tam Tạng lúc ấy, nay chính là con trâu hung dữ nhất trong đàn, các vị đệ tử lúc đó, nay là năm trăm người chăn trâu. Khi Đức Phật nói nhân duyên này, mỗi người tự giữ gìn ba nghiệp thân, miệng, ý, chán ghét sinh tử, đắc bốn quả Sa-môn, có người phát tâm Vô thượng bồ-đề. Nghe Đức Phật nói, tất cả đều vui mừng, vâng lời hành trì”.

Bài tụng *Chính báo*:

Người ngu nhiều sân hận,

Bị lửa địa ngục thiêu,

Lang, sói đứng vây quanh,

*Rắn độc tranh nhau đến,
Giận dữ cắn xé ăn,
Bụng lưng bị xuyên thủng,
Mình làm mình phải chịu,
Lửa sân tranh nhau đốt.*

Bài tụng *Tập báo*:

*Tâm sân nhiều độc hại,
Chìm đắm trong đường ác,
Hết tội, sinh làm người,
Dư báo vẫn theo hại,
Thấy người, liền tìm lỗi,
Hiềm giận như cỏ độc,
Điều này không lợi ích,
Sân, ngu có quý gì!*

XXIII.10. Nhận thức sai lầm [145b]

Người mới học đạo, cần phải lấy lòng tin làm đầu. Giống như người đến được núi báu, nếu không có đôi tay tin thì chẳng lấy được gì cả. Cho nên, trong kinh nói: Người ngu si không biết nhân quả, vọng khởi tà kiến, phỉ báng tam bảo và pháp tứ đế. Lại cho không có họa phúc, thiện ác, nghiệp báo thiện ác, cũng không có chúng sinh thụ sinh đời này, đời sau. Những người phá pháp thiện ác như thế, gọi là đoạn căn lành, nhất định sẽ đọa vào địa ngục A-tỳ.

Như kinh *Đại phẩm*⁶⁴⁵ ghi: “Nếu người không tin tam bảo, phỉ báng kinh Đại thừa bát-nhã, sẽ đọa vào địa ngục A-tỳ chịu khổ trăm nghìn vạn ức năm, từ địa ngục này đến địa ngục khác. Nếu cõi này hư hoại thì sinh vào địa ngục ở cõi khác; địa ngục cõi ấy hư hoại thì sinh trở lại địa ngục cõi này, cứ xoay vần như thế, khắp cả mười phương thế giới. Các địa ngục cõi khác hư hoại thì sinh trở lại địa ngục ở thế gian này. Khi tội địa ngục hết, người ấy sinh vào loài súc sinh, cũng ở khắp cả mười phương thế giới. Khi chịu tội trong loài súc sinh xong, người ấy được sinh làm người, nhưng ở nơi không có Phật pháp, nghèo cùng, hèn hạ, không đủ các căn, thường ngu si, không hiểu biết, dẫu là người thông minh, nhưng cố chấp sai lầm cũng là tà kiến”.

Do đó, luận *Thành thật* ghi: “Ngu si có sai khác. Vì sao? Vì không phải tất cả người ngu si đều là bất thiện. Nếu ngu si tăng mạnh trở thành tà kiến thì gọi là bất thiện nghiệp đạo. Cho nên, do ngu si làm tăng trưởng tà kiến, nên mắc tội rất nặng, ắt sẽ đọa vào địa ngục A-tỳ. Xét về tà kiến, có nhẹ có nặng; nhẹ có thể chuyển, nặng không thể chuyển”.

Kinh *Bồ-tát địa trì*⁶⁴⁶ ghi: “Tà kiến có hai loại:

1- Tà kiến có thể chuyển

2- Tà kiến không thể chuyển.

Như phỉ báng nhân quả, không tin có bậc thánh là loại tà kiến không thể chuyển. Không phải nhân mà chấp là nhân, không phải quả mà chấp là quả, là loại tà kiến có thể chuyển. Thế nên, nghiệp ác là tà kiến, nghiệp thiện là chính kiến”.

Không phỉ báng pháp tứ đế, nhưng không hiểu thánh đạo, không thông đạt chân lý từ tâm phát sinh, thường khổ thân để cầu giải thoát, giống như con chó đuổi theo viên đá mà không biết tìm người ném viên đá.

⁶⁴⁵ Kinh Đại phẩm tức kinh Đại phẩm bát-nhã (Đại phẩm bát-nhã kinh 大品般若經; S: Pañcaviṃśati-sāhasrikā-prajñāpāramitā): kinh, hai mươi bảy quyển, chín mươi phẩm, ngài Curu-ma-la-thập dịch (402-412). Nội dung nói về bát-nhã không quán thuộc thời kì đầu của Phật giáo Đại thừa.

⁶⁴⁶ Kinh Bồ-tát Địa trì (Bồ-tát Địa trì kinh 菩薩地持經): kinh, hai mươi bảy phẩm, nêu rõ phương tiện tu hành của bồ-tát Đại thừa, chia làm ba phần: sơ phương tiện xứ, thứ pháp phương tiện xứ và tất cánh phương tiện xứ.

Cho nên, luận *Đại trang nghiêm* ghi: “Giống như loài sư tử, lúc bị người bắn, liền tìm theo đến chỗ người bắn. Còn loài chó ngu si kia, có người ném viên đá, liền đuổi theo viên đá mà không biết tìm người ném đá. Nói sư tử là dụ cho người có trí tuệ hiểu biết, xét thấu nguồn gốc của phiền não mà diệt trừ. Con chó ngu si là dụ cho ngoại đạo, dùng năm thứ lửa⁶⁴⁷ thiêu đốt thân, không biết nguồn gốc của chơn tâm. Nhưng kẻ phàm ngu phần nhiều mê mờ chân lý, không biết quán xét thân, [145c] tâm vốn vô ngã, mà chỉ học tu khổ hạnh, cho đó là đạo, tức giống với bọn ngoại đạo tu theo tà pháp, chấp sai lầm, trái chân lý, cho nên thành pháp ác. Do đó, luận *Đại trí độ* ghi: “Tội tà kiến rất nặng, tuy giữ giới, hai nghiệp thân, miệng dù tốt, song cũng thuộc tà kiến, vì có tâm ác”.

Đức Phật nói thí dụ: “Nếu gieo hạt đắng, tuy nhờ bốn đại nuôi dưỡng, nhưng đến khi cây lớn lên trở quả cũng có vị đắng”. Người tà kiến cũng thế, dù siêng năng trì giới, cũng thành pháp ác. Kẻ tà kiến không bằng người bố thí chút ít mà không chấp trước. Người không chấp thì dễ giáo hóa, kẻ cố chấp khó độ, không những tự hủy hoại mình mà còn làm tổn thương người khác”.

Nên luận *Thành thật* ghi: “Thà không tu, chứ không nên tu theo tà đạo. Nếu không, sau khi mạng chung sẽ đọa vào đường ác”.

Kinh *Chính pháp niệm* ghi: “Diêm-la vương nói bài kệ trách các tội nhân:

Ngươi ngu si, tà kiến,

Bị dây si trói buộc,

Đọa vào địa ngục này,

Ở trong biển khổ lớn.

Ác kiến đốt hết phúc,

Làm người thấp hèn nhất,

Ngươi sợ đọa địa ngục,

⁶⁴⁷ Năm thứ lửa (ngũ hỏa 五火): lửa bốn phía và ánh nắng mặt trời.

Nhưng đó là nhà người.

Nếu ai khởi tà kiến,

Người ấy không trí tuệ,

Tất cả nghiệp địa ngục,

Do tâm oán tạo ra.

Tâm oán là bậc nhất,

Oán này vô cùng ác,

Oán này hay trói người,

Dẫn xuống vua Diêm-la.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền nói kệ:

Si như cá di-nê,

Ở trong nhà tham ái,

Tạo nghiệp thì vui cười,

Chịu khổ lại gào khóc”.

Lại nữa, kinh *Tu hành đạo địa* có bài kệ:

Miệng nói lời ngu si,

Người đó lòng mê muội,

Tâm không nghĩ điều ác,

Cũng không nhớ việc thiện.

Tâm hồn thường mờ mịt,

Không làm được việc gì,

Như chiêm nấu ngoài gió,

Thức ăn không thể chín.

Huân tập ngu si nhiều,

Các căn không đầy đủ,

Sinh trong loài trâu, dê,

Sau đó đọa địa ngục.

Kinh Nguyệt Quang đồng tử⁶⁴⁸, cũng gọi là kinh Phật thuyết Thân Nhật ghi: “Lúc bảy giờ, có trưởng giả tên Thân Nhật, nghe theo kế độ của bọn lục sư ngoại đạo⁶⁴⁹, thỉnh Phật và chúng tăng đến nhà cúng dường. [146a] Họ bảo trưởng giả đào một cái hầm sâu khoảng năm trượng sáu ở ngay cửa ra vào, dùng than lửa đổ xuống hơn nửa hầm, bên trên gác những thanh sắt nhỏ, rồi phủ một lớp đất mỏng. Đồng thời, họ bày biện các thức ăn đã tẩm thuốc độc ở trong nhà. Họ bảo nhau: ‘Nếu hầm lửa không hại được thì thuốc độc trong thức ăn cũng đủ giết chết Phật và chúng tăng. Cứ theo kế hoạch này thì sợ gì Phật không chết’. Trưởng giả làm đúng như lời chỉ bảo, bọn ngoại đạo rất vui mừng.

Bảy giờ, Thân Nhật liền đến chỗ Đức Phật, ân cần thỉnh Ngài và thánh chúng. Đức Thế Tôn vì thương xót ông ta quá ngu si, cuồng loạn, muốn hóa độ ông, nên im lặng nhận lời. Thân Nhật vô cùng vui mừng và nghĩ: ‘Quả thật đúng như dự đoán của ta’.

Dù chất độc nhiều như núi Tu-di, kiếp hỏa có thể thiêu rụi nghìn cõi nước, và dao kiếm bén nhọn cũng đều không thể chạm đến một sợi lông của Đức Phật. Nay chỉ dùng một hầm lửa nhỏ và thức ăn tẩm độc mà muốn hại Đức Phật thì chẳng khác nào ruồi, muỗi muốn xô ngã núi Tu-di, hoặc như cánh

⁶⁴⁸ Kinh Nguyệt Quang đồng tử (Nguyệt Quang đồng tử kinh 月光童子經): kinh, do ngài Trúc Pháp Hộ dịch vào đời Tây Tấn. Nội dung kinh này nói về ông Thân Nhật và lục sư ngoại đạo mưu hại Đức Phật, dù cho con ông khuyên can mà ông vẫn không nghe. Ông Được Đức Phật dùng thần lực giáo hoá, cuối cùng ăn năn sám hối và qui y Phật.

⁶⁴⁹ Lục sư ngoại đạo 六師外道: sáu phái ngoại đạo có thế lực lớn ở Trung Ấn Độ vào thời Đức Phật còn tại thế.

mối, nặng muốn che lấp mặt trời, mặt trăng. Như vậy, chỉ tự hủy hoại mình. Sao không sớm hối cải?

Bấy giờ, trưởng giả bị tội lỗi che mờ, tâm trí không thông. Đức Thế Tôn nghĩ: ‘Nay Ta nhận lời mời của Thân Nhật thì không nên đến một cách bình thường được’. Đức Phật liền vận sức thần thông, chấn động cả mười phương, rồi cùng với trăm nghìn thánh chúng và vô số các rồng, thần trên hư không hoặc dưới mặt đất, cùng lúc đến nhà làm lợi ích cho trưởng giả. Đức Phật dùng oai thần biến hầm lửa thành ao bảy báu đầy nước có đủ tám tính chất; cơm và thức ăn có tám độ đều biến thành món ăn cam lộ cõi trời. Mọi người đều rất vui mừng.

Thế là, lục sư ngoại đạo kinh sợ bỏ chạy, trưởng giả qui phục, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Đức Phật rồi thưa:

- Nay con mới biết nhờ Phật mà được giác ngộ!

Người đến dự hội nghe pháp âm của Đức Phật đều sinh phúc đức, được lợi ích không thể tính kể”.

Kinh *Quán Phật tam-muội*⁶⁵⁰ ghi: “Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với phụ vương:

- Nhà của trưởng giả Tu-đạt ở thành Vương Xá, có một bà lão giúp việc rất siêng năng tên là Tỳ-đê-la, được trưởng giả giao chìa khóa kho và trông coi tất cả mọi việc thu chi trong nhà.

Một hôm, Tu-đạt thỉnh Phật và chúng tăng đến cúng dường những thứ cần dùng. Bấy giờ, các tỳ-kheo bệnh đến xin nhiều thứ, nên bà lão ấy khởi lòng tham tiếc, bòn xén, sân hận, ghen ghét Phật, pháp, tăng nên nói:

- Trưởng giả tôi bị phép thuật của sa-môn mê hoặc trở nên ngu si. Họ chỉ là những người xin ăn, mong cầu mãi không biết chán, nào có đạo đức gì!

⁶⁵⁰ Kinh Quán Phật tam-muội (Quán Phật tam-muội kinh 觀佛三昧經; S: Buddha-dhyāna-samādhisāgara-sūtra): kinh, nói về việc Đức Phật thuyết pháp để độ cho phụ vương là Duyệt-đầu-đàn và di mẫu là Kiều-đàm-di tại rừng Ni-câu-lâu-đa, thành Ca-tỳ-la-vệ.

Nói thế rồi, bà liền phát nguyện xấu: ‘Ta nguyện đời đời không nghe đến tên Phật và tăng’. Lời nguyện xấu ấy lan dần đến thành Vương Xá. Phu nhân Mạt-lợi nghe được liền nói:

- Trưởng giả Tu-đạt đẹp như hoa sen, mọi người thích tiếp xúc, tại sao lại có người giúp việc ác như rắn độc vậy?

Phu nhân cho gọi vợ của Tu-đạt đến hỏi:

- Nhà ngươi có bà già giúp việc miệng mồm độc ác, [146b] chuyên phi báng Phật, pháp, tăng, tại sao không đuổi đi?

Vợ Tu-đạt quì xuống thưa:

- Người xấu ác như Ương-quật-ma-la v.v... mà Đức Phật còn hàng phục được, huống gì bà tở già này!

Phu nhân Mạt-lợi nghe nói thế, lòng vô cùng vui mừng bảo:

- Ta thỉnh Phật ngày mai vào cung cúng dường. Ngươi hãy bảo bà giúp việc đến đứng vào giờ thụ trai.

Sáng hôm sau, trưởng giả Tu-đạt sai bà giúp việc đem một bình đựng đầy vàng đến giúp vua cúng dường. Phu nhân Mạt-lợi thấy bà đến, liền suy nghĩ: ‘Người tà kiến này, nếu Đức Phật hóa độ, ta cũng được lợi ích’.

Bấy giờ, Đức Phật từ cửa chính đi vào, Nan-đà hầu bên trái, A-nan hầu bên phải, La-hầu-la đi phía sau. Bà lão vừa thấy Phật liền run sợ và nói: ‘Người xấu này theo sau ta đến đây!’

Nói xong, bà bỏ chạy, định chui qua lỗ chó để thoát ra ngoài. Bỗng nhiên lỗ kia liền bít lại và các cửa xung quanh đều đóng kín, chỉ trừ cửa chính. Bà liền dùng quạt che mặt. Đức Phật đứng trước bà và khiến cho cây quạt trong suốt như tấm kiếng, không còn che mặt được. Bà quay nhìn về phía đông thì thấy phía đông có Phật; nhìn về phía nam, tây, bắc cũng đều thấy như thế. Nhìn lên trên thì thấy phía trên có Phật, nhìn xuống đất cũng thấy khắp mặt đất đều có Phật. Bà dùng tay che mặt lại, thì mười đầu ngón tay đều hóa thành Phật. Bà nhắm mắt lại, tâm nhãn liền khai mở, thấy Hóa Phật trên hư không khắp cả mười phương thế giới. Lúc ấy, trong thành có

hai mươi lăm người nữ thuộc giai cấp Chiên-đà-la, năm mươi người nữ thuộc giai cấp Bà-la-môn và các giai cấp khác, cùng vào cung của phu nhân Mạt-lợi. Tất cả năm trăm người đó, trước kia không tin Phật, nhưng hôm nay thấy Đức Phật bay trên hư không, hiện vô số thân để giáo hóa bà giúp việc, họ liền dứt hết tà kiến, đỉnh lễ Đức Phật và niệm ‘Nam-mô Phật’. Vừa niệm xong, thấy hóa Phật nhiều vô số, họ liền phát tâm bồ-đề. Tuy thấy Đức Phật, bà lão tà kiến vẫn chưa khởi lòng kính tin, nhưng nhờ gặp Đức Phật, nên trừ được tội sinh tử trong tám mươi vạn ức kiếp. Sau khi gặp Phật rồi, bà chạy nhanh về nhà thưa với trưởng giả Tu-đạt:

- Hôm nay tôi gặp một việc rất xấu, thấy sa-môn Cù-đàm ở trong cung vua, làm các trò huyền hóa, thân như núi vàng, mắt như hoa sen xanh, phóng ánh sáng rực rỡ.

Nói xong, bà lấy trăm tấm da trùn lên cái lồng gỗ, rồi chui vào đó, dùng miếng vải trắng trùn kín đầu, nằm trong bóng tối.

Khi Đức Phật sắp trở về tinh xá Kì-hoàn, phu nhân Mạt-lợi thưa:

- Bạch Đức Thế Tôn! Xin Ngài ở lại giáo hóa bà lão tà kiến kia, đừng trở về tinh xá!

Đức Phật bảo phu nhân Mạt-lợi:

- Bà lão này tội rất nặng, không có duyên với Ta, nhưng có nhân duyên rất lớn với La-hầu-la.

Phật trở về tinh xá, liền sai La-hầu-la đến nhà Tu-đạt hóa độ bà lão kia.

Bấy giờ, La-hầu-la biến thành Chuyển luân thánh vương, một nghìn hai trăm năm mươi vị tì-kheo hóa làm thiên tử, cùng nhau đến nhà Tu-đạt, biến bà lão kia thành ngọc nữ. Lúc ấy, Chuyển luân thánh vương dùng ngọc như ý chiếu vào mặt bà lão, [146c] khiến bà tự thấy mình như ngọc nữ. Lòng vô cùng vui mừng, bà nói:

- Các vị sa-môn kia chỉ khoác lác, tự nói mình có đạo, nhưng chẳng có chút linh nghiệm gì. Bậc Chuyển luân thánh vương ra đời, làm lợi ích khắp nơi, khiến cho bà lão xấu xí như ta trở thành ngọc nữ!

Nói xong, bà ấy gieo năm vóc sát đất đĩnh lễ Chuyển luân thánh vương. Bấy giờ, vị quan coi về kinh điển điển nói mười điều thiện cho bà nghe. Nghe xong, bà vô cùng vui mừng và suy nghĩ: ‘Lời của Chuyển luân thánh vương nói ra đều đúng!’. Bà liền đĩnh lễ, sám hối tội lỗi, tự trách, tâm hoàn toàn thuần phục.

Bấy giờ, La-hầu-la và các tì-kheo hóa lại hình tướng cũ. Bà lão trông thấy, liền nói: ‘Phật pháp thanh tịnh không bỏ chúng sinh. Người xấu ác như ta mà vẫn được hóa độ!’

Bà xin lãnh thụ năm giới, đắc quả Tu-đà-hoàn. La-hầu-la dẫn bà đến chỗ Đức Phật, đĩnh lễ sám hối tội lỗi. Sau đó, bà xin Phật xuất gia, rồi chứng quả A-la-hán, bay lên hư không hóa hiện mười tám thứ thần biến.

Vua Ba-tư-nặc và phu nhân Mạt-lợi thấy vậy, liền bạch Đức Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn! Bà lão này đời trước đã tạo tội gì mà nay làm thân tôi tớ? Lại tạo phúc lành gì mà được gặp Phật và đắc đạo?

Đức Phật đáp:

- Vào thời quá khứ lâu xa, có Đức Phật Nhất Bảo Cái Đăng Vương ra đời. Sau khi Đức Phật nhập niết-bàn, vào thời tượng pháp có một vị vua tên là Tạt Bảo Hoa Quang. Vua có người con tên là Khoái Kiến xuất gia học đạo, cây mình là vương tử, nên lòng thường kiêu mạn. Khi hòa thượng bốn sư nói nghĩa ‘Đại không’ sâu xa vi diệu của kinh *Bát-nhã Ba-la-mật*, vương tử nghe xong, hiểu sai, nói bậy. Sau khi bốn sư thị tịch, vương tử nói:

- Đại hòa thượng bốn sư của tôi không có trí tuệ, chỉ biết khen ngợi nghĩa ‘không’. Tôi nguyện đời sau không muốn gặp ông ta. Vị A-xà-lê của tôi có trí tuệ, biện tài, nguyện đời đời làm thiện tri thức của tôi.

Nói xong, ông còn dạy bảo đồ chúng làm theo tà kiến. Tuy ông ta giữ giới cấm, nhưng do phỉ báng kinh *Bát-nhã*, hiểu sai, nói bậy, nên sau khi mạng chung bị đọa vào địa ngục A-tỳ, chịu khổ vô lượng trải qua tám mươi ức kiếp. Khi tội địa ngục hết, sinh lại làm người nghèo cùng, hèn hạ, năm

trăm đời chịu thân đui, điếc ngu si, một nghìn hai trăm năm thường làm kẻ tội tở.

Đức Phật bảo vua Ba-tư-nặc:

- Vị hòa thượng lúc ấy, nay chính là Ta; vị a-xà-lê nay là La-hầu-la; vương tử tì-kheo, nay là bà lão này; các chúng đệ tử, nay là những người nữ tà kiến phát tâm bồ-đề này”.

Kinh *Tát-già Ni-kiền tử*⁶⁵¹ ghi: “Ngày xưa, Đức Phật còn tại thế, ở thành Uất-xà-diên. Lúc ấy, vua Nghiêm Xí hỏi Tát-già Ni-kiền tử:

- Nếu có người ác, không tin tam bảo, thiêu đốt chùa tháp, kinh sách, tượng Phật, bồ-tát, dùng lời ác độc phỉ báng rằng: ‘Người xây chùa, in kinh, tạo tượng sẽ[147a] không có phúc đức; người cúng dường chùa tháp, kinh Phật hiện tại bị hao tổn tiền của mà tương lai không được lợi ích gì’; hoặc ghét chùa tháp tượng Phật, bồ-tát, ngăn trở hoặc phá hoại, hoặc bắt dòi đi nơi khác; hoặc đập phá nhà cửa, hang động của sa-môn; hoặc chiếm đoạt vật của Phật, pháp, tăng như ruộng vườn, nhà cửa, voi ngựa, xe cộ, người công quả, súc vật, áo quần, ngọa cụ và châu báu; hoặc dùng roi vọt đánh đập bắt sa-môn làm sai dịch, buộc họ phải hoàn tục; hoặc có tâm khinh thường bày các trò đùa giỡn; hoặc chỉ trích, chửi mắng, phỉ báng; hoặc tự tay cầm cây đánh đập; hoặc dùng mọi cách làm sa-môn bị thương; những người ác như thế, thuộc loại chúng sinh nào?

Tát-già Ni-kiền tử đáp:

- Đại vương! Người ấy thuộc loại chúng sinh phạm tội ngũ nghịch. Đại vương nên dùng hình phạt nặng nhất để trị tội những người đó. Vì sao? Vì họ tạo tội căn bản cực nặng. Có năm tội nặng căn bản:

1- Phá hoại chùa tháp, thiêu đốt kinh tượng, lấy vật tam bảo, tự lấy, hoặc bảo người lấy, hay thấy người lấy mà vui mừng.

2- Phỉ báng pháp tam thừa, cản trở, che giấu không lưu truyền.

⁶⁵¹ Kinh Tát-già ni-kiền tử (Tát-già ni-kiền tử kinh 薩遮尼乾子經; S: Bodhisattva-gocaropāya-viṣaya-vikurvaṇa-nirdeśa): kinh thuật lại việc lục sư ngoại đạo Đại Tát-già Ni-kiền-tử trả lời câu hỏi của bồ-tát Văn-thù về pháp Đại thừa thâm diệu, được Phật khen ngợi và thụ kí.

3- Nếu có sa-môn tín tâm xuất gia, cạo bỏ râu tóc, thân đắp ca-sa, dù giữ giới hoặc không giữ giới cũng đều bắt nhốt vào ngục, gông cùm xiềng xích, dùng roi vọt đánh đập, bắt lao động nặng nhọc, hoặc lột áo ca-sa, bức ép họ hoàn tục, hoặc giết chết.

4- Phạm một tội trong ngũ nghịch.

5- Không tin có tất cả nghiệp báo thiện ác, thường làm mười điều ác, không sợ quả báo đời sau, tự làm, hoặc bảo người khác làm, cố chấp không bỏ.

Nếu người phạm tội nặng căn bản như thế mà không tự sám hối, thì nhất định tất cả căn lành sẽ bị thiêu rụi, đọa vào địa ngục lớn, chịu khổ không ngừng, vĩnh viễn không có ngày ra.

Nếu đất nước có những người ác phá hoại tam bảo như thế, tất cả chư Phật và a-la-hán, thánh nhân đều bỏ đi, chư thiên buồn khóc, thiện thần không ủng hộ. Mọi người giết hại lẫn nhau, giặc cướp hoành hành khắp nơi, long vương ần mất, hạn hán xảy ra, mưa gió thất thường, ngũ cốc mất mùa, nhân dân đói khát, ăn nuốt lẫn nhau, xương trắng đầy đồng, bệnh tật gia tăng, chết chóc vô số. Tất cả nhân dân thấy thế mà không biết tự suy xét lỗi của mình, trái lại, oán trời, trách thiện thần”.

Kinh *Quán Phật tam-muội* ghi: “Có bảy loại tội nặng, mỗi một tội có thể khiến [147b] chúng sinh rơi vào địa ngục A-tỳ, trải qua tám vạn bốn nghìn đại kiếp:

1. Không tin nhân quả
2. Phỉ báng không tin có Phật ở mười phương
3. Đoạn giống trí tuệ
4. Phạm bốn tội trọng, luống uổng cơm tín thí
5. Lạm dụng vật của chư tăng
6. Bức hiếp, phá hạnh thanh tịnh của tì-kheo-ni

7. Làm hạnh bất tịnh với lục thân⁶⁵².”

Kinh *Tiểu ngũ trược* ghi: “Người phạm tội ngũ nghịch, có năm hạng:

1. Khinh thường cha mẹ, thờ cúng quỷ thần
2. Ganh ghét quốc vương
3. Khinh mạn sư trưởng
4. Coi nhẹ thân mạng, quý trọng tiền tài
5. Không làm phúc, còn tạo tội lỗi”.

Kinh *Trung a-hàm* ghi: “Đức Phật bảo các tì-kheo:

- Nếu kẻ phạm phu ngu muội, ba nghiệp thân, miệng, ý tạo ác, sau khi mạng chung đọa vào địa ngục, chịu khổ vô cùng, không một chút vui vẻ.

Như có người phạm tội trộm bị bắt giao cho vua. Vua liền sai người, buổi sáng đâm một trăm mũi giáo vào mình người tội, nhưng người kia vẫn sống; đến trưa, vua lại sai đâm hai trăm mũi giáo, người kia vẫn còn sống; đến chiều, vua lại sai đâm ba trăm mũi giáo. Tuy toàn thân tan nát, nhưng người ấy vẫn còn sống.

Đức Phật hỏi các tì-kheo:

- Các ông nghĩ sao? Người này bị giáo đâm có đau khổ không?

Các tì-kheo đáp:

- Bạch Đức Thế Tôn! Một ngọn giáo đâm đã đau đớn rồi, huống gì ba trăm mũi!

Đức Phật liền đưa tay bốc một nắm đá vụn lớn bằng hạt đậu, rồi hỏi các tì-kheo:

- Đá trong tay ta so với đá ở núi Tuyết, đá nào nhiều hơn?

⁶⁵² Lục thân 六親: sáu loại người gần nhất với mình. Đó là cha, mẹ, anh, em, vợ, con.

Các tì-kheo đáp:

- Bạch Đức Thế Tôn! Đá trong núi Tuyết nhiều hơn, không thể so sánh được.

Đức Phật bảo các tì-kheo:

- Nỗi khổ bị ba trăm mũi giáo đâm ít như nắm đá vụn này. Còn nỗi khổ trong địa ngục gấp trăm nghìn vạn lần so với đá ở núi Tuyết. Các ông thấy sự đau khổ trong địa ngục như thế nào?

Có chúng sinh đọa vào địa ngục, ngục tốt dùng búa nung đỏ chém khắp thân thể. Trải qua trăm nghìn năm chịu đau khổ vô cùng mà tội nhân vẫn không chết. Khi nghiệp ác ở đây chấm dứt, tội nhân lại bị bắt ngồi trên giường sắt ngục tốt dùng kèm kẹp miệng, bắt nuốt hòn sắt nóng, trải qua trăm nghìn năm; lại bị bắt ngồi trên giường sắt, rót nước đồng sôi vào miệng, trải qua trăm nghìn năm. Kế đó tội nhân bị bắt nằm trên đất sắt, ngục tốt dùng đinh sắt nóng đóng khắp thân thể, trải qua trăm nghìn năm. Ngục tốt lại kéo lưỡi tội nhân ra bắt liếm vào đất sắt, dùng đinh đóng căng ra như căng da trâu, trải qua trăm nghìn năm. Ngục tốt lại kéo gân cổ tội nhân buộc vào xe kéo, trải qua trăm nghìn năm. Lại đốt đất sắt nóng, rồi bảo tội nhân đi trên đó, trải qua trăm nghìn năm. [147c] Núi lửa đang cháy, ngục tốt bắt tội nhân đi trên đó, vừa đặt chân xuống máu thịt tiêu tan, nhấc chân lên thì sống trở lại, trải qua trăm nghìn năm. Tội nhân lại bị chiên nấu trong vạc dầu sôi, trải qua trăm nghìn năm, chịu đau khổ vô cùng, nhưng vẫn không chết. Đến khi tội hết mới ra khỏi. Chịu tội trong địa ngục xong, họ lại vào loài súc sinh, thường ở nơi tối tăm ăn nuốt lẫn nhau, chịu khổ vô cùng không thể nói hết. Chịu tội trong loài súc sinh xong, họ có thể được sinh làm người. Nhưng từ loài súc sinh đến được làm người rất khó, giống như con rùa mù gặp bông cây nổi. Giả sử được sinh làm người, cũng nghèo cùng, hèn hạ, bị người khác sai khiến, dung mạo xấu xí, không đủ các căn, hoặc bị chết yểu. Nếu người tạo nghiệp ác thì cứ chết đi sống lại, luân chuyển mãi trong địa ngục, không thể nói hết.

Đức Phật bảo các tì-kheo:

- Kẻ phạm phu ngu muội, thân, miệng, ý tạo nghiệp ác nên phải chịu tội như thế.

Đức Phật lại bảo:

- Người có trí tuệ, ba nghiệp thân, miệng, ý tạo nghiệp thiện, sau khi mạng chung được sinh lên cõi trời, hưởng thụ vui sướng, như vua Chuyển luân có đầy đủ bảy báu⁶⁵³ và bốn diệu⁶⁵⁴ của nhân gian.

Đức Phật lại hỏi các tì-kheo:

- Các ông nghĩ sao? Việc này có vui không?

Các tì-kheo thưa:

- Bạch Đức Thế Tôn! Được một vật báu và một món diệu cũng rất vui rồi, huống gì được bảy báu và bốn diệu!

Đức Phật lại đưa tay bóc một nắm đá vụn lớn bằng hạt đậu, rồi hỏi các tì-kheo:

- Đá trong tay ta so với đá ở núi Tuyết, đá nào nhiều hơn?

Các tì-kheo thưa:

- Bạch đức Thế Tôn! Đá trong núi Tuyết nhiều không thể ví dụ được.

Đức Phật bảo các tì-kheo:

- Niềm vui của Chuyển luân thánh vương so với niềm vui ở cõi trời giống như nắm đá vụn này với đá trong núi Tuyết. Các ông thấy niềm vui của cõi trời thế nào? Nếu người được sinh lên cõi trời, tùy ý hưởng thụ sáu trần, vui vẻ vô cùng không thể kể xiết. Nếu từ cõi trời sinh xuống nhân gian, lại sẽ sinh vào cung vua, hoặc dòng tộc cao quý, rất giàu sang, nhiều tiền của, vật báu, tiếng tăm vang xa, tướng mạo đoan chính, nhan sắc xinh đẹp, được mọi người yêu mến. Người có trí tuệ, ba nghiệp thân, miệng, ý tạo điều lành thì được phúc như vậy. Đây là niềm vui hữu lậu của thế gian. Nếu người tu tập căn lành, hồi hướng đạo Bồ-đề, cho dù ở trong sinh tử

⁶⁵³ Bảy báu (Thất bảo 七寶; S: sapta ratnāni): bảy thứ đồ quý. Theo phẩm Thụ ký trong kinh Hoa nghiêm ghi: “vàng, bạc, lưu li, xa cừ, mã não, trân châu, mai khôi”. Theo kinh Vô lượng thọ: “Vàng, bạc, lưu li, pha lê, san hô, mã não, xa cừ”.

⁶⁵⁴ Bốn diệu (tứ diệu 四妙; Cg: tứ đức): bốn đức của Chuyển luân thánh vương. Đó là trường thọ, không bệnh, dung mạo xinh đẹp và nhiều của báu.

vẫn hưởng thụ phúc báo ấy. Mỗi đến khi chứng Niết-bàn phúc báo ấy cũng không hết”.

Bài tụng *Chính báo*:

Sáu giặc gian tà, nguy,

Bảy thức loạn, trái chân,

Luôn phỉ báng chính pháp,

Vọng ngữ, lại tham, sân,

[148a] *Tha hồ tạo nghiệp ác,*

Lời đúng không thích nghe,

Đọa vào ngục Vô gián,

Muôn khổ trôi buộc thân.

Bài tụng *Tập báo*:

Người tà kiến, ngu si,

Chịu khổ ngục A-tỳ,

Tội hết, sinh làm người,

Lại tiếp tục tà kiến,

Tà, chính vốn trái nhau,

Tự tạo thành dôi trá,

Tâm này nếu không đổi,

Chìm mãi trong địa ngục.

Chúc TỰ-ĐỨC TRÍ DỊCH

CHU KINH YẾU TẬP

QUYỂN 16

XXIV. DỐI TRÁ

Gồm sáu phần: Lời dẫn, Giả làm thân gần, Dùng độc mưu hại, Giả làm phú quý, Giả làm can đảm, Loài vật dối trá.

XXIV.1. Lời dẫn

Đạo lớn không ngăn cách, quý ở lời ngay. Cho nên, nói lời thiện thì xa nghìn dặm còn có người hưởng ứng, buông lời bất thiện thì gần trong gang tấc cũng chẳng ai nghe. Đòi mặt pháp, người và pháp đều trở thành gian dối, hoặc dựa vào điều phải mà làm thành quấy, hoặc tô điều giả để biến thành thật. Do lòng người có chính tà, nên pháp có giả thật, vướng vào danh lợi thì hơn ngã càng lớn. Người thân trước mắt còn không nương tựa được, huống là kẻ xưa nay xa lạ, vì thế mà khó kết bạn. Cho nên trong kinh có dạy: “Trực tâm là đạo tràng”, quả đúng như vậy!

XXIV.2. Giả làm thân gần

Kinh *Tạp bảo tạng*⁶⁵⁵ ghi: “Tất cả sự gian trá, giả dối, mê hoặc, nhìn bề ngoài giống như ngay thẳng, nhưng bên trong lại ẩn chứa những điều bất chính. Thế nên, người trí phải phân rõ chân, ngụy.

Thuở xưa, có ông bà-la-môn tuổi đã già, nhưng lại cưới được vợ trẻ. Vì chê chồng già, nên người vợ nài nỉ chồng mở tiệc mời các bà-la-môn trẻ tuổi cường tráng đến dự. Nghi vợ có tà ý, nên người chồng không bằng lòng.

Ngày kia, đưa con trai riêng của ông chẳng may sẩy chân té vào đồng lửa, người vợ trẻ nhìn thấy, nhưng [148b] không kéo ra, người chồng tức giận quát:

- Tại sao thấy con té mà không chịu kéo ra?

Người vợ liền đáp:

⁶⁵⁵ Kinh *Tạp bảo tạng* (Tạp bảo tạng kinh 雜寶藏經; S: Saṃyukta-ratna-piṭaka-sūtra): kinh, mười quyển, do ngài Cát-ca-dạ và ngài Đàm Diệu dịch vào đời Nguyên Ngụy, Trung Quốc, được xếp vào Đại chính tạng, tập 4. Nội dung nói về các sự tích liên quan đến Đức Phật và đệ tử cùng những duyên sự sau khi Đức Phật nhập diệt.

- Từ nhỏ tới giờ, tôi chỉ gần gũi với chồng, chứ chưa bao giờ qua lại với người đàn ông nào khác, thế thì tôi đâu thể kéo đứa con trai này?

Nghe vậy, người chồng già tin là thật, bèn mở tiệc lớn, mời các bà-la-môn trai trẻ đến dự. Bấy giờ, ông ta chứng kiến cảnh vợ mình tư tình với họ, nên rất giận dữ, liền lấy hết báu vật, bỏ vợ ra đi. Trên đường, ông gặp một người bà-la-môn và kết bạn. Đến tối, hai người ngủ chung, sáng lại lên đường. Bà-la-môn kia nói:

- Chỗ ngủ hôm qua có một lá cây dính vào áo của tôi. Từ nhỏ tới giờ, tôi chưa hề lấy một vật gì của ai, tôi muốn trả lại cho chủ nhân của nó. Ông hãy đợi ở đây, tôi trả xong sẽ trở lại.

Nghe lời này, bà-la-môn già càng tin tưởng và thương kính bội phần, nên bằng lòng đứng đợi. Người bà-la-môn kia dúi đem lá cây vào trong khe rồi nằm chơi, một lát sau trở lại nói là đã trả xong. Khi đó, bà-la-môn già mắc tiểu, nên đem báu vật gửi cho bà-la-môn kia. Thời cơ đã đến, người kia ôm lấy của báu trốn đi. Biết người trộm lấy vật báu của mình, bà-la-môn già rất tức giận và tiếc nuối.

Sau đó lại lên đường, ông ta dừng nghỉ dưới một gốc cây. Nhìn thấy con chim sẻu, miệng ngậm cọng cỏ, nói với các chim khác:

- Chúng ta thương yêu lẫn nhau, nên cùng tập hợp ở một nơi!

Bấy giờ, các loài chim khác đều tin thật, nên bay đến tụ tập. Đợi sau khi các loài chim rời khỏi tổ, sẻu liền bay đến mổ trứng chim ăn. Khi thấy các chim kia về, thì nó lại ngậm cỏ. Biết được sẻu gian, nên tất cả đều bỏ đi. Rồi cũng tại gốc cây ấy, ông lại thấy một người xuất gia ngoại đạo, thân mặc áo vá, bước đi chậm rãi, miệng nói:

- Chúng sinh, tránh ra!

Thấy thế, bà-la-môn già hỏi:

- Tại sao ông vừa đi vừa nói ‘tránh ra’?

Ngoại đạo đáp:

- Là người xuất gia, tôi thương xót tất cả. Sở dĩ nói vậy, là vì tôi sợ làm tổn thương trùng kiến.

Nghe thế, bà-la-môn già tin là thật, nên đến chiều tối tìm tới nhà ông ta. Đến nơi chỉ nghe tiếng ca múa và thấy một phụ nữ bước ra từ căn hầm trong phòng đến giao hoan với ngoại đạo xuất gia, trong tiếng đàn hát, đùa giỡn. Thấy vậy, bà-la-môn già suy nghĩ: ‘Muôn vật trong thiên hạ đều không đáng tin’, và nói kệ:

Chẳng chạm đàn ông khác

Đem cỏ trả lại chủ

Chim sếu giả ngậm cỏ

Ngoại đạo sợ hại trùng

Miệng luôn nói tránh ra

Dối trá như thế đấy

[148c] *Đều không đáng tin cậy*

Đời sau khổ khôn lường”.

Cho nên, kinh *Niết-bàn* ghi: “Đức Phật dạy: Như bài kệ ngày xưa Ta từng nói:

Tất cả dòng sông,

Đều có khúc quanh,

Tất cả rừng cây,

Đều có gỗ quý.

Tất cả người nữ,

Đều có gian dối,

Tất cả không vương.

Liên được an vui.

XXIV.3. Dùng độc mưu hại

Kinh *Tạp bảo tạng* ghi: “Đề-bà-đạt-đa dùng đủ mọi cách để sát hại Phật, nhưng không được. Gặp lúc một bà-la-môn người Nam Thiên Trúc rất giỏi chú thuật, pha chế thuốc độc đến, Đề-bà-đạt-đa liền nhờ ông ta pha chế, rồi tự tay mình rải lên Đức Phật, nhưng bị gió thổi ngược rơi trở lại trên đầu, nên bất tỉnh, ngã lăn ra đất sắp chết, không phương cứu chữa.

A-nan bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn! Đề-bà-đạt-đa trúng độc sắp chết!

Vì thương xót, Đức Phật nói thật với A-nan:

- Từ lúc hành đạo Bồ-tát cho đến khi thành Phật, ta thường thương xót Đề-bà-đạt-đa, không hề oán ghét. Nếu đúng như vậy, thuốc độc sẽ tự tiêu.

Vừa dứt lời, thuốc độc liền được giải. Thấy vậy, các thầy tì-kheo thưa:

- Hi hữu thay! Bạch Đức Thế Tôn! Đề-bà-đạt-đa luôn khởi lòng ác đối với Như Lai, vậy mà tại sao Như Lai còn cứu sống?

Đức Phật nói:

- Không chỉ ngày nay Đề-bà-đạt-đa có ác tâm với Ta, mà quá khứ cũng vậy.

Các thầy tì-kheo lại hỏi:

- Bạch Đức Thế tôn! Ngày xưa, Đề-bà-đạt-đa có ác tâm với Ngài như thế nào?

Đức Phật kể: ‘Vào đời quá khứ, trong thành Ba-la-nại, nước Ca-thi có hai vị tể tướng: một vị tên là Tư-na, vị kia tên là Ác Ý. Tư-na thường làm theo luật pháp, còn Ác Ý luôn làm việc ác, thích dèm pha. Một hôm, Ác Ý tâu với nhà vua:

- Tur-na muốn tạo phản.

Nhà vua liền cho người bắt nhốt Tur-na. Lúc ấy, các vị trời và thiện thần ở giữa hư không nói:

- Người hiền này quả thật không có tội, có sao lại bắt ông ta?

Lần thứ hai, Ác Ý cướp kho nhà vua, rồi đổ oan cho Tur-na, nên nhà vua không còn tin tưởng nữa, bèn ra lệnh bắt Ác Ý giao cho Tur-na định tội. Tur-na liền khuyên Ác Ý đến sám hối nhà vua. Biết mình có tội, Ác Ý liền trốn sang nước của vua Tì-đề-hê, làm một chiếc hộp báu đựng hai con rắn độc. Nếu người thấy rắn này thì sẽ bị khí độc làm hại. Thế nên Ác Ý nhờ vua Tì-đề-hê sai sứ giả đem hộp báu này dâng cho vua nước Ca-thi và Tur-na, và dặn: ‘Chỉ cho hai người này xem, không cho người khác thấy’. Nhìn chiếc hộp báu trang sức quá đẹp, vua rất vui mừng, liền sai Tur-na mở hộp ra xem. Tur-na thưa:

- Vật từ xa đem đến thì không nên tự mở xem, [149a] thực phẩm từ xa đem lại cũng không nên ăn vội. Vì sao? Vì nước kia có kẻ ác, có thể dùng vật độc để hại chúng ta.

Vua nói:

- Nhưng trẫm quyết muốn xem!

Tur-na ân cần can gián đến ba lần, nhưng nhà vua vẫn một mực đòi xem. Thấy vậy, Tur-na nói:

- Tâu đại vương! Nếu không tin lời hạ thần, thì đại vương tự mở xem, hạ thần không dám!

Vừa mở hộp ra, nhà vua bị chất độc làm mù hai mắt. Tur-na vô cùng đau buồn, xót thương, liền cho người đi khắp bốn phương tìm thuốc hay về chữa trị cho vua. Vua được bình phục như cũ.

Nhà vua bấy giờ là Xá-lợi-phất, Tur-na chính là Ta, còn Ác Ý là Đề-bà-đạt-đa vậy”.

XXIV.4. Giả làm phú quý

Luật *Tăng-ki*⁶⁵⁶ ghi: “Phật bảo các tì-kheo:

- Vào thời quá khứ tại thành Ba-la-nại, nước Ca-thi, có bà-la-môn học rộng tên Phát-lô-hê, là thầy của vua, có năm trăm học trò. Bấy giờ, bà-la-môn nuôi một nô bộc tên là Ca-la-ha, có nhiệm vụ cung cấp đồ dùng cho các đồng tử. Nô bộc này căn tính lanh lợi, nghe nhớ tất cả các lời dạy.

Một hôm, nô bộc xích mích với các đồng tử, liền đến nước khác, giả xưng là con của bà-la-môn Phát-lô-hê nước Ba-la-nại⁶⁵⁷, tên là Da-nhã-đạt-đa. Nô bộc đến nói với quốc sư nước này:

- Tôi là con của bà-la-môn Phát-lô-hê, quốc sư nước Ba-la-nại, cố ý đến đây học pháp bà-la-môn.

Quốc sư bảo:

- Được!

Nô bộc này thông minh, vốn đã từng nghe, hôm nay nghe lại, nên ghi nhớ tất cả. Quốc sư này rất vui mừng, liền bảo dạy cho năm trăm học trò của ông. Ông nói:

- Ngươi hãy dạy thay ta, ta phải lo việc triều chính.

Vị quốc sư này không có con trai, chỉ có một người con gái, nên bảo nô bộc:

- Nay Da-nhã-đạt-đa! Nếu ngươi nghe lời, đừng trở về nước, ta sẽ gả con gái ta cho ngươi.

Thưa:

- Con xin vâng lời.

⁶⁵⁶ Luật Tăng-ki (Tăng-ki luật 僧祇律; S: Mahāsaṅghavinaya): luật, nói về hai trăm năm mươi giới tì-kheo và ba trăm bốn mươi tám giới tì-kheo-ni. Đây là bộ luật của Đại Chúng bộ thuộc Phật giáo Bộ phái.

⁶⁵⁷ Nước Ba-la-nại (Ba-la-nại quốc 波羅奈國; S: Vārāṇasī, Varāṇasī, Varāṇasī): nước Ca-thi khi xưa, thời cận đại có tên Benares, nay là bang Varanasi của nước Ấn Độ. Đây là một trong sáu địa điểm lớn mà Phật đã từng đến thuyết pháp.

Thế rồi, họ cùng ở chung một nhà, cuộc sống rất đầy đủ, sung sướng. Là người khó tính, mỗi khi người vợ làm thức ăn, Da-nhã-đạt-đa thường chê sống chín, không vừa miệng. Người vợ suy nghĩ: ‘Nếu có người từ nước Ba-la-nại đến, ta sẽ hỏi họ cách thức ăn uống của nước ấy để cung phụng cho chồng’.

Bấy giờ, bà-la-môn Phất-lô-hê của nước kia nghe việc này liền nghĩ: ‘Nô bộc Ca-la-ha của ta trốn sang nước ấy, ta nên đến đó để gặp’. Bà-la-môn liền sang nước ấy. Khi đó, nô bộc đang dạo chơi trong vườn với các học trò. Từ xa nhìn thấy người chủ cũ, nô bộc sợ hãi, nói nhỏ với các học trò:

- Các con hãy trở về, [149b] mỗi người tự học thuộc.

Sau khi học trò đi về, nô bộc đến trước người chủ cũ, lễ bái và thưa:

- Con đến nước này, nói đại gia⁶⁵⁸ là cha của con, rồi theo vị quốc sư ở đây học thông các kinh điển. Quốc sư gả con gái cho con. Hôm nay, mong ngài đừng kể việc của con, con sẽ làm đúng bốn phận nô bộc, hầu hạ đại gia.

Bà-la-môn chủ là người hiểu rành việc đời, liền bảo:

- Người thật là con ta, hãy mau đứng dậy!

Nô bộc liền về nhà vợ, nói với mọi người trong nhà:

- Cha tôi đã đến.

Nghe chồng nói vậy, người vợ vui mừng, làm các thức ăn uống. Dọn thức ăn xong, người vợ thưa lúc rảnh rỗi, âm thầm lễ bái bà-la-môn và thưa:

- Con hầu hạ chồng, nấu nướng thường không vừa ý. Mong cha dạy con biết, khi còn ở nhà, anh ấy thường ăn những gì để con làm thức ăn uống như thế.

Bà-la-môn khách liền nổi giận và suy nghĩ: ‘Nhu thế thật là khốn khổ cho con gái người ta’, rồi bảo:

⁶⁵⁸ Đại gia 大家: người giàu sang, quyền thế trong xã hội.

- Con hãy mau đứng dậy. Trước khi trở về, ta sẽ dạy con một bài kệ để chồng con không còn nói nữa.

Nghe vậy, người vợ vui mừng, từ biệt lui ra, rồi về nói với chồng:

- Cha của chàng từ xa cố ý đến đây, phải trở về sớm.

Người chồng suy nghĩ: ‘Nhu lời vợ nói, nên để ông ta về sớm, chớ cho ở đây lâu, e rằng nói năng sơ hở, tiết lộ làm tổn hại lớn cho ta’. Người chồng liền đưa nhiều tiền, bảo vợ làm thức ăn, rồi hầu hạ bà-la-môn. Người chồng là tào chủ⁶⁵⁹, bạn họp bạn bè, nên không có ở nhà. Dâng thức ăn xong, người vợ lạy chào từ biệt, xin cha nói kệ.

Thế là, bà-la-môn liền nói:

Không cha, đến xứ khác,

Dối trá gạt mọi người,

Thường ăn các thứ dở,

Sao lại chê món ngon?

- Nay ta cho con bài kệ này. Mỗi khi chồng con nổi giận, chê thức ăn dở, con đứng một bên, quay lưng lại, đọc nhỏ bài kệ đủ để cho chồng con nghe.

Chỉ dạy xong, bà-la-môn trở về nước. Nô bộc ra tiễn chủ về. Sau đó, mỗi khi đến giờ ăn, chồng lại nổi sân. Người vợ đứng bên cạnh, đọc thử bài kệ. Người chồng nghe bài kệ này, trong lòng không vui, thầm nghĩ: ‘Ôi! Lão già này đã nói điều xấu của ta ra rồi!’

Kể từ ngày đó, người chồng thường nói nhẹ nhàng, mong vợ đừng giận, sợ vợ sẽ nói với người khác những điều bí mật của mình.

Đức Phật bảo các tì-kheo:

⁶⁵⁹ Tào chủ 曹主: người phụ trách hoặc chủ trì một tổ chức nào đó.

- Bà-la-môn Phất-lô-hê, người chủ cũ nay chính là Ta, nô bộc Ca-la-ha thuở ấy nay là ti-kheo Xiển-đà. Xiển-đà trước đây đã từng cậy thế lực của Ta đối gạt người khác, nay cũng lại như thế”.

XXIV.5. Giả can đảm

[149c] Luận *Đại trí độ* ghi: “Tất cả các pháp đều không thật. Vì ngu si nên chúng sinh không nhận ra người quen kẻ lạ, đến nổi giận mắng, sát hại, gây nhiều tội nặng, nên đọa vào ba đường ác⁶⁶⁰, chịu khổ vô lượng.

Như tại căn phòng của một ngôi chùa trong núi, ma thường đến quấy phá, khiến tăng chúng không dám ở. Bấy giờ, một vị khách tăng đến xin ngủ nhờ, thầy duy-na⁶⁶¹ xếp cho ở ngay căn phòng trống này và nói:

- Căn phòng này có ma quỷ ưa hại người, thầy ở được thì ở.

Tự cho mình là người trì giới, đa văn, vị khách tăng tuyên bố:

- Tiểu quỷ này thì có thể làm được gì? Ta sẽ thu phục nó.

Nói xong, vị khách tăng liền vào phòng. Chiều tối, có thêm một vị khách tăng đến chùa xin ngủ, thầy Duy-na cũng lại đưa vị này đến căn phòng kia và cho biết là có ma thường đến hại người. Vị khách tăng này cũng nói:

- Tiểu quỷ này thì có thể làm được gì? Ta sẽ thu phục nó.

Vị tăng đến trước vào phòng, đóng cửa, ngồi yên chờ ma. Đêm tối, vị tăng đến sau gõ cửa xin vào. Vị tăng trước cho là ma nên không mở cửa, vị tăng sau dùng toàn lực phá cửa. Vị ở trong cố sức chống lại, vị ở ngoài mạnh hơn nên xô được cửa xông vào. Thế là đánh nhau đến sáng, hai vị này mới nhận ra là bạn học cũ, cả hai đều hổ thẹn, xin lỗi nhau. Mọi người tụ tập cười chê”.

Chúng sinh cũng như thế, năm ấm không thật, không nhân không ngã, do chấp tướng mà sinh ra tranh đấu, rồi tàn hại lẫn nhau. Nếu mang ra mổ xẻ thì cũng chỉ có xương, thịt mà thôi, không nhân, không ngã. Thế nên, bô-

⁶⁶⁰ Ba đường ác (tam đồ 三塗): ba nơi thống khổ. Đó là hỏa đồ, đao đồ và huyết đồ, đồng nghĩa với tam ác đạo là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh.

⁶⁶¹ Duy-na 維那 (S: karma-dāna): một chức vụ quản lý, điều hành, lo liệu các việc của đại chúng trong chùa. Ngày nay gọi là tri sự.

tát dạy chúng sinh: “Nơi nguồn gốc trống rỗng chớ đấu tranh, thân người còn không có, huống chi muốn gặp Phật”.

XXIV.6. Loài vật đối trá

Kinh *Cựu tạp thí dụ*⁶⁶² ghi: “Xưa, có một phụ nữ giàu có tư tình với một người nam khác, rồi gom hết vàng bạc của cải, cùng nhau bỏ trốn. Khi đến bờ sông, nước đang chảy xiết, người đàn ông nói:

- Cô đưa của cải đây, tôi qua sông trước, rồi quay lại đón cô.

Người đàn ông qua sông, nhưng không quay trở lại. Người phụ nữ ngồi một mình sâu khỏ, không người cứu giúp, thì thấy một con chồn bắt được con chim nhạn. Thấy cá dưới sông, con chồn liền bỏ chim nhạn lao xuống nước bắt cá, đã không bắt được cá mà còn mất luôn chim nhạn. Người phụ nữ nói với chồn:

- Sao ngươi ngu quá, tham bắt hai con, nên chẳng được con nào.

Con chồn mắng lại:

- Tôi ngu còn ít hơn bà!

Luật *Tăng-kì* ghi: “Đức Phật bảo các tì-kheo:

- Vào thời quá khứ, có một năm nọ mưa trái mùa liên tục bảy ngày, [150a] các loài gia súc không được chăn thả. Lúc ấy, có con sói đói đi tìm thức ăn, lê la khắp bảy làng mà không tìm được, nên tự trách mình: ‘Sao ta bạc phận, đi giáp hết bảy làng mà không có gì ăn, chi bằng ở trong núi rừng này mà trì trai’. Nghĩ thế rồi, sói ở trong hang và phát nguyện: ‘Mong cho tất cả chúng sinh đều được an ổn’. Sau đó, sói giữ thân ngồi thẳng, nhắm mắt.

Đến ngày trai, Đế Thích⁶⁶³ cưỡi voi trắng Y-la⁶⁶⁴, đi xem xét những ai giữ giới, phá giới trong nhân gian. Khi đến hang núi kia, thấy sói nhắm mắt tu

⁶⁶² Kinh *Cựu tạp thí dụ* (*Cựu tạp thí dụ kinh 舊雜譬喻經*): kinh, hai quyển, do ngài Khương Tăng Hội dịch vào đời Ngô, Trung Quốc. Ngài tập hợp tất cả các thí dụ trong kinh, vì dịch sau đời Hán, nên gọi là *cựu*.

⁶⁶³ Đế Thích thiên 帝釋天 (S: Śakra-devānām-indra): vua cõi trời Đao-lợi, là một trong mười hai vị trời trấn giữ phương đông, chuyên thủ hộ Phật pháp.

duy, Đê Thích suy nghĩ: ‘Ôi chao! Con sói này thật là kỳ lạ, loài người còn không có tâm này, hưởng gì là sói?’. Bấy giờ, muốn thử xem hư thật thế nào, Đê Thích liền biến làm một con dê đứng trước hang, lớn tiếng gọi đàn. Thấy dê, sói nghĩ: ‘Lạ thay! Phúc báo giữ trai giới đã ứng nghiệm. Mình đi khắp bảy làng tìm thức ăn không được, nay chỉ tạm giữ trai giới mà thức ăn ngon tự dâng tới miệng. Mình ăn xong rồi sau giữ trai giới cũng được’.

Nghĩ vậy, sói liền ra khỏi hang, đến chỗ của dê. Thấy sói đến gần, dê kinh hãi tháo chạy. Sói rượt đuổi theo, nhưng không bắt được. Chạy một đoạn xa, dê lại biến thành con chó, miệng rộng tai to, quay ngược lại sửa vang và đuổi sói. Thấy chó hung hãn, sói sợ hãi chạy. Chó đuổi theo, nhưng không kịp, sói mới thoát. Về tới hang, sói nghĩ: ‘Mình muốn ăn thịt nó, mà nó trở lại muốn ăn thịt mình’.

Bấy giờ, Đê Thích lại biến làm con dê què đứng trước mặt sói kêu gào. Sói liền suy nghĩ: ‘Hồi nãy là con chó, vì đói quá hoa mắt nên mình thấy là dê. Bấy giờ, con này đây mới đúng là dê’. Nhìn kỹ từ tai, sừng cho đến lông thì quả thật là dê. Sói liền ra đuổi, dê lại hoảng chạy. Rượt đuổi đoạn xa, dê liền biến thành chó, quay ngược lại đuổi cắn sói. Cảnh tượng lại giống như trước. Đê Thích liền biến thành con dê non kêu đàn, gọi mẹ, đứng trước mặt sói. Sói tức giận nói:

- Người có biến thành miếng thịt, ta cũng không thềm ra, hưởng là con dê non mà muốn lừa ta ư!

Sói trở lại giữ trai giới, tĩnh tâm, tư duy như trước. Khi ấy, Đê Thích biết tâm niệm sói giữ trai giới, nhưng vẫn biến làm dê non đứng trước mặt sói.

Lúc ấy, sói liền nói kệ:

Nếu đúng thật là dê,

Còn chẳng muốn bước ra,

Hưởng chỉ là giả dạng,

⁶⁶⁴ Voi trắng Y-la (y-la bạch long tượng 伊羅白龍象): voi trắng đầu đàn mà trời Đê Thích cười, một trong mười bốn thứ báu do nữ hải khuấy động sinh ra; cũng có thể do sấm động khiến mây biến hiện thành và nhân cách hóa mây này là động vật.

Dọa ta sợ như trước,

Thấy ta giữ trai giới,

Lại còn đến thử ta,

[150b] Cho dù là miếng thịt,

Ta cũng vẫn không tin,

Huống nữa là dê non,

Mà dối trá gọi đàn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Nếu có người xuất gia,

Trì giới, tâm loạn động,

Không xả bỏ lợi dưỡng

Giống như sói trì trai”.

Luật Ngũ phần⁶⁶⁵ ghi: “Đức Phật bảo các tì-kheo:

- Thuở xưa, có một ma-nạp⁶⁶⁶ thường tụng kinh sách của Sát-đế-lợi⁶⁶⁷ trong hang núi. Bên cạnh có một con chồn luôn nghe tụng kinh, nên cũng hiểu được nghĩa lý. Con chồn suy nghĩ: ‘Ta hiểu được lời của kinh này, xứng đáng làm vua trong các loài thú’. Suy nghĩ như vậy, chồn liền bắt đầu chuyên du hành. Gặp con chồn ốm yếu khác, nó bèn muốn giết. Con chồn ốm hỏi:

- Vì sao lại giết tôi?

⁶⁶⁵ Luật Ngũ phần (Ngũ phần luật 五分律): luật, ba mươi quyển, do ngài Phật Đà Thập và Trúc Đạo Sinh cùng dịch vào đời Lưu Tống, Trung Quốc.

⁶⁶⁶ Ma-nạp 摩訶 (Hd: tiên nhân): vị tiên trong đời quá khứ, là tiên thân của Đức Phật Thích-ca, khi còn ở địa vị tu nhân.

⁶⁶⁷ Sát-đế-lợi (Sát-lợi 刹利; S: ksatriya): giai cấp thứ hai trong bốn giai cấp của Ấn Độ, là giai cấp vương tộc, quý tộc, sĩ tộc, nắm giữ việc quân sự, chính trị.

- Ta là vua của loài thú, người không phục ta thì phải chết.

- Xin đừng giết, tôi sẽ theo ông! Chồn ôm van xin.

Thế là hai con chồn cùng đi. Lại gặp một con chồn khác, nó toan muốn giết, hỏi đáp cũng như vậy, con chồn ấy tình nguyện xin theo. Cứ như vậy, chồn ta lần lượt thu phục hết tất cả loài chồn, rồi dẫn bầy chồn đi thu phục hết tất cả voi, lại dẫn đàn voi đi thu phục hết tất cả hổ, lại dẫn đàn hổ đi thu phục hết tất cả sư tử, cuối cùng được làm vua.

Khi làm vua rồi, nó suy nghĩ: ‘Nay ta làm vua trong các loài thú, chẳng lẽ lấy thú làm vợ’. Bấy giờ, nó cưới voi trắng dẫn vô số đàn thú bao vây quanh thành Ca-di đến mấy nghìn vòng. Nhà vua sai sứ hỏi:

- Tại sao đàn thú các người làm như thế?

Chồn trả lời:

- Ta là vua loài thú, phải cưới con gái nhà vua. Nếu gả cho ta thì tốt, bằng không thì ta sẽ diệt nước của người!

Sứ về tâu như vậy, nhà vua triệu tập quần thần cùng bàn. Chỉ có một vị đại thần không đồng ý, còn tất cả đều cho là nên gả. Vì sao? Hiện nay cả nước chỉ nhờ vào voi, ngựa để chiến đấu, nhưng chúng lại có sư tử. Voi, ngựa nghe tiếng sư tử ắt kinh hoàng té ngã, nếu đánh ắt bị loài thú ấy tiêu diệt. Tiếc gì một người con gái mà mất cả quốc gia.

Bấy giờ, một đại thần thông thái tâu vua:

- Từ xưa tới giờ, thần chưa từng nghe con gái của vua lại gả cho súc sinh. Tuy là ngu muội, nhưng thần sẽ giết được con chồn này, khiến cho các đàn thú bỏ chạy tan tác.

Nhà vua hỏi:

- Kế sách thế nào?

Đại thần đáp:

- Chỉ cần đại vương hẹn ngày chiến, trước đến gặp con chồn kia đưa yêu sách: ‘Xin cho sư tử đánh trước, rống sau’. Chúng cho rằng ta sợ, nên chắc chắn sẽ bảo sư tử rống trước, đánh sau. Đến ngày giao chiến, đại vương ban sắc lệnh cho người và gia súc trong thành đều [150c] bịt tai.

Nhà vua áp dụng phương kế này, ra lệnh cho sứ giả đưa chiến thư và yêu sách. Đến ngày giao chiến, vua lại sai đưa thư yêu cầu lần nữa rồi mới xuất quân. Lúc cánh quân tiên phong sắp giao chiến, con chồn quả nhiên cho sư tử rống trước. Chồn nghe tiếng rống vang trời của sư tử, tim vỡ thành bảy mảnh, từ lưng voi rơi xuống đất, cả đàn thú kia đồng loạt bỏ chạy. Từ câu chuyện này, Đức Phật nói kệ:

Chồn kia rất kiêu mạn,

Muốn tìm cầu vợ đẹp,

Liền đến thành Ca-di,

Tự xưng là vua thú,

Người kiêu mạn cũng thế,

Ưa thống lãnh đồ chúng,

Tại nước Ma-kiệt-đà⁶⁶⁸,

Tự xưng là pháp chủ.

Vua Ca-di bây giờ chính là Ta, còn vị đại thân thông minh là Xá-lợi-phất, con chồn kia chính là Điều-đạt.

Đức Phật bảo các tỳ-kheo:

- Xưa kia, Điều-đạt đã dôi làm quyền thuộc, ngày nay cũng như vậy.

Đức Phật nói kệ:

⁶⁶⁸ Nước Ma-kiệt-đà (Ma-kiệt-đà quốc 摩竭之國): một quốc gia thời xa xưa của Ấn Độ, tức là vùng Bihar ngày nay. Đây là một trong mười sáu nước lớn vào thời Đức Phật còn tại thế. Nước này có quan hệ rất sâu sắc với sự phát triển của Phật giáo.

Cùng thiện dễ tu hội,

Thiện, ác thật khó thân,

Cùng ác dễ tu hội,

Ác, thiện cũng khó gần”.

Kinh *Phật bản hạnh*⁶⁶⁹ ghi: “Bấy giờ, Đức Phật bảo các tì-kheo:

- Ta nhớ thuở xưa có một dòng sông tên Ba-lợi-da-đa. Lúc ấy, bên bờ sông có một người làm nghề kết tràng hoa và là chủ của một khu vườn bên cạnh con sông. Một hôm, có con rùa từ sông nổi lên, đến vườn hoa tìm thức ăn. Rùa đi đến đâu thì cỏ hoa đều bị phá nát. Thấy rùa phá hoa, ông chủ bắt nhốt trong cái giỏ tre, định mang về làm thịt. Rùa suy nghĩ: ‘Làm sao thoát được nạn này, tìm cách nào để gạt ông chủ vườn?’. Nghĩ xong, rùa liền nói:

Tôi từ nước lên, thân lấm bùn,

Ông dẹp hoa đi, rửa thân tôi,

Thân này vấy bùn thật nhơ nhớp,

Sợ làm bẩn hết giỏ và hoa.

Bấy giờ, ông chủ vườn nghĩ: ‘Tốt quá! Con rùa này khéo chỉ bày cho ta. Nay ta nên nghe theo, tắm rửa cho nó để bùn không bẩn giỏ hoa’. Nghĩ vậy, ông ta đem con rùa xuống sông để rửa. Ông lấy rùa ra khỏi giỏ, đặt lên tảng đá, rồi múc nước định rửa. Lúc ấy, rùa ta dồn hết sức lao mình xuống nước. Thấy vậy, ông thợ kết tràng hoa nói:

[151a] - Lạ quá! Con rùa này có thể gạt ta như thế, nay ta phải gạt nó lên bờ. Ông liền nói kệ:

Rùa ngoan hãy lắng nghe lời ta,

⁶⁶⁹ Kinh Phật bản hạnh (Phật bản hạnh kinh 佛本行經; S:Abhiniṣkramaṇasūtra): kinh, sáu mươi quyển, do ngài Xà-na-quật-đa dịch vào đời Tùy, Trung Quốc, được xếp vào Đại chính tạng, tập 3. Nội dung nói về sự tích đản sinh, xuất gia, thành đạo.... của Đức Phật, và nhân duyên giáo hoá các đệ tử của Ngài.

Cùng người quen biết đã lâu mà,

Ta kết vòng hoa tặng người đó,

Về gặp người thân vui lắm a!

Nghe vậy, rùa suy nghĩ: ‘Ông thợ kết tràng hoa này nói dối để gạt ta. Mẹ của ông đang bệnh nằm liệt giường, vợ ông hái hoa về kết thành tràng đem bán để kiếm sống. Nay ông ta nói thế thì nhất định là muốn ăn thịt ta, nên dụ ta lên bờ’. Rùa bèn nói kệ:

Nhà người nấu rượu họp người thân,

Làm nhiều món ăn đầy cả mâm,

Người trở về nhà và hãy nói,

Đầu rùa nấu cháo, thịt mỡ hầm.

Đức Phật bảo các tì-kheo: Các ông nên biết, con rùa lúc đó chính là Ta, ông thợ kết tràng hoa là ma Ba-tuần. Ma Ba-tuần lúc ấy muốn dối Ta mà không được, nay lại muốn gạt nữa, làm sao được!

Lại nữa, Đức Phật bảo các tì-kheo: Ta nhớ xưa kia có con rồng lớn sống trong biển cả. Vợ nó đang mang thai, bỗng nhiên muốn ăn tim khỉ. Vì thế, thân nó gầy ốm, vàng vọt, đi đứng không vững. Thấy vợ như thế, rồng chồng hỏi:

- Này nàng! Lo lắng điều gì, hay muốn ăn gì? Sao ta không thấy nàng đòi ăn gì cả?

Rồng vợ im lặng, không trả lời. Rồng chồng lại hỏi:

- Sao hôm nay nàng chẳng nói gì?

Rồng vợ đáp:

- Nếu phu quân cho thiếp được như ý, thiếp mới chịu nói. Nếu không thì thiếp chẳng nói!

Rồng chồng đáp:

- Nàng cứ nói xem, nếu lo được, ta sẽ tìm mọi cách kiếm cho.

Rồng vợ liền nói:

- Nay thiếp muốn ăn tim khi. Chàng tìm được không?

Rồng chồng trả lời:

- Món nàng đòi hỏi thật là khó tìm. Bởi vì, chúng ta sống trong biển lớn, còn khi ở rừng xanh thì làm sao có được?

Rồng vợ nói:

- Vậy bây giờ phải làm sao? Nếu không tìm được tim khi, thì sẽ trụy thai, mạng sống của thiếp cũng chẳng còn bao lâu.

Nghe nói vậy, rồng chồng trả lời:

- Này nàng! Hãy ráng chờ đợi. Nay ta đi tìm. **[151b]** Nếu thành công, thì ta và nàng đều vui, không còn gì hơn.

Thế rồi, rồng chồng liền vào bờ. Cách bờ không xa, có một cây lớn tên là Ưu-đàm-bà-la. Trên cây ấy, có một con khi lớn đang hái quả ăn. Thấy vậy, rồng chồng từ từ tiến đến gốc cây, dùng lời ngon ngọt, hỏi thăm:

- Lành thay, lành thay! Này Bà-tu-su-tra! Ngài đang làm gì trên cây thế? Có vất vả, cực nhọc chăng? Tìm thức ăn dễ được, không mệt nhọc lắm chứ?

Khi đáp lời:

- Đúng thế, nhân giả! Tôi nay không có gì khổ cực cả!

Rồng lại hỏi:

- Ở đây, anh ăn những thứ gì?

Khi trả lời:

- Tôi ăn quả Ưu-đàm-bà-la.

Rồng lại nói:

- Nay gặp anh, tôi rất vui, không nén được lòng, nên muốn kết bạn với anh. Chúng ta thương yêu lẫn nhau. Anh nhận lời tôi, thì không cần ở đây, bởi quả trên cây này không nhiều, đâu thể vui được? Anh nên xuống đây, đi theo tôi. Tôi sẽ đưa anh vượt biển, đến bờ kia có khu rừng lớn, đủ các loại cây, hoa quả sung túc.

Khỉ hỏi:

- Làm sao tôi qua được bờ kia? Biển sâu rộng, khó qua, làm sao có thể qua được?

Rồng trả lời:

- Tôi sẽ cõng anh đưa sang bờ kia. Chỉ cần anh xuống đây, leo lên lưng tôi.

Khi ấy, tâm còn do dự, nhưng bởi ngu si, nên khi vui mừng, liền nhảy xuống đất, leo lên lưng rồng. Khi ấy, rồng suy nghĩ: ‘Hay lắm, hay lắm! Điều ta mong muốn đã thành’. Rồng liền đưa khỉ đến chỗ ở của mình, cả hai cùng lặn xuống biển. Thấy lạ, khỉ hỏi rồng:

- Nay anh bạn! Vì sao chúng ta lại lặn xuống nước?

Rồng trả lời:

- Vợ tôi mang thai, muốn ăn tim ông. Vì vậy, tôi đưa ông đến đây.

Nghe điều này, khỉ suy nghĩ: ‘Than ôi! Ta nay thật xui xẻo, tự chuốc họa vào thân. Giờ phải làm sao để vượt qua nguy ách, bảo toàn tính mạng?’. Khỉ lại nghĩ: ‘Vậy ta phải gạt rồng’. Suy nghĩ xong, khỉ nói với rồng:

- Nay anh bạn tốt! Tim tôi để trên cây Ưu-đàm-bà-la, không mang theo. Sao hồi nãy [151c] anh không nói thật. Biết anh cần quả tim, tôi đã mang theo rồi. Giờ anh hãy đưa tôi trở về lấy tim, rồi sẽ quay trở lại.

Nghe nói vậy, rông đưa khi trở về chỗ cũ. Thấy rông sắp đến bờ, khi dùng hết sức, từ trên lưng rông nhảy xuống, rồi phóng lên cây Ưu-đàm. Đứng đợi một hồi dưới gốc cây, thấy khi trì hoãn không xuống, rông gọi:

- Này bạn thân! Anh mau xuống đây, cùng về nhà tôi!

Khi im lặng, không chịu xuống. Thấy khi đã lâu vẫn không xuống, rông nói kệ:

Bạn khi thân ơi, lấy tim rồi!

Mau xuống lưng tôi, ta đi thôi.

Tôi đưa bạn đến khu rừng ấy,

Hoa trái dôi dào, ngọt lịm môi.

Khi ấy, khi suy nghĩ: ‘Con rông này thật ngu’, liền nói kệ:

Rông người mưu kế tuy khá sâu

Nhưng trí xem ra thật ngu đần

Người hãy nghĩ suy cho thật kỹ

Hết thấy muôn loài, ai không tâm (tim)?

Rừng kia hoa trái nhiều thật đấy

Cho đến quả ngọt như Yêm-la

Nhưng ta chẳng muốn đi cùng nữa

Thà rằng ăn quả ưu-đàm-bà.

Phật bảo các ti-kheo:

- Con khi lớn tuổi ấy chính là Ta, rông là ma Ba-tuần. Ma Ba-tuần trước đây đã từng dối gạt Ta mà không được, nay lại muốn dùng năm dục thế gian để dụ dỗ, nhưng đâu thể lay động chỗ ngồi này của Ta?”

Kinh *Tap bảo tạng* ghi: “Thuở xưa, quạ và cú rất ghét nhau. Quạ đợi ban ngày cú không nhìn thấy, đến tàn sát bầy cú. Cú thì lợi dụng ban đêm quạ không thấy, lại tấn công bầy quạ, mổ ruột, xé xác ăn. Như vậy, kẻ này sợ ngày, kẻ kia sợ đêm, kéo dài mãi như thế.

Bấy giờ, có một con quạ thông minh nói với bầy quạ:

- Chúng ta và loài cú đã kết thù hận, không mong gì hòa giải, rốt cuộc tàn hại lẫn nhau, cả hai đều diệt tận. Chúng ta nên tìm cách diệt hết bầy cú, sau đó chúng ta mới được yên thân. Nếu không, cuối cùng chúng ta cũng bị loài cú tiêu diệt.

Bầy quạ hỏi:

- Bằng cách nào để diệt kẻ thù?

Con quạ thông minh nói:

- Này các bạn! Hãy nhổ lông cánh và mổ vào đầu tôi, tôi sẽ lập kế để tiêu diệt bọn chúng.

Bầy quạ liền nghe lời, làm cho thân hình nó đầy thương tích. Sau đó, [152a] nó đến hang cú, kêu rên thảm thiết. Nghe tiếng quạ kêu, bầy cú hỏi:

- Vì sao hôm nay ngươi bị thương tích đầy mình, bay đến chỗ chúng tôi?

Quạ trả lời:

- Bầy quạ ghét tôi, không cho sống chung, nên tôi đến đây nương nhờ để tránh oán ghét.

Nghe quạ nói, bầy cú thương xót, nuôi dưỡng nó, thường cho thịt dư. Ngày tháng trôi qua, lông cánh bình phục. Quạ bèn lập kế, đem củi khô và cỏ vào trong hang cú, như để báo ơn. Cú hỏi quạ:

- Đem củi vào làm gì?

Quạ đáp:

- Ở trong hang toàn là đá lạnh, dùng cây cỏ này để chống gió lạnh.

Cú cho là phải, nên im lặng. Từ đó, quạ cứ tha vào hang, giả dạng báo ơn nuôi dưỡng. Bảy giờ, gặp lúc giá rét, tuyết phủ dày đặc, toàn bộ bầy cú nấp vào trong hang. Cơ hội thuận tiện đã đến, quạ rất vui mừng, ngậm đóm lửa của kẻ mục đồng đốt cháy hang. Bầy cú đồng loạt bị chết cháy trong hang. Khi ấy, chư thiên nói kệ:

Đã có hiềm khích trước

Chớ nên tin tưởng nhau

Như quạ đối thân thiện

Thieu chết bầy cú kia”.

Lục độ tập kinh ghi: “Ngày xưa, lúc bồ-tát làm vua loài khổng tước⁶⁷⁰, có năm trăm chim vợ, nhưng đều bỏ, lại lấy thanh tước⁶⁷¹ làm vợ. Thanh tước chỉ uống nước ngọt, ăn quả ngon. Vì thương vợ, hàng ngày khổng tước đi kiếm đem về.

Bảy giờ, hoàng hậu nước ấy bị bệnh, nằm mộng thấy thịt khổng tước có thể trị bệnh. Tỉnh dậy, hoàng hậu tâu vua. Vua sai thợ săn mau đi tìm bắt. Hoàng hậu nói:

- Ai bắt được khổng tước, ta sẽ gả con gái út và thưởng cho một nghìn cân vàng.

Các thợ săn trong nước chia nhau đi tìm, thấy khổng tước thường từ chỗ thanh tước bay đến lấy thức ăn, họ liền dùng mật trộn với gạo rang, bôi khắp thân cây. Khổng tước bèn lấy đem về cho vợ. Hôm sau, thợ săn lại bôi lên người, rồi ngồi đợi. Khổng tước đến lấy, thì liền bị bắt. Khổng tước nói với thợ săn:

- Ông chịu khó nhọc, ắt vì lợi lộc. Tôi chỉ cho ông núi vàng là của báu vô tận. Xin ông tha mạng cho tôi!

⁶⁷⁰ Khổng tước 孔雀: chim công.

⁶⁷¹ Thanh tước 青雀: chim công xanh.

Thợ săn trả lời:

- Bất được người, nhà vua sẽ ban cho ta một nghìn cân vàng và gả con gái út, sao tin lời của người được. Ta phải dâng người cho vua thôi!

Trước mặt vua, không tước nói:

- Đại vương có lòng từ thâm nhuần tất cả, mong hãy nghe lời kẻ hèn này. Cho xin chút nước, tôi sẽ dùng lòng từ chú nguyện, rồi cho hoàng hậu uống, thì bệnh sẽ khỏi; nếu không hiệu nghiệm, chịu tội cũng chưa muộn.

Vua thuận theo. Hoàng hậu uống vào, bệnh tật đều lành, [152b] dung nhan diễm lệ, mọi người trong cung cũng như thế. Cả nước khen vua lòng từ rộng lớn, không giết không tước để trị bệnh cho mọi người. Không tước nói:

- Xin được ngâm mình vào hồ lớn và chú nguyện vào nước ấy để khắp cả muôn dân, ai có bệnh đều được trị lành. Nếu sợ dối gạt, thì hãy lấy gậy đánh vào chân tôi.

Vua nói:

- Được!

Không tước chú nguyện rồi, người dân uống nước đều được khỏe mạnh, điếc thì nghe được, kẻ mù nhìn thấy, câm thì nói được, chân què được thẳng, các bệnh đều hết. Hoàng hậu lành bệnh, người dân trong nước cũng hết bệnh. Bây giờ, vua không có ý hại không tước. Biết rõ điều đó, không tước đến trình bày:

- Nhờ ơn vua tha mạng, tôi cứu sống mọi người cả nước; báo đáp xong, xin được lui về.

Vua nói:

- Được.

Không tước liền vỗ cánh bay thẳng lên cây, lại nói với vua:

- Trong thiên hạ có ba người ngu.

Vua hỏi:

- Là những người nào?

Khổng tước nói:

- Một là tôi, hai là thợ săn, ba là vua.

Vua nói:

- Người hãy giải thích.

Khổng tước nói:

- Giới trọng của chư Phật cho sắc đẹp là lửa dữ, thiêu thân mất mạng đều là do ham muốn sắc đẹp. Tôi bỏ năm trăm chim vợ ngày đêm hầu hạ, vì thích thanh tước, tìm thức ăn cung cấp cho nó như kẻ đầy tớ, nên bị sa lưới, nguy hại đến thân mạng. Đó là tôi ngu. Thợ săn ngu là tôi thành thật muốn đổi mạng bằng cả núi vàng, mà kẻ kia lại bỏ của báu vô tận, tin lời hư dối của phu nhân, mong cưới công chúa làm vợ. Xét người đời cuồng ngu đều giống như vậy. Bỏ lời răn chân thành của Phật, mà tin lời dối trá của quỷ mị, vui trong rượu chè dâm loạn, hoặc chịu họa tan nhà nát cửa, hoặc chết đọa vào Thái Sơn⁶⁷², chịu khổ vô cùng, sau trở lại làm người, như chim không cánh, muốn bay lên trời, há chẳng khó sao? Phụ nữ mê hoặc ví như yêu quái, khiến cho mất nước hại thân, mà người ngu lại xem trọng. Muôn lời không một câu thành thật, mà thợ săn lại tin theo. Còn nhà vua được thuốc trời, chữa lành bệnh cho muôn dân, các độc đều hết, dung nhan như hoa, lớn nhỏ đều vui mừng, mà vua lại thả đi. Đây gọi là vua ngu.

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

- Từ đó về sau, khổng tước vương đi khắp nơi, dùng thuốc thần và với lòng từ bố thí, chữa lành bệnh cho chúng sinh. Khổng tước vương thuở ấy chính

⁶⁷² Thái Sơn 太山: ở đây chỉ địa ngục.

là Ta, quốc vương là Xá-lợi-phất, thợ săn là Điều-đạt⁶⁷³, hoàng hậu là vợ Điều-đạt.

Bồ-tát có lòng từ và trí tuệ ba-la-mật đã thực hành bố thí như vậy”.

Kinh *Tạp bảo tạng* ghi: “Đức Phật bảo:

- Vào thời quá khứ, trong một ao sen kia có rất nhiều loài chim nước cư ngụ. Trong đó, cũng có một con chim sếu, nó bước đi một cách thanh thoi. [152c] Các chim khác đều nói: ‘Chim này đi đứng an tường, không quấy nhiễu loài thủy tộc⁶⁷⁴’. Khi ấy, ngỗng trắng nói kệ:

Cát bước đi thông thả

Tiếng hót thật dịu êm

Lừa dối cả thế gian

Ai chẳng biết xảo trá.

Chim sếu đáp:

- Sao nói như vậy? Chúng ta kết bạn với nhau đi!

Ngỗng trắng trả lời:

- Tôi biết anh dối trá, quyết không kết bạn thân.

Đức Phật bảo:

- Ti-kheo nên biết, ngỗng trắng bấy giờ chính là Ta. Chim sếu thưở ấy nay là Đề-bà-đạt-đa”.

Kinh *Tạp bảo tạng* ghi: “Đức Phật dạy:

⁶⁷³ Đề-bà-đạt-đa 提婆達多 (S: Devadatta): vị ti-kheo phạm tội ngũ nghịch, phá hoại tăng đoàn, đối nghịch với Phật. Ông là con nhà chú bác của Phật.

⁶⁷⁴ Loài thủy tộc (thủy tính 水性): loài động vật sinh sống trong nước.

- Vào thời quá khứ, bên dãy Tuyết sơn⁶⁷⁵ có một gà rừng chúa, mông nó đỏ rực, toàn thân màu trắng, có đàn gà tùy tùng rất đông. Gà chúa nói với cả đàn:

- Các ngươi nên xa rời thành ấp, xóm làng, chớ để dân chúng bắt ăn thịt. Chúng ta bị nhiều kẻ oán ghét, phải cẩn thận tự bảo vệ.

Khi ấy, trong xóm có một con mèo, biết núi kia có gà. Nó liền đến, đi chậm rãi nơi gốc cây, mặt cúi xuống, nói với gà chúa:

- Tôi là vợ anh, anh là chồng tôi. Thân anh đoan chính, đáng yêu, đầu có mông đỏ, thân thể toàn trắng. Tôi đến đây để cùng anh an hưởng vui thú.

Gà chúa liền nói kệ:

Mèo kia mắt vàng, loài ngu si

Lòng muốn ăn thịt chẳng ngại chi

Chưa thấy cô vợ nào như thế

Mà chồng sống thọ chẳng hiểm nguy.

Gà chúa bấy giờ chính là Ta, con mèo thỏ ấy là Đê-bà-đạt-đa. Ngày xưa, Đê-bà-đạt-đa đã từng dụ gạt Ta, nay cũng lại như thế để chia rẽ đồ chúng của Ta”.

Bài kệ tổng kết:

Lòng gian trá, ngu si

Khiến người tin, không nghi

Giả hiện làm thân thiện

Vờ nhận nương tựa nhau.

Ngoài thân, trong ngầm hại

⁶⁷⁵ Tuyết Sơn 雪山: rặng núi vắt ngang phía tây bắc Ấn Độ.

Sớm tối giết lẫn nhau

Nếu ở chung lâu ngày

Mới biết rõ mối nguy.

XXV. LƯỜI BIẾNG VÀ KIÊU MẠN

Gồm ba phần: Lời dẫn, Dẫn chứng, Lập chí.

XXV.1. Lời dẫn

Hành giả sở dĩ không đạt đạo là do tâm trí lười biếng, ngu muội. Tâm trí [153a] lười biếng, ngu muội phần nhiều là do bị ngoại duyên quấy nhiễu. Sự quấy nhiễu này do ba nguyên nhân: danh lợi lôi cuốn, sắc đẹp quyến rũ và ham đắm vị ngon.

Danh lợi tuy gặp phải hàng ngày, nhưng dần dần mới chừa nơi tâm. Sắc đẹp yêu kiều vừa chạm đến thì lòng đã sâu nặng. Vị ngon càng đậm thì ràng buộc càng chặt. Tất cả những việc khác đều là cành lá của ba điều này thôi.

Bậc thánh biết rõ: “Nếu không đoạn trừ ba điều này, thì không thể chứng đắc đạo quả”. Như đặc tính của nước, khi hội tụ, thì sức rất mạnh; khi phân tán, thì thể yếu kém. Đặc tính của lửa cũng như vậy. Nên luận nói: “Chất càng nhẹ thì thể càng mạnh, chất càng nặng thì thể càng yếu”. Từ đó suy xét, thật nhờ sự chuyên cần mà ngộ đạo. Người lười biếng, kiêu mạn do tham đắm thanh sắc sẽ làm chướng ngại quả Thánh. Vì vậy, Thế Tôn giống trồng pháp ở vườn Nai, Không Tử⁶⁷⁶ truyền lẽ đạo nơi nước Lỗ, có tai mắt còn chẳng thể thấy nghe, thì tâm thức đâu thể khế ngộ.

⁶⁷⁶ Không Tử 孔子: người nước Lỗ đời Chu, tên là Khâu, tự là Trọng Ni, từng làm quan nước Lỗ, sau một thời chu du thiên hạ, trở về nước, soạn lại kinh Thi, kinh Thư, định lại kinh Lễ, phê bình giảng giải kinh Dịch và soạn ra kinh Xuân Thu, đồng thời mở trường dạy học, khai sáng Nho giáo, học trò có tới hơn ba nghìn người, thọ 73 tuổi (551 – 479 trước TL).

XXV.2. Dẫn chứng

Luận *Tát-bà-đa* ghi: “Giới (*Ba-la-đề-mộc-xoa*), nếu nói theo năm đường⁶⁷⁷, chỉ có người đắc giới, còn bốn đường kia thì không. Trong đó, cõi trời vì đấm trước lạc thú sâu nặng, nên không thể đắc giới.

Ngày xưa, vì đệ tử bệnh, ngài Mục-kiền-liên⁶⁷⁸ lên cung trời Đao-lợi để hỏi Kì-bà⁶⁷⁹. Gặp lúc chư thiên vào vườn Hoan Hỷ⁶⁸⁰, ngài Mục-kiền-liên đứng đợi bên đường, tất cả chư thiên đều không nhìn, chỉ có Kì-bà đi sau, trông thấy ngài Mục-kiền-liên, đưa một tay chào, rồi cưỡi xe đi qua.

Thấy vậy, Mục-kiền-liên suy nghĩ: ‘Người này khi ở nhân gian là đệ tử của ta, nay hưởng phúc trời, vì đấm trước lạc thú cõi trời, nên đã đánh mất bản tâm’. Ngài liền dùng thần lực chặn xe dừng lại. Kì-bà xuống xe, đĩnh lễ Mục-kiền-liên. Mục-kiền-liên quở trách đủ điều. Kì-bà thưa:

- Khi ở nhân gian, con là đệ tử của ngài, nên mới đưa tay chào, chứ các thiên tử khác đâu có làm như thế!

Bấy giờ, Mục-kiền-liên mới đến khuyên Thích-đề-hoàn-nhân.

- Phật ra đời rất khó gặp, sao không thường đến hầu cận, lãnh thụ chính pháp?

Đế Thích muốn phân tích cho Mục-kiền-liên, nên sai sứ bảo một thiên tử đến. Gọi ba lần, thiên tử vẫn không đến, sau bắt đắc dĩ mới đến. Đế Thích thưa với Mục-kiền-liên:

- Thiên tử này chỉ có một thiên nữ và một loại nhạc để tự vui, nhưng vì tâm dục nhiễm sâu nặng, tuy vâng mệnh, cũng không dứt bỏ được, cho nên không chịu đến. Huống gì là thiên vương có rất nhiều cung điện, vô số thiên nữ, [153b] cần ăn thì tự có trăm vị, lại có trăm nghìn âm nhạc để vui,

⁶⁷⁷ Năm đường (ngũ đạo 五道): năm nơi, chúng sinh tùy theo nghiệp duyên đã tạo mà được sinh về. Đó là địa ngục, nga quý, súc sinh, cõi người và cõi trời.

⁶⁷⁸ Mục-kiền-liên 目犍連 (S:Maudgalyāyana): vị a-la-hán có thần thông bậc nhất trong mười vị đại đệ tử của Phật.

⁶⁷⁹ Kì-bà 耆婆: danh y Ấn Độ, sống vào thời Đức Phật còn tại thế, làm ngự y cho vua Tần-bà-sa-la và vua A-xà-thế. Ông rất thành tâm tín ngưỡng Phật giáo, thường đến trị bệnh cho đệ tử Phật.

⁶⁸⁰ Vườn Hoan Hỷ (Hoan Hỷ viên 歡喜園): một trong bốn khu vườn của Đế Thích trên cung trời Đao-lợi. Khu vườn này nằm ở phía bắc thành Thiện Kiến, khi chư thiên dạo chơi trong đó, thì rất vui vẻ, nên gọi là vườn Hoan Hỷ.

nên nhìn đông thì quên tây. Tuy biết Đức Phật ra đời rất khó gặp, chính pháp khó nghe, nhưng vì lạc thú trói buộc, nên không được tự tại.

Lại biết ba đường ác thống khổ thế nào rồi, nên không có nhân duyên đắc giới. Còn trong cõi người, chỉ có ba châu đắc giới, riêng Bắc Uất-đơn-việt không có Phật pháp, không đắc giới, là vì người cõi này ngu si và phúc báo ngăn che, nên không thụ trì chính pháp”.

Luật *Thiện kiến*⁶⁸¹ ghi: “Lục quần tì-kheo⁶⁸² ngồi chỗ thấp, thuyết pháp cho những người ngồi chỗ cao, là xem thường pháp.

Đức Phật quả trách họ và bảo các tì-kheo:

Thuở xưa, tại nước Ba-la-nại, có một cư sĩ tên Xa-ba-gia. Người vợ mang thai muốn ăn xoài, nên nói với chồng:

- Thiếp muốn ăn xoài, chàng có thể tìm cho thiếp được không?

Người chồng trả lời:

- Lúc này không phải mùa xoài, ta làm sao tìm được?

Người vợ nói:

- Nếu chàng không tìm được, chắc thiếp sẽ chết.

Nghe vợ nói vậy, người chồng suy nghĩ: ‘Chỉ trong vườn nhà vua mới có xoài trái mùa, ta sẽ đến hái trộm’. Nghĩ xong, đợi đêm đến, người chồng lẻn vào vườn nhà vua để hái trộm. Chưa hái được quả nào thì trời đã sáng, không thể ra khỏi vườn, nên anh ta trốn trên cây.

Bấy giờ, vua cùng bà-la-môn vào vườn, vua muốn ăn xoài. Bà-la-môn ở dưới thấp, thuyết pháp cho vua ngồi trên tòa cao. Đang núp trên cây, người trộm quả nghĩ: ‘Việc ta trộm quả đáng bị chết, nhưng nhờ vua nghe bà-la-

⁶⁸¹ Luật Thiện kiến (Thiện kiến luật 善見律; Cg: Thiện kiến luật tì-bà-sa): luật, mười tám quyển, do ngài Tăng-già-bạt-đà-la dịch vào đời Nam Tề, Trung Quốc, được xếp vào Đại chính tạng, tập 24. Đây là một trong năm bộ luận của luật bộ Tiểu thừa, chú thích luật tạng do Thượng Toạ bộ của Tích Lan truyền.

⁶⁸² Lục quần tì-kheo 六群比丘 (S: ṣaḍ-vargīka-bhikṣu): sáu tì-kheo thường làm việc phi pháp thời Phật còn tại thế. Sáu vị này cấu kết thành bè đảng, không giữ luật nghi, thường làm những việc xấu. Đức Phật căn cứ vào những hành vi của họ mà chế giới.

môn thuyết pháp, nên nay ta được thoát. Ta đã không đúng pháp, vua cũng không đúng pháp, bà-la-môn cũng không đúng pháp. Vì sao? Ta vì vợ mà trộm xoài của vua, vua vì kiêu mạn nên để thầy ngồi chỗ thấp mà mình ngồi tòa cao nghe pháp, bà-la-môn vì tham lợi dưỡng nên tự ngồi chỗ thấp, thuyết pháp cho vua. Nay cả ba người đều không đúng pháp, nên ta được thoát'. Suy nghĩ xong, anh ta leo xuống, đến trước vua và nói kệ:

Hai người không biết pháp

Hai người không trọng pháp

Người dạy không y pháp

Người nghe không hiểu pháp

Vì ăn cơm gạo ngon

Và các thức thượng vị

Chỉ vì sự uống ăn

Tôi nói không đúng pháp

Cũng chỉ vì danh lợi

Phá hủy phép tắc riêng.

Nghe bài kệ này, vua tha tội cho người trộm quả.

Đức Phật bảo:

- Khi là phạm phu, Ta còn biết đó là việc không đúng pháp, huống nữa nay đã thành Phật. Các ông là đệ tử hãy thuyết pháp cho người ngồi chỗ thấp. Người trộm quả thuở ấy là tiền thân của Ta”

Luận Đại trí độ ghi: “Vào thời Phật Ca-diếp, [153c] có hai anh em cùng xuất gia học đạo. Một người chuyên trì giới, tụng kinh, tọa thiền, còn người kia chuyên khuyến hóa đàn-việt, làm phúc thiện.

Đến khi Phật Thích-ca ra đời, một người sinh trong nhà trưởng giả, một người làm voi trắng to lớn, sức mạnh có thể đánh tan quân giặc. Con của trưởng giả xuất gia học đạo, được sáu thần thông⁶⁸³, chứng quả A-la-hán⁶⁸⁴, nhưng do kém phúc nên khát thực khó được. Một hôm, vị này ôm bát, vào thành khát thực, đi khắp nơi mà không được; khi ngang qua chỗ voi trắng, thấy nhà vua cho nó ăn đủ thứ, nên nói với voi:

- Ta và ngươi đều có tội.

Voi trắng cảm nhận được, ba ngày liền không ăn. Người giữ voi lo sợ, tìm gặp vị tăng và hỏi:

- Ngài làm cách gì khiến cho voi trắng của vua bị bệnh, bỏ cả ăn uống?

Vị tăng đáp:

- Con voi này đời trước là sư đệ của tôi, cùng xuất gia học đạo vào thời Phật Ca-diếp⁶⁸⁵. Lúc đó, tôi chỉ trì giới, tụng kinh, tọa thiền, không thực hành bố thí; còn sư đệ chỉ khuyến hóa đàn-việt, bố thí, không giữ giới, không tu học. Vì thế, nên nay sư đệ làm thân voi, nhưng nhờ hành bố thí nên ăn uống sung túc, đủ các món ngon. Còn tôi thuở ấy chỉ lo tu học, không chịu bố thí, nên nay tuy chứng quả, nhưng khát thực khó được. Vì nhân duyên sai khác, nên tôi tuy gặp Phật ra đời mà vẫn bị đói khát”.

Kinh *Bách dụ*⁶⁸⁶ ghi: “Thuở xưa, tại một nước nọ, vào ngày lễ hội, tất cả phụ nữ đều dùng hoa sen xanh trang sức. Bấy giờ, trong một nhà nghèo, người vợ nói với chồng:

- Nếu chàng tìm được hoa sen xanh cho em, thì em sẽ làm vợ chàng. Nếu không tìm được thì em sẽ bỏ chàng ra đi.

⁶⁸³ Sáu thần thông (lục thần thông 六神通; S: ṣaḍ abhijñāḥ): sáu năng lực thù thắng của bậc thánh tam thừa. Đó là thân túc thông, thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông, túc mạng thông và lậu tận thông.

⁶⁸⁴ A-la-hán 阿羅漢 (S: arhat): quả vị cao nhất trong bốn quả vị thanh văn.

⁶⁸⁵ Phật Ca-diếp (Ca-diếp Phật 迦葉佛; S: Kāśyapa Buddha): Đức Phật thứ sáu trong bảy Đức Phật thời quá khứ, cũng là Đức Phật thứ ba trong một nghìn Đức Phật thuộc kiếp Hiền.

⁶⁸⁶ Kinh Bách dụ (Bách dụ kinh 百喻經; S: Kāśyapa Buddha): kinh, bốn quyển, do ngài Tăng-già-tư-na người Ấn Độ soạn vào thế kỷ thứ V, đệ tử của ngài là Cầu-na-ti-địa dịch ra chữ Hán vào thời Nam Tề (429), được xếp vào Đại Chính tạng tập 4. Kinh này sưu tập các câu chuyện thí dụ, nói về thiện ác, tội phước, báo ứng bằng hình thức ngụ ngôn. Nội dung kinh này gồm một trăm thí dụ, dùng để thuyết minh giáo nghĩa của Phật giáo.

Người chồng vốn có tài giả tiếng uyên ương⁶⁸⁷, nên lên vào ao của vua giả tiếng uyên ương để trộm hoa sen xanh. Khi ấy, người giữ ao hỏi:

- Ai đó?

Anh ta giật mình, buộc miệng đáp:

- Tôi là chim uyên ương.

Người giữ ao liền bắt anh ta đưa đến chỗ vua. Giữa đường, anh ta giả tiếng uyên ương. Người giữ ao nói:

- Hồi nãy sao anh không kêu, bây giờ kêu có ích gì?

Người ngu trên thế gian cũng vậy, trọn đời giết hại, tạo các nghiệp ác, không chịu tu tâm cho thuần thiện; khi sắp chết, mới nói ‘tôi nay muốn tu thiện’, thì đã bị ngục tốt⁶⁸⁸ bắt giao cho vua Diêm-la⁶⁸⁹, dù muốn tu thiện cũng không kịp. Giống như anh chàng ngu kia gần đến chỗ vua mới giả tiếng uyên ương”.

Kinh *Bách dụ* ghi: “Ngày xưa, có trưởng giả rất giàu. Vì muốn được lòng ông, nên những người chung quanh đều cung kính. Mỗi khi trưởng giả khạc đàm, những người hầu lấy chân chà đạp. [154a] Bây giờ, có người hầu ngu không tranh kịp, nên nghĩ: ‘Nếu đọi đàm rơi xuống đất, thì người khác đạp hết. Vậy khi ông ấy gần khạc, ta hãy đạp trước’. Lúc ấy, Trưởng giả sắp khạc đàm, người ngu liền đưa chân đạp vào miệng trưởng giả, làm ông ta bị dập môi, gãy răng. Trưởng giả hỏi:

- Tại sao người đạp miệng ta?

Người ngu trình bày lý do:

- Khi ông vừa muốn khạc, tôi đưa chân đạp trước, mong được lòng ông!

⁶⁸⁷ Uyên ương 鴛鴦: tên loài chim thuộc giống vịt trời, con trống là uyên, con mái là ương, lúc nào đi cũng có đôi.

⁶⁸⁸ Ngục tốt 獄卒 (S: naraka-pāla): loài quỷ ở địa ngục, hiện các thứ hình tướng đáng sợ như đầu trâu, đầu ngựa để trị những người phạm tội.

⁶⁸⁹ Diêm-la vương 閻羅王: vua của thế giới ma quỷ, vị tổng quản cõi U Minh và cũng là vị chủ thân địa ngục.

Phàm làm việc gì cũng phải đợi thời cơ. Thời cơ chưa đến mà cố sức gượng ép thì ngược lại sẽ chuốc lấy khổ não. Vì vậy, người đời nên biết đúng lúc và không đúng lúc”.

XXV.3. Lập chí

Kinh *Tạp thí dụ*⁶⁹⁰ ghi: “Ngày xưa, có một người tên Tác-bạc, nghe ở nước ngoài có nhiều cửa báu lạ, muốn đến đó để mưu sống, nhưng giữa hai nước có nạn quỷ la-sát⁶⁹¹, không thể qua được. Một hôm, Tác-bạc đi khắp nơi, bỗng thấy cửa tây của chợ có một vị tăng ngồi trên chiếc giường trống, rao bán năm giới⁶⁹². Tác-bạc hỏi:

- Năm giới là gì?

Vị tăng trả lời:

- Năm giới không hình tướng, miệng trao tâm nhận trực tiếp, đời sau được sinh lên trời, hiện đời thì thoát khỏi nạn quỷ la-sát.

Nghe vị tăng nói vậy, Tác-bạc muốn mua, liền hỏi:

- Bán bao nhiêu tiền?

Đáp:

- Một nghìn đồng tiền vàng.

Tác-bạc liền thọ năm giới. Sau đó, vị tăng lại dặn dò:

- Sang bên kia biên giới, nếu gặp quỷ la-sát, ông chỉ cần nói: ‘Tôi là đệ tử năm giới của Đức Phật Thích-ca’ là thoát nạn.

⁶⁹⁰ Kinh *Tạp thí dụ* (*Tạp thí dụ kinh 雜譬喻經*): kinh, một quyển, do ngài Đạo Lược gom tập, ngài Cưu-ma-la-thập dịch vào đời Diêu Tần, Trung Quốc, được xếp vào Đại chính tạng, tập 4. Gồm ba mươi chín dụ, chủ yếu nêu các nhân duyên thí dụ để thuyết minh, lý luận về thiện ác, nghiệp báo.

⁶⁹¹ La-sát 羅刹 (S: *rākṣasa*): loài ác quỷ trong thần thoại Ấn Độ, có sức thần thông, bay nhanh trong hư không hoặc đi nhanh trên mặt đất.

⁶⁹² Năm giới (ngũ giới 五戒; S: *pañca śīlāni*): năm giới của hàng nam nữ tại gia thọ trì. Đó là không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ và không uống rượu.

Không bao lâu, Tác-bạc đến ranh giới hai nước, thấy một con quỷ la-sát thân cao một trượng ba thước⁶⁹³, đầu vàng, mắt đỏ, mình đầy vẩy cứng, miệng há rộng, đi nhanh như én bay, chân đạp đất lún tới gối, miệng phun máu nóng. Cả bọn mấy nghìn la-sát vây bắt Tác-bạc. Tác-bạc liền nói:

- Tôi là đệ tử năm giới của Phật Thích-ca.

Nghe vậy, la-sát vẫn quyết không chịu buông. Tác-bạc liền dùng hai tay đâm la-sát, thì tay dính chặt vào vẩy của nó, rút không ra; lại dùng chân đạp đầu, thì chân cũng mắc cứng. Đến lúc này, năm phần thân thể của ông đều dính chặt trong vẩy của nó, chỉ còn lưng cử động được. La-sát nói:

Thân và tay chân người

Đều đã bị dính chặt

Chỉ nên đành chịu chết

Vùng vẩy có ích gì?

Tác-bạc vẫn kiên trì, nói với la-sát:

Thân và tay chân tôi

Tạm thời bị cột trời

Tôi giữ tâm vàng đá

Ắt không bị người hại.

La-sát lại nói với Tác-bạc:

[154b] Ta là vua loài quỷ,

Có sức mạnh phi thường,

Xưa nay ăn cả người,

⁶⁹³ Một trượng ba thước (nhất trượng tam xích 一丈三尺): khoảng 3,3m.

Số nhiều không tính xiết,

Ngươi hãy nên chịu chết,

Sao còn tự khoe khoang?

Tác-bạc nổi giận, muốn mắng nhiếc, nhưng suy nghĩ: ‘Thân này luân hồi trong ba cõi, chưa từng thí cho ai ăn. Nay ta sẽ thí cho quỷ la-sát này một bữa no nê’. Nghĩ xong, Tác-bạc nói kệ:

Thân ta lắm tanh hôi

Từ lâu muốn bỏ rồi

Nay gặp phải la-sát

Xin bố thí thân này

Chỉ ta cầu Đại thừa

Thành tựu Nhất thiết trí⁶⁹⁴.

La-sát thông minh, hiểu lời Tác-bạc, nên cảm thấy hổ thẹn, thả Tác-bạc ra, quỳ xuống, chấp tay sám hối:

Ngài là thầy độ người

Hiếm có trong ba cõi

Chỉ cầu pháp Đại thừa

Không lâu sẽ thành Phật

Thế nên, tôi quy y

Cúi đầu thành kính lễ.

⁶⁹⁴ Nhất thiết trí 一切智 (S:sarvajña): trí biết rõ tất cả pháp tướng trong ngoài.

Sau khi sám hối, la-sát đưa Tác-bạc sang nước ngoài lấy nhiều châu báu, rồi đưa ông ta về nhà. Nhờ huân tu công đức, nên Tác-bạc chứng quả Dự lưu⁶⁹⁵.

Nên biết, năng lực của giới không thể nghĩ bàn. Khuyên các hành giả nghiêm trì giới cấm, lập chí đồng mãnh giống như người này.

Luận *Đại trí độ* ghi: “Một con rồng độc nọ có sức mạnh phi thường. Khi nó nhìn, hễ người yếu thì chết ngay; khi nó thổi khí độc, dù người mạnh cũng chết. Bấy giờ, rồng thọ giới một ngày, ra khỏi hang, vào rừng tư duy. Hồi lâu, rồng mỏi mệt, nên ngủ thiếp đi.

Khi rồng ngủ, thân khoanh tròn như rắn, da nó ánh lên màu bảy báu. Thấy vậy, thợ săn vui mừng và nghĩ: ‘Đây là bộ da hiếm có lại khó được, đem dâng lên vua để làm vật trang sức, không phải là việc đáng làm sao?’ Nghĩ xong, thợ săn liền lấy gậy đè đầu rồng, rồi lấy dao lột da.

Rồng liền nghĩ: ‘Sức ta có thể làm nghiêng đổ cả một nước, người bé nhỏ này đâu làm gì được ta! Nay ta trì giới không nghĩ đến thân, vâng lời Phật mà nhẫn chịu’. Nghĩ rồi, rồng nhắm mắt không nhìn, ngậm miệng không nhả khí, thương xót người ấy, nằm yên để thợ săn lột da, không khởi ác ý. Vì vậy, rồng không có da che thân, chỉ còn khối thịt đỏ, đau đớn quằn quại trên đất.

Khi ấy, trời nắng gắt, rồng muốn bò đến sông lớn, nhưng bị các côn trùng rĩa thịt ăn. Vì trì giới, [154c] rồng không dám cựa mình. Rồng lại nghĩ: ‘Nay đem thân này bố thí cho các loài trùng để cầu Phật đạo, dùng thịt này bố thí để chúng được no; sau này thành Phật, dùng pháp bố thí để tâm chúng được lợi ích’. Đến khi thân khô, rồng mạng chung, sinh lên cõi trời Đạo-lợi.

Rồng độc thưở ấy là Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, thợ săn bấy giờ là lục sư và Đề-bà-đạt-đa... Các loài trùng là tám vạn chư thiên đắc đạo khi Đức Phật vừa chuyển pháp luân.

⁶⁹⁵ Quả Dự lưu (Dự lưu quả 預流果; S: srotāpanna): quả vị dự vào hàng thánh vô lậu, một trong bốn quả vị của thanh văn (Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn và Vô sinh).

Loài vật còn nghiêm trì cấm giới như thế, đến chết vẫn không phạm, huống nữa là con người, đâu được cố phạm”.

Luật *Ngũ phân* ghi: “Đức Phật dạy: Vào thời quá khứ, có một con rắn đen cắn con nghé, rồi bò vào hang. Bấy giờ, một thầy chú thuật niệm thần chú Cổ Dương⁶⁹⁶ cho rắn bò ra, nhưng không linh nghiệm. Thầy chú thuật bèn đốt lửa trước con bò nghé, niệm chú hóa thành con ong lửa bay vào hang đốt rắn. Rắn đau đớn chịu không nổi, nên bò ra khỏi hang. Thấy vậy, dê đen dùng sừng hất rắn đến trước thầy chú thuật. Thầy chú thuật nói:

- Người hút nọc độc ở con nghé đi; nếu không, ta sẽ quăng vào lửa.

Nghe vậy, rắn đen nói kệ:

Tôi đã phóng độc ra

Nhất định không thu lại

Nếu có phải bị chết

Mạng này cũng chẳng cần.

Thế là rắn không chịu thu độc lại, tự gieo mình vào lửa.

Đức Phật bảo:

- Rắn đen thuở ấy chính là Xá-lợi-phất, trước đây chấp nhận nỗi khổ bị chết như thế mà không thu độc lại, huống gì nay lại lấy thuốc đã vứt bỏ”.

Kinh *Tạp bảo tạng* ghi: “Đức Phật dạy: Vào thời quá khứ, giữa hai nước Ca-thi và Tì-đề-hê có một cánh đồng trống. Nơi ấy, có một ác quỷ tên Sa-tra-lư thường chặn đường đi, tất cả dân chúng không ai qua lại được.

Bấy giờ, có vị thương chủ tên là Sư Tử, dẫn theo năm trăm thương buôn, muốn đi qua đường này. Mọi người lo sợ không thể qua được, vị thương chủ nói:

- Yên lòng, chớ sợ, cứ đi theo tôi.

⁶⁹⁶ Cổ Dương 羴羊: con dê đực màu đen.

Thế rồi, vị thương chủ đi trước dẫn đường, đến chỗ quý và nói:

- Người không nghe danh ta ư?

Quý đáp:

- Tôi nghe danh ông, nên đến đây giao chiến.

Quý lại hỏi:

- Người có tài cán gì?

Khi ấy, vị thương chủ liền giương cung bắn quý. Năm trăm mũi tên bắn ra đều chui vào bụng quý; lại dùng dao, gậy đánh, thì cũng dính vào bụng hẳn. Vị thương chủ xông tới, lấy tay trái đánh, tay trái cũng dính vào; lấy tay phải đánh, tay phải cũng dính vào; dùng chân phải đạp, chân phải cũng dính vào; dùng chân trái đạp, chân trái cũng dính vào; lại dùng đầu húc, đầu cũng bị dính. Khi ấy, quý nói kệ:

Tay, chân và cả đầu

Hết thấy đều bị dính

Người, vật nào chẳng dính?

[155a] Thương chủ đáp lại bằng kệ:

Tay, chân và đầu của tôi đây

Tất cả tiền tài và dao gậy

Tất cả vật ấy tuy đã dính

Nhưng sức tinh tấn chẳng dính người.

Tinh tấn vững mạnh không ngừng nghỉ

Giao chiến với người quyết chẳng thua

Ta nay tinh tấn không ngừng nghỉ

Tuyệt đối chẳng hề sợ hãi người.

Khi ấy, quý nói:

- Nay ta vì người mà thả cho năm trăm thương buôn này.

Đức Phật bảo:

- Sư Tử thuở ấy là tiền thân của Ta, Sa-tra-lur là quý ở đồng trống vậy”.

Luận *Tạp-bà-sa* ghi: “Thấy Bồ-tát ngồi dưới cây bồ-đề, thân ngay thẳng, bất động, phát nguyện chứng quả Vô thượng chính giác, Ma vương vội rời khỏi cung điện của mình, đến chỗ Bồ-tát và nói:

- Nay người con dòng Sát-đế-lợi, hãy rời khỏi chỗ ngồi này. Nay thời ác trực⁶⁹⁷, chúng sinh cương cường, nhất định không thể chứng đạo Vô thượng bồ-đề. Ông nên nhận lấy ngôi Chuyển luân vương⁶⁹⁸, ta sẽ dâng cúng bảy báu.

Bồ-tát bảo:

- Lời người vừa nói như dụ dỗ trẻ con. Mặt trời, mặt trăng, tinh tú có thể rơi xuống; núi, sông, đại địa có thể bay lên hư không, nhưng không thể nào khiến Ta rời khỏi tòa này khi chưa chứng đạo Bồ-đề.

Sau đó, Ma vương dẫn theo ba mươi sáu câu-chi⁶⁹⁹ ma quân. Mỗi con hiện ra hình thù đáng sợ, cầm các binh khí với nhiều màu sắc, bao vây khắp ba mươi sáu du-thiện-na⁷⁰⁰, đồng loạt xông tới cội bồ-đề để quấy nhiễu Bồ-tát, nhưng không được. Bấy giờ, thân tâm Bồ-tát bất động, vững hơn núi Tu-di⁷⁰¹”.

⁶⁹⁷ Trục ác 濁惡: là năm thứ cặn đục khởi lên trong kiếp giảm. Đó là kiếp trực, kiến trực, phiền não trực, chúng sinh trực và mạng trực.

⁶⁹⁸ Chuyển luân vương 轉輪王 (S: cakra-varti-rājan): vị vua làm cho chính pháp ngự trị ở thế gian, cai trị bốn châu chung quanh núi Tu-di. Cõi nước vị vua này rất giàu đẹp, nhân dân an lạc.

⁶⁹⁹ Câu-chi 俱胝 (S: koti): đơn vị chỉ số lượng của Ấn Độ, là số nghìn vạn hoặc ức của Trung Quốc.

⁷⁰⁰ Du-thiện-na 踰繕那 (Cg: do tuần): đơn vị đo chiều dài thời xưa của Ấn Độ. Tính theo Trung Quốc một do tuần xưa tính 20km, theo Ấn Độ là 15km, trong Phật giáo là 8km.

⁷⁰¹ Núi Tu-di (Tu-di sơn 須彌山; S: Sumeru): vốn là ngọn núi trong thần thoại Ấn Độ, được Phật giáo sử dụng. Ngọn núi này rất cao, đứng sừng sững ở chính giữa một tiểu thế giới, có tám lớp núi, tám lớp biển bao bọc chung quanh, hình thành một thế giới.

Kinh *Tăng-già-la-sát* ghi: “Xưa Bồ-tát hiện thân làm chim anh vũ⁷⁰² thường sống trên cây. Bấy giờ, gió thổi cây cối cọ xát nhau làm phát ra lửa. Lửa dần dần bốc cháy mạnh đốt cả vùng núi ấy.

Anh vũ suy nghĩ: ‘Nhu loài chim bay ngang qua đây, chỉ đậu trên cây giây lát mà còn khởi tâm báo ân, huống nữa ta đêm ngày sống ở đây mà không dập tắt lửa ư?’ Nghĩ thế rồi, anh vũ bay ra biển, dùng đôi cánh lấy nước đem về dập tắt lửa, lại còn dùng miệng để phun, chạy tới chạy lui. Thấy anh vũ lao nhọc, thiện thần động lòng, liền giúp anh vũ dập tắt lửa”.

Luận *Đại trí độ* ghi: “Ngày xưa, có con chim trĩ⁷⁰³ sống ở trong rừng. Một hôm, khu rừng bỗng nhiên phát hỏa, một mình chim trĩ lao nhọc, bay đến sông lấy nước dập lửa. Nó bôn ba đến đi hết sức vất vả, nhưng không lấy làm khổ. Thấy vậy, trời Đế Thích hỏi:

- Người làm gì vậy?

Thưa:

- Vì thương chúng sinh, nên tôi ra sức cứu khu rừng này. Trước đây, rừng này mát mẻ, che chở chúng tôi lâu nay sống yên ổn thoải mái. **[155b]** Tôi cùng họ hàng và nhiều loài khác đều nương náu ở đây. Nay tôi còn sức, vì sao không chữa cháy?

Đế Thích hỏi:

- Người siêng năng như vậy, đến bao giờ mới thôi?

Trĩ đáp:

- Đến chết mới thôi!

Đế Thích hỏi:

- Ai làm chứng cho người?

Trĩ liền phát nguyện:

⁷⁰² Chim anh vũ 鸚鵡: con vẹt hay con két.

⁷⁰³ Trĩ 雉: tên một loài chim gần như con gà, nhưng lông nhiều màu và đuôi rất dài.

- Nếu tâm tôi chí thành, niềm tin không hư dối, xin cho ngọn lửa này hãy tự tắt.

Bấy giờ, chư thiên ở cõi trời Tịnh Cư⁷⁰⁴ biết chim trĩ phát thệ nguyện rộng lớn, nên dập tắt lửa. Từ đó về sau, khu rừng này trở nên xanh tốt, không bao giờ còn bị nạn lửa đốt cháy.

Cho nên, kinh ghi: “Người có nguyện lành, chư thiên ắt ủng hộ”. Lời này đã được chứng nghiệm.

Bài tụng:

Biếng học mê tam thừa⁷⁰⁵

Người hỏi chẳng biết một

Nụ hoa không có hạt

Khi nở sao được quả?

Tâm kiêu mạn chất đầy

Khinh người, nhân chẳng tốt

Đọa vào nơi tối tăm

Giam hãm trong ngục kín

Trải qua trăm nghìn năm

Chịu muôn ức thống khổ

Khổ mà không ăn năn

Do kiêu mạn, giải đãi

⁷⁰⁴ Cõi trời Tịnh Cư (Tịnh Cư thiên 淨居天): năm cõi trời thuộc đệ tứ thiên ở cõi Sắc, cũng là quốc độ mà các bậc thánh a-na-hàm sinh về. Đó là trời Vô Phiền, trời Vô Nhiệt, trời Thiện Kiến, trời Thiện Hiện và trời Sắc Cứu Cánh.

⁷⁰⁵ Tam thừa (tam giáo 三教): ba thừa. Đó là Thanh văn thừa, Duyên giác thừa và Bồ-tát thừa.

Thánh nhân khéo nói dụ

Lập chí cần hiểu luật

Phàm phu khinh thường pháp

Đâu biết hồi hận ngay”.

Nguyên Ý-Nguyên Lộc dịch

CHƯ KINH YẾU TẬP

QUYỂN 17

XXVI. RƯỢU THỊT

Gồm ba phần: Lời dẫn, Uống rượu, Ăn thịt.

XXVI.1. Lời dẫn

Uống rượu là mở cánh cửa buồng lung. Các Đức Phật biết rõ đó là gốc khổ, nên tránh quán rượu, lìa duyên về rượu, xa bạn say, gần bạn pháp, ra khỏi nơi tối tăm, vào những nơi sáng sủa.

Ăn thịt là đoạn dứt hạt giống đại từ. Các Đức Phật biết rõ đó là nhân của nghiệp giết hại, nên bỏ những thứ tanh hôi để thân khẩu thanh tịnh, ăn rau quả đạm bạc để lắng tâm thần, thường hành từ thiện để tuổi thọ kéo dài. Cho nên, sách *Lễ kí*⁷⁰⁶ ghi: “Thấy chúng sống, không nỡ nhìn chúng chết; nghe tiếng kêu của chúng, không nỡ ăn thịt”. [155c] Đây cũng là ý nghĩa không giết hại vậy.

Người ăn thịt, uống rượu tức đồng với súc sinh. Sài lang, hổ, báo cũng chính là giết hại quyền thuộc của mình, ăn thịt người thân của mình, oán thù báo ứng trải qua muôn kiếp không có ngày ngừng dứt.

Luận *Bà-sa* ghi: “Có một người nữ năm trăm đời giết hại sói con, sói con cũng năm trăm đời ăn thịt con bà. Lại có người nữ khác năm trăm đời thường giết ma, ma cũng năm trăm đời lấy mạng bà”.

Thế nên biết chúng sinh luân hồi trong sáu đường chịu biết bao nhiêu oán báo, có khi làm thầy, có lúc làm cha mẹ, anh em, chị em, con cháu, bạn bè. Nay mang thân phàm phu không có đạo nhãn⁷⁰⁷, nên không thể phân biệt, lại ăn thịt lẫn nhau mà không tự biết. Khi ăn thịt, con vật ấy có tính linh, liền khởi tâm sân hận, trở lại báo thù. Do đó, cốt nhục thân thiết lại trở thành thù oán. Những việc như thế không đáng suy nghĩ sao? Tạm thời

⁷⁰⁶ Lễ kí 禮記: gọi chung ba bộ sách Nghi lễ, Chu lễ và Lễ kí của Trung Hoa thời cổ, quy định cách đối xử giữa người này với người khác.

⁷⁰⁷ Đạo nhãn 道眼: chỉ mắt quán xét đạo pháp.

hương chút vị ngon ngọt nơi đầu lưỡi mà vĩnh viễn thành kẻ oán người thân, mãi mãi nghịch thù. Thật đau lòng không thể nói!

Cho nên, kinh *Niết-bàn* ghi: “Tất cả thịt đều không được ăn, đến như thịt của con vật tự chết còn không ăn, huống nữa là thịt do mình giết chết”.

Kinh *Lăng-già* ghi:

Vì lợi giết chúng sinh,

Vì tiền mà đánh bắt,

Hai nghiệp đều bất thiện

Chết đọa ngục Kêu Gà⁷⁰⁸.

Thế nào là vì lợi mà đánh bắt lấy thịt? Đó là trên cạn thì đặt bẫy, dưới nước thì giăng lưới.

Thế nào là vì tiền mà đánh bắt lấy thịt? Đó là người đồ tể vì tiền mà mua bán thịt.

Như này người ấy không vì tiền mà đánh bắt các loài, thì do quen theo ác luật nghi⁷⁰⁹ mà đánh bắt giết hại chúng sinh. Người đó chỉ vì thỏa mãn khẩu vị của mình mà bắt chước kẻ khác. Nếu bắt chước kẻ khác ăn thịt chúng sinh, há không dự phần giết hại ư? Như vậy, đâu thể nói “Tôi không giết hại chúng sinh”. Thế thì rõ ràng trái với kinh văn, đoạn dứt hạt giống từ bi, chướng ngại không được gặp Phật.

XXVI.2. Uống rượu

Giáo pháp này có Quyền giáo⁷¹⁰ và Thật giáo⁷¹¹. Quyền giáo thì dạy bảo, từng bước dẫn dắt, từ tội nhẹ mà tránh được tội nặng. Khi Phật chưa chế

⁷⁰⁸ Địa ngục kêu gà (Khiếu Hô địa ngục 叫呼地獄): một trong mười tám tầng địa ngục. Tội nhân trong ngục này kêu gà thảm thiết, nên địa ngục này được gọi là Kêu Gà.

⁷⁰⁹ Ác luật nghi 惡律儀: đối lập thiện luật nghi, ác luật nghi chỉ cho vô biểu sắc bất thiện sinh khởi do tham lợi hoặc do cuộc sống mà làm các nghiệp sát sinh.

⁷¹⁰ Quyền giáo 權教: giáo pháp quyền xảo phương tiện, vì ứng hợp cơ duyên của chúng sinh mà phương tiện tuyên thuyết.

⁷¹¹ Thật giáo 實教: giáo pháp chân thật, không mắc kẹt nơi phương tiện quyền giả.

giới thì không phạm, nhưng xét về lý chướng⁷¹², thì uống rượu không phải là không có lỗi. Nếu căn cứ vào Thật giáo, thì nhẹ hay nặng đều răn cấm, trước sau không phạm mới gọi là trì giới.

Đầu tiên, nói theo Quyền giáo.

Kinh *Vị tăng hữu* ghi: “Một thời, thái tử Kì-đà nghe Đức Phật dạy pháp thập thiện⁷¹³ có quả báo không cùng, liền quỳ gối, chấp tay, bạch Phật:

- Xưa Đức Thế Tôn dạy con thọ trì năm giới, nhưng nay con muốn xả. Vì sao? [156a] Trong năm giới, giới uống rượu khó giữ, nên con sợ phạm tội.

Đức Phật hỏi:

- Khi ông uống rượu có làm gì ác không?

Kì-đà thưa:

- Những nhà cường hào trong nước thường đua nhau bày tiệc rượu, rồi cùng vui vẻ; do được vui vẻ, nên không làm ác. Vì sao? Khi uống rượu, con nghĩ đến giới, nên không buông lung; cho nên, tuy uống rượu mà không làm ác.

Đức Phật bảo:

- Lành thay! Này Kì-đà! Ông nay đã được trí tuệ phương tiện⁷¹⁴. Nếu người thế gian đều như ông thì trọn đời uống rượu, có gì là ác? Người thực hành như vậy thì được phúc mà không có tội. Nếu người uống rượu không tạo nghiệp ác thì tâm hoan hỷ, không khởi phiền não; nhờ tâm hoan hỷ nên được quả báo thiện. Giữ năm giới như thế thì có lỗi gì! Uống rượu mà nghĩ đến giới thì phúc càng tăng. Vì vậy, trước đã giữ năm giới, nay thụ thêm thập thiện, công đức thù thắng gấp bội so với quả báo chỉ thụ thập thiện.

Một thời, vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

⁷¹² Lý chướng 理障: mê lầm về lý, làm chướng ngại chính tri kiến, không thông đạt được bản giác chân như.

⁷¹³ Thập thiện 十善: mười hành vi thiện do ba nghiệp thân, khẩu, ý tạo ra. gồm có không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ, không lường thiệt, không ác khẩu, không ý ngữ, không tham dục, không sân khuê, không tà kiến.

⁷¹⁴ Trí tuệ phương tiện (phương tiện trí tuệ 智慧方便): quyền trí phân biệt các pháp.

- Bạch Đức Thế Tôn! Như lời Phật dạy, khi tâm hoan hỷ, không tạo nghiệp ác, gọi là thiện hữu lậu⁷¹⁵, điều ấy không đúng. Vì sao? Khi người uống rượu, tâm sinh hoan hỷ; vì tâm hoan hỷ, nên không khởi phiền não; vì không khởi phiền não, nên không gây não hại; vì không hại vật, nên ba nghiệp⁷¹⁶ thanh tịnh. Đạo thanh tịnh tức là nghiệp vô lậu⁷¹⁷.

Bạch Đức Thế Tôn! Con nhớ xưa kia khi vào rừng săn bắn, quên dẫn theo người nấu ăn. Bây giờ, con cảm thấy đói, muốn ăn uống. Quần thần tâu: ‘Sớm mai khi đi, bệ hạ không ban lệnh dẫn theo người nấu, nên không có thức ăn’. Nghe nói vậy, con phóng ngựa về cung, ra lệnh dọn thức ăn. Lúc ấy, người nấu ăn tên là Tu-ca-la nói: ‘Tâu bệ hạ! Thức ăn chưa được chuẩn bị, xin đợi giây lát’. Khi ấy đói lả, con tức giận không kịp suy nghĩ, nên ra lệnh xử chém người ấy. Bề tôi nhận lệnh, cùng bàn với nhau: ‘Tìm khắp trong nước chỉ có người này làm việc trung thành lương thiện, nay nếu giết đi thì không có người thứ hai hợp ý vua’.

Nghe con truyền lệnh giết Tu-ca-la, phu nhân Mạt-lợi⁷¹⁸ vô cùng thương tiếc. Biết con đang đói, phu nhân sai bày đủ các món thịt ngon rượu quý, rồi tắm gội bằng nước thơm đặc biệt, trang sức thân thể, lại dẫn các kỹ nữ đi đến chỗ con. Thấy phu nhân trang sức đẹp đẽ, lại đem theo các kỹ nữ và những món thịt ngon rượu quý, con liền nguôi giận. Vì sao? Phu nhân Mạt-lợi thụ trì năm giới của Phật, bỏ rượu không uống, vì sự giận dữ của con mà bỗng nhiên mang rượu thịt đến, chung vui với con, nên lòng con được cởi mở. **[156b]** Con cùng phu nhân uống rượu, ăn thịt, trỗi kỹ nhạc, vui vẻ khoái lạc, cơn giận liền vơi. Biết con đã nguôi giận, phu nhân sai thái giám hãy mau truyền lệnh của con: ‘Bảo các ngoại thần chớ giết người nấu ăn’. Thái giám tuân lệnh.

Sáng hôm sau, con hỏi hận tự trách, buồn rầu không ăn, dáng vẻ tiều tụy. Thấy vậy, phu nhân hỏi con:

- Vì sao bệ hạ buồn rầu? Người có điều gì lo nghĩ chẳng?

⁷¹⁵ Thiện hữu lậu (hữu lậu thiện 有漏善): bạch pháp, thuộc việc thiện của thế gian, chưa đoạn phiền não. Ngũ giới, thập thiện và thiện căn từ địa vị Kiến đạo trở xuống đều là thiện hữu lậu. Tu theo thiện pháp hữu lậu này có công năng chiêu cảm quả báo hữu lậu trời, người.

⁷¹⁶ Ba nghiệp (tam nghiệp 三業; S: tīmi-karmāṇi): thân nghiệp, ngữ nghiệp và ý nghiệp.

⁷¹⁷ Nghiệp vô lậu (vô lậu nghiệp 無漏業; S: anāsravaḥ): tính không ô nhiễm, cũng không chiêu cảm quả dị thực. Đây là nghiệp thanh tịnh vô lậu, không có xen lẫn tướng hắc, bạch, tức là sự tu tập để đạt đến cảnh giới niết-bàn.

⁷¹⁸ Phu nhân Mạt-lợi (Mạt-lợi phu nhân 末利夫人; S: Mallikā): phu nhân của vua Ba-tư-nặc, là người sinh ra thái tử Ác Sinh (tức thái tử Tì-lưu-li).

Con trả lời:

- Hôm qua, do cơn đói bức bách, ta đã nổi giận, nên giết Tu-ca-la, xết trong cả nước, không ai có thể nấu ăn hợp ý ta như Tu-ca-la. Vì thế ta hối hận, lo buồn.

Phu nhân cười nói:

- Tu-ca-la vẫn còn sống, xin bệ hạ chớ buồn!

- Con lại hỏi:

- Là thật hay là đùa?

Phu nhân đáp:

- Là thật, không dám đùa!

Nghe vậy, con sai bề tôi gọi Tu-ca-la đến. Khi diện kiến Tu-ca-la, con rất vui mừng, không còn lo buồn.

Vua lại bạch Phật:

- Phu nhân Mạt-lợi thụ trì năm giới của Phật, mỗi tháng ăn chay sáu ngày, vậy mà trong một ngày đã phạm hai giới uống rượu và vọng ngữ trong năm giới và bát quan trai giới⁷¹⁹. Việc ấy thế nào? Những tội đã phạm là nhẹ hay nặng?

Đức Phật bảo:

- Phạm giới như thế là được công đức lớn, không có tội báo. Vì sao? Vì có lợi ích. Như trước đây Ta đã nói người tu thiện có hai hạng là thiện hữu lậu và thiện vô lậu⁷²⁰. Những giới mà phu nhân Mạt-lợi đã phạm thuộc thiện

⁷¹⁹ Giới bát quan trai (bát quan trai giới 八關齋戒): tám pháp trai giới, học xứ cho hàng đệ tử tại gia tập sự xuất gia do Đức Phật chế định. Người thọ phải tạm rời gia đình một ngày một đêm đến ở trong tăng đoàn để học tập cách sinh hoạt của người xuất gia. Tám pháp trai giới là không sát sinh, không trộm cắp, không dâm dục, không vọng ngữ, không uống rượu, không dùng hương hoa trang sức nơi thân hay xem nghe ca múa, không ngồi nằm giường rộng cao đẹp, không ăn phi thời. Trong tám giới thì bảy phần trước là giới, một phần sau không ăn phi thời là trai, hợp lại gọi là bát quan trai.

⁷²⁰ Thiện vô lậu (vô lậu thiện 無漏善): loại thiện sinh khởi ở bậc thánh tử Kiến đạo trở lên, cũng là loại thiện được bồ-đề niết-bàn.

hữu lậu. Những giới không phạm gọi là thiện vô lậu. Căn cứ vào ngôn từ mà luận, thì phá giới mà tu thiện gọi là thiện hữu lậu. Căn cứ vào ý nghĩa rõ ràng, thì những thiện pháp từ tâm sinh khởi đều là nghiệp vô lậu.

Vua bạch Phật:

- Như Đức Thế Tôn dạy: ‘Phu nhân Mạt-lợi phạm giới uống rượu mà không khởi ác ý, nên có công đức, không có tội báo’. Vậy thì tất cả mọi người cũng lại như thế. Vì sao? Con nhớ gần đây, những nhà hào tộc, vương công thuộc dòng Sát-đế-lợi trong thành Xá-vệ nhân tranh chấp nhỏ mà dẫn đến oán thù lớn. Họ lập mưu dấy binh đánh nhau. Hai bên vốn là thân thích trong nước, nên không thể xử trị. Họ đánh nhau mãi, không nghe lời can gián, nên con rất đau buồn.

Bấy giờ, nhớ lại trước đây, khi còn là thái tử, có lần con tức giận đại thần Đề-vi-la, lòng hận khó quên, nên có ý giết hại. Nhân lúc ấy, thái hậu dâng rượu, uống vào, lòng cảm thấy dễ chịu. Con liền bảo trung thần bày tiệc rượu quý và các món ngon, và sai truyền lệnh các hào tộc, quần thần và sĩ dân trong nước đều tập hợp lại để [156c] bàn việc lớn của quốc gia. Hai nhóm bề tôi tranh chấp nhau, mỗi nhóm dẫn theo năm trăm quyến thuộc đến dự hội. Khi ấy, trên cung điện, con cho bày đại nhạc⁷²¹, lại sai trung thần mang vò lưu li sức chứa ba lít, đựng đầy rượu quý trong những vò báu này. Ở trước mọi người, con uống một vò, rồi nói: ‘Nay bàn việc nước, thiết nghĩ cần phải đồng tâm, mỗi người nên dùng một vò thuốc quý ngon này, sau đó hãy bàn việc’. Tất cả đều tuân lệnh. Thế là, con cho thổi đại nhạc. Mọi người vừa uống vừa nghe, trong lòng vui vẻ, nên quên thù hận. Như vậy, nhờ rượu mà dứt chiến tranh, trở lại yên bình. Đây há chẳng phải là công dụng của rượu ư?

Thiết nghĩ, những người nghèo cùng, thấp hèn, nô bộc, tỳ nữ trong thế gian này, hoặc nhân ngày lễ, nhóm họp uống rượu nơi quán, vì trong lòng vui vẻ, nên không ai bảo mà mỗi người tự nhảy múa. Khi chưa uống rượu thì không có việc ấy. Thế nên biết, con người nhờ uống rượu mà vui vẻ; khi lòng vui vẻ thì không khởi ác ý; không khởi ác ý tức là thiện tâm; nhân đó nên thụ quả báo thiện. Khi uống rượu còn biết nhảy múa, hưởng nữa là người. Như Đức Phật bảo làm thiện được quả báo thiện, làm ác gặt quả báo

⁷²¹ Đại nhạc 大樂: âm nhạc trang trọng thanh nhã, dùng vào các dịp lễ nghi như cúng tế, triều thần vào châu và chúc mừng vua, yến tiệc vua đãi các bề tôi.

ác. Phu nhân Mạt-lợi vì đời trước làm nhiều việc thiện, nên nay được quả báo lành. Vì sao, Thế Tôn lại bảo phu nhân thụ trì năm giới, mỗi tháng ăn chay sáu ngày. Trong sáu ngày trai, không được trang sức hương hoa, ca xướng kỹ nhạc; lại không được phép gần chồng, trau chuốt vẻ đẹp. Rốt cuộc bà đâu có làm gì mà gọi là công đức, há chẳng phải tự làm khổ sao?

Đức Phật bảo:

- Lời đại vương hỏi đúng lắm! Nhưng khi phu nhân Mạt-lợi còn trẻ, nếu Ta không dạy thụ trì giới pháp, tu tập trí tuệ, thì làm sao có được công đức như ngày nay để tự độ và độ đại vương? Như vậy, công đức ấy thuộc về ai?”

Trên đây là trình bày sơ lược về Quyền giáo.

Sau đây là căn cứ vào Thật giáo để trình bày tội nặng hay nhẹ. Không phạm mới gọi là trì giới. Cho nên, các Đức Phật biết thời và xét căn cơ chúng sinh mà có thông hay cấm. Thông tắt tức có khai cấm tùy thời, nhưng trước phải lượng định lợi hại.

Như vua Ba-tư-nặc muốn giết người nấu ăn, thái tử muốn hại đại thần, nhưng nhờ rượu mà quên giận, bảo toàn thân mạng người kia, tránh được tội trọng. Đó là nhờ tội nhẹ mà tránh được tội nặng, không bị tai ương, nhưng không phải là không có lỗi uống rượu, không mắc tội ở đời sau! Không được thấy có khai ở trước (*phần Quyền giáo*) rồi cho rằng giống nhau mà phạm giới; cần phải suy xét ý giáo, lại quán sát đức hạnh của mình hơn hay kém, đã dự vào hàng thánh nhân chưa! Đối với vua Ba-tư-nặc và phu nhân Mạt-lợi, thì khai cấm [157a] không giống nhau. Ở đây, cần phải y cứ vào kinh văn, dầu mây may cũng không phạm mới là quý nhất.

Cho nên, luật *Tứ phần* ghi: “Đệ tử của Ta, cho đến giọt rượu nhỏ trên đầu ngọn cỏ cũng không được dính vào miệng, huống là uống nhiều. Thế nên, dù chỉ nếm cũng phạm”.

Luận *Thành thật* có đoạn:

Hỏi: Uống rượu có phải là tội không?

Đáp: Không phải. Vì sao? Vì uống rượu không làm tổn hại chúng sinh, nhưng đó là nguyên nhân gây tội. Nếu người uống rượu, thì mở cánh cửa bất thiện, ngăn chướng định và các thiện pháp. Như trồng các loại cây ăn quả, nhất định phải có tường ngăn che. Cho nên biết, lỗi của rượu cũng như cây ăn quả không được trồng trong vườn.

Kinh *Ưu-bà-tắc* ghi: “Nếu người thích uống rượu, thì hiện đời dễ mất tiền của, thân tâm nhiều bệnh, thường ưa đấu tranh, tiếng xấu vang xa, mất hết trí tuệ, không biết xấu hổ, sức khỏe suy kém, thường bị mọi người chê trách, không ai thích nhìn, không thể tu thiện. Đây là quả báo xấu hiện đời của việc uống rượu. Sau khi xả thân này, đọa vào địa ngục, chịu nhiều thống khổ như đói, khát... Đây là quả của nghiệp ác ở đời sau. Nếu được làm người, tâm thường cuồng loạn, không thể nhiếp niệm tư duy pháp thiện. Sức của nhân xấu này làm cho tất cả vật chất của cải đều bị hủy hoại”.

Kinh *Trường a-hàm* ghi: “Người uống rượu có sáu lỗi là mất tiền của, bị bệnh, ưa đấu tranh, tiếng xấu đồn khắp, dễ sân hận, trí tuệ tổn giảm”.

Luận *Đại trí độ* có đoạn:

Hỏi: Uống rượu có ba mươi lăm lỗi. Đó là những lỗi gì?

Đáp:

1. Hiện đời của cải tiêu tan. Vì sao? Uống rượu say làm tâm loạn động, không tiết chế, tiêu xài vô độ.
2. Mở cánh cửa của mọi căn bệnh.
3. Nguồn gốc của đấu tranh.
4. Thân thể bầy mà không biết xấu hổ.
5. Tiếng xấu đồn xa, không được mọi người kính trọng.
6. Mất hết trí tuệ.
7. Vật đáng được thì không được, vật đã được thì mất.

8. Những điều bí mật đều nói với người.
9. Tất cả việc làm đều thất bại, không thành tựu.
10. Say là gốc của buồn rầu. Vì sao? Khi say gây nhiều lỗi, tỉnh lại mới xấu hổ, lo buồn.
11. Sức khoẻ dần dần suy giảm.
12. Sắc tướng ngày một suy hao.
13. Không biết kính cha.
14. Không biết kính mẹ.
15. Không kính sa-môn.
16. Không kính bà-la-môn.
17. Không kính chú bác và những người lớn tuổi. Vì sao? Khi say tâm trí mê muội, không phân biệt được.
18. Không tôn kính Phật.
- [157b]** 19- Không tôn kính pháp.
20. Không tôn kính tăng.
21. Kết bạn với kẻ ác.
22. Xa lánh người hiền.
23. Trở thành người phá giới.
24. Không biết hổ thẹn.
25. Không làm chủ được lục tình.
26. Buông lung theo sắc đẹp.

27. Bị người ghét bỏ, không thích nhìn.
28. Bị họ hàng thân thích và bạn bè ghét bỏ.
29. Làm điều ác.
30. Bỏ điều lành.
31. Người hiểu biết không tin dùng. Vì sao? Vì rượu làm cho buông lung
32. Xa lìa niết-bàn.
33. Gieo nhân cuồng si.
34. Sau khi chết, đọa đường ác, địa ngục.
35. Nếu được làm người, thường sinh vào những nơi cuồng loạn, ngu si.

Uống rượu có những lỗi như thế, nên không được uống.

Kinh *Sa-di-ni giới* ghi: “Không được uống rượu, không được nhắm rượu, không được nếm rượu. Uống rượu có ba mươi sáu lỗi; mất đạo pháp, phá nhà, nguy thân, hại mạng thầy đều do rượu; nghiêng đông ngã tây, giữ nam vin bắc, không thể tụng kinh, không kính tam bảo, xem thường thầy bạn, bất hiếu cha mẹ, tâm ý tối tăm, đòi đòi ngu si, không gặp chính đạo, tâm không hiểu biết. Do đó, không được uống rượu. Muốn lìa năm ám⁷²², năm dục, năm cái⁷²³, chứng năm thần thông⁷²⁴, vượt qua năm đường, thì không được uống rượu”.

Kinh *Tát-ca Ni-kiền-tử* có bài kệ:

Uống rượu tâm buông lung,

⁷²² Năm ám (ngũ ám 五陰): sắc, thọ, tưởng, hành, thức.

⁷²³ Năm cái (ngũ cái 五蓋; S: pañca āvaraṇāni): năm thứ phiền não che lấp tâm tính, làm cho pháp lành không phát sinh được. Đó là tham dục, sân khuế, thù miên, trạo hối, nghi.

⁷²⁴ Năm thần thông (ngũ thần thông 五神通): năm năng lực siêu việt tự nhiên đạt được do tu bốn tĩnh lự căn bản. Thần nghĩa là không nghĩ bàn; thông nghĩa là tự do tự tại. Một, thần túc thông, có thể tự tại đi đến bất cứ nơi nào; hai, thiên nhãn thông, có thể thấy những cái mà mắt người thường không thể thấy được; ba, thiên nhĩ thông, có thể nghe được những âm thanh mà người thường không thể nghe được; bốn, tha tâm thông, có thể thấu rõ ý nghĩ trong tâm người khác; năm, túc mạng thông, có thể biết rõ việc quá khứ.

*Hiện đời bị ngu si,
Muôn việc đều quên mất,
Thường bị người trí chê,
Đời sau lại ngu độn,
Mất hết các công đức,
Vì vậy, người có trí,
Xa lìa lối uống rượu.*

Luận *Thập trụ bà-sa* có đoạn:

Hỏi: Nếu người cho rượu, không biết có phạm tội chăng?

Đáp: Cho được phúc, người nhận không được uống.

Cho nên, luận ghi: “Vị bồ-tát này có khi thích xả tất cả; hễ người muốn ăn thì cho thức ăn, người muốn uống thì cho thức uống. Nếu cho rượu thì bồ-tát nên nghĩ: ‘Nay là lúc thực hành bố thí, tùy theo điều người mong cầu mà cho, sau sẽ dùng cách dạy họ lìa rượu để có trí tuệ, không còn phóng dật’. Vì sao? Pháp bố thí ba-la-mật⁷²⁵ cốt làm thỏa mãn ý nguyện của người. Bồ-tát tại gia cho rượu thì không phạm tội”.

Kinh *Phạm võng* ghi: “Nếu tự tay trao chén rượu cho người uống, [157c] thì năm trăm đời không tay, hưởng là tự uống. Cũng không được bảo người và tất cả chúng sinh uống rượu, hưởng là tự mình uống”.

Kinh *Ưu-bà-tắc ngũ giới tướng* ghi: “Khi Đức Phật trú tại ấp Bạt-đà-la-bà-đề ở nước Chi-đề, có con rồng dữ tên là Yêm-la-bà-đề-đà hung ác hại người, không ai đến đó được, voi ngựa không thể lại gần, cho đến các loài chim cũng không thể bay ngang. Bấy giờ, đến mùa thu hoạch, lúa chín đều bị tàn phá.

⁷²⁵ Bồ thí ba-la-mật (đàn ba-la-mật 檀波羅蜜; S: Dānapāramitā): một trong sáu hạnh rốt ráo mà bồ-tát Đại thừa phải thực hành để đạt đến Phật quả. Bồ thí ba-la-mật nghĩa là bố thí một cách rốt ráo, viên mãn, gồm có tài thí, pháp thí và vô úy thí.

Khi ấy, trưởng lão Sa-ca-đà, vị tì-kheo đã chứng A-la-hán, đi sang nước Chi-đề, dần dần đến ấp Bạt-đà-la-bà-đề. Sáng sớm hôm sau, trưởng lão đắp y, mang bát, vào làng khát thực. Nghe ấp này có con rồng dữ, hung ác hại người, chim thú và tàn phá lúa chín, trưởng lão đến chỗ rồng này, trải tọa cụ và ngồi nơi gốc cây, có những con chim đang đậu. Rồng nghe mùi y phục, liền nổi giận, từ thân phát ra khói, trưởng lão Sa-ca-đà liền nhập tam-muội⁷²⁶, dùng sức thần thông, từ thân cũng phát ra khói. Rồng càng phẫn nộ, trên thân phát ra lửa, trưởng lão lại nhập Hỏa quang tam-muội⁷²⁷, thân cũng phát ra lửa. Rồng tuôn mưa đá, trưởng lão biến mưa đá thành các thứ bánh, như bánh thích-câu, bánh tủy⁷²⁸... Rồng nổi sấm sét, trưởng lão lại biến thành các viên kẹo hoan hỷ. Rồng tuôn mưa cung tên, giáo mác, trưởng lão lại biến thành các loại hoa, như hoa ưu-bát-la⁷²⁹, hoa ba-đầu-ma⁷³⁰... Rồng biến vô số rắn độc, rắn hổ mang, rít, sâu bọ... trưởng lão lại biến thành chuỗi hoa ưu-bát-la, chuỗi hoa chiêm-bặc⁷³¹...

Cứ như vậy, tất cả năng lực rồng biến hiện ra đều không thể hơn trưởng lão. Bây giờ, rồng mất hết uy lực và hào quang. Biết sức rồng đã hết, không thể làm gì được, trưởng lão biến thân nhỏ chui vào hai tai rồng, ra từ hai mắt, rồi chui vào mũi, ra từ miệng; lại ra vào lui tới trên đầu rồng, nhưng không làm thương tổn thân nó.

Rồng thấy sự việc như thế, trong lòng kinh hãi, vẫy toàn thân dựng đứng, chấp tay, thưa với trưởng lão:

- Con xin quy y tôn giả.

Trưởng lão bảo:

- Người chớ quy y ta, nên quy y với Đức Phật là thầy của ta.

Rồng thưa:

⁷²⁶ Tam-muội 三昧 (Cg: đẳng trì, định, chính định; S: samādhi): an trụ tâm vào một chỗ, một cảnh, tức chỉ cho trạng thái thiền định.

⁷²⁷ Hỏa quang tam-muội 火光三昧: thiền định từ thân mình phát ra lửa.

⁷²⁸ Bánh tủy (tủy bánh 髓餅): loại bánh được làm bằng bột mì trộn với mỡ, mật.

⁷²⁹ Hoa ưu-bát-la (ưu-bát-la hoa 優鉢羅華; S: utpala): hoa sen xanh.

⁷³⁰ Hoa ba-đầu-ma (ba-đầu-ma hoa 波頭摩華): hoa sen đỏ. Người Ấn Độ cho hoa này là loại hoa quý nhất trong các loài thực vật sống dưới nước.

⁷³¹ Hoa chiêm-bặc (chiêm-bặc hoa 瞻蔔華): hoa màu vàng óng, mùi thơm bay xa đến vài dặm, có thể dùng để chế thuốc hoặc làm dầu thơm.

- Từ nay, con xin quy y tam bảo, nguyện trọn đời làm ưu-bà-tắc⁷³² theo Phật.

Sau khi thọ tam quy, rỗng trở thành đệ tử Phật, không làm những việc bạo ác như trước nữa. Dân chúng, chim muông đều đến nơi ấy, lúa chín không bị phá hoại. Bấy giờ, các nước đều biết trưởng giả Sa-ca-đà đã hàng phục và cảm hóa rỗng độc [158a] trở nên thuần thiện. Từ đó danh tiếng của trưởng giả vang xa, mọi người thiết trai tranh nhau thỉnh mời. Trong đó, một cô gái nghèo có lòng kính tín, thỉnh được trưởng giả. Cô ta dâng cúng trưởng giả món cháo tô nhũ⁷³³. Khi trưởng giả dùng cháo, cô gái suy nghĩ: ‘Vị sa-môn dùng món cháo tô nhũ này, có lẽ sẽ lạnh bụng’. Thế là cô liền lấy rượu trắng dâng lên trưởng giả. Trưởng giả không nhìn mà uống. Uống xong, trưởng giả thuyết pháp, rồi trở về chùa. Đi được nửa đường, hơi men bộc phát, trưởng giả bất tỉnh, té ngã gần bên cổng chùa. Y Tăng-già-lê⁷³⁴, đẩy lọc nước, bình bát, gậy... mỗi thứ một nơi, thân ở một ngã, say mèm, không còn biết gì cả.

Lúc ấy, Đức Phật và tôn giả A-nan đi đến, nhìn thấy tì-kheo Sa-ca-đà. Đức Phật biết nhưng vẫn hỏi:

- Ai vậy?

A-nan thưa:

- Bạch Đức Thế Tôn! Đây là trưởng lão Sa-ca-đà.

Đức Phật liền bảo A-nan:

- Ông hãy trải tòa, lấy nước và nhóm tảng tại đây.

Vâng lời Phật dạy, sau khi làm xong, A-nan liền bạch:

- Bạch Đức Thế Tôn! Chúng tăng đã nhóm.

Đức Phật biết đã đúng giờ, liền rửa chân, ngồi vào tòa rồi hỏi các tì-kheo:

⁷³² Ưu-bà-tắc 優婆塞 (S: upāsaka): cư sĩ nam tại gia gần gũi phụng thờ tam bảo, thụ trì ngũ giới, là một trong hai chúng tại gia, một trong bốn chúng hoặc bảy chúng đệ tử Phật.

⁷³³ Cháo tô nhũ (tô nhũ mi 蘇乳糜): cháo được nấu với sữa bò.

⁷³⁴ Y Tăng-già-lê (Tăng-già-lê y 僧伽梨衣; S: saṅghātī): pháp y chín điều trở lên của tì-kheo. Y này được đắp mặc khi vào cung vua, vào tụ lạc khát thực, lên tòa thuyết pháp, hàng phục ngoại đạo.

- Các ông đã từng nghe thấy con rồng Yêm-la-bà-đề-đà hung dữ, ác độc không? Trước đây, không ai đến chỗ nó được, cho đến chim thú cũng không đến gần, lúa chín thu hoạch thì bị phá hoại, nhưng nay Sa-ca-đà đã hàng phục, cảm hóa nó trở nên thuần thiện, chim thú có thể đến ở.

Trong đó, những người đã thấy thì thưa ‘thấy’, những người nghe tên thì thưa ‘nghe’. Phật lại hỏi các tì-kheo:

- Các ông nghĩ sao, nay thiện nam tử Sa-ca-đà này có thể hàng phục ẽnh ương không?

Thưa:

- Không thể.

Đức Phật bảo:

- Bậc thánh uống rượu còn mất hết năng lực như thế, huống là phàm phu! Những lỗi như vậy đều do uống rượu. Từ nay trở đi, nếu nói là đệ tử của Ta, thì không được uống rượu, cho đến một giọt rượu nhỏ trên đầu ngọn cỏ cũng không được uống”.

Sau đó, Đức Phật dùng nhiều lời quở trách lỗi uống rượu.

Căn cứ theo luận, nhân chuyện của trưởng lão Sa-ca-đà, Phật chế giới không uống rượu cho các tì-kheo.

Hỏi: Xin hỏi trên trời có ai uống rượu không?

Đáp: Thật không có rượu được nấu từ gạo, chỉ có rượu do nghiệp hóa sinh.

Cho nên, kinh *Chính pháp niệm* ghi: “Đêm nọ, thiên nam ở cõi trời Dạ-ma⁷³⁵ cùng với các thiên nữ vào hồ vui chơi, cùng uống rượu trời, không làm say người, nên hiện tại thụ hưởng công đức an lạc, vui vẻ, có đủ sắc, hương, vị, xúc. Trong đó, có vị trời dùng chén ngọc để uống rượu, thụ dụng tô-đà⁷³⁶ có đủ sắc, hương, vị, xúc. Họ nghĩ: ‘Nước này là rượu, để cho ta uống’. Vừa nghĩ như vậy, thì cam lồ biến thành rượu, không làm say

⁷³⁵ Trời Dạ-ma (Dạ ma thiên 夜摩天): tầng trời thứ ba trong sáu tầng trời cõi Dục.

⁷³⁶ Tô-đà 蘇陀 (S: sudhā): thức ăn được làm từ nhựa cây, là vật thực ở cõi trời.

người, [158b] họ uống vào, càng thêm khoái lạc. Nhờ sức thiện nghiệp, nên tâm hoan hỷ. Song chư thiên này do nghiệp lực của mình, nên chỉ thụ lạc như thế.

Bấy giờ, có con chim tên Thường lạc, nhìn thấy chư thiên đang uống rượu tại sông Hoan Hỷ, liền nói kệ:

Chìm vào biển phóng dật,

Tham đắm các cảnh giới,

Rượu ấy làm mê tâm,

Đâu cần vui phải uống?

Đó là cảnh lửa thiêu,

Làm, không làm chẳng biết,

Vườn rừng uơm lòng tham,

Cần gì phải uống rượu?

Thấy chư thiên uống rượu trên sông, chim Thường Lạc nói bài kệ trên đề cảnh tỉnh họ”.

Kinh *Chính pháp niệm* ghi: “Vua Diêm-la quở trách người tội:

Rượu làm loạn tâm người,

Khiến họ như súc sinh,

Chẳng biết việc đáng làm,

Và việc không nên làm,

Vì thế nên bỏ rượu.

Nếu là kẻ say rượu,

Chẳng khác gì người chết,
Nếu ai chẳng muốn thế,
Thì phải nên bỏ rượu.
Rượu là gốc tội lỗi,
Không mấy may lợi ích,
Dẫn vào mọi đường ác,
Những cảnh giới tối tăm,
Uống rượu sẽ bị đọa,
Địa ngục và nga quý,
Tạo các nghiệp súc sinh,
Đều do lỗi uống rượu.
Rượu là độc trong độc,
Ngục dữ trong các ngục,
Bệnh lớn trong các bệnh,
Người trí nói như thế.
Nếu người thường uống rượu,
Bỗng nhiên sinh vui vẻ,
Bắt chợt lại nổi sân,
Vô cớ tạo nghiệp ác.
Không phân biệt Phật pháp,

Phá pháp thế, xuất thế,

Như lửa thiêu giải thoát,

Tất cả đều do rượu.

Người có thể bỏ rượu,

Thực hành đúng giới pháp,

Sẽ đến chỗ cao tột,

Không tử cũng không sinh”.

Hỏi: Không bệnh mà uống rượu thì phạm tội, bị bệnh cho uống rượu không?

Đáp: Theo luật *Tứ phần*, nếu người thật có bệnh, uống thuốc không lành, dùng rượu làm thuốc thì không phạm.

[158c] Hỏi: Cho uống bao nhiêu?

Đáp: Kinh *Văn-thù-su-lợi vấn* ghi: “Theo cách pha chế thuốc thang thì thầy thuốc bảo dùng nhiều thuốc hòa vào rượu; tức là rượu ít thuốc nhiều thì được dùng”.

Kinh *Xá-lợi-phát vấn* ghi: “Xá-lợi-phát bạch Phật:

- Vì sao Thế Tôn nói già giới⁷³⁷ không được uống rượu, như hạt cây đay⁷³⁸, đay gọi là phá giới, mở cánh cửa buồng lung?

- Bởi vì có tì-kheo ở tinh xá tại vườn tre Ca-lan-đa⁷³⁹ bị bệnh nhiều năm, nguy kịch sắp chết.

Bấy giờ, Ưu-ba-li nói:

⁷³⁷ Già giới (già đạo pháp 遮道法): những giới cấm thuộc về tội nhẹ, thông thường xã hội không cho là tội ác, nhưng Phật giáo vì phòng ngừa sự chệch bại của người đời và tránh phạm những tội khác nên chế ra giới này.

⁷³⁸ Cây đay (đình lịch 葶藶): hạt độc, nhỏ như hạt gạo, có màu vàng đen, dùng làm vị thuốc.

⁷³⁹ Vườn tre Ca-lan-đa (Ca-lan-đa trúc lâm 迦蘭陀竹林; S: (Veṇuvana-kalandakanivāsa): vườn tre ở phía bắc thành Vương Xá, nước Ma-kiệt-đà, thuộc Trung Ấn Độ.

- Thầy cần thuốc gì, tôi sẽ đi tìm. Cho dù đi khắp cõi người hay lên trời, cho đến mười phương, chỗ nào có thuốc tôi sẽ đến lấy.

Tì-kheo thưa:

- Thứ thuốc tôi cần trái với giới luật, nên không thể dùng, do đó mà đến nỗi này, thà mất thân mạng chứ không phạm giới.

Ưu-ba-li hỏi:

- Đó là thuốc gì?

Tì-kheo thưa:

- Thầy thuốc bảo phải dùng năm lít rượu.

Ưu-ba-li nói:

- Nếu vì bệnh thì Như Lai cho phép.

Ưu-ba-li liền xin rượu. Vị tì-kheo uống vào, bệnh lành hẳn, nhưng tì-kheo vẫn hồ thẹn cho rằng mình đã phạm giới, nên đến gặp Phật, tha thiết sám hối. Phật thuyết pháp, vị tì-kheo nghe xong, hoan hỷ, liền chứng quả A-la-hán.

Đức Phật dạy:

- Rượu có nhiều lỗi, mở cánh cửa buồng lung. Uống rượu như hạt cây đay, phạm tội chồng chất.

Nếu dứt được bệnh khổ, thì phần trên (*Quyền giáo*) đã không ngăn cấm.

Không được thấy Phật khai cho mà trường hợp nào cũng đều uống. Phải là bệnh thật nặng, nguy kịch sắp chết, đã dùng các thứ thuốc khác trị mà không lành thì được dùng, nhưng phải hòa với thuốc mới được.

Căn cứ phần khai ở trên, xét thấy người không hiểu biết, thân thể cường tráng mà hằng ngày chỉ lo rong ruổi, không theo luật nghi, hễ có chút bệnh đã khởi lòng tham lớn, không hộ trì đạo nghiệp, lại vọng dẫn kinh luật:

‘Phật cho dùng rượu làm thuốc, y phục tốt đẹp dâng cúng Phật và tăng’.
Những người này nhân việc công để làm việc tư, lừa dối tăng tục. Cho nên,
người trí giữ giới như quý thân mạng, không dám trái phạm”.

Vì vậy, kinh *Tát-già Ni-kiền tử* có bài kệ:

Rượu là gốc buồng lung,

Không uống, ngăn đường ác,

Thà bỏ trăm nghìn thân,

Không hủy phạm giới pháp,

Thà để thân khô gầy,

Nhất định không uống rượu.

Giả sử hủy phạm giới,

Mà tuổi thọ trăm năm,

Không bằng chết tức thời,

Mà giữ trọn giới cấm.

[159a] Biết chắc là khỏi bệnh,

Ta vẫn không chịu uống,

Huống nay không biết rõ,

Bệnh khỏi hay không khỏi.

Khởi tâm dứt khoát này,

Trong lòng thật hoan hỷ,

Tức thấy được chân đế,

Mọi bệnh đều diệt trừ.

Nên biết, tất cả các bệnh của chúng sinh đều do nhân tham, sân, ngã mạn gây nên; từ nhân đưa đến quả, rồi chuỗi lấy khổ đau, chứ chẳng phải do không được thuốc rượu mà bệnh không lành.

Cho nên, kinh *Niết-bàn* ghi: “Tất cả chúng sinh có bốn mũi tên độc là nhân của bệnh. Đó là tham dục, sân khuể, ngu si và kiêu mạn. Nếu có nhân bệnh thì bệnh phát khởi; như các bệnh nóng phổi, hen suyễn, nôn mửa, mụn nhọt, loạn tâm, tiêu chảy, nấc cụt, đái dầm, đái rắt, tai đau, đau mắt nhức, no hơi đầy bụng, điên cuồng hốc hác, ma quỷ dựa dẫm. Như vậy, nếu biết rõ gốc bệnh của thân tâm, dứt ác tu thiện, thì vĩnh viễn đoạn trừ quả khổ ba đời. Nếu không xét rõ lý này, mà dùng càn các thứ rượu thuốc trên đời để trị, thì bệnh càng tăng, thật khó lành được”.

Kinh *Tì-ni mẫu* ghi: “Tôn giả Di-sa-tắc nói:

- Tì-kheo Sa-đề lúc nhỏ nhờ rượu mà nuôi lớn thân mạng. Sau đó, ông xuất gia không được uống rượu, tứ đại không điều hòa, nên các tì-kheo bạch Phật.

Đức Phật dạy:

- Bệnh thì cho phép ngửi mùi rượu trên vò, nếu hết bệnh rồi thì không được ngửi. Nếu chưa thì cho phép dùng rượu lau thân, vẫn không thì cho phép dùng rượu trộn với gạo làm bánh để ăn; vẫn không hết bệnh thì cho ngâm mình trong rượu”.

Luận *Tân bà-sa* ghi: “Nhuê khế kinh nói: ‘Khi tôn giả Xá-lợi Phất ở trong một khu rừng tại nước Kiền-tát-la, có một ngoại đạo xuất gia với mục đích nuôi sống thân mạng cũng ở trong khu rừng này, gần chỗ tôn giả. Mỗi khi người dân trong các thôn xóm cách đó không xa mở lễ hội kéo dài bốn tháng, ngoại đạo đi khắp các thôn xóm, ăn thịt heo no nê, tha hồ uống rượu, trộm lấy thức ăn thừa, rồi trở về rừng. Trên đường đi, gặp tôn giả Xá-lợi Phất ngồi nơi gốc cây, ngoại đạo do say rượu, nên khởi tâm khinh miệt, suy nghĩ: ‘Nay ta và người ấy đều xuất gia, nhưng ta thì giàu sang, còn người ấy thì nghèo khổ’. Ngoại đạo liền đi đến chỗ tôn giả, nói kệ:

Ta đã no rượu thịt,

Lại trộm lấy đem về,

[159b] Cỏ cây cùng đất đá,

Đều xem như vàng ròng.

Nghe vậy, tôn giả Xá-lợi Phát nghĩ: ‘Kẻ ngoại đạo chết tiệt này thật không biết xấu hổ, lại còn ngang ngược nói bài kệ như thế. Ta nay cũng nên đáp lại’. Nghĩ xong, tôn giả nói:

Ta thường no vô tướng,

Hằng trụ không định môn,

Cỏ cây cùng đất đá,

Đều xem như đăm dãi”.

Trong bài kệ này, tôn giả Xá-lợi Phát dùng tiếng rống sư tử thuyết tam giải thoát môn⁷⁴⁰. Câu đầu nói về vô tướng giải thoát môn, câu thứ hai nói về không giải thoát môn, hai câu cuối nói về vô nguyện giải thoát môn.

XXVI.3. Ăn thịt

Pháp này cũng có Quyền và Thật.

Về Quyền giáo, căn cứ vào luật tạng, lúc Đức Thế Tôn mới thành đạo, vì muốn độ hàng phàm phu thô ác, chưa kham nổi lý sâu mầu, nên trong tiệm giáo, Ngài nói ba thứ tịnh nhục⁷⁴¹ là lia thấy, nghe, nghĩ. Nghĩa là thịt không phải vì mình mà giết, chim thú già tự chết đều cho phép ăn. Trước thô sau tế, giúp dần lia xa tội lỗi, đây là ý thú biệt thời⁷⁴², là giáo thuyết bất

⁷⁴⁰ Tam giải thoát môn 三解脱門 (S: vimokṣa-mukhāni): ba môn giải thoát. Một, không giải thoát là quán tất cả pháp đều do nhân duyên sinh, tự tính vốn không, không người tạo tác, không người thụ nhận, chứng nhập Niết-bàn; hai, vô nguyện giải thoát là đối với tất cả pháp sinh tử, mong cầu xa lia ý niệm tạo tác, không mong cầu tái sinh ở đời sau, nên chứng nhập Niết-bàn; ba, vô tướng giải thoát là biết rõ bốn đại, năm uẩn đều không, căn thân là tướng giả hợp, xa lia tướng chấp nhân ngã mà chứng nhập tịch tịnh niết-bàn.

⁷⁴¹ Ba thứ tịnh nhục (tam chủng tịnh nhục 三種淨肉): ba thứ thịt tì-kheo được phép ăn mà không phạm giới. Đó là không thấy nó bị giết, không nghe tiếng kêu la của nó khi bị giết, không nghĩ là giết để đãi ta ăn.

⁷⁴² Ý thú biệt thời (biệt thời chi ý 別時之意): ý thú biệt thời để thuyết pháp, tức ý nghĩa lợi ích ở thời gian khác.

liễu nghĩa⁷⁴³. Nếu là Thật giáo, thì từ lúc mới thành đạo cho đến đêm nhập niết-bàn, Đức Phật thiết tha dặn dò, trước sau chẳng cho phép ăn thịt.

Kinh *Niết-bàn* ghi: “Tất cả chúng sinh nghe mùi thịt của nó đều kinh hãi mà khởi ý tưởng sợ chết. Loài sống trên đất liền, dưới nước hay không trung đều bỏ chạy và nói: ‘Người này là oán thù của chúng ta’. Vì thế, bò-tát không nên ăn thịt, vì độ chúng sinh mà thị hiện ăn thịt, tuy hiện ăn thịt nhưng kỳ thật chẳng ăn. Chỉ vì chúng sinh chấp vào cái thấy mà chẳng hiểu ý Như Lai vì phương tiện mà nói, rồi chấp chặt vào giáo ti-ni giới hạn, liền bảo Phật cho ăn ba thứ tịnh nhục, lại phỉ báng, cho Như Lai cũng ăn thịt. Kẻ ngu si kia thành tội chướng lớn, mãi mãi đọa vào nơi không có lợi ích, cũng không được gặp đệ tử của thánh hiền trong hiện tại và vị lai, huống là được gặp các Đức Như Lai!

Này Đại Huệ! Các vị thanh văn thường nên ăn những thứ gạo, bún, dầu, mật... có thể nuôi sống thân mạng một cách thanh tịnh. Những vật chứa nuôi phi pháp, của nhận lấy phi pháp, Ta nói là bất tịnh còn không cho ăn, huống gì cho ăn máu thịt bất tịnh? Không chỉ ăn thịt mới phá điều thiện, ngăn đường đạo, mà các việc tà mạn, dối gạt để mưu cầu sự sống cũng đều chướng ngăn thánh đạo”.

[159c] Kinh *Văn-thù-sur-lợi vấn* ghi: “Nếu con vật ấy vì mình mà bị giết thì không được ăn, nếu là thịt của thú trong rừng tự chết đã thối rã, thì được ăn; nhưng trước khi ăn, phải đọc thần chú này ba lần: Đa-điệt-tha (*như thị*), a-nại-ma a-nại-ma (*vô ngã vô ngã*), a-thị-bà-đa a-thị-bà-đa (*vô thọ mạng vô thọ mạng*), na-xá na-xá (*thất thất*), đà-a đà-a (*thieu thieu*), bà-phát bà-phát (*phá phá*), tăng-kha-lật-đa-nhị (*hữu vi*), tá-ha (*trừ sát khí*)”.

Có trường hợp cơm cũng không được ăn. Tại sao? Nếu nghĩ cơm này không đáng ăn thì không nên ăn, huống gì ăn thịt?

Đức Phật bảo Văn-thù Sur-lợi:

- Vì chúng sinh không có lòng từ bi, ưa sát hại, nên cấm ăn thịt. Nếu không có tâm sát hại, có đại từ bi, vì muốn giáo hóa tất cả chúng sinh mà ăn thịt thì không có tội.

⁷⁴³ Giáo thuyết bất liễu nghĩa (bất liễu chi thuyết 不了之說): giáo pháp thuận theo trình độ chúng sinh mà dùng phương tiện, giáo tướng dẫn dắt.

Đây cũng là giáo pháp thời kỳ đầu tạm chế như vậy. Tức không được ăn thịt những con vật vì mình mà bị giết. Nếu chúng tự chết hay thối rữa, tương như cỏ cây thì khai cho ăn. Trường hợp muốn ăn thì sinh lòng hổ thẹn, tụng chú rồi sau mới được ăn. Thời gian sau, khi đã chế định cấm hẳn, bất luận là thịt con vật tự chết hay chim thú già chết đều không được ăn. Như kinh *Vị tăng hữu* khai cho uống rượu, kinh *Văn-thù-sư-lợi vấn* khai cho ăn thịt... Xét các kinh này là Như Lai lúc mới thành đạo, vì thấy căn cơ chúng sinh chẳng thể đoạn ngay, chế ngay mà phải khai dần, chế dần. Về sau, biết căn cơ chúng sinh thuận thực bèn đoạn hẳn, cấm hẳn, may may cũng không cho.

Nếu chẳng nêu ra căn nguyên, thì kẻ ngu chỉ đọc kinh này, liền mắc tình hủy phạm, chẳng hiểu việc cho hay ngăn, thông hay tắc đều khác nhau. Do đó, ghi ra những đoạn văn tiêm và đốn để biết được tường tận ngọn ngành, ngõ hầu dứt hẳn nghiệp ác, hiển bày Phạm hạnh.

Hỏi: Rượu là thuốc điều hoà tinh thần, thịt là món ăn ngon cứu đói; xưa nay đều ưa thích, sao lại chê mà không ăn? Giả sử Phật giáo nghiêm cấm như thế, vậy khi gặp lúc tang chế hay lễ tiết, như quốc vương sắc ban ăn theo thể tục, thì chúng tăng cũng kháng cự không ăn được sao?

Đáp: Tham tài hiếu sắc là điều trượng phu khinh bỉ, ham ăn thích đẹp là điều kẻ sĩ ghét chừa, dứt tình theo đạo ấy chuyện bậc hiền ngợi khen, tiết dục mền đức là việc bậc triết ca tụng. Huống là thịt do giết mạng, rượu hay làm loạn tâm, không ăn là phải lẽ, đâu thể cho là sai quấy. Dù gặp cảnh trên bức ép cũng phải dứt tiết, [160a] tuy trái mệnh vua, nhưng lại thuận lòng Phật.

Hỏi: Thịt do hại mạng mà có nên đoạn là điều đương nhiên, còn rượu thì chẳng tổn hại sự sống, vì sao cấm hẳn? Giả sử không tổn hại mà cho là tội, không lỗi lầm mà nói là quấy thì ăn cơm, canh cũng phải mắc tội. Nhưng thật không phải thế, vì sao lại chỉ cấm rượu?

Đáp: Tùy việc mà chế giới, dựa theo tâm mà luận tội. Tính chất của thịt là do sát hại nên ăn vào liền mắc tội, tính chất của rượu tuy chẳng tổn hại, nhưng lỗi ở chỗ che mờ lí trí mà gây ra tội lỗi. Như vậy, tội lỗi phát sinh là do rượu, dứt rượu thì tội tiêu trừ. Vì thế ngăn cấm chẳng đồng, chứ chẳng phải cho tính chất của rượu là tội lỗi.

Hỏi: Tội có tính tội và già tội⁷⁴⁴, đặc tính của rượu hay sinh tội. Nay người có tử lượng cao, có thể uống không say, lại chẳng loạn tâm, cũng không gây tội, người này uống rượu theo lẽ không mắc tội. Thế thì có thể uống mà không lỗi, vì không chuốc lấy tội, vậy có liên quan gì đến việc dứt rượu mà chế thành giới thiện? Có thể nói: Người có tử lượng cao được gọi là trì giới, uống ít mà say liền có tội lớn, được không?

Đáp: Ngăn tội ngừa lỗi, vốn là sinh thiện. Giới là dừng mọi điều xấu ác của thân và khẩu. Trong tất cả trường hợp phải chấm dứt cả tính tội và già tội thì mới được gọi là giới thiện. Người có tử lượng cao đã không loạn tâm, chưa phá giới khác, đúng lý là chẳng phạm tội. Nhưng chỉ vì uống rượu là nguyên nhân sinh ra tội, ngoài thì trái điều Phật cấm, trong thì tạo nhân phạm tội, cho nên vẫn gọi là có tội. Nếu vì chống trái mà không uống thì vẫn chưa cho là giữ giới!

Trước hết, căn cứ vào trường hợp thật có tổn hại; kinh dạy người ăn thịt có mười lỗi:

1. Tất cả chúng sinh từ vô thủy đến nay đều là quyến thuộc của mình, nên chẳng nỡ ăn thịt.

Kinh *Nhập lãng-già* ghi: “Ta quán chúng sinh luân hồi trong năm đường, cùng sinh dưỡng trong vòng sinh tử, thay nhau làm cha mẹ, anh em, chồng vợ, hoặc nam hoặc nữ, lục thân quyến thuộc, nội ngoại, hoặc sinh vào đường khác, dù thiện hay ác cũng thường làm quyến thuộc. Vì nhân duyên ấy, ta thấy chúng sinh đều là quyến thuộc lại ăn thịt nhau; do tham mùi thịt mà lần lượt ăn nuốt lẫn nhau, sinh tâm sát hại, tăng trưởng nghiệp khổ, trôi lăn trong sinh tử không thể ra khỏi.

Khi Đức Phật nói vậy, các quỷ dữ la-sát nghe xong, đều bỏ tâm ác, không còn ăn thịt, lần lượt khuyên nhau phát tâm Bồ-đề, bảo hộ chúng sinh như bảo hộ mình, không ăn tất cả các loại thịt, rồi kêu khóc thống thiết, bạch Đức Phật:

⁷⁴⁴ Tính tội và già tội (tội hữu già tính 罪有遮性): tính tội là tội lỗi thuộc về tự tính, bất luận ở hoàn cảnh nào, nếu người phạm thì thành tội mà không đợi giới luật chế định. Ngược lại, do giới luật chế định mới thành tội thì gọi là già tội.

- Bạch Đức Thế Tôn! Con nghe Ngài nói, xét kỹ chúng sinh trong sáu đường bị con ăn thịt đều là người thân của con. Giờ đây, con mới biết ăn thịt chúng sinh là oán thù lớn, dứt hạt giống đại từ, thêm lớn nghiệp bất thiện, là gốc khổ đau. [160b] Từ hôm nay, con không ăn thịt và quyến thuộc của con cũng không được ăn. Đệ tử của Như Lai vị nào không ăn thịt thì con sẽ ngày đêm gần gũi ủng hộ; vị nào ăn thịt, con sẽ làm cho người đó không có được lợi ích.

Này Đại Huệ! Quý dũ la-sát thường ăn thịt, nhưng nghe Ta nói như vậy, liền phát lòng từ bỏ thịt không ăn, huống là đệ tử của Ta tu hành thiện pháp mà ăn thịt ư? Nên biết, nếu ăn thịt liền thành oán thù lớn của chúng sinh, đoạn hạt giống thánh của Ta.

Này Đại Huệ! Nếu đệ tử của Ta đã nghe dạy mà không quán sát kỹ lại ăn thịt thì nên biết đó là hạng chiên-đà-la, chẳng phải là đệ tử của Ta, Ta chẳng phải là thầy của người đó”.

2. Người ăn thịt, chúng sinh thấy đều kinh sợ, nên không được ăn.

Kinh *Nhập lăng-già* ghi: “Người ăn thịt, chúng sinh nghe mùi đều sợ hãi, bỏ chạy thật xa. Thế nên, bồ-tát tu hạnh như thật, vì hóa độ chúng sinh không nên ăn thịt. Thí như chiên-đà-la, thợ săn, đồ tể, người bẫy chim, đánh cá... đi đến nơi đâu, chúng sinh vừa trông thấy từ xa, liền suy nghĩ: ‘Ta nay chết chắc, người này chính là kẻ đại ác, chẳng biết tội ác, giết mạng chúng sinh mong được lợi trước mắt. Vì muốn ăn thịt, nên họ đến đây tìm chúng ta, bây giờ chúng ta phải chết’.

Này Đại Huệ! Do ăn thịt nên khiến chúng sinh trông thấy đều sợ hãi như thế.

Này Đại Huệ! Tất cả chúng sinh sống trên mặt đất hay không trung thấy người ăn thịt đều sợ hãi và nghi ngờ: ‘Ngày nay, ta chẳng biết là chết hay sống. Kẻ ác như thế chẳng có từ tâm, khác nào lang sói đi khắp thế gian tìm thịt để ăn, như trâu ăn cỏ, như bọ hung nhũi phân, chẳng biết no đủ. Thân ta là thịt, chính là thức ăn của họ, không nên gặp mặt, phải mau tránh xa, giống như người sợ la-sát’”.

3. Người ăn thịt phá hoại tín tâm người khác, do đó không nên ăn thịt.

Kinh *Nhập lăng-già* ghi: “Nếu người ăn thịt sẽ khiến chúng sinh mất hết tín tâm và cho người trong thế gian không đáng tin. Thế nên, người ăn thịt sẽ bị quả báo đoạn mất niềm tin của chúng sinh”.

Vì vậy, Đại Huệ! Bồ-tát vì bảo vệ tín tâm cho chúng sinh, không được ăn tất cả các thứ thịt. Tại sao? Vì người thế gian thấy có tì-kheo ăn thịt thì sẽ hủy báng tam bảo như vậy: “Ai ngờ những sa-môn, bà-la-môn tu Phạm hạnh chân thật trong Phật pháp, mà bỏ cách ăn của thánh nhân lại ăn thịt chúng sinh giống như la-sát thế sao!”.[160c] Cắt đứt pháp luân của Ta, đoạn tuyệt giống thánh, tất cả đều do lỗi ăn thịt.

Này Đại Huệ! Đệ tử của Ta ngăn người ác hủy báng tam bảo, không được nhớ nghĩ đến thịt, huống là ăn nuốt!

4. Người tu tập từ tâm và thiếu dục không nên ăn thịt.

Kinh *Nhập lăng-già* ghi: “Vì cầu ra khỏi sinh tử, nên bồ-tát phải luôn nhớ nghĩ đến hạnh từ bi, thiếu dục tri túc, chán nổi khổ của thế gian, cầu mau giải thoát, lánh xa náo nhiệt, đến nơi thanh vắng, ở rừng Thi-đà⁷⁴⁵ hay A-lan-nhã⁷⁴⁶, ngồi tư duy một mình ở gốc cây hay gò mả, quán xét tất cả cảnh thế gian chẳng có gì đáng vui, vợ con như gông cùm, đèn đài cung điện tợ lao ngục, trần bảo giống phân dãi, xem thức uống ăn như máu mủ, thụ nhận thức ăn uống, phải khởi tưởng như nuôi ung nhọt, để duy trì sự sống chuyên tâm nơi thánh đạo, chứ không vì tham ăn; bỏ hết rượu thịt, không ăn các thứ cay nồng, như hành hẹ, tỏi nén. Người như thế mới thật tu hành, xứng đáng được tất cả trời người cúng dường. Nếu không sinh tâm nhàm chán, xa lìa thế gian mà tham đắm rượu thịt cay nồng, thì không xứng đáng nhận vật cúng của tín thí”.

5. Người ăn thịt đều do quá khứ từng làm la-sát dữ, do tập khí nên nay tham thịt. Vì vậy không nên ăn thịt.

Kinh *Nhập lăng-già* ghi: “Có các chúng sinh từng tu vô lượng nhân duyên trong quá khứ, nay có chút căn lành được nghe chính pháp, có lòng tin xuất

⁷⁴⁵ Rừng Thi-đà (Thi-đà lâm 尸陀林; S: sītavana): khu rừng rậm ở phía bắc thành Vương Xá nước Ma-kiệt-đà thuộc Trung Ấn Độ. Khu rừng này âm u lạnh lẽo, vốn là nơi nhân dân trong rừng bỏ tử thi, về sau là nơi ở của tội nhân.

⁷⁴⁶ A-lan-nhã 阿蘭若 (S: aranya): nơi tĩnh mịch thích hợp với người tu hành, tức nơi vắng vẻ, cách xóm làng khoảng 2,5 km.

gia trong giáo pháp của Ta. Nhưng vì quá khứ từng làm quyền thuộc của la-sát, hay sinh vào loài cọp, sói, sư tử, mèo, chồn, cho nên, nay tuy ở trong pháp Ta mà vẫn còn tập khí ăn thịt, thấy người ăn thịt thì mừng rỡ đến gân; vào thành ấp, xóm làng, chùa tháp ăn thịt uống rượu để vui thú. Chư thiên và loài người thấy những kẻ ấy như la-sát giành ăn xác chết, mà không tự biết. Người này đã không được dự vào trong chúng của Ta, mà thành quyền thuộc của la-sát. Tuy mặc ca-sa, cạo bỏ râu tóc, nhưng chúng sinh trông thấy đều kinh hãi như sợ la-sát”.

6. Người ăn thịt học chú thuật thế gian cũng không thành, huống là chứng đắc pháp xuất thế! Do vậy, hành giả không nên ăn thịt.

Kinh *Nhập lăng-già* ghi: “Các thầy chú thuật tà kiến trong thế gian vì muốn thành tựu tà thuật còn không ăn thịt, huống gì đệ tử của Ta vì [161a] cầu thánh đạo vô thượng xuất thế giải thoát của Như Lai? Tu đại từ bi, tinh cần khổ hạnh mà ăn thịt, e rằng còn không được, nói gì đến việc giải thoát! Vì người ngu kia ăn thịt mà dẫn đến như thế.

Thế nên, Đại Huệ! Đệ tử của Ta vì cầu niềm vui giải thoát ra khỏi thế gian thì không nên ăn thịt”.

7. Chúng sinh đều yêu quý thân mạng giống mình không khác. Do vậy, hành giả không nên ăn thịt.

Kinh *Nhập lăng-già* ghi: “Ăn thịt thì khí lực mạnh, tham ăn uống, cho nên, người nhiều tham đắm. Phải nên xét kỹ, tất cả những loài có mạng sống trong thế gian đều tự quý trọng thân mình và rất sợ chết. Người và vật đều tiếc giữ thân mạng, thà làm thân chồn hoang ghẻ lở chứ quyết không chịu bỏ thân để nhận lấy niềm vui của cõi trời. Tại sao? Vì sợ chết. Do đó, nên xem chết là khổ lớn, là điều đáng sợ. Bản thân sợ chết, vì sao muốn giết loài khác để ăn thịt?

Thế nên, Đại Huệ! Người muốn ăn thịt, trước nên tự quán thân mình, sau nghĩ đến chúng sinh, mà không nên ăn thịt”.

8. Chư thiên, hiền thánh đều xa lìa người ăn thịt, ác thần cũng e sợ. Do đó, hành giả không nên ăn thịt.

Kinh *Nhập lãng-già* ghi: “Phàm người ăn thịt, chư thiên còn lia xa huống gì là thánh nhân. Thế nên, bỏ-tát vì mong gặp thánh nhân, nên tu tập tâm từ bi, không được ăn thịt.

Này Đại Huệ! Người ăn thịt, lúc ngủ nghỉ cũng khổ, lúc thức dậy cũng khổ. Như khi ngủ nằm mộng thấy các việc ác, kinh hãi dựng tóc, tâm thường bất an. Do không có lòng từ, nên sức thiện yếu kém, nếu một mình ở nơi thanh vắng thì cũng thường bị phi nhân tìm chỗ sơ hở để hại; cọp, sói, sư tử cũng đến rình tìm cách ăn thịt. Cho nên, tâm luôn lo sợ, không được an ổn”.

9. Người tu hành, tịnh nhục còn không nên ăn, huống là bất tịnh nhục. Do đó, hành giả không nên ăn thịt.

Kinh *Nhập lãng-già* ghi: “Ta nói phạm phu vì cầu mạng sống thanh tịnh mà ăn tịnh nhục, nhưng phải nghĩ tưởng như ăn thịt con, huống gì dùng những thức ăn chẳng phải của thánh nhân. Thánh nhân xa lìa tất cả các loại thịt, vì ăn thịt hay sinh vô lượng tội lỗi, làm mất tất cả công đức xuất thế gian. Vậy sao nói Ta cho các đệ tử ăn những thứ bất tịnh như máu thịt v.v...? Người nào nói Ta cho phép là phỉ báng Ta. Cho nên, luật tạng ghi: Ăn máu thịt sống phạm tội Thâu-lan-giá⁷⁴⁷”.

10. Người ăn thịt sau khi chết sẽ tái sinh vào loài la-sát dữ. Do đó, hành giả không nên ăn thịt.

Kinh *Nhập lãng-già* ghi: “Những chúng sinh ăn thịt là do **[161b]** quá khứ từng huân tập nghiệp ăn thịt, nên thường sinh vào trong các loài la-sát, sư tử, cọp, sói, chim cú, kên kên, điều hâu, chim ưng... Những loài có mạng sống đều tự bảo vệ thân, không để mình chịu cảnh khổ đói khát, mà sinh lòng ác, thích ăn thịt loài khác, khi chết đọa vào đường ác, khó được thân người, huống gì được đạo Niết-bàn! Nên biết, người ăn thịt có vô lượng những tội lỗi như thế. Do vậy, hành giả không ăn thịt, tức là gom chứa được vô lượng công đức”.

Kinh *Ương-quật-ma* ghi: “Vãn-thù-sư-lợi bạch Đức Phật:

⁷⁴⁷ Thâu-lan-giá 偷蘭遮 (S: thullaccaya): các tội thuộc về ngũ thiên, ngoài tội độn-cát-la thì tất cả nhân tội, quả tội nặng hoặc nhẹ đều gọi chung là thâu-lan-giá.

- Bạch Đức Thế Tôn! Vì Như Lai tạng mà các Đức Phật không ăn thịt chẳng?

Đức Phật dạy:

- Đúng vậy! Tất cả chúng sinh từ vô thủy đến nay trôi lăn trong sinh tử, không ai không có cha mẹ, anh chị em, giống như nghệ sĩ hát tuồng thay đổi vai diễn mau chóng. Thịt mình hay các loại thịt khác đều là một thứ thịt. Thế nên, các Đức Phật đều không ăn thịt.

Phật lại bảo Văn-thù-su-lợi:

- Chúng sinh giới và Phật giới là một, thịt ăn vào cũng đồng một loại. Do đó, các Đức Phật đều không ăn thịt.

Đức Phật bảo Văn-thù:

- Nếu trâu tự chết, người chủ lấy da làm giày dép cúng dường cho người tri giới thì nên nhận chẳng? Không nhận là đúng pháp của từ-khéo, nếu nhận thì chẳng từ bi. Tuy không phá giới, nhưng từ đó dần dần đưa đến tội lỗi. Do đó, cần phải lìa xa các nhân duyên sát sinh”.

Kinh *Uong-quật-ma* ghi: “Trong thân chúng sinh có tám mươi vạn ổ vi trùng, nếu giết hại một chúng sinh tức giết tám trăm nghìn ổ vi trùng. Những lúc nấu nướng, hoặc ngâm phơi đều có trùng nhỏ, bướm bay, ruồi nặng bám lên, vô tình lạm giết vô lượng sinh mạng, tuy chẳng tự tay mình giết, nhưng đồ tể vì mình mà giết. Nên biết, người ăn thịt chịu cả tội giết hại. Hoặc có tăng ni ở trong chùa mà công nhiên tụ tập người đời uống rượu, ăn thịt hoặc những thứ tạp uế cay nồng, làm ô nhiễm chốn già-lam mà chẳng biết thẹn với Phật. Hồn tạp như vậy đâu hơn gì ngoại đạo!”

Kinh *Ni-la-phù-đà địa ngục* mô tả: “Thân giống như khối thịt không hiểu biết. Đây là ai? Đều là các kẻ uống rượu. Tăng ni xuất gia sao chẳng tin sâu kinh điển, sinh tâm hổ thẹn, lại tự bỏ chính pháp, đồng như ngoại đạo ư? Nếu ăn thịt cha của chúng sinh, chúng sinh lại ăn thịt cha mình; nếu ăn thịt mẹ của chúng sinh, chúng sinh lại ăn thịt mẹ mình. Như vậy, anh chị em, lục thân trai gái đều có oán thù nhau, [161c] oan oan tương báo, không thể thoát được”.

Kinh *Sa-di-ni giới* ghi: “Không được sát sinh, mà phải thương xót chúng sinh như cha mẹ thương con, thương loài trùng nhỏ giống như con đò. Thế nào là không sát sinh? Là bảo vệ thân khẩu ý. Trong đó, thân không giết người vật, cho đến các loài côn trùng nhỏ bé, cũng không tự giết hay bảo người giết; thấy giết không ăn, nghe giết không ăn, hoặc nghi vì mình mà giết cũng không ăn. Miệng chẳng nói ‘Nên giết, nên hại’ để báo oán, cũng không được nói: ‘Giết chết thật vui, con này mập, con kia ốm, thịt này ngon, thịt kia dở. Ý cũng không nghĩ đến việc giết chết, thương tưởng chúng sinh như xương tủy của mình, chẳng khác nào cha mẹ, con cái của mình v.v... Một lòng thường nghĩ đến Đại thừa”.

Kinh *Hiền Ngụ* ghi: “Đức Phật nói với vua Ba-tư-nặc: Vào quá khứ lâu xa a-tăng-kỳ kiếp, cõi Diêm-phù-đề này có một đất nước rộng lớn tên là Ba-la-nại. Quốc vương khi ấy là Ba-la-ma-đạt dẫn bốn loại binh vào núi săn bắn. Một mình cưỡi ngựa mãi miết đuổi bắt cầm thú, vua lạc vào rừng sâu. Mệt quá, vua xuống ngựa nghỉ ngơi giây lát. Khi đó, trong rừng có con sư tử cái lòng dục rất mạnh, đang tìm đối tượng giao phối mà không được, chợt gặp vua ngồi một mình giữa rừng, ý dâm bùng mạnh nên muốn giao phối với vua. Nghĩ vậy, sư tử cái đến gần bên vua, ngoắt đuôi quay lưng. Biết ý, vua suy nghĩ: ‘Nó là mãnh thú đủ sức giết mình, nếu không chịu ý ắt nguy hại tính mạng’. Vì sợ hãi, vua liền giao phối cùng sư tử. Việc xong, sư tử bỏ đi thì các đoàn binh mới tìm đến, vua cùng mọi người trở về cung thành.

Sau đó, sư tử mang thai, đủ ngày tháng liền sinh con có hình dạng như người, chỉ ở nơi chân có đốm. Sư tử nhớ lại, biết là con của vua, liền ngậm con mang đến trước vua. Vua cũng nhớ lại, đúng là con mình, bèn nhận lấy nuôi dưỡng; vì chân có đốm nên đặt tên là Ban Túc. Ban Túc càng lớn thì hùng tài, chí dũng và kế vị ngôi sau khi phụ vương băng hà.

Lúc đó, vua Ban Túc có hai người vợ: một xuất thân từ dòng vua, người còn lại thuộc dòng Bà-la-môn. Một hôm, Ban Túc ra thành chơi, bảo hai người vợ: ‘Nếu người nào đến trước thì ta sẽ dành cho một ngày vui thú, người nào tới sau thì ta không đoái hoài’.

Khi đi, phu nhân thứ hai trang điểm lộng lẫy, bước lên xe. Giữa đường, phu nhân thấy một ngôi miếu thờ trời của dòng Phạm chí, liền xuống xe hành lễ, do lễ bái nên đến muộn. [162a] Vua giữ lời hứa, nên không đoái

hoài. Vì thế, phu nhân oán giận thiên thần và trách: ‘Do lễ bái người nên đến sau, khiến vua đối xử bạc như vậy. Nếu có sức trời sao chẳng hộ ta?’ Sau đó, phu nhân đập phá miếu thờ. Vị thần giữ miếu buồn rầu, muốn đến phá nát vương cung, nhưng thiên thần ngăn không cho vào.

Có một vị tiên nhân ở trong núi hằng ngày bay vào cung nhận sự cúng dường của vua, không nhận món ngon mà chỉ dùng món dở. Tình cờ ngày kia, tiên nhân không đến. Biết thế, thiên thần biến làm tiên nhân, ngồi vào chỗ tiên nhân thường ngồi, nhưng không ăn mà chỉ mong được thịt cá. Vua liền thuận theo, thiên thần ăn xong rồi đi. Hôm sau, tiên nhân đi đến, vua lại bày toàn thịt cá, tiên nhân nổi cáu. Vua thưa:

- Đại tiên, hôm qua ngài dạy làm thế, sao nay lại không ăn?

Tiên nhân nói:

- Hôm qua, ta bệnh nên không đến. Ai nói với ông, hay là khinh thường mà thử ta? Ta sẽ làm cho ông từ nay thường ăn thịt người trong suốt mười hai năm!

Nói xong, tiên nhân trở về núi. Sau đó, một hôm, quan nấu ăn lại quên chuẩn bị thịt. Sắp đến giờ dâng cơm, chẳng biết xoay sở cách nào, nên người nấu ăn ra ngoài tìm thịt, thấy xác một đứa trẻ trắng mập trên đất. Trong lúc cấp bách, người nấu ăn chặt bỏ đầu và chân, mang về ngự trù, nấu với các thứ thuốc quý, đem dâng cho vua. Ăn vào, vua thấy ngon hơn bội phần nên hỏi:

- Trước giờ, ta chưa được ăn thịt ngon như vậy. Đây là thịt gì?

Quan nấu ăn sợ hãi, phủ phục trước vua mà thành thật tâu rõ, mong vua tha tội. Vua phán:

- Chỉ cần ông nói thật thì ta không hỏi tội.

Quan nấu ăn tâu rõ ngọn ngành. Vua nói:

- Thịt này rất ngon! Từ nay về sau, cứ làm như thế.

Quan nấu ăn tâu:

- Trước đây, tình cờ gặp xác đứa trẻ, nay tìm thì khó được.

Vua lại nói:

- Ông cứ âm thầm tìm lấy, giá như có người phát giác thì ta sẽ phân xử.

Quan nấu ăn nhận chỉ, hàng đêm thường bí mật bắt cóc trẻ con đem giết, lấy thịt dâng cho vua. Bấy giờ, nhân dân trong thành đâu đâu cũng khóc kêu mất trẻ con, lần lượt hỏi thăm duyên cớ thế nào. Khi ấy, các đại thần họp bàn, cử người âm thầm điều tra các nơi để yên lòng dân, thì phát hiện quan nấu ăn của vua bắt cóc trẻ con. Họ bắt được, trói dẫn đến vua tâu hết mọi chuyện. Vua nói:

- Là lệnh của ta!

Quần thần uất hận, nên cùng nhau ra ngoài họp bàn: ‘Vua chính là giặc, ăn thịt con chúng ta. Vua mà ăn thịt người thì làm sao trị vì thiên hạ? Hãy cùng nhau trừ khử tai họa này’. Thế rồi, tất cả quần thần đồng tâm hợp lực tính kế, nhất loạt cùng chống lại, bắt giết nhà vua. Thấy binh bao vây, vua kinh hãi hỏi:

- Tại sao các ngươi bức tử ta?

Quần thần đáp:

[162b] - Phàm người làm vua lấy việc chăm lo cho dân làm chính, thế mà bảo nhà bếp giết người lấy thịt làm thức ăn, chẳng biết dân chúng khổ đau. Do đó, chúng tôi muốn giết ông.

Vua nói với quần thần:

- Từ nay về sau, ta không làm thế, chỉ mong tha thứ, ta sẽ cố gắng sửa đổi.

Quần thần nói:

- Quyết không buông tha, đừng có nhiều lời!

Nghe xong, vua tự biết mình phải chết, liền nói:

- Dù các ông nhất định giết ta, nhưng xin hãy nán giây lát nghe ta nói một lời.

Vua liền lập thệ:

- Từ trước đến nay, ta tu tạo các việc thiện, làm một minh quân, cúng dường tiên nhân. Nay xin hồi hướng tất cả công đức ấy khiến ta biến thành Phi hành la-sát.

Nói lời này xong, vua liền thành la-sát như lời nguyện, bay lên hư không, nhấn với quần thần:

- Các người hợp sức muốn bức tử ta, nhưng nhờ may mắn nên ta có thể tự thoát. Từ nay về sau, các người cố nhẫn chịu, ta sẽ lần lượt ăn thịt vợ con yêu quý của các người.

Nói xong, la-sát bay đi, ẩn trong núi rừng, hàng ngày tìm bắt người mang về ăn thịt. Tất cả nhân dân đều sợ hãi trốn tránh. Càng ngày vua la-sát giết người ăn thịt càng nhiều. Sau đó, các bầy la-sát kết làm quyền thuộc, nên đồ chúng càng đông và sự bức hại càng rộng. Một hôm, bầy la-sát thua với vua Ban Túc:

- Chúng tôi phụng sự bệ hạ, mong lập thành một nhóm.

Vua liền chấp nhận, rồi ra lệnh:

- Các người hãy bắt đủ năm trăm vị vua để lập thành một hội.

Thế là, các la-sát chia nhau tìm bắt được bốn trăm chín mươi chín vị vua đem nhốt vào núi sâu, nhưng còn thiếu một người. Sau đó, chúng bắt được Tu-đà-tổ-di là vị vua có đức lớn. Ông ta xin vua Ban Túc cho hoãn lại bảy ngày. Hết thời hạn, Tu-đà-tổ-di trở lại, nói pháp cho các la-sát nghe, chỉ rõ tội sát sinh và quả báo của nó, lại nói phúc báo của tâm từ không sát sinh. Vua Ban Túc hoan hỷ, đình lễ, vâng theo lời dạy, không còn tâm sát hại, liền thả các vị vua về nước. Tu-đà-tổ-di liền sai binh chúng đưa Ban Túc về đăng vị nơi nước cũ. Sau khi mãn mười hai năm, vua Ban Túc không còn ăn thịt người, trở về trị vì dân chúng như xưa.

Tu-đà-tổ-di thuở ấy chính là Ta, vua Ban Túc là Ương-quật-ma-la⁷⁴⁸ ngày nay, còn những người bị Ban Túc ăn thịt trong mười hai năm là những người bị Ương-quật-ma-la giết ngày nay. Những người này đời đời thường bị Ương-quật-ma-la giết hại. Ta cũng đời đời dùng pháp thiện hàng phục Ương-quật-ma-la.

Khi ấy, vua Ba-tư-nặc lại bạch Phật:

- Tì-kheo Chi Man giết người ăn thịt nhiều như vậy mà còn đắc đạo, nhưng có bị quả báo không?

Đức Phật dạy:

[162c] - Đại vương! Hễ gây tạo ắt có quả báo. Hiện tì-kheo này đang ở trong phòng mà lửa địa ngục từ lỗ chân lông phát ra, rất đau khổ, kêu gào thảm thiết.

Đức Phật bảo một tì-kheo:

- Ông hãy cầm chìa khóa đến mở cửa phòng Chi Man.

Vâng lời dạy, tì-kheo này mở cửa vào phòng, thấy thân xác Chi Man tự cháy. Tì-kheo kinh ngạc trở lại bạch Phật. Phật bảo:

- Quả báo như thế!

Vua và chúng hội đều tin hiểu”.

Có bài kệ:

Tài, sắc và rượu,

Là ba thứ độc,

Đại thân nát nhà,

⁷⁴⁸ Ương-quật-ma-la 央掘摩羅 (S: Anguli-mālya; Hđ: Chi Man): một người hung ác, sống trong thành Thất-la-phạt-tát-đề, tôn thờ Ma-ni-bạt-đa-la làm thầy, nhưng bị sư mẫu vu khống tội làm nhục bà ta, nên thầy bảo ông giết một nghìn người, mỗi người chặt một ngón tay xỏ sâu mới được truyền pháp Niết-bàn. Ương-quật-ma-la nghe theo. Khi giết người thứ chín trăm chín mươi chín, ông định giết mẹ mình để đủ một nghìn. Đức Phật biết việc này, khởi lòng thương xót, đến hóa độ ông. Ông Liền sám hối tội lỗi và xin xuất gia, về sau cũng chứng quả A-la-hán.

Vua thì mất nước.

Thịt chường lòng từ,

Ngũ vị⁷⁴⁹ tôn đức,

Là bậc chơn tu,

Chẳng ham nhớ này.

XXVII. XEM TƯỚNG

Gồm ba phần: Lời dẫn, Xem tướng, Lòng tin.

XXVII.1. Lời dẫn

Phật pháp vốn bình đẳng, bậc cao đức đồng cảm nhận; phàm phu tùy theo nghiệp, nên giáo hóa có nhiều phương. Tâm cảnh trái nhau, nên thọ khổ vui sai khác. Như sáp ấn xuống bùn, ấn xong thì đường nét hiện. Tướng nghiệp đã phân thì nhìn hiện báo có thể biết. Cho nên, người và loài vật có thể nhận biết nhờ tiếng nói, người Hồ và Hán nhận dạng qua vóc hình, kẻ hèn người sang có tôn ti phân biệt, thánh phàm khác nhau ở điều thiện ác.

XXVII.2. Xem tướng

Kinh *Chính kiến* ghi: “Bấy giờ, trong pháp hội của Đức Phật, có vị tì-kheo tên là Chính Kiến, mới thọ đại giới, nên trong lòng còn nghi: ‘Phật nói có cuộc sống đời sau, nhưng người chết rồi không về báo lại, thì làm sao biết?’. Tì-kheo chưa kịp hỏi, Đức Phật đã biết và bảo:

- Nay các tì-kheo! Thí như cây kia sinh ra từ một hạt giống và nhờ bốn đại mà nảy mầm, thành thân, mọc cành ra lá, rồi phát triển thành một cây lớn. Cây lại sinh quả, quả lại thành cây, tăng trưởng theo năm tháng, tạo nên vô số như thế.

Đức Phật hỏi:

⁷⁴⁹ Ngũ vị (tân giá tịnh đức 幸遮淨德): năm thứ cay nồng là hành, họ, tỏi, nén và kiệu (hoặc hưng cừ).

- Này các tì-kheo! Nếu muốn gom tất cả thân cành lá, hoa trái trở về hạt giống như ban đầu, liệu có được không?

Các tì-kheo thưa:

- Bạch Thế Tôn! Không thể được. Cây luôn biến đổi, dần dần sẽ mục nát, thì hạt giống lại sinh, trở thành cây to lớn. Sự sinh trưởng, biến đổi tương tục, cuối cùng mục nát, không thể trở lại thành hạt giống ban đầu.

Đức Phật bảo:

- Này các tì-kheo! Sự sinh tử cũng như vậy, [163a] vốn do ngu si phát sinh, luân chuyển hòa hợp, thần thức biến đổi qua mười hai nhân duyên⁷⁵⁰, tùy theo hành nghiệp dẫn dắt nên có cha mẹ, rồi thụ nhận thân thể; nên không thể trở lại thần thức ban đầu và cũng không về báo lại. Thí như người thợ luyện kim, luyện quặng để thành sắt thép, nấu chảy sắt thép để đúc thành vật dụng. Vậy vật dụng ấy có thể trở lại thành quặng được không?

Chính Kiến thưa:

- Thật không thể được.

Đức Phật bảo:

- Thần thức biến chuyển, trụ tại thân trung ấm giống như quặng đã thành sắt thép; thác vào thai mẹ, thụ nhận thân mới giống như sắt thép đã thành vật dụng, hình thể thay đổi, nên không thể trở lại thức ban đầu. Vì vậy, thức thụ nhận thân người lại có cha mẹ; đã có cha mẹ thì có sáu ngăn bít: một là trụ tại thân trung ấm, không thể trở lại; hai là theo nghiệp thụ thân ở trong bào thai; ba là mới sinh ra đau đớn, nên quên hết chuyện xưa; bốn là vừa sinh ra, liền chạm đất, nên những hiểu biết ngày trước không còn, phát sinh nhận thức mới; năm là sinh ra liền đấm trước ăn uống, nên những hiểu biết ngày trước không còn; sáu là sinh ra, lớn lên, huân tập điều mới, quên lãng điều cũ.

Đức Phật lại bảo:

⁷⁵⁰ Mười hai nhân duyên (thập nhị nhân duyên 十二因緣; S: dvādaśāṅgapratītya-samutpāda): mười hai điều kiện liên kết làm nhân quả cho nhau hình thành sự sinh tồn và hoại diệt của loài hữu tình. Đó là vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử.

- Nay các tì-kheo! Thần thức nương vào thiện ác, khi chết theo nghiệp, nên sự thấy biết chẳng giống như cũ và thân không thể khôi phục cái biết khi xưa; vì vậy, không thể hồi báo với quyền thuộc. Nếu người chưa có đạo ý⁷⁵¹, không có tịnh nhãn, khi chết thì thức lìa thân, biến chuyển tùy theo hành nghiệp, lại thụ thân khác, không thể về báo được. Thí như đêm tối không trăng, đem vật có năm màu để trong chỗ tối, dù nghìn vạn ức người cũng không thể nhìn thấy vật ấy. Nhưng nếu có người cầm đuốc soi sáng, thì tất cả mọi người đều phân biệt rõ ràng năm màu. Như người ngu si bị tối tăm che lấp, chưa chứng tuệ nhãn⁷⁵², đọa vào đường ác, xoay vần qua lại, cũng như đêm tối không trăng mà muốn nhìn thấy vật có năm màu, quyết không thể được. Nếu người tu hành tưng kinh, trì giới, thâm nhiếp tâm ý, cũng như cầm đuốc soi chiếu để thấy vật. Thí như không tay mà muốn viết chữ, mù mắt mà đòi nhìn, xâu kim nơi chỗ tối, tìm lửa ở trong nước, hoàn toàn chẳng được.

Nay các tì-kheo! Hãy chuyên tâm trì kinh, giữ giới, tư duy kỹ sinh tử vốn từ đâu đến, cuối cùng về đâu thì thân tâm thanh tịnh, phiền não đoạn trừ, điều nghi được giải.

Chính Kiến nghe xong, hoan hỷ thụ trì”.

Kinh *A-dục vương thái tử pháp ích hoại mục nhân duyên* ghi: “Trong sáu đường, mỗi đường có những tướng trạng khác nhau.

1. Tướng địa ngục:

Căn nguyên con người,

Trôi dạt sinh tử,

Nổi chìm tới lui,

Ở trong năm đường.

Chết kia sinh đây,

⁷⁵¹ Đạo ý 道意 (Cg: đạo tâm, bồ-đề tâm): tâm cầu đạo Vô thượng.

⁷⁵² Tuệ nhãn 慧眼 (S: prajñā-cakṣus): mắt trí tuệ của hàng nhị thừa chứng được, cũng tức là trí tuệ rõ suốt được các pháp bình đẳng, tính không, chiếu rõ được chân tướng của các pháp, cứu độ chúng sinh đến bờ giác.

Đều có nhân duyên,
Nay ta nói rõ,
Tướng trạng từng người.
Bước đi nghiêng ngã,
Không tự hay biết,
Thích xem huyền hoặc,
Thường vui, hay quên,
[163b] Cử động nhẹ nhàng,
Rong chơi đồng trống,
Người đó đến từ,
Địa ngục Đẳng hoạt⁷⁵³.
Cơ khớp đau nhức,
Ngủ hay giật mình,
Mộng thấy điềm dữ,
Là người đến từ,
Địa ngục Dây đen⁷⁵⁴.
Mắt trợn, tóc thô,
Răng dài, ưa giận,

⁷⁵³ Địa ngục Đẳng hoạt (Đẳng hoạt địa ngục 等活地獄; S:Samjīva): địa ngục sống chết liên tục. Tội nhân trong ngục này mỗi khi gặp nhau thì cứa xé bằng móng sắt, làm cho thân thể tả tơi mà chết, gặp cơn gió mát thổi qua, phút chốc sống lại, rồi tiếp tục chịu khổ. Đây là địa ngục thứ nhất trong tám địa ngục nóng.

⁷⁵⁴ Địa ngục Dây đen (Hắc Thằng địa ngục 黑繩地獄; S:Kāla-sūtra): địa ngục có dây sắt làm dấu trên thân thể tội nhân, theo đó mà cứa xé. Đây là địa ngục thứ hai trong tám địa ngục nóng.

Tiếng đục, bệnh nặng,
Là người đến tù,
Địa ngục Hợp hội⁷⁵⁵.
Lớn tiếng, cao giọng,
Không biết xấu hổ,
Ưa đánh, chửi nhau,
Chẳng biết thật giả.
Nằm ngủ thờ than,
Mộng thường kêu hoảng,
Người đó đến tù,
Địa ngục Khóc la⁷⁵⁶.
Thường hay buồn khóc,
Lên cao, nhìn xa,
Gây gở người nhà,
Không biết quen lạ.
Lời nói sân hận,
Nhịn đói nhiều ngày,
Người đó đến tù,
Địa ngục Khóc lớn⁷⁵⁷.

⁷⁵⁵ Địa ngục Hợp Hội (Hợp Hội địa ngục 合會地獄; Cg: địa ngục Chúng hợp): nơi có những hình phạt đặc biệt là ép cho xương thịt tội nhân nát như ra. Đây là địa ngục thứ ba trong tám địa ngục nóng.

⁷⁵⁶ Địa ngục Khóc la (Đề khóc địa ngục 啼哭地獄): địa ngục thứ tư trong tám địa ngục nóng.

Mình to, chân nhỏ,
Gân cốt yếu suy,
Tiếng thường tắt nghẹn,
Giọng như ngói bể,
Lòng không hiểu thuận,
Tinh thần bất định,
Người này đến từ,
Địa ngục A-tì⁷⁵⁸.
Thân thể thô xấu,
Chịu khổ rét lạnh,
Thích nóng, luôn khát,
Ganh ghét, xẻn, tham.
Thấy người bố thí,
Lòng sinh não phiền,
Người đó đến từ,
Địa ngục Thiêu nướng⁷⁵⁹.
Thấy lửa sợ hãi,
Nhưng thích sưởi ấm,
Đi đứng tùy tiện,

⁷⁵⁷ Địa ngục Khóc lớn (Đại Đê Khốc địa ngục 大啼哭地獄): địa ngục thứ năm trong tám địa ngục nóng.

⁷⁵⁸ Địa ngục A-tì (A-tì địa ngục 阿鼻地獄): địa ngục thứ tám trong tám địa ngục nóng.

⁷⁵⁹ Địa ngục Thiêu nướng (Nhiệt địa ngục 熱地獄): địa ngục thứ sáu trong tám địa ngục nóng.

Chẳng kể thời nghi,
Việc xong hối hận,
Nhưng lại muốn làm,
Người đó đến từ,
Địa ngục Thiêu lớn⁷⁶⁰.
Mắt nhỏ, hay sân,
Quên điều đã nhận,
Việc làm thấp hèn,
Tâm địa chẳng rộng,
Thấy lớn sinh sợ,
Nhìn nhỏ lại vui,
Người đó đến từ,
Ngục Ưu-bát-la⁷⁶¹.
Mắt đỏ, mình xấu,
Thường thích đấu tranh,
Phỉ báng thánh hiền,
Và bậc đắc đạo,
Đêm ngày tìm xét,
Việc xấu của người,

⁷⁶⁰ Địa ngục Thiêu lớn (Đại Nhiệt địa ngục 大熱地獄): địa ngục thứ bảy trong tám địa ngục nóng.

⁷⁶¹ Địa ngục Ưu-bát-la (Ưu-bát-la địa ngục 優鉢羅地獄; S: Utpala): một trong tám địa ngục lạnh. Địa ngục này khí lạnh rất dữ dội, toàn thân tội nhân đều bị bầm xanh như màu hoa Ưu-bát-la, nên gọi là địa ngục Ưu-bát-la.

Người đó đến từ,
Ngục Bát-đầu-ma⁷⁶².
Mắt có ba góc,
Bất hiếu mẹ cha,
Sinh ra đoản mạng,
Là người đến từ,
Ngục Câu-mâu-đà⁷⁶³.
Thích mang dao nhọn,
Khiêu khích đánh nhau,
Ắt bị người giết,
Là người đến từ,
Địa ngục Bân-trì⁷⁶⁴.
Mình đầy ghẻ lác,
Hơi miệng hôi hám,
Không có người thân,
Nên biết người này,
Đến từ ngục Khoáng⁷⁶⁵.

⁷⁶² Địa ngục Bát-đầu-ma (Bát-đầu-ma địa ngục 鉢頭摩地獄; S: Padma): một trong tám địa ngục lạnh. Trong ngục này toàn là màu đỏ như màu hoa Bát-đầu-ma.

⁷⁶³ Địa ngục Câu-mâu-đà (Câu-mâu-đà địa ngục 拘牟陀地獄; Cg: Câu-vật-đầu địa ngục): một trong tám địa ngục lạnh. Trong ngục này toàn là màu hồng như màu hoa Câu-vật-đầu.

⁷⁶⁴ Địa ngục Bân-trì (Bân-trì địa ngục 分持地獄; Cg: địa ngục Phân-đà-lợi): một trong tám địa ngục lạnh. Ngục này toàn là màu trắng như màu hoa phân-đà-lợi.

⁷⁶⁵ Địa ngục Khoáng (Khoáng địa ngục 曠地獄): địa ngục nằm rải rác trong hư không hay đồng trống tùy theo tội nghiệp của mỗi người chiêu cảm mà có.

*Thân hình to lớn,
Bước đi yếu ớt,
Tóc ít, da mỏng,
Bệnh tật liên miên,
Thấy người liền sân,
Tham ăn không chán,
Người này đến từ,
[163c] Địa ngục Đong lửa.
Da trắng, mắt xanh,
Nói phun nước dãi,
Chẳng có ngọn ngành,
Thích chơi đất, cát,
Nhìn thấy bùn lầy,
Ưa nằm lên trên,
Người đó đến từ,
Địa ngục Sông tro.
Đầu rứt, mắt vàng,
Bị người ghét bỏ,
Gặp việc hoảng sợ,
Là người đến từ,*

Địa ngục Rừng kiếm.

Tay thường cầm dao,

Nghe đấu liên vui,

Bị dao làm hại,

Là người đến từ,

Địa ngục Núi dao.

Mình đen, cổ nghẹn,

Thích ở phòng tối,

Miệng thốt lời dữ,

Là người đến từ,

Địa ngục Tro nóng.

Sức yếu, hụt hơi,

Không được tùy ý,

Những việc được mất,

Chẳng do mình định.

Nếu gặp đồ tể,

Liền theo sát bên,

Nên biết người này,

Từ ngục Lộ da.

Vui giận bất thường,

*Tự biết hối cải,
Thường hay tạ tội,
Chẳng để qua đêm,
Khiến trách tâm mình,
Như bị hình phạt,
Người đó đến từ,
Địa ngục Đánh cầu.
Thích ở chỗ dơ,
Ưa ăn thức dở,
Mặc đồ xấu xí,
Là người đến từ,
Địa ngục Phân tiếu.
Dung mạo ghê rợn,
Lời nói hung hăng,
Ưa chê, đánh người,
Từ ngục Hương thom.
Nên xét hình mạo,
Biết từ đâu đến,
Để rời xa là,*

Như tránh kiếp Thiêu⁷⁶⁶

Tướng trạng địa ngục,

Lược nói như thế.

2. Tướng súc sinh:

Nói về súc sinh,

Thụ thân sai khác,

Chuyên tâm xét nghĩ,

Không tạo duyên này.

Nói năng chậm rãi,

Chẳng khởi sân si,

Kính nhường tôn trưởng,

Từ loài voi đến.

Thân lớn hôi nheo,

Chịu được nóng lạnh,

Sân hận khó trừ,

Từ lạc đà đến.

Đi xa, ăn khỏe,

Chẳng ngại hiểm nguy,

Nhớ việc, biết đúng,

⁷⁶⁶ Kiếp Thiêu 劫燒: thời kỳ hỏa tai, trên trời xuất hiện bảy mặt trời, các tầng trời từ Sơ thiên trở xuống đều bị kiếp hỏa thiêu đốt.

Từ loài ngựa đến.

Độ lượng, biết ơn,

Giỏi chịu nóng lạnh,

Việc làm chẳng nhớ,

Từ loài trâu đến.

To tiếng, chẳng thẹn,

Lòng nhiều luyện ái,

Không phân phải trái,

Từ loài lừa đến.

Không sợ lớn nhỏ,

Thường tham ăn thịt,

Làm việc dễ dàng,

Từ sư tử đến.

Thân lớn, mắt tròn,

Rong chơi đồng trống,

Ghét bỏ vợ con,

Từ loài cọp đến.

Lông dài, mắt nhỏ,

[164a] Ít có giận hờn,

Chẳng ở một nơi,

Từ loài chim đến.

Tính không tráo trở,

Thích việc giết hại,

Chỉ ưa hang gò,

Từ loài chồn đến.

Giọng nhỏ, yếu đuối,

Nhẹ nghiệp dâm dục,

Chẳng thương vợ con,

Từ loài sói đến.

Không thích sắc đẹp,

Rình bắt kẻ gian,

Ngủ ít, hay săn,

Từ loài chó đến.

Thân thấp, lông dài,

Tham ăn, mê ngủ,

Chẳng thích chỗ sạch,

Từ loài heo đến.

Lông vàng, lãng xãng,

Thích ở núi rừng,

Tham ăn hoa quả,

*Từ loài khỉ đến,
Mặt mày gian dối,
Không hề ngại khó,
Thường hay phản phúc,
Từ loài quạ đến,
Đam mê sắc dục,
Tình nghĩa chẳng màng,
Tâm không ghi nhớ,
Từ bò câu đến,
Tính hay trái nghịch,
Luận biện, nhân nại,
Bất hiếu mẹ cha,
Loài tu hú đến,
Chẳng biết phép tắc,
Và điều sai trái,
Suốt đời ngu si,
Từ loài dê đến,
Ưu dối, thích bàn,
Thân gần hào phú,
Mọi người thương mến,*

*Loài anh vũ đến.
Hành động vội vàng,
Thích chôn đông người,
Nói năng rườm rà,
Loài chim sáo đến.
Bước đi khoan thai,
Lòng đầy mưu kế,
Hại nhiều sinh vật,
Từ loài hạc đến.
Thân nhỏ, háo dâm,
Ý không chuyên định,
Thấy sắc mê đắm,
Từ chim sẻ đến.
Mắt đỏ, răng ngắn,
Nói phun nước bọt,
Nằm thì co thân,
Từ loài rắn đến.
Lời đầy phẫn hận,
Chẳng xét nghĩa ân,
Miệng tuôn lời độc,*

Từ chim trâm⁷⁶⁷ đến.

Độc cư, tham ăn,

Giọng nói tất nghẹn,

Đêm thường ít ngủ,

Từ loài mèo đến.

Đào tường trộm cắp,

Tham tiền, sợ hãi,

Chẳng biết lạ quen,

Từ loài chuột đến.

Xem kỹ tướng mạo,

Biết rõ ngọn nguồn.

3. Tướng ngựa quý:

Thân cao, hay sợ,

Lông tóc quăn thân,

Áo quần dơ bẩn,

Từ ngựa quý đến.

Dâm dật, xan tham,

Ghét người thành tựu,

Chẳng ưa bố thí,

Từ ngựa quý đến.

⁷⁶⁷ Trâm 鴛: tên một loài chim, lông có chất cực độc.

Bất hiếu mẹ cha,
[164b] Lớn nhỏ trong nhà,
Chạm liền tranh cãi,
Từ ngã quỷ đến.
Tâm không thành tín,
Việc làm vì mình,
Sức yếu, trí hèn,
Từ ngã quỷ đến.
Tắt tiếng khàn giọng,
Giận dữ bất thường,
Thích ăn đồ nóng,
Từ ngã quỷ đến.
Của cải ít ỏi,
Nghèo nàn túng thiếu,
Người trí chê cười,
Từ ngã quỷ đến.
Nhà không thờ Phật,
Chẳng thích nghe pháp,
Đứt đường sinh thiên,
Từ ngã quỷ đến.

*Không dạy vợ con,
Anh em, chị em,
Mọi người ghét bỏ,
Từ ngã quỷ đến.
Sống đời cô độc,
Không người chăm sóc,
Chung quy thụ báo,
Chẳng lia duyên xưa,
Ý chí nhỏ hẹp,
Không thích trang sức,
Việc làm kém hèn,
Từ ngã quỷ đến.
Làm không kết quả,
Chỉ chuốc phiền muộn,
Bị người xưa đuổi,
Từ ngã quỷ đến.
Việc làm thất bại,
Chẳng xét căn nguyên,
Không nghe can gián,
Từ ngã quỷ đến.*

Chẳng thích chỗ vắng,

Ưa ở cầu xí,

Điện mạo bản thủ,

Từ thân gió⁷⁶⁸ đến.

Thân lớn, luôn vui,

Ham muốn ăn thịt,

Chỉ thích miếu thần,

Từ dạ-xoa⁷⁶⁹ đến.

Hay sân, ưa đấu,

Thấy vật tham đắm,

Không thể lãng quên,

Từ dạ-xoa đến.

Ngươi thấy rợn gáy,

Mắt nhìn dăm dăm,

Như mắt vật gì,

Từ la-sát đến.

Thân óm, da mỏng,

Nhan sắc tươi hòa,

Nghe nhạc vui thích,

⁷⁶⁸ Thần gió (phong thần 風神): vị thần quyền thuộc của đức Thiên Thủ Quán Âm, được xếp vào hai mươi tám bộ chúng. Hình tượng của thần gió thì trên lưng có mang cái túi, hiện dáng vẻ như đang phát động ra gió.

⁷⁶⁹ Dạ-xoa 夜叉 (S: yakṣa): loài quỷ ở trên mặt đất hoặc trong hư không, dùng oai thế não hại người hoặc giữ gìn chính pháp. Đây là một trong tám bộ chúng.

Càn-thát-bà⁷⁷⁰ đến.

Ý thích phiêu bông,

Thoa ướp hương thơm,

Có nhiều tài nghệ,

Càn-thát-bà đến.

Thường thích ca múa,

Nam nữ sánh vai,

Nói trước cười sau,

Chân-đà-la⁷⁷¹ đến.

Tính tình mềm mỏng,

Hiểu rõ thời tiết,

Thường đoạn phiên nã,

Chân-đà-la đến.

Đây tướng ngạ quỷ,

Dạ-xoa, la-sát.

4. Tướng a-tu-la:

Sau đây lược nói,

Tướng a-tu-la,

Mặt vuông, mắt tròn,

⁷⁷⁰ Càn-thát-bà 乾闥婆 (Cg: càn-đạp-hoà; S: gandharva): vị thần chuyên tấu nhạc trong các bữa tiệc ở thiên đình. Theo truyền thuyết, vị thần này có vua và quyền thuộc rất đông, không ăn thịt uống rượu, chỉ hưởng mùi hương.

⁷⁷¹ Chân-đà-la 甄陀羅: bộ thứ bảy trong tám bộ chúng.

*Tóc hoe, thân vàng,
Biết đủ ngành nghề ,
A-tu-la⁷⁷² đến.*

*Nhìn thẳng phía trước,
Dáng vẻ tự tin,
Gặp thù liền đánh,
A-tu-la đến.*

[164c] 5. Tướng người:

*Biết nơi sinh về,
Chấp chặt không quên,
Hiểu rõ sự nghiệp,
Từ cõi người lại.
Biết rõ hư dối,
Tự mình không làm,
Việc làm bình đẳng ,
Từ cõi người lại.
Lời thiện và ác,
Chẳng hề lãng quên,
Không tin gian dối,*

⁷⁷² A-tu-la 阿修羅 (S: Asura): một loại quỷ thần hiếu chiến của Ấn Độ bị xem là ác thần và thường tranh đấu với trời Đế Thích.

Từ cõi người lại.

Tham dâm, ganh ghét,

Tâm chấp khó bỏ,

Hiếu rồ tập tục,

Từ cõi người lại.

Tín tâm bố thí,

Rõ pháp, phi pháp,

Lòng không thiên vị,

Từ cõi người lại.

Chẳng phí thời gian,

Cũng không biếng nhác,

Cung kính thánh hiền,

Từ cõi người lại.

Nếu gặp sa-môn,

Trì giới, đa văn,

Dốc lòng phụng sự,

Từ cõi người lại.

Cúng dường chư Phật,

Chính pháp, chúng tăng,

Tùy thời nghe pháp,

Từ cõi người lại.

Nghe pháp biết rõ,

Thấy ác không làm,

Mau về niết-bàn,

Từ cõi người lại.

Đây là lược nói,

Tướng mạo cõi người.

6. Tướng trời:

Nương núi Tu-di,

Có năm tầng trời,

Tùy nghiệp đã tạo,

Nên tướng chẳng đồng.

Lưng nhỏ, chân to,

Thường hay cười mỉm,

Nên biết người này,

Từ Khúc thiên⁷⁷³ đến.

Thích lễ nhiệm màu,

Vật chất thiếu thốn,

Sợ thấy đấu tranh,

Thi-khí thiên⁷⁷⁴ đến.

⁷⁷³ Khúc thiên 曲天: vị trời thổi sáo, trụ ở viện Kim Cương bộ, ngoài mạn-đồ-la Thai Tạng giới, mật giáo.

*Da trắng, cao to,
Dung mạo đoan chính,
Không thích ánh lửa,
Kì-bà thiên⁷⁷⁵ đến.
Người luôn vui vẻ,
Nghe ác chẳng sợ,
Cũng không làm ác,
Hóa Lạc thiên⁷⁷⁶ đến.
Tư duy nhẫn, khổ,
Khéo phân biệt nghĩa,
Hiếu kính mẹ cha,
Tì-sa thiên⁷⁷⁷ đến.
Không thích ngủ nhà,
Vui chơi rừng núi,
Chẳng màng nữ sắc,
Từ nhị thiên⁷⁷⁸ đến.
Của cải tuy nhiều,
Sinh nhà ti tiện,*

⁷⁷⁴ Thi-khí thiên 尸棄天: vua cõi trời Đại Phạm thuộc Sơ thiên, cõi Sắc. Phạm Thiên vương tên là Thi-khí, rất tin chính pháp, thường gặp Phật ra đời.

⁷⁷⁵ Kì-bà thiên 耆婆天: vị trời có thọ mạng dài lâu, hầu cận hai bên trời Đê Thích.

⁷⁷⁶ Hóa Lạc thiên 化樂天 (S: Nirmānarati-deva): cõi trời thứ năm trong sáu tầng trời cõi Dục.

⁷⁷⁷ Tì-sa thiên 毘沙天 (S: Vaiśravaṇa): vị trời thủ hộ Phật pháp, trụ ở phía bắc núi Tu-di, trấn giữ phương bắc cõi Diêm-phù-đề.

⁷⁷⁸ Nhị thiên thiên 二禪天 (S: dvitīya-dhyāna): tầng trời thứ hai trong bốn tầng trời cõi Sắc.

Tâm ưa thanh tịnh,
Cõi tam thiên⁷⁷⁹ đến.
Làm theo ý mình,
Công việc chẳng thông,
Mong ước nguyện thành,
Viêm-ma thiên⁷⁸⁰ đến.
Thích dâm, bất chính,
Không giữ vợ mình,
Bị quỷ sai khiến,
[165a] Tha Hóa thiên⁷⁸¹ đến.
Cung phụng cha mẹ,
Thường giữ phép tắc,
Theo người học hỏi,
Đâu-suất thiên⁷⁸² đến.
Phi pháp cầu đạo,
Tâm không tham tiếc,
Không thích tại gia,
Từ Phạm thiên⁷⁸³ đến.

⁷⁷⁹ Tam thiên 三天 (Gđ: Tam Thiên thiên): tầng trời thứ ba trong bốn tầng trời cõi Sắc. Vì liả Hi của cõi thiên thứ hai, lại sinh lạc tĩnh diệu, nên gọi là Li hi diệu lạc địa. Ý thức của cõi này rất tĩnh diệu nên gọi là Lạc thụ.

⁷⁸⁰ Viêm-ma thiên 炎摩天 (S: Yama): cõi trời thứ ba trong sáu tầng trời cõi Dục.

⁷⁸¹ Tha Hóa thiên 他化天 (S: Para-nirmita-vaśa-vartin): cõi trời thứ sáu trong sáu tầng trời cõi Dục.

⁷⁸² Đâu-suất thiên 兜率天 (S: Tuṣita): cõi trời thứ tư trong sáu tầng trời cõi Dục.

*Tâm muốn chân thật,
Ý ham ngủ nghỉ,
Không hiểu Phật pháp,
Vô Tướng thiên⁷⁸⁴ đến.
Chúng sinh sáu đường,
Đều có căn nguyên,
Tính, hạnh sai khác,
Ý chí chẳng đồng.*

XXVII.3. Lòng tin

Kinh *Na-tiên tì-kheo vấn Phật* ghi: “Bấy giờ, vua Di-lan hỏi tì-kheo a-la-hán Na-tiên:

- Người thế gian làm ác suốt đời, lúc sắp chết nhờ niệm Phật mà sau đó được sinh lên trời, trăm không tin lời ấy. Lại nữa, nếu giết một chúng sinh, chết liền đọa địa ngục, trăm cũng không tin.

Tì-kheo Na-tiên hỏi:

- Như người ném viên đá nhỏ xuống nước, đá nổi hay chìm?

Nhà vua trả lời:

- Đá chìm.

Na-tiên hỏi:

- Nếu chất trăm hòn đá lớn lên thuyền, thì thuyền có chìm không?

⁷⁸³ Phạm thiên 梵天 (S: brahmā): vị trời ở tầng thứ ba thuộc Sơ thiên ở cõi Sắc.

⁷⁸⁴ Vô Tướng thiên 無想天 (S: Asañjñisattvāh): một trong các tầng trời cõi Sắc, tức quả báo dị thực do tu vô tướng định chiêu cảm.

Vua đáp:

- Không chìm.

Na-tiên lại hỏi:

- Vì nhờ có thuyền nên đá không chìm. Người tuy tạo ác, nhưng nhờ nhất thời niệm Phật mà không đọa địa ngục, được sinh lên trời, sao lại không tin? Hòn đá nhỏ kia bị chìm cũng như người làm ác mà không biết tụng kinh niệm Phật, sau khi chết liền đọa địa ngục, sao cũng không tin?

Vua nói:

- Tuyệt thay! Tuyệt thay!

Tì-kheo Na-tiên nói:

- Như hai người cùng chết, một người sinh lên cõi Phạm thiên, một người sinh vào nước Kế-tân. Hai người này nơi sinh xa gần tuy khác nhau, nhưng khi chết cùng sinh đến một lúc. Như có hai con chim, một con đậu trên cao, một con đậu ở cành thấp, khi hai con chim cùng bay thì bóng của chúng đều in xuống mặt đất.

Tì-kheo Na-tiên nói tiếp:

- Như người ngu làm ác thì chuốc lấy họa lớn, người trí làm ác thì chịu họa nhỏ. Thí như có thanh sắt nung đang nằm trên đất, một người biết đó là sắt nung, còn một người không biết. Hai người cùng đến lấy thanh sắt, nhưng người không biết thì bị phỏng nặng, người biết không bị phỏng. Làm ác cũng như thế. Người ngu vì không thể tự mình sám hối nên chuốc lấy họa lớn, người trí làm ác, nhưng biết đó là việc không nên làm, hàng ngày sám hối tội lỗi nên chịu họa nhỏ”.

Kinh *Tứ phẩm học* ghi: “Người đời có kẻ chẳng bằng loài vật, loài vật có con lại hơn người. Vì sao? Người gây tội ác không biết dừng, nên chết đọa vào địa ngục.[165b] Hết tội địa ngục chuyển làm ngựa quý, hết tội ngựa quý thì chuyển làm súc sinh, hết tội súc sinh mới trở lại làm người. Vì hết tội súc sinh mới được làm người, do đó phải siêng năng làm điều thiện, vâng

theo lời dạy của tam bảo, vĩnh viễn xa lìa ba đường ác, hưởng phúc trời người, sau sẽ được giải thoát”.

Kinh *Tứ thập nhị chương* ghi: “Đức Phật dạy trong đời có năm điều khó:

1. Nghèo cùng bố thí là khó
2. Giàu sang học đạo là khó
3. Giữ mạng không chết là khó
4. Thấy được kinh Phật là khó
5. Gặp Phật ra đời là khó”.

Kinh *Tạp thí dụ* ghi: “Trong đời có mười tám điều khó:

1. Gặp Phật ra đời là khó
2. Giả sử gặp Phật, nhưng được làm người là khó
3. Giả sử được làm người, nhưng sinh ở thành thị là khó
4. Giả sử sinh ở thành thị, nhưng sinh trong gia đình giòng dõi cao quý là khó
5. Giả sử sinh trong gia đình giòng dõi cao quý, nhưng được thân căn đầy đủ là khó
6. Giả sử thân căn đầy đủ, nhưng có nhiều tài sản là khó
7. Giả sử có nhiều tài sản, nhưng gặp thiện tri thức là khó
8. Giả sử gặp thiện tri thức, nhưng có trí tuệ là khó
9. Giả sử có trí tuệ, nhưng có thiện tâm là khó
10. Giả sử có thiện tâm, nhưng hay bố thí là khó

11. Giả sử hay bố thí, nhưng muốn trở thành người hiền thiện, gặp bậc có đức là khó
12. Giả sử trở thành người hiền thiện, gặp bậc có đức, nhưng đến nương tựa được là khó
13. Giả sử đến được, nhưng được thích nghi là khó
14. Giả sử đã thích nghi, nhưng để nghe thuyết pháp là khó
15. Giả sử được nghe thuyết pháp, nhưng có trí tuệ hiểu đúng là khó
16. Giả sử hiểu đúng, nhưng thọ trì được kinh có nghĩa lý sâu xa là khó
17. Giả sử thọ trì được kinh có nghĩa lý sâu xa, nhưng y kinh tu hành là khó
18. Giả sử thọ trì được kinh có nghĩa lý sâu xa, y kinh tu hành, nhưng chứng đắc thánh quả là khó”.

Kinh *Tội nghiệp báo ứng* có bài kệ:

Dòng chảy thường không đầy,

Lửa mạnh chẳng cháy lâu,

Mặt trời mọc rồi lặn,

Trăng tròn rồi lại khuyết,

Dù giàu sang, quyền quý,

Cũng thoáng chốc qua mau.

Thế nên, thân người khó được mà dễ mất, vì dễ mất nên không sinh tâm tham đắm. Nên biết, thân người đến gần cái chết trong từng niệm, như heo, dê bị dẫn đến lò mổ. Vì vậy, kinh *Niết-bàn* ghi: “Quán thân mạng này thường bị vô số oán thù nhiều hại, mạng sống giảm dần trong từng niệm, giống như nước chảy xiết không thể dừng lại, [165c] cũng như sương sớm

chóng tan, lại như kẻ tử tù bị dẫn đến pháp trường, từng bước từng bước đến gần cái chết”.

Kinh *Ma-na* có bài kệ:

*Thí như Chiên-đà-la*⁷⁸⁵,

Lừa trâu đến lò mổ,

Mỗi bước gần chỗ chết,

Mạng người còn mau hơn.

Kinh *Thúc-ca* ghi: “Bà-la-môn Thúc-ca bạch Phật:

- Người tại gia có thể tu phúc đức, gieo trồng căn lành thì sẽ hơn người xuất gia, việc ấy thế nào?

Đức Phật dạy:

- Vấn đề này không nhất định. Người xuất gia nào không tu căn lành thì không bằng người tại gia thường gieo trồng căn lành”.

Tam thiên oai nghi ghi: “Những việc người xuất gia thường làm là tọa thiền, tụng kinh, khuyến hóa. Nếu đầy đủ ba việc này thì đó là người xuất gia đúng pháp, nếu không thực hành thì đó là kẻ sống thừa chết uổng, chỉ gây nhân đau khổ mà thôi”.

Kinh *Bách dụ* ghi: “Xưa có người cần dùng đến lửa và nước lạnh. Anh ta liền bắt một nồi nước lạnh lên trên đống lửa ủ qua đêm. Sau đó, anh ta muốn lấy lửa thì lửa đã tắt, muốn lấy nước lạnh thì nước đã nóng. Cả nước lạnh và lửa đều không được. Người thế gian xuất gia cầu đạo trong Phật pháp, còn nghĩ đến vợ con và năm dục, nên mất lửa công đức và cả nước giữ giới. Người tu hành nghĩ đến ái dục cũng lại như vậy”.

Có bài tụng:

⁷⁸⁵ Chiên-đà-la 旃陀羅 (S: caṇḍāla): giai cấp thấp nhất trong xã hội Ấn Độ, luôn làm nô lệ cho ba chủng tính Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, Phệ-xá. Ba chủng tính trên có quyền tụng niệm Phệ-đà và cúng tế, và cho là sau khi chết, họ được đầu thai lại nhân gian, còn Thủ-đà-la không được tụng kinh cúng tế, cũng không được đầu thai chuyển sinh.

*Thiện ác khác nhau,
Thánh phàm chung cõi,
Năm âm dẫu đồng,
Sáu đường khác lối.
Xem xét tướng trạng,
Tự biết nghiệp xưa,
Khổ vui khác hình,
Đâu thể ngăn dứt?
Quảng An dịch*

CHỮ KINH YẾU TẬP

QUYỂN 18

XXVIII. ĐỊA NGỤC

Gồm bảy phần: Lời dẫn, Tổng hợp các tên, Thụ quả báo, Thời gian chịu tội, Tên các vị chủ ngục, Cung điện của vua Diêm-la, Nghiệp nhân và khuyên răn.

XXVIII.1. Lời dẫn

[166a] Ngăn dòng chảy không bằng lấp nguồn, khuấy nước sôi không bằng dập tắt lửa. Bởi vì nguồn tạo thành dòng, không lấp nguồn thì dòng chảy mãi; lửa đỏ nước sôi, không dập lửa thì nước sôi hoài. Cho nên, có người lấp nguồn thì không cần ngăn dòng mà nước tự khô; có kẻ dập lửa thì không cần khuấy nước sôi mà nước tự nguội. So với điều này thì sẽ rõ về việc đoạn dứt nhân quả. Như nhàm chán quả đầu bằng đoạn dứt ngay nhân, lo sợ khổ đầu bằng không làm ác. Nhân sinh quả, chưa đoạn nhân thì quả vẫn còn; ác gây nên khổ, chưa dứt ác thì khổ kéo dài. Thế nên, kẻ sĩ đoạn nhân thì không cần nhàm quả mà quả tự diệt; bậc hiền không làm ác thì không cần sợ khổ mà khổ tự lìa. Phạm bậc quân tử viết điều này để răn nhắc ư?

XXVIII.2. Tổng hợp các tên

Hỏi: Địa ngục là gì?

Đáp: Luận *Lập thế a-tì-đàm* ghi: “Địa ngục, tiếng Phạn là Nê-lê-da, nghĩa là không an vui, không sung sướng, không ra khỏi, không có phúc đức và do không dứt trừ các việc ác nên rơi vào đó.

Lại nói: Địa ngục là nơi thấp hèn nhất trong cõi Dục, nên gọi là phi đạo. Vì vậy, nên gọi địa ngục là Nê-lê-da”.

Luận *Bà-sa* gọi địa ngục là không tự tại, nghĩa là người tội bị ngục tốt giam giữ, không được tự do, nên gọi là địa ngục, cũng gọi là không đáng ưa thích.

Lại nữa, địa (*đất*) là đáy, nơi thấp nhất trong muôn vật, nên gọi là đáy. Ngục là bó buộc, nơi không được tự tại, nên gọi là địa ngục.

Lại nữa, Nê-lê là tiếng Phạn, Trung Hoa dịch là Vô hữu, nghĩa là trong địa ngục không có lợi ích.

[166b] Hỏi: Địa ngục có nhiều loại, hoặc ở dưới lòng đất, hoặc ở trên mặt đất, hoặc giữa hư không, vì sao đều gọi là địa ngục?

Đáp: Cự dịch địa ngục là những nơi chật hẹp, không bao gồm trên mặt đất hay trong hư không. Nay căn cứ vào các kinh luận tân dịch⁷⁸⁶, chính âm bản Phạn là Na-lạc-ca, hoặc Nại-lạc-ca, nghĩa là tất cả những nơi mà con người chiêm cảm quả khổ.

Lại nữa, luận *Tân Bà-sa* ghi:

Hỏi: Vì sao nơi ấy gọi là Nại-lạc-ca?

Đáp: Những chúng sinh trong đó không an vui, không biết yêu thương, sống vô nghĩa, không có lợi ích, không vui sướng, nên gọi là Nại-lạc-ca.

Có thuyết nói những chúng sinh kia vào thời quá khứ, thân khẩu ý đã gây tạo nghiệp ác sâu dày, đến địa ngục lại tiếp tục tạo ác, nên gọi là Nại-lạc-ca.

Lại có thuyết nói vì chúng sinh nơi ấy bị treo ngược nên gọi là Nại-lạc-ca.

Như bài tụng:

Trong ngục bị dốc ngược,

Chân treo đầu cúi xuống,

Do hủy báng chư Phật,

Bậc tịnh tu khổ hạnh.

⁷⁸⁶ Tân dịch 新譯: những bản kinh được dịch từ ngài Huyền Trang về sau.

Có thuyết cho Nại-lạc là người, ca là ác. Người ác sinh vào nơi này nên gọi Nại-lạc-ca.

Hỏi: Vì sao gọi nơi rộng lớn và thấp nhất là địa ngục Vô gián?

Đáp: Nơi ấy thường chịu khổ báo, không có giây phút nào vui sướng, nên gọi là vô gián.

Hỏi: Trong các địa ngục khác, phải chăng có ca múa, ăn uống, hưởng quả báo vui sướng dị thực, nên không gọi là vô gián?

Đáp: Trong các địa ngục khác, tuy không có quả vui dị thực⁷⁸⁷, nhưng có niềm vui đẳng lưu⁷⁸⁸.

Như luận *Thi thiết* ghi: “Trong địa ngục Đẳng hoạt, có khi gió mát thổi đến làm máu thịt của tội nhân sinh ra trở lại, có lúc phát ra âm thanh “Đẳng hoạt” (*sống lại*), thì những chúng sinh trong đó bỗng nhiên sống lại. Chỉ trong thời gian máu thịt lành lặn và sống lại như thế, tội nhân tạm được vui sướng, gián đoạn đau khổ, nên không gọi là Vô gián”.

XXVIII.3. Thụ quả báo

Luận *Tân Bà-sa* ghi:

Hỏi: Ngục ở đâu?

Đáp: Phần lớn ở dưới lòng đất châu Nam Thiệm-bộ⁷⁸⁹.

Hỏi: Bố trí thế nào?

Đáp: Có thuyết cho rằng, từ châu Nam Thiệm-bộ này thẳng xuống dưới bốn mươi nghìn do-tuần là đáy của địa ngục Vô gián.

Địa ngục Vô gián dài, cao, rộng đều hai mươi nghìn do-tuần. Trên địa ngục này, trong khoảng mười chín nghìn do-tuần, có bảy địa ngục. Theo thứ tự từ dưới lên trên là địa ngục Thiêu nướng lớn, địa ngục Thiêu nướng, địa

⁷⁸⁷ Dị thực 異熟 (S: vipāka): quả báo thành thực do chiêu cảm nghiệp thiện, ác ở thời quá khứ, nhưng tính chất quả khác với nhân.

⁷⁸⁸ Đẳng lưu 等流 (S: niṣyanda): cùng một dòng, chỉ cho những pháp có cùng một đặc tính.

⁷⁸⁹ Châu Nam Thiệm-bộ (Nam Thiệm-bộ châu 南瞻部州): tức Diêm-phù-đê, chỉ chung cho thế giới nhân gian.

ngục Kêu gào lớn, địa ngục Kêu gào, địa ngục Chúng hợp, địa ngục Dây đen, địa ngục Đẳng hoạt. Bảy địa ngục này, mỗi ngục dài rộng mười nghìn do-tuần; [166c] một nghìn do-tuần còn lại, thì năm trăm do-tuần là đất sét trắng, năm trăm do-tuần là đất bùn.

Có thuyết cho là dưới lớp đất bùn này, có địa ngục Vô gián nằm ở giữa, còn bảy địa ngục kia bao bọc xung quanh, giống như ngày nay các thôn làng bao quanh thành lớn.

Hỏi: Như vậy, nếu theo luận *Thi thiết* hỏi thì giải thích thế nào đây? Luận nói: chu vi của châu Nam Thiệm-bộ là sáu nghìn không trăm lẻ ba phẩy năm do-tuần, mà ở đây nói mỗi một địa ngục dài rộng như thế. Vậy thì dưới lòng đất của châu này làm sao có thể dung chứa hết được?

Đáp: Châu Nam Thiệm-bộ này trên nhỏ, dưới to, giống như đồng lúa, nên có thể dung chứa. Do đó, trong kinh thường nói bốn biển lớn càng xuống càng sâu. Lại nữa, mỗi một địa ngục lớn có thêm mười sáu địa ngục Du tăng⁷⁹⁰. Nghĩa là mỗi địa ngục lớn có bốn cửa, bên ngoài mỗi cửa có thêm bốn địa ngục:

1. Địa ngục Tro nóng: trong địa ngục này, tro nóng ngập đến đầu gối người tội.

2. Địa ngục Phân tiểu: địa ngục, ngập đầy phân và nước tiểu.

3. Địa ngục Dao nhọn: địa ngục này, có ba loại: một, đường dao, nghĩa là trong địa ngục này, trái dao nhọn làm đường; hai, rừng lá kiếm, nghĩa là lá cây trong rừng này toàn bằng mũi kiếm bén nhọn; ba, rừng gai sắt, nghĩa là trong rừng này toàn là gai sắt bén nhọn, dài mười sáu ngón tay. Ba loại này tuy khác dạng, nhưng đều là rừng sắt, cho nên thuộc về địa ngục Du tăng.

4. Địa ngục Sông nóng lớn: trong địa ngục này, có bốn sông lớn, nước trong đó vừa nóng vừa mặn.

Mười sáu địa ngục Du tăng cộng với địa ngục chính, thành mười bảy địa ngục. Như vậy, tám địa ngục lớn và các địa ngục nhỏ phụ thuộc, tổng cộng

⁷⁹⁰ Địa ngục Du tăng (Du tăng địa ngục 薩增地獄): địa ngục làm tăng thêm sự khổ não cho người tội.

có một trăm ba mươi sáu địa ngục. Cho nên, kinh nói có một trăm ba mươi sáu Nại-lạc-ca.

Vì vậy, kinh *Trùng a-hàm* ghi: Có tất cả tám địa ngục lớn, mỗi địa ngục lớn có mười sáu địa ngục nhỏ bao quanh. Giống như bên ngoài bốn châu thiên hạ có tám nghìn thiên hạ bao quanh. Bên ngoài tám nghìn thiên hạ lại có biển lớn. Bên ngoài biển lớn lại có núi Đại Kim Cương. Bên ngoài núi Đại Kim Cương này lại có núi cũng tên là Kim Cương (Kinh Lâu thán gọi là núi Thiết-vi lớn). Giữa hai núi này là một cảnh giới tối tăm, ánh sáng của mặt trời, mặt trăng và hào quang của chư thiên cũng không thể soi chiếu đến được.

Tám địa ngục lớn: địa ngục Tường; địa ngục Dây đen; địa ngục Ép chặt; địa ngục Kêu gào; địa ngục Kêu gào lớn; địa ngục Thiêu nướng; địa ngục Thiêu nướng lớn và địa ngục Vô gián

(Kinh Lâu thán và các kinh khác gọi tên không giống nhau là do phiên âm khác nhau).

1. Địa ngục Tường có mười sáu địa ngục nhỏ. Chúng sinh trong địa ngục này tay mọc móng sắt, do lòng sân hận nên dùng móng cào cấu nhau, làm cho thịt của tay rớt xuống. Thế rồi, họ tưởng mình đã chết, nên gọi là địa ngục Tường.

Lại nữa, chúng sinh trong địa ngục này có ý nghĩ độc hại, nên tay cầm dao kiếm đâm chém lẫn nhau, lột da, xẻ thịt, bầm nát thân thể, nát như trên đất. Thế rồi, họ [167a] tưởng mình đã chết, nhưng bỗng cơn gió lạnh thổi đến làm họ sống lại và liền nghĩ: “Ta nay đã sống lại”.

Tội nhân chịu khổ trong thời gian dài, mới ra khỏi địa ngục Tường, lại hốt hoảng cầu cứu, nhưng không ngờ lại vào địa ngục Cát đen. Bấy giờ, một cơn gió nóng bốc lên dữ dội, thổi cát đen nóng bay tấp vào thân người tội, thiêu đốt da thịt tận cả xương tủy. Sau đó, thân họ có lửa dữ nổi lên, toàn thân bị thiêu đốt. Nhưng vì tội lỗi chưa hết, nên tội nhân không thể chết được.

Tội nhân chịu khổ trong thời gian dài, mới ra khỏi địa ngục Cát đen, lại vào địa ngục Phân tiểu. Trong địa ngục này, có những hòn sắt bằng phân

tiểu tự nhiên đầy dẫy trước mặt, ngực tốt đuôi bắt, bức ép người tội phải ôm hòn sắt nóng, làm thiêu cháy thân thể và tay chân; lại khiến người tội bốc hòn sắt nóng bỏ vào miệng, từ cổ họng đến bụng, thẳng xuống dưới đều bị đốt cháy. Lại có trùng mỏ sắt rĩa thịt đến tận xương tủy, đau đớn vô cùng. Nhưng vì tội lỗi chưa hết, nên tội nhân không thể chết được.

Tội nhân chịu khổ trong thời gian dài, mới ra khỏi địa ngục Phân tiểu, lại vào địa ngục Đinh sắt. Bấy giờ, ngực tốt bắt tội nhân nằm trên sắt nóng, căng thân họ ra rồi đóng đinh vào tay chân, đồng thời đóng năm trăm cái đinh khắp cả thân thể. Họ đau đớn kêu gào mà vẫn không chết.

Tội nhân chịu khổ trong thời gian dài, mới ra khỏi địa ngục Đinh sắt, lại vào địa ngục Đói. Ngực tốt bắt tội nhân nằm trên giường sắt nóng, rót nước đồng sôi vào miệng, từ cổ họng đến bụng, thẳng xuống dưới đều bị đốt cháy. Nhưng vì chưa hết tội lỗi, nên tội nhân không thể chết được.

Tội nhân chịu khổ trong thời gian dài, mới ra khỏi địa ngục Đói, lại vào địa ngục Khát. Ngực tốt bắt tội nhân nằm trên sắt nóng, lấy hòn sắt nóng bỏ vào miệng, đốt cháy môi miệng, thẳng đến dưới đều bị thiêu đốt. Họ đau đớn vô cùng, khóc la thảm thiết.

Tội nhân chịu khổ trong thời gian dài, mới ra khỏi địa ngục Khát, lại vào địa ngục Một chảo đồng sôi. Ngực tốt trừng mắt, xách ngược người tội ném vào trong chảo, theo nước sôi sùng sục, trôi lên hụp xuống, toàn thân chín rục, muôn khổ ập đến mà vẫn không chết.

Tội nhân chịu khổ trong thời gian dài, mới ra khỏi địa ngục Một chảo đồng sôi, lại vào địa ngục Nhiều chảo đồng sôi. Ngực tốt xách ngược tội nhân ném vào trong chảo, theo nước sôi sùng sục, trôi lên hụp xuống, toàn thân chín rục; lại dùng móc sắt móc tội nhân ném qua chảo khác. Họ đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết mà vẫn không chết.

Tội nhân chịu khổ trong thời gian dài, mới ra khỏi địa ngục Nhiều chảo đồng sôi, lại vào địa ngục Cối đá. Ngực tốt bắt người tội nằm trên đá nóng, kéo dang tay chân, dùng tảng đá nóng lớn đè lên thân người tội, chà đi xát lại làm cho xương thịt tan nát. Họ đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết mà vẫn không chết.

Tội nhân chịu khổ trong thời gian dài, mới ra khỏi địa ngục Cối đá, lại vào địa ngục Máu mù. Tội nhân chạy đông chạy tây ở trong máu mù sôi trào, toàn thân bị phỏng, đầu mặt tan nát; lại tự uống nước máu mù, trôi thẳng xuống dưới. Họ đau đớn không thể chịu nổi mà vẫn không chết.

Tội nhân chịu khổ trong thời gian dài, mới ra khỏi địa ngục Máu mù, [167b] lại vào địa ngục Đong lửa. Có đồng lửa lớn cháy hừng hực, ngục tốt đuổi bắt, bức ép người tội, tay cầm hộc sắt nóng để đong lửa. Tội nhân bị lửa cháy khắp thân, nóng bức đau đớn, rên rỉ khóc la mà vẫn không chết.

Tội nhân chịu khổ trong thời gian dài, mới ra khỏi địa ngục Đong lửa, lại vào địa ngục Sông tro. Địa ngục này ngang, dọc, sâu, rộng năm trăm do-tuần, nước tro sôi sùng sục, khí độc xông lên ngùn ngụt, sóng lớn cuộn cuộn, phát ra âm thanh đáng sợ. Từ đáy sông lên đến mặt sông đầy gai sắt, trên bờ thì có rừng cây kiếm, cành lá hoa quả đều là dao kiếm. Tội nhân ở dưới sông, theo sóng dập dờn nổi chìm lên xuống, gai sắt đâm khắp thân, máu mù tuôn chảy, đau đớn muôn phần mà vẫn không chết.

Tội nhân ra khỏi sông tro, bước lên bờ, bị dao kiếm đâm chém, thân thể tan nát. Lại có chó sói đến cắn người tội, ăn tươi nuốt sống xương thịt. Tội nhân leo lên cây, thì dao kiếm chĩa xuống; khi tuột xuống, thì dao kiếm chĩa lên, tay nắm thì tay đứt, đạp thì chân đứt, da thịt rơi xuống, chỉ còn xương và gân dính liền nhau. Bảy giờ, trên cây, lại có quạ mỏ sắt mỏ dầu, ăn não người tội. Họ đau đớn vô cùng, khóc la thảm thiết mà vẫn không chết, lại vào sông tro lần nữa. Tội nhân theo sóng lặn hụp, bị gai sắt đâm khắp thân, đau đớn muôn phần, da thịt tan nát, máu mù tuôn chảy, chỉ còn xương trắng trôi nổi bồng bềnh. Khi ấy, gió lạnh thổi đến, họ liền đứng dậy.

Nhưng do tội quá khứ lôi kéo, bất giác tội nhân lại vào địa ngục Hòn Sắt. Ngục tốt đuổi bắt, bức ép người tội nắm lấy hòn sắt nóng, khiến cho tay chân tan nát, toàn thân bốc lửa, muôn khổ ập đến mà vẫn không chết.

Tội nhân chịu khổ trong thời gian dài, mới ra khỏi địa ngục Hòn sắt, lại vào địa ngục Búa rìu. Ngục tốt bắt người tội nằm trên sắt nóng, dùng búa sắt nóng bằm chặt tay chân, tai, mũi. Họ đau đớn vô cùng, khóc la thảm thiết mà vẫn không chết.

Tội nhân chịu khổ trong thời gian dài, mới ra khỏi địa ngục Búa rìu, lại vào địa ngục Chó sói. Có bầy chó sói tranh nhau chạy đến cắn xé người tội, làm cho xương nát thịt rơi, máu mủ tuôn chảy. Họ đau đớn muôn phần mà vẫn không chết.

Tội nhân chịu khổ trong thời gian dài, mới ra khỏi địa ngục Chó sói, lại vào địa ngục Rừng kiếm. Khi tội nhân vào rừng kiếm, gió mạnh nổi lên, thổi lá kiếm rơi đâm thân họ, khiến cho đầu, mặt, thân thể đều bị thương tổn. Lại có quạ mổ sắt mổ hai mắt người tội. Họ đau đớn vô cùng, khóc la thảm thiết mà vẫn không chết.

Tội nhân chịu khổ trong thời gian dài, mới ra khỏi địa ngục Rừng kiếm, lại vào địa ngục Băng lạnh. Có cơn gió lạnh buốt thổi vào người tội, làm cho toàn thân lạnh cóng, da thịt rơi rụng. Họ đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết, sau đó mạng chung.

Thân, khẩu, ý tạo nhiều điều ác sẽ bị rơi vào địa ngục Tường này. Đau khổ như thế, nghĩ sợ vô cùng!

[167c] 2. Địa ngục Dây đen lớn có mười sáu địa ngục nhỏ bao bọc xung quanh, mỗi ngục dài, rộng năm trăm do-tuần. Vì sao gọi là địa ngục Dây đen? Ở đó, ngục tốt bắt người tội nằm trên sắt nóng, căng thân thể ra, dùng dây sắt nóng vạch thành đường thẳng, rồi theo vết sợi dây lấy búa sắt nóng chặt người tội thành trăm nghìn đoạn; lại dùng dây sắt vạch thành đường, rồi lấy cưa xẻ; lại treo dây sắt nóng ngang dọc vô số, đuổi bắt, bức ép người tội đi giữa những sợi dây. Bỗng có cơn gió lốc nổi lên, thổi những sợi dây sắt quấn quanh thân người tội, đốt da, lóc thịt, cháy xương, sôi tủy, đau đớn muôn phần. Nhưng vì chưa hết tội cũ, nên tội nhân không thể chết được. Vì vậy nên gọi là địa ngục Dây đen.

Tội nhân chịu khổ trong thời gian dài, mới ra khỏi địa ngục Dây đen, lại vào địa ngục Cát đen, cho đến địa ngục Băng lạnh, sau đó mạng chung, ra vào như thế không thể kể xiết. Sự hành hình thọ khổ trong mười sáu địa ngục kia cũng giống như trước, nhưng chịu khổ càng gấp bội. Do có tâm ác đối với cha mẹ, Phật và thanh văn, nên người này bị rơi vào địa ngục Dây đen, đau đớn không thể kể xiết.

3. Địa ngục lớn Ép chặt cũng có mười sáu địa ngục nhỏ bao quanh, mỗi ngục dài rộng năm trăm do-tuần. Vì sao gọi là địa ngục Ép chặt? Trong ngục này, có núi đá lớn, từng cặp đối nhau. Tội nhân vào đây, núi tự nhiên khép lại, đè ép thân họ, làm cho xương thịt tan nát, rồi núi trở lại vị trí cũ. Họ đau đớn muôn phần, nhưng không thể chết được.

Lại có voi sắt lớn, toàn thân bốc lửa gào rống chạy đến giẫm đạp người tội, giẫm đi giẫm lại, làm cho thân thể tan nát, máu tuôn chảy. Họ đau đớn kêu gào, khóc la thảm thiết mà vẫn không chết.

Ngục tốt lại bắt người tội nằm trên tảng đá lớn, rồi lấy tảng đá lớn khác đè lên; lại bắt người tội nằm trên đất, rồi dùng chày sắt giã từ đầu đến chân, da thịt tan nát, máu tuôn chảy, muôn khổ ập đến. Nhưng vì chưa hết tội cũ, nên tội nhân không thể chết được. Vì vậy gọi là địa ngục Ép chặt.

Tội nhân chịu khổ trong thời gian dài, mới ra khỏi địa ngục Ép chặt, lại vào địa ngục Cát đen, [168a] cho đến địa ngục Băng lạnh, sau đó mạng chung. Do tạo ba nghiệp ác (*sát sinh, trộm cắp, tà dâm*), không tu ba nghiệp thiện, nên bị rơi vào địa ngục Ép chặt, đau đớn không thể kể xiết.

4. Địa ngục lớn Kêu gào cũng có mười sáu địa ngục nhỏ bao quanh, mỗi ngục dài, rộng năm trăm do-tuần. Vì sao gọi là địa ngục Kêu gào? Ở đây, ngục tốt bắt người tội ném vào chảo lớn, lại bỏ trong nồi sắt lớn, nước sôi sùng sục, nấu rục tội nhân. Họ kêu la khóc lóc, đau đớn thống khổ; lại bắt người tội bỏ lên vỉ nướng lớn, trở qua trở lại trên ngọn lửa hồng.

Tội nhân chịu khổ trong thời gian dài, mới ra khỏi địa ngục Kêu gào, lại vào địa ngục Cát đen, cho đến địa ngục Băng lạnh, sau đó mạng chung. Do sân hận, có tâm ác độc, làm các việc ác nên bị rơi vào ngục Kêu gào.

5. Địa ngục Kêu gào lớn cũng có mười sáu ngục nhỏ bao quanh (*kích cỡ cũng giống như trước*). Vì sao gọi là địa ngục Kêu gào lớn? Ở đây, ngục tốt bắt người tội bỏ vào nồi sắt lớn, lại bỏ trong chảo sắt, nước sôi sùng sục, nấu rục tội nhân; lại ném người tội lên vỉ nướng, trở qua trở lại trên ngọn lửa hồng. Họ kêu gào khóc la, đau đớn thống khổ. Nhưng vì chưa hết tội cũ, nên tội nhân không thể chết được. Vì vậy gọi là địa ngục Kêu gào lớn.

Tội nhân chịu khổ trong thời gian dài, mới ra khỏi địa ngục Kêu gào lớn, cho đến địa ngục Băng lạnh, sau đó mạng chung. Do huân tập tà kiến, bị lưới ái lôi kéo, làm các việc đê tiện, nên bị rơi vào địa ngục Kêu gào lớn.

6. Địa ngục Thiêu nướng cũng có mười sáu địa ngục nhỏ bao quanh (*kích cỡ cũng giống như trước*). Vì sao gọi là địa ngục Thiêu nướng? Ở đây, ngục tốt bắt người tội bỏ vào thành sắt, thành sắt phát hỏa, trong ngoài đều đỏ rực, thiêu nướng người tội; lại bỏ tội nhân trên lò sắt, lò sắt phát hỏa, trong ngoài đều đỏ rực; lại ném người tội vào lò sắt lớn, lò sắt phát hỏa, trong ngoài đều đỏ rực, thiêu nướng người tội, da thịt tiêu tan, muôn khổ ập đến. Nhưng vì chưa hết tội cũ, nên tội nhân không thể chết được. Vì vậy gọi là địa ngục Thiêu nướng.

Tội nhân chịu khổ trong thời gian dài, ra khỏi địa ngục Thiêu nướng, cho đến địa ngục Băng lạnh, sau đó mạng chung. Do thiêu nướng chúng sinh, nên người này bị rơi vào ngục Thiêu nướng, nhiều kiếp chịu sự thống khổ thiêu nướng như thế.

7. Địa ngục Thiêu nướng lớn cũng có mười sáu ngục nhỏ bao quanh (*kích cỡ cũng giống như trước*). Vì sao gọi là địa ngục Thiêu nướng lớn? Ở đây, ngục tốt bắt người tội bỏ vào thành sắt, thành sắt phát hỏa, trong ngoài đều đỏ rực, thiêu nướng người tội, da thịt tiêu tan, muôn khổ ập đến. Lại có hầm lửa lớn, cháy đỏ hừng hực. Hai bên bờ hầm này lại có núi lửa lớn. Ngục tốt bắt người tội ghim vào chĩa sắt, rồi dựng đứng trong lửa, lửa lớn thiêu đốt, da thịt tan nát. Nhưng vì chưa hết tội cũ, nên tội nhân không thể chết được.

Tội nhân chịu khổ trong thời gian dài, ra khỏi địa ngục Thiêu nướng lớn, cho đến địa ngục Băng lạnh, sau đó mạng chung. Do bỏ điều thiện, làm các việc ác, nên bị rơi vào ngục Thiêu nướng lớn.

8. Địa ngục Vô gián cũng có mười sáu địa ngục nhỏ bao quanh. Vì sao gọi là Vô gián? Ở đây, ngục tốt lột da người tội từ chân đến đầu, lấy da ấy quấn thân họ, rồi đem bỏ trên nền sắt nóng, lại có bánh xe lửa nghiền nghiền qua lại, [168b] làm cho thân thể tiêu tan, da thịt nát như, muôn khổ ập đến. Nhưng vì chưa hết tội cũ, nên tội nhân không thể chết được.

Lại có thành sắt, bốn bề nổi lửa, cháy từ đông sang tây, từ tây sang đông, nam, bắc, trên, dưới cũng lại như vậy. Lửa dữ cháy khắp, không sót chỗ nào. Tội nhân chạy đông chạy tây, toàn thân bị thiêu nướng, da thịt tiêu tan, đau đớn khổ sở.

Tội nhân ở trong địa ngục này một thời gian dài, thì cửa tự nhiên mở ra. Các tội nhân liền chạy đến đó, tất cả đốt xương trên thân đều bốc lửa, nhưng gần đến cửa, thì cửa tự nhiên đóng lại. Vì chưa hết tội cũ, nên tội nhân không thể chết được.

Lại nữa, tội nhân ở trong địa ngục này, mắt thấy toàn cảnh dữ, tai nghe tiếng dữ, mũi ngửi mùi hôi, thân chạm đau đớn, ý nghĩ điều ác, chịu khổ liên tục, dù trong khoảnh khắc cũng không gián đoạn. Vì vậy gọi là địa ngục Vô gián.

Tội nhân chịu khổ trong thời gian dài, ra khỏi địa ngục Vô gián, cho đến địa ngục Băng lạnh, sau đó mạng chung. Do tạo nghiệp ác, mang tội cực nặng, nên bị rơi vào ngục Vô gián, chịu khổ không thể kể xiết.

Đây là tám địa ngục lớn, mỗi ngục đều có mười sáu địa ngục nhỏ và tội nhân thụ khổ như trên.

Lại nữa, kinh *Quán Phật tam-muội hải*⁷⁹¹ ghi: “Địa ngục A-tì dài, rộng tám nghìn do-tuần, có bảy lớp thành sắt, bảy tầng lưới sắt. Dưới có mười tám ngăn, mỗi ngăn có bảy lớp rừng dao, bảy lớp cây kiếm bao quanh. Bốn góc có bốn chó đồng lớn, thân dài rộng bốn mươi do-tuần, mắt như điện chớp, nanh như cây kiếm, răng như núi dao, lưỡi như gai sắt, lông bao quanh mình đều bốc lửa dữ, mùi khói hôi hám. Có mười tám ngục tốt, miệng như miệng dạ-xoa, có sáu mươi bốn con mắt đỏ rực như những hòn sắt nóng. Răng nanh chĩa lên cao bốn do-tuần. Đầu mỗi nanh phun ra lửa, đốt xe sắt phía trước. Cằm xe cũng phun ra lửa, phát ra đao kiếm bén nhọn, đốt cháy thành A-tì đỏ rực như đồng nung. Mỗi ngục tốt có tám đầu, mười sáu sừng. Trên mỗi sừng phun ra lửa, lửa biến thành thép, lại thành xe đao, nối nhau xoay tròn trong vòng lửa cháy, đầy cả thành A-tì.

⁷⁹¹ Kinh Quán Phật tam-muội hải (Quán Phật tam-muội hải kinh 觀佛三昧海經; S:Buddha-dhyāna-samādhisāgara-sūtra): kinh, mười quyển, mười hai phẩm, do ngài Phật-đà-bạt-đà-la dịch vào đời Đông Tấn, Trung Quốc, được xếp vào Đại chính tạng, tập 15. Nội dung kinh này nói về Đức Phật thuyết Pháp độ cho phụ vương là Duyệt-đầu-đàn và di mẫu là Kiều-đàm-di tại rừng Câu-lâu-đà, thành Ca-tì-la-vệ. Ngài dạy trụ quán Phật tam-muội, và khen ngợi tam-muội này có năng lực đưa đến giải thoát.

Trong bảy lớp thành, có bảy phước sắt. Từ phước, lửa mạnh vọt lên như nước sôi, sắt sôi chảy tràn khắp cả thành A-tì. Trên bốn cửa thành, có mười tám chảo đồng sôi, chảy tràn ra khắp thành A-tì. Trong mỗi ngăn ngục, có tám mươi bốn con rắn sắt lớn, phun ra nọc độc và lửa dữ, thân lớn đầy cả thành. Những con rắn này găm thét như sấm dậy, tuôn ra những hòn sắt lớn đầy cả thành. Lại có năm trăm dạ-xoa, năm trăm ức con trùng, mỗi con trùng có tám mươi bốn cái mỏ. Đầu mỏ có lửa phun ra như mưa xối xuống khắp thành A-tì. Khi những con trùng ấy rơi xuống, lửa dữ bùng cháy, chiếu soi tám mươi bốn do-tuần; từ địa ngục A-tì xông thẳng lên núi Ốc Tiêu⁷⁹² ở biển cả, dưới suốt thấu đáy biển lớn, [168c] hình dạng như trục xe.

Nếu người nào giết cha, hại mẹ, lãng nhục lục thân thì khi mạng chung, chó đồng há miệng, biến hóa ra mười tám xe giống như xe vàng trên có che bảo cái. Những ngọn lửa dữ hóa thành ngọc nữ. Tội nhân từ xa trông thấy, sinh tâm vui mừng muốn đến. Bấy giờ, gió lạnh thổi đến, tội nhân tê cóng, kêu rên: “Thà ngồi trên xe chịu lửa dữ đốt cháy”. Thế rồi, lửa bùng cháy mạnh, họ liền mạng chung. Tội nhân lại thấy mình ngồi trên xe vàng ngắm nhìn ngọc nữ, nhưng bị ngọc nữ cầm búa sắt chém đứt thân thể, chỉ trong thời gian co duỗi cánh tay, rơi thẳng xuống địa ngục A-tì.

Như bánh xe lửa xoay tròn, tội nhân từ ngăn trên rớt xuống ngăn dưới, thân đầy cả ngăn. Chó đồng sủa lớn, rồi nhai xương, nuốt tủy người tội. Ngục tốt la-sát cầm chìa sắt lớn, xóc đầu bắt người tội khiến họ đứng dậy, toàn thân lửa cháy, đầy cả ngục A-tì.

Bấy giờ, vua Diêm-la lớn tiếng quát: “Kẻ ngu si kia gieo nhân địa ngục. Khi ở nhân gian, người bắt hiếu cha mẹ, tà kiến, kiêu mạn, ác độc, nên nay đọa vào địa ngục A-tì”. Như thế xoay vần trải qua vô số thống khổ, không thể nói hết.

Một ngày một đêm, người này chịu tội ở địa ngục bằng sáu mươi tiểu kiếp ở cõi Diêm-phù-đề. Như vậy, thọ mạng đến hết một đại kiếp⁷⁹³. Người phạm đủ năm tội nghịch⁷⁹⁴ phải chịu tội cả năm đại kiếp.

⁷⁹² Ốc Tiêu 沃焦: khối đá to lớn hút nước ở dưới đáy biển được nói trong kinh Hoa nghiêm. Vì lửa địa ngục ở phía dưới liên tục thiêu đốt, nên khối đá này luôn nóng bỏng và kết thành một tảng to, cho nên gọi là núi Ốc Tiêu.

⁷⁹³ Đại kiếp 大劫: thời gian bắt đầu và kết thúc của trời đất, tức tám mươi tiểu kiếp.

Lại có chúng sinh phạm bốn giới trọng⁷⁹⁵, uông nhận của tín thí, phỉ báng tam bảo, tà kiến, không tin nhân quả, không học Bát-nhã, khinh chê mười phương Phật, trộm vật của chúng tăng, dâm dật, bạo ngược, cưỡng bức ti-kheo-ni giữ giới thanh tịnh, hủy nhục chị em, bà con thân thích, làm các việc ác. Những người này khi mạng chung, phải chịu tội báo trải qua bốn mươi tám nghìn đại kiếp.

Họ lại vào trong mười ngàn ngục ở phương đông, cũng chịu khổ như trên; phương nam, tây, bắc cũng lại như vậy. Thân người tội đầy cả địa ngục A-tì, bốn chi trải khắp mười tám ngàn ngục.

Địa ngục A-tì có mười tám địa ngục nhỏ. Mỗi địa ngục nhỏ lại có mười tám địa ngục Băng lạnh, mười tám địa ngục Tội tằm, mười tám địa ngục Nóng ít, mười tám địa ngục Xe đao, mười tám địa ngục Xe kiếm, mười tám địa ngục Xe lửa, mười tám địa ngục Phân sôi, mười tám địa ngục Nước sôi, mười tám địa ngục Sông tro, năm trăm ức địa ngục Rừng kiếm, năm trăm ức địa ngục Rừng gai, năm trăm ức địa ngục Cột đồng, năm trăm ức địa ngục Máy sắt, năm trăm ức địa ngục Lưới sắt, mười tám địa ngục Hang sắt, mười địa ngục Hòn sắt, mười tám địa ngục Đá nhọn, mười tám địa ngục Uống nước đồng sôi.

Như vậy, trong địa ngục lớn A-tì có mười tám địa ngục nhỏ. Mỗi địa ngục nhỏ lại có mười tám ngàn địa ngục, bắt đầu từ địa ngục Băng lạnh cho đến địa ngục Uống nước đồng sôi, tổng cộng có một trăm bốn mươi hai ngàn địa ngục. Tội nhân tuy tạo nghiệp không giống nhau, [169a] nhưng đều trải qua các địa ngục này để chịu khổ”.

Kinh *Khởi thế* ghi: “Đức Phật bảo:

- Nay các ti-kheo! Trong địa ngục cực lớn A-tì cũng có mười sáu địa ngục nhỏ phụ thuộc bao quanh. Mỗi địa ngục nhỏ dài, rộng năm trăm do-tuần. Những chúng sinh trong đó, có người mới đến, có kẻ đang ở, có kẻ ra khỏi, có kẻ đang chịu tội, đều là do quả báo nghiệp ác mà họ đã tạo, nên tự nhiên đọa vào địa ngục này. Các ngục tốt bắt lấy tội nhân ném trên nền sắt nóng, lửa cháy hừng hực xông thẳng lên trên; lại lật úp mặt tội nhân xuống đất,

⁷⁹⁴ Năm tội nghịch (ngũ nghịch tội 五逆罪): năm tội cực ác trái với đạo lý. Theo thuyết của Tiểu thừa, năm tội nghịch là giết mẹ, giết cha, giết a-la-hán, làm thân Phật chảy máu, phá hòa hợp tăng. Hai tội trước là phá ân điền, ba tội sau là hủy đức điền.

⁷⁹⁵ Bốn giới trọng (tứ trọng cấm 四重禁): bốn giới nặng. Đó là sát sinh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ.

dùng dao nhọn khoét gót chân cho gân lộ ra, rồi lấy tay rút gân kéo đến cổ, khiến đau đớn thấu đến tim gan. Rút gân ra rồi, móc vào xe sắt mà kéo chạy. Xe ấy lửa cháy hừng hực. Những nơi tội nhân đi qua toàn là đường hiểm sát nóng lửa cháy đỏ rực. Họ đi qua đi lại theo ý ngục tốt, không lúc nào tạm dừng. Tội nhân muốn đi về hướng nào thì liền bị ngục tốt kéo lôi đến đó, chưa từng rời khỏi. Họ đến đâu cũng bị đốt cháy, máu thịt toàn thân đều tiêu tan. Vì trước đây, khi làm người hoặc làm loài khác, họ tạo nghiệp ác nên phải nhận lấy quả báo như thế.

Những chúng sinh trong địa ngục này vì quả báo của nghiệp bất thiện, nên từ phương đông có đồng lửa lớn bỗng nhiên nổi lên, cháy đỏ, hừng hực liên tục; phương nam, tây, bắc, bốn phương phụ, hai phương trên, dưới cũng đều như vậy. Các đồng lửa lớn bao quanh tội nhân, từ từ tiến sát lại làm họ đau đớn vô cùng.

Từ tường phía đông nổi lên ngọn lửa hừng hực, phóng thẳng sang tường phía tây, rồi dừng lại ở đó. Từ tường phía tây nổi lên ngọn lửa hừng hực, phóng thẳng sang tường phía đông, rồi dừng lại ở đó. Từ tường phía nam nổi lên ngọn lửa hừng hực, phóng thẳng sang tường phía bắc. Từ tường phía bắc nổi lên ngọn lửa hừng hực, phóng thẳng sang tường phía nam. Từ dưới phóng lên trên, từ trên phóng xuống dưới, ngang dọc giao nhau, trên dưới tiếp nhau, sức nóng và ánh sáng phóng ra mãnh liệt. Bấy giờ, ngục tốt bắt các tội nhân ném vào trong sáu đồng lửa lớn này, tội nhân đau khổ cùng cực, nhưng vẫn không chết. Vì nghiệp bất thiện chưa trả xong, nên họ ở mãi trong đó chịu mọi sự thống khổ.

Những chúng sinh trong địa ngục lớn A-tì này, vì quả báo của nghiệp bất thiện, nên trải qua vô số kiếp trong cảnh tối tăm. Tội nhân chịu đủ các cảnh khổ rồi, thì bốn cửa địa ngục tự nhiên mở ra. Khi cửa ngục vừa mở, các tội nhân nghe và thấy, liền chạy đến và nghĩ: “Nay chúng ta chắc chắn đã được thoát”. Nghĩ như thế rồi, họ liền tuôn chạy, thì thân thể biến thành lửa dữ phục cháy. Thí như người khỏe mạnh, cầm bó đuốc khô đi ngược gió, bó đuốc đã cháy, lại càng cháy mạnh. Cũng vậy, [169b] các chúng sinh đi qua đi lại trong địa ngục này, tất cả bộ phận trên thân đều bốc cháy. Khi tội nhân sắp nhấc chân lên, máu thịt đều tan nát, lúc sắp để chân xuống, máu thịt lại sinh ra. Lúc họ chạy gần đến cửa ngục thì cửa tự nhiên đóng lại, không ra được, nên tâm mê loạn, hai tay che mặt, té ngã trên đất. Người tội

bị thiêu đốt da, thịt, cho đến xương, tủy. Khói lửa mịt mù, khói xông lên nghi ngút, lửa cháy đỏ hồng rực, khói và lửa lẫn lộn vào nhau làm tội nhân đau đớn gấp bội phần. Tội nhân ở trong đó chịu khổ cùng cực, nhưng nghiệp ác chưa hết nên phải nhận lấy tất cả nỗi khổ.

Trong địa ngục cực lớn A-tì này, không lúc nào tạm được an vui dù chỉ trong khoảng khảy móng tay, người tội lần lượt chịu đủ các cảnh khổ như thế.

Đức Phật lại bảo các tì-kheo:

- Các ông nên biết, giữa các thế giới này, còn có mười địa ngục:

1. Địa ngục Át-phù-đà.
2. Địa ngục Nê-la-phù-đà.
3. Địa ngục A-hô.
4. Địa ngục Hô-hô-bà.
5. Địa ngục A-tra-tra.
6. Địa ngục Tao-kiện-đề-ca (*Tu-càn-đề*).
7. Địa ngục Ưu-bát-la.
8. Địa ngục Ba-đâu-ma (*Bát-đâu-ma*).
9. Địa ngục Bôn-trà-lợi (*Phân-đà-lợi*).
10. Địa ngục Câu-mâu-đà (*Câu-vật-đâu*).

Vì sao gọi là địa ngục Át-phù-đà? Tội nhân trong địa ngục này, thân thể như bọt nước, nên gọi là địa ngục Át-phù-đà.

Vì sao gọi là địa ngục Ni-la-phù-đà? Tội nhân trong địa ngục này, thân thể như cục thịt, nên gọi là địa ngục Ni-la-phù-đà.

Vì sao gọi là địa ngục A-hô? Tội nhân trong địa ngục này, khi chịu sự thống khổ cùng tột bức bách, phát tiếng kêu la “A-hô”, vô cùng đau đớn, nên gọi là địa ngục A-hô.

Vì sao gọi là địa ngục Hô-hô-bà? Tội nhân trong địa ngục này, khi chịu sự thống khổ cùng tột bức bách, phát tiếng kêu la “Hô-hô-bà”, nên gọi là địa ngục Hô-hô-bà.

Vì sao gọi là địa ngục A-tra-tra? Tội nhân trong địa ngục này, do khổ đau cùng tột bức bách thân thể, chỉ còn thốt lên tiếng “A-tra-tra”, nhưng tiếng tắt nghẽn, không phát ra được, nên gọi là địa ngục A-tra-tra.

Vì sao gọi là địa ngục Tao-kiện-đề-ca? Tội nhân trong địa ngục này[169c] bị lửa dữ thiêu đốt, ngọn lửa đen như màu hoa Tao-kiện-đề-ca, nên gọi là địa ngục Tao-kiện-đề-ca.

Vì sao gọi là địa ngục Ưu-bát-la? Tội nhân trong địa ngục này bị lửa dữ thiêu đốt, ngọn lửa xanh như màu hoa Ưu-bát-la, nên gọi là địa ngục Ưu-bát-la.

Vì sao gọi là địa ngục Câu-mâu-đà? Tội nhân trong địa ngục này bị lửa dữ thiêu đốt, ngọn lửa hồng như màu hoa Câu-mâu-đà, nên gọi là địa ngục Câu-mâu-đà.

Vì sao gọi là địa ngục Bôn-trà-lợi? Tội nhân trong địa ngục này bị lửa dữ thiêu đốt, ngọn lửa trắng như màu hoa Bôn-trà-lợi, nên gọi là địa ngục Bôn-trà-lợi.

Vì sao gọi là địa ngục Ba-đầu-ma? Tội nhân trong địa ngục này bị lửa dữ thiêu đốt, ngọn lửa đỏ như màu hoa Ba-đầu-ma, nên gọi là địa ngục Ba-đầu-ma”.

Luận *Lập thế a-tì-đàm* ghi: “Đức Thế Tôn dạy:

- Có địa ngục lớn tên là Hắc Ám ở bên ngoài các thế giới. Không có gì ngăn che mà chúng sinh trong đó cũng không trông thấy bàn tay của mình. Cho dù ánh sáng của mặt trời và mặt trăng có uy lực lớn cũng không thể

soi chiếu đèn được. Chư Phật ra đời phóng hào quang chiếu khắp, nhờ ánh sáng này nên chúng sinh có thể nhìn thấy nhau.

Nằm giữa hai thế giới, bên ngoài núi Thiết Vi là địa ngục Băng lạnh.

Giữa hai ngọn núi Kim Cương, lại có mười địa ngục, một là Át-phù-đà, cho đến mười là Ba-đầu-ma. Tội nhân trong địa ngục Át-phù-đà này di chuyển theo chiều ngang, nhưng khởi tướng hướng lên trên, giống như người giữ cung điện. Bên ngoài núi Thiết Vi, tội nhân thường di chuyển theo chiều ngang, thân thể của họ như bọt nước lớn. Do gió lạnh thổi đến, thân họ rã nát, giống như quả dưa rục rã, như đám lau nghiêng ngã. Khi bị lửa dữ thiêu đốt, người tội phát tiếng rên la ‘tra-tra’. Như vậy, tội nhân bị gió lạnh xúc chạm, làm cho xương vỡ vụn, phát tiếng “tra-tra” vang khắp. Nhờ tiếng rên la này và do tới lui xúc chạm, nên họ nhận biết lẫn nhau mà nghĩ: ‘Có chúng sinh thụ sinh nơi đây’. Những chúng sinh chết ở đây phần nhiều sinh đến địa ngục Băng lạnh.

Những chúng sinh ở thế giới khác, phần nhiều là các thế giới ngoài núi Thiết Vi, sau khi chết, rơi vào địa ngục Băng lạnh. Giữa hai thế giới, chỗ hẹp nhất là tám mươi nghìn mười do-tuần, dưới không có đất, trên không có mái che, [170a] chỗ rộng nhất là một trăm sáu mươi do-tuần”.

XXVIII.4. Thời gian chịu tội

Kinh *Khởi thế* ghi: “Đức Phật dạy: Ví như có hai mươi học⁷⁹⁶ mè, có một người cứ một trăm năm nhặt một hạt mè ném sang nơi khác. Ném hết số mè trong hai mươi học rồi mà tuổi thọ của các tội nhân trong địa ngục kia vẫn chưa hết. Và lại, dùng số đó để tính một thọ mạng ở địa ngục Át-phù-đà. Như vậy, hai mươi thọ mạng ở địa ngục Át-phù-đà là một thọ mạng ở địa ngục Nê-la-phù-đà, hai mươi thọ mạng ở địa ngục Nê-la-phù-đà là một thọ mạng ở địa ngục A-hô, hai mươi thọ mạng ở địa ngục A-hô là một thọ mạng ở địa ngục Hô-hô-bà, hai mươi thọ mạng ở địa ngục Hô-hô-bà là một thọ mạng ở địa ngục A-tra-tra, hai mươi thọ mạng ở địa ngục A-tra-tra là một thọ mạng ở địa ngục Tao-kiền-đề-ca, hai mươi thọ mạng ở địa ngục Tao-kiền-đề-ca là một thọ mạng ở địa ngục Ưu-bát-la, hai mươi thọ mạng ở địa ngục Ưu-bát-la là một thọ mạng ở địa ngục Câu-mâu-đà, hai mươi thọ mạng ở địa ngục Câu-mâu-đà là một thọ mạng ở địa ngục Bôn-trà-lợi,

⁷⁹⁶ Học 斛: dụng cụ đo lường thời cổ, dùng để đong thóc gạo, một học bằng mười đấu.

hai mươi thọ mạng ở địa ngục Bôn-trà-lợi là một thọ mạng ở địa ngục Ba-đầu-ma, tức là một trung kiếp”.

Kinh *Na-tiên-tì-kheo vấn Phật* ghi: “Sức nóng của lửa thế gian không bằng lửa địa ngục. Như lấy một hòn đá nhỏ bỏ vào lửa thế gian, từ sáng đến chiều viên đá vẫn không tiêu hủy, nhưng lấy một tảng đá lớn bỏ vào lửa địa ngục thì lập tức cháy tiêu. Cũng như người làm ác, chết rơi vào địa ngục, đến mấy nghìn vạn năm vẫn không chết. Hoặc như các loài rồng, rắn lớn... lấy cát đá làm thức ăn, nhưng thức ăn tiêu ngay. Như người mang thai, thai nhi vẫn không tiêu mất.

Đó đều là do sức nghiệp thiện, ác mà tiêu hay không tiêu. Những việc thiện ác con người đã tạo luôn theo họ như bóng theo hình. Người ấy chết đi chỉ mất thân này, nhưng hành nghiệp của họ vẫn không mất. Thí như ban đêm đốt đèn viết chữ, đèn tắt nhưng chữ vẫn còn, đèn sáng chữ hiện. Đời này tạo nghiệp thiện ác, đời sau mới nhận lấy quả báo.

Trong địa ngục Bát-đầu-ma, lửa cháy hùng hực, dù người tội đứng cách ngọn lửa một trăm do-tuần vẫn bị lửa thiêu cháy; nếu người tội cách sáu mươi do-tuần thì hai tai bị điếc, không nghe gì; nếu người tội cách năm mươi do-tuần thì đôi mắt bị mù, không thể thấy được.

Tì-kheo Cù-ba-lợi dùng tâm độc ác [170b] hủy báng Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, sau khi mạng chung, phải đọa vào địa ngục Bát-đầu-ma này”.

Kinh *Khởi thế* ghi: “Nếu các chúng sinh cách địa ngục Ba-đầu-ma một trăm do-tuần thì bị lửa dữ đốt cháy, nếu cách năm mươi do-tuần thì bị lửa xông lên làm mù hai mắt, nếu cách hai mươi lăm do-tuần thì máu thịt của chúng sinh trong đó bị thiêu đốt tan nát. Đó là do khởi tâm vẫn đục, tâm não hại, tâm ác độc, tâm không ích lợi, tâm không từ bi, tâm không thanh tịnh đối với người xuất gia Phạm hạnh, nên tự chuốc lấy họa này. Vì vậy, các ông nên khởi thân khẩu ý nghiệp từ hòa đối với tất cả những vị tu Phạm hạnh để thường được an lạc”.

XXVIII.5. Vị vua quản ngục

Kinh *Vấn địa ngục* và kinh *Tịnh độ tam-muội* ghi: “Cả thầy có một trăm ba mươi bốn địa ngục. Trước hết nói về tên gọi và nơi ở của vị chủ ngục. Vua

Diêm-la đời trước là vua nước Tì-sa từng chiến đấu với vua Duy-đà-thỉ-sinh, nhưng vì thua trận, nên lập thệ: ‘Ta nguyện làm chủ địa ngục’. Và có mười tám đại thần, thống lãnh một nghìn người đầu có sừng, đều có tâm oán hận và cùng lập nguyện: ‘Sau này chúng tôi sẽ giúp vua trị tội bọn kia’.

Vua Tì-sa thuở ấy nay là vua Diêm-la, mười tám đại thần nay là các vua nhỏ, một nghìn người là những ngục tốt”.

Kinh *Vấn địa ngục* ghi: “Mười tám vua nhỏ tức là mười tám vị thống lãnh mười tám địa ngục:

1. Ca-diên quản ngục A-tì
2. Khuất-tuân quản ngục Núi đao
3. Phí-tiền-thọ quản ngục Cát nóng
4. Phí-khúc quản ngục Phân sôi
5. Ca-thế quản ngục Tai đen
6. Cái-tha quản ngục Xe lửa
7. Thang Vị quản ngục Vạc nước sôi
8. Thiết-ca-nhiên quản ngục Giường sắt
9. Ác Sinh quản ngục Núi cái
10. Địa ngục Băng lạnh (*kinh ghi thiếu tên vị quản ngục*)
11. Tỳ-ca quản ngục Lột da
12. Diêu Đầu quản ngục Súc sinh
13. Đê-bạc quản ngục Dao binh.
14. Di Hỏa quản ngục Cối sắt

15. Duyệt-đầu quản ngục Băng lạnh
16. Địa ngục Ống sắt (*kinh ghi thiếu tên vị quản ngục*)
17. Danh Thân quản ngục Giòi bọ
18. Quán Thân quản ngục Nước đồng sôi”.

Kinh *Tịnh độ tam-muội* ghi: “Có ba mươi địa ngục, mỗi ngục đều có vị chủ ngục, nhưng không ghi ra, chỉ nêu tên năm vị quan quản ngục:

1. Quan Tiên trị tội sát sinh
2. Quan Thủy trị tội trộm cắp
3. Quan Thiết trị tội tà dâm
4. Quan Thổ trị tội nói hai lưỡi
5. Quan Thiên trị tội uống rượu”.

XXVIII.6. Cung điện của vua Diêm-la [170c]

Kinh *Khởi Thế* ghi: “Bên ngoài hai núi Thiết Vi, ở phía nam cõi Diêm-phù-đề, có cung điện của vua Diêm-la, dài rộng sáu nghìn do-tuần, có bảy lớp tường vách, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới. Ngoài cùng lại có bảy lớp hàng cây đa-la⁷⁹⁷ bao bọc chung quanh. Lại có vô số cảnh vật xinh đẹp đều do bảy báu tạo thành. Bốn phía cung thành có bốn cửa. Mỗi cửa đều có đài gác, cung điện, vườn hoa, ao hồ. Trong vườn có nhiều loại cây, quả ngon trĩu cành, hương thơm theo gió xông khắp, vô số chim chóc ca hát líu lo.

Vua Diêm-la vì nghiệp ác nên chịu quả bất thiện, đêm ngày sáu thời đều có nước đồng sôi tự nhiên hiện ra trước mặt. Khi ấy, cung vua liền biến thành sắt, phúc báo về năm dục đều ảm mất. Thấy vậy, vua sợ hãi, bất an, lông tóc dựng ngược, liền đi ra ngoài. Nếu vua ra ngoài cung thì khi trở vào ngục tốt bắt lấy vua Diêm-la, nhấc bổng đặt trên nền sắt nóng, lửa dữ hừng

⁷⁹⁷ Cây đa-la (đa-la hàng thụ 多羅行樹; Cg: bô-đa-la diệp; S: pattra): loại cây dùng làm giấy để chép tư liệu hoặc kinh văn.

hực, cháy sáng đỏ rực. Bắt vua nằm xong, ngực tốt lấy kèm sắt cạy miệng ra, rồi rót nước đồng sôi vào, khiến vua Diêm-la bị thiêu cháy từ môi miệng, đến lưỡi, cổ họng, ruột già, ruột non... từ trên xuống dưới đều bị cháy rụi.

Lúc đó, vua nghĩ: ‘Tất cả chúng sinh do đời trước thân làm việc ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác, nay ta và các chúng sinh cùng tạo nghiệp ác như thế, nên phải chịu nỗi khổ này. Xin nguyện từ nay, sau khi ta xả thân này, thọ thân khác, được sinh làm người có lòng tin hiểu giáo pháp của Như Lai, cạo bỏ râu tóc, mặc ca-sa, xuất gia tu học. Sau khi xuất gia, ta chứng đạo quả, sinh tử sẽ dứt, Phạm hạnh sẽ thành, những việc cần làm sẽ làm xong, không còn thụ thân sau’.

Sau khi vua Diêm-la khởi các niệm thiện như thế, cung điện vua đang ngự liền trở lại thành bảy báu, giống như cõi trời, phúc báo về năm dục hiện ra đầy đủ, ba nghiệp thiện nên được an vui. (*Kinh Trường A-hàm ghi: vua Diêm-la chịu khổ cả ba thời, đại ý cũng giống như kinh này*)’.

Luận *Tân bà-sa* có đoạn:

Hỏi: Trong địa ngục, những gì là hữu tình, những gì là vô tình?

Đáp: Những kẻ vừa đọa vào địa ngục bị khóa sắt trói buộc giam hãm, [171a] đưa đến trước mặt vua Diêm-la được gọi là hữu tình; còn những khí cụ khốc liệt dùng để bức hại các tội nhân trong địa ngục được gọi là vô tình.

Bên dưới châu Nam Thiệm-bộ có địa ngục lớn, phía trên châu này có địa ngục Biên và địa ngục Cô độc, hoặc ở trong hang, hoặc là trong núi, hoặc nơi đồng trống, hoặc giữa hư không. Ba châu còn lại chỉ có địa ngục Biên và địa ngục Cô độc, không có địa ngục lớn. Vì sao? Bởi vì người ở châu Nam Thiệm-bộ tạo nghiệp thiện rất lớn mà tạo nghiệp ác cũng rất nhiều, không giống như các châu kia.

Có thuyết cho là ở châu Bắc Câu-lô cũng không có địa ngục, vì đó là nơi thụ nhận nghiệp quả hoàn toàn thanh tịnh.

Hỏi: Nếu ba châu kia không có địa ngục lớn, thì những hữu tình ở các châu ấy tạo nghiệp vô gián, đoạn mắt căn lành, sẽ thụ báo ở đâu?

Đáp: Họ sẽ thụ báo nơi địa ngục lớn ở dưới châu Nam Thiệm-bộ này.

Hỏi: Tướng mạo của những hữu tình ở địa ngục như thế nào?

Đáp: Tướng mạo giống như người.

Hỏi: Tiếng nói ra sao?

Đáp: Lúc mới thác sinh, họ đều nói tiếng của bậc thánh; sau đó, trong thời gian thọ khổ, thì phát ra những âm thanh đau đớn, khổ não, cho đến không thể thốt ra được một lời, mà chỉ có những âm thanh ghê rợn của sự đâm chém, cưa xẻ.

XXVIII.7. Nghiệp nhân

Kinh *Tội nghiệp báo ứng giáo hóa địa ngục* ghi: “Bấy giờ, bồ-tát Tín Tướng vì các chúng sinh bạch Đức Phật:

1. Bạch Đức Thế Tôn! Nay có chúng sinh thụ tội, bị các ngục tốt đâm chém, cưa xẻ thân thể từ đầu tới chân, cho đến đầu bị chặt đứt, liền có gió lạnh thổi đến làm họ sống lại, rồi bị chém chặt như trước, là do tội gì?

Đức Phật dạy:

- Vì đời trước, người ấy không kính tin tam bảo, bất hiếu cha mẹ, làm kẻ đồ tể chém giết chúng sinh, nên mắc tội này.

2. Có chúng sinh thân hình xấu xí, bại liệt, râu tóc rơi rụng, toàn thân cháy nám, sống trong tổ quạ, ngủ nơi hang nai, bắt dẫu chân người, làm như ướm họ hàng, không ai muốn nhìn, gọi là bệnh hủi, là do tội gì?

Đức Phật dạy:

- Là do đời trước, người ấy không kính tin tam bảo, bất hiếu cha mẹ, phá hoại chùa tháp, bóc lột đạo nhân, bắn chém hiền thánh, làm hại sư trưởng,

không biết phục thiện, quên ơn trái nghĩa, thô lỗ cộc cằn, dâm loạn tôn ti, không chút kiêng dè, nên mắc tội này.

3. Lại có chúng sinh cơ thể cao lớn, ngu đần, không chân, di chuyển bằng bụng, chỉ ăn đất bùn để tự nuôi thân, lại bị các loài trùng nhỏ cắn rĩa, [171b] vô cùng đau đớn, không thể chịu nổi, là do tội gì?

Đức Phật dạy:

- Do đời trước, kẻ ấy được người tin dùng mà không nghe theo lời hay ý tốt, bắt hiều cha mẹ, phản lại quân vương. Nếu được làm đại thần của vua, trấn nhậm bốn phương, thống lãnh châu quận, bảo vệ cung vua, thì cậy quyền ý thế, chiếm đoạt tài sản của dân, chẳng có phép tắc, khiến người dân đau khổ, than vãn bỏ đi, nên mắc tội này.

4. Có chúng sinh hai mắt mù lòa không thấy được gì, hoặc húc phải cây, hoặc rơi xuống rãnh, sau đó mạng chung, lại thụ thân khác cũng bị như thế, là do tội gì?

Đức Phật dạy:

- Là do đời trước, người ấy không tin tội phúc, ngăn ánh sáng của Phật, bịt mắt chim thú, trói nhốt chúng sinh, rồi lấy dây da trùm kín đầu chúng, nên mắc tội này.

5. Lại có chúng sinh què quặt, câm ngọng, miệng không nói được, nếu muốn nói gì thì phải nhắm mắt, đưa tay ra dấu, là do tội gì?

Đức Phật dạy:

- Vì đời trước, người ấy phi báng tam bảo, khinh chê thánh đạo, luận bàn việc tốt xấu của người, moi móc chỗ hay dở của kẻ khác, vu khống người lương thiện, ganh ghét bậc hiền tài, nên mắc tội này.

6. Có chúng sinh bụng to, cổ nhỏ, không ăn uống được, nếu ăn thứ gì, thì thức ăn liền biến thành máu mủ, là do tội gì?

Đức Phật dạy:

- Là do đời trước, người ấy trộm cắp thức ăn của chúng tăng, hoặc ở chỗ khuất lầy trộm, lén dùng thức ăn trong các đại hội bố thí, sên tiếc tài vật của mình, tham lam tài sản của người, thường mang tâm ác, cho người uống thuốc độc để họ tắt thở, nên mắc tội này.

7. Chúng sinh thường bị ngục tốt dùng đinh sắt cháy đỏ đóng vào trăm khớp xương. Khi vừa đóng xong, tự nhiên lửa bốc lên, thiêu đốt toàn thân đều bị cháy rụi, là do tội gì?

Đức Phật dạy:

- Là do đời trước, người ấy làm thầy châm cứu, châm thân thể người, nhưng bệnh không lành, lại gạt lấy tiền, khiến họ chỉ thêm đau đớn, buồn khổ, nên mắc tội này.

8. Lại có chúng sinh thường ở trong chảo nước sôi, bị ngục tốt đầu trâu dùng chĩa đinh ba bằng sắt đâm người tội bỏ vào chảo nước sôi, nấu cho rục rã. Lại có gió lạnh thổi đến làm họ sống lại, rồi tiếp tục nấu rục, là do tội gì?

Đức Phật dạy:

- Vì đời trước, người ấy tin theo tà kiến, thờ cúng quỷ thần, giết hại chúng sinh, dội nước sôi lên mình chúng để vật lấy lông, rồi bỏ vào chảo nước sôi đun nấu, nhiều không thể lường được, nên mắc tội này.

[171c] 9. Chúng sinh thường ở trong thành lửa, than nóng ngập đến ngực, bốn cửa thành đều mở, nếu muốn chạy ra, thì cửa liền đóng lại. Họ chạy đông chạy tây, nhưng không ra khỏi, bị lửa thiêu cháy, là do tội gì?

Đức Phật dạy:

- Là do đời trước, người ấy đốt cháy sông núi, thiêu nướng chúng sinh, thân rụi, da bong, nên mắc tội này.

10. Lại có chúng sinh thường ở trong núi tuyết, gió lạnh thổi đến, da bong, thịt nứt, muốn chết không được, là do tội gì?

Đức Phật dạy:

- Vì đời trước, người ấy làm giặc hung bạo, lột xé áo người, khiến họ chết rét vào những ngày đông giá lạnh; lại còn lột sống da trâu dê, khiến chúng đau đớn không cùng, nên mắc tội này.

11. Lại có chúng sinh thường ở trong rừng kiếm, núi đao, khi xúc chạm vào, liền bị cắt đứt, thân thể tan nát, là do tội gì?

Đức Phật dạy:

- Là do đời trước, người ấy làm nghề đồ tể, đun nấu, cắt chặt, lột xé chúng sinh, làm cho xương thịt tan nát, đầu một nơi, chân một ngã, rồi treo trên cao để cân bán, hoặc treo sống chúng sinh khiến cho đau đớn cùng cực, nên mắc tội này.

12. Lại có chúng sinh, năm căn⁷⁹⁸ không đủ. Là do tội gì?

Đức Phật dạy:

- Là do đời trước, người này săn bắn chim thú khi chúng đang bay, đang chạy, hoặc chặt đầu, chặt chân, nhổ sống lông chim, nên mắc tội này.

13. Lại có chúng sinh chân rút, lưng còng, co duỗi khó khăn, chân thọt, tay quắp, không thể cầm nắm, cũng không đi được, là do tội gì?

Đức Phật dạy:

- Là do đời trước, ở nơi đồng trống, người ấy chặn đường chim thú, hoặc đặt súng, bắn tên, đào hố, gài bẫy, để chúng sa hầm, bẫy đầu, gãy chân, tổn thương nặng nề, nên mắc tội này.

14. Lại có chúng sinh thường bị ngục tốt cùm trói thân thể, không thể thoát ra, là do tội gì?

Đức Phật dạy:

- Là do đời trước, người ấy giăng lưới đánh bắt chúng sinh, giam người, nhốt thú, để cho đói khát, khổ đau; hoặc làm tể tướng, quan huyện tham lấy

⁷⁹⁸ Năm căn (ngũ căn 五根; S: pañcendriyāni): mắt, tai, mũi, lưỡi và thân.

tiền của, bức ép người lành, tiếng oán gieo khắp vẫn chưa vừa lòng, nên mắc tội này.

15. Lại có chúng sinh hoặc điên, hoặc cuồng, hoặc ngu, hoặc ngây, không biết tốt xấu, là do tội gì?

Đức Phật dạy:

- Là do đời trước, người ấy uống rượu say loạn, phạm ba mươi sáu lỗi, nên nay thọ thân ngu dại, tựa như người say, không biết trên dưới, không phân phải trái.

[172a] 16. Lại có chúng sinh thân hình bé nhỏ, nhưng bộ phận sinh dục rất lớn, thân phải kéo lê, nặng nề mỗi mệt, đi đứng nằm ngồi đều bị chướng ngại, là do tội gì?

Đức Phật dạy:

- Là do đời trước, người ấy sinh sống bằng nghề buôn bán, tự khen tài vật của mình, chê bai tài vật của người, lường thặng tráo đấu, mua già bán non, dối gạt mọi người, nên mắc tội này.

17. Lại có chúng sinh nam căn không đủ, làm thân huỳnh môn, không thể lấy vợ, là do tội gì?

Đức Phật dạy:

- Là do đời trước, người ấy thiến các loài vật như voi, ngựa, bò, dê, heo, chó... làm chúng chết đi sống lại, nên mắc tội này.

18. Lại có chúng sinh suốt cả cuộc đời không có con cái, sống một mình đơn độc, là do tội gì?

Đức Phật dạy:

- Là do đời trước, người ấy độc ác, không tin tội phúc. Đến mùa chim sinh nở, người này mang đồ đựng, men theo bãi sông, tìm nhặt trứng các loài chim, như hồng hạc, anh vũ, ngỗng, nhạn... đem về nấu ăn, khiến cho các chim này mất con, kêu rên thảm thiết, mất tuôn máu lệ, nên mắc tội này.

19. Lại có chúng sinh mồ côi, nghèo nàn từ nhỏ, không có cha mẹ, anh em, làm tôi tớ cho người khác, lao nhọc vất vả để sống qua ngày; đến khi lớn lên, làm nghề săn bắn, gây nhiều tai họa, bị quan bắt trói, giam vào lao ngục, không người thăm nuôi, đói khổ khôn cùng, chẳng biết kêu ai, là do tội gì?

Đức Phật dạy:

- Là do đời trước, người ấy thích tìm bắt các loài chim ưng, kên kên, điều hâu, hùm, gấu, cọp, beo... mang về nhốt nuôi, khiến chúng cô độc, không ai cho ăn, thường bị đói khát, da liền với xương, muốn chết chẳng được; cha mẹ, anh em của chúng nhớ thương sầu khổ, kêu khóc bi ai, rúng động lòng người, nên mắc tội này.

20. Lại có chúng sinh hình hài xấu xí, thân đen như sơn, mặt mắt lại xanh, trán má nhô lồi, mặt mụn, mũi xẹp, hai mắt vàng đỏ, răng nứu thưa thiếu, hơi miệng tanh hôi, thấp lùn, trương thủng, bụng to, hông lớn, tay chân co rút, lưng gù, sùen vẹo, ăn mặc lôi thôi, ghẻ lở máu mủ, phù thủng, đau đầu, hủi lác, ung nhọt, hết thầy ác tật đều mang vào thân, tuy gần gũi người, nhưng chẳng ai ưa; còn bị kẻ khác đánh đập, giam cầm, [172b] chưa từng gặp Phật, chẳng nghe được pháp, không biết đến tăng, là do tội gì?

Đức Phật dạy:

- Là do đời trước, người ấy bất hiếu cha mẹ, không trung với vua, khinh thường kẻ dưới, không giữ chữ tín, không kính trọng bà con làng xóm, vào triều chẳng kể tước vị, luôn theo chuyện xấu, tâm ý điên đảo, không có phép tắc, không tin tam bảo, giết vua, hại thầy, chiếm nước, hại dân, công thành, phá lũy, cướp trại, trộm cắp, tội ác vô số; lại còn khen mình chê người, ức hiếp người già và kẻ cô độc, phỉ báng hiền thánh, khinh mạn người trên, dối gạt kẻ dưới. Tất cả tội ác thầy đều trái phạm, quả báo nhóm họp, nên mắc tội này.

Nghe Phật thuyết giảng như vậy, tất cả những người thọ tội khóc than thảm thiết, roi lê đầm đìa, rồi bạch Phật:

- Xin Đức Thế Tôn trụ lâu ở đời thuyết pháp để cho chúng con đều được giải thoát.

Đức Phật dạy:

- Nếu ta trụ lâu ở đời, thì những người đức mỏng không chịu gieo trồng căn lành, cho rằng Thế Tôn thường còn, nên không nghĩ đến vô thường.

Này thiện nam tử! Thí như đứa bé thường có mẹ bên cạnh, thì nó không nghĩ người mẹ khó gặp; khi mẹ đi xa, con mới ngóng trông; lúc ấy mẹ trở về, người con rất vui mừng. Này thiện nam tử! Ta nay cũng lại như vậy, biết các nghiệp duyên thiện ác, thụ báo tốt xấu của tất cả chúng sinh, nên nhập niết-bàn.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ cho những người thụ tội nghe:

Dòng chảy thường không đầy,

Lửa mạnh chẳng cháy lâu,

Mặt trời mọc rồi lặn,

Trăng tròn rồi lại khuyết,

Dù giàu sang, quyền quý,

Cũng thoáng chốc qua mau,

Luôn nghĩ nên tinh tấn,

Kính lễ Đấng Thế Tôn”.

Kinh *Cưu tap thí dụ* ghi: “Thuở xưa, có sáu người kết bạn với nhau, vì cùng tạo tội, nên đều đọa địa ngục, ở trong một vạc nước sôi và đều muốn kể lại tội cũ của mình. Người thứ nhất nói ‘sa’, người thứ hai nói ‘na’, người thứ ba nói ‘đặc’, người thứ tư nói ‘thiếp’, người thứ năm nói ‘cô’, người thứ sáu nói ‘đà-la’. Thấy vậy, Đức Phật cười. Mục-kiền-liên hỏi:

- Vì sao Ngài cười?

Đức Phật bảo:

- Có sáu người kết bạn với nhau, đều đọa địa ngục, chịu tội trong một vạc nước sôi. Mỗi người đều muốn kể lại tội cũ của mình, nhưng do nước sôi sùng sục, nên không thể nói nhiều, mỗi người chỉ nói được một tiếng rồi chìm xuống.

Người thứ nhất nói ‘sa’, nghĩa là sáu trăm ức nghìn năm ở thế gian mới bằng một ngày ở địa ngục, không biết lúc nào ra khỏi.

Người thứ hai nói ‘na’, nghĩa là không có thời hạn ra khỏi địa ngục, [172c] cũng không biết lúc nào mới được thoát.

Người thứ ba nói ‘đặc’, nghĩa là ôi... ôi! Cần gì phải buôn bán làm ăn! Nghĩ như thế, nên không kèm chế tâm ý, đoạt lấy tài vật của người để cúng dường tam bảo, tham lam không biết đủ, nay hối hận có ích gì!

Người thứ tư nói ‘thiếp’, nghĩa là ta làm ăn không chân thật, nên tài sản lại thuộc về người khác, phải chịu khổ đau.

Người thứ năm nói ‘cô’, đâu thể bảo đảm ta ra khỏi địa ngục, sẽ không phạm điều răn cấm, được sinh lên trời hưởng sự vui sướng?

Người thứ sáu nói ‘đà-la’, nghĩa là trước kia tôi không hề nghĩ đến sự khổ nơi địa ngục này. Thí như lái xe lạc vào đường hiểm, trục xe bị gãy, hối hận không kịp”.

Kinh *Thập luân* ghi: “Năm tội nghịch là nghiệp ác nặng nhất. Đó là cố ý giết hại cha, mẹ, a-la-hán, phá hòa hợp tăng, ác tâm làm thân Phật chảy máu. Nếu người nào phạm một trong năm tội nghịch này, thì không được xuất gia, thụ giới cụ túc; nếu đã xuất gia, thọ giới cụ túc, thì nên tẩn xuất, chứ không đánh đập hay giam giữ. Nếu cho xuất gia thì người cho phạm tội trọng.

Lại có bốn tội lớn tương đương với bốn tội nghịch, là tội căn bản. Đó là giết bích-chi phật, cưỡng dâm ti-kheo-ni a-la-hán, sử dụng tài vật của tam bảo, người ác kiến phá hoại hòa hợp tăng. Nếu người nào phạm một trong bốn tội căn bản này thì không cho xuất gia trong Phật pháp; giả sử đã xuất gia thì không cho thụ giới cụ túc; nếu đã thụ giới cụ túc thì nên tẩn xuất,

chứ không đánh đập hay giam giữ, giết hại. Đây gọi là phạm tội căn bản chẳng phải nghịch tội.

Có trường hợp vừa phạm tội căn bản, đồng thời là tội nghịch. Như hại mạng của người xuất gia, người thụ giới cụ túc, bậc chứng được quả thánh, thì vừa phạm tội nghịch và tội căn bản. Cần phải đuổi người ấy khỏi tăng đoàn của Ta.

Có trường hợp phạm tội căn bản chẳng phải tội nghịch. Như hại mạng của người xuất gia còn là phàm phu thì chỉ phạm tội căn bản.

Tội phân chia vật của tứ phương tăng không đồng đều, chẳng thuộc về tội căn bản cũng chẳng phải tội nghịch.

Như có chúng sinh nghi ngờ tam bảo, xuất gia trong Phật pháp, khi thấy người khác đọc tụng kinh điển mà cố ý cất vấn cho dù một bài kệ, [173a] thì chẳng phải tội căn bản cũng chẳng phải tội nghịch, mà phạm tội cực ác gần kề với tội nghịch. Nếu không sám hối để diệt trừ tội chướng thì trọn không cho xuất gia trong Phật pháp. Giả sử người ấy đã xuất gia, thụ giới cụ túc mà không sám hối tội lỗi thì cũng nên đuổi đi. Vì sao? Vì người này không tin chính pháp, hủy báng tam thừa, phá hoại trí tuệ thật đế, muốn tắt đèn chính pháp, dứt giống tam bảo, giảm tổn sự lợi ích của trời người, đọa vào đường ác. Hai hạng người này gọi là phỉ báng chính pháp, khinh chê thánh hiền, thêm lớn pháp ác, sẽ phải ở mãi trong địa ngục. Đây gọi là phạm tội căn bản cực lớn.

Lại có tội phạm giới căn bản, như ti-kheo dâm dục, cố ý giết hại người phàm, không cho mà lấy, nói lời dối trá. Nếu người nào phạm một trong bốn tội này thì không được nhận tứ phương tăng vật⁷⁹⁹, cũng không được dùng chung vật dụng của chư tăng, như món ăn, thức uống, đồ nằm... Song vua quan không nên xử phạt, trừng trị, cho đến giết hại họ. Sao gọi là phạm tội trọng căn bản? Vì người tạo các nghiệp này, khi mạng chung, sẽ đọa vào đường ác. Đó là gốc rễ của đường ác, nên gọi là tội căn bản. Thí như hòn sắt tuy được ném vào hư không, nhưng không thể dừng lại mà nhanh chóng rơi xuống đất.

⁷⁹⁹ Tứ phương tăng vật 四方僧物: các vật dùng chung của tất cả ti-kheo, như chùa chiền, kho lẫm, ruộng vườn, com gạo, y phục, thuốc men...

Trên đây là năm tội nghịch, bốn giới trọng, tội hủy hoại chính pháp và chê bai thánh hiền. Nếu người nào phạm một trong mười một tội này, khi mạng chung, sẽ bị rơi vào địa ngục A-tì”.

Kinh *Chính pháp niêm* ghi: “Sự khổ trong địa ngục A-tì gấp nghìn lần hơn trước, vì người tội phải trải qua một kiếp sống trong bảy địa ngục lớn, thân người tội to lớn năm trăm do-tuần. Người tạo bốn tội nghịch thân to lớn bốn trăm do-tuần; người tạo ba tội nghịch thân to lớn ba trăm do-tuần; người tạo hai tội nghịch thân to lớn hai trăm do-tuần; người tạo một tội nghịch thân to lớn một trăm do-tuần. Người tạo năm tội nghịch khi sắp chết, thì kêu gào, chảy phân, khí tắt cổ họng rồi chết, liền thụ thân trung âm, nhưng không thấy được người đối diện. Thân trung âm giống như đứa bé tám tuổi bị vua Diêm-la lấy dây sắt nóng quấn cổ, rồi trói hai tay, treo ngược. Do đi ngược suốt hai nghìn năm, nên lửa nóng thiêu đầu, cháy rụng hết tóc, rồi đến thiêu thân, mùi hôi khét bốc lên, khiến cho chư thiên sáu tầng trời cõi Dục⁸⁰⁰ đều phải tránh xa. Vì sao? Vì chúng sinh trong địa ngục A-tì hết sức tanh hôi”.

Kinh *Quán Phật tam-muội hải* ghi: “Đức Phật bảo A-nan, nếu chúng sinh nào [173b] giết cha, hại mẹ, mạng chửi lục thân, trong khoảng tâm thức mờ mịt lúc mạng chung, liền rơi thẳng xuống địa ngục A-tì nhanh như khoảng thời gian người lục sĩ co duỗi cánh tay.

Bấy giờ, vua Diêm-la hiện ra, quát lớn: ‘Người ngu si kia gieo nhân địa ngục. Khi ở nhân gian, người bắt hiếp cha mẹ, tà kiến, kiêu mạn, không có đạo đức, nên nay đọa vào địa ngục này’. Nói xong, vua Diêm-la biến mất. Khi ấy, ngục tốt đuổi bắt người tội từ ngăn dưới lên ngăn trên, trải qua tám mươi bốn nghìn năm. Người tội phải đu mình mà qua đến biên lưới sắt, một ngày một đêm khắp hết.

Một ngày một đêm ở địa ngục A-tì bằng sáu mươi tiểu kiếp ở cõi Diêm-phù-đề. Như vậy, thọ mạng hết là một đại kiếp. Người phạm đủ năm tội nghịch phải chịu tội cả năm đại kiếp.

Lại có chúng sinh phạm bốn giới trọng, uổng nhận của tín thí, phỉ báng tam bảo, tà kiến, không tin nhân quả, không học bát-nhã, khinh chê mười

⁸⁰⁰ Sáu tầng trời cõi Dục (lục dục thiên 六欲天; S: Cāturmahārājakāyika-deva): Tứ Thiên Vương thiên, Tam Thập Tam thiên, Diêm-ma thiên, Đâu-suất thiên, Hóa Tự Tại thiên và Tha Hóa Tự Tại thiên.

phương Phật, trộm vật của chúng tăng, dâm dật, bạo ngược, cưỡng bức tì-kheo-ni giữ giới thanh tịnh, hủy nhục chị em, bà con thân thích, không biết hổ thẹn, chê bai họ hàng, làm các việc ác. Những người này khi mạng chung, gió lạnh xé thân, chỉ trong phút chốc, thân như hoa sắt, đầy cả mười tám ngàn. Mỗi một hoa có tám mươi tư nghìn cánh, mỗi cánh đều có đầu, mình, bốn chi trái khắp ngàn ngục. Thân người tội vừa đủ lớn để đầy cả địa ngục A-tì, trải qua tám mươi tư đại kiếp.

Khi địa ngục A-tì này hoại, người tội lại vào mười tám ngàn ngục ở phương đông, cũng chịu khổ như trên. Phương nam, tây, bắc của địa ngục A-tì, mỗi phương người tội cũng trải qua mười tám ngàn như vậy.

Người hủy báng kinh Đại thừa, phạm đủ năm tội nghịch, phá hoại giới cấm, làm ô nhục tì-kheo, tì-kheo-ni, dứt các căn lành... thân đầy cả ngục A-tì, bốn chi trái khắp mười tám ngàn ngục. Địa ngục A-tì này chỉ thiêu đốt chúng sinh phạm các tội trọng trên.

Khi kiếp sắp hết, cửa ngục phương đông mở ra, người tội thấy bên ngoài có suối nước trong mát, rừng cây, hoa quả hiện ra đầy đủ. Những người tội từ ngàn dưới nhìn ra, mắt chột bùng sáng, từ ngàn dưới trườn mình, uốn thân bò lên ngàn trên, tay vịn bánh xe dao. Lúc ấy, trên không trung tuôn xuống những hòn sắt nóng. Khi người tội chạy đến cửa ngục phía đông, vừa đến cửa, ngục tốt la-sát liền cầm chĩa sắt móc mắt người tội, chỏ sắt cắn tim, khiến họ chết ngất. Chết rồi, sống lại, người tội thấy cửa ngục phía nam mở ra, chịu tội cũng như trước. Cửa ngục phía tây, phía bắc cũng lại như thế. Như vậy, tội nhân thọ khổ trải qua nửa kiếp.

Sau khi chết ở địa ngục A-tì, [173c] người tội rơi vào địa ngục Băng lạnh; chết ở địa ngục Băng lạnh, rơi vào địa ngục Hắc ám, tám mươi nghìn năm mắt không trông thấy vật gì. Mãn kiếp ở đây, người tội thụ thân trùng lớn, trườn bụng để di chuyển, tâm trí ngu tối, không chút hiểu biết, bị trăm nghìn loài chồn cáo tranh nhau ăn thịt. Sau khi mạng chung, kẻ ấy sinh vào loài súc sinh, làm thân chim thú trải qua năm mươi nghìn kiếp; sau đó, được sinh làm người, lại bị mù, điếc, câm, ngọng, ghẻ lở, ung nhọt, bần cùng, hèn hạ, tất cả tật ác đều mang vào thân. Chịu thân hèn hạ như thế đến năm trăm đời, rồi sinh vào loài ngựa quý, gặp các đại bò-tát thiện tri thức quở trách: ‘Trong vô lượng kiếp trước, người tạo vô số tội lỗi, phỉ báng

tam bảo, không tin nhân quả, nên bị rơi vào địa ngục A-tì, chịu các khổ não không thể kể xiết. Nay người cần phải phát tâm bồ-đề’.

Nghe lời ấy rồi, các naga quý niệm ‘Nam-mô Phật’. Nhờ công đức này, chẳng bao lâu, chúng mạng chung, sinh lên cõi trời Tứ Thiên Vương⁸⁰¹, ăn năn tự trách những tội đã tạo và phát tâm bồ-đề.

Ánh sáng từ bi của Phật không bỏ các naga quý này, tiếp độ chúng cũng như La-hầu-la, dạy tránh xa địa ngục... Cho nên, trong kinh *Khởi thế*, có bài kệ:

Nếu người ba nghiệp tạo lỗi lầm,

Mạng chung sẽ đọa vào đường ác,

Chịu khổ ở nơi ngục Đẳng hoạt,

Kinh sợ, hãi hùng rợn tóc gáy.

Trải qua vô số nghìn ức năm,

Chết rồi, sống lại trong chốc lát,

Oán thù chồng chất mãi trả vay,

Vì thế, chúng sinh giết nhau hoài.

Nếu khởi tâm ác với cha mẹ,

Hoặc Phật, bỏ-tát và thanh văn,

Thế là đọa địa ngục Dây đen,

Nơi ấy chịu khổ vô cùng tận.

Khiến người đoan chính thành tà dâm,

Có ý phá hoại người làm thiện,

⁸⁰¹ Tứ Thiên vương (Tứ Thiên xứ 四天處): tầng trời thứ nhất trong sáu tầng trời cõi Dục.

Người này cũng đọa ngục Dây đen.
Lưỡng thiệt⁸⁰², ác khẩu⁸⁰³ và vọng ngữ⁸⁰⁴,
Ba nghiệp thích tạo các việc dữ,
Không chịu hưởng theo những nghiệp lành,
Người ngu như thế hẳn phải đọa,
Địa ngục Chúng hợp, chịu khổ lâu.
Hoặc giết dê, ngựa, cùng loài trâu,
Gà, heo và những cầm thú khác,
Lại giết trùng kiến, loài bé nhỏ,
Người ấy phải đọa ngục Chúng hợp.
Khi sống khiến nhiều loài sợ hãi,
Thường hay nã loạn các chúng sinh,
Chết sẽ rơi vào ngục Núi đá,
Chịu khổ ép chặt và xay giã.
[174a] Do ba kết sử⁸⁰⁵ tham, sân, si,
Biến đổi chính pháp thành tà vạy,
Gây ra thị phi trái giới pháp,
Kẻ ấy chịu khổ ngục Dao kiếm.

⁸⁰² Lưỡng thiệt 兩舌: nói hai lưỡi, đến người này nói chuyện người kia, đến người kia nói chuyện người này, nhằm gây sự bất hòa giữa hai người.

⁸⁰³ Ác khẩu 惡口: miệng nói lời ác, mắng nhiếc, xúc não người.

⁸⁰⁴ Vọng ngữ 妄語: lời nói dối trá, không thật.

⁸⁰⁵ Kết sử 結使: tên khác của phiền não. Kết sử trói buộc chúng sinh khiến không thể vượt thoát sinh tử gọi là kết. Phiền não sai sử chúng sinh khiến tạo tác các việc ác gọi là sử.

*Cây thế, ý quyền cướp của người,
Không thể khỏe mạnh, hay ốm đau,
Thường làm các việc bức não ấy,
Quả báo bị voi sắt giày đạp.
Nếu thích giết hại các chúng sinh,
Tâm ác, thân hình vấy máu tanh,
Thường tạo các nghiệp bất thiện ấy,
Kẻ này sẽ đọa ngục Kêu gào.
Dùng muôn nghìn cách hại chúng sinh,
Trong ngục Kêu gào bị thiêu nấu.
Do tâm dối gạt và gian xảo,
Giám nhốt chúng sinh nơi rừng sâu,
Giăng lưới, vây vùng không thoát nổi,
Thường tạo những nghiệp ác như thế,
Kẻ kia đọa ngục Kêu gào lớn.
Đã rơi vào chốn khổ ải này,
Thành sắt cháy đỏ, thật ghê rợn,
Lại có nhà sắt và phòng sắt,
Người vào nơi ấy đều bị thiêu.
Nếu ở thế gian tạo nghiệp ác,
Thường làm não loạn các chúng sinh,*

*Kẻ ấy sẽ đọa ngục Thiêu nướng,
Muôn kiếp phải chịu cảnh cháy thiêu.
Nếu thường xúc não, làm buồn khổ,
Các bậc sa-môn, bà-la-môn,
Cha mẹ, tôn trưởng, người già cả,
Đều bị rơi vào ngục Thiêu nướng.
Ở đời không chịu tu thập thiện,
Ruồng bỏ mẹ cha, người thân thiết,
Những kẻ thích làm các việc này,
Nhất định rơi vào ngục Thiêu nướng.
Ác tâm đối với Bà-la-môn,
Sa-môn, cha, mẹ và người thiện,
Hoặc là làm hại bậc tôn quý,
Trong ngục Thiêu nướng bị cháy tiêu.
Người hay gây tạo các nghiệp ác,
Chưa từng phát khởi chút thiện tâm,
Sẽ bị rơi thẳng ngục A-tì,
Phải chịu vô số điều khổ não.
Nếu nói chính pháp thành phi pháp,
Nói điều phi pháp thành chính pháp,*

Không làm tăng trưởng các việc lành,

Người ấy sẽ đọa ngục A-tì.

Đẳng hoạt, Dây đen và Hợp hội

Kêu gào, Kêu gào lớn, thành năm,

Bức bách và Thiêu nướng là bảy,

Địa ngục A-tì là thứ tám.

Trên đây là tám địa ngục lớn,

Có mười sáu ngục nhỏ vây quanh,

Khổ đau khốc liệt không chịu được,

Đều do gây tạo các nghiệp ác”.

XXVIII.8. Khuyên răn

[174b] Kinh *Khởi thế* ghi: “Đức Phật dạy: Này các tì-kheo, ở nhân gian có ba vị thiên sứ, đó là già, bệnh và chết. Nếu chúng sinh nào buông lung, ba nghiệp tạo ác, sau khi mạng chung, sẽ rơi vào địa ngục. Lúc đó, ngục tốt dẫn người tội đến trước vua Diêm-la và tâu:

- Thưa đại vương! Chúng sinh này, khi xưa ở nhân gian, buông lung vô độ, ba nghiệp tạo ác, nay đọa vào đây, cúi xin đại vương răn dạy và khuyên bảo.

Vua Diêm-la hỏi người tội:

- Khi ở nhân gian, vị thiên sứ thứ nhất đã khéo dạy bảo, quả trách người, người không thấy vị ấy xuất hiện ở thế gian sao?

Người tội đáp:

- Thưa đại vương, tôi thật không thấy!

Vua lại hỏi:

- Xưa ở nhân gian, khi làm người, người không thấy người nam, người nữ có các tướng già nua hiện ra ư? Nào đầu bạc, răng long, da dẻ nhăn nheo, đôi môi khắp thân, tựa như hạt mè, tay quắp, lưng còng, đi đứng lụm cụp, chân không theo thân, nghiêng qua ngã lại, cổ nhỏ, da dòn, xệ xuống hai bên giống như yếm bò, môi miệng khô khát, cổ rát, lưỡi rít, thân thể ốm gầy, khí lực suy kiệt, hơi thở khò khè giống như cưa kéo, muốn đổ về trước, phải chống gậy đi. Khi càng về già, lại thêm suy yếu, xương thịt khô teo, gầy gò, ốm yếu, đi đứng trên đường, dáng vẻ nặng nề không bằng lúc trẻ, tâm thì tán loạn, thân thường run rẩy, tất cả khớp xương rã rời mỗi một. Người có thấy không?

Người tội đáp:

- Thưa đại vương! Tôi thật thấy thế.

Lúc ấy, vua bảo:

- Người là kẻ ngu si, không có trí tuệ, xưa đã từng thấy như thế, tại sao không nghĩ: ‘Ta nay không thể tránh khỏi các tướng già nua này, nên cần phải làm việc thiện để được lợi ích, an lạc lâu dài’.

Người tội lại đáp:

- Thưa đại vương! Tôi thật không nghĩ như thế là do tâm buông lung, làm điều xằng bậy.

Vua Diêm-la nói:

- Người là kẻ ngu si, buông lung, không làm việc thiện, nên nay phải chịu tội. Quả báo khổ này chẳng phải do người khác làm, mà là nghiệp ác do người gây ra, nên nay phải tự chuốc lấy.

Lần thứ hai, vua Diêm-la hỏi người tội:

- Người không thấy vị thiên sứ thứ hai xuất hiện ở thế gian sao?

Người tội đáp:

- Thưa đại vương, tôi thật không thấy!

Vua lại hỏi:

- Xưa ở nhân gian, khi làm người, hễ người phải thấy người nam, người nữ đang lúc bốn đại điều hòa, bỗng nhiên chống trái, bệnh tật bức bách, trói buộc khổ đau, hoặc nằm trên giường, tiêu tiểu tại chỗ, lăn lộn trên phân tiểu như nhóp. [174c] Mọi việc không thể tự làm, đứng ngồi ngủ nghỉ phải có người đỡ, giặt giũ quét dọn cũng cần người giúp, những việc trong ngoài, kể cả ăn uống, đều phải nhờ người. Người có thấy không?

Người tội đáp:

- Thưa đại vương, tôi thật thấy thế.

Vua lại nói:

- Này kẻ ngu si! Người thấy như vậy, sao không tự nghĩ: ‘Ta nay cũng chịu quy luật như thế, không thể thoát khỏi các bệnh tật này, nên làm việc thiện để sau ta được lợi ích, an lạc lâu dài’.

Người tội đáp:

- Tôi thật không nghĩ như thế là do tâm buông lung, làm điều xằng bậy.

Vua Diêm-la nói:

- Này kẻ ngu si! Người đã buông lung, không làm việc thiện, nên chuốc lấy quả khổ này, chẳng phải do người khác làm, mà là quả báo do người gây ra, tự mình gánh chịu.

Lần thứ ba, vua Diêm-la quở trách người tội:

- Người là kẻ ngu si! Xưa ở nhân gian, người không thấy vị thiên sứ thứ ba xuất hiện ở thế gian sao?

Người tội đáp:

- Thưa đại vương, tôi thật không thấy!

Vua lại hỏi:

- Xưa ở nhân gian, khi làm người, hễ người phải thấy người nam, người nữ khi thân hoại mạng chung được đặt trên giường, liệm bằng áo nhiều màu, đưa ra khỏi thôn xóm, giường cò, dựng phướn... Người thân vây quanh, đưa tay bứt tóc, bụi đất đầy đầu, thật là áo nã, lớn tiếng kêu gào, than van thảm thiết, đấm ngực, khóc la, đau đớn, ghen ngào. Người không thấy sao?

Người tội đáp:

- Thưa đại vương, tôi thật thấy thế.

Khi ấy, vua bảo:

- Này kẻ ngu si! Trước đây, người đã thấy như vậy, sao không tự nghĩ ta cũng phải chết, không thể thoát khỏi, nay nên làm thiện để ta mãi mãi được lợi ích lớn.

Người tội đáp:

- Thưa đại vương, tôi thật không nghĩ như thế là do tâm buông lung.

Bấy giờ, vua bảo:

- Người đã buông lung, không làm việc thiện, tự mình gây tạo nghiệp ác này, chứ không phải do người khác, nên phải chuốc lấy quả báo.

Sau khi mượn dụ ba vị thiên sứ để dạy bảo, quở trách tội nhân, vua Diêm-la ra lệnh ngục tốt đưa người tội đi. Liền đó, ngục tốt xách ngược người tội, rồi từ xa ném vào trong các địa ngục.

Có bài tụng:

Sinh đến tử đưa đi,

Ngày tháng xoay vần mãi,

Gió vô thường dấy động,

*Theo sóng cả đôi dờn.
Kẻ ngu bỏ đường chính,
Nổi chìm trong vực sâu,
Vừa đọa nơi tăm tối,
Muôn kiếp chịu khổ đau.
[175a] Luân hồi trong sáu nẻo,
Ba nghiệp chẳng làm lành,
Trôi dạt nào ai cứu!
Thảm thương! Tự xót xa.
Quán kỹ các hiện tượng,
Mới biết không thật mà,
Muốn vượt biển khổ sâu,
Phải lên thuyền bát-nhã”.*

Ngộ Bản dịch

CHU KINH YẾU TẬP

QUYỂN 19

XXIX. TỔNG CHUNG

Gồm chín phần: Lời dẫn, Xem bệnh, Chữa bệnh, Sắp đặt, Nhiếp niệm, Mạng chung, Đưa tiễn, Thọ sinh và Cúng tế.

XXIX.1. Lời dẫn

Ba cõi mênh mông, sáu đường đông đúc, tất cả các loài chúng sinh đều nhờ vào bốn đại phò trì, năm căn tạo thành hình thể. Thế nên, khi bốn đại tích tụ thì thành thân, khi phân tán thì trở về không. Tính chất của địa, thủy, hỏa, phong đều khác nhau; mỗi mỗi giữ tính chất riêng, nhưng đều mong dung hợp. Lẽ dung hợp rất khó, vì thế cần phải điều hòa, nếu để chống nhau thì dễ sinh rối loạn. Một đại không điều hòa thì bốn đại đều thương tổn.

Như địa đại tăng thì thân thể sạm đen, da thịt bầm xanh, kết tụ khối u cứng như sắt đá. Nếu địa đại suy giảm thì toàn thân gầy yếu, liệt nửa thân, khô khan, tiêu tụy, mắt mờ, tai điếc.

Nếu thủy đại tăng thì da thịt đầy nước, không còn khí sắc, toàn thân vàng bủng, thân sắc tiêu tụy, chân tay sưng phù, bàng quang căng trướng. Còn thủy đại giảm thì thân thể gầy gò, xương lộ, gân hiện, mạch chìm, môi và lưỡi khô khan, tai ù, mũi nghẹt, ngũ tạng như thiêu đốt, chất dịch khô cạn, không tiết ra ngoài, lục phủ tiêu hao, không thể đứng vững.

Nếu hỏa đại tăng thì toàn thân bứt rứt, nóng như lửa đốt, mụn nhọt sưng tấy, vết thương lở loét, máu mủ chảy tràn, xông mùi hôi thối. Còn hỏa đại giảm thì thân thể gầy yếu, lục phủ, ngũ tạng lạnh tanh, khí lạnh ngưng tụ nơi ngực, miệng như ngậm sương. [175b] Mùa hạ nóng bức, lại mặc áo da nhiều lớp vẫn không thấy ấm, ăn uống không tiêu, lại thường nôn mửa.

Nếu phong đại tăng thì khí đầy, ngực tức, lục phủ, dạ dày không thông, tay chân chậm chạp, yếu ớt tê đau. Còn phong đại giảm thì thân thể gầy yếu, sức lực mong manh như sợi chỉ, chuyển động mệt mỏi, hơi thở như ngắt

lại, ho hen nôn ọe, khó nuốt, bụng đầy, lưng gù, trong tim lạnh giá, cổ họng, gân mạch sưng phù.

Các bệnh như thế đều do bốn đại tăng hoặc giảm thất thường mà sinh ra. Hễ một đại tăng hoặc giảm thì ba đại kia đều khổ, dần dần phát bệnh, gây ra phiền não. Bốn đại chống nhau thì lục phủ khó điều hòa. Bởi vì đời trước gieo nhân ác, nay gặp quả báo khổ, lại không biết hổ thẹn, chẳng biết ân nghĩa. Luôn theo bốn mùa chu cấp những thứ cần dùng, ngày đêm nuôi dưỡng, thân này chưa từng biết ơn, chu cấp thiếu thốn một chút, liền sinh bệnh khổ.

Đã biết thân này vô ân thì đâu cần lao nhọc nuôi dưỡng. Dầu chu cấp cho thân thức ăn ngon, mặc đẹp, cuối cùng nó cũng trở thành phần ưế. Mục đích ăn uống là để giúp thân trừ đói khát, hoàn toàn không vì thân. Nếu cứ tiếp tục chất chứa như vậy, chỉ làm nhọc tâm ta, bỏ phước việc tiến tu đạo nghiệp. Thân này thật là vật chứa khổ, năm ấm như bình gốm, dễ vỡ khó giữ, tan nhanh như bọt nước. Bốn đại không thật, thường chống trái nhau; năm ấm gá nương, sinh nhiều phiền não. Lại chúng ta sinh làm người ở đời năm trước này, nhận chất huyễn làm thân, ở trong cảnh lo sợ. Cõi u minh có vô lượng quỷ thần, giống loài vô kể, không sao tính hết; hoặc nương vào phòng xá, am miếu, núi, gò. Hễ ở đâu có hiển linh thầy đều đến cầu thỉnh, khiến cho tinh thần u tối, thần thức mịt mờ, ngủ hay thức, lòng đều sợ hãi; tất cả đều mong khi gặp nguy hiểm mà nhiếp niệm, không đợi xưng ba lần danh hiệu Phật liền được bình an, đâu nhọc niệm nghìn biến. Cầu cho thánh đạo rộng lớn, đầy đủ oai quang, để làm lợi lạc quần sinh, không ai bị nỗi hại. Sau đây là lời thật đáng ghi, bằng chứng được trình bày.

XXIX.2. Chăm sóc người bệnh

Còn là phàm phu thì ai mà không bệnh? Vì có báo thân nên thường bị bệnh tật. Hoặc có người bỏ tục xuất gia, một mình ở nơi vắng vẻ; hoặc có người nghèo bệnh, già yếu, không nơi nương tựa, nếu không chăm sóc thì họ nhờ cậy vào đâu?

Cho nên, trong luật *Tứ phần*, Đức Phật dạy: “Từ nay trở đi phải có người chăm sóc, nuôi bệnh. Nếu muốn cúng dường Ta, trước phải cúng dường người bệnh. Cho đến đi trên đường, gặp người trong năm chúng xuất gia bị bệnh, Đức Phật dạy phải ở lại chăm sóc, nếu người nào gặp mà bỏ đi

thì [175c] bị kết tội. Tâm của các Đức Phật lấy đại từ bi làm thể. Thực hành đúng theo lời dạy của Ta tức là thể hiện tâm Phật vậy”.

Như luật *Tăng-kỳ* ghi: “Nếu đi trên đường gặp người trong năm chúng xuất gia bệnh thì phải tìm xe chở về chăm sóc, cúng dường đúng như pháp, cho đến khi người ấy chết, cũng nên hỏa táng, chôn cất, không được bỏ rơi”.

Có chín trường hợp dẫn đến chết oan:

1. Biết thức ăn không tốt mà vẫn ăn.
2. Ăn không chừng mực.
3. Thức ăn chưa tiêu mà lại ăn tiếp.
4. Thức ăn chưa tiêu mà muốn cho ra.
5. Thức ăn đã tiêu, nên cho ra mà ép giữ lại.
6. Thức ăn không hợp với bệnh.
7. Thức ăn hợp với bệnh, nhưng ăn không chừng mực.
8. Lười biếng.
9. Không có trí tuệ.

(Như trong kinh Dược Sư cũng có nói chín thứ chết oan).

Lại nữa, kinh *Tăng nhất a-hàm* ghi: “Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các tì-kheo: Có năm lý do mà người chăm sóc khiến bệnh nhân không lành:

1. Không biết phân biệt thuốc tốt
2. Lười biếng
3. Thường sân giận và ham ngủ nghỉ
4. Vì tham cầu ăn mặc mà chăm sóc người bệnh

5. Không chăm sóc đúng, cũng không nói chuyện với người.

Nếu ngược lại năm lý do trên thì bệnh mau lành”.

Trong kinh *Thiện sinh*, Đức Phật nói kệ khen:

Người chăm sóc bệnh nhân,

Phải sẻ chia nỗi khổ,

Thiện ác có báo ứng,

Như gieo nhân gặt quả.

Đức Thế Tôn là cha,

Các kinh giáo là mẹ,

Đồng học là anh em,

Do đây mà giải thoát.

Lại nữa, kinh *Pháp cú dụ* ghi: “Ngày xưa có một nước tên Hiền-đề. Bảy giờ, có một vị tì-kheo trưởng lão mắc bệnh đã lâu, thân thể gầy yếu, dơ bẩn, nằm ở tinh xá Hiền Đề, không người chăm sóc. Đức Phật dẫn năm trăm tì-kheo đi đến chỗ ấy. Ngài bảo các tì-kheo thay nhau chăm sóc và lo cơm cháo thuốc men cho tì-kheo bệnh, nhưng khi ngủ thấy mùi hôi, các vị ấy đều sinh tâm khinh rẻ. Đức Phật liền sai Đế Thích lấy một chậu nước ấm đến, Ngài dùng tay kim cương tắm rửa cho vị tì-kheo bệnh kia. Khi ấy, mặt đất bỗng nhiên chấn động, bầu trời rực sáng, mọi người đều kinh sợ. Quốc vương cùng vô số thần dân, trời, rồng, quỷ thần kéo đến, cúi đầu đảnh lễ và bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn! Ngài là Đấng Chí Tôn trong ba cõi không ai sánh bằng, [176a] đạo đức đầy đủ, tại sao phải hạ mình tắm cho tì-kheo bệnh kia?

Đức Phật bảo:

- Như Lai sở dĩ xuất hiện ở đời chính là vì những người nghèo cùng, khổ khổ không nơi nương tựa này. Nếu ai chăm sóc nuôi dưỡng đạo nhân, sa-môn bệnh tật, những kẻ bần cùng và người già cô độc sẽ được phúc vô lượng, sự mong cầu được như ý, cuối cùng sẽ đắc thánh đạo.

Vua lại bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn! Vị ti-kheo này đời trước tạo tội gì mà bị bệnh hành hạ nhiều năm, chữa mãi không lành?

Đức Phật bảo:

- Ngày xưa có vị vua tên Ác Hạnh, thi hành chính sách rất bạo ác. Vua sai một người có sức mạnh là Ngũ Bá thi hành hình phạt đánh người. Ngũ Bá mượn uy quyền của vua mà tung hoành. Người sắp bị phạt roi, nếu mang nhiều của cải lo lót thì ông ta đánh nhẹ, ai không có thì bị đánh nặng. Do đó, cả nước vô cùng lo sợ.

Bấy giờ, có một hiền giả bị người mưu hại, nên phải chịu đòn roi. Hiền giả kia nói với Ngũ Bá:

- Tôi là đệ tử Phật, vốn không có tội, bị người hãm hại, xin ông tha thứ!

Ngũ Bá nghe nói đệ tử Phật nên đánh nhẹ tay, roi không chạm vào thân. Sau khi Ngũ Bá mạng chung, đọa vào địa ngục, bị tra khảo đánh đập đau đớn muôn lần. Tội địa ngục hết, lại đọa làm súc sinh, thường bị đánh đập trong hơn năm trăm kiếp. Khi tội báo ở loài súc sinh hết thì sinh làm người, thân thường bị bệnh khổ.

Quốc vương lúc ấy nay chính là Điều-đạt. Ngũ Bá là ti-kheo bệnh đây. Người hiền lúc ấy là Ta. Do đời trước Ngũ Bá tha cho Ta, đánh roi không chạm vào thân, nên hôm nay đích thân Ta tắm rửa cho ông. Người tạo thiện hoặc ác thì họa, phúc sẽ báo ứng, dù sống hay chết cũng không tránh khỏi.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền nói kệ:

Đánh đập người lương thiện,

*Vọng cho là không tội,
Thật tội gấp mười lần,
Họa đến không thể cứu,
Sống chịu nhiều khổ đau,
Thân thể không vẹn toàn,
Bệnh tật bất ngờ đến,
Tâm ý luôn sợ hãi,
Bị mọi người chê cười.
Hoặc chịu nạn quan quyền,
Tài sản bị tiêu hao,
Quyền thuộc phải chia lìa,
Nhà cửa bị lửa thiêu,
Chết đọa vào địa ngục,
Đây chính là mười tội.*

Tì-kheo bệnh khi nghe Đức Phật nói kệ này và việc kiếp trước, liền dốc lòng tự trách, nên bệnh tật tiêu trừ, liền chứng quả A-la-hán. Vua nước Hiền-đề suốt đời thực hành theo bài kệ, nên chứng quả Tu-đà-hoàn”.

Kinh *Thiện sinh ghi*: “Người chăm sóc bệnh nhân không nên sinh buồn chán. Nếu mình không có tài vật thì ra ngoài xin. Nếu xin không được thì vay mượn vật tam bảo, đến khi lành bệnh, phải trả lại gấp mười lần”.

[176b] Lại nữa, *Ngũ bách vấn sự ghi*: “Người chăm sóc bệnh lấy vật của người bệnh cho một người bệnh khác mà không hỏi trước, hoặc hỏi mà người bệnh ấy giận trách thì không được dùng. Nếu đã lấy nên trả lại, không trả thì phạm trọng tội”.

Luật *Tứ Phần* ghi: “Chăm sóc người bệnh phải có năm đức tính:

1. Biết những thức ăn mà người bệnh dùng được và không được. Nên cho dùng những món có thể ăn được
2. Không nhòm góm khi người bệnh đại, tiểu tiện, khạc nhổ, nôn mửa
3. Có lòng thương xót, không vì cầu ăn mặc mà chăm sóc người bệnh
4. Luôn chăm lo thuốc men cho người bệnh, đến lúc họ lành bệnh hoặc mạng chung
5. Luôn thuyết pháp khiến cho tâm người bệnh hoan hỷ, chính mình cũng tăng trưởng pháp lành”.

XXIX.3. Chữa bệnh

Phàm là người thì có thân thể, ngũ tạng, khí thức khí ngũ, hơi thở ra vào, tinh khí vận chuyển; nếu lưu thông thì khí huyết tuần hoàn, vượng thì tạo thành khí sắc, phát thì thành âm thanh. Đây là lẽ thường tình của con người. Dương thì thuộc tinh thần, âm thì thuộc hình sắc, tất cả mọi người đều giống nhau. Đến khi không điều hòa, nếu khí huyết nóng thì phát nhiệt, ngược lại thì phát hàn, kết tụ thì thành khối u, ngăn trệ thì sinh ra ung thư, lưu chuyển nhanh thì hồi hộp lo sợ, cạn kiệt sinh ra nóng bức. Cho nên người thầy thuốc giỏi dùng kim châm đất dẫn tinh khí, dùng thuốc tốt để cứu chứng bệnh. Còn thánh nhân dùng chí đức để điều hòa, dùng việc thế gian để làm lợi ích. Cho nên trừ được bệnh của thân, tiêu được mối họa trong trời đất.

Kinh *Tăng nhất a-hàm* ghi: “Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các tì-kheo, có ba căn bệnh lớn: bệnh phong, bệnh đàm và bệnh lạnh.

Nhưng cũng có ba loại thuốc hay để chữa trị: Một, nếu bệnh phong thì dùng váng sữa làm thuốc và thức ăn; hai, nếu bệnh đàm thì dùng mật làm thuốc và thức ăn; ba, nếu bệnh lạnh thì dùng dầu làm thuốc và thức ăn.

Tì-kheo cũng có ba mối họa lớn như thế: tham dục; sân hận và ngu si.

Cũng có ba loại thuốc tốt để đối trị: Một, đối với bệnh tham dục, nên dùng pháp bất tịnh đối trị và tư duy về pháp đó; hai, đối với bệnh sân hận, nên dùng tâm từ đối trị và tư duy về pháp đó; ba, đối bệnh ngu si, dùng trí tuệ đối trị và quán xét pháp nhân duyên sinh”.

[176c] Lại nữa, luận *Trí độ* ghi: “Bát-nhã ba-la-mật có thể diệt trừ tận gốc tám mươi bốn nghìn căn bệnh. Tám mươi bốn nghìn căn bệnh này đều do bốn bệnh khởi lên tham, sân, si. Bốn bệnh này, mỗi mỗi có hai mươi một nghìn căn bệnh. Quán bất tịnh để trừ hai mươi một nghìn phiền não tham dục. Quán từ bi để trừ hai mươi một nghìn phiền não sân giận. Quán nhân duyên để trừ hai mươi một nghìn phiền não ngu si. Dùng chung các phương pháp trên để trừ hai mươi một nghìn phiền não gồm cả tham, sân, si. Giống như viên minh châu có thể trừ bóng tối, cũng vậy bát-nhã ba-la-mật có thể trừ phiền não ba độc”.

XXIX.4. Sắp đặt

Luận rằng: Nhà tam giới vốn là nơi chứa tứ đại; cảnh của lục trần, là chỗ trú của năm ấm. Do vọng tưởng đối tạo, điên đảo giao xen, khiến cho muôn thứ khổ tranh nhau trói buộc, trăm mối lo cùng hội tụ. Nay quả báo đã chín muồi, mạng sống như đèn trước gió. Nhưng chúng sinh cứ tham đắm, đến chết cũng không tỉnh ngộ. Lo sợ nếu chúng sinh ở mãi một nơi thì mền tiếc của cải, lưu luyến quyến thuộc, nên Đức Phật dạy thay đổi chỗ ở, khiến cho họ sinh tâm nhàm chán, biết sự vô thường sắp đến, mà khởi tâm chính niệm.

Luật *Tăng-kỳ* ghi: “Nếu vị đại đức bệnh, nên chọn căn phòng tốt, thoáng mát để tăng, ni, Phật tử đến thăm hỏi kết thiện duyên. Người chăm sóc bệnh, mỗi ngày phải đốt hương đèn, rải nước thơm trên đất để đón tiếp khách”.

Bức tranh ở chùa Kì-hoàn tại Tây Vực có tả: "Góc tây bắc của chùa, hướng mặt trời lặn là viện Vô Thường. Nếu có người nào bệnh thì sắp đặt cho nghỉ trong đó. Phần nhiều họ sinh tâm buồn chán bỏ đi, chỉ còn một vài người ở lại. Trong căn nhà ấy có đặt pho tượng Phật đứng, sơn nhũ vàng, xoay mặt về hướng đông. Phải nên đặt người bệnh ngồi đối diện trước tượng, nếu người bệnh quá yếu thì cho nằm xuống, xoay mặt về hướng tây, quán tướng hảo của Phật. Trong tay pho tượng cầm lá phan năm màu, bảo

người bệnh nằm dưới lá phan, nghĩ đến việc vãng sinh Tịnh độ. Người bệnh ngồi ở đó, dù có đại, tiểu tiện, Thế Tôn cũng không cho là dơ bẩn. Vì cõi này vốn là uế trược, nhưng Ngài vẫn đến tiếp độ chúng sinh hạ căn. Huống gì nay đối với người sắp mạng chung, Phật đâu thể bỏ họ được! Tùy theo người bệnh thích cảnh giới nào mà sắp đặt tượng Phật A-di-đà, hoặc Phật Di-lặc, Phật A-súc, bồ-tát Quán Âm... như trước, [177a] rồi luôn đốt hương, rải hoa cúng dường, khiến cho người bệnh phát tâm bồ-đề."

XXIX.5. Nhiếp niệm

Ba cõi chẳng thật có, năm ấm đều không, nhưng vọng khởi bốn đảo⁸⁰⁶, mười triền⁸⁰⁷ cùng nhau hòa hợp. Tất cả như điện chớp, vạn kiếp thoáng qua chỉ trong chốc lát; thân già như giếng khô dễ mất, trăm năm vụt nhanh như gãy móng tay, cứ theo mãi đường mê, chẳng biết lối về. Không biết thân bảy thước nhỏ bé này là giả tạm; tai, mắt luôn duyên theo ngoại cảnh, suốt ngày nói suông. Đã không nơi nương tựa, không ai cứu giúp, mà còn không tin nhận, một khi bỏ thân mạng này rồi, thì không hẹn ngày làm người trở lại. Vì thế, phải tự phản tỉnh thương cho chính mình, gặp nguy hiểm mà nên tu tập.

Luật *Thập tụng* ghi: “Người chăm sóc bệnh phải tùy thuận người bệnh, nên khen ngợi việc tu học của vị ấy ngày trước, không được chê bai mà làm lui sụt tâm tốt ban đầu của họ”.

Luật *Tứ phần* ghi: “Người chăm sóc bệnh nên thuyết pháp cho người bệnh nghe, khiến họ sinh tâm hoan hỷ”.

Luận *Tỳ-ni mẫu* ghi: “Nếu người bệnh không nghe lời của người chăm sóc, người chăm sóc làm trái ý người bệnh, cả hai đều mắc tội”.

Kinh *Hoa nghiêm* có bài kệ nói về người bệnh lúc sắp mạng chung:

Thấy ánh sáng kia là thấy Phật,

⁸⁰⁶ Bốn đảo (tứ điên đảo 四顛倒; S: viparyāsa): phạm phu không biết tướng chân thật của cõi mê, nên đối với sự vô thường của thế gian chấp là thường, đối với các khổ chấp cho là vui, đối với vô ngã cho là ngã, đối với bất tịnh cho là tịnh.

⁸⁰⁷ Mười triền (thập triền 十纏): mười thứ phiền não do nương vào tham sân si mà khởi, tương ưng với tâm nhiễm ô, tạo các ác hạnh, trói buộc chúng sinh trong sinh tử. Đó là vô tâm, vô quý, tật, san, hối, miên, điệu cử, hôn trầm, phân, phú.

Ánh sáng khai ngộ người lâm chung,

Niệm Phật tam-muội sẽ thấy Phật,

Sau khi bỏ thân sinh cõi Phật.

Khuyên người lâm chung nên niệm thiện,

An trí tôn tượng bảo chiêm ngưỡng,

Lại khuyên người bệnh hãy quy y,

Nhân đây thấy được hào quang Phật.

Giải thích: Như trước đã dạy, mang kinh, tượng đến nơi người bệnh, viết rõ tên kinh và danh hiệu của tượng, rồi đọc lên cho người bệnh nghe. Kế đó bảo người bệnh mở mắt ra nhìn, giúp cho họ tỉnh táo và thính người có đức độ đọc tụng kinh điển Đại thừa, khen ngợi tán dương, treo tràng phan, bảo cái, rải hoa khắp trước mắt, xông hương vào mũi, thường nói lời hay, không truyền lời ác. Do lúc sắp mạng chung, người bệnh thấy nhiều cảnh ác hiện ra mà không thể vững chí dẹp trừ. Vì thế, người chăm sóc bệnh phải tìm cách khéo léo để khuyên nhủ, khiến cho niệm niệm nối tiếp trong từng sát-na không gián đoạn. Nhờ vào phúc lực này người bệnh có thể phát ý niệm vãng sinh Tịnh độ.

Luận *Đại Trí Độ* ghi: “Lúc sống làm việc thiện, đến khi gần chết lại khởi niệm ác thì liền sinh vào đường dữ. Lúc sống tạo nghiệp ác, nhưng khi gần chết khởi niệm thiện thì được sinh lên cõi trời”.

Kinh *Duy-ma* ghi: “Nhớ đến phúc của mình đã tu và nghĩ đến đời sống thanh tịnh”.

Kinh *Chính pháp niệm* ghi: “Nếu người giữ giới phục vụ người bệnh phá giới mà không cầu báo đáp, tâm không biết chán, người ấy lúc mạng chung sinh lên [177b] cõi trời Phổ Quang, tha hồ hưởng thụ năm món dục”.

Lại nữa, luận *Vãng sinh* ghi: “Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân tu năm niệm môn thành tựu rốt ráo, sẽ được vãng sinh về cõi Cực Lạc, thấy Đức Phật A-di-đà.

Năm môn là: lễ bái, khen ngợi, phát nguyện, quán xét và hồi hướng”.

Kinh *Tùy nguyện vãng sinh* ghi: “Đức Phật bảo bồ-tát Phổ Quang: Nếu bốn chúng nam, nữ, đến ngày sắp mạng chung, phát nguyện sinh về cõi Phật trong mười phương, thì quyền thuộc trước phải tắm rửa thân thể, mặc áo sạch sẽ, đốt các hương thơm, treo tràng phan bảo cái, ca ngợi tam bảo, đọc tụng kinh điển, nói pháp nhân duyên thí dụ cho người bệnh nghe. Lại dùng lời lẽ khéo léo diễn nói nghĩa vi diệu của kinh như các hành đều là khổ, không, chẳng phải thật, do bốn đại giả hợp. Thân thể như cây chuối không bền chắc, lại như điện chớp không thể dừng lâu. Cho nên nói sắc thân không thể tươi trẻ mãi, mà cũng sẽ hủy hoại. Chỉ có thành tâm siêng năng học đạo mới được thoát khổ và điều mong cầu đều như ý”.

XXIX.6. Mạng chung

Bốn đại là đồ chứa chất độc, đầy dẫy dơ uế; sáu tên giặc là bọn chủ cuồng loạn, luôn tham đắm ngoại cảnh, không có ngày lợi ngược dòng sinh tử, mà cứ chuyển theo thế tuần hoàn của nó. Thậm chí có người chia bớt một mảnh vải để làm lợi ích chúng sinh cũng tiếc, bớt một bữa ăn để tiếp tế lương thực cho người khác cũng không chấp nhận, nên chìm đắm trong sinh tử, chấp chặt pháp hữu vi. Vì điều đó mà các Đức Phật chau mày, bồ-tát tuôn lệ. Trộm nghĩ: Những người giàu sang tôn quý ở đời, khi cha mẹ mạng chung, bày ra nhiều lễ nghi tống táng, giết nhiều sinh mạng, nhóm họp họ hàng, thết đãi quan khách. Chỉ vì cầu danh tiếng hiện tại mà không tránh nghiệp nhân, hoặc sợ người ngoài chê cười mà không làm theo chính pháp. Cho nên, cha chết, vì việc làm này khiến tội khổ chất chồng, mẹ mất càng thêm nhiều nỗi lầm than. Vì thế, họ trôi lăn trong ba cõi, ở mãi nơi sáu đường. Thật là, bốn nẻo dễ vào, muôn kiếp khó thoát ra. Đau xót thay cho vong linh của người mẹ hiền, cha kính; xót xa thay sự báo đáp bằng việc ác của người con bất hiếu!

Hạn hán kéo dài ắt mong được mưa thấm ướt, dịch bệnh nhiều hẳn phải nhờ đến thuốc của lương y. Cha mẹ đã là phạm phu, đâu thể không tạo nghiệp ác. Nếu không diệt nhân của tội thì nghiệp báo khó trừ, nếu không nhờ vào phúc đức thù thắng thì quả vui làm sao có được? Giá như, lúc sắp mạng chung mà phát nguyện đưa vào an táng trong rừng Thi-đà, mong giúp loài cầm thú trừ đói khát, tiền của đem tu tạo công đức, thì sẽ tránh khỏi mối nợ đời sau.

[177c] Trong kinh *Thập nhị phẩm sinh tử*, Đức Phật dạy về người chết, có mười hai phẩm:

1. Vô dư: bậc a-la-hán không còn chấp trước.
2. Độ ư: bậc a-na-hàm không còn sinh trở lại.
3. Hữu dư: bậc tu-đà-hàm sau khi qua đời sẽ sinh trở lại.
4. Học độ: bậc tu-đà-hoàn thấy được lý đạo.
5. Vô khi: người hướng đến bát bô.
6. Hoan hỷ: tu hành nhất tâm.
7. Sác sác: người phá giới.
8. Hối: hàng phàm phu.
9. Hoạnh tử: người khổ cô đơn.
10. Phục trước: loài súc sinh.
11. Thiêu chước: chúng sinh ở địa ngục.
12. Cơ khát: ngạ quỷ.

Tì-kheo nên biết rõ các điều này, chớ nên buông lung.

Lại nữa, kinh *Tịnh độ tam-muội* ghi: “Nếu người tạo nghiệp thiện hoặc ác, được sinh lên trời hay đọa địa ngục, lúc sắp mạng chung, mỗi mỗi đều có người đến rước. Lúc sắp chết, họ thấy người đến đón. Nếu là người đáng được sinh lên trời thì thấy chư thiên cầm y phục của trời và trỗi âm nhạc đến rước. Còn người đáng sinh vào phương khác thì thấy người tôn quý nói lời hay. Nếu người tạo nghiệp ác bị rơi vào địa ngục, sẽ thấy binh sĩ cầm đao kiếm, mâu kích đến vây quanh mình. Cảnh tượng mỗi người trông thấy đều khác nhau, khi ấy miệng họ không nói được, chỉ tùy theo nghiệp đã tạo mà thụ quả báo. Phép trời bình đẳng không xử oan ai, theo nghiệp đã tạo mà trị”.

Kinh *Hoa nghiêm* ghi: “Người sắp mạng chung, thấy thân trung âm hiện ra. Nếu tạo nghiệp ác, sẽ thấy chịu khổ trong ba đường ác, hoặc thấy vua Diêm-la cầm các binh khí bắt tội nhân dẫn đi, hoặc nghe tiếng rên xiết đau khổ. Nếu tạo nghiệp thiện, thấy những việc thù thắng như cung điện cõi trời, các kĩ nữ trang sức rực rỡ, nô đùa vui vẻ”.

Kinh *Pháp cú dụ* ghi: “Ngày xưa, Đức Phật ở tại tinh xá Kì-hoàn, thuyết pháp cho trời và người nghe. Bấy giờ, có vị trưởng giả sống ở bên đường gần tinh xá; ông rất giàu, của cải vô số, nhưng chỉ có một người con trai vừa tròn hai mươi tuổi, mới cưới vợ chưa được bảy ngày. Hai vợ chồng rất thương yêu nhau. Vào tiết xuân tháng ba, hai vợ chồng muốn đến vườn sau nhà ngắm cảnh dạo chơi. Trong khu vườn ấy có một cây táo lớn, trổ hoa rất đẹp. Người vợ muốn có hoa đỏ mà không có ai hái giúp, nên người chồng leo lên cây, mới bước ra một cành nhỏ thì cành gãy rơi xuống đất chết. Cả nhà ông trưởng giả chạy đến. Ông kêu gào khóc lóc thảm thiết, ngắt xiú một hồi lâu mới tỉnh lại. Mọi người nghe thấy đều đau lòng. Sau khi tân liệm xong đưa về nhà mà [178a] mọi người vẫn khóc mãi không thôi.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn thương xót họ ngu muội, nên đến hỏi thăm và an ủi. Cả nhà ông trưởng giả trông thấy Đức Phật, xúc động buồn thương, đĩnh lễ và trình bày hết nỗi khổ đau.

Đức Phật bảo:

- Thôi đừng khóc nữa! Hãy lắng lòng nghe pháp! Vạn vật đều vô thường, không thể bền lâu, có sinh thì có tử, tội và phúc theo nhau. Người con này chết đi khiến ba nơi đều khóc lóc, sầu thương không kiềm chế được. Rốt cuộc nó là con ai? Ai là cha mẹ của nó?

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền nói kệ:

Mạng như hoa, trái chín,

Luôn lo sợ rụng rơi,

Sinh ra ắt có khổ,

Có ai không chết đâu?

*Từ đâu ra ái dục,
Mong được gá vào thai,
Thụ thân như điện chớp,
Ngày đêm chuyên không dừng.
Thân này là vật chết,
Tinh thần vốn vô hình,
Thân chết rồi lại sinh,
Tội phúc không tan mất.
Trước sau chẳng một đời,
Do si ái dài lâu,
Tự mình thụ khổ, vui,
Thân chết, thân không mất.*

Trưởng giả nghe kể rồi, tâm ý thông suốt, không còn lo buồn, quỳ xuống bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn! Đứa con này kiếp trước tạo tội gì mà nay đang mạnh khỏe lại bị chết yểu? Cúi xin Đức Thế Tôn dạy cho con biết!

Đức Phật bảo:

- Ngày xưa có một đứa bé cầm cung tên đến chơi ở chỗ cây thần, bên cạnh cũng có ba người đứng xem. Trên cây có một con chim sẻ, đứa bé muốn bắn, ba người kia khuyến khích: 'Nếu có thể bắn trúng con chim đó, người là đứa bé giỏi nhất thế gian'. Nghe nói thế thích quá, nó liền giương cung bắn, chim bị trúng tên chết. Ba người kia cùng nhau cười vui đùa theo đứa bé, rồi mỗi người đi một nơi. Trải qua nhiều kiếp trong sinh tử, sinh vào nơi nào cũng tự hội mà thụ tội. Trong đó, một người có phúc, nay ở cõi

trời; một người sống dưới biển làm long vương; một người nữa nay chính là ông trưởng giả vậy. Ngày trước, đứa bé này sinh lên làm con của trời, cuối cùng rơi trên cây xuống chết; sau đó sinh xuống biển làm con của long vương, vừa mới sinh ra, bị chim đại bàng cánh vàng chúa bắt ăn thịt. Hôm nay ba nơi ấy đều khóc lóc buồn thảm, không thể tả xiết. Ba người này vì đời trước giúp vui cho đứa bé, nên phải chịu quả báo như thế.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền nói kệ:

Thân thức đến ba cõi,

Thiện ác sinh ba nơi,

[178b] Đến đi trong âm thầm,

Chỗ sinh như tiếng vang,

Cõi Dục, Sắc, Vô sắc,

Thầy do nhân đời trước,

Gieo nhân như hình tượng,

Cảm quả như bóng hình.

Trưởng giả nghe Đức Phật nói kệ rồi, tâm ý thông suốt, cả nhà đều vui vẻ, đắc quả Tu-đà-hoàn”

Luật *Tứ phần* ghi: “Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì làm lợi ích cho chúng sinh sắp mạng chung mà nói kệ:

Tất cả sẽ về không,

Lên cao sẽ phải rơi,

Có sinh phải có chết,

Thân mạng đều vô thường,

Chúng sinh đọa rất nhiều,

*Thầy đều là hữu vi,
Tất cả các thế gian,
Đều phải có già chết,
Chúng sinh là pháp thường,
Đời đời đều phải chết,
Tùy theo nghiệp đã tạo,
Tội phúc có quả báo,
Nghiệp ác đọa địa ngục,
Nghiệp thiện sinh lên trời,
Thanh cao sinh đường lành,
Được niết-bàn vô lậu”.*

XXIX.7. Đưa tiễn

Giải thích: Sinh tử xoay vần không lìa tục đế. Tuy là người xuất gia chí cầu đạo thù thắng, nhưng phần đoạn sinh tử khó dứt, biến dịch sinh tử chưa trừ, vẫn cứ trôi lăn trong ba cõi, lưu chuyển theo thế tục. Cho đến việc sống chết đều nương vào tứ đại bên trong và các duyên bên ngoài. Lúc sắp mạng chung, nên an trí nơi thuận tiện, nghi thức lễ tang được nói đầy đủ dưới đây.

Luận về người chết, phải đặt theo hướng nam hoặc bắc, hồn và phách không giống nhau, nay chỉ trình bày ngắn gọn.

Chương *Lễ vận* trong *Lễ ký* ghi: “Thê phách thì đi xuống, tri khí bay lên. Do đó, người chết thì đặt đầu xoay về hướng bắc, người sống thì nằm đầu quay về phía nam”.

Chương *Giao đặc sinh* trong *Lễ ký* ghi: “Hồn khí bay lên trời, hình phách trở về với đất, cho nên cúng tế để cầu thuận lẽ âm dương”.

Chương *Tế nghĩa* trong *Lễ kí* ghi: “Khí là thần đầy đủ nơi thân, hồn là qui sung mãn nơi thể”.

Tả truyện, chương *Lỗ Chiêu công* năm thứ 7 ghi : “Tử Sản nói với Triệu Cảnh Tử: Con người lúc sinh ra, vừa hiện thành thì gọi là phách, đã sinh phách, thì dương khí của phách ở nơi thân gọi là hồn. Người dùng nhiều thức ăn ngon thì hồn phách họ mạnh, do đó mà tinh thần đạt đến chỗ sáng suốt. Đàn ông hay đàn bà tầm thường bị chết oan, hồn phách của họ có thể dựa vào người khác để tác oai. Huống là vất vương giữa hư không?”

[178c] Hoài Nam Tử⁸⁰⁸ nói: “Khí trời là hồn, khí đất là phách.”

Phách hỏi Hồn:

- Đạo lấy gì làm thể? Lấy vô hình hay hữu hình?

Hồn đáp:

- Hữu hình. Nếu vô hình thì cần gì phải hỏi! Tôi đã gặp nó rồi, nhìn thì không thấy hình, lắng nghe thì chẳng có âm thanh, gọi đó là u minh. Nói u minh là để dụ cho đạo, mà chẳng phải là đạo.

Hỏi: Đã biết Hồn và Phách khác nhau, hiện nay tại sao người thể gian chết dùng áo của người chết để gọi hồn mà không nói gọi phách?

Đáp: Hồn là linh hồn, phách là thi thể. Cho nên theo kinh *Lễ* ghi: “Người mới chết, lấy áo lúc sống họ thường mặc trùm lên, vì hồn đã xuất khỏi xác, mang cái áo đó đi gọi hồn, để hồn biết cái áo của mình, mà trở về nhập vào phách. Nếu hồn trở về nhập vào phách thì miệng của thầy chết máy động, nếu hồn không trở về nhập vào phách thì miệng không máy động. Theo lý này, nên nói là gọi hồn, chứ không nói gọi phách”.

Bộ Tiêu táng phục yếu ký ghi: *Lỗ Ai Công* an táng cha, *Không Tử* hỏi:

- Không làm áo hồn ư?

Lỗ Ai Công đáp:

⁸⁰⁸ Hoài Nam Tử 淮南子 (Cg: Lã Lãm, Lã Bất Vi): một vị tướng đời Tần.

- Áo gọi hồn này xuất phát từ ông Bá Đào. Bá Đào đến núi Kinh, trên đường đi bị chết rét, người bạn tên Dương Giác Ai đến đưa thi thể bạn về chôn cất và cũng thương xót linh hồn bị lạnh, nên chế ra áo hồn. Khi cha ta còn sống thì mặc gấm vóc lụa là, lúc chết vẫn mặc áo đầy đủ, đâu cần dùng áo hồn?

Hỏi: Tại sao phải viết tên họ của người chết lên lá phan?

Đáp: Phan chiêu hồn đặt phía tây bắc để hồn biết tên của mình tìm về nhà tối mà nhập vào phách, hoặc vào trùng thất. Trong đó sắp đặt đầy đủ các thức ăn để cúng tế. Vì người sống và người chết khác nhau, thấy tối và sáng không đồng. Quỷ thần ăn trong tối, người sống ăn ngoài sáng, cho nên dùng nhiều lớp chiếu cỏ để bọc thức ăn đặt trong trùng thất tại phía tây nam.

Theo Ấn Độ, có bốn cách xử lý thân người chết:

1. Thả trôi theo dòng nước (*Thủy táng*).
2. Dùng lửa đốt (*Hỏa táng*).
3. Chôn dưới đất (*Địa táng*).
4. Để tử thi trong rừng (*Lâm táng*).

Luật *Ngũ phần* ghi: “Nếu dùng lửa đốt thì phải đặt tử thi trên đá, không được đốt trên đất cỏ, vì sợ làm tổn thương loài côn trùng”.

Luật *Tứ phần* ghi: “Đức Như Lai và Chuyển luân thánh vương đều được hỏa táng. Những người khác đều dùng các cách còn lại”.

Luật *Ngũ phần* ghi: “Thi thể nên chôn cất (*Theo pháp vua, không cho bỏ tử thi trong rừng. Lại sợ, mùa hạ hỏa táng làm tổn thương côn trùng, cho nên phải chôn cất*). Ngoài ra, những nơi không có nạn thì cho phép thả xuống nước hoặc để trong rừng.”

Luật *Tứ phần* và *Ngũ bách vấn sự* ghi: “Nếu thấy tháp miếu thờ Đức Như Lai và lăng mộ của năm chúng xuất gia lớn hơn mình, đều phải viếng thăm và căn cứ theo tuổi hạ lúc còn sống mà lễ bái. Tất cả hàng cư sĩ thấy tháp

của năm chúng xuất gia, không luận lớn hay nhỏ, [179a] đều phải cung kính đảnh lễ”.

Giải thích: Đã biết điều đó, nếu người đạo hay tục mà thấy cha mẹ của sư tăng qua đời, hoặc người ngoài đến thăm viếng, nếu nhỏ hơn người chết thì đến chỗ quan tài thiết lễ như thường lệ, rồi đến các người con chia buồn an ủi, sau đến chỗ đại đức tỏ lòng thương tiếc, chia buồn và đảnh lễ. Lại thấy những cư sĩ mê muội, thực hành sai lầm, lần lượt dạy người khác không được đảnh lễ vong linh cha mẹ, chú, bác, bà con. Họ nói: “Ta đã thọ giới, những người kia là quý thân, cho nên không đảnh lễ, vì sợ phá giới.” Đây không phù hợp với ý Phật, trái lại, chuốc lấy tội không hiểu biết.

Thiết nghĩ, thầy tổ nuôi dưỡng pháp thân huệ mạng của ta. Cha mẹ, chú, bác nuôi dưỡng xác thân ta, nhờ vào sữa mẹ mà ta lớn khôn thành người. Nghĩ đến ân đức này như trời cao, khó báo đáp. Phải trả ân này nhiều kiếp, đâu thể một đời mà trả hết được? Có những người không biết tôn trọng ân đức đó mà lại khởi tâm kiêu mạn, noi theo những kẻ ngu hèn, làm sao mà thành người con hiếu thảo được?

Đức Thế Tôn là bậc Thánh cao tột còn tự mình khiêng kim quan của phụ vương đưa đi, huống gì chúng ta là hàng phàm phu ngu muội mà lại thường sinh tâm lười biếng, ngã mạn ư? Cho nên, kinh *Niết-bàn* ghi: “Biết ân là nền tảng của đại bi. Người không biết ân nghĩa còn tệ hơn loài cầm thú”.

Lại nữa, trong kinh *Tịnh Phạn vương nê-hoàn* ghi: “Bấy giờ, vua Bạch Tịnh ở tại nước Xá-di, bệnh nặng sắp mạng chung, muốn gặp Đức Thế Tôn và Nan-đà v.v.... Khi ấy, Đức Thế Tôn đang ở trong núi Kỳ-xà-quật thuộc thành Vương Xá, cách hoàng cung năm mươi do-tuần. Đức Thế Tôn ở trên núi Linh Thứu, do thiên nhĩ thanh tịnh nên biết được suy nghĩ của phụ vương, liền cùng A-nan v.v... bay trên hư không đến. Khi đến nơi, Ngài lấy tay đặt lên trán của vua và an ủi, sau đó nói kinh *Ma-ha Ba-la bốn sinh* cho vua nghe. Nghe xong, vua liền chứng A-na-hàm. Vua cầm tay Phật đặt lên tim mình. Đức Phật lại thuyết pháp cho vua nghe, vua liền chứng A-la-hán.

Vô thường chợt đến, vua sắp mạng chung, bỗng chốc qua đời sau. Đến lúc hỏa táng, Phật và Nan-đà v.v... cung kính đứng phía đầu, A-nan và La-hầu-la đứng sang một bên.

Bấy giờ, A-nan-đà quỳ xuống bạch Đức Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn! Xin cho con khiêng kim quan của bác!

La-hầu-la bạch:

- Bạch Đức Thế Tôn! Cho phép con khiêng kim quan của ông nội!

Đức Phật an ủi: ‘Người đời sau phần nhiều hung ác, không báo đáp công ơn nuôi dưỡng của cha mẹ. Ta vì những chúng sinh bất hiếu đó mà lập ra pháp giáo hóa, cho nên Đức Như Lai muốn tự mình khiêng kim quan của phụ vương’. Ngay lúc ấy, ba nghìn đại thiên thế giới chấn động sáu cách, tất cả núi đều trôi sụt như thuyền bập bênh trên sóng.

Bấy giờ, hết thấy các vị trời, rồng, quỷ thần đều đến dự lễ tang, [179b] buồn thảm gào khóc. Tứ thiên vương dẫn trăm nghìn ức chúng quỷ thần đến dự lễ tang và bạch Phật:

- Đức Như Lai khởi tâm đại từ bi thương xót, vì những chúng sinh đời sau bất hiếu với cha mẹ mà tự mình khiêng kim quan của phụ vương!

Tứ thiên vương lại bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn! Chúng con là đệ tử, theo Ngài nghe pháp mà đắc quả Tu-đà-hoàn. Do đó, Ngài nên để chúng con khiêng kim quan của phụ vương.

Đức Phật chấp nhận. Tứ thiên vương liền biến thành người, khiêng kim quan đi, tất cả nhân dân đều thương xót gào khóc. Đức Thế Tôn bung lư hương đi trước đến nơi hỏa táng. Đồng thời, Ngài sai một nghìn vị a-la-hán ra một hòn đảo ngoài biển khơi lấy các thứ gỗ thơm như Ngưu-đầu chiên-đàn mang về hỏa táng phụ vương.

Bấy giờ, Đức Phật dạy:

- Các hành khô, không, vô thường cũng giống như bóng trong gương, trăng đáy nước, đều là huyễn hóa.

Khi thiêu xong, vua các nước, mỗi người cầm năm trăm bình sữa rưới lên dập tắt lửa. Dập lửa xong, họ đua nhau thâu gom hài cốt đựng trong hộp kim cương, rồi xây tháp phụng thờ ngay tại đó, đồng thời treo tràng phan, bảo cái để cúng dường.

Đức Phật nói với hội chúng:

- Vua Tịnh Phạn là người thanh tịnh, được sinh lên cõi trời Tịnh Cư”.

Lại kinh *Phật mẫu nê-hoàn* ghi: “Tì-kheo ni Đại Ái Đạo là di mẫu của Phật. Bà không nỡ thấy Đức Phật diệt độ, nên muốn diệt độ trước. Bà cùng năm trăm trù cần nữ (*Trù cần nữ tức là tì-kheo ni. Khương Tăng Hội chú giải kinh Pháp Cảnh: Hàng phàm phu tham đắm sáu trần, giống như người tham ăn không biết đủ. Nay bậc thánh đã đoạn tâm tham và trừ sự đói khát của sáu căn, cho nên gọi hàng xuất gia ni là trù cần vậy.*) Bà lấy tay xoa chân Phật và đi nhiều quanh ba vòng, đỉnh lễ mà lui ra. Đại Ái Đạo hiện sức thần thông biến hóa, ở trên tòa tự nhiên biến mất, sau đó từ phương đông đi lại, trụ giữa hư không hiện ra mười tám thứ thần biến, tám phương, trên dưới cũng biến hiện như thế, phóng ánh sáng rực rỡ chiếu đến các nơi tối tăm và đến các cõi trời. Năm trăm vị tì-kheo-ni biến hóa cũng như thế, cùng nhập niết-bàn trước Đức Phật.

Bấy giờ, Đức Phật khuyên các gia đình trong làng làm năm trăm cỗ xe chở quan tài, năm trăm cỗ xe chở các thứ gỗ thơm, dầu mè, hoa, hương, trống nhạc hay để cúng dường. Tất cả phàm thánh trông thấy đều thương cảm rơi lệ. Sau khi thiêu xong, các tì-kheo mang xá-lợi đến chỗ Đức Phật. Khi ấy, ở bốn phương, mỗi phương có hai trăm năm mươi vị a-la-hán dùng thần túc thông bay đến, đỉnh lễ dưới chân Phật, rồi đến chỗ an trí xá-lợi. Sau khi một nghìn vị tì-kheo an tọa xong, Đức Phật bảo A-nan lấy xá-lợi đựng trong bình bát, rồi đặt vào tay. Ngài A-nan vâng lời. Đức Phật nói với các tì-kheo:

- Xá-lợi này vốn là thân uế trước, hung bạo, xấu xa, ngu muội, ganh tị, mưu mô xảo quyệt, phá đạo hoại đức. Nay di mẫu đã trừ sạch, thực hành

hạnh đại trượng phu, chứng quả A-la-hán, đạt được tâm vốn không. Thật là đồng mãnh thay!

Nói xong, Đức Phật dạy xây tháp cúng dường”.

[179c] Kinh *Tăng nhất a-hàm* ghi: “Đức Phật bảo A-nan-đà và La-hầu-la:

- Các ông hãy khiêng nhục thân của Đại Ái Đạo đến đây, Ta sẽ đích thân cúng dường.

Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân và Tứ thiên vương ở trước bạch Đức Phật:

- Xin Ngài chớ nhọc sức, chúng con sẽ cúng dường!

Đức Phật bảo:

- Thôi thôi! Vì sao? Vì cha mẹ sinh con làm nhiều điều lợi ích cho con; ân sâu nuôi dưỡng, bú mớm, ẵm bồng, chúng ta cần phải báo đáp. Khi mẹ của các Đức Phật trong quá khứ và vị lai diệt độ, các Ngài đều hỏa táng, cúng dường xá-lợi.

Bấy giờ, Tỳ-sa-môn thiên vương sai quỷ thần đến rừng chiêm-đàn lấy gỗ về chất nơi đồng trống. Đức Phật, A-nan, La-hầu-la, Nan-đà mỗi người khiêng một chân giường bay trên hư không đến nơi hỏa táng. Đức Phật tự tay lấy gỗ chiêm-đàn đặt lên thân tì-kheo ni Đại Ái Đạo.

Đức Phật dạy:

- Có bốn bậc nên xây tháp cúng dường: Phật, bích-chi Phật, a-la-hán lậu tận và Chuyên luân thánh vương. Vì bốn bậc này đều dùng mười điều thiện giáo hóa chúng sinh.

Bấy giờ, nhân dân thỉnh xá-lợi và tự xây tháp cúng dường”.

Kinh *Tạp A-hàm* ghi: “Di mẫu Đại Ái Đạo là mẹ của Nan-đà”.

Lại nữa, *Tăng nhất a-hàm* ghi: “Trong bốn chúng đệ tử chọn ra tám người đặc đạo trước tiên và sau cùng:

- Tì-kheo:

1. Người đắc đạo đầu tiên là tì-kheo Câu-lân, khéo giáo hóa chúng sinh, không mất uy nghi.
2. Người đắc đạo sau cùng là Tu-bạt-đà-la, ngày ông đắc đạo thì Đức Phật sắp nhập Niết-bàn.

- Tì-kheo-ni:

3. Người đắc đạo đầu tiên là tì-kheo-ni Đại Ái Đạo.
4. Người đắc đạo sau cùng là tì-kheo-ni Đà-la-câu-di-quốc.

- Ưu-bà-tắc:

5. Người đầu tiên đắc đạo là một nam thương nhân.
6. Người đắc đạo sau cùng là Câu-di-na-ma-la.

- Ưu-bà-di:

7. Người đắc đạo đầu tiên là Nan-bà nữ.
8. Người đắc đạo sau cùng là Ưu-bà-di Lam-bà”.

XXIX.8. Thụ sinh

Con người khi sống thì tám thức giữ gìn, chết thì bốn đại phân tán. Dù sống đến trăm tuổi rốt cuộc cũng phải chết, luân hồi trong ba cõi, lưu chuyển không dừng. Cho nên trong kinh ghi: “Có đầu tiên thì sẽ có cuối cùng, có sinh ắt có diệt”. Giáo pháp của Đức Phật dạy không thể hư dối, mắt thấy, tay chạm được. Do đó, trong duyên này trình bày sơ lược sáu môn:

Môn thứ nhất: người sắp mạng chung, kiểm tra trên thân thể nóng hay lạnh thì biết được quả báo của họ đời sau thụ sinh vào đường lành hay dữ.

[180a] Luận *Du-già* ghi: “Loài hữu tình là phi sắc phi tâm, thân giả tạm lớn nhỏ đều giống nhau, nhưng chết có nhanh chậm. Các luận sư cho là

người làm điều thiện, khi chết nếu sờ thấy lạnh từ dưới chân lên đến rốn, từ rốn lên vẫn còn hơi ấm, sau đó mới hết hẳn, người ấy sẽ sinh trở lại trong cõi người. Nếu sờ thấy lạnh từ dưới lên, đầu và mặt ấm, sau đó mới hết, người này được sinh lên cõi trời. Còn người làm ác thì ngược lại. Nếu sờ thấy người này lạnh từ trên đầu xuống đến thắt lưng còn hơi ấm, sau đó mới hết hẳn thì người này sẽ đọa vào loài ngựa quý. Nếu sờ thấy lạnh từ trên xuống, đến đầu gối còn hơi ấm, người này chết sinh vào loài súc sinh. Nếu chỉ từ đầu gối xuống đến chân có hơi ấm, người này chết bị đọa vào địa ngục. Bậc Vô học khi nhập niết-bàn thì ấm ở tim hoặc trên đánh đầu”.

Cho nên, luận *Du-già* ghi: “Yết-la-lam là chỗ nương gá đầu tiên của thức, còn gọi là nhục tâm. Lúc mới gá sinh, thức đến nơi này, cũng là nơi cuối cùng thức lìa thân mạng”.

Giải thích: Theo luận *Du-già*, do tạo nghiệp thiện được sinh lên các cõi trên, nếu người chết lạnh dần từ dưới lên đến tim, gọi là thượng xả. Do tạo nghiệp ác thì sinh xuống các cõi dưới, nên người chết lạnh từ trên xuống đến tim, gọi là hạ xả.

Theo luận *Câu-xá*: “Nếu người chết bình thường thì ý thức đoạn diệt trong phần nào của thân? Có hai trường hợp; nếu người chết bình thường thì căn và ý thức cùng diệt một lúc. Nếu người chết lần lượt từng phần thì như bài kệ này:

Nếu người chết dần dần,

Từ chân lên đến rốn,

Đến tim, ý thức diệt,

Hạ, nhân thiên, bất sinh.

Trong luận giải thích: Nếu người chết thụ sinh vào các đường ác và loài người, thì chết thứ tự từng chi phần từ trên xuống; còn bậc a-la-hán, ý thức chấm dứt ở tim. Lại các bộ phái khác nói ý thức diệt trên đánh đầu. Vì sao? Vì thân căn và ý thức đều diệt cùng một lúc nơi đỉnh đầu. Nếu người chết bình thường thì thân thể như đổ vài giọt nước lên tảng đá nóng, nước dần

dần khô, sau đó lạnh dần dần, ý thức và thân căn lần lượt đoạn diệt ở nơi chân và các chi phần khác cũng thế”.

Giải thích: luận *Câu-xá* trình bày: “Quan điếm Tiêu thừa cho là người chết thì thân và ý thức đều diệt tại các phần trên thân. Nếu theo Đại thừa thì thân và bản thức đều diệt tại các chỗ trên thân”.

Môn thứ hai: Cách thức thụ sinh.

Luận *Câu-xá* ghi: “Vì để đi đến các đường phải thụ sinh, nên khởi ra thân trung ấm. Chúng sinh do sức mạnh của nghiệp đời trước, nên dù ở nơi rất xa, nhưng nhãn căn có thể trông thấy chỗ thụ sinh thích hợp. Ở đó, thân trung ấm thấy cha mẹ giao hợp. Nếu thân trung ấm sẽ thành con trai thì đối với mẹ liền khởi tâm dâm dục của người nam; nếu sẽ thành con gái, đối với cha liền khởi tâm dâm dục của người nữ; đồng thời cũng khởi tâm sân hận. [180b] Do khởi hai tâm điên đảo ấy, cho nên thân trung ấm mong muốn đến chỗ thụ sinh, tức là mong muốn mọi thứ thuộc về mình. Lúc khởi ý bất tịnh là đã vào trong thai, liền sinh vui mừng, gá vào đó để thụ sinh. Từ sát-na này, thân năm ấm của chúng sinh hòa hợp bền chắc, thân trung ấm liền diệt, như vậy mới gọi là thụ sinh.

Nếu thai nhi là nam thì ở bên hông trái và ngòi chòm hỏm tựa vào hông trái, xoay mặt về lưng của người mẹ. Nếu thai nhi là nữ thì tựa vào hông phải và mặt hướng về bụng của người mẹ. Nếu thai chẳng phải nam, chẳng phải nữ thì tùy theo dục loại mà gá sinh. Trụ trong thai cũng như vậy, các thân trung ấm đều như nhau, nam hay nữ đều đầy đủ các căn. Thế nên dù nam hay nữ khi thác sinh vào thai, thì sau đó ở trong thai dần dần lớn lên, có khi trở thành huỳnh môn. Chúng sinh thác vào loài thai sinh và noãn sinh, cách thức cũng như thế.

Nếu chúng sinh muốn thụ sinh vào loài thấp sinh, chỉ cần ưa thích mùi hương thì liền sinh đến. Mùi hương này sạch hay dơ, tùy theo nghiệp của mình đã tạo kiếp trước mà cảm nhận. Nếu là loài hóa sinh thì tùy theo chỗ ưa thích mà sinh đến.

Như vậy, tại sao chúng sinh ở trong địa ngục ưa nơi đó? Do tâm điên đảo, nên những chúng sinh này luôn thấy gió rét, mưa lạnh hành hạ thân thể, khi thấy lửa địa ngục cháy mạnh thì ưa thích, muốn tiếp xúc, cho nên thụ sinh

vào địa ngục. Có chúng sinh lại thấy thân bị gió nóng và lửa cháy thiêu đốt, đau buốt khó chịu, lại thấy địa ngục giá lạnh rất mát mẻ, ưa thích tiếp xúc, cho nên sinh vào.

Hai loài thai sinh và noãn sinh thì khi cha mẹ giao hợp liền sinh vào đó. Hai loài hóa sinh và thấp sinh, không nhờ vào tinh cha huyết mẹ để làm thân, nên không cần sự giao hợp. Loài thấp sinh chỉ thích ngửi mùi hương, liền sinh đến. Tùy theo nghiệp thiện hoặc ác mà thích ngửi mùi hương sạch hay dơ. Loài hóa sinh chỉ ưa thích nơi mình đến.

Địa ngục tuy là nơi đau khổ, nhưng người có tội lại ưa thích thụ sinh vào trong đó. Vì sao? Không ưa thích thì không thụ sinh.

Luận nói: Nếu kiếp trước tạo nghiệp thế nào thì nay thường chiêu cảm quả báo thụ sinh thế ấy. Trung ấm thích thấy thân mình ở vị thế như thế, thấy các chúng sinh kia cũng giống vậy, nên sinh đến đó. Các vị luận sư xưa đã giải thích rằng:

Nếu những người ba mươi tuổi, tạo nghiệp sát sinh, giăng lưới vây bắt chúng sinh, lúc làm việc này chắc chắn có bạn bè của mình, do nghiệp này chiêu cảm đọa vào địa ngục. Sau khi chết, thân trung ấm tự thấy mình làm việc giăng bẫy vây bắt chúng sinh giống như ba mươi năm trước. Cho nên nói là vị thế.

Thân trung ấm lại thấy các bạn ngày xưa và việc làm trước kia không khác. Khi thấy cảnh địa ngục, thân trung ấm như thấy các bạn chài lưới ở sông hồ cũng như ngày xưa, cùng nhau lũ lượt kéo vào trong ấy, do đó khởi tâm ưa thích, nên thụ sinh.

Sau này biết rõ **[180c]** ngày xưa tạo nghiệp tuy nhiều, nhưng chỉ cần một nghiệp là đã lôi kéo chúng sinh rơi vào địa ngục. Lúc hai mươi tuổi hoặc ba mươi tuổi tạo nghiệp này, sau khi chết thì thân trung ấm tự thấy mình tạo nghiệp lúc hai mươi hoặc ba mươi tuổi như xưa, lại thấy chúng sinh trong địa ngục ngang bằng tuổi mình. Tuổi đã giống nhau, nên chúng sinh

khởi tâm luyện ái nơi đó, liền đến chỗ đó thụ sinh. Do sự yêu thích ấy mà đến thụ sinh. Các sư, kinh Bộ⁸⁰⁹ giải thích như thế.

Lại nữa, luận Du-già ghi: “Nếu người phúc mỏng, sẽ sinh vào nhà bần cùng thấp hèn, khi chết và lúc gá thai, liền nghe những âm thanh hỗn tạp và vọng thấy vào trong rừng tre trúc, cỏ lau rậm rạp. Nếu người nhiều phúc, sẽ sinh vào nhà giàu sang quyền quý. Bây giờ người này nghe những âm thanh hay đẹp, trong lắng vừa ý và vọng thấy các cảnh hợp ý hiện ra như thấy mình lên các cung điện rất lộng lẫy”.

Luận *Câu-xá* ghi: “Nếu người sắp mạng chung mà khởi tâm tà kiến thì đọa vào địa ngục, vì người này lấy nghiệp bất thiện trước đó làm nhân, tà kiến làm duyên. Có một luận sư nói: ‘Tất cả pháp bất thiện đều là nhân của địa ngục. Ngoài pháp bất thiện này ra còn có các ác pháp khác là nhân sinh vào loài ngạ quỷ hay súc sinh’”.

Lại do ngày xưa tạo nhiều nghiệp ác nên bị đọa vào loài súc sinh. Nếu dâm dục nhiều thì sinh làm chim bồ câu, se sẻ, uyên ương. Nếu tâm nhiều sân hận thì sinh làm loài rắn hổ mang, bò cạp. Nếu nhiều ngu si thì sinh làm loài heo, dê, ong, sò. Tâm nhiều kiêu mạn thì sinh làm loài sư tử, hổ, sói. Nếu tâm nhiều vọng động, đùa cợt thì sinh làm loài khỉ vượn. Nếu tâm keo kiệt, ganh ghét thì sinh làm loài chó đốm. Nếu có chút phúc thiện còn sót lại, tuy sinh vào loài súc sinh, nhưng vẫn có chút niềm vui.

Hai nghiệp của thân và miệng, tuy do tâm làm chủ, nhưng khẩu nghiệp phải chịu quả báo rất nặng. Như mắng hay khinh khi người khác, ví họ như khỉ, vượn thì liền sinh làm loài khỉ vượn. Hoặc mắng người khác tham lam như quạ, tiếng nói giống chó sủa, lừa rống, ngu ngốc như loài heo, dê, đi như lạc đà, tự cao như voi, hung dữ như trâu hoang, dâm dục như chim sẻ, khiếp sợ như loài mèo hoang, nịnh hót như con cáo. Các việc ác như thế đều theo khẩu nghiệp mà chịu quả báo. Nhưng nguồn gốc là do ba độ, trong đó tham ái là nặng nhất, nó lôi kéo tất cả các nghiệp khác, như nắm một đầu của tấm vải thì những phần còn lại đều thuận theo”.

Luận *Trí độ* ghi: “Nếu không chấm dứt được tham ái thì tùy tham ái mà thụ sinh. Cho nên bốn loài đều do ái mà sinh ra. Như nói, nhiều dâm dục thì

⁸⁰⁹ Kinh Bộ 經部 (Gđ: kinh Lượng bộ): một trong mười tám bộ của Tiểu thừa. Sau khi Đức Phật niết-bàn bốn trăm năm, người của phái Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ chỉ lấy kinh làm chính.

sinh làm chim se sẻ, quá tham mùi vị thì sinh vào hầm xí. Lại do ái dục nên sinh vào loài mang thai, đẻ trứng. Tham ngửi mùi hương nên thụ thân vào loài thấp sinh. Tùy theo nơi ưa thích mà tạo nghiệp sâu nặng thì thụ thân vào loài hóa sinh. Nếu tâm quá yêu thích tạo tội nghiệp, lúc chết vọng thấy cảnh địa ngục, [181a] liền hóa sinh vào đó. Nếu tâm ưa thích tạo phúc sâu dày thì được hóa sinh lên cõi trời”.

Cho nên, luận *Thành thật* ghi: “Nếu không nhổ tận gốc rễ thì cây vẫn còn sống, gốc tham không nhổ sạch thì cây khổ còn hoài”.

Luận *Du-già* ghi: “Thế nào là sinh? Do ngã ái đã sinh khởi liên tục, do từ vô thi ưa thích huân tập các nhân hí luận và nghiệp nhân tịnh hoặc bất tịnh. Thế sơ y kia, do sức tăng trưởng của hai nhân này, nên từ chủng tử⁸¹⁰ mà thân trung ấm dị thực thụ sinh liên tục ở nơi ấy. Sinh tử đồng thời giống như đòn cân, hai đầu bằng nhau. Thân trung ấm này đầy đủ các căn. Người tạo nghiệp ác thì màu sắc của thân trung ấm như bóng dề đen, hoặc như đêm tối. Người tạo nghiệp thiện thì màu sắc của thân trung ấm sáng như áo trắng, hoặc như ánh sáng trong đêm tối”.

Luận *Câu-xá* ghi: “Thân trung ấm này đầy đủ năm căn, các thứ kim cương... cũng không thể ngăn ngại được. Như có con ếch ương thụ sinh ở trong lớp kim cương dưới núi Tu-di. Thân trung ấm có sắc chất vi tế, kim cương không thể ngăn ngại nó, chỉ người có thiên nhãn mới thấy được việc này.

Lại nêu lên việc đã nghe được để chứng minh. Từng nghe có người nói: “Nung thanh sắt nóng, phá vỡ ra thì sẽ thấy con trùng”.

Môn thứ ba: Thụ mạng dài ngắn.

Luận *Câu-xá* ghi: “Nếu thân trung ấm chưa xác định nơi thụ sinh vào nơi nào thì đều có thể sinh vào loài khác của cõi ấy. Như loài trâu giao phối vào mùa hạ, loài chó thì mùa thu, loài gấu thì mùa đông, ngựa thì mùa xuân, còn các loài khác như chồn... không theo mùa. Lẽ ra chúng sinh ấy thụ sinh vào loài trâu, nhưng không trúng mùa hạ thì sẽ sinh vào loài chồn,

⁸¹⁰ Chủng tử 種子 (S: bīja): hạt giống có công năng sinh ra tất cả pháp hữu lậu, vô lậu và tất cả pháp hữu vi. Đó là nhân duyên chính của pháp hữu vi, thực thể của nhân duyên. Theo Duy thức học, đó là chủng tử trong thức a-lại-da.

lẽ ra thụ sinh vào loài chó mà không trúng mùa thu thì sẽ sinh vào loài chồn”.

Lại các luận sư Câu-xá có bốn cách giải thích không giống nhau:

1. Lúc mới chết thì thân trung ấm liền thụ sinh
2. Qua bốn mươi chín ngày mà vẫn còn mang thân trung ấm, thì không hạn cuộc thời gian
3. Trong vòng bốn mươi chín ngày, nếu nhân duyên thụ sinh chưa đủ thì thân trung ấm phải chết đi sống lại nhiều lần, sau đó không hạn cuộc thời gian.
4. Thân trung ấm theo duyên mà thụ sinh, cho đến trải qua nhiều kiếp vẫn không mất.

Thuyết thứ năm, theo luận *Du-già* ghi: “Nếu thân trung ấm chưa đủ duyên để thụ sinh, sống tối đa là bảy ngày, rồi chết đi sống lại, cho đến hết bốn mươi chín ngày. Từ đây trở về sau, thân trung ấm nhất định được duyên thụ sinh”.

Thuyết thứ năm này không giống bốn thuyết trước.

Môn thứ tư: Sức thần thông nhanh hoặc chậm.

Luận *Câu-xá* ghi: “Thân trung ấm này đi trên hư không. Khi người chết thì thân trung ấm muốn thọ sinh ở vô số thế giới, [181b] chỉ trong thoáng chốc liền đến. Trong khi thần thông của hàng nhị thừa chưa vượt khỏi một thế giới, thân trung ấm đã vượt ra ngoài vô lượng thế giới. Do nghiệp lực quyết định, nên dù sức thần thông của Đức Phật cũng không thể ngăn nó thụ sinh hoặc khiến nó thụ sinh vào các đường khác”.

Nói thân trung ấm nhanh hơn thần thông, đó là căn cứ vào thần thông của hàng nhị thừa và phàm phu.

Luận *Tỳ-bà-sa* ghi: “Thần túc nhanh hơn, là nói thần thông của Đức Phật”.

Môn thứ năm: Thân trung ấm thấy nhau không đồng.

Luận *Câu-xá* ghi: “Nếu thân trung âm cùng sinh vào một cõi thì nhất định sẽ thấy nhau. Nếu người có thiên nhãn thanh tịnh, do tu pháp tứ đế mà chứng được Đạo loại trí, người này sẽ thấy chỗ thụ sinh của thân trung âm. Nếu là thiên nhãn do phúc báo mà có được thì không thấy, vì sắc chất của thân trung âm rất vi tế”.

Tát-bà-đa bộ ghi: “Nếu thân trung âm cùng thụ sinh trong cõi người thì sẽ thấy nhau. Điều này là chắc chắn. Nhưng nó không thấy được thân trung âm ở cõi khác. Nếu người tu tập mà có thiên nhãn thuộc Đạo loại trí, thì có thể thấy thân trung âm. Còn thiên nhãn do phúc báo mà có thì không thể thấy được thân trung âm, vì nó vi tế hơn loại sắc chất khác”.

Bộ *Chính lượng* ghi: “Thân trung âm ở cõi trời đều thấy được thân trung âm của năm đường. Thân trung âm ở cõi người thì thấy được thân trung âm bốn đường dưới, trừ thân trung âm cõi trời. Cứ như thế, lần lượt trừ các cõi cao hơn, cho đến thân trung âm của địa ngục, không thấy thân trung âm của bốn cõi trên, chỉ thấy thân trung âm ở địa ngục mà thôi”.

Môn thứ sáu: thân trung âm có lớn nhỏ.

Luận *Câu-xá* ghi: “Thân trung âm như đứa trẻ sáu bảy tuổi, nhưng hiểu biết lanh lợi. Thân trung âm của bồ-tát giống như vị thiếu niên khoẻ mạnh, đầy đủ các tướng lớn nhỏ. Thế nên, tuy mang thân trung âm, nhưng khi vào thai thì ánh sáng chiếu khắp vạn Câu-chi cõi Diêm-phù-đề”.

XXIX.9. Cúng tế

Trộm nghe: Giá trị của vàng ngọc khác nhau, nhưng mọi người đều cho đó là vật báu. Giáo nghĩa của Lão và Khổng sai biệt, nhưng tất cả mọi người đều tuân theo. Lễ nào Khổng Tử sinh ở nước ta mà lại muốn thờ ông ấy làm thầy, còn Đức Phật ở nơi xa xăm mà có lòng muốn lìa bỏ. Sự việc vô cùng bức thiết, nên tôi trình bày lễ đúng sai, sáng tối chứ không tự quyết định.

Khổng Tử qua đời, khắc tượng thờ nghìn năm nơi miếu mạo; Đức Phật dựng linh tháp thờ kính muôn đời. Đó là muốn cho người thấy hình thì tưởng nhớ, thấy tượng thì hồi tâm, trọng thầy và trung vua, đều cùng một nghĩa. Đến như ông Đinh Lan buộc lưng kính thờ tượng mẹ bằng gỗ. Ông

Vô Tận cỡi chuỗi ngọc dâng lên cúng tháp Phật Đa Bảo. Suy tìm việc xưa mờ mịt, nhớ đến thuở ban sơ xa xăm, thật có rất nhiều người noi theo, nhưng cũng không vượt ra ngoài nghĩa lý.

Lại xét trong kinh *Lẽ*: [181c] “Bậc thiên tử thì có bảy miếu, các vua chư hầu có năm miếu, đại phu và khanh sĩ đều có thứ bậc. Thiên gọi là thần, tế trời ở gò tròn. Địa gọi là kỳ, nên tế đất ở đầm vuông. Nhân gọi là quý, nên cúng tế ở tông miếu. Rồng thì có công làm mưa, trâu có công dụng kéo cày. Do đó, đều được lập hình tượng ở làng xóm, phố chợ, gốc cây, cổng thành. Huống chi Phật là thầy của ba cõi, cha mẹ của bốn loài, có oai đức được muôn ức người tôn kính, giới hạnh thanh cao làm khuôn phép cho chúng sinh. Cho nên người thiện đều hướng về, như trăm sông đều đổ về biển cả, ánh sáng rực rỡ bao trùm, như mặt trời mặt trăng ở giữa các vì sao. Nước Nhục-chi giữ lại di ảnh, nước Ma-kiệt-đà để thân tro, xá-lợi được lưu bố rộng rãi, xây tháp thờ ở tinh xá Kì-hoàn. Các thánh hiền nương đây mà được phúc lớn, kẻ tôn quý nhờ đó mà an ổn”.

Kinh *Trường a-hàm* ghi: “Tất cả nhà cửa của người dân, các đường phố, ngõ hẻm, bờ ruộng, lò mổ, chợ quán, cho đến núi đồi đều có quỷ thần ở. Các loài quỷ thần đều được đặt tên theo chỗ ở.

Con người mới sinh ra đều có quỷ thần theo hộ vệ. Những người sắp chết quỷ thần thu lấy tinh khí. Dù chỉ một người hay trăm nghìn người làm mười điều ác thì chỉ có một vị quỷ thần theo hộ vệ, còn người làm mười điều thiện cũng giống như vua của một nước được trăm nghìn người bảo vệ”.

Kinh *Thập phương thí dụ* ghi: “Tất cả quỷ thần trong trời đất đều biết được thọ mạng, tội và phúc của con người đang đến hoặc chưa đến, nhưng không thể làm cho con người sống thêm hoặc chết đi, cũng không thể khiến cho con người giàu sang hay nghèo khổ. Chúng chỉ muốn khiến cho con người làm ác, phạm giới sát. Rồi nhân lúc phúc của người ấy suy hao thì chúng làm cho cuồng loạn, nói về tội phúc, khiến cho con người thiết lễ cúng tế chúng” (*Nên biết, nếu chỉ biết cúng tế quỷ thần suông mà cầu phúc hiện tại và tương lai thì khó đạt được*)

Trong kinh *Phổ diệu* ghi: “Lúc bấy giờ, ngài Ca-diếp dùng kệ thừa Đức Phật:

*Nhớ lại việc cúng tế,
Trải qua tám mươi năm,
Thờ thần gió, lửa, nước,
Nhật, nguyệt và núi, sông,
Đêm ngày không biếng trễ,
Lòng không nghĩ việc khác,
Cuối cùng chẳng được gì,
Gặp Phật mới an ổn”.*

Kinh *Tạp bảo tạng* ghi: “Ngày xưa, có bà-la-môn ngày đêm cúng bái miếu thờ trời.

Vị trời hỏi:

- Ông muốn cầu điều gì?

Bà-la-môn đáp:

- Nay tôi muốn làm chủ ngôi miếu thờ trời này.

Vị trời nói:

- Đấng kia có một đàn trâu, ông hãy đến hỏi con đi đầu tiên thử xem.

[182a] Bà-la-môn liền đến hỏi:

- Hiện nay người cảm thấy như thế nào? Là khổ hay vui?

Trâu đáp:

- Tôi rất khổ! Hai bên sườn luôn bị đau rát, lưng bị tổn thương, đeo gông, kéo xe chở nặng, không có thời gian nghỉ ngơi.

Bà-la-môn lại hỏi:

- Vì sao người làm thân trâu này?

Trâu đáp:

- Ngày xưa, tôi làm chủ miếu thờ trời, tự ý lấy vật trong miếu dùng, nên sau khi mạng chung đọa làm thân trâu, chịu nhiều đau khổ.

Sau khi nghe nói như thế bà-la-môn trở lại chỗ cũ. Vị trời liền hỏi:

- Nay ông muốn làm chủ miếu thờ trời nữa không?

Bà-la-môn đáp:

- Tôi biết việc này rồi, thật lòng không dám làm nữa!

Vị trời nói:

- Người làm điều thiện hay ác thì tự sẽ nhận lấy quả báo.

Bà-la-môn nghe rồi liền sám hối tội lỗi, tu các pháp lành, sửa đổi lỗi làm xưa”.

Kinh *Tạp bảo tạng* ghi: “Ngày xưa, có một ông lão, nhà rất giàu có. Vì muốn ăn thịt, nên ông ta tìm cách nói dối, chỉ vào cái cây ở đầu ruộng mà bảo các con:

- Sở dĩ hôm nay gia đình chúng ta giàu có đều nhờ ân đức của thân cây này. Nay các con nên bắt một con dê trong đàn làm thịt để cúng tế.

Bấy giờ, các người con vâng lời, liền giết một con dê cúng tế để trả ơn và lập miếu thờ thần ngay gốc cây. Sau đó, người cha mạng chung, theo nghiệp đã tạo, liền sinh vào trong bầy dê nhà mình. Đến lúc muốn cúng tế thần cây, các người con bắt một con dê làm thịt thì bắt nhầm con dê mà cha mình thụ sinh. Lúc sắp bị giết, con dê gào khóc và nói: ‘Cây này không có thần linh gì đâu! Vì ngày xưa ta muốn ăn thịt, nên nói dối cho các con cúng tế, để cùng nhau ăn thôi. Nay một mình gánh chịu, đền trả tội lỗi đời trước’.

Bấy giờ, có vị a-la-hán đi khát thực ngang qua, thấy cha của những người này chết đọa làm thân dê, vị a-la-hán liền cho người chủ mượn đao nhận để tự quan sát. Biết được con dê đó chính là cha mình, lòng vô cùng đau khổ, họ liền chặt cây thân đó, rồi sám hối tội lỗi, tu phúc, không còn giết hại chúng sinh nữa”.

Kinh *Uu-bà-tắc giới* ghi: “Đức Phật dạy:

- Có thuyết cho là người con tu pháp lành, cha làm việc ác, thì nhờ người con tu pháp lành mà người cha không đọa vào ba đường ác. Điều đó không đúng. Vì sao? Vì ba nghiệp thân, khẩu, ý đều khác nhau. Nếu người cha chết bị đọa làm ngạ quỷ, người con vì cha làm phúc, người cha sẽ hưởng được phúc đó. Nếu người ấy sinh lên cõi trời thì không còn nghĩ đến những vật trong loài người. Vì sao? Vì cõi trời đã đầy đủ những vật báu vi diệu. Nếu đọa vào địa ngục chịu các sự đau khổ, không còn rảnh rỗi để nhớ nghĩ gì, cho nên không hưởng được phúc ấy. **[182b]** Sinh vào loài người hay súc sinh cũng giống như vậy.

Vì sao chỉ riêng loài ngạ quỷ hưởng được? Do chúng vốn tham lam, bòn xén, nuôi tiếc nên đọa làm ngạ quỷ, song lúc đã thọ thân ngạ quỷ chúng thường ăn năn tội lỗi xưa, luôn nhớ nghĩ muốn được thụ hưởng, vì thế chúng được hưởng. Nếu người được cầu phúc đã sinh vào các đường khác mà quyến thuộc của họ còn đọa trong loài ngạ quỷ thì cũng đều hưởng được. Vì thế, người trí nên khuyên mọi người vì loài ngạ quỷ mà làm phúc” (*Đại ý kinh Chính pháp niêm cũng giống ở đây*).

Có người hỏi:

- Nếu cúng tế thì ai thụ hưởng?

Đáp: Hễ cúng tế nơi nào thì quỷ thần ở đó thụ hưởng. Nếu gần rừng thì thần cây ở đó thụ hưởng. Các trường hợp như ở nhà, sông, suối, giếng, núi rừng, gò đồng cũng giống như vậy. Người cúng tế cũng được phúc. Vì sao? Vì họ khiến cho những kẻ thụ hưởng sinh tâm vui mừng. Do phúc đức cúng tế này mà bảo vệ được tính mạng và tài sản của họ.

Nếu nói giết chúng sinh để cúng tế mà được phúc, điều này không đúng. Vì sao? Vì ở thế gian chưa thấy ai gieo hạt y-lan⁸¹¹ mà mọc cây chiên-đàn bao giờ. Nếu giết thân mạng chúng sinh mà được phúc đức, điều đó không bao giờ có.

Nếu muốn cúng tế thì nên dùng hương thơm, hoa quả, sữa, bơ để cúng. Nếu vì người chết mà làm phúc thì có ba thời điểm: tháng giêng mùa xuân; tháng năm mùa hạ; tháng chín mùa thu.

Nếu đem các thứ cần dùng như phòng nhà, ngọ cụ, thuốc men, vườn, rừng, ao, giếng, voi, ngựa, trâu, dê bố thí cho người khác, thì sau khi mạng chung sẽ được phúc. Tùy theo vật bố thí được thụ dụng lâu hay mau mà phúc đức theo đó mà sinh. Phúc theo người đó như bóng theo hình.

Hoặc có thuyết: Sau khi chết thì mất tất cả. Điều này không đúng. Vì sao? Vì vật hư hoại không thể sử dụng sẽ tiêu mất trong sớm tối, còn thân mạng thì không phải mất là hết.

Luận *Tỳ-bà-sa* ghi: “Vì loài ngạ quỷ mà làm phúc, ngạ quỷ được ăn uống, thân chúng ta cũng tăng thêm lợi ích. Như người có mùi hôi thì được thơm, người xấu trở thành đẹp”.

Kinh *Ưu-bà-tắc giới* lại ghi: “Thức ăn uống của các loài ngạ quỷ không giống nhau, có loài ăn máu mủ, có loài ăn phân dơ. Nhưng khi được bố thí thì tất cả vật thí biến thành thức ăn ngon. Nếu loài ngạ quỷ thụ sinh vào các nơi khác, khi người thân bố thí cho họ, ngạ quỷ kia do nghiệp lực, từ xa biết được, sinh tâm vui mừng. Hoặc sinh trở lại trong nhà mình chịu các quả báo khổ đau, hàng thân quyến bố thí cho họ, ngạ quỷ đích thân thấy được, nên sinh lòng vui mừng”.

[182c] Luận *Tỳ-bà-sa* ghi: “Có người cầu tiền tài một cách phi pháp, đến khi được rồi thì lại tham tiếc, không muốn cho người thân của mình, huống gì người ngoài? Vì không có tâm bố thí, nên lúc mạng chung họ bị đọa vào loài ngạ quỷ, ở trong hầm xí dơ bẩn bên cạnh nhà mình. Những người thân của họ biết vậy rất đau khổ và nghĩ: ‘Người kia chất chứa tài vật, bản thân

⁸¹¹ Y-lan 伊蘭 (S:eraṇḍa): một loại thực vật, thuộc họ Tương hà, sống ở nam Ấn Độ, bên ngoài hơi giống cây lau, thân cứng, lá dài như thanh kiếm, lá chính xếp song song, hoa hình chiếc mũ, màu trắng có lông tơ, quả hình trứng, vỏ có những lần ngang, hạt màu tro xám, mùi thơm nồng, giống như uất kim, gừng, dùng làm thuốc.

không dám tiêu xài, lại không bố thí cho người'. Vì đau khổ nên họ muốn mời những bà con, bạn bè, bậc tri thức, sa-môn, bà-la-môn đến để cúng dường các thức ăn uống.

Bấy giờ, ngạ quỷ thấy vật của người thân bố thí thì tưởng là của mình và nghĩ: 'Những tài vật này do ta gom chứa, nay đem ra bố thí cho người khác'. Họ rất vui mừng, sinh lòng kính tin ruộng phúc. Nếu sinh vào những đường khác, họ không hưởng được. Dù người chết không hưởng được phúc, nhưng người tu tạo phúc cho người chết sẽ được nhiều lợi ích, giống như khởi lòng từ thì mình sẽ được phúc".

Luận *Đại trí độ* ghi: "Nhu người khởi lòng từ bi nhớ nghĩ chúng sinh, muốn cho họ đều được vui vẻ. Tuy chúng sinh không được vui vẻ, nhưng người nhớ nghĩ cũng được phúc rất lớn. Nếu người không thích bố thí, dù sinh lên cõi trời hay đắc thánh quả cũng vẫn bị thiếu y phục và thức ăn uống".

Kinh *Ưu-bà-tắc giới* ghi: "Người trì giới tuy không thích bố thí, dù chứng quả A-la-hán nhưng vẫn không tránh khỏi nạn khổ đói khát. Nếu thích bố thí, tuy đọa vào loài ngạ quỷ, súc sinh cũng thường được no đủ".

Kinh *Vị tăng hữu* ghi: "Có vị vua hỏi Đức Phật:

- Tiên vương của tôi phụng thờ ngoại đạo, thường bố thí để cầu phúc của cõi Phạm thiên. Công đức như thế, tiên vương của tôi sinh vào cõi trời nào?

Đức Phật đáp:

- Tiên vương nay chịu quả báo bị đọa vào địa ngục. Vì sao? Vì tiên vương bố thí không nhằm thời gian thích hợp, không gặp thiện tri thức, không có phương tiện khéo léo, cho nên dù tu tạo công đức, vẫn không tránh khỏi tội, nhưng công đức bố thí ấy vẫn không mất. Sau khi vua chịu tội xong mới hưởng phúc. Nên biết tội và phúc không lẫn lộn. Tiên vương có năm nghiệp ác nên bị đọa vào địa ngục: một, kiêu mạn, tật đố, không luận tội nặng hay nhẹ đều xử phạt, không có tâm nhân nhượng; hai, tham lam của cải, vật báu, phân xử không công bằng, khiến cho thiên hạ oán hận; ba, ham vui chơi, săn bắn, làm nhân dân khổ nhọc, tổn hại sinh mạng chúng sinh;

bốn, tham đắm nữ sắc, được mới chán cũ, sủng ái không công bằng, dẫn đến mọi người oán hận; năm, phá giới”.

Dùng đoạn văn này để minh chứng, thì biết được việc thờ tà và tu phúc chiêu cảm thiện, ác khác nhau, quả báo khổ và vui không lẫn lộn. Lẽ nào bậc lợi căn, học nhiều, chính tín tam bảo mà chiêu cảm quả khổ ư?

[183a] Kinh *Duy vô tam-muội* ghi: “Thiện nam tử! Người muốn cầu đạo tu thiện, trước hết phải chấm dứt vọng niệm. Người sống ở đời, sở dĩ tu hành không đắc đạo là do họ ngồi thiền mà tâm nhiều tạp niệm. Niệm này qua thì niệm kia đến, một ngày một đêm có đến tám ức bốn nghìn vạn niệm sinh khởi, niệm niệm không dừng. Nghĩ một niệm thiện cũng được quả báo tốt, khởi một niệm ác sẽ bị quả báo xấu, giống như âm vang đáp tiếng, như bóng theo hình. Cho nên thiện ác, tội phúc đều khác nhau”.

Kinh *Trung a-hàm* ghi: “Thân quyền vì người chết mà bố thí và cúng tế, nếu họ sinh vào loài ngạ quỷ thì hưởng được, còn sinh các đường khác thì không hưởng được. Vì mỗi loài đều có thức ăn nuôi mạng sống khác nhau. Nếu người thân không sinh vào trong loài ngạ quỷ thì người bố thí cũng được phúc. Cho đến người thí chết, thụ sinh trong sáu đường thì vật bố thí thường theo người đó. Người do phúc trì giới mới được làm người, nhưng nhất định phải nhờ các phúc khác trợ giúp”.

Kinh *Tùy nguyện vãng sinh* ghi: “Vì người chết mà làm phúc, trong bảy phần công đức, người chết hưởng được một phần, sáu phần còn lại thuộc về người đang làm phúc”.

Kinh *Quán đĩnh* ghi: “A-nan thừa Đức Phật:

- Nếu người qua đời được đưa vào trong núi vắng hoặc xây lăng mộ chôn cất thì linh hồn họ có ở trong đó không?

Đức Phật đáp:

- Cũng có mà cũng không. Nếu khi còn sống, người này không gieo trồng căn lành, không biết tam bảo, nhưng không làm điều thiện để hưởng phúc, không tạo việc ác để chịu tai ương, lại không có thiện tri thức làm phúc

cho họ, thì thần hồn vẫn ở trong lăng mộ, chưa có chỗ để thụ sinh. Thế nên, ta nói thần hồn ở trong đó.

Nếu khi còn sống, tạo nhiều phúc thiện, siêng năng tu đạo, họ được sinh lên cõi trời Ba Mươi Ba hưởng phúc, hoặc sinh vào nhà giàu sang ở thế gian, theo nghiệp thụ sinh vào bất cứ nơi nào, nên nói là không ở trong đó. Hoặc người này lúc còn sống thờ cúng tà đạo, không tin chính pháp, sống bằng nghề không đúng chính pháp, nịnh hót, dối người nên bị đọa trong loài ngựa quý, súc sinh, chịu sự đau khổ, trải qua nhiều kiếp trong địa ngục, cho nên nói là không ở trong lăng mộ.

Hoặc khi thân thể, xương cốt chưa tan rã, thì còn linh hồn. Lúc xương cốt hủy hoại thì linh hồn liền biến đi, không còn năng lực, cũng không thể gieo họa hoặc ban phúc cho người khác. Về linh hồn chưa biến, như có người lúc còn sống không tạo phúc, lại làm việc tà ác, nịnh hót nên sau khi chết đọa làm quỷ thần, hoặc làm tinh linh của cây cối hay những vật khác, không được hưởng phúc trời, địa ngục cũng không dung chứa. Cho nên, dẫu chết, nhưng vẫn phiêu bạt trong thôn xóm, [183b] không có thức ăn, kinh động mọi người, lại biến hiện những thân hình quái dị, khiến mọi người sợ hãi, hoặc dựa vào yêu mị, tà sư tạo phúc. Con người vì cầu phúc, mong được sống lâu, nên ngu si tà kiến, giết hại chúng sinh để cúng tế, khi chết sẽ bị đọa vào ba đường địa ngục, ngựa quý, súc sinh không có ngày ra khỏi. Như thế, há không cần thận sao?

Trong nhà nếu có người sắp mạng chung, người thân nên đốt hương, thắp đèn sáng liên tục, treo tràng phan, bảo cái trên cột chùa tháp, đọc tụng kinh Phật suốt hai mươi một ngày. Vì sao? Vì thân trung ấm của người chết nhỏ như đũa tre, tội phúc chưa định, người thân nên vì họ mà tu phúc để cầu cho thần thức người chết sinh về vô lượng cõi nước ở mười phương. Nhờ công đức này nhất định được vãng sinh. Người này lúc sống tạo nhiều nghiệp ác, lẽ ra phải rơi vào trong tám nạn, song nhờ công đức đốt đèn, treo tràng phan mà được giải thoát.

Hoặc người chết có nguyện được sinh vào nhà cha mẹ ở phương xa, nhưng thụ sinh chậm, nhờ công đức đốt đèn, treo tràng phan nên được nhanh chóng, không còn sinh trở lại trong tám nạn nữa. Khi được thụ sinh rồi, cha mẹ nên tu tạo phúc cho con. Người con này không bị loài tà mị, quỷ quái

làm hại, đồng thời dòng tộc được giàu sang. Cho nên phải tu tạo công đức phúc thiện đốt đèn, treo tràng phan.

Lại nữa, trong bốn chúng có người sắp chết hay đã chết. Ngày đó, thân quyến làm lá phan màu vàng treo trên cây, khiến cho người chết được phúc, xa lìa các khổ trong tám nạn, sinh vào cõi nước thanh tịnh của chư Phật trong mười phương. Treo tràng phan, bảo cái cúng dường thì sẽ đạt được như ý nguyện, cho đến thành tựu quả Bồ-đề.

Tràng phan chuyển theo gió, đến khi nát vụn như bụi. Gió thổi bụi bay khắp nơi, thì phúc đó vô lượng. Lúc lá phan mới lay chuyển thì phúc báo làm Chuyển luân thánh vương, cho đến khi gió thổi phan nát vụn như bụi bay đi thì phúc báo làm vị vua nhỏ. Lại đốt bốn mươi ngọn đèn chiếu sáng đến các nơi tối tăm, chúng sinh đau khổ đều nhờ ánh sáng này mà được thấy nhau. Do phúc này cứu giúp, tất cả chúng sinh đều chấm dứt sự đau khổ”.

Kinh *Tịnh độ tam-muội* ghi: “Vào những ngày bát vương⁸¹², trời Đế Thích và ba mươi hai vị quan trấn giữ, Tứ Trấn thiên vương, Ty Mạng, Ty Lục, Diêm-la đại vương, Bát Vương sứ giả đi tuần khắp nơi. Cứ đến ngày mười lăm và ba mươi mỗi tháng, bốn vị thiên vương đem những việc làm thiện, ác của mọi người tâu lên để xét xử. Đồng thời, địa ngục cũng sai các tiểu vương đi tuần tra khắp nơi, ai phạm tội thì ghi chép lại. Phạm tội trước ngày trai bát vương, nếu người đó phúc nhiều thì được cứu, sẽ an ổn, không bị hại, nhờ phúc lớn nên được ân xá. Sau ngày trai bát vương, nếu tái phạm nhiều thì tuổi thọ giảm sút, bị ghi tên, xác định giờ, ngày, tháng, năm chết sẽ đưa xuống địa ngục. Y theo văn thư ghi chép, Địa ngục vương liền sai quỷ ngục lục tìm tên của những người đó. [183c] Quỷ ngục không có lòng từ, nên dù người chưa đến ngày chết, chúng xúi giục họ làm điều ác, khiến cho mạng sống mau hết. Người có phúc nhiều thì tuổi thọ càng tăng, được trời sai thiện thần bảo vệ, đồng thời truyền xuống địa ngục xóa hết tội danh, miễn tử, được sống, sau khi chết được sinh lên cõi trời”.

Kinh *Quán Phật tam-muội* ghi: “Bấy giờ, quỷ thần ở đồng hoang thưa Đức Phật:

⁸¹² Ngày bát vương (bát vương nhật 八王日): tám ngày. Đó là lập xuân, xuân phân, lập hạ, hạ chí, lập thu, thu phân, lập đông, đông chí. Tám ngày này là ngày chuyển giao của chư thần và ngày âm dương trong trời đất, nên ai trì trai giới thì được tăng thọ và được lợi ích.

- Chúng tôi thường ăn thịt chúng sinh, nay Ngài bảo không sát sinh thì chúng tôi ăn gì?

Đức Phật bảo quý vương:

- Chỉ cần các người không giết hại chúng sinh, Ta sẽ bảo đệ tử bố thí cho các người. Cho đến khi Phật pháp diệt, nhờ thần lực của Ta, các người sẽ được no đủ.

Nghe xong, quý vương rất vui mừng, liền thụ trì năm giới cấm của Phật. Cho nên, kinh *Niết-bàn* ghi: “Đức Phật dạy các đệ tử thanh văn, phải xuất sinh cho loài quỷ thần sống nơi hoang vắng”.

Lại nữa, luận *Đại trí độ* ghi: “Loài quỷ thần được người thí cho một ít thức ăn uống, thức ăn uống ấy có thể biến thành nhiều, khiến chúng được no đủ”.

Kinh *Thí dụ* ghi: “Đức Phật cùng A-nan đang đi dạo bên bờ sông, thấy năm trăm ngạ quỷ vừa đi vừa hát ngâm nga; lại thấy mấy trăm người tốt đi ngang qua khóc than.

Bấy giờ, A-nan bạch Đức Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn! Tại sao loài ngạ quỷ ca múa, còn loài người vì sao lại khóc?

Đức Phật đáp:

- Bởi vì gia đình, con cái, quyến thuộc của loài ngạ quỷ làm phúc cho chúng, nên chúng được giải thoát, do đó mà họ ca múa. Còn gia đình, con cái, quyến thuộc của những người tốt kia chỉ lo sát sinh, không tạo phúc đức, về sau luôn bị lửa lớn của địa ngục bức bách, do đó họ khóc”.

Kinh *Túc nguyện quả báo* ghi: “Ngày xưa, có hai vợ chồng bà-la-môn rất giàu có, của cải vô số, nhưng không có con thừa kế. Đến lúc sắp mạng chung, họ cùng bảo nhau: ‘Mỗi người sẽ nuốt tiền để làm vốn liếng’. Theo phong tục của đất nước này, người chết không được chôn cất, chỉ để ở gốc cây. Mỗi người nuốt năm mươi đồng tiền vàng, đến khi thân thể tan rã thì tiền lộ ra. Bấy giờ, trong nước có vị hiền giả đi ngang qua thấy, thương

cảm rơi lệ, xót xa cho sự tham lam, keo kiệt của họ, bèn lấy số tiền đó về làm phúc. Ông thỉnh Phật và chúng tăng đến, dùng hết số tiền mua sắm thức ăn bày trước Đức Phật để cúng dường, xưng tên và chú nguyện. Khi ấy, hai vợ chồng bà-la-môn keo kiệt kia đang chịu khổ trong loài ngạ quỷ, nhờ hiền giả thỉnh bốn chúng cúng dường, nên họ được sinh lên cõi trời. Lúc được sinh lên cõi trời rồi, liền được thiên nhân, biết được việc làm phúc đó, nên từ trên cõi trời bay xuống, hóa thành một thiếu niên, làm vị đàn-việt giúp đỡ chúng tăng.

Đức Phật dạy, vị thiếu niên này là đàn-việt chân chính. Đức Phật nói pháp cho vị thiếu niên nghe thì người này liền thấy được lý đạo, vị hiền giả kia cũng như thế. Chúng tăng hoan hỷ cũng đều được sinh lên cõi trời”.

Kinh *Bách dụ* ghi: “Ngày xưa, các vị khách buôn muốn ra biển tìm của báu, nên cần một người dẫn đường. Họ liền tìm được một người dẫn đường, rồi cùng nhau xuất phát. Đến đồng vắng, ở đó [184a] có một ngôi miếu thờ trời, cần giết một người để cúng tế, mới đi qua được. Khi ấy, những người khách buôn cùng suy nghĩ và nói: ‘Chúng ta đều là người thân thì làm sao giết được, trong đây chỉ có người dẫn đường này có thể dùng để tế trời mà thôi.’ Thế là họ liền giết người dẫn đường tế trời. Khi tế trời xong, họ bị lạc trên biển không biết đi đường nào, hết sức khổ sở, cuối cùng họ đều bị chết.

Tất cả người đời cũng lại như thế, nếu muốn ra biển tìm châu báu thì phải tu mười điều thiện để làm người dẫn đường. Ngược lại, không giữ mười điều thiện vĩnh viễn không có ngày ra khỏi đường sinh tử mê mông, phải trôi lặn trong ba đường, chịu khổ mãi mãi. Như những thương nhân kia muốn ra biển lớn mà giết mất người dẫn đường, nên không biết lối vào bờ, cuối cùng mắc nạn chết.

Tụng rằng:

Nhà lớn là quán trọ,

Mang nghiệp ắt bị lôi,

Hộp ngọc không nhìn đến,

*Đài vàng cũng chẳng cần!
Tiếng vang đến chốn xa,
Bóng rêu bám thân từng,
Đâu thể giữ mười niệm,
Chỉ chạy theo bốn duyên,
Ảo thuật tạo muôn trạng,
Khéo biến thành nhiều thân,
Người ngu tranh nhân, ngã,
Đâu chẳng cho là chân,
Người mê nghi càng chặt,
Kẻ trí biết huyễn thân,
Thăng, trầm, khổ, vui khác,
Luống cúng, khóc trời xanh.*

Giác Chính dịch

CHU' KINH YẾU TẬP

QUYỂN 20

XXX. LINH TINH

Gồm mười ba phần: Lời dẫn, Oán khổ, Bát khổ, Trùng ngu, Ngũ tân, Hắc hơi, Đại tiểu tiện, Hộ tịnh, Minh chung, Nhập chúng, Suy tướng, Ngủ mộng, Tập hạnh.

XXX.1. Lời dẫn

[184b] Lý thể không có âm thanh, nhưng nhờ vào ngôn từ để biểu đạt ý nghĩa. Ngôn từ không có dấu vết, nhưng nương vào văn tự để diễn phát âm thanh. Cho nên văn tự là công cụ để hiển bày ngôn từ, ngôn từ là phương tiện để diễn đạt nghĩa lý. Âm nghĩa phù hợp, không sai lạc, nên văn tự được ứng dụng khắp nơi. Mặc dù dấu tích đầy khắp trong kinh điển, mà lý vẫn phù hợp với tâm thể. Nhưng vì kinh luận phong phú, khó ghi chép hết, còn truyện ký thì phức tạp, mỗi việc có rộng có lược. Sở dĩ đạo được truyền bá khắp nơi, khai thị cho hậu học là bởi vì dấu tích của nhân duyên lập giáo vẫn rõ ràng đầy đủ, nguồn gốc của việc hóa độ thế gian vẫn còn nguyên vẹn. Cho nên sưu tầm nghiên cứu các chương điều, tóm thâu chỗ cốt yếu để biên tập thành văn, và được ghi chép đầy đủ ở các chương trước. Còn những vấn đề lặt vặt khác nhằm dẫn dắt giúp đỡ cho người, hiện có thể thực hành thì ghi chép sau đây. Mong sao vén được mây mờ hôn ám cho ngọn đèn chính pháp rạng chiếu muôn nơi!

XXX.2. Oán khổ

Kinh *Trung a-hàm* ghi: “Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn dạy các tì-kheo:

- Chúng sinh từ vô thủy đến nay luân chuyển mãi trong đêm dài sinh tử, không biết được cội nguồn của khổ đau. Các tì-kheo nghĩ sao? Nếu chặt tất cả cỏ cây trên đại địa này làm thẻ, mỗi thẻ dài bốn lóng tay, thì số lượng thẻ này vẫn chưa đủ để so với số lượng cha mẹ mà các vị đã nương gá từ vô thủy kiếp sinh tử. Các tì-kheo! Chúng sinh lưu chuyển trong sinh tử dài lâu cũng như thế đó!

Đức Phật bảo các tì-kheo:

- Trong vòng luân hồi sinh tử các thầy đã bú sữa mẹ nhiều hơn nước sông Hằng và bốn biển. Vì sao? Vì trong đêm dài sinh tử, các thầy khi sinh trong loài voi, bú sữa voi mẹ vô số vô lượng. Hoặc sinh trong loài cầm thú như lạc đà, ngựa, trâu, lừa v.v... bú sữa loài mẹ cũng không kể xiết. Trong đêm dài sinh tử các thầy bỏ thân mạng nơi nghĩa địa, máu mủ chảy ra cũng giống như thế. Hoặc đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, máu tủy chảy ra cũng y như vậy.

Đức Phật bảo các tì-kheo:

- Trong đêm dài sinh tử lưu chuyển, máu thân ta chảy ra cũng nhiều vô kể, hơn cả nước trong sông Hằng và bốn bể. Trong đêm dài sinh tử ấy, các thầy đã từng sinh trong loài voi, bị cắt tai, mũi, đầu, đuôi, bốn chân, máu tuôn ra vô lượng. Hoặc thụ làm thân loài cầm thú như ngựa, lạc đà, trâu, lừa v.v... bị cắt thân thể, như cắt tai, mũi, đầu, chân... máu tuôn ra cũng không thể lường. Hoặc khi thân hoại mạng chung bỏ xác nơi nghĩa địa, máu mủ chảy ra cũng vô lượng vô biên. Hoặc đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, rã xác tiêu hình máu huyết chảy ra cũng y như thế! Trong đêm dài sinh tử lưu chuyển, [184c] nước mắt khóc tiễn biệt cha mẹ, anh em, chị em, bạn bè thân thuộc, hoặc khóc khi mất của cải cũng nhiều không thể lường, hơn cả nước trong bốn biển.

Đức Phật bảo các tì-kheo:

- Nếu các thầy gặp chúng sinh sống bình an vui vẻ thì phải nghĩ: “Trong đêm dài sinh tử, ta cũng từng cảm thụ vô lượng niềm an vui này”. Hoặc gặp chúng sinh chịu nhiều đau khổ thì phải nghĩ: “Ta từ xưa đến nay lưu chuyển trong đêm dài sinh tử, cũng từng chịu vô lượng nỗi khổ như thế”. Hoặc gặp chúng sinh mà lòng sợ hãi, rùng mình dựng tóc thì phải nghĩ: “Trong quá khứ chúng ta nhất định đã từng sát sinh, làm tổn thương, là kẻ ác tri thức của họ, nên bị lưu chuyển trong đêm dài sinh tử từ vô thủy đến nay không biết được cội gốc, bờ mé của nỗi khổ”. Hoặc gặp chúng sinh mà sinh tâm vui mừng yêu mến thì phải nghĩ: “ Trong đời quá khứ chúng ta đã từng làm cha mẹ, anh em, chị em, vợ con, thân thuộc, thầy, bạn tốt, lưu chuyển trong đêm dài sinh tử đến nay, nhưng do vô minh che lấp, ái nhiễm ràng buộc, mà không biết được cội nguồn của khổ đau”. Cho nên các thầy phải nên tu học như thế, siêng năng lập phương tiện đoạn trừ tận gốc khổ não, đừng cho tăng trưởng.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói kệ :

Một người trong một kiếp,

Nếu lưu giữ hài cốt,

Đừng để cho hủy hoại,

Chát bằng Tì-phú-la⁸¹³.

Như các thánh đệ tử,

Chính trí đạt chân đế,

Khổ và nguyên nhân khổ,

Lìa khổ được tịch diệt.

Tu tập bát chính đạo,

Hương thẳng đến niết-bàn,

Tột cùng trong bảy cõi⁸¹⁴,

Sinh qua lại trời người,

Cởi bỏ mọi ràng buộc,

Vượt khỏi bờ khổ đau.

Đức Phật bảo các tì-kheo:

- Chúng sinh từ vô thủy đến nay lưu chuyển mãi trong đêm dài sinh tử, không biết được nguồn gốc của khổ đau. Không một nơi nào mà Ta chưa từng sinh ra và chết đi. Cũng không một nơi nào mà không có cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, dòng họ và thầy của Ta.

⁸¹³ Tì-phú-la 毘富羅 (S: Vipula; Hd: Quảng Bác Hiệp sơn): tên một ngọn núi thuộc nước Ma-kiệt-đà. Ngọn núi này mọi người thường thấy, nên Đức Phật lấy làm ví dụ.

⁸¹⁴ Bảy cõi (thất hữu 七有): địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, nhân, thiên, nghiệp, trung hữu.

Ví như trời mưa lớn, bọt nước chọt thành chọt tan. Cũng như vậy, chúng sinh bị vô minh che lấp, ái nhiễm buộc ràng, xoay vần trong đêm dài sinh tử mà không biết được nguồn gốc của khổ đau.

Ví như một trận mưa lớn, đông, tây, nam, bắc nơi nào cũng ngập nước. Cũng như thế, [185a] sự thành hoại của vô lượng quốc độ trong bốn phương như trời mưa khắp nơi không sót một chỗ nào. Nỗi khổ sinh tử của chúng sinh xoay vần trong đêm dài cũng không bờ mé.

Ví như tung gậy lên hư không, có thể đầu gậy rơi xuống trước, hoặc đuôi gậy rơi xuống trước, hoặc gậy rơi ngang xuống đất. Cũng như thế, chúng sinh từ vô thủy chìm đắm trong đêm dài sinh tử, hoặc đọa vào địa ngục, hoặc đọa vào súc sinh, hoặc đọa vào ngạ quỷ”.

Kinh *Chính pháp niệm* ghi: “Bấy giờ vua trời Dạ-ma nói với thiên chúng:

- Cõi trời, cõi người thuộc về đường lành có mười sáu nỗi khổ, đó là thân trung ấm, ở trong thai, lúc sinh, mong cầu ăn uống, ghét nhau mà gặp nhau, thương yêu mà xa lìa, thời tiết nóng lạnh, bệnh hoạn, bị người sai khiến, tìm cầu lao nhọc, gần ác tri thức, người thân lâm nạn, đói khát, bị người khác khinh chê, già, chết.

Đây là mười sáu nỗi khổ lớn trong nhân gian, đến chết vẫn còn những nỗi khổ khác. Ở trong sinh tử thật không thể chịu nổi! Trong cõi hữu vi chẳng có may mắn vui thú, tất cả đều vô thường, tất cả đều hủy hoại. Bấy giờ, vua trời Dạ-ma nói bài kệ:

Ở trong cõi đời này,

Có thân thì có khổ,

Có sinh thì có diệt,

Có diệt thì có sinh.

Khi thụ thân trung ấm,

Do nghiệp chịu khổ đau,

*Trong đêm dài tăm tối,
Khổ này nói sao cùng!
Như rơi vào hố xí,
Như lửa đốt cháy thân,
Lúc ở trong thai bào,
Khổ này nói sao cùng!
Vị tham mùi vị ngon,
Tâm luôn luôn mong cầu,
Sinh ra muôn nghìn khổ,
Khổ này nói sao cùng!
Phàm phu luôn mong cầu,
Tham muốn không biết đủ,
Sinh ra các khổ ão,
Khổ này nói sao cùng!
Ghét nhau mà gặp nhau,
Giống như ngọn lửa độc,
Gây ra bao ão phiền,
Khổ này nói sao cùng!
Thương yêu mà lìa xa,
Lòng vô cùng khổ ão,*

[185b] Làm sao kham chịu nỗi,

Khổ này nói sao cùng!

Thời tiết không điều hòa,

Cũng sinh muôn nghìn khổ,

Không muốn cũng phải chịu,

Khổ này nói sao cùng!

Bệnh hoạn hại thân người,

Sứ giả của thần chết,

Chúng sinh chịu khổ này,

Nói sao cho hết được!

Bị người khác sai khiến,

Mất hết quyền tự do,

Chịu bao điều cay đắng,

Khổ này nói sao cùng!

Lừa ái dục thiêu thân,

Vẫn cầu để chịu khổ,

Dần dần đến ngày chết,

Khổ này nói sao cùng!

Gần gũi với người ác,

Chịu khổ sở vô cùng,

*Đưa mình về nẻo ác,
Khổ này nói sao cùng!
Thấy người thân buồn khổ,
Thì sinh lòng đau thương,
Còn hơn ở địa ngục,
Khổ này nói sao cùng!
Bị đói khát hoành hành,
Như lửa đốt ruột gan,
Hủy hoại cả thân tâm,
Khổ này nói sao cùng!
Bị bạn bè, thân thuộc,
Và mọi người khinh chê,
Thì sinh lòng buồn chán,
Khổ này nói sao cùng!
Cho đến khi già nua,
Thân gãy, tâm suy sụp,
Đi đứng phải chống gậy,
Khổ này nói sao cùng!
Thần chết cướp mạng người,
Đời này sang đời khác,*

Đây là nỗi khổ lớn,

Sao nói được bằng lời!

XXX.3. Bát khổ

Kinh Ngũ vương⁸¹⁵ ghi: “Đức Thế Tôn dạy năm vị vua:

- Người đã sinh ra trong đời thì thân phải chịu muôn nghìn đau khổ. Nay Ta lược nói tám nỗi khổ, các ông hãy lắng nghe. Đó là sinh, già, bệnh, chết, thương yêu mà xa lìa, mong cầu mà không thỏa mãn, ghét nhau mà gặp nhau, lo lắng buồn phiền.

XXX.3.1. Thế nào là khổ do sinh?

Con người khi chết, thần thức không biết sẽ đi về đâu? Khi chưa tìm được nơi sinh thì phải thụ thân trung ấm. Trong khoảng hai mươi một ngày, đợi khi cha mẹ giao hợp liền vào thụ thai. Ở trong thai, bảy ngày đầu tựa như sữa loãng, [185c] bảy ngày thứ hai như sữa đông, bảy ngày thứ ba như sữa đặc, bảy ngày thứ tư như hòn thịt, bảy ngày thứ năm thai hình thành. Bảy giờ gió mát nhập vào bụng mẹ thổi vào thai nhi khiến cho hình thành sáu căn. Ở trong thai mẹ, thai nhi nằm dưới sinh tạng⁸¹⁶, trên thực tạng⁸¹⁷. Khi mẹ ăn chén canh nóng thì thai nhi như nằm trong vạc nước sôi. Nếu mẹ uống bát nước lạnh thì thai nhi như băng giá xát vào thân. Khi mẹ ăn no thì ép ngạt thai nhi, đau không thể nói. Lúc mẹ đói, trong bụng trống rỗng thì thai nhi như bị treo ngược, chịu khổ vô cùng. Đến thời kỳ sinh, đầu hướng xuống sản môn như bị chẹt giữa khe núi đá. Lúc sinh, mẹ nguy cấp, cha lo sợ, hài nhi mới sinh ra thân thể mềm yếu, chạm phải lá cỏ cũng đau như dao cắt, cất tiếng khóc lớn! Như thế có khổ không?

Năm vị vua đáp:

- Thật là quá khổ!

⁸¹⁵ Kinh Ngũ vương (Ngũ vương kinh 五王經): kinh, một quyển, đã mất tên người dịch. Nội dung, Đức Phật thuyết tám nỗi khổ ở thế gian, năm vị vua nghe xong đều xin xuất gia.

⁸¹⁶ Sinh tạng 生藏: ruột non.

⁸¹⁷ Thực tạng 熟藏: ruột già.

XXX.3.2. Thế nào là khổ do già?

Cha mẹ nuôi nấng đến lúc trưởng thành, dốc hết sức lực, không quản khó nhọc, chẳng màng gian lao, khiến thân thể già nua, thịnh đi suy đến, đầu bạc, răng long, mắt mờ, tai điếc, da chùn mặt nhăn, xương khớp đau nhức, đi lại khó khăn, đứng ngồi than thở, ôm lòng buồn tủi, tinh thần sa sút, khi nhớ khi quên, ngày chết sắp đến, đứng ngồi nhờ người, nói ra thật chảy nước mắt! Như thế có khổ không?

Đáp : Thật là quá khổ!

XXX.3.3. Thế nào là khổ do bệnh?

Con người do bốn đại hòa hợp mà thành, một đại không thuận thì một trăm lẻ một bệnh phát sinh, bốn đại không hòa thì bốn trăm lẻ bốn bệnh đồng thời phát sinh, địa đại không thuận thì toàn thân nặng nề, thủy đại không thuận thì toàn thân phù thũng, hỏa đại không thuận thì toàn thân nóng bức, phong đại không hòa thì toàn thân sôi động, xương cốt đau nhức như bị gậy đập. Bốn đại không thuận thì chân tay run rẩy, khí lực cạn kiệt, đứng ngồi nhờ người, môi miệng khô khan, gân đứt, mũi nghẹt, mắt không thấy sắc, tai chẳng nghe tiếng, thân tiết ra đồ bất tịnh rồi nằm trên đó, ôm lòng khổ não, cất tiếng bi thương! Thân nhân ở bên cạnh đêm ngày chăm sóc, không lúc nghỉ ngơi, thức ăn ngon đưa vào miệng liền thành vị đắng. Những điều như thế có khổ không?

Đáp: Thật là quá khổ!

XXX.3.4. Thế nào là khổ do chết?

Con người lúc chết, bốn trăm lẻ bốn bệnh đồng thời phát sinh. Bốn đại sắp tan rã, thần thức bất an. Lúc sắp chết, có ngọn gió lạnh bén như dao thổi cắt thân thể, đau đớn vô cùng. Bảy giờ mồ hôi toát ra, hai tay quờ quạng, người thân ở hai bên khóc lóc thảm thiết, đau tận xương tủy, không thể kiềm chế. Người chết, hơi thở ngừng đập, [186a] khí lực chấm dứt, hơi ấm không còn, thân thể cứng lạnh. Khi chết phong đại đi trước, hỏa đại theo sau, rồi thần thức mới lìa khỏi xác, thân thể trở thành vô tri. Khoảng một tuần sau, toàn thân trương phình, máu thịt tan rã hôi thối không ai dám gần. Bỏ thân ngoài đồng trống chim chóc ăn thịt, thịt hết xương khô, ngổn ngang đây đó. Như thế có khổ không?

Đáp: Thật là quá khổ!

XXX.3.5. Thế nào là khổ do yêu thương mà xa lìa?

Gia đình, anh em, vợ con, nội ngoại, sum họp thương mến nhau. Một hôm li tán, bị người cướp đoạt, khiến cho mỗi người mỗi ngã, cha đông, mẹ nam, con trai tây, con gái bắc, không ở một chỗ, hoặc bị ép buộc phải làm tội tở, chỉ biết tự buồn than. Tình cốt nhục chia lìa, biệt tăm biệt tích, xa xăm mù mịt, không biết khi nào mới được gặp nhau. Những điều như thế có khổ hay không?

Năm vị vua đều đáp:

- Thật là quá khổ!

XXX.3.6. Thế nào là khổ do mong cầu không thỏa mãn?

Những người dùng tiền tài trong nhà mua lấy chức quan, hi vọng được giàu sang, nên luôn dốc lòng tìm cầu, đến khi được làm chức quan ở vùng biên địa, chưa được bao lâu thì tham lấy của dân, bị người tố cáo. Một hôm quan phủ đưa xe ngục đến, họ đau khổ vô cùng, không biết cái chết sẽ đến lúc nào? Như vậy có khổ không?

Năm vị vua đáp:

- Thật là quá khổ!

XXX.3.7. Thế nào là khổ do ghét nhau mà gặp nhau?

Hàng phàm phu thế gian cùng ở trong ái dục, tranh giành những điều tầm thường mà sát hại lẫn nhau, không khi nào dứt, gieo nên oán thù. Mọi người xa lánh, nhưng không nơi trốn tránh, nên tự mài dao, vót tên, mang cung, cầm gậy chống giữ đề phòng. Họ rất sợ gặp nhau, nhưng oan gia ngõ hẹp đâu thể tránh được! Thế là đao, kiếm, cung, tên, chém giết lẫn nhau, chưa biết ai thắng ai thua, ngay lúc đó sợ hãi vô cùng. Như thế có khổ không?

Năm vị vua đều đáp:

- Thật là quá khổ!

XXX.3.8. Thế nào là khổ do lo lắng buồn phiền?

Người ở đời, sống thọ thì đến trăm năm, đoán mạng thì chết trong bào thai. Cho dù, người sống đến một trăm năm, nhưng ban đêm chiếm hết một nửa, còn lại năm mươi năm; trong đó say sưa, bệnh tật, không biết làm người giảm mất năm năm. Từ nhỏ đến mười lăm tuổi khờ khạo chưa biết lễ nghĩa, tám mươi tuổi trở lên, đần độn vô trí, không còn minh mẫn, tai điếc, mắt mờ, quên cả phép tắc, lại mất bốn mươi năm. Tổng cộng mất chín mươi năm. Mười năm còn lại, có lắm chuyện lo buồn như thiên hạ loạn lạc cũng lo, hạn hán cũng lo, lũ lụt cũng lo, sương lạnh cũng lo, mất mùa cũng lo; con cháu nội ngoại bệnh tật cũng lo; kinh doanh sợ mất của cũng lo; [186b] quan gia chưa đến thu thuế cũng lo; người trong nhà bị tù tội chưa biết khi nào tha cũng lo, anh em đi xa chưa về kịp cũng lo; gia đình nghèo nàn không đủ cơm áo cũng lo; xóm giềng có việc cũng lo; không tròn nghĩa vụ đối với đất nước cũng lo; trong nhà có người chết, không tiền chôn cất cũng lo; đến mùa gieo giống mà không có trâu cày cũng lo. Cứ như thế, mỗi thứ mỗi lo, không lúc nào vui vẻ. Đến ngày lễ cùng nhau tụ tập, đáng lẽ vui vẻ, nhưng lại nhìn nhau thương khóc. Những điều như thế có khổ không?

Đáp: Thật là quá khổ!

Lại nữa, kinh *Kim Sắc vương* ghi: “Có vị thiên nữ nói cho Kim Sắc Vương nghe bài kệ:

Pháp nào là khổ?

Đó là nghèo hèn.

Khổ nào lớn nhất?

Đó là nghèo hèn.

Khổ nghèo, khổ chết,

Cả hai giống nhau.

Thà chịu chết khổ,

Không chịu sống nghèo!

XXX.4. Trùng ngựa

Kinh *Thiên bí yếu* ghi: “Lại nữa, Xá-lợi-phất! Lúc hành giả nhập thiên định, dục giác⁸¹⁸ dậy khởi, gió tham dâm phát khởi khiến cho bốn trăm lẻ bốn mạch máu từ nhãn căn cho đến thân căn đồng thời dao động, các căn bế tắc, kích động gió tâm, khiến tâm điên cuồng. Do sự phát cuồng này, mà bị quỷ mị bám lấy. Cho nên ngày đêm suy nghĩ, phải nhanh chóng trị tham dục như cứu lửa cháy trên đầu.

Phương pháp trị dục tâm là dạy cho hành giả quán tử tạng. Tử tạng nằm dưới sinh tạng, trên thực tạng, có chín mươi chín lớp màng, như cái bào thai heo chết. Bốn trăm lẻ bốn mạch nơi tử tạng tủa ra như rễ cây, lan khắp các căn, như bọc chứa phân dơ. Một nghìn chín trăm chi tiết phân bố như tàu lá chuối, tám mươi ổ vi trùng bao quanh. Một trăm lẻ bốn mạch và tử tạng như ruột ngựa, nổi thẳng xuống sản môn như vòng đeo tay, đoạn to đoạn nhỏ, trên tròn dưới nhọn, giống như búi xỉ⁸¹⁹. Trong chín mươi chín lớp, giữa mỗi lớp có bốn trăm lẻ bốn con trùng, mỗi con trùng có mười hai đầu và mười hai miệng. Khi người uống nước, tinh chất của nước thấm vào mạch, phân ra khắp các con trùng, rồi vào đầu trùng Tì-la, thẳng xuống sản môn, cứ mỗi nửa tháng xuất ra nước bất tịnh, các loài trùng đều nhả nước giống như bọc mù vỡ, chảy vào miệng chín mươi con trùng khác. [186c] Từ trong sáu lỗ của hai mươi con trùng lại tiết ra một chất như dịch đỏ, trong đó lại có những con trùng nhỏ như đầu sợi lông.

Các Thiện nam! Do tội ác từ đời trước, nên bốn trăm lẻ bốn mạch máu từ nhãn căn phân tán ra tứ chi, rồi dẫn vào ruột, đến dưới sinh tạng, trên thực tạng. Ở hai bên mạch của phổi, tì, thận, mỗi mạch đều có sáu mươi bốn con trùng, mỗi con cũng có mười hai đầu và mười hai miệng, quấn lấy nhau cuộn tròn như chiếc nhẫn, chứa đầy mù màu xanh như tinh heo rừng, hôi tanh không chịu nổi. Khi đến âm tạng thì phân làm ba nhánh, hai nhánh ở trên phân bố giống như tàu lá chuối, có mười nghìn hai trăm mạch, trong mỗi mạch lại sinh ra Phong trùng rất nhỏ, giống như mỏ chim Tì-lan-đa.

⁸¹⁸ Dục giác 欲覺: tham dục, trong dục giới không khởi mong cầu. Một trong ba ác dục (dục giác, sân giác, hại giác).

⁸¹⁹ Búi xỉ 貝齒: vỏ răng của loài động vật.

Các trùng này lại sinh ra trùng Cân sắc⁸²⁰. Bảy vạn tám nghìn trùng quần bọc lấy nhau, tạo thành hình như nhiều chiếc vòng xếp chồng, giống như mắt chim Cù-su-la⁸²¹. Chín mươi tám mạch xông thẳng vào tim cho đến đỉnh đầu.

Các Thiện nam! Mắt tiếp xúc với nữ sắc, thì Phong trùng kích động đến tâm, khiến cho bốn trăm lẻ bốn mạch chuyển động không ngừng. Tám mươi vạn trùng đồng thời há miệng, từ mắt tiết ra mủ, chảy vào các mạch, cho đến đầu trùng, các trùng vỡ ra, khiến cho ta điên cuồng không tự chủ, muốn chạm vào nữ căn. Tinh của người nam màu trắng xanh là nước mắt của các trùng, tinh của người nữ màu đỏ hồng là mủ của các trùng. Chín mươi tám sử⁸²² là pháp để huân tu, tám mươi ổ trùng do đất, nước, lửa, gió tác động mà sinh ra.

Đức Phật bảo:

- Nay Xá-lợi-phất! Nếu có bốn chúng đáp y hồ thẹn, uống thuốc hồ thẹn, muốn cầu giải thoát, cứu khổ cho đời, phải học pháp này như uống cam lộ. Người học pháp này, trước hết quán tử tạng rồi đến nữ căn, nam căn, đều có các trùng to nhỏ há miệng, nhe răng, tròng mắt, nhả mủ. Kế đến ngửa hai bàn tay đặt ngay ngấn trên gối trái, dùng phép quán số tức để định tâm, quán một nghìn chín trăm chín mươi chín lần. Phép quán này thành rồi, thì chuyển qua gối phải, cũng quán như vậy. Lại dùng tay úp trên đỉnh đầu, quán tưởng những chất bất tịnh của các trùng, trước tiên chảy vào hai mắt, đến tai, mũi và miệng không sót chỗ nào. Quán việc này rồi, thì khi thấy sắc đẹp của người nữ, người nam, cho đến thiên tử, thiên nữ, cũng như thấy trùng trong mụn ghẻ Na-lợi của người bệnh hủi, hình dạng như quỷ thần Bán-đa-la trong địa ngục Mũi Tên, như lửa cháy hừng hực của ngục A-tì. Hành giả phải nên quán sát thật kỹ thân mình và thân người, thân của hết thảy chúng sinh trong cõi Dục này đều bất tịnh.

Xá-lợi-phất! Ông nên biết! Hạt giống căn bản tạo nên thân của chúng sinh đều bất tịnh, [187a] không thể nói hết, chỉ nên dùng phép số tức để nhất tâm quán sát nó. Nếu ai uống được thuốc này là bậc đại trượng phu, thầy

⁸²⁰ Cân sắc 筋色: tinh trùng có hình thể như sợi gân nối liền với tử tạng, có khả năng kích động cho các mạch hấp thụ tinh ra vào. Tinh người nam màu trắng xanh, người nữ màu đỏ hồng.

⁸²¹ Chim Cù-su-la (Cù-su-ca điểu 瞿師羅鳥): loài chim có tiếng hót rất hay.

⁸²² Chín mươi tám sử (cửu thập bát sử 九十八使): chín mươi tám loại tùy miên, là tổng số kiến hoặc (tám mươi tám tùy miên) và tư hoặc (mười tùy miên) trong ba cõi, do tông Câu-xá lập ra.

của trời người, là bậc Điều Ngự, thoát khỏi vũng lầy ái dục, không bị chìm nổi trong dòng sông ân ái. Người dâm dật không nhận rõ sự nguy hại của yêu quý huyễn sắc, phải biết người này chưa thoát khỏi sinh tử. Hương người tu tập thanh khiết như Ưu-ba-la. Người này là hương tượng, là long vương, là lực sĩ trong loài người, trời Ma-hê-thủ-la cũng không thể bì kịp. Đó là bậc đại lực trượng phu, trời người phải kính trọng.

Đức Phật lại bảo:

- Xá-lợi-phất! ông hãy khéo thụ trì và nói cho bốn chúng nghe, chớ quên sót! Lúc bấy giờ, Xá-lợi-phất và A-nan v.v... nghe Phật dạy xong, vui mừng cung kính vâng theo”.

Lại nữa kinh *Chính pháp niêm* ghi: “Tì-kheo tu hành, phải thấy rõ như thật về thân, tuần tự quán sát từ đầu đến chân. Từ đó dùng văn huệ hoặc thiên nhãn quán trong đầu lâu có trùng di chuyển, gọi là não hành. Trùng đi trong xương, sống trong não, hoặc đi hoặc đứng, luôn ăn não này. Lại có các trùng ở trong đầu lâu, hoặc đi hoặc ăn, trở lại ăn đầu lâu. Lại có trùng Tóc ở bên ngoài xương, ăn chân tóc, vì trùng nổi giận nên tóc rơi rụng. Lại có trùng Tai, ở trong tai, ăn thịt trong tai, vì trùng nổi giận nên tai người đau, hoặc bị điếc. Lại có trùng Mũi, ở trong lỗ mũi, ăn thịt trong mũi, khi trùng nổi giận thì hút hết nước bọt do não tiết ra, nên làm cho người ăn uống không cảm thấy ngon. Lại có trùng Mỡ, ở trong mỡ, thường ăn mỡ người, vì trùng nổi giận mà khiến người đau đầu. Lại có trùng Tục, sống ở giữa các khớp. Trùng Thân xâm nhập vào trong mạch, khi trùng nổi giận thì khiến cho mạch người đau đớn như bị kim châm. Lại có trùng Thực diên ở cuống lưỡi, vì trùng nổi giận mà khiến cho miệng người khô nóng. Lại có trùng Nha căn, ở dưới chân răng, vì trùng này nổi giận mà khiến người nhức răng. Lại có trùng Ấu thổ, người dùng thức ăn không phù hợp thì trùng này làm cho nôn mửa.

Đây là nội tu, hành giả tuần tự quán thân. Trước quán mười loại trùng ở trong đầu, hoặc dùng văn huệ, hoặc dùng thiên nhãn mà quán. Đầu tiên quán yết hầu có trùng Thực diên, lúc nhai ăn giống như nôn mửa, nước bọt hòa lẫn, khi nuốt hòa hợp với nước nhờn trong óc, trùng Diên trong cổ cùng ăn thức ăn này, để tự nuôi sống. Nếu trùng tăng trưởng thì khiến người ho, đau. Nếu ăn nhiều chất béo, hoặc nhiều thức ăn không vệ sinh,

hoặc ăn những thức ăn cay nồng, [187b] hoặc ăn chua, hoặc uống nước lạnh, trùng liền tăng trưởng khiến cổ họng người bị đau đớn.

Lại dùng văn huệ, hoặc dùng thiên nhãn quán trùng Tiêu thoa sống trong cổ họng. Nếu người không dùng những thức ăn béo, cay... kể trên, thì trùng an ổn giúp tiêu trừ nước miếng, cùng với các vị ngon từ trong mười mạch tiết ra, nếu người có nhiều nước bọt thì trùng sẽ bị bệnh, vì trùng bệnh nên khiến người tiết ra nước bọt nhạt nhẽo và bị tức ngực. Quán trùng tiêu thoa như thế rồi, ta thấy rõ như thật về thân.

Lại dùng văn huệ, hoặc dùng thiên nhãn quán trùng Thổ sống trong thân. Trùng này ở trong mười mạch và di chuyển đi các nơi. Khi người ăn uống, trùng này từ mạch dưới nhảy vọt lên, chạy vào cổ họng khiến người nôn mửa. Có năm trường hợp nôn mửa: phong, âm, thoa, tạp, dăng.

Nếu trùng này an ổn thì ta ăn uống được ngon miệng.

Lại dùng văn huệ, hoặc thiên nhãn quán con ruồi ăn đồ bất tịnh bay vào trong cổ họng làm kích động trùng Thổ khiến người nôn mửa.

Lại dùng văn huệ, hoặc dùng thiên nhãn quán trùng Túy vị. Trùng này sống nơi đầu lưỡi, cho đến huyết mạch, ở trong đó hoặc đi hoặc đứng, nhỏ bé không chân. Khi ta ăn thức ăn ngon thì trùng say mê thưởng thức mà ngày càng sinh trưởng, ngược lại trùng sẽ suy yếu dần dần, còn nếu ta không ăn, trùng sẽ bệnh, không an ổn. Quán trùng Túy như thế rồi, ta thấy rõ như thật về thân.

Lại dùng văn huệ hoặc dùng thiên nhãn quán trùng Phóng dật ở trên đỉnh đầu. Trùng này chuyển đến vùng não thì gây bệnh, ở trên gáy thì làm cho mọc mụn, vào trong cổ họng sẽ gây ngứa ngáy khó chịu như kiến bò, nếu trùng ở yên thì không gây ra bệnh. Quán trùng Phóng dật như thế rồi, ta thấy rõ như thật về thân.

Lại dùng văn huệ, hoặc dùng thiên nhãn quán trùng Lục vị. Nếu trùng này thích hay ghét vị nào thì ta cũng thích hay ghét vị đó. Nếu ta mắc bệnh nhiệt⁸²³ thì trước đó trùng đã bị bệnh này. Do vậy mà khiến người bệnh ăn

⁸²³ Bệnh nhiệt (nhiệt bệnh 熱病): một trong chín bệnh của chúng sinh, do nóng bức làm cơ thể không điều hòa nên sinh bệnh.

uống chẳng thấy ngon. Quán trùng Vị như thế rồi, ta thấy rõ như thật về thân.

Lại dùng văn huệ hoặc dùng thiên nhãn quán trùng Trữ khí. Trùng này nổi giận sẽ ăn lũng não người, hoặc làm cổ họng đau đớn, hoặc bị tắc nghẽn. Nên dù ta đang sống mà phải chịu khổ như chết. Trùng này cùng với tất cả các trùng khác sống trong cổ họng cùng nhau quấy nhiễu sinh ra mọi sự thống khổ. Trùng Khí thường bị nước bọt vây phủ. Loại trùng này ngắn nhỏ, có mặt và chân. Quán trùng Khí như thế rồi, ta thấy rõ như thật về thân.

[187c] Lại dùng văn huệ, hoặc dùng thiên nhãn quán trùng Tăng vị ở trong cuống họng. Tại sao trùng này làm ta đau bệnh, hoặc an ổn? Trùng này ghét tất cả các vị, chỉ thích một vị, hoặc là ngọt, hoặc là chua... Trùng này ưa thích hay chán ghét vị nào thì ta cũng ưa thích hay chán ghét vị đó. Các mạch ở đầu lưỡi tùy thuận theo vị mà khiến lưỡi khô nóng. Khi trùng nổi giận khiến cho lưỡi đau nhẹ rồi sưng phù lên, hoặc làm cho cổ họng bị đau. Nếu trùng an ổn thì không có các chứng bệnh như trên. Quán trùng Tăng vị như thế rồi, ta thấy rõ như thật về thân.

Lại dùng văn huệ, hoặc dùng thiên nhãn quán trùng Thị thù. Trùng này nhỏ như hạt bụi, sống ở trong tất cả các mạch, di chuyển đến nơi có vị, hoặc sống trong tủy, trong thịt, trong xương đầu, xương gò má, xương răng, xương cổ, trong tai, trong mắt, trong mũi, trong tóc mai, theo hơi thở di chuyển khắp nơi. Khi trùng bị bệnh hoặc mỗi mệ thì ở tại tim. Tim giống như đóa hoa sen, ban ngày xòe nở, ban đêm khép lại, trùng ẩn náu trong đó, lấp chiếm nhiều chỗ. Khi các căn mỗi mệ, trùng sẽ ngủ nghỉ; lúc ấy người cũng vậy. Tất cả chúng sinh ai ai cũng nghỉ ngơi. Nếu trùng này ban ngày mỗi mệ thì người cũng buồn ngủ. Quán trùng Thù như thế rồi, ta thấy rõ như thật về thân.

Lại dùng văn huệ, hoặc dùng thiên nhãn quán trùng Thủng. Trùng này di chuyển trong thân, hình dáng rất nhỏ bé. Trùng hút máu nơi nào thì nơi ấy sưng nhẹ rồi đau nhức. Trùng này ở trên mặt, trên đỉnh đầu, trong cổ họng, trong vùng não, chỗ nào trùng ở đều bị phù thủng, còn nếu ở trong gân thì không gây ra bệnh. Quán trùng Thủng như thế rồi, ta thấy rõ như thật về thân.

Lại dùng văn huệ, hoặc thiên nhãn quán mười loại trùng di chuyển đến gan và phổi gây ra bệnh. Mười loại đó là:

1. Trùng Thực mao.
2. Trùng Không huyết hành.
3. Trùng Thiên-đô-ma-la.
4. Trùng Xích.
5. Trùng Thực tráp.
6. Trùng Mao đăng.
7. Trùng Sân huyết.
8. Trùng Thực nhục.
9. Trùng Tập tập.
10. Trùng Thố.

Các trùng này có hình dáng cực kì nhỏ bé, không có chân và mắt, chuyển động trong máu, làm cho người đau đớn, ngứa ngứa.

[188a] Lại dùng văn huệ hoặc dùng thiên nhãn quán trùng Thực mao. Trùng này nổi giận sẽ ăn lông, tóc làm cho rơi rụng, nên người bị hói.

Lại quán trùng Không huyết hành. Trùng này nổi giận di chuyển trong máu làm cho thân thể sần sùi, đầu óc tê liệt khù khờ.

Lại quán trùng Thiên-đô-ma-la. Trùng này di chuyển trong máu, trong mũi, hoặc trong miệng gây nên mùi hôi khó chịu.

Lại quán trùng Xích. Trùng này nổi giận, di chuyển trong máu, làm mọc mụn nhọt ở cổ họng.

Lại quán trùng Thực tráp. Trùng này nổi giận, chuyển động trong máu gây ra bệnh, làm cho thân thể xanh xao, đen thâm hay vàng vọt.

Lại quán trùng Mao đăng. Trùng này nổi giận di chuyển trong máu làm phát sinh ra các bệnh như mọc mụn, nóng sốt, ghẻ lở.

Lại quán trùng Sân huyết. Trùng này nổi giận, di chuyển trong máu làm người bị bệnh xích, người nữ thì bị chảy máu, thân thể ngứa ngáy, mọc mụn ung mủ, lở loét.

Lại quán trùng Thực nhục. Trùng này nổi giận thì gây ra bệnh khô, làm cho đầu óc quay cuồng, khiến cổ họng, trong miệng, hạ môn đều mọc mụn.

Lại quán trùng Tập tập. Trùng này di chuyển trong máu làm phát sinh các bệnh tật, khiến cơ thể mỏi mệt, ốm yếu, chẳng thích ăn uống.

Lại quán trùng Thố. Trùng này nổi giận cũng làm cho người mắc phải những chứng bệnh như trên.

Lại quán mười loại trùng di chuyển trong thân: trùng Sinh sang, trùng Thích, trùng Bế cân, trùng Động mạch, trùng Thực bì, trùng Động chỉ, trùng Hòa tập, trùng Xú, trùng Thấp sinh, trùng Nhiệt.

Lại dùng văn huệ, hoặc dùng thiên nhân quán trùng Sang. Chỗ nào có vết thương thì trùng này vây quanh gặm rĩa, hoặc sống ở nơi cổ họng làm cho mọc mụn.

Lại quán trùng Thích. Trùng này nổi giận thì gây ra chứng kết lị, nóng bức như lửa thiêu, trong miệng thường khô khan, ăn uống chẳng tiêu. Nếu người buồn khổ thì trùng sẽ vui mừng. Trùng này cắn mạch máu, nên người bị suy yếu, hoặc bị hạ huyết áp, bị kiết lị.

Hoặc quán trùng Bế cân. Trùng này di chuyển trong những sợi gân lớn, gân nhỏ. Nếu người có cảm giác trùng đi trong gân thì bị đau đớn, ngược lại thì không. Do đó tất cả xương thịt đều bị suy tổn hao gầy, trong thân đau nhức, trùng nổi giận khiến người không ăn được, nếu trùng sống trong gân mà hút máu thì khiến người sức lực kém, nếu trùng ăn thịt thì làm cho người gầy yếu.

Lại quán trùng Động mạch. Trùng này đi khắp tất cả các mạch, vì nhỏ nên di chuyển rất dễ dàng không bị trở ngại. Nếu trùng ở trong thực quản thì

gây ra bệnh làm cho thân khô nóng, chẳng thích ăn uống. Nếu trùng ở trong mạch Thủy thì làm cho [188b] miệng khô khan, nếu trùng ở trong tuyến mồ hôi thì làm cho tất cả các lỗ chân lông đều không tiết mồ hôi. Nếu ở trong đường tiết niệu thì người mắc bệnh lâm⁸²⁴, hoặc làm suy tinh, phải chịu sự thống khổ. Nếu trùng nổi giận sẽ di chuyển xuống hạ môn khiến cho đại tiện không thông, phải chịu khổ như sắp chết.

Lại quán trùng Thực bì. Vì người ăn quá nhiều khiến cho trùng tức giận, làm cho sắc diện của người xấu xí, hoặc mắc bệnh pháo⁸²⁵, ngứa ngáy, ứng đỏ, vàng vọt, hoặc bị lở loét, tóc móng rơi rụng, hay bị các chứng bệnh trầm trọng, hoặc bị nứt da, thịt thối rữa.

Lại quán trùng Động chỉ. Trùng này sống trong mỡ, nếu người ăn nhiều hay ngủ nhiều, trùng sẽ nổi giận không giúp tiêu hóa thức ăn, hoặc sinh ghẻ lở, hoặc bị viêm chân lông, ung bướu, trướng bụng, táo bón, thân hôi, hoặc khi ăn chảy mồ hôi.

Lại quán trùng Hòa tập. Trùng này có hai thân: thân giác và thân bất giác. Thân giác gồm da, thịt, má; thân bất giác gồm tóc, móng, răng. Người ăn uống quá no trùng sẽ suy yếu, do đó mà người cũng không còn sức lực, đi lại không nhanh nhẹn, ngủ thường mộng mị, hoặc bị nóng sốt; da thịt, xương máu, tinh tủy đều bị tổn giảm.

Lại quán trùng Xú. Trùng này ở trong thịt, phân, nước tiểu. Vì người ăn uống quá nhiều khiến trùng nổi giận làm cho da thịt, phân, nước tiểu, nước mắt, nước miếng đều hôi hám, làm trong mũi ung mủ. Hễ trùng đến chỗ nào thì chỗ đó hôi thối, như quần áo, tọa cụ, thức ăn, chân răng. Vì trùng này hôi hám nên tất cả cũng hôi theo, cho đến trên lưỡi có nhiều mạch dơ thối, thân cũng hôi hám.

Lại quán trùng Thấp hành. Trùng này di chuyển trên lưng, khi biết thức ăn đã tiêu rồi thì đi vào ba lỗ nơi hông, xử lý những chất dơ uế của con người, nước bẩn thì thành nước tiểu, cặn bã thành phân, khiến cho thải ra ngoài.

Lại nữa, người tu hành quán chiếu, tuần tự quán xét nội thân, quán mười loại trùng chuyển động trong thân. Tất cả con người đều nhờ đây mà có.

⁸²⁴ Bệnh lâm (lâm bệnh 淋病): người tiểu ra đục như nước vo gạo, dưới bụng đau cứng, lan đến giữa rốn.

⁸²⁵ Bệnh pháo (ác pháo 惡炮): bệnh trái rạ, khi bị bệnh này toàn thân mọc mụn lớn, mọng nước như nốt phỏng.

Mười loại đó là: trùng Tập tập, trùng Chuyết chuyết, trùng Miêu hoa, trùng Hỏa diễm, trùng Hắc, trùng Đại thực, trùng Noãn hành, trùng Tác nhiệt, trùng Hỏa, trùng Đại hỏa.

Tất cả các loại trùng này đều sống trong ngũ tạng.

Lại dùng văn huệ hoặc dùng thiên nhân quán trùng Tập tập. Vì người ăn quá nhiều, nên trùng nổi giận ăn lông mi, làm ứa nước mắt, chảy ghèn. [188c] Trùng này nhỏ bé, màu đỏ, nếu di chuyển trong mắt thì gây ra nhiều bệnh, hoặc làm mù mắt, nếu vào con ngươi thì mắt bị màng trắng. Nếu trùng không nổi giận thì không gây ra bệnh.

Lại quán trùng Chuyết chuyết. Trùng này sống trong thân người, di chuyển trong bao tử, ruột già. Trùng này nếu vào trong xương sẽ khiến người nóng bức; nếu di chuyển ở trong thịt thì suốt ngày đêm thịt và tay chân đều nóng; nếu vào trong da thì thân đỏ mề hôi.

Lại quán trùng Miêu hoa. Trùng này di chuyển trong bao tử, có mỏ nhọn, chân ngắn, thân như đồng lửa, khiến người chẳng muốn ăn uống. Trùng đến chỗ nào thì chỗ đó nóng hực, thân nhiệt tăng trưởng và nóng bức. Nếu trùng di chuyển tự nhiên thì không gây ra bệnh.

Lại quán trùng Hỏa diễm. Trùng này di chuyển trong bao tử, có lúc an có lúc không. Vì người ăn quá nhiều, nên trùng này nổi giận di chuyển xuyên suốt từ đầu đến chân, làm cho tất cả máu nóng trong thân sinh ra ung nhọt, hoặc khiến tai, miệng, bao tử chảy máu. Nếu trùng không giận dữ thì không có những bệnh này.

Lại quán trùng Hắc. Trùng này di chuyển trong bao tử, có lúc được an có lúc không. Vì người ăn quá nhiều, nên trùng nổi giận làm cho da mặt nhăn nheo; hoặc mọc nhiều nốt ruồi đen, vàng hay đỏ; hoặc làm cho thân hôi thối, đỏ mắt; mọc mụn ở trong miệng và chỗ cơ quan đại tiện, tiểu tiện. Nếu trùng không giận dữ thì không có những bệnh này.

Lại quán trùng Đại thực. Vì người ăn quá nhiều, nên trùng này nổi giận. Trùng Đại thực ở trong bao tử hấp thụ thức ăn đã tiêu hóa, làm cho các chức năng của mắt, tai, mũi, lưỡi... trên cơ thể đều bị suy giảm. Nếu trùng không giận dữ thì không gây ra bệnh.

Lại quán trùng Noãn hành. Trùng này ưa thích thức ăn nóng, ghét thức ăn lạnh, nếu người ăn thức ăn lạnh, trùng này sẽ nổi giận, miệng tiết ra nhiều nước, hoặc khiến người lười biếng, buồn ngủ, tâm ý mơ màng, thân thể đau đớn dữ dội, có nhiều nước bọt, trong cổ họng sinh bệnh. Nếu trùng không giận dữ sẽ không có những bệnh này.

Lại quán trùng Nhiệt sống trong thân. Vì người ăn quá nhiều nên sinh ra nhiều loại bệnh làm trở ngại đường hô hấp, thân thể thô kệch, cổ họng không thông, đại tiện, tiểu tiện đều có chất nước màu trắng, không thích lạnh, không muốn ăn thức ăn nhạt.

Lại quán trùng Thực hỏa sống trong thân. Trùng này di chuyển trong bao tử. Lúc khí trời lạnh thì trùng này vui vẻ, khiến người thèm ăn uống; còn lúc nóng nực, nhiệt độ tăng cao thì trùng suy yếu, khiến người không muốn ăn. Vì thế vào mùa đông trời lạnh thì bao tử mát mẻ, lúc nóng thì bao tử nóng bức.

Lại quán trùng Đại hỏa. Nếu người có tâm tính bất thường, gắng gượng ăn nhiều, thì sẽ làm cho trùng này nổi giận ăn những con trùng khác ở trong thân, khiến cho ruột, tay và chân của người bị nhói đau, nó ăn trùng ở chỗ nào thì chỗ ấy bị đau đớn. Nếu trùng không giận dữ thì không có những triệu chứng trên.

[189a] Lại nữa, người tu hành dùng văn huệ, hoặc dùng thiên nhãn quán trong xương có mười loại trùng. Mười loại đó là trùng Thi, trùng Khiết cốt, trùng Cát tiết, trùng Xích khẩu xú, trùng Lạn, trùng Xích khẩu, trùng Đầu-đầu-ma, trùng Thực bì, trùng Phong đao, trùng Đao khẩu.

Mười loại trùng này di chuyển trong xương. Nếu làm trái ý, chúng sẽ nổi giận gây tổn hại cho thân. Nội dung được ghi đầy đủ trong kinh *Chính pháp niệm xứ*.

Lại nữa, người tu hành dùng văn huệ hoặc dùng thiên nhãn quán mười loại trùng chuyên động trong nước tiểu. Đó là trùng Sinh, trùng Châm khẩu, trùng Tiết, trùng Vô túc, trùng Tán trấp, trùng Tam tiêu, trùng Phá tràng, trùng Bé tặc, trùng Thiện sắc, trùng Uế môn sang.

Mười loại trùng này có màu sắc xấu xí, sống trong phân tiêu. Nếu làm trái ý, chúng sẽ nổi giận gây tổn hại cho thân. Nội dung được ghi đầy đủ trong kinh *Chính pháp niệm xứ*.

Lại nữa, người tu hành dùng văn huệ hoặc dùng thiên nhãn quán mười loại trùng di chuyển trong tủy, trong tinh trùng. Mười loại đó là trùng Mao, trùng Hắc khẩu, trùng Vô lực, trùng Đại thông, trùng Phiên muộn, trùng Hỏa, trùng Hoạt, trùng Hạ lưu, trùng Khởi thân căn, trùng Úc niệm hoan hỷ.

Mười loại trùng này nếu bị trái ý, chúng sẽ nổi giận gây tổn hại cho thân. Nội dung được ghi đầy đủ trong kinh *Chính pháp niệm xứ*.

XXX.5. Ngũ tân

Kinh *Lăng-già*⁸²⁶ ghi: “Đức Phật dạy: Này Đại Huệ! Đúng như vậy, tất cả những thứ như hành, hẹ, tỏi đều hôi hám bất tịnh, làm chướng ngại đạo thánh⁸²⁷, cũng làm ô ứ nơi thanh tịnh trong cõi trời, người; huống gì là cõi thanh tịnh của chư Phật, cho đến rượ cũng như thế”.

Kinh *Đại bát niết-bàn* ghi: “Ăn những thứ hành, hẹ, tỏi, nén đều hôi hám bất tịnh, sẽ sinh vào những chỗ đau khổ, ô ứ, làm chướng ngại đạo thánh, cũng làm ô ứ nơi thanh tịnh trong cõi trời, người; huống gì là cõi thanh tịnh của chư Phật. Rượ cũng như vậy, hay làm chướng ngại đạo thánh, làm tổn hại nghiệp thiện, phát sinh ra những tội lỗi”.

[189b] Kinh *Tạp a-hàm*⁸²⁸ ghi: “Không được ăn ngũ tân: hành, kiệu, tỏi, nén, hưng cừ⁸²⁹”.

Kinh *Phạm võng*⁸³⁰ ghi: “Đệ tử Phật không được ăn năm thứ cay nồng: hành, kiệu, tỏi, nén, hưng cừ”.

⁸²⁶ Kinh Lăng-già (Lăng-già kinh 楞伽經; S: Laṅkāvatāra-sūtra): kinh, bốn quyển, do ngài Cầu-na-bạt-đa-la dịch vào năm 443, được xếp vào Đại chính tạng, tập 16. “Lăng-già” là tên núi; “A-bạt-đa-la” nghĩa là nhập, tức là bộ kinh quý được Đức Thế Tôn nói tại núi Lăng-già, là một trong sáu bộ kinh được tông Pháp Tướng y cứ.

⁸²⁷ Đạo thánh (thánh đạo 聖道): đạo thánh thiện, chân chính, được thực hành bởi trí vô lậu.

⁸²⁸ Kinh Tạp a-hàm (Tạp a-hàm kinh 雜阿含經; S: Saṃyuktāgama): kinh, năm mươi quyển, do ngài Cầu-na-bạt-đa-la dịch vào đời Lưu Tống, Trung Quốc, được xếp vào Đại chính tạng, tập 2, là một trong bốn bộ A-hàm Bắc truyền.

⁸²⁹ Hưng cừ 興渠 (S: Hiṅgu): một loại thực vật có mùi hôi như tỏi, sống ở các vùng như Hoa Điền, tỉnh Tân Cương, Tây Tạng, Ấn Độ.

Kinh *Ngũ tân báo ứng* ghi: “Bảy chúng⁸³¹ ... không được ăn thịt uống rượu và những thứ cay nồng. Nếu ăn mà đọc tụng kinh thì sẽ phạm tội. Nếu có bệnh cần phải ăn thì Phật cho dùng, nhưng phải ra khỏi đất già-lam, đến nhà của cư sĩ. Khi hết bệnh rồi, phải dùng nước thơm tắm rửa đủ bốn mươi chín ngày, sau đó mới cho phép đọc tụng kinh. Như thế mới không phạm tội”.

Trong các bộ luật như *Tăng-kì*⁸³², *Thập tụng*⁸³³, *Ngũ phần*⁸³⁴ đều nói: “Nếu không có cách nào khác để trị bệnh thì cho phép được dùng ngũ tân, nhưng trong bảy ngày phải ở riêng một căn phòng nhỏ. Không được nằm lên giường chiếu của chúng tăng, không được đến giảng đường, vào nơi tiêu tiện của đại chúng, cũng không được nhận lời thỉnh cùng tăng đi thọ trai; không được đến lễ Phật, phải ở dưới gió, từ xa lễ lạy. Sau khi mãn bảy ngày thì tắm rửa sạch sẽ, xông ướp y phục mới được vào chúng. Nếu bị mụn ghẻ lở loét, thầy thuốc bảo phải dùng hương điều trị, thì trước hết phải đem hương ấy cúng Phật, sau đó mới dùng để xoa, rồi trở về chỗ thanh vắng, làm giống như trước”. (*Người xuất gia thanh tịnh còn thực hiện như vậy, hướng gì kẻ thế tục ô uế lại tự ý ăn sao?*)

XXX.6. Hắt hơi

Kinh *Tăng-kì* nói: “Nếu ở trong đất già-lam, muốn hắt hơi thì không được để phát ra tiếng lớn, mà phải kiềm chế, dùng tay bịt mũi, nếu không thể nhịn được thì dùng tay che mũi rồi hắt hơi, đừng để cho nước bọt, nước mũi văng ra làm dơ bẩn người bên cạnh. Nếu người ở trên pháp tòa hắt hơi thì nên nói ‘xin kính lễ’, còn người ở dưới thì im lặng”.

⁸³⁰ Kinh Phạm võng (Phạm võng kinh 梵網經; S: Chos-kyi rgya-mo sañs-rgyas mnam-par snañ-mdsad-kyis byañ-chub sems-dpañi sems-kyi gnas bsad-pa leñu bcu-pa): kinh, hai quyển, tương truyền do ngài Cưu-ma-la-thập dịch vào đời Hậu Tần, Trung Quốc, được xếp vào Đại chính tạng, tập 24. Nội dung kinh này nói về giai vị và mười giới trọng và bốn mươi tám giới khinh của bồ-tát.

⁸³¹ Thất chúng 七眾: bảy chúng đệ tử Phật. Đó là ti-kheo, ti-kheo-ni, sa-di, sa-di ni, thức-xoa-ma-na, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di.

⁸³² Luật Tăng-kì (Tăng-kì luật 僧祇律; S: Mahāsāṃghika-vinaya): luật, bốn mươi quyển, do ngài Phật-đà-bạt-đa-la và ngài Pháp Hiên cùng dịch vào đời Đông Tấn, Trung Quốc, được xếp vào Đại chính tạng, tập 22. Đây là bộ luật của Đại Chúng bộ thuộc Phật giáo bộ phái. Toàn bộ sách chia làm hai phần: ti-kheo giới pháp (ba mươi lăm quyển đầu) và ti-kheo-ni giới pháp (năm quyển sau).

⁸³³ Luật Thập tụng (Thập tụng luật 十誦律): luật, chia giới luật thành mười phần để giải thích nên gọi là luật Thập tụng, là bộ Quảng luật của Tát-bà-đa bộ, sáu mươi một quyển, do hai ngài Phất-nhã-đa-la và Cưu-ma-la-thập cùng dịch vào đời Diêu Tần, Trung Quốc, được xếp vào Đại chính tạng, tập 23.

⁸³⁴ Luật Ngũ phần (ngũ phần luật 五分律): luật, ba mươi quyển, do ngài Phật-đà-thập và Trúc Đạo Sinh cùng dịch vào thời Lưu Tống, Trung Quốc, được xếp vào Đại chính tạng, tập 22. Đây là bộ giới luật do Hóa Địa bộ (Di-sa-tắc-bộ) lưu truyền và được ngài Pháp Hiên thỉnh bản Phạn về từ nước Sư Tử (Tích Lan).

Luật *Tứ phần* ghi: “Lúc Đức Thế Tôn hắt hơi, các tì-kheo nguyện ‘Trường thọ’. Bấy giờ, cư sĩ đang lễ bái tì-kheo thì hắt hơi, Đức Phật dạy các tì-kheo nên chú nguyện ‘Trường thọ’”.

Luật *Tăng-kì* ghi: “Đức Phật dạy: Nếu người sắp đánh rắm mà không thể kiềm chế được thì phải ra phía sau, không được ở trước mà tự ý xả hơi. Nếu đang đi với người buôn bán trên đường cũng không được tùy tiện đánh rắm ở trước họ. Nếu hơi tống ra không thể kiềm chế được thì phải ra lề đường ở phía dưới gió mà xả”.

Kinh *Tì-ni mẫu*⁸³⁵ ghi: “Khí có hai loại là ợ và đánh rắm. Khi ợ, không được há miệng trước mặt người khác mà phải xoay về phía không có người. Khi sắp đánh rắm không được ở trong chúng, [189c] phải tìm cách đi ra ngoài, chỗ không có người mà hạ khí, sau đó mới được vào, không được để cho chúng chê trách là dơ uế; lúc vào tháp thì không được hạ khí, ở trong tháp, gốc cây, trong đại chúng cũng không được hạ khí; ở trước bồn sư, đại đức, thượng tọa cũng không được hạ khí phát ra tiếng. Nếu có bệnh bức bách thì nên ra ngoài, đừng để mọi người khởi tâm cho là dơ uế”.

XXX.7. Đại tiểu tiện

Kinh *Uu-bát-kỳ vương* ghi: “Người nào tùy ý đại tiểu tiện nơi đất già-lam thì năm trăm đời đọa vào địa ngục Bạt-ba. Trải qua hai mươi tiểu kiếp tay thường nắm chỗ đất ô uế đã tiểu tiện, cho đến khi chết”.

Kinh *Tì-ni mẫu* ghi: “Trước phòng các tì-kheo, chỗ nào cũng bị tiểu tiện, nên bốc lên mùi hôi thối không thể chịu được. Phật biết việc này nên dạy các tì-kheo: ‘Từ nay về sau, các tì-kheo không được tiểu tiện bừa bãi trong chôn già-lam, nên tập trung đến một chỗ khuất mà tiểu, hoặc tiểu vào bình sành, ống tre, ống trúc, trong hầm đất. Sau khi tiểu xong phải đập lại chớ để bốc lên mùi hôi’. Khi đi nhà xí, trước hết ta phải lấy thẻ tre, cỏ, rồi đem đến trước cửa nhà xí khảy móng tay ba lần, để cho người hoặc phi nhân ở trong biết. Nếu không có thẻ tre thì không được chà lên trên vách, cũng không được chà lên trên ván hoặc trên cột nhà xí, không được dùng đá, cỏ tươi, cho đến đất nhuyễn, vỏ cây mềm, lá cây, và các loại cây lạ. Chỉ được dùng gỗ, tre, cỏ lau làm thành thẻ, kích thước dài nhất là một gang tay,

⁸³⁵ Kinh Tì-ni Mẫu (Tì-ni Mẫu kinh 毘尼母經): kinh, tám quyển, mất tên người dịch, được xếp vào Đại chính tạng, tập 24, kinh số 1463.

ngắn là bốn ngón tay. Cái nào đã sử dụng rồi thì không được vung ném làm rơi bẩn thỉu, cũng không được treo chung với thẻ sạch. Đây là cách dùng thẻ đi vệ sinh.

Nhà xí có hai nơi: nơi đại tiểu tiện và nơi dùng nước rửa ráy. Khi đến nơi dùng nước thì ngồi xuống và đứng lên phải vén áo quần gọn gàng, các cách thức còn lại đều giống như nơi dùng thẻ. Trước cửa nhà xí, phải treo một bình nước sạch và treo thêm một bình nước nhỏ. Nếu người nào có bình riêng thì tự dùng. Nếu người nào không có bình thì dùng bình nước nhỏ. Không được dùng bình lớn của tăng khiến rơi bẩn. Đây là cách dùng nước lúc đi nhà xí.

Trước tháp, chúng tăng, hòa-thượng, a-xà-lê⁸³⁶ không được hỉ mũi khạc nhổ khiến cho nước bọt, nước mũi văng ra trên đất. Nếu muốn nhổ nước bọt hỉ mũi, thì phải đi đến chỗ khuất, đừng để người thấy ghê tởm. Đây là cách nhổ nước bọt và hỉ nước mũi”.

Tam Thiên oai nghi ghi: “Nếu ti-kheo đại tiểu tiện mà không rửa thì phạm tội Đột-cát-la⁸³⁷, [190a] không được ngồi lên tọa cụ của chúng tăng và lễ tam bảo, dầu có lễ tam bảo cũng chẳng có phúc”.

Lại nữa, đi nhà xí ở sau phòng tăng có hai mươi lăm việc:

1. Khi muốn đại tiểu tiện thì phải đi ngay. Trên đường đi không được lễ bậc thượng tọa⁸³⁸.
2. Không nhận lễ lạy của người.
3. Đi nên cúi đầu nhìn xuống đất.
4. Đến nơi thì phải khảy móng tay ba tiếng.
5. Nếu có người khảy móng tay đáp thì không được hỏi thúc.

⁸³⁶ A-xà-lê 阿闍梨 (S: ācārya; Hđ: quý phạm sư, chính hạnh): người có thể uốn nắn hành vi cho đệ tử, có đủ giới hạnh, có đủ nghi thức để truyền dạy đạo lý. Đây là từ gọi tôn kính đối với bậc cao tăng.

⁸³⁷ Đột-cát-la 突吉羅 (S: Dukkata; Hđ: ác tác, khinh cấu): tên tội trong giới luật, tức những tội nhẹ như ác tác, ác thuyết. Là một trong năm thiên, một trong sáu tụ giới. Trong hai trăm năm mươi giới ti-kheo, tội này bao gồm hai giới bất định và một trăm giới chúng học, bảy giới diệt tránh.

⁸³⁸ Thượng tọa 上座 (S: Sthavira): trưởng lão, thượng lạp, thủ tọa... Vị tăng hoặc ni có tuổi hạ cao ở địa vị trên. Kinh Tỳ-ni Mẫu 6 ghi: “căn cứ vào tuổi hạ thì từ hai mươi tuổi hạ đến bốn mươi chín tuổi hạ thì gọi là thượng tọa”.

6. Khi đến, đứng khảy móng tay thì thân phải ngay ngắn.
7. Khi ngồi cũng phải ngay ngắn đúng vị trí.
8. Không được ngồi chân trước chân sau.
9. Khi ngồi, thân không được tựa.
10. Phải vén áo quần gọn gàng, không được để phủ xuống nhà xí.
11. Không được cố rặn khiến cho đỏ mặt.
12. Phải nhìn thẳng về phía trước, không được để ý lắng nghe.
13. Không được làm dơ vách.
14. Không được cúi xuống nhìn lỗ cầu.
15. Không được nhìn chỗ kín.
16. Không được lấy tay cầm chỗ kín.
17. Không được lấy cỏ vẽ lên đất.
18. Không được lấy cỏ viết chữ trên vách.
19. Dùng nước, không được phung phí.
20. Không được vẩy nước làm dơ bản.
21. Dùng nước, không được tay trước vương tay sau.
22. Nếu dùng đất thì phải qua ba lần.
23. Phải dùng xà phòng.
24. Được dùng nước ba lần.
25. Nếu thấy nước, cỏ và đất hết thì phải nói với người trực nhật, hoặc tự tay mình làm thì tốt.

Luật *Tăng-kì* ghi: “Nếu tì-kheo đại tiểu tiện xong, không dùng nước rửa sạch mà thọ dùng toạ cụ và mền chiếu của chúng tăng thì phạm tội”.

Luật *Thập tụng* ghi: “Nếu đại tiểu tiện xong mà không rửa sạch thì không được ngồi hay nằm lên toạ cụ của chúng tăng. Nếu nằm lên thì phạm tội”.

Luận *Ma-đức-lặc-già* ghi: “Nếu đại tiểu tiện xong mà không rửa sạch sẽ thì không được lễ lạy, trừ khi chỗ đó không có nước, hoặc là phi nhân nổi giận, hoặc là thân nước nổi giận, hoặc vì cảm kị để uống thuốc thì Phật cho phép, không phạm”.

Kinh *Tap thí dụ* ghi: “Có một vị tì-kheo, không khảy móng tay báo trước, liền vào đại tiểu tiện, làm dơ bản mặt quý thần, quý thần tức giận, muốn giết vị tì-kheo này, nhưng vị này trì giới tinh nghiêm, nên quý không có cơ hội để làm hại.” (*Đã biết như thế, nên khi đi đến nhà xí, trước cần phải khảy móng tay ra tiếng ba lần để báo trước*).

Kinh *Hiền ngu* ghi: “Thuở xưa, khi Đức Phật còn tại thế, ở trong thành Xá-vệ có người tên là Ni-đề. Người này bản cùng, thường làm nghề gánh phân, Đức Phật biết Ni-đề căn cơ đã thuần thực nên muốn độ, liền dẫn A-nan đi đến chỗ Ni-đề, gặp lúc ông đang gánh phân ra khỏi thành để đổ, do chậu phân bị vỡ làm dơ bản cả thân, nên khi thấy Đức Thế Tôn từ xa đến thì lòng hổ thẹn không dám gặp. [190b] Đức Phật biết được đi thẳng chỗ Ni-đề và nói pháp. Nghe xong, Ni-đề sinh tín tâm muốn được xuất gia. Đức Phật bảo A-nan dẫn xuống sông tắm rửa sạch sẽ, rồi đưa về tinh xá Kì-hoàn. Đức Phật lại nói pháp cho Ni-đề nghe. Nghe xong, ông chứng quả Tu-đà-hoàn. Sau khi xuất gia, ông chứng quả A-la-hán. Bấy giờ, vua và dân trong nước nghe tin Ni-đề là hạng người bản cùng xuất gia đều rất tức giận, và nói: ‘Vì sao Đức Phật cho phép người này xuất gia?’ Vua Ba-tư-nặc liền đi đến chỗ Đức Phật để ngăn cản việc này. Khi vua đến thì gặp Ni-đề đang ngồi vá áo trên tảng đá lớn ở trước cửa tinh xá Kì-hoàn và có bảy trăm chư thiên rải hoa cúng dường. Vua thấy thế sinh tâm hoan hỷ, xin Ni-đề được vào gặp Đức Phật. Tì-kheo Ni-đề ẵm thân vào đá ra vào tự tại. Sau khi Ni-đề bạch Phật xong, vua đến gặp Phật và thưa:

- Bạch Đức Thế Tôn! Vị tì-kheo kia tên là gì?

Đức Phật bảo:

- Đó chính là người bạn cùng làm nghề gánh phân tên là Ni-đề ở trong nước của đại vương.

Vua nghe Đức Phật nói như thế, không còn tâm khinh thường phỉ báng, liền đến chỗ Ni-đề xin đình lễ sám hối, và bạch Đức Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn! Tì-kheo Ni-đề kiếp trước đã tạo nghiệp gì mà nay phải chịu thân hèn hạ như thế?

Đức Phật bảo:

- Vào thuở xa xưa, sau khi Đức Phật Ca-diếp nhập niết-bàn, có một tì-kheo lo việc của tăng. Một hôm mới bị bệnh nhẹ mà làm biếng đi nhà xí, nên đã tiểu tiện trong chậu rồi sai đệ tử mang đi đổ. Người đệ tử này đã chứng quả Tu-đà-hoàn, vì nhân duyên như thế, nên ông bị lưu chuyển trong sinh tử, thường làm kẻ hạ tiện, năm trăm đời làm nghề gánh phân. Do thuở xưa làm người xuất gia có công đức trì giới, nên nay mới gặp được Phật xuất gia tu hành đắc đạo”.

(Vi ý nghĩa này nên không được tiểu tiện ở trong phòng, nếu không sẽ chiêu cảm quả báo. Thường thấy người đời vì làm biếng, không chịu đi lại, nên đã đặt cái chậu ở trong phòng để tiểu tiện rồi ngày khác đem đổ; người này đời sau nhất định sẽ bị đọa vào địa ngục. Khi được ra khỏi địa ngục vẫn còn phải bị đọa làm heo, chó, bò hung, trùn ăn phân dơ ở trong nhà xí).

Kinh *Phật thuyết tiêu trừ tai hoạn* ghi: “Đức Phật bảo A-nan:

- Vào thời Đức Phật Ca-diếp ở quá khứ, con người thọ đến hai vạn tuổi, việc làm đã xong, Đức Phật nhập niết-bàn. Bảy giờ, vua Thiện Cảnh muốn tôn thờ xá-lợi⁸³⁹, nên đã xây tháp bảy tầng cao một do-tuần. Tất cả chúng sinh đều đến tháp đốt đèn, dâng hoa hương, tơ lụa cúng dường lễ bái.

⁸³⁹ Xá-lợi 舍利 (S: Śarīra): thông thường chỉ cho di cốt của Phật, gọi là Phật xá-lợi, về sau cũng chỉ cho xương còn sót lại sau khi thiêu nhục thân vị cao tăng. Kinh Kim quang minh 4, phẩm Xá thân ghi: “Xá-lợi là vật được huân tu bởi giới, định, huệ, rất khó có được, là phúc điền tối thượng”.

Lúc đó, có nhóm người nữ muốn cúng dường tháp, họ cùng nhau đến quét dọn đất tháp⁸⁴⁰. Khi đến, thấy phân chó làm ô ướ, có một người nữ dùng tay hốt bỏ, người nữ khác thấy vậy liền nhỏ nước bọt, cười chê:

- Tay của người đã dơ ướ, không được đến gần tháp!

Người nữ này mắng lại:

- Người là dâm nữ xấu xa! Nước có thể rửa sạch tay ta, Phật là thầy của trời người, luôn phải kính trọng.

Khi hốt bỏ phân dơ xong, người nữ đó rửa tay, đi nhiễu tháp cầu nguyện: ‘Nay con đã quét sạch đất tháp, [190c] nguyện cho phiền não trần lao nhiều đời của con điều được tiêu trừ, thanh tịnh không dơ ướ’.

Nhóm người nữ quét tháp lúc ấy, nay chính là những người nữ ở trong hội này, vì lúc quét đất tháp đã phát nguyện dẹp bỏ những trần lao⁸⁴¹ được uống vị cam lồ⁸⁴². Còn người nữ hốt bỏ phân chó lúc ấy, nay chính là Nại nữ⁸⁴³. Khi ấy người nữ này đã phát nguyện sinh vào chỗ thanh tịnh, do phúc báu này nên không sinh vào bào thai dơ ướ, mà thường sinh từ hoa. Nhưng vì lúc ấy đã mắng người kia là dâm nữ, nên nay phải chịu mang tên Dâm Nữ, được gặp Phật nghe pháp đắc quả Tu-đà-hoàn”.

Kinh *Tạp bảo tạng*⁸⁴⁴ ghi: “Theo tục lệ của Nam Thiên Trúc, nhà có người nữ thì buổi sáng phải thức dậy sớm quét dọn nhà cửa. Bấy giờ có một người nữ con ông trưởng giả, sáng sớm đang quét rác thì gặp Đức Phật đi qua, liền sinh tâm hoan hỷ chăm chú nhìn Phật. Lúc đó thọ mạng của cô vừa hết, liền được sinh lên cõi trời. Thông thường hễ người nào được lên cõi trời, thì nhớ lại ba việc là trước đó là thân gì; liền tự biết là thân người; hiện giờ sinh ở đâu? Liền biết ngay là cõi trời; trước kia đã tạo nghiệp gì mà được sinh đến đây, cô liền biết mình do thiện nghiệp gặp Đức Phật sinh tâm hoan hỷ, mới được sinh ở đây. Thiên nữ cảm đến ân đức của Phật, nên

⁸⁴⁰ Tháp 塔 (S: Stpa): vốn chỉ cho nơi an trí xá-lợi Phật.

⁸⁴¹ Trần lao 塵勞: tên khác của phiền não. Vì phiền não làm nhiễm ô tâm, giống như trần cấu làm cho thân tâm mệt mỏi.

⁸⁴² Cam lộ 甘露 (S: amṛta): sương ngọt, dụ cho giáo lý của Đức Phật giúp nuôi lớn thân tâm chúng sinh.

⁸⁴³ Nại nữ 奈女 (S: Mra): người nữ này hóa sinh từ cây nại, nên gọi là Nại nữ, là vợ của Bình Sa vương nước Ma-kiệt-đà, là mẹ của lương y Ki-bà.

⁸⁴⁴ Kinh Tạp bảo tạng (Tạp bảo tạng kinh 雜寶藏經; S: Saṃyukta-ratna-piṭaka-sūtra): kinh nói về các sự tích liên quan đến Đức Phật và đệ tử cùng những duyên sự sau khi Đức Phật nhập diệt.

đến cúng dường Ngài. Đức Phật liền nói pháp cho thiên nữ nghe. Nghe xong, thiên nữ chứng được quả Tu-đà-hoàn”.

Luận *Tân-bà-sa*⁸⁴⁵ ghi: “Xưa kia, ở nước Hằng-xoa-thi-la⁸⁴⁶ có một người nữ đến chỗ xả nghìn đầu của vua Nguyệt Quang, lễ lạy linh miếu do vua Vô Ưu xây dựng. Người nữ thấy có bãi phân chó trước tòa Phật, cô suy nghĩ: Chỗ này thanh tịnh vì sao để phân chó làm ô uest? Rồi cô dùng tay hốt dọn, rải hương bột lên. Nhờ thiện nghiệp này, nên khắp thân người nữ đều tỏa ra mùi thơm như gỗ chiên-đàn⁸⁴⁷, hơi thở thơm như hương hoa sen xanh.

Các chúng sinh do không biết gìn giữ ba nghiệp thanh tịnh, nên bị phiền não, bên trong chiêu cảm ra các thứ ô uest bên ngoài. Bài tụng ghi:

Cỏ dại trên thế gian,

Làm ruộng tốt bạc màu,

Cũng như tâm tham lam,

Làm nhiễm ô chúng sinh.

Cỏ dại trên thế gian,

Làm ruộng tốt bạc màu,

Cũng như tâm sân hận,

Làm nhiễm ô chúng sinh”.

Kinh *Hiện ngu* ghi: “Khi Đức Phật còn tại thế, ở bên thành La-duyệt có một hồ nước sâu, bùn lầy và phân tiểu của người dân đều đổ xuống, nên rất dơ uest. Trong đó có một sinh vật lớn, thân của nó như rắn, có thêm bốn chân, bơi lội khắp nơi, [191a] có lúc thì lặn xuống có khi thì nổi lên, trải

⁸⁴⁵ Luận Tân-bà-sa (Tân-bà-sa luận 新婆沙論; S: Abhidharma-mahāvibhāṣāśāstra): luận, hai trăm quyển, được xếp vào Đại chính tạng, tập 27, do ngài Huyền Trang dịch.

⁸⁴⁶ Hằng-xoa-thi-la 恒叉尸羅 (S: Takṣaśilā Cg: Đất-xoa-thi-la): một nước cổ ở Bắc Ấn Độ. Nước này đất đai phì nhiêu, hoa trái sum suê, già-lam tuy nhiều, nhưng tăng chúng rất ít tu tập theo giáo pháp Đại thừa.

⁸⁴⁷ Chiên-đàn 梅檀 (S: Candana): một loại cây có mùi thơm, cao khoảng 8m, lá nhọn, dài độ 5m mọc cân đối, hoa có ô, trái tròn to cỡ bằng cái chén, khi chín có màu đen nhiều nước, hạt cứng gỗ thơm, rễ được nghiền ra làm bột đàn hương hoặc chẻ dầu thơm. Sách Bản thảo cương mục gọi cây này là bạch đàn, đàn hương.

qua nhiều năm luôn ở trong đó chịu vô lượng nỗi khổ. Bây giờ, Đức Thế Tôn dẫn các tì-kheo đến hồ sâu ấy và hỏi:

- Các ông biết con vật này kiếp trước đã tạo nghiệp gì không?

Các vị tì-kheo đều không biết.

Đức Phật dạy:

- Vào thời Đức Phật Tì-bà-thi, có một đoàn thương buôn vào biển tìm của báu, họ tìm được rất nhiều và bình an trở về. Họ chọn ra những báu vật quý giá cúng dường chúng tăng để lo việc ăn uống. Chư tăng nhận rồi trao cho vị tri sự⁸⁴⁸. Về sau, hết lương thực, chư tăng liền đi đến xin vị tri sự, nhưng vị này không cho, chúng tăng cố nài nỉ. Vị tri sự tức giận nói: ‘Các ông ăn phân đi, của báu này thuộc về tôi, vì sao cứ đòi mãi thế?’. Do nói lời ác, mắng chửi khinh thường chúng tăng, sau khi mạng chung phải đọa vào địa ngục Phí thi⁸⁴⁹, trải qua chín mươi một kiếp, lúc ra khỏi địa ngục thì bị đọa vào trong hồ sâu này từ thời Thất Phật⁸⁵⁰ cho đến nay, phải làm thân loài này cho đến nghìn Đức Phật ra đời vào Hiền kiếp⁸⁵¹ cũng còn chịu như vậy”.

Lại nữa, kinh *Bách duyên* ghi: “Khi Đức Phật ở vườn tre Ca-lan-đà tại thành Vương Xá⁸⁵², tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên trước khi thọ thực thường quán xét ba cõi: địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh, rồi sau đó mới dùng. Mục-kiền-liên thấy một ngạ quỷ thân như cột đồng cháy, bụng lớn như núi Thái, cổ nhỏ như cây kim, tóc nhọn như đao bén quanh thân, giữa các khớp xương đều phát ra lửa. Quỷ này rên rỉ gào thét chạy khắp nơi tìm phân để ăn, nhưng cực khổ tìm cầu cả ngày mà vẫn không được. Mục-kiền-liên hỏi quỷ:

- Người đã tạo nghiệp gì mà nay phải chịu khổ như vậy?

⁸⁴⁸ Tri sự 知事: chức vụ quản lý các công việc thứ yếu của chư tăng trong chùa, thường do các vị tăng thuận theo nguyện vọng của đại chúng, nghiêm trì giới luật, có tâm công bằng chính trực đảm nhiệm.

⁸⁴⁹ Phí Thi 沸屎: địa ngục Phí Thi. Địa ngục này trị phạt chúng sinh bằng phân sôi.

⁸⁵⁰ Thất Phật 七佛: bảy Đức Phật đời quá khứ, theo thứ tự là Phật Tỳ-bà-thi, Phật Thi-khí, Phật Tỳ-xá-phù, Phật Câu-lưu-tôn, Phật Câu-na-hàm-mâu-ni, Phật Ca-diếp, Phật Thích-ca-mâu-ni.

⁸⁵¹ Hiền kiếp 賢劫 (S: Bhadrakalpa): kiếp trụ. “Hiền” nghĩa là thiện, “kiếp” nghĩa là thời phần. Trong kiếp này có một nghìn bậc hiền thánh ra đời, nên gọi là Hiền kiếp, Thiện kiếp.

⁸⁵² Ca-lan-đà Trúc lâm 迦蘭陀竹林 (S: Veṇuvana-kalandakanivāsa): vườn tre ở phía Bắc thành Vương Xá nước Ma-kiệt-đà, thuộc Trung Ấn Độ. Tương truyền chim Ca-lan-đà thích đậu ở khu vườn này, nên gọi là Ca-lan-đà Trúc lâm.

Qui đáp:

- Nơi có mặt trời thì đâu cần phải đốt đuốc. Nay Đức Thế Tôn đang hiện hữu trên đời, ông có thể đến đó hỏi. Bây giờ tôi đói khát, không thể trả lời cho ông được.

Lúc ấy, Mục-kiền-liên liền đến chỗ Đức Thế Tôn thưa:

- Con quý kia đã tạo nghiệp gì mà phải chịu khổ như thế?

Đức Thế Tôn bảo:

- Ông hãy lắng nghe, Ta sẽ nói cho ông rõ! Vào kiếp Hiền tại thành Xá-vệ có một ông trưởng giả, của cải vô số, không thể tính hết, ông thường sai người hầu ép nước mía để bán cho những nhà giàu. Khi đó, có vị bích-chi phật bị bệnh ôn⁸⁵³, thầy thuốc bảo phải uống nước mía thì bệnh mới thuyên giảm. Bích-chi phật liền đi đến nhà ông trưởng giả xin nước mía. Trưởng giả nhìn thấy vị này đến, sinh tâm hoan hỷ, liền bảo vợ tên Phú-na-kỳ:

- Tôi có việc gấp phải đi ra ngoài, bà ở nhà hãy lấy nước mía cúng dường cho bích-chi phật này!

[191b] Người vợ đáp:

- Ông cứ đi, tôi sẽ cho!

Khi người chồng vừa bước ra khỏi nhà, bà lấy bát của bích-chi phật đem vào chỗ khuất, tiểu tiện vào trong đó rồi phủ nước mía lên trên, đem ra đưa cho vị bích-chi phật. Bích-chi phật biết, nên đổ hết xuống đất, mang bát không trở về. Sau khi qua đời, bà bị đọa vào địa ngục, thường bị đói khát bức bách. Vì nghiệp ác đó mà phải chịu khổ như thế.

Đức Phật bảo Mục-kiền-liên:

- Người vợ của ông trưởng giả lúc đó nay chính là nạn nhân Phú-na-kỳ.

⁸⁵³ Bệnh ôn (ôn bệnh 溫病): là bệnh do nhiễm gió lạnh mà mắc phải.

Nghe Đức Phật dạy xong, các tì-kheo đều bỏ hết xan tham, nhàm chán sinh tử, có vị chứng được Tứ quả⁸⁵⁴, có người phát tâm Bích-chi Phật, có người phát tâm Vô thượng bồ-đề. Tất cả các tì-kheo đều hoan hỷ phụng hành”.

XXX.8. Hộ tịnh

Luật *Thập tụng* ghi: “Súc miệng như thế nào?”

Đức Phật dạy:

- Ngậm nước vào miệng đảo ba lần, làm cho miệng sạch”.

Luật *Tăng-kì* ghi: “Bấy giờ Đức Thế Tôn thuyết pháp trong pháp hội lớn, có một tì-kheo bị hôi miệng, ngồi ở dưới gió. Phật biết mà vẫn cố hỏi:

- Tì-kheo đó sao lại ngồi một mình?

- Bạch Thế Tôn! Vì Thế Tôn chế giới không cho dùng cây chà răng, vì thế miệng hôi, sợ ảnh hưởng đến người khác, nên con phải ngồi dưới gió.

Đức Phật dạy:

- Từ nay cho phép dùng cây chà răng, dài nhất là mười sáu lóng tay, ngắn nhất bốn lóng tay. Khi chà phải rửa tay sạch và ở chỗ vắng vẻ. Chà xong phải rửa cây chà rồi mới được bỏ. Không được nuốt nước chà răng. Nếu tì-kheo bị bệnh, thầy thuốc bảo phải nuốt thì cho phép. Nếu người không có răng thì dùng tro, muối, đất, gạch, gừng, đá, cỏ, cây làm cho sạch miệng rồi mới ăn.

Khi ăn muốn rót nước, trước hết nên dùng nước sạch rửa tay, rửa bát, sau mới rót. Nếu tay bẩn thì phải dùng lá lót bát. Khi uống, không được ngậm miệng vào bát, không được để cho bát chạm vào trán, phải tựa môi vào uống, không được uống hết, phải chừa lại một ít nước để súc miệng rồi nhổ đi. Người rót nước phải khéo giữ bát nước cho sạch. Nếu thấy vành bát đã bị ngậm rồi hoặc đã đụng vào trán, thì phải để riêng một chỗ, lấy cỏ làm dấu để cho người khác biết là bát nước không sạch. Nếu rót nước phi thời, thì cách thức cũng giống như trên”.

⁸⁵⁴ Tứ quả 四果: quả vị A-la-hán.

Luật *Tăng-kì* ghi: “Tì-kheo sáng sớm thức dậy phải rửa tay sạch sẽ, không được rửa qua loa, nên rửa năm đầu ngón tay trước, không được rửa tới nách mà chỉ rửa từ cổ tay trở xuống, không được rửa một cách vội vàng, không nên chà xát quá mạnh, khiến chảy máu. [191c] Nên dùng đá, cỏ hoặc tro mà rửa. Nếu dùng tro hoặc xà phòng thì phải kỳ cho ra tiếng. Sau khi rửa tay rồi, nếu vò hai tay mà còn nhờn thì chưa sạch, phải rửa lại. Tì-kheo trước bữa ăn phải giữ tay cho sạch. Nếu gãi đầu hoặc cầm y... thì phải rửa tay lại (*Tì-kheo mà còn như vậy thì cư sĩ cũng phải làm như vậy*). Khi tụng kinh, thọ trai cũng vậy, tay sạch mà vẫn còn làm như thế huống gì tay thường hay giết hại chúng sinh, ăn uống máu thịt, thân miệng hôi hám, bụng lung mà truyền pháp, tâm chẳng được thanh tịnh!”

Luật *Tứ phần* ghi: “Bấy giờ các tì-kheo sợ trong phòng có mùi hôi. Đức Phật dạy: “Nên rưới nước quét dọn, nếu còn hôi thì rải bột hương. Nếu vẫn còn hôi thì treo hương thơm ở bốn góc phòng.”

Luật *Thập tụng* ghi: “Bấy giờ có tì-kheo vì không chà răng, nên miệng hôi, đến bạch Phật.

Đức Phật dạy:

- Cho phép tì-kheo chà răng. Vì chà răng có năm điều lợi ích:

- 1- Miệng không đắng
- 2- Miệng không hôi
- 3- Trừ bệnh phong
- 4- Trừ bệnh nhiệt.
- 5- Trừ đàm.

Lại có năm điều lợi ích:

- 1- Trừ bệnh phong
- 2- Trừ nhiệt

3- Phân biệt rõ mùi vị

4- Ăn ngon miệng

5- Mắt sáng”.

Luật *Tứ phần* ghi: “Không chà răng có năm lỗi:

1- Miệng hôi

2- Không phân biệt được mùi vị

3- Bệnh nóng sốt không giảm

4- Ăn không ngon miệng

5- Mắt không sáng”.

Luật *Ngũ phần* ghi: “Chà răng xong thì phải rửa cho sạch cây chà rồi mới bỏ, vì sợ trùng ăn vào sẽ chết”.

Tam thiên oai nghi ghi: “Có năm điều cần phải biết khi sử dụng cây chà răng:

1- Đúng kích thước

2- Vắt bỏ đúng như pháp

3- Đầu chà không quá ba phân

4- Răng thưa nên chà trong kẽ ba lần

5- Phải tự rửa”.

Nạo lưỡi có năm việc:

1- Không được nạo quá ba lần.

2- Trên lưỡi chảy máu thì phải ngừng.

3- Không vung tay khiến vấy bẩn Tăng-già-lê và chân.

4- Không được bỏ cây nạo lưỡi nơi đường đi.

5- Phải bỏ ở chỗ khuất.

XXX.9. Minh chung

Kinh *Phó pháp tạng* ghi: “Lúc bấy giờ có một vị vua tên là Kế-ni-trá tham lam, bạo ngược, vô đạo, thường đem quân đi chinh phạt các nước, bắt dân chúng sai dịch khổ sở mà không biết dừng. Nhà vua muốn thống nhất thiên hạ, nên đem quân đóng ngoài biên ải, khiến cho thân thích bị chia lìa, nỗi khổ ấy không biết khi nào mới hết. Do đó, quan dân đồng tâm trừ diệt vị vua này để được an vui. [192a] Nhân lúc nhà vua bị bệnh nặng, họ liền lấy mền trùm vua lại, rồi ngồi đờ lên, lát sau vua tắt thở. Nhờ lúc trước vua đã từng nghe tì-kheo Mã Minh⁸⁵⁵ thuyết pháp, nên tái sinh vào trong biển lớn làm thân cá nghìn đầu. Cá này luôn bị kiếm chém đứt đầu, đứt rồi lại mọc ra, rồi lại bị chém đứt, phải chịu vô số lần sinh ra rồi bị chém như thế, trong bồng chốc thì đầu đầy cả biển lớn.

Một hôm, cá thừa với một vị a-la-hán⁸⁵⁶ làm duy-na⁸⁵⁷ trong chùa :

- Con nghe tiếng kiền chùy thì vòng kiếm chém còn liền dừng lại, ngay lúc đó nỗi đau khổ tạm ngừng. Cúi mong đại đức lòng thương xót, nếu đánh kiền chùy thì ngài hãy đánh cho thật dài.

Vị a-la-hán từ bi, nên đã đánh kiền chùy rất dài, trải qua bảy ngày cá liền thoát khỏi tội khổ, tái sinh vào chùa. Do câu chuyện của vị vua này, mà tương truyền về sau, đánh kiền chùy thì phải đánh cho thật dài, cho đến ngày nay vẫn còn như vậy”.

Lời bàn: Theo như ý kinh, đánh chuông để cứu khổ cho chúng sinh, lại còn dùng để nhóm họp chúng tăng. Vị duy-na đánh chuông, chấp tay trang

⁸⁵⁵ Mã Minh 馬鳴 (S: Āsvaghosa): vị tổ thứ mười hai được phó pháp tạng, cũng là một đại luận sư, một thi nhân Phật giáo, thuộc giòng Bà-la-môn, người ở thành Ta-chí-na nước Xá-vê, Trung Ấn Độ.

⁸⁵⁶ A-la-hán 阿羅漢 (S: Arhat): bậc thánh đã đoạn hết kiến hoặc, tư hoặc trong ba cõi, chứng được Tận trí, xứng đáng được nhận tất cả sự cúng dường của thế gian; một trong bốn quả Thanh văn; một trong mười đức hiệu của Như Lai.

⁸⁵⁷ Duy-na: 維那 (S: karma-dāna): chức vụ quản lý, điều hành và lo liệu các việc của đại chúng trong chùa.

nghiêm phát nguyện lợi ích chúng sinh. Chúng sinh nhờ nghe tiếng chuông liền nghĩ nhớ đến điều thiện, dứt hết các khổ đau.

Kinh *Tăng nhất A-hàm* ghi: “Lúc đánh chuông, nên nguyện cho tất cả những đau khổ trong đường ác đều dứt. Nếu khi nghe tiếng chuông và bài kệ thì trừ được tội nặng sinh tử trong năm trăm ức kiếp.

Diệt trừ sức ma oán,

Dứt sạch mọi não phiền,

Đất trống đánh kiên chùy,

Tì-kheo nghe, vân tập.

Người được nghe pháp này,

Vượt ra khỏi sinh tử,

Nghe âm vi diệu này,

Hãy mau đến vân tập”.

Trong kinh *Tạp* có bài kệ:

Nghe chuông, nằm không dậy,

Hộ pháp thiện thần giận,

Hiện đời duyên phúc mỏng,

Đời sau đọa làm rắn.

Ngay lúc nghe tiếng chuông,

Đang nằm phải ngồi dậy,

Chấp tay khởi tâm lành,

Hiện thánh đều hoan hỷ.

Hồng chung vang vọng khắp muôn nơi,

Thức tỉnh chúng sinh thoát cõi đời,

Sinh tử đêm dài bao tội khổ,

Nghe chuông phiên nào thấy đều vui.

Sáu thức⁸⁵⁸ mê mờ vô cùng khổ,

Vô minh che lấp vạn mê đồ,

Đêm ngày nghe chuông bừng giác ngộ,

Lòng vui cõi tịnh đắc thần thông.

XXX.10. Nhập chúng

[192b] Luật *Tứ phần* ghi: “Tỳ-kheo muốn nhập chúng, phải đủ năm pháp:

1- Có tâm từ

2- Phải khiêm hạ, xem mình như khăn lau bụi

3- Phải biết phép tắc ngồi đứng. Nếu thấy thượng tọa đến thì phải đứng dậy, còn thấy hạ tọa thì được ngồi yên

4- Vào trong tăng, không được nói chuyện tạp và bàn luận đến việc thế sự. Nên tự mình nói pháp hay thỉnh người nói pháp

5- Nếu thấy trong tăng có việc không đúng, không thể nhẫn nhịn thì cũng nên im lặng ngồi đó”.

Cho nên, luận Đại trí độ ghi: “Đệ tử của Phật sống hòa hợp với nhau, cần phải thực hiện hai pháp: nói như hiền thánh, im lặng như hiền thánh”.

(Ngày nay, thường thấy nơi trai hội, những kẻ hậu học đến trước chiếm chỗ ngồi sang trọng, khi nhìn thấy thượng tọa, giáo thụ đến mà không đứng dậy đón tiếp, không nhường chỗ ngồi. Nguyên nhân làm cho chính

⁸⁵⁸ Sáu thức (lục thức 六識; S: Saḍvijñāna): nhãn thức, nhĩ thức, tỉ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức.

pháp suy đồi, quả thật là do tăng trẻ! Hoặc đến nhà quyền quý, hoặc đến đám tang, đám giỗ, kể tăng người tục mặc tình buông lung cười nói, gây huyên náo cả đại chúng, khiến cho người thế gian chê bai luôn cả đến các vị tăng đạo hạnh).

Kinh *Tam thiên oai nghi* ghi:

Khi lên giường phải đủ bảy việc:

- 1- Khoan thai ngồi lên giường.
- 2- Không được bò trên giường.
- 3- Không được khua động mạnh làm giường phát ra tiếng.
- 4- Không được lau quét mạnh làm giường phát ra tiếng.
- 5- Không được sầu than, suy nghĩ việc thế tục.
- 6- Không được nằm chung nhiều người.
- 7- Nên tùy theo khí hậu từng mùa mà dậy sớm.

Luận *Địa trì*⁸⁵⁹ ghi: “Bồ-tát nhìn thấy chúng sinh thì phải hỏi thăm, trước khi nói, dung mạo phải vui vẻ, sắc diện hài hòa, nhìn thẳng, giữ gìn chính niệm. Nếu bồ-tát biết chúng sinh kia có công đức, nhưng hiềm giận họ, nên không nói cho người khác biết, cũng không ca ngợi, nếu có người khen thì cũng không nói là ‘rất tốt’. Đó là phạm Chúng đa phạm⁸⁶⁰. Phạm này từ tâm nhiễm ô sinh khởi”.

*Nhiếp luận*⁸⁶¹ ghi: “Bồ-tát nhìn thấy chúng sinh, trước hết phải có thái độ vui vẻ, rồi mới nói chuyện”.

Luật *Ngũ phần* ghi: “Người không có tâm nhẫn nhục sẽ phạm năm lỗi:

⁸⁵⁹ Luận Địa trì (Địa trì luận 地持論; S: Bodhisattva-bhūmi.): luận nêu rõ phương tiện tu hành của bồ-tát Đại thừa, chia làm ba phần: Sơ phương tiện xứ, Thứ pháp phương tiện xứ và Tất cánh phương tiện xứ, gồm hai mươi bảy phẩm. Do có thêm phần giới Đại thừa nên kinh này rất được xem trọng.

⁸⁶⁰ Chúng đa phạm 眾多犯: tội khinh cầu trong giới Bồ-tát.

⁸⁶¹ Nhiếp luận 攝論: một trong năm bộ Luận Nhiếp. Đây là bản Hán dịch bộ Đại Thừa luận Nhiếp thích, mười lăm quyển, do pháp sư Chân Đế dịch vào đời Lương, được xếp vào Đại chính tạng, tập 31.

- 1- Hung ác bất nhẫn
- 2- Về sau sẽ hối hận
- 3- Nhiều người không thích
- 4- Tiếng xấu đồn khắp
- 5- Chết bị rơi vào đường ác”.

XXX.11. Suy tướng

Kinh *Phân biệt duyên khởi sơ thắng pháp môn*⁸⁶² ghi: “Đức Thế Tôn dạy, người già có năm suy tổn:

- 1- Râu tóc suy tổn, do màu sắc biến hoại
- 2- Thân thể suy tổn, do hình thể, sức lực đều hao mòn
- 3- Hành động suy tổn. Khi nói lấy hơi lên, thở dồn dập, thân thể run rẩy; dáng đứng lòm khòm, vì xương sống không đủ lực để nâng đỡ; ngồi thì lưng cong sát đất vì thân thể suy nhược; đi đứng phải cần gậy vì thân đã yếu ớt; đầu óc suy nghĩ nhận biết chậm chạp, nhớ lộn xộn
- 4- Thụ dụng suy tổn. [192c] Đối với các vật ưa thích vẫn không thể thụ dụng. Đối với trần cảnh, các căn chẳng thể xử lý một cách bén nhạy, sáng suốt, hay không còn hoạt động được nữa.
- 5- Thọ mệnh suy giảm. Tuổi thọ sắp hết, cái chết kề bên. Gặp một duyên xấu, dù nhỏ cũng không thể chịu nổi”.

Kinh *A-hàm* ghi: “Có bốn nguyên nhân mái tóc bị bạc trắng: nóng, lo nhiều, bệnh nhiều, di truyền.

Có bốn nguyên nhân khiến người bị gầy: ăn ít, lo, buồn, bệnh.

⁸⁶² Kinh *Phân biệt duyên khởi sơ thắng pháp môn* (Phân biệt duyên khởi sơ thắng pháp môn kinh 分別緣起初勝法門經): kinh nói về mười một loại thù thắng của chi vô minh. Đó là sở duyên thù thắng, hành tướng thù thắng, nhân duyên thù thắng, đẳng khởi thù thắng, chuyển dị thù thắng, tà hạnh thù thắng, tướng trạng thù thắng, tác nghiệp thù thắng, chướng ngại thù thắng, tùy phục thù thắng, đối trị thù thắng.

Có bốn việc mà người không thể biết trước, không thể tránh, cũng chẳng thể chối từ: đầu bạc, già nua, bệnh tật, chết chóc.

Tất cả mùi vị không ngoài tám loại: đắng, chát, cay, mặn, nhạt, ngọt, chua, vị hỗn tạp”.

XXX.12. Ngủ mộng

Luật *Thiện Kiến*⁸⁶³ ghi: “Có bốn nguyên nhân sinh mộng:

1- Do bốn đại bất hòa⁸⁶⁴

2- Do trước đã thấy

3- Trời báo

4- Do tưởng”.

Mộng do bốn đại bất hòa: mộng thấy núi sụp lở, thân hình bay bổng lên hư không, hoặc thấy cọp, sói, sư tử giặc cướp rượt đuổi, mộng này không có thật.

Mộng do thấy trước: ban ngày thấy các cảnh tượng như màu đen, màu trắng, nam, nữ... ban đêm nằm mộng thấy lại giống như vậy, mộng này cũng không có thật.

Mộng do trời báo: nếu người tu thiện thì cảm được chư thiên hiện cho thấy mộng lành, làm cho thiện căn người ấy được tăng trưởng. Nếu người làm điều ác thì cũng được chư thiên hiện cho thấy ác mộng. Mộng này có thật.

Mộng do tưởng: người thấy mộng này do đời trước đã tạo nhiều phúc đức hay đã gây nhiều tội ác, nếu người có nhiều phúc đức thì thấy được mộng lành, còn người có nhiều tội chướng sẽ thấy ác mộng. Như mẹ của thái tử Tất-đạt-đa, trước khi bà thụ thai thái tử, nằm mộng thấy voi trắng sáu ngà từ trên cung trời Đao-lợi bay xuống chui vào bên hông phải. Đây chính là

⁸⁶³ Luật Thiện kiến (Thiện kiến luật 善見律; S: Samantapāsādikā): luật, mười tám quyển, do ngài tăng-già-bạt-đa-la dịch vào đời Nam Tề, Trung Quốc, được xếp vào Đại chính tạng, tập 24. Đây là một trong năm bộ luận của luật Tiểu thừa, chú thích luật tạng do Thượng Tọa bộ của Tích Lan truyền.

⁸⁶⁴ Tứ đại bất hòa 四大不和: thân người do bốn đại như địa, thủy, hỏa, phong hợp thành. Nếu bốn đại không điều hòa thì sẽ làm cho thân người cảm thấy khó chịu.

mộng do tưởng. Hoặc mộng thấy làm những việc như: lễ Phật, tụng kinh, trì giới, bố thí... thì cũng được gọi là mộng do tưởng.

Mộng là thiện, bất thiện hay vô kí⁸⁶⁵? Mộng có khi là thiện, có khi là bất thiện, có khi là vô kí. Như mộng thấy lễ Phật, nghe pháp, giảng pháp... là mộng thiện. Mộng thấy sát sinh, trộm cướp, dâm dục là mộng bất thiện. Mộng thấy các màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng... là mộng vô kí.

Nằm mộng có chịu quả báo không? Không bị quả báo! Vì sao? Vì tâm nghiệp yếu ớt, nên không chiêu cảm quả báo. [193a] Cho nên các bộ luật có ghi: “Trong mộng thì không phạm”.

Luận *Ca-chiên*⁸⁶⁶ ghi:

Hỏi: Thụy và miên đều tương ưng với nhau phải không?

Đáp: Thụy (*ngủ gật*) không tương ưng với miên (*ngủ say*). Lúc chưa miên, thân tâm không thư thái, thân tâm nặng nề, thân tâm lơ dờ, thân tâm mê mờ, thân tâm buồn ngủ, cho nên bị thụy ràng buộc, nên gọi là thụy không tương ưng với miên.

Hỏi: Thế nào là miên không tương ưng với thụy?

Đáp: Ngủ say với tâm không ô nhiễm.

Hỏi: Thế nào là thụy tương ưng với miên?

Đáp: Ngủ say với tâm ô nhiễm.

Hỏi: Thế nào là không miên không thụy?

Đáp: Ngoài các trường hợp trên.

Hỏi: Miên là thiện, là bất thiện hay vô kí?

⁸⁶⁵ Vô kí 無記 (S: Avyākṛta): là loại tâm sở không ghi nhớ là thiện hay ác. Vô kí chia làm hai loại là hữu phú vô kí và vô phú vô kí.

⁸⁶⁶ Luận Ca-chiên (Ca-chiên luận 迦延論; Cg: là A-ti-đàm bát kiên-độ luận; S: Abhidharmāṣṭaṅgrantha): luận, ba mươi quyển, do ngài Ca-chiên-diên tử người Ấn Độ soạn, ngài Tăng-già-đề-bà và Trúc Phật Niệm cùng dịch vào năm 383, thời Phù Tần, được xếp vào Đại chính tạng, tập 26.

Đáp: Miên có thể là thiện, hoặc bất thiện, hoặc vô kí.

Hỏi: Thế nào gọi miên là thiện?

Đáp: Vì khi ngủ với tâm thiện.

Hỏi: Thế nào gọi miên là bất thiện?

Đáp: Khi ngủ với tâm bất thiện.

Hỏi: Thế nào gọi miên là vô kí?

Đáp: Ngoài hai trường hợp trên.

Hỏi: Thế nào là những việc làm phúc đức trong lúc ngủ, là hồi ức ?

Đáp: Như trong giấc mộng làm những việc như bố thí, trì giới, trì trai... là ngủ với tâm thiện, tâm hồi ức lại những việc làm phúc trước đó.

Hỏi: Thế nào là những việc làm không phúc đức trong lúc ngủ, là hồi ức ?

Đáp: Như trong giấc mộng thấy làm những việc như giết hại, trộm cướp... là ngủ với tâm bất thiện, tâm nhớ lại những việc làm không có phúc đức.

Hỏi: Thế nào là những việc phúc đức và không có phúc đức trong lúc ngủ không phải hồi ức ?

Đáp: Lúc ngủ tâm không hồi ức những việc có phúc và không có phúc, tức là ngủ với tâm vô kí, thì những việc làm có phúc và không phúc sẽ không quay hiện trở lại.

Hỏi: Mộng gọi là pháp gì?

Đáp: Đó là vô minh, một trong ngũ cái.

Luật *Thập tụng* ghi: “Trong giờ thiền, có vị ti-kheo ngủ gật. Đức Phật dạy: ‘Cho phép lấy nước rưới lên đầu’. Nhưng ti-kheo khi dùng nước rưới lên đầu người khác phải biết năm điều:

1- Vì lòng thương

2- Không vì não loạn người khác

3- Người ngủ gật

4- Đầu dựa vào tường vách

5- Ngồi duỗi chân.

Nếu vẫn còn ngủ gật thì chạm tay vào thân. Nếu vẫn còn ngủ thì Phật cho phép dùng thiền cúc⁸⁶⁷, nếu vẫn chưa tỉnh thì Phật cho phép dùng thiền trượng⁸⁶⁸. Người cầm thiền trượng phải khởi tâm cung kính, dùng hai tay đặt thiền trượng lên đầu. Nếu vẫn còn buồn ngủ, nên đứng dậy đi xem, nếu có ai ngủ thì dùng thiền trượng gõ nhẹ cho thức, rồi về lại chỗ ngồi. Nếu không có người ngủ gật thì đem thiền trượng để lại chỗ cũ, rồi trở về ngồi. Nếu còn ngủ gật, Phật cho phép sử dụng thiền trấn⁸⁶⁹ để đánh thức. Thiền trấn là tấm gỗ nhỏ, có đục một lỗ để xỏ dây, đầu dây có khuy, móc vào tai đặt trên đầu, cách trấn bốn ngón tay. [193b] Lúc ngồi, nếu thiền trấn rơi xuống. Đức Phật dạy: ‘Nên đứng dậy đi kinh hành, dáng đi an tường như ngỗng’.

XXX.13. Tạp hạnh

Luật *Tứ phần* ghi: ‘Tì-kheo Bạt-nan-đà đi trên đường, che lọng tròn lớn. Các cư sĩ từ xa nhìn thấy tưởng là vua hay đại thần nên sợ sệt tránh đường. Khi họ nhìn kỹ mới biết là tì-kheo Bạt-nan-đà. Các tì-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy: ‘Tì-kheo đi đường không được che dù, lọng sang trọng, cũng không được che khi trời mưa’.

Ở trong chùa thì nên dùng vỏ cây, lá, hoặc tre làm tàn lọng, không được cầm quạt lớn như vua. Tì-kheo đi đường gặp thời tiết nóng, bạch Đức Phật, Đức Phật cho phép dùng lá cây, cành cây hay các vật khác để làm quạt. Lúc đó, có các tì-kheo sợ bị trùng, bụi, cỏ, sương bay bám bản thân, nên bạch Phật.

Đức Phật dạy:

⁸⁶⁷ Thiền cúc 禪鞠: quả cầu lông, dùng trong lúc ngồi thiền có ngủ gật thì ném cầu lông để cho tỉnh ngủ.

⁸⁶⁸ Thiền trượng 禪杖: chiếc gậy dùng để đánh thức người tọa thiền ngủ gục. Gậy này được làm bằng tre, lau, một đầu được bao lại bằng vải.

⁸⁶⁹ Thiền trấn 禪鎮: đạo cụ được đặt trên đầu khi tọa thiền để đánh thức lúc ngủ gục.

- Cho phép làm phất trần. Hoặc làm bằng cỏ, vỏ cây, lá cây, hoặc dùng sợi kết lại, hoặc dùng lụa vụn cắt may.

Khi ấy, có tì-kheo nhặt được đuôi súc vật để phẩy bụi, Đức Phật cho phép dùng; tì-kheo niên thiếu tân học tính toán mọi việc còn lẫn lộn, Ngài cũng cho phép dùng thẻ để tính”.

Luật *Tứ phần* ghi: “Lúc bảy giờ các tì-kheo thổi nhạc, hoặc thổi tù và, để cúng dường. Đức Phật dạy: ‘Không được làm như vậy’. Tì-kheo không dám, liền bảo bạch y⁸⁷⁰ thổi nhạc cúng dường’.

Bây giờ, mọi người không biết thức ăn cúng dường tháp rồi, thì ai có thể dùng được.

Đức Phật dạy:

- Tì-kheo, sa-di, ưu-bà-tắc, hay người xây dựng tháp được ăn”.

Luận *Tát-bà-đa* ghi: “Người xuất gia ra chợ mua đồ không được trả hạ giá. Nếu trả hạ giá thì phạm tội Đột-kết-la.

Y của tăng khi chưa rao giá ba lần thì được phép tăng giá, khi đã rao giá ba lần rồi thì không được tăng, chúng tăng cũng không được cho, vì y đã thuộc về người khác. Ba lần rao giá rồi, người được y không nên đổi ý, dầu có hối tiếc cũng không cho trả lại, và cũng không cho trả giá lại”.

Luận *Tần Bà-sa* ghi:

Hỏi: Phạm phu và thánh nhân ai có nỗi lo sợ?

Đáp: Phạm phu có nỗi lo, còn thánh nhân thì không. Vì sao? Vì thánh nhân đã lia được năm điều lo sợ:

1- Sợ túng thiếu

2- Sợ tiếng xấu

⁸⁷⁰ Bạch y 白衣 (S: Avadta-vasana): nguyên nghĩa là áo màu trắng, Phật giáo dùng từ bạch y này để gọi người học Phật tại gia. Từ ngữ này phát xuất từ Ấn Độ.

3- Sợ hãi khi đứng trước oai đức của đại chúng

4- Sợ chết

5- Sợ đọa vào đường ác.

Kinh *Tạp bảo tạng* ghi: “Đức Phật dạy: Như ý bảo châu⁸⁷¹ lấy từ não của cá Ma-kiệt⁸⁷². Thân cá dài hai mươi tám vạn dặm. Bảo châu này gọi là Kim cương kiên, có ba công dụng:

1- Người bị trúng độc, khi nhìn thấy, [193c] hoặc được ánh sáng của nó chiếu vào thân thì chất độc đều tiêu tan

2- Người bệnh nhiệt, khi thấy hoặc được ánh sáng chiếu vào thân thì mọi bệnh nhiệt đều được tiêu trừ

3- Người có nhiều oan gia, trái chủ, khi cầm được ngọc này thì những oan gia trái chủ trở thành thân thiện.

Một móng tay của chư thiên giá trị bằng cả cõi Diêm-phù-đề”.

Luật *Tứ phần* ghi: “Rắn bò vào phòng làm cho các tì-kheo chưa ly dục sợ hãi. Phật cho phép đuổi, hoặc dùng ống tre nhốt, hoặc lấy dây cột nó rồi đem đi thả.

Có chuột vào phòng tì-kheo.

Đức Phật dạy: ‘Lấy lồng bắt đem thả’.

Có bò cạp, rít, sâu vào phòng tì-kheo. Đức Phật dạy: ‘Dùng vật xấu hay bùn, bọc túm lại đem đi thả’.

Ban đêm, tì-kheo sợ dơi, còn ban ngày sợ chim én bay vào phòng, Đức Phật cho phép bện lưới thưa để ngăn, hoặc làm song cửa.

⁸⁷¹ Như ý bảo châu 如意寶珠 (S: Cint-maṇi): bảo châu có khả năng biến hiện ra các thứ trân bảo như ý muốn của mình. Bảo châu này còn có công năng trừ bệnh, dứt khổ... Thông thường bảo châu này thường để dụ cho pháp và đức tính của Phật, đồng thời còn biểu trưng cho công đức của kinh điển.

⁸⁷² Cá Ma-kiệt (Ma-kiệt ngư 摩竭魚; S: Makara): một loại cá lớn được đề cập nhiều trong kinh luận và xem là đồng loại với ngà, sa ngư, hải đồn (lợn biển); hoặc là loại cá trong giả tưởng.

Có tì-kheo lớn tuổi bị bệnh, bắt rận bỏ dưới đất, Phật dạy: ‘Không nên làm như vậy’. Phật cho phép dùng đồ để đựng, hoặc là dùng bông. Nếu rận bò ra thì nên dùng ống để đựng và phải đập lại. (*Tùy theo thời tiết nóng hay lạnh mà lấy thức ăn thích hợp để nuôi chúng*)

Bấy giờ, lục quần tì-kheo tụng các loại thần chú cầu kiết hung, an trí nhà cửa như: chú chi tiết, chú sát-lợi, chú biết người sống chết, tốt xấu, chú hiểu rõ các thứ âm thanh. Phật dạy: ‘Không được tụng’. Các tì-kheo dạy cho người khác. Đức Phật bảo: ‘Không được, vì họ sẽ lấy đây làm kế sinh sống’.

Đức Thế Tôn ở tại nước Tỳ-xá-ly, bấy giờ có các Ly-xa⁸⁷³ cỡi voi, ngựa, xe cộ, cầm đao kiếm để ngoài cửa chùa, rồi vào trong thăm hỏi Đức Thế Tôn.

Bấy giờ, có bạch y đem đao kiếm đến gửi nhờ các tì-kheo cất, các tì-kheo e ngại không dám nhận, liền bạch Phật. Đức Phật dạy: ‘Cho phép cất giữ cho đàn-việt’.

Kinh *Ngũ bách vấn sự* ghi: “Không được dùng miệng thổi bụi trên kinh tượng. Nếu kinh tượng cũ thì nên sửa lại, cho dù chẳng phải chính kinh cũng phải xem trọng. Không được đốt kinh sách, nếu đốt thì mắc tội nặng như tội đốt cháy cha mẹ của mình. Người không biết thì phạm tội nhẹ”.

Luật *Tăng-kì* ghi: “Đốt lửa có bảy sự tai hại:

- 1- Tồn thương mắt
- 2- Tồn hoại hình sắc
- 3- Thân khô gầy
- 4- Y phục bị dơ bẩn
- 5- Làm hỏng ngọ cụ
- 6- Nảy sinh cơ hội phạm giới

⁸⁷³ Ly-xa 離奢 (S: Licchavi Lecchavi): chủng tộc Sát-đế-lợi ở thành Tỳ-xá-li thuộc miền trung Ấn Độ, là một bộ phận của chủng tộc Bạt-kì.

7- Luận bàn việc thế tục”.

Kinh *Nguyệt Thượng nữ*⁸⁷⁴ nói: “Vợ của Duy-ma-cật tên là Vô Cầu, mang thai chín tháng thì [194a] sinh ra một người con gái, tên là Nguyệt Thượng”.

Kinh *Li cầu thi nữ*⁸⁷⁵ ghi: “Vua Ba-tư-nặc có người con gái tên là Duy-ma-la-đạt, Trung Quốc dịch là Li Cầu Thí. Đến năm mười hai tuổi, cô có nhan sắc xinh đẹp lạ thường và cực kì thông minh”.

Kinh *Chuyển nữ thân* nói: “Vợ của trưởng giả Tu-đạt tên là Tịnh Nhật, sinh một người con gái tên là Vô Cầu Quang.

Bài tụng:

Bớt làm những việc không đâu,

Thì lìa xa các phiền não,

Vạn hạnh gìn giữ tinh chuyên,

Lục trần mới mong chấm dứt.

Tâm trí thuần khiết sáng tỏ,

Nghi dung đẹp đẽ rõ ràng,

Giống như viên ngọc quỳnh kia,

Trong sáng không một tí vết”.

Đồng Hội- Chúc Tâm dịch

⁸⁷⁴ Kinh Nguyệt thượng nữ (Nguyệt thượng nữ kinh 月上女經; S: Candrottārā-dārikā-pariprcchā): kinh nói về quá trình thụ kí cho nàng Nguyệt Thượng, con gái của trưởng giả Tì-ma-la-cật trong thành Tì-da-li thời xưa ở Ấn Độ.

⁸⁷⁵ Kinh Li cầu thi nữ (Ly cầu thi nữ kinh 離垢施女經): kinh, một quyển, do ngài Bát-nhã-lưu-chi dịch vào đời Nguyên Ngụy, Trung Quốc, được xếp vào Đại chính tạng, tập 12.

TRỌN BỘ HAI MƯƠI QUYÊN

Dịch và chú thích xong tại phòng Dịch thuật chùa Từ Nghiêm tháng hai năm Đinh Hợi, nhằm tháng ba năm 2007.